A DI ĐÀ KINH SỚ SAO DIỄN NGHĨA HỘI BỔN

阿彌陀經疏鈔演義

會本

Phần I

Liên Trì đại sư chùa Vân Thê soạn sớ sao
Pháp sư Cổ Đức diễn nghĩa
明古杭雲棲寺沙門袾宏述
明雲棲寺古德法師演義

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

(trang trống)

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bổn
阿彌陀經疏鈔演義會本
Minh Cổ Hàng Vân Thê Tự sa-môn Châu Hoằng thuật
明古杭雲棲寺沙門袾宏述
Minh Vân Thê Tự Cổ Đức pháp sư diễn nghĩa
明雲棲寺古德法師演義
Môn nhân Từ Phàm, Trí Nguyện định bổn
門人慈帆智願定本
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giảo duyệt: Minh Tiến - Huệ Trang - Đức Phong

Dẫn nhập

Đã là Tịnh nghiệp hành nhân, có lẽ không ai không từng đọc tụng và nghe giảng kinh Di Đà, và ai cũng biết hai tác phẩm chú giải trọng yếu nhất là A Di Đà Kinh Sớ Sao và A Di Đà Kinh Yếu Giải. Có lẽ vì nội dung quá rộng, văn từ quá nhiều, hầu như bộ Sớ Sao rất ít khi được giảng trọn vẹn tại Việt Nam. Cho đến khi có cơ duyên được đọc bài giảng của lão pháp sư Tịnh Không, chúng tôi mới biết bộ Sớ Sao còn có một tác phẩm chú giải nữa là Sớ Sao Diễn Nghĩa do môn nhân và thị giả của tổ Liên Trì là pháp sư Cổ Đức biên soạn. Trước đó, tác phẩm này hầu như ẩn kín trong Vạn Tục Tạng, rất ít được lưu thông. Chính nhờ công sức hoằng truyền của lão hòa thượng, bản Diễn Nghĩa này đã được ấn hành lưu thông rộng rãi.

Thoạt đầu, bản Diễn Nghĩa được in riêng thành một tập. Vào thời cổ, có lẽ do phương tiện ấn loát hạn chế, khi chú giải, các vị tổ sư đại đức thường ít dẫn toàn bộ nguyên văn mà chỉ chép vài chữ đầu, và vài chữ cuối của đoạn kinh văn được chú giải. Do đó, khi nghiên cứu, học tập một bản chú giải, người học sẽ tốn rất nhiều công sức đối chiếu với nguyên tác kinh văn để biết lời chú giải ấy dành cho một đoạn kinh văn nào. Nhất là đối với bộ Diễn Nghĩa này, vốn là chú giải của chú giải, cho nên người học khi học phải đối chiếu từng đoạn của chánh kinh và Sớ Sao với phần Diễn Nghĩa, sẽ càng phải tốn công sức gấp bội. Vì thế, hòa thượng Tịnh Không đã từ bi, bỏ công sức đối chiếu, đặt tương ứng từng phần Diễn Nghĩa với lời Sao và lời Sớ để học nhân có thể đọc một mạch, không cần phải tốn thời gian đối chiếu, dò tìm. Do cổ văn thường không chấm câu,

hòa thượng lại từ bi chấm câu, khiến cho văn nghĩa rõ ràng, rất tiện lợi cho người học duyệt đọc. Ngài đặt tên bản tổng hợp này là Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản nhằm phân biệt với bản Diễn Nghĩa gốc. Sau khi bài giảng A Di Đà Kinh Sớ Sao của hòa thượng vào năm 1984 được chuyển ngữ, chúng tôi đã nhận được thư của một số liên hữu yêu cầu gom riêng những phần chánh văn của bộ Sớ Sao Diễn Nghĩa để tiện học tập và tra cứu, vì nếu phải tìm từng đoạn trong chín quyển bài giảng sẽ quá tốn thời gian. Khi xem lại nguyên tác, chúng tôi cũng nhận thấy trong khi giảng, Hòa Thượng đã lược đi khá nhiều đoạn Diễn Nghĩa cũng như một số đoạn Sao. Vì thế, chúng tôi đã dịch bổ sung những phần không được nhắc tới trong bài giảng, hiệu chỉnh một số chỗ chưa rõ ràng trong lời dịch để tạo thành quyển sách này.

Nếu việc làm thô vụng, liều lĩnh này đem lại phần nào lợi lạc cho các liên hữu thì xin hồi hướng công đức này đến pháp giới chúng sanh đều được tín tâm kiên cố, đạo nghiệp tinh chuyên, cùng được siêu thăng Cực Lạc. Cũng xin hồi hướng bệnh dịch tiêu trừ, thế giới hòa bình, nhân dân an lạc, tinh tấn tu hành. Nguyện cho cha mẹ quá khứ hiện tiền, sư trưởng, thiện ác tri thức, cừu gia oán đối, lũy thế oán thân trái chủ đều thân tâm an lạc, nghiệp chướng tiêu trừ, cùng nhau hội ngộ tại Liên Bang.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa đê đầu kính bạch.

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bổn quyển đệ nhất

佛說阿彌陀經疏鈔演義會本

卷第一

(Diễn) Đề nghĩa.

Khai quyển: "Phật thuyết" đẳng bát tự thị pháp đề. "Hậu học" đẳng thập nhị tự thị nhân đề. Pháp đề hạ, tự tế thích. Kim nhập văn chi tiên, lý ưng lược trần tổng nhất. Đề trung ước hữu tứ đối. Nhất, thông biệt nhất đối. Thông tắc "kinh" chi nhất tự, biệt tắc "Phật thuyết" đẳng ngũ tự. Nhị, Năng Sở nhất đối. "Năng" thị năng thuyên, tức Kinh chi nhất tự. Sở tức sở thuyên, tức thượng ngũ tự. Tam, giáo lý nhất đối. Phật thuyết kinh thị giáo, A Di Đà tức thị Lý. Tứ, nhân pháp nhất đối. Phật thuyết tức thị nhân, A Di Đà tức thị pháp. Thủ, Phật tự, tức Thích Ca Mâu Ni Phật, tùng Đâu Suất giáng sanh vương cung, vi Tất Đạt thái tử. Xuất gia khổ hạnh lục niên, thành Đẳng Chánh Giác giả. Nhược

thích kỳ nghĩa, tắc Phật tự thị Phạn ngữ. Thử phiên Giác Giả, vị giác liễu Tánh Tướng chi giả, cụ hữu tam nghĩa: Nhất, tự giác, giác tri tự tâm bổn vô sanh diệt. Nhị, giác tha, giác nhất thiết pháp vô bất thị Như. Tam, giác mãn, nhị giác lý viên xưng chi vi Mãn. Nhược chuẩn Khởi Tín, diệc chương tam nghĩa: Nhất, Thỉ Giác, tức Năng Chứng Trí. Nhị, Bổn Giác, tức Sở Chứng Lý. Tam, Cứu Cánh Giác, tức Trí dữ Lý minh, Thỉ Bổn bất nhị. Kim kinh sở vân Phật giả, nãi thị tam giác câu viên, Thích Ca Thế Tôn dã. Hựu, Phật Địa Luận, thuyết Phật hữu kỳ thập nghĩa, Thiên Thai lục tức, Hoa Nghiêm thập thân, tường cụ hậu văn. Thuyết giả, dĩ tuyên diễn đắc danh, sướng duyệt vi nghĩa. Tứ vô ngại biện vi Thể. "Sướng" tắc sướng xuất thế chi bổn hoài. "Duyệt" tắc duyệt chúng sanh chi hoạch ích. Kim dĩ Như Lai cửu tu cửu chứng Niệm Phật tam-muội, uẩn chi tại hoài, thích đắc cơ nghi, tùy dĩ Tứ Biện tuyên diễn, sướng duyệt bổn hoài, linh tùy cơ hoạch ích, cố vân Thuyết dã.

(演)題義。

開卷：佛說等八字是法題。後學等十二字是人題。法題下，自細釋。今入文之先，理應略陳總一。題中約有四對。一、通別一對。通則經之一字，別則佛說等五字。二、能所一對。能是能詮，即經之一字；所即所詮，即上五字。三、教理一對。佛說經是教，阿彌陀即是理。四、人法一對。佛說即是人，阿彌陀即是法。首佛字。即釋迦牟尼佛。從兜率降生王宮，為悉達太子。出家苦行六年，成等正覺者。若釋其義。則佛字是梵語。此翻覺者。謂覺了性相之者。具有三義。一、自覺，覺知自心本無生滅。二、覺他，覺一切法無不是如。三、覺滿，二覺理圓稱之為滿。若準起信亦彰三義。一、始覺，即能證智。二、本覺，即所證理。三、究竟覺，即智與理冥，始本不二。今經所云佛者，乃是三覺俱圓，釋迦世尊也。又佛地論，說佛有其十義。天台六即，華嚴十身，詳具後文。說者，以宣演得名。暢悅為義。四無礙辯為體。暢則暢出世之本懷。悅則悅眾生之獲益。今以如來久修久證念佛三昧。蘊之在懷，適得機宜，隨以四辯宣演，暢悅本懷，令隨機獲益，故云說也。

*(**Diễn**: Ý nghĩa tựa đề sách.*

Quyển mở đầu: Tám chữ "Phật thuyết...." là tựa đề của Pháp Bảo. Mười hai chữ "hậu học..." là phần nói về người biên soạn. Dưới phần pháp đề, sẽ có phần giải thích chi tiết. Nay trước khi bước vào phần kinh văn, theo đúng lý, phải trình bày đại lược tổng quát. Trong đề mục, đại lược có bốn cặp [ý nghĩa]:

Cặp thứ nhất là thông đề và biệt đề. Thông đề là một chữ "kinh". Biệt đề là năm chữ "Phật thuyết A Di Đà".

Cặp thứ hai là Năng và Sở. Năng là năng thuyên (chủ thể giảng giải), tức là một chữ Kinh. Sở là sở thuyên (pháp được giảng giải bởi kinh này), chính là năm chữ trước đó.

Cặp thứ ba là giáo và lý. Phật nói kinh là giáo, A Di Đà là lý.

Cặp thứ tư là nhân và pháp."Phật thuyết" chính là nhân, A Di Đà chính là pháp.

Trước hết là chữ Phật, chính là Thích Ca Mâu Ni Phật, từ trời Đâu Suất giáng sanh cung vua, làm thái tử Tất Đạt. Xuất gia khổ hạnh sáu năm, thành Đẳng Chánh Giác. Nếu giải thích ý nghĩa của chữ ấy, thì chữ Phật là tiếng Phạn; cõi này dịch là "đẳng giác ngộ", có nghĩa là bậc giác ngộ trọn vẹn Tánh và Tướng. Gồm có ba nghĩa: Một là tự giác, hiểu biết tự tâm vốn chẳng sanh diệt. Hai là giác tha, nhận biết hết thảy pháp không gì chẳng phải là Như. Ba là giác mãn, Lý của hai thứ giác đều viên mãn thì gọi là Mãn.

Nếu dựa theo Đại Thừa Khởi Tín Luận thì luận ấy cũng nêu ra ba ý nghĩa [của chữ Phật: Một là Thỉ Giác, tức trí có khả năng chứng biết. Hai là Bổn Giác, tức là Lý được chứng bởi [Thỉ Giác]. Ba là Cứu Cánh Giác, tức Trí ngầm hợp Lý, Thỉ và Bổn chẳng hai.

Đức Phật được nói trong kinh này chính là Thích Ca Thế Tôn ba thứ giác đều trọn đủ. Lại nữa, Phật Địa Luận nói chữ Phật có mười nghĩa, ngài Thiên Thai lập ra giáo thuyết Lục Tức Phật, kinh Hoa Nghiêm giảng Phật có mười thân, [những ý nghĩa ấy] sẽ được trình bày tường tận trong phần sau.

"Thuyết" là do nói, diễn mà thành tên. Lưu loát và vui sướng là ý nghĩa [của chữ Thuyết]. Bốn thứ vô ngại biện tài là Thể [của chữ Thuyết]. "Sướng" là thỏa thích hoài bão xuất thế. "Duyệt" là vui vẻ vì chúng sanh được lợi ích. Nay đem pháp Niệm Phật tam-muội của Như Lai tu chứng đã lâu, ôm ấp trong lòng, gặp đúng căn cơ, thời tiết, bèn dùng Tứ Biện Tài để tuyên diễn, thỏa thích bổn hoài, khiến cho từng loài tùy theo căn cơ mà được lợi ích, nên nói là Thuyết).

(Diễn) A Di Đà thị Phạn ngữ, thử vân Vô Lượng, dĩ công đức, trí huệ, thân tướng, quang minh, nhất thiết giai tất vô lượng cố. Thị Vô Lượng Phật, vãng tích nhân trung, vi Pháp Tạng tỳ-kheo thời, phát tứ thập bát nguyện, kim tại Tây Phương, nhiếp niệm Phật nhân quy vu Tịnh Độ. Cố Thích Ca Như Lai vị chúng tuyên dương dã. Kinh giả, thích hữu đa chủng, bất xuất "thường, pháp, quán, nhiếp" tứ nghĩa. Thường giả, tam thế bất dịch, nhất thiết chư Phật giai như thị thuyết, cố vân Thường. Pháp giả, thập giới đồng quỹ, tứ thánh, lục phàm do chi giải thoát, cố vân Pháp. Quán giả, quán xuyên sở ưng tri nghĩa. Nhược vô văn tự, vô dĩ quán xuyên nghĩa lý. Hoán nhiên khả quán, cố vân Quán. Nhiếp giả, nhiếp trì nhất thiết chúng sanh. Nhược vô ngữ ngôn, bất năng khai hiểu chúng sanh xuất sanh tử hải, cố vân Nhiếp. Thiên diệp lương quy, bách linh thường quỹ, thuyên chân lợi vật, mục vi Kinh dã. Hựu thử kinh, Đường dịch vi Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh. Kim vi thử danh giả, dĩ Phật danh nhân sở nhạo văn, hựu nhất thiết công đức, ngôn Phật tiện châu cố. Sớ giả, sớ dã, thông dã. Vị kinh trung nghĩa lý thậm thâm vi diệu, vị dị khuy trắc cố. Dĩ sớ sớ thông, sử vô nghi trệ dã. Hựu diệc sớ lý chi nghĩa. Cổ vân: "Nhân hữu phát hề, đán đán sớ lý, thân hữu tâm hề, hồ bất như thị". Kim nãi sớ lý kinh trung áo lý, sử nhân đắc khai thông tâm địa dã. Sao giả, sao lược dã. Tùy thuận bổn sớ, lược gia giải thích, sử kinh sớ diệu nghĩa hoán nhiên băng thích dã. Quyển giả, quyển hoài chi nghĩa, nhất trục chi trung bao hàm vô tận nghĩa lý, vô lượng pháp môn cố.

(演)阿彌陀，是梵語，此云無量，以功德智慧身相光明一切皆悉無量故。是無量佛往昔因中，為法藏比丘時，發四十八願，今在西方攝念佛人歸于淨土，故釋迦如來為眾宣揚也。經者，釋有多種，不出常法貫攝四義。常者，三世不易。一切諸佛皆如是說，故云常。法者，十界同軌。四聖六凡由之解脫，故云法。貫者，貫穿所應知義。若無文字，無以貫穿義理，煥然可觀，故云貫。攝者，攝持一切眾生。若無語言，不能開曉眾生出生死海故云攝。千葉良規，百靈常軌，詮真利物，目為經也。又此經，唐譯為稱讚淨土佛攝受經。今為此名者，以佛名人所樂聞，又一切功德，言佛便周故。疏者，疏也，通也。謂經中義理甚

深微妙。未易窺測故。以疏疏通，使無疑滯也。又亦疏理之義。古云：人有髮兮，旦旦疏理，身有心兮，胡不如是。今乃疏理經中奧理，使人得開通心地也。鈔者，抄略也。隨順本疏略加解釋。使經疏妙義渙然冰釋也。卷者，卷懷之義，一軸之中包含無盡義理、無量法門故。

*(**Diễn**: A Di Đà là tiếng Phạn, cõi này dịch là Vô Lượng, do công đức, trí huệ, thân tướng, quang minh, hết thảy đều vô lượng vậy. Vị Vô Lượng Phật này trong quá khứ khi tu nhân, là tỳ-kheo Pháp Tạng, đã phát ra bốn mươi tám nguyện, nay đang ở Tây Phương nhiếp thọ người niệm Phật về cõi Tịnh Độ. Vì thế, Thích Ca Như Lai tuyên dương cho đại chúng biết.*

Chữ Kinh có nhiều cách giải thích, nhưng chẳng ngoài bốn nghĩa "thường, pháp, quán, nhiếp". "Thường" là ba đời chẳng thay đổi, hết thảy chư Phật đều nói như thế, nên gọi là Thường. "Pháp" là đường lối chung cho mười pháp giới. Tứ thánh, lục phàm do đây mà được giải thoát, nên gọi là Pháp. "Quán" là xuyên suốt, xếp đặt mạch lạc những nghĩa lý đáng nên biết. Nếu không có văn tự, sẽ không có gì để sắp đặt mạch lạc những nghĩa lý sao cho rõ ràng để có thể thấy được, cho nên gọi là Quán. "Nhiếp" là thâu giữ hết thảy chúng sanh. Nếu không có ngôn ngữ, sẽ chẳng thể chỉ bày khiến cho chúng sanh thông hiểu, thoát khỏi biển sanh tử, cho nên gọi là Nhiếp. Khuôn phép tốt lành trên ngàn cánh sen, đường lối thường hằng của bách linh, tuyên nói lẽ chân, lợi ích chúng sanh, thì gọi là Kinh vậy.

Lại nữa, bản dịch đời Đường đề tên kinh này là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, nay kinh mang tên này (Phật Thuyết A Di Đà Kinh) là dùng danh hiệu của vị Phật mà mọi người thích nghe [để đặt tên]. Hơn nữa, đối với hết thảy công đức, hễ nói "Phật" thì sẽ trọn đủ.

Sớ là giải thích, làm cho thông suốt. Ý nói: Nghĩa lý trong kinh vi diệu rất sâu, chưa dễ suy lường để thấu hiểu đôi chút được. Dùng lời sớ để giải thích thông suốt, khiến cho [người đọc kinh] không bị nghi ngờ, vướng mắc [đối với những ý nghĩa rất sâu vi diệu ấy]. Lại nữa, Sớ còn có nghĩa là "chải gỡ, sắp xếp". Cổ nhân nói: "Người có đầu tóc, chải gỡ mỗi sáng, thân có cái tâm, sao chẳng làm vậy?" Nay bèn sắp xếp gọn gàng những lý uyên áo trong kinh, khiến cho tâm địa con người được khai thông.

"Sao" là chú giải sơ lược, [tức là] thuận theo lời sớ giải chánh yếu mà giải thích sơ lược thêm, khiến cho những diệu nghĩa trong lời sớ giải kinh được sáng tỏ, rành mạch.

"Quyển" nghĩa là cuốn lại, chứa đựng. Trong một quyển bao gồm vô tận nghĩa lý, vô lượng pháp môn).

(Diễn) Nhân đề trung, học giả, hiệu dã. Hậu giác giả, tất hiệu tiên giác chi sở vi. Cố cổ nhân hữu đại triệt chi hậu, nãi chung thân cư học địa giả. Kim đại sư tự xưng "hậu học", diệc thử ý dã. Cổ Hàng, cổ xưng Hàng Châu. Nam Tống kiến đô, canh danh Lâm An, kim viết Hàng Châu, phục cổ dã. Vân Thê Tự danh, tại Ngũ Vân sơn chi lộc. Tiên thị sơn chi điên, hữu ngũ sắc thụy vân bàn toàn kỳ thượng, nhân dĩ danh sơn dĩ. Nhi ngũ vân phi tập sơn Tây ổ trung, kinh cửu bất tán, thời nhân dị chi, hiệu vi Vân Thê Ổ. Tống thời, hữu Chí Phùng thiền sư kiến tự, hiệu viết Vân Thê Tự. Tuế cửu vu phế, đại sư ái kỳ sầm tịch, phu tọa kỳ gian, thời nhân vị chi cấu thất, tự phục hưng yên. Sa-môn, thử vân Cần Tức, cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si. Hữu thắng đạo, thuyết đạo, hoạt đạo, ô đạo, tứ chủng bất đồng. Thắng tức Phật, Bồ Tát đẳng. Thuyết vị thuyết chánh pháp giả. Hoạt vị tu thiện phẩm giả. Ô vị chư tà hạnh giả. Châu Hoằng, thị pháp húy, hiệu Liên Trì, Nhân Hòa nhân. Tùng Tánh Thiên hòa thượng chúc phát, biến tham tri thức. Ư Tiếu Nham xứ, hữu sở khế nhập, toại kết mao thâm cốc, chủ trương Tịnh Độ. Tăng lạp ngũ tuần, thế thọ bát thập. Hóa duyên ký tất, niệm Phật nhi thệ. "Thuật" giả, truyền thuật dã. Nhạc Ký vân: "Tri lễ nhạc chi tình năng tác, thức lễ nhạc chi văn năng thuật. Tác giả vị chi thánh, thuật giả vị chi hiền". Thử kinh tuy hữu cổ sớ sổ gia hành thế, từ tuy thiết, nhi thái giản, lý vi lộ, nhi bất chương. Kim tư Sớ Sao, hợp Thiên Thai, Hiền Thủ, hội Tánh Tướng nhị tông, Sự Lý song dung, Tông Thuyết kiêm sướng, ngôn tiên thánh chi dục ngôn, phát tiền hiền chi vị phát, khả vị thiên cổ độc sáng. Kim ngôn "thuật" giả, nãi khiêm từ dã.

(演)人題中。學者，效也。後覺者，必效先覺之所為，故古人有大徹之後，乃終身居學地者。今大師自稱後學，亦此意也。古杭，古稱杭州。南宋建都更名臨安。今曰杭州復古也。雲棲寺名。在五雲山之麓。先是山之顛，有五色瑞雲盤旋其上，因以名山已。而五雲飛集山西塢中，經久不散，時人異之，號為雲棲塢。宋時有志逢禪師建寺。

號曰雲棲寺。歲久蕪廢，大師愛其岑寂，趺坐其間，時人為之搆室，寺復興焉。沙門，此云勤息，勤修戒定慧，息滅貪瞋痴。有勝道、說道、活道、汙道四種不同。勝即佛菩薩等。說謂說正法者。活謂修善品者。汙謂諸邪行者。袾宏，是法諱。號蓮池，仁和人。從性天和尚祝髮。遍參知識。於笑巖處有所契入。遂結茅深谷主張淨土。僧臘五旬。世壽八十。化緣既畢，念佛而逝。述者，傳述也。樂記云，知禮樂之情能作。識禮樂之文能述。作者謂之聖，述者謂之賢。此經雖有古疏數家行世。詞雖切而太簡，理微露而不彰。今茲疏鈔。合天台、賢首，會性相二宗，事理雙融，宗說兼暢，言先聖之欲言，發前賢之未發，可謂千古獨創。今言述者，乃謙詞也。

(***Diễn**: Trong phần Nhân Đề, "học" là phỏng theo. Kẻ hậu giác ắt sẽ noi theo hành động của bậc tiên giác (người giác ngộ trước). Vì thế, cổ nhân sau khi đại triệt, bèn suốt đời giữ địa vị là người cầu học. Nay đại sư tự xưng là "hậu học" cũng do ý này.*

Cổ Hàng là chỗ thời xưa gọi là Hàng Châu. Thời Nam Tống, lập kinh đô tại đó, đổi tên thành Lâm An. Nay gọi là Hàng Châu, tức là khôi phục tên cổ. Vân Thê là tên chùa, ở dưới chân núi Ngũ Vân. Trước kia, do đỉnh núi có mây lành năm sắc vây quanh phía trên, nên đặt tên núi như vậy. Nhưng mây năm sắc trôi về tụ tập nơi hang núi phía Tây một thời gian dài chẳng tan, người thời ấy lấy làm lạ, bèn đặt tên là Vân Thê Ổ (hang mây đậu). Vào thời Tống, có thiền sư Chí Phùng dựng chùa [tại nơi ấy], đặt tên là Vân Thê Tự. Lâu ngày, chùa hoang vu, bỏ phế. Đại sư thích vẻ thanh vắng của nó, bèn tịnh tọa nơi ấy. Người thời ấy bèn dựng nhà cho Sư, chùa lại được hưng thịnh.

Sa-môn, Hán dịch là Cần Tức, [nghĩa là] siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si. Có bốn loại khác nhau là thắng đạo, thuyết đạo, hoạt đạo, và ô đạo. "Thắng đạo" sa-môn là những vị như Phật, Bồ Tát v.v... "Thuyết đạo" sa-môn nghĩa là người nói chánh pháp. "Hoạt đạo" sa-môn nghĩa là người tu thiện phẩm. "Ô đạo" sa-môn là những kẻ tà hạnh.

Châu Hoằng là pháp danh của đại sư, pháp hiệu là Liên Trì, người xứ Nhân Hòa. Ngài xuống tóc với hòa thượng Tánh Thiên, tham học với

khắp các tri thức. Ở nơi ngài Tiếu Nham, có chỗ khế nhập, bèn dựng lều tranh trong hang sâu, chủ trương Tịnh Độ. Tăng lạp năm mươi năm, tuổi thọ tám mươi. Duyên hóa độ đã xong, niệm Phật qua đời.

"Thuật" là truyền thuật. Sách Nhạc Ký chép: "Thông hiểu cái tình nơi lễ nhạc thì mới có thể chế định, đọc hiểu ngôn từ của lễ nhạc thì mới có thể trần thuật. Người trước tác gọi là thánh, người truyền thuật gọi là hiền". Kinh này tuy có mấy bản chú giải từ cổ đã được lưu hành trong cõi đời, lời lẽ tuy thiết thực, nhưng quá đơn giản, lý hơi hé lộ, nhưng chưa phơi bày. Do vậy, nay bèn viết sớ và lời sao, kết hợp những giáo nghĩa của tông Thiên Thai và tông Hiền Thủ, dung hội hai tông Tánh và Tướng, Sự lẫn Lý đều viên dung, trình bày thông suốt Tông và Thuyết, nói lên những điều bậc tiên thánh muốn nói, nêu ra những điểm tiền hiền chưa nêu, có thể gọi là tác phẩm độc đáo cả ngàn đời. Nay đại sư ghi là "thuật" chính là lời nói khiêm tốn vậy).

(Sớ) Thử kinh sớ sao, đại văn phân tam: Sơ, Thông Tự đại ý. Nhị, khai chương thích văn. Tam, kết thích chú ý, vị thuận chư kinh Tự, Chánh, Lưu Thông tam phần, diệc thuận Tịnh nghiệp Tín Hạnh Nguyện cố.

(Diễn) Khoa phân khoa trung Thông Tự đại ý giả, hàm nhị nghĩa: Nhất, Thông Tự nhất kinh đại ý. Dĩ minh tánh, tán kinh nhị khoa, phát huy "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ", vi tu trì chi bổn. Nhiên hậu, y giải khởi hạnh, chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh. Kỳ độn căn giả, đơn do sự tướng, chuyên trì danh hiệu, diệc đắc vãng sanh. Tam căn phổ bị, thượng hạ kiêm thâu, tác Mạt Pháp tối hậu phương tiện, vi nhất kinh đại chỉ dã. Nhị, Thông Tự tác sớ đại ý, dĩ cảm thời thuật ý nhị khoa, minh thử nhất kinh, Sự Lý song dung, Tánh Tướng thông bị, thời, cơ, chấp Tánh, chấp Tướng, các trệ nhất biên, chí linh quảng đại pháp môn, mê nhi bất giác. Cố kiệt tư lũy tải, sổ Dịch vi biên, tác thử Sớ Sao dã.

(疏)此經疏鈔，大文分三：初、通序大意，二、開章釋文，三、結釋咒意。為順諸經序 ，正，流通三分 ，亦順淨業信行願故。

(演)科分科中通序大意者含二義。一、通序一經大意。以明性讚經二科，發揮自性彌陀，唯心淨土，為修持之本。然後依解起行，執持名號，求願往生。其鈍根者，單由事

相，專持名號亦得往生。三根普被，上下兼收，作末法最後方便。為一經大旨也。二、通序作疏大意。以感時述意二科，明此一經，事理雙融，性相通備。時機執性執相，各滯一邊。至令廣大法門，迷而不覺。故竭思累載，數易韋編，作此疏鈔也。

*(**Sớ**: Toàn bộ lời Sớ Sao của kinh này được chia thành ba phần: Phần thứ nhất là Thông Tự đại ý, phần thứ hai là chia thành chương đoạn để giải thích kinh văn, phần thứ ba là tổng kết lời giải thích, giảng ý nghĩa của chú Vãng Sanh, nhằm thuận theo thứ tự ba phần Tự, Chánh Tông, Lưu Thông của các kinh, mà cũng là thuận theo Tín, Hạnh, Nguyện của Tịnh nghiệp.*

***Diễn**: Trong Khoa Phán, phần Thông Tự đại ý gồm hai nghĩa:*

- Thứ nhất, Thông Tự chính là đại ý của một bài kinh, dùng hai phần "chỉ rõ tánh" và "khen ngợi kinh" để nêu bật ý nghĩa "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ" nhằm làm cái gốc cho sự tu trì. Sau đấy, dựa theo sự hiểu biết mà khởi hạnh, chấp trì danh hiệu, cầu nguyện vãng sanh. Người độn căn chỉ do sự tướng chuyên trì danh hiệu cũng được vãng sanh. Thích hợp khắp ba căn, thượng căn lẫn độn căn đều thâu tóm, làm phương tiện cuối cùng trong thời Mạt Pháp. Đấy chính là ý chỉ to lớn của kinh này vậy.

- Hai là trong phần Thông Tự, nêu ra ý chính vì sao phải viết sớ giải, dùng hai khoa là Cảm Thời và Thuật Ý để chỉ rõ kinh này: Sự lẫn Lý cùng viên dung, Tánh và Tướng đều trọn đủ. Xét theo thời tiết và căn cơ thì chúng sanh chấp Tánh hoặc chấp Tướng, vướng mắc một bên, đến nỗi đối với pháp môn rộng lớn mà mê hoặc, chẳng giác ngộ. Vì vậy, dốc hết nhiều năm suy nghĩ, nhiều lần [duyệt đọc] kinh Dịch [đến nỗi sách bị] đứt lề mà soạn bộ Sớ Sao này).

(Diễn) Khai chương giả, thị biệt khai chương đoạn, tức tổng khải Thập Môn thị. Thích Văn giả, thị tiêu thích kinh văn, tức biệt giải văn nghĩa thị. Đại ý tuy minh, bổn văn vị ủy, cố biệt khai chương đoạn, tiêu thích kinh văn, sử nhất kinh huyền văn ủy tất tường tận, nhân nhân hiểu liễu dã. Kết thích chú ý giả, chú bổn bất khả thích, nhi chú ý khả thích. Chú ý giả, bạt nghiệp căn, sanh Tịnh Độ dã. Thử chú bổn bất phụ kinh, nhi kim kết quy ư thử, vi chi giải thích giả, chánh hiển thử Tịnh Độ pháp môn, Hiển Mật viên thông, Sự Lý vô ngại dã. Hựu kiến

thử trì danh niệm Phật thị đại thần chú, đại minh chú, vô thượng, vô đẳng đẳng chú dã. Tự, Chánh Tông, Lưu Thông tam phần giả, Tấn Đạo An pháp sư, phán thích Đông lưu nhất đại thời giáo, vi Tự, Chánh, Lưu Thông tam phần. Tự giả, đoan tự dã. Như ty chi đắc tự, năng tận nhất kiển chi ty. Kinh chi đắc tự, năng tri nhất kinh chi chỉ. Hựu, Tự giả, Đông Tây tường dã, như quán tường tự, tắc tri đường áo chi thiển thâm. Quán thủ tự, tắc minh toàn kinh chi diệu nghĩa. Chánh Tông giả, nhất kinh chánh sở tông thượng. Như Pháp Hoa chi "duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam". Lăng Nghiêm chi "phát minh thường trụ chân tâm, chuyên tu viên chiếu tam-muội". Thử kinh chi "y chánh thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh", thị dã. Tiền chi Tự, Chánh tự thử, hậu chi Lưu Thông, chánh lưu thông thử dã. Lưu giả, vô trụ. Thông giả, vô tắc, sử thử diệu pháp, tự thử giới dĩ cập tha phương, do hiện tại dĩ cập vị lai, vô hữu lưu ngại, danh vi Lưu Thông. Vi thuận giả, ngôn phẫu xuất kinh tâm, phương khiết xuất trần chi đoan tự, cố Thông Tự thuận Tự Phần. Tùy văn nhập quán, phương tri đại đạo chi du quy, cố Khai Chương thuận Chánh Tông Phần. Bạt nghiệp chướng căn, tự nhiên lưu nhập thanh tịnh hải, cố kết thích thuận Lưu Thông Phần.

(演)開章者，是別開章段，即總啟十門是。釋文者，是消釋經文，即別解文義是。大意雖明，本文未委，故別開章段。消釋經文，使一經玄文委悉詳盡，人人曉了也。結釋咒意者，咒本不可釋，而咒意可釋。咒意者，拔業根生淨土也。此咒本不附經。而今結歸於此為之解釋者，正顯此淨土法門，顯密圓通事理無礙也。又見此持名念佛，是大神咒，大明咒，無上無等等咒也。序、正宗、流通三分者，晉道安法師，判釋東流一代時教，為序、正、流通三分。序者，端緒也。如絲之得緒，能盡一繭之絲。經之得序，能知一經之旨。又序者東西牆也，如觀牆序，則知堂奧之淺深。觀首序，則明全經之妙義。正宗者，一經正所宗尚。如法華之唯有一乘法，無二亦無三。楞嚴之發明常住真心，專修圓照三昧。此經之依正清淨，信願往生是也。前之序，正序此，後之流通，正流通此也。流者無住。通者無塞。使此妙法，自此界以及他方，由現在以及未來，

無有留礙，名為流通。為順者，言剖出經心，方挈出塵之端緒，故通序順序分。隨文入觀，方知大道之攸歸，故開章順正宗分。拔業障根，自然流入清淨海，故結釋順流通分。

(***Diễn**: "Khai chương" là tách riêng từng chương, từng đoạn, tức là chia ý nghĩa tổng quát của kinh thành mười môn (mười chủ đề lớn, mười thiên sách lớn). "Thích văn" là giải thích trọn vẹn ý nghĩa kinh văn, tức là giải thích ý nghĩa riêng biệt của từng đoạn văn. Phần đại ý tuy rõ ràng, nhưng ý nghĩa của kinh văn chưa được trình bày cặn kẽ, cho nên tách riêng từng chương, từng đoạn, nhằm giải thích tỉ mỉ ý nghĩa kinh văn, khiến cho huyền nghĩa của bản kinh được giảng giải tường tận, ai nấy đều hiểu rõ.*

Phần kết thúc là giải thích ý nghĩa của chú Vãng Sanh. Chú vốn chẳng thể giải thích được, nhưng ý nghĩa của chú thì có thể giải thích. Ý nghĩa của chú này là dứt trừ nghiệp căn, sanh về Tịnh Độ. Chú này vốn chẳng thuộc vào kinh, nhưng nay tác phẩm này được kết thúc bằng cách giải thích chú Vãng Sanh, nhằm chỉ rõ: Pháp môn Tịnh Độ là Hiển Mật viên thông, Sự Lý vô ngại. Lại thấy cách trì danh niệm Phật này là đại thần chú, là đại minh chú, là chú vô thượng không gì sánh bằng.

Ba phần Tự, Chánh Tông, và Lưu Thông chính là do pháp sư Đạo An đời Tấn đã phán định giáo pháp cả đời đức Phật truyền sang phương Đông, bao gồm ba phần là Tự, Chánh, Lưu Thông.

"Tự" là đầu mối. Như tìm được mối tơ, sẽ gỡ được hết tơ từ cái kén tằm. Biết được phần Tự của một bài kinh, sẽ biết được tông chỉ của bài kinh ấy. Lại nữa, Tự là vách tường phía Đông và Tây của một khu nhà. Nếu nhìn vào phần vách tường của một khu nhà, sẽ biết khu nhà ấy có bề dầy sâu hay cạn. Nhìn vào phần Tự đầu kinh, sẽ hiểu rõ ý nghĩa huyền diệu của cả bộ kinh.

Chánh Tông là điều chánh yếu được đề cao trong một bộ kinh. Như kinh Pháp Hoa "chỉ có pháp Nhất Thừa, không có hai, mà cũng chẳng có ba thừa". Kinh Lăng Nghiêm nêu tỏ ý nghĩa "chân tâm thường trụ, chuyên tu viên chiếu tam-muội". Tông chỉ của kinh này là "y báo và chánh báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh".

Phần Tự trong đoạn trước nhằm giới thiệu phần Chánh Tông trong phần này, phần Lưu Thông ở đằng sau [phần Chánh Tông] nhằm lưu thông phần Chánh Tông. Lưu là không trụ. "Thông" là không nghẽn.

Khiến cho diệu pháp này từ cõi này lan đến các phương khác, từ hiện tại truyền đến tương lai chẳng bị trở ngại thì gọi là Lưu Thông.

Thuận dịp, nói ra những lời mổ xẻ phô bày những điều tâm yếu của bản kinh, nên mới nêu ra đầu mối thoát khỏi trần lao. Vì thế, phần Thông Tự Đại Ý tương ứng với Tự Phần. Thuận theo kinh văn nhập quán, mới là biết chỗ quy hướng của đại đạo. Vì thế, phần Khai Chương Thích Văn nhằm tương xứng với Chánh Tông Phần. Dứt nghiệp chướng, tự nhiên lưu nhập biển thanh tịnh, nên phần Kết Thích tương xứng với Lưu Thông Phần).

(Diễn) Tịnh nghiệp giả, nghiệp cư khổ chi tiên, phiền não chi hậu. Thập pháp giới bất đồng, giai do sở tác chi nghiệp bất đồng. Cổ vân: "Giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong". Hựu vân: "Phật thập lực trung, nghiệp lực thậm thâm". Hựu vân: "Thập phương chư quốc độ, giai y nghiệp lực sanh". Cố nghiệp bất khả bất tịnh. Tín giả, bất nghi chi vị. Ư Tịnh Độ diệu lý, thâm tín bất nghi. Hạnh giả, xu tạo chi vị, ư Di Đà danh hiệu, niệm niệm minh liễu. Nguyện giả, nhạo dục chi vị. Ư Cực Lạc thế giới tâm tâm hướng vãng. Thử Tịnh Độ tam tư lương dã. Diệc thuận giả, khế kỳ đại đoan, tự năng thâm nhẫn; cố Thông Tự thuận Tín tư. Thiện độc kinh giả, tùy văn nhập quán, cố Khai Chương thuận Hạnh tư. Thức sở du quy, vô bất hướng mộ, cố Kết Thích thuận Nguyện tư.

(演)淨業者，業居苦之先，煩惱之後。十法界不同，皆由所作之業不同。古云：假使百千劫，所作業不亡。又云：佛十力中，業力甚深。又云：十方諸國土，皆依業力生。故業不可不淨。信者不疑之謂。於淨土妙理，深信不疑。行者趨造之謂。於彌陀名號，念念明了。願者樂欲之謂。於極樂世界心心向往。此淨土三資糧也。亦順者。契其大端，自能深忍，故通序順信資。善讀經者，隨文入觀，故開章順行資 。 識所攸歸 ， 無不向慕 ， 故結釋順願資。

*(**Diễn**: Tịnh nghiệp: Nghiệp ở trước khổ, ở sau phiền não. Mười pháp giới khác nhau đều do tạo nghiệp khác nhau. Cổ nhân nói: "Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp đã làm chẳng mất". Lại nói: "Trong Thập Lực của Phật, nghiệp lực rất sâu". Lại nói: "Các cõi nước trong mười phương đều nương theo nghiệp lực mà sanh". Vì thế, nghiệp chẳng thể không*

thanh tịnh. "Tín" có nghĩa là chẳng nghi. Đối với lý mầu Tịnh Độ, tin sâu chẳng nghi. "Hạnh" là hướng đến, tạo tác. Đối với danh hiệu Di Đà, trong mỗi niệm đều biết rõ."Nguyện" có nghĩa là ưa muốn. Tâm luôn hướng về thế giới Cực Lạc. Đấy là ba món tư lương của Tịnh Độ. "Cũng là thuận theo": Khế hợp với đầu mối to lớn, tự có thể chấp nhận sâu xa; vì thế, phần Thông Tự tương ứng với món tư lương Tín [trong ba món tư lương Tịnh Độ]. Người khéo đọc kinh sẽ theo kinh văn mà nhập quán, nên phần Khai Chương tương ứng với tư lương Hạnh. Biết chỗ quy kết, không ai chẳng hướng về, ngưỡng mộ, nên phần Kết Thích tương ứng với tư lương Nguyện).

Sơ, Thông Tự Đại Ý (ngũ): Sơ, minh tánh. Nhị, tán kinh. Tam, cảm thời. Tứ, thuật ý. Ngũ, thỉnh gia.

(Diễn) Sơ, minh tánh giả, tánh tức thường trụ chân tâm, toàn thể thị Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật. Sơ minh giả, khủng nhân nhận A Di Đà Phật tại tự tánh chi ngoại, cố cổ vân: "Nhược nhận tha thị Phật, tự kỷ khước thành ma". Hựu vân: "Cầu nhân bất như cầu tự kỷ". Đản dĩ vô thỉ ám động, chướng thử tĩnh minh, cố thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm nhĩ. Nhiên Tây Phương diệc thật hữu A Di Đà Phật, nhi tức thử Tây Phương Phật, diệc bất tại tự tâm ngoại. Tức Sự tức Lý, tức Lý tức Sự. Đại sư khủng cuồng ngu thác nhận, cố thủ minh dã. Nhị, tán kinh giả, kinh tức Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Tán giả, dĩ thử kinh thị nhất Đại Tạng trung đệ nhất phương tiện cố. Thị thập phương chư Phật đồng sở tán thán cố. Dĩ tứ tự danh hiệu, phổ tiếp tam căn, trực thông ngũ giáo cố. Dĩ y kinh chấp trì năng hiển tự tánh, ư nhất sanh trung, khả tùng bác địa, trực đăng Thập Địa cố. Tam, cảm thời giả. Thời, tức kim Mạt Pháp chi thời. Cảm giả, dĩ thời đinh Mạt Pháp, căn đa thiển bạc, pháp môn trung nhân phi ngu tức cuồng. Cố vi diệu pháp môn, hoặc nhương tý bài vi Tiểu giáo, hoặc đại tiểu xích tác Quyền thừa. Hựu hoặc chung nhật duy động sổ châu, hoặc cùng niên đản sổ hoàng đậu, đại sư bà tâm thậm thiết, năng bất vị chi thương tâm dã. Tứ, thuật ý giả, ý tức đại sư tác sớ chi ý. Thuật, trần dã, dữ tiền Thuật tự giải sảo dị. Đại sư bổn ý, toàn tại kiêm lợi, dục phát khởi chúng sanh chi chân tín, cố cực luận niệm Phật chi hoằng công nhĩ. Cái dục dĩ nhất cú Di Đà, biến dẫn quần sanh xuất ư khổ hải, na dung bất nhiêu thiệt da? Ngũ, thỉnh gia giả. Gia thị Tam Bảo gia bị. Thỉnh giả, kỳ thỉnh dã. Phật diệt độ hậu, phàm hữu trước thuật, giai quy Tam Bảo, minh hy gia bị.

Lương dĩ tự kỷ nhất nhân tâm lực hữu hạn, nhi Phật cụ vô duyên đại từ, năng linh tinh thành kỳ thỉnh giả, tự đắc thắng trí, cố thỉnh gia dã.

初、通序大意(五)：初、明性。二、讚經。三、感時。四、述意。五、請加。

(演)初、明性者，性即常住真心，全體是極樂世界阿彌陀佛。初明者，恐人認阿彌陀佛在自性之外。故古云：若認他是佛，自己卻成魔。又云：求人不如求自己。但以無始暗動，障此靜明，故託彼名號，顯我自心耳。然西方亦實有阿彌陀佛。而即此西方佛，亦不在自心外。即事即理，即理即事。大師恐狂愚錯認，故首明也。二、讚經者，經即佛說阿彌陀經。讚者，以此經是一大藏中第一方便故。是十方諸佛同所讚歎故。以四字名號，普接三根，直通五教故。以依經執持能顯自性，於一生中。可從博地，直登十地故。三、感時者，時，即今末法之時。感者。以時丁末法，根多淺薄，法門中人非愚即狂。故微妙法門，或攘臂排為小教，或大笑斥作權乘。又或終日唯動數珠，或窮年但數黃荳，大師婆心甚切，能不為之傷心也。四、述意者，意即大師作疏之意。述，陳也，與前述字解稍異。大師本意，全在兼利。欲發起眾生之真信，故極論念佛之宏功爾。蓋欲以一句彌陀，遍引群生出於苦海，那容不饒舌耶？五、請加者。加是三寶加被。請者，祈請也。佛滅度後，凡有著述，皆皈三寶冥希加被。良以自己一人心力有限，而佛具無緣大慈，能令精誠祈請者，自得勝智，故請加也。

Thứ nhất là Thông Tự Đại Ý, gồm năm phần: Thứ nhất là chỉ rõ tánh, hai là khen ngợi kinh, ba là cảm thán trước thời thế, bốn là trình bày ý nghĩa [vì sao phải chú giải kinh], năm là thỉnh Tam Bảo gia hộ.

***Diễn**: Thứ nhất, minh tánh: Tánh chính là chân tâm thường trụ, toàn thể là A Di Đà Phật nơi thế giới Cực Lạc. Trước hết, phải nói rõ [tánh], vì sợ người ta sẽ nghĩ A Di Đà Phật ở ngoài tự tánh. Vì thế, cổ nhân nói: "Nếu nghĩ ai khác là Phật thì chính mình đã trở thành ma". Lại*

nói: "Cầu nơi người khác chẳng bằng cầu chính mình". Chỉ vì tối tăm, xao động từ vô thỉ, chướng ngại sự tĩnh lặng, sáng suốt này, cho nên dựa vào danh hiệu ấy để hiển lộ tự tâm của ta. Thế nhưng tại Tây Phương cũng thật sự có A Di Đà Phật; tuy vậy, ngay cả vị Phật ở Tây Phương ấy cũng chẳng ở ngoài tự tâm. Sự chính là Lý, Lý chính là Sự. Đại sư sợ kẻ cuồng ngu hiểu lầm, cho nên trước hết phải nói rõ.

Thứ hai là khen ngợi kinh, "kinh" chính là Phật Thuyết A Di Đà Kinh. "Tán" (khen ngợi) là do kinh này là phương tiện bậc nhất trong cả Đại Tạng, nên được mười phương chư Phật cùng khen ngợi. Do danh hiệu bốn chữ tiếp dẫn khắp ba căn, thông thẳng với năm giáo. Do nương theo kinh mà chấp trì, sẽ có thể hiển lộ tự tánh, ngay trong một đời mà có thể từ địa vị thấp lè tè sát đất, lên thẳng Thập Địa.

Ba là cảm thán trước thời thế. "Thời" chính là thời Mạt Pháp hiện tại. Cảm là do nhằm thời Mạt Pháp, căn cơ phần nhiều nông cạn, mỏng manh. Những kẻ trong pháp môn, nếu không ngu thì cũng cuồng. Cho nên đối với pháp môn vi diệu, hoặc xắn tay áo quở là Tiểu giáo, hoặc cười to chê là Quyền thừa. Hoặc có người suốt ngày chỉ lần xâu chuỗi, hoặc quanh năm chỉ đếm đậu vàng [mà chẳng hiểu giáo nghĩa]. Tâm đại sư đau đáu thiết tha, há chẳng thể không đau lòng ư?

Bốn là thuật ý. "Ý" chính là ý nghĩa vì sao đại sư soạn Sớ Sao. "Thuật" là trình bày, hơi khác với chữ Thuật đã được giải thích trong phần trước.Bổn ý của đại sư hoàn toàn nhằm tự lợi lẫn lợi tha. Muốn cho chúng sanh phát khởi lòng tin chân thật, cho nên luận định tột bậc về công lao to lớn của niệm Phật vậy. Ấy là vì muốn dùng một câu Di Đà dẫn khắp quần sanh thoát khỏi biển khổ, nào ngại rườm lời ư?

Năm là thỉnh gia hộ. "Gia" là Tam Bảo gia bị. "Thỉnh" là cầu xin. Sau khi đức Phật diệt độ, hễ trước thuật thì đều hướng về Tam Bảo, mong được ngầm gia bị. Ấy là vì tâm lực của chính một người có hạn, nhưng Phật sẵn lòng vô duyên đại từ có thể khiến cho người cầu nguyện với tấm lòng tinh thành sẽ tự đạt được trí huệ thù thắng, cho nên cầu thỉnh Tam Bảo gia bị).

Sơ, Minh Tánh.

(Tự) Linh minh đỗng triệt, trạm tịch thường hằng, phi trược, phi thanh, vô bối, vô hướng, đại tai chân thể, bất khả đắc nhi tư nghị giả, kỳ duy tự tánh dư?

(Diễn) "Linh minh" nhị cú thị thuần chân, "phi trược" nhị cú thị tuyệt vọng. "Linh minh" thị Chiếu đỗng triệt, ngôn thử Chiếu Thể hoành biến thập phương. "Trạm tịch" thị Tịch thường hằng, ngôn thử

Tịch Thể thụ cùng tam tế, tức Lăng Nghiêm sở vị: "Thường trụ diệu minh bất động châu viên" dã. Tu chứng tức bất vô, nhiễm ô tức bất đắc, cố phi trược. Nhất thiết phù trần tướng, vô phi diệu giác thể, cố phi thanh. Mê thời tự bối, nhi thử bổn bất thuộc mê, cố vô bối. Ngộ thời tự hướng, nhi thử bổn bất thuộc ngộ, cố vô hướng. Tức Viên Giác sở vị: "Nhất thiết chúng sanh bổn lai thành Phật, sanh tử, Niết Bàn do như tạc mộng" dã. "Đại tai" thị thán từ, dĩ phi huyễn bất diệt, cố vân "chân thể". Kiến do ly kiến, kiến bất năng cập, hữu hà khả tư? Tam thế chư Phật, đáo thử khẩu quải bích thượng, hữu hà khả nghị? Kỳ duy giả, quy kết chi từ.

初、明性。

(序)靈明洞徹，湛寂常恆，非濁非清，無背無向，大哉真體，不可得而思議者，其唯自性歟？

(演)靈明二句是純真，非濁二句是絕妄。靈明是照洞徹，言此照體橫遍十方。湛寂是寂常恆，言此寂體豎窮三際。即楞嚴所謂：常住妙明不動周圓也。修證即不無，染污即不得，故非濁。一切浮塵相，無非妙覺體，故非清。迷時似背，而此本不屬迷，故無背。悟時似向，而此本不屬悟，故無向。即圓覺所謂：一切眾生本來成佛，生死涅槃猶如昨夢也。大哉，是讚詞。以非幻不滅，故云真體。見猶離見，見不能及，有何可思？三世諸佛，到此口挂壁上，有何可議？其唯者。歸結之辭。

*(**Tựa**: Linh giác sáng suốt, thấu triệt rỗng rang, trong trẻo, tĩnh lặng, thường hằng, chẳng đục, chẳng trong, không trái nghịch, không hướng về. Chân thể lớn lao thay! Chẳng thể nghĩ bàn được! Chỉ có mình tự tánh đấy chăng?*

***Diễn**: Hai câu "linh minh" là thuần chân, hai câu "phi trược" là dứt vọng. "Linh minh" là Chiếu thấu suốt, rỗng rang, ý nói: Thể của Chiếu theo chiều ngang trọn khắp mười phương. "Trạm tịch" là Tịch luôn thường hằng, ý nói: Thể của Tịch theo chiều dọc tột cùng ba đời, tức là như kinh Lăng Nghiêm dạy: "Tánh sáng mầu nhiệm thường trụ, bất động mà viên mãn trọn khắp". Tu chứng là chẳng không, nhiễm ô là chẳng được, cho nên "chẳng đục". Hết thảy tướng phù trần, không gì chẳng phải là Thể của diệu giác, cho nên "chẳng trong". Khi mê thì dường như*

trái nghịch, nhưng tâm này vốn chẳng thuộc vào mê, cho nên "không trái nghịch". Khi ngộ, sẽ giống như có hướng về, nhưng tâm này vốn chẳng thuộc vào ngộ, nên "không hướng về". Đấy chính là như kinh Viên Giác đã nói: "Hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật. Sanh tử, Niết Bàn giống như giấc mộng đêm qua".

"Lớn lao thay!" là câu tán thán. Do chẳng phải là huyễn, bất diệt, nên nói là "chân thể". Cái Thấy chân thật lìa khỏi cái Thấy hư vọng, chẳng thấy cái Thấy hư vọng nữa, còn có gì để có thể suy nghĩ được ư? Tam thế chư Phật đến chỗ này bèn miệng treo trên vách, có gì để có thể bàn định được ư? "Kỳ duy" (chỉ có) là lời quy kết vậy).

(Sớ) Thông tự, kinh ý đại văn phân ngũ, tự sơ Minh Tánh nãi chí ngũ Thỉnh Gia. Kim sơ minh tánh. Thử kinh cái toàn chương tự tánh. Hựu chư kinh giai bất ly tự tánh, cố thủ tiêu dã.

(Diễn) Thử kinh dĩ tự tánh vi Tông giả, tự tánh vị chúng sanh tánh đức chi Phật, phi Tự, phi Tha, phi nhân, phi quả, tức thị viên thường Đại Giác chi Thể, nhi thử kinh sở đàm hành pháp, chánh vị hiển thử chi giác thể. Cái dĩ cứ hồ tâm tánh, xưng bỉ danh hiệu, danh hiệu khả chương. Thác bỉ danh hiệu, quán vu tâm tánh, tâm tánh dị phát dã. Hựu phục kinh trung nhất thiết y chánh, giai chương ngã tự tâm. Vô Lượng Quang tức tự tánh Chiếu, Vô Lượng Thọ tức tự tánh Tịch. Quán Âm tức tự tánh Bi, Thế Chí tức tự tánh Trí. Thanh Văn tức tự tánh Chân. Bồ Tát tức tự tánh Tục. Chủng chủng trang nghiêm tức tự tánh vạn đức vạn hạnh. Nhược nhất hào pháp tùng tâm ngoại sanh, tắc bất danh vi Đại Thừa pháp dã.

(疏)通序經意，大文分五，自初明性，乃至五請加。今初明性。此經蓋全彰自性。又諸經皆不離自性，故首標也。

(演)此經以自性為宗者 ，自性謂眾生性德之佛 ，非自非他，非因非果，即是圓常大覺之體。而此經所談行法，正為顯此之覺體。蓋以據乎心性，稱彼名號，名號可彰，託彼名號，觀于心性，心性易發也。又復經中一切依正，皆彰我自心。無量光即自性照，無量壽即自性寂，觀音即自性悲，勢至即自性智，聲聞即自性真，菩薩即自性俗，

種種莊嚴即自性萬德萬行。若一毫法從心外生，則不名為大乘法也。

***Sớ**: Thông Tự: Trong phần trình bày tổng quát ý nghĩa của bài kinh, lời văn được chia thành năm đoạn, từ đoạn đầu là nêu rõ tánh cho đến đoạn thứ năm là thỉnh Tam Bảo gia bị. Nay, đầu tiên là chỉ rõ tánh. Kinh này nêu bày toàn bộ tự tánh. Hơn nữa, các kinh đều chẳng rời tự tánh, nên nêu tánh trước hết.*

***Diễn**: Kinh này lấy tự tánh làm Tông, tự tánh được gọi là vị Phật trong tánh đức của chúng sanh, chẳng phải Tự, chẳng phải Tha, chẳng phải nhân, chẳng phải quả, chính là cái Thể viên mãn, thường hằng của Đại Giác. Hành pháp được bàn luận trong kinh này, chính là nhằm nêu rõ giác thể này. Ấy là vì dựa trên tâm tánh, xưng danh hiệu ấy, danh hiệu có thể phô bày. Nhờ vào danh hiệu ấy, quán sát tâm tánh, tâm tánh dễ phát.*

Lại nữa, hết thảy y báo và chánh báo trong kinh đều phơi bày rõ rệt tự tâm của ta. Vô Lượng Quang là Chiếu của tự tánh, Vô Lượng Thọ là Tịch của tự tánh. Quán Âm là Bi của tự tánh. Thế Chí là Trí của tự tánh. Thanh Văn là Chân của tự tánh, Bồ Tát là Tục của tự tánh. Các thứ trang nghiêm chính là vạn đức vạn hạnh của tự tánh. Nếu một mảy pháp nào sanh ở ngoài tâm thì chẳng gọi là pháp Đại Thừa).

(Diễn) Vấn: Toàn chương tự tánh, nãi thuộc Hoa Nghiêm. Giáng thử dĩ hoàn, hà đắc hữu thử? Đáp: Hoa Nghiêm nãi chư kinh vương, chư kinh giai Hoa Nghiêm quyến thuộc. Kim kinh dĩ Hoa Nghiêm tánh hải vi Tông. Ký tông Hoa Nghiêm, hà phương ước tánh? Hựu chư kinh tùng Pháp Hoa khai hiển chi hậu, bất luận hà kinh, tổng giai huyền diệu, giai khả xứng tánh cố. Chư kinh bất ly tự tánh giả, tam thừa thập nhị phần giáo, giáo giáo giai quy diệu tánh, ngôn ngôn tận nhiếp Chân Như. Nhược ly tự tánh, giai vi ma cảnh cố.

(演)問：全彰自性 ， 乃屬華嚴 ， 降此以還 ， 何得有此？答：華嚴乃諸經王，諸經皆華嚴眷屬，今經以華嚴性海為宗，既宗華嚴，何妨約性？又諸經從法華開顯之後，不論何經，總皆玄妙，皆可稱性故。諸經不離自性者。三乘十二分教。教教皆歸妙性，言言盡攝真如。若離自性，皆為魔境故。

*(**Diễn**: Hỏi: "Phô bày trọn vẹn tự tánh là đặc điểm của kinh Hoa Nghiêm. Trừ kinh Hoa Nghiêm ra, [những kinh khác] làm sao có được tánh chất này?" Đáp: Kinh Hoa Nghiêm là vua trong các kinh, các kinh đều là quyến thuộc của kinh Hoa Nghiêm. Nay kinh này lấy Hoa Nghiêm tánh hải làm Tông, đã có cùng một tông chỉ với kinh Hoa Nghiêm, thì quy kết kinh này về tánh đâu có trở ngại gì? Hơn nữa, các kinh kể từ sau hội Pháp Hoa khai quyền hiển thật thì bất luận kinh nào cũng đều là huyền diệu, đều có thể xứng tánh! "Các kinh chẳng lìa tự tánh": Mười hai phần giáo trong ba thừa, giáo pháp nào cũng đều quy về tự tánh, lời nào cũng nhiếp trọn Chân Như. Nếu lìa tự tánh thì đều là cảnh ma).*

(Sớ) Linh giả linh giác, minh giả minh hiển. Nhật nguyệt tuy minh, bất đắc xưng Linh. Kim duy chí minh chi trung, thần giải bất trắc, Minh bất túc dĩ tận chi, cố viết "linh minh".

(Diễn) "Linh giác" giả, bất đồng mộc thạch chi vô tâm, hư không chi ngoan minh. "Minh hiển" giả, Thể lộ đường đường, vô giá, vô chướng. "Bất đắc xưng Linh" giả, nhật dĩ dương minh chiếu trú, nguyệt dĩ thanh lương chiếu dạ, tuy hữu quang minh, nhi bất hiển linh giác. Bỉ ký bất tự hiển, nhân tự bất đắc xưng dã. Vô duyên nhi chiếu, vật lự nhi tri, vị chi "thần giải". Đại địa mạc năng thức kỳ đoan, chí thánh do vị cùng kỳ đảnh, vị chi "bất trắc".

(疏)靈者靈覺，明者明顯。日月雖明，不得稱靈。今惟至明之中，神解不測，明不足以盡之，故曰靈明。

(演)靈覺者，不同木石之無心、虛空之頑冥。明顯者，體露堂堂，無遮無障。不得稱靈者，日以陽明照晝，月以清涼照夜，雖有光明而不顯靈覺。彼既不自顯，人自不得稱也。無緣而照，勿慮而知，謂之神解。大地莫能識其端，至聖猶未窮其頂，謂之不測。

*(**Sớ**: "Linh" là linh giác, "minh" là sáng sủa, rõ ràng. Mặt trời, mặt trăng tuy sáng, chẳng thể gọi là Linh. Nay chỉ có tâm tánh là sáng suốt đến tột bậc, có tác dụng thông suốt kỳ diệu chẳng thể lường được, chữ Minh chẳng đủ để diễn tả trọn hết, nên nói là "linh minh".*

***Diễn**: "Linh giác" là chẳng giống như gỗ, đá vô tâm, chẳng giống như hư không trơ trơ tối tăm. "Minh hiển" là Thể hiển lộ rành rành, không che lấp, không chướng ngại. "Chẳng thể gọi là Linh": Như mặt trời có ánh sáng chói lọi chiếu rọi ban ngày, mặt trăng có ánh sáng trong mát soi*

tỏ ban đêm, tuy chúng có quang minh, nhưng chẳng thể hiển lộ linh giác. Đã chẳng thể tự hiển lộ thì con người sẽ chẳng thể gọi chúng là Linh được. Không duyên mà chiếu, không suy nghĩ mà biết, nên nói là "thần giải". Đại địa chẳng thể biết được cái đầu mối, bậc thánh nhân tột bậc vẫn chưa biết được tột đỉnh của [tâm tánh], cho nên bảo là "bất trắc").

(Sớ) Triệt giả, thông dã. Đỗng giả, triệt chi cực dã. Nhật nguyệt tuy biến, bất chiếu phúc bồn, thị triệt nhi vị triệt. Kim thử linh minh, huy thiên địa, thấu kim thạch, tứ duy thượng hạ, tằng vô chướng ngại. Cái đỗng nhiên chi triệt, mị sở bất triệt, phi đối cách thuyết thông chi triệt, vân "đỗng triệt" dã.

(Diễn) "Bất chiếu phúc bồn" giả, dĩ nhật nguyệt chi quang thuộc Tướng, bất thuộc Tánh cố. "Huy thiên địa, thấu kim thạch" giả, dĩ tâm quang biến hồ pháp giới, nhất thiết chư pháp vô phi Phật pháp cố. "Mị sở bất triệt" giả, nhược thông dữ cách đối, thị thông hoàn thành cách. Phi đối cách thuyết thông chi triệt, nãi chân triệt dã.

(疏)徹者通也，洞者徹之極也。日月雖遍，不照覆盆，是徹而未徹。今此靈明，輝天地，透金石，四維上下，曾無障礙，蓋洞然之徹，靡所不徹。非對隔說通之徹，云洞徹也。

(演)不照覆盆者，以日月之光屬相，不屬性故。輝天地透金石者，以心光遍乎法界，一切諸法無非佛法故。靡所不徹者，若通與隔對，是通還成隔。非對隔說通之徹，乃真徹也。

*(**Sớ**: "Triệt" là thông suốt. "Đỗng" là thông suốt đến tột cùng. Mặt trời, mặt trăng tuy trọn khắp, nhưng chẳng thể soi chậu úp, nên tuy là "triệt" mà chưa "triệt". Nay sự linh minh này sáng ngời trời đất, xuyên thấu vàng, đá, bốn phương, trên, dưới, chưa hề bị chướng ngại. Ấy là vì thấu suốt rỗng rang, không đâu chẳng thấu triệt, chứ không phải là sự thấu suốt do đối lập với ngăn cách mà nói là thông suốt, cho nên bảo là "đỗng triệt".*

***Diễn**: "Chẳng soi chậu úp" là vì ánh sáng của mặt trời, mặt trăng thuộc Tướng, chẳng thuộc Tánh. "Sáng ngời trời đất, xuyên thấu vàng đá" là vì tâm quang trọn khắp pháp giới, hết thảy các pháp không gì chẳng phải là Phật pháp. "Không đâu chẳng thấu triệt": Nếu thông suốt là do*

so với ngăn cách [mà nói là "thông suốt"], thì sự thông suốt ấy vẫn trở thành ngăn cách. Chẳng vì so sánh với ngăn cách mà nói là "thấu triệt" thì mới là thấu triệt thật sự).

(Sớ) Trạm giả bất nhiễm, tịch giả bất dao. Đại địa tuy tịch, bất đắc xưng trạm. Kim duy chí tịch chi trung, oánh tịnh vô chỉ, Tịch bất túc dĩ tận chi, cố viết "trạm tịch".

(Diễn) Bất nhiễm giả, tùng lai bất dữ nhiễm pháp tương ứng, bất dữ chư trần tác đối. Bất dao giả, vạn cổ như như, vô hữu biến dị. Bất đắc xưng "trạm" giả, đại địa tuy thường tự tịch nhiên, nhi thổ thạch chư sơn uế ác sung mãn, bất trạm dã. Như tịnh lưu ly, nội ngoại oánh triệt, vị chi "oánh tịnh". Thốn ty bất quải, tiêm trần bất lập, vị chi "vô chỉ".

(疏)湛者不染，寂者不搖。大地雖寂，不得稱湛。今惟至寂之中，瑩淨無滓，寂不足以盡之，故曰湛寂。

(演)不染者，從來不與染法相應，不與諸塵作對。不搖者，萬古如如，無有變異。不得稱湛者，大地雖常自寂然，而土石諸山穢惡充滿不湛也。如淨琉璃，內外瑩徹，謂之瑩淨。寸絲不挂，纖塵不立，謂之無滓。

*(**Sớ**: "Trạm" là chẳng nhiễm, "tịch" là chẳng lay động. Đại địa tuy không lay động, nhưng chẳng thể gọi là "trạm". Nay trong Tịch đến tột bậc, sáng ngời trong trẻo, không có cặn bã, chữ Tịch chẳng đủ diễn tả trọn hết, nên bảo là "trạm tịch".*

***Diễn**: "Chẳng nhiễm" là từ trước đến nay chẳng tương ứng với nhiễm pháp, chẳng ứng với các trần. "Chẳng lay động" là muôn đời như như, chẳng có thay đổi. "Chẳng được gọi là Trạm" vì đại địa tuy thường tự vắng lặng, nhưng các quả núi đất hay núi đá nhơ bẩn đầy dẫy, chẳng trong lặng vậy. Giống như lưu ly sạch, trong ngoài trong suốt, sáng ngời, nên gọi là "oánh tịnh". Tấc tơ chẳng vướng, mảy trần chẳng lập, thì gọi là "không có cặn bã").*

(Sớ) Hằng giả, cửu dã. Thường giả, hằng chi cực dã. Đại địa tuy kiên, nan đào Hoại kiếp, thị hằng nhi vị hằng. Kim thử trạm tịch, thôi chi vô thỉ, dẫn chi vô chung, cắng cổ, cắng kim, tằng vô biến dịch. Cái thường nhiên chi hằng, vô hằng bất hằng, phi đối tạm thuyết cửu chi hằng, vân "thường hằng" dã.

(Diễn) "Nan đào Hoại kiếp" giả, dĩ Tam Tai đáo thời, Kiếp Hỏa đốn nhiên, Tu Di thất kim, tất vi hôi tẫn cố. "Thôi chi vô thỉ, dẫn chi vô chung" giả, dĩ Chân Như tự thể, phi tiền tế sanh, phi hậu tế diệt, tất cánh thường hằng, bất đoạn, bất dị cố. Vô hằng bất hằng giả, hằng ngoại hữu bất hằng, thử hằng diệc phi hằng. Hằng, bất hằng nhị biên câu khiển, nãi chân hằng dã.

(疏)恆者久也，常者恆之極也。大地雖堅，難逃壞劫，是恆而未恆。今此湛寂，推之無始，引之無終，亙古亙今，曾無變易。蓋常然之恆，無恆不恆，非對暫說久之恆，云常恆也。

(演)難逃壞劫者，以三災到時，劫火洞然，須彌七金悉為灰燼故。推之無始，引之無終者，以真如自體，非前際生，非後際滅，畢竟常恆，不斷不異故。無恆不恆者，恆外有不恆，此恆亦非恆，恆不恆二邊俱遣，乃真恆也。

*(**Sớ**: "Hằng" là lâu dài. "Thường" là hằng đến mức tột bậc. Đại địa tuy cứng, khó tránh khỏi Hoại Kiếp, nên đại địa là "hằng" nhưng chưa "thường hằng". Nay sự trạm tịch này truy ngược lại thì không có khởi đầu, kéo dài ra chẳng có kết thúc, trải suốt xưa nay, chưa hề biến đổi. Cho nên nó là còn mãi lâu dài, không có "hằng" hay "chẳng hằng", không phải là so với sự tạm bợ mà nói là "hằng", cho nên bảo là "thường hằng".*

***Diễn**: "Khó tránh khỏi Hoại Kiếp" là khi Tam Tai xảy ra, Kiếp Hỏa đốt sạch, bảy chất báu như vàng v.v... nơi núi Tu Di đều cháy tan thành tro. "Truy ngược lại thì không có khởi đầu, kéo dài ra chẳng có kết thúc" là vì tự thể của Chân Như chẳng sanh trong lúc trước, chẳng diệt trong lúc sau, rốt ráo thường hằng, chẳng đoạn, chẳng khác. "Chẳng có hằng và bất hằng": Ở ngoài hằng mà có bất hằng thì cái hằng ấy cũng chẳng phải là hằng. Cả hai bên "hằng" và "bất hằng" đều chẳng còn thì mới là chân hằng).*

(Sớ) "Phi trược" giả, vân hữu, tắc bất thọ nhất trần.

(Diễn) "Vân hữu, bất thọ nhất trần" giả, Trược giả, hữu dã. Cụ túc chư pháp, phương vị chi hữu. Kim tự tánh ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng, sở vị "phi hữu tướng, phi vô tướng, phi song diệc tướng, phi song phi tướng, phi nhất tướng, phi dị tướng, phi phi nhất phi dị tướng,

phi nhất dị câu tướng", thị bất lập nhất trần phi hữu dã, hà trược chi hữu?

(疏)非濁者，云有則不受一塵。

(演)云有，不受一塵者。濁者，有也。具足諸法，方謂之有。今自性離一切法差別之相，所謂非有相，非無相，非雙亦相，非雙非相，非一相，非異相，非非一非異相，非一異俱相，是不立一塵非有也，何濁之有？

*(**Sớ**: "Chẳng đục": Nếu nói là Có thì nó chẳng nhận mảy trần.*

***Diễn**: "Nói là Có, chẳng nhận mảy trần": Trược là Có. Đầy đủ các pháp thì mới gọi là Có. Nay tự tánh lìa tướng sai biệt của hết thảy pháp, tức là: Chẳng phải là tướng Có, chẳng phải là tướng Không, chẳng phải là tướng cũng Có cũng Không, chẳng phải là tướng chẳng phải Có chẳng phải Không, chẳng phải là một tướng, chẳng phải là khác tướng, chẳng phải là tướng "chẳng phải một, chẳng phải khác", chẳng phải là tướng "vừa một vừa khác". Do chẳng lập mảy trần nên chẳng có, còn có gì để nhơ đục nữa ư?)*

(Sớ) "Phi thanh" giả, vân vô, tắc bất xả nhất pháp.

(Diễn) "Vân vô, bất xả nhất pháp" giả, thanh giả, vô dã. Bất lập nhất trần, phương vị chi vô. Kim tự tánh mãn túc nhất thiết công đức, sở vị: Hữu đại trí huệ quang minh nghĩa cố, biến chiếu pháp giới nghĩa cố, chân thật thức tri nghĩa cố, thường lạc ngã tịnh nghĩa cố, nãi chí mãn túc vô hữu sở thiểu nghĩa cố, danh vi Như Lai Tạng, thị bất xả nhất pháp phi vô dã, hà thanh chi hữu?

(疏)非清者，云無則不捨一法。

(演)云無，不捨一法者，清者，無也。不立一塵，方謂之無。今自性滿足一切功德，所謂有大智慧光明義故，遍照法界義故，真實識知義故，常樂我淨義故，乃至滿足無有所少義故，名為如來藏，是不捨一法非無也，何清之有？

*(**Sớ**: "Chẳng trong": Nếu nói là Không thì chẳng bỏ một pháp.*

***Diễn**: "Nói là không, chẳng bỏ một pháp": Thanh là không. Chẳng lập mảy trần thì mới gọi là "không". Nay tự tánh trọn đủ hết thảy công đức, nghĩa là: Có ý nghĩa đại trí huệ quang minh, có ý nghĩa chiếu trọn khắp pháp giới, có ý nghĩa chân thật nhận biết, có ý nghĩa thường,*

lạc, ngã, tịnh, cho đến trọn đủ chẳng sót nghĩa nào, nên gọi là Như Lai Tạng. Chẳng bỏ một pháp thì chính là chẳng phải Không, đâu còn có thanh!)

(Sớ) "Vô bối" giả, túng chi tắc vô sở tùng khứ.

(Diễn) Xả thử nhi hữu sở khứ, phương khả vị chi bối. Kim tắc phỉ ly khuể bộ, dũng hiện bảo hoa, bất xuất hộ đình, vi nhiễu hàng thụ, tuy dục túng chi, tương khứ hà sở? Cố vô bối.

(疏)無背者，縱之則無所從去。

(演)捨此而有所去，方可謂之背。今則匪離跬步，湧現寶花，不出戶庭，圍繞行樹，雖欲縱之，將去何所？故無背。

*(**Sớ**: "Không trái nghịch" là buông ra thì chẳng có gì để đi tới.*

***Diễn**: Bỏ điều này rồi sẽ có cái để đạt đến thì mới có thể gọi là "trái nghịch". Nay chẳng rời một bước chân, hoa báu vọt hiện; chẳng ra khỏi sân, khỏi cửa, hàng cây bao quanh. Tuy muốn bỏ đi, chốn nào để đến? Cho nên không trái nghịch).*

(Sớ) "Vô hướng" giả, nghênh chi tắc vô sở tùng lai.

(Diễn) Nghênh chi nhi hữu tự lai, phương khả vị chi "hướng". Kim tắc vô hành, vô trụ. Như thị nhi lai, bất động, bất khởi. Như thị nhi lai, nhược dục nghênh chi, tùng hà sở nghênh? Cố vô hướng.

(疏)無向者，迎之則無所從來。

(演)迎之而有自來，方可謂之向。今則無行無住。如是而來。不動不起。如是而來。若欲迎之，從何所迎？故無向。

*(**Sớ**: "Không hướng về" là đón nhận nó thì chẳng có gì để theo đến.*

***Diễn**: Khi đón tiếp mà có cái tự đến thì mới có thể nói là "hướng đến". Nay thì không đi, không ở. Đến như thế ấy, chẳng động, chẳng khởi. Đến như thế ấy, muốn đón tiếp thì đón ở chỗ nào? Cho nên "không hướng về").*

(Sớ) Ngôn tức thử linh minh trạm tịch giả, bất khả dĩ thanh, trược, hướng, bối cầu dã. Cử thanh, trược, hướng, bối, ý cai thiện, ác, thánh, phàm, hữu, vô, sanh, diệt, tăng, giảm, nhất, dị đẳng.

(Diễn) Ý cai thiện ác phàm thánh đẳng giả, Mạnh Tử đạo "tánh thiện", Thiên Thai thuyết "tánh ác", nhất tắc tựu Sự tạo biên thuyết, nhất tắc tựu Lý cụ biên thuyết. Kim tắc như thật không trung, thiện ký bất lập, ác diệc hà tồn? Tổ vân: "Khuếch nhiên vô thánh"; phi thánh dã. Kinh vân: "Phàm phu giả, tức phi phàm phu"; phi phàm dã. Hữu vô như thượng. Tánh vô tiền tế phi sanh dã, tánh vô hậu tế phi diệt dã, bổn tự cụ túc. Vô pháp khả tăng, phi tăng dã. Bổn vô nhất vật, vô pháp khả giảm, phi giảm dã. Nhiễm tịnh thiên sai, phi nhất dã. Nhất vị bình đẳng, phi dị dã. Dĩ nhất thiết ngôn thuyết giả danh vô thật, đản tùy vọng niệm bất khả đắc cố.

(疏)言即此靈明湛寂者，不可以清濁向背求也。舉清濁向背，意該善惡聖凡有無生滅增減一異等。

(演)意該善惡凡聖等者。孟子道性善，天台說性惡，一則就事造邊說，一則就理具邊說。今則如實空中，善既不立，惡亦何存？祖云：廓然無聖；非聖也。經云：凡夫者即非凡夫；非凡也。有無如上。性無前際非生也，性無後際非滅也。本自具足。無法可增，非增也。本無一物，無法可減，非減也。染淨千差，非一也。一味平等，非異也。以一切言說假名無實，但隨妄念不可得故。

*(**Sớ**: Ý nói cái "linh minh trạm tịch" này chẳng thể dùng thanh, trược, hướng về, hay trái nghịch để cầu được. Nêu ra "thanh, trược, hướng về, trái nghịch" nhằm bao hàm các ý nghĩa như thiện, ác, thánh, phàm, có, không, sanh, diệt, tăng, giảm, một, khác v.v...*

***Diễn**: "Bao gồm những ý nghĩa thiện, ác, phàm, thánh" v.v... Mạnh Tử nói "tánh thiện", ngài Thiên Thai nói "tánh ác" thì một đằng dựa trên phương diện "Sự tạo tác" để nói, một đằng dựa trên phương diện "Lý đầy đủ" để nói. Nay trong Như Thật Không (Chân Không), thiện đã chẳng lập, ác cũng làm sao còn? Tổ sư nói: "Rành rành là không có thánh", cho nên chẳng phải là thánh. Kinh dạy: "Phàm phu tức chẳng phải là phàm phu", cho nên chẳng phải phàm. Hữu và vô như trên đây [đã nói]. Tánh chẳng có thời gian trước, nên chẳng sanh; tánh chẳng có thời gian sau, nên chẳng diệt. Vốn tự đầy đủ, chẳng có pháp nào để có thể tăng, nên chẳng*

tăng. Vốn chẳng có một vật, chẳng có pháp nào để có thể giảm, nên chẳng giảm. Do nhiễm và tịnh ngàn phần sai khác, nên chẳng phải là một. Do một vị bình đẳng, nên chẳng phải là khác. Do hết thảy ngôn thuyết là giả danh, không thật, chỉ thuận theo vọng niệm, cho nên chẳng thể đạt được).

(Sớ) "Đại tai" nhị cú, tán từ. Đại giả, đương Thể đắc danh, cụ "biến, thường" nhị nghĩa, dĩ hoành mãn thập phương, thụ cực tam tế, cánh vô hữu pháp khả dữ vi tỷ, phi đối tiểu ngôn đại chi đại dã.

(Diễn) Đương Thể đắc danh giả, Thường ngôn Đại giả, đối tiểu chi xưng; kim tắc bất nhiên, trực chỉ Tánh Thể, danh chi viết Đại. "Cụ thường, biến nhị nghĩa" giả. Niết Bàn vân: Sở ngôn Đại giả, danh chi vi Thường. Thử minh Thể vô biến dịch. Hựu ngôn Đại giả, kỳ tánh quảng bác, do nhược hư không. Thử minh thể tánh châu biến, vô pháp khả tỷ giả. Thế gian tối đại, mạc nhược hư không. Kinh vân: "Mê vọng hữu hư không". Không nãi hữu thỉ, thử pháp vô thỉ. Hựu vân: "Nhất nhân phát chân quy nguyên, thập phương hư không tất giai tiêu vẫn". Không nãi hữu chung, thử pháp vô chung, thị "thụ cùng vô pháp khả tỷ" dã. Hựu vân: "Thập phương hư không sanh nhữ tâm nội, do như phiến vân điểm thái thanh lý". Không nãi hữu tế. Thử pháp vô tế, thị "hoành biến vô pháp khả tỷ" dã. Dụ kim, dụ nguyệt, diệc phục như thị, vô khả tỷ dã.

(疏)大哉二句，讚辭。大者，當體得名，具遍常二義。以橫滿十方，豎極三際，更無有法可與為比，非對小言大之大也。

(演)當體得名者，常言大者，對小之稱，今則不然，直指性體，名之曰大。具常遍二義者，涅槃云：所言大者，名之為常，此明體無變易。又言大者，其性廣博，猶若虛空。此明體性周遍。無法可比者。世間最大，莫若虛空。經云：迷妄有虛空。空乃有始，此法無始。又云：一人發真歸元，十方虛空悉皆消殞。空乃有終，此法無終，是豎窮無法可比也。又云：十方虛空生汝心內，猶如片雲點太清裡。空乃有際。此法無際，是橫遍無法可比也。喻金喻月，亦復如是無可比也。

*(**Sớ**: Hai câu "lớn thay..." là lời ca ngợi. Đại là căn cứ trên Thể mà đặt tên, nó có hai nghĩa Trọn Khắp và Thường Hằng, vì theo chiều ngang bèn trọn khắp mười phương, theo chiều dọc thì tột cùng ba đời, lại chẳng có pháp nào có thể sánh bằng. Sự to lớn ấy chẳng phải là do so với nhỏ mà nói là "lớn".*

***Diễn**: "Do Thể mà được tên": Do Thường Hằng mà nói là Đại. Ở đây, không phải là do đối với nhỏ mà nói là Đại, mà nhằm chỉ thẳng cái Thể của Tánh nên gọi là Đại. "Có hai nghĩa Thường Hằng và Trọn Khắp": Kinh Niết Bàn nói: "Nói là Đại, đó là tên gọi diễn tả ý nghĩa Thường Hằng, nhằm chỉ rõ cái Thể này chẳng biến đổi". Lại nói Đại là vì tánh ấy rộng rãi, mênh mông dường như hư không. Điều này nêu rõ thể tánh trọn khắp.*

"Không có pháp nào có thể sánh bằng": Lớn nhất trong thế gian, không gì bằng hư không. Kinh dạy: "Do mê vọng, nên có hư không", [như vậy thì] hư không có khởi đầu, nhưng pháp này không có bắt đầu. Lại nói: "Một người nhận ra lẽ chân, trở về nguồn, thì mười phương hư không đều tiêu sạch" [như vậy thì] hư không có kết thúc, pháp này không kết thúc, tức là "theo tột cùng chiều dọc, không có pháp nào sánh bằng". Kinh lại nói: "Mười phương hư không sanh trong tâm ngươi, giống như áng mây điểm giữa hư không" [tức là] hư không có ngằn mé. Pháp này không có bờ mé, tức là "theo chiều ngang trọn khắp, không pháp nào có thể sánh bằng". Ví như vàng, ví như mặt trăng thì cũng giống như vậy, chẳng thể sánh ví!)

(Sớ) "Chân" giả, bất vọng. Dĩ tam giới hư ngụy, duy thử chân thật. Sở vị phi huyễn bất diệt, bất khả phá hoại, cố vân Chân dã.

(Diễn) "Tam giới hư ngụy, duy thử chân thật" giả: Hư giả, bất thật, như không trung hoa, bổn vô sở hữu. Ngụy giả, bất chân, như thâu tự kim, tất cánh phi kim. Sở vị Thái Sơn hữu băng liệt, đại hải hữu khô kiệt. Nhất thiết vinh hoa, giai hữu suy tạ. Nhất thiết quyến thuộc, giai hữu biệt ly dã. Duy hữu Chân Như, chư pháp trung thật. Sở vị "hữu vật tiên thiên địa, vô hình bổn tịch liêu, năng vi vạn tượng chủ, bất trục tứ thời điêu" thị dã. Phi huyễn bất diệt, xuất Viên Giác kinh. Kinh vân: "Huyễn thân diệt cố, huyễn tâm diệc diệt. Huyễn tâm diệt cố, huyễn trần diệc diệt. Huyễn trần diệt cố, huyễn diệt diệc diệt. Huyễn diệt diệt cố, phi huyễn, bất diệt". Cái vị thử tánh vô hữu biến dị, tất cánh thường trụ. Bất đồng chư huyễn chung tiêu diệt dã. Bất khả phá hoại, xuất Khởi Tín Luận. Luận vân: "Tùng bổn dĩ lai, ly chư danh tướng, tất cánh bình

đẳng, bất khả phá hoại". Cái vị thử tánh tại nhiễm bất phá, Pháp Thân bất hoại, bất đồng hữu vi khả phá hoại dã.

(疏)真者，不妄。以三界虛偽，唯此真實。所謂非幻不滅，不可破壞，故云真也。

(演)三界虛偽，唯此真實者：虛者不實，如空中花，本無所有。偽者不真，如鍮似金，畢竟非金。所謂太山有崩裂。大海有枯竭。一切榮華，皆有衰謝。一切眷屬，皆有別離也。唯有真如諸法中實。所謂有物先天地，無形本寂寥，能為萬象主，不逐四時凋是也。非幻不滅，出圓覺經。經云：幻身滅故，幻心亦滅，幻心滅故，幻塵亦滅，幻塵滅故，幻滅亦滅，幻滅滅故，非幻不滅。蓋謂此性無有變異，畢竟常住。不同諸幻終消滅也。不可破壞，出起信論。論云：從本以來，離諸名相，畢竟平等，不可破壞。蓋謂此性在染不破，法身不壞，不同有為可破壞也。

*(**Sớ**: "Chân" là chẳng vọng. Do ba cõi hư dối, chỉ có pháp này là chân thật. Đã nói là "chẳng phải huyễn, bất diệt" thì chẳng thể phá hoại, cho nên nói là Chân.*

***Diễn**: "Ba cõi hư dối, chỉ có pháp này chân thật": "Hư" là chẳng thật, như hoa đốm trên không vốn chẳng có. "Ngụy" là không thật, như đồng thau trông giống như vàng, nhưng rốt cuộc chẳng phải là vàng. Như nói Thái Sơn có khi nứt sụp, biển cả có khi khô cạn. Hết thảy vinh hoa đều có lúc suy sụp. Hết thảy quyến thuộc đều có lúc chia lìa. Trong các pháp, chỉ có Chân Như là thật. Nói "có một vật tồn tại trước khi có trời đất, vô hình, vốn vắng lặng, mênh mông, có thể làm chủ của muôn hình tượng, chẳng bị tàn tạ theo bốn mùa" chính là nói về nó đấy.*

Chữ "phi huyễn, bất diệt" lấy từ kinh Viên Giác. Kinh dạy: "Do huyễn thân diệt, nên huyễn tâm cũng diệt. Do huyễn tâm diệt, nên huyễn trần cũng diệt. Do huyễn trần diệt, nên sự hoại diệt hư huyễn cũng diệt. Do sự hoại diệt hư huyễn đã diệt, nên chẳng có huyễn mà cũng chẳng có diệt". Ấy là nói tánh này chẳng đổi khác, rốt ráo thường trụ, chẳng giống với các huyễn, rốt cuộc bị tiêu diệt. Câu "chẳng thể phá hoại" trích từ Khởi Tín Luận. Khởi Tín Luận viết: "Xét từ gốc, nó lìa các danh tướng, rốt ráo bình đẳng, chẳng thể phá hoại". Ý nói: Tánh này trong ô nhiễm

chẳng bị phá, Pháp Thân bất hoại, chẳng giống như hữu vi có thể bị phá hoại).

(Sớ) Thể giả, tận vạn pháp bất xuất nhất tâm chi Thể, Thể cai Tướng, Dụng, tổng nhi danh chi viết Chân Thể dã.

(Diễn) Vạn pháp bất xuất nhất tâm chi Thể giả, vị nhất thiết vạn pháp giai ngô tâm thể. Phi ly vạn pháp, biệt hữu tâm thể. Khởi Tín vân: "Tâm Chân Như giả, tức thị nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể". Lăng Nghiêm vân: "Thử kiến cập duyên, nguyên thị Bồ Đề diệu tịnh minh thể". Hựu vân: "Nhất thiết phù trần chư huyễn hóa tướng, kỳ tánh chân vi diệu giác minh thể". Sở vị: "Phác lạc phi tha vật, tung hoành bất thị trần, sơn hà cập đại địa, toàn lộ Pháp Vương thân" dã. "Thể cai Tướng Dụng, danh chi vi Thể" giả, Khởi Tín vân: "Nhất giả, Thể đại, vị nhất thiết pháp Chân Như bình đẳng, bất tăng giảm cố". Nhị giả, Tướng đại, vị: Như Lai Tạng cụ túc vô lượng tánh công đức cố. Tam giả, Dụng đại, năng sanh nhất thiết thế gian, xuất thế gian thiện nhân quả cố. Kim tắc nhược Tướng, nhược Dụng, câu quy thử Thể vi chân thể dã.

(疏)體者，盡萬法不出一心之體，體該相用，總而名之曰真體也。

(演)萬法不出一心之體者，謂一切萬法皆吾心體。非離萬法別有心體。起信云：心真如者。即是一法界大總相法門體。楞嚴云：此見及緣，元是菩提妙淨明體。又云：一切浮塵諸幻化相，其性真為妙覺明體。所謂撲落非他物，縱橫不是塵，山河及大地，全露法王身也。體該相用名之為體者。起信云：一者體大，謂一切法真如平等不增減故。二者相大，謂如來藏具足無量性功德故。三者用大，能生一切世間出世間善因果故。今則若相若用，俱歸此體為真體也。

*(**Sớ**: "Thể": Trọn hết muôn pháp chẳng ra ngoài cái Thể của nhất tâm. Thể bao gồm Tướng và Dụng, gọi chung là Chân Thể.*

***Diễn**: "Muôn pháp chẳng ra ngoài cái Thể của nhất tâm" là nói hết thảy vạn pháp đều là tâm thể của ta. Chẳng phải là lìa khỏi vạn pháp mà có riêng một cái tâm thể. Khởi Tín Luận nói: "Tâm Chân Như là Thể của pháp môn đại tổng tướng trong Nhất Chân pháp giới". Kinh Lăng*

Nghiêm nói: "Kiến và duyên ấy vốn là bản thể mầu nhiệm sáng sạch của Bồ Đề". Lại nói: "Đối với các tướng huyễn hóa của hết thảy phù trần, tánh của chúng thật sự là cái Thể mầu nhiệm, giác ngộ, sáng suốt". Ấy là nói: "Rơi rớt, há vật khác! Dọc ngang chẳng phải trần, núi sông và cõi đất, lộ trọn Pháp Vương thân".

"Thể bao gồm cả Tướng và Dụng, nên gọi chung là Thể": Khởi Tín Luận viết: "Một là Thể đại, nghĩa là hết thảy pháp Chân Như bình đẳng, vì chẳng tăng, chẳng giảm". Thứ hai là Tướng đại, nghĩa là: Như Lai Tạng có đầy đủ vô lượng tánh công đức. Ba là Dụng đại, vì có thể sanh ra hết thảy nhân quả tốt lành thế gian và xuất thế gian. Nay thì dù là Tướng hay Dụng đều quy về cái Thể này để làm chân thể).

(Sớ) Bất khả tư nghị giả, như thượng minh nhi phục tịch, tịch nhi phục minh. Thanh trược bất hình, hướng bối mạc đắc. Tắc tâm ngôn lộ tuyệt, vô dung tư nghị giả hỹ.

(Diễn) Bất khả tư nghị giả hạ, thị tiên hợp giải. Tâm ngôn lộ tuyệt, vị tùng bổn dĩ lai, ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên tướng, nhất thiết pháp bất khả thuyết, bất khả niệm, danh vi Chân Như cố.

(疏)不可思議者，如上明而復寂，寂而復明。清濁不形，向背莫得。則心言路絕，無容思議者矣。

(演)不可思議者下，是先合解。心言路絕。謂從本以來，離言說相，離心緣相，一切法不可說、不可念，名為真如故。

*(**Sớ**: "Chẳng thể nghĩ bàn" là sáng suốt như trên đây đã nói, nhưng lại vắng lặng, tuy vắng lặng mà vẫn sáng suốt. Thanh và trược đều chẳng thể hình dung, hướng về hay trái nghịch đều chẳng được. Tức là suy nghĩ lẫn nói năng đều chẳng được, chẳng thể nghĩ bàn vậy.*

***Diễn**: Từ chữ "chẳng thể nghĩ bàn" trở đi, chính là [Liên Trì đại sư] trước hết đã nói gộp chung lại để giải thích. "Chẳng thể suy nghĩ và nói năng được", ý nói: Vốn lìa tướng ngôn thuyết, vốn lìa tướng tâm duyên, hết thảy các pháp chẳng thể nói, chẳng thể niệm, cho nên đặt tên là Chân Như).*

(Sớ) Bất khả tư giả, sở vị pháp vô tướng tưởng, tư tắc loạn sanh. Kinh vân: "Nhữ tạm cử tâm, trần lao tiên khởi", thị dã. Hựu pháp vô

tướng tưởng, tư diệc đồ lao! Kinh vân: "Thị pháp phi tư lượng, phân biệt chi sở năng cập", thị dã. Cố viết: "Tâm dục duyên nhi lự vong dã".

(Diễn) Bất khả tư giả hạ, thị thứ phân giải. Pháp vô tướng tưởng, vị: Hữu tướng khả tư, vô tướng nan tư. "Nhữ tạm cử tâm, trần lao tiên khởi", thị tư chi hữu quá dã. Tư diệc đồ lao, thị tư chi vô công dã. Tâm dục duyên nhi lự vong giả, cử tâm dục duyên, tư lự tiên vong, dĩ Chân Như vô tướng tưởng, tức tâm tuyệt cố.

(疏)不可思者，所謂法無相想，思則亂生。經云：汝暫舉心，塵勞先起，是也。又法無相想，思亦徒勞。經云：是法非思量分別之所能及，是也。故曰：心欲緣而慮亡也。

(演)不可思者下，是次分解。法無相想，謂有相可思，無相難思。汝暫舉心，塵勞先起，是思之有過也。思亦徒勞，是思之無功也。心欲緣而慮亡者，舉心欲緣，思慮先亡，以真如無相想，即心絕故。

*(**Sớ**: "Chẳng thể nghĩ" có nghĩa là: Pháp chẳng có tướng để suy tưởng; hễ suy nghĩ, sẽ sanh rối loạn. Kinh dạy: "Ông vừa tạm khởi tâm, trần lao đã dấy lên trước" là nói tới điều này. Lại nữa, pháp không có tướng để suy tưởng, suy nghĩ cũng uổng công! Kinh dạy: "Pháp này chẳng thể suy lường, phân biệt mà hòng thấu hiểu được" là nói về ý này. Do vậy, nói: "Tâm muốn duyên mà lự đã mất".*

***Diễn**: Từ "chẳng thể nghĩ" trở đi, [Liên Trì đại sư] đã lần lượt tách ["bất khả tư nghị"] ra để giải thích. "Pháp vô tướng tưởng" ý nói: Có tướng thì có thể nghĩ; không có tướng thì sẽ khó nghĩ. "Ông vừa tạm khởi tâm, trần lao đã dấy trước" tức là hễ suy nghĩ, sẽ mắc lỗi. "Suy nghĩ cũng uổng công", nghĩa là suy nghĩ vô ích. "Tâm muốn duyên mà tư lự đã mất trước" tức là dấy lòng muốn duyên [theo sự vật để suy lường] thì sự suy lường đã mất trước, vì Chân Như không có tướng để suy tưởng, tức là cái tâm dứt bặt vậy).*

(Sớ) Bất khả nghị giả, sở vị: "Lý viên, ngôn thiên. Ngôn sanh, Lý táng". Kinh vân: "Phàm hữu ngôn thuyết, giai thành hý luận", thị dã. Hựu Lý viên, ngôn thiên, ngôn bất năng tận. Kinh vân: "Nhất nhất thân cụ vô lượng khẩu, nhất nhất khẩu xuất vô lượng âm, như Thiện thiên nữ, cùng kiếp nhi thuyết, chung mạc năng tận", thị dã. Cố viết: "Khẩu dục đàm, nhi từ táng" dã. Hựu thử kinh nguyên danh Bất Khả Tư Nghị, cố dụng thử tứ tự tổng tán tiền văn, cái thị chí lý chi cực danh dã.

(Diễn) Lý viên giả, Lý tánh viên dung, bất khả phân tích, như nhất đa giao triệt, đại tiểu hỗ dung, chân vọng giao tham, nhiễm tịnh bất nhị đẳng. "Ngôn thiên" giả, như ngôn nhất tắc di đa, ngôn đại tắc thất tiểu, đàm chân tắc vi tục, thuyết nhiễm tắc vi tịnh đẳng. Sở vị: "Khai khẩu thành song quyết, dương mi lạc nhị tam" dã. Thị ngôn chi hữu quá dã. Ngôn bất năng tận, thị ngôn chi vô công dã. Khẩu dục đàm nhi từ táng giả, khai khẩu dục đàm, ngôn vị tiên táng, dĩ chí lý tuyệt ngôn, vô dung thố khẩu cố. "Như Thiện thiên nữ" giả, Hoa Nghiêm vân: "Tự Tại thiên vương hữu thiên thể nữ, danh viết Thiện Khẩu, ư kỳ khẩu trung, xuất nhất âm thanh, tắc dữ bách thiên chủng nhạc nhi cộng tương ứng đẳng". Chí lý cực danh giả, như danh Chân Như, tắc khả dĩ bất vọng bất biến tư nghị. Hoặc danh Viên Giác, tắc khả dĩ mãn túc hư linh tư nghị. Hoặc danh Phật Tánh, tắc khả dĩ ly quá tuyệt phi tư nghị, giai phi chí lý cực danh. Kim danh bất khả tư nghị, tắc chí lý chi cực danh vô dĩ gia dã.

(疏)不可議者，所謂理圓言偏，言生理喪。經云：凡有言說，皆成戲論。是也。又理圓言偏，言不能盡。經云：一一身具無量口，一一口出無量音，如善天女，窮劫而說，終莫能盡，是也。故曰口欲談而詞喪也。又此經原名不可思議，故用此四字總讚前文，蓋是至理之極名也。

(演)理圓者，理性圓融，不可分析，如一多交徹、大小互融、真妄交參、染淨不二等。言偏者，如言一則遺多，言大則失小，談真則違俗，說染則違淨等。所謂開口成雙橛，揚眉落二三也。是言之有過也。言不能盡，是言之無功也。口欲談而詞喪者，開口欲談，言謂先喪，以至理絕言，無容措口故。如善天女者。華嚴云：自在天王有天采女名曰善口，於其口中出一音聲，則與百千種樂而共相應等。至理極名者。如名真如，則可以不妄不變思議。或名圓覺，則可以滿足虛靈思議。或名佛性，則可以離過絕非思議。皆非至理極名。今名不可思議，則至理之極名無以加也。

*(**Sớ**: "Chẳng thể bàn" ý nói: Lý viên mãn, lời lẽ lệch lạc. Thốt lời, Lý bị chôn vùi. Kinh chép: "Phàm những gì có nói năng, đều thành hý*

luận" là nói về ý này. Lại nữa, Lý viên mãn, lời lẽ lệch lạc, cho nên chẳng thể nói trọn hết. Kinh dạy: "Trong mỗi một thân có vô lượng miệng, mỗi một miệng có vô lượng âm thanh, giống như Thiện thiên nữ, nói hết cả kiếp, rốt cuộc vẫn chẳng thể trọn hết" chính là nói về điều này. Vì thế nói: "Miệng muốn bàn luận mà từ ngữ đã chôn vùi". Hơn nữa, kinh này vốn có tên là Bất Khả Tư Nghị, cho nên dùng bốn chữ này để làm lời ca ngợi chung cho đoạn văn đã được nói trong phần trên. Đấy chính là tên gọi tột bậc của lý tột bậc vậy.

***Diễn**: "Lý viên": Lý tánh viên dung, chẳng thể chia chẻ, như một và nhiều thấu triệt lẫn nhau, lớn và nhỏ dung nhập nhau, chân và vọng xen lẫn vào nhau, nhiễm và tịnh chẳng hai v.v... "Ngôn ngữ lệch lạc" là nếu nói một sẽ sót nhiều, nói lớn sẽ mất nhỏ, nói chân sẽ trái với tục, nói nhiễm sẽ trái nghịch tịnh v.v... Đó gọi là "mở miệng thành hai mảnh, nhướng mày rớt hai, ba", tức là nói ngôn thuyết có khuyết điểm vậy. "Nói chẳng thể trọn hết" là dẫu nói chẳng có ích gì. "Miệng muốn nói mà từ ngữ đã chôn vùi" là mở miệng toan nói, lời lẽ đã mất trước; bởi lẽ, đối với cái lý tột cùng dứt bặt ngôn từ, chẳng thể mở miệng được! "Như Thiện thiên nữ" là như kinh Hoa Nghiêm chép: "Vua cõi trời Tự Tại có một thị nữ cõi trời, tên là Thiện Khẩu. Trong miệng cô ta thốt ra một âm thanh thì âm thanh ấy giống như trăm ngàn thứ nhạc cùng hòa tiếng vậy". "Tên gọi tột bậc của lý tột cùng": Nếu gọi nó là Chân Như thì có thể suy nghĩ, bàn định nó là chẳng hư dối, chẳng biến đổi. Nếu gọi là Viên Giác thì có thể suy nghĩ, bàn định nó là trọn đủ, hư linh. Nếu gọi là Phật Tánh thì có thể suy nghĩ, bàn định [lý tột cùng ấy] là lìa lỗi, dứt bặt mọi phủ định. [Những tên gọi như vậy] đều chẳng phải là tên gọi tột bậc của lý tột cùng. Nay đặt tên là Bất Khả Tư Nghị thì sẽ là tên gọi tột bậc của lý tột cùng, không còn thêm gì vào được nữa!)*

(Sớ) Mạt cú kết quy, ngôn như thị bất khả tư nghị giả, đương thị hà vật, duy tự tánh nãi nhĩ. Ngôn Tánh hữu nhị, kiêm vô tình phận trung, vị chi Pháp Tánh. Độc hữu tình phận trung, vị chi Phật Tánh. Kim vân tự tánh, thả chỉ Phật Tánh nhi ngôn dã. Tánh nhi viết Tự, pháp nhĩ như nhiên, phi tác đắc cố, thị ngã tự kỷ, phi thuộc Tha cố. Thử chi tự tánh, cái hữu đa danh, diệc danh Bổn Tâm, diệc danh Bổn Giác, diệc danh Chân Tri, diệc danh Chân Thức, diệc danh Chân Như, chủng chủng vô tận. Thống nhi ngôn chi, tức đương nhân linh tri linh giác bổn cụ chi nhất tâm dã. Kim minh bất khả tư nghị giả, duy thử tâm nhĩ, cánh vô dư vật hữu thử bất tư nghị thể dữ tâm đồng dã.

(Diễn) Pháp Tánh, Phật Tánh giả, Trí Độ Luận vân: "Phật danh viết Giác, pháp danh bất giác", thị nãi dĩ Trí vi Phật, dĩ Lý vi pháp. Hiền Thủ cứ thử, cố vân: "Vô tình, vô tri giác" chỉ kỳ tánh vi Pháp Tánh, "hữu tình, hữu tri giác" chỉ kỳ tánh vi Phật Tánh. Nhiên nhị tánh tuy phân thuộc tình dữ vô tình, Pháp Tánh diệc khả thông hữu tình, dĩ chúng sanh nãi chư pháp trung chi nhất pháp cố. Cố viết: Kiêm vô tình phận trung, vị chi Pháp Tánh. Phật Tánh duy cục hữu tình, bất thông vô tình, dĩ mộc thạch đẳng vô tri giác cố. Cố viết: "Độc hữu tình phận trung, vị chi Phật Tánh". Thả chỉ Phật Tánh nhi ngôn giả, Tự Tánh thật thông nhị chủng. Như Hoa Nghiêm vân: "Nhược nhân dục thức Chân Không lý, tâm nội Chân Như hoàn biến ngoại, tình dữ vô tình đồng nhất thể, xứ xứ giai đồng chân pháp giới". Kim vân nhĩ giả, đản dĩ thử kinh trọng nhất tâm niệm Phật cầu nguyện vãng sanh, nãi tá bỉ Phật cảnh hiển ngã tự tâm cố. Thả chỉ hữu tình Phật Tánh dã. Tánh nhi viết Tự, Tự hữu nhị nghĩa: Nhất, tự nhiên chi tự; nhị, tự kỷ chi tự. Pháp nhĩ như nhiên, phi tác đắc giả. Diệu tánh thiên nhiên, bất nhân tu đắc. Mê thời vô thất, ngộ thời vô đắc, hữu vật hồn thành, bổn tự như như cố. Thử tự nhiên chi tự dã. Thị ngã tự kỷ, phi thuộc Tha giả, dĩ ngoại đạo hoặc kế tự nhiên, hoặc kế nhân duyên, hoặc kế hư không, hoặc kế thiên dữ, bất nhất nhi túc. Thử giai mê kỷ, vị vật sở chuyển. Bất tri thử tánh bổn phi thiên giáng, bất thuộc địa sanh, diệc phi nhân dữ. Nãi đương nhân tự kỷ bất thuộc ư tha cố, thử tự kỷ chi tự dã. Đối vạn pháp viết Bổn Tâm. Đối Thỉ Giác viết Bổn Giác. Vô tri chi tri, vị Chân Tri. Vô thức chi thức, vị Chân Thức. Vô hữu hư vọng, vô hữu biến dị, danh vi Chân Như.

(疏)末句結歸，言如是不可思議者，當是何物，惟自性乃爾。言性有二，兼無情分中，謂之法性。獨有情分中，謂之佛性。今云自性，且指佛性而言也。性而曰自，法爾如然，非作得故。是我自己，非屬他故。此之自性，蓋有多名，亦名本心，亦名本覺，亦名真知，亦名真識，亦名真如，種種無盡。統而言之，即當人靈知靈覺本具之一心也。今明不可思議者，惟此心耳，更無餘物有此不思議體與心同也。

(演)法性佛性者。智度論云：佛名曰覺，法名不覺。是乃以智為佛，以理為法。賢首據此，故云：無情無知覺，

指其性為法性；有情有知覺，指其性為佛性。然二性雖分屬情與無情，法性亦可通有情，以眾生乃諸法中之一法故。故曰：兼無情分中謂之法性。佛性唯局有情，不通無情，以木石等無知覺故。故曰：獨有情分中謂之佛性。且指佛性而言者。自性實通二種。如華嚴云：若人欲識真空理，心內真如還遍外，情與無情同一體，處處皆同真法界。今云爾者，但以此經重一心念佛求願往生，乃借彼佛境顯我自心故。且指有情佛性也。性而曰自，自有二義：一、自然之自，二、自己之自。法爾如然非作得者。妙性天然，不因修得，迷時無失，悟時無得，有物渾成，本自如如故。此自然之自也。是我自己非屬他者。以外道，或計自然，或計因緣，或計虛空，或計天與，不一而足。此皆迷己為物所轉。不知此性本非天降，不屬地生，亦非人與。乃當人自己不屬於他故，此自己之自也。對萬法曰本心。對始覺曰本覺。無知之知謂真知。無識之識謂真識。無有虛妄，無有變異，名為真如。

*(**Sớ**: Câu cuối cùng là quy kết, nói "chẳng thể nghĩ bàn như thế" chính là vật gì vậy? Chỉ có tự tánh là như vậy mà thôi! Nói đến Tánh thì có hai thứ. Nếu gồm cả loài vô tình thì gọi là Pháp Tánh, chỉ xét trong loài hữu tình thì gọi là Phật Tánh. Nay nói "tự tánh" thì chỉ là nói về Phật Tánh. Tánh gọi là Tự vì pháp vốn sẵn như vậy, chẳng phải do tạo tác mà có. Nó là chính ta, chẳng thuộc vào cái gì khác. Do vậy, Tự tánh ấy có nhiều tên, còn gọi là Bổn Tâm, còn gọi là Bổn Giác, còn gọi là Chân Tri, còn gọi là Chân Thức, còn gọi là Chân Như. Nói tóm lại, đấy chính là nhất tâm vốn sẵn đủ linh tri linh giác của con người vậy. Nay giảng về ý nghĩa "chẳng thể nghĩ bàn" thì chỉ có cái tâm này, chứ không còn vật nào khác mà có cái Thể (bản thể) chẳng thể nghĩ bàn giống như tâm được!*

***Diễn**: "Pháp Tánh, Phật Tánh": Trí Độ Luận nói "Phật gọi là Giác, pháp gọi là bất giác". Ấy là vì coi Trí là Phật, coi Lý là Pháp. Ngài Hiền Thủ dựa vào đây, nên nói: "Vô tình, không tri giác" nhằm chỉ tánh ấy là Pháp Tánh, "hữu tình, có tri giác" nhằm chỉ tánh ấy là Phật Tánh; nhưng hai tánh (Phật Tánh và Pháp Tánh) tuy chia thành hữu tình và vô tình,*

Pháp Tánh cũng có thể thông với hữu tình, do chúng sanh chính là một pháp trong các pháp.

Cho nên nói: Nếu bao gồm cả loài vô tình thì gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh chỉ hạn cuộc trong loài hữu tình, chẳng thông với vô tình; bởi lẽ, gỗ, đá v.v... chẳng có tri giác. Vì thế, nói: "Chỉ xét trong loài hữu tình thì gọi là Phật Tánh".

"Nói đến Phật Tánh": Tự Tánh thật sự bao gồm cả hai thứ. Như kinh Hoa Nghiêm dạy: "Nếu ai muốn biết lý Chân Không, thì Chân Như trong tâm còn trọn khắp bên ngoài, tình và vô tình có cùng một Thể, chỗ nào cũng đều là Nhất Chân pháp giới". Nay nói như vậy, chỉ vì kinh này chú trọng nhất tâm niệm Phật, cầu nguyện vãng sanh, bèn mượn cảnh Phật ấy để hiển lộ tự tâm của ta, nhằm chỉ ra Phật Tánh của loài hữu tình vậy.

"Tánh nói là Tự" thì chữ Tự có hai nghĩa: Một, Tự là tự nhiên; hai, Tự là tự kỷ (chính mình). "Pháp vốn là như vậy, chẳng phải do tạo tác mà có": Diệu tánh tự nhiên sẵn có, chẳng do tu mà đạt được. Lúc mê chẳng mất, khi ngộ chẳng được, tự nhiên sanh thành, vốn tự như như. Đấy chính là chữ Tự hiểu theo nghĩa tự nhiên.

"Là chính mình, chẳng thuộc ai khác": Do ngoại đạo hoặc phán định [tự tánh] là tự nhiên, hoặc phán định là nhân duyên, hoặc phán định là hư không, hoặc phán định là trời ban, chẳng thể kể trọn từng điều được. Đấy đều là do mê mất chính mình, bị sự vật xoay chuyển. Chẳng biết tánh này vốn chẳng do trời ban xuống, chẳng do đất sanh ra, cũng chẳng do ai tặng cho, mà chính là bản thân người ấy, chẳng thuộc vào ai khác.

Đó chính là Tự hiểu theo ý nghĩa "chính mình" vậy. Đối ứng với muôn pháp bèn nói là Bổn Tâm. Do đối ứng với Thỉ Giác mà nói là Bổn Giác. Cái Biết mà chẳng biết thì gọi là chân tri. Cái Thức mà chẳng nhận thức thì gọi là Chân Thức. Chẳng có hư vọng, chẳng có biến đổi thì gọi là Chân Như).

(Sớ) Nhược tựu đương kinh, sơ cú tức Vô Lượng Quang, đỗng triệt vô ngại cố. Nhị cú tức Vô Lượng Thọ, thường hằng bất biến cố. Tam tứ cú tức linh tâm tuyệt đãi, quang thọ giao dung, nhất thiết công đức giai vô lượng cố. Ngũ cú tổng tán, tức kinh vân: "Như ngã xưng tán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức". Mạt cú kết quy, ngôn A Di Đà Phật toàn thể thị đương nhân tự tánh dã.

(Diễn) Nhược tựu đương kinh hạ, thị giải thích tự văn dĩ cánh. Hạ phục phối thuộc chư kinh. Kim tiên tựu đương kinh phối Quang Thọ dã. Tuyệt đãi giao dung giả, Quang dữ Thọ tự đối đãi pháp, nhi kỳ

thật, cử Quang tắc dung Thọ, cử Thọ tắc dung Quang, nguyên phi nhị vật, hữu hà đối đãi? Nhất thiết công đức, vị vô lậu tánh công đức. Vô lượng giả, cụ túc viên mãn bất khả tư nghị dã. Nhi dĩ thử cú, đương phi trược, phi thanh nhị cú giả. Dĩ đản hữu thanh, trược, hướng, bối, tức hữu đối đãi bất dung thông, tiện bất thị tánh công đức, tiện phi vô lượng. Kim vô thanh, trược, hướng, bối, thị nhất thiết công đức giai vô lượng dã. Toàn thể thị đương nhân giả, vị Phạn ngữ A Di Đà Phật, thử vân Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang. Nhi tự tánh Tịch, tức thị Vô Lượng Thọ. Tự tánh Chiếu, tức thị Vô Lượng Quang. Tịch Chiếu bất nhị, tức thị Quang Thọ giao dung, tắc A Di Đà Phật, khởi bất tức thị đương nhân tự tánh?

(疏)若就當經，初句即無量光，洞徹無礙故。二句即無量壽，常恆不變故。三四句即靈心絕待，光壽交融，一切功德皆無量故。五句總讚，即經云：如我稱讚阿彌陀佛不可思議功德。末句結歸，言阿彌陀佛全體是當人自性也。

(演)若就當經下。是解釋序文已竟。下復配屬諸經。今先就當經配光壽也。絕待交融者。光與壽似對待法。而其實舉光則融壽，舉壽則融光，原非二物，有何對待?一切功德，謂無漏性功德。無量者，具足圓滿不可思議也。而以此句，當非濁非清二句者。以但有清濁向背，即有對待不融通，便不是性功德，便非無量。今無清濁向背，是一切功德皆無量也。全體是當人者。謂梵語阿彌陀佛，此云無量壽，無量光。而自性寂，即是無量壽。自性照，即是無量光。寂照不二，即是光壽交融 。則阿彌陀佛 ，豈不即是當人自性?

*(**Sớ**: Nếu xét theo kinh này, câu đầu tiên là Vô Lượng Quang vì thấu suốt rỗng rang không ngăn ngại. Câu thứ hai là Vô Lượng Thọ vì thường hằng chẳng biến đổi. Câu thứ ba và câu thứ tư là nói tới cái tâm ấy linh minh, dứt bặt đối đãi, vì Quang và Thọ hòa lẫn vào nhau, hết thảy công đức đều vô lượng. Câu thứ năm là khen ngợi chung, tức là như kinh đã chép: "Như ta nay khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật". Câu cuối cùng là lời tổng kết, nói: Toàn bộ cái Thể của A Di Đà Phật chính là tự tánh của con người vậy.*

***Diễn**: Từ chữ "nếu xét theo kinh này" trở đi chính là giải thích phần lời tựa đã xong. Tiếp đó, lại đối chiếu [những ý nghĩa đã nêu trong lời tựa] với các kinh. Nay trước hết, phối hợp với ý nghĩa Quang và Thọ trong kinh này.*

"Tuyệt đãi giao dung" (dứt bặt đối đãi, dung nhập lẫn nhau): Thọ và Quang dường như là hai pháp tương đối. Thật ra, nêu lên Quang thì đã hàm chứa Thọ, nêu lên Thọ đã hàm chứa Quang. Chúng vốn chẳng phải là hai vật, há có đối đãi gì? "Hết thảy công đức" là các công đức vô lậu của tự tánh. "Vô lượng" là [các công đức ấy] đầy đủ viên mãn, chẳng thể nghĩ bàn. Nhưng hãy nên đem câu này [tức câu "nhất thiết công đức, vị vô lậu tánh công đức. Vô lượng giả, cụ túc viên mãn bất khả tư nghị dã"] áp dụng cho hai câu "chẳng phải trược, chẳng phải thanh, [chẳng trái nghịch, chẳng hướng về]" [trong lời tựa]. Do chỉ cần có "thanh, trược, hướng về, trái nghịch", sẽ liền có đối đãi, chẳng dung thông, sẽ chẳng phải là công đức trong tự tánh, chẳng phải là vô lượng. Nay không có "thanh, trược, hướng về, trái nghịch", hết thảy công đức đều là vô lượng.

"Toàn bộ cái Thể chính là tự tánh của con người": A Di Đà Phật trong tiếng Phạn được cõi này dịch là Vô Lượng Thọ, hoặc Vô Lượng Quang. Nhưng tự tánh Tịch chính là Vô Lượng Thọ; tự tánh Chiếu tức là Vô Lượng Quang. Tịch và Chiếu chẳng hai, tức là Quang và Thọ dung nhiếp lẫn nhau; vậy thì A Di Đà Phật há chẳng phải tự tánh của chính mình ư?)

(Sớ) Hựu sơ cú, minh vô bất chiếu, tức Dụng Đại. Nhị cú, tĩnh vô bất hàm, tức Tướng Đại. Tam tứ cú, huỳnh tuyệt nhị biên, tức Thể Đại. Ngũ cú tổng tán, sở vị tức tam, tức nhất, song mẫn, song tồn, từ táng, lự vong, bất khả tư nghị. Mạt cú diệc kết quy tự tánh dã.

(Diễn) Hựu sơ cú minh vô hạ, phối Tam Đại dã. Dụng Đại giả, vị chúng sanh tâm cụ hữu vô biên diệu dụng. Luận vân: "Tam giả Dụng Đại, năng sanh nhất thiết thế gian xuất thế gian thiện nhân quả cố". Kim thử linh minh vô sở bất chiếu, tức thị năng sanh nhất thiết thế xuất thế thiện nhân quả dã. Tướng Đại giả, vị chúng sanh tâm cụ hữu Như Lai trí huệ, đức tướng. Luận vân: "Nhị giả Tướng Đại, vị Như Lai Tạng cụ túc vô lượng tánh công đức cố". Kim thử trạm tịch vô sở bất hàm, tức thị cụ túc vô lượng tánh công đức dã. Thể Đại giả, vị chúng sanh tâm thị nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn thể. Luận vân: "Nhất giả, Thể đại, vị nhất thiết pháp Chân Như bình đẳng, bất tăng giảm cố".

Kim thử "linh tâm tuyệt đãi, huýnh tuyệt nhị biên", tức thị bất tăng, bất giảm, nhất vị bình đẳng dã. "Tức tam, tức nhất, song mẫn, song tồn" giả, Thể phi Tướng, Dụng, nãi chí Dụng phi Thể, Tướng, tức tam dã. Nhi hựu ly Thể vô Tướng Dụng, ly Tướng vô Thể Dụng đẳng, tức nhất dã. Nhất tức tam, tắc nhất mẫn; tam tức nhất, tắc tam mẫn, song mẫn dã. Nhi hựu nhất tức tam, tắc tam tồn; tam tức nhất, tắc nhất tồn, song tồn dã. Tồn thời tức mẫn, mẫn thời tức tồn, phi mẫn, phi tồn, bất khả tư nghị.

(疏**)**又初句明無不照，即用大。二句靜無不含，即相大。三四句迥絕二邊，即體大。五句總讚，所謂即三即一，雙泯雙存，辭喪慮亡，不可思議。末句亦結歸自性也。

(演**)**又初句明無下，配三大也。用大者，謂眾生心具有無邊妙用。論云：三者用大，能生一切世間出世間善因果故。今此靈明無所不照。即是能生一切世出世善因果也。相大者，謂眾生心具有如來智慧德相。論云：二者相大，謂如來藏具足無量性功德故。今此湛寂無所不含，即是具足無量性功德也。體大者，謂眾生心是一法界大總相法門體。論云：一者體大，謂一切法真如平等不增減故。今此靈心絕待，迥絕二邊，即是不增不減一味平等也。即三即一，雙泯雙存者，體非相用，乃至用非體相，即三也；而又離體無相用，離相無體用等，即一也。一即三則一泯，三即一則三泯，雙泯也。而又一即三則三存，三即一則一存，雙存也。存時即泯，泯時即存，非泯非存，不可思議。

*(**Sớ**: Lại nữa, câu đầu tiên nói rõ [tự tánh] sáng suốt, không gì chẳng chiếu, đấy chính là Dụng Đại. Câu thứ hai là [tự tánh] tĩnh, nhưng không gì chẳng chứa đựng, đấy chính là Tướng Đại. Câu ba và câu bốn dứt bặt hai bên, tức là nói tới Thể Đại. Câu thứ năm là lời khen ngợi chung, có nghĩa là [Thể, Tướng, Dụng] vừa là ba, vừa là một, cùng diệt mất, cùng tồn tại, ngôn ngữ dứt tuyệt, mất sạch suy đoán, chẳng thể nghĩ bàn. Câu cuối cùng cũng là kết quy tự tánh.*

***Diễn**: Lại nữa, từ "câu đầu tiên nói [tự tánh] sáng suốt, không gì chẳng chiếu" trở đi là đem [những lời luận định về tự tánh trong phần Tựa] phối hợp với Tam Đại.*

Dụng Đại là nói tâm của chúng sanh có đủ vô biên diệu dụng. Luận ghi: "Ba là Dụng Đại, vì có thể sanh ra hết thảy các thứ nhân quả tốt lành thế gian và xuất thế gian". Nay [tự tánh] linh minh này không đâu chẳng chiếu, chính là cái có thể sanh ra hết thảy nhân quả tốt lành thế gian hay xuất thế gian.

Tướng Đại là nói tâm của chúng sanh có đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Luận chép: "Hai là Tướng Đại, vì Như Lai Tạng trọn đủ vô lượng các công đức thuộc về tánh". Nay sự trạm tịch (trong trẻo, vắng lặng) này không gì chẳng chứa đựng, chính là đầy đủ vô lượng công đức nơi tự tánh vậy.

Thể Đại là nói tâm của chúng sanh là Thể của pháp môn đại tổng tướng Nhất Chân pháp giới. Luận nói: "Một là Thể Đại, nghĩa là hết thảy pháp Chân Như bình đẳng vì không tăng giảm". Nay "cái tâm thông linh, dứt bặt đối đãi, dứt trọn hai bên" này chính là chẳng tăng, chẳng giảm, một vị bình đẳng vậy.

"Chính là ba, chính là một, cả hai cùng mất, cả hai cùng tồn tại": Thể chẳng phải là Tướng hay Dụng, cho đến Dụng chẳng phải là Thể hay Tướng, cho nên chúng chính là ba. Lại nữa, lìa Thể sẽ không có Tướng và Dụng, lìa Tướng sẽ không có Thể và Dụng v.v... nên chúng chính là một. Do một chính là ba, tức là "nhất" đã mất. Ba chính là một, tức là "tam" đã mất. Đấy chính là "song mẫn" (cả hai đều cùng mất). Lại nữa, một tức là ba, tức là "tam" tồn tại. Ba chính là một, tức là "nhất" tồn tại. Đấy là "song tồn" (cả hai cùng tồn tại). Khi tồn tại chính là mất, khi mất chính là tồn tại, chẳng mất, chẳng tồn tại, chẳng thể nghĩ bàn).

(Sớ) Hựu sơ cú ngôn Chiếu, tức Bát Nhã đức. Nhị cú ngôn Tịch, tức Giải Thoát đức. Tam tứ cú ngôn Tịch Chiếu bất nhị, tức Pháp Thân đức. Ngũ cú tổng tán, mạt cú kết quy, lệ thượng khả tri.

(Diễn) Hựu, "sơ cú ngôn Chiếu" hạ, phối Tam Đức. Trí huệ quang minh biến chiếu pháp giới, danh vi Bát Nhã. Ly nhất thiết nhiễm, đắc đại tự tại, danh vi Giải Thoát. Tâm thể ly niệm, pháp giới nhất tướng, danh vi Pháp Thân. Thị tam chủng giai cụ Thường Lạc Ngã Tịnh tứ đức, cố giai vân đức. Nhiên hữu quả thượng tu thành tam đức, nhân trung tánh cụ tam đức; kim chỉ nhân trung tánh cụ nhi ngôn dã.

(疏)又初句言照，即般若德。二句言寂，即解脫德。三四句言寂照不二，即法身德。五句總讚，末句結歸，例上可知。

(演)又初句言照下配三德，智慧光明遍照法界名為般若。離一切染得大自在名為解脫。心體離念法界一相名為法身。是三種皆具常樂我淨四德，故皆云德。然有果上修成三德，因中性具三德，今指因中性具而言也。

*(**Sớ**: Lại nữa, câu đầu tiên nói về Chiếu, tức là Bát Nhã đức. Câu thứ hai nói tới Tịch, tức là Giải Thoát đức. Câu thứ ba và câu thứ tư nói "Tịch Chiếu bất nhị", tức là Pháp Thân đức. Câu thứ năm là khen ngợi chung, câu cuối cùng là kết quy [tự tánh], cứ dựa theo phần trên, sẽ biết được ý nghĩa.*

***Diễn**: Lại nữa, từ "câu đầu tiên nói về Chiếu" trở đi là phối hợp với Tam Đức. Trí huệ quang minh chiếu khắp pháp giới thì gọi là Bát Nhã. Lìa hết thảy nhiễm, được đại tự tại, thì gọi là Giải Thoát. Tâm thể ly niệm, pháp giới nhất tướng, thì gọi là Pháp Thân. Ba loại này đều có đủ bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, nên đều nói là "đức". Nhưng có [hai loại]: Tam đức do tu thành nơi quả, và tánh trọn đủ tam đức trong khi tu nhân, nay [Tam Đức được nhắc đến ở đây] chính là nói về tánh trọn đủ tam đức trong khi tu nhân vậy).*

(Sớ) Hựu dĩ Tứ Pháp Giới hội chi, tắc "thanh, trược, hướng, bối" thị Sự pháp giới. Linh minh trạm tịch thị Lý pháp giới. Linh minh trạm tịch, nhi bất biến tùy duyên, thanh, trược, hướng, bối nhi tùy duyên bất biến, thị Lý Sự vô ngại pháp giới. Bất khả tư nghị thị Sự Sự vô ngại pháp giới. Dĩ thử kinh phần nhiếp ư Viên, diệc đắc thiểu phần Sự Sự vô ngại cố. Mạt ngôn tự tánh, diệc thị kết thuộc Tứ Pháp Giới quy nhất tâm dã.

(Diễn) Hựu dĩ Tứ Pháp Giới hạ, phối Tứ Pháp Giới. Pháp giả, quỹ tắc dã. Giới hữu "tánh, phân" nhị nghĩa. Sự pháp giới, Giới tự thị phân nghĩa. Dĩ chúng sanh sắc, tâm đẳng pháp, nhất nhất sai biệt, các hữu phân tễ cố. Lý pháp giới, Giới tự thị Tánh nghĩa. Dĩ chúng sanh sắc, tâm đẳng pháp, tuy hữu sai biệt, đồng nhất thể tánh cố. Sự Lý vô ngại pháp giới giả, Lý do Sự hiển, Sự đắc Lý thành, Lý Sự hỗ dung, tánh phân giao triệt cố. Sự Sự vô ngại pháp giới giả, nhất thiết phân tễ, sự pháp xứng tánh dung thông, nhất đa tương tức, đại tiểu hỗ dung, trùng trùng vô tận cố. Bất khả tư nghị, phối Sự Sự vô ngại giả, dĩ tiền tam pháp giới, đồng giáo Nhất Thừa, do khả tư nghị. Hậu nhất duy Hoa Nghiêm Biệt giáo Nhất Thừa, bất khả tư nghị dã. Phần nhiếp ư Viên giả, hoặc viết: "Sự Sự vô ngại, duy thuộc Hoa Nghiêm, kim kinh hà đắc

hữu thử?" Cố viết: Nhất đại thời giáo, duy Hoa Nghiêm vi Viên. Viên vi năng nhiếp nhất thiết, cố chư kinh vô bất nhiếp quy Hoa Nghiêm. Kim thử kinh hữu thiểu phần Sự Sự vô ngại, cố đắc phần nhiếp ư Viên dã. Nhiên Thông Tự Đại Ý tiên minh tánh giả, nhất thiết pháp môn toàn quy tự tánh. Thiên kinh sở diễn, vô hữu dư nhân. Kim thử niệm Phật vãng sanh, tất tiên minh tự tánh Di Đà vi bổn, nhiên hậu nhất tâm xưng danh, cầu nguyện vãng sanh, tất ư bảo sát tốc chứng Vô Sanh, trực nhập thánh giai, độ sanh diệc quảng. Sở vị: "Tiên ngộ Tỳ Lô pháp giới, hậu tu Phổ Hiền hạnh môn" dã. Thiết sử bất minh tánh thể, võng ý tạo tu, túng đắc vãng sanh, chỉ thành mạt phẩm. Tiên minh tự tánh, ý tại tư hồ.

(疏)又以四法界會之，則清濁向背，是事法界。靈明湛寂，是理法界。靈明湛寂而不變隨緣，清濁向背而隨緣不變，是理事無礙法界。不可思議，是事事無礙法界。以此經分攝於圓，亦得少分事事無礙故。末言自性，亦是結屬四法界歸一心也。

(演)又以四法界下，配四法界。法者，軌則也。界有性分二義。事法界界字是分義。以眾生色心等法，一一差別各有分劑故。理法界界字是性義。以眾生色心等法，雖有差別同一體性故。事理無礙法界者，理由事顯，事得理成，理事互融，性分交徹故。事事無礙法界者，一切分齊事法稱性融通，一多相即，大小互融，重重無盡故。不可思議，配事事無礙者。以前三法界，同教一乘，猶可思議。後一唯華嚴別教一乘，不可思議也。分攝於圓者，或曰：事事無礙，唯屬華嚴，今經何得有此？故曰：一代時教。唯華嚴為圓。圓為能攝一切，故諸經無不攝歸華嚴。今此經有少分事事無礙，故得分攝於圓也。然通序大意先明性者，一切法門全歸自性。千經所演無有餘因。今此念佛往生，必先明自性彌陀為本，然後一心稱名求願往生，必於寶剎速證無生，直入聖階度生亦廣。所謂先悟毘盧法界，後修普賢行門也。設使不明性體，罔意造脩，縱得往生，祇成末品。先明自性意在斯乎。

*(**Sớ**: Lại nữa, đem phối hợp với Tứ Pháp Giới thì "thanh, trược, hướng về, trái nghịch" là Sự pháp giới. "Linh minh trạm tịch" là Lý pháp giới. Linh minh trạm tịch nhưng bất biến, tùy duyên, "thanh, trược, hướng về, trái nghịch" tùy duyên nhưng bất biến là Lý Sự vô ngại pháp giới. "Chẳng thể nghĩ bàn" là Sự Sự vô ngại pháp giới. Do kinh này có vài phần thuộc về Viên Giáo, nên cũng có được chút phần Sự Sự vô ngại. Cuối cùng nói tới tự tánh thì cũng là gom bốn pháp giới về nhất tâm.*

***Diễn**: Từ câu "lại nữa, đem Tứ Pháp Giới" trở đi là phối hợp [đoạn văn Minh Tánh trong lời tựa] với Tứ Pháp Giới. Pháp là quỹ tắc. "Giới" có hai nghĩa là Tánh và Phân (chia ra). Trong từ ngữ "Sự pháp giới", chữ Giới có nghĩa là Phân; do các pháp như sắc, tâm v.v... của chúng sanh, mỗi một pháp sai khác, phân chia rạch ròi. Chữ Giới trong "Lý pháp giới" có nghĩa là Tánh; do các pháp như sắc, tâm v.v... của chúng sanh tuy có sai biệt, nhưng có cùng một thể tánh. "Sự Lý vô ngại pháp giới": Lý do Sự hiển, Sự do Lý mà được thành. Lý và Sự dung nhập lẫn nhau, "tánh" và "phân" hòa nhập lẫn nhau. Sự Sự vô ngại pháp giới là hết thảy phân chia rạch ròi, sự và pháp xứng tánh dung thông, một chính là nhiều, nhiều chính là một, lớn và nhỏ dung nhập lẫn nhau, tầng tầng vô tận.*

Đem bất khả tư nghị phối hợp với Sự Sự vô ngại thì do ba pháp giới trước (tức Lý pháp giới, Sự pháp giới, và Lý Sự vô ngại pháp giới) là pháp phổ cập trong Nhất Thừa, vẫn còn có thể nghĩ bàn được; chỉ có pháp giới sau cùng (Sự Sự vô ngại pháp giới) là Biệt giáo Nhất Thừa trong Hoa Nghiêm chẳng thể nghĩ bàn. "Một phần thuộc về Viên Giáo": Nếu nói "Sự Sự vô ngại chỉ kinh Hoa Nghiêm mới có, kinh này làm sao có được điều ấy?" Cho nên nói: Giáo pháp do đức Phật đã nói trong cả một đời Ngài, chỉ riêng kinh Hoa Nghiêm là Viên. "Viên" là có thể gồm thâu hết thảy; vì thế, các kinh khác, không kinh nào chẳng được thâu nhiếp vào kinh Hoa Nghiêm. Nay kinh này có chút phần Sự Sự vô ngại; do vậy, được xếp vào loại viên mãn một phần.

Nhưng phần Thông Tự Đại Ý trước hết giảng rõ về Tánh là vì hết thảy các pháp môn hoàn toàn quy vào tự tánh; ngàn kinh được diễn giảng chẳng do nguyên nhân nào khác! Nay pháp Niệm Phật vãng sanh này, ắt trước hết phải chỉ rõ "lấy tự tánh Di Đà làm gốc" rồi mới nhất tâm xưng danh, cầu nguyện vãng sanh, ắt sẽ ở trong cõi báu mau chứng Vô Sanh, lên thẳng bậc thánh, hóa độ chúng sanh cũng rộng. Đấy gọi là: "Trước hết ngộ pháp giới Tỳ Lô, sau đó tu hạnh môn Phổ Hiền". Nếu chẳng hiểu

tánh thể, cứ tu bừa đi, dẫu có được vãng sanh thì chỉ đạt được phẩm cuối cùng. [Sách Sớ Sao] trước hết giảng rõ tự tánh là do ý này).

Nhị, tán kinh (nhị): Sơ, tổng tán. Nhị, biệt tán.

Sơ, tổng tán.

(Tự) Trừng trược nhi thanh, phản bối nhi hướng, việt tam kỳ ư nhất niệm, tề chư thánh ư phiến ngôn, chí tai diệu dụng, diệc bất khả đắc nhi tư nghị giả. Kỳ duy Phật Thuyết A Di Đà Kinh dư?

(Diễn) "Trừng trược" nhị cú, tiên tự công phu. "Tam kỳ" nhị cú, thứ tán siêu thắng. "Trừng trược nhi thanh" giả, dĩ Phật danh hiệu đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất tịnh; như thủy thanh châu đầu ư trược thủy, trược thủy bất đắc bất thanh dã. "Phản bối nhi hướng" giả, nhất hướng lưu lạc tha hương, bất tư cố quốc; kim tắc hồi thần bảo sát, tương cận Từ Tôn dã. Nhất niệm thị Trí, phiến ngôn thị cảnh. "Việt tăng-kỳ" vị Trí siêu thắng. "Tề chư thánh" thị cảnh diệu viên. Tăng-kỳ giả, vô số kiếp dã. Vấn: Tam kỳ hành mãn, tức tọa đạo tràng, thành Chánh Giác. Kim niệm Phật giả, túng đắc vãng sanh, thượng vị đắc Phật, hà nãi tiện việt tam kỳ da? Đáp: Kim tam kỳ thị ước Tín Giải, dĩ tam-muội công thành chi nhân, tuy công hạnh vị mãn, nhi Pháp Thân dĩ minh, tam kỳ cực quả dĩ giải liễu cố, diệc khả ngôn siêu dã. Thử ước Giải ngôn, bất luận công hạnh. Hựu, việt tăng-kỳ thị thật ngữ, bất tất đản ước giải thuyết. Dĩ tam kỳ hạnh mãn, phương đắc thành Phật, thử thị Tạng Giáo Quả Đầu Phật. Kim kinh thị Viên Đốn giáo, đản đắc thượng sanh, tức đăng Sơ Địa, nhi Quả Đầu Phật thượng dữ Viên Giáo Thất Tín tề, khởi bất thị việt tăng-kỳ ư nhất niệm? Diệu dụng hữu nhị: Tại Như Lai thuyết kinh, thị lợi sanh chi diệu dụng. Dĩ tứ tự biến dẫn chúng sanh xuất ư khổ hải, khởi phi chí diệu? Tại chúng sanh trì danh, thị tự lợi chi diệu dụng. Dĩ tứ tự trực sử sơ tâm đăng hồ Trí Địa, hựu khởi phi chí diệu?

二、讚經(二)：初、總讚。二、別讚。

初、總讚。

(序)澄濁而清，返背而向 ，越三祇於一念 ，齊諸聖於片言，至哉妙用，亦不可得而思議者，其惟佛說阿彌陀經歟？

(演)澄濁二句，先敘功夫。三祇二句，次讚超勝。澄濁而清者，以佛名號投于亂心，亂心不得不淨，如水清珠

投于濁水，濁水不得不清也。返背而向者，一向流落他鄉，不思故國，今則迴神寶剎將覲慈尊也。一念是智。片言是境。越僧祇謂智超勝。齊諸聖是境妙圓。僧祇者，無數劫也。問：三祇行滿，即坐道場成正覺。今念佛者，縱得往生尚未得佛，何乃便越三祇耶？答：今三祇是約信解。以三昧功成之人，雖功行未滿，而法身已明，三祇極果已解了故，亦可言超也。此約解言，不論功行。又越僧祇是實語。不必但約解說。以三祇行滿，方得成佛，此是藏教果頭佛。今經是圓頓教。但得上生即登初地。而果頭佛上與圓教七信齊。豈不是越僧祇於一念？妙用有二。在如來說經，是利生之妙用。以四字遍引眾生出於苦海，豈非至妙？在眾生持名，是自利之妙用。以四字直使初心登乎智地，又豈非至妙？

(Hai, tán thán kinh (gồm hai phần): Một là tán thán chung, hai là tán thán riêng biệt. Trước hết là tán thán chung.

***Tựa**: Lắng đục thành trong, bỏ trái nghịch để hướng về, vượt ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm, ngang với chư thánh bởi một lời, diệu dụng đến tột bậc cũng chẳng thể nghĩ bàn được, chỉ có mình Phật Thuyết A Di Đà Kinh đó chăng?*

***Diễn**: Hai câu "lắng đục" trước hết giảng về công phu. Hai câu "tam kỳ" là kế đó bèn ca ngợi sự siêu việt thù thắng [của kinh A Di Đà]. "Lắng đục thành trong": Dùng danh hiệu Phật gieo vào loạn tâm, loạn tâm chẳng thể không tịnh, như thủy thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong. "Phản bối nhi hướng" (bỏ trái nghịch để hướng về): Một mực lưu lạc quê người, chẳng nghĩ tới nước cũ. Nay hướng lòng về cõi báu, thân cận đấng Từ Tôn. Một niệm là Trí. Một lời là cảnh. "Vượt A-tăng-kỳ kiếp" ý nói Trí siêu việt thù thắng. "Ngang với chư thánh" là cảnh mầu nhiệm, viên mãn. Tăng-kỳ là vô số kiếp.*

Hỏi: Tu hành trọn ba A-tăng-kỳ kiếp liền ngồi nơi đạo tràng, thành Chánh Giác. Nay người niệm Phật dù đã được vãng sanh, vẫn chưa thành Phật, sao lại có thể vượt trội hơn ba A-tăng-kỳ kiếp cho được? Đáp: Ba A-tăng-kỳ ở đây là nói theo phương diện Tín và Giải. Bởi lẽ, người đã thành tựu tam-muội, tuy công hạnh chưa viên mãn, nhưng đã hiểu rõ Pháp Thân, đã hiểu rõ cực quả sau ba A-tăng-kỳ kiếp, nên cũng có thể nói là

"vượt thoát". Đây là dựa trên phương diện Giải để nói, chứ không bàn về mặt công hạnh.

Lại nữa, vượt thoát A-tăng-kỳ kiếp là nói sự thật, không cần phải nói là ["vượt ba A-tăng-kỳ kiếp"] chỉ được hiểu theo phương diện Giải. Bởi lẽ, tu hành trọn đủ ba A-tăng-kỳ kiếp mới được thành Phật chính là quả vị Phật trong Tạng Giáo. Kinh này thuộc Viên Đốn giáo, chỉ cần được thượng phẩm vãng sanh, liền chứng Sơ Địa; nhưng địa vị Phật trong Tạng Giáo bằng với địa vị Thất Tín trong Viên Giáo, há chẳng phải là vượt trội hơn ba A-tăng-kỳ kiếp trong một niệm ư?

Diệu dụng gồm có hai thứ. Xét theo phía Như Lai nói kinh thì là diệu dụng lợi lạc chúng sanh. Dùng bốn chữ dẫn khắp chúng sanh thoát khỏi biển khổ, há chẳng phải là mầu nhiệm đến tột bậc ư? Chúng sanh trì danh là diệu dụng tự lợi, do bốn chữ mà trực tiếp khiến cho hàng sơ tâm vượt lên Trí Địa, há lại chẳng phải là mầu nhiệm đến tột cùng ư?)

(Sớ) Thượng ngôn linh minh trạm tịch chi Thể, bổn vô thanh, trược, hướng, bối, tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm. Kim vị ước Sanh Diệt môn, dĩ bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm, tắc vô minh sở phú, thất bổn lưu mạt, hỗn loạn chân thể, cố danh viết Trược.

(Diễn) Tất cánh bình đẳng giả, Luận vân: "Nhất thiết chư pháp, tùng bổn dĩ lai, ly chư danh tướng, tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm". Kim Tịch Chiếu chi Thể, vô hữu thanh, trược, hướng, bối, chánh thị đẳng đồng nhất vị, duy nhất Chân Như. Cố vân "tất cánh bình đẳng, duy thị nhất tâm" dã. Ước Sanh Diệt Môn giả, thượng Minh Tánh nhất khoa, thị ước Chân Như Môn thuyết. Kim tán kinh, thị ước Sanh Diệt Môn thuyết dã. Luận vân: "Y nhất tâm pháp, hữu nhị chủng môn, nhất giả Tâm Chân Như Môn, nhị giả Tâm Sanh Diệt Môn". Tâm Chân Như giả, tức thị nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn Thể. Tâm Sanh Diệt Môn, y Như Lai tạng cố, hữu sanh diệt tâm. Sở vị bất sanh bất diệt, dữ sanh diệt hòa hợp, phi nhất, phi dị, danh vi A Lê Da Thức vân vân. Thử tức Sanh Diệt Môn dã. Dĩ bất như thật tri, bất giác hữu kỳ niệm giả. Luận vân: "A Lê Da thức hữu nhị chủng nghĩa: Nhất giả giác nghĩa, nhị giả bất giác nghĩa". Sở ngôn giác nghĩa giả, vị tâm thể ly niệm, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân. Sở ngôn bất giác nghĩa giả, vị bất như thật tri Chân Như pháp nhất cố, bất giác tâm khởi nhi hữu kỳ niệm. Kim thích "bất tri Chân Như pháp nhất", vị bất liễu như lý nhất vị dã. Đắc kiến tâm tánh, tâm tức thường trụ, danh "như thật

tri". Tức thử bất tri, tức thị căn bản vô minh. Tâm khởi hữu niệm, tức thị nghiệp tướng. Luận vân: "Y bất giác cố, tâm động, thuyết danh vi nghiệp dã". Nhiên thử tuy động niệm nhi cực vi tế, duyên khởi nhất tướng, Năng Sở bất phân, tức đương Lê Da Tự Thể Phần dã. Vô minh sở phú, thất bổn lưu mạt giả, vô minh, tức căn bản vô minh, tức bất như thật tri dã. Phú, vị phú cái chân tánh. Bổn tức chân tánh, Mạt vị tam tế, lục thô, ký thất bổn tự lưu mạt. Hồn loạn chân thể giả, như Lăng Nghiêm vân: "Thí như thanh thủy, thanh khiết bổn nhiên. Hữu chư thế nhân, thủ bỉ thổ trần, đầu ư thanh thủy. Thủy vong thanh khiết, dung mạo mịch nhiên", danh chi viết Trược.

(疏)上言靈明湛寂之體，本無清濁向背，畢竟平等，唯是一心。今謂約生滅門，以不如實知真如法一故，不覺心起而有其念，則無明所覆，失本流末，渾亂真體，故名曰濁。

(演)畢竟平等者。論云：一切諸法，從本以來離諸名相，畢竟平等，唯是一心。今寂照之體，無有清濁向背，正是等同一味，唯一真如，故云畢竟平等，唯是一心也。約生滅門者。上明性一科，是約真如門說。今讚經，是約生滅門說也。論云：依一心法有二種門。一者心真如門，二者心生滅門。心真如者，即是一法界大總相法門體。心生滅者。依如來藏故有生滅心，所謂不生不滅與生滅和合，非一非異，名為阿黎耶識云云。此即生滅門也。以不如實知。不覺有其念者。論云：阿黎耶識有二種義，一者覺義，二者不覺義。所言覺義者，謂心體離念。即是如來平等法身。所言不覺義者，謂不如實知真如法一故，不覺心起而有其念。今釋不知真如法一。謂不了如理一味也。得見心性，心即常住，名如實知。即此不知，即是根本無明。心起有念，即是業相。論云：依不覺故，心動說名為業也。然此雖動念而極微細，緣起一相能所不分，即當黎耶自體分也。無明所覆，失本流末者。無明，即根本無明，即不如實知也。覆，謂覆蓋真性。本即真性，末謂三細六粗，

既失本自流末。渾亂真體者。如楞嚴云：譬如清水。清潔本然。有諸世人。取彼土塵。投於清水。水亡清潔。容貌汩然。名之曰濁。

*(**Sớ**: Trong phần trước đã nói tới cái Thể linh minh trạm tịch, vốn chẳng có "trong, đục, hướng về, trái nghịch", rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm. Nay ước theo Sanh Diệt môn thì do chẳng như thật biết "trong Chân Như, các pháp là một", tâm bất giác dấy lên ý niệm, liền bị vô minh che lấp, đánh mất gốc, chạy theo ngọn, hỗn loạn chân thể, nên gọi là Trược.*

***Diễn**: "Rốt ráo bình đẳng": Luận chép: "Hết thảy các pháp, xét từ gốc thì chúng lìa khỏi các danh tướng, rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm". Nay cái Thể vừa Tịch vừa Chiếu, chẳng có "trong, đục, hướng về, trái nghịch", đúng là bình đẳng, có cùng một vị, là Chân Như duy nhất. Vì thế nói: "Rốt ráo bình đẳng, chỉ là nhất tâm".*

Ước theo Sanh Diệt Môn thì khoa mục Minh Tánh (giảng rõ Tánh) trong phần trước đã dựa theo Chân Như Môn để nói. Nay phần khen ngợi kinh này bèn ước theo Sanh Diệt Môn để nói. Khởi Tín Luận chép: "Pháp được kiến lập dựa trên nhất tâm thì có hai môn: Một là tâm Chân Như Môn, hai là tâm Sanh Diệt Môn". Tâm Chân Như chính là cái Thể của pháp môn đại tổng tướng Nhất Chân pháp giới. Tâm sanh diệt là nương vào Như Lai Tạng nên có tâm sanh diệt, nghĩa là: Bất sanh bất diệt và sanh diệt hòa hợp, chẳng phải một, chẳng phải khác, cho nên gọi là A Lê Da Thức v.v... Đây chính là môn Sanh Diệt vậy.

"Do chẳng biết đúng như thật, bất giác có ý niệm": Khởi Tín Luận viết: "A Lê Da thức có hai nghĩa: Một là nghĩa giác, hai là nghĩa bất giác". Nói theo nghĩa Giác thì tâm thể ly niệm chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai. Nói tới nghĩa "bất giác" thì chính là vì chẳng biết đúng như thật "trong Chân Như, các pháp là một", cho nên tâm bất giác khởi lên, bèn có ý niệm. Nay giải thích ý nghĩa "trong Chân Như, các pháp là một" thì là: Chẳng hiểu rõ [các pháp] đúng như lý, có cùng một vị. Thấy được tâm tánh thì tâm chính là thường trụ, đó gọi là "biết đúng như thật". Nếu chẳng biết điều này, sẽ là căn bản vô minh. Tâm khởi lên, có ý niệm, chính là tướng trạng của nghiệp. Khởi Tín Luận viết: "Do nương theo bất giác nên tâm động, bèn gọi là nghiệp". Ý niệm ấy tuy động nhưng vi tế tột bậc, duyên khởi một tướng, Năng và Sở chẳng phân, đấy chính là Tự Thể Phần của A Lê Da thức.

"Vô minh che lấp, đánh mất gốc, chạy theo ngọn": Vô minh là căn bản vô minh, tức là chẳng biết đúng như thật. "Phú" là che lấp chân tánh. Bổn (gốc) là chân tánh; Mạt (ngọn) là tam tế, lục thô. Đã mất gốc liền tự chạy theo ngọn. "Hỗn loạn chân thể" là như kinh Lăng Nghiêm nói: "Ví như nước trong vốn sẵn thanh khiết. Có những người đời lấy đất, bụi ném vào nước trong, nước mất thanh khiết, mất đi dáng vẻ [sẵn có], nên gọi là Trược").

(Sớ) Như trừng nê sa, phục sử tịnh khiết, tư chi vị thanh, tức chỉ chuyển Ngũ Trược nhi thành Thanh Thái dã.

(Diễn) Phục sử tịnh khiết giả, Lăng Nghiêm vân: "Như trừng trược thủy, trữ ư tịnh khí, tĩnh thâm bất động. Sa thổ tự trầm, thanh thủy hiện tiền, danh vi sơ phục khách trần phiền não". Khử nê thuần thủy, danh vi vĩnh đoạn căn bản vô minh.

(疏)如澄泥沙，復使淨潔，斯之謂清，即指轉五濁而成清泰也。

(演)復使淨潔者。楞嚴云：如澄濁水，貯於淨器，靜深不動。沙土自沉。清水現前，名為初伏客塵煩惱。去泥純水，名為永斷根本無明。

*(**Sớ**: Như lắng bùn cát, khiến cho [nước] trong sạch trở lại, đó gọi là Thanh, tức là chuyển Ngũ Trược thành cõi Thanh Thái.*

***Diễn**: "Khiến cho trong sạch trở lại": Kinh Lăng Nghiêm chép: "Như lắng trong nước đục, đựng trong đồ chứa sạch, lặng lẽ, sâu thẳm, bất động. Cát, đất tự chìm, nước trong hiện tiền thì gọi là vừa mới chế phục khách trần phiền não". Khử bùn, [còn lại] thuần là nước thì gọi là vĩnh viễn đoạn dứt căn bản vô minh).*

(Sớ) Vô minh sở dẫn, khí giác trục trần, vi viễn chân thể, cố danh viết Bối.

(Diễn) Vô minh sở dẫn đẳng, thử vô minh, diệc tức căn bản vô minh. Giác tức Bổn Giác. Trần tức tam tế, lục thô. Do vô minh sanh nghiệp tướng, nãi chí tạo nghiệp thọ báo, thị tiệm viễn Chân Như chi giác, tùy trục cảnh giới chi trần. Như cùng tử xả phụ đào thệ, cố danh viết Bối.

(疏)無明所引，棄覺逐塵，違遠真體，故名曰背。

(演)無明所引等，此無明，亦即根本無明。覺即本覺，塵即三細六粗。由無明生業相，乃至造業受報，是漸遠真如之覺，隨逐境界之塵。如窮子捨父逃逝，故名曰背。

*(**Sớ**: Do vô minh dẫn dắt, bỏ giác, đuổi theo trần, trái nghịch, xa lìa chân thể, nên gọi là Bối.*

***Diễn**: "Vô minh dẫn dắt": Vô minh ở đây cũng chính là căn bản vô minh. Giác chính là Bổn Giác. Trần là ba tế tướng, sáu thô tướng. Do vô minh sanh nghiệp tướng, cho đến tạo nghiệp, lãnh chịu quả báo, dần dần xa cách sự giác ngộ nơi Chân Như, chạy theo lục trần trong cảnh giới, như đứa con nghèo túng bỏ cha trốn đi, nên gọi là Bối).*

(Sớ) Phản kỳ khứ lộ, phục sử quy hoàn, tư chi vị Hướng. Tức chỉ bối Sa Bà nhi hướng Cực Lạc dã.

(Diễn) Phản kỳ khứ lộ giả, vị bất tu biệt tầm quy lộ, tức tựu lộ hoàn gia, tiện đắc phản thân kiến phụ. Tiên phá chấp thủ kế danh, không kỳ Nhân Chấp. Thứ phá Tương Tục, Trí Tướng, đãng kỳ Pháp Chấp. Thứ phá tam tế Lại Da, quy ư giác thể. Tư chi vị Hướng dã.

(疏)返其去路，復使歸還，斯之謂向。即指背娑婆而向極樂也。

(演)返其去路者，謂不須別尋歸路，即就路還家，便得返身見父。先破執取計名，空其人執。次破相續智相，蕩其法執。次破三細賴耶，歸於覺體。斯之謂向也。

*(**Sớ**: Quay ngược lại con đường đã đi, khiến cho trở về, đấy gọi là Hướng. Tức là nói "trái nghịch Sa Bà để hướng về Cực Lạc" vậy.*

***Diễn**: "Quay ngược lại con đường đã đi" ý nói: Chẳng cần phải tìm con đường nào khác, cứ theo đường ấy mà trở lại nhà, sẽ được xoay mình gặp cha. Trước hết là phá chấp trước nắm giữ so đo danh tự, khiến cho Nhân Chấp rỗng không.*

Kế đó là phá Tương Tục Tướng và Trí Tướng, quét sạch Pháp Chấp. Kế đó là phá ba tế tướng trong A Lại Da thức, trở về giác thể. Đó gọi là Hướng).

(Sớ) Nhiên thử thả tựu chúng sanh nhất kỳ tùng mê đắc ngộ nhi ngôn, tự hữu trừng chi, phản chi chi tích, nhi ư tự tánh, thật vô đắc thất, diệc vô tăng tổn. Thị cố, thời trược, thời thanh, thủy phi dịch tánh, hốt

bối, hốt hướng, nhân vô nhị thân. Sở vị tu chứng tức bất vô, ô nhiễm tức bất đắc dã.

(Diễn) "Tu chứng tức bất vô" giả, Nam Nhạc Nhượng thiền sư tham Lục Tổ. Tổ vấn: "Thậm xứ lai?" Nhượng vân: "Tung Sơn". Tổ vân: "Nhẫm ma vật? Nhẫm ma lai?" Nhượng vân: "Thuyết tự nhất vật, tức bất trúng". Tổ vân: "Hoàn giả tu chứng phủ?" Vân: "Tu chứng tức bất vô, nhiễm ô tức bất đắc". Kim vị thả tựu chúng sanh nhất kỳ tu chứng, tự hữu trừng phản chi tích, tu chứng tức bất vô dã. Nhi ư tự tánh thật vô đắc thất, tăng tổn, nhiễm ô tức bất đắc dã.

(疏)然此且就眾生一期從迷得悟而言，似有澄之返之之跡，而於自性，實無得失，亦無增損。是故時濁時清，水非易性；忽背忽向，人無二身。所謂修證即不無，污染即不得也。

(演)修證即不無者，南岳讓禪師參六祖。祖問：甚處來？讓云：嵩山。祖云：恁麼物？恁麼來？讓云：說似一物即不中。祖云：還假修證否？云：修證即不無，染污即不得。今謂且就眾生一期修證，似有澄返之跡，修證即不無也。而於自性實無得失增損，染污即不得也。

*(**Sớ**: Đây là dựa theo thời hạn chúng sanh từ mê được ngộ để nói, nên dường như có những hình tướng, dấu vết "lắng trong, quay trở lại", chứ trong tự tánh, thật sự chẳng có được, mất, cũng không có tăng hay tổn. Vì thế, có lúc đục, có lúc trong, tánh nước chẳng đổi; chợt hướng về, chợt trái nghịch, nhưng người chẳng có hai thân. Đó gọi là "tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì chẳng đắc".*

***Diễn**: "Tu chứng thì chẳng không": Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng tham yết Lục Tổ. Tổ hỏi: "Từ đâu đến?" Ngài Hoài Nhượng thưa: "Tung Sơn". Tổ nói: "Vật gì thế? Đến như thế nào?" Hoài Nhượng thưa: "Nếu nói là dường như có một vật, sẽ chẳng trúng". Tổ nói: "Vẫn còn phải nhờ vào tu chứng ư?" Thưa: "Tu chứng thì chẳng không, nhiễm ô thì chẳng được".*

Nay nói: Nếu dựa theo sự tu chứng của chúng sanh trong một thời hạn thì dường như có dấu vết "lắng trong, quay lại", tức là "tu chứng sẽ chẳng không" vậy. Nhưng trong tự tánh không có được mất, tăng tổn, chính là "nhiễm ô sẽ chẳng được").

(Sớ) Tam kỳ giả, tam A-tăng-kỳ kiếp dã. Tăng-kỳ giải kiến hậu văn. Ngôn tam giả, dĩ Thích Ca thành đạo, tùng cổ Thích Ca chí Thi Khí, lịch thất vạn ngũ thiên Phật. Tùng Thi Khí chí Nhiên Đăng, lịch thất vạn lục thiên Phật. Tùng Nhiên Đăng chí Tỳ Bà Thi, lịch thất vạn thất thiên Phật, vân "tam kỳ" dã. Bị kinh đa kiếp, viễn chi hựu viễn. Nhi kim bất việt nhất niệm, tật siêu sanh tử. Nhất niệm giả, tức năng niệm A Di Đà Phật chi nhất niệm dã. Chư thánh giả, Phật cập Bồ Tát dã. Tự phàm vọng thánh, cách chi hựu cách. Nhi kim bất xuất phiến ngôn, trực đăng Bất Thoái.

(Diễn) Bất Thoái hữu tứ. Dĩ vị đoạn phiền não, sanh Đồng Cư độ, vi Nguyện Bất Thoái. Phá Kiến Tư, sanh Phương Tiện độ, vi Hạnh Bất Thoái. Phá trần sa, phần phá vô minh, sanh Thật Báo độ, vi Trí Bất Thoái. Phá Tam Hoặc tận, sanh Tịch Quang độ, vi Vị Bất Thoái, tắc Bất Thoái danh đồng, nhi thiển thâm tự biệt.

(疏)三祇者，三阿僧祇劫也。僧祇解見後文。言三者。以釋迦成道，從古釋迦至尸棄，歷七萬五千佛。從尸棄至燃燈，歷七萬六千佛。從燃燈至毗婆尸，歷七萬七千佛。云三祇也。備經多劫，遠之又遠。而今不越一念，疾超生死。一念者，即能念阿彌陀佛之一念也。諸聖者，佛及菩薩也。自凡望聖，隔之又隔。而今不出片言，直登不退。

(演)不退有四。以未斷煩惱，生同居土，為願不退。破見思，生方便土，為行不退。破塵沙，分破無明，生實報土，為智不退。破三惑盡，生寂光土，為位不退。則不退名同，而淺深自別。

(***Sớ***: *"Tam kỳ" là ba A-tăng-kỳ kiếp. Chữ Tăng-kỳ sẽ được giải thích trong phần sau. Nói "ba" là vì [tính cho đến] khi Phật Thích Ca thành đạo, từ cổ Phật Thích Ca cho đến Phật Thi Khí, đã trải qua bảy vạn năm ngàn vị Phật. Từ Phật Thi Khí đến Phật Nhiên Đăng, trải qua bảy vạn sáu ngàn vị Phật. Từ Phật Nhiên Đăng cho đến Phật Tỳ Bà Thi, trải qua bảy vạn bảy ngàn vị Phật, nên nói là "ba A-tăng-kỳ". Trải đủ nhiều kiếp, đã xa xôi lại càng xa hơn; nhưng nay chẳng vượt khỏi một niệm, nhanh chóng vượt thoát sanh tử. Nhất niệm chính là một niệm niệm A Di Đà Phật vậy. "Chư thánh" là Phật và Bồ Tát. Từ phàm hướng về thánh thì đã xa cách lại càng cách xa, nhưng nay chẳng rời khỏi một câu mà lên thẳng địa vị Bất Thoái.*

***Diễn**: Bất Thoái có bốn loại: Do chưa đoạn phiền não, sanh vào cõi Đồng Cư là Nguyện Bất Thoái. Phá Kiến Tư phiền não, sanh vào cõi Phương Tiện là Hạnh Bất Thoái. Phá trần sa, phá một phần vô minh, sanh vào cõi Thật Báo là Trí Bất Thoái. Phá sạch Tam Hoặc, sanh vào cõi Tịch Quang là Vị Bất Thoái. Tuy cùng gọi là Bất Thoái, nhưng cạn, sâu khác nhau).*

(Sớ) Phiến ngôn giả, tức sở niệm A Di Đà Phật chi phiến ngôn dã. Chí tai nhị cú, tán từ. Chí, cực dã. Chí cực nhi vô dĩ gia dã. Diệu giả, tức thượng tứ cú tổng minh diệu nghĩa. Dụng giả, lực dụng dã.

(Diễn) Lực dụng lực tự, nội hàm tam nghĩa. Nhất giả, bổn tánh công đức lực. Nhị giả, hành nhân niệm lực. Tam giả, Di Đà nguyện lực. Bổn tánh như châu thuyền. Niệm lực như lỗ trạo. Nguyện lực như thuận phong. Tam lực châu viên, tất đăng bỉ ngạn cố.

(疏)片言者。即所念阿彌陀佛之片言也。至哉二句，讚辭。至，極也。至極而無以加也。妙者，即上四句總明妙義。用者，力用也。

(演)力用力字，內含三義。一者、本性功德力。二者、行人念力。三者、彌陀願力。本性如舟船。念力如櫓棹。願力如順風。三力周圓，必登彼岸故。

*(**Sớ**: "Một lời" chính là một câu niệm A Di Đà Phật. Hai câu "tột bậc thay" là lời khen ngợi. "Chí" là tột bậc. Đạt đến chỗ cùng cực không còn thêm gì được nữa. "Diệu" là bốn câu trong phần trên đã nêu tổng quát ý nghĩa của Diệu. Dụng là lực dụng.*

***Diễn**: Chữ Lực trong "lực dụng" bao gồm ba ý nghĩa: Một là sức công đức của bổn tánh. Hai là niệm lực của hành nhân. Ba là Di Đà nguyện lực. Bổn tánh như thuyền ghe. Niệm lực như mái chèo. Nguyện lực như xuôi gió. Ba lực trọn đủ, ắt lên được bờ kia).*

(Sớ) Phù cấu tâm nan tịnh, hỗn nhược Hoàng Hà. Vọng tưởng nan thâu, dật như bôn mã. Lịch Hằng sa vô số lượng chi kiếp, luân chuyển vị hưu. Công Tam Tạng thập nhị bộ chi văn, giác lộ di viễn. Nhi năng sử trược giả thanh, bối giả hướng, nhất niệm đốn siêu, phiến ngôn tức chứng, lực dụng chi diệu, hà khả tư nghị? Dụng tùng Thể Tướng nhi xuất, cố chỉ ngôn diệu dụng dã. Mạt cú kết quy, ngôn như thị diệu

dụng đương thị hà kinh? Duy Phật Thuyết A Di Đà Kinh, túc dĩ đương chi.

(Diễn) Tam Tạng, vị Kinh, Luật, Luận. Hựu Phật Tạng, Bồ Tát Tạng, Thanh Văn Tạng. Thập nhị bộ, vị Tu Đa La, Trùng Tụng, Thọ Ký, Cô Khởi Tụng, Vô Vấn Tự Thuyết, Nhân Duyên, Thí Dụ, Bổn Sự, Bổn Sanh, Phương Quảng, Vị Tằng Hữu, Luận Nghị. Dụng tùng Thể Tướng nhi xuất giả, Phật chứng bình đẳng Chân Như Hằng sa tánh đức. Nhiên hậu lưu xuất Báo, Hóa chi Dụng, diễn thuyết thử kinh, thị Như Lai chi Dụng, cố tùng Thể Tướng nhi xuất. Kim chúng sanh y kinh niệm Phật, đốn siêu tức chứng, diệc dĩ bổn hữu Chân Như, bổn cụ tánh đức, phương hữu như thị lực dụng. Cố vân: "Tùng Thể Tướng nhi xuất" dã.

(疏)夫垢心難淨，混若黃河，妄想難收，逸如奔馬，歷恆沙無數量之劫，輪轉未休。攻三藏十二部之文，覺路彌遠。而能使濁者清，背者向，一念頓超，片言即證，力用之妙，何可思議？用從體相而出，故止言妙用也。末句結歸，言如是妙用當是何經？惟佛說阿彌陀經，足以當之。

(演)三藏，謂經律論。又佛藏、菩薩藏、聲聞藏。十二部，謂修多羅。重頌。授記。孤起頌。無問自說。因緣，譬喻，本事，本生，方廣，未曾有，論議。用從體相而出者。佛證平等真如恆沙性德。然後流出報化之用演說此經。是如來之用。固從體相而出。今眾生依經念佛。頓超即證。亦以本有真如。本具性德。方有如是力用。故云：從體相而出也。

***(Sớ**: Tâm nhơ khó tịnh, đục như Hoàng Hà. Vọng tưởng khó gom, phóng túng như ngựa chạy cuồng, trải vô số lượng kiếp nhiều như cát sông Hằng, luân chuyển chẳng ngớt. Dốc sức nơi kinh văn trong Tam Tạng mười hai bộ loại, đường giác ngộ xa vời vợi. Nhưng có thể khiến cho đục biến thành trong, trái nghịch trở thành hướng về, nhanh chóng vượt thoát trong một niệm, do một lời liền chứng đắc, làm sao có thể nghĩ bàn lực dụng mầu nhiệm [của kinh A Di Đà] cho được? Dụng do Thể và Tướng mà có, nên chỉ nói đến diệu dụng. Câu cuối là lời quy kết, nói rõ diệu dụng như vậy thuộc về kinh nào? Chỉ có Phật Thuyết A Di Đà Kinh đáng được như vậy.*

***Diễn**: Tam Tạng là Kinh, Luật, Luận. Lại còn có nghĩa là Phật Tạng, Bồ Tát Tạng, và Thanh Văn Tạng. Mười hai bộ, gồm Tu Đa La, Trùng Tụng, Thọ Ký, Cô Khởi Tụng, Vô Vấn Tự Thuyết, Nhân Duyên, Thí Dụ, Bổn Sự, Bổn Sanh, Phương Quảng, Vị Tằng Hữu, Luận Nghị.*

"Dụng do Thể Tướng mà có": Phật chứng Hằng sa tánh đức của Chân Như bình đẳng, rồi mới lưu xuất tác dụng của Báo Thân và Hóa Thân, diễn nói kinh này. Đấy là Dụng của Như Lai vốn do Thể và Tướng mà có. Nay chúng sanh vâng theo kinh mà niệm Phật, đốn siêu, lập tức chứng, cũng là do vốn sẵn có Chân Như, tánh đức vốn sẵn đủ, cho nên mới có lực dụng như vậy. Vì thế nói: "Từ Thể và Tướng mà có").

(Sớ) Hoặc vấn: Tiểu Thừa thả trí, chỉ như chư Đại Thừa kinh, quảng như sơn tích, vân hà diệu dụng thiên tán thử kinh? Đáp: Tu-đa-la trung, tuy cụ hữu thử nghĩa, vị hữu như thử kinh chi minh thả giản giả. Cố phù xứng tánh nhi đàm, chánh trực nhi thuyết, phi bất viên đốn, nhi trừng trược phản bối, phương tiện vị chương. Kỳ dư pháp môn, hoặc hạo bác nhi nan trì, hoặc u thâm nhi võng thố. Kim đản phiến ngôn danh hiệu, tiện nhập nhất tâm; ký đắc vãng sanh, trực chí thành Phật, tức phương tiện nhi thành viên đốn. Thần công thắng lực, bất quy thử kinh, tương thùy quy hồ?

(Diễn) Xứng tánh nhi đàm chỉ Hoa Nghiêm, chánh trực nhi thuyết chỉ Pháp Hoa. Phương tiện vị chương giả, dĩ Hoa Nghiêm duy đàm tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, tương tức, tương nhập, đế võng trùng trùng, lục tướng, thập huyền, tứ chủng pháp giới đẳng. Nhị Thừa hiền thánh, thượng như lung á; Mạt Pháp hạ phàm, khởi năng tu chứng? Cố phương tiện vị chương. Pháp Hoa chánh trực xả phương tiện, đản thuyết vô thượng đạo, khai phương tiện môn, thị chân thật tướng, khai Quyền, hiển Thật, hội tam quy nhất, giai bất minh thị tấn tu phương tiện. Cố diệc phương tiện vị chương. Hạo bác nan trì, như quảng tu vạn hạnh đẳng. U thâm võng thố, như trực ngộ nhất tâm đẳng. Tức phương tiện thành viên đốn giả, xưng bỉ danh hiệu phương tiện pháp dã. Thượng Phẩm Thượng Sanh tức đăng Sơ Địa, khởi phi viên đốn? Vi thông huyền bí quyết, hoán cốt thần đan, như hậu văn sở tán.

(疏)或問。小乘且置。只如諸大乘經，廣如山積，云何妙用偏讚此經？答：脩多羅中。雖具有此義，未有如此經之明且簡者。故夫稱性而談，正直而說，非不圓頓。而澄濁返背，方便未彰。其餘法門，或浩博而難持，或幽深

而罔措。今但片言名號，便入一心，既得往生，直至成佛。即方便而成圓頓。神功勝力，不歸此經，將誰歸乎？

(演)稱性而談指華嚴，正直而說指法華。方便未彰者。以華嚴唯談性海圓融，緣起無礙，相即相入，帝網重重，六相十玄四種法界等。二乘賢聖，尚如聾啞。末法下凡，豈能修證？故方便未彰。法華正直捨方便，但說無上道，開方便門，示真實相，開權顯實，會三歸一，皆不明示進修方便，故亦方便未彰。浩博難持，如廣修萬行等。幽深罔措，如直悟一心等。即方便成圓頓者，稱彼名號方便法也。上品上生即登初地，豈非圓頓？為通玄祕訣，換骨神丹，如後文所贊。

*(**Sớ**: Nếu hỏi: - Hãy để Tiểu Thừa lại đó [chẳng bàn tới], còn như các kinh Đại Thừa rộng lớn chất chồng như núi, sao lại riêng khen ngợi diệu dụng của kinh này? Đáp: Trong các Khế Kinh tuy có đầy đủ nghĩa ấy, nhưng chẳng được rõ ràng và đơn giản như kinh này. Vì thế, đàm luận xứng tánh, giảng nói chánh trực, không gì chẳng viên đốn, nhưng phương tiện "lắng đục, xoay ngược sự trái nghịch" chưa được nêu bày. Những pháp môn khác hoặc mênh mông bát ngát khó trì, hoặc sâu thẳm khó thực hiện. Nay chỉ do một câu danh hiệu, liền nhập nhất tâm; đã được vãng sanh, sẽ tiến mãi cho đến khi thành Phật; tức là pháp phương tiện mà trở thành viên đốn. Công đức thần diệu, lực dụng thù thắng, chẳng quy vào kinh này thì quy vào đâu nữa?*

***Diễn**: "Đàm luận xứng tánh" chỉ kinh Hoa Nghiêm, "giảng nói chánh trực" chỉ kinh Pháp Hoa. "Phương tiện chưa được nêu bày": Do kinh Hoa Nghiêm chỉ bàn về tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, mọi pháp chính là lẫn nhau, dung nhập lẫn nhau, lưới Thiên Đế trùng trùng, sáu tướng, mười huyền môn, bốn thứ pháp giới v.v... Hiền thánh Nhị Thừa [nghe những điều ấy] còn giống như điếc, câm; hàng phàm phu căn cơ bậc hạ đời Mạt Pháp làm sao có thể tu chứng cho được? Vì thế, phương tiện chưa được phô bày. Pháp Hoa thẳng thừng bỏ phương tiện, chỉ nói tới đạo vô thượng, mở cửa phương tiện, nêu bày tướng chân thật, khai Quyền, hiển Thật, gộp tam thừa về nhất thừa, nhưng đều chẳng chỉ bày rõ ràng phương tiện tấn tu, cho nên cũng chưa phô bày phương tiện.*

"Mênh mông bát ngát" như rộng tu vạn hạnh v.v... "Sâu thẳm không thể làm được" là như ngộ thẳng vào nhất tâm chẳng hạn. "Tức là

pháp phương tiện mà trở thành viên đốn": Xưng danh hiệu đức Phật ấy thì chính là pháp phương tiện. Thượng Phẩm Thượng Sanh liền đạt lên bậc Sơ Địa, há chẳng phải là viên đốn ư? Là bí quyết để thông đạt lẽ huyền nhiệm, là thần đan để thay xương, như trong phần kinh văn ở phía sau sẽ khen ngợi).

(Sớ) Hựu tiền thị Tánh Đức, kim thị Tu Đức. Tiền thị tự tánh thanh tịnh, kim thị ly cấu thanh tịnh, nãi chí tánh tịnh chướng tận đẳng, hỗ dung bất nhị như Giáo trung thuyết.

(Diễn) Hựu tiền thị hạ, thị tổng kết lưỡng tiết, Tánh Đức, Tu Đức, xuất Thiên Thai giáo. Tự tánh thanh tịnh, ly cấu thanh tịnh, xuất Khởi Tín Luận. Tánh tịnh chướng tận, xuất Viên Giác Kinh. "Hỗ dung" nhất cú, tổng đảnh thượng tam chủng. "Hỗ dung bất nhị" giả, vị toàn tánh khởi tu, toàn tu tức tánh, tánh ngoại vô tu, tu ngoại vô tánh dã. Hựu cựu vân: "Tánh tịnh, chướng tận, hỗ dung bất nhị" giả, dĩ toàn tánh khởi tu thời, phá toàn tánh chi vô minh, đoạn toàn tánh chi sanh tử, chung nhật bổn thể, chung nhật công phu, tánh tịnh tức chướng tận dã. Dĩ toàn Tu tức Tánh thời, tuy phá vô minh, phá vô sở phá, tuy đoạn sanh tử, đoạn vô sở đoạn. Chung nhật công phu, chung nhật bổn thể, chướng tận tức tánh tịnh dã.

(疏)又前是性德，今是修德。前是自性清淨，今是離垢清淨。乃至性淨障盡等，互融不二，如教中說。

(演)又前是下，是總結兩節。性德、修德，出天台教。自性清淨，離垢清淨，出起信論。性淨障盡，出圓覺經。互融一句，總頂上三種。互融不二者，謂全性起修，全修即性，性外無修，修外無性也。又舊云：性淨障盡，互融不二者。以全性起修時，破全性之無明，斷全性之生死，終日本體，終日工夫，性淨即障盡也。以全修即性時，雖破無明，破無所破。雖斷生死 ，斷無所斷 。終日工夫，終日本體，障盡即性淨也。

*(**Sớ**: Lại nữa, phần trước nói về Tánh Đức, phần này nói về Tu Đức. Phần trước là tự tánh thanh tịnh, phần này là ly cấu thanh tịnh, cho đến tánh thanh tịnh, chướng hết v.v... dung nhập lẫn nhau, chẳng hai, như trong Giáo đã nói.*

Diễn: *Lại nữa, từ chữ "tiền thị" trở đi, tổng kết hai đoạn [Minh Tánh và Tán Kinh, khái niệm] Tánh Đức và Tu Đức phát xuất từ tông Thiên Thai. Hai khái niệm tự tánh thanh tịnh và ly cấu thanh tịnh phát xuất từ Khởi Tín Luận. Câu "tánh tịnh, chướng hết" trích từ kinh Viên Giác. Câu "hỗ dung" (dung nhập lẫn nhau) tổng kết ba thứ trên đây. "Dung nhập lẫn nhau chẳng hai" ý nói: Dùng toàn bộ tánh để bắt đầu tu, toàn thể tu chính là tánh, ngoài tánh không có tu, ngoài tu không có tánh. Lại như cổ đức nói:"Tánh tịnh, chướng tận, dung nhập lẫn nhau bất nhị", do khi toàn tánh khởi tu, sẽ phá vô minh nơi toàn tánh, đoạn sanh tử nơi toàn tánh, suốt ngày là bổn thể, suốt ngày công phu, tánh tịnh thì lập tức chướng sẽ hết. Bởi lẽ, khi toàn thể Tu là Tánh thì tuy phá vô minh bèn phá cái "chẳng có gì để phá", tuy đoạn sanh tử mà đoạn cái "chẳng có gì để đoạn". Suốt ngày công phu, mà suốt ngày bổn thể. Chướng hết, tánh bèn tịnh).*

Nhị, biệt tán (tứ): Sơ, tiên xuất thuyết kinh sở dĩ. Nhị, tổng luận Tịnh Độ công đức. Tam, đặc thị trì danh vi yếu. Tứ, quảng hiển trì danh sở bị.

二、別讚(四)：初、先出說經所以。二、統論淨土功德。三、特示持名為要。四、廣顯持名所被。

(Hai là phần Biệt Tán (gồm bốn phần): Một là nêu nguyên do vì sao đức Phật nói kinh, hai là luận định chung về công đức của Tịnh Độ, ba là đặc biệt chỉ rõ trì danh là trọng yếu, bốn là nói rộng về những căn tánh được tiếp độ bởi pháp trì danh).

(Tự) Cố ngã Thế Tôn, sạ thuyết Tam Thừa, chung quy Nhất Thật, đẳng ban trân tứ, cánh tích thù ân.

(Diễn) Cố ngã Thế Tôn sạ thuyết tam thừa giả, cố tự, thừa thượng diệu dụng lai. Ngã giả, thân chi chi từ. Sạ thuyết tam thừa, chỉ Hoa Nghiêm chi hậu, Pháp Hoa chi tiền, tứ thập niên sở thuyết chi pháp. Chung quy Nhất Thật giả, chỉ Pháp Hoa Kinh. Thử kinh đãng hóa thành chi chấp giáo, giải thảo am chi trệ tình, khai phương tiện chi Quyền môn, thị chân thật chi diệu lý cố. Đẳng ban trân tứ giả, như chư tử xuất trạch, đẳng tứ đại xa. Kỳ xa cao quảng, chúng bảo trang hiệu đẳng. Cánh tích thù ân giả, thù ân ngôn dị thường chi ân. Nhân thượng hữu như thị chí diệu chi dụng, cố ư nhất đại thời giáo trung phục xuất thử kinh dã.

(序)故我世尊，乍說三乘，終歸一實，等頒珍賜，更錫殊恩。

(演)故我世尊乍說三乘者，故字，承上妙用來。我者，親之之辭。乍說三乘，指華嚴之後，法華之前，四十年所說之法。終歸一實者。指法華經，此經蕩化城之執教。解草庵之滯情，開方便之權門，示真實之妙理故。等頒珍賜者，如諸子出宅，等賜大車，其車高廣，眾寶莊校等。更錫殊恩者，殊恩言異常之恩，因上有如是至妙之用，故於一代時教中復出此經也。

*(**Tựa**: Vì thế, đức Thế Tôn ta tạm nói ba thừa, rốt cuộc quy về Nhất Thật, bình đẳng ban cho món quý báu, lại còn ban bố ân đức đặc biệt thù thắng.*

***Diễn**: "Vì thế, đức Thế Tôn ta tạm nói ba thừa": Chữ "vì thế" nhằm tiếp nối ý nghĩa diệu dụng đã được nói trong phần trên. "Ngã" (ta) là từ ngữ diễn tả sự thân thiết. "Tạm nói pháp tam thừa": Chỉ các pháp được nói sau thời Hoa Nghiêm, trước thời Pháp Hoa trong suốt bốn mươi năm.*

"Rốt cuộc quy về Nhất Thật" là nói đến kinh Pháp Hoa. Kinh ấy quét sạch kiến chấp nơi hóa thành (giáo pháp quyền biến), tháo gỡ chấp trước chốn am tranh [của đứa con nghèo túng], mở môn phương tiện quyền biến, chỉ bày diệu lý chân thật. "Bình đẳng ban cho món quý báu" là như các con ra khỏi nhà [đang cháy hừng hực, vị đại phú trưởng giả] bèn bình đẳng ban cho các con những cỗ xe to. Xe ấy cao rộng, được trang hoàng bằng các thứ báu v.v... "Cánh tích thù ân" (ban bố ân đức càng đặc biệt thù thắng): Chữ "thù ân" ý nói ân đức dị thường. Do [pháp môn Niệm Phật] có tác dụng mầu nhiệm đến tột cùng như đã nói trong phần trước, cho nên trong giáo pháp cả một đời đức Phật, lại nói ra kinh này).

(Sớ) Thừa thượng, thử kinh cụ hữu như thị bất khả tư nghị công đức, cố Phật thuyết thử kinh, lương hữu dĩ dã. Sạ giả, tạm dã; tạm thời chi thuyết, phi cứu cánh dã.

(Diễn) Phi cứu cánh giả, tùy nghi chi quyền, phi xuất thế bổn hoài dã. Như kinh vân: "Ngã thử cửu bộ pháp, tùy thuận chúng sanh thuyết, nhập Đại Thừa vi bổn, dĩ cố thuyết thị kinh", thị dã.

(疏)承上，此經具有如是不可思議功德，故佛說此經，良有以也。乍者暫也，暫時之說，非究竟也。

(演)非究竟者，隨宜之權，非出世本懷也。如經云：我此九部法，隨順眾生說，入大乘為本，以故說是經。是也。

*(**Sớ**: Theo như phần trên, kinh này có đủ các công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, cho nên đức Phật nói kinh này chính là vì lý do đó. "Sạ" là tạm, tức nói tạm thời, chẳng phải rốt ráo.*

***Diễn**: :"Chẳng phải là cứu cánh": Quyền biến thuận theo cơ nghi, chẳng phải là bổn hoài xuất thế. Như kinh nói: "Chín bộ pháp này của ta do tùy thuận chúng sanh mà nói, lấy nhập Đại Thừa làm gốc, vì thế nói kinh này" chính là nói về chuyện này vậy).*

(Sớ) Tam thừa giả, thừa bổn vô tam, quyền thuyết hữu tam, vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát dã.

(Diễn) "Thừa bổn vô tam" giả, như kinh vân: "Thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam". Quyền thuyết hữu tam giả, như kinh vân: "Trừ Phật phương tiện thuyết, đản dĩ giả danh tự, dẫn đạo ư chúng sanh".

(疏)三乘者，乘本無三，權說有三，謂聲聞緣覺菩薩也。

(演)乘本無三者，如經云：十方佛土中，唯有一乘法，無二亦無三。權說有三者，如經云：除佛方便說，但以假名字，引導於眾生。

*(**Sớ**: "Tam thừa": Thừa vốn chẳng có ba, nói quyền biến là có ba, tức là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát.*

***Diễn**: "Thừa vốn chẳng có ba" là như kinh nói: "Trong các cõi Phật khắp mười phương, chỉ có pháp Nhất Thừa, không có hai, mà cũng chẳng có ba thừa". "Quyền biến nói có ba" là như kinh dạy: "Ngoại trừ đức Phật do phương tiện mà nói, [những pháp tam thừa] chỉ có giả danh tự nhằm hướng dẫn chúng sanh").*

(Sớ) Chung giả, đối Sạ nhi ngôn. Thật giả, đối Quyền nhi ngôn. Ngôn Thế Tôn thỉ thành Chánh Giác, diễn đại Hoa Nghiêm. Đại giáo nan đầu, tùy chúng sanh căn, thuyết tam thừa pháp, hậu nãi hội Quyền

quy Thật, tất dữ đại xa, cố viết "đẳng ban trân tứ". Thử Như Lai nhất đại thời giáo chi đại trí dã.

(Diễn) Thỉ thành Chánh Giác, diễn đại Hoa Nghiêm giả, vị Như Lai ư Bồ Đề Tràng, thành Đẳng Chánh Giác, dữ tứ thập nhị vị Pháp Thân đại sĩ, cập túc thế thiện căn thành thục thiên long bát bộ đẳng, như vân lung nguyệt, vị thuyết viên mãn Tu-đa-la, Bồ Tát vạn hạnh nhân hoa trang nghiêm, Nhất Thừa quả hải. Đại giáo nan đầu giả, như Văn Thù, Phổ Hiền, chư đại Bồ Tát, các các lãnh giải đắc ích; kỳ thượng đức Thanh Văn, tích hạnh Bồ Tát, như lung, như manh, đỗ thị tuyệt thính. Ư thị, Như Lai thoát Xá Na trân ngự chi phục, trước trượng lục tệ cấu chi y, thoái quy Lộc Uyển, thuyết Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Ba La Mật chi tam thừa quyền pháp. Hậu nãi hội Quyền quy Thật giả, A Hàm chi hậu, phục kinh Phương Đẳng đàn ha, Bát Nhã đào thải, tứ thập niên dư, chí Pháp Hoa hội thượng, phương năng hội quy Nhất Thừa dã. Quyền tức tam, Thật tức nhất. Đại xa, vị đại bạch ngưu xa, tức Đại Thừa diệu pháp dã.

(疏)終者對乍而言，實者對權而言。言世尊始成正覺，演大華嚴，大教難投，隨眾生根，說三乘法，後乃會權歸實，悉與大車 ，故曰等頒珍賜 。此如來一代時教之大致也。

(演)始成正覺演大華嚴者，謂如來於菩提場成等正覺，與四十二位法身大士，及宿世善根成熟天龍八部等，如雲籠月，為說圓滿修多羅，菩薩萬行因華，莊嚴一乘果海。大教難投者。如文殊、普賢、諸大菩薩，各各領解得益。其上德聲聞，積行菩薩，如聾如盲，杜視絕聽。於是如來脫舍那珍御之服，著丈六弊垢之衣，退歸鹿苑。說四諦、十二因緣、六波羅蜜之三乘權法。後乃會權歸實者，阿含之後，復經方等彈呵，般若淘汰，四十年餘，至法華會上，方能會歸一乘也。權即三，實即一。大車，謂大白牛車，即大乘妙法也。

*(**Sớ**: "Chung" là đối với "tạm" mà nói, Thật là đối với Quyền mà nói. Ý nói đức Thế Tôn lúc mới thành Chánh Giác, diễn giảng kinh đại Hoa Nghiêm, nhưng đại giáo khó thể thích hợp mọi căn cơ, cho nên Ngài tùy thuận căn tánh của chúng sanh mà nói pháp ba thừa. Sau đó, thâu tóm các pháp quyền biến về pháp chân thật, đều ban cho cỗ xe to, nên nói là*

"bình đẳng ban cho món quý báu". Đây chính là những nét chánh yếu trong giáo pháp suốt một đời đức Như Lai vậy.

***Diễn**: "Vừa mới thành Chánh Giác, diễn đại Hoa Nghiêm", ý nói: Đức Như Lai thành Đẳng Chánh Giác tại Bồ Đề Đạo Tràng, cùng với các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi hai địa vị và hàng thiên long bát bộ có thiện căn trong đời trước đã chín muồi, giống như mây vờn quanh trăng, diễn nói Khế Kinh viên mãn, nhân hoa vạn hạnh của hàng Bồ Tát trang nghiêm quả hải Nhất Thừa. "Đại giáo khó thể thích hợp mọi căn cơ": Như Văn Thù, Phổ Hiền, các vị đại Bồ Tát ai nấy đều lãnh ngộ, thấu hiểu, được lợi ích. Những vị Thanh Văn đức hạnh cao cả, Quyền Giáo Bồ Tát, như đui, như lòa, chẳng thấy, chẳng nghe gì. Do vậy, đức Như Lai cởi áo Xá Na trân quý, mặc y trượng sáu hèn tệ, nhơ bẩn, lui về Vườn Nai, nói các pháp tam thừa quyền biến như Tứ Đế, mười hai nhân duyên, sáu Ba La Mật... Sau đấy mới gom Quyền về Thật.*

Sau thời A Hàm, lại trải qua thời Phương Đẳng chỉ trích, quở trách [Quyền Tiểu], thời Bát Nhã đào thải [những chấp trước Quyền Tiểu] hơn bốn mươi năm. Đến hội Pháp Hoa mới có thể gom hết về Nhất Thừa. Quyền là ba, Thật là một. "Xe to" là xe ngựa, tức diệu pháp Đại Thừa).

(Sớ) Nhi ư kỳ trung, phục xuất Niệm Phật nhất môn, bất luận đại căn, tiểu căn, đản niệm Phật giả, tức đắc vãng sanh, diệc bất đãi căn thục, phương nãi hội chi quy Thật.

(Diễn) "Bất luận đại căn, tiểu căn" tam cú, đối thượng "thỉ thành Chánh Giác, diễn Đại Hoa Nghiêm" thuyết, vị: Hoa Nghiêm thuần tiếp thượng căn, hạ căn tuyệt phận. Kim tắc thượng tự Bất Thoái Bồ Tát, hạ cập du du phàm phu, tam căn phổ lợi cố. Diệc bất đãi căn thục tứ cú, đối thượng "đại giáo nan đầu" ngũ cú thuyết, vị: Pháp Hoa đãi căn thành thục, phương nãi hội quy; kim tắc bất sĩ đàn ha, vô phiền đào thải, tức đắc Tây quy cố.

(疏)而於其中，復出念佛一門，不論大根小根，但念佛者，即得往生。亦不待根熟，方乃會之歸實。

(演)不論大根小根三句，對上始成正覺，演大華嚴說。謂華嚴純接上根，下根絕分。今則上自不退菩薩，下及悠悠凡夫，三根普利故。亦不待根熟四句。對上大教難投五句說，謂法華待根成熟，方乃會歸。今則不俟彈呵，無煩淘汰，即得西歸故。

*(**Sớ**: Nhưng trong ấy lại nêu ra một môn Niệm Phật, bất luận đại căn hay tiểu căn, chỉ niệm Phật liền được vãng sanh, cũng chẳng cần phải đợi đến khi căn cơ chín muồi mới dung hội về Thật pháp.*

***Diễn**: Ba câu "bất luận đại căn hay tiểu căn..." là nói đối ứng với câu "mới thành Chánh Giác, diễn Đại Hoa Nghiêm" trong phần trên. Ý nói: Hoa Nghiêm thuần tiếp thượng căn, hạ căn trọn chẳng có phần. Nay thì trên từ hàng Bất Thoái Bồ Tát, dưới đến kẻ phàm phu miệt mài [mê muội], [pháp môn Tịnh Độ] lợi lạc trọn khắp ba căn. Bốn câu "cũng chẳng đợi căn cơ chín muồi..." nhằm đối ứng với năm câu "đại giáo khó thích hợp mọi căn cơ..." trong phần trên mà nói, nghĩa là: Pháp Hoa phải đợi căn cơ chín muồi rồi mới dung hội, quy nạp về [Nhất Thật]. Nay pháp môn này chẳng đợi chê bai, quở trách [các pháp Quyền, Tiểu], chẳng nhọc công đào thải, mà liền được về Tây).*

(Sớ) Đản vãng sanh giả, tức đắc Bất Thoái, dụ như bất thứ chi trạc, ấm tự chi quan, ân xuất phi thường, danh "thù ân" dã.

(Diễn) Bất thứ chi trạc giả, ngôn thử độ tu hành, tiệm tiệm đoạn Hoặc, phương xuất sanh tử, như thọ quan giả, tất tuần tư cách, thứ đệ thăng thọ. Kim Niệm Phật pháp môn, bất tất tiệm tiệm đoạn Hoặc, đản đắc vãng sanh tức siêu sanh tử, dụ như bất tuần thứ đệ, đốn thọ cao quan dã. Ấm tự chi quan giả, ngôn thử độ tu hành, công viên hạnh mãn, phương thành thánh quả. Như đắc quan giả, tất Minh Kinh trúng thức, hoặc hãn mã thành công. Kim Niệm Phật pháp môn, bất tất công hạnh viên mãn, trượng Phật nguyện lực, tật đăng bỉ ngạn. Dụ như tổ tông di ấm, hiện ưng tước lộc dã.

(疏)但往生者，即得不退，喻如不次之擢、廕序之官，恩出非常，名殊恩也。

(演)不次之擢者，言此土修行，漸漸斷惑，方出生死，如授官者，必循資格次第升授。今念佛法門，不必漸漸斷惑，但得往生即超生死，喻如不循次第，頓授高官也。廕序之官者，言此土修行，功圓行滿，方成聖果。如得官者，必明經中式。或汗馬成功 。今念佛法門 ，不必功行圓滿。仗佛願力，疾登彼岸。喻如祖宗遺廕，現膺爵祿也。

*(**Sớ**: Chỉ cần được vãng sanh, sẽ liền được Bất Thoái, ví như chẳng theo thứ tự mà được nâng lên [địa vị cao tột], hoặc làm quan do tập ấm. Ân đức ấy vượt trội hơn lẽ thường, nên gọi là ân đức thù thắng vậy.*

***Diễn**: "Chẳng theo thứ tự mà được nâng cao lên" là nói tu hành trong cõi này, phải đoạn Hoặc dần dần thì mới thoát khỏi sanh tử, như được phong làm quan, phải căn cứ trên tư cách mà lần lượt trao cho những chức quan cao hơn. Nay pháp môn Niệm Phật chẳng cần phải dần dần đoạn Hoặc, chỉ cần được vãng sanh, sẽ liền vượt thoát sanh tử. Ví như chẳng theo thứ tự, liền được trao ngay chức quan cao.*

"Được tập ấm làm quan" là nói tu hành trong cõi này, phải công hạnh viên mãn thì mới thành tựu thánh quả được. Như kẻ được làm quan, ắt phải thi đỗ khoa thi Minh Kinh, hoặc dầy công hãn mã (lập nhiều chiến công). Nay pháp môn Niệm Phật không cần phải công hạnh viên mãn; nhờ vào nguyện lực của Phật, mau chóng lên bờ kia. Ví như tổ tông di ấm, nay con cháu được hưởng tước lộc [do tập ấm]).

(Sớ) Hựu thù ân phục hàm nhị nghĩa: Nhất giả, niệm Phật thị ân trung chi thù; nhị giả, trì danh niệm Phật, hựu thù ân trung chi thù dã.

(Diễn) Niệm Phật ân trung chi thù giả, Niệm Phật chi tỷ kỳ dư pháp môn, cố vi thù ân. Nhi Niệm Phật nhất môn, phục hữu đa chủng, như Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng đẳng. Nhi quán tượng, tắc tượng khứ, hoàn vô, nhân thành gián đoạn. Quán Tưởng tắc tâm thô, cảnh tế, diệu quán nan thành. Thật Tướng, tắc thượng trí nãi khắc thừa đương, trung hạ vị năng lãnh hà. Duy thử trì danh, chí giản, chí dị, phổ nhiếp chư căn, hạc xung, bằng cử, ký sậu, long phi, thù ân trung chi thù ân dã.

(疏)又殊恩復含二義，一者念佛是恩中之殊，二者持名念佛，又殊恩中之殊也。

(演)念佛恩中之殊者。念佛之比其餘法門，故為殊恩。而念佛一門，復有多種，如觀像、觀想、實相等。而觀像，則像去還無，因成間斷。觀想，則心粗境細，妙觀難成。實相，則上智乃克承當，中下未能領荷。唯此持名，至簡至易，普攝諸根，鶴沖鵬舉 ，驥驟龍飛 ，殊恩中之殊恩也。

*(**Sớ**: Lại nữa, "thù ân" còn bao gồm hai nghĩa: Một, niệm Phật là ân đức thù thắng nhất. Hai, trì danh niệm Phật lại là thù thắng nhất trong các ân thù thắng.*

***Diễn**: "Niệm Phật là ân thù thắng nhất": Do so sánh Niệm Phật với các pháp môn khác, nên nói là ân thù thắng đặc biệt. Nhưng một môn Niệm Phật lại có nhiều thứ, như Quán Tượng, Quán Tưởng, Thật Tướng v.v... Nhưng quán tượng thì rời khỏi tượng, lại là không, cái nhân trở thành gián đoạn. Quán tưởng thì tâm thô, cảnh vi tế, phép Quán mầu nhiệm khó thành. Thật Tướng niệm Phật thì bậc thượng trí mới hòng tiếp nhận, căn cơ trung hạ chưa thể nhận lãnh, gánh vác. Chỉ có pháp Trì Danh này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, nhiếp khắp các căn, hạc tung mình, đại bàng sải cánh, ngựa Ký phi nước đại, rồng bay lên, là ân thù thắng nhất trong các ân thù thắng).*

Nhị, thống luận Tịnh Độ công đức.

(Tự) Chỉ tứ thập bát chi nguyện môn, khai nhất thập lục chi Quán pháp, nguyện nguyện quy hồ phổ độ, Quán Quán tông hồ diệu tâm.

(Diễn) "Chỉ tứ thập bát nguyện môn" giả, Pháp Tạng tỳ-kheo ư Thế Tự Tại Vương Phật sở, phát tứ thập bát nguyện. Phật nãi nhất nhất niêm xuất, chỉ thị chúng sanh, cố viết "chỉ". "Tứ thập bát" giả, như "quốc trung vô tam ác đạo" nguyện, nãi chí tối hậu tức "đắc chư Nhẫn cứu cánh" nguyện. Nguyện viết Môn giả, môn môn bất đồng, thử phi bỉ cố. "Khai nhất thập lục Quán pháp" giả, nhân Vy Đề khải thỉnh, nãi vị tuyên thuyết, kim nhật thỉ sáng, cố viết "khai". Nhất thập lục giả, thỉ tự lạc nhật huyền cổ quán, chung chí tam bối vãng sanh quán. Quán viết Pháp giả, các hữu pháp tắc tu bất nhất cố. "Quy hồ phổ độ" giả, như Tứ Giáo, Tứ Hoằng, các hữu tứ chủng. Kim tắc thuần thị "chúng sanh vô biên thệ nguyện độ" dã. "Phổ" vị thụ cùng hoành biến. "Quy" giả, vị tuy hữu tứ thập bát chủng bất đồng, nhi yếu kỳ sở quy, tắc vô phi phổ độ dã. "Tông hồ diệu tâm" giả, tông do chủ dã, vị tuy hữu nhất thập lục chủng bất đồng, nhi cứu kỳ sở chủ, tắc vô phi diệu tâm dã. Diệu tâm giả, vị thập lục Quán trung, nhược y, nhược chánh, giai dĩ pháp giới tâm quán pháp giới cảnh, sanh ư pháp giới y chánh sắc tâm dã.

二、統論淨土功德。

(序)指四十八之願門，開一十六之觀法，願願歸乎普度，觀觀宗乎妙心。

(演)指四十八願門者。法藏比丘，於世自在王佛所，發四十八願。佛乃一一拈出，指示眾生，故曰指。四十八者。如國中無三惡道願，乃至最後即得諸忍究竟願。願曰

門者。門門不同。此非彼故。開一十六觀法者，因韋提啟請，乃為宣說，今日始創，故曰開。一十六者，始自落日懸鼓觀，終至三輩往生觀。觀曰法者，各有法則修不一故。歸乎普度者，如四教四弘各有四種。今則純是眾生無邊誓願度也。普謂豎窮橫遍。歸者，謂雖有四十八種不同。而要其所歸，則無非普度也。宗乎妙心者，宗猶主也，謂雖有一十六種不同，而究其所主，則無非妙心也。妙心者，謂十六觀中，若依若正，皆以法界心，觀法界境，生於法界依正色心也。

(Hai, luận định chung về công đức của Tịnh Độ.

***Tựa**: Chỉ bày bốn mươi tám nguyện môn, mở ra mười sáu phép Quán, nguyện nào cũng quy về phổ độ, phép Quán nào cũng đề cao diệu tâm.*

***Diễn**: "Chỉ bày bốn mươi tám nguyện môn": Tỳ-kheo Pháp Tạng ở chỗ Thế Tự Tại Vương Phật, phát ra bốn mươi tám nguyện. Đức Phật nêu ra từng điều để chỉ dạy chúng sanh, nên nói là "chỉ". "Bốn mươi tám nguyện" là như nguyện "trong cõi nước không có ba ác đạo" cho đến nguyện cuối cùng là "liền rốt ráo đắc các Nhẫn". Nguyện được gọi là môn vì mỗi môn khác nhau, nguyện này chẳng phải là nguyện kia.*

"Mở ra mười sáu phép Quán": Do bà Vy Đề Hy khải thỉnh, đức Phật bèn vì bà ta tuyên thuyết, nay mới bắt đầu thành lập nên gọi là "khai". Mười sáu phép Quán bắt đầu bằng phép Quán mặt trời lặn giống như cái trống treo, cho đến phép Quán cuối cùng là ba bậc vãng sanh. Quán được gọi là Pháp vì mỗi môn Quán đều có pháp tắc tu trì khác nhau.

"Quy về phổ độ" là như Tứ Hoằng Thệ Nguyện trong Tứ Giáo, mỗi nguyện đều có bốn loại. Nay những nguyện của A Di Đà Phật thuần là "chúng sanh vô biên thệ nguyện độ". Chữ "Phổ" có ý nói: Tột cùng theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang. "Quy" là tuy có bốn mươi tám thứ khác nhau, nhưng quy kết về tánh chất trọng yếu của từng nguyện thì không nguyện nào chẳng nhằm phổ độ.

"Đề cao diệu tâm": "Tông" giống như "chủ", ý nói: Tuy có mười sáu phép Quán khác nhau, nhưng xét đến chỗ chủ yếu thì không phép nào chẳng nhằm lấy diệu tâm [làm chủ]. Diệu tâm là nói trong mười sáu phép Quán, dù y báo hay chánh báo, đều dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh, sanh ra y báo, chánh báo, sắc và tâm trong pháp giới).

(Sớ) Thượng tán Tịnh Độ pháp môn chi thắng, kim ư Tịnh Độ, tiên xuất dư kinh, nhiên hậu giảo lượng thử kinh cánh vi thù thắng. Nguyện môn, Quán pháp cụ tại nhị kinh. Ngôn tùng sơ nguyện dĩ chí nguyện chung, vô phi tận nhiếp chúng sanh đồng sanh Tịnh Độ. Tự sơ Quán dĩ chí Quán mạt, tất thị Không, Giả, Trung Đạo, viên cực nhất tâm. Diêu thử nhất tâm, xuất sanh đại nguyện nhi thành Chánh Giác. Tức dĩ bổn nguyện hoàn độ chúng sanh, nhi quy nhất tâm Tịnh Độ pháp môn. Nhị kinh đại giảo, ý cái như thử.

(Diễn) "Tất thị Không, Giả, Trung Đạo viên cực nhất tâm" giả, Quán pháp hữu nhị, hữu Sự, hữu Lý. Sự Quán giả, thả như nhật quán: Hành nhân diện Tây, chánh tọa, quán nhật dục lạc, trạng như huyền cổ. Bế mục, khai mục, nhật tướng hiện tiền, danh vi Sự Quán. Lý Quán giả hựu nhị, hữu thứ đệ, nhất tâm. Thứ Đệ Tam Quán giả, tiên quán thử nhật, do tưởng sở thành, toàn thể tánh Không, vô hữu tự tánh, vi Không Quán. Phục hữu quán tưởng nhân duyên, thành thử nhật tướng, tắc bất hoại giả tướng, vi Giả Quán. Dĩ thử nhị Quán vi phương tiện, thứ quán Giả xứ toàn Không, Không xứ toàn Giả, phi Không, phi Giả, vi Trung Quán. Thị nãi tiên Không, thứ Giả, hậu Trung, vi Thứ Đệ Tam Quán dã. Nhất Tâm Tam Quán giả, sở quán chi cảnh, tức Chân, tức Tục, tức Trung. Năng quán chi quán, tức Không, tức Giả, tức Trung. Dĩ Nhất Tâm Tam Quán, quán Tam Đế nhất cảnh, nhi cảnh ngoại vô quán, quán ngoại vô cảnh. Cảnh quán song vong, duy nhất diệu tâm. Thử tức dĩ cụ nhật chi tâm, quán ư tức tâm chi nhật, linh bổn tánh nhật, hiển hiện kỳ tiền, vi nhất tâm viên diệu chi quán pháp dã.

(疏)上讚淨土法門之勝。今於淨土 ，先出餘經 ，然後較量此經更為殊勝。願門，觀法，具在二經。言從初願以至願終，無非盡攝眾生同生淨土。自初觀以至觀末，悉是空假中道圓極一心，繇此一心，出生大願而成正覺。即以本願還度眾生，而歸一心淨土法門。二經大較，意蓋如此。

(演)悉是空假中道圓極一心者，觀法有二，有事有理。事觀者，且如日觀，行人面西正坐。觀日欲落，狀如懸鼓，閉目開目，日相現前，名為事觀。理觀者又二。有次第，一心。次第三觀者。先觀此日，由想所成，全體性空，無有自性為空觀。復有觀想因緣，成此日相，則不壞假相為

假觀。以此二觀為方便，次觀假處全空，空處全假，非空非假為中觀。是乃先空次假後中，為次第三觀也。一心三觀者，所觀之境，即真即俗即中。能觀之觀，即空即假即中。以一心三觀，觀三諦一境，而境外無觀，觀外無境，境觀雙忘，唯一妙心。此即以具日之心，觀於即心之日，令本性日，顯現其前，為一心圓妙之觀法也。

*(**Sớ**: Trên đây đã khen ngợi sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ, nay đối với pháp môn Tịnh Độ, trước hết nêu ra các kinh khác, rồi mới so sánh để thấy kinh [A Di Đà] này càng thù thắng hơn nữa. Bốn mươi tám lời nguyện và Quán pháp được chép đầy đủ trong hai kinh kia. Ý nói: Từ nguyện đầu tiên cho đến nguyện cuối cùng, không nguyện nào chẳng nhiếp trọn các chúng sanh cùng sanh về Tịnh Độ. Từ phép Quán đầu tiên cho đến phép Quán cuối cùng, đều là Không, Giả, Trung Đạo, nhất tâm viên mãn đến tột bậc. Do nhất tâm này, xuất sanh đại nguyện để thành Chánh Giác. Tức là do bổn nguyện, trở lại độ chúng sanh, khiến cho họ nhất tâm hướng về pháp môn Tịnh Độ. So sánh đại lược hai kinh thì ý nghĩa vốn là như vậy.*

***Diễn**: "Đều là Không, Giả, Trung Đạo nhất tâm viên mãn đến tột bậc": Quán pháp có hai loại là Sự và Lý. Sự Quán là như quán mặt trời, hành nhân quay mặt về phía Tây, quán mặt trời sắp lặn, có hình dạng như cái trống treo. Nhắm mắt, mở mắt, tướng mặt trời hiện tiền, gọi là Sự Quán. Lý Quán lại có hai loại là Thứ Đệ (quán theo thứ tự) và Nhất Tâm.*

"Ba phép Quán theo thứ tự": Trước hết quán mặt trời do tưởng mà thành, toàn thể tánh là Không, chẳng có tự tánh, đó là Không Quán. Lại do có nhân duyên quán tưởng mà tạo thành tướng mặt trời ấy, mà chẳng hoại giả tướng. Đó là Giả Quán. Lấy hai phép Quán ấy làm phương tiện, kế đó, quán nơi Giả toàn là Không, quán nơi Không toàn là Giả, chẳng phải Không chẳng phải Giả, đấy là Trung Quán. Đó chính là: Trước hết là Không, kế đến là Giả, cuối cùng là Trung. Đó là Thứ Đệ Tam Quán.

Nhất Tâm Tam Quán thì cảnh được quán chính là Chân, là Tục, là Trung. Sự quán chiếu của cái tâm quán tưởng chính là Không, là Giả, là Trung. Dùng Nhất Tâm Tam Quán để quán cảnh Tam Đế. Ngoài cảnh không có quán, ngoài quán không có cảnh, cảnh và quán cùng mất, chỉ có một diệu tâm. Đây chính là dùng cái tâm sẵn có mặt trời để quán mặt trời trong tâm, khiến cho vầng mặt trời trong bổn tánh hiển hiện trước mặt. Đấy là cách Quán bằng nhất tâm viên diệu vậy).

Tam, đặc thị trì danh vi yếu (nhị): Sơ, giảo luận yếu ước. Nhị, cứu minh lợi ích.

Sơ, giảo luận yếu ước.

(Tự) Hựu dĩ nguyện môn quảng đại, quý tại tri tiên. Quán pháp thâm huyền, vưu ưng thủ ước. Tri tiên tắc vụ sanh bỉ quốc. Thủ ước tắc duy sự trì danh. Cử kỳ danh hề, kiêm chúng đức nhi câu bị. Chuyên hồ trì dã, thống bách hạnh dĩ vô di.

(Diễn) Quảng dĩ "quảng đa, quảng bác" vi nghĩa. Quảng đa giả, Như Lai tánh trung bổn hữu diệu dụng, tiềm hưng, mật ứng, vô hữu cùng tận. Quảng bác giả, thử vô tận nguyện, nhất nhất đồng ư giác tánh, vô hữu phần hạn. Đại dĩ thụ cùng hoành biến vi nghĩa. Thụ cùng giả, thử nguyện tận vị lai tế, vô hữu hưu tức. Hoành biến giả, thử nguyện sung mãn thập phương, vô hữu biên tế. Tiên hữu thỉ nghĩa, tức hành viễn tự nhĩ chi ý. Hựu tiên hữu cấp nghĩa, tức tiên vụ chi vi cấp ý. Quý tại tri tiên giả, do Di Đà ngộ nhập Pháp Tánh, tùng tánh khởi nguyện. Tánh vô tận, cố nguyện diệc vô tận. Cố tri dục nhập Di Đà nguyện hải, tất tiên ngộ triệt tự tâm. Bất ngộ quảng đại chi tâm, bất nhập quảng đại nguyện hải cố.

三、特示持名為要(二)：初、較論要約。二、究明利益。

初、較論要約。

(序)又以願門廣大，貴在知先，觀法深玄，尤應守約。知先則務生彼國，守約則惟事持名，舉其名兮，兼眾德而俱備，專乎持也，統百行以無遺。

(演)廣以廣多廣博為義。廣多者，如來性中本有妙用潛興密應，無有窮盡。廣博者，此無盡願，一一同於覺性，無有分限。大以豎窮橫遍為義。豎窮者，此願盡未來際無有休息。橫遍者，此願充滿十方無有邊際。先有始義，即行遠自邇之意。又先有急義，即先務之為急意。貴在知先者，由彌陀悟入法性，從性起願，性無盡，故願亦無盡。故知欲入彌陀願海，必先悟徹自心，不悟廣大之心，不入廣大願海故。

(Ba, đặc biệt chỉ ra phép trì danh là trọng yếu, đơn giản (gồm hai phần): Một là so sánh luận định [để chỉ rõ vì sao] phải chọn lấy cách hành trì đơn giản, trọng yếu, hai là nêu rõ lợi ích rốt ráo.

Trước hết, so sánh luận định [để chỉ rõ vì sao] phải chọn lấy cách hành trì đơn giản, trọng yếu.

***Tựa**: Lại do nguyện môn rộng lớn, điều cần nhất là phải biết đâu là chỗ cần kíp trước hết. Do phép Quán sâu xa, u huyền, càng phải nên chọn lấy cách đơn giản. Biết đâu là chỗ cần kíp trước hết, sẽ chú trọng sanh vào cõi kia. Giữ lấy cách hành trì giản ước, sẽ chỉ chăm chú trì danh. Nêu lên danh hiệu ấy, các đức đều được đầy đủ. Chuyên trì sẽ gồm thâu trăm hạnh chẳng sót.*

***Diễn**: "Quảng" có nghĩa là "rộng nhiều, rộng lớn mênh mông". "Rộng nhiều" là trong tánh Như Lai vốn có diệu dụng, ngầm dấy lên, thầm ứng hiện chẳng cùng tận. "Rộng rãi mênh mông" là nguyện này vô tận, mỗi một nguyện đều giống như giác tánh chẳng có giới hạn. "Đại" có nghĩa là tột cùng theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang. "Tột cùng theo chiều dọc": Nguyện này trọn hết đời vị lai chẳng ngưng dứt. "Trọn khắp theo chiều ngang": Nguyện này tràn ngập mười phương, không có ngằn mé.*

"Tiên" có nghĩa là "bắt đầu", ý nói: Đi xa phải bắt đầu từ chỗ gần. "Tiên" lại có nghĩa là "gấp rút", ý nói: Trước hết, phải chú trọng nơi chuyện cần phải làm gấp. "Cần nhất là phải biết chỗ cần kíp trước hết": Do đức Di Đà ngộ nhập Pháp Tánh, từ tánh khởi ra nguyện; vì tánh vô tận, nên nguyện cũng vô tận. Do vậy biết: Muốn nhập Di Đà nguyện hải, ắt trước hết phải ngộ thấu triệt tự tâm. Chẳng ngộ cái tâm rộng lớn, chẳng thể vào biển nguyện rộng lớn được!)

(Diễn) "Thâm" vị Quán thâm diệu, "huyền" vị Lý u huyền. Kinh trung Quán pháp, nãi dĩ pháp giới tâm quán pháp giới cảnh, sanh ư pháp giới y, chánh, sắc, tâm, khởi phi thâm diệu? Kinh trung y chánh, đản ứng sắc nhất tướng khả chiếu tam thân, y báo nhất trần tức Tịnh Quang độ, khởi bất u huyền? Ước giả, giản ước dã. Duy thử tứ tự, cánh vô biệt pháp, hà đẳng giản dị? Hựu ước giả, yếu ước dã. Niệm Phật công thành, vô sự bất biện, hà đẳng yếu ước? Vưu ưng thủ ước giả, dĩ Thập Lục Diệu Quán, nãi toàn tánh thành tu, toàn tu thành tánh, ngộ tâm thượng sĩ, nãi khắc hành trì. Sơ học hành nhân vô do thấu bạc cố. Cử danh kiêm chúng đức giả, do danh triệu Thể, Thể ngoại vô danh. Thể cụ chúng đức, tắc danh diệc kiêm chúng đức. Cố nhất xưng danh,

tức xưng Phật chúng đức dã. Chuyên trì thống bách hạnh giả, dĩ nhất tâm trì danh, vạn duyên tự xả, tức Bố Thí hạnh. Nhất tâm trì danh, tam nghiệp tự tịnh, tức Trì Giới hạnh đẳng.

(演)深謂觀深妙，玄謂理幽玄。經中觀法，乃以法界心，觀法界境。生於法界依正色心，豈非深妙？經中依正，但應色一相可照三身，依報一塵即寂光土，豈不幽玄？約者，簡約也。唯此四字，更無別法，何等簡易？又約者，要約也。念佛功成，無事不辦，何等要約？尤應守約者，以十六妙觀，乃全性成修，全修成性。悟心上士，乃克行持。初學行人，無由湊泊故。舉名兼眾德者，由名召體。體外無名，體具眾德，則名亦兼眾德。故一稱名，即稱佛眾德也。專持統百行者。以一心持名，萬緣自捨，即布施行。一心持名，三業自淨，即持戒行等。

*(**Diễn**: "Thâm" là phép Quán sâu mầu, "huyền" là Lý huyền diệu, u viễn. Pháp Quán được nói trong kinh chính là dùng pháp giới tâm để quán pháp giới cảnh, sanh ra y báo và chánh báo, sắc, tâm của pháp giới, há chẳng phải là sâu mầu ư? Đối với y báo và chánh báo trong kinh, chỉ một sắc tướng nơi Ứng Thân đã có thể chiếu ba thân, một mảy trần của y báo chính là cõi Tịch Quang, há chẳng u huyền ư? "Ước" là giản ước. Chỉ có bốn chữ, không còn pháp nào khác, đơn giản, dễ dàng chi bằng? "Ước" còn có nghĩa là giản lược, nhưng tinh yếu. Công Niệm Phật thành tựu, không chuyện gì chẳng hoàn thành, còn gì đơn giản mà tinh yếu bằng?*

"Càng phải nên chọn lấy cách tu tập giản ước": Do mười sáu phép Quán mầu nhiệm chính là toàn thể tánh trở thành tu, toàn thể tu trở thành tánh, bậc thượng sĩ ngộ tâm thì mới có thể hành trì thành công được, hành nhân vừa mới học, sẽ chẳng có cách nào chen chân! "Nêu danh kiêm các đức" là do [niệm] Phật hiệu mà cảm vời Thể. Ngoài Thể không có danh. Thể có đủ các đức, cho nên danh cũng kèm theo các đức. Vì thế, xưng danh chính là xưng niệm các đức hạnh của Phật vậy. "Chuyên trì sẽ gồm thâu trăm hạnh": Do nhất tâm trì danh nên tự bỏ vạn duyên, đấy là hạnh Bố Thí. Nhất tâm trì danh, ba nghiệp tự tịnh, đấy là hạnh Trì Giới v.v...)

(Sớ) Tức tiền Đại Bổn, Quán Kinh, giảo nhi luận chi, tri trì danh vưu vi yếu ước dã. Quảng đại giả, dĩ tứ thập bát nguyện, bình bao u hiển, thống quát thánh phàm, quảng đại khôi hoằng, mang vô bạn ngạn,

nhập chi tất hữu diêu tiệm, cố quý tri tiên. Truyền viết: "Tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hỹ".

(Diễn) U hiển thánh phàm giả, u chỉ tam đồ, hiển chỉ nhân thiên, thánh chỉ tam thừa, phàm chỉ lục đạo. Mang vô bạn ngạn giả, dĩ tâm vô tận, cố nguyện vô tận dã.

(疏)即前大本觀經，較而論之。知持名尤為要約也。廣大者，以四十八願，恲包幽顯，統括聖凡，廣大恢宏，茫無畔岸，入之必有繇漸，故貴知先。傳曰：知所先後，則近道矣。

(演)幽顯聖凡者，幽指三途，顯指人天，聖指三乘，凡指六道。茫無畔岸者。以心無盡。故願無盡也。

*(**Sớ**: Trên đây là so sánh với Đại Bổn A Di Đà Kinh và Quán Kinh để định luận, bèn biết trì danh thật là tinh yếu, đơn giản vậy. "Rộng lớn" là do bốn mươi tám nguyện phủ trọn u, hiển, gồm hết thánh, phàm, rộng lớn, bao la, mênh mông không bờ bến. Vào trong ấy, ắt sẽ có thể chứng nhập dần dần; vì thế, cốt yếu là phải biết điều nào là cần kíp trước tiên. Có lời dạy rằng: "Biết trước sau thì gần với đạo vậy".*

***Diễn**: "U hiển thánh phàm": "U" chỉ tam đồ, "hiển" chỉ trời người, "thánh" chỉ tam thừa, "phàm" chỉ sáu đường. "Mênh mông không bờ bến": Do tâm vô tận, nên nguyện vô tận).*

(Sớ) Thâm huyền giả, dĩ môn phân thập lục. Sự phỉ nhất đoan, nhi phục diệu quán tinh vi, sơ tâm mị cập, thao chi tất đắc kỳ yếu, cố ưng thủ ước. Kha thị viết: "Thủ ước nhi thí bác giả, thiện đạo dã".

(Diễn) Sơ tâm mị cập giả, Diệu Tông Sao vân: "Quán tuy thâm diệu, bổn bị sơ tâm. Nhược năng tấn công, hà ưu bất tựu?" Nhi đại sư như thử thuyết giả, cái hữu nhị nghĩa: Nhất giả, dĩ kim chánh kiến lập Trì Danh pháp môn cố. Nhị giả, sơ tâm diệc thậm bất đồng, hữu cụ túc viên giải chi sơ tâm, nãi chí hữu mang nhiên vị thức chi sơ tâm cố. Thủ ước vị tu thân. Thi bác vị thiên hạ bình.

(疏)深玄者。以門分十六。事匪一端，而復妙觀精微，初心靡及，操之必得其要，故應守約。軻氏曰：守約而施博者，善道也。

(演)初心靡及者，妙宗鈔云：觀雖深妙，本被初心，若能進功，何憂不就？而大師如此說者。蓋有二義。一者，

以今正建立持名法門故。二者，初心亦甚不同，有具足圓解之初心，乃至有茫然未識之初心故。守約謂修身。施博謂天下平。

*(**Sớ**: "Sâu thẳm u huyền": Do môn quán tưởng này được chia thành mười sáu pháp, Sự chẳng phải chỉ có một mối, phép Quán mầu nhiệm lại tinh vi, hàng sơ tâm chẳng thể thực hiện được! Hễ tu tập, ắt phải nhận biết chỗ quan trọng; vì thế, phải nên chọn lấy cách giản ước. Mạnh Kha nói: "Tiết kiệm, nhưng bố thí rộng rãi, thì là thiện đạo".*

***Diễn**: "Hàng sơ tâm chẳng thể thực hiện được": Sách Diệu Tông Sao viết: "Phép Quán tuy sâu mầu, nhưng cũng thích hợp cho hàng sơ tâm. Nếu có thể gắng công, lo gì chẳng thành tựu?" Nhưng đại sư nói như vậy là vì có hai nghĩa: Một là vì nay đang kiến lập pháp môn Trì Danh. Hai là vì hàng sơ tâm hết sức khác nhau. Có người là sơ tâm, nhưng trọn đủ sự hiểu biết trọn vẹn, cho đến có hàng sơ tâm hoang mang chẳng hiểu biết gì. "Thủ ước" nghĩa là tu thân. "Bố thí rộng rãi" ý nói thiên hạ yên bình).*

(Sớ) Vân hà tri tiên? Diêu sanh bỉ quốc, cận sự Như Lai, như thị đại nguyện, thứ khả hy ký. Đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ? Cố dĩ cầu nguyện vãng sanh vi tiên vụ chi cấp dã.

(Diễn) "Đản đắc kiến Di Đà" giả, Vĩnh Minh Tứ Liệu Giản vân: "Vô Thiền, vô Tịnh Độ. Thiết sàng tịnh thiết ma, vạn kiếp dữ thiên sanh, một cá nhân y hỗ. Hữu Thiền, hữu Tịnh Độ, do như đới giác hổ, hiện thế vi nhân sư, tương lai tác Phật, Tổ. Hữu Thiền, vô Tịnh Độ, thập nhân cửu thác lộ, ấm cảnh nhược hiện tiền, miết nhĩ tùy tha khứ. Vô Thiền, hữu Tịnh Độ, vạn tu, vạn nhân khứ, đản đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ". Tiên vụ chi cấp giả, Mạnh Tử vân: "Tri giả, vô bất tri dã. Đương vụ chi vi cấp, Nghiêu Thuấn chi tri, nhi bất biến vật, cấp tiên vụ dã".

(疏)云何知先？繇生彼國，近事如來，如是大願，庶可希冀，但得見彌陀，何愁不開悟？故以求願往生為先務之急也。

(演)但得見彌陀者。永明四科簡云：無禪無淨土。鐵床并鐵磨。萬劫與千生。沒個人依怙。有禪有淨土。猶如帶角虎。現世為人師。將來作佛祖。有禪無淨土。十人九

錯路。陰境若現前。瞥爾隨他去。無禪有淨土。萬修萬人去。但得見彌陀。何愁不開悟。 先務之急者。孟子云：知者。無不知也。當務之為急。堯舜之知。而不遍物。急先務也。

*(**Sớ**: "Biết điều cần kíp trước hết" là như thế nào? Do sanh về cõi ấy, gần gũi phụng sự Như Lai, mới hòng thỏa đại nguyện như vậy. Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ? Vì thế, cầu nguyện vãng sanh là chuyện cấp bách phải lo toan trước hết.*

***Diễn**: "Chỉ được thấy Di Đà": Bài Tứ Liệu Giản của ngài Vĩnh Minh như sau: "Không Thiền, không Tịnh Độ; giường sắt cùng cối sắt, vạn kiếp với ngàn đời, không có người nương cậy. Có Thiền, có Tịnh Độ, ví như hổ mọc sừng, đời này làm thầy người, tương lai làm Phật, Tổ. Có Thiền, không Tịnh Độ, mười người chín lạc đường, nếu ấm cảnh hiện tiền, chớp mắt đi theo nó. Không Thiền, có Tịnh Độ, vạn tu, vạn người đến, chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ". "Chuyện cấp bách phải lo toan trước hết": Mạnh Tử nói: "Biết tức là không gì chẳng biết. Nghiêu, Thuấn biết chuyện gấp rút phải làm, nhưng không thể làm hết mọi việc [cùng một lúc] được, cho nên họ lo liệu những chuyện cần làm gấp trước").*

(Sớ) Vân hà thủ ước? Lương dĩ Quán tuy thập lục, ngôn Phật tiện châu. Phật tuy chí cực, duy tâm tức thị. Kim văn Phật danh, nhất tâm chấp trì, khả vị chí giản, chí dị, công bất phồn thi, nhi vạn pháp duy tâm, tâm thanh tịnh cố, hà sự bất biện? Sát-na vận tưởng, y chánh uyển nhiên. Cử niệm dục sanh, tiện đăng bỉ quốc. Thị tắc nan thành chi Quán, bất tập nhi thành. Cố dĩ trì danh niệm Phật, sở thủ vưu vi yếu ước dã. Thiên Như vị: "Đại thánh bi lân, trực khuyến chuyên trì danh hiệu", thị dã.

(Diễn) "Quán tuy thập lục, ngôn Phật tiện châu" giả, Thập Lục Quán Kinh, đề viết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh giả, dĩ thập lục Quán pháp, bất xuất y, chánh, chủ, bạn. Phật thị chánh báo, cử chánh túc dĩ nhiếp y. Nhật, địa, hàng thụ, bảo trì đẳng, vô bất nhiếp cố. Phật thị hóa chủ, cử chủ túc dĩ nhiếp bạn. Quán Âm, Thế Chí, nãi chí cửu phẩm vãng sanh, vô bất nhiếp cố. Phật tuy chí cực, duy tâm tức thị giả. Phật tuy thị vạn đức quả nhân, thật bất ly đương nhân hiện kim nhất niệm. Dĩ tâm ngoại mịch Phật, tức tà ma cố. Chí giản, chí dị giả, nhất tâm chấp trì, chí giản nhi bất phồn, chí dị nhi bất nan, thử thủ ước dã. Vạn pháp duy tâm giả, cổ vân: "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức".

Hựu vân: "Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo". Tâm thanh tịnh cố, hà sự bất biện giả, ký đắc kỳ bổn, bất sầu kỳ mạt dã. Hạ văn lục cú, chánh thích thử cú chi nghĩa. Vận tưởng uyển nhiên giả, vị tam-muội ký thành, tưởng hàng thụ tắc hàng thụ minh, tưởng bảo trì tắc bảo trì hiện, tưởng Bồ Tát tắc Bồ Tát tại tiền, tưởng Như Lai tắc Như Lai uyển nhĩ, dĩ tam-muội tâm trung tùy tâm hiện tướng cố. Cử niệm tiện đăng giả, Giải Thoát trưởng giả ngôn: "Ngã dục kiến A Di Đà Phật, tùy ý tức kiến", thị dã. Thử thí bác dã. Đại thánh bi lân giả, Thiên Như vân: "Quán pháp lý vi, chúng sanh tâm tạp. Tạp tâm tu Quán, quán tưởng nan thành. Đại thánh bi lân, trực khuyến chuyên trì danh hiệu".

(疏)云何守約？良以觀雖十六，言佛便周。佛雖至極，惟心即是。今聞佛名，一心執持，可謂至簡至易，功不繁施。而萬法惟心，心清淨故，何事不辦？剎那運想，依正宛然，舉念欲生，便登彼國，是則難成之觀，不習而成。故以持名念佛，所守尤為要約也。天如謂大聖悲憐，直勸專持名號是也。

(演)觀雖十六，言佛便周者，十六觀經，題曰觀無量壽佛經者，以十六觀法，不出依正主伴。佛是正報，舉正足以攝依。日地行樹，寶池等，無不攝故。佛是化主，舉主足以攝伴。觀音勢至，乃至九品往生，無不攝故。佛雖至極，唯心即是者。佛雖是萬德果人。實不離當人現今一念。以心外覓佛，即邪魔故。至簡至易者，一心執持，至簡而不繁，至易而不難，此守約也。萬法唯心者，古云：三界唯心，萬法唯識。又云：應觀法界性，一切唯心造。心清淨故，何事不辦者。既得其本，不愁其末也。下文六句，正釋此句之義。運想宛然者，謂三昧既成，想行樹則行樹明，想寶池則寶池現，想菩薩則菩薩在前，想如來則如來宛爾，以三昧心中隨心現相故。舉念便登者，解脫長者言：我欲見阿彌陀佛，隨意即見，是也。此施博也。大聖悲憐者。天如云：觀法理微。眾生心雜。雜心修觀觀想難成。大聖悲憐。直勸專持名號。

*(**Sớ**: "Giữ lấy cách giản ước" là như thế nào? Ấy là vì tuy có mười sáu phép Quán, nhưng nói "Phật" là đã trọn đủ. Phật tuy là tột bậc, nhưng tâm chính là Phật. Nay nghe danh hiệu Phật, nhất tâm chấp trì, có thể nói là đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thực hiện chẳng rắc rối gì; nhưng vạn pháp duy tâm, tâm đã thanh tịnh thì có chuyện gì mà chẳng hoàn tất được? Quán tưởng trong khoảng một sát-na, y báo và chánh báo rành rành. Khởi ý niệm muốn vãng sanh, liền vượt lên cõi kia. Đây là phép Quán khó thành, chẳng tu tập mà được thành tựu. Vì vậy, lấy trì danh niệm Phật [làm phương pháp tu hành], thì sự chọn lựa càng thật là tinh yếu, giản ước. Ngài Thiên Như nói: "Đại thánh xót thương, khuyên thẳng thừng hãy nên trì danh" chính là nói tới điều này.*

***Diễn**: "Tuy có mười sáu phép Quán, nhưng nói tới Phật là đã trọn đủ": Tựa đề của Thập Lục Quán Kinh là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, vì mười sáu phép Quán chẳng ra ngoài y báo, chánh báo, chủ, bạn. Phật là chánh báo, nêu lên chánh báo là đủ để bao gồm y báo, [các phép Quán như] mặt trời, đất, hàng cây, ao báu v.v... không gì chẳng được bao gồm. Phật là hóa chủ, nêu ra chủ đủ để gồm thâu bạn. Từ Quán Âm, Thế Chí cho đến chín phẩm vãng sanh, không gì chẳng thâu gồm. Phật tuy là chí cực, nhưng tâm chính là Phật. Phật tuy là bậc đắc quả vị vạn đức, nhưng thật sự chẳng lìa nhất niệm hiện tiền của hành giả, vì tìm Phật ngoài tâm sẽ chính là tà ma.*

"Đơn giản nhất, dễ dàng nhất": Nhất tâm chấp trì, đơn giản nhất, chẳng rắc rối, dễ dàng nhất, chẳng khó khăn; đấy là giữ lấy cách giản ước vậy. "Vạn pháp duy tâm": Cổ nhân nói: "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức". Lại nói: "Hãy nên quán tánh của pháp giới, hết thảy đều do tâm tạo".

"Tâm thanh tịnh thì có chuyện gì mà chẳng hoàn tất": Đã đạt được cái gốc, lo chi cái ngọn? Sáu câu dưới đây nhằm giải thích ý nghĩa của câu này. "Quán tưởng rành rành": Tam-muội đã thành thì tưởng hàng cây, hàng cây bèn rõ rệt, tưởng ao báu, ao báu bèn hiện, tưởng Bồ Tát, Bồ Tát liền ở trước mặt, tưởng Như Lai thì Như Lai rành rành như vậy. Đó là vì trong tâm tam-muội có thể tùy ý hiện tướng.

"Khởi niệm liền vượt lên": Trưởng giả Giải Thoát nói: "Tôi muốn thấy A Di Đà Phật, tùy ý liền thấy" là nói về ý này. "Đại thánh thương xót": Ngài Thiên Như nói: "Quán pháp, lý vi diệu, [thế mà] tâm chúng sanh tạp loạn. Tạp tâm mà tu quán, quán tưởng sẽ khó thành tựu. Đại thánh thương xót, khuyên thẳng thừng hãy nên chuyên trì danh hiệu").

(Sớ) Cử danh giả, Phật hữu vô lượng đức, kim đản tứ tự danh hiệu, túc dĩ cai chi. Dĩ Di Đà tức thị toàn thể nhất tâm. Tâm bao chúng đức, Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bổn Giác, Thỉ Giác, Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn, bách thiên vạn danh, giai thử nhất danh nhiếp vô bất tận.

(Diễn) Di Đà tức thị toàn thể nhất tâm, hữu nhị nghĩa: Nhất giả, A Di Đà Phật tức thị toàn thể nhất tâm, dĩ Phật phục bổn nguyên cứu cánh giác thể. Cố Khởi Tín vân: "Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới, vô sở bất biến. Pháp giới nhất tướng, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân". Phù pháp giới nhất tướng, thị ly niệm chi tâm thể dã. Nhi tức thị Như Lai, tắc Như Lai khởi bất thị toàn thể nhất tâm? Nhị giả, A Di Đà Phật tứ tự, tức thị toàn thể nhất tâm. Thử tứ tự tại ngã tâm trung, minh minh, lịch lịch, huýnh nhiên độc chiếu. Tứ tự chi ngoại vô ngã tâm, ngã tâm chi ngoại vô tứ tự, khởi bất tức thị toàn thể nhất tâm? Hựu phục chân niệm Phật giả, duy sắc, duy tâm, duy quán, duy cảnh; nhất danh, nhất tự, vô phi Thật Tướng, khởi bất tức thị toàn thể nhất tâm? Tâm bao chúng đức giả, dĩ Chân Như thể trung, cụ túc vô lậu tánh công đức cố. Thử tâm bất vị tam tế thiên lưu, viết Thường. Bất vị nhị tử bức bách, viết Lạc. Cụ bát tự tại, viết Ngã. Ly ngũ trụ ô nhiễm, viết Tịnh. Bổn lai diệu minh, viết Bổn Giác. Phương thỉ xuất triền, viết Thỉ Giác. Bất vọng bất biến, viết Chân Như. Ly quá tuyệt phi, viết Phật Tánh. Chư Phật sở đắc chi trí, viết Bồ Đề. Chư Phật sở chứng chi Lý, viết Niết Bàn.

(疏**)**舉名者，佛有無量德，今但四字名號足以該之。以彌陀即是全體一心，心包眾德，常樂我淨，本覺始覺，真如佛性，菩提涅槃，百千萬名，皆此一名攝無不盡。

(演**)**彌陀即是全體一心有二義：一者，阿彌陀佛即是全體一心，以佛復本源究竟覺體。故起信云：離念相者，等虛空界，無所不遍，法界一相，即是如來平等法身。夫法界一相，是離念之心體也。而即是如來，則如來豈不是全體一心？二者，阿彌陀佛四字，即是全體一心。此四字在我心中，明明歷歷。迥然獨照。四字之外無我心，我心之外無四字，豈不即是全體一心？又復真念佛者，唯色唯心，唯觀唯境。一名一字，無非實相，豈不即是全體一心？心包眾德者。以真如體中，具足無漏性功德故。此心不為

三際遷流曰常。不為二死逼迫曰樂。具八自在曰我。離五住污染曰淨。本來妙明曰本覺。方始出纏曰始覺。不妄不變曰真如 。離過絕非曰佛性 。諸佛所得之智曰菩提。諸佛所證之理曰涅槃。

*(**Sớ**: "Nêu lên danh hiệu": Phật có vô lượng đức, nay chỉ dùng danh hiệu gồm bốn chữ đã đủ để bao gồm trọn hết. Do Di Đà chính là toàn thể nhất tâm, tâm bao gồm các đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, Bổn Giác, Thỉ Giác, Chân Như, Phật Tánh, Bồ Đề, Niết Bàn. Trăm ngàn vạn danh hiệu đều được một danh hiệu này gồm thâu, không gì chẳng trọn hết.*

***Diễn**: "Di Đà là toàn thể nhất tâm" có hai nghĩa:*

Một, A Di Đà Phật chính là toàn thể nhất tâm, vì Phật đã khôi phục cội nguồn giác thể rốt ráo. Vì vậy, Khởi Tín Luận chép: "Lìa niệm tướng, giống như hư không giới, không đâu chẳng trọn khắp. Pháp giới một tướng chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai". Pháp giới nhất tướng là tâm thể ly niệm, mà còn chính là Như Lai. Vậy thì Như Lai há chẳng phải là toàn thể nhất tâm ư?

Hai, bốn chữ A Di Đà Phật chính là toàn thể nhất tâm. Bốn chữ ấy sáng ngời vằng vặc trong tâm ta, riêng chiếu rạng ngời. Ngoài bốn chữ chẳng có tâm ta, ngoài tâm ta chẳng có bốn chữ, há chẳng phải là toàn thể nhất tâm ư? Lại nữa, thật sự niệm Phật là sắc, là tâm, là quán, là cảnh; mỗi danh hiệu, mỗi chữ, không gì chẳng phải là Thật Tướng, há chẳng phải là toàn thể nhất tâm ư?

"Tâm bao gồm các đức": Do trong cái Thể của Chân Như có đủ các công đức của tánh vô lậu. Trong ba đời, tâm này chẳng bị dời đổi, nên gọi là Thường. Chẳng bị hai thứ chết (Biến Dịch Sanh Tử và Phần Đoạn Sanh Tử) bức bách, nên gọi là Lạc. Có đủ tám điều tự tại thì gọi là Ngã. Lìa ngũ trụ ô nhiễm thì gọi là Tịnh. Vốn sẵn diệu minh gọi là Bổn Giác. Vừa mới thoát khỏi trói buộc thì gọi là Thỉ Giác. Chẳng hư vọng, chẳng biến đổi, gọi là Chân Như. Lìa lỗi tuyệt sai thì gọi là Phật Tánh. Trí chư Phật đã đắc gọi là Bồ Đề. Lý được chứng bởi chư Phật thì gọi là Niết Bàn).

(Sớ) Chuyên trì giả, chúng sanh học Phật, diệc hữu vô lượng hành pháp. Kim đản trì danh nhất pháp, túc dĩ cai chi. Dĩ trì danh tức thị trì thử nhất tâm. Tâm cai bách hạnh, Tứ Đế, Lục Độ, nãi chí bát vạn tứ thiên Hằng sa vi trần nhất thiết hạnh môn, nhiếp vô bất tận. Cố danh thủ ước.

(Diễn) Tứ Đế giả, Khổ, Tập, Diệt, Đạo dã. Khổ vi bức bách tướng, Tập vi chiêu cảm tướng. Thử thế gian nhân quả dã. Đạo vi khả tu tướng, Diệt vi khả chứng tướng. Thử xuất thế gian nhân quả dã. Thử Tứ Đế thông Đại Tiểu Thừa, hữu sanh diệt, vô sanh, vô lượng, vô tác, tứ giáo bất đồng. Nhiên Tứ Đế thị cảnh, phi hạnh, kim vân hạnh giả, cử sở quán chi cảnh, hiển năng quán chi hạnh dã.

(疏)專持者。眾生學佛，亦有無量行法。今但持名一法，足以該之。以持名即是持此一心，心該百行，四諦六度，乃至八萬四千恆沙微塵一切行門，攝無不盡。故名守約。

(演)四諦者。苦集滅道也，苦為逼迫相，集為招感相。此世間因果也。道為可脩相，滅為可證相，此出世間因果也。此四諦通大小乘，有生滅、無生、無量、無作。四教不同，然四諦是境非行。今云行者 ，舉所觀之境 ，顯能觀之行也。

*(**Sớ**: "Chuyên trì": Chúng sanh học Phật, cũng có vô lượng phương pháp để hành trì. Nay chỉ một pháp trì danh đã đủ để bao gồm trọn hết. Do trì danh chính là trì nhất tâm này, tâm gồm thâu trăm hạnh, Tứ Đế, Lục Độ, cho đến tám vạn bốn ngàn Hằng sa vi trần hết thảy hạnh môn, thâu nhiếp không cùng tận. Cho nên [phép Trì Danh được] gọi là "giữ lấy cách hành trì giản ước".*

***Diễn**: Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Khổ là tướng bức bách, Tập là tướng cảm vời. Đấy là nhân quả thế gian. Đạo là tướng có thể tu, Diệt là tướng có thể chứng. Đấy là nhân quả xuất thế gian. Tứ Đế chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, có [bốn loại Tứ Đế] là sanh diệt, vô sanh, vô lượng và vô tác [tương ứng với] bốn giáo khác nhau (Tạng, Thông, Biệt, Viên); nhưng Tứ Đế là cảnh, không phải hạnh. Nay nói tới hạnh thì nêu lên cảnh được quán nhằm chỉ rõ cái hạnh để quán).*

Nhị, cứu minh lợi ích (tam): Sơ, nhân thành. Nhị, quả chứng. Tam, tổng kết.

Sơ, nhân thành.

(Tự) Tùng tư nhi vạn lự hàm hưu, cứu cực hồ nhất tâm bất loạn.

(Diễn) Vạn lự hàm hưu, thị vọng tâm sơ tức. Nhất tâm bất loạn thị chánh niệm thành tựu. "Tùng tư" thừa "chuyên trì" lai, "cứu cực" căn "hàm hưu" lai.

二、究明利益(三)：初、因成。二、果證。三、總結。

初、因成。

(序)從茲而萬慮咸休，究極乎一心不亂。

(演)萬慮咸休，是妄心初息。一心不亂。是正念成就。從茲承專持來。究極根咸休來。

(Hai, nêu rõ lợi ích rốt ráo (gồm ba phần): Một, tu nhân thành tựu; hai, quả chứng; ba, tổng kết.

Thứ nhất, tu nhân thành tựu.

***Tựa**: Từ đây, muôn mối lo đều dứt, đạt đến rốt ráo cùng cực là nhất tâm bất loạn.*

***Diễn**: "Muôn mối lo đều dứt" là vọng tâm vừa mới ngưng dứt. "Nhất tâm bất loạn" là chánh niệm thành tựu. "Từ đây" là do "chuyên trì" mà ra, "đạt đến rốt ráo cùng cực" là do "đều ngưng dứt").*

(Sớ) Bất niệm Phật tiền, niệm niệm trần lao, sở vị: "Nhất sát-na gian, cửu bách sanh diệt". Sanh, trụ, dị, diệt, phân tễ đầu số vô lượng vô biên, thiên nhãn mạc thứ, danh vạn lự dã.

(Diễn) Niệm niệm trần lao giả, trần giả bất tịnh, lao giả bất dật. Tụ duyên nội dao, xu ngoại bôn dật, thị kỳ tướng dã. Sát-na trung, hữu cửu bách sanh diệt giả, sát-na, thời cực tốc dã. Kinh vân: "Chúng sanh nhất niệm, hữu cửu thập sát-na. Nhất sát-na trung, hữu cửu bách sanh diệt". Sanh trụ dị diệt giả, hữu vi tứ tướng dã. Sanh biểu thử pháp tiên phi hữu, diệt biểu thử pháp hậu thị vô, dị biểu thử pháp phi ngưng nhiên, trụ biểu thử pháp tạm hữu dụng. Phân tễ đầu số giả, thử phi bỉ viết phân tễ; các hữu tự viết đầu số.

(疏)不念佛前，念念塵勞，所謂一剎那間九百生滅，生住異滅分劑頭數無量無邊，天眼莫覩，名萬慮也。

(演)念念塵勞者，塵者不淨，勞者不逸。聚緣內搖，趨外奔逸，是其相也。剎那中有九百生滅者，剎那，時極速也。經云：眾生一念，有九十剎那，一剎那中，有九百

生滅。生住異滅者，有為四相也。生表此法先非有，滅表此法後是無，異表此法非凝然，住表此法暫有用。分劑頭數者。此非彼曰分劑。各有緒曰頭數。

*(**Sớ**: Trước khi niệm Phật thì niệm nào cũng là trần lao, như đã nói: "Trong một sát-na, có chín trăm lần sanh diệt". Thứ tự sanh, trụ, biến đổi, diệt trong từng loại khác biệt nhiều đến vô lượng vô biên, ngay cả thiên nhãn cũng chẳng thể thấy được. Đó gọi là "vạn lự".*

***Diễn**: "Niệm niệm trần lao": Trần là chẳng tịnh, Lao là chẳng thảnh thơi. Duyên tụ tập xáo động bên trong, hướng ra ngoài rong ruổi; đó là tướng trạng của "trần lao". "Trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt": Sát-na là khoảng thời gian rất nhanh. Kinh dạy: "Một niệm của chúng sanh có chín mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt".*

Sanh, trụ, dị, diệt là bốn tướng hữu vi vậy. "Sanh" biểu thị pháp này trước đó chẳng có, "diệt" biểu thị pháp này sau đấy sẽ không còn, "dị" biểu thị pháp này chẳng ngưng đọng, "trụ" biểu thị pháp này tạm thời có tác dụng. "Lớp lang trong từng loại riêng biệt": Do cái này chẳng phải là cái kia nên gọi là "phân tễ". Mỗi thứ có lớp lang riêng nên gọi là "đầu số").

(Sớ) Thử vạn lự giả, Giáp diệt, tắc Ất sanh, nga khứ, tắc thúc phản, bách kế trừ chi, chung mạc năng đắc. Kim dĩ trì danh chi lực, chánh niệm tài cử, tạp tưởng tự trừ. Dụ như sư tử xuất quật, bách thú tiềm tung, cảo nhật chiếu sương, thiên lâm thất bạch, danh hàm hưu dã.

(Diễn) Giáp diệt, Ất sanh giả, ước bỉ thử thuyết, như tham diệt, sân sanh đẳng. Nga khứ thúc phản giả, ước nhất pháp thuyết; như tài diệt phục hiện dã. Sư tử, cảo nhật dụ chánh niệm. Bách thú dữ sương dụ vạn lự. Xuất quật, tiềm tung giả, sư tử xuất quật thời, tứ túc cứ địa, chấn vĩ xuất thanh. Thủy tánh chi thuộc, tiềm một thâm uyên. Lục hành chi loại, tàng thoán khổng huyệt. Phi giả đọa lạc, chư đại hương tượng, bôn tẩu thất phẩn, danh hàm hưu dã. Dĩ thượng thị chánh thích.

(疏)此萬慮者，甲滅則乙生，俄去則倏返，百計除之，終莫能得。今以持名之力，正念纔舉，雜想自除。喻如獅子出窟，百獸潛蹤，杲日照霜，千林失白，名咸休也。

(演)甲滅乙生者，約彼此說。如貪滅瞋生等。俄去倏返者，約一法說。如纔滅復現也。獅子昊日喻正念。百獸與霜喻萬慮。出窟潛蹤者。獅子出窟時。四足踞地。振尾出聲。水性之屬。潛沒深淵。陸行之類。藏竄孔穴。飛者墮落。諸大香象。奔走失糞。名咸休也。以上是正釋。

*(**Sớ**: "Muôn mối lo ấy": Giáp diệt, Ất sẽ sanh, [ý niệm trong] khoảnh khắc này vừa đi, [ý niệm trong] khoảnh khắc sau đã trở lại. Dùng trăm phương cách để trừ khử, rốt cuộc vẫn chẳng thể trừ được. Nay nhờ vào sức trì danh, chánh niệm vừa dấy lên, những ý tưởng tạp loạn tự trừ. Ví như sư tử ra khỏi hang, trăm loài thú đều ẩn giấu tung tích; mặt trời rạng rỡ chiếu màn sương, ngàn khu rừng đều hết màu trắng. Đó gọi là "đều ngưng dứt" vậy.*

***Diễn**: "Giáp diệt, Ất sanh" là dựa theo niệm này, niệm kia để nói; như ý niệm tham vừa diệt, ý niệm sân bèn sanh v.v... "Khoảnh khắc này vừa đi, khoảnh khắc sau trở lại" là ước theo một pháp để nói, như vừa mới hiện lại diệt. Chánh niệm được ví như sư tử hay mặt trời rực rỡ. Vạn mối lo được ví như trăm loài thú hoặc màn sương.*

"Ra khỏi hang, ẩn giấu tung tích": Khi sư tử ra khỏi hang, bốn chân giẫm trên mặt đất, vẫy đuôi gầm lên, các loài dưới nước bèn lặn sâu xuống vực thẳm, những loài sống trên đất ẩn trốn trong hang hốc, những loài đang bay rơi xuống, những con đại hương tượng rảo chạy văng cả phân, đó gọi là "đều ngưng dứt". Trên đây là phần giải thích chánh yếu).

(Sớ) Cố Vĩnh Minh vị: "Hữu nhân sổ tức, giác quán bất hưu, niệm Phật xưng danh, tức phá giác quán", thử kỳ nghiệm dã. Hưu chi hựu hưu, cùng kỳ nguyên bổn, cố vân "cứu cực". Chí ư nhất tâm bất loạn, thị vị thành tựu Niệm Phật tam-muội.

(Diễn) Cố Vĩnh Minh dĩ hạ, thị dẫn chứng. Sổ Tức giả, Sổ Tức Quán dã. Sổ xuất nhập tức, tùng nhất chí thập, đối trị tán loạn pháp dã. Thử pháp thông thế gian xuất thế gian Thiền, như căn bản Thiền, đa do Sổ Tức nhi nhập, nhi Lục Diệu Môn, diệc tiên dĩ Sổ Tức vi thủ. Thỉnh Quán Âm diệc tất dĩ Sổ Tức vi trợ dã. Sơ tâm tại duyên viết Giác, tế tâm quán sát viết Quán, chánh thị thử nhân Sổ Tức công phu. Đản cừ công phu ký thành, cánh dục tăng tấn giác. Giác quán bất hưu, diệc tức thị bệnh; toại tá xưng danh vi chuyển trị dã. Đản tự tự phân minh, diệc thị Giác. Cú cú tiếp tục, diệc thị Quán. Vân hà tức phá giác quán? Cái thị

dĩ độc công độc, dụng binh chỉ binh. Độc tận, binh tiêu, thân tâm an lạc nhĩ. Hựu hoặc thử nhân kính tựu Lý trì, nghiên cứu chi cực, đốn nhập vô tâm tam-muội, diệc bất khả tri. Thử chánh thị nhất cá hàm hưu dạng tử, cố thủ chi dĩ vi nghiệm dã. Hưu chi vị hưu, tức sở vị "tinh tấn cánh tinh tấn, phóng hạ hựu phóng hạ" dã. Nguyên bổn thị vạn lự chi nguyên đầu căn bản. Cận ngôn chi, tức thị dung thông vọng tưởng, dĩ vi kỳ bổn. Cùng vị phù tưởng tiêu trừ, ư giác minh tâm, như khử trần cấu, thử tức thị Sự nhất tâm dã. Viễn ngôn chi, tắc thị võng tượng hư vô, điên đảo vọng tưởng, dĩ vi kỳ bổn. Cùng vị thúc nhiên huy liệt, viên minh tinh tâm, ư trung phát hóa. Thử tức thị Lý nhất tâm dã. Sự Lý nhất tâm, giai vi thành tựu Niệm Phật tam-muội. Tam-muội giả, Phạn ngữ, thử vân Chánh Định, diệc vân Chánh Thọ. Ly tà danh Chánh, ly tán danh Định. Dĩ nhất tâm bất loạn, bất đồng phàm phu chi bất định, ngoại đạo chi tà định dã. Bất thọ chư thọ, danh vi Chánh Thọ. Dĩ nhất tâm bất loạn, vô nhất pháp đương tình, danh Chánh Thọ dã.

(疏)故永明謂：有人數息，覺觀不休，念佛稱名，即破覺觀，此其驗也。休之又休，窮其源本，故云究極。至於一心不亂，是為成就念佛三昧。

(演)故永明以下是引證。數息者，數息觀也。數出入息，從一至十，對治散亂法也。此法通世間出世間禪，如根本禪，多由數息而入。而六妙門。亦先以數息為首。請觀音亦必以數息為助也。初心在緣曰覺，細心觀察曰觀，正是此人數息工夫。但渠工夫既成。更欲增進覺。覺觀不休，亦即是病。遂借稱名為轉治也。但字字分明，亦是覺。句句接續，亦是觀。云何即破覺觀？蓋是以毒攻毒，用兵止兵，毒盡兵消，身心安樂耳。又或此人徑就理持，研究之極，頓入無心三昧，亦不可知。此正是一個咸休樣子，故取之以為驗也。休之又休，即所謂精進更精進，放下又放下也。源本，是萬慮之源頭根本。近言之，即是融通妄想，以為其本。窮謂浮想消除，於覺明心，如去塵垢，此即是事一心也。遠言之，則是罔象虛無，顛倒妄想，以為其本。窮謂倏然隳裂，圓明精心，於中發化，此即是理一

心也。事理一心，皆為成就念佛三昧。三昧者，梵語。此云正定，亦云正受。離邪名正，離散名定。以一心不亂，不同凡夫之不定、外道之邪定也。不受諸受，名為正受。以一心不亂，無一法當情，名正受也。

*(**Sớ**: Vì thế, ngài Vĩnh Minh nói: "Có người tu Sổ Tức, giác quán chẳng ngớt, niệm Phật xưng danh liền phá trừ giác quán". Đấy là sự hiệu nghiệm của [pháp trì danh niệm Phật]. Đã ngưng dứt lại càng ngưng dứt hơn, thấu tột cội nguồn, nên nói là "cứu cực" (đạt đến rốt ráo cùng cực), còn đối với nhất tâm bất loạn thì pháp này sẽ thành tựu Niệm Phật tam-muội.*

***Diễn**: Từ "vì thế, ngài Vĩnh Minh" trở đi là dẫn chứng. Sổ Tức là Sổ Tức Quán, [tức là] đếm hơi thở ra vào từ một đến mười, là phương pháp để đối trị tán loạn. Pháp này chung cho Thiền thế gian lẫn xuất thế gian, như các phép Thiền căn bản phần nhiều do cách đếm hơi thở mà nhập, nhưng Lục Diệu Môn cũng trước hết lấy cách đếm hơi thở làm đầu. Thỉnh Quán Âm tam-muội cũng dùng Sổ Tức để phụ trợ. Lúc ban đầu, tâm nhận biết chỗ để nó duyên vào thì gọi là Giác, sự quán sát khi tâm đã vi tế hơn thì gọi là Quán. Đấy chính là công phu đếm hơi thở của người ấy; nhưng công phu của người ấy đã thành, càng muốn tăng tấn Giác. Giác quán chẳng ngơi thì cũng chính là bệnh, bèn chuyển sang nhờ vào phép xưng danh để chữa trị. Nhưng từng chữ phân minh cũng là Giác, từng câu tiếp nối thì cũng là Quán, làm sao có thể phá giác quán? Ấy là vì dùng độc trị độc, dùng binh dẹp binh. Độc hết, binh tiêu, thân tâm an lạc vậy. Lại có khi người ấy sẽ mau chóng dùng cách Lý Trì, nghiên cứu đến tột cùng, nhanh chóng chứng nhập vô tâm tam-muội cũng không chừng! Đây chính là một thí dụ về "muôn mối phiền não đều dứt" cho nên nêu ra để làm chứng nghiệm vậy.*

"Đã ngưng dứt lại càng ngưng dứt hơn", ý nói: Đã tinh tấn lại càng tinh tấn hơn, đã buông xuống lại càng buông xuống hơn. "Cội nguồn" là gốc rễ đầu mối của mọi mối lo sầu. Nói gần gũi thì chính là dung thông vọng tưởng, lấy nó (tức vô minh) làm gốc. "Cùng" có nghĩa là tiêu trừ những vọng tưởng hời hợt nơi tâm giác minh như trừ khử bụi nhơ. Đây chính là Sự nhất tâm.

Nói xa xôi thì là những thứ huyễn mị, hư vô, vọng tưởng điên đảo, lấy nó làm gốc. "Cùng" có nghĩa là đột nhiên vỡ nát, cái tâm tinh thuần viên minh phát khởi tác dụng từ trong ấy. Đấy chính là Lý nhất tâm vậy.

Sự nhất tâm và Lý nhất tâm đều là thành tựu Niệm Phật tam-muội. Tam-muội là tiếng Phạn, cõi này dịch là Chánh Định, còn dịch là Chánh Thọ. Do lìa tà nên gọi là Chánh, do lìa tán loạn nên gọi là Định. Do nhất tâm bất loạn nên chẳng giống với phàm phu bất định và tà định của ngoại đạo. Do chẳng nhận lãnh các cảm thọ, nên gọi là Chánh Thọ. Do nhất tâm bất loạn, không có một pháp nào là tình thức, nên gọi là Chánh Thọ).

Nhị, quả chứng.

(Tự) Nãi tri phỉ ly khuể bộ, bảo trì dũng tứ sắc chi hoa. Bất xuất hộ đình, kim địa nhiễu thất trùng chi thụ. Xứ xứ Di Đà thuyết pháp, thời thời liên nhụy hóa sanh. Trân cầm dữ thứ điểu giai âm, quỳnh viện cộng mão đường tịnh thái.

(Diễn) Nãi tri hạ, thị minh Lý nhất tâm cảnh giới. Phỉ ly tứ cú, chánh thuyết duy tâm Tịnh Độ dã. Xứ xứ lưỡng cú, ngôn xúc xứ đỗng nhiên. Trân cầm lưỡng cú, ngôn nhất vị bình đẳng. Tế ngoạn chú trung tự kiến. Khuể bộ dũng hoa giả, vị tâm hoa xán phát, tả hữu phùng nguyên, thanh tịnh quang minh chi Thể, đương xứ xuất sanh dã. Hựu tâm bao pháp giới, ký diệu ngộ nhất tâm, tức vạn ức sát ngoại chi liên hoa, diệc bất ly thốn bộ dã. Hộ đình nhiễu thụ giả, vị giác lâm tăng trưởng, đạo thụ tư vinh, trưởng dưỡng chúng thiện chi Thể, tùy xứ phát hiện dã. Hựu pháp giới duy tâm. Ký diệu ngộ nhất tâm, tức vạn ức sát ngoại chi hàng thụ, diệc bất xuất hộ đình dã. Di Đà thuyết pháp giả, thước táo, nha minh, tận thị thâm đàm Bát Nhã; khê quang, sơn sắc, vô phi toàn lộ Giá Na dã. Xứ xứ giả, tức cổ nhân sở vị xí nhiên thuyết, vô gián hiết dã. Liên hoa hóa sanh giả, tùng ngộ nhi mê, thị vi thai tạng thọ sanh. Tùng mê nhi ngộ, thị vi liên hoa hóa sanh dã. Thời thời giả, tức kinh trung sở vị, thường tại ư kỳ trung, kinh hành cập tọa ngọa dã. Cầm điểu chỉ hữu tình, đường viện chỉ vô tình, cử thử nhị chủng, kiến tình dữ vô tình, đồng thành Chánh Giác dã. Giai âm tịnh thái, chánh thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ xứ.

二、果證。

(序)乃知匪離跬步，寶池涌四色之華。不出戶庭，金地遶七重之樹。處處彌陀說法，時時蓮蕊化生。珍禽與庶鳥偕音，瓊院共茆堂並彩。

(演)乃知下，是明理一心境界。匪離四句，正說唯心淨土也。處處兩句，言觸處洞然。珍禽兩句，言一味平等。

細玩註中自見。跬步湧華者。謂心華燦發，左右逢源，清淨光明之體，當處出生也。又心包法界 ，既妙悟一心，即萬億剎外之蓮花，亦不離寸步也。戶庭繞樹者。謂覺林增長，道樹滋榮，長養眾善之體，隨處發現也。又法界唯心。既妙悟一心，即萬億剎外之行樹，亦不出戶庭也。彌陀說法者，鵲噪鴉鳴盡是深談般若，溪光山色無非全露遮那也。處處者，即古人所謂熾然說無間歇也。蓮花化生者。從悟而迷，是為胎藏受生。從迷而悟。是為蓮花化生也。時時者，即經中所謂，常在於其中，經行及坐臥也。禽鳥指有情，堂院指無情，舉此二種，見情與無情，同成正覺也。偕音並彩，正是法平等，無有高下處。

(Hai, chứng quả.

***Tựa**: Bèn biết: Chẳng lìa nửa bước, ao báu trổ hoa bốn màu. Chẳng ra khỏi sân, khỏi cửa, bảy hàng cây vây quanh đất vàng. Chốn chốn Di Đà thuyết pháp, thời thời hóa sanh trong hoa sen. Chim quý lẫn chim thường hòa tiếng hót nhịp nhàng, lầu quỳnh cùng lều tranh cùng nhau khoe sắc.*

***Diễn**: Từ chữ "bèn biết" trở đi, nói về cảnh giới Lý nhất tâm. Bốn câu "chẳng lìa..." nói thẳng vào duy tâm Tịnh Độ. Hai câu "chốn chốn" ý nói những chỗ tiếp xúc đều rỗng rang. Hai câu "chim quý" ý nói "một vị bình đẳng". Từ những lời chú thích, hãy suy ngẫm cặn kẽ, sẽ tự thấy từng ý nghĩa thú vị. "Nửa bước, trổ hoa" ý nói tâm hoa nở rạng rỡ, đâu đâu cũng gặp nguồn, Thể thanh tịnh quang minh xuất sanh từ ngay nơi ấy. Lại nữa, tâm chứa trọn pháp giới. Đã diệu ngộ nhất tâm thì hoa sen ở ngoài vạn ức cõi cũng chẳng cách xa một tấc bước chân nào.*

"Cửa, sân, hàng cây vây quanh", ý nói: Rừng giác tăng trưởng, cây đạo tốt tươi, nuôi dưỡng lớn cái Thể của các điều thiện, nó sẽ hiển lộ ở mọi nơi. Lại nữa, pháp giới duy tâm. Đã diệu ngộ nhất tâm thì ngay cả hàng cây ở ngoài vạn ức cõi cũng chẳng ra khỏi cửa, khỏi sân vậy. "Di Đà thuyết pháp": Chim khách hót, quạ kêu, đều là đàm luận Bát Nhã sâu xa; ánh khe, sắc núi, không gì chẳng hiển lộ trọn vẹn [Pháp Thân của Phật Tỳ Lô] Giá Na.

"Xứ xứ" là như cổ nhân đã bảo "nói cuồn cuộn, không gián đoạn" vậy. "Hóa sanh trong hoa sen": Từ ngộ thành mê, bèn thọ sanh trong bào thai. Từ mê mà ngộ thì hóa sanh trong hoa sen. "Thời thời" là như trong

kinh có nói: "Thường kinh hành và ngồi, nằm ở trong ấy". "Chim chóc" chỉ hữu tình, "nhà viện" chỉ vô tình, nêu lên hai thứ ấy để thấy hữu tình và vô tình cùng thành Chánh Giác. "Hòa tiếng hót nhịp nhàng, cùng nhau khoe sắc" nhằm chỉ rõ pháp bình đẳng, không có chỗ nào cao hay thấp).

(Sớ) Ký đắc nhất tâm bất loạn, thỉ tri liên hoa, hàng thụ, chủng chủng trang nghiêm, tịnh phi tâm ngoại. Hà tất nhĩ thính kim ngôn, phương thị Di Đà thuyết pháp? Sa Bà ấn hoại, thỉ danh Tịnh Độ văn thành giả tai? Nhiên tắc trân cầm, thứ điểu, quỳnh viện, mão đường, hà liệt, hà ưu, hà tịnh, hà uế? Cố viết: Tây Phương tại mục tiền dã.

(Diễn) Ký đắc tứ cú minh tức thử nhất tâm, tức thị Tịnh Độ. Hà tất tứ cú minh "bất tất vãng sanh, phương thành Tịnh Độ". Nhiên tắc tứ cú, hiển duy tâm cảnh giới, vô sai biệt tướng, đẳng đồng nhất vị dã, cố viết cú tổng kết. Ấn hoại văn thành giả, Niết Bàn nhị thập thất vân: "Thí như lạp ấn ấn nê, ấn dữ nê hợp, ấn diệt văn thành". Dĩ dụ phàm phu hiện tại Ấm diệt, Trung Hữu Ấm sanh. Kim tá thử văn, dĩ dụ vãng sanh hành nhân, thử độ Ấm diệt, bỉ quốc Ấm sanh. Tu tri: Thùy chung tự kiến tọa kim liên thân, dĩ thị bỉ quốc sanh Ấm cố dã. Thành luận minh cực thiện, cực ác, câu bất kinh Trung Ấm, như toản mâu ly thủ dã.

(疏)既得一心不亂，始知蓮華行樹，種種莊嚴，並非心外。何必耳聽金言，方是彌陀說法？娑婆印壞，始名淨土文成者哉？然則珍禽庶鳥，瓊院茆堂 ，何劣何優 ，何淨何穢？故曰：西方在目前也。

(演)既得四句。明，即此一心，即是淨土。何必四句明不必往生，方成淨土。然則四句，顯唯心境界，無差別相，等同一味也。故曰句總結。印壞文成者，涅槃二十七云：譬如蠟印印泥，印與泥合，印滅文成。以喻凡夫現在陰滅。中有陰生。今借此文，以喻往生行人，此土陰滅，彼國陰生。須知垂終自見坐金蓮身，已是彼國生陰故也。成論明極善極惡，俱不經中陰。如鑽矛離手也。

*(**Sớ**: Đã đắc nhất tâm bất loạn mới biết hoa sen, hàng cây, các thứ trang nghiêm, trọn chẳng ở ngoài tâm. Cần gì phải tai nghe lời vàng thì mới là Phật Di Đà thuyết pháp? [Há phải là] cái ấn cõi Sa Bà đã nát thì mới gọi là "nét khắc nơi Tịnh Độ" được thành ư? Vậy thì chim quý, chim*

thường, viện quỳnh, lều tranh, gì là kém, gì là hơn, gì là tịnh, gì là uế? Cho nên nói: Tây Phương ở ngay trước mắt.

***Diễn**: Bốn câu kể từ chữ "đã đắc" trở đi nhằm chỉ rõ: Chính cái nhất tâm này là Tịnh Độ. Bốn câu bắt đầu bằng chữ "cần gì" [trong lời Sớ] chỉ rõ: "Cần gì phải vãng sanh thì mới thành Tịnh Độ". Bốn câu từ chữ "nhiên tắc" (vậy thì) trở đi, hiển thị cảnh giới duy tâm, không có tướng sai biệt, bình đẳng, có cùng một vị. Câu "cho nên nói" là lời tổng kết. "Ấn nát, nét khắc thành hình" là như kinh Niết Bàn quyển thứ hai mươi bảy đã chép: "Ví như ấn sáp đem đóng xuống bùn, ấn áp vào bùn, ấn nát, mà nét khắc trên ấn đã thành hình [trên bùn]". [Câu này] nhằm tỷ dụ thân Ngũ Ấm trong hiện tại của phàm phu đã diệt, thân Trung Ấm đã sanh. Nay nhờ vào đoạn văn này để tỷ dụ hành nhân vãng sanh, Ngũ Ấm trong cõi này diệt, Ngũ Ấm trong cõi kia được sanh ra. Cần biết rằng: Người lâm chung tự thấy thân mình ngồi trên hoa sen vàng, tức là Ngũ Ấm của chính mình đã sanh trong cõi kia. Thành Duy Thức Luận nói kẻ cực thiện hay cực ác đều không trải qua giai đoạn Trung Ấm, như cái đục hay cái mâu lìa khỏi tay vậy).*

Tam, tổng kết.

(Tự) Cái diêu niệm không chân niệm, sanh nhập vô sanh, niệm Phật tức thị niệm tâm, sanh bỉ bất ly sanh thử. Tâm, Phật, chúng sanh nhất thể, trung lưu, lưỡng ngạn bất cư. Cố vị "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ".

(Diễn) Niệm không chân niệm giả, niệm tức niệm Phật chi niệm. Chân niệm tức Chân Như Thể. Niệm đáo cực xứ, hòa niệm thoát lạc, đốn ly niệm tướng, vị chi "niệm Không". Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới. Pháp giới nhất tướng, tức thị bình đẳng Pháp Thân, cố vân "chân niệm". Sanh nhập vô sanh giả, sanh tức sanh tử chi sanh, vô sanh tức Vô Sanh Nhẫn. Sanh bổn vô Thể, dĩ niệm vi Thể. Khởi Tín vân: "Nhất thiết chư pháp, duy y vọng niệm, nhi đắc trụ trì". Kim ký niệm Không, sở vị: Bì ký bất tồn, mao tương an phụ? Tự nhiên độc lâu phấn toái, Ngũ Ấm tiêu vong, tùng hữu sanh ngộ nhập Vô Sanh hỹ. Hựu sanh tức niệm Phật chi tâm, vô sanh vị Vô Sanh chi lý. Tuy niệm tánh nguyên sanh diệt, ký do hữu niệm đắc nhập vô niệm, thị tùng sanh diệt đốn nhập Vô Sanh hỹ. Niệm Phật, niệm tâm giả, ký đáo chân niệm điền địa, tắc kỳ niệm Phật dĩ vô năng sở. Năng niệm tâm ngoại, vô hữu Phật vi ngã sở niệm. Sở niệm Phật ngoại, vô hữu tâm năng niệm ư Phật. Trí ngoại vô Như, Như ngoại vô Trí. Như, Trí bất nhị, danh niệm Phật

tức thị niệm tâm dã. Sanh bỉ, sanh thử giả, ký đáo vô sanh điền địa, tắc kỳ Tịnh Độ dĩ vô bỉ thử. Du thần ức sát, thật sanh hồ tự kỷ tâm trung. Dựng chất cửu liên, phỉ đào hồ sát-na tế nội. Bỉ tức thị thử, thử tức thị bỉ, bỉ thử vô phân, vân sanh bỉ bất ly sanh thử dã. Tâm, Phật, chúng sanh nhất Thể giả, Phật giả quả đức chi xưng, chúng sanh uế ác chi hiệu, tâm giả linh minh chi Thể. Niệm Phật vị chí nhất tâm, tâm bất thị Phật, Phật bất thị sanh, phán nhiên bất nhất. Kim ký niệm Phật tức thị niệm tâm, tắc phản bổn hoàn nguyên, bất kiến sanh, Phật giả danh. Duy nhất diệu minh, châu biến pháp giới. Dĩ tức Phật chi sanh, niệm tức tâm chi Phật, vô nhị tướng dã. Trung lưu, lưỡng ngạn bất cư giả, khổ vực thị thử ngạn, lạc bang thị bỉ ngạn. Phi khổ phi lạc thị trung lưu. Niệm Phật vị chí nhất tâm, trung lưu, lưỡng ngạn, tiệt nhiên bất đồng. Kim ký sanh bỉ bất ly sanh thử, tắc bất kiến bỉ ngạn, bất kiến thử ngạn, tịnh bất kiến phi bỉ, phi thử chi trung lưu hỹ. Cổ vân: "Hải tạng đa la nhất diệp châu. Bất cư lưỡng ngạn, bất trung lưu. Nhất cao xanh xuất hư không ngoại, nhạ đắc xuân phong tiếu điểm đầu", thị dã.

三、總結。

(序)蓋繇念空真念。生入無生。念佛即是念心。生彼不離生此。心佛眾生一體。中流兩岸不居。故謂自性彌陀。唯心淨土。

(演)念空真念者。念即念佛之念，真念即真如體，念到極處，和念脫落，頓離念相，謂之念空。離念相者，等虛空界，法界一相，即是平等法身，故云真念。生入無生者，生即生死之生，無生即無生忍。生本無體，以念為體。起信云：一切諸法，唯依妄念而得住持。今既念空，所謂皮既不存，毛將安附？自然髑髏粉碎，五陰消亡，從有生悟入無生矣。又生即念佛之心，無生謂無生之理。雖念性元生滅，既由有念得入無念，是從生滅頓入無生矣。念佛念心者。既到真念田地，則其念佛已無能所。能念心外，無有佛為我所念。所念佛外，無有心能念於佛。智外無如，如外無智，如智不二，名念佛即是念心也。生彼生此者，既到無生田地，則其淨土已無彼此。遊神億剎，實生乎自己心中。孕質九蓮，匪逃乎剎那際內。彼即是此，此即是

彼，彼此無分，云生彼不離生此也。心佛眾生一體者。佛者果德之稱，眾生穢惡之號，心者靈明之體。念佛未至一心，心不是佛，佛不是生，判然不一。今既念佛即是念心。則返本還源。不見生佛假名。惟一妙明，周遍法界。以即佛之生，念即心之佛，無二相也。中流兩岸不居者。苦域是此岸，樂邦是彼岸。非苦非樂是中流。念佛未至一心。中流兩岸，截然不同。今既生彼不離生此。則不見彼岸，不見此岸，并不見非彼非此之中流矣。古云：海藏多羅一葉舟。不居兩岸不中流。一篙撐出虛空外，惹得春風笑點頭，是也。

(Ba, tổng kết.

***Tựa**: Ấy là do niệm tới mức mọi đối đãi rỗng không, sẽ là chân niệm, từ sanh tử nhập Vô Sanh Nhẫn, niệm Phật chính là niệm tâm. Sanh về cõi kia, nhưng chẳng lìa sanh trong cõi này. Tâm, Phật, và chúng sanh có cùng một Thể, giữa dòng và hai bên bờ đều chẳng ở. Do vậy nói: "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ".*

***Diễn**: "Niệm tới mức mọi đối đãi rỗng không thì sẽ là chân niệm": Chữ "niệm" [trong câu trên đây] chính là chữ niệm trong niệm Phật. "Chân niệm" chính là bản thể của Chân Như. Niệm đến mức tột cùng, năng niệm (cái tâm niệm Phật) lẫn sở niệm (vị Phật được niệm) đều mất, nhanh chóng lìa khỏi tướng niệm, nên gọi là "niệm Không". Lìa khỏi tướng niệm, sẽ bằng với hư không giới. Pháp giới nhất tướng, tức là Pháp Thân bình đẳng, cho nên gọi là "chân niệm".*

"Sanh nhập vô sanh": Chữ "Sanh" [đầu tiên trong câu này] là chữ Sanh trong sanh tử, "vô sanh" là Vô Sanh Nhẫn. Sanh vốn không có Thể, lấy niệm làm Thể. Khởi Tín Luận viết: "Hết thảy các pháp chỉ do nương vào vọng niệm mà được tồn tại liên tục". Nay niệm đã rỗng không, tức là nói: "Da đã chẳng còn, lông dính vào đâu?" Tự nhiên đầu lâu nát vụn như bột, Ngũ Ấm mất tiêu, từ có sanh bèn ngộ nhập Vô Sanh vậy.

Lại nữa, Sanh chính là cái tâm niệm Phật, Vô Sanh là lý Vô Sanh. Tuy tánh của niệm vốn là sanh diệt, nhưng do hữu niệm mà nhập vô niệm, tức là từ sanh diệt mà nhanh chóng nhập Vô Sanh vậy.

"Niệm Phật, niệm tâm": Đã đạt đến cảnh giới chân niệm thì sự niệm Phật ấy không có Năng và Sở. Ngoài cái tâm niệm Phật, không có đức Phật để ta niệm. Ngoài đức Phật được niệm, không có cái tâm niệm

Phật. Ngoài trí không có Như, ngoài Như không có trí. Trí và Như chẳng hai, thì gọi là "niệm Phật chính là niệm tâm".

"Sanh cõi kia, sanh trong cõi này": Đã đến địa vị Vô Sanh thì Tịnh Độ chẳng có đây hay kia. Thần thức ngao du trong một ức cõi nước, nhưng thật sự là sanh trong tâm của chính mình. Hoài thai nơi sen chín phẩm, chưa đầy trong khoảng sát-na. Kia chính là đây, đây chính là kia, đây và kia không chia cách, nên nói: "Sanh về kia, chẳng rời sanh nơi đây".

Tâm, Phật, và chúng sanh là một Thể. Phật là danh xưng của quả đức, "chúng sanh" là tên gọi của uế ác, "tâm" là cái Thể linh minh. Niệm Phật mà chưa đạt đến nhất tâm, thì tâm chẳng phải là Phật; Phật chẳng phải là chúng sanh, rành rành chẳng phải là một. Nay đã là "niệm Phật chính là niệm tâm" thì là trở về cội nguồn, chẳng thấy các giả danh "chúng sanh" và "Phật" nữa, diệu minh duy nhất trọn khắp pháp giới. Dùng "chúng sanh vốn sẵn là Phật" ấy để niệm vị Phật ở ngay trong tâm thì không có hai tướng.

"Chẳng ở giữa dòng hay hai bên bờ": Cõi khổ là bờ này, nước vui là bờ kia. Chẳng khổ chẳng sướng là giữa dòng. Niệm Phật mà chưa đạt đến nhất tâm thì giữa dòng và hai bờ khác nhau rành rành. Nay đã sanh về cõi kia, chẳng lìa sanh trong cõi này, sẽ chẳng thấy bờ này hay bờ kia, trọn chẳng thấy là giữa dòng, chẳng phải bờ này, hay bờ kia. Cổ nhân nói: "Biển cả Đa La một lá thuyền. Giữa dòng, đôi bến đều không trụ. Một sào chống vượt ngoài trời thẳm. Cười đón gió Xuân khẽ gật đầu" chính là ý này).

(Sớ) Thừa thượng thù nhân diệu quả, chánh diêu niệm Phật chí ư nhất tâm, tắc niệm cực nhi không, vô niệm chi niệm, vị chi chân niệm. Hựu niệm Thể bổn không, niệm thật vô niệm, danh chân niệm dã.

(Diễn) Niệm cực nhi không, ước Tu biên thuyết. Niệm Thể bổn không, ước Tánh biên thuyết. Vô niệm chi niệm, thị chung nhật vô niệm, chung nhật niệm Phật dã. Niệm thật vô niệm, thị chung nhật niệm Phật, chung nhật vô niệm dã. Hựu thử nhị nghĩa, diệc nãi tương tu. Do niệm cực nhi không, phương tri niệm Thể bổn không. Công phu bất đáo, bất ngộ bổn thể dã. Hựu do niệm Thể bổn không, phương đắc niệm cực nhi không. Bổn thể bất không, túng niệm bất không dã.

(疏)承上殊因妙果，正繇念佛至於一心。則念極而空，無念之念，謂之真念。又念體本空。念實無念，名真念也。

(演)念極而空，約修邊說。念體本空，約性邊說。無念之念，是終日無念，終日念佛也。念實無念，是終日念佛，終日無念也。又此二義，亦乃相須。由念極而空，方知念體本空，工夫不到，不悟本體也。又由念體本空，方得念極而空。本體不空，縱念不空也。

*(**Sớ**: Nhân thù thắng, quả nhiệm mầu như được nói trên đây chính là do niệm Phật đạt đến nhất tâm, tức là niệm đến cùng cực thì rỗng không, vô niệm mà niệm, nên gọi là "chân niệm". Lại nữa, Thể của niệm vốn là Không, niệm thật sự là vô niệm, nên gọi là "chân niệm".*

***Diễn**: "Niệm đến cùng cực thì rỗng không" là nói theo phương diện tu tập. "Thể của niệm vốn là không" là ước theo phương diện Tánh để nói. Niệm trong "vô niệm" là suốt ngày vô niệm mà suốt ngày niệm Phật. Niệm mà thật sự vô niệm là suốt ngày niệm Phật, mà suốt ngày vô niệm. Lại nữa, hai nghĩa này cũng bổ trợ lẫn nhau. Do niệm đến tột cùng bèn rỗng không [mọi ý niệm đối đãi], mới biết Thể của niệm là Không. Do công phu chưa đạt, cho nên chẳng ngộ bổn thể. Lại do Thể của niệm vốn là Không, cho nên mới niệm tới mức cùng cực, sẽ rỗng không các ý niệm đối đãi. Do bổn thể chẳng không, dẫu niệm mà vẫn chẳng không).*

(Sớ) Sanh vô sanh giả, đạt sanh Thể bất khả đắc, tắc sanh nhi bất sanh, bất sanh nhi sanh. Thị danh "dĩ niệm Phật tâm, nhập Vô Sanh Nhẫn", như hậu Giáo Khởi trung biện. Cố tri chung nhật niệm Phật, chung nhật niệm tâm, xí nhiên vãng sanh, tịch nhiên vô vãng hỹ.

(Diễn) Đạt sanh thể bất khả đắc giả, do tâm không cố, đại địa bình trầm, hư không phấn toái; thôi cầu Ngũ Ấm, sắc, tâm, liễu bất khả đắc dã. Bất sanh nhi sanh giả, như dĩ bất sanh vi bất sanh, phi chân bất sanh dã. Sanh tức bất sanh, thị chân bất sanh. Cố Vĩnh Gia vị: "Thùy vô niệm, thùy vô sanh? Nhược thật vô sanh, vô bất sanh" đẳng. Hựu sanh tức niệm niệm sanh diệt, thử sanh diệt vọng tâm, bổn tự hư vọng, vô hữu thật thể. Cố vân "Thể bất khả đắc". Đạt giả, ngộ tâm chi bổn không dã. Ký ngộ tâm không, tắc chung nhật niệm Phật, chung nhật vô niệm, sanh nhi bất sanh dã. Chung nhật vô niệm, chung nhật niệm Phật, bất sanh nhi sanh dã. Sanh nhi bất sanh, tắc sanh nguyên bất khả đắc. Bất sanh nhi sanh, tắc bất sanh diệc bất khả đắc, thị chân vô sanh dã. Cố vân "dĩ niệm Phật tâm, nhập Vô Sanh Nhẫn".

(疏)生無生者，達生體不可得，則生而不生，不生而生，是名以念佛心入無生忍，如後教起中辯。故知終日念佛，終日念心，熾然往生，寂然無往矣。

(演)達生體不可得者。由心空故。大地平沉，虛空粉碎 ，推求五陰色心，了不可得也。不生而生者，如以不生為不生，非真不生也。生即不生。是真不生。故永嘉謂：誰無念，誰無生？若實無生無不生等。又生即念念生滅，此生滅妄心，本自虛妄，無有實體，故云體不可得。達者悟心之本空也。既悟心空。則終日念佛，終日無念，生而不生也。終日無念，終日念佛，不生而生也。生而不生，則生元不可得，不生而生，則不生亦不可得，是真無生也。故云以念佛心，入無生忍。

*(**Sớ**: "Sanh mà vô sanh": Thông đạt Thể của sanh là "chẳng thể được" thì sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh mà sanh. Đó gọi là dùng cái tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhẫn, như trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên thuộc đoạn sau sẽ luận định. Vì thế biết là suốt ngày niệm Phật, suốt ngày niệm tâm, hăm hở vãng sanh, [mà vẫn] lặng lẽ chẳng vãng sanh vậy.*

***Diễn**: "Thông đạt cái Thể của sanh là chẳng thể được": Do tâm rỗng không, đại địa chìm lỉm, hư không nát vụn như bột, suy lường, tìm cầu Ngũ Ấm, sắc, tâm, trọn chẳng thể được! "Chẳng sanh mà sanh": Nếu hiểu "chẳng sanh" là "không hề sanh" thì không phải là "chẳng sanh" thật sự. Sanh chính là vô sanh mới là "chẳng sanh" thật sự. Vì thế, ngài Vĩnh Gia nói: "Ai vô niệm, ai vô sanh? Nếu nói thật ra thì không có sanh mà cũng chẳng có bất sanh" v.v...*

Lại nữa, "sanh" chính là sanh diệt trong mỗi niệm. Cái vọng tâm sanh diệt ấy vốn hư vọng, chẳng có thật thể, nên nói: "Cái Thể chẳng thể được". "Đạt" là ngộ cái tâm vốn là Không. Đã ngộ tâm là Không thì suốt ngày niệm Phật mà suốt ngày vô niệm, sanh mà chẳng sanh. Suốt ngày vô niệm mà suốt ngày niệm Phật, [tức là] chẳng sanh mà sanh vậy. "Sanh mà bất sanh" tức là sanh vốn chẳng thể được, "bất sanh mà sanh" thì bất sanh cũng chẳng thể được. Đấy là chân vô sanh. Vì thế nói: "Dùng cái tâm niệm Phật để nhập Vô Sanh Nhẫn").

(Sớ) Tâm, Phật, chúng sanh giả, kinh vân: "Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt". Cái tâm tức thị Phật, Phật tức thị sanh, chư Phật tâm nội chúng sanh, niệm chúng sanh tâm trung chư Phật dã. Cố vân nhất thể.

(Diễn) Tam vô sai biệt giả, vị: Mê thử pháp, hữu chúng sanh danh. Ngộ thử pháp, hữu chư Phật danh. Thử pháp chư pháp trung, thật hữu tâm danh. Nhiên nhi mê ngộ bổn không, trung biên bất lập, chư Phật, chúng sanh, cập tâm, giai giả danh dã. Giả danh vô thật, toàn thể tức chân. Cố tam pháp tương tức, vô hữu sai biệt!

(疏)心佛眾生者。經云：心佛及眾生，是三無差別。蓋心即是佛，佛即是生 ，諸佛心內眾生 ，念眾生心中諸佛也。故云一體。

(演)三無差別者，謂迷此法有眾生名，悟此法有諸佛名，此法諸法中實有心名。然而迷悟本空，中邊不立，諸佛眾生及心，皆假名也。假名無實 ，全體即真 。故三法相即，無有差別。

*(**Sớ**: "Tâm, Phật, chúng sanh": Kinh dạy: "Tâm, Phật, và chúng sanh, ba thứ này không sai khác". Bởi lẽ, tâm chính là Phật, Phật chính là chúng sanh. Chúng sanh trong tâm chư Phật, niệm chư Phật ở trong tâm chúng sanh, nên nói là "nhất thể".*

***Diễn**: "Ba thứ không sai biệt", ý nói: Mê pháp này bèn có cái tên chúng sanh, ngộ pháp này bèn có danh xưng chư Phật. Trong các pháp, pháp này quả thật có cái danh xưng là "tâm", nhưng mê và ngộ vốn là Không, chính giữa và hai bên chẳng lập; chư Phật, chúng sanh, và tâm đều là giả danh. Giả danh không thật, toàn thể chính là chân. Cho nên ba pháp chính là lẫn nhau, chẳng có sai biệt).*

(Sớ) Trung lưu lưỡng ngạn giả, Sa Bà dụ thử, Cực Lạc dụ bỉ. Thử yên yếm khổ hân lạc. Ký yên khổ lạc song vong, chung yên diệc bất trụ ư phi khổ phi lạc, sở vị: "Nhị biên bất trước, Trung Đạo bất an dã".

(Diễn) Nhị biên vị hữu vô, Trung Đạo vị phi hữu phi vô, diệc hữu diệc vô. Bất trước bất an, chánh thị ly tứ cú xứ.

(疏)中流兩岸者，娑婆喻此，極樂喻彼。始焉厭苦欣樂。既焉苦樂雙亡。終焉亦不住於非苦非樂。所謂：二邊不著，中道不安也。

(演)二邊謂有無，中道謂非有非無，亦有亦無。不著不安，正是離四句處。

*(**Sớ**: "Giữa dòng, hai bên": Sa Bà ví như bên này, Cực Lạc ví như bên kia. Bắt đầu bằng chán khổ, thích vui, khổ và sướng đã cùng mất rồi; cuối cùng, cũng không trụ trong "chẳng khổ, chẳng sướng", cho nên nói: "Chẳng chấp vào hai bên, mà cũng chẳng an trụ nơi Trung Đạo".*

***Diễn**: Nhị Biên là Có và Không, Trung Đạo là chẳng phải Có, chẳng phải Không, mà cũng là Có, vừa là Không. "Chẳng chấp trước, chẳng an trụ" chính là lìa khỏi bốn câu (có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không).*

(Sớ) Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, ý cái như thị. Thị tắc Thiền Tông, Tịnh Độ, thù đồ đồng quy, dĩ bất ly tự tâm, tức thị Phật cố, tức thị Thiền cố. Bỉ chấp Thiền nhi báng Tịnh Độ, thị báng tự bổn tâm dã, thị báng Phật dã, thị tự báng kỳ Thiền dã, diệc phất tư nhi dĩ hỹ.

(Diễn) Tự tâm thị Phật, thị Thiền giả. Tự tâm giác chiếu tức thị Phật. Tự tâm tĩnh lự tức thị Thiền. Báng tự bổn tâm giả, dĩ Tịnh Độ nãi tự tâm chi Tịnh Độ cố. Thị báng Phật giả, dĩ bất ly tự tâm tức thị Phật cố. Thị tự báng kỳ Thiền giả, dĩ bất ly tự tâm tức thị Thiền cố.

(疏)自性彌陀，唯心淨土，意蓋如是。是則禪宗淨土，殊途同歸，以不離自心，即是佛故，即是禪故。彼執禪而謗淨土，是謗自本心也，是謗佛也，是自謗其禪也，亦弗思而已矣。

(演)自心是佛是禪者。自心覺照即是佛，自心靜慮即是禪。謗自本心者。以淨土乃自心之淨土故。是謗佛者，以不離自心即是佛故。是自謗其禪者，以不離自心即是禪故。

*(**Sớ**: "Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ" có ý nghĩa như thế đó. Do vậy, Thiền Tông và Tịnh Độ là khác đường, nhưng cùng về một nơi. Do chẳng lìa tự tâm, cho nên chính là Phật, chính là Thiền. Kẻ nào chấp Thiền, báng Tịnh Độ thì chính là hủy báng bổn tâm của chính mình, báng Phật, báng Thiền của chính mình. Đấy cũng là do chẳng suy nghĩ đó thôi!*

***Diễn**: "Tự tâm là Phật" thì là Thiền. "Tự tâm giác chiếu" chính là Phật. "Tự tâm tĩnh lự" chính là Thiền. [Hủy báng Tịnh Độ] là báng bổn tâm của chính mình, vì Tịnh Độ chính là Tịnh Độ trong tự tâm. [Báng*

Tịnh Độ] "là báng Phật": Vì chẳng lìa tự tâm thì chính là Phật. "Là tự báng Thiền" vì chẳng lìa tự tâm thì chính là Thiền).

Tứ, quảng hiển trì danh sở bị.

(Tự) Thử tắc lý chi nhất tâm, toàn quy thượng trí, diệc phục thông hồ sự tướng, khúc vị độn căn.

(Diễn) Thử tắc Lý chi nhất tâm giả, dĩ nhất tâm niệm Phật hữu Sự, hữu Lý. Thượng văn sở chỉ nãi Lý nhất tâm dã. Toàn quy thượng trí giả, dĩ Lý nhất tâm vô phương sở, vô hình tướng, bất khả thấu bạc, vô dung nghĩ nghị, phi túc cụ Bát Nhã linh căn, đơn đao trực nhập giả, tiễn năng ngộ nhập. Thông hồ sự tướng giả, bất ngộ tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ, đản dĩ vọng niệm niệm Phật, ly thử sanh bỉ, thị tắc sanh Phật uyển nhiên, tịnh uế lịch nhiên. Dĩ ngã chi sanh, cầu bỉ chi Phật, yếm thử ngũ trược, hân bỉ lạc bang, dữ bỉ lý tánh, toàn vô giao thiệp. Thử tắc độn căn sở hành dã.

四、廣顯持名所被。

(序)此則理之一心，全歸上智，亦復通乎事相，曲為鈍根。

(演)此則理之一心者，以一心念佛有事有理，上文所指乃理一心也。全歸上智者。以理一心，無方所，無形相，不可湊泊，無容擬議，非宿具般若靈根，單刀直入者，鮮能悟入。通乎事相者。不悟自性彌陀，唯心淨土。但以妄念念佛，離此生彼，是則生佛宛然，淨穢歷然，以我之生，求彼之佛，厭此五濁，欣彼樂邦，與彼理性，全無交涉，此則鈍根所行也。

(Bốn, nói cặn kẽ về những căn cơ thích hợp với pháp Trì Danh.

***Tựa**: Những điều này (tức những điều luận định trong những phần trước) chính là Lý nhất tâm, hoàn toàn quy về bậc thượng trí, nhưng cũng thông với sự tướng, mà cũng nhằm thích ứng với hàng độn căn.*

***Diễn**: "Đây chính là Lý nhất tâm": Do nhất tâm niệm Phật có Sự và Lý; đoạn văn trên đây nói về Lý nhất tâm. "Hoàn toàn quy về bậc thượng trí": Vì Lý nhất tâm không có nơi chốn, không có hình tướng, chẳng thể nắm níu được, không thể nào suy lường, luận định. Nếu chẳng phải là bậc sẵn có căn cơ Bát Nhã thần diệu từ trước, một mình ôm đao tiến thẳng vào, hiếm có kẻ nào mà có thể ngộ nhập được!*

"Thông với sự tướng": Chẳng ngộ "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ", chỉ dùng vọng niệm để niệm Phật, lìa cõi này, sanh sang cõi kia, [thấy có] Phật và chúng sanh rành rành, tịnh và uế phân minh, thấy ta là chúng sanh cầu đức Phật trong cõi kia, chán nhàm cõi ngũ trược này, ưa thích cõi vui sướng kia, hoàn toàn chẳng dính dáng đến lý tánh, thì đấy chính là cách hành trì của hàng độn căn vậy).

(Sớ) Lý Sự nhất tâm, tường kiến hậu văn. Kim vị tự tánh duy tâm, chánh chỉ kinh trung Lý nhất tâm bất loạn ngôn nhĩ. Thượng trí nãi khắc thừa đương, độn căn vị năng lãnh hà. Cố thử nhất tâm, bất chuyên chủ Lý, nhi diệc thông Sự. Dĩ Sự nhất tâm, nhân giai khả hành. Sở vị phu phụ chi ngu bất tiếu, nhi dữ tri dữ năng giả dã. Như thiên phổ cái, tự địa phổ kình, đại tạo chi trung, vô khí vật cố.

(疏)理事一心，詳見後文 。今謂自性唯心 ，正指經中理一心不亂言耳。上智乃克承當。鈍根未能領荷。故此一心，不專主理，而亦通事。以事一心，人皆可行。所謂夫婦之愚不肖，而與知與能者也。如天普蓋，似地普擎。大造之中，無棄物故。

*(**Sớ**: Đối với Lý nhất tâm và Sự nhất tâm, hãy xem giải thích chi tiết trong phần sau. Nay nói "tự tánh duy tâm" thì chính là nói tới Lý nhất tâm bất loạn như trong kinh đã nói, bậc thượng trí mới có thể gánh vác, kẻ độn căn chưa thể lãnh ngộ, gánh vác được.*

Vì thế, nhất tâm chẳng chuyên chú trọng vào Lý, mà còn thông với Sự; bởi lẽ, Sự nhất tâm thì ai cũng có thể hành được. Ý nói: Kẻ ngu phu ngu phụ chẳng đáng kể tới mà vẫn có thể biết, vẫn có thể hành được. Như trời che khắp, như đất nâng đều, trong đại tự nhiên, chẳng bỏ vật nào).

Tam, cảm thời (tam): Sơ, tổng thán. Nhị, biệt thán. Tam, kết thán.

Sơ, tổng thán.

(Tự) Nại hà thủ ngu chi bối, trước Sự nhi Lý vô văn, tiểu huệ chi lưu, chấp Lý nhi Sự toại phế. Trước Sự nhi mê Lý, loại mông đồng độc cổ thánh chi thư. Chấp Lý nhi di Sự, tỷ bần sĩ hoạch hào gia chi khoán.

(Diễn) Thủ ngu chi bối giả, ngu diệc bất năng chướng đạo. Cố vân: "Nhân nhất năng chi, kỷ bách chi" đẳng, nhi quá tại "thủ" tự, nãi cao thôi thánh cảnh, hoạch địa tự hạn chi bối. Tiểu huệ chi lưu giả, học Bát Nhã Bồ Tát, tu cầu đại trí huệ. Tiểu huệ giả, cuồng huệ dã, thiên huệ dã, phi chân trí huệ. Hựu thử nhị nhân chi bệnh, tại "chấp trước"

lưỡng tự. Cố kinh vân: "Chúng sanh xứ xứ trước, dẫn chi linh đắc xuất".

三、感時(三)：初、總歎。二、別歎。三、結歎。初、總歎。

(序)奈何守愚之輩，著事而理無聞，小慧之流，執理而事遂廢。著事而迷理，類蒙童讀古聖之書。執理而遺事，比貧士獲豪家之券。

(演)守愚之輩者，愚亦不能障道，故云：人一能之己百之等，而過在守字，乃高推聖境，畫地自限之輩。小慧之流者，學般若菩薩，須求大智慧。小慧者，狂慧也，偏慧也，非真智慧。又此二人之病，在執著兩字。故經云：眾生處處著，引之令得出。

(Ba, cảm thán trước thời thế (gồm ba phần): Một là lời cảm thán chung. Hai là lời cảm thán riêng. Ba là tổng kết lời cảm thán.

Trước hết là lời cảm thán chung.

***Tựa**: Hiềm rằng những kẻ chấp chặt ngu hèn, chấp vào Sự mà chẳng nghe Lý, phường trí huệ nhỏ nhoi do chấp Lý bèn phế Sự. Chấp Sự mê Lý, giống như trẻ thơ ngây ngô đọc sách của bậc thánh hiền thời cổ. Chấp Lý bỏ Sự, giống như kẻ nghèo có được bằng khoán của nhà giàu có.*

***Diễn**: "Những kẻ chấp chặt ngu hèn": Ngu cũng chẳng thể chướng ngại đạo, cho nên nói: "Người khác làm một lần bèn thành công, ta gắng sức cả trăm lần [thì cũng thành công]" v.v... nhưng lỗi là ở chữ Thủ (chấp giữ), chính là nói về hạng người đề cao thánh cảnh, tự vạch đất hạn định. "Phường trí huệ nhỏ nhoi": Bồ Tát học Bát Nhã cần phải cầu đại trí huệ. "Tiểu huệ" là cuồng huệ, hoặc trí huệ lệch lạc, chẳng phải là trí huệ chân thật. Căn bệnh của hai hạng người này là do hai chữ "chấp trước". Cho nên kinh nói: "Chúng sanh chỗ nào cũng chấp, dẫn dắt cho họ thoát khỏi").*

(Sớ) Thượng ngôn Phật Từ song bị trí ngu, kim ngôn chúng sanh bất thể Phật ý, hữu thiện giáo, vô thiện học, cố khả thán dã. Thủ ngu giả, ngu nhi cam ngu. Tiểu huệ giả, huệ nhi bất huệ. Lương dĩ Sự y Lý khởi, Lý đắc Sự chương, Sự Lý giao tư, bất khả thiên phế. Trước thử chấp bỉ, quyết tệ đẳng nhĩ.

(Diễn) Sự y Lý khởi giả, Sự bất tự Sự, nhân Lý nhi Sự. Nhân tự tánh Di Đà, cố khuyến nhân niệm Di Đà. Nhân duy tâm Tịnh Độ, cố khuyến nhân sanh Tịnh Độ. Lý đắc Sự chương giả, Lý bất tự chương, do Sự nãi chương. Nhân niệm Di Đà, phương hiển tự tánh Di Đà. Nhân cầu Tịnh Độ, nãi ngộ duy tâm Tịnh Độ. Do thị tâm thị Phật, phương nãi thị tâm tác Phật. Nhân thị tâm tác Phật, phương hiển tự tâm thị Phật cố.

(疏)上言佛慈雙被智愚，今言眾生不體佛意，有善教，無善學，故可歎也。守愚者，愚而甘愚。小慧者，慧而不慧。良以事依理起，理得事彰，事理交資，不可偏廢。著此執彼，厥弊等耳。

(演)事依理起者，事不自事，因理而事。因自性彌陀，故勸人念彌陀。因唯心淨土，故勸人生淨土。理得事彰者。理不自彰，由事乃彰。因念彌陀。方顯自性彌陀。因求淨土。乃悟唯心淨土。由是心是佛，方乃是心作佛。因是心作佛，方顯自心是佛故。

*(**Sớ**: Trong phần trên nói lòng Từ của Phật phủ khắp kẻ trí lẫn người ngu, nay nói chúng sanh chẳng thấu hiểu ý Phật, tuy có người khéo dạy, nhưng chẳng có kẻ khéo học, cho nên đáng than thở vậy. "Thủ ngu" là ngu mà cam tâm chịu ngu. "Tiểu huệ" là có huệ, nhưng không phải là trí huệ. Ấy là vì Sự nương theo Lý mà khởi, Lý nhờ Sự mà hiển lộ, Sự và Lý giúp đỡ lẫn nhau, chẳng thể bỏ phế một phía nào. Chấp bên này hay chấp bên kia, mắc lỗi như nhau!*

***Diễn**: "Sự nương vào Lý khởi": Sự chẳng thể tự có Sự được, do Lý mà có Sự. Do "tự tánh Di Đà", nên khuyên người ta niệm Di Đà. Do "duy tâm Tịnh Độ", nên khuyên mọi người sanh về Tịnh Độ. "Lý nhờ Sự mà hiển lộ": Lý chẳng thể tự phô rõ, phải do Sự mới được phô bày. Do niệm Di Đà, mới hiển lộ tự tánh Di Đà. Do cầu Tịnh Độ, bèn ngộ duy tâm Tịnh Độ. Do "tâm này là Phật", nên tâm này mới làm Phật. Do "tâm này làm Phật", nên mới hiển lộ tự tâm là Phật).*

(Sớ) Mông đồng dụ toàn ngu. Hôn trĩ vị khai, cẩn năng độc văn, liễu bất giải nghĩa. Sở vị "chung nhật niệm Phật, bất tri Phật niệm" giả dã. Bần sĩ dụ tiểu huệ. Tích hữu quẫn nhân, lộ hoạch di khoán. Kiến kỳ sở tải điền, viên, cung thất, kim, bạch, mễ, túc, chủng chủng số mục,

đại hỷ quá vọng, tự vân cự phú, bất tri sổ tha nhân bảo, ư kỷ hà thiệp? Sở vị: Tuy tri "tức Phật, tức tâm", phán nhiên tâm bất thị Phật giả dã.

(Diễn) Sổ tha bảo giả, Hoa Nghiêm vân: "Như nhân sổ tha bảo, tự vô bán tiền phân" đẳng. Phán nhiên tâm bất thị Phật giả, thị khẩu khẩu đàm không, bộ bộ hành hữu, khiết đắc nhục dĩ bão, lai tầm tăng thuyết Thiền giả.

(疏)蒙童喻全愚。昏稚未開，僅能讀文，了不解義。所謂終日念佛，不知佛念者也。貧士喻小慧。昔有窘人。路獲遺券。見其所載田園宮室，金帛米粟，種種數目，大喜過望。自云巨富，不知數他人寶，於己何涉？所謂雖知即佛即心，判然心不是佛者也。

(演)數他寶者。華嚴云：如人數他寶，自無半錢分等。判然心不是佛者，是口口談空，步步行有，喫得肉已飽，來尋僧說禪者。

*(**Sớ**: "Trẻ nhỏ ngu ngơ" ví như kẻ hoàn toàn ngu muội. Tối tăm, non nớt, đầu óc chưa mở mang, chỉ có thể đọc văn từ, trọn chẳng hiểu nghĩa. Đó gọi là "suốt ngày niệm Phật, mà chẳng biết vị Phật mà ta đang niệm là gì".*

"Kẻ nghèo" ví như hạng tiểu huệ. Xưa kia, có kẻ cùng quẫn, trên đường nhặt được tờ bằng khoán đánh rơi, thấy trên đó ghi chép ruộng, vườn, nhà cửa, vàng, lụa, gạo thóc, số lượng mỗi loại, liền mừng rỡ khôn cùng, tự bảo là giàu to, chẳng biết: Đếm tài sản của người khác, liên can chi đến mình? Đó gọi là: Tuy biết "Phật chính là tâm, tâm chính là Phật", nhưng rành rành tâm chưa phải là Phật vậy!

***Diễn**: "Đếm món báu của người khác": Kinh Hoa Nghiêm nói: "Như người đếm món báu của người khác, chính mình chẳng có nửa đồng". "Rành rành tâm chưa phải là Phật": Tức là miệng luôn nói là Không, nhưng bước nào cũng là Có. Ăn thịt no kềnh, đến tìm Tăng nói chuyện Thiền).*

(Sớ) Thị cố, ước Lý, tắc vô khả niệm. Ước Sự, tắc vô khả niệm trung, ngộ cố niệm chi. Dĩ niệm tức vô niệm cố, Lý Sự song tu, tức Bổn Trí nhi cầu Phật Trí, phù nhiên hậu vị chi Đại Trí dã.

(Diễn) Thị cố hạ thân chánh nghĩa. Ước Lý, vô khả niệm giả, dĩ Thật Tướng Lý trung, tuyệt tư, tuyệt nghị. Cử tâm tức thác, động niệm

tức quai cố. Niệm tức vô niệm giả, dĩ tức Sự tức Lý, tức niệm vô niệm. Xả niệm nhi cầu vô niệm, thị do bát ba cầu thủy, diệt khí cầu kim, thị Đoạn Diệt Kiến, khoát đạt không, phi vô niệm bổn thể dã. Tức Bổn Trí nhi cầu Phật Trí giả, Bổn Trí tức bổn hữu chi trí, bất nhân tu đắc, bất do học thành. Bổn tự cụ túc giả, sở vị Bổn Giác thị dã. Phật Trí do đoạn Hoặc nhi hiển, tu chứng nhi thành, xuất triền phương đắc giả, tức sở vị Thỉ Giác thị dã. Bổn Trí ước Lý cụ, Phật Trí ước Sự tạo dã.

(疏)是故約理則無可念，約事則無可念中吾固念之。以念即無念故，理事雙修，即本智而求佛智，夫然後謂之大智也。

(演)是故下伸正義。約理無可念者。以實相理中絕思絕議。舉心即錯，動念即乖故。念即無念者，以即事即理，即念無念。捨念而求無念，是猶撥波求水，滅器求金，是斷滅見，豁達空，非無念本體也。即本智而求佛智者，本智即本有之智，不因修得，不由學成。本自具足者，所謂本覺是也。佛智由斷惑而顯，修證而成，出纏方得者，即所謂始覺是也。本智約理具，佛智約事造也。

*(**Sớ**: Vì thế, ước theo mặt Lý, thì không có gì để có thể niệm, ước theo Sự thì trong cái "không có gì để có thể niệm", ta cứ kiên cố niệm. Do niệm chính là vô niệm, cho nên Lý và Sự cùng tu. Do từ ngay Bổn Trí mà cầu Phật Trí, cho nên sau đấy mới gọi là Đại Trí vậy.*

***Diễn**: Từ chữ "vì thế" trở đi nhằm trình bày ý nghĩa chính xác. "Ước theo Lý, thì không có gì để có thể niệm": Vì trong Lý Thật Tướng, dứt bặt nghĩ bàn. Dấy tâm liền trật, khởi niệm liền sai. "Niệm chính là vô niệm": Do Sự chính là Lý, Lý chính là Sự, nên niệm là vô niệm. Bỏ niệm để cầu vô niệm, khác nào gạt bỏ sóng để cầu nước, diệt các món đồ để tìm vàng. Đó là kiến giải Đoạn Diệt, là rỗng không, chẳng phải là bản thể của vô niệm.*

"Từ ngay Bổn Trí mà cầu Phật Trí": Bổn Trí chính là trí vốn sẵn có, chẳng do tu mà được, chẳng do học mà thành, vốn tự đầy đủ. Cái được gọi là Bổn Giác chính là nó đấy. Phật Trí là do đoạn phiền não mà hiển lộ, do tu chứng mà thành, thoát khỏi trói buộc thì mới đạt được. Cái được gọi là Thỉ Giác chính là nó đấy. Bổn Trí ước theo mặt Lý thì sẵn có, Phật Trí ước theo mặt Sự thì nó là do tu tập mà thành).

Nhị, biệt thán.

(Tự) Nhiên trước Sự nhi niệm năng tương kế, bất hư nhập phẩm chi công. Chấp Lý, nhi tâm thật vị minh, phản thọ lạc không chi họa.

(Diễn) Tương kế, vị nhất tự nhất tự phân minh, nhất cú nhất cú tiếp tục. Bất hư nhập phẩm giả, vị đản năng niệm niệm tiếp tục, vô hữu gián đoạn, tắc dĩ năng phục vọng, đắc thiểu phần tịnh, khả thành mạt phẩm. Hựu hoặc thử nhân, túc hữu linh căn, tức ư thử thời, đốn minh đế lý, tùy kỳ thiển thâm, hoặc trung, hoặc thượng, câu bất khả tri, cố viết "bất hư". "Minh" vị ư tự bổn tâm, hốt nhiên khế hợp, tức sở vị: "Nhất phát, nhất thiết phát" dã. Phản thọ họa giả, vị nhược thị tu hành nhân, tắc đọa tà ngoại. Nhược phàm phu, ngoại đạo, tắc phước tận thọ luân. Nhược khẩu khẩu đàm Không, bộ bộ hành Hữu giả, tắc kính đọa tam đồ, vô hữu hưu tức, cố vân "thọ họa".

二、別歎。

(序)然著事而念能相繼，不虛入品之功。執理，而心實未明，反受落空之禍。

(演)相繼，謂一字一字分明，一句一句接續。不虛入品者，謂但能念念接續，無有間斷，則已能伏妄。得少分淨，可成末品。又或此人夙有靈根，即於此時頓明諦理，隨其淺深，或中或上，俱不可知，故曰不虛。明謂於自本心忽然契合，即所謂一發一切發也。反受禍者，謂若是修行人，則墮邪外。若凡夫外道，則福盡受輪。若口口談空，步步行有者，則徑墮三途，無有休息，故云受禍。

(Hai, lời cảm thán riêng.

***Tựa**: Nhưng chấp Sự mà có thể niệm liên tục, sẽ chẳng uổng công lao, được nhập phẩm vị. Chấp Lý, nhưng chưa thật sự minh tâm, đâm ra mắc họa, chẳng đạt kết quả gì.*

***Diễn**: "Nối tiếp" là từng chữ phân minh, từng câu tiếp nối. "Chẳng uổng công lao, được nhập phẩm vị", ý nói: Chỉ cần niệm niệm tiếp tục, chẳng gián đoạn, là đã có thể khuất phục vọng, đạt được ít phần tịnh, sẽ có thể thành tựu phẩm cuối cùng. Hoặc là do kẻ ấy đã có linh căn từ đời trước, ngay trong lúc ấy, nhanh chóng hiểu đế lý, tùy theo [sự giải ngộ] cạn hay sâu, mà vãng sanh trong bậc Trung, hoặc bậc Thượng, đều không thể biết, cho nên nói là "chẳng uổng công lao". "Minh" là đột nhiên khế hợp bổn tâm, tức là nói: "Một thứ phát, hết thảy đều phát".*

"Đâm ra mắc họa" nghĩa là: Tuy là người tu hành, nhưng đọa trong tà môn, ngoại đạo. Nếu là phàm phu, ngoại đạo, khi hết phước, sẽ phải luân hồi.

Nếu miệng luôn nói Không, bước bước hành Có, sẽ nhanh chóng đọa trong tam đồ, chẳng hề ngưng nghỉ, nên nói là "mắc họa").

(Sớ) Thượng văn song yết nhị bệnh. Kim ư nhị bệnh, biệt cử kỳ vưu. Vị trước Sự, nhi tín tâm bất thiết, cố vô túc luận. Giả sử chuyên trì danh hiệu, niệm niệm tương kế, vô hữu gián đoạn, tuy hoặc bất minh đế lý, dĩ năng thành tựu tịnh thân, phẩm vị túng ty, vãng sanh tất hỹ. Sở vị "sĩ nhân tác bảng vĩ, đăng khoa diệc bất ố, đản khủng bảng thượng vô danh nhĩ". An đắc dĩ thủ ngu bệnh chi?

(Diễn) Trước Sự nhi tín bất thiết giả, như kim thế nhân, khẩu niệm Di Đà, tâm trì ngũ dục, không đàm Tịnh Độ, hệ niệm Sa Bà dã. Thành tựu tịnh thân giả, vị tam nghiệp hào vô nhiễm ô, tức sở vị thuần thanh tuyệt điểm, nhất điều bạch luyện dã. Vĩnh Minh vân: "Cầu Tịnh Độ giả, túng nhiêu vị minh đạo nhãn, dã tu thành tựu tịnh thân".

(疏)上文雙揭二病。今於二病，別舉其尤。謂著事而信心不切，固無足論。假使專持名號，念念相繼，無有間斷，雖或不明諦理，已能成就淨身，品位縱卑，往生必矣。所謂士人作榜尾登科亦不惡，但恐榜上無名耳。安得以守愚病之？

(演)著事而信不切者。如今世人，口念彌陀，心馳五欲，空談淨土，繫念娑婆也。成就淨身者，謂三業毫無染污。即所謂純清絕點，一條白練也。永明云：求淨土者，縱饒未明道眼，也須成就淨身。

*(**Sớ**: Đoạn văn trên đây nêu ra hai thứ bệnh. Nay đối với hai thứ bệnh, riêng nêu lên căn bệnh nặng nhất. Nghĩa là: Nếu chấp Sự mà tín tâm chẳng tha thiết, cố nhiên chẳng đáng để bàn tới! Giả sử chuyên trì danh hiệu, niệm niệm tiếp nối chẳng gián đoạn, dẫu chưa hiểu rõ đế lý, đã có thể thành tựu thân thanh tịnh, phẩm vị dẫu hèn, ắt được vãng sanh. Đó gọi là "học trò tên đề cuối bảng, vẫn là thi đậu, chẳng xấu hổ, chỉ sợ trên bảng chẳng có tên!" Há nên coi "giữ phận ngu" là khuyết điểm ư?*

***Diễn**: Chấp Sự mà lòng tin chẳng tha thiết, như người trong cõi đời này, miệng niệm Di Đà, tâm đuổi theo ngũ dục, bàn suông Tịnh Độ, tâm*

dính chặt Sa Bà. "Thành tựu tịnh thân" nghĩa là ba nghiệp chẳng ô nhiễm mảy may. Đấy gọi là "trong sạch đến tột bậc như một dải lụa tẩy gột trắng ngần".

Ngài Vĩnh Minh nói: "Người cầu sanh về Tịnh Độ, nếu như đạo nhãn chưa sáng tỏ, vẫn cần phải thành tựu tịnh thân").

(Sớ) Nãi chí chấp Lý nhi tâm thật liễu minh, diệc bất tất luận. Giả sử sính trì cuồng huệ, đam trước ngoan hư, ư tự bổn tâm tằng vị khai ngộ, nhi khinh đàm Tịnh Độ, miệt thị vãng sanh, vi hại phi tế, sở vị "khoát đạt không", bát nhân quả, mãng mãng đãng đãng, chiêu ương họa giả dã.

(Diễn) Tâm thật liễu minh, vị tam trí nhất tâm trung đắc. Dĩ đăng Sơ Địa, nhập Vô Sanh Nhẫn, ư tự bổn tâm hữu đại khai ngộ giả. Bất chánh chi vị Cuồng. Cuồng huệ giả, tuy hữu trí huệ, phi chân huệ dã. Hữu tùng học vấn đắc giả, hữu tùng công phu đắc giả, hữu tùng tà sư đắc giả, chủng chủng bất đồng. Trì sính giả, đại suất vị thập phương chư Phật nhất khẩu thôn tận, hà xứ cánh mịch Di Đà? Thập phương thế giới triệt để hiên phiên, hà phương biệt cầu Tịnh Độ? Tái thuyết niệm Phật cầu sanh, tảo thị bát vu an bính, đầu thượng gia đầu dã. Bất minh chi vị ngoan. Ngoan hư giả, tuy trước Không lý, phi Chân Không dã. Như si nhân khẩu khẩu đàm Không, phàm phu Tứ Vô Sắc Định, ngoại đạo Vô Tưởng, dĩ cập Phi Phi Tưởng Ấm Cảnh Không Ma, nãi chí viên hư vô tâm, chủng chủng bất nhất. Đam trước giả, đại suất kiên thủ chấp trước, nhất hướng nhập Không, các các tự vị thành Vô Thượng Đạo dã. Khinh đàm, vị hình ư khẩu. Miệt thị, vị tổn ư tâm.

(疏)乃至執理而心實了明，亦不必論。假使騁馳狂慧，耽著頑虛，於自本心曾未開悟，而輕談淨土，蔑視往生，為害非細，所謂豁達空、撥因果，莽莽蕩蕩招殃禍者也。

(演)心實了明，謂三智一心中得。已登初地。入無生忍。於自本心有大開悟者。不正之謂狂。狂慧者，雖有智慧，非真慧也。有從學問得者，有從工夫得者，有從邪師得者，種種不同。馳騁者，大率謂十方諸佛一口吞盡，何處更覓彌陀？十方世界徹底掀翻，何方別求淨土？再說念佛求生，早是缽盂安柄，頭上加頭也。不明之謂頑，頑虛者，雖著空理，非真空也。如痴人口口談空，凡夫四無色

定，外道無想，以及非非想陰境空魔，乃至圓虛無心，種種不一。耽著者，大率堅守執著，一向入空，各各自謂成無上道也。輕談，謂形於口。蔑視，謂存於心。

*(**Sớ**: Còn như chấp Lý mà tâm đã thật sự liễu giải thông suốt, cũng chẳng cần phải bàn tới. Giả sử là kẻ cuồng huệ luông tuồng, đắm chấp hư vô trơ trơ, đối với bổn tâm của chính mình, chưa hề khai ngộ, mà thốt lời rẻ rúng Tịnh Độ, coi thường vãng sanh, gây hại chẳng nhỏ. [Hạng người đó] gọi là kẻ khoát đạt rỗng tuếch, bài bác nhân quả, chuốc lấy tai ương, họa hại mênh mông bát ngát vậy!*

***Diễn**: "Tâm thật sự liễu minh" có nghĩa là đã đắc nhất tâm nơi Tam Trí, đã đạt Sơ Địa, nhập Vô Sanh Nhẫn. Đối với bổn tâm của chính mình có khai ngộ to lớn. Bất chánh thì gọi là Cuồng. "Cuồng huệ": Tuy có trí huệ, nhưng không phải là trí huệ chân thật. Có kẻ do học vấn mà được thông minh, có kẻ do công phu mà thành thông minh, có kẻ do tà sư mà thông minh, đủ loại khác nhau. "Sính trì" (luông tuồng) thì là nói bừa bãi: "Mười phương chư Phật một ngụm nuốt sạch, chỗ nào tìm được Di Đà nữa? Mười phương thế giới đều lật ngược hết lên, riêng cầu Tịnh Độ ở chỗ nào?" Lại nói: "Niệm Phật cầu vãng sanh, đúng là lắp thêm cán vào bát, trên đầu chồng thêm đầu".*

Chẳng hiểu rõ thì gọi là "ngoan" (trơ trơ). "Ngoan hư": Tuy chấp vào lý Không, nhưng chẳng phải là Chân Không. Như kẻ si miệng luôn bàn về lẽ Không; Tứ Vô Sắc Định của phàm phu, Vô Tưởng Định của ngoại đạo, và Phi Phi Tưởng, Không Ma trong Ấm cảnh, cho đến vô tâm viên hư, đủ thứ khác nhau [đều là "ngoan hư"]. "Đắm chấp": Nói chung là chấp giữ chặt chẽ, một mực nhập vào Không, ai nấy tự bảo ta đã thành Vô Thượng Đạo. "Thốt lời rẻ rúng" là thể hiện ra miệng, "coi thường" là nghĩ trong lòng).

(Sớ) Vấn: Hà cố bất cữu độn nhân, phản ức lợi giả?

(Diễn) Bất cữu độn nhân, phản ức lợi giả, vị trước Sự độn căn, bất tri Lý tánh, ưng đương ha trách. Khai kỳ huệ tánh, phá kỳ ngu mông, sử do Sự nhập Lý, khả dã. Hà nãi xả bỉ ngu phu, phản ức lợi giả? Cái dĩ độn nhân tự tri bất như, cân cân tự thủ, vô kiêu, vô thị, vô quá, vô phi. Lợi giả bất nhiên, cố ức chi dã.

(疏)問：何故不咎鈍人，反抑利者？

(演)不咎鈍人，反抑利者，謂著事鈍根，不知理性，應當呵責，開其慧性，破其愚蒙，使由事入理可也。何乃捨彼愚夫，反抑利者？蓋以鈍人自知不如，斤斤自守，無驕無恃，無過無非。利者不然，故抑之也。

*(**Sớ**: Hỏi: Sao không bắt lỗi kẻ độn căn, mà ngược lại chèn ép bậc lợi căn?*

***Diễn**: "Chẳng bắt lỗi kẻ độn căn, ngược lại chèn ép người lợi căn", ý nói: Đối với kẻ độn căn chấp trước Sự, chẳng biết Lý tánh, lẽ ra nên quở trách để mở mang huệ tánh, phá trừ sự ngu si, mê muội cho họ, khiến cho họ sẽ từ Sự mà nhập Lý thì mới là điều nên làm. Sao lại bỏ kẻ ngu phu ấy, ngược ngạo chèn ép người lợi căn vậy? Ấy là vì người độn căn tự biết chẳng bằng ai, tự giữ gìn cẩn thận từng chút một, chẳng kiêu ngạo, chẳng ỷ y, không lỗi, không sai. Kẻ lợi căn không được như vậy, cho nên phải chèn ép họ).*

(Sớ) Đáp: Lợi giả thị tài cao cử, thường vị viễn thắng độn nhân. Kim vị thử thuyết, sử chi họa hổ phất tựu, phản lạc nhất trù. Ký bỉ tri phi, hồi tâm niệm Phật, phi viết ức chi, thật tích chi nhĩ.

(Diễn) Họa hổ phất tựu giả, Mã Viện giới tử vân: "Long Bá Cao đôn hậu, châu thận. Đỗ Quý Lương hào hiệp, háo nghĩa. Hiệu Bá Cao bất đắc, do vi cẩn sắc chi sĩ. Sở vị khắc hộc bất thành, thượng loại vụ giả dã. Hiệu Quý Lương bất đắc, hãm vi thiên hạ khinh bạc tử, sở vị họa hổ bất thành, phản loại cẩu giả dã".

(疏)答：利者恃才高舉，常謂遠勝鈍人。今為此說，使之畫虎弗就，反落一籌。冀彼知非，回心念佛，非曰抑之，實惜之耳。

(演)畫虎弗就者。馬援戒子云：龍伯高敦厚周慎。杜季良豪俠好義。效伯高不得猶為謹敕之士。所謂刻鵠不成尚類鶩者也。效季良不得陷為天下輕薄子。所謂畫虎不成反類狗者也。

*(**Sớ**: Đáp: Kẻ lợi căn thường cậy tài, ngạo nghễ, ngã mạn, thường nói: "Ta vượt xa những kẻ độn căn". Nay vì hạng người này mà nói, khiến cho họ là những kẻ vẽ cọp chẳng thành, đâm ra thua mất một thẻ. Mong họ biết sai, hồi tâm niệm Phật, chứ không phải là chèn ép họ, thật ra là tiếc nuối cho họ.*

***Diễn**: "Vẽ hổ chẳng thành": Mã Viện dạy con: "Long Bá Cao đôn hậu, chu đáo, thận trọng. Đỗ Quý Lương hào hiệp, chuộng nghĩa. Học theo Bá Cao chẳng được thì vẫn là một người cẩn thận, nghiêm túc. Đó gọi là khắc chim hộc chẳng thành thì vẫn còn giống con cò. Học theo Quý Lương chẳng xong, sẽ đâm ra là kẻ khinh bạc trong thiên hạ. Đó gọi là vẽ hổ chẳng thành, đâm ra giống chó").*

Tam, kết thán.

(Tự) Toại sử thùy thủ đồ cần, ỷ môn không vọng, thượng cô Phật hóa, hạ phụ kỷ linh, kim sanh dĩ cập đa sanh, nhất ngộ nhi thành bách ngộ, cam tâm khổ thú, thúc thủ tử môn, vô cứu, vô quy, khả bi, khả thống.

(Diễn) Toại sử thùy thủ đồ cần giả, Di Đà từ phụ, chung nhật thùy kim sắc tý, tiếp dẫn niệm Phật chúng sanh, chúng sanh bất khẳng niệm Phật, thị thùy thủ đồ cần. Di Đà chung nhật vọng chúng sanh cầu sanh Tịnh Độ, như từ mẫu ỷ môn vọng tử, chúng sanh bất khẳng niệm Phật, thị ỷ môn không vọng. Nhược ước Lý quán giả, thủ biểu đề huề chi Bi, mục biểu chiếu liễu chi Trí. Đồng thể chi Bi, bất ly chúng sanh, vi thùy thủ thâm uyên. Tự nhiên chi trí, biến tại lục thú, vi ỷ môn vọng tử. Đồ cần không vọng, thị Chân Như nội huân vô minh, nhi vô minh toàn bất cố Chân Như dã. Kim sanh, đa sanh, nhất ngộ bách ngộ giả, kim sanh ngộ thử thù thắng pháp môn, như cửu khách tha hương, sạ văn gia tín, ưng đương dũng mãnh, tinh tấn, cầu nguyện vãng sanh, nhi nãi du du dương dương, mạc nhiên bất cố, khởi phi đại ngộ? Hựu bất duy kim sanh chi ngộ, kim sanh dĩ cập đa sanh, nhất ngộ nhi thành bách ngộ dã. Cổ vân: "Hiệp lộ tương phùng như bất tiến, giá hồi yếu kiến định hoàn nan", thị dã.

三、結歎。

(序)遂使垂手徒勤，倚門空望，上孤佛化，下負己靈。今生以及多生，一誤而成百誤，甘心苦趣，束手死門，無救無歸，可悲可痛。

(演)遂使垂手徒勤者。彌陀慈父，終日垂金色臂，接引念佛眾生，眾生不肯念佛，是垂手徒勤。彌陀終日望眾生求生淨土，如慈母倚門望子，眾生不肯念佛，是倚門空望。若約理觀者。手表提攜之悲。目表照了之智。同體之

悲，不離眾生，為垂手深淵。自然之智，遍在六趣，為倚門望子。徒勤空望，是真如內熏無明，而無明全不顧真如也。今生多生，一誤百誤者，今生遇此殊勝法門。如久客他鄉，乍聞家信，應當勇猛精進，求願往生。而乃悠悠揚揚，漠然不顧，豈非大誤？又不唯今生之誤，今生以及多生，一誤而成百誤也。古云：狹路相逢如不薦，這回要見定還難，是也。

(Ba, kết lại lời than thở.

***Tựa**: Khiến cho [đấng Từ Phụ] uổng công siêng khổ xòe tay [tiếp dẫn], tựa cửa ngóng nhìn suông, trên cô phụ sự giáo hóa của Phật, dưới phụ bạc linh tánh của chính mình. Đời này cùng nhiều đời, lầm lẫn một điều thành trăm điều lầm lẫn, cam lòng ở trong nẻo khổ, bó tay nơi cửa tử, không được cứu, không chỗ quay về, đáng buồn, đáng đau thay!*

***Diễn**: "Khiến cho [đấng Từ Phụ] uổng công siêng khổ xòe tay [tiếp dẫn]": Di Đà từ phụ suốt ngày duỗi cánh tay sắc vàng nhằm tiếp dẫn chúng sanh niệm Phật, nhưng chúng sanh chẳng chịu niệm Phật, đó là "uổng công siêng khổ xòe tay". Phật Di Đà suốt ngày mong chúng sanh cầu sanh về Tịnh Độ như mẹ hiền tựa cửa ngóng chờ con, chúng sanh chẳng chịu niệm Phật là "tựa cửa ngóng nhìn suông". Nếu nhìn theo Lý, thì tay biểu thị lòng Bi nâng đỡ, mắt biểu thị Trí chiếu soi thấu suốt. Lòng Bi đồng thể, chẳng lìa chúng sanh, là duỗi tay xuống tận vực sâu. Trí tự nhiên trọn khắp sáu đường là tựa cửa ngóng chờ con. "Uổng công siêng khổ, ngóng chờ suông" là Chân Như hun đúc vô minh bên trong, nhưng vô minh hoàn toàn chẳng đoái hoài Chân Như.*

"Đời này, nhiều đời, lầm một, lầm cả trăm": Đời này gặp được pháp môn thù thắng này, như khách xa quê lâu ngày, vừa mới nghe tin nhà, hãy nên dũng mãnh, tinh tấn cầu nguyện vãng sanh, thế mà cứ rề rà, mặc kệ chẳng đoái hoài, há chẳng phải là lầm lẫn to lớn ư? Lại nữa, chẳng phải chỉ lầm lạc đời này, mà đời này cùng với nhiều đời, lầm lạc một điều, trở thành trăm điều lầm lạc. Cổ nhân nói: "Đường hẹp gặp nhau không đón lấy, lần sau muốn gặp khó khôn cùng!" là nói về chuyện này vậy).

(Sớ) Thùy thủ giả, cổ vân: "Tẩu nịch, viện chi dĩ thủ". Ỷ môn giả, Vương Tôn Cổ mẫu vân: "Nhữ triêu xuất nhi bất hoàn, tắc ngô ỷ môn nhi vọng". Kim vị chúng sanh một ư khổ thú, Phật viện chi như thùy

thủ thâm uyên. Chúng sanh bối giác hiệp trần, Phật niệm chi như ỷ môn vọng tử. Viện chi tuy ân, niệm chi tuy thiết, thâm trầm bất khởi, viễn thệ vô hoàn, thị cô Phật hóa dã. Hạ phụ giả, phàm quyết hữu tâm, định đương tác Phật. Cố Phật giáo trì danh, dục nhân niệm ngã tự tâm, thành ngã tự Phật, nhi mạc nhiên bất tín, ninh bất phụ kỷ linh hồ?

(Diễn) Phàm quyết hữu tâm, định đương tác Phật giả, Khuê Phong vân: "Khoảnh dĩ đạo phi thường đạo, chư hành vô thường. Kim tri tâm thị Phật tâm, định đương tác Phật". Cố Phật giáo trì danh, phi giáo niệm tha Phật dã, nãi niệm ngã tự tâm, phi giáo thành bỉ Phật dã, nãi thành ngã tự Phật nhĩ.

(疏)垂手者，古云：嫂溺援之以手。倚門者，王孫賈母云：汝朝出而不還，則吾倚門而望。今謂眾生沒於苦趣。佛援之如垂手深淵。眾生背覺合塵，佛念之如倚門望子。援之雖殷，念之雖切，深沉不起，遠逝無還，是孤佛化也。下負者。凡厥有心，定當作佛。故佛教持名。欲人念我自心，成我自佛。而漠然不信，寧不負己靈乎？

(演)凡厥有心。定當作佛者。圭峰云：頃以道非常道。諸行無常。今知心是佛心。定當作佛。故佛教持名。非教念他佛也。乃念我自心。非教成彼佛也。乃成我自佛耳。

*(**Sớ**: "Xòe tay" là như cổ nhân nói: "Chị dâu chết đuối, [em chồng] đưa tay cứu giúp". "Tựa cửa" là như bà mẹ ông Vương Tôn Cổ nói: "Buổi sáng ngươi ra khỏi nhà [mà tối] chưa về, ta tựa cửa trông ngóng". Ở đây có ý nói: Chúng sanh chìm đắm trong nẻo khổ, Phật giúp đỡ như duỗi tay [cứu người sa chân nơi] vực thẳm. Chúng sanh trái nghịch tánh giác, xuôi theo trần lao, đức Phật nghĩ nhớ như mẹ tựa cửa ngóng con. Tuy giúp đỡ ân cần, dẫu nghĩ nhớ thiết tha, nhưng [lòng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ của chúng sanh] chìm sâu, chẳng dấy lên, trốn đi xa chẳng trở về. Đó là cô phụ sự giáo hóa của Phật vậy. "Dưới là phụ bạc": Phàm những ai có tâm, nhất định sẽ thành Phật. Do vậy, Phật dạy trì danh, muốn cho con người niệm tự tâm của chính mình, thành vị Phật của chính mình. Thế mà vẫn lơ là chẳng tin, há chẳng phải là phụ bạc linh tánh của chính mình ư?*

***Diễn**: Phàm là hữu tâm, nhất định sẽ thành Phật. Ngài Khuê Phong nói: "Vì đạo chẳng phải là thường đạo, các hành vô thường, nay biết tâm là Phật tâm, chắc chắn sẽ thành Phật".*

Vì thế, đức Phật dạy trì danh, chẳng dạy niệm đức Phật khác, mà dạy niệm tự tâm của ta. Chẳng dạy thành vị Phật kia, mà là thành vị Phật của chính mình).

(Sớ) Kim sanh đa sanh giả, sanh sanh đọa lạc, vô hữu cùng dĩ dã. Nhất ngộ, bách ngộ giả, thử sanh tha quá, đa kiếp nan phùng dã. Nhập khổ thú, tự dăng thư ứ ư xí trung. Phó tử môn, loại ngưu dương tựu hồ đồ tứ, mạc vị cứu bạt, vô khả quy bằng, khởi bất ai tai?

(疏)今生多生者，生生墮落，無有窮已也。一誤百誤者，此生磋過，多劫難逢也 。入苦趣 ，似蠅蛆飫於廁中。赴死門，類牛羊就乎屠肆。莫為救拔，無可歸憑，豈不哀哉？

*(**Sớ**: "Đời này, nhiều đời": Đời đời đọa lạc chẳng có cùng tận. "Một lầm, trăm lầm" là đời này bỏ lỡ, nhiều kiếp khó gặp. Vào nẻo khổ, dường như giòi tửa no ứ trong nhà xí; vào cửa tử giống như trâu, dê bước vào lò mổ, chẳng được cứu vớt, không chỗ nương về, há chẳng đau buồn ư?)*

Tứ, thuật ý (tam): Sơ, quý kỷ bất đức. Nhị, minh kỷ sở thượng. Tam, nguyên kỷ thích kinh.

Sơ, quý kỷ bất đức.

(Tự) Châu Hoằng, Mạt Pháp hạ phàm, cùng tưu văn học, võng thông huyền lý, tố bỉ không đàm, họa bính hà ích cơ trường, Yên thạch nan vu cổ mục!

(Diễn) Mạt Pháp đối Chánh Tượng ngôn. Chánh giả, chứng dã. Dĩ Hiện Lượng Trí, chứng Thật Tướng Lý, sơ nhất thiên niên, hữu giáo hành lý quả, cố viết Chánh dã. Tượng giả, tự dã. Dĩ Tỷ Lượng Trí, y hy kiến đạo, phảng phất, bất chân. Đệ nhị thiên niên, hữu giáo, hành, lý, nhi vô quả chứng, cố viết Tượng dã. Mạt Pháp tắc không đằng tự lượng, duy thượng đấu tranh, đồ hữu giáo lý, nhi vô hành quả, cố viết Mạt dã. Tứ giáo các hữu nội ngoại phàm. Nhược nãi vị thông tứ giáo, bác địa phàm ngu, danh hạ phàm dã. Tưu giả, thiên ngung dã. Cùng, cực dã. Thử phương tại Diêm Phù Đề chi cực Đông, cố danh Chấn Đán quốc. Đại sư nhất sanh tự cư học địa, bất cảm dĩ tiên bối tự xử, cố xưng văn học. Võng thông huyền lý, vị vị năng thật khế diệu tâm. Không đàm, tức y thông Thiền khách, văn tự học nhân, thính kỳ ngôn dã, siêu hiền thánh chi tiền. Kê kỳ hành dã, lạc phàm dung chi hậu. Tố bỉ, vị bình tố tự bỉ.

四、述意(三)：初、愧己不德。二、明己所尚。三、原己釋經。

初、愧己不德。

(序)祩宏。末法下凡。窮陬晚學。罔通玄理，素鄙空談，畫餅何益饑腸，燕石難誣賈目。

(演)末法對正像言。正者，證也，以現量智，證實相理。初一千年，有教行理果，故曰正也。像者，似也。以比量智，依稀見道，彷彿不真。第二千年，有教行理，而無果證，故曰像也。末法則空騰似量，唯尚鬥爭，徒有教理而無行果，故曰末也。四教各有內外凡。若乃未通四教，博地凡愚，名下凡也。陬者，偏隅也。窮，極也。此方在閻浮提之極東，故名震旦國。大師一生自居學地，不敢以先輩自處，故稱晚學。罔通玄理，謂未能實契妙心。空談，即依通禪客，文字學人 。聽其言也 ，超賢聖之前；稽其行也，落凡庸之後。素鄙，謂平素自鄙。

(Bốn, nêu bày dụng ý [viết Sớ Sao] (gồm ba phần): Một, thẹn mình chẳng có đức hạnh. Hai, nói rõ điều mình kính chuộng. Ba, trình bày nguyên do vì sao giải thích kinh.

Trước hết là phần nêu bày sự hổ thẹn vì chính mình chẳng có đức hạnh.

***Tựa**: Châu Hoằng là phàm phu hạ căn đời Mạt Pháp, kiến giải lệch lạc tột cùng, học Phật muộn màng. Chẳng thông lý diệu huyền, trọn thẹn bàn suông, bánh vẽ ích gì bụng đói, đá non Yên khó lừa mắt kẻ lái buôn [sành sõi].*

***Diễn**: Mạt Pháp là đối với Chánh Pháp và Tượng Pháp mà nói. Chánh là chứng. Dùng Hiện Lượng Trí để chứng Thật Tướng Lý. Trong một ngàn năm thứ nhất, do có giáo, hành, lý, quả, nên nói là Chánh. Tượng là tương tự. Dùng Tỷ Lượng Trí [để lãnh hội Phật pháp], kẻ thấy đạo ít ỏi, [Phật pháp trong thời này] hơi giống [với thời Chánh Pháp], chứ không thật. Trong một ngàn năm thứ hai, có giáo, hành, lý, nhưng không có chứng quả, cho nên gọi là Tượng. Mạt Pháp thì tưng bừng so đo bằng tri kiến lệch lạc của chính mình, chỉ chuộng tranh chấp, chỉ có giáo lý, nhưng không có người hành và chứng quả, nên gọi là Mạt. Trong bốn*

giáo, mỗi giáo đều có nội phàm và ngoại phàm. Nếu chưa thông hiểu tứ giáo, là hạng phàm ngu sát đất thì gọi là "hạ phàm".

"Tưu" là lệch về một góc, "cùng" là tột bậc. Phương này ở phía cực Đông của châu Diêm Phù Đề, nên gọi là nước Chấn Đán. Đại sư cả đời tự coi mình thuộc địa vị học trò, chẳng dám tự xưng là người thuộc lớp trước [so với người khác]; vì thế xưng là "vãn học" (kẻ học muộn màng).

"Chẳng thông lý huyền diệu", ý nói: Chưa thể thật sự khế hợp diệu tâm. "Nói suông": Tức là giống như những kẻ thông hiểu Thiền, những người học thông hiểu văn tự, nghe lời họ nói [cảm thấy] vượt trội hơn bậc hiền thánh. Xét đến những gì họ làm, thua cả hạng phàm phu tầm thường! "Tố bỉ" nghĩa là tự khinh mình tầm thường).

(Sớ) Thượng minh niệm Phật hoạch như thị ích, bất niệm Phật chiêu như thị tổn, cố thuật kỷ ý, duy sùng niệm Phật, kim sơ tiên dĩ độn căn tự lượng dã.

(Diễn) Tự lượng nhị tự cực giai, thánh chi sở dĩ thành thánh, hiền chi sở dĩ ích hiền dã.

(疏)上明念佛獲如是益，不念佛招如是損，故述己意，唯崇念佛。今初先以鈍根自量也。

(演)自量二字極佳，聖之所以成聖，賢之所以益賢也。

*(**Sớ**: Trong phần trên đã nói rõ niệm Phật đạt được lợi ích như thế, không niệm Phật chuốc lấy tổn thất như vậy, cho nên trình bày ý mình: Chỉ đề cao niệm Phật. Nay, trước hết, tự xét thấy mình là kẻ độn căn.*

***Diễn**: Hai chữ "tự lượng" tuyệt hay, thánh sở dĩ thành thánh, hiền sở dĩ càng thêm hiền [là do biết tự lượng]).*

(Sớ) Mạt Pháp, tắc sanh chi bất thời.

(Diễn) Sanh chi bất thời giả, bất sanh Chánh, Tượng, khứ thánh thời dao dã.

(疏)末法，則生之不時。

(演)生之不時者，不生正像。去聖時遙也。

*(**Sớ**: Mạt Pháp là sanh chẳng đúng thời.*

***Diễn**: "Sanh chẳng đúng thời":" Chẳng sanh vào thời Chánh Pháp và Tượng Pháp, thời gian cách Phật đã xa).*

(Sớ) Hạ phàm, tắc báo chi bất thắng.

(Diễn) Báo chi bất thắng giả, phi thánh hiền ứng tích, thị nghiệp hệ phàm phu dã.

(疏)下凡，則報之不勝。

(演)報之不勝者，非聖賢應蹟，是業繫凡夫也。

*(**Sớ**: Hạ phàm thì quả báo chẳng thù thắng.*

***Diễn**: "Quả báo chẳng thù thắng": Chẳng phải là thánh hiền thị hiện, mà là phàm phu bị nghiệp chướng trói buộc).*

(Sớ) Cùng tưu, tắc kiến chi bất quảng.

(Diễn) Kiến chi bất quảng giả, bất sanh Trung Hoa Phật quốc, thân chá đa hiền quảng kỳ văn kiến dã.

(疏)窮陬，則見之不廣。

(演)見之不廣者，不生中華佛國，親炙多賢廣其聞見也。

*(**Sớ**: "Cùng tưu" là kiến giải chẳng rộng rãi.*

***Diễn**: "Kiến giải chẳng rộng rãi": Chẳng sanh trong Trung Hoa Phật quốc, thân cận nhiều vị hiền nhân hòng mở rộng sự hiểu biết).*

(Sớ) Vãn học, tắc trí chi bất thâm. Sự thả vị năng, huống phục tri Lý? Minh sở ngôn bất túc thủ tín ư nhân dã.

(Diễn) Trí chi bất thâm giả, phi vi kỳ sư túc đức, cửu tu đạo hạnh, trí huệ thâm viễn dã.

(疏)晚學，則智之不深。事且未能，況復知理？明所言不足取信於人也。

(演)智之不深者，非為耆師宿德，久修道行，智慧深遠也。

*(**Sớ**: "Vãn học" là trí chẳng sâu. Sự còn chưa thể [tu tập], huống còn biết Lý? Biết rõ lời của mình chẳng đáng cho người khác tin tưởng.*

***Diễn**: "Trí chẳng sâu": Chẳng phải là bậc thầy tuổi cao, đức trọng, tu tập đạo hạnh đã lâu, trí huệ sâu xa).*

(Sớ) Tố bỉ giả, tự tri thiển liệt, quý bỉ không đàm, sở vị: Sỉ kỳ ngôn, nhi quá kỳ hạnh dã. Họa bính khả tri, dụ không đàm dã. Yên thạch giả, tự ngọc nhi phi ngọc giả dã. Cổ hồ giả, Tây Vực cổ nhân thiện biệt bảo

giả dã. Tích hữu đắc Yên thạch giả, tự vị du cẩn, kiêu huyễn tục mục, ký đắc trọng thụ, dĩ thị cổ hồ, viết: "Thạch dã", đại tàm nhi phản. Dụ y hy kiến đạo, phảng phất bất chân, minh nhãn nhân tiền, kham tác nhất tiếu.

(疏)素鄙者，自知淺劣，愧鄙空談，所謂恥其言而過其行也。畫餅可知。喻空談也。燕石者，似玉而非玉者也。賈胡者，西域賈人善別寶者也。昔有得燕石者。自謂瑜瑾。驕眩俗目，冀得重售。以示賈胡，曰：石也。大慚而返。喻依稀見道，彷彿不真，明眼人前，堪作一笑。

*(**Sớ**: "Trọn thẹn" là tự biết mình nông cạn, hèn tệ, xấu hổ vì nói suông, nghĩa là: Hổ thẹn vì lời nói vượt quá việc làm. [Tỷ dụ] bánh vẽ [trong lời Tựa] ý nghĩa dễ hiểu, sánh ví chuyện bàn suông. Đá non Yên giống như ngọc, nhưng chẳng phải là ngọc. "Cổ hồ": Lái buôn Tây Vực giỏi phân biệt các vật báu. Xưa kia có người có được một tảng đá từ non Yên, tự bảo là ngọc quý, kiêu căng, khoe khoang với những kẻ gà mờ, mong bán cao giá. Hắn đưa cho lái buôn Tây Vực xem, người ấy bảo: "Đá đấy mà!" Kẻ đó hết sức xấu hổ, tháo lui. [Dùng chuyện này để] sánh ví kẻ thấy đạo ít ỏi, chỉ mường tượng chẳng thật, đáng làm trò cười trước người mắt sáng).*

Nhị, minh kỷ sở thượng.

(Tự) Chi thừa tiên sắc, đốc phụng tư kinh, vọng Lạc quốc vi gia hương, ngưỡng Từ Tôn như hỗ thị.

(Diễn) Tư kinh tán dương Cực Lạc, khuyến sanh Cực Lạc. Cố vọng Lạc quốc vi gia hương. Tư kinh chỉ thị Di Đà, khuyến niệm Di Đà, cố ngưỡng Từ Tôn như hỗ thị. Thiên sanh lưu lãng, bất tri hà xứ thị ngã gia hương. Vạn kiếp đào vong, vị thức hà nhân thị ngã phụ mẫu? Tư kinh chỉ xuất, cảm bất huyền vọng, nhi xí ngưỡng da?

二、明己所尚。

(序)祇承先敕，篤奉斯經，望樂國為家鄉，仰慈尊如怙恃。

(演)斯經贊揚極樂，勸生極樂。故望樂國為家鄉。斯經指示彌陀，勸念彌陀，故仰慈尊如怙恃。千生流浪，不

知何處是我家鄉。萬劫逃亡，未識何人是我父母？斯經指出，敢不懸望而企仰耶？

(Hai, nói rõ điều mình ưa chuộng.

***Tựa**: Kính vâng theo lời sắc truyền từ trước, dốc lòng vâng theo kinh này, mong ngóng quê nhà nơi Lạc quốc, ngưỡng vọng đấng Từ Tôn như cha mẹ.*

***Diễn**: Kinh này tán dương Cực Lạc, khuyên hãy sanh về Cực Lạc. Cho nên mong mỏi Lạc quốc là nơi quê nhà. Kinh này chỉ bày Phật Di Đà, khuyên niệm danh hiệu Phật Di Đà; vì thế, ngưỡng vọng đấng Từ Tôn như cha mẹ. Ngàn đời trôi giạt, chẳng biết chốn nào là quê hương của mình. Muôn kiếp trốn tránh, chưa biết ai là cha mẹ ta? Kinh này đã chỉ ra, dám đâu chẳng trông ngóng, ngưỡng vọng ư?)*

(Sớ) Ký sủy độn căn, sự tất sư cổ.

(Diễn) Ký sủy độn căn giả, vi nhân bất khả bất tự sủy. Tự sủy nhược quả lợi căn, tắc trượng phu tự hữu xung tiêu chí, bất hướng Như Lai hành xứ hành. Kim ký độn căn, tất tu sư cổ. "Sư cổ" nhị tự xuất Thượng Thư, vị hậu giác giả, tất hiệu tiên giác chi sở vi dã.

(疏)既揣鈍根，事必師古。

(演)既揣鈍根者，為人不可不自揣。自揣若果利根，則丈夫自有沖霄志，不向如來行處行。今既鈍根，必須師古。師古二字出尚書，謂後覺者，必效先覺之所為也。

*(**Sớ**: Đã xét mình là độn căn, ắt phải tuân theo, tôn cổ nhân làm thầy.*

***Diễn**: "Đã tự xét mình là độn căn": Làm người chẳng thể không tự suy xét. Tự xét thấy chính mình nếu thật sự là lợi căn thì trượng phu tự có chí hướng xông trời thẳm, chẳng noi theo hành xứ của Như Lai để hành. Nay đã là độn căn, ắt phải tôn cổ nhân làm thầy. Hai chữ "sư cổ" xuất phát từ sách Thượng Thư, ý nói: Kẻ hậu giác ắt phải noi theo hành vi của bậc tiên giác).*

(Sớ) Chi giả, kính dã. Thế chủ ngọc âm, Pháp Vương kim khẩu, quân danh viết "sắc". Đốc phụng giả, phụng chi chí dã. Lạc quốc ngôn gia hương giả, tịch diệt Tịnh Độ, nãi đương nhân an thân lập mạng xứ, nhi xả ly cố lý, phiêu bạc tha hương, du tử linh đinh, duy hữu tư quy nhất niệm nhi dĩ.

(Diễn) Tịch diệt Tịnh Độ hạ, thật tựu Lý thuyết. Đản phiêu bạc tư quy, diệc khả song ước Sự Lý. Tịch diệt Tịnh Độ, tức Thường Tịch Quang Độ dã. Thử nãi đương nhân cố hương điền địa, thị an ngã Pháp Thân, lập ngã huệ mạng xứ. Xả ly phiêu bạc giả, mê tự bổn tâm, tùy trục lục trần dã. Ước Sự, tắc thị bất nguyện vãng sanh, tham luyến thử độ. Tư quy nhất niệm, thị niệm niệm xứng Lý, nhi quán đại sự vị minh, như táng khảo tỷ dã. Ước Sự, tắc thị thường ức, thường niệm, tự tự phân minh, cú cú tiếp tục, hành, trụ, tọa, ngọa, duy thử nhất niệm, vô đệ nhị niệm dã. Cổ vân: "Thân tuy vị đáo liên hoa thổ, tiên tống tâm quy Cực Lạc thiên". Hựu vân: "Tây Phương thắng hữu đãi đa thời, thâu thập thân tâm tảo quy khứ", thị dã.

(疏)祇者，敬也。世主玉音，法王金口，均名曰敕。篤奉者，奉之至也。樂國言家鄉者，寂滅淨土，乃當人安身立命處。而捨離故里，飄泊他鄉，遊子伶仃，唯有思歸一念而已。

(演)寂滅淨土下。實就理說。但飄泊思歸。亦可雙約事理。寂滅淨土，即常寂光土也。此乃當人故鄉田地，是安我法身，立我慧命處。捨離飄泊者。迷自本心。隨逐六塵也。約事。則是不願往生，貪戀此土。思歸一念，是念念稱理，而觀大事未明，如喪考妣也。約事，則是常憶常念，字字分明，句句接續，行住坐臥，唯此一念，無第二念也。古云：身雖未到蓮花土，先送心歸極樂天。又云：西方勝友待多時，收拾身心早歸去。是也。

*(**Sớ**: "Chi" là kính. Tiếng châu ngọc của đế vương trong cõi đời, miệng vàng của đấng Pháp Vương, đều gọi là Sắc. "Đốc phụng": Vâng giữ đến tột bậc. Nói "Lạc quốc là quê nhà": Cõi Tịnh Độ tịch diệt chính là chỗ an thân lập mạng của hành nhân, nhưng lìa bỏ quê cũ, trôi giạt quê người, đứa con lang thang, lênh đênh, chỉ có một niệm nghĩ quay về mà thôi!*

***Diễn**: Từ chữ "tịch diệt Tịnh Độ" trở đi, thật ra là nói theo Lý; nhưng đoạn văn nói tới chuyện "trôi giạt, nghĩ quay về" cũng có thể thuộc về Lý lẫn Sự. Tịch diệt Tịnh Độ chính là cõi Thường Tịch Quang. Đấy chính là ruộng đất nơi quê cũ của hành nhân, là nơi ta an Pháp Thân, lập huệ mạng. Lìa bỏ phiêu giạt, mê nơi bổn tâm của chính mình, đuổi theo*

sáu trần: Theo mặt Sự thì chính là chẳng nguyện vãng sanh, tham luyến cõi này. Một niệm nghĩ quay về, niệm niệm xứng lý, nhưng chưa thấy đại sự rõ ràng, [bèn nghiêm cẩn siêng gắng] giống như đang phải chôn cha mẹ vậy. Ước theo Sự thì là thường nhớ, thường nghĩ, từng chữ phân minh, từng câu tiếp nối. Đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có một niệm này, không có niệm thứ hai.

Cổ nhân nói: "Thân tuy chưa đến đất hoa sen, tâm đã gởi trước trời An Dưỡng". Lại nói: "Tây Phương bạn quý đợi lâu rồi, thâu thập thân tâm về sớm thôi" là nói đến chuyện này).

(Sớ) Từ Tôn ngôn hỗ thị giả, phụ viết ngô hỗ, mẫu viết ngô thị. Phật dĩ đại từ đại bi tiếp dẫn chúng sanh, thị hoài ngã dĩ thánh thai, tự ngã dĩ pháp nhũ, tức kim nội ngoại thân tâm, mạc bất hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập. Cù lao chi đức, hạo thiên võng cực, nhi nãi bạn khí bổn sanh, minh linh dị tánh, duy ưng hoài mộ chung thân, tả hữu vô phương, định tỉnh bất vi nhi dĩ.

(Diễn) Phật dĩ đại từ hạ, song ước Sự Lý. Ước Sự, tắc tứ thập bát nguyện, quảng độ hữu tình, thị tiếp dẫn chúng sanh. Thử phương niệm Phật, bỉ độ tiêu danh, thị hoài ngã dĩ thánh thai. Thủy, điểu, thụ lâm, hàm tuyên diệu pháp, thị tự ngã dĩ pháp nhũ. Phật từ gia bị, thân tâm tinh tấn, bất thoái Bồ Đề, thị hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập dã. Ước Lý, tắc tự tánh Di Đà, niệm niệm bất ly, thị từ bi tiếp dẫn. Chân Như bổn giác, nội huân vô minh, thị hoài ngã dĩ thánh thai. Phục tác cảnh giới chi tánh, dẫn phát hiện hành, thị tự ngã dĩ pháp nhũ. Chiết toàn phủ ngưỡng, xuyên y, khiết phạn, bất ly giá cá, thị hà kỳ ân lực nhi đắc thành lập dã. Cổ vân: "Dã lão phụ tân quy. Thôn phụ liên tiêu chức. Khán tha gia sự mang, thả đạo bằng thùy lực? Vấn ông, ông bất tri. Vấn cừ, cừ bất thức. Ta tai, kim cổ nhân, kỷ cá tri ân đức!", thị dã. Cù lao chi đức giả, Thi vân: "Ai ai phụ mẫu, sanh ngã cù lao, dục báo chi ân, hạo thiên võng cực". Minh linh dị tánh giả, Thi vân: "Minh linh hữu tử, quả lõa phụ chi, giáo hối nhĩ tử, thức cốc tự chi". Hoài mộ chung thân giả, Thư vân: "Nhân thiếu tắc mộ phụ mẫu, tri hảo sắc, tắc mộ thiếu ngải. Đại hiếu chung thân mộ phụ mẫu". Tả hữu vô phương giả, Lễ Ký Đàn Cung Thiên vân: "Sự thân hữu ẩn nhi vô phạm, tả hữu tựu dưỡng vô phương". Định tỉnh bất vi giả, Lễ Ký Khúc Lễ Thượng Thiên: "Phàm vi nhân tử giả, Đông ôn nhi hạ sảnh. Hôn định nhi thần tỉnh". Thử tam cú, ước Lý, tắc niệm niệm hồi quang phản chiếu, tùy

thuận Chân Như. Ước Sự, tắc tùng sanh chí lão, hành, trụ, tọa, ngọa, túc hưng dạ mị, nhất cú Di Đà vô gián đoạn dã.

(疏)慈尊言怙恃者，父曰吾怙，母曰吾恃。佛以大慈大悲接引眾生，是懷我以聖胎，飼我以法乳，即今內外身心，莫不荷其恩力而得成立。劬勞之德，昊天罔極，而乃叛棄本生，螟蛉異姓，惟應懷慕終身，左右無方，定省不違而已。

(演)佛以大慈下，雙約事理。約事 ，則四十八願 ，廣度有情，是接引眾生。此方念佛，彼土標名，是懷我以聖胎。水鳥樹林，咸宣妙法，是飼我以法乳。佛慈加被，身心精進，不退菩提，是荷其恩力而得成立也。約理，則自性彌陀。念念不離，是慈悲接引。真如本覺，內熏無明，是懷我以聖胎。復作境界之性，引發現行，是飼我以法乳。折旋俯仰，穿衣喫飯，不離這個，是荷其恩力而得成立也。古云：野老負薪歸，村婦連宵織，看他家事忙，且道憑誰力？問翁翁不知，問渠渠不識。嗟哉今古人，幾個知恩德！是也。劬勞之德者。詩云：哀哀父母。生我劬勞。欲報之恩。昊天罔極。螟蛉異姓者。詩云：螟蛉有子。蜾蠃負之。教誨爾子。式穀似之。懷慕終身者。書云：人少則慕父母。知好色。則慕少艾。大孝終身慕父母。左右無方者。禮記檀弓篇云：事親有隱而無犯。左右就養無方。定省不違者。禮記曲禮上篇：凡為人子者。冬溫而夏清。昏定而晨省。此三句。約理。則念念迴光反照。隨順真如。約事。則從生至老。行住坐臥。夙興夜寐。一句彌陀無間斷也。

*(**Sớ**: Đức Từ Tôn được gọi là "hỗ thị", cha gọi là hỗ, mẹ gọi là thị. Đức Phật do lòng đại từ đại bi tiếp dẫn chúng sanh, dùng thánh thai để chứa đựng ta, dùng sữa pháp nuôi dưỡng ta, tức là trong và ngoài thân tâm này chẳng có gì không nhờ ân đức và thần lực của Phật để thành lập. Ân đức cù lao, trời cao mênh mông khôn sánh, thế mà ngỗ nghịch, vứt bỏ đấng sanh ra mình, làm con nuôi cho kẻ khác họ, chỉ nên nhớ tưởng,*

ngưỡng mộ suốt đời, phụng dưỡng mọi lẽ, sáng thăm, tối viếng, chẳng trái nghịch mà thôi.

***Diễn**: Từ câu "Phật do lòng đại từ" trở đi là cùng ước theo Sự và Lý. Nói theo Sự thì bốn mươi tám nguyện rộng độ hữu tình là tiếp dẫn chúng sanh. Niệm Phật ở phương này, danh nêu ở cõi kia, đấy là "dùng thánh thai để chứa đựng ta". Nước, chim, rừng cây, đều nói diệu pháp là "nuôi ta bằng sữa pháp". Phật từ gia bị, thân tâm tinh tấn, chẳng lui sụt nơi Bồ Đề, là nhận lãnh ân lực mà được thành lập vậy. Ước theo Lý thì "niệm niệm chẳng lìa tự tánh Di Đà" là "từ bi tiếp dẫn". "Chân Như bổn giác hun đúc vô minh bên trong" là "chứa đựng ta bằng thánh thai". Lại làm cho tánh cảnh giới dẫn phát hiện hành; đấy là "nuôi nấng ta bằng sữa pháp". Bẻ, xoay, cúi, ngửa, mặc áo, ăn cơm, chẳng rời điều này là "do nhờ vào ân lực mà được thành lập".*

Cổ nhân nói: "Lão tiều gánh củi về, mụ quê suốt đêm dệt, thấy họ bận việc nhà, hỏi nhờ vào sức ai? Hỏi ông, ông chẳng biết. Hỏi mụ, mụ không hay. Than ôi, người xưa nay, mấy ai biết ân đức" chính là ý này.

"Ân đức cù lao": Kinh Thi chép: "Xót thay cha mẹ, sanh ta nhọc nhằn, muốn báo thâm ân, trời cao lồng lộng". "Minh linh dị tánh" (làm con nuôi cho kẻ khác họ): Kinh Thi chép: "Sâu rầy sanh con, tò vò nuôi nấng, dạy con cho ngươi, tiếp nối nghiệp lành".

"Nhớ tưởng, ngưỡng mộ suốt đời": Kinh Thư chép: "Người lúc bé thì mến mộ cha mẹ. Khi nhận biết sắc đẹp, bèn mến mộ dáng vẻ trẻ trung, xinh xắn. Kẻ đại hiếu sẽ suốt đời mến mộ cha mẹ". "Phụng dưỡng mọi lẽ": Thiên Đàn Cung trong sách Lễ Ký có chép: "Thờ cha mẹ thì cha mẹ có lỗi bèn ẩn giấu, đừng công khai chống đối. Chăm sóc phụng dưỡng đủ mọi lẽ, đừng nề hà một phương cách nào".

"Sáng thăm tối viếng chẳng trái nghịch": Thiên Khúc Lễ trong sách Lễ Ký nói: "Phàm là kẻ làm con, mùa Đông giữ ấm, mùa Hè quạt mát, sáng thăm, tối viếng". Ba câu này, ước theo Lý, niệm niệm hồi quang phản chiếu, tùy thuận Chân Như. Ước theo Sự, từ lúc sanh ra cho đến khi già, đi, đứng, nằm, ngồi, sáng dậy, tối ngủ, một câu Di Đà chẳng gián đoạn).

Tam, nguyên kỷ thích kinh.

(Tự) Nhưng dĩ tâm hoài kiêm lợi, đạo quý hoằng thông, khái cổ sớ tiển kiến kỳ toàn, duy sổ giải cẩn hành ư thế. Từ tuy thiết nhi thái giản. Lý vi lộ nhi bất chương, bất cực luận kỳ hoằng công, trù phát khởi hồ chân tín? Đốn vong phu kiến, ký kiệt tâm tư, tổng thâu bộ loại ngũ kinh, trực cứ Văn Thù nhất hạnh, nhi phục hội quy huyền chỉ, tắc phần

nhập Tạp Hoa, quán xuyên chư môn, tắc bác tổng quần điển. Vô nhất bất tiêu quy tự kỷ, hữu nguyện giai hồi hướng Bồ Đề. Triển thử tinh thành, khất cầu gia bị.

(Diễn) Tâm thị đại sư phổ tâm. Đạo thị Phật pháp đại đạo. Tiển kiến kỳ toàn giả, cổ lai phi vô diệu sớ, đản ư đoạn giản tàn biên, lược kiến nhất, nhị, tiển kiến toàn văn dã. Sổ giải cẩn hành giả, duy Hải Đông sớ, Việt Khê giải, Đại Hựu lược giải nhi dĩ. Tổng thâu bộ loại giả, thử kinh dữ Đại Di Đà Kinh vi đồng bộ. Dữ Thập Lục Quán, Cổ Âm Vương, Hậu Xuất Di Đà Kệ Kinh vi đồng loại. Bộ giả bộ thư, kỳ văn tuy bất đồng, nhi đồng nhất hạnh môn, thị nhất bộ thư dã. Loại giả lưu loại, vị hành tuy bất đồng, nhi đồng quy Tịnh Độ, thị nhất lưu loại dã. Nhất Hạnh giả, Văn Thù Bát Nhã hội. Vân hà danh Nhất Hạnh tam-muội? Phật ngôn pháp giới nhất tướng, hệ duyên pháp giới, thị danh Nhất Hạnh tam-muội. Tu thị tam-muội giả, bất thủ tướng mạo, hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự, tùy Phật phương sở, đoan thân chánh hướng. Ư nhất Phật, niệm niệm tương tục, tức nhất niệm trung, năng kiến quá khứ, vị lai chư Phật đẳng. Hội quy huyền chỉ giả, dĩ Tịnh Độ nhất môn, hội quy Hoa Nghiêm thập huyền diệu chỉ, như hậu Phần Viên trung sở minh. Quán xuyên chư môn giả, dĩ Niệm Phật nhất môn, quán xuyên nhất đại thời giáo chư hành pháp môn, như hậu thích nhất tâm bất loạn xứ sở minh. Tiêu quy tự kỷ, tức như hậu văn, tiết tiết xứng Lý chi đàm, thị dã. Hồi hướng Bồ Đề, tức như hạ văn, đồng đăng Tịch Quang vô thượng quả, thị dã.

三、原己釋經

(序)仍以心懷兼利，道貴弘通，慨古疏勘見其全，惟數解僅行於世，辭雖切而太簡，理微露而不彰，不極論其宏功。儔發起乎真信？頓忘膚見，既竭心思，總收部類五經，直據文殊一行，而復會歸玄旨，則分入雜華，貫穿諸門，則博綜群典，無一不消歸自己，有願皆回向菩提，展此精誠，乞求加被。

(演)心是大師普心。道是佛法大道。勘見其全者，古來非無妙疏。但於斷簡殘編，略見一二，尠見全文也。數解僅行者，惟海東疏、越溪解、大佑略解而已。總收部類者。此經與大彌陀經為同部。與十六觀、鼓音王、後出彌

陀偈經為同類。部者部書，其文雖不同，而同一行門，是一部書也。類者流類，為行雖不同，而同歸淨土，是一流類也。一行者，文殊般若會。云何名一行三昧？佛言法界一相，繫緣法界，是名一行三昧。修是三昧者。不取相貌。繫心一佛，專稱名字，隨佛方所，端身正向，於一佛念念相續，即一念中能見過去未來諸佛等。會歸玄旨者，以淨土一門，會歸華嚴十玄妙旨，如後分圓中所明。貫穿諸門者，以念佛一門，貫穿一代時教諸行法門，如後釋一心不亂處所明。銷歸自己。即如後文。節節稱理之談。是也。回向菩提。即如下文。同證寂光無上果。是也。

(Ba, nêu lý do vì sao mình chú giải kinh này.

***Tựa**: Do tâm vẫn nặng lòng làm lợi cho người khác, đạo quý ở chỗ được lưu truyền rộng rãi. Cảm khái bởi những bản sớ giải cổ ít thấy có bộ nào còn trọn vẹn, chỉ thấy vài bản chú giải ít ỏi được lưu hành trong cõi đời. [Những bản chú giải ấy] từ ngữ tuy thiết thực, nhưng quá đơn giản, lý được hé lộ đôi chút, nhưng chưa nêu rõ ràng, chẳng luận đến cùng cực công đức to lớn của bộ kinh này, làm sao phát khởi lòng tin chân thật nơi mọi người? [Do vậy, tôi bèn] mau chóng quên mình kiến giải hời hợt, dốc cạn tâm tư, gồm thâu năm bộ kinh cùng bộ, cùng loại, trực tiếp dựa trên Nhất Hạnh của ngài Văn Thù, lại còn dung hội tông chỉ huyền nhiệm, có đôi phần dung nhập kinh Hoa Nghiêm, xuyên suốt các pháp môn, tổng hợp rộng khắp các sách vở, không gì chẳng nhằm tiêu trừ mọi kiến giải phân biệt, kết quy tự tánh. Có nguyện nào cũng đều hồi hướng Bồ Đề, giãi bày tấm lòng tinh thành này, cầu xin [Tam Bảo] gia bị.*

***Diễn**: Chữ "tâm" [trong lời tựa] chỉ cái tâm rộng khắp của đại sư. "Đạo" là Phật pháp đại đạo. "Ít thấy bộ nào trọn vẹn": Từ xưa đến nay, không phải là chẳng có những bộ sớ giải hay, nhưng bị đứt đầu, đứt đuôi, thiếu sót, chỉ thấy đại lược một hai phần, ít thấy có bộ nào còn giữ được toàn bộ nội dung.*

"Chỉ có mấy bản chú giải ít ỏi được lưu hành": Chỉ có bản sớ giải của ngài Hải Đông, bản chú giải của ngài Việt Khê, và bản lược giải của ngài Đại Hựu mà thôi.

"Gồm thâu các kinh cùng bộ, cùng loại": Kinh này cùng bộ với Đại Di Đà Kinh, cùng loại với các kinh Thập Lục Quán, Cổ Âm Vương, và Hậu Xuất Di Đà Kệ Kinh. "Bộ" là bộ thư (sách nói về cùng một pháp).

[Ý nói] lời văn tuy khác nhau, nhưng cùng [giảng về] một hạnh môn, nên là sách đồng bộ vậy. "Loại" là những thứ có liên quan với nhau, tức là hành trì khác nhau, nhưng cùng hướng về Tịnh Độ, nên chúng là cùng một loại.

Nhất Hạnh [xuất phát từ] hội Bát Nhã của ngài Văn Thù. Thế nào là Nhất Hạnh tam-muội? Đức Phật nói pháp giới một tướng, hệ duyên nơi pháp giới thì gọi là Nhất Hạnh tam-muội. Để tu tam-muội này thì chẳng giữ lấy tướng mạo, buộc tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu của Ngài. Tùy theo Ngài ở nơi chốn nào bèn giữ cho thân ngay thẳng, hướng thẳng về đó. Đối với một vị Phật mà niệm niệm tiếp nối thì sẽ có thể từ ngay trong một niệm mà thấy quá khứ và vị lai chư Phật.

"Dung hội về ý chỉ huyền nhiệm" là đem một môn Tịnh Độ dung hội, quy kết vào mười ý chỉ huyền diệu của kinh Hoa Nghiêm, như trong phần giải thích ý nghĩa "kinh Di Đà có vài phần Viên Đốn" trong đoạn sau sẽ giảng.

"Quán thông các môn": Do một môn Niệm Phật xuyên suốt các môn hành pháp trong giáo pháp của suốt một đời đức Phật, như trong phần giải thích về "nhất tâm bất loạn" trong phần sau sẽ giảng rõ.

"Kết quy tự tánh": Tức là như trong những đoạn văn ở phía sau, đoạn nào cũng luận đàm xứng Lý. "Hồi hướng Bồ Đề": Tức là như trong các đoạn văn ở phía sau, [đều phát nguyện] đạt lên Tịch Quang vô thượng quả).

(Sớ) Vị năng tự lợi, tiên năng lợi nhân giả, Bồ Tát phát tâm. Cố bất nhẫn độc thiện kỳ thân, tâm hoài kiêm lợi dã. Kiêm lợi chi đạo, hoằng pháp vi tiên. Nhi thử kinh chú sớ, kim đa mẫn một, kê cổ vô diêu, tuy nhất nhị cẩn tồn, lược cử đại đoan, vị sướng quyết chỉ. Hoằng công giả, tức bất khả tư nghị công đức dã. Bất tri thử kinh cụ hữu như thị công đức, tắc nghi nhi bất tín, tín diệc bất chân. Sớ Sao chi tác, bất dung dĩ dã.

(Diễn) Bất khả tư nghị, bất xuất y, chánh, nhân, quả. Y tắc Đồng Cư tức Tịch Quang. Chánh tắc Ứng Hóa tức Pháp Thân. Nhân tắc thất nhật tiện đắc công thành. Quả tắc nhất sanh tiện tức Bất Thoái. Hà khả tư nghị?

(疏)未能自利，先能利人者，菩薩發心。故不忍獨善其身，心懷兼利也。兼利之道，弘法為先。而此經註疏，今多泯沒，稽古無繇，雖一二僅存，略舉大端，未暢厥旨。

宏功者，即不可思議功德也，不知此經具有如是功德，則疑而不信，信亦不真，疏鈔之作，不容已也。

(演)不可思議，不出依正因果。依則同居即寂光。正則應化即法身。因則七日便得功成。果則一生便即不退。何可思議？

*(**Sớ**: Chưa thể tự lợi mà đã có thể làm lợi cho người khác trước, đấy là Bồ Tát phát tâm. Vì thế, chẳng nỡ hưởng tốt lành cho riêng mình, nặng lòng toan làm lợi cho người khác. Đạo làm lợi cho người khác lấy hoằng pháp làm đầu; nhưng chú thích, sớ giải của kinh này nay phần nhiều đã thất lạc, không có cách nào tìm được [trọn vẹn]. Các bản chú giải cổ tuy hãy còn một hai bản, nhưng những bản ấy chỉ nêu đại lược đầu mối, chưa diễn giải thông suốt tông chỉ của kinh này. "Hoằng công" tức là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng biết kinh này trọn đủ công đức như thế, sẽ nghi ngờ chẳng tin; dẫu có tin thì cũng chẳng tin tưởng thật sự. Cho nên tôi chẳng đặng đừng phải viết Sớ Sao.*

***Diễn**: "Chẳng thể nghĩ bàn" chẳng ra ngoài y báo, chánh báo, và nhân quả. Y báo thì cõi Đồng Cư chính là cõi Tịch Quang. Chánh báo thì Ứng Thân và Hóa Thân chính là Pháp Thân. Nhân thì bảy ngày liền được thành công. Quả thì hễ vãng sanh liền Bất Thoái. Sao có thể nghĩ bàn cho được?)*

(Sớ) Phu kiến giả, cơ phu tại biểu, sở nhập bất thâm, dụ thiển kiến dã. Thiển kiến hề năng trắc Phật thâm nghĩa? Nhi dĩ cứu thế tâm ân, đốn vong kỳ lậu dã.

(Diễn) Cơ phu tại biểu, sở nhập bất thâm giả, Sơ Tổ dục phản Thiên Trúc, mạng môn nhân viết: "Nhữ đẳng tận ngôn sở đắc". Đạo Phó đối viết: "Như ngã sở kiến, bất chấp văn tự, bất ly văn tự, nhi vi đạo dụng". Tổ viết: "Nhữ đắc ngã bì". Ni Tổng Trì viết: "Ngã kim sở giải, như Khánh Hỷ kiến A Súc Phật quốc, nhất kiến cánh bất tái kiến". Tổ viết: "Nhữ đắc ngã nhục". Đạo Dục viết: "Tứ Đại bổn không, Ngũ Ấm phi hữu, nhi ngã kiến xứ, vô nhất pháp khả đắc". Tổ viết: "Nhữ đắc ngô cốt". Tối hậu, Huệ Khả lễ bái, y vị nhi lập. Tổ viết: "Nhữ đắc ngã tủy". Kim ngôn phu giả, vị sở kiến thậm thiển dã.

(疏)膚見者。肌膚在表，所入不深，喻淺見也。淺見奚能測佛深義？而以救世心殷，頓忘其陋也。

(演)肌膚在表，所入不深者。初祖欲返天竺，命門人曰：汝等盡言所得。道付對曰：如我所見，不執文字，不離文字，而為道用。祖曰：汝得我皮。尼總持曰：我今所解，如慶喜見阿閦佛國，一見更不再見。祖曰：汝得我肉。道育曰：四大本空，五陰非有，而我見處，無一法可得。祖曰：汝得吾骨。最後慧可禮拜。依位而立。祖曰：汝得我髓。今言膚者，謂所見甚淺也。

*(**Sớ**: "Kiến giải hời hợt": Da thịt ở bên ngoài, sở nhập chẳng sâu, [dùng hình ảnh này] để sánh ví kiến giải nông cạn. Kiến giải nông cạn thì làm sao có thể suy lường nghĩa lý sâu xa của Phật? Nhưng do tâm cứu đời tha thiết, nhanh chóng quên mất chính mình thô hèn.*

***Diễn**: "Da thịt ở bên ngoài, sở nhập chẳng sâu": Sơ Tổ (Bồ Đề Đạt Ma) sắp quay về Thiên Trúc, bảo các môn nhân: "Các ông hãy nói hết những gì mình đã đạt được". Đạo Phó thưa. "Như con thấy thì chẳng chấp vào văn tự, chẳng lìa văn tự là tác dụng của đạo". Tổ nói: "Ông được phần da của ta". Ni sư Tổng Trì nói: "Sự hiểu biết của con hiện nay giống như ngài A Nan thấy cõi nước của A Súc Phật, đã thấy rồi thì chẳng còn thấy nữa". Tổ nói: "Bà được phần thịt của ta". Đạo Dục nói: "Tứ Đại vốn là Không, Ngũ Ấm chẳng có, nhưng theo chỗ con thấy, không có pháp nào để có thể đạt được". Tổ nói: "Ông được phần xương của ta". Cuối cùng, Huệ Khả lễ bái, đứng yên tại chỗ. Tổ nói: "Ông được phần tủy của ta". Nay nói đến "da", hàm ý: Sở kiến quá nông cạn).*

(Sớ) Tâm tư giả, tâm chi quan tắc tư. Nghiêu Thuấn chi thánh, thượng kiệt tâm tư, ngã hà nhân tư, dung khả hốt dã.

(Diễn) Nghiêu Thuấn thượng kiệt tâm tư giả, Thư vân: "Nghiêu Thuấn chi đạo, bất dĩ nhân chánh, bất năng bình trị thiên hạ". Hựu viết: "Ký kiệt tâm tư yên, kế chi dĩ bất nhẫn nhân chi chánh, nhi nhân phú thiên hạ hỹ".

(疏)心思者，心之官則思。堯舜之聖，尚竭心思，我何人斯，庸可忽也。

(演)堯舜尚竭心思者，書云：堯舜之道，不以仁政，不能平治天下。又曰：既竭心思焉，繼之以不忍人之政，而仁覆天下矣。

*(**Sớ**: "Tâm tư": Công năng của tâm là suy nghĩ. Nghiêu, Thuấn là thánh nhân mà còn phải dốc cạn tâm tư, tôi là hạng người như thế nào mà dám dễ dãi [chẳng suy nghĩ cặn kẽ]!*

***Diễn**: "Nghiêu, Thuấn còn phải dốc cạn tâm tư": Kinh Thư chép: "Đạo của Nghiêu Thuấn là nếu chẳng cai trị bằng lòng nhân, sẽ chẳng thể bình trị thiên hạ". Lại còn chép: "Đã dốc cạn tâm tư, lại còn cai trị bằng chánh sách chẳng tàn nhẫn đối với con người, lòng nhân trùm khắp thiên hạ vậy!")*

(Sớ) Bộ loại giả, chuyên đàm Cực Lạc Đại Bổn đẳng ngũ kinh dã. Văn Thù giả, Văn Thù Bát Nhã kinh, chuyên xưng danh tự Nhất Hạnh tam-muội dã. Tạp Hoa giả, dĩ Hoa Nghiêm tánh hải vi Tông, minh giáo phi quyền thiển dã.

(Diễn) Tánh hải vi Tông giả, Hoa Nghiêm tứ phần, ngũ châu, lục tướng, thập huyền, tứ chủng pháp giới, nhị thập chủng Hoa Tạng, cập vô lượng hương thủy hải, giai tùng nhất tâm lưu xuất, cố dĩ "Tánh hải vi Tông" dã.

(疏)部類者，專談極樂大本等五經也 。文殊者 ，文殊般若經，專稱名字一行三昧也。雜華者。以華嚴性海為宗，明教非權淺也。

(演)性海為宗者，華嚴四分。五周。六相，十玄，四種法界，二十重華藏，及無量香水海，皆從一心流出，故以性海為宗也。

*(**Sớ**: "Bộ loại" là những kinh chuyên giảng về Cực Lạc như năm kinh [Tịnh Độ] tức Đại Bổn v.v... Nói "Văn Thù" là chỉ kinh Văn Thù Bát Nhã, [kinh này giảng về] Nhất Hạnh tam-muội chuyên xưng niệm danh hiệu Phật. Kinh Tạp Hoa lấy Hoa Nghiêm tánh hải làm Tông, nhằm chỉ rõ giáo pháp này chẳng phải là quyền biến hay nông cạn.*

***Diễn**: "Tánh hải làm Tông": Kinh Hoa Nghiêm có bốn phần (giáo, lý, hạnh, quả), và năm tầng [nhân quả], sáu tướng, mười huyền môn, bốn thứ pháp giới, hai mươi thứ Hoa Tạng, và vô lượng biển nước thơm, đều từ nhất tâm lưu xuất. Vì thế, lấy Tánh hải làm Tông).*

(Sớ) Quần điển giả, dẫn chư kinh luận dĩ chứng minh, ngôn phi ức kiến dã. Tường như nghĩa lý bộ loại nhị môn, cập hậu kinh văn trung biện. Tiêu quy tự kỷ giả, minh bất chuyên sự tướng, cứu kỳ quy

trước, tất giai tiêu hóa, dung hội, quy ư ngã chi bổn tánh. Lương diêu thế xuất thế gian, vô nhất pháp xuất ư tâm ngoại. Tịnh Độ sở hữu y báo, chánh báo, nhất nhất giai thị Bổn Giác diệu minh. Thí chi bình, hoàn, thoa, xuyến, khí khí duy kim. Khê, giản, giang, hà, lưu lưu nhập hải. Vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới dã.

(Diễn) Thế xuất thế gian, bất xuất tâm ngoại giả. Thế gian nhiễm pháp, xuất thế gian tịnh pháp. Nhiễm tịnh tuy thù, bất ly tự tâm. Dĩ ly tâm vô lục đạo, ly tâm vô tam thừa cố. Tịnh Độ y chánh, giai thị Bổn Giác giả, y tức bảo trì, hàng thụ đẳng, chánh tức Phật cập Bồ Tát, tam bối, cửu phẩm đẳng, như hậu văn sở minh. Bảo trì tức tự tánh chi uông dương xung dung. Hàng thụ tức tự tánh chi xuất sanh chúng thiện. Thanh Văn tức tự tánh Chân. Bồ Tát tức tự tánh Tục. Phật tức tự tánh Trung đẳng. Hựu phục nhất niệm cụ túc tam thiên, nhi tam thiên trung, sanh ấm nhị thiên vi chánh. Quốc độ nhất thiên thuộc y. Quốc độ y chánh ký cư nhất tâm, nhất tâm khởi phân Năng, Sở? Cố viết nhất nhất giai thị. Khí khí duy kim, thị toàn vọng toàn chân nghĩa. Lưu lưu nhập hải, thị hội vọng quy chân nghĩa. Vô bất tùng thử pháp giới lưu, vô bất hoàn quy thử pháp giới giả, pháp giới vị Nhất Chân pháp giới, tức Khởi Tín Tâm Chân Như môn. Lưu hữu lưu xuất nghĩa, vị tùng bình đẳng pháp giới, nhất niệm bất giác, lưu xuất tam tế lục thô chủng chủng cảnh giới. Hoàn hữu hoàn chuyển nghĩa, vị: Nhược ly tâm niệm, tắc vô nhất thiết cảnh giới chi tướng, nhi nhất thiết cảnh giới toàn thị diệu minh.

(疏)群典者，引諸經論以證明，言非臆見也。詳如義理部類二門，及後經文中辯。消歸自己者，明不專事相，究其歸著，悉皆消化融會，歸於我之本性。良繇世出世間，無一法出於心外，淨土所有依報正報，一一皆是本覺妙明。譬之瓶環釵釧，器器唯金。溪澗江河，流流入海。無不從此法界流，無不還歸此法界也。

(演)世出世間不出心外者，世間染法，出世間淨法。染淨雖殊。不離自心。以離心無六道，離心無三乘故。淨土依正，皆是本覺者。依即寶池行樹等，正即佛及菩薩三輩九品等。如後文所明。寶池即自性之汪洋沖融，行樹即自性之出生眾善。聲聞即自性真，菩薩即自性俗，佛即自性中等。又復一念具足三千，而三千中，生陰二千為正。

國土一千屬依。國土依正既居一心，一心豈分能所？故曰一一皆是。器器唯金，是全妄全真義。流流入海，是會妄歸真義。無不從此法界流，無不還歸此法界者，法界謂一真法界，即起信心真如門。流有流出義，謂從平等法界，一念不覺，流出三細六粗種種境界。還有還轉義，謂若離心念，則無一切境界之相，而一切境界全是妙明。

***(Sớ**: "Quần điển" (các sách vở): Dẫn các kinh luận để chứng minh, ý nói chẳng phải là đoán mò. Muốn biết tường tận nghĩa lý của hai môn Bộ và Loại thì đến phần kinh văn ở phía sau sẽ biện định. "Tiêu quy tự kỷ" ý nói: Chẳng chuyên luận về sự tướng; xét đến chỗ quy kết, ắt sẽ tiêu hóa, dung hội, gộp về bổn tánh của ta. Ấy là vì thế gian và xuất thế gian, không một pháp nào ra ngoài tâm. Tất cả y báo và chánh báo của Tịnh Độ, mỗi thứ đều là bổn giác diệu minh. Thí như bình, hoa tai, thoa, xuyến, món nào cũng chỉ là vàng. Khe, ngòi, rạch, sông, dòng nước nào cũng đều đổ vào biển cả. Không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không có gì chẳng trở về pháp giới này.*

***Diễn**: "Thế gian và xuất thế gian chẳng ra ngoài tâm": Thế gian là nhiễm pháp, xuất thế gian là tịnh pháp. Nhiễm và tịnh tuy khác, chẳng lìa tự tâm. Do lìa khỏi tâm, sẽ không có lục đạo, lìa khỏi tâm sẽ chẳng có tam thừa.*

Y báo và chánh báo của Tịnh Độ đều là Bổn Giác. Y báo là ao báu, hàng cây v.v... Chánh báo là Phật, Bồ Tát, và ba bậc chín phẩm vãng sanh v.v... Như trong phần sau [của Sớ Sao] sẽ giảng: Ao báu chính là tự tánh mênh mông, bát ngát. Hàng cây chính là tự tánh xuất sanh các điều lành. Thanh Văn là Chân trong tự tánh, Bồ Tát là Tục trong tự tánh, Phật là Trung trong tự tánh v.v... Lại nữa, một niệm trọn đủ ba ngàn điều, nhưng trong ba ngàn điều ấy, chúng sanh và Ngũ Ấm gồm hai ngàn điều là chánh báo. Một ngàn điều trong phạm vi cõi nước thuộc về y báo. Cõi nước, y báo, và chánh báo đã thuộc trong nhất tâm thì làm sao có thể chia nhất tâm thành Năng và Sở? Cho nên nói "mỗi pháp đều là [nhất tâm]".

"Món nào cũng chỉ là vàng" tức là ý nghĩa toàn thể chân tức là vọng, toàn thể vọng tức là chân. "Dòng nào cũng đổ vào biển" là ý nghĩa dung thông vọng để quy kết vào chân. Không gì chẳng từ pháp giới này lưu xuất, không gì chẳng trở về pháp giới này. Nói "pháp giới" nghĩa là Nhất Chân pháp giới, tức là Tâm Chân Như Môn trong Khởi Tín Luận. "Lưu" có nghĩa là lưu xuất, ý nói: Từ pháp giới bình đẳng, do một niệm

bất giác, mà lưu xuất ba tế tướng, sáu thô tướng, và các thứ cảnh giới. "Hoàn" có nghĩa là hoàn chuyển (xoay trở về), ý nói: Nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của hết thảy các cảnh giới, mà hết thảy cảnh giới hoàn toàn là diệu minh).

(Sớ) Hồi hướng Bồ Đề giả, phàm sở tu vi, hàm nguyện vãng sanh, thị danh Hồi Hướng. Nhi hướng vô tha hướng, hồi hướng Tây Phương giả, hồi hướng tự tánh dã. Mạt nhị cú, nhiếp tiền khởi hậu, dục hưng thiện sự, tất trượng Phật gia. Bồ Tát thả nhiên, huống phục phàm phẩm. Tinh giả vô nhị, thành giả bất hư. Cổ vị: "Tinh thành chi cực, quỷ thần dữ thông", nhi huống Tam Bảo đại từ, mẫn niệm chúng sanh, do như xích tử. Đản hữu lợi ư chúng sanh, tinh thành cầu chi, ninh bất gia bị?

(Diễn) Quỷ thần dữ thông giả, Quản Tử vân: "Tư chi, tư chi, hựu trùng tư chi. Tư chi bất đắc, quỷ thần kỳ tương thông chi". Phi quỷ thần chi dữ thông, nãi tinh thành chi cực dã.

(疏)回向菩提者，凡所修為，咸願往生，是名回向。而向無他向，回向西方者，回向自性也。末二句。攝前起後。欲興善事，必仗佛加。菩薩且然，況復凡品。精者無二，誠者不虛。古謂精誠之極，鬼神與通，而況三寶大慈，憫念眾生，猶如赤子。但有利於眾生。精誠求之。寧不加被？

(演)鬼神與通者。管子云：思之思之，又重思之，思之不得，鬼神其將通之，非鬼神之與通，乃精誠之極也。

*(**Sớ**: "Hồi hướng Bồ Đề" là phàm những gì tu tập, thực hiện, đều nguyện vãng sanh. Đó gọi là hồi hướng, nhưng không hướng về nơi nào khác, hồi hướng Tây Phương là hồi hướng tự tánh. Hai câu cuối nhằm tóm thâu ý nghĩa trong phần trước, dấy khởi ý nghĩa cho phần sau, [ý nói] muốn làm chuyện tốt lành, ắt cậy nhờ Phật gia bị. Bồ Tát còn phải như vậy, huống là hạng phàm phu! Tinh là không hai, Thành là chẳng dối. Cổ nhân nói: "Tinh thành đến cùng cực, sẽ cảm thông quỷ thần", huống chi Tam Bảo đại từ, nghĩ thương xót chúng sanh như con đỏ. Chỉ cần có lợi cho chúng sanh, dùng lòng tinh thành cầu nguyện, lẽ nào [Tam Bảo] chẳng gia hộ?*

***Diễn**: "Cảm thông quỷ thần": Quản Tử nói: "Hãy nghĩ đi, hãy nghĩ đi, lại suy nghĩ nữa đi. Suy nghĩ không ra thì quỷ thần sẽ giúp cho thông*

suốt". Chẳng phải là quỷ thần giúp cho thông suốt, mà đấy là do lòng tinh thành đến tột bậc [cảm vời] vậy).

Ngũ, thỉnh gia

(Tự) Quy mạng Sa Bà thuyết pháp chủ, Tây Phương tiếp dẫn đại từ tôn, bất khả tư nghị Phật hộ kinh, Xá Lợi, Văn Thù chư thánh giả. Nhị độ lục phương biến trần sát, quá khứ, kiến tại, cập đương lai, vô tận Tam Bảo hàm chứng tri, duy nguyện từ bi nhiếp thọ ngã. Ngã kim vọng dĩ uế độ kiến, lãi trắc Như Lai thanh tịnh tâm. Ngưỡng thừa Tam Bảo đại oai thần, gia bị phàm ngu thành thắng trí, sử ngã ngôn ngôn phù Phật ý. Lưu thông hà nhĩ ích hàm linh. Kiến văn tùy hỷ tất vãng sanh, đồng chứng Tịch Quang vô thượng quả.

(Diễn) Kệ trung sơ bát cú, thị tiên quy mạng. Thứ bát cú, thị chánh thỉnh gia. Sơ trung hựu nhị. Sơ tứ cú, tựu bổn kinh Tam Bảo. Hậu tứ cú, chỉ vô tận Tam Bảo. Thứ trung hữu tam, sơ nhị cú, tiên xuất thỉnh gia sở dĩ. Trung tam cú, thị chánh cầu gia bị, hậu tam cú, thị hồi hướng Bồ Đề. Sa Bà, thử vân Kham Nhẫn, Phật cụ tam duyên từ danh Đại Từ. Thử kinh Thanh Văn chúng trung, Xá Lợi vi thủ, Bồ Tát chúng trung, Văn Thù vi thủ, cố đặc tiêu xuất. Nhị độ cú, thị hoành biến nhất thiết xứ. Quá khứ cú, thị thụ biến nhất thiết thời. Như Lai thanh tịnh tâm giả, Như Lai tùng Thật Tướng Bát Nhã lưu xuất Văn Tự Bát Nhã, cố thử kinh tức thị Như Lai thanh tịnh tâm. Tịch Quang vô thượng quả giả, tứ thập nhất vị Pháp Thân đại sĩ, giai chứng Tịch Quang nhi phi vô thượng. Duy Diệu Giác nhất vị, nãi vi vô thượng quả dã.

五、請加

(序)歸命娑婆說法主，西方接引大慈尊，不可思議佛護經，舍利文殊諸聖者。二土六方遍塵剎，過去見在及當來，無盡三寶咸證知，惟願慈悲攝受我。我今妄以穢土見，蠡測如來清淨心。仰承三寶大威神，加被凡愚成勝智。使我言言符佛意。流通遐邇益含靈。見聞隨喜悉往生，同證寂光無上果。

(演)偈中初八句，是先皈命。次八句，是正請加。初中又二。初四句。就本經三寶。後四句，指無盡三寶。次中有三，初二句，先出請加所以。中三句，是正求加被。後三句，是回向菩提。娑婆，此云堪忍。佛具三緣慈名大

慈，此經聲聞眾中舍利為首，菩薩眾中文殊為首，故特標出。二土句，是橫遍一切處。過去句，是豎遍一切時。如來清淨心者。如來從實相般若流出文字般若，故此經即是如來清淨心。寂光無上果者 ，四十一位法身大士 ，皆證寂光而非無上。唯妙覺一位，乃為無上果也。

(Năm, xin gia hộ.

***Tựa**: Quy mạng Sa Bà thuyết pháp chủ, Tây Phương tiếp dẫn đại từ tôn, kinh Phật hộ niệm chẳng nghĩ bàn, Xá Lợi, Văn Thù, các đức thánh. Hai cõi, sáu phương khắp trần sát, quá khứ, hiện tại và tương lai, vô tận Tam Bảo cùng chứng tri, kính nguyện từ bi nhiếp thọ con. Con nay lầm lạc dùng uế độ kiến giải, dò đoán Như Lai thanh tịnh tâm. Vâng nhờ Tam Bảo đại oai thần, gia bị phàm phu thành trí sáng. Khiến con từng chữ hợp ý Phật. Lưu thông xa gần lợi hàm linh. Thấy, nghe, tùy hỷ ắt vãng sanh, cùng chứng Tịch Quang vô thượng quả.*

***Diễn**: Trong tám câu kệ, trước hết quy mạng [Tam Bảo]. Tám câu kế tiếp là phần chính thức thỉnh Tam Bảo gia bị. Trong phần đầu, lại gồm hai phần nhỏ. Bốn câu đầu chính là [nêu rõ] Tam Bảo trong kinh này. Bốn câu cuối nêu ra vô tận Tam Bảo. Phần tiếp theo gồm ba đoạn: Hai câu đầu là trước hết nêu lên lý do thỉnh cầu gia bị. Ba câu trong đó là chính thức cầu gia bị, ba câu sau là hồi hướng Bồ Đề.*

Sa Bà được cõi này dịch là Kham Nhẫn. Đức Phật có đủ ba thứ duyên từ, nên gọi là "đại từ". Trong kinh này, ngài Xá Lợi Phất là thượng thủ trong chúng Thanh Văn, ngài Văn Thù là thượng thủ trong chúng Bồ Tát, nên đặc biệt nêu tên hai vị. Câu "hai cõi..." là theo chiều ngang, trọn khắp hết thảy mọi nơi. Câu "quá khứ" là theo chiều dọc trọn hết thảy các thời. "Tâm thanh tịnh của Như Lai": Như Lai từ Thật Tướng Bát Nhã lưu xuất Văn Tự Bát Nhã, nên kinh này chính là tâm thanh tịnh của Như Lai. "Tịch Quang vô thượng quả": Bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ đều chứng Tịch Quang, nhưng chưa vô thượng. Chỉ có địa vị Diệu Giác mới là quả vô thượng).

(Sớ) Quy mạng, như Ba La Mật lệ, đảo ngữ pháp dã. Quy nghĩa hữu nhị: Nhất giả quy đầu nghĩa, ngôn thế nhân chí trọng giả thân mạng. Cử thân mạng nhi quy y, thành kính chi chí, vô nhị tâm dã.

(Diễn) Quy đầu giả, như điểu đầu lâm, như khách đầu chủ, như bần nhân đầu đại gia.

(疏)歸命，如波羅密例，倒語法也。歸義有二：一者歸投義，言世人至重者身命。舉身命而歸依，誠敬之至，無二心也。

(演)歸投者。如鳥投林。如客投主。如貧人投大家。

*(**Sớ**: Quy mạng là theo thể lệ như chữ Ba La Mật, cú pháp đảo ngược. "Quy" có hai nghĩa: Nghĩa thứ nhất là quay về nương tựa vào, ý nói: Người đời coi trọng thân mạng nhất. Đem trọn thân mạng quy y, thành kính tột bậc, chẳng có hai lòng.*

***Diễn**: "Quay về nương tựa vào": Như chim nương cậy rừng, như khách nương cậy chủ, như kẻ nghèo nương cậy người giàu có).*

(Sớ) Nhị giả, quy nguyên nghĩa, cử thân mạng nhi quy y, tức thị tổng nhiếp lục căn hoàn quy nhất tâm dã.

(Diễn) Tổng nhiếp lục căn giả, lục căn thị biệt, thân mạng thị tổng. Hoàn quy nhất tâm giả, nguyên y nhất tinh minh, phân thành lục hòa hợp; kim phản lục hòa hợp, hoàn quy nhất tinh minh dã.

(疏)二者歸元義，舉身命而歸依，即是總攝六根還歸一心也。

(演)總攝六根者。六根是別。身命是總。還歸一心者，元依一精明，分成六和合，今返六和合，還歸一精明也。

*(**Sớ**: Nghĩa thứ hai là trở về nguồn, dốc trọn thân mạng quy y chính là nhiếp trọn sáu căn trở về nhất tâm.*

***Diễn**: "Nhiếp trọn sáu căn": Sáu căn là biệt, thân mạng là tổng. "Trở về nhất tâm": Vốn là nương vào một cái tinh minh mà chia thành sáu thứ hòa hợp, nay quay ngược sáu thứ hòa hợp trở về một cái tinh minh).*

(Sớ) Sa Bà ngôn Thích Ca, Tây Phương ngôn Di Đà. Tiên Thích Ca giả, giáo sở diêu hưng dã. Nhụ tử phong hầu, thượng bất bối bổn; phàm phu nhập thánh, khởi đắc cô ân? Cổ hữu lâm chung, phần hương tiên cúng dường Thích Ca giả, chánh thử ý dã.

(Diễn) Nhụ tử phong hầu giả, Trần Bình vi thời, vị lý xã phân nhục thậm quân. Xã lão xưng "nhụ tử thiện tể". Bình viết: "Sử Bình đắc tể thiên hạ, diệc như thị nhục hỹ". Nhụ Tử toại dĩ thử tri danh. Hậu Ngụy Vô Tri tiến ư Cao Đế, phong công thần thời, phong Trần Bình vi

Khúc Nghịch Hầu. Bình viết: "Thần phi Ngụy Vô Tri, vô do đắc tiến". Đế viết: "Nhược tử khả vị bất bối bổn hỹ". Lâm chung tiên cúng Thích Ca giả, Lưu Di Dân lâm chung kiến Phật, nãi phần hương, tạ vân: "Nhược phi Thích Ca Như Lai tán dương Tịnh Độ, yên hữu kim nhật sự". Bái tạ dĩ, nãi tùy Phật vãng sanh.

(疏)娑婆言釋迦，西方言彌陀。先釋迦者，教所繇興也，孺子封侯，尚不背本，凡夫入聖，豈得辜恩？古有臨終焚香先供養釋迦者，正此意也。

(演)孺子封侯者。陳平微時。為里社分肉甚均。社老稱孺子善宰。平曰：使平得宰天下亦如是肉矣。孺子遂以此知名。後魏無知薦於高帝。封功臣時。封陳平為曲逆侯。平曰：臣非魏無知。無由得進。帝曰：若子可謂不背本矣。臨終先供釋迦者。劉遺民臨終見佛。乃焚香謝云：若非釋迦如來贊揚淨土。焉有今日事。拜謝已。乃隨佛往生。

*(**Sớ**: Ở cõi Sa Bà là nói đến Phật Thích Ca, tại Tây Phương là nói tới Phật Di Đà. Nói tới Phật Thích Ca trước là vì giáo pháp do Ngài mà hưng khởi. Trẻ thơ được phong hầu, còn chẳng quên cội gốc. Phàm phu dự vào bậc thánh, há lẽ phụ ơn? Xưa kia có người lâm chung bèn thắp hương cúng dường Phật Thích Ca trước, chính là vì ý này vậy.*

***Diễn**: "Trẻ thơ được phong hầu": Trần Bình lúc còn hàn vi, vì làng xã chia thịt rất đều, các cụ trong xã gọi ông ta là "thằng bé khéo cắt". Trần Bình thưa: "Nếu Bình được làm tể tướng trong thiên hạ thì cũng sẽ [cai trị công bằng] như chia thịt vậy". Do vậy, ông ta được nổi tiếng với danh xưng là Nhụ Tử (thằng bé con, thằng nhóc). Về sau, Ngụy Vô Tri tiến cử Trần Bình với Hán Cao Đế (Lưu Bang). Đến khi phong công thần, Trần Bình được phong làm Khúc Nghịch Hầu. Trần Bình tâu: "Nếu không nhờ Ngụy Vô Tri, thần không có cách nào được tiến cử!" Vua nói: "Như ngươi thì có thể gọi là kẻ chẳng chối bỏ nguồn gốc vậy".*

"Lâm chung cúng Phật Thích Ca trước": Ông Lưu Di Dân lâm chung thấy Phật, bèn đốt hương, cảm tạ: "Nếu đức Thích Ca Như Lai chẳng tán dương Tịnh Độ, làm sao có chuyện như ngày hôm nay". Bái tạ xong, ông theo Phật vãng sanh).

(Sớ) Thuyết pháp chủ giả, thuyết pháp độ sanh, nhất độ chi trung, vô nhị Phật cố. Tiếp dẫn giả, chúng sanh niệm Phật, Phật thùy tiếp dẫn.

Dụ như hành lộ, nhược giả tiếp nhi tế chi, mê giả dẫn nhi đạo chi dã. Phục hữu nhị nghĩa: Hiện sanh tiếp dẫn, tắc tư kỳ đạo tâm; lâm chung tiếp dẫn, tắc nhiếp kỳ thần thức.

(Diễn) Hiện sanh tiếp dẫn giả, bất hiện thân ngữ, minh minh gia bị. Tinh tâm ấm tốc, phát bỉ thần thức dã. Lâm chung tiếp dẫn giả, hiện thân ngữ ý, nhiếp kỳ thần thức, quy ư Tịnh Độ dã.

(疏)說法主者，說法度生，一土之中，無二佛故。接引者，眾生念佛，佛垂接引，喻如行路，弱者接而濟之，迷者引而導之也。復有二義：現生接引，則資其道心；臨終接引，則攝其神識。

(演)現生接引者。不現身語，冥冥加被。精心陰速，發彼神識也。臨終接引者。現身語意。攝其神識，歸於淨土也。

*(**Sớ**: "Thuyết pháp chủ": Thuyết pháp độ sanh, trong một cõi, không có hai vị Phật. "Tiếp dẫn": Chúng sanh niệm Phật, Phật rủ lòng tiếp dẫn. Ví như đi đường, đối với người yếu đuối, bèn nâng, dìu, giúp đỡ; đối với kẻ lạc đường, bèn dẫn dắt, chỉ bảo. Lại có hai nghĩa: Tiếp dẫn trong lúc còn sống nhằm vun bồi đạo tâm cho người ấy; tiếp dẫn lúc lâm chung thì nhiếp thọ thần thức của người ấy.*

***Diễn**: "Tiếp dẫn ngay trong khi còn sống": Chẳng hiện thân hay nói năng, mà âm thầm gia bị. Nhanh chóng ngấm ngầm cảm thông với cái tâm tinh thuần, khiến cho thần thức của kẻ ấy phát khởi tác dụng. "Tiếp dẫn lúc lâm chung": Hiện thân, ngữ, ý, nhiếp thọ thần thức của người ấy về Tịnh Độ).*

(Sớ) Đại từ tôn giả, như mẫu ức tử, danh chi viết Từ. Từ vô dĩ gia, danh chi viết Đại. Tôn tức chủ nghĩa. Giao hỗ ngôn chi, diệc khả Thích Ca thử độ chi tôn, Di Đà bỉ độ chi chủ dã. Kiêm nhị Như Lai, thị vị Phật Bảo. Bất Khả Tư Nghị Phật Hộ Niệm Kinh, thử kinh nguyên danh dã, thị vị Pháp Bảo. Xá Lợi, Văn Thù đẳng, văn kinh chúng dã, thị vị Tăng Bảo. Xưng chi vi Bảo, lược hữu lục nghĩa: Nhất, hy hữu nghĩa. Nhị, ly cấu nghĩa. Tam, thế lực nghĩa. Tứ, trang nghiêm nghĩa. Ngũ, tối thắng nghĩa. Lục, bất cải nghĩa. Cụ như Yếu Tập trung thuyết.

(Diễn) Hy hữu giả, như Tùy châu, Biện phác, thế sở hy hữu. Kim Phật tắc như Ưu Đàm hoa thời nhất hiện nhĩ, Pháp tắc Như Lai nhân trung xả thân nhi cầu bán kệ, Tăng tắc Thiên Đế thượng phát nguyện

vi Mạt Pháp tỳ-kheo, khởi phi dĩ hy hữu chi cố? Ly cấu giả, như mỹ ngọc vô hà, tinh kim xuất khoáng. Kim Phật phá ngũ trụ ô nhiễm, Pháp xưng ly dục, Tăng ly thế nhiễm dã. Thế lực giả, như tiền khả thông thần, năng sử vong giả tục, tử giả sanh, thế lực dã. Kim Tam Bảo năng hàng phục chư ma, chế chư ngoại đạo, hà đẳng thế lực? Trang nghiêm giả, như anh lạc nghiêm thân, thất bảo nghiêm độ, trang nghiêm dã. Kim Tam Bảo hiện vi diệu thân, thành vi diệu độ, thuyết vi diệu pháp, hóa vi diệu chúng, hà đẳng trang nghiêm? Tối thắng giả, thế gian thắng diệu vô quá thất bảo. Kim Phật xưng vi Lưỡng Túc Tôn, Pháp xưng Ly Dục Tôn, Tăng xưng Chúng Trung Tôn, thị tối thắng dã. Bất cải giả, tinh kim bách luyện, dũ tân dũ diệu. Kim Phật tắc Pháp Thân thường trụ, vô hữu biến dị. Pháp tắc hỏa bất năng phần, thủy bất năng phiêu. Tăng tắc phùng ma bất thoái, ngộ nạn chuyển kiên, thị bất cải dã.

(疏)大慈尊者。如母憶子，名之曰慈。慈無以加，名之曰大。尊即主義。交互言之，亦可釋迦此土之尊。彌陀彼土之主也。兼二如來，是謂佛寶。不可思議佛護念經，此經原名也，是謂法寶。舍利文殊等，聞經眾也，是謂僧寶。稱之為寶，略有六義。一、希有義。二、離垢義。三、勢力義。四、莊嚴義。五、最勝義。六、不改義。具如要集中說。

(演)希有者。如隋珠卞璞。世所希有。今佛則如優曇華時一現耳。法則如來因中捨身而求半偈。僧則天帝尚發願為末法比丘。豈非以希有之故？離垢者。如美玉無瑕。精金出礦。今佛破五住污染。法稱離欲。僧離世染也。勢力者，如錢可通神，能使亡者續，死者生，勢力也。今三寶能降伏諸魔，制諸外道，何等勢力？莊嚴者。如瓔珞嚴身。七寶嚴土。莊嚴也。今三寶現微妙身。成微妙土。說微妙法。化微妙眾。何等莊嚴？最勝者，世間勝妙無過七寶。今佛稱為兩足尊，法稱離欲尊，僧稱眾中尊，是最勝也。不改者，精金百煉，愈新愈妙。今佛則法身常住，無有變異。法則火不能焚，水不能漂。僧則逢魔不退，遇難轉堅，是不改也。

*(**Sớ**: "Đại từ tôn": Như mẹ nhớ con, nên gọi là Từ. Lòng Từ không gì hơn được, nên gọi là Đại. Tôn có nghĩa là "chủ". Gộp chung [các ý nghĩa này] để nói thì có thể dùng [danh xưng Đại Từ Tôn] để gọi đức Thích Ca trong cõi này, Phật Di Đà là giáo chủ trong cõi kia. Hai vị Như Lai cùng được gọi là Phật Bảo. Bất Khả Tư Nghị Phật Hộ Niệm Kinh là tên gốc của kinh này, đây là nói về Pháp Bảo. Xá Lợi, Văn Thù v.v... là những người nghe kinh, đây là nói tới Tăng Bảo. Gọi là "của báu" vì đại lược có sáu nghĩa: Nghĩa thứ nhất là hy hữu. Nghĩa thứ hai là lìa nhơ. Nghĩa thứ ba là thế lực. Nghĩa thứ tư là trang nghiêm. Nghĩa thứ năm là tối thắng. Nghĩa thứ sáu là không thay đổi. Nói đầy đủ thì như trong Yếu Tập đã nói.*

***Diễn**: "Hy hữu": Như viên châu của Tùy Hầu, như bảo ngọc của Biện Hòa, hiếm có trong cõi đời. Nay Phật như hoa Ưu Đàm rất lâu mới xuất hiện. Pháp thì như đức Như Lai trong khi tu nhân đã xả thân để cầu nửa bài kệ. Tăng thì như Thiên Đế còn phát nguyện làm tỳ-kheo trong đời Mạt Pháp. Há chẳng coi là hy hữu ư?*

"Lìa nhơ": Như mỹ ngọc không tỳ vết, vàng ròng ra khỏi quặng. Nay Phật đã phá ngũ trụ nhiễm ô, Pháp được ca tụng là ly dục, Tăng lìa những nhơ bẩn trong cõi đời.

"Thế lực": Như tiền có thể cảm thông thần, có thể khiến cho cái đã mất lại được tiếp tục, cái đã chết lại sống. Đấy là thế lực. Nay Tam Bảo có thể hàng phục các loại ma, chế ngự các ngoại đạo, thế lực nào bằng?

"Trang nghiêm": Như anh lạc trang nghiêm thân, bảy báu trang nghiêm cõi nước. Đó là trang nghiêm. Nay Tam Bảo hiện thân vi diệu, thành tựu cõi vi diệu, nói pháp vi diệu, hóa độ đại chúng vi diệu, trang nghiêm chi bằng?

"Tối thắng": Sự thắng diệu trong thế gian không gì hơn bảy báu. Nay Phật được gọi là Lưỡng Túc Tôn, Pháp được gọi là Ly Dục Tôn, Tăng được gọi là Chúng Trung Tôn; đó là tối thắng.

"Không thay đổi": Vàng ròng qua trăm lần nung luyện, càng mới, càng đẹp. Nay Phật là Pháp Thân thường trụ, chẳng hề đổi khác. Pháp thì lửa chẳng thể đốt, nước chẳng thể cuốn trôi. Tăng thì gặp ma chẳng lui sụt, gặp nạn càng kiên cố. Đó là chẳng thay đổi vậy.

(Sớ) Thôi nhi cực chi, Cực Lạc, Sa Bà nhị độ, tứ duy, thượng, hạ, thập phương, dĩ chí vi trần Phật sát, tắc biến nhất thiết xứ. Quá, hiện, vị lai, tắc biến nhất thiết thời. Ư trung, Tam Bảo hoành cai thụ triệt, vô cùng tận dã. Hựu Tam Bảo giả, phục phân Sự Lý, hữu biệt, hữu đồng,

như hậu văn biện. Kim thị nội, ngoại, tự, tha, tất quy mạng dã. Cổ vân: "Phật diệt độ hậu, phàm chư đệ tử, sở hữu trước thuật, giai quy Tam Bảo". Lương diêu thánh cảnh cao huyền, Phật ngôn vi diệu, nhi dục dĩ phàm phu hào mạt chi trí, võng tự bình lượng, thị nãi dụng lãi trắc hải, trì quản khuy thiên, mạn tự bì lao, sở đắc kỷ hà. Cố tất quy mạng Tam Bảo, minh hy gia bị!

(Diễn) Sự Lý đồng biệt giả, Trụ Trì Tam Bảo vi Sự, Nhất Thể Tam Bảo vi Lý. Phật bất thị pháp đẳng, vi biệt. Hựu Phật hữu tam thân, tứ giáo, Pháp hữu giáo, hành, lý, quả, Tăng hữu Thập Thánh, Tam Hiền, Tứ Quả, Tứ Hướng, giai biệt dã. Đồng thể Tam Bảo vi đồng. Nội tự ước Lý, ngoại tha ước Sự. Trước thuật giai quy Tam Bảo giả, thị học hữu sở tông, bất cảm tự dụng, tự chuyên dã. Dụng lãi trắc hải giả, Đông Phương Sóc đáp khách nạn vân: "Dĩ quản khuy thiên, dĩ lãi trắc hải, dĩ đĩnh tràng chung, khởi năng thông kỳ điều quán, khảo kỳ thiển thâm, phát kỳ âm thanh tai?"

(疏)推而極之，極樂娑婆二土，四維上下十方，以至微塵佛剎，則遍一切處，過、現、未來，則遍一切時。於中三寶，橫該豎徹，無窮盡也。又三寶者，復分事理，有別有同。如後文辯。今是內外自他悉歸命也。古云：佛滅度後，凡諸弟子，所有著述，皆歸三寶。良繇聖境高玄，佛言微妙，而欲以凡夫毫末之智，罔自評量，是乃用蠡測海，持管窺天，漫自疲勞，所得幾何。故必歸命三寶，冥希加被。

(演)事理同別者，住持三寶為事，一體三寶為理。佛不是法等為別。又佛有三身四教，法有教行理果，僧有十聖三賢，四果四向，皆別也。同體三寶為同。內自約理，外他約事。著述皆皈三寶者，示學有所宗，不敢自用自專也。用蠡測海者，東方朔答客難云：以管窺天，以蠡測海，以梃撞鐘，豈能通其條貫，考其淺深，發其音聲哉？

*(**Sớ**: Suy luận đến tột cùng. Trong bốn phương, trên, dưới, và mười phương của hai cõi Cực Lạc và Sa Bà, cho đến các cõi Phật nhiều như vi trần, trọn khắp hết thảy các nơi. Quá khứ, hiện tại, vị lai là trọn khắp hết thảy thời. Tam Bảo trong ấy vô cùng, vô tận, trọn khắp theo chiều dọc, tột cùng theo chiều ngang. Lại nữa, Tam Bảo lại chia thành Sự và Lý, có khác*

biệt, có tương đồng, như trong các phần sau sẽ biện định. Nay thì trong, ngoài, tự, tha đều cùng quy mạng. Cổ nhân nói: "Sau khi đức Phật diệt độ, hễ các đệ tử có trước thuật gì đều quy mạng Tam Bảo". Ấy là vì thánh cảnh cao vời, huyền diệu, lời Phật vi diệu, muốn dùng cái trí vụn vặt của phàm phu để tự lầm lạc phê phán, đánh giá, đấy là dùng bầu đong biển, cầm ống ngắm trời, đã chậm chạp, lại còn tự nhọc nhằn, hiểu biết được mấy! Vì thế, ắt phải quy mạng Tam Bảo để mong được ngấm ngầm gia bị.

***Diễn**: "Sự giống nhau và khác nhau giữa Sự và Lý": Trụ Trì Tam Bảo là Sự, Nhất Thể Tam Bảo là Lý. Phật chẳng phải là Pháp v.v... Đó là biệt. Lại nữa, Phật có ba thân, bốn giáo, Pháp có giáo, lý, hành, quả, Tăng có Thập Thánh, Tam Hiền, Tứ Quả, Tứ Hướng, đều khác biệt. Tam Bảo có cùng một Thể, đó là đồng. Ước theo bên trong và chính mình thì là Lý, ước theo bên ngoài và người khác thì là Sự.*

"Trước thuật đều quy mạng Tam Bảo": Biểu thị học vấn có cội nguồn, chẳng dám tự bày vẽ, tự chuyên.

"Dùng bầu đong biển": Đông Phương Sóc đáp lời khách cật vấn như sau: "Dùng ống ngắm trời, dùng bầu đong biển, dùng que giộng chuông, há có thể thông hiểu [bầu trời] tường tận, biết được biển sâu hay cạn, làm chuông phát ra âm thanh hay chăng?")

(Sớ) Oai thần giả, như kinh ngôn "Phật lực bất khả tư nghị, Pháp lực bất khả tư nghị, hiền thánh lực bất khả tư nghị". Trượng Tam Bảo lực, năng sử ngu trung, hốt thành thắng trí. Phàm khẩu sở thuật, minh thông thánh tâm dã. Hà nhĩ giả, kiêm xứ dữ thời. Xứ tắc diêu nhất ngung, dĩ chí châu biến thập phương. Thời tắc diêu sát-na, dĩ chí tận vị lai tế, giai danh "tự nhĩ cập hà" dã. Hàm linh giả, giản phi mộc, thạch, vị nhất thiết hữu tình dã. Kiến văn tùy hỷ giả, đản ư thử kinh, mục lãm nhĩ thính, dĩ chí tạm nhĩ tùy thuận, sanh hoan hỷ giả, giai thực thiện căn, đồng sanh bỉ quốc dã. Tịch Quang giả, Như Lai chân Tịnh Độ. Sanh bỉ quốc dĩ, kiến Phật văn pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn, đắc tự bổn tâm, Tịch Chiếu bất nhị, danh Thường Tịch Quang.

(Diễn) Như Lai chân Tịnh Độ giả, thượng tam độ vị vi chân, nhi Tịch Quang nãi vi chân. Nhiên Tịch Quang diệc hữu tịnh uế bất đồng. Tứ thập nhất vị Pháp Thân đại sĩ sở cư vi uế độ, duy Phật nhất nhân sở cư vi Tịnh Độ. Kim viết "Như Lai chân Tịnh Độ", tắc thị Thường Tịch Quang Tịnh Độ dã. Danh chi vi chân giả, Diệu Tông Sao vân: "Chư Phật Như Lai sở du cư xứ, chân thường cứu cánh cực vi Tịnh Độ", thị dã. Tịch Chiếu bất nhị giả, vị Tịch nhi thường Chiếu, Chiếu nhi thường

Tịch, tức Tịch, tức Chiếu, tức Chiếu, tức Tịch. Danh Thường Tịch Quang giả, Thường tức Pháp Thân, Tịch tức Giải Thoát, Quang tức Bát Nhã. Thị tam điểm bất tung hoành tịnh biệt, danh Bí Mật Tạng. Chư Phật trụ xứ, vô lượng thậm thâm pháp tánh dã.

(疏)威神者，如經言佛力不可思議，法力不可思議，賢聖力不可思議。仗三寶力，能使愚衷忽成勝智。凡口所述，冥通聖心也。遐邇者，兼處與時。處則繇一隅以至周遍十方，時則繇剎那以至盡未來際，皆名自邇及遐也。含靈者，揀非木石，謂一切有情也。見聞隨喜者。但於此經，目覽耳聽。以至暫爾隨順生歡喜者，皆植善根，同生彼國也。寂光者，如來真淨土，生彼國已，見佛聞法，悟無生忍，得自本心，寂照不二，名常寂光。

(演)如來真淨土者，上三土未為真，而寂光乃為真。然寂光亦有淨穢不同。四十一位法身大士所居為穢土，唯佛一人所居為淨土。今曰如來真淨土，則是常寂光淨土也。名之為真者。妙宗鈔云：諸佛如來所游居處，真常究竟極為淨土，是也。寂照不二者，謂寂而常照，照而常寂。即寂即照，即照即寂。名常寂光者。常即法身，寂即解脫，光即般若。是三點不縱橫並別，名秘密藏。諸佛住處，無量甚深法性也。

*(**Sớ**: "Oai thần" là như kinh nói "Phật lực chẳng thể nghĩ bàn, Pháp lực chẳng thể nghĩ bàn, hiền thánh lực chẳng thể nghĩ bàn". Nhờ sức Tam Bảo, khiến cho đầu óc ngu muội chợt trở thành trí huệ thù thắng. Phàm những lời nói ra đều ngầm thông thánh tâm. "Xa gần" bao gồm nơi chốn và thời gian. Nơi chốn thì từ một góc cho đến trọn khắp mười phương; thời gian thì từ một sát-na cho đến hết đời vị lai, đều gọi là "từ gần đến xa".*

[Gọi là] "hàm linh" nhằm phân biệt chẳng phải là gỗ, đá, mà là nói về hết thảy hữu tình.

"Thấy, nghe, tùy hỷ": Đối với kinh này, chỉ cần mắt nhìn, tai nghe, cho đến tạm thời tùy thuận, sanh lòng vui mừng, thì đều gieo trồng thiện căn, cùng sanh về cõi kia.

Tịch Quang là Tịnh Độ thật sự của Như Lai. Sanh về cõi ấy, thấy Phật, nghe pháp, ngộ Vô Sanh Nhẫn, đắc bổn tâm của chính mình. Tịch, Chiếu chẳng hai, gọi là Thường Tịch Quang.

***Diễn**: "[Nói cõi Tịch Quang] là Tịnh Độ thật sự của Như Lai": Ba cõi trước đó chưa phải là thật, cõi Tịch Quang mới là thật. Nhưng cõi Tịch Quang cũng có tịnh và uế khác nhau. Cõi mà bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân đại sĩ ở là uế độ, chỉ có mình cõi đức Phật ngự là Tịnh Độ. Nay nói "cõi Tịnh Độ chân thật của Như Lai" thì chính là [nói tới] cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ vậy, đặt tên cho nó là "chân". Sách Diệu Tông Sao nói: "Chỗ chư Phật Như Lai dạo chơi, cư trụ, chân thường rốt ráo tột bậc là Tịnh Độ", chính là nói về ý này.*

"Tịch Chiếu bất nhị", nghĩa là: Tịch mà thường Chiếu, Chiếu nhưng thường Tịch, vừa Tịch vừa Chiếu, vừa Chiếu vừa Tịch, thì gọi là Thường Tịch Quang. Thường là Pháp Thân, Tịch là Giải Thoát, Quang là Bát Nhã. Ba điều này chẳng phải là ngang hay dọc, đồng thời hay sai khác, nên gọi là Kho Bí Mật. Trụ xứ của chư Phật là pháp tánh rất sâu vô lượng).

(Sớ) Vô Thượng Quả giả, Phật chứng viên mãn Đại Giác, siêu việt Nhị Thừa cập chư Bồ Tát. Thử quả chi thượng cánh vô quá giả, danh Vô Thượng Quả, thị chứng Phật Nhất Thiết Chủng Trí dã. Kinh vân: "Giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề", tắc tri đản đắc vãng sanh, tất cánh thành Phật. Cố vân: "Đồng chứng Tịch Quang Vô Thượng Quả" dã. Khất cầu gia bị, ý cái như thử, dĩ thượng Thông Tự nhất kinh đại ý cánh.

(Diễn) Viên mãn Đại Giác giả, ly mê viết Giác, ly tiểu viết Đại, ly nhân viết viên mãn. Cánh vô quá giả, Thiên Thai vân: "Vô Thượng Sĩ giả, như thập ngũ nhật nguyệt, viên mãn cụ túc, chúng tinh trung vương, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc tôn, cánh vô quá giả", thị dã. Nhất Thiết Chủng Trí giả, cứu tận chư pháp Thật Tướng, biên tế trí mãn, Chủng Giác đốn viên dã. Kinh vân hạ, thị phòng phục nạn, khủng hữu nhân vấn: "Tài đắc vãng sanh, hà nãi tiện chứng Vô Thượng Quả?" Cố vân vân dã.

(疏)無上果者，佛證圓滿大覺，超越二乘及諸菩薩，此果之上更無過者，名無上果，是證佛一切種智也。經云：皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。則知但得往生，畢竟

成佛。故云：同證寂光無上果也。乞求加被，意蓋如此，以上通序一經大意竟。

(演)圓滿大覺者，離迷曰覺，離小曰大，離因曰圓滿。更無過者，天台云：無上士者，如十五日月，圓滿具足，眾星中王，最上最勝，威德特尊，更無過者，是也。一切種智者。究盡諸法實相，邊際智滿，種覺頓圓也。經云下。是防伏難。恐有人問：纔得往生。何乃便證無上果？故云云也。

*(**Sớ**: "Vô Thượng Quả": Phật chứng Đại Giác viên mãn, vượt trội hơn Nhị Thừa và các Bồ Tát. Quả này không có gì hơn được, nên gọi là Vô Thượng Quả, tức là chứng Nhất Thiết Chủng Trí của Phật vậy. Kinh dạy: "Đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác", nên biết chỉ cần được vãng sanh, sẽ rốt ráo thành Phật. Vì thế nói: "Cùng chứng Tịch Quang Vô Thượng Quả". Ý nghĩa "cầu xin gia bị" là như vậy. Trên đây là đoạn "đại ý của kinh này" trong phần Thông Tự đã được giảng xong.*

***Diễn**: "Viên mãn Đại Giác": Lìa mê gọi là Giác, lìa Tiểu gọi là Đại, lìa nhân gọi là viên mãn. "Không gì hơn được" là như ngài Thiên Thai (Trí Giả đại sư) đã nói: "Vô Thượng Sĩ như trăng ngày Rằm, viên mãn đầy đủ, là vua trong các ngôi sao, tối thượng, tối thắng, oai đức đặc biệt tôn quý, không chi hơn được" là nói về điều này vậy.*

"Nhất Thiết Chủng Trí": Thấu suốt tột cùng Thật Tướng của các pháp, trí đã viên mãn không còn bờ mé, nhanh chóng viên mãn Nhất Thiết Chủng Trí.

Từ "kinh nói" trở đi là để ngăn ngừa, chế phục kẻ cật vấn, vì sợ có người hỏi rằng: "Vừa mới được vãng sanh, sao lại chứng Vô Thượng Quả?" cho nên nói như thế đó).

Nhị, khai chương thích văn (nhị): Sơ, lược tiêu. Nhị, tường thích. Sơ, lược tiêu.

Tương thích thử kinh, tổng khải thập môn, nhất giáo khởi sở nhân, nhị tạng giáo đẳng nhiếp, tam nghĩa lý thâm quảng, tứ sở bị giai phẩm, ngũ năng thuyên thể tánh, lục tông thú chỉ quy, thất bộ loại sai biệt, bát dịch thích tụng trì, cửu tổng thích danh đề, thập biệt giải văn nghĩa.

(Diễn) Giáo khởi sở nhân giả, thánh nhân ngôn bất hư phát, động tất hữu do, phi vô nhân duyên, nhi tuyên tư điển. Cố thủ chi dĩ khởi giáo nhân duyên. Phật giáo tuy quảng, bất xuất Tam Tạng thập nhị bộ. Vị ủy thử kinh hà sở nhiếp thuộc, cố thọ chi dĩ tạng giáo đẳng nhiếp. Dĩ tri thử kinh Tam Tạng chi trung Tu-đa-la nhiếp, ngũ giáo chi trung thuộc Chung Đốn Viên, vị tri Viên Đốn chi nghĩa thâm thiển quảng hiệp. Cố thọ chi dĩ nghĩa lý thâm quảng. Ký tri nghĩa lý bao bác xung thâm, vị thẩm thử kinh bị hà căn khí, cố thọ chi dĩ sở bị giai phẩm. Dĩ tri thử kinh bị cơ phổ biến, vị tri năng thuyên hà vi thể tánh, cố thọ chi dĩ năng thuyên thể tánh. Dĩ tri năng thuyên chi Thể như thị cai la, vị thẩm sở tông tôn sùng hà nghĩa, cố thọ chi dĩ tông thú chỉ quy. Dĩ tri thử kinh chỉ thú xung huyền, vị thẩm đương bộ đẳng loại vi hữu kỷ chủng, cố thọ chi dĩ bộ loại sai biệt. Dĩ tri bộ loại tường lược đồng biệt, vị ủy dịch tự hà thời, phàm hữu kỷ dịch. Dĩ chí chú thích trì tụng, hữu hà linh nghiệm, cố thọ chi dĩ dịch thích tụng trì. Đại chỉ ký trần, tùy văn giải thích. Tiên minh tổng đề, sử tri cương lãnh. Cố thọ chi tổng thích danh đề. Tổng nghĩa tuy tri, biệt văn nan hiểu. Tùng "như thị ngã văn" chí chung, vi hà đẳng văn, thị hà đẳng nghĩa? Sử trầm ẩn chi nghĩa chương ư hàn mặc. Cố thọ chi dĩ biệt giải văn nghĩa dã.

二、開章釋文(二)：初、略標。二、詳釋。

初、略標。

將釋此經，總啟十門：一教起所因，二藏教等攝，三義理深廣，四所被階品，五能詮體性，六宗趣旨歸，七部類差別，八譯釋誦持，九總釋名題，十別解文義。

(演)教起所因者。聖人言不虛發，動必有由，非無因緣而宣斯典，故首之以起教因緣。佛教雖廣。不出三藏十二部。未委此經何所攝屬，故受之以藏教等攝。已知此經三藏之中修多羅攝。五教之中屬終頓圓。未知頓圓之義深淺廣狹，故受之以義理深廣。既知義理包博沖深，未審此經被何根器，故受之以所被階品。已知此經被機普遍。未知能詮何為體性，故受之以能詮體性。已知能詮之體如是該羅，未審所宗尊崇何義，故受之以宗趣旨歸。已知此經旨趣沖玄，未審當部等類為有幾種，故受之以部類差別。

已知部類詳略同別。未委譯自何時，凡有幾譯。以至註釋持誦有何靈驗，故受之以譯釋誦持。大旨既陳。隨文解釋。先明總題，使知綱領，故受之總釋名題。總義雖知，別文難曉。從如是我聞至終。為何等文，是何等義？使沈隱之義彰於翰墨。故受之以別解文義也。

(Chia thành chương đoạn để giải thích kinh văn (gồm hai phần): Một là nêu đại lược, hai là giải thích cặn kẽ.

Thứ nhất là nêu đại lược.

Để giải thích kinh này, chia thành mười môn tổng quát như sau: Một là nhân duyên phát khởi giáo pháp, hai là kinh này thuộc về tạng nào và giáo nào, ba là nghĩa lý sâu rộng, bốn là các địa vị và phẩm vị được kinh này nhiếp thọ, năm là thể tánh được trình bày bởi kinh này, sáu là tông, thú, ý chỉ quy kết, bảy là sự sai khác giữa các kinh đồng bộ và đồng loại, tám là dịch, chú giải, tụng trì, chín là giải thích tổng quát tên kinh, mười là giải thích ý nghĩa riêng biệt của từng đoạn kinh văn.

***Diễn**: "Cái nhân khiến cho giáo pháp được phát khởi": Thánh nhân chẳng thốt lời suông, hễ làm gì đều có nguyên do; chẳng phải là không có nhân duyên mà tuyên nói bản kinh này. Vì thế, trước hết nêu ra nhân duyên phát khởi giáo pháp này. Sự giáo hóa của đức Phật tuy rộng, chẳng ra ngoài Tam Tạng mười hai phần giáo. Chưa rõ kinh này nhiếp thuộc ra sao, nên chỉ ra kinh này thuộc về tạng nào, giáo nào. Đã biết kinh này thuộc về Kinh Tạng trong Tam Tạng, trong ngũ giáo, kinh này thuộc về Chung Giáo, Đốn Giáo và Viên Giáo. Do chưa biết ý nghĩa Viên Đốn sâu, cạn, rộng hẹp [như thế nào], nên nêu ra sự sâu rộng của nghĩa lý. Đã biết nghĩa lý bao dung, mênh mông, tinh xác, thăm thẳm, nhưng chưa rõ kinh này thích hợp với căn khí nào, nên phải nêu bày những địa vị, phẩm vị được tiếp độ bởi kinh này. Đã biết kinh này thích hợp trọn khắp các căn cơ, chưa biết thể tánh dùng để giảng giải là như thế nào, nên nêu ra thể tánh đã dùng để giảng giải. Đã biết cái Thể để nói kinh này bao trùm như thế, chưa biết rõ [kinh này] đề cao tôn sùng những nghĩa lý như thế nào, nên nêu ra Tông, Thú, chỉ quy. Đã biết chỉ thú của kinh này mênh mông, huyền diệu, nhưng chưa rõ những kinh có cùng bộ loại với kinh này gồm bao nhiêu thứ. Vì thế, phải nêu ra bộ loại sai biệt. Đã biết bộ loại tường tận hay sơ lược, giống nhau hay khác nhau rồi, chưa rõ [kinh này] được dịch từ thời nào, có mấy bản dịch; cho đến chú giải, trì tụng có linh nghiệm như thế nào; vì thế, nêu lên các chi tiết về dịch thuật,*

chú giải, tụng trì. Tông chỉ đại lược đã trần thuật rồi, bèn dựa theo lời kinh để giải thích. Trước hết phải giảng rõ tên gọi chung của cả bộ kinh, để [người đọc] biết cương lãnh [của bộ kinh này]. Do vậy, nêu ra phần "giải thích chung danh hiệu của kinh". Tuy đã biết ý nghĩa chung, nhưng từng lời kinh văn riêng biệt vẫn còn khó hiểu. Từ "như thị ngã văn" cho đến hết kinh, hành văn như thế nào, có nghĩa như thế nào? Để khiến cho những ý nghĩa ẩn kín được phơi bày trên giấy mực, cho nên phải giải thích ý nghĩa của từng đoạn văn riêng biệt).

(Sớ) Thử lệ Hoa Nghiêm Sớ chỉ, lược vi thập môn, tiền bát nghĩa môn, hậu nhị chánh thích. Hựu thử dữ Thiên Thai Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, đại đồng tiểu dị. Cái khai chi thành thập, thúc chi thành ngũ, sảo hữu tường lược vân nhĩ.

(Diễn) Ngũ Trùng Huyền Nghĩa giả, nãi năng triệu chi Danh, sở thuyên chi Thể, hội Thể chi Tông, Tông sở thành Dụng, thượng tứ giáo tướng, như Thiên Thai giáo. Kim Hiền Thủ tắc hữu thập môn sai biệt. Đại đồng tiểu dị, sảo hữu tường lược giả, thử tường bỉ lược dã. Thử trung Thích Danh, tức Thiên Thai Danh. Thử trung Năng Thuyên Thể Tánh, tức Thiên Thai Thể. Tông Thú Chỉ Quy, tức Thiên Thai Tông. Sở Bị Giai Phẩm, tức Thiên Thai Dụng. Dư ngũ tức Thiên Thai Giáo Tướng dã.

(疏)此例華嚴疏旨。略為十門，前八義門。後二正釋。又此與天台五重玄義，大同小異。蓋開之成十，束之成五，稍有詳略云爾。

(演)五重玄義者，乃能召之名，所詮之體，會體之宗，宗所成用，上四教相，如天台教。今賢首。則有十門差別。大同小異。稍有詳略者，此詳彼略也。此中釋名，即天台名。此中能詮體性，即天台體。宗趣旨歸，即天台宗。所被階品，即天台用。餘五即天台教相也。

*(**Sớ**: Đây là tuân theo thể lệ của bộ Hoa Nghiêm Sớ, chia đại lược thành mười môn. Tám môn đầu thuộc về nghĩa môn, hai môn cuối là phần chánh thức giải thích kinh văn. Phần này lại tương đồng, chỉ sai khác đôi chút [nếu đem so với] năm tầng Huyền Nghĩa của tông Thiên Thai. Bởi lẽ, tách ra thì thành mười, rút gọn lại thì thành năm, chỉ sai khác đôi chút ở chỗ cặn kẽ hay đại lược mà thôi.*

***Diễn**: "Năm tầng Huyền Nghĩa": Cái Danh có thể chiêu vời, cái Thể để giảng nói, Tông tương ứng với Thể, Dụng nhằm thành tựu Tông. Bốn giáo tướng đầu [trong mười môn của tông Hiền Thủ] giống như phần Phán Giáo trong tông Thiên Thai. Nay tông Hiền Thủ bèn có mười môn sai biệt, giống nhau ở những điểm chánh yếu, sai khác nơi những chi tiết nhỏ nhặt.*

"Có tường tận hay đại lược khác biệt đôi chút" là do cách này nói tường tận, cách kia nói khái lược. Phần Thích Danh ở đây chính là phần Thích Danh trong [Ngũ Trùng Huyền Nghĩa của] tông Thiên Thai. Phần Năng Thuyên Thể Tánh ở đây chính là phần Biện Thể trong tông Thiên Thai. Phần Tông Thú Chỉ Quy chính là phần Minh Tông trong tông Thiên Thai. Phần Sở Bị Giai Phẩm là phần Dụng trong tông Thiên Thai. Năm phần còn lại tương ứng với phần Giáo Tướng của tông Thiên Thai).

Nhị, tường thích (thập): Sơ, giáo khởi sở nhân chí (thập) biệt giải văn nghĩa.

Sơ, giáo khởi sở nhân (nhị): Sơ, tổng. Nhị, biệt.

Sơ, tổng.

Tiên minh Tổng giả, vị Như Lai duy vị nhất đại sự nhân duyên xuất hiện ư thế, tắc nhất đại thời giáo, tổng kỳ đại ý, duy dục chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến. Kim thử kinh giả, trực chỉ chúng sanh dĩ niệm Phật tâm, nhập Phật tri kiến cố.

(Diễn) Tiên minh tổng giả, tổng quát nhất đại thời giáo dã. Nhất đại sự nhân duyên giả, phi tam, phi ngũ, vi nhất. Xứng Thể nhi châu viết Đại. Xuất thế nghi tắc viết Sự. Chúng sanh bổn cụ vi Nhân, chư Phật chỉ thị vi Duyên. Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến giả, tam trí viên hiển, viết Phật Tri, ngũ nhãn viên minh, viết Phật Kiến. Chư Phật tri kiến, chúng sanh bổn cụ. Trụ, Hạnh, Hướng, Địa, vị khai thị ngộ nhập. Khai giả, như khai thiên niên bảo tạng. Thị giả, nhất nhất chỉ trần. Ngộ giả, khoát nhiên hiểu liễu. Nhập giả, hòa thân nhất đảo dã. Niệm Phật tâm, tức tối sơ Sự Lý nhị trì chi tâm. Nhập Phật tri kiến, nãi tối hậu Tịch Quang vô thượng quả. Tức thử Sự Lý nhị trì, giai tùng hữu niệm nhi khởi. Niệm chi ký cửu, căn trần tự không, chư niệm tự lạc. Nhược phục tinh tấn bất dĩ, hòa niệm Phật chi niệm diệc phục thoát lạc, đốn nhập Vô Tâm tam-muội. Tự nhiên Ngũ Ấm câu tiêu, viên minh phát hóa. Như thị nãi siêu Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh Tâm, Bồ Tát sở hành Kim Cang Thập Địa, Đẳng

Giác viên minh, nhập ư Như Lai diệu trang nghiêm hải. Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc. Thị chi vị nhập Phật tri kiến dã.

二、詳釋(十)：初、教起所因至(十)別解文義。

初、教起所因(二)：初、總。二、別。

初、總。

先明總者，謂如來唯為一大事因緣出現於世，則一代時教，總其大意，唯欲眾生開示悟入佛之知見。今此經者，直指眾生以念佛心入佛知見故。

(演)先明總者，總括一代時教也。一大事因緣者，非三非五為一。稱體而周曰大。出世儀則曰事。眾生本具為因，諸佛指示為緣。開示悟入佛之知見者。三智圓顯曰佛知，五眼圓明曰佛見。諸佛知見，眾生本具。住行向地，為開示悟入。開者，如開千年寶藏。示者，一一指陳。悟者，豁然曉了。入者，和身一倒也。念佛心，即最初事理二持之心。入佛知見，乃最後寂光無上果。即此事理二持，皆從有念而起。念之既久，根塵自空，諸念自落。若復精進不已，和念佛之念亦復脫落，頓入無心三昧。自然五陰俱消，圓明發化。如是乃超十信、十住、十行、十迴向、四加行心，菩薩所行金剛十地，等覺圓明。入於如來妙莊嚴海。圓滿菩提，歸無所得。是之謂入佛知見也。

(Hai, giải thích cặn kẽ (gồm mười phần): Một là nhân duyên khởi giáo (cho đến mười) là giải thích ý nghĩa riêng biệt của từng đoạn kinh văn.

Thứ nhất là nhân duyên khởi giáo (gồm hai phần): Thứ nhất là Tổng, thứ hai là Biệt.

Trước hết, nói rõ nhân duyên chung, chính là Như Lai chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời; cho nên ý nghĩa chung của toàn bộ giáo pháp trong một đời đức Phật chỉ là "vì muốn làm cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật". Nay kinh này chỉ thẳng cho chúng sanh biết: Hãy dùng cái tâm niệm Phật để nhập tri kiến của Phật.

***Diễn**: "Trước hết, nói rõ nhân duyên chung": Nêu nhân duyên chung của toàn bộ giáo pháp trong suốt một đời đức Phật. "Một đại sự*

nhân duyên": Chẳng phải ba thừa, chẳng phải năm thừa, mà là một (Nhất Thừa). Tương ứng trọn khắp với Thể thì gọi là Đại. Là pháp tắc để xuất thế nên gọi là Sự. Chúng sanh sẵn có là Nhân, chư Phật chỉ dạy là Duyên.

"Khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật": Ba trí hiển lộ trọn vẹn là Phật Tri, ngũ nhãn viên minh là Phật Kiến. Chúng sanh vốn sẵn trọn đủ tri kiến của chư Phật. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa là khai, thị, ngộ, nhập. "Khai": Giống như mở kho báu ngàn năm. "Thị" là chỉ bày từng điều một. "Ngộ" là hiểu thông suốt. "Nhập" là hòa làm một với bản thân.

Tâm niệm Phật chính cái tâm Sự Trì và Lý Trì ban đầu. Nhập tri kiến của Phật chính là cái quả sau cùng, tức Vô Thượng Tịch Quang. Hai thứ Sự Trì và Lý Trì này đều bắt đầu từ hữu niệm. Niệm đã lâu ngày, căn và trần tự rỗng không, các niệm tự mất hết. Nếu lại tinh tấn chẳng ngơi, ngay cả ý niệm niệm Phật cũng mất, sẽ nhanh chóng nhập Vô Tâm tam-muội. Tự nhiên Ngũ Ấm đều tiêu, viên minh sẽ phát khởi tác dụng. Như thế cho đến vượt thoát Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Tứ Gia Hạnh Tâm, hạnh Kim Cang Thập Địa của hàng Bồ Tát, Đẳng Giác viên minh, vào trong biển trang nghiêm mầu nhiệm của Như Lai, viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không thể đạt được. Điều đó gọi là "nhập tri kiến của Phật").

(Sớ) Đại sự nhân duyên giả, dẫn Pháp Hoa kinh văn. Bỉ kinh dĩ Như Lai xuất thế, bổn dục độ chư chúng sanh, tất giai thành Phật. Bất đắc dĩ cố, quyền thuyết tam thừa, hậu chí cơ thục, hội tam quy nhất, phương thù bổn ý. Cố tri Hoa Nghiêm dĩ hậu, Pháp Hoa dĩ tiền, tuy hữu chủng chủng pháp môn, thiển thâm bất nhất, vô phi vị thử đại sự nhân duyên. Trừ thử nhất đại sự ngoại, cánh vô nhị sự. Kim đản nhất tâm trì danh, tức đắc Bất Thoái, thử nãi trực chỉ phàm phu tự tâm cứu cánh thành Phật; nhược năng đế tín, hà tu biến lịch tam thừa, cửu kinh đa kiếp, bất việt nhất niệm, đốn chứng Bồ Đề, khởi phi đại sự?

(Diễn) Bổn dục độ sanh thành Phật giả, Pháp Hoa vân: "Phật tự trụ Đại Thừa, như kỳ sở đắc pháp, Định Huệ lực trang nghiêm, dĩ thử độ chúng sanh. Nhược dĩ Tiểu Thừa hóa, nãi chí ư nhất nhân, ngã tắc đọa xan tham, thử sự vi bất khả". Bất đắc dĩ quyền thuyết Tam Thừa giả, Pháp Hoa vân: "Ngã sở đắc trí huệ, vi diệu tối đệ nhất, chúng sanh chư căn độn, vân hà nhi khả độ? Tầm niệm quá khứ Phật, sở hành phương tiện lực, ngã kim sở đắc đạo, diệc ưng thuyết Tam Thừa". Hậu chí cơ thục, hội tam quy nhất giả, Pháp Hoa vân: "Thập phương Phật

độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết. Duy thử nhất sự thật, dư nhị tắc phi chân. Chung bất dĩ Tiểu Thừa, tế độ ư chúng sanh". Phương thù bổn ý giả, Pháp Hoa vân: "Ngã bổn lập thệ nguyện, dục linh nhất thiết chúng, như ngã đẳng vô dị, như ngã tích sở nguyện, kim giả dĩ mãn túc". Chủng chủng pháp môn thiển thâm bất nhất giả, như A Hàm bảo chứng, Phương Đẳng đàn ha, Bát Nhã đào thải đẳng. Hà tu biến lịch Tam Thừa giả, như tiền việt tam kỳ ư nhất niệm, tề chư thánh ư phiến ngôn đẳng.

(疏)大事因緣者。引法華經文。彼經以如來出世。本欲度諸眾生。悉皆成佛。不得已故。權說三乘。後至機熟。會三歸一。方酬本意。故知華嚴以後。法華以前。雖有種種法門。淺深不一。無非為此大事因緣。除此一大事外。更無二事。今但一心持名，即得不退，此乃直指凡夫自心究竟成佛。若能諦信，何須遍歷三乘，久經多劫，不越一念，頓證菩提，豈非大事？

(演)本欲度生成佛者。法華云：佛自住大乘，如其所得法，定慧力莊嚴，以此度眾生；若以小乘化，乃至於一人，我則墮慳貪，此事為不可。不得已權說三乘者。法華云：我所得智慧，微妙最第一，眾生諸根鈍，云何而可度？尋念過去佛，所行方便力，我今所得道，亦應說三乘。後至機熟會三歸一者。法華云：十方佛土中，唯有一乘法，無二亦無三，除佛方便說。唯此一事實，餘二則非真。終不以小乘濟度於眾生。方酬本意者，法華云：我本立誓願，欲令一切眾，如我等無異，如我昔所願，今者已滿足。種種法門淺深不一者。如阿含保證，方等彈呵，般若淘汰等。何須遍歷三乘者。如前越三祇於一念。齊諸聖於片言等。

*(**Sớ**: "Đại sự nhân duyên" xuất phát từ kinh văn của kinh Pháp Hoa. Kinh ấy nói đức Như Lai xuất thế vì vốn muốn độ các chúng sanh thảy đều thành Phật. Vì bất đắc dĩ, Ngài quyền biến nói ba thừa. Về sau, cho đến khi căn cơ [của chúng sanh] đã chín muồi, Ngài bèn gom ba thừa thành Nhất Thừa thì mới phù hợp bổn ý. Vì thế, biết rằng: Sau hội Hoa Nghiêm, trước hội Pháp Hoa, tuy có đủ mọi pháp môn cạn sâu khác nhau,*

không pháp nào chẳng vì một đại sự nhân duyên này. Ngoài đại sự ấy ra, chẳng có hai sự. Nay chỉ nhất tâm trì danh liền đạt được Bất Thoái. Đấy chính là chỉ thẳng thừng: Từ tự tâm của phàm phu mà rốt ráo thành Phật. Nếu có thể tin tưởng chắc chắn [điều này], cần gì phải trải khắp ba thừa, trải qua nhiều kiếp lâu xa, chẳng ngoài một niệm mà nhanh chóng chứng Bồ Đề. Đấy há chẳng phải là đại sự ư?

***Diễn**: "Vốn muốn độ chúng sanh thành Phật": Kinh Pháp Hoa nói: "Phật tự trụ Đại Thừa, đạt được pháp như vậy, sức Định Huệ trang nghiêm, dùng đấy độ chúng sanh. Nếu dùng Tiểu Thừa độ, dẫu chỉ độ một người, ta bèn đọa keo tham, chuyện ấy chẳng thể được".*

"Bất đắc dĩ quyền biến nói pháp Tam Thừa": Kinh Pháp Hoa nói: "Trí huệ ta chứng đắc, vi diệu tột bậc nhất, các chúng sanh căn độn, làm thế nào để độ? Nghĩ lại Phật quá khứ, cũng hành sức phương tiện. Nay với đạo ta đắc, cũng nên nói Tam Thừa".

"Về sau, đến khi căn cơ [của chúng sanh] chín muồi, bèn gom tam thừa về Nhất Thừa": Kinh Pháp Hoa chép: "Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng chẳng ba, trừ Phật phương tiện nói. Chỉ một sự thật này, hai thứ kia chẳng thật. Trọn chẳng dùng Tiểu Thừa, để tế độ chúng sanh.

"Mới phù hợp với bổn ý": Kinh Pháp Hoa chép: "Ta vốn lập thệ nguyện, muốn hết thảy mọi loài, giống như ta chẳng khác. Như xưa ta phát nguyện, nay đã được trọn vẹn".

"Đủ mọi pháp môn sâu hay cạn khác nhau": Như A Hàm bảo đảm, Phương Đẳng quở trách, bài xích, Bát Nhã đào thải v.v...

"Há cần trải khắp ba thừa": Như trong phần trước đã nói: "Vượt khỏi ba đại A-tăng-kỳ trong một niệm, bằng với chư thánh bởi một lời").

Nhị, biệt.

Biệt tắc chuyên tựu thử kinh. Phục hữu thập nghĩa. Nhất, đại bi mẫn niệm Mạt Pháp, vị tác tân lương cố.

(Diễn) Mẫn niệm Mạt Pháp giả, Mạt Pháp, tắc khứ thánh thời dao, thánh hiền ẩn phục, tà pháp xí thịnh chi thời, tối khả mẫn cố.

二、別。

別則專就此經。復有十義。一、大悲憫念末法，為作津梁故。

(演)憫念末法者，末法，則去聖時遙 。聖賢隱伏 。邪法熾盛之時。最可憫故。

(Hai, biệt nhân duyên.

Biệt tức là chuyên nói về [nhân duyên phát khởi của riêng] kinh này. Lại có mười nghĩa: Một là do đại bi nghĩ thương đời Mạt Pháp, nên làm cầu bến.

***Diễn**: "Nghĩ thương đời Mạt Pháp": Mạt Pháp là thời cách biệt đức Phật đã lâu, là lúc thánh hiền ẩn tàng, tà pháp lừng lẫy, đáng thương xót nhất).*

Nhị, đặc ư vô lượng pháp môn, xuất thắng phương tiện cố.

(Diễn) Xuất thắng phương tiện giả, chúng sanh hữu Hằng sa phiền não, Phật thuyết Hằng hà pháp môn, giai phương tiện dã. Duy thử pháp môn, phương tiện trung chi phương tiện, cố viết "thắng phương tiện".

二、特於無量法門，出勝方便故。

(演)出勝方便者，眾生有恆沙煩惱。佛說恆河法門，皆方便也。唯此法門，方便中之方便，故曰勝方便。

(Hai, đây là phương tiện đặc biệt thù thắng nổi trội trong vô lượng pháp môn.

***Diễn**: "Phương tiện xuất thắng": Chúng sanh có phiền não nhiều như cát sông Hằng, đức Phật nói Hằng hà pháp môn, đều là phương tiện. Chỉ có pháp môn này là phương tiện nhất trong các phương tiện, nên gọi là phương tiện thù thắng).*

Tam, khích dương sanh tử phàm phu, linh khởi hân yếm cố.

(Diễn) Khích dương sanh tử phàm phu giả, phàm phu xuất sanh nhập tử, khoáng kiếp trầm luân, bất tri sanh tử khả yếm, Niết Bàn khả hân. Như Pháp Hoa Kinh vân: "Bất thức khổ tận đạo, bất tri cầu giải thoát" cố.

三、激揚生死凡夫，令起欣厭故。

(演)激揚生死凡夫者，凡夫出生入死，曠劫沉淪，不知生死可厭，涅槃可欣。如法華經云：不識苦盡道，不知求解脫故。

(Ba là vì dấy động, cổ vũ sanh tử phàm phu, khiến họ khởi lòng ưa [Cực Lạc] chán [sanh tử].

***Diễn**: "Dấy động, cổ vũ phàm phu sanh tử": Phàm phu ra sanh, vào tử, trầm luân bao kiếp dài lâu, chẳng biết sanh tử đáng chán, Niết Bàn đáng ưa.*

Như kinh Pháp Hoa đã nói: "Chẳng biết đạo hết khổ, chẳng biết cầu giải thoát").

Tứ, hóa đạo Nhị Thừa chấp Không, bất tu Tịnh Độ cố.

(Diễn) Hóa đạo Nhị Thừa giả, Nhị Thừa đản chứng Thiên Không, bất ngộ Pháp Tánh, trầm không trệ tịch, trung chỉ hóa thành, bất tín hữu tha phương Tịnh Độ cố.

四、化導二乘執空，不修淨土故。

(演)化導二乘者，二乘，但證偏空，不悟法性。沈空滯寂。中止化城。不信有他方淨土故。

(Bốn là nhằm giáo hóa, hướng dẫn hàng Nhị Thừa chấp Không chẳng tu Tịnh Độ.

***Diễn**: "Hóa đạo Nhị Thừa": Nhị Thừa chỉ chứng Thiên Không, chẳng ngộ Pháp Tánh, đắm chìm nơi Không, vướng mắc nơi Tịch. Dừng nơi hóa thành ở giữa đường [chẳng tiến lên cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác], vì chẳng tin có Tịnh Độ ở phương khác).*

Ngũ, miễn tấn sơ tâm Bồ Tát, thân cận Như Lai cố.

(Diễn) Miễn tấn sơ tâm giả, Sơ Phát tâm Bồ Tát, dục ư Sa Bà thế giới cứu độ chúng sanh, nhẫn lực vị sung, tự tha câu nịch, hữu hà lợi ích? Tất tu cầu sanh Tịnh Độ, thân kiến Di Đà, đắc Nhẫn phương khả hoàn lai cố.

五、勉進初心菩薩，親近如來故。

(演)勉進初心者 ，初發心菩薩 ，欲於娑婆世界救度眾生，忍力未充，自他俱溺，有何利益？必須求生淨土，親見彌陀，得忍方可還來故。

(Năm là vì khuyến khích, sách tấn hàng sơ tâm Bồ Tát thân cận Như Lai.

***Diễn**: "Khuyến khích kẻ sơ tâm": Hàng Sơ Phát Tâm Bồ Tát muốn cứu độ chúng sanh trong cõi Sa Bà, nhưng sức nhẫn nại chưa đầy đủ, mình lẫn người đều chết đuối, có lợi ích gì đâu? Ắt cần phải cầu sanh*

Tịnh Độ, đích thân gặp Phật Di Đà, đắc [Vô Sanh] Nhẫn rồi mới có thể trở lại).

Lục, tận nhiếp lợi độn chư căn, tất giai độ thoát cố.

(Diễn) "Tận nhiếp lợi độn" giả, giáo tiểu, tắc bất bị đại căn. Giáo đại, tắc hạ căn tuyệt phần. Kim tắc thượng tự Bồ Tát, hạ cập du du phàm phu, vô cơ bất tiếp cố.

六、盡攝利鈍諸根，悉皆度脫故。

(演)盡攝利鈍者。教小，則不被大根。教大，則下根絕分。今則上自菩薩，下及悠悠凡夫，無機不接故。

(Sáu vì có thể nhiếp trọn các căn lợi và độn, đều làm cho họ được giải thoát.

***Diễn**: "Nhiếp trọn các căn lợi độn": Dạy pháp Tiểu Thừa sẽ chẳng hợp với căn tánh đại căn. Dạy pháp Đại Thừa, kẻ hạ căn trọn chẳng có phần. Nay thì trên từ hàng Bồ Tát, dưới đến kẻ phàm phu lơ mơ, không căn cơ nào chẳng tiếp độ).*

Thất, hộ trì đa chướng hành nhân, bất tao đọa lạc cố.

(Diễn) Hộ trì đa chướng giả, thử độ nghiệp phong hạo đại, trần cảnh thô cường, nan ư tu tấn. Kim tắc niệm Phật chúng sanh, Phật thường trụ đảnh, vĩnh vô ma sự cố.

七、護持多障行人，不遭墮落故。

(演)護持多障者，此土業風浩大。塵境粗強，難於修進。今則念佛眾生，佛常住頂，永無魔事故。

(Bảy là vì hộ trì hành nhân nhiều chướng ngại [khiến cho người ấy] chẳng bị đọa lạc.

***Diễn**: Hộ trì kẻ nhiều nghiệp chướng: Cõi này gió nghiệp to lớn mênh mông, trần cảnh thô tháp, mạnh mẽ, khó thể tu hành tăng tấn. Nay chúng sanh niệm Phật thì Phật thường ở trên đỉnh đầu, vĩnh viễn không có ma sự).*

Bát, đích chỉ tức hữu niệm tâm, đắc nhập vô niệm cố.

(Diễn) Đích chỉ hữu niệm tâm giả, hữu niệm, tức niệm Phật chi tâm, vô niệm, tức Chân Như chi Thể. Nhất thiết pháp môn, vô phi giáo nhân ly niệm, quy ư Chân Như. Kim thử pháp môn, bất tất xả niệm, đắc nhập vô niệm cố.

八、的指即有念心，得入無念故。

(演)的指有念心者，有念，即念佛之心 ，無念 ，即真如之體。一切法門，無非教人離念，歸於真如。今此法門，不必捨念，得入無念故。

(Tám là nhằm chỉ đích xác: Dùng ngay cái tâm hữu niệm để niệm Phật hòng nhập vô niệm.

***Diễn**: "Chỉ đích xác dùng cái tâm hữu niệm để niệm Phật": Hữu niệm là cái tâm niệm Phật, vô niệm là Thể của Chân Như. Hết thảy các pháp môn, không pháp môn nào chẳng dạy người ta lìa niệm, trở về Chân Như. Nay pháp môn này không cần xả niệm mà nhập vô niệm).*

Cửu, xảo thị nhân ư vãng sanh, thật ngộ Vô Sanh cố.

(Diễn) Thật ngộ Vô Sanh giả, pháp bổn vô sanh. Chúng sanh mê muội, ư vô sanh trung, vọng kiến sanh diệt, thọ đại khổ não. Túng dục diệt sanh quy vô, kỳ sanh chuyển xí. Kim nãi xảo thị vãng sanh, thật ngộ Vô Sanh cố. Ngộ vô sanh hữu nhị, hoặc ư thử độ, lý nhất tâm thành, tức ngộ Vô Sanh. Hoặc vãng sanh chi hậu, kiến Phật văn pháp, nãi ngộ Vô Sanh.

九、巧示因於往生，實悟無生故。

(演)實悟無生者，法本無生。眾生迷昧，於無生中，妄見生滅。受大苦惱。縱欲滅生歸無，其生轉熾。今乃巧示往生，實悟無生故。悟無生有二。或於此土。理一心成。即悟無生。或往生之後。見佛聞法。乃悟無生。

(Chín là khéo léo chỉ bày: Do vãng sanh mà thật sự ngộ Vô Sanh.

***Diễn**: "Thật ngộ Vô Sanh": Pháp vốn vô sanh. Chúng sanh mê muội, từ trong Vô Sanh mà lầm lạc thấy có sanh diệt, chịu đại khổ não. Nếu muốn diệt "sanh diệt" để trở về vô sanh, thì cái tâm sanh diệt ấy càng mạnh mẽ. Nay bèn khéo chỉ bày vãng sanh để thật sự ngộ Vô Sanh vậy. "Ngộ Vô Sanh" có hai loại: Hoặc là trong cõi này, thành tựu Lý nhất tâm, liền ngộ Vô Sanh. Hoặc là sau khi vãng sanh, thấy Phật, nghe pháp, bèn ngộ Vô Sanh).*

Thập, phục minh kính lộ tu hành, kính trung chi kính cố.

(Diễn) Kính trung chi kính giả, niệm Phật, dĩ thị tu hành kính lộ, nhi trì danh niệm Phật, đản dĩ tứ tự hồng danh, trực đăng Bất Thoái, sự bất phồn nhi công cực đại, cố vi kính trung chi kính.

十、復明徑路修行，徑中之徑故。

(演)徑中之徑者，念佛，已是修行徑路。而持名念佛，但以四字洪名，直登不退，事不繁而功極大，故為徑中之徑。

(Mười, lại chỉ rõ đường tắt tu hành, là đường tắt nhất trong các đường tắt.

***Diễn**: "Đường tắt nhất trong các đường tắt": Niệm Phật đã là đường tắt trong tu hành, mà trì danh niệm Phật chỉ dùng bốn chữ hồng danh để lên thẳng Bất Thoái, hành trì chẳng phiền phức mà thành công to lớn nhất, cho nên nó là đường tắt nhất trong các con đường tắt).*

(Sớ) Thích kiến hạ văn, nhi sanh khởi hữu tự, dụ như câu tỏa. Sơ, dĩ chúng sanh mê nịch, vị tác tân lương. Nhị, sở dĩ năng vi tân lương giả, vị hữu tối thắng phương tiện cố. Tam, hà danh tối thắng phương tiện? Dĩ năng trực độ phàm phu cố. Tứ, khởi độc phàm phu, diệc độ Nhị Thừa thánh nhân cố. Ngũ, khởi độc Nhị Thừa, diệc độ Bồ Tát cố. Lục, khởi độc nhân trung, diệc phổ độ nhất thiết chúng sanh cố. Thất, khởi độc bình xứ độ sanh, thiên độ chướng nạn cố. Bát, tuy vân độ sanh như thị quảng đại, thật bất ly chúng sanh nhất niệm đắc nhập vô niệm cố. Cửu, ký tức niệm đắc vô niệm, diệc tức sanh đắc vô sanh cố. Thập, thông cai tiền cửu. Tri thử trì danh niệm Phật, kính trung chi kính cố. Hựu diêu thị kính trung chi kính, nãi năng tân lương Mạt Pháp cố. Tắc hậu tiên thứ đệ, chung thỉ tuần hoàn, cố vân câu tỏa.

(Diễn) Niệm nhập vô niệm giả, niệm thể bổn Không, nhân vọng cố hữu. Kim dĩ vọng tức vọng, như dĩ độc công độc, bệnh dũ thể bình, vọng cùng chân lộ cố. Sanh đắc vô sanh giả, sanh vô hữu Thể, dĩ niệm vi Thể. Niệm bất không, tắc sanh bất không. Niệm không, tắc sanh không cố.

(疏)釋見下文。而生起有序，喻如鉤鎖。初、以眾生迷溺，為作津梁。二、所以能為津梁者，為有最勝方便故。三、何名最勝方便？以能直度凡夫故。四、豈獨凡夫，亦度二乘聖人故。五、豈獨二乘，亦度菩薩故。六、豈獨人

中，亦普度一切眾生故。七、豈獨平處度生，偏度障難故。八、雖云度生如是廣大，實不離眾生一念得入無念故。九、既即念得無念，亦即生得無生故。十、通該前九。知此持名念佛，徑中之徑故，又繇是徑中之徑，乃能津梁末法故。則後先次第。終始循環。故云鉤鎖。

(演)念入無念者，念體本空，因妄故有。今以妄息妄，如以毒攻毒，病愈體平，妄窮真露故。生得無生者，生無有體，以念為體。念不空，則生不空，念空，則生空故。

*(**Sớ**: Lời giải thích xin xem trong kinh văn ở phần sau. Nhưng sanh khởi có thứ tự, ví như các mắt xích móc vào nhau. Điều thứ nhất, do chúng sanh mê muội, chìm đắm, nên làm cầu bến cho họ. Thứ hai, sở dĩ có thể làm cầu bến là vì có phương tiện tối thắng. Ba, vì sao gọi là phương tiện tối thắng? Do có thể trực tiếp độ phàm phu. Bốn, há chỉ độ phàm phu mà còn độ thánh nhân Nhị Thừa. Năm, há chỉ độ Nhị Thừa, mà còn độ Bồ Tát. Sáu, há chỉ độ loài người, mà còn độ khắp hết thảy chúng sanh. Bảy, nào phải chỉ độ những chúng sanh bình thường, mà còn riêng độ [những kẻ gặp] chướng nạn. Tám, tuy nói độ sanh rộng lớn như thế, nhưng thật ra chúng sanh chẳng lìa nhất niệm mà được nhập vô niệm. Chín, đã do niệm mà đắc vô niệm, thì cũng do sanh mà đắc vô sanh. Điều thứ mười bao gồm cả chín điều trước, biết pháp trì danh niệm Phật này là đường tắt nhất trong các con đường tắt. Lại nữa, do là con đường tắt nhất trong các con đường tắt, nên mới có thể làm cầu bến trong thời Mạt Pháp. Vậy là thứ tự trước sau, từ đầu đến cuối tuần hoàn, do vậy bảo là "mắt xích móc vào nhau".*

***Diễn**: "Từ hữu niệm nhập vô niệm": Bản thể của niệm vốn là Không, do vọng mà thành Có. Nay dùng vọng để dứt vọng, như dùng độc trị độc, bệnh lành, thân thể bình phục, vọng hết, chân lộ. "Do sanh mà đắc vô sanh": Sanh không có Thể, lấy niệm làm Thể. Do Niệm chẳng không, nên sanh chẳng phải là không; nếu niệm là không thì sanh cũng không).*

Sơ, đại bi mẫn niệm Mạt Pháp vị tác tân lương giả, Phật thành đạo thời, dĩ đương trược thế, huống kim Mạt Pháp, chánh nhập đấu tranh, chuyển triển lăng di, hậu chi hựu hậu, giai lại thử kinh thần lực, cứu bạt dư sanh. Khởi phi chí cực bi tâm, dự thùy tế độ?

(Diễn) Vị tác tân lương giả, tân, tế độ xứ; lương, kiều dã. Dĩ nhất cú Di Đà, vận thử ngạn chúng sanh, trí ư bỉ ngạn; thị vị tác tân lương dã. Phật thành đạo hạ, tuy văn hữu tam chuyển, thuyết đại bi hữu tam, nhi chánh ý trọng tại Mạt Pháp, quán đề trung Mạt Pháp nhị tự khả tri.

初、大悲憫念末法為作津梁者，佛成道時，已當濁世。況今末法，正入鬥爭，轉展陵夷 ，後之又後 ，皆賴此經神力，救拔餘生，豈非至極悲心，預垂濟度？

(演)為作津梁者，津，濟度處；梁，橋也。以一句彌陀，運此岸眾生置於彼岸，是為作津梁也。佛成道下，雖文有三轉，說大悲有三，而正意重在末法，觀題中末法二字可知。

(Thứ nhất, "đại bi nghĩ thương đời Mạt Pháp mà làm cầu bến": Khi đức Phật thành đạo, đã nhằm đời trược, huống chi nay là đời Mạt Pháp, đúng vào lúc tranh đấu, hiếp đáp lẫn nhau. Đời đã sau lại càng sau hơn nữa, đều nương vào thần lực của kinh này để cứu vớt các chúng sanh trong đời sau, há chẳng phải là bi tâm đến tột bậc rủ lòng ban sẵn cách tế độ ư?

***Diễn**: "Làm cầu bến": Tân là chỗ tế độ, Lương là cầu. Dùng một câu Di Đà đưa chúng sanh từ bờ này sang bờ kia, đấy là "làm cầu bến". Từ chữ "Phật thành đạo" trở đi, tuy lời văn có ba lần chuyển ý, chỉ ra lòng đại bi có ba thứ, nhưng ý nghĩa chánh yếu là chú trọng thời Mạt Pháp. Nhìn vào hai chữ Mạt Pháp trong tựa đề, ta có thể biết được ý nghĩa ấy).*

(Sớ) Dĩ đương trược thế giả, nhân thọ nhị vạn tuế thời, tức nhập Kiếp Trược. Thích Ca xuất thời, nhân thọ bách tuế, cửu kinh trược thế, dĩ vi khả mẫn!

(Diễn) Nhị vạn tuế thời tức nhập Kiếp Trược giả, dĩ nhị vạn tuế tiền, phiền não khinh vi, tà kiến bạc thiểu, nhân thiên chúng thịnh, tam ác đạo hy, thọ mạng cửu trường, thời do vị trược cố. Thích Ca xuất thời, nhân thọ bách tuế giả, ư Trụ Kiếp trung, kim đương đệ cửu lộc lô tiểu kiếp, hữu tứ Phật xuất. Kiếp sơ bát vạn tuế, giảm chí lục vạn tuế, Câu Lưu Tôn Phật xuất. Giảm chí tứ vạn tuế, Câu Na Hàm Phật xuất. Giảm chí nhị vạn tuế, Ca Diếp Phật xuất. Giảm chí bách tuế, Thích Ca Phật xuất. Giảm chí tam thập tuế, tiểu tam tai tức khởi. Chí ư thập tuế, giảm chi cực dã. Hựu quá bách niên, tăng nhất tuế, tăng chí bát vạn tứ thiên

tuế. Kim Luân Vương xuất thế, tăng chi cực dã. Quá thị dĩ hậu, đệ thập tiểu kiếp, hựu quá bách niên, giảm nhất tuế. Giảm chí bát vạn tuế thời, Di Lặc hạ sanh. Thử hậu phục hữu cửu bách cửu thập ngũ Phật tương kế nhi xuất. Tận nhị thập tiểu kiếp mãn, đại tam tai khởi, hoại thế giới dã.

(疏)已當濁世者。人壽二萬歲時 ，即入劫濁 。釋迦出時，人壽百歲。久經濁世。已為可憫。

(演)二萬歲時即入劫濁者，以二萬歲前煩惱輕微邪見薄少，人天眾盛，三惡道稀，壽命久長，時猶未濁故。釋迦出時人壽百歲者，於住劫中，今當第九轆轤小劫，有四佛出。劫初八萬歲，減至六萬歲。拘留孫佛出。減至四萬歲，拘那含佛出。減至二萬歲，迦葉佛出。減至百歲，釋迦佛出。減至三十歲，小三災即起。至於十歲，減之極也。又過百年增一歲，增至八萬四千歲。金輪王出世，增之極也。過是以後，第十小劫，又過百年減一歲，減至八萬歲時，彌勒下生。此後復有九百九十五佛相繼而出，盡二十小劫滿。大三災起，壞世界也。

*(**Sớ**: "Đã thuộc đời Trược": Khi con người thọ hai vạn năm, chính là lúc bước vào Kiếp Trược. Khi Phật Thích Ca ra đời, con người thọ một trăm tuổi, [tức là] đã thuộc đời trược khá lâu, đáng thương xót thay!*

***Diễn**: "Khi tuổi thọ còn hai vạn năm, bèn bước vào Kiếp Trược": Do trước khi tuổi thọ của con người chỉ còn hai vạn năm, phiền não nhẹ ít, tà kiến mỏng ít, chúng trời người đông đảo, tam ác đạo thưa thớt, thọ mạng lâu dài, nên thời kiếp chưa trược.*

"Khi Phật Thích Ca ra đời, con người thọ một trăm tuổi": Trong Trụ Kiếp, nay đang lần lượt chuyển đến tiểu kiếp thứ chín, có bốn vị Phật xuất hiện. Đầu tiểu kiếp này, [tuổi thọ của con người] là tám vạn năm, giảm xuống sáu vạn năm, Câu Lưu Tôn Phật ra đời. [Tuổi thọ của nhân loại] giảm đến bốn vạn năm, Câu Na Hàm Phật ra đời. Giảm đến hai vạn năm, Ca Diếp Phật ra đời. Giảm đến một trăm tuổi, Phật Thích Ca ra đời. [Tuổi thọ] giảm đến ba mươi tuổi, tiểu tam tai bèn dấy lên. Cho đến [khi tuổi thọ chỉ còn] mười năm, tức là đã giảm đến tột cùng. Lại qua một trăm năm, bèn tăng một tuổi, tăng cho đến [khi tuổi thọ của con người là] tám vạn bốn ngàn năm. Khi Kim Luân Vương ra đời [là lúc tuổi thọ con người]

tăng đến tột cùng. Sau thời gian ấy, trong tiểu kiếp thứ mười, [tuổi thọ của con người] sau một trăm năm, bèn giảm một tuổi, giảm đến khi tuổi thọ là tám vạn năm, Di Lặc Phật hạ sanh.

Sau đấy, lại có chín trăm chín mươi lăm vị Phật kế tiếp nhau xuất thế, cho đến hết hai mươi tiểu kiếp. Đại tam tai dấy lên, thế giới bị hư hoại).

(Sớ) Chánh nhập đấu tranh giả, tiền ngũ bách niên, giải thoát kiên cố. Tiệm thứ ngũ bách, Thiền Định, đa văn, nhi cập tháp tự. Kim đương đấu tranh kiên cố chi thời, cánh vi khả mẫn. Hậu chi hựu hậu giả, nãi chí pháp diệt, bội cánh khả mẫn. Cố Phật thuyết thử kinh, lược nhi kế chi, đại bi hữu tam. Nhất giả, Phật tại thế thời, lân thử Ngũ Trược, thuyết nan tín pháp. Thị vi đệ nhất trùng đại bi mẫn niệm chúng sanh. Nhị giả, Phật diệt độ hậu, phước huệ nhật thiển, tội chướng ích thâm. Cố thuyết thử kinh, hàm linh vị lai tuy bất kiến Phật, Phật diệt pháp tồn, đản hữu tín giả, tốc siêu sanh tử. Thị vi đệ nhị trùng đại bi mẫn niệm chúng sanh. Tam giả, như Đại Bổn ngôn: "Phật diệt cửu viễn, đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, độc lưu thử kinh trụ thế độ sanh, tối hậu phương diệt, tắc tri thao thiên chi tế, thượng tác Từ hàng. Đại dạ phương trầm, do xưng pháp cự. Thị vi đệ tam trùng đại bi mẫn niệm chúng sanh dã.

(Diễn) Kinh đạo diệt tận giả, thỉ tự Thủ Lăng Nghiêm Kinh, Ban Châu Tam Muội Kinh, chung chí thập nhị phần giáo, tất giai diệt tận. Độc lưu A Di Đà Kinh trụ thế bách niên, tối hậu phương diệt dã. Pháp diệt thời, ca-sa tự nhiên biến bạch. Tạng kinh tự nhiên vô tự, thập lục La Hán tận thâu thế gian nhất thiết kinh pháp, trữ ư đồng tháp, nhiễu tháp kinh hành, thán ngôn: "Thích Ca pháp diệt". Nhiên hậu, thử tháp trầm chí Kim Cang Tế, tắc thế giới pháp diệt dã. Thao thiên chi tế, đại dạ phương trầm giả, dụ chúng sanh phiền não nhật thâm, vô minh nhật hậu. Cổ vân: "Si vân ái đãi tánh thiên hôn, thức hỏa giao tiên tâm đỉnh phí", thị dã.

(疏)正入鬥爭者，前五百年。解脫堅固。漸次五百，禪定多聞而及塔寺。今當鬥爭堅固之時，更為可憫。後之又後者。乃至法滅，倍更可憫。故佛說此經，略而計之，大悲有三。一者佛在世時，憐此五濁，說難信法，是為第一重大悲憫念眾生。二者佛滅度後，福慧日淺，罪障益深。故說此經，咸令未來雖不見佛，佛滅法存，但有信者，速

超生死，是為第二重大悲憫念眾生。三者如大本言：佛滅久遠，當來之世，經道滅盡，獨留此經住世度生，最後方滅，則知滔天之際，尚作慈航，大夜方沈，猶稱法炬，是為第三重大悲憫念眾生也。

(演)經道滅盡者，始自首楞嚴經 ，般舟三昧經 ，終至十二分教，悉皆滅盡，獨留阿彌陀經住世百年，最後方滅也。法滅時袈裟自然變白。藏經自然無字，十六羅漢盡收世間一切經法貯於銅塔，遶塔經行。歎言：釋迦法滅。然後此塔沈至金剛際，則世界法滅也。滔天之際、大夜方沈者，喻眾生煩惱日深，無明日厚，古云：痴雲靉靆性天昏，識火交煎心鼎沸是也。

*(**Sớ**: "Đúng là lúc bước vào thời tranh đấu": Năm trăm năm đầu, giải thoát kiên cố. Trong những giai đoạn năm trăm năm lần lượt kế tiếp là các thời Thiền Định, đa văn, và chùa tháp [kiên cố]. Nay đang là lúc tranh đấu kiên cố, càng đáng thương lắm!*

"Đã sau lại còn sau hơn": Cho đến khi pháp diệt, càng đáng thương gấp nhiều lần. Vì thế, đức Phật nói kinh, nếu tính đại lược thì có ba thứ tâm đại bi:

- Một là thuở đức Phật tại thế, do thương xót đời Ngũ Trược này mà nói pháp khó tin. Đây là tầng thứ nhất của lòng đại bi nghĩ thương chúng sanh.

- Hai là sau khi đức Phật diệt độ, phước huệ [của chúng sanh] ngày càng nông cạn, tội chướng càng sâu. Vì thế, nói kinh này để cho các chúng sanh trong đời mai sau tuy chẳng thấy Phật, đức Phật đã diệt, nhưng pháp vẫn còn, chỉ cần có lòng tin, sẽ mau vượt thoát sanh tử. Đây là tầng thứ hai của lòng đại bi nghĩ thương chúng sanh.

- Thứ ba là như kinh Đại Bổn nói: "Phật diệt độ đã lâu xa, trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết, riêng lưu lại kinh này trong cõi đời để độ chúng sanh, [kinh này] diệt mất sau cùng". Cho nên biết là khi nước ngập tận trời, [kinh này] còn làm chiếc bè Từ, thuở đêm sâu tối mịt, vẫn xứng làm đuốc pháp. Đây là tầng thứ ba của lòng đại bi nghĩ thương chúng sanh.

***Diễn**: "Kinh đạo diệt hết": Bắt đầu từ kinh Thủ Lăng Nghiêm và kinh Ban Châu Tam Muội, cuối cùng là đến mười hai phần giáo thảy đều diệt sạch, riêng lưu lại kinh A Di Đà tồn tại trên đời một trăm năm, diệt*

mất cuối cùng. Khi pháp diệt, áo ca-sa tự nhiên đổi thành màu trắng, Tạng kinh tự nhiên không còn chữ.

Mười sáu vị La Hán gom sạch hết thảy các kinh pháp trong thế gian, chứa trong tháp đồng, đi kinh hành quanh tháp, than thở: "Pháp của Phật Thích Ca đã diệt". Sau đó, tháp ấy chìm xuống tận Kim Cang Tế, tức là pháp diệt mất trên toàn thế giới.

"Khi nước ngập tận trời, thuở đêm sâu tối mịt": Sánh ví chúng sanh phiền não ngày một sâu, vô minh ngày càng dầy. Cổ nhân nói: "Mây si dồn phủ khiến bầu trời chân tánh tối om, lửa thức chen nhau nung cái vạc tâm sôi sùng sục" là nói về chuyện này).

(Sớ) Thí chi từ phụ, ưu niệm hậu côn, tâm vô tận cố, trí vi sanh kế, năng sử viễn duệ tàn chi, chí ư gia phá, thân bần, do kham tư tịch. Cố viết: "Chí cực bi tâm, dự thùy tế độ".

(疏)譬之慈父。憂念後昆。心無盡故。置為生計。能使遠裔殘支。至於家破身貧。猶堪資藉。故曰：至極悲心。預垂濟度。

*(**Sớ**: Ví như cha lành, lo nghĩ cho con cháu, tấm lòng vô tận, lập kế sanh nhai, ngõ hầu cháu chắt xa thẳm mai sau, dẫu nhà tan, thân nghèo, vẫn còn có cái để đắp đổi. Vì thế nói: "Bi tâm đến tột bậc rủ lòng ban sẵn cách tế độ").*

Nhị, đặc ư vô lượng pháp môn, xuất thắng phương tiện giả, nhập đạo đa môn, bổn vô giản trạch, hiểm di khúc trực, nan dị du phân. Tắc vô lượng môn trung, Niệm Phật nhất môn, tối vi phương tiện.

(Diễn) Nhập đạo đa môn giả, như Lăng Nghiêm, nhị thập ngũ nhân các thuyết Viên Thông phương tiện. Tịnh Danh, tam thập nhị sĩ, cộng đàm Bất Nhị pháp môn đẳng.

二、特於無量法門出勝方便者，入道多門，本無揀擇，險夷曲直，難易攸分，則無量門中，念佛一門，最為方便。

(演)入道多門者，如楞嚴，二十五人各說圓通方便。淨名。三十二士。共談不二法門等。

(Hai, "đặc biệt trong vô lượng pháp môn, nêu ra phương tiện thù thắng": Có nhiều môn để vào đạo, vốn không chọn lựa, nhưng chia ra thành [các đường lối] hiểm trở, thông suốt, cong, thẳng, khó, dễ, rất khác nhau! Trong vô lượng môn, một môn Niệm Phật là thuận tiện nhất.

***Diễn**: "Nhiều môn để vào đạo": Như trong kinh Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị Bồ Tát mỗi vị nói ra phương tiện Viên Thông. Trong kinh Tịnh Danh (kinh Duy Ma Cật), ba mươi vị [thiện tri thức] cùng đàm luận pháp môn Bất Nhị v.v...)*

Lược trần hữu tứ: Nhất, bất trị Phật thế, đắc thường kiến Phật phương tiện.

(Diễn) Bất trị Phật thế, vị Thích Ca dĩ quá, Từ Thị vị lai. Đắc thường kiến Phật hữu tam nghĩa: Nhất, lâm chung chi tế, Phật lai tiếp dẫn. Nhị, dĩ sanh chi hậu, thường kiến Di Đà. Tam, Thiền Quán chi trung, đắc đổ thánh tướng.

略陳有四：一、不值佛世，得常見佛方便。

(演)不值佛世，謂釋迦已過。慈氏未來。得常見佛有三義。一、臨終之際，佛來接引。二、已生之後，常見彌陀。三、禪觀之中，得睹聖相。

(Nêu đại lược thì có bốn điều như sau: Một, [niệm Phật là] phương tiện [khiến cho hành giả] dù không gặp lúc Phật tại thế, vẫn thường được thấy Phật.

***Diễn**: "Chẳng gặp Phật tại thế", ý nói: Phật Thích Ca đã diệt độ, Di Lặc Phật chưa giáng thế. "Thường được thấy Phật" có ba ý nghĩa: Một, lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn. Hai, sau khi đã vãng sanh, thường gặp Phật Di Đà. Ba, trong lúc Thiền Quán, được thấy hình tướng của chư thánh).*

Nhị, bất đoạn Hoặc nghiệp, đắc xuất luân hồi phương tiện.

(Diễn) Bất đoạn Hoặc phương tiện giả, như Tiểu Thừa tất đoạn tận Kiến Tư, phương xuất tam giới. Đại Thừa nhân trực chí mạng căn đoạn tận, nghiệp thức khô càn, thỉ xuất sanh tử. Cố vân: "Hào ly hệ niệm, tam đồ nghiệp nhân; miết nhĩ tình sanh, vạn kiếp ky tỏa". Kim thử niệm Phật, đản năng phục vọng, tức đắc vãng sanh cố.

二、不斷惑業，得出輪迴方便。

(演)不斷惑方便者，如小乘必斷盡見思，方出三界。大乘人直至命根斷盡，業識枯乾，始出生死。故云：毫釐繫念，三途業因，瞥爾情生，萬劫羈鎖。今此念佛，但能伏妄，即得往生故。

(Hai, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng đoạn Hoặc nghiệp mà vẫn thoát khỏi luân hồi.

***Diễn**: "Phương tiện chẳng đoạn Hoặc": Như Tiểu Thừa ắt phải đoạn hết Kiến Tư phiền não thì mới thoát khỏi tam giới. Người Đại Thừa thì mãi cho đến khi mạng căn đoạn sạch, nghiệp thức khô ran, mới ra khỏi sanh tử. Cho nên nói: "Mảy may hệ niệm là nghiệp nhân trong tam đồ, tình sanh trong chớp mắt, ràng buộc vạn kiếp". Nay pháp niệm Phật này, chỉ cần khuất phục vọng niệm, liền được vãng sanh).*

Tam, bất tu dư hạnh, đắc Ba La Mật phương tiện.

(Diễn) Bất tu dư hạnh phương tiện giả, như Bố Thí, tất tu tam luân không tịch. Trì Giới, tắc bất khuyết, bất phá. Nãi chí tùy Định cụ túc, phương viết Ba La Mật. Thành phi dị tu dã! Kim tư niệm Phật, bất xuất nhất tâm, vạn hạnh cụ túc cố.

三、不修餘行，得波羅密方便。

(演)不修餘行方便者，如布施，必須三輪空寂。持戒，則不缺不破。乃至隨定具足，方曰波羅密。誠非易修也。今茲念佛，不出一心，萬行具足故。

(Ba, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng tu các hạnh khác, mà đắc Ba La Mật.

***Diễn**: "Phương tiện chẳng tu các hạnh khác": Như Bố Thí ắt cần phải tam luân không tịch. Trì Giới thì chẳng thiếu sót, chẳng phá giới. Cho đến Định phải đầy đủ thì mới gọi là Ba La Mật. Thật chẳng dễ tu vậy! Nay pháp niệm Phật này chẳng ra ngoài nhất tâm, mà muôn hạnh đầy đủ).*

Tứ, bất kinh đa kiếp, đắc tật giải thoát phương tiện.

(Diễn) Đắc tật giải thoát phương tiện giả, y dư pháp tu, thiên sanh luyện tánh, bách kiếp điều tâm, phương đắc giải thoát. Thiền môn tuy vân nhất sanh liễu đạo, diệc nãi đa kiếp huân tu. Như Vĩnh Gia vân: "Ngô tảo tằng kinh đa kiếp tu, bất thị đẳng nhàn sanh cuống hoặc", thị dã. Kim tư niệm Phật, đản xưng niệm Di Đà, tật đăng bỉ ngạn cố.

四、不經多劫，得疾解脫方便。

(演)得疾解脫方便者。依餘法修，千生煉性，百劫調心，方得解脫。禪門雖云一生了道，亦乃多劫熏修。如永

嘉云：吾早曾經多劫修，不是等閒生誑惑是也。今茲念佛，但稱念彌陀，疾登彼岸故。

(Bốn, [đây là] phương tiện [khiến cho hành giả] chẳng trải qua nhiều kiếp mà mau được giải thoát.

***Diễn**: "Mau được giải thoát": Nương theo pháp khác để tu thì ngàn đời luyện tánh, trăm kiếp điều phục cái tâm, mới hòng giải thoát. Thiền môn tuy nói "liễu đạo trong một đời", vẫn là nhiều kiếp huân tu. Như ngài Vĩnh Gia nói: "Tôi đã tu qua bao nhiêu kiếp từ lâu, chẳng phải là chuyện dễ dãi mà hòng dối gạt, mê hoặc [người đời]", chính là nói về chuyện này. Nay pháp Niệm Phật này chỉ xưng niệm Di Đà bèn mau chóng lên bờ kia).*

(Sớ) Pháp môn giả, đạo thể u huyền, tùng môn thỉ nhập, vị môn bất đồng, cố vân vô lượng. Quyền xảo tiếp dẫn, linh đắc nhập môn, danh vi phương tiện.

(Diễn) Pháp môn giả, quỹ sanh vật giải viết "pháp", thánh trí thông du viết "môn". Đạo thể u huyền giả, đạo vô hình tướng, vô phương sở, bất khả thấu bạc, vô dung nghĩ nghị. Luận Ngữ vân: "Ngưỡng chi di cao, toản chi di kiên, chiêm chi tại tiền, hốt yên tại hậu", thị dã. Tùng môn thỉ nhập giả, Lăng Nghiêm vân: "Hốt mông thiên vương tứ dữ hoa ốc, yếu nhân môn nhập". Luận Ngữ vân: "Bất đắc kỳ môn nhi nhập, bất kiến tông miếu chi mỹ, bách quan chi phú". Quyền xảo tiếp dẫn linh đắc nhập môn giả, thử môn biến nhất thiết xứ, đầu đầu khả nhập, pháp pháp kham quy. Cổ vân: "Xứ xứ lục dương kham hệ mã, gia gia hữu lộ thấu Trường An". Kỳ như chúng sanh bất tri, xứ xứ phùng cừ, đầu đầu thác quá dã.

(疏)法門者，道體幽玄，從門始入，為門不同，故云無量。權巧接引，令得入門，名為方便。

(演)法門者，軌生物解曰法，聖智通游曰門。道體幽玄者。道無形相，無方所。不可湊泊，無容擬議。論語云：仰之彌高，鑽之彌堅，瞻之在前，忽焉在後是也。從門始入者。楞嚴云：忽蒙天王賜與華屋，要因門入。論語云：不得其門而入，不見宗廟之美、百官之富。權巧接引令得入門者，此門遍一切處。頭頭可入，法法堪歸。古云：處

處綠楊堪繫馬 ，家家有路透長安 ，其如眾生不知，處處逢渠，頭頭錯過也。

*(**Sớ**: "Pháp môn": Đạo thể sâu xa, huyền diệu, từ cửa mà bắt đầu tiến vào. Do cửa vào khác nhau, nên nói là "vô lượng". Quyền xảo tiếp dẫn khiến cho được vào cửa, gọi là "phương tiện".*

***Diễn**: "Pháp môn": Tuân theo sẽ khiến cho hữu tình chúng sanh nẩy sanh sự hiểu biết thì gọi là "pháp"; nhờ đó mà thông đạt trí của chư thánh thì gọi là "môn".*

"Đạo thể u huyền": Đạo không có hình tướng, không có nơi chốn, chẳng thể nắm bắt, không thể suy tưởng, bàn luận được. Sách Luận Ngữ có chép: "Càng ngẩng lên nhìn thì càng thấy cao, càng khoét thì càng cứng, mới nhìn thấy đằng trước, đã chợt ở đằng sau" là nói về ý này vậy.

"Từ cửa mà bắt đầu tiến vào": Kinh Lăng Nghiêm chép: "Chợt được vua trời ban cho căn nhà đẹp đẽ, phải do cửa để vào". Sách Luận Ngữ chép: "Chẳng tìm được cửa để vào, chẳng thấy tông miếu đẹp đẽ, trăm quan giàu có".

"Quyền biến khéo léo tiếp dẫn, khiến vào được cửa": Môn này trọn khắp hết thảy các nơi, thứ gì cũng đều có thể nhập, pháp nào cũng đáng về. Cổ nhân nói. "Chốn chốn dương xanh kham buộc ngựa, nhà nhà có lối thấu Trường An". Nếu chúng sanh chẳng biết, thì ở đâu cũng gặp trở ngại, đối với bất cứ chuyện gì cũng lỡ làng).

(Sớ) Nhi ngôn thắng giả, phương tiện trung phương tiện dã, tức Quán Kinh sở vị "dị" dã. Đa môn giả, hoặc vị môn môn khả dĩ nhập đạo, hà tất niệm Phật vãng sanh? Nhi hữu dị, hữu nan, bất phương vô giản trạch trung, nhi thuyết giản trạch. Hiểm giả, khi khu nan hành; khúc giả, vu hồi nan đáo, dụ dư môn dã. Di thản tắc dị hành, dụ niệm Phật nhân giai khả vi. Trực tiệp tắc dị đáo, dụ niệm Phật tốc siêu sanh tử. Như Vy Đề Hy, diệc biến quán thập phương thế giới, nhi duy nguyện sanh Cực Lạc dã.

(Diễn) Khi khu nan hành giả, như tiền hạo bác nan trì, u thâm võng thố đẳng. Vu hồi nan đáo giả, như Tăng-kỳ tích hạnh, khoáng kiếp cần tu đẳng. Vy Đề biến quán nguyện sanh Cực Lạc giả, Thế Tôn tùng đảnh phóng quang, chiếu thập phương giới. Phục thâu bảo quang, kết vi kim đài, kỳ trung phổ hiện thập phương Phật độ, linh Vy Đề biến quán. Vy Đề độc nguyện sanh ư Cực Lạc dã.

(疏)而言勝者，方便中方便也。即觀經所謂異也。多門者，或謂門門可以入道，何必念佛往生？而有易有難。不妨無揀擇中而說揀擇。險者崎嶇難行，曲者紆迴難到，喻餘門也。夷坦則易行，喻念佛人皆可為。直捷則易到，喻念佛速超生死。如韋提希，亦遍觀十方世界，而惟願生極樂也。

(演)崎嶇難行者，如前浩博難持，幽深罔措等。紆迴難到者。如僧祇積行，曠劫勤修等。韋提遍觀願生極樂者。世尊從頂放光，照十方界。復收寶光，結為金臺，其中普現十方佛土，令韋提遍觀，韋提獨願生於極樂也。

*(**Sớ**: Nói "thắng" tức là [pháp này] là phương tiện bậc nhất trong các phương tiện, chính là như Quán Kinh gọi là "dị" (khác lạ) vậy. "Nhiều môn": Có kẻ nói: "Môn nào cũng đều có thể nhập đạo, sao cứ phải niệm Phật vãng sanh?" [Đúng là do môn nào cũng đều có thể nhập đạo], nhưng các pháp môn có dễ, có khó; chẳng ngại gì nói "chọn lựa" trong cái "vốn không chọn lựa".*

"Hiểm" là gập ghềnh khó đi, "khúc" là ngoắt ngoéo khó đến. [Dùng chữ "hiểm khúc"] để sánh ví các pháp môn khác. Bằng phẳng thì dễ đi, ví như niệm Phật ai cũng có thể làm được. Thẳng tắt sẽ dễ đến, ví như niệm Phật mau vượt thoát sanh tử. Như bà Vy Đề Hy cũng quán khắp mười phương thế giới, nhưng chỉ nguyện sanh về Cực Lạc.

***Diễn**: "Gập ghềnh khó đi" là như trong phần trước đã nói: Mênh mông, bát ngát khó nắm giữ, sâu thẳm khó thể thực hiện v.v... "Ngoắt ngoéo khó đến": Như tích tập công hạnh trong A-tăng-kỳ kiếp, siêng tu bao kiếp dài lâu v.v... "Vy Đề Hy quán khắp [mười phương thế giới chư Phật], nguyện sanh về Cực Lạc": Đức Thế Tôn từ đỉnh đầu phóng quang, chiếu mười phương cõi nước. Lại thâu quang minh báu, kết thành đài vàng, trong ấy, hiện khắp các cõi Phật trong mười phương, bảo Vy Đề Hy hãy nhìn trọn khắp, nhưng Vy Đề Hy chỉ mong sanh vào Cực Lạc).*

(Sớ) Đắc thường kiến Phật giả, Khởi Tín Luận ký thị Chân Như tam-muội, cập nhị môn Chỉ Quán cánh, phục vân: "Hữu sơ học thị pháp, kỳ tâm khiếp nhược; dĩ Sa Bà bất thường trị Phật, cụ vị tín tâm nan tựu. Như Lai hữu thắng phương tiện, nhiếp hộ tín tâm, vị chuyên ý niệm Phật, tức sanh Phật độ, thường kiến ư Phật". Như Tu Đa La

thuyết: "Chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, tức đắc vãng sanh, chung vô hữu thoái". Thử kinh tắc thất nhật nhất tâm, Phật hiện tại tiền, thị dã. Cố tri Linh Sơn dĩ quá, Long Hoa vị lai, vô Phật thế trung, nhi đắc kiến Phật, thị danh tối thắng đệ nhất phương tiện.

(Diễn) Chân Như tam-muội, hữu chánh quán, hữu phương tiện. Chánh Quán, tức pháp giới nhất tướng, nhất thiết chư pháp, bình đẳng vô nhị. Phương tiện giả, vị thôi cầu Ngũ Ấm, Sắc chi dữ tâm, chung bất khả đắc. Nhược năng quán sát, tri tâm vô niệm, tức đắc tùy thuận nhập Chân Như môn cố. Nhị môn Chỉ Quán giả, Chỉ, vị chỉ nhất thiết cảnh giới tướng. Hữu ly cảnh, trừ tâm, nhị pháp. Quán vị phân biệt nhân duyên sanh diệt tướng; hữu pháp tướng, đại bi, đại nguyện, tinh tấn, tứ hạnh. Thị pháp, chỉ tu hành ngũ môn, vị: Nhất thí, nhị giới, tam nhẫn, tứ tinh tấn, ngũ Chỉ Quán dã. Sơ học thị pháp giả, chỉ Bất Định Tụ chúng sanh. Tu tín vị mãn giả, kỳ tâm khiếp nhược, thị nội tâm ký liệt. Sa Bà bất thường trị Phật, thị ngoại khuyết thắng duyên, cố tín hạnh nan thành, tương dục thoái dã. Tín tâm hữu tứ chủng: Nhất giả, tín căn bản, sở vị nhạo niệm Chân Như pháp cố. Nhị giả, tín Phật hữu vô lượng công đức, thường niệm thân cận cúng dường, cung kính, phát khởi thiện căn, nguyện cầu Nhất Thiết Trí cố. Tam giả, tín pháp hữu đại lợi ích, thường niệm tu hành chư Ba La Mật cố. Tứ giả, tín Tăng năng chánh tu hành, tự lợi, lợi tha, thường nhạo thân cận chư Bồ Tát chúng, cầu học như thật hạnh cố. Tựu giả, thành tựu, tức tín thành tựu phát tâm dã. Luận vân: "Tín thành tựu phát tâm giả, phát hà đẳng tâm? Lược thuyết tam chủng: Nhất giả, trực tâm, chánh niệm Chân Như pháp cố; nhị giả, thâm tâm, nhạo tập nhất thiết chư thiện hạnh cố; tam giả, đại bi tâm, dục bạt nhất thiết chúng sanh khổ cố. Nan giả, vị tu hành tín tâm, kinh nhất vạn kiếp, phương đắc thành tựu cố. Chung vô hữu thoái, ước hữu tam chủng: Nhất, như liên hoa vị khai thời, tín hạnh vị mãn, vị danh Bất Thoái, đản dĩ xử vô thoái duyên, cố xưng Bất Thoái. Nhị, tín vị mãn túc dĩ khứ, hoa khai kiến Phật, nhập Thập Trụ vị, đắc thiểu phần kiến Pháp Thân, trụ Chánh Định vị dã. Tam giả, Tam Hiền vị mãn, nhập Sơ Địa dĩ khứ, chứng biến mãn Pháp Thân, sanh vô biên Phật độ, như Phật ký Long Thọ đẳng, trụ Sơ Địa, sanh Tịnh Độ dã. Thử kinh tắc thất nhật nhị cú, thị dẫn bổn kinh vi chứng, nhi tứ đoạn văn trung, giai dẫn bổn kinh vi chứng giả, minh phân thử tứ chủng, phi ức kiến dã.

(疏)得常見佛者，起信論既示真如三昧，及二門止觀竟。復云：有初學是法，其心怯弱，以娑婆不常值佛，懼謂信心難就。如來有勝方便，攝護信心，謂專意念佛，即生佛土，常見於佛。如修多羅說：專念西方極樂世界阿彌陀佛，即得往生，終無有退，此經則七日一心，佛現在前，是也。故知靈山已過，龍華未來，無佛世中而得見佛，是名最勝第一方便。

(演)真如三昧，有正觀、有方便。正觀，即法界一相，一切諸法，平等無二。方便者，謂推求五陰色之與心，終不可得。若能觀察知心無念，即得隨順入真如門故。二門止觀者。止，謂止一切境界相。有離境、除心，二法。觀謂分別因緣生滅相。有法相、大悲、大願、精進，四行。是法，指修行五門。謂一施。二戒。三忍。四精進。五止觀也。初學是法者，指不定聚眾生，修信未滿者。其心怯弱，是內心既劣，娑婆不常值佛，是外缺勝緣，故信行難成，將欲退也。信心有四種。一者信根本，所謂樂念真如法故。二者信佛有無量功德，常念親近供養恭敬，發起善根，願求一切智故。三者信法有大利益，常念修行諸波羅蜜故。四者信僧能正修行，自利利他，常樂親近諸菩薩眾，求學如實行故。就者，成就，即信成就發心也。論云：信成就發心者，發何等心？略說三種。一者直心，正念真如法故；二者深心，樂習一切諸善行故；三者大悲心，欲拔一切眾生苦故。難者，謂修行信心，經一萬劫，方得成就故。終無有退，約有三種。一、如蓮花未開時，信行未滿，未名不退，但以處無退緣，故稱不退。二、信位滿足以去，華開見佛，入十住位。得少分見法身，住正定位也。三者三賢位滿，入初地以去，證遍滿法身，生無邊佛土，如佛記龍樹等，住初地，生淨土也。此經則七日二句，是引本

經為證，而四段文中皆引本經為證者，明分此四種，非臆見也。

***(Sớ**: "Được thường được thấy Phật": Khởi Tín Luận đã dạy Chân Như tam-muội và hai môn Chỉ - Quán xong, lại nói: "Có kẻ mới học pháp này, tâm kẻ ấy khiếp hãi, yếu ớt, vì nghĩ trong cõi Sa Bà chẳng thường gặp Phật mà hoảng sợ cho rằng tín tâm khó trọn. Như Lai bèn có phương tiện thù thắng để nhiếp trì, bảo vệ tín tâm, đó là: Dốc trọn ý niệm Phật, liền được sanh vào cõi Phật, thường thấy Phật". Như Khế Kinh có dạy: "Chuyên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, liền được vãng sanh, trọn chẳng thoái chuyển". Kinh này nói bảy ngày nhất tâm, Phật bèn hiện ra trước mặt, chính là nói tới ý đó. Vì thế biết: Hội Linh Sơn đã qua, thời Long Hoa chưa tới, trong đời không có Phật mà được thấy Phật, cho nên gọi là "phương tiện tối thắng bậc nhất".*

***Diễn**: Chân Như tam-muội có chánh quán và phương tiện. Chánh Quán là pháp giới nhất tướng, hết thảy các pháp bình đẳng, không hai. Phương tiện là truy tìm Ngũ Ấm, sắc và tâm, trọn chẳng thể được! Nếu có thể quán sát biết tâm vô niệm, liền được tùy thuận nhập Chân Như môn.*

"Hai môn Chỉ và Quán": "Chỉ" là dứt hết thảy các tướng cảnh giới. Có hai pháp Chỉ là lìa cảnh và trừ tâm. Quán là phân biệt tướng nhân duyên sanh diệt. Quán có bốn hạnh là pháp tướng, đại bi, đại nguyện, và tinh tấn. Chữ "thị pháp" (pháp này) [trong đoạn văn trích dẫn từ Khởi Tín Luận trong lời Sớ] chỉ năm môn tu hành, tức là: Một là Giới, hai là Thí, ba là Nhẫn, bốn là Tinh Tấn, và năm là Chỉ Quán. Từ ngữ "kẻ mới học pháp này" chỉ Bất Định Tụ chúng sanh, thuộc địa vị tu tín chưa viên mãn. Tâm kẻ ấy khiếp nhược tức là nội tâm kém hèn. "Sa Bà chẳng thường gặp Phật" tức là bên ngoài thiếu duyên thù thắng; vì thế, tín hạnh khó thành, sắp bị thoái chuyển.

Tín tâm có bốn loại:

- Thứ nhất là tin vào căn bản, nghĩa là: Thích nghĩ đến pháp Chân Như.

- Hai là tin Phật có vô lượng công đức, thường nghĩ thân cận, cúng dường, cung kính, phát khởi thiện căn, nguyện cầu Nhất Thiết Trí.

- Ba là tin pháp có lợi ích to lớn, thường nghĩ tu hành các Ba La Mật.

- Bốn là tin Tăng có thể tu hành chân chánh, tự lợi, lợi người, thường thích thân cận các vị Bồ Tát để cầu học hạnh như thật.

"Tựu" là thành tựu, tức là lòng tin thành tựu bèn phát tâm. Luận chép: "Lòng tin thành tựu bèn phát tâm, phát những tâm nào? Nói đại lược thì có ba thứ: Một là trực tâm, vì chánh niệm pháp Chân Như. Hai là thâm tâm, vì thích tu tập hết thảy các thiện hạnh. Ba là đại bi tâm, vì muốn dẹp trừ nỗi khổ của hết thảy chúng sanh". "Khó khăn" ý nói: Tu hành [hòng thành tựu] lòng tin, phải mất một vạn kiếp mới được thành tựu.

"Trọn chẳng thoái chuyển", nói đại lược, gồm có ba thứ:

- Một, như lúc hoa sen chưa nở, tín hạnh chưa trọn vẹn, chưa thể gọi là Bất Thoái, chỉ vì đã ở trong hoàn cảnh không có duyên gây thoái chuyển, cho nên gọi là Bất Thoái.

- Hai là sau khi đã viên mãn địa vị Thập Tín, hoa nở thấy Phật, bước vào địa vị Thập Trụ. Được thấy Pháp Thân ít phần, trụ trong địa vị Chánh Định.

- Ba là đã viên mãn địa vị Tam Hiền, đã chứng từ Sơ Địa trở lên, chứng Pháp Thân trọn khắp, sanh trong vô biên cõi Phật, như đức Phật thọ ký cho ngài Long Thọ v.v... trụ Sơ Địa, sanh trong Tịnh Độ.

Hai câu "kinh này nói bảy ngày..." chính là dẫn kinh này (kinh A Di Đà) để làm chứng. Trong bốn đoạn văn, đều dẫn kinh này làm chứng, nhằm chỉ rõ: [Lời Sớ] chia [tín tâm] thành bốn loại như thế, chẳng phải là đoán mò).

(Sớ) Đắc xuất luân hồi giả, diêu Hoặc khởi nghiệp, diêu nghiệp cảm báo, vãng lai lục đạo, luân chuyển vô cùng. Y dư pháp tu, trực chí Hoặc tận, thỉ đắc xuất ly. Nhi thác chất thế gian, thăng trầm vị bảo. Duy tư Niệm Phật, đới Hoặc vãng sanh, dĩ kỷ niệm lực, cập Phật nhiếp thọ đại thần lực cố, nhất sanh bỉ quốc, tức siêu tam giới, bất thọ luân chuyển. Kinh vân: "Chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí", thị dã. Thị vi tối thắng đệ nhị phương tiện.

(Diễn) Trực chí Hoặc tận, thỉ đắc xuất ly giả, Tư Hoặc bất tận, bất xuất tam giới. Trần Sa bất tận, bất xuất Nhị Thừa giới. Vô minh bất tận, bất xuất Bồ Tát giới. Đới Hoặc vãng sanh giả, Quán Kinh Thượng Thượng Phẩm sanh giả, đoạn Vô Minh Hoặc; Trung Thượng Phẩm sanh giả, đoạn Kiến Tư Hoặc; nãi chí Trung Hạ Phẩm sanh giả, thỉ đoạn Kiến Hoặc. Nhược hạ bối tam phẩm, tắc toàn vị đoạn Hoặc, đản sảo năng phục vọng, thành tựu tịnh thân, tức sanh bỉ quốc. Cố vân "đới Hoặc vãng sanh" giả.

(疏)得出輪迴者，繇惑起業，繇業感報，往來六道，輪轉無窮，依餘法修，直至惑盡，始得出離。而託質世間，升沈未保。唯茲念佛，帶惑往生，以己念力，及佛攝受大神力故。一生彼國，即超三界 ，不受輪轉 。經云：眾生生者，皆是阿鞞跋致，是也。是為最勝第二方便。

(演)直至惑盡始得出離者，思惑不盡 ，不出三界 。塵沙不盡，不出二乘界。無明不盡，不出菩薩界。帶惑往生者。觀經上上品生者，斷無明惑；中上品生者，斷見思惑；乃至中下品生者，始斷見惑。若下輩三品，則全未斷惑。但稍能伏妄，成就淨身。即生彼國。故云帶惑往生也。

*(**Sớ**: "Được thoát luân hồi": Do Hoặc khởi nghiệp, do nghiệp cảm báo, qua lại sáu đường, luân chuyển vô cùng, nương theo các pháp khác để tu thì phải mãi cho đến khi đã hết Hoặc mới được lìa thoát; nhưng gởi thân trong thế gian thì thăng hay trầm chẳng đảm bảo. Chỉ có pháp Niệm Phật này là mang theo Hoặc nghiệp vãng sanh, nhờ vào niệm lực của chính mình và đại thần lực của Phật nhiếp thọ, hễ sanh về cõi kia, liền vượt thoát tam giới, chẳng bị luân chuyển. Kinh dạy: "Chúng sanh sanh về Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí" chính là nói về ý này. Đây là phương tiện tối thắng thứ hai.*

***Diễn**: "Mãi cho đến khi hết Hoặc, mới được thoát lìa": Tư Hoặc chưa hết, chẳng ra khỏi tam giới. Chưa đoạn hết Trần Sa phiền não, chưa ra khỏi giới hạn Nhị Thừa. Vô minh chưa hết, chẳng ra khỏi phạm vi của Bồ Tát.*

"Mang theo Hoặc nghiệp vãng sanh": Theo Quán Kinh, người vãng sanh trong Thượng Thượng Phẩm đoạn Vô Minh Hoặc; người vãng sanh trong Trung Thượng Phẩm đoạn Kiến Tư Hoặc; cho đến người vãng sanh trong Trung Hạ Phẩm thì mới đoạn Kiến Hoặc. Nếu là ba phẩm thuộc bậc Hạ thì hoàn toàn chưa đoạn Hoặc, chỉ có thể hơi khuất phục vọng, thành tựu tịnh thân, liền sanh về cõi ấy. Vì thế nói là "đới Hoặc vãng sanh").

(Sớ) Đắc Ba La Mật giả, chư Bồ Tát chúng, hữu Hằng sa kiếp trung, tu Lục Độ vạn hạnh, vị năng mãn túc. Nhi kim nhất tâm niệm Phật, vạn duyên tự xả, tức Bố Thí Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, chư ác tự chỉ, tức Trì Giới Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, tâm tự nhu

nhuyễn, tức Nhẫn Nhục Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, vĩnh bất thoái đọa, tức Tinh Tấn Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, dư tưởng bất sanh, tức Thiền Định Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, chánh niệm phân minh, tức Bát Nhã Ba La Mật. Thôi nhi cực chi, bất xuất nhất tâm, vạn hạnh cụ túc. Như Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Nhược ngã thành Phật, quốc trung hữu tình, bất hoạch thần thông tự tại Ba La Mật Đa, bất thủ Chánh Giác". Thị vi đệ tam thắng phương tiện.

(Diễn) Lục Độ vạn hạnh, hữu Đại, Tiểu Thừa, Sự, Lý bất đồng, nhi Lý trung, hữu phục thâm thiển, như Thiên Thai Tứ Giáo sở minh. Bất xuất nhất tâm vạn hạnh cụ túc giả, thử nhất tâm diệc phân Sự, Lý. Nhược Lý nhất tâm cụ túc vạn hạnh, tự bất tất thuyết. Tức Sự nhất tâm, tuy vị nhập Lý, nhi ư Tạng Giáo Sự Lục Độ, Sự vạn hạnh, diệc khả vân cụ túc dã.

(疏)得波羅密者。諸菩薩眾，有恆沙劫中，修六度萬行，未能滿足。而今一心念佛。萬緣自捨，即布施波羅密。一心念佛，諸惡自止，即持戒波羅密。一心念佛，心自柔軟，即忍辱波羅密。一心念佛，永不退墮，即精進波羅密。一心念佛，餘想不生，即禪定波羅密。一心念佛，正念分明，即般若波羅密。推而極之，不出一心，萬行具足。如大本法藏願云：若我成佛，國中有情，不獲神通自在波羅密多，不取正覺。是為第三勝方便。

(演)六度萬行，有大小乘事理不同，而理中，又復深淺，如天台四教所明。不出一心萬行具足者，此一心亦分事理，若理一心具足萬行，自不必說 。即事一心 ，雖未入理，而於藏教事六度、事萬行，亦可云具足也。

*(**Sớ**: "Đắc Ba La Mật": Các hàng Bồ Tát có vị trải số kiếp nhiều như cát sông Hằng tu Lục Độ, muôn hạnh, nhưng chưa thể trọn vẹn; thế mà nay nhất tâm niệm Phật, vạn duyên tự bỏ, tức là Bố Thí Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, các ác tự dứt, tức là Trì Giới Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, tự tâm mềm mại, tức Nhẫn Nhục Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, vĩnh viễn chẳng lui sụt, đọa lạc, tức là Tinh Tấn Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, chẳng sanh khởi suy tưởng gì khác, tức là Thiền Định Ba La Mật. Nhất tâm niệm Phật, chánh niệm phân minh, chính là Bát Nhã Ba La Mật.*

Suy xét đến cùng cực thì chẳng ngoài nhất tâm mà vạn hạnh trọn đủ. Như trong kinh Vô Lượng Thọ, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Nếu tôi thành Phật mà các hữu tình trong nước tôi chẳng đắc thần thông tự tại Ba La Mật Đa, tôi chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác". Đấy là phương tiện thù thắng thứ ba.

***Diễn**: Lục Độ vạn hạnh có Đại Thừa, Tiểu Thừa, Sự, Lý khác nhau, nhưng trong Lý lại có mức độ sâu và cạn [khác nhau] như trong Tứ Giáo của tông Thiên Thai đã nói. "Chẳng ra ngoài nhất tâm mà vạn hạnh trọn đủ": Nhất tâm này cũng chia thành Sự nhất tâm và Lý nhất tâm. Nếu là Lý nhất tâm đầy đủ vạn hạnh thì chẳng cần phải bàn nữa. Ngay như Sự nhất tâm, tuy chưa nhập Lý, nhưng đối với Lục Độ và vạn hạnh thuộc mặt Sự trong Tạng Giáo cũng có thể nói là trọn đủ).*

(Sớ) Đắc tật giải thoát giả, Trí Luận vân: "Hữu chư Bồ Tát, tự niệm báng Đại Bát Nhã, đọa ác đạo trung, lịch vô lượng kiếp, tuy tu dư hạnh, bất năng diệt tội. Hậu ngộ tri thức, giáo niệm A Di Đà Phật, nãi đắc diệt chướng, siêu sanh Tịnh Độ". Hựu Thập Trụ Đoạn Kết Kinh vân: "Thị thời tọa trung, hữu tứ ức chúng, tự tri tử thử sanh bỉ, khiên liên bất đoạn, dục vi chi nguyên, nhạo sanh vô dục quốc độ, Phật ngôn: - Tây Phương khứ thử vô số quốc độ, hữu Phật danh Vô Lượng Thọ. Kỳ độ thanh tịnh, vô dâm, nộ, si, liên hoa hóa sanh, bất diêu phụ mẫu. Nhữ đương sanh bỉ". Cố Đại Bổn vân: "Bồ Tát dục linh chúng sanh tốc tật an trụ Vô Thượng Bồ Đề giả, ưng đương khởi tinh tấn lực, thính thử pháp môn". Thị tri nghĩ sơn phong thủy, trì tật thiên thù. Cổ vị "dục đắc nhất sanh thủ biện, tiện ư thị pháp lưu tâm". Thị danh tối thắng đệ tứ phương tiện.

(Diễn) Trí Luận trung tội tức thị chướng, dĩ tội năng chướng đạo. Cố phục vân chướng dã. Thử niệm Phật nãi đắc diệt giả, bỉ Phật hữu bất tư nghị oai thần lực cố, bất tư nghị đại nguyện lực cố. Cố thử niệm A Di Đà Phật, tức Đại Bát Nhã. Như nhân tùng địa đảo, hoàn tùng địa khởi dã. Thử tật đắc giải thoát chi nhất chứng. Thập Trụ Đoạn Kết Kinh trung, tử thử sanh bỉ, giai nhân dục cố. Tây Phương vô dục, cố đốn siêu sanh tử. Thử tật đắc giải thoát chi nhị chứng. Khởi tinh tấn lực thính thử pháp môn giả, thính pháp hữu tam: Nhĩ thính, tâm thính, cập ư thần thính. Hạ sĩ nhĩ thính, như phong quá nhĩ. Trung sĩ tâm thính, phả năng giải nghĩa. Thượng sĩ thần thính, thâm ngộ Thật Tướng. Kim ngôn tinh tấn thính pháp, thị bất dĩ duyên tâm thính pháp, dĩ thần thính dã. Nghĩ sơn phong thủy giả, Liên Tông Bảo Giám vân: "Dư môn học

đạo, như nghĩ tử thượng ư cao sơn. Niệm Phật vãng sanh, tự phong phàm dương ư thuận thủy".

(疏)得疾解脫者，智論云：有諸菩薩，自念謗大般若，墮惡道中，歷無量劫，雖修餘行，不能滅罪，後遇知識，教念阿彌陀佛，乃得滅障，超生淨土。又十住斷結經云：是時座中，有四億眾，自知死此生彼，牽連不斷，欲為之源，樂生無欲國土。佛言西方去此無數國土，有佛名無量壽，其土清淨，無淫怒痴，蓮華化生，不繇父母，汝當生彼。故大本云：菩薩欲令眾生速疾安住無上菩提者，應當起精進力，聽此法門。是知蟻山風水，遲疾天殊。古謂欲得一生取辦，便於是法留心，是名最勝第四方便。

(演)智論中罪即是障。以罪能障道。故復云障也。此念佛乃得滅者。彼佛有不思議威神力故，不思議大願力故。故此念阿彌陀佛，即大般若。如人從地倒，還從地起也，此疾得解脫之一證。十住斷結經中，死此生彼，皆因欲故。西方無欲，故頓超生死，此疾得解脫之二證。起精進力聽此法門者，聽法有三：耳聽、心聽及於神聽。下士耳聽，如風過耳；中士心聽，頗能解義；上士神聽，深悟實相。今言精進聽法，是不以緣心聽法，以神聽也。蟻山風水者，蓮宗寶鑑云：餘門學道，如蟻子上於高山。念佛往生，似風帆揚於順水。

*(**Sớ**: "Mau chóng được giải thoát": Trí Độ Luận nói: "Có các Bồ Tát tự nghĩ mình hủy báng Đại Bát Nhã, đọa vào trong ác đạo, trải vô lượng kiếp, tuy tu các hạnh, nhưng chẳng thể diệt tội; sau đấy gặp tri thức dạy họ niệm A Di Đà Phật, bèn diệt được chướng, siêu sanh Tịnh Độ". Lại nữa, Thập Trụ Đoạn Kết Kinh chép: "Hiện diện [trong hội giảng kinh] khi ấy, có bốn ức người tự biết 'chết đây, sanh kia, dây dưa chẳng dứt', do dục là cội nguồn, [nên họ] thích sanh về cõi vô dục. Đức Phật dạy: 'Ở phương Tây, cách đây vô số cõi nước, có vị Phật tên là Vô Lượng Thọ. Cõi nước của Ngài thanh tịnh, không có dâm, giận, si, hóa sanh trong hoa sen, chẳng do cha mẹ [sanh ra]. Các ông nên sanh về đó". Vì thế, kinh Đại Bổn nói: "Bồ Tát muốn làm cho chúng sanh mau chóng an trụ nơi Vô*

Thượng Bồ Đề, hãy nên dấy lên sức tinh tấn, nghe [ta giảng] pháp môn này". Do vậy biết: Con kiến trèo lên núi và thuyền đã thuận gió lại còn thuận nước, nhanh hay chậm khác biệt một trời một vực. Cổ nhân nói: "Muốn được thành tựu trong một đời thì phải lưu tâm nơi pháp này". Đấy gọi là phương tiện tối thắng thứ tư.

***Diễn**: Theo Trí Độ Luận, tội chính là chướng, vì tội có thể chướng ngại đạo. Cho nên lại nói là "chướng". Chướng này do niệm Phật bèn được diệt trừ. Vị Phật ấy có sức oai thần chẳng thể nghĩ bàn, có đại nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn. Do điều này, niệm A Di Đà Phật chính là Đại Bát Nhã. Như người do đất mà ngã, vẫn phải từ đất mà đứng dậy. Đây chính là chứng minh thứ nhất cho [điều khẳng định] "mau được giải thoát". Trong kinh Thập Trụ Đoạn Kết có nói: "Chết đây sanh kia đều vì lòng dục". Tây Phương không có dục, nên nhanh chóng vượt thoát sanh tử. Đây là chứng minh thứ hai cho sự giải thoát nhanh chóng.*

"Dấy lên sức tinh tấn nghe pháp môn này": Nghe pháp có ba loại: Nghe bằng tai, nghe bằng tâm thức, và nghe bằng chân tâm. Kẻ căn cơ bậc hạ nghe bằng tai, như gió thoảng qua tai. Người căn cơ bậc trung chú tâm nghe, khá hiểu ý nghĩa. Người căn cơ bậc thượng nhất tâm nghe, ngộ Thật Tướng sâu xa. Nay nói "tinh tấn nghe pháp" thì chẳng phải là dùng cái tâm phan duyên để nghe pháp, mà là dùng nhất tâm để nghe.

"Nghĩ sơn, phong thủy": Sách Liên Tông Bảo Giám viết: "Học đạo trong các môn khác, như con kiến trèo lên non cao". Niệm Phật vãng sanh giống như buồm căng gió, lướt theo con nước thuận).

Tam, khích dương sanh tử phàm phu linh khởi hân yếm giả, đĩ chư chúng sanh trầm mê tự tánh, cam thọ luân hồi, khoáng kiếp chí kim, tằng vô tỉnh lệ. Cố thị khổ lạc lưỡng độ, viên khai Chiết Nhiếp nhị môn, khích chi, dương chi, tỷ hân, tỷ yếm. Thắng tâm ký phát, tịnh nghiệp tư thành.

(Diễn) Khích dương sanh tử phàm phu giả, sanh nhi tử, tử nhi sanh, vạn kiếp thiên sanh, vô hữu cùng đĩ, cố danh sanh tử phàm phu. Khích giả, khích lệ, linh nhân khởi yếm. Dương giả, cổ dương, linh nhân khởi hãn. Trầm mê tự tánh giả, mê giả, hôn mê; trầm giả, mê chi cực dã. Tự tánh, tức chú trung bình đẳng pháp môn. Do tối sơ nhất niệm vô minh, sanh khởi lục thô, tam tế, toại tánh tâm thất chân, điên đảo hành sự, luân hồi thị trung, tự thủ lưu chuyển dã. Thị khổ lạc lưỡng độ giả, vị Lạc Bang chi dữ khổ vực. Kim bảo chi dữ nê sa. Thai ngục chi vọng hoa trì. Cức lâm chi tỷ quỳnh thụ. Thành do tâm phân cấu tịnh,

kiến lưỡng độ chi thăng trầm dã. Khai Chiết Nhiếp nhị môn giả, chúng sanh đam luyến Sa Bà, Phật tắc cực ngôn Sa Bà chi khổ dĩ chiết phục chi. Chúng sanh võng tri Tịnh Độ, Phật tắc cực ngôn Tịnh Độ chi lạc dĩ nhiếp thọ chi. Thị ư niệm Phật nhất pháp, cụ Chiết Nhiếp nhị môn dã. Thắng tâm, vị dũng mãnh tâm, tinh tấn tâm. Tịnh nghiệp sở dĩ bất đắc thành tựu, giai do du du dương dương, tâm bất mãnh lợi nhĩ. Quả năng nhất nhật dụng lực, phát đại dũng mãnh, phát đại tinh tấn, công phu vô bất thành tựu. Cố vân thắng tâm ký phát, Tịnh nghiệp tư thành.

三、激揚生死凡夫令起欣厭者。以諸眾生沈迷自性。甘受輪迴，曠劫至今，曾無省勵。故示苦樂兩土，爰開折攝二門，激之揚之，俾欣俾厭，勝心既發，淨業斯成。

(演)激揚生死凡夫者，生而死，死而生。萬劫千生，無有窮已，故名生死凡夫。激者，激勵。令人起厭。揚者，鼓揚，令人起忻。沈迷自性者，迷者，昏迷；沈者，迷之極也。自性，即註中平等法門。由最初一念無明，生起六粗三細。遂性心失真，顛倒行事，輪迴是中，自取流轉也。示苦樂兩土者，謂樂邦之與苦域。金寶之與泥沙。胎獄之望華池。棘林之比瓊樹。誠由心分垢淨，見兩土之升沈也。開折攝二門者。眾生耽戀娑婆，佛則極言娑婆之苦以折伏之。眾生罔知淨土。佛則極言淨土之樂以攝受之。是於念佛一法，具折攝二門也。勝心，謂勇猛心、精進心。淨業所以不得成就，皆由悠悠揚揚，心不猛利耳。果能一日用力，發大勇猛，發大精進，工夫無不成就。故云勝心既發，淨業斯成。

(Ba là khích động hàng phàm phu sanh tử dấy lòng ưa chán. Do các chúng sanh trầm luân, mê mất tự tánh, cam chịu luân hồ, từ bao kiếp đến nay, chưa từng tỉnh ngộ, gắng sức. Vì thế, chỉ bày hai cõi khổ vui, bèn mở hai môn Chiết, Nhiếp, khích động, cổ vũ, khiến cho [chúng sanh] vui mừng và chán nhàm. Tâm thù thắng đã phát, Tịnh nghiệp bởi đó mà được thành tựu.

***Diễn**: "Khích động, cổ vũ hàng phàm phu sanh tử": Sống rồi chết, chết rồi sống, muôn kiếp vạn đời chẳng có cùng tận, nên gọi là "sanh tử phàm phu". "Khích" là khích lệ, khiến cho con người sanh lòng chán*

ngán. Dương là cổ vũ, tán dương, khiến cho con người dấy lòng hớn hở. "Trầm mê tự tánh": "Mê" là hôn mê, "trầm" là mê đến tột cùng. Tự tánh chính là pháp môn bình đẳng được nhắc tới trong lời chú giải. Do một niệm vô minh lúc thoạt đầu, mà sanh khởi sáu tướng thô, ba tướng tế, cho nên tánh tâm mất đi sự chân thật, làm việc điên đảo, luân hồi ở trong ấy, tự mình giữ lấy sự lưu chuyển.

"Chỉ bày hai cõi khổ vui": Nói tới Lạc Bang và cõi khổ sở. Vàng, chất báu và bùn, cát. Trong thai ngục ngóng về ao hoa; so sánh rừng gai góc với cây quỳnh. Đúng là do tâm chia ra nhơ và sạch, cho nên thấy có sự thăng trầm nơi hai cõi.

"Mở hai môn Chiết và Nhiếp": Chúng sanh say đắm, quyến luyến Sa Bà, đức Phật bèn cực lực nêu ra nỗi khổ trong Sa Bà để chiết phục. Chúng sanh chẳng biết Tịnh Độ, đức Phật bèn cực lực giảng về niềm vui nơi cõi Tịnh Độ để nhiếp thọ họ. Trong một pháp niệm Phật, có đủ cả hai môn Chiết và Nhiếp. Tâm thù thắng là tâm dũng mãnh, tâm tinh tấn. Sở dĩ Tịnh nghiệp chẳng thành tựu, đều là vì cái tâm lần chần, do dự, chẳng mạnh mẽ, quả quyết vậy. Nếu có thể dùng sức trong một ngày, phát đại dũng mãnh, phát đại tinh tấn, không ai chẳng thành tựu công phu. Cho nên nói: "Tâm thù thắng đã phát, Tịnh nghiệp nhờ đấy mà thành").

(Sớ) Nhược cứ bình đẳng pháp môn, phi cấu, phi tịnh, tắc hân yếm vô địa, Chiết Nhiếp hà thi? Đản kim sanh tử phàm phu, mê tâm trục cảnh, bị lịch luân hồi, đầu xuất, đầu một, cam tâm nhẫn thọ, tằng vô nhất niệm tỉnh phát phấn lệ, cầu nguyện xuất ly, nhi phục giá kỳ hân yếm, dục linh trực ngộ tự tâm. Thị do điền oa, tỉnh phụ, bất dữ chi thủy, nhi phản trách dĩ xung tiêu, chỉ ích trầm luân, ư sự hà tế? Ư thị, vô khổ lạc trung, thị khổ, thị lạc. Khổ dĩ chiết phục, lạc dĩ nhiếp thọ. Chiết tắc khích kỳ ngoan mê, nhi linh khởi yếm ly. Nhiếp tắc dương kỳ giải đãi, nhi tỷ sanh hân nhạo. Nhiên hậu, cửu tại nê đồ, thỉ hiềm ô uế, sạ văn tịnh diệu, tuấn khởi nguyện cầu. Thử đại hỏa tụ, bỉ thanh lương trì, viêm thiêu chúng sanh bất đắc bất tỵ thử, nhi xu bỉ hỹ. Phương tiện độ sanh, pháp tự ưng nhĩ. Sanh bỉ quốc dĩ, kiến Phật văn pháp, đắc Vô Sanh Nhẫn, phương ngộ thử tâm bổn lai bình đẳng.

(Diễn) Mê tâm trục cảnh giả, bất tri tâm chi bổn không. Tùng thỉ kịp chung, niệm niệm sanh diệt, thị vị mê tâm. Bất thức cảnh chi bổn tịch, tùy trục lục trần, đối cảnh tạo nghiệp, thị vị trục cảnh. Điền oa tỉnh phụ giả, Trang Tử vân: "Điền oa bất khả ngữ ư hải giả, câu ư khư dã". Dịch Kinh Tỉnh quái Hào Từ vân: "Tỉnh cốc xạ phụ". Ư Sự hà tế giả,

vị nhược thị đại bằng kim xí, bác phong cửu vạn, thủy kích tam thiên giả, khả trách dĩ xung tiêu. Điền oa, tỉnh phụ, trách chi hà ích? Nhược thị thượng căn lợi trí, tâm du vực ngoại, túc đạo đại phương giả, khả giáo trực ngộ tự tâm, sanh tử phàm phu, giáo chi hà dụng? Đắc Vô Sanh Nhẫn giả, Vô Sanh chỉ Pháp Tánh nhi ngôn. Vô thiểu pháp sanh, vô thiểu pháp diệt. Cố viết Vô Sanh. Nhẫn giả, chỉ Thỉ Giác trí ngôn. Dĩ Thỉ Giác Trí, khế Pháp Tánh Lý, tâm trung liễu liễu, thổ lộ bất xuất. Như nhẫn Sự nhân, phi hoài, phi xuất, danh Vô Sanh Nhẫn dã.

(疏)若據平等法門，非垢非淨，則欣厭無地，折攝何施？但今生死凡夫，迷心逐境，備歷輪迴，頭出頭沒，甘心忍受，曾無一念省發奮勵，求願出離，而復遮其欣厭，欲令直悟自心，是猶田蛙井鮒，不與之水，而反責以沖霄，祇益沈淪，於事何濟？於是無苦樂中。示苦示樂。苦以折伏，樂以攝受。折則激其頑迷，而令起厭離。攝則揚其懈怠，而俾生欣樂。然後久在泥塗，始嫌污穢，乍聞淨妙，浚起願求。此大火聚，彼清涼池，炎燒眾生不得不避此而趨彼矣。方便度生，法自應爾，生彼國已，見佛聞法，得無生忍，方悟此心本來平等。

(演)迷心逐境者，不知心之本空，從始洎終，念念生滅，是謂迷心。不識境之本寂。隨逐六塵，對境造業，是謂逐境。田蛙井鮒者。莊子云：田蛙不可語於海者。拘於墟也。易經井卦爻辭云：井谷射鮒。於事何濟者。謂若是大鵬金翅。搏風九萬。水激三千者。可責以沖霄。田蛙井鮒。責之何益？若是上根利智。心遊域外。足蹈大方者。可教直悟自心。生死凡夫。教之何用？得無生忍者。無生指法性而言。無少法生。無少法滅。故曰無生。忍者。指始覺智言。以始覺智。契法性理。心中了了。吐露不出。如忍事人。非懷非出。名無生忍也。

***(Sớ**: Nếu dựa trên pháp môn bình đẳng chẳng cấu, chẳng tịnh thì ưa thích và chán nhàm chẳng còn chỗ tồn tại, hai môn Chiết và Nhiếp thi thố vào đâu? Chỉ vì hàng phàm phu sanh tử trong hiện thời, mê tâm đuổi theo cảnh, trải đủ mọi nỗi luân hồi, thoạt ra, thoạt vào, cam tâm chịu đựng,*

chưa hề có một niệm phản tỉnh, phát tâm dũng mãnh, cầu nguyện thoát lìa! Thế nhưng lại ngăn lấp cái tâm ưa - chán [của họ], mà cứ muốn làm cho họ trực tiếp ngộ cái tâm, sẽ giống như chẳng ban nước cho con ếch ngoài đồng hay con cá diếc dưới giếng, lại ngược ngạo trách chúng chẳng thể tung mình vọt lên tận trời thẳm. [Hóa độ kiểu đó] chỉ càng [làm cho kẻ phàm phu sanh tử] tăng thêm trầm luân, có ích gì đâu? Do vậy, trong không có khổ và vui, bèn thị hiện khổ vui. Dùng khổ để chiết phục, dùng vui để nhiếp thọ. Chiết là khích động kẻ u mê, bướng bỉnh, khiến họ khởi lòng chán lìa. Nhiếp là cổ vũ khiến kẻ biếng nhác phấn chấn, ngõ hầu họ sẽ sanh lòng vui ưa. Sau đấy, ở trong đường bùn lầy đã lâu mới hiềm ô uế, vừa nghe sự tịnh diệu, liền hăng hái nguyện cầu. Cõi này là đống lửa lớn, cõi kia là ao thanh lương. Chúng sanh bị lửa dữ thiêu đốt, chẳng thể không tránh né nơi này, hướng về nơi kia. Phương tiện độ sanh pháp vốn là như thế. Sanh sang cõi ấy rồi, thấy Phật, nghe pháp, đắc Vô Sanh Nhẫn, mới ngộ tâm này vốn sẵn bình đẳng.

***Diễn**: Mê tâm đuổi theo cảnh, chẳng biết tâm vốn là không, từ đầu đến cuối niệm niệm sanh diệt. Đó là mê tâm. Chẳng biết cảnh vốn vắng lặng, chạy theo sáu trần, đối cảnh tạo nghiệp, thì gọi là "đuổi theo cảnh".*

"Con ếch ngoài đồng, con cá diếc trong giếng": Trang Tử nói: "Chẳng thể nói đến biển với con ếch ngoài đồng, vì nó câu nệ nơi gò đụn". Phần Hào Từ của quẻ Tỉnh trong kinh Dịch chép: "Từ miệng giếng mà bắn con cá diếc [trong giếng]" (ý nói làm chuyện không thích đáng, phí công vô ích). "Có ích gì đâu?": Nếu là đại bằng kim xí điểu [có thể] lướt gió bay cao chín vạn dặm, quẫy nước chấn động tam thiên đại thiên, sẽ có thể trách nó chẳng chịu bay vọt lên trời thẳm, chứ đối với con ếch ngoài đồng, con cá diếc trong giếng mà chê trách thì có ích gì? Nếu là bậc thượng căn lợi trí, tâm vượt ngoài cõi nước, chân giẫm khắp chốn, thì có thể dạy người ấy trực ngộ tự tâm, chứ dạy cho hạng phàm phu sanh tử thì có ích gì?

"Đắc Vô Sanh Nhẫn": Vô Sanh là nói đến pháp tánh, chẳng có chút pháp nào sanh, chẳng có chút pháp nào diệt. Vì thế nói là Vô Sanh. "Nhẫn" là nói đến Thỉ Giác Trí. Dùng Thỉ Giác Trí khế hợp Pháp Tánh Lý, trong tâm hiểu rành rẽ, nhưng chẳng thể thốt ra lời được! Như người có thể chịu đựng các sự, chẳng ôm giữ trong lòng, chẳng thốt ra miệng. Đó là Vô Sanh Nhẫn).

Tứ, hóa đạo Nhị Thừa chấp Không bất tu Tịnh Độ giả, lương dĩ sạ đắc Ngã Không, tức sanh đam trệ, văn thuyết tịnh Phật quốc độ, giáo

hóa chúng sanh, tâm bất hỷ nhạo. Cố linh hồi Tiểu hướng Đại, phát ý vãng sanh.

(Diễn) Nhị Thừa chấp Không giả, Nhị Thừa nhân đơn tu chánh quán giả, đản niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác. Kiêm tu trợ quán giả, đa do Tứ Không dĩ nhập Diệt Tận, cố giai chấp Không. Hựu phục Thanh Văn nhân, đa ư Tứ Đế trung, cư Diệt dĩ hưu, cánh bất tiền tấn, thành Triền Không chủng. Duyên Giác nhân đa ư giác minh trung, tức lập Niết Bàn, nhi bất tiền tấn, sanh bất hóa chủng. Cố đa chấp Không, bất tu Tịnh Độ giả. Tự vị dĩ đắc Niết Bàn cố, hựu phục yếm ly hữu vi cố. Sạ đắc Ngã Không giả, Không hữu tứ chủng: Nhất Nhân Không, nhị Pháp Không, tam Không Không, tứ Không Không Diệc Không. Kim đản sơ đắc Nhân Không dã. Tức sanh đam trệ giả, vị trầm không trệ tịch, đọa vô vi khanh, ẩm tam-muội tửu dã. Tịnh Phật quốc độ giáo hóa chúng sanh giả, Tịnh Danh Kinh vân: "Bồ Tát thủ ư tịnh quốc, giai vị nhiêu ích chư chúng sanh cố. Bảo Tích! Đương tri trực tâm thị Bồ Tát Tịnh Độ. Bồ Tát thành Phật thời, bất siểm chúng sanh, lai sanh kỳ quốc. Thâm tâm thị Bồ Tát Tịnh Độ, Bồ Tát thành Phật thời, cụ túc công đức chúng sanh, lai sanh kỳ quốc". Nãi chí lục độ vạn hạnh đẳng. Tâm bất hỷ nhạo giả, hướng do trước Hữu, cố thọ luân hồi. Kim đắc Nhân Không, luân hồi sạ tức, vị trước Thiên Không Niết Bàn chi lạc. Văn thuyết Bồ Tát quảng hành vạn hạnh, Tịnh Độ hóa sanh, tự nhiên bất sanh nhất niệm háo nhạo chi tâm dã.

四、化導二乘執空不修淨土者，良以乍得我空，即生耽滯。聞說淨佛國土，教化眾生，心不喜樂，故令回小向大，發意往生。

(演)二乘執空者，二乘人單修正觀者，但念空無相無作。兼修助觀者，多由四空以入滅盡，故皆執空。又復聲聞人，多於四諦中，居滅已休，更不前進，成纏空種。緣覺人多於覺明中，即立涅槃，而不前進，生不化種。故多執空、不修淨土者。自謂已得涅槃故，又復厭離有為故。乍得我空者，空有四種：一人空，二法空，三空空，四空空亦空。今但初得人空也。即生耽滯者，謂沈空滯寂，墮無為坑，飲三昧酒也。淨佛國土教化眾生者。淨名經云：菩薩取於淨國，皆為饒益諸眾生故。寶積。當知直心是菩

薩淨土，菩薩成佛時，不諂眾生來生其國。深心是菩薩淨土，菩薩成佛時，具足功德眾生來生其國。乃至六度萬行等。心不喜樂者，向由著有。故受輪迴。今得人空。輪迴乍息。味著偏空涅槃之樂。聞說菩薩廣行萬行，淨土化生，自然不生一念好樂之心也。

(Bốn là giáo hóa, hướng dẫn hàng Nhị Thừa chấp Không chẳng tu Tịnh Độ: Ấy là vì họ vừa đắc Ngã Không, bèn sanh lòng đắm chấp, vướng mắc, nghe nói đến cõi nước thanh tịnh của Phật và giáo hóa chúng sanh, lòng chẳng vui thích, cho nên [đức Phật nói kinh A Di Đà] để làm cho họ hồi Tiểu hướng Đại, dấy lên ý nguyện vãng sanh.

***Diễn**: "Nhị Thừa chấp Không": Người Nhị Thừa chỉ tu pháp chánh quán, chỉ nghĩ tới Không, Vô Tướng, Vô Tác. Người tu kèm thêm những pháp trợ quán thì phần nhiều dùng Tứ Không để nhập Diệt Tận, nên đều chấp Không. Lại nữa, hàng Thanh Văn phần nhiều ngừng nghỉ nơi Trạch Diệt Vô Vi trong Tứ Đế, chẳng còn tiến lên nữa, trở thành hạng người bị cái Không trói buộc. Hàng Duyên Giác phần nhiều tưởng giác minh là Niết Bàn, chẳng còn tiến lên nữa, trở thành chủng tánh chẳng biến đổi. Vì thế, họ phần nhiều chấp Không, chẳng tu Tịnh Độ, tự cho rằng mình đã đắc Niết Bàn, lại còn chán lìa hữu vi.*

"Vừa đắc Ngã Không": Có bốn loại Không: Một là Nhân Không, hai là Pháp Không, ba là Không Không, bốn là Không Không Cũng Là Không. Nay chỉ nói đến kẻ mới đắc Nhân Không. "Liền sanh đắm trước, vướng mắc", nghĩa là chìm đắm nơi Không, vướng mắc nơi Tịch, đọa trong hầm vô vi, uống rượu tam-muội.

"Cõi Phật thanh tịnh, giáo hóa chúng sanh": Kinh Tịnh Danh chép: "Bồ Tát giữ lấy cõi tịnh, đều nhằm lợi ích các chúng sanh. Này Bảo Tích! Hãy nên biết trực tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, những chúng sanh chẳng siểm khúc sẽ sanh về cõi Ngài. Thâm tâm là Tịnh Độ của Bồ Tát. Khi Bồ Tát thành Phật, chúng sanh đầy đủ công đức sẽ sanh về cõi Ngài". Cho đến lục độ vạn hạnh v.v...

Tâm chẳng vui thích vì còn chấp Hữu, cho nên hứng chịu luân hồi. Nay đắc Nhân Không, luân hồi vừa dứt, tham đắm niềm vui nơi Thiên Không Niết Bàn. Nghe nói Bồ Tát rộng hành muôn hạnh, Tịnh Độ hóa sanh, tự nhiên chẳng sanh một tâm niệm ưa thích nào!)

(Sớ) Sạ đắc Ngã Không giả. Tiểu Thừa đản ngộ Uẩn trung vô ngã, bất tri Uẩn diệc thị Không. Chấp cảnh vi Hữu, duy dục tỵ cảnh xu tịch. Cố văn Tịnh Độ hóa sanh, tâm bất hỷ nhạo. Như chư Thanh Văn, bất kiến Xá Na thần lực, bất dự Bồ Tát đại hội, dĩ bổn bất tán thuyết thập phương Phật sát thanh tịnh công đức cố.

(Diễn) Đản ngộ Uẩn trung vô Ngã, bất tri Uẩn diệc thị Không giả, Không hữu nhị: Nhất, Ngã Không, vị vô ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thử thị Nhị Thừa sở chứng. Nhị, Pháp Không, vị vô Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thử thị Bồ Tát sở chứng. Kim văn "Uẩn trung vô Ngã", thị Ngã Không dã. "Uẩn diệc thị Không" thị Pháp Không dã. Tiểu Thừa quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô Ngã. Cố ngộ Uẩn trung vô ngã. Nhược chiếu kiến Ngũ Uẩn giai Không, tắc thị đại Bồ Tát cảnh giới, cố bỉ bất tri. Diệc thị Không giả, dĩ Ngũ Ấm pháp, tự tánh bất sanh, tắc vô hữu diệt, bổn lai Niết Bàn cố. Như chư hạ, dẫn Hoa Nghiêm vi chứng.

(疏)乍得我空者。小乘但悟蘊中無我，不知蘊亦是空。執境為有，唯欲避境趨寂，故聞淨土化生，心不喜樂。如諸聲聞，不見舍那神力，不與菩薩大會，以本不讚說十方佛剎清淨功德故。

(演)但悟蘊中無我不知蘊亦是空者，空有二：一、我空，謂無我、人、眾生、壽者，此是二乘所證。二、法空，謂無色受想行識，此是菩薩所證。今文蘊中無我，是我空也；蘊亦是空，是法空也。小乘觀身不淨，觀受是苦，觀心無常，觀法無我，故悟蘊中無我。若照見五蘊皆空，則是大菩薩境界，故彼不知。亦是空者，以五陰法，自性不生，則無有滅，本來涅槃故。 如諸下。引華嚴為證。

*(**Sớ**: "Vừa đắc Ngã Không": Tiểu Thừa chỉ ngộ vô ngã trong Uẩn, chẳng biết Uẩn cũng là Không. Chấp cảnh là Có, chỉ muốn tránh né cảnh, hướng về vắng lặng, nên nghe đến chuyện hóa sanh trong Tịnh Độ, tâm chẳng vui ưa. Như các Thanh Văn chẳng thấy thần lực của Lô Xá Na Phật, chẳng dự đại hội của Bồ Tát, vì họ vốn chẳng khen nói công đức thanh tịnh của mười phương cõi Phật.*

***Diễn**: "Chỉ ngộ vô ngã trong Uẩn, chẳng biết Uẩn cũng là Không": Không có hai thứ: Một là Ngã Không, tức là không có ta, người, chúng sanh, thọ giả; đây là điều được chứng bởi hàng Nhị Thừa. Hai là Pháp*

Không, tức là không có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành và Thức; đây là sở chứng của Bồ Tát. Câu "trong Uẩn không có Ngã" trong đoạn văn này chính là Ngã Không. Câu "Uẩn cũng là Không" chính là Pháp Không.

Tiểu Thừa quán thân bất tịnh, quán thọ là khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã; cho nên ngộ "trong Uẩn không có Ngã". Nếu chiếu kiến Ngũ Uẩn đều là Không thì đó là cảnh giới của bậc đại Bồ Tát, cho nên họ (những người Tiểu Thừa) chẳng biết.

"Cũng là Không": Do tự tánh của pháp Ngũ Ấm chẳng sanh, nên chẳng có diệt, vốn là Niết Bàn. Từ chữ "như các vị Thanh Văn" trở đi, dẫn kinh Hoa Nghiêm để làm chứng).

(Sớ) Cổ vị: "Tiểu Thừa vô tha Phật chi thuyết, đại giáo hữu sát hải chi đàm". Tư danh độc thiện chi lưu, diệc hiệu Độn A La Hán. Thị dĩ giáo linh hồi đoạn diệt tâm, tu Tịnh Độ hạnh; nãi tri chư Phật, Bồ Tát, bi trí hạnh nguyện, như thị quảng đại, như thị vô tận, tâm bất ngại cảnh, cảnh bất ngại tâm. Nhất thiết chư pháp, bổn tánh tự không, chung nhật độ sanh, chung nhật vô độ, nhi đơn tu Thiền Định, bất nguyện vãng sanh, thị vi đại thất hỹ.

(Diễn) Cổ vị hạ, dẫn cổ ngữ vi chứng. Vô tha Phật chi thuyết giả, Tiểu Thừa đản tri hữu Thích Ca, bất tri thập phương chư Phật. Thử cú ảnh lược Đại giáo hữu tha phương chư Phật. Hữu sát hải chi đàm giả, như Hoa Tạng Thế Giới phẩm, hữu thập bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới chủng. Nhất nhất thế giới chủng, hữu nhị thập chủng vô tận thế giới. Thử cú ảnh lược Tiểu Thừa duy tri hữu Sa Bà. Chư Phật, Bồ Tát cụ tam duyên bi, tứ chủng trí, Niết Bàn ngũ hạnh, vô tác tứ hoằng. Cố vi quảng đại vô tận, tâm tức cảnh, cố bất ngại cảnh. Cảnh tức tâm, cố bất ngại tâm. Lăng Nghiêm vân: "Kiến dữ Kiến duyên, tịnh sở tưởng tướng, như hư không hoa, bổn vô sở hữu. Cố vân bổn tánh tự không". Nhất thiết chư pháp, bất xuất Sắc, Tâm nhị chủng. Kim chúng sanh thị Sắc pháp, độ sanh thị tâm pháp. Ký nhất thiết tự không, khởi phi chung nhật độ sanh, chung nhật vô độ? "Nãi tri" nhị tự, trực quán chí "chung nhật vô độ". Trung hữu lưỡng tiết, "chư Phật Bồ Tát" tứ cú, ứng thượng văn "Tịnh Độ hóa sanh, tâm bất hỷ nhạo". "Tâm bất ngại cảnh" lục cú, ứng thượng văn "chấp cảnh vi hữu, duy dục tỵ cảnh xu tịch". Đại suất Tiểu Thừa bệnh căn, "chỉ tại đản ngộ Uẩn trung Vô Ngã, bất tri Uẩn diệc thị Không" lưỡng cú. Cố duy tri sở chứng vi cực, bất phục tri hữu Đại Thừa diệu dụng, văn Tịnh Độ hóa sanh, tự tâm bất hỷ nhạo dã. Kim nhật hồi tâm, nãi tri Đại Thừa diệu dụng như thị quảng đại,

như thị vô tận nhĩ. Dĩ bất tri Uẩn diệc thị Không, cố bất tri nhất thiết phù trần huyễn hóa, đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận. Toại chấp cảnh vi hữu; duy dục tỵ cảnh xu tịch dã. Kim nhật hồi tâm, nãi tri bổn bất tương ngại, đương thể toàn không, độ nhi vô độ nhĩ.

(疏)古謂：小乘無他佛之說，大教有剎海之談。斯名獨善之流，亦號鈍阿羅漢，是以教令回斷滅心，修淨土行。乃知諸佛菩薩，悲智行願，如是廣大，如是無盡，心不礙境，境不礙心。一切諸法，本性自空，終日度生，終日無度，而單修禪定，不願往生，是為大失矣。

(演)古謂下，引古語為證。無他佛之說者，小乘但知有釋迦，不知十方諸佛，此句影略大教有他方諸佛。有剎海之談者。如華藏世界品。有十不可說佛剎微塵數世界種。一一世界種有二十種無盡世界。此句影略小乘唯知有娑婆。諸佛菩薩，具三緣悲。四種智。涅槃五行。無作四宏。故為廣大無盡。心即境，故不礙境。境即心，故不礙心。楞嚴云：見與見緣，並所想相，如虛空花，本無所有，故云本性自空。一切諸法，不出色心二種。今眾生，是色法，度生，是心法，既一切自空，豈非終日度生，終日無度？乃知二字。直貫至終日無度，中有兩節，諸佛菩薩四句，應上文淨土化生，心不喜樂；心不礙境六句，應上文執境為有，唯欲避境趨寂。大率小乘病根，只在但悟蘊中無我。不知蘊亦是空兩句。故唯知所證為極，不復知有大乘妙用。聞淨土化生，自心不喜樂也。今日回心，乃知大乘妙用，如是廣大，如是無盡爾。以不知蘊亦是空，故不知一切浮塵幻化，當處出生，隨處滅盡。遂執境為有。唯欲避境趨寂也。今日回心，乃知本不相礙，當體全空，度而無度耳。

*(**Sớ**: Cổ nhân nói: "Tiểu Thừa không nói đến vị Phật nào khác, giáo pháp Đại Thừa bàn đến sát hải". Hạng người này được gọi là "hạng người chỉ biết tốt lành cho riêng mình", còn gọi là Độn Căn A La Hán, cho nên phải dạy cho họ xoay cái tâm đoạn diệt lại mà tu Tịnh Độ hạnh. Do vậy biết bi, trí, hạnh nguyện của chư Phật, Bồ Tát rộng lớn như thế,*

vô tận như thế, tâm chẳng ngại cảnh, cảnh chẳng ngại tâm. Hết thảy các pháp, bổn tánh của chúng tự rỗng không, suốt ngày độ sanh mà suốt ngày chẳng độ. Chỉ tu Thiền Định, chẳng nguyện vãng sanh, sẽ bị mất mát to lớn vậy.

***Diễn**: Từ từ ngữ "cổ nhân nói" trở đi, dẫn lời người xưa để làm chứng. "Không nói đến những đức Phật khác": Tiểu Thừa chỉ biết có Phật Thích Ca, chẳng biết đến mười phương chư Phật. Câu này nói đại lược: Theo giáo pháp Đại Thừa, có chư Phật ở các phương khác. "Có bàn đến sát hải": Như trong phẩm Hoa Tạng Thế Giới [của kinh Hoa Nghiêm], có các thế giới chủng số lượng nhiều bằng số vi trần trong mười bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi một thế giới chủng có hai mươi thứ thế giới vô tận. Câu này nói đại lược: Tiểu Thừa chỉ biết có Sa Bà.*

Chư Phật, Bồ Tát có ba thứ duyên bi, bốn loại trí, năm hạnh Niết Bàn, bốn hoằng thệ nguyện vô tác. Cho nên là rộng lớn vô tận. Tâm chính là cảnh, nên chẳng ngại cảnh. Cảnh chính là tâm, nên chẳng ngại tâm. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Kiến và Kiến Duyên đều là tướng được tưởng, giống như hoa đốm trên hư không, vốn vô sở hữu, nên nói bổn tánh tự không".

Hết thảy các pháp chẳng ngoài hai thứ Sắc và Tâm, nay chúng sanh là Sắc pháp, độ sanh là Tâm pháp. Hết thảy đã là tự không, há chẳng phải là suốt ngày độ sanh, mà suốt ngày chẳng độ ư? Hai chữ "bèn biết" xuyên suốt cho đến câu "suốt ngày chẳng độ".

Trong phần này, có hai tiểu đoạn. Bốn câu "chư Phật, Bồ Tát..." tương ứng với đoạn "Tịnh Độ hóa sanh, tâm chẳng vui thích" trong phần trên. Sáu câu như "tâm chẳng ngại cảnh" v.v... tương ứng với đoạn "chấp cảnh là có, chỉ muốn tránh cảnh, hướng về vắng lặng" trong phần trên. Nói chung, gốc bệnh của Tiểu Thừa là chỉ ngộ Uẩn là Vô Ngã, chẳng biết hai câu "Uẩn cũng là Không"... Vì thế, [hàng Tiểu Thừa] chỉ biết sở chứng [của chính mình] là tột cùng, chẳng biết còn có diệu dụng trong Đại Thừa, [cho nên] nghe chuyện hóa sanh trong cõi Tịnh Độ, tự tâm chẳng vui thích. Ngày nay hồi tâm, mới biết diệu dụng của Đại Thừa rộng lớn như thế, vô tận như thế. Do chẳng biết Uẩn cũng là Không, nên chẳng biết hết thảy phù trần huyễn hóa "xuất sanh ở nơi đâu, sẽ diệt tận ở nơi đó", bèn chấp cảnh là Có, chỉ muốn tránh né cảnh, hướng đến vắng lặng. Ngày nay hồi tâm, mới biết tâm và cảnh vốn chẳng trở ngại lẫn nhau, bản thể của chúng hoàn toàn là Không, cho nên độ [chúng sanh] mà chẳng độ).

Ngũ, miễn tấn Sơ Tâm Bồ Tát thân cận Như Lai giả, Sơ Phát Tâm Bồ Tát đại tâm tuy kiến, thắng nhẫn vị thành. Sở vị: Nhược vũ chỉ khả triền chi, anh nhi do ưng bàng mẫu. Nhập Chánh Định Tụ, thân bỉ Thế Tôn, phương đắc Nhẫn chứng Vô Sanh, chung thành Phật quả. Thừa đại nguyện phiệt, khổ hải độ sanh. Như Trí Luận trung thuyết: "Thả phù lục tâm đọa lạc, trần kiếp Thanh Văn, ngư tử, Am La, túc vi minh kính". Cố tri niệm Phật, Bồ Tát chi phụ, sanh dục Pháp Thân. Nãi chí Thập Địa thỉ chung, bất ly niệm Phật, hà đắc sơ tâm tự túc, bất nguyện vãng sanh?

(Diễn) Sơ Tâm Bồ Tát hữu tứ giáo bất đồng. Tạng Thông lưỡng giáo Bồ Tát, nãi chí Biệt Giáo Sơ Địa dĩ tiền, Viên Giáo Sơ Trụ dĩ tiền giai thị. Hà dĩ cố? Quán Kinh Thượng Thượng phẩm phương chứng Sơ Địa. Thử Sơ Địa giả, Viên Sơ Trụ dã. Tắc thử Sơ Tâm Bồ Tát, thị Biệt Viên Địa Trụ dĩ tiền giai thị tự khả tưởng kiến. Hựu phục Khởi Tín Luận, Thập Tín vị nhân, cụ tín tâm nan tựu, đương cầu sanh Tịnh Độ, cập tín tâm thành tựu, nhi vị tín thành phát tâm, nãi thị tam tâm viên phát, chánh thị Viên Giáo Sơ Trụ. Tắc thử Sơ Tâm Bồ Tát, thị Biệt Viên Địa Trụ dĩ tiền giai thị, cánh khả tưởng kiến. Biệt Viên ký như thử, Tạng Thông ích khả tri. Đại tâm tuy kiến giả, Sơ Phát Tâm Bồ Tát, thượng cầu Phật quả, hạ hóa chúng sanh, bất đồng Nhị Thừa, bất cầu Phật đạo, bất giáo chúng sanh cố. "Thắng Nhẫn vị thành": Thắng Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn dã. Sơ Tâm Bồ Tát, phiền não vị trừ, vô minh vị phá, vị chứng Vô Sanh lý cố. Chánh Định Tụ, chỉ Cực Lạc thế giới thuyết. Dĩ bỉ độ nhân, giai hữu định lực, bất thoái chuyển cố. Nhược luận đoạn Hoặc, tắc tín thành tựu phát tâm giả, phương danh nhập Chánh Định Tụ. Bỉ độ duy Thượng Phẩm Thượng Sanh giả thị dã. Nhẫn chứng Vô Sanh cú, thị đảo ngữ pháp. Dĩ Pháp Nhẫn hữu tam chủng: Nhất giả, Âm Hưởng Nhẫn; nhị giả, Nhu Thuận Nhẫn; tam giả, Vô Sanh Nhẫn. Kim vị sở chứng chi Nhẫn, nãi thị Vô Sanh dã. Thả phù lục tâm hạ, vị nhược bất cầu sanh Tịnh Độ, tiện dục khổ hải độ sanh, tắc hữu Xá Lợi đẳng chi phúc triệt khả giám dã. Tự túc giả, Sơ Tâm Bồ Tát tất các hữu sở đắc, vãng vãng tựu sở đắc xứ, tự sanh mãn túc, tức như Viên nhân thập tín mãn tâm, thượng hữu đảnh đọa chi bệnh. Thị tri tự túc lưỡng tự thị sơ tâm mạng căn, cố thử đặc vị chỉ xuất.

五、勉進初心菩薩親近如來者，初發心菩薩 ，大心雖建，勝忍未成，所謂弱羽止可纏枝，嬰兒猶應傍母，入正定聚，親彼世尊，方得忍證無生，終成佛果。乘大願筏，

苦海度生。如智論中說：且夫六心墮落，塵劫聲聞，魚子菴羅，足為明鏡。故知念佛。菩薩之父。生育法身。乃至十地始終。不離念佛。何得初心自足。不願往生？

(演)初心菩薩有四教不同。藏通兩教菩薩，乃至別教初地以前，圓教初住以前皆是。何以故？觀經上上品方登初地。此初地者，圓初住也。則此初心菩薩，是別圓地住以前皆是自可想見。又復起信論，十信位人，懼信心難就，當求生淨土。及信心成就，而為信成發心，乃是三心圓發，正是圓教初住。則此初心菩薩，是別圓地住以前皆是，更可想見。別圓既如此，藏通益可知。大心雖建者，初發心菩薩，上求佛果，下化眾生，不同二乘，不求佛道，不教眾生故。勝忍未成，勝忍，無生法忍也。初心菩薩，煩惱未除，無明未破，未證無生理故。正定聚，指極樂世界說。以彼土人。皆有定力，不退轉故。若論斷惑，則信成就發心者，方名入正定聚，彼土唯上品上生者是也。忍證無生句，是倒語法。以法忍有三種，一者音響忍，二者柔順忍，三者無生忍。今謂所證之忍，乃是無生也。且夫六心下，謂若不求生淨土，便欲苦海度生，則有舍利等之覆轍可鑑也。自足者。初心菩薩。必各有所得。往往就所得處。自生滿足。即如圓人十信滿心。尚有頂墮之病。是知自足兩字是初心病根。故此特為指出。

(Năm là khuyên lơn, khích lệ hàng Sơ Tâm Bồ Tát thân cận Như Lai. Sơ Phát Tâm Bồ Tát tuy đã kiến lập đại tâm, nhưng Nhẫn thù thắng chưa thành. Như thường nói: "[Chim non] lông cánh yếu ớt, chỉ có thể chuyền cành, trẻ thơ phải ở cạnh mẹ". Nhập Chánh Định Tụ, thân cận đức Thế Tôn kia thì mới chứng Vô Sanh Nhẫn, rốt cuộc thành tựu quả Phật, nương bè đại nguyện độ chúng sanh trong biển khổ. Như trong Trí Độ Luận nói: "Ôi! Đã đạt Lục Trụ mà còn đọa lạc, làm Thanh Văn trong số kiếp nhiều như vi trần! Cá con, hoa xoài, đủ làm gương sáng". Vì thế, biết niệm Phật là cha của Bồ Tát, sanh thành Pháp Thân; cho đến Thập Địa từ đầu đến cuối chẳng lìa niệm Phật! Hàng Sơ Tâm há có nên tự cho là đủ, chẳng nguyện vãng sanh ư?

***Diễn**: Sơ Tâm Bồ Tát chia thành tứ giáo khác nhau. Hàng Bồ Tát trong Tạng Giáo và Thông Giáo, cho đến người chưa chứng đắc Sơ Địa trong Biệt Giáo và kẻ chưa chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo đều là [hàng Sơ Tâm Bồ Tát]. Vì sao? Theo Quán Kinh, bậc Thượng Thượng phẩm [vãng sanh] mới chứng Sơ Địa. Địa vị Sơ Địa này là địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo thì chính là Sơ Tâm Bồ Tát [được nói đến] ở đây. Đối với các địa vị trước khi chứng được Sơ Địa trong Biệt Giáo, hay Sơ Trụ trong Viên Giáo, đều có thể tự suy nghĩ mà biết.*

Lại nữa, theo Khởi Tín Luận, hàng Thập Tín Bồ Tát sợ tín tâm khó thành tựu, hãy nên cầu sanh về Tịnh Độ. Đến khi tín tâm thành tựu, do lòng tin đã thành tựu, bèn phát tâm. Ba tâm đều phát trọn vẹn, chính là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Tức là những người chưa đạt đến Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc chưa đạt đến Sơ Trụ trong Viên Giáo thì đều là Sơ Tâm Bồ Tát. [Biệt Giáo và Viên Giáo đã là như thế], càng biết rõ [những địa vị Bồ Tát trong] Tạng Giáo và Thông Giáo [đều là Sơ Tâm Bồ Tát].

"Đại tâm tuy đã lập": Sơ Phát Tâm Bồ Tát trên cầu Phật quả, dưới hóa độ chúng sanh, không giống như Nhị Thừa 'chẳng cầu Phật đạo, chẳng giáo hóa chúng sanh'.

"Thắng Nhẫn chưa thành": Thắng Nhẫn là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Sơ Tâm Bồ Tát chưa trừ phiền não, chưa phá vô minh, chưa chứng lý Vô Sanh.

"Chánh Định Tụ" là nói thế giới Cực Lạc. Vì người trong cõi ấy đều có định lực, cho nên chẳng thoái chuyển. Nếu luận định về đoạn Hoặc, người lòng tin thành tựu, phát tâm, thì mới được gọi là "nhập Chánh Định Tụ". Trong cõi ấy (cõi Cực Lạc) chỉ có bậc Thượng Phẩm Thượng Sanh mới là như vậy.

Câu "Nhẫn chứng Vô Sanh" viết theo lối đảo ngữ. Do Pháp Nhẫn có ba thứ: Một là Âm Hưởng Nhẫn, hai là Nhu Thuận Nhẫn, ba là Vô Sanh Nhẫn. Nay nói đến Pháp Nhẫn đã chứng thì chính là Vô Sanh vậy. Từ câu "đã đạt Lục Trụ " trở xuống, ý nói: Nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ mà cứ muốn độ chúng sanh trong biển khổ, vết xe đổ của các vị như Xá Lợi Phất v.v... đủ để làm gương.

"Tự cho là đủ": Sơ Tâm Bồ Tát ắt mỗi vị có sở đắc riêng. Thường là họ đối với sở đắc bèn sanh lòng cho là đã đủ lắm rồi! Ngay như trong Viên Giáo, kẻ đã viên mãn tâm Thập Tín, vẫn có kẻ mắc bệnh cao ngạo, khiến họ bị đọa lạc. Do vậy, biết hai chữ "tự túc" (tự cho là đủ) chính là gốc bệnh của bậc Sơ Tâm. Vì thế, đặc biệt chỉ ra điều này).

(Sớ) Trí Luận vân: "Cụ phược phàm phu, hữu đại bi tâm, dục sanh ác thế cứu khổ chúng sanh, vô hữu thị xứ". Hà dĩ cố? Phiền não cường cố, vị đắc Nhẫn lực, tâm tùy cảnh chuyển, thanh sắc sở phược, tự đọa tam đồ, yên năng cứu bỉ? Giả linh đắc sanh nhân trung, thánh đạo nan đắc, dĩ Thí Giới phước lực, hoặc tác vương thần, phú quý tự tại, túng ngộ tri thức, bất khẳng tín tùng, hoang mê phóng dật, quảng tác chúng tội, diêu thử đọa lạc.

(Diễn) Chú trung tam dẫn Trí Luận văn tự, tự cụ phược phàm phu chí do thử đọa lạc vi đệ nhất đoạn; thị tổng chứng miễn tấn toàn văn chi ý. "Cụ phược" phược tự, thị nội vị phiền não sở phược. "Thanh sắc sở phược" phược tự, thị ngoại vị lục trần sở phược. Vị đắc Nhẫn lực, thanh sắc sở phược giả. Đắc Nhẫn Bồ Tát, thị sắc như manh, văn thanh như lung. Sở vị "bách hoa tùng lý quá, nhất vật bất triêm thường". Bàng Công vân: "Đản tự vô tâm ư vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiễu. Thiết ngưu bất phạ sư tử hống, kháp tự mộc nhân khán hoa điểu", kim bất nhiên dã.

(疏)智論云：具縛凡夫 ，有大悲心 ，欲生惡世救苦眾生，無有是處。何以故？煩惱強故，未得忍力，心隨境轉，聲色所縛，自墮三途，焉能救彼？假令得生人中，聖道難得，以施戒福力，或作王臣，富貴自在，縱遇知識，不肯信從，荒迷放逸，廣作眾罪，繇此墮落。

(演)註中三引智論文字。自具縛凡夫至由此墮落為第一段。是總證勉進全文之意。具縛縛字，是內為煩惱所縛；聲色所縛縛字，是外為六塵所縛。未得忍力聲色所縛者，得忍菩薩，視色如盲，聞聲如聾，所謂百花叢裡過，一物不沾裳。龐公云：但自無心於萬物，何妨萬物常圍繞。鐵牛不怕獅子吼，恰似木人看花鳥。今不然也。

(***Sớ***: *Trí Độ Luận chép: "Phàm phu đầy dẫy phiền não, có tâm đại bi, muốn sanh vào đời ác để cứu khổ chúng sanh, chẳng thể có lẽ ấy!" Vì sao vậy? Do phiền não mạnh mẽ, chưa đắc Nhẫn lực, tâm bị chuyển theo cảnh, bị thanh sắc ràng buộc, tự đọa trong tam đồ, làm sao có thể cứu người khác cho được?*

Nếu được sanh trong loài người, khó đắc thánh đạo, do phước lực của bố thí và trì giới, cho nên làm vua hay quan, phú quý tự tại, dẫu gặp

gỡ tri thức, chẳng chịu tin theo! Hoang đàng, mê muội, buông lung, rộng tạo các tội; do vậy bị đọa lạc.

***Diễn**: Trong lời chú giải, ba lượt trích dẫn văn tự của Trí Độ Luận [để chứng minh]. Từ "phàm phu đầy dẫy phiền não" cho đến "do vậy bị đọa lạc" nhằm chứng minh chung ý nghĩa "khích lệ, sách tấn" trong toàn bộ đoạn văn. Chữ Phược trong câu "cụ phược" (đầy dẫy phiền não) là bên trong thì bị phiền não trói buộc. Chữ Phược trong câu "thanh sắc sở phược" là bên ngoài thì bị sáu trần trói buộc.*

"Chưa đắc Nhẫn lực, bị thanh sắc buộc ràng": Bậc Bồ Tát đắc Nhẫn thấy sắc như mù, nghe tiếng như điếc, đó gọi là "vượt qua rừng trăm hoa, chẳng vật gì dính áo".

Ông Bàng Long Uẩn nói: "Chỉ cần vô tâm đối với vạn vật thì vạn vật thường vây quanh há có trở ngại gì? Trâu sắt chẳng sợ sư tử rống, hệt như người gỗ ngắm hoa, chim". Nay [hàng Sơ Tâm Bồ Tát] chẳng được như vậy).

(Sớ) Hựu dụ nhị nhân cứu nịch. Trực nhập thủy cứu, bỉ thử câu nịch. Hữu phương tiện giả, vãng thủ thuyền phiệt, thừa chi cứu tiếp, giai đắc miễn nạn. Tân phát ý Bồ Tát diệc phục như thị, yếu tu cận Phật, đắc Vô Sanh Nhẫn dĩ, phương năng khổ hải cứu độ chúng sanh, như đắc thuyền giả.

(Diễn) Tự hựu dụ nhị nhân cứu nịch chí như đắc thuyền giả, vi đệ nhị đoạn. Thị biệt chứng chánh văn thừa đại nguyện thuyền nhị cú.

(疏)又喻二人救溺。直入水救，彼此俱溺。有方便者，往取船筏，乘之救接，皆得免難。新發意菩薩，亦復如是，要須近佛，得無生忍已，方能苦海救度眾生，如得船者。

(演)自又喻二人救溺至如得船者，為第二段。是別證正文乘大願船二句。

*(**Sớ**: Lại nữa, ví như hai người cứu kẻ chết đuối. [Người thứ nhất] nhảy thẳng xuống nước để cứu, đôi bên cùng chết đuối. Kẻ có phương tiện bèn lấy thuyền, bè, chèo ra tiếp cứu, [đôi bên] đều thoát nạn. Tân phát ý Bồ Tát cũng giống như thế, cần phải thân cận Phật, đắc Vô Sanh Nhẫn rồi thì mới có thể cứu độ chúng sanh trong biển khổ giống như kẻ có thuyền.*

***Diễn**: Từ "lại nữa, ví như hai người cứu kẻ chết đuối" đến "như kẻ có thuyền" là đoạn thứ hai, nhằm chứng minh riêng cho hai câu "nương thuyền đại nguyện…" trong chánh văn).*

(Sớ) Hựu vân, thí như anh nhi ly mẫu, hoặc đọa khanh tỉnh, hoặc khát nhũ tử. Hựu như nhược vũ, chỉ khả y thụ triền chi. Xí cách thành tựu, phương năng phi không tự tại vô ngại. Phàm phu vô lực, duy ưng chuyên niệm A Di Đà Phật, sử thành tam-muội. Lâm chung chánh niệm, quyết định vãng sanh, kiến Phật đắc Nhẫn, hoàn lai tam giới cứu độ chúng sanh.

(Diễn) Tự "hựu vân thí như anh nhi" chí "cứu độ chúng sanh" vi đệ tam đoạn, thị biệt chứng chánh văn "nhược vũ triền chi" nhị cú. "Phàm phu vô lực" hạ, đương song hiệp nhị dụ. Vị nhược ly Di Đà, hoặc đọa tam đồ khanh tỉnh, hoặc khát pháp nhũ nhi vong. Hựu nhược cận Di Đà, y Tịnh Độ chi thụ chi, thành Vô Sanh chi xí cách, phương năng phi tam giới chi không, tự tại vô ngại dã.

(疏)又云譬如嬰兒離母，或墮坑井 ，或渴乳死 。又如弱羽，祇可依樹纏枝，翅翮成就，方能飛空自在無礙。凡夫無力。唯應專念阿彌陀佛，使成三昧，臨終正念，決定往生，見佛得忍，還來三界救度眾生。

(演)自又云譬如嬰兒至救度眾生為第三段。是別證正文弱羽纏枝二句。凡夫無力下，當雙合二喻。謂若離彌陀，或墮三途坑井，或渴法乳而亡。又若近彌陀。依淨土之樹枝，成無生之翅翮，方能飛三界之空，自在無礙也。

*(**Sớ**: Lại nói, ví như trẻ thơ rời mẹ hoặc là té xuống hầm, giếng, hoặc chết vì khát sữa. Lại như [chim non] lông vũ yếu ớt (cánh chưa mọc đủ lông), chỉ có thể men theo cành; lông cánh đã phát triển trọn vẹn thì mới có thể bay trên không trung tự tại vô ngại. Phàm phu không có sức, chỉ nên chuyên niệm A Di Đà Phật, khiến cho tam-muội thành tựu, lâm chung chánh niệm, quyết định vãng sanh, thấy Phật, đắc Nhẫn, trở lại tam giới cứu độ chúng sanh.*

***Diễn**: Từ "lại nói, ví như trẻ thơ" cho đến "cứu độ chúng sanh" là đoạn thứ ba, nhằm chứng minh riêng cho hai câu "lông vũ yếu ớt chuyền cành" trong chánh văn. Từ "phàm phu vô lực" trở đi, hãy nên kết hợp hai tỷ dụ lại [để hiểu]. Nghĩa là nếu lìa Phật Di Đà, sẽ đọa trong hầm hố tam*

đồ, hoặc khát sữa pháp mà chết. Nếu lại thân cận Di Đà, nương theo cành cây Tịnh Độ, [cho đến khi] thành tựu lông cánh Vô Sanh rồi thì mới có thể bay lên hư không tam giới tự tại vô ngại).

(Sớ) Chánh Định Tụ giả, giản dị tà định, bất định. Dĩ phàm phu, tà, ngoại dĩ định, Sơ Tâm tiến thoái vị định. Kim sanh An Dưỡng, vô luận cao hạ, giai bất thoái chuyển cố. Tụ giả, hội dã, tức văn trung "chư thượng thiện nhân" chi hội. Kim vị nhập thử tụ trung, kiến Phật văn pháp cố. Lục tâm đọa lạc giả, Thân Tử phát Bồ Tát tâm, dĩ chứng Biệt Giáo Lục Trụ. Nhân phùng khất nhãn, toại thoái đại tâm, trầm luân ngũ đạo.

(Diễn) Dĩ chứng Lục Trụ giả, Biệt Giáo Thất Trụ phương danh Bất Thoái. Kim chỉ chứng đệ lục, cố thượng hữu thoái duyên. Nhân phùng khất nhãn giả, Thân Tử nhân trung phát Đại Thừa tâm, nhân Thiên Đế hóa tác Bà La Môn, vị chi khất nhãn, Thân Tử dữ chi, Bà La Môn tức khí địa tiễn đạp. Do thị thoái thất đại tâm.

(疏)正定聚者，揀異邪定不定 。以凡夫邪外已定 。初心進退未定。今生安養，無論高下，皆不退轉故。聚者會也，即文中諸上善人之會。今謂入此聚中。見佛聞法故。六心墮落者。身子發菩薩心。已證別教六住。因逢乞眼，遂退大心，沈淪五道。

(演)已證六住者，別教七住方名不退，今止證第六，故尚有退緣。因逢乞眼者，身子因中發大乘心，因天帝化作婆羅門，為之乞眼，身子與之，婆羅門即棄地踐踏，由是退失大心。

*(**Sớ**: "Chánh Định Tụ" nhằm phân biệt [Định này] khác với tà định và bất định. Do phàm phu, kẻ tà kiến và ngoại đạo đã có thể chắc chắn [thuộc về tà định tụ hay bất định tụ], nhưng hàng Sơ Tâm tiến lùi bất định. Nay [những người] sanh về An Dưỡng, bất luận [phẩm vị] cao hay thấp đều là bất thoái chuyển. "Tụ" là họp lại, tức là các vị thượng thiện nhân nhóm họp lại như trong kinh văn đã nói. Nay nói "nhập trong Tụ ấy" là do thấy Phật, nghe pháp. "Bậc Lục Trụ đọa lạc": Ngài Xá Lợi Phất phát Bồ Tát tâm, đã chứng địa vị Lục Trụ trong Biệt Giáo. Do gặp kẻ xin mắt, bèn thoái thất đại tâm, trầm luân trong năm đường.*

***Diễn**: "Đã chứng Lục Trụ": Thất Trụ trong Biệt Giáo thì mới gọi là Bất Thoái, nay [ngài Xá Lợi Phất] chỉ chứng Lục Trụ, cho nên còn có duyên thoái thất. "Do gặp kẻ xin mắt": Ngài Thân Tử (Xá Lợi Phất) trong lúc tu nhân, phát tâm Đại Thừa. Do Thiên Đế hóa làm Bà La Môn xin thí mắt, ngài Thân Tử tặng cho, Bà La Môn liền vứt xuống đất, giày xéo. Do vậy, ngài Thân Tử thoái thất đại tâm).*

(Sớ) Trần kiếp Thanh Văn giả, hữu ư Đại Thông Phật thế phát tâm, giai nhân thoái Đại, trần điểm kiếp lai, đọa Thanh Văn vị. Cố kinh vân: "Ngư tử, Am La hoa, Bồ Tát sơ phát tâm, tam sự nhân trung đa, cập kỳ kết quả thiểu". Dẫn thử dĩ minh Sơ Tâm Bồ Tát, do nghi thân cận Như Lai, đắc sở y quy, chung vô thoái chuyển cố. Bồ Tát phụ giả, Hoa Nghiêm thập nhất kinh, Oai Quang đồng tử đổ Như Lai tướng, hoạch thập chủng ích, thủ vân: "Đắc Niệm Phật tam-muội, danh Vô Biên Hải Tạng môn". Sớ vị: "Dĩ Niệm Phật tam-muội, Bồ Tát chi phụ, cố thủ minh chi. Lương diêu Bồ Tát dĩ phương tiện vi phụ, niệm Phật tức Chân thiệp Sự, thị phương tiện cố". Hựu niệm Phật thành Phật, thị thân chủng cố.

(Diễn) Đổ tướng hoạch ích giả, Hoa Nghiêm vân: Đại Oai Quang thái tử, đổ Ba La Mật Thiện Nhãn Trang Nghiêm Vương Như Lai thành Chánh Giác, hoạch thập chủng ích. Thủ tự Niệm Phật tam-muội, danh Vô Biên Hải Tạng môn, chung chí đắc trí quang minh, danh Nhất Thiết Phật Pháp Thanh Tịnh Tạng. Dĩ thế nhân quán đức nhân chi dung, thượng năng ý tiêu, huống kiến Phật diệu tướng, ninh bất đắc ích dã. Lương do hạ, thị minh dĩ niệm Phật vi phụ. Cái hữu nhị nghĩa: Nhất phương tiện nghĩa, nhị thân chủng nghĩa. Phương tiện giả, Tịnh Danh vân: "Trí Độ Bồ Tát mẫu, phương tiện dĩ vi phụ". Nhi kim tức dĩ diệu tâm, duyên lịch danh hiệu, chánh thị tối thắng phương tiện, cố vi phụ dã. Thân chủng giả, thân truyền, chân chủng. Nhi kim tức niệm bỉ Phật, thành ngã tự Phật, tức niệm bổn Phật, thành kim thỉ Phật, chánh thị thân truyền, chân chủng, cố vi phụ dã. Tức Chân thiệp Sự giả, niệm thể bổn Không, tắc niệm xứ tức Chân, bất phương niệm Phật, tắc bất ngại thiệp Sự. Tức Chân nhi bất thiệp Sự, thị Lý phi phương tiện. Thiệp Sự nhi bất tức Chân, thị hữu vi chi pháp, dữ vô vi cách, diệc phi phương tiện. Kim tức Chân nhi phục thiệp ư Sự, thị danh phương tiện dã. Hựu phục Chân vị chân lý, Sự vị niệm Phật. Tức Chân thiệp Sự giả, vị tuy tức quán Lý, nhi lịch niệm Phật, Sự dã. Thử ư phụ pháp thác Sự tùng hành, tam chủng Quán trung, chánh thị tùng hành lịch Sự quán Lý dã.

(疏)塵劫聲聞者，有於大通佛世發心，皆因退大，塵點劫來，墮聲聞位，故經云：魚子菴羅華，菩薩初發心，三事因中多，及其結果少。引此以明初心菩薩。猶宜親近如來。得所依歸。終無退轉故。菩薩父者，華嚴十一經，威光童子睹如來相獲十種益，首云得念佛三昧，名無邊海藏門。疏謂，以念佛三昧，菩薩之父，故首明之。良繇菩薩以方便為父，念佛即真涉事，是方便故。又念佛成佛。是親種故。

(演)睹相獲益者。華嚴云：大威光太子。現波羅蜜善眼莊嚴王如來成正覺。獲十種益。首自念佛三昧。名無邊海藏門。終至得智光明。名一切佛法清淨藏。以世人觀德人之容尚能意消。況見佛妙相。甯不得益也。良由下。是明以念佛為父。蓋有二義。一方便義。二親種義。方便者。淨名云：智度菩薩母。方便以為父。而今即以妙心。緣歷名號。正是最勝方便。故為父也。親種者。親傳真種。而今即念彼佛。成我自佛。即念本佛。成今始佛。正是親傳真種。故為父也。即真涉事者。念體本空。則念處即真。不妨念佛。則不礙涉事。即真而不涉事。是理非方便。涉事而不即真。是有為之法。與無為隔。亦非方便。今即真而復涉於事。是名方便也。又復真謂真理。事謂念佛。即真涉事者。謂雖即觀理。而歷念佛事也。此於附法託事從行。三種觀中。正是從行歷事觀理也。

*(**Sớ**: Trần kiếp Thanh Văn": Có những vị phát tâm vào thời Đại Thông Phật, đều vì thoái thất tâm Đại Thừa mà trong kiếp số nhiều như vi trần, vẫn đọa trong địa vị Thanh Văn.*

Vì thế, kinh nói: "Cá con, bông hoa xoài, Bồ Tát sơ phát tâm, ba chuyện, nhân thật nhiều, kết quả quá ít ỏi". Dẫn điều này để chỉ rõ: Sơ Tâm Bồ Tát vẫn phải nên thân cận Như Lai hòng có chỗ nương về, trọn chẳng thoái chuyển.

"Cha của Bồ Tát": Theo cuốn mười một của kinh Hoa Nghiêm, Oai Quang đồng tử trông thấy tướng của Như Lai bèn đạt được mười thứ lợi

ích, thứ đầu tiên là đắc môn Niệm Phật tam-muội có tên là Vô Biên Hải Tạng môn. Lời Sớ ghi: "Do Niệm Phật tam-muội là cha của Bồ Tát, nên nêu ra đầu tiên". Ấy là vì Bồ Tát lấy phương tiện làm cha, niệm Phật chính là Chân mà đồng thời lại liên quan đến Sự, cho nên là phương tiện.

***Diễn**: "Thấy tướng đạt được lợi ích": Kinh Hoa Nghiêm chép: "Thái tử Đại Oai Quang thấy Ba La Mật Thiện Nhãn Trang Nghiêm Vương Như Lai thành Chánh Giác, đạt mười loại lợi ích: Đầu tiên là từ Niệm Phật tam-muội tên là Vô Biên Hải Tạng môn, cho đến điều cuối cùng là đắc trí quang minh tên là Nhất Thiết Phật Pháp Thanh Tịnh Tạng. Do người đời nhìn thấy dung mạo của người có đức hạnh, còn tiêu tan ý niệm [càn quấy], huống hồ trông thấy diệu tướng của Phật mà chẳng được lợi ích ư?*

Từ chữ "ấy là vì" trở đi nhằm giảng rõ ý nghĩa "lấy niệm Phật làm cha". Là vì có hai ý nghĩa: Một là nghĩa phương tiện, hai là nghĩa thân chủng (đích thân trao truyền, thật sự gieo trồng). Kinh Tịnh Danh nói: "Trí Độ là mẹ của Bồ Tát, phương tiện là cha".

"Nay dùng ngay diệu tâm để duyên theo danh hiệu, đấy chính là phương tiện tối thắng, cho nên [phương tiện] là cha vậy. "Thân chủng" là đích thân truyền trao, thật sự gieo trồng. Nhưng nay do niệm đức Phật kia mà thành tựu vị Phật của chính mình. Do niệm Bổn Giác Phật mà nay thành tựu Thỉ Giác Phật. Đấy chính là đích thân truyền trao, thật sự gieo trồng, cho nên là cha vậy.

"Tức Chân thiệp Sự" (từ ngay nơi Chân mà liên quan đến Sự): Bản thể của niệm vốn là Không, cho nên niệm xứ chính là Chân, chẳng ngăn ngại niệm Phật; thành ra chẳng ngại dính dáng đến Sự. Nếu chỉ là Chân mà chẳng dính dáng đến Sự thì là Lý, chẳng phải là phương tiện. Nếu dính dáng đến Sự mà chẳng phải là Chân, thì là pháp hữu vi, cách biệt với pháp vô vi, cho nên cũng chẳng phải là phương tiện. Nay đã là Chân mà còn dính dáng đến Sự thì gọi là phương tiện.

Lại nữa, Chân là chân lý, Sự là niệm Phật. "Tức Chân thiệp Sự" là tuy quán Lý, nhưng về mặt Sự thì vẫn luôn niệm Phật. Đấy chính là dựa trên pháp để hành theo mặt Sự. Trong ba thứ Quán, đây chính là cách hành theo mặt Sự để quán Lý).

(Sớ) Thập Địa thỉ chung giả, Thập Địa văn trung, tùng sơ chí mạt, địa địa giai vân "nhất thiết sở tác bất ly niệm Phật". Hựu vân: "Viễn Hành Địa Bồ Tát, tuy tri nhất thiết quốc độ do như hư không, nhi năng dĩ thanh tịnh diệu hạnh trang nghiêm Phật độ". Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh vân: "Bồ Tát liễu tri chư Phật, cập nhất thiết pháp, giai

duy tâm lượng, đắc Tùy Thuận Nhẫn, hoặc nhập Sơ Địa, xả thân tốc sanh Diệu Hỷ thế giới, Cực Lạc tịnh Phật độ trung". Cố Long Thọ dĩ Sơ Địa vãng sanh, Ma Sai Mạt dĩ đắc Nhẫn vãng sanh. Chí như Văn Thù, Phổ Hiền đẳng chư đại Bồ Tát, phát nguyện vãng sanh, mạc khả thắng số, huống sơ tâm hồ?

(Diễn) Năng dĩ thanh tịnh diệu hạnh trang nghiêm Phật độ giả, tri Không, bất trước Không, thị danh vi Chân Không. Tịnh Danh vân: "Tuy tri chư Phật quốc cập dữ chúng sanh Không, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa ư chúng sanh". Thử chứng Thất Địa niệm Phật vãng sanh dã. Liễu tri Phật pháp giai duy tâm lượng giả, ngộ nhất thiết pháp, giai tự tâm Hiện Lượng dã. Đắc Tùy Thuận Nhẫn giả, duy tâm diệu lý, tùy thuận nhẫn khả. Thử Tam Hiền vị, tỷ quán tương ứng, hoặc nhập Sơ Địa, tắc hiện quán tương ứng hỹ. Long Thọ Sơ Địa vãng sanh giả, Phật vân: "Nam Thiên Trúc quốc trung, đại danh đức tỳ-kheo, quyết hiệu vi Long Thọ, năng phá Hữu Vô tông, thế gian trung hiển Ngã, vô thượng Đại Thừa pháp, đắc Sơ Hoan Hỷ địa, vãng sanh An Lạc sát". Ma Sai Mạt đắc Nhẫn vãng sanh giả, Bồ Tát Sanh Địa Kinh vân: "Thời Ma Sai Mạt đắc Bất Khởi Pháp Nhẫn, ngũ bách thanh tín sĩ nữ, giai đắc Bất Thoái Chuyển địa, thọ chung câu sanh Vô Lượng Thọ Phật quốc". Dĩ thượng chứng Tam Hiền Sơ Địa vãng sanh dã. Chí như Văn Thù, Phổ Hiền đẳng, tắc Đẳng Giác Bồ Tát diệc dục vãng sanh, như Hoa Nghiêm kệ trung thuyết.

(疏)十地始終者，十地文中，從初至末，地地皆云一切所作不離念佛。又云：遠行地菩薩，雖知一切國土猶如虛空，而能以清淨妙行莊嚴佛土。如來不思議境界經云：菩薩了知諸佛。及一切法。皆唯心量。得隨順忍。或入初地。捨身速生妙喜世界。極樂淨佛土中。故龍樹以初地往生。摩差末以得忍往生。至如文殊普賢等諸大菩薩。發願往生。莫可勝數。況初心乎？

(演)能以清淨妙行莊嚴佛土者 。知空不著空 。是名為真空。淨名云：雖知諸佛國及與眾生空。而常修淨土。教化於眾生。此證七地念佛往生也。了知佛法皆唯心量者。悟一切法。皆自心現量也。得隨順忍者。唯心妙理。隨順忍可。此三賢位。比觀相應。或入初地。則現觀相應矣。

龍樹初地往生者。佛云：南天竺國中。大名德比丘。厥號為龍樹。能破有無宗。世間中顯我。無上大乘法。得初歡喜地。往生安樂剎。摩差末得忍往生者。菩薩生地經云：時摩差末得不起法忍。五百清信士女。皆得不退轉地。壽終俱生無量壽佛國。已上證三賢初地往生也。 至如文殊普賢等。則等覺菩薩。亦欲往生。如華嚴偈中說。

*(**Sớ**: "Mười Địa từ đầu đến cuối": Trong kinh văn của phẩm Thập Địa [kinh Hoa Nghiêm], từ Địa đầu tiên cho đến Địa cuối cùng, Địa nào cũng đều nói "hết thảy việc làm chẳng rời niệm Phật". Kinh lại nói: "Viễn Hành Địa Bồ Tát tuy biết hết thảy cõi nước giống như hư không, nhưng có thể dùng diệu hạnh thanh tịnh để trang nghiêm cõi Phật". Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh chép: "Bồ Tát biết rõ chư Phật và hết thảy pháp đều chỉ là tâm lượng, đắc Tùy Thuận Nhẫn, hoặc nhập Sơ Địa, xả thân sẽ mau chóng sanh vào thế giới Diệu Hỷ hoặc cõi Phật thanh tịnh Cực Lạc". Vì thế, ngài Long Thọ do Sơ Địa mà vãng sanh, ngài Ma Sai Mạt do đắc Nhẫn mà vãng sanh, cho đến các vị đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền v.v... còn phát nguyện vãng sanh chẳng thể kể xiết, huống là hàng sơ tâm ư?*

***Diễn**: "Có thể dùng diệu hạnh thanh tịnh để trang nghiêm cõi Phật": Biết Không, chẳng chấp vào Không, nên gọi là Chân Không. Kinh Tịnh Danh dạy: "Tuy biết các cõi Phật và chúng sanh đều là Không. Nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa các chúng sanh". Đấy là sự niệm Phật vãng sanh của bậc đã chứng Thất Địa. Biết rõ Phật pháp đều chỉ là tâm lượng": Ngộ hết thảy các pháp đều là tự tâm Hiện Lượng. "Đắc Tùy Thuận Nhẫn": Có thể tùy thuận, chấp nhận diệu lý duy tâm. Chuyện này tương ứng với tỷ quán của địa vị Tam Hiền; nếu dự vào địa vị Sơ Địa thì tương ứng với Hiện Quán.*

"Long Thọ Sơ Địa vãng sanh": Đức Phật nói: "Trong nước Nam Thiên Trúc, có vị tỳ-kheo nổi tiếng, danh hiệu là Long Thọ, có thể phá Hữu Tông và Vô Tông, hiển thị Ngã và pháp vô thượng Đại Thừa trong thế gian, đắc Sơ Hoan Hỷ Địa, vãng sanh cõi An Lạc". "Ma Sai Mạt Bồ Tát vãng sanh": Bồ Tát Sanh Địa Kinh chép: "Lúc bấy giờ, ngài Ma Sai Mạt đắc Bất Khởi Pháp Nhẫn, năm trăm thanh tín sĩ và thanh tín nữ đều dự vào địa vị Bất Thoái Chuyển. Sau khi thọ chung, đều sanh vào cõi Vô Lượng Thọ Phật". Trên đây là sự vãng sanh của những vị đã chứng Tam Hiền và Sơ Địa. "Còn như Văn Thù, Phổ Hiền..." là Đẳng Giác Bồ Tát,

cũng muốn vãng sanh thì như trong phần kệ tụng của kinh Hoa Nghiêm có nói).

(Sớ) Vĩnh Minh vị: "Dục thác chất liên đài, vĩnh ly thai tạng, sanh Cực Lạc đẳng chư Phật quốc độ du hý thần thông giả, giai năng liễu đạt tự tâm, vô bất hóa vãng". Thiên Như vị: "Nhữ nhược ngộ tâm, tắc Tịnh Độ vãng sanh, vạn ngưu bất năng vãn hỹ". Nhiên tắc sơ tâm Bồ Tát, tuy viết liễu minh, khứ Phật thượng viễn, chánh nhĩ cầu sanh bất khả hậu dã.

(Diễn) Liễu đạt tự tâm vô bất hóa vãng giả, Luận vân: "Nhược quán bỉ Phật Chân Như Pháp Thân, thường cần tu tập, tất cánh đắc sanh nhập Chánh Định cố". Nhữ nhược ngộ tâm, vạn ngưu mạc vãn giả, ngộ tâm chi sĩ, tri Tịnh Độ duy tâm. Sanh Tịnh Độ giả, phi sanh Tịnh Độ, sanh tự kỷ tâm trung dã. "Tuy viết liễu minh, khứ Phật thượng viễn" giả, cổ vân: "Đốn ngộ tuy đồng Phật, đa sanh tập khí thâm, phong đình ba thượng dũng, lý hiện niệm do xâm". Hựu vân: "Thức băng thị thủy, do lại thang khí dĩ tiêu dung. Ngộ vọng tức chân, thượng y Phật huệ nhi huân luyện dã".

(疏)永明謂：欲託質蓮臺 ，永離胎藏 ，生極樂等諸佛國土遊戲神通者，皆能了達自心，無不化往。天如謂：汝若悟心，則淨土往生，萬牛不能挽矣。然則初心菩薩，雖曰了明，去佛尚遠，正爾求生不可後也。

(演)了達自心無不化往者。論云：若觀彼佛真如法身。常勤修習。畢竟得生入正定故。汝若悟心，萬牛莫挽者。悟心之士。知淨土唯心。生淨土者。非生淨土。生自己心中也。 雖曰了明去佛尚遠者。古云：頓悟雖同佛。多生習氣深。風停波尚涌。理現念猶侵。又云：識冰是水。猶賴湯氣以消鎔。悟妄即真。尚依佛慧而熏煉也。

*(**Sớ**: Ngài Vĩnh Minh nói: "Người muốn gởi thân nơi đài sen, vĩnh viễn rời khỏi thai tạng, sanh về các cõi Phật giống như cõi Cực Lạc, du hý thần thông, thảy đều có thể liễu đạt tự tâm, không cõi nào mà chẳng hóa thân đến đó". Ngài Thiên Như nói: "Nếu như ngươi đã ngộ tâm, vãng sanh Tịnh Độ, một vạn con trâu chẳng thể kéo lại được". Sơ tâm Bồ Tát tuy nói là "hiểu rõ", nhưng còn cách Phật quá xa, đúng là hãy nên cầu vãng sanh, đừng để tụt hậu.*

***Diễn**: "Liễu đạt tự tâm, không cõi nào chẳng vãng sanh đến đó": Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: "Nếu quán Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy, sẽ rốt ráo nhập Chánh Định".*

"Nếu như ngươi đã ngộ tâm, một vạn con trâu chẳng kéo lại được": Kẻ ngộ tâm đã biết Tịnh Độ duy tâm, sanh về Tịnh Độ chẳng phải là sanh vào Tịnh Độ, mà là sanh trong cái tâm của chính mình.

"Tuy nói đã hiểu rõ, nhưng còn cách xa Phật": Cổ nhân nói: "Đốn ngộ tuy giống như Phật, nhưng tập khí nhiều đời còn sâu dầy, gió lặng nhưng sóng vẫn trào, Lý đã hiện, nhưng vọng niệm vẫn dấy động". Lại nói: "Biết băng là nước, vẫn phải nhờ vào sức nóng của mặt trời để tan chảy. Ngộ vọng chính là chân, vẫn phải nương theo Phật huệ để hun đúc").

Lục, tận nhiếp lợi độn chư căn tất giai độ thoát giả, chư dư pháp môn, cao chi tắc hạ cơ tuyệt phận, ty chi tắc bất bị thượng căn. Thị dĩ Hoa Tạng như manh, huỳnh quang tăng kết. Duy thử nhất pháp, thượng hạ kiêm thâu, khả vị vạn bệnh dũ ư A Già, thiên khí thành ư cự dã, khởi bất Từ môn quảng đại, phổ độ vô dư?

六、盡攝利鈍諸根悉皆度脫者。諸餘法門，高之則下機絕分，卑之則不被上根。是以華藏如盲，螢光增結。唯此一法，上下兼收。可謂萬病愈於阿伽，千器成於巨冶，豈不慈門廣大，普度無遺？

(Sáu là nhiếp hết lợi căn và độn căn, thảy đều độ thoát. Các pháp môn khác, cao thì kẻ căn cơ thấp chẳng có phần; nếu thấp thì chẳng phù hợp hạng thượng căn. Do vậy, đối với Hoa Tạng [hàng Nhị Thừa và Thập Tín Bồ Tát trở xuống] như lòa, [trí huệ của họ như] ánh lửa đom đóm, [đối với đại pháp Nhất Thừa, do không thể thông hiểu nên] càng tăng thêm phiền não. Chỉ có mình pháp này, gồm thâu thượng căn lẫn hạ căn.

Có thể nói là thuốc A Già Đà chữa lành muôn bệnh, là lò lớn luyện thành ngàn món đồ, há chẳng phải là Từ môn rộng lớn, phổ độ chẳng sót ư?)

(Sớ) Như manh giả, Như Lai ư Thệ Đa lâm trung, diễn Đại Hoa Nghiêm, bỉ thời thượng đức Thanh Văn, Thân Tử, Mục Liên đẳng, như manh, như lung. Đỗ thị tuyệt thính, nãi chí tích hành Bồ Tát, do vân bộc tai, minh cao chi tắc đạo đại cơ tiểu cố.

(Diễn) Đỗ thị tuyệt thính giả, Thanh Lương vân: "Cao bất khả ngưỡng, tích hành Bồ Tát bộc tai lân ư Long Môn. Thâm bất khả khuy,

thượng đức Thanh Văn đỗ thị thính ư gia hội. Kim thích bộc khỏa giả, như Vũ Môn tam cấp, ngư dược bất quá giả, bộc tai nhi hoàn dã".

(疏)如盲者，如來於逝多林中，演大華嚴，彼時上德聲聞，身子目連等，如盲如聾。杜視絕聽，乃至積行菩薩，猶云曝顋，明高之則道大機小故。

(演)杜視絕聽者。清涼云：高不可仰。積行菩薩曝腮鱗於龍門。深不可窺。上德聲聞杜視聽於嘉會。今釋曝顆者。如禹門三級。魚躍不過者。曝腮而還也。

*(**Sớ**: "Như mù": Trong rừng Thệ Đa, đức Như Lai diễn giảng kinh Đại Hoa Nghiêm. Lúc ấy, bậc thượng đức Thanh Văn như Thân Tử, Mục Liên v.v... như lòa, như điếc, lấp thấy, dứt nghe. Thậm chí hàng Bồ Tát tu hành đã lâu vẫn còn mẻ đầu, sứt trán, cho thấy đạo thì cao rộng mà căn cơ thì nhỏ nhoi vậy.*

***Diễn**: "Lấp thấy, dứt nghe": Ngài Thanh Lương nói: "Cao chẳng thể ngửa lên nhìn được, hàng Bồ Tát tu hành đã lâu khốn đốn [như cá chép chẳng thể vượt thác hóa rồng, bị] sứt vảy ở Long Môn. Sâu chẳng thể dò được, bậc thượng đức Thanh Văn như mù, như điếc trong hội thù thắng". Nay giải thích về thành ngữ "bộc tai", như Vũ Môn có ba bậc, con cá nào chẳng nhảy qua được [để hóa thành rồng], sẽ mẻ đầu sứt trán quay về).*

(Sớ) Tăng kết giả, Tịnh Danh Kinh vân: "Hữu nhị tỳ-kheo phạm Căn Bản Giới, phát lộ cầu sám, Ưu Ba Ly vị y Luật định tội, nghi tâm bất thích. Tịnh Danh ngôn: - Nhữ vô dĩ thường pháp nhiễu loạn kỳ tâm, trọng tăng thử nhị tỳ-kheo tội". Vĩnh Gia nghĩ chi huỳnh quang, vị bất năng khai kỳ mê ám, nhi phản tăng ích chi dã. Minh ty chi tắc cơ thâm giáo thiển cố.

(Diễn) Thường pháp tức thị y Luật định tội. Vô nhiễu loạn kỳ tâm giả, vị đương trực đàm tội tánh bổn không, bất tại nội, ngoại, trung gian đẳng dã. Nghĩ chi huỳnh quang giả, Chứng Đạo Ca vân: "Hữu nhị tỳ-kheo phạm dâm sát, Ba Ly huỳnh quang tăng tội kết, Duy Ma đại sĩ đốn trừ nghi, do như hách nhật tiêu sương tuyết", thị dã.

(疏)增結者。淨名經云：有二比丘犯根本戒，發露求懺，優波離為依律定罪，疑心不釋。淨名言：汝毋以常法

擾亂其心，重增此二比丘罪。永嘉擬之螢光，謂不能開其迷暗，而反增益之也。明卑之則機深教淺故。

(演)常法即是依律定罪。毋擾亂其心者，謂當直談罪性本空，不在內外中間等也。擬之螢光者，證道歌云：有二比丘犯淫殺，波離螢光增罪結，維摩大士頓除疑，猶如赫日消霜雪是也。

*(**Sớ**: "Tăng thêm phiền não": Kinh Tịnh Danh chép: "Có hai tỳ-kheo phạm Căn Bản Giới, bày tỏ, sám hối. Tôn giả Ưu Ba Ly y theo Giới Luật kết tội họ, tâm họ nghi hoặc, không cởi gỡ được. Ngài Tịnh Danh nói: - Ông đừng dùng thường pháp nhiễu loạn tâm họ, khiến cho tội của hai vị tỳ-kheo này nặng thêm". Ngài Vĩnh Gia phê là "ánh sáng đom đóm", ý nói: [Trí huệ Tiểu Thừa] chẳng thể soi tan sự mê ám, mà ngược lại còn làm tăng thêm, chỉ rõ điều kém cỏi [ở chỗ] căn cơ sâu mà giáo pháp nông cạn vậy.*

***Diễn**: "Thường pháp" là căn cứ theo Luật để định tội. "Đừng nhiễu loạn tâm họ" ý nói: Hãy nên nói thẳng tội tánh vốn không, chẳng ở trong, ngoài, chặng giữa v.v... "Phê là ánh sáng đom đóm": Trong bài Chứng Đạo Ca có đoạn: "Có hai tỳ-kheo phạm tội dâm và giết hại, [trí huệ của ngài] Ưu Ba Ly như ánh sáng đom đóm, khiến họ tăng thêm phiền não. Duy Ma Bồ Tát trừ ngay nỗi nghi hoặc của họ, ví như mặt trời rực rỡ, sương tuyết tiêu tan" chính là ý này).*

(Sớ) Tha nhược Bất Tịnh thác thi lô câu, Sổ Tức bất lợi trủng nhân. Bỉ thử vi môn, diệc phục các dị, nhi thiển, thâm, tiểu, đại, thế bất kiêm nghi. Duy thử Niệm Phật pháp môn, tam bối, cửu phẩm, tất giai độ thoát. Triệt thượng, tắc tam tâm viên phát, trực nhập Vô Sanh. Triệt hạ, tắc thập niệm thành công, diệc sanh bỉ quốc. Sở vị: "Bất ly nhất pháp, xảo bị chư căn. Hào kiệt vô hạ ức chi tu, dung ngu hữu ngưỡng phan chi ích. Cái vô cơ bất thâu, hữu tình giai nhiếp giả dã".

(Diễn) Bất Tịnh Sổ Tức giả, Xá Lợi Phất giáo đệ tử. Nhất tu Bất Tịnh Quán, nhất tu Sổ Tức Quán. Cửu chi, giai bất thành, tâm dục phản đạo, vãng kiến Thế Tôn. Thế Tôn vấn nhị nhân "tại gia hà nghiệp?" Tu Sổ Tức giả viết: "Thủ phần mộ". Tu Bất Tịnh giả viết: "Dã kim khí". Thế Tôn nãi lệnh nhị nhân dịch quán tu chi; bất cửu giai chứng đạo quả. Tam tâm, tức Quán Kinh sở vân: Nhất giả, chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm. Viên giả,

viên đốn, vô thứ đệ cố. Hựu viên dung, vô bỉ thử cố. Hựu viên mãn, vô khuyết thiểu cố. Thử thị viên nhân, tựu viên dung tam pháp nhi phát tâm dã. Đương tri phát thử tam tâm thị nhân, thị vị sanh Tịnh Độ thời sự, thị Viên Thập Tín vị trung sự. Trực nhập Vô Sanh thị quả, thị dĩ sanh Tịnh Độ thời sự, thị chứng Viên Sơ Trụ thời sự. Tam tâm viên phát trực nhập Vô Sanh giả, vị đản năng tam tâm viên phát giả, sanh Tịnh Độ thời, tức trực nhập Vô Sanh dã. Thập niệm cựu hữu lưỡng thích, nhất vị đản chí tâm xưng niệm thập thanh, tức vi thập niệm. Nhất vị bất luận cú số, đản tận nhất khẩu khí vi nhất niệm. Tận thập khí vi thập niệm. Hựu hữu lâm chung thỉ thập niệm giả, như Trương Thiện Hòa thị dã. Hữu nhất sanh hành Thập Niệm giả, như Trí Tiên pháp sư thị dã. Thành công diệc khả phân Sự, Lý thuyết. Như đản đắc tín lực thành tựu, sảo năng phục vọng, thị Sự thành công. Nhược căn khí đại lợi, quán lực thành tựu, tật năng phá vọng, thị Lý thành công. Đại suất tức thử Nhất Hạnh, tùy kỳ căn khí, tùy kỳ dụng tâm, khả phân cửu phẩm dã. Hựu đương tri thử cú thị nhân, hạ cú diệc sanh bỉ quốc phương thị quả. Hựu phục đương tri, thử đẳng thập niệm thành công giả, giai nhân túc thế hữu đại thiện căn, hoặc kim hiện sanh tố tập Thiền Quán, cố nhất thời dụng lực, đốn trảm trần lao. Nhược căn khí sảo liệt, tố vô chất địa giả, bất khả đồ thử kiểu hãnh, nhi phế chuyên trì danh hiệu dã.

(疏)他若不淨錯施爐韝，數息不利冢人，彼此為門，亦復各異，而淺深小大，勢不兼宜。惟此念佛法門，三輩九品，悉皆度脫。徹上，則三心圓發，直入無生，徹下，則十念成功，亦生彼國。所謂：不離一法，巧被諸根。豪傑無下抑之羞，庸愚有仰攀之益，蓋無機不收，有情皆攝者也。

(演)不淨數息者，舍利弗教弟子。一修不淨觀。一修數息觀。久之，皆不成。心欲返道。往見世尊。世尊問二人在家何業？修數息者曰：守墳墓。修不淨者曰：冶金器。世尊乃令二人易觀修之。不久皆證道果。三心，即觀經所云：一者至誠心，二者深心，三者回向發願心。圓者圓頓，無次第故。又圓融，無彼此故。又圓滿，無缺少故。此是圓人。就圓融三法而發心也。當知發此三心是因。是未生

淨土時事。是圓十信位中事。直入無生是果。是已生淨土時事，是證圓初住時事。三心圓發直入無生者，謂但能三心圓發者，生淨土時即直入無生也。十念舊有兩釋。一謂但至心稱念十聲。即為十念。一謂不論句數。但盡一口氣為一念。盡十氣為十念。又有臨終始十念者。如張善和是也。有一生行十念者。如智仙法師是也。成功亦可分事理說。如但得信力成就。稍能伏妄。是事成功。若根器大利。觀力成就。疾能破妄。是理成功。大率即此一行。隨其根器。隨其用心。可分九品也。又當知此句是因。下句亦生彼國方是果。又復當知。此等十念成功者。皆因夙世有大善根。或今現生素習禪觀。故一時用力。頓斬塵勞。若根器稍劣。素無質地者。不可圖此僥倖。而廢專持名號也。

*(**Sớ**: Ngoài ra, giống như lầm lẫn đem Bất Tịnh Quán dạy người kéo bễ thổi lò, pháp Sổ Tức Quán chẳng tạo lợi ích cho người trông mộ. Pháp môn được lập ra cho mỗi bên mỗi khác là do [căn tánh] cạn, sâu, nhỏ, lớn [khác biệt]. Vì tình thế ấy, [những pháp môn ngoài Tịnh Độ] không thể nào thích hợp mọi căn cơ. Chỉ có pháp môn Niệm Phật này, ba bậc, chín phẩm đều được độ thoát. Thông trên thì phát trọn vẹn ba tâm, chứng nhập thẳng vào Vô Sanh. Thấu dưới thì mười niệm thành công, cũng sanh về cõi kia. Đấy gọi là: "Chẳng lìa một pháp, khéo phù hợp các căn". Bậc hào kiệt chẳng thẹn vì bị dìm xuống thấp, kẻ tầm thường ngu muội cũng được lợi ích vói lên cao; bởi lẽ, pháp này không căn cơ nào chẳng thâu gồm, các hữu tình đều được nhiếp thọ.*

***Diễn**: "Bất Tịnh, Sổ Tức": Ngài Xá Lợi Phất dạy đệ tử, một người tu Bất Tịnh Quán, một người tu Sổ Tức Quán. Đã lâu ngày, họ đều tu chẳng thành, lòng muốn bỏ đạo, đến gặp đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn hỏi hai người lúc chưa đi tu làm nghề gì? Người tu Sổ Tức Quán thưa: "Con canh giữ mồ mả". Người tu Bất Tịnh Quán thưa: "Con là thợ kim hoàn". Đức Thế Tôn bèn bảo hai người đổi pháp Quán để tu tập. Không lâu sau, cả hai đều chứng đạo quả.*

"Tam tâm" là như Quán Kinh đã nói: Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. "Viên" là viên đốn, không theo thứ tự. [Viên] lại là viên dung, không có đây, kia; lại có nghĩa là viên mãn, không thiếu sót. Đây là người căn tánh viên đốn viên dung ba pháp

mà phát tâm. Hãy nên biết: Phát ba tâm này là nhân; đó là chuyện trước khi sanh về Tịnh Độ, là chuyện thuộc về địa vị Thập Tín trong Viên Giáo. Chứng nhập thẳng vào Vô Sanh là quả. Đó là chuyện khi đã sanh vào Tịnh Độ, là chuyện khi đã chứng Sơ Trụ trong Viên Giáo. "Phát trọn vẹn ba tâm, chứng nhập thẳng vào Vô Sanh", ý nói: Chỉ cần phát trọn vẹn ba tâm thì lúc sanh vào Tịnh Độ, liền lập tức chứng nhập Vô Sanh.

"Thập niệm" thì xưa kia có hai cách giải thích: Một là chỉ chí tâm xưng niệm mười câu thì là "thập niệm". Hai là chẳng cần biết số câu [là bao nhiêu], cứ hết một hơi là một niệm. Hết mười hơi thì là "thập niệm". Lại có người lúc lâm chung mới thập niệm, như Trương Thiện Hòa chẳng hạn. Có người suốt đời hành thập niệm như pháp sư Trí Tiên chẳng hạn. Thành công thì cũng có thể chia thành Sự và Lý để nói. Nếu chỉ đạt được tín lực thành tựu, có thể khuất phục vọng đôi chút, thì là thành công thuộc về Sự. Nếu là kẻ căn khí hết sức nhạy bén, quán lực thành tựu, có thể nhanh chóng phá vọng, thì là thành công nơi Lý. Nói chung là cũng do một hạnh này, tùy thuộc căn khí, tùy thuộc dụng tâm, mà có thể chia thành chín phẩm.

Lại nữa, hãy nên biết câu này là nhân, câu sau đó cũng là sanh về cõi ấy rồi thì mới là quả. Lại hãy nên biết: Những người thập niệm thành công đều do có thiện căn từ đời quá khứ, hoặc là do đời này chuyên tu tập Thiền Quán, cho nên có thể dùng sức trong một thời mà nhanh chóng chặt đứt trần lao. Nếu là kẻ căn khí kém hơn, trọn chẳng có cơ sở, chớ nên mong tưởng cầu may nơi chuyện này để rồi phế bỏ chuyện chuyên trì danh hiệu!)

(Sớ) A Già Đà giả, Tây Vực dược danh, năng dĩ nhất dược tổng trị chư tật. Dụ đản trì Phật danh, ngũ dục, tam độc, vô lượng phiền não, nãi chí thiên thừa, ngoại đạo, nhất thiết kiến bệnh, tất đoạn trừ cố.

(Diễn) Ngũ dục, tam độc, vô lượng phiền não, thị Độn Sử. Thiên thừa, ngoại đạo, nhất thiết kiến bệnh thị Lợi Sử, đản thiên thừa dĩ đoạn Kiến Hoặc giả, tắc bất danh Sử, nhi diệc thị bệnh. Như Lăng Nghiêm sanh triền không chủng, dữ bất hóa viên chủng, khởi bất thị kiến bệnh da?

(疏)阿伽陀者，西域藥名，能以一藥總治諸疾。喻但持佛名。五欲三毒，無量煩惱，乃至偏乘外道，一切見病，悉斷除故。

(演)五欲三毒，無量煩惱，是鈍使。偏乘外道，一切見病是利使。但偏乘已斷見惑者，則不名使，而亦是病。如楞嚴生纏空種，與不化圓種，豈不是見病耶？

***(Sớ**: A Già Đà là tên một loại thuốc ở Tây Vực, có thể dùng một loại thuốc để trị chung các thứ bệnh. Ví như chỉ trì danh hiệu Phật, mà ngũ dục, tam độc, vô lượng phiền não, cho đến những thừa lệch lạc, ngoại đạo, hết thảy các kiến giải sai lầm đều đoạn trừ.*

***Diễn**: Ngũ dục, tam độc, vô lượng phiền não là Độn Sử. Thừa lệch lạc, hết thảy các kiến giải sai lầm thì là Lợi Sử. Nhưng thuộc về các thừa lệch lạc mà đã đoạn Kiến Hoặc thì chẳng gọi là Sử, nhưng vẫn là bệnh. Như sanh triền không chủng (người chấp vào lẽ Không, hướng đến tịch diệt, chẳng thấy viên thông, bị trói buộc bởi Không kiến) và bất hóa viên chủng (người đã thấu hiểu đạo lý viên giác và chân tâm thường trụ, nhưng còn chấp trước, chưa đạt viên thông, bèn chấp trước nơi viên giác) như kinh Lăng Nghiêm đã nói, há chẳng phải là kiến giải sai lầm ư?)*

(Sớ) Cự dã giả, nhất dã chi trung, đào chú vạn vật, các thành kỳ khí. Dụ đản trì Phật danh, tùy bỉ căn hạnh, cửu phẩm vãng sanh, giai bất thoái cố. Quảng đại giả, Châu Dịch Càn viết đại sanh, Khôn viết quảng sanh. Kim vô sở bất độ, dụ như thiên phú, địa tải, tịnh dục kiêm dung, chí Từ vô trạch, danh Phổ Môn dã.

(Diễn) "Đại sanh, quảng sanh" giả, Dịch kinh Hệ Từ vân: "Phù Càn, kỳ tĩnh dã chuyên, kỳ động dã trực. Thị dĩ, đại sanh yên. Phù Khôn, kỳ tĩnh dã hấp, kỳ động dã tịch. Thị dĩ, quảng sanh yên".

(疏)巨冶者。一冶之中，陶鑄萬物，各成其器。喻但持佛名，隨彼根行，九品往生，皆不退故。廣大者，周易乾曰大生，坤曰廣生。今無所不度，喻如天覆地載，並育兼容，至慈無擇，名普門也。

(演)大生廣生者，易經繫辭云：夫乾，其靜也專，其動也直。是以，大生焉。夫坤，其靜也翕，其動也闢。是以，廣生焉。

***(Sớ**: "Lò luyện to": Trong một cái lò luyện, nung đúc vạn vật, khiến cho mỗi món đồ đều thành hình. Ví như chỉ trì danh hiệu Phật, tùy theo căn cơ, công hạnh của từng người, mà chín phẩm vãng sanh đều là bất thoái. "Quảng đại": Sách Châu Dịch gọi Càn là đại sanh, gọi Khôn là*

quảng sanh. Nay không gì chẳng độ, ví như trời che đất chở, cùng nuôi dưỡng và bao dung, lòng Từ tột bậc không phân biệt, nên gọi là Phổ Môn.

***Diễn**: "Đại sanh, quảng sanh": Phần Hệ Từ của kinh Dịch giảng: "Càn: Khi tĩnh thì chuyên nhất, khi động thì cương trực. Do vậy, nó sanh thành to lớn. Khôn, khi tĩnh thì thâu tàng, khi động thì triển khai rộng rãi. Do vậy, nó sanh trưởng rộng rãi").*

Thất, hộ trì đa chướng hành nhân bất tao đọa lạc giả, mạt thế tu hành, đa chư chướng nạn, nhất khuy chánh kiến, tức hãm quần tà. Bỉ Phật nguyện lực oai thần gia bị hành nhân, đại quang minh trung, bất tao ma sự, năng vị hộ niệm, trực chí đạo tràng. Cố tri trạch đồ tích quái, bảo kính độn yêu. Chánh niệm phân minh, vô năng nhiễu giả.

(Diễn) Chánh niệm phân minh, tức hậu văn Sự Lý nhị trì. Đại suất căn độn giả, văn Phật danh hiệu, thường ức, thường niệm, dĩ tâm duyên lịch, tự tự phân minh, tiền cú, hậu cú, tương tục bất đoạn, hành, trụ, tọa, ngọa, duy thử nhất niệm, vô đệ nhị niệm. Thị vi chánh niệm phân minh. Căn lợi giả, văn Phật danh hiệu, bất duy ức niệm, tức niệm phản quán, thể sát cứu thẩm, cúc kỳ căn nguyên, ư tự bổn tâm, hốt nhiên khế hợp. Thị vi chánh niệm phân minh. Thử chánh niệm phân minh, chánh thị bất khuy chánh kiến, chánh thị nguyện lực oai thần, chánh thị đại quang minh trung, chánh thị trực chí đạo tràng; thùy năng nhiễu giả? Bảo kính độn yêu, khả tương Vương Độ sự thuyết. Vương Độ, tương bảo kính huyền thụ, thụ tức vị lôi sở kích. Đại xà tử ư thụ hạ. Hựu phục dĩ kính chiếu nhất nữ tử. Nữ tử tức khất tàng kính, nguyện đắc nhất túy nhi tử. Túy hậu, ngọa sàng, nãi nhất tử hồ.

七、護持多障行人不遭墮落者。末世修行，多諸障難，一虧正見，即陷群邪。彼佛願力威神加被行人，大光明中，不遭魔事，能為護念，直至道場。故知澤圖辟怪，寶鏡遁妖。正念分明，無能嬈者。

(演)正念分明，即後文事理二持。大率根鈍者，聞佛名號，常憶常念，以心緣歷，字字分明，前句後句，相續不斷，行住坐臥，唯此一念，無第二念。是為正念分明。根利者，聞佛名號，不惟憶念，即念反觀，體察究審鞫其根源，於自本心忽然契合。是為正念分明。此正念分明，正是不虧正見，正是願力威神，正是大光明中，正是直至

道場；誰能嬈者？寶鏡遁妖，可將王度事說。王度，將寶鏡懸樹，樹即為雷所擊。大蛇死於樹下。又復以鏡照一女子。女子即乞藏鏡，願得一醉而死。醉後臥床，乃一死狐。

(Bảy là vì hộ trì hành nhân nhiều chướng ngại, khiến cho người ấy chẳng bị đọa lạc. Tu hành trong đời Mạt, có nhiều chướng nạn; hễ thiếu chánh kiến, sẽ bị vây hãm trong các thứ tà kiến. Nguyện lực và oai thần của đức Phật ấy gia bị hành nhân, trong đại quang minh, chẳng gặp ma sự, được hộ niệm mãi cho đến khi ngồi đạo tràng (thành Phật). Cho nên biết quỷ quái tránh né hình vẽ con Bạch Trạch, yêu tinh trốn lánh gương báu. Chánh niệm phân minh, thì chẳng có gì có thể nhiễu loạn.

***Diễn**: "Chánh niệm phân minh" là như trong phần biện định về Lý Trì và Sự Trì thuộc phần sau. Nói chung là kẻ độn căn nghe danh hiệu Phật, thường nhớ, thường nghĩ, dùng tâm duyên theo từng chữ phân minh, câu trước, câu sau liên tục chẳng dứt. Đi, đứng, nằm, ngồi chỉ có một niệm này, không có niệm thứ hai. Đấy là chánh niệm phân minh. Kẻ lợi căn nghe danh hiệu Phật, không chỉ là nghĩ nhớ, mà còn ngay nơi niệm bèn phản quán, thấu hiểu, suy xét cùng tận căn nguyên của nó. Thấu hiểu, suy xét đến cùng cực, bỗng dưng khế hợp bổn tâm của chính mình. Đó là chánh niệm phân minh. Cái chánh niệm phân minh ấy chính là chánh kiến chẳng thiếu sót, chính là nguyện lực oai thần, chính là ở trong đại quang minh, chính là đến thẳng đạo tràng, ai có thể nhiễu loạn cho nổi!*

"Yêu tinh trốn lánh gương báu": Có thể dùng chuyện Vương Độ để nói. Vương Độ treo gương báu lên cây, cây liền bị sét đánh, một con rắn to chết dưới gốc cây. Ông ta lại dùng gương để chiếu một nữ nhân, nữ nhân bèn xin ông cất gương đi, xin ông cho cô ta uống say một bữa rồi sẽ chết. Cô ta uống say xong, lên giường nằm, thành ra một con cáo chết).

(Sớ) Đa chư chướng nạn giả, hành nhân ư Thiền Quán trung, kích phát Ấm Ma. Như Lăng Nghiêm khai ngũ thập chủng, giai vân: "Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ quần tà". Cố tri chánh kiến sảo khuy, tà ma toại xí. Vô ích cánh tổn, cầu thăng phản trầm; diêu thử thiển căn, bố đạo bất học.

(Diễn) Thiền thị Thiền Định; Quán thị quán tưởng. Kim hợp ngôn Thiền Quán, nãi cử nhất thiết tam-muội chi tổng danh dã. Nhược phân ngôn chi, tắc Thiền hữu thế gian Thiền, xuất thế gian Thiền, xuất thế gian thượng thượng Thiền. Quán hữu Tích Không Quán, Thể Không Quán, Thứ Đệ Tam Quán, Nhất Tâm Tam Quán đẳng. Ấm thị

Ngũ Ấm. Ma vị Ma La, thử vân Sát Giả, năng sát hành nhân Pháp Thân huệ mạng cố. Thử Ấm Ma nhược như Lăng Nghiêm sở thuyết, bất xuất thiên ma, tâm ma, kiến ma tam chủng. "Kích" thị kích động, "phát" thị phát hiện. Chúng sanh hữu thử Ấm, tức hữu thử ma. Bất tu quán hạnh, cố ẩn nhi bất phát. Kim ký tu Thiền, tương phá thử ấm, toại kích động chư ma, ma tức hiện dã.

(疏)多諸障難者。行人於禪觀中，擊發陰魔。如楞嚴開五十種。皆云：不作聖心，名善境界，若作聖解，即受群邪。故知正見稍虧，邪魔遂熾。無益更損。求升反沈。繇此淺根怖道不學。

(演)禪是禪定，觀是觀想。今合言禪觀，乃舉一切三昧之總名也。若分言之，則禪有世間禪，出世間禪，出世間上上禪。觀有析空觀，體空觀，次第三觀，一心三觀等。陰是五陰。魔謂魔羅，此云殺者，能殺行人法身慧命故。此陰魔若如楞嚴所說，不出天魔，心魔，見魔三種。擊是擊動，發是發現。眾生有此陰，即有此魔。不修觀行，故隱而不發。今既修禪，將破此陰 ，遂擊動諸魔 ，魔即現也。

*(**Sớ**: "Lắm thứ chướng nạn": Trong [khi tu tập] Thiền Quán, hành nhân đã kích động Ấm Ma biến hiện. Như kinh Lăng Nghiêm nêu ra năm mươi thứ Ma, đều nói: "Tâm chẳng nghĩ [chính mình] đã đắc thánh cảnh thì gọi là cảnh giới tốt đẹp. Nếu nghĩ là mình đã chứng thánh quả, liền vướng vào các thứ tà kiến". Cho nên biết: Chánh kiến hơi thiếu, tà ma liền lừng lẫy. Đã vô ích, lại càng thêm tổn hại. Cầu thăng lên, đâm ra bị chìm xuống. Do lẽ này, kẻ căn cơ nông cạn sẽ sợ hãi, chẳng học đạo.*

***Diễn**: Thiền là Thiền Định; Quán là quán tưởng. Nay nói gộp chung thành Thiền Quán, tức là nêu ra tên gọi chung của hết thảy các môn tam-muội. Nếu nói tách ra, Thiền có thế gian Thiền, xuất thế gian Thiền, và xuất thế gian thượng thượng Thiền. Quán có Tích Không Quán, Thể Không Quán, Thứ Đệ Tam Quán, và Nhất Tâm Tam Quán v.v... Ấm là Ngũ Ấm. Ma tức là Ma La, cõi này dịch là Sát Giả (kẻ giết chóc) vì có thể giết chết Pháp Thân huệ mạng của hành nhân. Ấm Ma là như kinh Lăng Nghiêm đã nói, chẳng ngoài ba thứ là thiên ma, tâm ma, và kiến ma. "Kích" là kích động, "phát" là phát hiện. Chúng sanh có Ấm này, bèn có loại ma này. Do chẳng tu quán hạnh, nên loại ma này ẩn tàng, chẳng phát khởi. Nay đã tu Thiền, sắp phá Ấm ấy, bèn kích động các ma, ma liền hiện).*

(Sớ) Kim niệm Phật giả, dĩ Phật đại nguyện nhiếp thọ, đại lực khuông trì, oai mạc cảm can, thần bất khả trắc, tuy hữu ma sự, hành tương tự tiêu. Hựu kinh vân: "Niệm Phật chi nhân, hữu tứ thập lý quang minh chúc thân, ma bất năng phạm. Dĩ A Di Đà Phật, cập thập phương Phật, thường hộ niệm cố". Tùng kim phát tâm, trực chí đạo tràng, tự thỉ chí chung, cát vô bất lợi. Lương diêu chánh niệm phân minh, túng ma lai giả, dị thức, dị khiển, phi tỷ đam tĩnh trước không, trung vô chủ tể, phùng ma bất giác, toại chí nhập tâm giả dã.

(Diễn) "Dị thức, dị khiển" giả, chánh niệm phân minh, tức Bát Nhã trí chiếu dã. Thức giả, trí năng biện cố. Khiển giả, trí năng phá cố. Như Khởi Tín vân: "Hoặc hữu chúng sanh vô thiện căn lực, tắc vị chư ma, ngoại đạo, quỷ thần chi sở hoặc loạn. Nhược ư tọa trung, hiện hình khủng bố, hoặc hiện đoan chánh nam nữ đẳng tướng, đương niệm duy tâm, cảnh giới tắc diệt, chung bất vi não". Hựu Thiên Thai Chỉ Quán trung, cụ minh thức khiển chi pháp, kiểm bỉ tự tri.

(疏)今念佛者，以佛大願攝受，大力匡持，威莫敢干，神不可測，雖有魔事，行將自消。又經云：念佛之人，有四十里光明燭身，魔不能犯。以阿彌陀佛，及十方佛，常護念故。從今發心，直至道場，自始至終，吉無不利。良繇正念分明，縱魔來者，易識易遣，非比耽靜著空，中無主宰，逢魔不覺，遂至入心者也。

(演)易識易遣者，正念分明，即般若智照也。識者，智能辨故。遣者，智能破故。如起信云：或有眾生無善根力，則為諸魔外道，鬼神之所惑亂。若於坐中現形恐怖，或現端正男女等相，當念唯心，境界則滅，終不為惱。又天台止觀中，具明識遣之法，檢彼自知。

*(**Sớ**: Nay kẻ niệm Phật do được đại nguyện của Phật nhiếp thọ, được đại lực gìn giữ, [nên tự có] oai thần, chẳng ai dám quấy phá, chẳng thể suy lường được. Tuy có ma sự, nhưng rồi nó sẽ tự tiêu diệt. Lại nữa, kinh dạy: "Thân người niệm Phật có quang minh soi sáng bốn mươi dặm, ma chẳng thể xâm phạm; do A Di Đà Phật và mười phương Phật thường hộ niệm". Từ lúc phát tâm trong hiện thời mãi cho đến khi ngồi đạo tràng (thành Phật), từ đầu đến cuối đều là tốt lành, chẳng có điều gì bất lợi. Ấy là vì chánh niệm phân minh, dẫu ma có đến cũng dễ biết, dễ xua đuổi ma.*

Chẳng giống như kẻ đắm đuối trong sự an tĩnh, chấp trước Không, trong tâm chẳng có chủ tể, gặp ma mà chẳng hay biết, đến nỗi ma nhập tâm.

***Diễn**: "Dễ biết, dễ xua đuổi": Chánh niệm phân minh chính là trí huệ Bát Nhã chiếu soi. "Biết" là trí có thể biện định. "Xua đuổi" là trí có thể phá. Như luận Khởi Tín nói: "Hoặc là có chúng sanh do chẳng có sức thiện căn, nên bị các ma, ngoại đạo, quỷ thần quấy rối, mê hoặc, như là khi tĩnh tọa, chúng nó hiện ra hình tướng đáng kinh sợ, hoặc hiện các tướng nam nữ đoan chánh v.v... Hãy nên nghĩ đến [các pháp] duy tâm, cảnh giới bèn diệt, trọn chẳng bị não hại". Lại như trong bộ Ma Ha Chỉ Quán của ngài Thiên Thai có nói rõ cách nhận biết và xua đuổi, kiểm trong sách ấy sẽ tự biết).*

(Sớ) Trạch đồ bảo kính giả, dĩ thử nhị dụ, minh phi đản Phật lực, tức thị tự kỷ niệm lực dã. Hữu thần thú danh Bạch Trạch, năng nhân ngôn, biện vạn vật chi tình, chư tà vọng ảnh nhi tỵ. Cố viết: "Gia hữu Bạch Trạch chi đồ, tất vô như thị yêu quái". Hựu sơn tinh dã mị, năng biến hình chủng chủng, cuống hoặc ư nhân, nhi bất năng biến kính trung chi hình. Dụ niệm Phật giả, chánh niệm hiện tiền, trí chiếu tinh lãng, nhất thiết thiên ma, tâm ma bất đắc tiện cố.

(Diễn) Trí chiếu tinh lãng, ma bất đắc tiện giả, lương do chánh niệm phân minh, tức thị đệ nhất khiển ma chi pháp. Cố Lăng Nghiêm vân: "Chủ nhân nhược mê, khách đắc kỳ tiện. Đương xử Thiền Na, giác ngộ vô hoặc, tức bỉ ma sự vô nại như hà!" Như như phí thang, bỉ như kiên băng, noãn khí tiệm lân, bất nhật tiêu vẫn.

(疏)澤圖寶鏡者，以此二喻，明非但佛力，即是自己念力也。有神獸名白澤，能人言。辨萬物之情，諸邪望影而避。故曰：家有白澤之圖，必無如是妖怪。又山精野魅，能變形種種，誑惑於人，而不能變鏡中之形。喻念佛者，正念現前，智照精朗，一切天魔心魔不得便故。

(演)智照精朗魔不得便者，良由正念分明，即是第一遣魔之法。故楞嚴云：主人若迷，客得其便。當處禪那覺悟無惑，則彼魔事無奈汝何！汝如沸湯，彼如堅冰，煖氣漸銷，不日消殞。

*(**Sớ**: "Hình con Bạch Trạch, gương báu": Dùng hai tỷ dụ này để chỉ rõ: Chẳng phải là chỉ có Phật lực, mà còn có niệm lực của chính mình.*

Có con thú thần kỳ tên là Bạch Trạch, nó có thể nói tiếng người. Nó có thể biện định rành rẽ tình huống của muôn vật, các thứ tà vạy vừa thấy bóng nó từ xa liền tránh né, nên nói: "Trong nhà có hình Bạch Trạch, ắt chẳng có các loài yêu quái như thế". Lại như loài tinh mị trong núi non, đồng vắng, có thể biến ra các thứ hình dạng để dối gạt, mê hoặc con người, nhưng chúng chẳng thể biến đổi hình bóng của chúng trong gương. Ví như người niệm Phật, chánh niệm hiện tiền, trí chiếu tinh tường, rạng rỡ, hết thảy thiên ma và tâm ma chẳng có cơ hội giở trò.

***Diễn**: "Trí chiếu tinh tường, rạng rỡ khiến cho ma chẳng thể giở trò": Ấy là vì chánh niệm phân minh, chính là pháp bậc nhất để xua đuổi ma. Vì thế, kinh Lăng Nghiêm chép: "Nếu chủ nhân mê, khách sẽ thừa dịp lợi dụng. Hãy nên trụ trong Thiền Na, giác ngộ, không mê hoặc thì ma sự ấy chẳng làm gì ông được!" Ông như nước sôi, chúng nó (ma tà, ngoại đạo) như băng cứng, hơi ấm dần dần tiếp cận, chưa đầy một ngày, [băng] bèn tan mất).*

Bát, đích chỉ tức hữu niệm tâm đắc nhập vô niệm giả, tâm bổn vô niệm, niệm khởi tức quai; nhi chúng sanh vô thỉ dĩ lai, vọng tưởng quán tập, vị dị tốt khiển. Kim giáo niệm Phật, thị nãi dĩ độc công độc, dụng binh chỉ binh. Bệnh dũ, khấu bình, tắc xả bệnh thể, cánh vô tự thân, tức khấu đạo nguyên ngô xích tử.

(Diễn) Tâm bổn vô niệm giả, tâm tức chân tâm, niệm tức vọng niệm. Chân tâm chi trung, bổn vô vọng niệm. Khởi niệm niệm Phật, khởi bất phản quai kỳ tâm? Dĩ độc công độc, dụng binh chỉ binh giả, vọng tưởng chi niệm, năng hại ngã Pháp Thân, thương ngã huệ mạng, nãi độc dã, binh dã. Niệm Phật chi niệm, niệm niệm bất diệt, vị dữ Bát Nhã tương ứng, diệc độc dã, binh dã. Nhiên phi niệm Phật chi độc, bất năng công vọng tưởng chi độc. Phi niệm Phật chi binh, bất năng chế vọng tưởng chi binh. Tuy đồng nhất vọng tưởng, hữu tạp, hữu chuyên, hữu tịnh, hữu uế, huýnh bất đồng cố. Bệnh dũ khấu bình giả, như vọng tưởng ký khiển, tức vọng tức chân, vô ly vọng niệm, biệt cầu chân niệm. Vĩnh Gia vân: "Vô minh thật tánh tức Phật Tánh. Huyễn hóa không thân tức Pháp Thân".

八、的指即有念心得入無念者。心本無念。念起即乖。而眾生無始以來，妄想慣習，未易卒遣。今教念佛。是乃以毒攻毒。用兵止兵。病愈寇平，則捨病體更無自身，即寇盜原吾赤子。

(演)心本無念者，心即真心，念即妄念。真心之中，本無妄念。起念念佛，豈不反乖其心？以毒攻毒用兵止兵者，妄想之念，能害我法身，傷我慧命，乃毒也，兵也。念佛之念，念念生滅，未與般若相應，亦毒也，兵也。然非念佛之毒，不能攻妄想之毒。非念佛之兵，不能制妄想之兵。雖同一妄想，有雜有專，有淨有穢。，不同故。病愈寇平者，如妄想既遣，即妄即真，無離妄念，別求真念。永嘉云：無明實性即佛性，幻化空身即法身。

(Tám là chỉ bày đích xác: Dùng ngay cái tâm hữu niệm để nhập vô niệm. Tâm vốn vô niệm, hễ niệm dấy lên bèn trật; nhưng chúng sanh từ vô thỉ đến nay đã quen thói vọng tưởng, chưa dễ gì trừ sạch. Nay dạy [hành nhân] niệm Phật chính là dùng độc trị độc, dùng quân dẹp quân. "Bệnh lành, giặc yên": Bỏ cái thân bệnh, sẽ trọn chẳng có tự thân, giặc cướp vốn là con thơ của ta.

***Diễn**: "Tâm vốn vô niệm": "Tâm" tức là chân tâm, "niệm" chính là vọng niệm. Trong chân tâm, vốn chẳng có vọng niệm. Dấy lên ý niệm niệm Phật, há chẳng phải là trái nghịch cái tâm ấy ư? "Dùng độc để trị độc, dùng quân dẹp quân": Ý niệm vọng tưởng có thể làm hại Pháp Thân của ta, có thể tổn thương huệ mạng của, đấy là độc, là binh! Ý niệm niệm Phật, mỗi niệm đều bất diệt, chưa tương ứng với Bát Nhã thì cũng là chất độc, là quân lính. Nhưng chẳng do chất độc niệm Phật, sẽ chẳng thể công hãm chất độc của vọng tưởng. Chẳng có quân lính niệm Phật, sẽ chẳng thể chế ngự đội quân vọng tưởng. Tuy cùng là vọng tưởng, nhưng có tạp, chuyên, tịnh, uế khác biệt vời vợi! "Bệnh lành, giặc yên": Như vọng tưởng đã trừ thì ngay nơi vọng chính là chân; chẳng phải là lìa vọng niệm để riêng cầu chân niệm. Ngài Vĩnh Gia nói: "Vô minh thật tánh tức là Phật Tánh. Huyễn hóa không thân tức là Pháp Thân").*

(Sớ) Khởi Tín Luận vân: "Tâm thể ly niệm", nhi khởi niệm niệm Phật, khởi bất phản nhiễu kỳ tâm?" Phật Tạng Kinh vân: "Vô giác, vô quán, danh vi niệm Phật. Vô tưởng, vô ngữ, thị danh niệm Phật", nhi khởi niệm niệm Phật, khởi bất phản bội ư Phật? Kim vị diệt chư giác quán, Thật Tướng Niệm Phật, Lý tắc thành nhiên. Đản dĩ tâm tuy ly niệm, nhi vô minh nhiễm tâm, niệm niệm tương tục. Như thất niên chi bệnh, cửu loạn chi dân; cố viết "quán tập".

(Diễn) Tâm thể ly niệm giả, Khởi Tín vân: "Sở ngôn giác nghĩa giả, vị tâm thể ly niệm. Ly niệm tướng giả, đẳng hư không giới, vô sở bất biến. Pháp giới nhất tướng, tức thị Như Lai bình đẳng Pháp Thân". Thật Tướng niệm Phật giả, ly nhất thiết chư tướng, phương danh Thật Tướng, tức sở vị trực tâm chánh niệm Chân Như dã.

(疏)起信論云：心體離念。而起念念佛，豈不反擾其心？佛藏經云：無覺無觀，名為念佛。無想無語，是名念佛。而起念念佛，豈不反背於佛？今謂滅諸覺觀，實相念佛，理則誠然。但以心雖離念，而無明染心，念念相續。如七年之病。久亂之民。故曰慣習。

(演)心體離念者 ，起信云 ：所言覺義者 。謂心體離念。離念相者，等虛空界，無所不遍。法界一相，即是如來平等法身。實相念佛者，離一切諸相方名實相，即所謂直心正念真如也。

*(**Sớ**: Khởi Tín Luận nói: "Tâm thể ly niệm"; nhưng dấy lên ý niệm niệm Phật, há chẳng phải là ngược ngạo nhiễu loạn cái tâm ư? Kinh Phật Tạng dạy: "Vô giác, vô quán thì gọi là niệm Phật; không suy tưởng, không nói năng, đó gọi là niệm Phật". Vậy thì khởi lên ý niệm niệm Phật, há chẳng phải là trái nghịch Phật ư? Nay nói "diệt các giác quán" là Thật Tướng Niệm Phật, về Lý thì đúng là như vậy; nhưng vì tâm tuy lìa niệm, tâm lại bị nhuốm bẩn bởi vô minh, niệm niệm nối tiếp. Như bệnh đã bảy năm, dân trong thời loạn lạc đã lâu, cho nên nói là "đã quen thói".*

***Diễn**: "Tâm thể ly niệm": Luận Khởi Tín viết: "Nói đến nghĩa Giác thì là nói tâm thể ly niệm. Tướng của ly niệm như hư không giới, không đâu chẳng trọn khắp. Pháp giới nhất tướng chính là Pháp Thân bình đẳng của Như Lai". "Thật Tướng niệm Phật": Lìa hết thảy các tướng thì mới gọi là Thật Tướng, tức là cái được gọi là "trực tâm chánh niệm Chân Như").*

(Sớ) Tư dục miễn cưỡng át nại, lập sử không tịch, nhi chỉ động quy chỉ, chỉ cánh di động. Túng thô niệm tạm tức, tế niệm do tồn, tiện vị tương ứng, thác mậu phi tiểu. Ký cư phàm địa, vị năng tuyệt lự vong duyên, hà bất tức duyên lự nhi tác tu tấn?

(Diễn) Thô niệm tạm tức, tế niệm do tồn giả, tức Lăng Nghiêm sở vị: "Nội thủ u nhàn, do vi pháp trần phân biệt ảnh sự. Hựu tuy giác

minh, hư tĩnh, vô phục thô trọng tiền trần ảnh sự, nhi sanh diệt căn nguyên do như dã mã, tập tập thanh nhiễu". Tổ sư vân: "Bách xích can đầu tọa đích nhân, tuy nhiên đắc nhập vị vi chân. Bách xích can đầu trùng tiến bộ, đại thiên thế giới hiện toàn thân". Tức duyên lự tác tu tấn giả, cổ vân: "Thiện dụng binh giả, bất tất biệt động can qua, tức dĩ tặc công tặc, dụng đạo sát đạo, diệc danh tựu lộ hoàn gia dã".

(疏)茲欲勉強遏捺，立使空寂，而止動歸止，止更彌動。縱麤念暫息，細念猶存，便謂相應，錯謬非小。既居凡地。未能絕慮忘緣。何不即緣慮而作修進？

(演)麤念暫息細念猶存者。即楞嚴所謂　。內守幽閒。猶為法塵分別影事。又雖覺明虛靜。無復麤重前塵影事。而生滅根元。猶如野馬。熠熠清擾。祖師云：百尺竿頭坐的人。雖然得入未為真。百尺竿頭重進步。大千世界現全身。即緣慮作修進者。古云：善用兵者。不必別動干戈。即以賊攻賊。用盜殺盜。亦名就路還家也。

*(**Sớ**: Nay muốn dồn ép, đè nén cho cái tâm không tịch ngay lập tức, [toan] dứt động để trở về lặng lẽ, thì càng dứt lại càng động. Dẫu thô niệm tạm dứt, tế niệm vẫn còn, liền nói là "đã tương ứng"; đấy là lầm lẫn chẳng nhỏ. Đã thuộc địa vị phàm phu, chưa thể dứt lo nghĩ, quên duyên, sao chẳng dùng ngay duyên lự để tấn tu?*

***Diễn**: "Thô niệm tạm dứt, tế niệm vẫn còn": Tức là như kinh Lăng Nghiêm nói: "Trong tâm giữ lấy sự tĩnh lặng, vẫn còn có bóng dáng phân biệt của pháp trần. Hơn nữa, tuy là giác ngộ, sáng suốt, rỗng rang, tĩnh lặng, chẳng còn hình bóng thô nặng của tiền trần, nhưng cội nguồn sanh diệt vẫn như ngựa hoang, loang loáng quay cuồng". Tổ sư nói: "Người ngồi đầu sào trăm thước, tuy đã chứng nhập, nhưng sự chứng nhập ấy vẫn chưa phải là chân thật. Nếu từ nơi đầu sào trăm thước, bước thêm bước nữa, đại thiên thế giới sẽ hiện toàn thân". "Từ ngay nơi duyên lự mà tấn tu": Cổ nhân nói: "Kẻ khéo dụng binh, chẳng cần phải dấy động can qua, mà dùng ngay giặc tấn công giặc, dùng cướp giết cướp. Cũng gọi là theo đường về nhà vậy").*

(Sớ) Cố dĩ niệm hoàn công ư niệm. Niệm nhất Phật danh, hoán bỉ bách thiên vạn ức chi tạp niệm dã.

(Diễn) Niệm nhất Phật danh hoán bỉ bách thiên tạp niệm giả, tạp niệm nhân lục trần hữu, ly trần tắc vô. Niệm niệm ban duyên, tâm tâm bất trụ, nãi vi chân chi niệm. Niệm Phật chi niệm tuy diệc thị vọng, tùng tín tâm sanh, chuyên chú nhất cảnh, cận chân chi niệm dã. Cổ vân: "Như tương mật quả, hoán khổ hồ lô" thị dã.

(疏)故以念還攻於念。念一佛名，換彼百千萬億之雜念也。

(演)念一佛名換彼百千雜念者，雜念因六塵有，離塵則無。念念扳緣，心心不住，乃違真之念。念佛之念雖亦是妄，從信心生，專注一境，近真之念也。古云：如將蜜果，換苦葫盧是也。

*(**Sớ**: Vì thế, dùng niệm để trị ngược các vọng niệm. Niệm một danh hiệu Phật để thay thế trăm ngàn vạn ức tạp niệm.*

***Diễn**: "Niệm một danh hiệu Phật để thay thế trăm ngàn vạn ức tạp niệm": Tạp niệm do lục trần mà có; rời khỏi trần sẽ chẳng còn. Niệm nào cũng nắm níu, tâm nào cũng chẳng trụ, thì là cái niệm trái nghịch lẽ chân! Ý niệm niệm Phật tuy cũng là vọng, nhưng do sanh từ tín tâm, chuyên chú nơi một cảnh, chính là cái niệm gần với lẽ chân. Cổ nhân nói: "Như đem viên mật thay thế cho mướp đắng" chính là nói về điều này).*

(Sớ) Nhi vọng tùng chân khởi, ba trục thủy sanh, tức niệm tức không, cư nhiên bản thể. Phi ư niệm ngoại, biệt đắc Bồ Đề.

(Diễn) Vọng tùng chân khởi giả, vị niệm Phật tuy vọng, nhi hựu ly chân vô vọng. Vọng tùng chân khởi, như ba trục thủy sanh giả, tức niệm tức không hữu nhị nghĩa: Nhất thị niệm cực nhi không, tức dụng tâm chi cực, hòa niệm thoát lạc dã. Nhị thị niệm thể bổn Không, tức chung nhật niệm Phật, chung nhật vô niệm dã. Cư nhiên bản thể, diệc hữu nhị nghĩa: Nhất, phản vọng quy chân nghĩa, vị vọng cùng tắc chân lộ dã. Nhị, toàn vọng toàn chân nghĩa, tức quán tướng nguyên vọng, quán tánh nguyên chân dã. Nhiên thử lưỡng cú trung nhị nghĩa, đô trọng tiền nhất nghĩa. Cái dĩ bổn văn đề mục, đích chỉ hữu niệm, đắc nhập vô niệm cố.

(疏)而妄從真起，波逐水生，即念即空，居然本體。非於念外別得菩提。

(演)妄從真起者，謂念佛雖妄，而又離真無妄。妄從真起，如波逐水生者，即念即空有二義：一是念極而空，即用心之極，和念脫落也。二是念體本空，即終日念佛，終日無念也。居然本體亦二義：一、反妄歸真義，謂妄窮則真露也。二、全妄全真義，即觀相元妄，觀性元真也。然此兩句中二義，都重前一義。蓋以本文題目，的指有念，得入無念故。

*(**Sớ**: Nhưng vọng từ chân khởi, sóng từ nước sanh, niệm chính là không, không chính là niệm, bản thể rành rành. Chẳng phải là đắc Bồ Đề ở ngoài niệm.*

***Diễn**: "Vọng từ chân khởi", tức là niệm Phật tuy là vọng, nhưng lại là lìa khỏi chân, sẽ chẳng có vọng! Vọng từ chân khởi, như sóng sanh từ nước, niệm chính là không, không chính là niệm, có hai nghĩa: Một là niệm đến cùng cực sẽ là không, tức là dụng tâm tột bậc, tâm sẽ chẳng vướng mắc niệm. Hai là bản thể của niệm là Không, tức là suốt ngày niệm Phật, mà suốt ngày vô niệm. "Bản thể rành rành" cũng có hai nghĩa: Một là nghĩa bỏ vọng quay về chân, tức là vọng hết thì chân hiển lộ. Hai là ý nghĩa toàn thể vọng chính là chân, toàn thể chân chính là vọng, tức quán tướng vốn là vọng, quán tánh vốn là chân. Nhưng đối với hai nghĩa được nêu bày trong hai câu ấy, luôn chú trọng nghĩa thứ nhất. Ấy là vì đề mục của đoạn văn này "chỉ đích xác do hữu niệm mà nhập vô niệm").*

(Sớ) Cố vân: "Vạn pháp hư ngụy, duy thị nhất tâm, liễu ngộ tự tâm, xúc mục Bồ Đề hỹ". Dụ như bệnh thể sưu thời, tiện danh kiện thể. Loạn dân định hậu, tức thị lương dân. Khử niệm nhi cầu tâm, thị y tất diệt thân nhi liệu bệnh, tướng tất đồ quốc nhi an dân dã, khởi lý dã tai?

(Diễn) Vạn pháp hư ngụy, duy thị nhất tâm giả, vị nhất thiết cảnh giới duy tâm, vọng khởi cố hữu. Nhược tâm ly ư vọng động, tắc nhất thiết cảnh giới diệt, duy nhất chân tâm, vô sở bất biến. Xúc mục Bồ Đề giả, đầu đầu giai thị, pháp pháp giai chân. Minh minh bách thảo đầu, minh minh tổ sư ý. Đông Pha vân: "Khê thanh tức thị quảng trường thiệt, sơn sắc vô phi thanh tịnh thân".

(疏)故云：萬法虛偽，唯是一心，了悟自心，觸目菩提矣。喻如病體瘳時。便名健體。亂民定後，即是良民。

去念而求心，是醫必滅身而療病，將必屠國而安民也，豈理也哉？

(演)萬法虛偽唯是一心者，謂一切境界唯心，妄起故有。若心離於妄動，則一切境界滅，唯一真心，無所不遍。觸目菩提者，頭頭皆是，法法皆真。明明百草頭，明明祖師意。東坡云：溪聲即是廣長舌，山色無非清淨身。

*(**Sớ**: Vì thế nói: "Muôn pháp hư dối, chỉ là nhất tâm. Liễu ngộ tự tâm thì những gì chạm vào mắt đều là Bồ Đề". Ví như khi cái thân bệnh tật đã lành, bèn gọi là thân thể khỏe mạnh. Dân làm loạn sau khi đã dẹp yên, bèn là dân lành. Trừ khử niệm để cầu tâm giống như thầy thuốc ắt phải diệt cái thân để chữa bệnh, như ông tướng phải tàn sát cả nước để an dân, há có lẽ ấy chăng?*

***Diễn**: "Vạn pháp hư ngụy, chỉ là nhất tâm", tức là hết thảy các cảnh giới chỉ là tâm, do vọng dấy lên mà có. Nếu tâm lìa khỏi vọng động, hết thảy cảnh giới sẽ diệt, chỉ có một chân tâm không gì chẳng trọn khắp. "Những gì chạm vào mắt đều là Bồ Đề": Chuyện gì cũng đều là [Bồ Đề], pháp nào cũng đều chân thật. Vằng vặc đầu trăm cỏ, ý tổ sư rạng ngời. Tô Đông Pha nói: "Tiếng suối là tướng lưỡi rộng dài, toàn bộ sắc núi không gì chẳng phải là thân thanh tịnh").*

Cửu, xảo thị nhân ư vãng sanh, thật ngộ Vô Sanh giả, Thất Địa cẩn danh hiện tướng, Bát Địa nãi đắc Vô Sanh. Nhi cực dục diệt sanh dĩ cầu Vô Sanh, di cầu, di viễn. Kim dĩ cầu sanh Tịnh Độ, nãi ngộ Vô Sanh, nhập Hữu đắc Không, tức phàm thành thánh, khả vị thông huyền bí quyết, hoán cốt thần đan.

(Diễn) Hiện tướng giả, như kê hậu minh chiêm, cố Đông phương dĩ hữu tinh sắc. Thất Địa cẩn danh giả, dĩ thử địa Vô Tướng Quán tuy thành dĩ, Phân Biệt Trí tuy dĩ ly, nhi hiện thức vị vong, ư nhất thiết sắc vị đại tự tại. Cố cẩn đắc hiện tướng nhĩ. Bát Địa nãi đắc giả, dĩ thử địa hiện thức dĩ vong, nhập nhất thiết pháp, như hư không tánh, nhập nhất thiết pháp bổn lai vô sanh, vô khởi, vô tướng, sơ, trung, hậu tế, giai tất bình đẳng, vô phân biệt Như Như Trí chi sở nhập xứ. Thị danh chân đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn dã. Cực dục diệt sanh cầu Vô Sanh giả, cổ vân: "Đại hoạn mạc nhược ư hữu thân, cố diệt thân dĩ quy vô. Cần lao mạc tiên ư hữu trí. Cố mẫn trí dĩ luân hư". Nhập Hữu đắc Không tức phàm

thành thánh giả, cầu sanh Tịnh Độ nhập Hữu dã. Nãi ngộ Vô Sanh, đắc Không dã. Nhập Hữu vi phàm phu, đắc Không thành thánh quả dã.

九、巧示因於往生實悟無生者。七地僅名現相，八地乃得無生。而亟欲滅生以求無生，彌求彌遠。今以求生淨土，乃悟無生，入有得空，即凡成聖，可謂通玄秘訣，換骨神丹。

(演)現相者，如雞後鳴瞻，顧東方已有精色。七地僅名者，以此地無相觀雖已成，分別智雖已離，而現識未亡，於一切色未大自在。故僅得現相耳。八地乃得者，以此地現識已亡，入一切法，如虛空性，入一切法本來無生，無起無相，初中後際，皆悉平等，無分別如如智之所入處。是名真得無生法忍也。亟欲滅生求無生者，古云：大患莫若於有身，故滅身以歸無。勤勞莫先於有智。故泯智以淪虛。入有得空即凡成聖者，求生淨土入有也。乃悟無生，得空也。入有為凡夫，得空成聖果也。

(Chín là khéo léo chỉ dạy: Do vãng sanh mà thật sự ngộ Vô Sanh. Thất Địa chỉ gọi là "hiện tướng". Bát Địa mới đắc Vô Sanh. Nhưng muốn cực lực diệt sanh để cầu Vô Sanh thì càng cầu càng xa. Nay do cầu sanh Tịnh Độ bèn ngộ Vô Sanh, nhập Hữu mà đắc Không, từ phàm trở thành thánh, có thể nói là bí quyết để thông đạt lẽ u huyền, là thuốc thần để thay xương.

***Diễn**: "Hiện tướng": Như khi gà gáy sáng, nhìn về phương Đông đã thấy có sắc sáng. "Thất Địa chỉ gọi là [hiện tướng]": Do trong địa vị này, tuy Vô Tướng Quán đã thành, tuy đã lìa Phân Biệt Trí, nhưng hiện thức chưa mất, đối với hết thảy các sắc, chưa thể đại tự tại. Vì thế chỉ được gọi là "hiện tướng".*

"Bát Địa mới đạt được": Do trong địa vị này, hiện thức đã mất, nhập hết thảy các pháp, tánh như hư không, nhập hết thảy các pháp vốn vô sanh, vô khởi, vô tướng, chặng đầu, chặng giữa, chặng cuối, thảy đều bình đẳng, là chỗ để Như Như Trí chẳng phân biệt tiến nhập. Đó gọi là "tthật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn".

"Muốn cực lực diệt sanh để cầu Vô Sanh": Cổ nhân nói: "Ương hoạn to lớn không gì bằng có thân; vì thế, diệt thân để trở về Không. Nhọc nhằn không gì bằng có trí. Vì thế, diệt trí để rồi chìm đắm trong hư vô".

"Nhập Hữu đắc Không, từ ngay nơi phàm mà thành thánh": Cầu sanh Tịnh Độ là nhập Hữu; bèn ngộ Vô Sanh là đắc Không. Nhập Hữu là phàm phu, đắc Không là thành thánh quả).

(Sớ) Cẩn danh hiện tướng giả, Hoa Nghiêm địa địa giai viết Vô Sanh, nhi chánh đắc nãi quy Bát Địa. Kỳ Thất Địa vân: "Tịnh vô lượng thân khẩu ý, đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn quang minh". Sớ vị: "Vô Sanh Pháp Nhẫn, Bát Địa sở đắc. Kim tư Thất Địa, ư bỉ Pháp Nhẫn, minh tướng hiện tiền, vị vi chân đắc". Như Quán Kinh Sớ, dĩ Vô Sanh tức thuộc Sơ Trụ, ý lược đồng thử. Nãi chí Bát Địa, ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt, thỉ danh chân đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn dã. Cố tri Vô Sanh, thánh thả nan chi, huống phàm bối hồ?

(Diễn) Tịnh vô lượng thân khẩu ý giả, Thất Địa Bồ Tát dĩ thâm tịnh tâm, thành tựu thân nghiệp, thành tựu ngữ nghiệp, thành tựu ý nghiệp. Sở hữu nhất thiết bất thiện nghiệp đạo, Như Lai sở ha, giai dĩ xả ly. Nhất thiết thiện nghiệp, Như Lai sở tán, thường thiện tu hành cố. Ý lược đồng thử giả, Thiên Thai giáo vân: "Sơ Trụ tức đắc Vô Sanh". Thanh Lương vân: "Sơ Địa dĩ khứ, đản đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn minh tướng hiện tiền, vị vi chân đắc". Tắc Thiên Thai thuyết Sơ Trụ đắc giả, diệc đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn quang minh dã. Ly nhất thiết tâm ý thức phân biệt giả, liễu biệt danh thức, chỉ đệ lục ngôn. Trù lượng danh ý, chỉ đệ thất ngôn. Tập khởi danh tâm, chỉ đệ bát ngôn. Nhiên đệ bát trung hữu nghiệp, chuyển, hiện tam tướng. Kim sở ly giả, nãi thị hiện tướng, tức Lăng Già sở vị hiện thức dã. Phân biệt giả, thử lục thất bát tuy thô tế bất đồng, câu các hữu chủng chủng phân biệt. Kim chí Bát Địa, nhất thiết giai ly dã.

(疏)僅名現相者，華嚴地地皆曰無生，而正得乃歸八地。其七地云：淨無量身口意，得無生法忍光明。疏謂：無生法忍，八地所得。今玆七地，於彼法忍明相現前，未為真得。如觀經疏。以無生即屬初住。意略同此。乃至八地，離一切心意識分別，始名真得無生法忍也。故知無生，聖且難之，況凡輩乎？

(演)淨無量身口意者，七地菩薩以深淨心，成就身業，成就語業。成就意業，所有一切不善業道，如來所訶，皆已捨離。一切善業，如來所贊，常善修行故。意略同此

者，天台教云：初住即得無生。清涼云：初地已去，但得無生法忍明相現前，未為真得。則天台說初住得者，亦得無生法忍光明也。離一切心意識分別者，了別名識，指第六言。籌量名意，指第七言。集起名心，指第八言。然第八中有業，轉，現三相。今所離者，乃是現相，即楞伽所謂現識也。分別者，此六七八雖麤細不同，俱各有種種分別。今至八地，一切皆離也。

*(**Sớ**: Chỉ gọi là "hiện tướng". [Các địa vị Bồ Tát trong Thập Địa của] kinh Hoa Nghiêm, địa nào cũng đều gọi là Vô Sanh, nhưng thật sự đắc Vô Sanh phải là Bát Địa. [Kinh Hoa Nghiêm] giảng về Thất Địa như sau: "Thanh tịnh vô lượng thân, miệng, ý, có được ánh sáng của Vô Sanh Pháp Nhẫn". Hoa Nghiêm Kinh Sớ viết: "Vô Sanh Pháp Nhẫn là sở đắc của Bát Địa". Nay đối với bậc Thất Địa, tướng sáng của môn Pháp Nhẫn ấy đã hiện tiền, chưa phải là thật sự đắc. Như Quán Kinh Sớ có nói: "Vô Sanh thuộc vào Sơ Trụ", đại khái giống với ý nghĩa được nói ở đây. Cho đến Bát Địa, lìa hết thảy tâm ý thức phân biệt thì mới gọi là thật sự đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Cho nên biết: Đối với bậc thánh, Vô Sanh còn khó, huống là lũ phàm phu ư?*

***Diễn**: "Thanh tịnh vô lượng thân, miệng, ý": Thất Địa Bồ Tát tín tâm thanh tịnh đã sâu, thành tựu thân nghiệp, thành tựu ngữ nghiệp, thành tựu ý nghiệp. Tất cả hết thảy nghiệp đạo bất thiện bị Như Lai quở trách đã đều lìa bỏ. Hết thảy thiện nghiệp được Như Lai khen ngợi đều thường khéo tu hành.*

"Đại khái giống như ý nghĩa được nói ở đây": Ngài Thiên Thai dạy rằng: "Sơ Trụ đã đắc Vô Sanh". Ngài Thanh Lương bảo: "Từ Sơ Địa trở xuống, chỉ đắc tướng sáng của Vô Sanh Pháp Nhẫn hiện tiền, chưa phải là thật sự đạt được". Vậy thì ngài Thiên Thai nói Sơ Trụ đã đắc Vô Sanh, cũng là đắc quang minh của Vô Sanh Pháp Nhẫn đó thôi.

"Lìa hết thảy tâm ý thức phân biệt": Nhận biết rõ ràng thì gọi là Thức, tức là nói đến thức thứ sáu. Suy tính thì gọi là Ý, tức là nói đến thứ bảy. Tích tụ thì gọi là Tâm, nhằm nói đến thức thứ tám. Nhưng trong thức thứ tám có ba tướng là nghiệp tướng, chuyển tướng, và hiện tướng. Nay cái bị rời lìa chính là hiện tướng, tức là cái được gọi là "hiện thức" trong kinh Lăng Già. "Phân biệt": Các thức thứ sáu, bảy, tám tuy thô hay tế khác nhau, nhưng mỗi thức đều có đủ thứ phân biệt. Nay đã đạt đến Bát Địa thì hết thảy đều rời lìa).

(Sớ) Di viễn giả, yếm sanh vi hoạn, cực dục diệt sanh dĩ quy ư vô, nhi diệt phi chân diệt, chỉ ích cù lao, chung thành luân chuyển, như ngưu hoại xa, cổ hữu minh dụ.

(Diễn) Diệt phi chân diệt giả, nãi đoạn diệt chi diệt, phi tịch diệt chi diệt dã. Đoạn diệt chi diệt nãi vọng diệt, tịch diệt chi diệt vi chân diệt. Lăng Nghiêm vân: "Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền", thị dã. Chung thành luân chuyển giả, như vô tưởng ngoại đạo, ngũ bách kiếp Định lực dĩ quá, Trung Hữu hiện tiền, báng A La Hán, thân tao Hậu Hữu, đọa lạc địa ngục, luân chuyển chư thú dã. Như ngưu hoại xa giả, ngưu dĩ khiên xa vi khổ, đảo hoại kỳ xa, chủ nhân phục tạo. Như nhân yếm thân vi khổ, tốc diệt kỳ thân, bất tri thử thân tuy diệt, phục thọ dư thân.

(疏)彌遠者，厭生為患，亟欲滅生以歸於無，而滅非真滅，祇益劬勞，終成輪轉，如牛壞車，古有明喻。

(演)滅非真滅者，乃斷滅之滅，非寂滅之滅也。斷滅之滅乃妄滅，寂滅之滅為真滅。楞嚴云：生滅既滅，寂滅現前是也。終成輪轉者，如無想外道，五百劫定力已過，中有現前，謗阿羅漢，身遭後有，墮落地獄，輪轉諸趣也。如牛壞車者，牛以牽車為苦，倒壞其車，主人復造。如人厭身為苦，速滅其身，不知此身雖滅，復受餘身。

*(**Sớ**: "Càng xa": Chán ngán sanh mạng là nỗi lo sầu, cực lực muốn diệt sanh mạng để trở về Không, nhưng diệt chẳng phải là thật sự diệt, chỉ càng tăng thêm nhọc nhằn, rốt cuộc trở thành luân chuyển, như bò phá xe, cổ nhân đã có tỷ dụ rành rành.*

***Diễn**: "Diệt chẳng phải là thật sự diệt" tức là diệt trong đoạn diệt, chẳng là diệt theo kiểu tịch diệt. Diệt theo kiểu đoạn diệt là vọng diệt, diệt theo kiểu tịch diệt là chân diệt. Kinh Lăng Nghiêm chép: "Sanh diệt đã diệt, tịch diệt hiện tiền" là nói về ý này. "Rốt cuộc trở thành luân chuyển": Như vô tưởng ngoại đạo, sau năm trăm kiếp, Định lực đã hết, Trung Hữu hiện tiền, liền phỉ báng A La Hán, thọ thân Hậu Hữu, đọa lạc địa ngục, luân chuyển trong các đường.*

"Như bò phá xe": Bò thấy kéo xe khổ sở, bèn phá hoại cái xe ấy, chủ nhân lại tạo [cái xe mới]. Như người chán thân khổ sở, nhanh chóng diệt cái thân ấy, chẳng biết thân này tuy diệt, lại thọ thân khác).

(Sớ) Kim chuyên niệm Phật, phát nguyện vãng sanh, sanh bỉ quốc dĩ, hoa khai kiến Phật, thức tự bổn tâm, bổn tự bất sanh, sanh diệc hà ngại? Sở vị: Xí nhiên cầu sanh, nhi bất quai ư Vô Sanh chi lý. Chung nhật sanh, nhi vị thường sanh giả, nãi sở dĩ vi chân Vô Sanh dã. Hữu sanh nhi ngộ Vô Sanh, cố vân "nhập Hữu đắc Không". Sanh thuộc phàm phu, nhi nhân sanh Vô Sanh, cố vân "tức phàm thành thánh, tựu lộ hoàn gia". Tiềm siêu mật độ, nan tư, nan nghị, cố vân "thông huyền". Thúc nhĩ chuyển di, như bình địa thăng thiên, bạch y sậu quý; cố vân "hoán cốt". Xả bí quyết nhi canh không ngôn, khí thần đan nhi phục cuồng dược, khởi bất đại khả ai tai!

(Diễn) Cầu sanh nhi phi quai Vô Sanh giả, Chứng Đạo Ca vân: "Thùy vô niệm, thùy vô sanh? Nhược thật vô sanh, vô bất sanh. Hoán thủ cơ quan mộc nhân vấn, cầu Phật thi công tảo vãn thành". Thăng tiên, như Hứa Tiên bạt trạch phi thăng, Tiêu Sử thừa loan vũ hóa. Sậu quý, như Ngu Thuấn phát ư quyển mẫu, Giao Cách cử ư ngư diêm. Xả bí quyết nhi canh không ngôn, vị bất niệm Di Đà, vi tầm văn sách nghĩa chi giáo. Khí thần đan nhi phục cuồng dược, vị bất cầu Tịnh Độ, vi bộ phong tróc ảnh chi Thiền!

(疏)今專念佛，發願往生，生彼國已，華開見佛，識自本心，本自不生，生亦何礙？所謂熾然求生，而不乖於無生之理，終日生而未嘗生者，乃所以為真無生也。有生而悟無生。故云入有得空。生屬凡夫。而因生無生。故云即凡成聖。就路還家。潛超密度。難思難議。故云通玄。倏爾轉移。如平地升遷。白衣驟貴。故云換骨。捨秘訣而耕空言棄神丹而服狂藥。豈不大可哀哉。

(演)求生而不乖無生者，證道歌云：誰無念誰無生？若實無生無不生。喚取機關木人問，求佛施功早晚成。升仙，如許仙拔宅飛昇，蕭史乘鸞羽化。驟貴，如虞舜發於畎畝，膠鬲舉於魚塩。捨秘訣而耕空言，謂不念彌陀，為尋文索義之教。棄神丹而服狂藥，謂不求淨土，為捕風捉影之禪。

*(**Sớ**: Nay chuyên niệm Phật, phát nguyện vãng sanh. Đã sanh về cõi ấy, hoa nở, thấy Phật, nhận biết bổn tâm vốn tự bất sanh, có sanh cũng chẳng ngăn ngại gì? Đó gọi là "náo nức cầu sanh mà chẳng trái nghịch*

lý Vô Sanh, suốt ngày sanh mà chưa hề sanh". Đấy mới chính là Vô Sanh thật sự vậy. Có sanh mà ngộ Vô Sanh, nên bảo là "nhập Hữu đắc Không". Sanh thuộc về phàm phu, nhưng do sanh mà vô sanh; cho nên nói: "Từ ngay địa vị phàm phu mà thành thánh, theo đường về nhà". Thầm siêu, ngầm độ, khó nghĩ, khó bàn; vì thế bảo: "Thông hiểu đạo huyền". Phút chốc chuyển dời, như từ đất bằng mà vọt lên, áo trắng mà chợt thành sang quý. Do vậy nói là "hoán cốt" (thay xương). Bỏ bí quyết để cày bừa nơi lời suông, vứt thần đan để uống thuốc nhảm, há chẳng đáng đau buồn quá đỗi ư!

***Diễn**: "Cầu sanh mà chẳng trái nghịch Vô Sanh": Chứng Đạo Ca viết: "Ai vô niệm, ai vô sanh? Nếu thật sự vô sanh thì không gì chẳng sanh! Thay đổi cơ quan, hỏi người gỗ, cầu Phật dụng công sáng tối thành".*

"Lên tiên": Như Hứa Tiên cả nhà cùng phi thăng, Tiêu Sử cưỡi chim loan thoát trần. "Chợt thành sanh quý" như Ngu Thuấn từ chốn ruộng đồng mà được trọng dụng, Giao Cách được nâng đỡ từ nơi bãi cá muối. "Bỏ bí quyết để cày bừa nơi lời suông" tức là chẳng niệm Di Đà, mà tuân theo dò văn tìm nghĩa. "Vứt thần đan để uống thuốc nhảm" là chẳng cầu sanh Tịnh Độ, cứ hành Thiền theo kiểu đuổi gió, bắt ảnh!)

Thập, phục minh kính lộ tu hành, kính trung chi kính giả, thử hữu nhị nghĩa: Nhất giả, dư môn học đạo, vạn lý điều dao. Niệm Phật vãng sanh, cổ xưng "kính lộ". Nhi niệm Phật nhất pháp, phục hữu đa môn; kim thử Trì Danh thị vi kính lộ chi trung, kính nhi hựu kính. Hạc xung, bằng cử, ký sậu, long phi, bất tật, bất hành, nhi tốc, nhi chí, kính trung kính hỹ.

(Diễn) Vạn lý điều dao giả, tiệm tiệm đoạn Hoặc, tiệm tiệm chứng Chân, tiệm ly sanh tử. Hạc xung, bằng cử giả, cổ vân: "Bách điểu bất đáo xứ, ưng năng đáo; ưng bất đáo xứ, hạc năng đáo". Hựu Nam Hoa vân: "Bắc hải hữu ngư, kỳ danh viết Côn. Côn chi đại, bất tri kỳ kỷ thiên lý dã. Hóa nhi vi bằng, nộ nhi phi. Kỳ dực nhược thùy thiên chi vân, đoàn phù dao nhi thượng giả, cửu vạn lý khứ. Dĩ lục nguyệt tức giả dã". Ký sậu, long phi giả, phàm mã nhật hành bất quá bách lý, lương ký hữu truy phong trục điện chi năng. Nhiên bất cập thần long biến hóa phi đằng, nhân mạc năng trắc dã.

十、復明徑路修行，徑中之徑者，此有二義：一者，餘門學道，萬理迢遙，念佛往生，古稱徑路。而念佛一法，

復有多門，今此持名，是為徑路之中，徑而又徑，鶴沖鵬舉，驥驟龍飛，不疾不行，而速而至，徑中徑矣。

(演)萬里迢遙者，漸漸斷惑，漸漸證真，漸離生死。鶴沖鵬舉者，古云：百鳥不到處鷹能到，鷹不到處鶴能到。又南華云：北海有魚，其名曰鯤。鯤之大，不知其幾千里也。化而為鵬，怒而飛。其翼若垂天之雲，摶扶搖而上者，九萬里去。以六月息者也。驥驟，龍飛者，凡馬日行不過百里，良驥有追風逐電之能。然不及神龍變化飛騰，人莫能測也。

(Mười là lại nói rõ [pháp môn này là] đường tắt nhất trong các đường tắt tu hành, ở đây có hai nghĩa: Một là học đạo trong các môn khác [như đi đường] xa xôi vạn dặm. Niệm Phật vãng sanh được cổ nhân gọi là "đường tắt", nhưng trong pháp Niệm Phật lại có nhiều môn. Nay môn Trì Danh là đường tắt hơn con đường tắt nhất trong các con đường tắt. Hạc tung mình, đại bàng cất cánh, ngựa Ký phi, rồng bay, không nhanh mà lẹ, không đi mà tới, là đường tắt nhất trong các con đường tắt vậy.

***Diễn**: "Xa xôi vạn dặm": Dần dần đoạn Hoặc, dần dần chứng Chân, dần dần lìa sanh tử. "Hạc tung mình, đại bàng cất cánh": Cổ nhân nói: "Trăm loài chim chẳng thể đến chỗ chim ưng có thể đến. Chỗ chim ưng chẳng đến nổi, hạc có thể đến". Lại nữa, Nam Hoa Kinh (sách Trang Tử) viết: "Biển Bắc có loài cá tên là Côn. Côn to lớn chẳng biết là mấy ngàn dặm. Nó hóa thành chim Bằng, giận dữ bay lên. Cánh nó như mây che trời, vỗ cánh ầm ầm bay lên cao đến chín vạn dặm. Đến tháng Sáu, nó bèn ngơi nghỉ".*

"Ngựa Ký phi, rồng bay": Ngựa thường mỗi ngày chẳng đi hơn trăm dặm. Ngựa Ký giỏi có khả năng chạy đuổi kịp gió, kịp chớp; nhưng chẳng bằng thần long biến hóa bay vọt lên, loài người chẳng thể suy lường được).

(Sớ) Nhị nghĩa giả: Nhất thị giảo lượng ư đa chủng tịnh nghiệp. Nhị thị giản biệt ư bổn bộ đại bổn. Cố vân "kính lộ chi kính lộ" dã.

(Diễn) Đa chủng tịnh nghiệp, như Quán Kinh tu Quán, Cổ Âm trì chú đẳng. Kim dĩ trì danh dữ chi giảo lượng, tắc bỉ thị kính lộ, trì danh thị kính trung kính dã. Bổn bộ, Đại Bổn, tức quảng trần y chánh

bị tải tu trì đẳng, kim dĩ trì danh vi chi giản biệt, tắc bỉ thị kính lộ, trì danh hựu kính trung kính dã.

(疏)二義者，一是較量於多種淨業。二是揀別於本部大本。故云徑路之徑路也。

(演)多種淨業，如觀經修觀，鼓音持咒等。今以持名與之較量，則彼是徑路，持名是徑中徑也。本部大本，即廣陳依正備載修持等，今以持名為之揀別　，則彼是徑路，持名又徑中徑也。

*(**Sớ**: "Hai nghĩa": Một là so sánh nhiều thứ tịnh nghiệp. Hai là nhằm phân biệt giữa kinh này và Đại Bổn. Cho nên nói "đường tắt nhất trong các đường tắt".*

***Diễn**: "Nhiều thứ tịnh nghiệp": Như Quán Kinh tu Quán, kinh Cổ Âm Thanh Vương dạy trì chú v.v... Nay so sánh với pháp trì danh thì những pháp kia là đường tắt, trì danh là đường tắt nhất trong các đường tắt. [So sánh giữa] kinh này và Đại Bổn tức là trần thuật rộng rãi y báo và chánh báo chép cặn kẽ pháp tu trì v.v... Nay đem pháp trì danh để so sánh tách bạch thì kinh kia là đường tắt, mà trì danh lại là đường tắt nhất trong các đường tắt vậy).*

(Sớ) Kính lộ giả, lộ tiểu nhi tiệp, danh Kính. Tiểu dụ niệm Phật vi lực chi giản dị. Tiệp dụ niệm Phật thành công chi tấn tốc. Thiện Đạo đại sư kệ vân: "Duy hữu kính lộ tu hành, đản niệm A Di Đà Phật", thị dã. Cố vân: "Dư môn học đạo, danh thụ xuất tam giới, niệm Phật vãng sanh, danh hoành xuất tam giới. Như trùng tại trúc, thụ tắc lịch tiết nan thông, hoành tắc nhất thời thấu thoát". Dư môn chi tỷ niệm Phật, tắc niệm Phật vi tốc hỹ.

(Diễn) Thụ xuất tam giới giả, tiên đoạn Dục Giới cửu phẩm Tư, phương xuất Dục Giới. Thứ đoạn Sắc Giới tam thập lục phẩm Tư, phương ly Sắc Giới. Thứ đoạn Tứ Không tam thập lục phẩm Tư, phương siêu Vô Sắc Giới. Hựu tiên tu căn bản Tứ Thiền, phương xuất Dục Giới. Thứ tu Tứ Không Định, phương ly Sắc Giới. Thứ tu Diệt Tận Định, phương siêu Vô Sắc Giới. Hoành xuất giả, tức bất đoạn Hoặc bất tu Thiền, đản đắc xưng danh nhất tâm, tiện đới Hoặc vãng sanh xuất tam giới dã.

(疏)徑路者，路小而捷名徑。小喻念佛為力之簡易。捷喻念佛成功之迅速。善導大師偈云：唯有徑路修行，但念阿彌陀佛，是也。故云：餘門學道，名豎出三界；念佛往生，名橫出三界。如蟲在竹，豎則歷節難通，橫則一時透脫。餘門之比念佛，則念佛為速矣。

(演)豎出三界者，先斷欲界九品思，方出欲界。次斷色界三十六品思，方離色界。次斷四空三十六品思，方超無色界。又先修根本四禪，方出欲界。次修四空定，方離色界。次修滅盡定，方超無色界。橫出者，即不斷惑不修禪，但得稱名一心，便帶惑往生出三界也。

*(**Sớ**: "Kính lộ" là con đường nhỏ mà đạt tới nơi nhanh nhất thì gọi là Kính. Chữ "tiểu" nhằm sánh ví niệm Phật hết sức đơn giản, dễ dàng. Chữ "tiệp" nhằm sánh ví niệm Phật thành công nhanh chóng. Thiện Đạo đại sư có bài kệ: "Chỉ có nẻo tắt tu hành, chỉ niệm A Di Đà Phật" chính là nói về điều này.*

Cho nên nói: "Học đạo trong các môn khác gọi là thoát tam giới theo chiều dọc, niệm Phật là vượt tam giới theo chiều ngang". Như con sâu trong ống tre, [muốn thoát ra] theo chiều dọc, phải vượt qua từng đốt, khó thể thông suốt; theo chiều ngang thì một lúc là lọt ra ngay. Những môn khác đem so sánh với Niệm Phật thì Niệm Phật là nhanh chóng vậy.

***Diễn**: "Vượt thoát tam giới theo chiều dọc": Trước hết, đoạn chín phẩm Tư Hoặc thuộc Dục Giới mới thoát khỏi Dục Giới. Kế đó, đoạn ba mươi sáu phẩm Tư Hoặc thuộc Sắc Giới, mới lìa Sắc Giới. Kế đó, đoạn ba mươi sáu phẩm Tư Hoặc thuộc Tứ Không mới vượt thoát Vô Sắc Giới. Lại nữa, trước hết tu Căn Bản Tứ Thiền thì mới thoát khỏi Dục Giới. Kế đó, tu Tứ Không Định mới thoát khỏi Sắc Giới. Kế đó, tu Diệt Tận Định mới thoát khỏi Vô Sắc Giới. "Vượt tam giới theo chiều ngang" tức là chẳng đoạn Hoặc, chẳng tu Thiền, chỉ do xưng danh đắc nhất tâm bèn mang theo Hoặc (phiền não) vãng sanh, thoát khỏi tam giới).*

(Sớ) Niệm Phật phục hữu đa môn giả, như hậu văn trung sở khai Thật Tướng Niệm Phật tứ chủng, nãi chí vạn hạnh hồi hướng đẳng. Thật Tướng chi Phật, tuy vân bổn cụ, nhi chúng sanh chướng trọng, giải ngộ giả hy. Hạ thử sổ môn: Quán Tượng, tắc tượng khứ, hoàn vô; nhân thành gián đoạn. Quán Tưởng, tắc tâm thô, cảnh tế; diệu quán

nan thành. Vạn hạnh, tắc sở tác phồn đa, trọng xứ thiên trụy. Duy thử Trì Danh nhất pháp, giản yếu trực tiệp; đản năng kế niệm, tiện đắc vãng sanh. Cổ nhân vị: "Ký đắc kiến Di Đà, hà sầu bất khai ngộ?" Tắc bất kỳ Thật Tướng, nhi Thật Tướng khế yên! Cố niệm Phật vi tu hành kính lộ, nhi trì danh hựu niệm Phật trung chi kính lộ dã.

(Diễn) Trọng xứ thiên trụy giả, tức tiền vân: "Dĩ Thí Giới lực, hoặc tác vương thần phú quý tự tại, nãi chí quảng tác chúng tội. Do thử đọa lạc" đẳng.

(疏)念佛復有多門者，如後文中所開實相念佛四種。乃至萬行回向等。實相之佛，雖云本具，而眾生障重，解悟者希。下此數門：觀像，則像去還無，因成間斷。觀想，則心粗境細，妙觀難成。萬行，則所作繁多，重處偏墜。唯此持名一法，簡要直捷。但能繼念，便得往生。古人謂：既得見彌陀，何愁不開悟？則不期實相而實相契焉。故念佛為修行徑路，而持名又念佛中之徑路也。

(演)重處偏墜者，如前云：以施戒力，或作王臣富貴自在，乃至廣作眾罪。由此墮落等。

*(**Sớ**: Niệm Phật lại có nhiều môn, như trong phần kinh văn ở phía sau nói có bốn cách niệm Phật như Thật Tướng Niệm Phật v.v... Cho đến muôn hạnh hồi hướng v.v... Đức Phật nơi Thật Tướng tuy nói là "sẵn có", nhưng chúng sanh chướng nặng, kẻ giải ngộ hiếm hoi. Trong mấy môn [niệm Phật] kế tiếp, như Quán Tượng thì hễ rời khỏi tượng, sẽ lại không có gì; do vậy, trở thành gián đoạn. Quán Tưởng thì tâm thô tháp, cảnh vi tế, phép Quán mầu nhiệm khó thành tựu. Vạn hạnh thì việc làm đông nhiều, coi trọng chỗ nào, sẽ rớt vào nơi đó. Chỉ có pháp Trì Danh này, đơn giản, trọng yếu, thẳng thừng, nhanh chóng. Chỉ cần niệm liên tục, liền được vãng sanh.*

Cổ nhân nói: "Đã được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ?" Đấy là chẳng mong cầu Thật Tướng, mà lại khế hợp Thật Tướng vậy. Vì thế, niệm Phật là đường tắt trong sự tu hành, nhưng trì danh lại là đường tắt nhất trong pháp môn Niệm Phật.

***Diễn**: "Coi trọng chỗ nào sẽ rớt vào nơi đó": [Chẳng hạn như] do sức của Thí và Giới mà [thân sau] có thể trở thành vua, quan phú quý, tự tại, thậm chí rộng tạo các tội. Do vậy bị đọa lạc v.v...)*

(Sớ) Hạc xung dĩ quá phàm cầm, tranh như bằng cử. Ký sậu tuy siêu quần mã, vị cập long phi, giai thượng dụ niệm Phật, hạ dụ trì danh niệm Phật dã. Bất tật bất hành giả, Dịch Hệ Từ viết: "Dịch vô tư dã, vô vi dã, tịch nhiên bất động, cảm nhi toại thông thiên hạ chi cố". Phi thiên hạ chi chí thần, kỳ thục năng dữ ư thử".

(Diễn) Dịch vô tư, vô vi đẳng giả, phàm vật hữu tâm tất hữu tư, duy Dịch vô tâm dã. Hà hữu ư tư, hà hữu ư vi? Phương kỳ thi vị điệp, quái vị cầu, Từ chiêm Tượng biến, ẩn nhi vô tích, tịch nhiên bất động hỹ. Cập kỳ cảm nhi điệp thi cầu quái dã, tắc thọ mạng như hưởng nhi lai vật chi, toại tri thông biến cực số, nhi hào tượng chi tất tiết, toại thông thiên hạ chi cố dã. Cái vô tư nhi vô bất tư, vô vi nhi vô bất vi, cực thiên hạ chi chí thần, nãi năng như thử. Bất nhiên, tịch tắc luân ư tĩnh hỹ, cảm tắc trệ ư động hỹ. Kỳ thục năng tịch năng cảm chi như thử tai!

(疏)鶴沖已過凡禽。爭如鵬舉。驥驟雖超群馬，未及龍飛。皆上喻念佛，下喻持名念佛也。不疾不行者，易繫詞曰：易無思也，無為也，寂然不動，感而遂通天下之故，非天下之至神，其孰能與於此。

(演)易無思無為等者，凡物有心必有思，惟易無心也。何有於思，何有於為？方其蓍未揲，卦未求，辭占象變，隱而無蹟，寂然不動矣。及其感而揲蓍求卦也，則受命如響而來物之，遂知通變極數，而爻象之畢洩，遂通天下之故也。蓋無思而無不思，無為而無不為，極天下之至神，乃能如此。不然，寂則淪於靜矣，感則滯於動矣。其孰能寂能感之如此哉！

*(**Sớ**: Hạc bay cao hơn các loài chim tầm thường, nhưng vẫn chẳng bằng đại bàng sải cánh. Ngựa Ký phi tuy vượt trội hơn các loài ngựa khác, vẫn chưa bằng rồng bay. Trong những thí dụ này, thí dụ trước (chim hạc, ngựa Ký) đều nhằm sánh ví các pháp niệm Phật, thí dụ sau (đại bàng, rồng) nhằm sánh ví pháp trì danh niệm Phật. "Bất tật, bất hành" là như phần Hệ Từ trong kinh Dịch có đoạn viết: "Dịch là không suy nghĩ, không làm, lặng lẽ, bất động, mà hễ cảm bèn thông thấu thiên hạ". Chẳng phải là tột bậc thần diệu trong thiên hạ thì còn điều nào khác có thể được như thế.*

***Diễn**: "Dịch không suy nghĩ, không làm…": Phàm chúng sanh có tâm, ắt có suy nghĩ. Chỉ có Dịch không có tâm, làm sao có suy nghĩ, làm*

sao có làm? Do vậy, trước khi xếp đặt cỏ Thi [để bói toán], chưa cầu thành quẻ, dựa theo Hệ Từ để chiêm nghiệm quẻ Tượng biến đổi thì [những điều biến đổi trong quẻ Dịch] sẽ ẩn kín, không dấu vết, lặng lẽ, bất động. Tới khi do tâm dấy động, bèn xếp đặt cỏ Thi để tìm quẻ, ắt Dịch sẽ vâng mạng như tiếng vang [ứng theo tiếng gọi] mà ứng hiện, khiến cho [người bói toán] sẽ biết cùng cực số mục thông, biến; từ sự tiết lộ trọn vẹn của hào tượng mà thông hiểu duyên do trong thiên hạ. Ấy chính là không suy nghĩ mà không gì chẳng suy nghĩ, không làm mà không gì chẳng làm. Thần diệu cùng cực tột bậc trong thiên hạ thì mới có thể như thế. Nếu không, tịch sẽ chìm đắm trong tĩnh, cảm sẽ vướng mắc nơi động. Có pháp gì khác mà có thể tịch, có thể cảm như thế hay chăng!)

(Sớ) Duy thần dã, bất tật nhi tốc, bất hành nhi chí. Ý vị tật nhi hậu tốc, hành nhi hậu chí giả, vật chi thường dã. Thi quái chi thể, tịch vô tư vi, nhi hữu cảm tức thông, thị bất tật nhi tốc, bất hành nhi chí, diệu vạn vật nhi vị chi thần dã. Dẫn thử dĩ minh chư môn Niệm Phật, tuy đồng viết vãng sanh, nhi vi lực sảo nan, vi thời sảo cửu, thị tu hành, tu tật, nãi chí, nãi tốc dã. Kim tắc bất kê tuế nguyệt, bất giả tác vi, thất nhật nhất tâm, tức sanh bỉ quốc, hà kỳ thần diệu nhất chí thị dã?

(Diễn) Vi lực sảo nan, thị bất thậm giản dị, tu hành nãi chí dã. Vi thời sảo cửu, thị bất cực tấn tốc, tu tật nãi tốc dã. Bất kê tuế nguyệt, thị cực tấn tốc, bất tật nhi tốc dã. Bất giả tác vi, thị cực giản dị, bất hành nhi chí dã.

(疏)唯神也，不疾而速，不行而至。意謂疾而後速，行而後至者，物之常也。蓍卦之體，寂無思為，而有感即通，是不疾而速，不行而至，妙萬物而謂之神也。引此以明諸門念佛，雖同曰往生，而為力稍難，為時稍久，是須行須疾，乃至乃速也。今則不稽歲月，不假作為，七日一心，即生彼國，何其神妙一至是也？

(演)為力稍難，是不甚簡易，須行乃至也。為時稍久，是不極迅速，須疾乃速也。不稽歲月，是極迅速，不疾而速也。不假作為，是極簡易，不行而至也。

*(**Sớ**: Chỉ có mình nó là thần diệu, chẳng lẹ làng mà nhanh chóng, chẳng đi mà đến. Ý nói "có nhanh rồi mới lẹ, có đi rồi mới tới" là lẽ thường của muôn vật. Xét về Thể của việc xủ quẻ bằng cỏ Thi là lặng lẽ,*

không suy nghĩ, hành động, nhưng hễ có cảm bèn thông. Đấy là chẳng nhanh mà lẹ, chẳng đi mà đến, mầu nhiệm hơn vạn vật, cho nên gọi là "thần".

Dẫn điều này để chỉ rõ: Các môn Niệm Phật tuy đều nói là [do hành trì các môn ấy bèn được] vãng sanh, nhưng công sức tu tập khá khó khăn, thời gian tu tập khá lâu dài, cần phải đi, cần phải nhanh thì mới có thể đạt đến, mới có thể mau chóng. Nay chẳng kể đến năm tháng, chẳng cần phải thực hiện [những Phật hạnh nào khác], bảy ngày nhất tâm, bèn sanh về cõi ấy, có pháp nào khác thần diệu đến mức như vậy hay chăng?

***Diễn**: "Công sức tu tập khá khó khăn" là chẳng đơn giản, chẳng dễ dàng cho lắm, cần phải hành thì mới đạt đến. "Thời gian tu tập khá lâu dài" là chẳng tột bậc nhanh chóng, cần phải nhanh chóng thì mới mau lẹ được. "Chẳng kể đến năm tháng" tức là tột bậc nhanh chóng, không cần phải nhanh lẹ mà vẫn mau chóng. "Không cần phải thực hiện" là tột bậc đơn giản, dễ dàng, chẳng đi mà đến vậy!)*

(Sớ) Cố Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm Sao vân: "Đại Tạng trung sổ bách dư bổn, hoặc kinh, hoặc luận, thuyết tu bỉ nhân, nhiên giai cần tích, nãi đắc vãng sanh. Kim đản xưng danh, tiện đăng Bất Thoái, khởi phi kính nhi phục kính giả tai?"

(疏)故普賢行願品鈔云：大藏中數百餘本，或經或論，說修彼因，然皆勤積，乃得往生。今但稱名，便登不退，豈非徑而復徑者哉？

*(**Sớ**: Vì thế, lời Sao cho phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện [trong bộ Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao] nói: "Trong Đại Tạng Kinh có hơn mấy trăm cuốn kinh hoặc luận nói đến chuyện tu cái nhân ấy, nhưng đều phải siêng năng [tu tập] dài lâu thì mới được vãng sanh. Nay chỉ xưng danh liền lên địa vị Bất Thoái, há chẳng phải là đường đã tắt lại còn tắt hơn nữa đó ư?")*

Nhị giả, Vô Lượng Thọ kinh, quảng trần y chánh, bị tải tu trì, kim thử kinh giả, sùng giản khử phồn, cử ước cai bác, cánh vô tha thuyết, đơn chỉ trì danh, đản đắc nhất tâm, tiện sanh bỉ quốc, khả vị dũ giản, dũ ước, dũ diệu, dũ huyền, kính trung kính hỹ.

(Diễn) Quảng trần y chánh giả, Tiểu Bổn y báo như trì thủy, tắc đản viết hữu thất bảo trì, bát công đức thủy. Đại Bổn tắc quảng đàm trì chi lượng, trì chi số, cập thủy chi tùy tâm tác dụng đẳng. Tiểu Bổn

chánh báo, như đệ tử, tắc đản viết Thanh Văn đệ tử vô lượng vô biên. Đại Bổn tắc quảng đàm chư thượng, thiện nhân, giảng kinh, tụng kinh, thính kinh, tọa Thiền đẳng, bị tải tu trì giả. Thử tắc chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. Đại Bổn tắc bị thuyết xả gia ly tục, nhi tác Sa-môn đẳng, huyền tăng, tán hoa, phạn thực Tăng chúng đẳng. Phồn giản tựu kinh văn thuyết, bác ước tựu hành môn thuyết. Hựu cánh vô tha thuyết, đơn chỉ trì danh, chánh thị sùng giản khử phồn, đản đắc nhất tâm, tiện sanh bỉ quốc, chánh thị cử ước cai bác.

二者，無量壽經，廣陳依正，備載修持，今此經者，崇簡去繁，舉約該博，更無他說，單指持名，但得一心，便生彼國，可謂愈簡愈約，愈妙愈玄，徑中徑矣。

(演**)**廣陳依正者，小本依報如池水，則但曰有七寶池，八功德水。大本則廣談池之量，池之數，及水之隨心作用等。小本正報，如弟子，則但曰聲聞弟子無量無邊。大本則廣談諸上善人，講經誦經聽經，坐禪等，備載修持者。此則執持名號，一心不亂。大本則備說捨家離俗，而作沙門等，懸繒散花，飯食僧眾等。繁簡就經文說，博約就行門說。又更無他說，單指持名，正是崇簡去繁，但得一心，便生彼國，正是舉約該博。

(Hai là kinh Vô Lượng Thọ trần thuật cặn kẽ y báo và chánh báo, chép chi tiết về sự tu trì. Nay kinh này chuộng đơn giản, bỏ rườm rà, nêu lên những nét chánh yếu mà bao gồm rộng rãi [các ẩn nghĩa], trọn chẳng nói chuyện khác, chỉ có dạy phép trì danh, chỉ cần đạt được nhất tâm, sẽ sanh về cõi ấy, có thể nói là càng đơn giản, càng ước lược thì càng diệu, càng huyền, là đường tắt nhất trong các đường tắt.

***Diễn**: "Trần thuật cặn kẽ y báo và chánh báo": Trong Tiểu Bổn, đối với y báo như nước ao, chỉ nói là có ao bảy báu, nước tám công đức; Đại Bổn thì nói cặn kẽ kích thước của ao, số lượng ao, và tác dụng tùy tâm của nước v.v... Chánh báo trong Tiểu Bổn thì như đối với đệ tử, chỉ nói đệ tử Thanh Văn vô lượng, vô biên; Đại Bổn thì nói cặn kẽ thượng thủ, thiện nhân, giảng kinh, tụng kinh, nghe kinh, tọa Thiền v.v... chép cặn kẽ sự tu trì.*

Kinh này (kinh A Di Đà) thì chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn; Đại Bổn bèn nói chi tiết "bỏ nhà, lìa cõi tục để làm Sa-môn" v.v... "treo phan lọng, rải hoa, đãi cơm chư Tăng" v.v... Rườm rà hay đơn giản là xét

theo kinh văn; rộng rãi hay ước lược là nói theo hành môn. Lại chẳng nói gì khác, chỉ nêu bày trì danh, chính là đề cao đơn giản, bỏ rườm rà. Chỉ cần đắc nhất tâm, sẽ sanh về cõi ấy, chính là nêu ra pháp ước lược mà bao gồm rộng rãi).

(Sớ) Vô Lượng Thọ Kinh, tường kiến bộ loại dịch thích nhị môn. Dĩ đối kim kinh, thế xưng Đại Bổn, cái bộ đồng, nhi quảng lược dị dã. Bỉ vị nhạo quảng giả thuyết, thử vị nhạo lược giả thuyết. Nhiên từ giản, nhi lý ích minh, Sự ước, nhi công bội thắng.

(Diễn) Vị nhạo quảng, nhạo lược giả, Như Lai thuyết pháp tùy cơ bất định, như lương y ứng bệnh thọ dược. Lăng Già vân: "Bỉ bỉ chư bệnh nhân, lương y tùy xử phương, chư Phật vị chúng sanh, tùy cơ ứng lượng thuyết". Từ giản nhi ích minh, tựu năng thuyên chi văn thuyết. Sự ước nhi bội thắng, chỉ sở thuyên chi nghĩa thuyết.

(疏)無量壽經，詳見部類譯釋二門。以對今經。世稱大本，蓋部同而廣略異也。彼為樂廣者說，此為樂略者說。然辭簡而理益明。事約而功倍勝。

(演)為樂廣樂略者，如來說法隨機不定，如良醫應病授藥。楞伽云：彼彼諸病人，良醫隨處方，諸佛為眾生，隨機應量說。辭簡而益明，就能詮之文說。事約而倍勝，指所詮之義說。

*(**Sớ**: Đối với kinh Vô Lượng Thọ, xem chi tiết trong hai môn "đồng bộ, đồng loại" và "phiên dịch, chú giải". Do so với bản kinh này, cõi đời bèn gọi kinh Vô Lượng Thọ là Đại Bổn. Bởi lẽ, kinh này và kinh ấy thuộc cùng một bộ, chỉ khác nhau ở chỗ nói chi tiết hay đại lược. Kinh kia vì kẻ thích chi tiết mà nói, kinh này vì người thích ước lược mà nói. Thế nhưng, [kinh Tiểu Bổn Di Đà] văn từ đơn giản, lý càng sáng tỏ. Về mặt Sự thì đơn giản, nhưng hiệu quả thù thắng bội phần.*

***Diễn**: "Vì người thích chi tiết, vì người thích ước lược": Như Lai thuyết pháp thuận theo căn cơ không nhất định, như lương y ứng theo bệnh mà kê thuốc. Kinh Lăng Già nói: "Tùy theo từng bệnh nhân, lương y bèn cắt thuốc. Chư Phật vì chúng sanh, tùy cơ ứng lượng nói". "Văn từ đơn giản mà lý càng sáng tỏ" là nói theo phía kinh văn. "Sự ước lược mà hiệu quả thù thắng bội phần" là nói theo những nghĩa lý được diễn tả trong kinh văn).*

(Sớ) Như Đại Bổn quảng đàm chư phước, nhi thử kinh vị đản trì danh hiệu, tức vi đa phước, đa thiện. Đại Bổn do phân tam bối, nhi thử kinh vị đản sanh bỉ quốc, câu đắc Bất Thoái Bồ Đề. Thị tắc bất độc vi chủng chủng Niệm Phật môn trung chi yếu, hựu ư bổn bộ trung chuyển cánh vi yếu, khả vị diệu trung chi diệu, huyền trung chi huyền, kính nhi phục kính giả hỹ.

(Diễn) Quảng đàm chư phước, tế phân tam bối, từ phồn dã. Đản trì danh hiệu, đản sanh bỉ quốc, từ giản dã. Tức vi đa thiện, đa phước, câu đắc Bất Thoái Bồ Đề, lý ích minh dã. Quảng đàm chư phước do phân tam bối, Sự bác dã. Đản trì danh hiệu, đản sanh bỉ quốc, Sự ước dã. Tức vi đa thiện, đa phước, câu đắc Bất Thoái Bồ Đề, công bội thắng dã.

(疏)如大本廣談諸福，而此經謂但持名號，即為多福多善。大本猶分三輩，而此經謂但生彼國，俱得不退菩提。是則不獨為種種念佛門中之要，又於本部中轉更為要，可謂妙中之妙，玄中之玄，徑而復徑者矣。

(演)廣談諸福，細分三輩，辭繁也。但持名號，但生彼國，辭簡也。即為多善多福，俱得不退菩提，理益明也。廣談諸福猶分三輩，事博也。但持名號，但生彼國，事約也。即為多善多福，俱得不退菩提，功倍勝也。

*(**Sớ**: Như kinh Đại Bổn nói rộng về các thứ phước, nhưng kinh này nói: "Chỉ trì danh hiệu thì chính là lắm phước, nhiều thiện". Kinh Đại Bổn còn chia [hành giả vãng sanh] thành ba bậc, nhưng kinh này nói "chỉ cần sanh về cõi ấy, đều đắc Bất Thoái Bồ Đề", như vậy thì chẳng phải chỉ có nó là môn trọng yếu trong các môn Niệm Phật ư?*

***Diễn**: "Nói rộng các phước, chia tỉ mỉ thành ba bậc" là ngôn từ rườm rà. "Chỉ trì danh hiệu, chỉ sanh về cõi ấy": Văn từ ước lược. "Chính là nhiều thiện, nhiều phước, cùng đắc Bất Thoái Bồ Đề", lý càng tỏ rõ. "Nói rộng các phước, còn chia tỉ mỉ thành ba bậc": Sự [được nêu bày] rộng rãi. "Chỉ trì danh hiệu, chỉ sanh về cõi ấy": Sự ước lược. "Chính là nhiều thiện, nhiều phước, đều đắc Bất Thoái Bồ Đề": Công thù thắng gấp bội).*

Như thượng biệt trung thập nghĩa; phục dĩ tiền cửu vi thông, hậu nhất vi biệt. Kiêm tiền tổng nghĩa, vi thử kinh giáo khởi chi sở nhân cố.

(Diễn) Tiền cửu vi thông giả, tiền chi cửu nhân thông tứ chủng niệm Phật. Hậu nhất vi biệt giả, hậu nhất kính trung chi kính, biệt tại trì danh. Kiêm tiền tổng nghĩa giả, tổng nhất đại thời giáo, vi nhất đại sự nhân duyên xuất hiện ư thế dã.

如上別中十義。復以前九為通，後一為別。兼前總義，為此經教起之所因故。

(演)前九為通者，前之九因通四種念佛。後一為別者，後一徑中之徑，別在持名。兼前總義者，總一代時教，為一大事因緣出現於世也。

(Như mười nghĩa đã nói trong phần Biệt Nhân Duyên trên đây, lại lấy chín điều đầu làm thông, một điều cuối làm biệt, gồm cả tổng nghĩa (ý nghĩa chung) trong phần trước trở thành nhân duyên khiến cho giáo pháp này được phát khởi.

***Diễn**: "Chín điều đầu là thông": Chín cái nhân đầu tiên áp dụng chung cho bốn loại niệm Phật. "Một điều cuối là biệt": Điều sau cùng là "đường tắt nhất trong các đường tắt" chỉ nói riêng về trì danh. "Gồm cả tổng nghĩa": Nói chung, giáo pháp trong suốt một đời đức Phật chính là đại sự nhân duyên khiến cho đức Phật xuất hiện trong cõi đời).*

(Sớ) Thông giả, thông minh Tịnh Độ chư kinh, giai đồng thử nhân cố. Biệt giả, biệt minh thử kinh chuyên trọng trì danh, dĩ trì danh vi nhân cố. Tổng giả, tức tiền tổng minh nhất thiết chư kinh, giai nhất đại sự dĩ vi nhân cố. Ngôn Phật thuyết thử kinh, vị giáo chúng sanh niệm Phật, vị giáo chúng sanh trì danh niệm Phật, vị giáo chúng sanh trì danh niệm Phật nhi nhập Phật tri kiến, dĩ liễu thử nhất tâm đại sự nhi dĩ. Hợp chi vi thử kinh giáo khởi chi sở nhân dã.

(Diễn) Vị giáo chúng sanh niệm Phật giả, bất giáo chúng sanh tu dư hạnh, thử cú chỉ tiền cửu nhân. Do thông tứ chủng niệm Phật, vị giáo hóa chúng sanh trì danh niệm Phật giả, bất giáo chúng sanh quán tượng niệm Phật đẳng. Thử cú chỉ hậu nhất nhân, duy trì danh niệm Phật. Vị giáo chúng sanh trì danh niệm Phật, nhi nhập Phật tri kiến giả, bất giáo chúng sanh niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ nhi dĩ! Thử cú kiêm tiền tổng nghĩa, vi nhập Phật tri kiến dã.

(疏)通者，通明淨土諸經，皆同此因故。別者，別明此經專重持名，以持名為因故。總者，即前總明一切諸經，

皆一大事以為因故。言佛說此經，為教眾生念佛，為教眾生持名念佛，為教眾生持名念佛而入佛知見，以了此一心大事而已。合之為此經教起之所因也。

(演)為教眾生念佛者。不教眾生修餘行 。此句指前九因。猶通四種念佛。為教眾生持名念佛者。不教眾生觀像念佛等。此句指後一因。唯持名念佛。為教眾生持名念佛。而入佛知見者。不教眾生念佛往生淨土而已。此句兼前總義。為入佛知見也。

*(**Sớ**: "Thông" là nêu rõ toàn bộ các kinh Tịnh Độ đều có cùng cái nhân này. Biệt là riêng nêu kinh này chuyên chú trọng trì danh, vì lấy trì danh làm nhân. Tổng chính là như trong phần trước đã nói tổng quát: "Hết thảy các kinh đều lấy một đại sự làm nhân". Nêu ra đức Phật nói kinh này là vì dạy chúng sanh niệm Phật, vì dạy chúng sanh trì danh niệm Phật, vì dạy chúng sanh dùng trì danh niệm Phật để nhập tri kiến của Phật, nhằm liễu giải đại sự nhất tâm này mà thôi! Hợp những điều này lại thì chính là nhân duyên phát khởi giáo pháp này vậy.*

***Diễn**: "Vì dạy chúng sanh niệm Phật": Chẳng dạy chúng sanh tu các hạnh khác, câu này chỉ chín cái nhân đầu [trong mười cái nhân vừa kể trên đây]. Do những điều ấy là đặc điểm chung của bốn loại niệm Phật. "Vì giáo hóa chúng sanh trì danh niệm Phật, chẳng dạy chúng sanh tu quán tượng niệm Phật v.v...": Câu này chỉ cái nhân cuối cùng, tức là chỉ trì danh niệm Phật. "Vì dạy chúng sanh trì danh niệm Phật để nhập tri kiến của Phật": Chẳng nhằm dạy chúng sanh niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ mà thôi! Câu này bao gồm ý nghĩa tổng quát, tức là nhập Phật tri kiến).*

Nhị, Tạng Giáo đẳng nhiếp (tam): Sơ, Tạng nhiếp. Nhị, Giáo nhiếp. Tam, Phần nhiếp.

Sơ, Tạng nhiếp.

Dĩ tri Phật thuyết thử kinh, hữu như thị nhân, vị tri thử kinh Tạng Giáo Phần trung, các hà nhiếp thuộc? Ngôn Tạng hữu nhị: Nhất, tam tạng; nhị, nhị tạng. Thả sơ Tam Tạng giả: Nhất, Tu Đa La Tạng; nhị, Tỳ Nại Da Tạng; tam, A Tỳ Đạt Ma Tạng. Kim thử kinh giả, thị Tu Đa La nhiếp. Chư kinh diệc hữu hỗ tương nhiếp giả, kim phi bỉ cố.

(Diễn) Tạng Giáo Phần trung giả, Tạng hữu hàm nhiếp nghĩa, vị hàm nhiếp nhất thiết sở ưng tri nghĩa cố. Giáo hữu khai thị nghĩa, vị khai thị chúng sanh linh đắc chánh kiến cố. Phần hữu phân tễ nghĩa, vị phân tễ đầu số, các các bất đồng cố. Các hà nhiếp thuộc giả, ngôn Tạng Giáo Phần tam chủng, các hữu bất đồng. Kim tại Tạng trung, thị thuộc hà tạng? Tại Giáo trung, thị thuộc hà giáo? Tại Phần trung, thị thuộc hà phần dã?

二、藏教等攝(三)：初、藏攝。二、教攝。三、分攝。

初、藏攝。

已知佛說此經，有如是因。未知此經藏教分中，各何攝屬？言藏有二：一、三藏。二、二藏。且初三藏者：一、脩多羅藏。二、毗奈耶藏。三、阿毗達磨藏。今此經者，是脩多羅攝。諸經亦有互相攝者，今非彼故。

(演)藏教分中者。藏有含攝義。謂含攝一切所應知義故。教有開示義。謂開示眾生令得正見故。分有分劑義。謂分劑頭數。各各不同故。各何攝屬者。言藏教分三種。各有不同。今在藏中是屬何藏？在教中是屬何教？在分中是屬何分也？

(Hai, kinh này thuộc về Tạng nào và Giáo nào [gồm ba phần]: Một là thuộc về Tạng nào, hai là thuộc về Giáo nào, ba là thuộc về Phần nào.

Đầu tiên, [kinh này] thuộc về Tạng nào. Đã biết Phật nói kinh này do có các nhân như thế, chưa biết trong Tạng, Giáo, và Phần, kinh này thuộc về đâu? Nói đến Tạng thì có hai loại: Một là tam tạng, hai là nhị tạng. Trước hết, Tam Tạng: Một là Tu Đa La Tạng (Kinh Tạng); hai là Tỳ Nại Da Tạng (Luật Tạng); ba là A Tỳ Đạt Ma Tạng (Luận Tạng). Nay kinh này thuộc vào Tu Đa La. Trong các kinh, cũng có những kinh thuộc về các tạng khác nhau, nay kinh này chẳng giống các kinh ấy.

***Diễn**: "Trong Tạng, Giáo, Phần": Tạng có nghĩa là chứa đựng, thâu nhiếp, tức là ý nghĩa chứa đựng, thâu nhiếp hết thảy các nghĩa đáng nên biết. "Giáo" có nghĩa là "khai thị", tức là khai thị chúng sanh khiến cho [người nghe] đạt được chánh kiến. "Phần" có ý nghĩa chia tách rạch ròi, ý nói chia rành rẽ theo từng loại, mỗi thứ đều khác biệt, mỗi thứ thuộc về loại nào. Nói Tạng, Giáo, Phần để chia thành ba thứ thì mỗi thứ đều khác nhau. Nay xét theo Tạng, kinh này thuộc về Tạng nào? Xét theo Giáo, thì thuộc về Giáo nào? Xét theo Phần, thì thuộc về phần nào?)*

(Sớ) Phạm ngữ Tu Đa La, thử vân Khế Kinh, danh vi Kinh Tạng, giải kiến hậu thích đề trung.

(Diễn) Thử vân Khế Kinh giả, vị thượng khế chư Phật chi Lý, hạ khế quần sanh chi cơ. Nhược khế Lý, nhi bất khế cơ, tắc pháp bất đậu cơ, thị nhàn ngôn ngữ, phi Kinh dã. Khế cơ, nhi bất khế Lý, như tiều ca, mục xướng, trị thế ngữ ngôn, bất thuyên diệu lý, diệc phi Kinh dã.

(疏)梵語脩多羅，此云契經，名為經藏，解見後釋題中。

(演)此云契經者，謂上契諸佛之理，下契群生之機。若契理而不契機，則法不逗機，是閒言語非經也。契機而不契理，如樵歌牧唱，治世語言，不詮妙理亦非經也。

*(**Sớ**: Tiếng Phạn Tu Đa La, cõi này dịch là Khế Kinh, có tên là Kinh Tạng, [ý nghĩa chữ Kinh] xem trong phần giải thích tựa đề kinh ở phần sau.*

***Diễn**: "Cõi này dịch là Khế Kinh" ý nói: Trên là khế hợp Lý của chư Phật, dưới là khế hợp căn cơ của quần sanh. Nếu khế Lý mà chẳng khế cơ, tức là pháp chẳng phù hợp căn cơ, sẽ là lời lẽ thừa thãi, chẳng phải là Kinh.*

Khế cơ mà chẳng khế Lý, sẽ như khúc hát của tiều phu, lời ca của mục đồng, hoặc lời lẽ khuyên răn cõi đời, chẳng giảng nói diệu lý, cũng chẳng phải là Kinh).

(Sớ) Tỳ Nại Da, thử vân Điều Phục, tức Luật Tạng.

(Diễn) Điều phục giả, vị điều luyện tam nghiệp, chế phục quá phi, sử thân khẩu ý tất quy thanh tịnh.

(疏)毗奈耶，此云調伏，即律藏。

(演)調伏者，謂調煉三業，制伏過非，使身口意悉歸清淨。

*(**Sớ**: Tỳ Nại Da cõi này dịch là Điều Phục, tức Luật Tạng.*

***Diễn**: "Điều phục": Uốn nắn, rèn luyện ba nghiệp, chế ngự, giằn ép tội lỗi, khiến cho thân, miệng, ý thảy đều thanh tịnh).*

(Sớ) A Tỳ Đạt Ma, thử vân Đối Pháp, tức Luận Tạng.

(Diễn) Đối pháp giả, pháp hữu nhị chủng: Nhất, Thắng Nghĩa Pháp, tức Niết Bàn thị thiện, thị thường, cố danh Thắng. Nhị, Pháp Tướng Pháp, thông Tứ Thánh Đế tướng, tức thể, tánh, tướng trạng dã. Đối diệc hữu nhị: Nhất giả, Đối Hướng, vị hướng tiền Niết Bàn. Nhị giả, Đối Quán, quán tiền Tứ Đế. Kỳ năng đối giả, tức vô lậu tịnh huệ, cập tương ứng tâm sở.

(疏)阿毗達磨，此云對法，即論藏。

(演)對法者，法有二種：一、勝義法，即涅槃是善是常故名勝。二、法相法，通四聖諦相，即體性相狀也。對亦有二：一者，對向，謂向前涅槃。二者，對觀，觀前四諦。其能對者，即無漏淨慧，及相應心所。

*(**Sớ**: A Tỳ Đạt Ma, cõi này dịch là Đối Pháp, tức Luận Tạng.*

***Diễn**: "Đối pháp": Pháp có hai loại: Một là Thắng Nghĩa Pháp, tức Niết Bàn là thiện, là thường, cho nên gọi là Thắng. Hai là Pháp Tướng Pháp, thông với tướng Tứ Thánh Đế, tức thể, tánh, tướng trạng. "Đối" cũng có hai nghĩa: Một là Đối Hướng, tức là hướng đến, tiến đến Niết Bàn trên đây. Hai là Đối Quán, quán Tứ Đế trên đây. Cái có thể đối ứng [với Tứ Đế] chính là trí huệ vô lậu thành tựu và tâm sở tương ứng [với trí huệ ấy]).*

(Sớ) Thượng nhị câu hữu đa nghĩa, phi cấp bất dẫn.

(Diễn) Câu hữu đa nghĩa giả, Khế Kinh hoặc viết Tuyến, hoặc viết Tịch Kinh, Tỉnh Sách, Thánh Giáo đẳng. Đối pháp, hoặc danh Phục, năng thắng phục tha luận cố. Hoặc danh Thông, năng thông thích kinh văn cố. Điều Phục, hoặc danh Thi La, thử vân Thanh Tịnh. Hoặc danh Ba La Đề Mộc Xoa, thử vân Bảo Giải Thoát đẳng.

(疏)上二俱有多義。非急不引。

(演)俱有多義者，契經或曰線，或曰蓆經，井索，聖教等。對法，或名伏，能勝伏他論故。或名通，能通釋經文故。調伏，或名尸羅，此云清淨。或名波羅提木叉，此云保解脫等。

*(**Sớ**: Hai loại trước đều có nhiều nghĩa. Nếu chẳng cần kíp sẽ chẳng nêu ra.*

***Diễn**: "Đều có nhiều nghĩa": Khế Kinh còn gọi là Tuyến, hoặc là Tịch Kinh, Tỉnh Sách, Thánh Giáo v.v... Đối Pháp còn gọi là Phục, vì có*

thể chiến thắng các luận điệu khác. Hoặc gọi là Thông vì có thể giải thích kinh văn thông suốt. Điều Phục còn gọi là Thi La, cõi này dịch là Thanh Tịnh, hoặc gọi là Ba La Đề Mộc Xoa, cõi này dịch là Bảo Giải Thoát (gìn giữ giải thoát) v.v...)

(Sớ) Tu Đa La nhiếp giả, thử kinh tại Kinh - Luật - Luận Tam Tạng trung, thuộc Kinh Tạng cố. Hỗ nhiếp giả, như Hoa Nghiêm tắc Kinh nhiếp nhi kiêm Luật, Luận, dĩ Thập Tạng đẳng phẩm hiển giới luật, Vấn Minh đẳng phẩm hiển luận nghị cố. Phạm Võng tắc Luật nhiếp nhi kiêm Kinh, dĩ Tâm Địa phẩm chi thượng, quảng đàm Bồ Tát giai vị cố. Dư khả lệ tri. Thử kinh bất kiêm giới luật, diệc vô luận nghị. Tự thỉ chí chung, chuyên thuyết niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Cố vân kim phi bỉ dã.

(Diễn) Thập Tạng phẩm hiển giới luật giả, đệ nhị Giới Tạng, quảng đàm giới luật. Thỉ tùng Phổ Nhiêu Ích giới, chung chí Vô Hủy Phạm giới, minh thập chủng giới luật cố. Vấn Minh phẩm hiển luận nghị giả, Thập Thủ Bồ Tát hỗ tương vấn đáp, luận lượng diệu lý. Kinh trung thỉ tùng Văn Thù, dĩ nhất tâm chủng chủng sai biệt vấn, Giác Thủ dĩ vạn pháp thể hư hiển tánh đáp dã. Chung chí, Giác Thủ phục dĩ Phật cảnh giới vấn. Văn Thù dĩ sanh giới, pháp giới vô biệt đáp.

(疏)脩多羅攝者。此經在經律論三藏中，屬經藏故。互攝者，如華嚴則經攝而兼律論，以十藏等品顯戒律，問明等品顯論議故。梵網則律攝而兼經，以心地品之上，廣談菩薩階位故，餘可例知。此經不兼戒律 ，亦無論議 。自始至終。專說念佛求生淨土，故云今非彼也。

(演)十藏品顯戒律者，第二戒藏，廣談戒律。始從普饒益戒，終至無毀犯戒，明十種戒律故。問明品顯論議者，十首菩薩互相問答，論量妙理。經中始從文殊，以一心種種差別問，覺首以萬法體虛顯性答也。終至覺首復以佛境界問，文殊以生界法界無別答。

*(**Sớ**: "Kinh này] thuộc về Tu Đa La": Trong Tam Tạng Kinh - Luật - Luận, kinh này thuộc về Kinh Tạng. "Nhiếp lẫn nhau": Như kinh Hoa Nghiêm thuộc về Kinh, mà còn kèm theo Luật và Luận. Vì những phẩm như Thập Tạng v.v... giảng giới luật, những phẩm như [Bồ Tát] Vấn Minh v.v... giảng về luận nghị. Kinh Phạm Võng thuộc về Luật, kèm thêm Kinh.*

Bởi lẽ, phần trước của phẩm Tâm Địa giảng rộng rãi về các địa vị Bồ Tát. Những kinh khác cứ dựa theo [những điều vừa trình bày] sẽ biết. Kinh này chẳng nói kèm thêm giới luật, mà cũng chẳng có luận nghị. Từ đầu đến cuối, chuyên nói niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Cho nên nói: Nay kinh này chẳng giống các kinh đó..

***Diễn**: "Phẩm Thập Tạng giảng về giới luật": Tạng thứ hai [trong Thập Tạng] là Giới Tạng bàn cặn kẽ giới luật. Bắt đầu là giới Tạo Lợi Ích Trọn Khắp cho đến cuối cùng là giới Chẳng Hủy Phạm giảng về mười thứ giới luật.*

"Phẩm [Bồ Tát] Vấn Minh giảng về luận nghị": Mười vị Bồ Tát có chữ Thủ trong danh hiệu (như Giác Thủ, Tài Thủ, Bảo Thủ, Công Đức Thủ v.v...) hỏi đáp lẫn nhau, luận định, cân nhắc diệu lý. Trong kinh, khởi đầu từ ngài Văn Thù hỏi về nhất tâm có các thứ sai biệt. Ngài Giác Thủ dùng bản thể của vạn pháp là hư vọng nhằm hiển tánh để giải đáp. Đến cuối cùng, Giác Thủ [Bồ Tát] lại hỏi về cảnh giới của Phật, ngài Văn Thù dùng chúng sanh giới và pháp giới không sai biệt để đáp).

Nhị tạng giả: Nhất, Bồ Tát tạng. Nhị, Thanh Văn tạng. Kim thử kinh giả, Bồ Tát tạng nhiếp, diệc hữu hỗ nhiếp, kim phi bỉ cố.

(Diễn) Bồ Tát tạng thị Đại Thừa pháp, như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa sở thuyết đẳng. Thanh Văn tạng, thị Tiểu Thừa pháp, như Tứ A Hàm sở thuyết đẳng.

二藏者。一、菩薩藏。二、聲聞藏。今此經者。菩薩藏攝。亦有互攝。今非彼故。

(演)菩薩藏，是大乘法，如華嚴法華所說等。聲聞藏，是小乘法，如四阿含所說等。

(Nhị tạng: Một là Bồ Tát tạng; hai là Thanh Văn tạng. Nay kinh này thuộc về Bồ Tát tạng, cũng có những kinh thuộc cả hai tạng. Nay kinh này chẳng phải là loại đó.

***Diễn**: Bồ Tát tạng là pháp Đại Thừa, như những pháp được nói trong các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa v.v... Thanh Văn tạng là pháp Tiểu Thừa, như những pháp được nói trong Tứ A Hàm v.v...)*

(Sớ) Bồ Tát, Thanh Văn, tường kiến hậu thích văn trung. Tạng phân nhị giả, dĩ kinh hữu Đại Thừa, Tiểu Thừa, cố nhị tạng phân nhiếp. Nhược ước nhân hữu tam thừa, diệc hợp phân tam. Dĩ Duyên Giác nhân đa bất tạ giáo, nhiếp quy Thanh Văn, cố chỉ nhị tạng.

(Diễn) Duyên Giác nhân bất tạ giáo giả, Duyên Giác hữu nhị: Nhất, Duyên Giác, xuất hữu Phật thế, bẩm Như Lai thập nhị nhân duyên nhi đắc giác ngộ. Nhị, Độc Giác, xuất vô Phật thế, độc túc cô phong, quán duyên ngộ đạo. Sở vị quán vật biến, nhi ngộ phi thường, tịnh thu linh, nhi nhập chân đạo. Kim chi sở chỉ nãi Độc Giác dã.

(疏)菩薩聲聞，詳見後釋文中。藏分二者，以經有大乘小乘，故二藏分攝。若約人有三乘，亦合分三。以緣覺人多不藉教，攝歸聲聞，故止二藏。

(演)緣覺人不藉教者，緣覺有二：一、緣覺，出有佛世，稟如來十二因緣而得覺悟。二、獨覺，出無佛世，獨宿孤峰，觀緣悟道。所謂觀物變，而悟非常，靚秋零而入真道。今之所指乃獨覺也。

*(**Sớ**: Đối với từ ngữ Bồ Tát và Thanh Văn, xem lời giảng chi tiết trong phần giải thích kinh văn ở phía sau. Tạng được chia thành hai là do kinh có Đại Thừa và Tiểu Thừa, cho nên chia thành hai tạng. Nếu ước theo [căn cơ] của con người có ba thừa, Kinh Tạng cũng nên chia thành ba tạng. Do bậc Duyên Giác đa số [giác ngộ] chẳng nhờ vào kinh giáo, bèn nhiếp Duyên Giác Tạng vào Thanh Văn Tạng, cho nên chỉ có hai tạng.*

***Diễn**: "Hàng Duyên Giác chẳng nhờ vào kinh giáo": Duyên Giác có hai loại: Một là Duyên Giác, xuất hiện trong thời có Phật, nhờ vào thập nhị nhân duyên của Như Lai mà được giác ngộ. Hai là Độc Giác, xuất hiện trong cõi đời không có Phật, ở riêng một mình, quán duyên mà ngộ đạo, tức là quán sự vật biến đổi, bèn ngộ vô thường. Ngắm mùa Thu điêu tàn, bèn nhập chân đạo. Nay Duyên Giác được nói đến ở đây chính là hàng Độc Giác).*

(Sớ) Kim Bồ Tát Tạng nhiếp giả, thử kinh diễn thuyết Đại Thừa, như y chánh trang nghiêm, tín nguyện vãng sanh đẳng, giai tự lợi, lợi tha, Bồ Tát tịnh Phật quốc độ, giáo hóa chúng sanh chi đạo cố.

(Diễn) Tự lợi, lợi tha giả, thỉ vị chúng sanh cầu sanh Tịnh Độ, chung dĩ chứng Nhẫn hoàn lai độ sanh cố.

(疏)今菩薩藏攝者，此經演說大乘，如依正莊嚴，信願往生等，皆自利利他，菩薩淨佛國土，教化眾生之道故。

(演)自利利他者，始為眾生求生淨土 ，終以證忍還來度生故。

*(**Sớ**: "Nay kinh này thuộc về Bồ Tát tạng": Kinh này diễn nói Đại Thừa như y báo và chánh báo trang nghiêm, tín nguyện vãng sanh v.v... đều là đạo tự lợi, lợi tha, Bồ Tát nghiêm tịnh cõi Phật để giáo hóa chúng sanh.*

***Diễn**: "Tự lợi, lợi tha": Thoạt đầu là vì chúng sanh mà cầu sanh Tịnh Độ. Rốt cuộc, do đã chứng Nhẫn (chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn) bèn trở lại độ chúng sanh).*

(Sớ) Hỗ nhiếp giả, như Hoa Nghiêm Bồ Tát Tạng nhiếp, diệc thông Thanh Văn, dĩ năng bao hàm vô lượng thừa cố. Kim kinh Nhị Thừa chủng bất sanh, cố vân "phi bỉ".

(Diễn) Hoa Nghiêm bao vô lượng thừa giả, Thanh Lương Tự vân: "Nhược nãi thiên môn tiềm chú, dữ chúng điển vi hồng nguyên. Vạn đức giao quy, nhiếp quần kinh vi quyến thuộc", thị dã. Cái dĩ Hoa Nghiêm như đại hải, chư kinh như bách xuyên. Hoa Nghiêm như thiên tử, chư kinh như hầu vương, vô bất nhiếp cố. Nhị Thừa chủng bất sanh giả, Vãng Sanh Luận vân: "Đại Thừa thiện căn giới, đẳng vô cơ hiềm danh, nữ nhân cập căn khuyết, Nhị Thừa chủng bất sanh".

(疏)互攝者，如華嚴菩薩藏攝，亦通聲聞，以能包含無量乘故。今經二乘種不生，故云非彼。

(演)華嚴包無量乘者，清涼序云：若乃千門潛注，與眾典為洪源。萬德交歸，攝群經為眷屬是也。蓋以華嚴如大海，諸經如百川。華嚴如天子，諸經如侯王，無不攝故。二乘種不生者，往生論云：大乘善根界，等無譏嫌名，女人及根缺，二乘種不生。

*(**Sớ**: "Nhiếp lẫn nhau" là như kinh Hoa Nghiêm thuộc về Bồ Tát Tạng, mà cũng thuộc vào Thanh Văn Tạng, vì có thể bao hàm vô lượng thừa. Nay kinh này "chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh", cho nên nói là "chẳng phải là loại đó".*

***Diễn**: "Hoa Nghiêm bao hàm vô lượng thừa": Trong lời tựa của ngài Thanh Lương có đoạn: "Như là mạch nước chảy ngầm của ngàn môn, là cội nguồn to lớn của các kinh điển. Muôn đức giao nhau tụ về, thâu nhiếp các kinh làm quyến thuộc", chính là nói về ý này. Ấy là vì Hoa Nghiêm như biển cả, các kinh như trăm sông. Hoa Nghiêm như thiên tử, các kinh như vương, hầu, không gì chẳng thâu nhiếp. "Chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh": Vãng Sanh Luận chép: "Đại Thừa thiện căn giới, bình*

đẳng, không có danh xưng gây chê gièm. Hữ nhân và căn khuyết, chủng tánh Nhị Thừa chẳng sanh").

(Sớ) Hoặc vấn: Hà đắc văn trung, bỉ Phật hữu Thanh Văn đệ tử? Đáp: Thử tạm hữu, chung vô, chí hạ thích văn trung đương biện.

(Diễn) Tạm hữu chung vô giả, Tiểu Thừa lâm chung, hồi tâm hướng Đại, đắc sanh Tịnh Độ. Dĩ Nhị Thừa căn thục cố, văn thủy, điểu, thụ lâm, thuyết vô thường, khổ, không đẳng pháp, thuận kỳ túc tập, tạm chứng Tiểu quả, nhi tâm tắc dĩ nhập Đại Thừa dã.

(疏)或問：何得文中，彼佛有聲聞弟子？答：此暫有終無，至下釋文中當辯。

(演)暫有終無者，小乘臨終，回心向大得生淨土。以二乘根熟故，聞水鳥樹林，說無常苦空等法，順其夙習，暫證小果，而心則已入大乘也。

*(**Sớ**: Có kẻ hỏi: "Cớ sao trong kinh văn nói đức Phật ấy có đệ tử Thanh Văn?" Đáp: Những người ấy là tạm thời có, rốt cuộc là không; đến phần giải thích kinh văn ở phía sau, sẽ biện định điều này.*

***Diễn**: "Tạm thời có, rốt cuộc là không": Hàng Tiểu Thừa lâm chung, hồi tâm hướng về Đại Thừa, được sanh vào Tịnh Độ. Do căn cơ đã quen với Nhị Thừa, nghe nước, chim, rừng cây... nói các pháp vô thường, khổ, không v.v... bèn thuận theo sự tu tập từ trước mà tạm chứng Tiểu Quả, nhưng tâm đã nhập Đại Thừa).*

(Sớ) Hựu vấn: Yếm khổ xu lạc, tự chuyên, tự lợi, hà danh Bồ Tát? Đáp: Cầu sanh Tịnh Độ, chánh vị kiến Phật, văn pháp. Đắc Vô Sanh Nhẫn dĩ, hoàn lai thử thế, cứu khổ chúng sanh, thị Bồ Tát hạnh, phi Thanh Văn đạo, như Thiên Thai Thập Nghi Luận trung thuyết.

(疏)又問：厭苦趨樂，似專自利，何名菩薩？答：求生淨土，正為見佛聞法。得無生忍已，還來此世，救苦眾生，是菩薩行。非聲聞道，如天台十疑論中說。

*(**Sớ**: Lại hỏi: "Chán khổ, hướng đến sướng, dường như là chuyên tự lợi, sao gọi là Bồ Tát?" Đáp: Cầu sanh về Tịnh Độ chính là vì thấy Phật, nghe pháp. Đã đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, bèn trở lại cõi đời này cứu khổ chúng sanh, đấy là hạnh Bồ Tát, chẳng phải là đạo Thanh Văn, như trong bộ Thập Nghi Luận của ngài Thiên Thai đã nói).*

Nhị, Giáo nhiếp.

Giáo giả, y Hiền Thủ phán giáo phân ngũ, vị Tiểu, Thỉ, Chung, Đốn, Viên. Kim thử kinh giả, Đốn giáo sở nhiếp, diệc phục kiêm thông tiền hậu nhị giáo.

(Diễn) Phán giáo, vị phán thích Đông lưu nhất đại thời giáo, diệc phả hữu bất đồng. Như Lưu Cầu nhị giáo, Nam Trung tam giáo, Thiên Thai tứ giáo đẳng. Kim bất y bỉ, nãi y Hiền Thủ sở phán ngũ giáo dã. Đản thuyết thiên Không viết Tiểu, sơ thị diễn môn vi Thỉ, chung quy Nhất Thật vi Chung, nhất niệm bất sanh toàn thể hiện, cố vị chi Đốn. Trùng trùng pháp giới tổng viên dung, cố vị chi Viên.

二、教攝。

教者。依賢首判教分五。謂小，始，終，頓，圓。今此經者。頓教所攝。亦復兼通前後二教。

(演)判教，謂判釋東流一代時教，亦頗有不同。如劉虬二教，南中三教，天台四教等。今不依彼，乃依賢首所判五教也。但說偏空曰小，初示衍門為始，終歸一實為終，一念不生全體現，故謂之頓。重重法界總圓融，故謂之圓。

(Hai là [phán định kinh này] thuộc Giáo nào. Giáo thì như ngài Hiền Thủ phán định thành năm giáo, tức là Tiểu, Thỉ, Chung, Đốn, Viên. Nay kinh này thuộc về Đốn giáo, mà cũng thông với hai giáo trước và sau đó.

***Diễn**: "Phán giáo" là phán định để giảng giải giáo pháp trong suốt một đời đức Phật đã được truyền sang phương Đông, cũng có nhiều cách phán định khác nhau. Như nhị giáo của Lưu Cầu [đời Tấn] (cách phán giáo của ngài Lưu Cầu đời Tấn, chia giáo pháp thành Tiệm, Đốn), tam giáo của Nam Trung (cách phán giáo của chư Tăng vùng Giang Nam đời Tiêu Tề, chia giáo pháp thành Tiệm, Đốn, Bất Định), tứ giáo của ngài Thiên Thai (cách phán giáo của ngài Thiên Thai, chia giáo pháp thành Tạng, Thông, Biệt, Viên) v.v... Nay chẳng theo những cách đó, mà dựa theo ngũ giáo do ngài Hiền Thủ phán định. Chỉ nói Thiên Không thì là Tiểu. Mới vừa chỉ bày các thừa thì là Thỉ. Rốt cuộc gom về Nhất Thật thì là Chung. Một niệm chẳng sanh, toàn thể hiện; cho nên bảo là Đốn. Trùng trùng pháp giới đều cùng viên dung; cho nên gọi là Viên).*

(Sớ) Ngũ Giáo giả: Nhất, Tiểu Thừa Giáo. Sở thuyết duy thị Nhân Không. Túng thiểu thuyết Pháp Không, diệc bất minh hiển. Dĩ y Lục Thức, Tam Độc, kiến lập nhiễm tịnh căn bản, vị tận pháp nguyên cố.

(Diễn) Nhân Không tức tiền Uẩn trung vô Ngã. Pháp Không tức tiền Uẩn diệc thị Không. Túng tiểu thuyết Pháp Không giả, như kinh vân: "Vô thùy lão tử, vô thị lão tử". Thượng cú Nhân Không, hạ cú tức Pháp Không dã. Hựu viết: "Chư pháp vô hữu Ngã, diệc phục vô Ngã Sở". Nhân, Pháp diệc nhiên. Lục thức tam độc đẳng giả, Tiểu Thừa bất tín hữu bát thức, độc hữu lục thức. Tam độc vi năng huân, lục thức vi sở huân. Tam độc huân lục thức, lưu chuyển sanh tử, vi nhiễm căn bản. Tam độc bất huân lục thức, dĩ Giới, Định, Huệ huân lục thức, tức chứng Niết Bàn vi tịnh căn bản dã. Vị tận pháp nguyên giả, thượng vị cùng thất thức, huống bát thức Chân Như da?

(疏)五教者，一、小乘教，所說唯是人空，縱少說法空，亦不明顯，以依六識三毒，建立染淨根本，未盡法源故。

(演)人空即前蘊中無我。法空即前蘊亦是空。縱少說法空者，如經云：無誰老死，無是老死。上句人空，下句即法空也。又曰：諸法無有我，亦復無我所。人法亦然。六識三毒等者，小乘不信有八識。獨有六識。三毒為能熏，六識為所熏。三毒熏六識，流轉生死，為染根本。三毒不熏六識，以戒定慧熏六識，即證涅槃為淨根本也。未盡法源者，尚未窮七識，況八識真如耶？

*(**Sớ**: Ngũ Giáo: Một là Tiểu Thừa Giáo, chỉ nói về Nhân Không. Dẫu có nói đôi chút về Pháp Không, nhưng cũng chưa rõ ràng, bởi pháp này dựa trên Lục Thức và Tam Độc để xây dựng [kiến giải về] căn bản nhiễm và tịnh, chưa trọn hết nguồn pháp.*

***Diễn**: Nhân Không tức là trong các Uẩn trên đây không có Ngã. Pháp Không là Ngũ Uẩn trên đây cũng là Không. "Dẫu có nói đôi chút về Pháp Không": Như kinh dạy: "Chẳng có ai già chết, chẳng có gì là già chết". Câu trước là Nhân Không, câu sau là Pháp Không. Lại nói: "Các pháp chẳng có Ngã, mà cũng chẳng có Ngã Sở (cái thuộc về ta)". [Biện định về] Nhân Không và Pháp Không [đối với hai câu này] cũng giống như thế.*

"Sáu thức, ba độc": Tiểu Thừa chẳng tin có tám thức, chỉ riêng cho là có sáu thức. Tam độc là chủ thể hun đốt, sáu thức là cái bị hun đốt. Tam độc hun sáu thức, lưu chuyển sanh tử, là căn bản của nhiễm. Tam độc chẳng hun sáu thức, dùng Giới, Định, Huệ để hun sáu thức, chính là căn bản tịnh để chứng Niết Bàn, "Chưa trọn hết nguồn pháp": Còn chưa thấu tột thức thứ bảy, huống hồ Chân Như nơi thức thứ tám ư?)

(Sớ) Nhị, Đại Thừa Thỉ Giáo. Diêu đệ nhị thời, đản minh ư Không. Đệ tam thời định thuyết Tam Thừa, bất hứa định tánh Xiển Đề thành Phật, vị tận Đại Thừa chí cực chi thuyết, cố danh vi Thỉ. Hữu thành Phật, hữu bất thành Phật, phục danh Phần Giáo. Sở thuyết tắc quảng đàm pháp tướng, thiểu cập pháp tánh. Kỳ sở vân Tánh, diệc thị Tướng số, dĩ y sanh diệt bát thức, kiến lập sanh tử, cập Niết Bàn nhân chư nghĩa loại cố.

(Diễn) Do đệ nhị thời, đản minh ư Không giả, Pháp Tướng Tông trung, dĩ Phật sơ ư Lộc Uyển chuyển Tứ Đế pháp luân, thuyết chư pháp vi Hữu, vi sơ thời. Đệ nhị thời trung, y Biến Kế Sở Chấp, thuyết chư pháp giai Không, tức chư bộ Bát Nhã chi nhất phần thị. Nhiên y Tha Viên Thành do vị thuyết Hữu, vi nhị thời. Đệ tam thời, cụ thuyết Biến Kế tánh Không, y Viên thị hữu, khế hợp Trung Đạo, phương vi liễu nghĩa. Kim Hiền Thủ hợp bỉ nhị tam lưỡng thời vi Thỉ Giáo. Dĩ đệ nhị thời, đản minh ư Không, Không thị Đại Thừa sơ môn. Đệ tam thời, định thuyết tam thừa, ẩn ư nhất cực, giai phi chí cực. Cố tổng vi Thỉ dã. Quảng đàm pháp tướng giả, vị Sắc pháp thập nhất, Tâm pháp bát, ngũ thập nhất cá tâm sở pháp, nhị thập tứ cá bất tương ưng, lục cá vô vi, thành bách pháp. Kỳ sở vân tánh, diệc thị tướng số giả, dĩ lục vô vi thị tánh. Ký hữu lục chủng, diệc thị Tướng số dã. Y sanh diệt bát thức giả, Pháp Tướng Tông trung, Chân Như ngưng nhiên bất động, bất hứa tùy duyên, dĩ y sanh diệt bát thức kiến lập chư pháp, như vân: "Vô thỉ thời lai giới, nhất thiết pháp đẳng y, do thử hữu chư thú, cập Niết Bàn chứng đắc", thị dã. Giới vi nhân nghĩa, tức đệ bát thức chủng tử.

(疏)二、大乘始教。繇第二時，但明於空。第三時定說三乘，不許定性闡提成佛，未盡大乘至極之說，故名為始。有成佛有不成佛，復名分教。所說則廣談法相，少及法性。其所云性，亦是相數，以依生滅八識，建立生死及涅槃因諸義類故。

(演)由第二時，但明於空者，法相宗中，以佛初於鹿苑轉四諦法輪，說諸法為有，為初時。第二時中，依遍計所執，說諸法皆空，即諸部般若之一分是。然依他圓成猶未說有，為二時。第三時，具說遍計性空，依圓是有，契合中道，方為了義。今賢首，合彼二三兩時為始教。以第二時，但明於空。空是大乘初門。第三時，定說三乘隱於一極，皆非至極。故總為始也。廣談法相者，謂色法十一，心法八，五十一個心所法，二十四個不相應，六個無為成百法。其所云性，亦是相數者，以六無為是性。既有六種，亦是相數也。依生滅八識者，法相宗中，真如凝然不動，不許隨緣，以依生滅八識建立諸法，如云：無始時來界，一切法等依，由此有諸趣，及涅槃證得，是也 。界為因義，即第八識種子。

***(Sớ**: Hai là Đại Thừa Thỉ Giáo. Ấy là vì thời thứ hai chỉ giảng về Không, thời thứ ba lập ra Tam Thừa, chẳng chấp thuận hàng định tánh Thanh Văn và Xiển Đề có khả năng thành Phật, chưa nói tột cùng giáo nghĩa Đại Thừa, cho nên gọi là Thỉ. [Do trong giáo nghĩa của Thỉ Giáo], có kẻ thành Phật, có kẻ chẳng thành Phật, cho nên [Thỉ Giáo] lại gọi là Phần Giáo. Giáo này nói rộng về pháp tướng, giảng đôi chút về pháp tánh. Cái được gọi là "tánh" [trong Thỉ Giáo] cũng chỉ là một danh từ pháp tướng, vì nó dựa trên tám thức sanh diệt để kiến lập các nghĩa lý về cái nhân của sanh tử và Niết Bàn.*

***Diễn**: "Do thời thứ hai chỉ nói về Không": Trong Pháp Tướng Tông, do đức Phật thoạt đầu chuyển pháp luân Tứ Đế tại vườn Nai, nói các pháp là Có, đó là thời thứ nhất. Trong thời thứ hai, nương vào Biến Kế Sở Chấp, nói các pháp đều là Không, tức một phần trong các bộ Bát Nhã. Nhưng do nương vào tánh Tha Viên Thành, vẫn chưa nói đến Hữu, đó là thời thứ hai. Thời thứ ba, nói đầy đủ tánh Biến Kế Sở Chấp là Không, do nương theo Viên [Thành Thật] mà là có, khế hợp Trung Đạo thì mới là liễu nghĩa. Nay ngài Hiền Thủ gộp hai thời thứ hai và thứ ba thành Thỉ Giáo. Do thời thứ hai chỉ nói đến Không, mà Không là sơ môn của Đại Thừa, thời thứ ba lập ra tam thừa, ẩn tàng cực thừa, cho nên đều chẳng phải là tột bậc. Vì thế, gọi chung là Thỉ.*

"Nói rộng các pháp tướng", tức là mười một Sắc pháp, tám Tâm pháp, năm mươi mốt món Tâm Sở Pháp, hai mươi bốn món Bất Tương Ứng, sáu món Vô Vi, hợp thành một trăm pháp. "Cái được gọi là Tánh [trong Thỉ Giáo] cũng chỉ là một danh từ pháp tướng": Do coi sáu món Vô Vi là Tánh, đã có sáu thứ thì vẫn thuộc vào pháp tướng.

"Nương theo tám thức sanh diệt": Trong Pháp Tướng Tông, Chân Như tĩnh lặng bất động, chẳng thể tùy duyên. Do nương theo tám thức sanh diệt mà kiến lập các pháp thì như nói: "Chủng tử huân tập từ vô thỉ đến nay là chỗ y cứ của hết thảy các pháp, do vậy mà có các đường (lục thú) và chứng đắc Niết Bàn" là nói về ý này. "Giới" [trong câu "vô thỉ thời lai giới" của bài kệ trên đây] có nghĩa là cái nhân, tức chủng tử của thức thứ tám).

(Sớ) Tam, Đại Thừa Chung Giáo, diêu xuất Trung Đạo Diệu Hữu, định tánh Xiển Đề giai đương tác Phật, phương tận Đại Thừa chí cực chi thuyết, cố danh vi Chung. Xứng Thật Lý cố, phục danh Thật Giáo. Sở thuyết tắc đa đàm pháp tánh, thiểu cập pháp tướng. Kỳ sở vân tướng, diệc hội quy tánh. Dĩ y Như Lai Tạng bát thức, tùy duyên thành lập chư nghĩa loại cố.

(Diễn) Trung Đạo Diệu Hữu giả, Chân Không Diệu Hữu. Nhị nhi bất nhị, Không tức Hữu cố. Định tánh Thanh Văn đắc thành Phật, Hữu tức Không cố. Định tánh Xiển Đề diệc đắc thành Phật, phương tận Đại Thừa chí cực chi thuyết giả, dĩ nhất thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh, giai đương tác Phật, phương vi tận Lý dã. Kỳ sở vân tướng diệc hội quy tánh giả, như vân: "Tam thế Ngũ Ấm pháp, thuyết danh vi thế gian. Bỉ diệt phi thế gian. Như thị đản giả danh". Hựu vân: "Hữu tránh thuyết sanh tử, vô tránh tức Niết Bàn, sanh tử cập Niết Bàn, nhị câu bất khả đắc" đẳng. Như Lai Tạng tức tự tánh thanh tịnh tâm, bát thức tức Lê Da thể. Y Như Lai Tạng bát thức giả, vị phi sanh diệt bát thức, nãi y bất sanh diệt tâm chi bát thức dã. Luận vân: "Y Như Lai Tạng, cố hữu sanh diệt tâm. Sở vị bất sanh, bất diệt, dữ sanh diệt hòa hợp, phi nhất, phi dị, danh vi A Lại Da thức", thị dã. Tùy duyên vị Chân Như tùy duyên, như Lăng Già vân: "Thí như cự hải lãng, tư do mãnh phong khởi, hồng ba cổ minh hác, vô hữu đoạn tuyệt thời". Thành lập giả, vị thử thức chi trung, dĩ bất giác huân Bổn Giác cố, sanh chư nhiễm pháp, lưu chuyển sanh tử. Dĩ Bổn Giác huân bất giác cố, sanh chư tịnh pháp, phản lưu xuất triền, thành ư Thỉ Giác. Y thử nhị nghĩa, biến sanh

nhất thiết nhiễm tịnh chư pháp, nhi nhất thiết chư pháp nhưng bất ly tự tánh. Cố vân "tùy duyên thành lập chư nghĩa loại dã".

(疏)三、大乘終教，繇出中道妙有，定性闡提，皆當作佛，方盡大乘至極之說，故名為終。稱實理故，復名實教。所說則多談法性，少及法相。其所云相，亦會歸性。以依如來藏八識，隨緣成立諸義類故。

(演)中道妙有者，真空妙有。二而不二，空即有故。定性聲聞得成佛，有即空故。定性闡提亦得成佛，方盡大乘至極之說者，以一切眾生皆有佛性，皆當作佛，方為盡理也。其所云相亦會歸性者，如云：三世五陰法，說名為世間。彼滅非世間。如是但假名。又云：有諍說生死，無諍即涅槃，生死及涅槃，二俱不可得等。如來藏即自性清淨心，八識即黎耶體。依如來藏八識者，謂非生滅八識，乃依不生滅心之八識也。論云：依如來藏故有生滅心。所謂不生不滅，與生滅和合，非一非異，名為阿賴耶識是也。隨緣謂真如隨緣，如楞伽云：譬如巨海浪，斯由猛風起，洪波鼓冥壑，無有斷絕時。成立者，謂此識之中，以不覺熏本覺故，生諸染法，流轉生死。以本覺熏不覺故，生諸淨法，反流出纏，成於始覺。依此二義，遍生一切染淨諸法，而一切諸法，仍不離自性。故云隨緣成立諸義類也。

*(**Sớ**: Ba là Đại Thừa Chung Giáo, do xuất phát từ Diệu Hữu của Trung Đạo, định tánh Thanh Văn và Xiển Đề đều có thể thành Phật. Như vậy thì mới nói trọn hết giáo nghĩa tột cùng của Đại Thừa, cho nên gọi là Chung. Do xứng hợp Thật Lý, nên lại gọi là Thật Giáo. Những điều được nói [trong Chung Giáo] đa số luận về pháp tánh, và luận đôi chút về pháp tướng. Nói đến tướng thì cũng quy vào tánh. Do dựa trên tám thức và Như Lai Tạng mà tùy duyên thành lập các nghĩa lý.*

***Diễn**: Trung Đạo Diệu Hữu là Chân Không Diệu Hữu; hai mà chẳng hai vì Không chính là Hữu. Định tánh Thanh Văn được thành Phật vì Hữu chính là Không. "Định tánh Xiển Đề cũng được thành Phật, thì mới là trọn hết giáo nghĩa tột cùng của Đại Thừa": Vì hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, đều sẽ làm Phật thì mới là trọn hết Lý.*

"Nói đến tướng thì cũng quy vào tánh", như nói: "Các pháp như ba đời và Ngũ Uẩn [hòa hợp] thì được gọi là thế gian. Khi chúng nó diệt thì chẳng còn là thế gian nữa. Như vậy thì [thế gian] chỉ là giả danh". Lại nói: "Có tranh chấp thì có sanh tử, không tranh chấp chính là Niết Bàn. Sanh tử và Niết Bàn, cả hai đều chẳng thể được" v.v... Như Lai Tạng chính là tự tánh thanh tịnh tâm, tám thức chính là bản thể của A Lại Da.

"Nương theo Như Lai Tạng và tám thức" ý nói: Chẳng phải là [dựa theo] tám thức sanh diệt, mà là nương vào tám thức của cái tâm chẳng sanh diệt. Khởi Tín Luận nói: "Do nương theo Như Lai Tạng mà có tâm sanh diệt. Nói 'bất sanh, bất diệt' và sanh diệt hòa hợp, chẳng một, chẳng khác, thì gọi là A Lại Da thức", là nói đến chuyện này. "Tùy duyên" là nói Chân Như tùy duyên, như kinh Lăng Già dạy: "Thí như sóng to trong biển là do gió mạnh dấy lên, sóng lớn vỗ vào hang tối, chẳng có lúc nào ngưng dứt".

"Thành lập" là nói trong thức này, do vì bất giác hun đúc Bổn Giác mà sanh ra các nhiễm pháp, lưu chuyển sanh tử. Do Bổn Giác nung đốt bất giác mà sanh ra các tịnh pháp, ngược dòng, thoát khỏi trói buộc, trở thành Thỉ Giác. Dựa theo hai nghĩa này, sanh trọn khắp hết thảy các pháp nhiễm và tịnh, nhưng hết thảy các pháp vẫn chẳng lìa tự tánh. Vì thế nói "tùy duyên thành lập các nghĩa lý").

(Sớ) Tứ, Đốn Giáo, tổng bất thuyết pháp tướng, duy thuyết chân tánh. Nhất niệm bất sanh, tức danh vi Phật, vô tiệm thứ cố.

(Diễn) Bất thuyết pháp tướng, duy thuyết chân tánh giả, Khởi Tín vân: "Nhất thiết chư pháp, duy y vọng niệm, nhi hữu sai biệt. Nhược ly vọng niệm, tắc vô nhất thiết chư pháp tự tướng khả đắc" đẳng. Nhất niệm bất sanh, tức danh vi Phật giả, cổ vân: "Tâm hữu dã, khoáng kiếp nhi đọa phàm phu. Tâm vô dã, sát-na nhi thành Chánh Giác".

(疏)四、頓教，總不說法相 ，唯說真性 。一念不生，即名為佛，無漸次故。

(演)不說法相，唯說真性者，起信云：一切諸法，唯依妄念而有差別。若離妄念，則無一切諸法自相可得等。一念不生，即名為佛者，古云：心有也曠劫而墮凡夫。心無也，剎那而成正覺。

*(**Sớ**: Bốn là Đốn Giáo, trọn chẳng nói đến pháp tướng, chỉ nói về chân tánh. Do một niệm chẳng sanh, bèn gọi là Phật, chẳng có thứ tự tiến tu dần dần.*

***Diễn**: "Chẳng nói đến pháp tướng, chỉ nói về chân tánh": Luận Khởi Tín nói: "Hết thảy các pháp, chỉ do nương theo vọng niệm mà có sai khác. Nếu lìa vọng niệm, sẽ chẳng có tự tướng của hết thảy các pháp để có thể đạt được" v.v... "Một niệm chẳng sanh bèn gọi là Phật": Cổ nhân nói: "Tâm có, thì từ bao kiếp lâu xa đến nay bèn đọa làm phàm phu. Tâm không, thì trong sát-na bèn thành Chánh Giác").*

(Sớ) Ngũ, Viên Giáo, thống cai tiền tứ, viên mãn cụ túc. Sở thuyết duy thị vô tận pháp giới, tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, tương tức, tương nhập, đế võng trùng trùng, chủ bạn giao tham, vô tận vô tận cố.

(Diễn) Thống cai tiền tứ giả, tiền chi tứ giáo, tiền thiển, hậu thâm. Bất cai nhiếp cố, bất viên mãn cố. Vô tận pháp giới giả, thống duy Nhất Chân pháp giới, phân vi Sự, Lý đẳng tứ pháp giới, hữu vi, vô vi đẳng ngũ pháp giới, nãi chí vô lượng pháp giới dã. Tánh hải viên dung đẳng giả, Tánh hải viên dung bất ngại duyên khởi, pháp pháp tương tức, pháp pháp tương nhập, như thiên châu bảo võng, trùng trùng vô tận dã. Dĩ tứ pháp giới đối chi, tắc Tánh hải thị Lý pháp giới, duyên khởi thị Sự pháp giới, viên dung vô ngại thị Sự Lý vô ngại pháp giới, tương tức hạ thị Sự Sự vô ngại pháp giới.

(疏)五、圓教，統該前四，圓滿具足。所說唯是無盡法界，性海圓融，緣起無礙，相即相入，帝網重重，主伴交參，無盡無盡故。

(演)統該前四者，前之四教，前淺後深。不該攝故，不圓滿故。無盡法界者，統惟一真法界，分為事理等四法界，有為無為等五法界，乃至無量法界也。性海圓融等者，性海圓融不礙緣起，法法相即法法相入，如千珠寶網，重重無盡也。以四法界對之，則性海是理法界，緣起是事法界，圓融無礙是事理無礙法界，相即下是事事無礙法界。

*(**Sớ**: Năm là Viên Giáo, gồm trọn viên mãn, đầy đủ bốn giáo trước. Những điều được nói [trong Viên Giáo] chỉ là pháp giới vô tận, tánh hải viên dung, duyên khởi vô ngại, các pháp chính là lẫn nhau, nhập vào lẫn*

nhau, lưới Thiên Đế trùng trùng, chủ và bạn xen lẫn vào nhau, vô tận, vô tận.

***Diễn**: "Gồm trọn viên mãn bốn giáo trước": Bốn giáo trước, [lần lượt là] giáo trước cạn, giáo sau sâu. Do chẳng thâu nhiếp trọn hết nên chẳng viên mãn.*

"Vô tận pháp giới": Gồm thâu trọn hết Nhất Chân pháp giới, chia ra thành bốn pháp giới như Sự pháp giới, Lý pháp giới v.v... hoặc hữu vi, vô vi v.v... năm pháp giới, cho đến vô lượng pháp giới.

"Tánh hải viên dung": Tánh hải viên dung chẳng trở ngại duyên khởi. Các pháp chính là lẫn nhau, dung nhập vào nhau, như cái lưới báu có một ngàn viên châu, tầng tầng vô tận. Dùng bốn pháp giới để đối ứng thì Tánh hải là Lý pháp giới, duyên khởi là Sự pháp giới, viên dung vô ngại là Sự Lý vô ngại pháp giới, từ chữ "tương tức" trở đi là Sự Sự vô ngại pháp giới).

(Sớ) Dĩ thượng tường như Hoa Nghiêm Huyền Đàm trung, khủng phiền bất tự. Ngôn Đốn giáo nhiếp giả, như hậu nghĩa lý trung biện. Diệc thông tiền hậu giả, thông tiền Chung Giáo, dĩ nhất thiết chúng sanh niệm Phật, định đương thành Phật, tức định tánh, Xiển Đề giai tác Phật cố. Thông hậu Viên Giáo giả, diệc nghĩa lý trung biện.

(疏)以上詳如華嚴玄談中，恐煩不敘。言頓教攝者，如後義理中辯。亦通前後者，通前終教，以一切眾生念佛，定當成佛，即定性闡提皆作佛故。通後圓教者，亦義理中辯。

*(**Sớ**: Những điều trên đây được giảng cặn kẽ trong sách Hoa Nghiêm Huyền Đàm, sợ rườm rà nên chẳng trần thuật. Nói [kinh Di Đà] thuộc về Đốn Giáo thì sẽ biện định trong phần nghĩa lý ở phía sau. "Cũng thông với giáo trước và giáo sau": "Thông với Chung Giáo trong phần trước", vì hết thảy chúng sanh niệm Phật, nhất định sẽ thành Phật, tức là hàng định tánh Thanh Văn và Xiển Đề sẽ đều thành Phật. "Thông với Viên Giáo trong phần sau" thì cũng sẽ được biện định trong phần bàn luận nghĩa lý).*

Tam, phần nhiếp.

Phần giả, thập nhị phần giáo, như Tu Đa La, Kỳ Dạ đẳng. Kim thử kinh giả, Tu Đa La, Ưu Đà Na, nhị phần nhiếp cố.

(Sớ) Phần giả, phân tề. Dĩ nhất đại thời giáo, biệt kỳ phân tề, các hữu sở thuộc dã. Kỳ Dạ, thử vân Trùng Tụng, Ưu Đà Na, thử vân Vô Vấn Tự Thuyết. Thập Nhị Bộ, khủng phiền bất tự. Ngôn nhị phần nhiếp giả: Nhất, Tu Đa La nhiếp, dĩ thị Khế Kinh cố; nhị, Ưu Đà Na nhiếp, dĩ bất đãi thỉnh vấn, tự cáo Thân Tử cố.

三、分攝。

分者，十二分教，如脩多羅、祇夜等。今此經者，脩多羅、優陀那，二分攝故。

(疏)分者，分齊。以一代時教。別其分齊，各有所屬也。祇夜，此云重頌。優陀那，此云無問自說。十二部，恐煩不敘。言二分攝者，一、脩多羅攝，以是契經故；二、優陀那攝，以不待請問，自告身子故。

(Ba, thuộc về phần nào trong mười hai thể loại kinh điển.

"Phần" là mười hai phần giáo, như Trường Hàng, Trùng Tụng v.v... Nay kinh này thuộc về hai phần Tu Đa La và Ưu Đà Na.

***Sớ**: "Phần" là phân chia rạch ròi. Đem giáo pháp trong suốt một đời đức Phật, phân định sự khác biệt rạch ròi giữa các kinh. Mỗi kinh đều thuộc về một thể tài nhất định. Kỳ Dạ được cõi này dịch là Trùng Tụng, Ưu Đà Na được cõi này dịch là Vô Vấn Tự Thuyết. Mười hai bộ, sợ rườm rà nên không trình bày. Nói "thuộc về hai phần": Một là thuộc về Tu Đa La, do là Khế Kinh. Hai là thuộc về Ưu Đà Na, do chẳng đợi thưa hỏi mà [đức Phật] tự bảo ngài Xá Lợi Phất).*

Tam, nghĩa lý thâm quảng (tam): Sơ, nhiếp Đốn. Nhị, Phần Viên. Tam, bàng thông.

Sơ, nhiếp Đốn.

Dĩ tri thử kinh nhiếp ư Đốn Giáo, thiểu phần thuộc Viên. Vị tri sở cụ nghĩa lý, đương phục vân hà? Tiên minh thử kinh nhiếp ư Đốn giả, cái vị trì danh tức sanh, tật siêu, tốc chứng, vô vu khúc cố, chánh thuộc ư Đốn.

(Diễn) Sở cụ nghĩa lý đương phục vân hà giả, dĩ Viên Đốn nhị tự tự thị danh tướng, nhi hữu danh tất hữu thực, hữu tướng tất hữu Thể. Kỳ trung sở ưng tri chi nghĩa, sở đương chứng chi Lý, thượng vị tế minh, cố vân "đương phục vân hà?"

三、義理深廣(三)：初、攝頓。二、分圓。三、旁通。

初、攝頓。

已知此經攝於頓教，少分屬圓。未知所具義理，當復云何？先明此經攝於頓者，蓋謂持名即生，疾超速證，無迂曲故，正屬於頓。

(演)所具義理當復云何者，以圓頓二字自是名相，而有名必有實，有相必有體。其中所應知之義，所當證之理，尚未細明，故云當復云何？

(Ba, nghĩa lý sâu rộng, (gồm ba phần): Một là kinh này thuộc vào Đốn Giáo, hai là kinh này có đôi phần thuộc Viên Giáo, và ba là luận định những kinh điển khác có ý nghĩa tương thông.

Thứ nhất, [kinh này] thuộc về Đốn Giáo.

Đã biết kinh này thuộc về Đốn Giáo, có chút phần thuộc về Viên Giáo, chưa biết nghĩa lý trọn đủ lại là như thế nào? Trước hết, giảng rõ kinh này thuộc Đốn Giáo. Ấy là vì trì danh liền vãng sanh, vượt thoát, chứng ngộ nhanh chóng, chẳng quanh co, vòng vèo, đúng là thuộc về Đốn Giáo.

***Diễn**: "Nghĩa lý trọn đủ lại là như thế nào": Do hai chữ Viên Đốn là danh tướng; hễ có danh ắt có thật, có tướng ắt có Thể. Do nghĩa đáng nên biết và Lý đáng nên chứng trong ấy còn chưa nói cặn kẽ, cho nên nói "lại là như thế nào?")*

(Sớ) Chánh thuộc Đốn nghĩa giả, dĩ bác địa phàm phu, dục đăng thánh địa, kỳ sự thậm nan, kỳ đạo thậm viễn. Kim đản trì danh, tức đắc vãng sanh. Ký vãng sanh dĩ, tức đắc Bất Thoái. Khả vị đàn chỉ viên thành, nhất sanh thủ biện. Như tương bảo vị, trực thọ phàm dung, bất lịch giai cấp, phi Tiệm Giáo vu hồi khuất khúc chi tỷ, cố thuộc Đốn nghĩa.

(Diễn) Kỳ sự thậm nan giả, nan hành năng hành, nan nhẫn năng nhẫn, đoạn nan đoạn chi Hoặc, chứng nan chứng chi chân. Kỳ đạo thậm viễn giả, tùng sơ phát tâm trực chí thành Phật, kinh ngũ thập ngũ vị chân Bồ Đề lộ, như Lăng Nghiêm trung thuyết. Hựu Khởi Tín vân: "Kinh nhất vạn kiếp thành tựu tín tâm, kinh nhất Tăng-kỳ mãn túc Thập Hướng, nãi chí tam Tăng-kỳ mãn, phương đắc thành Phật". Đàn chỉ viên thành giả, cổ vân: "Đàn chỉ viên thành bát vạn môn, nhất sanh thủ biện Tăng-kỳ quả".

(疏)正屬頓義者，以博地凡夫，欲登聖地，其事甚難，其道甚遠。今但持名，即得往生。既往生已，即得不退。可謂彈指圓成，一生取辦。如將寶位，直授凡庸，不歷階級，非漸教迂迴屈曲之比，故屬頓義。

(演)其事甚難者，難行能行，難忍能忍，斷難斷之惑。證難證之真。其道甚遠者，從初發心直至成佛，經五十五位真菩提路，如楞嚴中說。又起信云：經一萬劫成就信心，經一僧祇滿足十向，乃至三僧祇滿方得成佛。彈指圓成者，古云：彈指圓成八萬門，一生取辦僧祇果。

*(**Sớ**: Kinh này hoàn toàn thuộc vào nghĩa lý Đốn Giáo, bởi hạng phàm phu sát đất mà muốn đạt lên địa vị thánh thì chuyện ấy rất khó, đạo ấy rất xa vời. Nay chỉ trì danh liền được vãng sanh; đã vãng sanh, liền đắc Bất Thoái, có thể nói là "thành tựu viên mãn trong khoảng khảy ngón tay; hoàn tất trong một đời". Như đem ngôi báu trao ngay cho kẻ tầm thường, kém cỏi, chẳng trải qua từng tầng cấp. Tiệm Giáo quanh co, vòng vèo, chẳng thể nào sánh bằng, cho nên pháp này thuộc về nghĩa lý Đốn Giáo.*

***Diễn**: "Chuyện ấy rất khó": Khó hành mà có thể hành, khó nhẫn mà có thể nhẫn. Đoạn Hoặc khó đoạn, chứng lẽ Chân khó chứng. "Đạo ấy rất xa vời": Từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật, phải đi qua con đường Bồ Đề chân thật gồm năm mươi mốt địa vị như trong kinh Lăng Nghiêm đã dạy. Luận Khởi Tín lại nói: "Trải qua một vạn kiếp để thành tựu tín tâm, trải qua một A-tăng-kỳ mới trọn hết địa vị Thập Hướng, cho đến hết ba A-tăng-kỳ mới được thành Phật". "Thành tựu trọn vẹn trong một cái khảy ngón tay": Cổ nhân nói: "Khảy ngón tay thành tựu viên mãn tám vạn môn, trong một đời hoàn thành cái quả phải tu trong A-tăng kiếp").*

Hoặc nạn: "Đốn Giáo nhất niệm bất sanh, tức danh vi Phật. Ngũ pháp, tam tự tánh giai Không, bát thức, nhị vô ngã câu khiển. Kim trì danh niệm Phật, thị vi hữu niệm, vân hà danh Đốn?" Đáp: Dĩ nhất tâm bất loạn, chánh vị vô niệm. Nhược hữu niệm giả, bất danh nhất tâm. Đản đắc nhất tâm, hà pháp bất tịch?

(Diễn) Ngũ pháp, tam tự tánh đẳng, xuất Lăng Già kinh. Nhất niệm bất sanh thị tâm thể ly niệm; vô niệm tắc vô nhất thiết cảnh giới chi tướng. Cố tất không, tất khiển.

或難：頓教一念不生，即名為佛。五法三自性皆空，八識二無我俱遣。今持名念佛，是為有念，云何名頓？答：以一心不亂，正謂無念。若有念者，不名一心，但得一心，何法不寂？

(演)五法三自性等，出楞伽經。一念不生是心體離念；無念則無一切境界之相。故悉空悉遣。

(Nếu gạn hỏi: "Trong Đốn Giáo, một niệm chẳng sanh bèn gọi là Phật; năm pháp, ba tự tánh đều là Không; tám thức, hai thứ vô ngã đều mất sạch. Nay trì danh niệm Phật là hữu niệm, sao có thể gọi là Đốn?" Đáp: Do nhất tâm bất loạn chính là vô niệm. Nếu hữu niệm, sẽ chẳng gọi là nhất tâm. Chỉ cần đạt được nhất tâm thì có pháp nào chẳng vắng lặng?

***Diễn**: Năm pháp, ba tự tánh v.v... đều xuất phát từ kinh Lăng Già. "Một niệm chẳng sanh" là tâm thể ly niệm. Vô niệm bèn không có hết thảy các tướng cảnh giới. Do vậy, đều là không, đều mất đi).*

(Sớ) Ngũ pháp giả, vị: Nhất, danh. Nhị, tướng. Tam, vọng tưởng. Tứ, chánh trí. Ngũ, như như.

(Diễn) Danh, tướng, vọng tưởng, nhiếp tận thế gian pháp. Chánh Trí, Như Như, nhiếp tận xuất thế gian pháp.

(疏)五法者，謂：一、名。二、相。三、妄想。四、正智。五、如如。

(演)名相妄想，攝盡世間法。正智如如，攝盡出世間法。

*(**Sớ**: Năm pháp là: Một là danh, hai là tướng, ba là vọng tưởng, bốn là Chánh Trí, năm là Như Như.*

***Diễn**: Danh, tướng, vọng tưởng, nhiếp trọn pháp thế gian. Chánh Trí và Như Như, nhiếp trọn hết pháp xuất thế gian).*

(Sớ) Tam tự tánh giả. Danh, Tướng thị Vọng Kế Tánh. vọng tưởng thị Duyên Khởi Tánh. Chánh Trí, Như Như thị Viên Thành Tánh.

(Diễn) Danh tướng thị Vọng Kế Tánh giả, vọng kế thị lục thất thức Biến Kế Tánh. An danh chấp tướng? Vô hữu định thể, thị hư vọng kế độ, cố viết Vọng Kế. Vọng tưởng thị Duyên Khởi Tánh giả, vọng tưởng chỉ bát thức tự thể. Thử bát thức trượng nhân thác duyên nhi sanh, cố viết Duyên Khởi. Giáo trung vân: "Nhãn Thức y cửu duyên

sanh khởi. Nhĩ Thức y bát duyên. Tỵ, Thiệt, Thân tam thức, các y thất duyên. Ý Thức y ngũ duyên. Thất dữ đệ bát giai tứ duyên sanh khởi dã". Chánh Trí, Như Như thị Viên Thành Tánh giả, Chánh Trí tức vô phân biệt chi Trí, Như Như tức vô phân biệt chi Lý. Lý Trí bất nhị, nãi viên mãn thành tựu chi tánh, cố viết Viên Thành.

(疏)三自性者。名相，是妄計性。妄想，是緣起性。正智，如如，是圓成性。

(演)名相是妄計性者，妄計是六七識遍計性。安名執相？無有定體，是虛妄計度，故曰妄計。妄想是緣起性者，妄想指八識自體。此八識仗因託緣而生，故曰緣起。教中云：眼識依九緣生起。耳識依八緣。鼻舌身三識，各依七緣。意識依五緣。七與第八皆四緣生起也。正智如如是圓成性者，正智即無分別之智，如如即無分別之理。理智不二，乃圓滿成就之性，故曰圓成。

*(**Sớ**: "Ba tự tánh": Danh và Tướng là Vọng Kế Tánh. Vọng tưởng là Duyên Khởi Tánh. Chánh Trí và Như Như là Viên Thành Tánh.*

***Diễn**: "Danh, Tướng là Vọng Kế Tánh": Vọng Kế là Biến Kế Tánh của thức thứ sáu và thức thứ bảy, sao có thể gọi là chấp tướng? Nó chẳng có bản thể nhất định, là so đo hư vọng, cho nên gọi là Vọng Kế. "Vọng tưởng là Duyên Khởi Tánh": Chữ "vọng tưởng" chỉ tự thể của thức thứ tám. Thức thứ tám nương vào nhân, cậy vào duyên mà sanh, nên nói là Duyên Khởi.*

Trong giáo pháp có dạy: "Nhãn Thức dựa vào chín duyên sanh khởi. Nhĩ Thức nương tám duyên. Tỵ, Thiệt, Thân ba thức, mỗi thức nương bảy duyên. Ý Thức nương năm duyên. Thức thứ bảy và thức thứ tám, mỗi thức đều nương vào bốn duyên mà sanh khởi". "Chánh Trí và Như Như là Viên Thành Tánh": Chánh Trí chính là Trí vô phân biệt; Như Như chính là Lý vô phân biệt. Lý và Trí bất nhị, chính là tánh thành tựu viên mãn, nên nói là Viên Thành).

(Sớ) Bát thức giả, Lại Da, Mạt Na, cập nhãn đẳng lục, hợp chi thành bát.

(Diễn) Lại Da thử vân Hàm Tàng, dĩ hàm tàng căn, thân, khí giới chư chủng tử cố. Mạt Na thử vân Truyền Tống, dĩ thử thức nội tắc y đệ

bát dĩ vi Ngã thể. Ngoại tắc y đệ lục dĩ vi Ngã dụng. Tự vô thể dụng, cố viết Truyền Tống Thức.

(疏)八識者，賴耶，末那，及眼等六，合之成八。

(演)賴耶此云含藏，以含藏根，身，器界諸種子故。末那此云傳送，以此識內則依第八以為我體。外則依第六以為我用。自無體用，故曰傳送識。

*(**Sớ**: Tám thức là A Lại Da thức, Mạt Na thức, và sáu thức như Nhãn Thức v.v... hợp thành tám thức.*

***Diễn**: A Lại Da cõi này gọi là Hàm Tàng, do nó chứa đựng chủng tử của căn, thân, khí thế gian… Mạt Na cõi này dịch là Truyền Tống, do thức này trong thì nương vào thức thứ tám làm cái Thể của Ngã, ngoài thì nương vào thức thứ sáu làm cái Dụng của Ngã. Chính nó không có Thể và Dụng, cho nên gọi là Truyền Tống Thức).*

(Sớ) Nhị vô ngã giả: Nhân vô ngã, pháp vô ngã.

(Diễn) Nhân vô ngã, pháp vô ngã giả, Ngã Kiến vi nội thuộc nhân, Ngã Sở kiến vật vi ngoại thuộc pháp. Năng tánh nhược không, thị nhân vô ngã. Sở tướng diệc không, thị pháp vô ngã.

(疏)二無我者，人無我，法無我。

(演)人無我法無我者，我見為內屬人，我所見物為外屬法。能性若空，是人無我。所相亦空，是法無我。

*(**Sớ**: Nhị vô ngã là nhân vô ngã và pháp vô ngã.*

***Diễn**: "Nhân vô ngã, pháp vô ngã": Ngã Kiến ở bên trong, thuộc về Nhân. Vật được thấy bên ngoài bởi Ngã là thuộc Pháp. Nếu Tánh của chủ thể chủ động (Ngã) là không thì là nhân vô ngã. Cái tướng được thấy bởi Ngã cũng là không thì là pháp vô ngã).*

(Sớ) Dĩ thượng diệc giai nhập ngũ pháp trung, tường kiến Nhập Lăng Già chư kinh. "Tất Không, tất khiển", sở vị Phật thân vô vi, bất đọa chư số. Nhất niệm bất sanh, tức danh vi Phật giả, Đốn Giáo chi chỉ dã.

(Diễn) Dĩ thượng diệc giai nhập ngũ pháp giả. Nhất, bát thức nhập ngũ pháp, vị bát thức tự thể nhập vọng tưởng, lục thức sở kế thuộc danh tướng, chuyển thức thành trí thuộc Chánh Trí, sở chứng thuộc Như Như. Nhị vô ngã nhập ngũ pháp, vị nhân pháp nhị chấp thuộc

danh tướng, vọng tưởng. Nhị vô ngã lý thuộc Như Như. Chứng nhị vô ngã chi trí thuộc Chánh Trí.

(疏)以上亦皆入五法中，詳見入楞伽諸經。悉空悉遣，所謂佛身無為，不墮諸數。一念不生即名為佛者，頓教之旨也。

(演)已上亦皆入五法者。一八識入五法，謂八識自體入妄想，六識所計屬名相，轉識成智屬正智，所證屬如如。二無我入五法，謂人法二執，屬名相妄想。二無我理屬如如。證二無我之智屬正智。

*(**Sớ**: Những điều trên đây cũng đều thuộc trong năm pháp, xem chi tiết trong các kinh như Nhập Lăng Già. "Đều là Không, đều bỏ đi", chính là nói: Thân Phật vô vi, cho nên chẳng thuộc vào các pháp số. Một niệm chẳng sanh thì gọi là Phật. Đó là tông chỉ của Đốn Giáo.*

***Diễn**: "Những điều trên đây cũng đều thuộc vào năm pháp": Ý nói, tự thể của thức thứ tám thuộc vọng tưởng, thức thứ sáu so đo thuộc danh tướng. Chuyển thức thành trí thuộc Chánh Trí. Những điều đã chứng [bởi Chánh Trí] thuộc về Như Như. "Hai thứ vô ngã thuộc vào ngũ pháp", tức là Nhân Chấp và Pháp Chấp thuộc về danh tướng và vọng tưởng. Lý nhị vô ngã thuộc về Như Như; cái trí chứng nhị vô ngã thuộc về Chánh Trí).*

(Sớ) Kim ngôn niệm Phật, tắc sở xưng Phật hiệu thuộc Danh, sở đối Phật thân thuộc Tướng, ức niệm bỉ Phật thuộc vọng tưởng. Túng sử tịnh niệm tương kế, nhập Tam-ma-địa, diệc thuộc Chánh Trí, Như Như. Nhi phục phân biệt thị Phật, thuộc thức tình. Năng niệm, sở niệm, thuộc nhân pháp. Thượng vị khiển hữu ngã, huống vô ngã diệc khiển da? Bỉ giáo sở không, sở khiển, thử giai hữu chi. Dĩ kỳ hữu niệm, cố nạn phi Đốn.

(Diễn) Diệc thuộc Chánh Trí, Như Như hạ, đương phối tam tự tánh, nhi văn trung bất ngôn giả. Dĩ thượng văn tam tánh dĩ nhập ngũ pháp trung cố. Nhược dục phối chi, tắc sở niệm chi Phật thuộc Vọng Kế, năng niệm chi tâm thuộc Duyên Khởi, niệm lực thành tựu thuộc Viên Thành.

(疏)今言念佛，則所稱佛號屬名，所對佛身屬相，憶念彼佛屬妄想，縱使淨念相繼，入三摩地，亦屬正智如如。而復分別是佛，屬識情。能念所念，屬人法。尚未遣有我，

況無我亦遣耶？彼教所空所遣，此皆有之。以其有念，故難非頓。

(演)亦屬正智如如下，當配三自性，而文中不言者。以上文三性已入五法中故。若欲配之，則所念之佛屬妄計，能念之心屬緣起，念力成就屬圓成。

*(**Sớ**: Nay nói niệm Phật thì danh hiệu Phật được xưng niệm thuộc Danh, thân của đức Phật được xưng niệm thuộc Tướng, nghĩ nhớ đức Phật ấy thuộc vọng tưởng. Dẫu cho tịnh niệm liên tục, nhập Chánh Định, vẫn thuộc vào Chánh Trí và Như Như. Lại còn phân biệt là Phật, thuộc về tình thức. Năng niệm (cái tâm niệm Phật) và sở niệm (đức Phật được niệm) thuộc về nhân và pháp. Hữu ngã còn chưa gạt bỏ được, huống là vô ngã cũng gạt bỏ ư? Những điều không có, đáng bị gạt bỏ trong Đốn Giáo, pháp môn này đều có cả. Do [niệm Phật] là hữu niệm, cho nên [có kẻ] bắt bẻ, bảo pháp này chẳng phải là Đốn.*

***Diễn**: Từ câu "vẫn thuộc vào Chánh Trí và Như Như" trở đi, đáng lẽ phải phối ứng với ba tự tánh, nhưng trong lời Sớ chẳng đề cập, là vì trong phần trước, [đã nói] ba tánh thuộc vào năm pháp. Nếu muốn phối ứng thì đức Phật được niệm thuộc về Vọng Kế, cái tâm niệm Phật thuộc về Duyên Khởi, niệm lực thành tựu thuộc Viên Thành).*

(Sớ) Chánh vị vô niệm giả, lương diêu nhất tâm bất loạn, tắc bất dĩ hữu tâm niệm, bất dĩ vô tâm niệm, bất dĩ diệc hữu diệc vô tâm niệm, bất dĩ phi hữu phi vô tâm niệm. Ly thử tứ cú, cánh hữu hà niệm? Tuy danh niệm Phật, cái vô niệm chi niệm dã. Niệm nhi vô niệm, thị danh nhất tâm. Như thị chi tâm, tâm vô kỳ tâm, cưỡng danh viết "nhất". Thượng vô nhất tướng, an cầu sở vị ngũ giả, tam giả, bát giả, nhị giả? Nhiên tắc nhất tâm bất loạn, bất dị nhất niệm bất sanh, yên đắc phi Đốn?

(Diễn) Bất dĩ hữu tâm niệm đẳng giả, hữu tâm đọa vọng tưởng nãi tăng ích báng. Kim tắc nhược ngôn kỳ hữu, tắc năng niệm chi tâm bổn thể tự không, sở niệm chi Phật liễu bất khả đắc, phi hữu dã. Vô tâm đọa đoạn diệt nãi tổn giảm báng. Kim tắc nhược ngôn kỳ vô, tắc năng niệm chi tâm tỉnh tỉnh bất muội, sở niệm chi Phật lịch lịch phân minh, phi vô dã. Diệc hữu diệc vô, đọa tương vi báng. Kim tắc hữu xứ toàn không, không xứ toàn hữu, hỗ đoạt lưỡng vong, phi song diệc dã. Phi vô phi hữu, đọa hý luận báng. Kim tắc nhân hữu niệm hiển vô niệm, nhân vô niệm hiển hữu niệm, hỗ thành song lập, phi song phi dã. Hựu

bất dĩ hữu tâm niệm, cư nhất thiết thời, bất khởi vọng niệm dã. Bất dĩ vô tâm niệm, ư chư vọng tâm, diệc bất tức diệt dã. Bất dĩ diệc hữu diệc vô tâm niệm, trụ vọng tưởng cảnh, bất gia liễu tri dã. Bất dĩ phi hữu phi vô tâm niệm, ư vô liễu tri, bất biện chân thật dã. Cánh hữu hà niệm giả, tứ cú ký ly, bách phi diệc tuyệt dã. Niệm nhi vô niệm, thị danh nhất tâm giả, vân niệm tắc phi không, vân vô niệm tắc phi hữu. Niệm đoạt vô niệm, vô niệm đoạt niệm, hỗ đoạt lưỡng vong, tắc song giá nhị biên. Nhân niệm thành vô niệm, nhân vô niệm hựu thành niệm, hỗ thành song lập, tắc song chiếu nhị biên. Dĩ chiếu đoạt giá, dĩ giá đoạt chiếu, phi giá, phi chiếu, duy thị nhất tâm.

(疏**)**正謂無念者，良繇一心不亂，則不以有心念，不以無心念，不以亦有亦無心念，不以非有非無心念，離此四句，更有何念？雖名念佛，蓋無念之念也，念而無念，是名一心。如是之心，心無其心，強名曰一。尚無一相，安求所謂五者、三者、八者、二者？然則一心不亂，不異一念不生，焉得非頓？

(演**)**不以有心念等者，有心墮妄想乃增益謗。今則若言其有，則能念之心本體自空，所念之佛了不可得，非有也。無心墮斷滅乃損減謗。今則若言其無，則能念之心惺惺不昧，所念之佛歷歷分明，非無也。亦有亦無墮相違謗。今則有處全空，空處全有，互奪兩亡，非雙亦也。非無非有墮戲論謗。今則因有念顯無念，因無念顯有念，互成雙立，非雙非也。又不以有心念，居一切時不起妄念也。不以無心念，於諸妄心亦不息滅也。不以亦有亦無心念，住妄想境不加了知也。不以非有非無心念，於無了知不辨真實也。更有何念者，四句既離，百非亦絕也。念而無念是名一心者，云念則非空，云無念則非有。念奪無念，無念奪念，互奪兩亡，則雙遮二邊。因念成無念，因無念又成念，互成雙立，則雙照二邊。以照奪遮，以遮奪照，非遮非照，唯是一心。

*(**Sớ**: Nói pháp này là vô niệm, vì nhất tâm bất loạn chẳng phải là dùng hữu tâm để niệm, chẳng dùng vô tâm để niệm, chẳng dùng cái tâm*

vừa hữu niệm vừa vô niệm để niệm, chẳng dùng cái tâm chẳng có chẳng không để niệm. Lìa khỏi bốn câu ấy, còn có niệm gì nữa? Tuy gọi là "niệm Phật", nhưng là niệm mà vô niệm. Niệm mà vô niệm thì gọi là nhất tâm. Cái tâm như thế là cái tâm chẳng có vọng tâm, cho nên cưỡng gọi là Nhất. Nó còn chẳng có một tướng, há tìm được những cái gọi năm pháp, ba tánh, tám thức, hai vô ngã ư? Vậy thì "nhất tâm bất loạn" chẳng khác "nhất niệm bất sanh", lẽ nào chẳng phải là Đốn?

***Diễn**: "Chẳng dùng hữu tâm để niệm…": Hữu tâm sẽ bị phỉ báng là tăng thêm vọng tưởng. Nay nếu bảo nó là có, thì bản thể của cái tâm niệm Phật vốn là Không, đức Phật được niệm trọn chẳng thể được. Đó chẳng phải là Hữu. Vô tâm bèn đọa trong đoạn diệt, sẽ bị phỉ báng là tổn giảm. Nếu nay bảo nó là không có, thì cái tâm niệm Phật nhận biết sáng suốt, chẳng mê mờ, đức Phật được niệm vằng vặc phân minh, đó chẳng phải là Vô. Vừa hữu vừa vô, sẽ bị báng bổ là trái nghịch. Nay thì nơi hữu toàn thể là không, nơi không thì toàn thể là có, do đoạt lẫn nhau nên đôi bên cùng mất. Đó chẳng phải là "vừa hữu vừa vô". "Chẳng phải không, chẳng phải có" thì sẽ bị phỉ báng là hý luận. Nay thì do hữu niệm mà hiển lộ vô niệm, do vô niệm hiển lộ hữu niệm; hai bên cùng lần lượt thành lập nhau. Đó chẳng phải là "chẳng phải hữu, chẳng phải vô".*

Lại chẳng do hữu tâm niệm thì trong hết thảy các thời, sẽ chẳng dấy lên vọng niệm. Chẳng do vô tâm mà niệm, đối với các vọng tâm, cũng chẳng dứt diệt. Chẳng dùng "vừa hữu vừa vô tâm" để niệm thì đối với chuyện trụ nơi cảnh vọng tưởng, chẳng bỏ công sức hiểu rõ. Chẳng dùng phi hữu phi vô tâm để niệm thì đối với chuyện chẳng hiểu rõ, chẳng biện định chân thật.

"Còn có gì để niệm": Đã lìa tứ cú thì bách phi cũng mất sạch. "Niệm mà vô niệm thì gọi là nhất tâm": Nói là niệm thì chẳng phải là không, nói "vô niệm" thì chẳng phải là hữu. Niệm đoạt vô niệm, vô niệm đoạt niệm, đoạt lẫn nhau, hai đằng đều mất, tức là ngăn dứt cả hai bên. Do niệm thành vô niệm, do vô niệm lại thành niệm, do lập lẫn nhau, hai bên cùng thành lập, tức là cùng chiếu cả hai bên (hữu và vô). Dùng chiếu để đoạt giá (ngăn ngừa), dùng giá để đoạt chiếu, chẳng phải giá, chẳng phải chiếu, chỉ là nhất tâm).

Nhị, Phần Viên.

Phần thuộc Viên Giáo giả, Viên chi vi nghĩa, vị tứ pháp giới trung, tiền tam thông ư chư giáo, hậu nhất độc thiện hồ Viên. Kim thử kinh

giả, Viên toàn nhiếp thử. Thử phần nhiếp Viên, đắc Viên thiểu phần, phần thuộc Viên cố.

(Sớ) Tứ pháp giới giả: Nhất, Sự pháp giới; nhị, Lý pháp giới; tam, Sự Lý vô ngại pháp giới; tứ, Sự Sự vô ngại pháp giới. Duy Hoa Nghiêm nhất kinh hữu chi, danh vi Biệt Giáo Nhất Thừa. Dĩ Sự Lý vô ngại, đồng Đốn, đồng Chung; Sự Sự vô ngại, bất đồng bỉ nhị, giản hồ đồng giáo Nhất Thừa, cố danh vi Biệt. Phi Tạng, Thông, Biệt, Viên chi Biệt dã.

(Diễn) Sự vị duyên khởi vô biên, Lý vị tánh hải vô tận. Sự Lý vị viên dung vô ngại. Sự Sự vị chủ bạn trùng trùng, tương tức, tương nhập.

二、分圓。

分屬圓教者。圓之為義，謂四法界中，前三通於諸教，後一獨擅乎圓。今此經者，圓全攝此 。此分攝圓 ，得圓少分，分屬圓故。

(疏)四法界者。一、事法界。二、理法界。三、事理無礙法界。四、事事無礙法界。唯華嚴一經有之。名為別教一乘，以事理無礙，同頓同終；事事無礙，不同彼二，揀乎同教一乘，故名為別。非藏、通、別、圓。之別也。

(演)事謂緣起無邊，理謂性海無盡。事理謂圓融無礙。事事謂主伴重重，相即相入。

(Hai, Phần Viên (thuộc về Viên Giáo một phần).

[Kinh này] thuộc về Viên Giáo một phần. Ý nghĩa của Viên là trong bốn pháp giới, ba pháp giới đầu các giáo đều có, riêng pháp giới cuối cùng chỉ riêng Viên Giáo mới có. Nay Viên Giáo hoàn toàn thâu nhiếp kinh này. "Kinh này thuộc về Viên Giáo một phần": Do được một ít phần Viên, nên thuộc về Viên Giáo một phần.

***Sớ**: "Bốn pháp giới": Một là Sự pháp giới. Hai là Lý pháp giới. Ba là Sự Lý vô ngại pháp giới. Bốn là Sự Sự vô ngại pháp giới. Chỉ riêng kinh Hoa Nghiêm là có [trọn đủ bốn pháp giới]. Gọi [kinh Hoa Nghiêm] là Biệt Giáo Nhất Thừa vì Sự Lý vô ngại giống với Đốn Giáo và Chung Giáo, còn Sự Sự vô ngại chẳng giống với hai giáo ấy; nhằm phân biệt khác với Nhất Thừa của Viên Giáo, nên gọi là Biệt. [Nói Sự Sự vô ngại là Biệt Giáo chính là dựa theo ý nghĩa trên đây], chứ không phải là Biệt hiểu theo nghĩa "Tạng, Thông, Biệt, Viên".*

***Diễn**: Sự là duyên khởi vô biên, Lý là tánh hải vô biên, Sự Lý là viên dung vô ngại, Sự Sự là chủ bạn tầng tầng, chính là lẫn nhau, nhập vào lẫn nhau).*

(Sớ) Kim vị phần nhiếp hồ Viên giả, dĩ Hoa Nghiêm toàn viên, kim đắc thiểu phần, lược thuyết hữu thập.

(Diễn) Hoa Nghiêm toàn viên, kim đắc thiểu phần giả: Nhất, vô tình thuyết pháp đồng. Nhị, nhất hàm vô lượng đồng. Tam, bất động châu biến đồng. Tứ, kiến văn hoạch ích đồng. Ngũ, bát nạn đốn siêu đồng. Lục, xuất sanh vô tận đồng. Thất, song thùy lưỡng tướng đồng. Bát, giáo chủ Pháp Thân đồng. Cửu, bất khả tư nghị đồng. Thập, đốn tề Phật cảnh đồng. Thử thập phối Hoa Nghiêm thập chủng huyền môn, khả dĩ ý đắc.

(疏)今謂分攝乎圓者。以華嚴全圓 ，今得少分 ，略說有十。

(演)華嚴全圓，今得少分者：一、無情說法同。二、一含無量同。三、不動周遍同。四、見聞獲益同。五、八難頓超同。六、出生無盡同。七、雙垂兩相同。八、教主法身同。九、不可思議同。十、頓齊佛境同。此十配華嚴十種玄門：可以意得。

*(**Sớ**: "Nay nói [kinh Di Đà] thuộc Viên Giáo một phần": Do Hoa Nghiêm là toàn viên, nay kinh này có được ít phần, nói đại lược thì gồm có mười điều.*

***Diễn**: "Hoa Nghiêm toàn viên, nay [kinh Di Đà] được một phần": Một, vô tình thuyết pháp giống nhau. Hai, một pháp chứa đựng vô lượng pháp giống nhau. Ba, bất động mà trọn khắp giống nhau. Bốn, thấy nghe đạt được lợi ích giống nhau. Năm, mau chóng thoát khỏi tám nạn giống nhau. Sáu, xuất sanh vô tận như nhau. Bảy, cùng thị hiện hai tướng như nhau. Tám, Pháp Thân của giáo chủ như nhau. Chín, chẳng thể nghĩ bàn như nhau. Mười, mau bằng với Phật cảnh giống nhau. Mười điều này đem phối hợp với mười loại huyền môn của Hoa Nghiêm thì sẽ có thể lãnh hội ý nghĩa của chúng).*

(Sớ) Nhất, Hoa Nghiêm khí giới trần mao, hình vô hình vật, giai tất diễn xuất diệu pháp ngôn âm. Thử tắc thủy, điểu, thụ lâm, hàm tuyên Căn, Lực, Giác, Đạo chư pháp môn cố. Nhị, Hoa Nghiêm nhất vi trần

trung, cụ túc thập phương pháp giới, vô tận trang nghiêm. Thử tắc như Đại Bổn vân: "Ư bảo thụ trung, kiến thập phương Phật sát, do như kính tượng cố". Tam, Hoa Nghiêm bất động tịch tràng, biến châu pháp giới, cố vân Thể Tướng như bổn vô sai biệt, vô đẳng, vô lượng tất châu biến. Thử tắc như Đại Bổn vân: "A Di Đà Phật thường tại Tây Phương, nhi diệc biến thập phương cố".

(Diễn) Như bổn vô sai biệt, tức bất động tịch tràng, vô lượng, vô đẳng, vị vô lượng thế giới, vô đẳng thế giới, tức biến châu pháp giới dã.

(疏)一、華嚴器界塵毛，形無形物，皆悉演出妙法言音。此則水鳥樹林，咸宣根力覺道諸法門故。二、華嚴一微塵中，具足十方法界，無盡莊嚴。此則如大本云：於寶樹中，見十方佛剎，猶如鏡像故。三、華嚴不動寂場，遍周法界，故云體相如本無差別 ，無等無量悉周遍 。此則如大本云：阿彌陀佛常在西方，而亦遍十方故。

(演)如本無差別，即不動寂場，無量無等，謂無量世界，無等世界，即遍周法界也。

*(**Sớ**: Một là trong kinh Hoa Nghiêm, nơi khí thế giới, vi trần, mảy lông, những vật có hình tướng hoặc không có hình tướng, đều diễn ra âm thanh diệu pháp. Trong kinh này, nước, chim, rừng cây đều tuyên nói các pháp môn như Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Thánh Đạo.*

Hai, trong kinh Hoa Nghiêm, ở trong một vi trần có trọn đủ mười phương pháp giới, trang nghiêm vô tận. Kinh này thì như Đại Bổn có nói: "Từ trong cây báu, thấy cõi Phật trong mười phương như bóng hiện trong gương".

Ba là Hoa Nghiêm chẳng lìa tịch diệt đạo tràng mà trọn khắp pháp giới, cho nên nói Thể và Tướng giống như Bổn chẳng sai biệt. Vô đẳng, vô lượng thảy đều trọn khắp. Kinh này thì như Đại Bổn nói: "A Di Đà Phật thường ngự tại Tây Phương, mà cũng trọn khắp mười phương".

***Diễn**: "Như bổn, chẳng sai biệt": Tức là bất động tịch tràng [ý nói Thể và Tướng của thân ứng hiện trọn khắp mười phương đều giống hệt như Thể và Tướng của Báo Thân ngự tại Tịch Diệt Đạo Tràng]. "Vô lượng, vô đẳng" nghĩa là vô lượng thế giới, "vô đẳng thế giới" là trọn khắp pháp giới).*

(Sớ) Tứ, Hoa Nghiêm dụ dược vương thụ, nhược hữu kiến giả, nhãn đắc thanh tịnh, nãi chí nhĩ, tỵ, lục căn, vô bất thanh tịnh. Chúng sanh kiến Phật, diệc phục như thị, dĩ kiến Viên Giác Phật, văn Phổ Môn pháp, thần lực nãi nhĩ. Thử tắc A Di Đà Phật đạo tràng bảo thụ, kiến giả, văn giả, lục căn thanh tịnh cố.

(Diễn) Viên Giác Phật giả, vị đạo cùng Diệu Giác, vị cực ư Trà. Cứu tận chư pháp Thật Tướng, biên tế trí mãn, Chủng Giác đốn viên, viên đốn thập thân, phú hữu vạn đức. Như thập ngũ nhật nguyệt, viên mãn cụ túc, tối thượng, tối thắng cứu cánh giác dã. Phổ Môn pháp giả, Phổ thị Biến nghĩa, Môn viết năng thông. Hoa Nghiêm trung cụ vô lượng Ba La Mật môn, nhất nhất môn trung, phục xuất vô lượng pháp, nãi chí nhất nhất cú năng sung biến pháp giới, nhất nhất tự năng thông Đại Niết Bàn. Cố viết Phổ Môn.

(疏)四、華嚴喻藥王樹，若有見者，眼得清淨，乃至耳鼻六根，無不清淨。眾生見佛，亦復如是，以見圓覺佛，聞普門法，神力乃爾。此則阿彌陀佛道場寶樹，見者聞者，六根清淨故。

(演)圓覺佛者，謂道窮妙覺，位極於荼。究盡諸法實相，邊際智滿，種覺頓圓，圓顯十身，富有萬德。如十五日月，圓滿具足，最上最勝究竟覺也。普門法者，普是遍義，門曰能通。華嚴中具無量波羅蜜門，一一門中復出無量法，乃至一一句能充遍法界，一一字能通大涅槃。故曰普門。

***(Sớ**: Bốn là trong kinh Hoa Nghiêm có tỷ dụ cây dược vương, nếu có ai thấy [cây ấy], mắt sẽ thanh tịnh, cho đến sáu căn tai, mũi v.v... không căn nào chẳng thanh tịnh. Chúng sanh thấy Phật cũng giống như vậy. Do thấy Viên Giác Phật, nghe pháp Phổ Môn, do thần lực nên [đạt được lợi ích] như thế đó. Trong kinh này, những ai thấy hoặc nghe đạo tràng và cây báu của A Di Đà Phật, sáu căn sẽ thanh tịnh.*

***Diễn**: "Viên Giác Phật" ý nói: Đạo tột cùng Diệu Giác, địa vị vượt ngoài chữ Trà[1], thấu hiểu tận cùng Thật Tướng của các pháp, trí huệ vượt*

[1] Trà là chữ cuối trong bốn mươi hai chữ cái trong tiếng Phạn viết theo kiểu chữ Tất Đàm (Siddham). Sau chữ Trà, không còn chữ cái nào khác, nên kinh luận hay dùng từ ngữ *"vị cực ư Trà"* (địa vị vượt khỏi chữ Trà) để diễn tả địa vị cao tột, không gì hơn!

ngoài ngằn mé, nhanh chóng viên chứng Chủng Giác, mười thân viên đốn, giàu có muôn đức như trăng ngày Rằm viên mãn trọn đủ, là sự giác ngộ tối thượng, tối thắng, rốt ráo.

"Pháp Phổ Môn": Phổ có nghĩa là trọn khắp; Môn là có thể thông suốt. Trong Hoa Nghiêm có vô lượng môn Ba La Mật. Trong mỗi môn lại sanh xuất vô lượng pháp, cho đến mỗi câu đều có thể trọn khắp pháp giới, mỗi chữ đều có thể thông với Đại Niết Bàn. Vì thế nói là Phổ Môn).

(Sớ) Ngũ, Hoa Nghiêm bát nạn siêu Thập Địa chi giai, thử tắc địa ngục, quỷ, súc, đản niệm Phật giả, tất vãng sanh cố.

(Diễn) Bát nạn vị địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, manh, lung, ấm, á, Thế Trí Biện Thông, Phật tiền Phật hậu, Bắc Câu Lô Châu, Vô Tưởng Thiên. Dĩ thọ thử quả báo, bất đắc thánh hóa, cố xưng vi nạn. Thử thị phàm phu trụ sự bát nạn. Hựu phục hữu dư trung, tam thập tâm vi tam ác đạo. Trụ vô ngã pháp, danh vi Bắc Châu. Địa tiền pháp ái, như Trường Thọ Thiên. Vị hữu Sơ Địa thập chủng lục tướng, danh chư căn bất cụ. Địa tiền trí thiển, như Thế Trí Biện Thông. Bất cùng Trung lý, như Phật tiền Phật hậu. Thử thị Nhị Thừa trụ Lý bát nạn.

(疏)五、華嚴八難超十地之階，此則地獄鬼畜，但念佛者，悉往生故。

(演)八難謂地獄，餓鬼，畜生，盲聾瘖啞，世智辨聰，佛前佛後，北拘盧洲，無想天。以受此果報，不得聖化，故稱為難。此是凡夫住事八難。又復有餘中，三十心為三惡道。住無我法，名為北洲。地前法愛如長壽天。未有初地十種六相，名諸根不具。地前智淺，如世智辨聰。不窮中理，如佛前佛後。此是二乘住理八難。

*(**Sớ**: Năm, kinh Hoa Nghiêm nói từ tám nạn vượt lên địa vị Thập Địa. Kinh này nói địa ngục, quỷ đạo, súc sanh chỉ do niệm Phật thì đều được vãng sanh.*

***Diễn**: "Tám nạn" là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, mù, điếc, câm, ngọng, Thế Trí Biện Thông, sanh trước Phật hay sau Phật, sanh trong Bắc Câu Lô Châu, sanh vào Vô Tưởng Thiên. Do thọ lãnh quả báo ấy, sẽ chẳng được nhận lãnh sự giáo hóa của Phật, Bồ Tát, cho nên gọi là Nạn. Đấy là tám nạn của kẻ thuộc địa vị phàm phu. Lại nữa, trong địa vị Hữu Dư, ba mươi tâm là tam ác đạo, trụ nơi pháp Vô Ngã thì gọi là Bắc Châu (Bắc*

Câu Lô Châu). Trước khi đắc Sơ Địa thì pháp ái (yêu mến, đắm chấp nơi pháp) ví như Trường Thọ Thiên. Chưa đạt được mười sáu tướng nơi Sơ Địa thì gọi là "các căn chẳng đầy đủ". Trước khi đắc Sơ Địa, trí huệ nông cạn thì giống như Thế Trí Biện Thông. Chẳng thấu tột cùng tận lý Trung Đạo, giống như sanh trước hay sau Phật. Đấy chính là tám nạn của hàng Nhị Thừa trụ nơi Lý).

(Sớ) Lục, Hoa Nghiêm nhất tức nhất thiết, cố Như Lai năng ư nhất thân hiện bất khả thuyết Phật sát vi trần số đầu, nhất nhất đầu xuất nhĩ sở thiệt, nhất nhất thiệt xuất nhĩ sở âm thanh, nãi chí văn tự, cú nghĩa, sung mãn pháp giới. Thử tắc như Đại Bổn vân: "Bỉ quốc vô lượng bảo hoa. Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bách thiên ức quang minh. Nhất nhất quang minh, xuất tam thập lục bách thiên ức Phật, phổ vị thập phương thuyết nhất thiết pháp cố". Thất, Hoa Nghiêm Xá Na, Thích Ca, song thùy lưỡng tướng. Thử tắc như Quán Kinh vân: "A Di Đà Phật hiện lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần chi thân", nhi hựu kiến trượng lục chi thân, ư trì thủy thượng cố.

(Diễn) Xá Na, Thích Ca song thùy lưỡng tướng giả. Lưỡng tướng, vị thiên trượng viên mãn Báo Thân, dữ trượng lục lão tỳ-kheo tướng. Song thùy, tức nhị thỉ đồng thời, bất động tịch tràng, nhi du Lộc Uyển dã.

(疏)六、華嚴一即一切，故如來能於一身現不可說佛剎微塵數頭，一一頭出爾所舌，一一舌出爾所音聲，乃至文字句義，充滿法界。此則如大本云：彼國無量寶華，一一華中，出三十六百千億光明，一一光明，出三十六百千億佛，普為十方說一切法故。七、華嚴舍那釋迦，雙垂兩相。此則如觀經云：阿彌陀佛現六十萬億那由他恆河沙由旬之身。而又見丈六之身，於池水上故。

(演)舍那，釋迦雙垂兩相者。兩相，謂千丈圓滿報身，與丈六老比丘相。雙垂，即二始同時，不動寂場，而游鹿苑也。

*(**Sớ**: Sáu, trong kinh Hoa Nghiêm, một chính là hết thảy. Cho nên đức Như Lai có thể trong một thân, hiện ra số đầu bằng số các vi trần trong một bất khả thuyết cõi Phật. Mỗi mỗi đầu hiện ngần ấy lưỡi. Mỗi mỗi lưỡi phát ra ngần ấy âm thanh, cho đến văn tự, cú nghĩa đầy khắp*

pháp giới. Điều này như Đại Bổn đã nói: "Cõi ấy có vô lượng hoa báu. Trong mỗi hoa, tỏa ra ba mươi sáu trăm ngàn ức quang minh. Trong mỗi quang minh, hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức Phật, khắp vì mười phương nói hết thảy các pháp". Bảy, trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật hiện hai tướng là Lô Xá Na Phật và Thích Ca Mâu Ni Phật. Ở đây thì như trong Quán Kinh đã nói, A Di Đà Phật hiện thân to đến sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần. Lại còn thấy thân cao trượng sáu trên mặt nước ao.

***Diễn**: "Lô Xá Na Phật và Thích Ca Mâu Ni cùng hiện hai tướng": "Hai tướng" là tướng Báo Thân cao ngàn trượng và tướng lão tỳ-kheo cao một trượng sáu. "Cùng hiện" chính là đồng thời hiện cả hai tướng, chẳng lìa Tịch Diệt Đạo Tràng mà đi đến Lộc Uyển).*

(Sớ) Bát, Hoa Nghiêm dĩ Lô Xá Na Phật vi giáo chủ. Thử tắc như Thanh Lương vân: "A Di Đà Phật tức Bổn Sư Lô Xá Na cố". Cửu, Hoa Nghiêm danh đại bất tư nghị, Tịnh Danh chư kinh danh tiểu bất tư nghị. Thử tắc diệc danh Bất Khả Tư Nghị Công Đức cố.

(Diễn) Tịnh Danh danh tiểu bất tư nghị giả, như tá tòa Đăng Vương, thỉnh phạn Hương độ, thất bao càn tượng, thủ trịch đại thiên, cập Bồ Tát chủng chủng bất tư nghị giải thoát, giai bất khả tư nghị dã.

(疏)八、華嚴以盧舍那佛為教主，此則如清涼云：阿彌陀佛即本師盧舍那故。九、華嚴名大不思議，淨名諸經名小不思議；此則亦名不可思議功德故。

(演)淨名名小不思議者，如借座鐙王，請飯香土 ，室包乾象，手擲大千，及菩薩種種不思議解脫，皆不可思議也。

*(**Sớ**: Tám, kinh Hoa Nghiêm lấy Lô Xá Phật làm giáo chủ, kinh này thì như ngài Thanh Lương đã nói: "A Di Đà Phật tức Bổn Sư Lô Xá Na Phật". Chín là kinh Hoa Nghiêm được gọi là đại bất tư nghị, các kinh như kinh Tịnh Danh gọi là tiểu bất tư nghị, kinh này còn có tên là Bất Khả Tư Nghị Công Đức.*

***Diễn**: "Kinh Tịnh Danh (kinh Duy Ma Cật) được gọi là tiểu bất tư nghị": [Vì trong ấy chép những chuyện như] mượn tòa sư tử từ chỗ Tu Di Đăng Vương Phật [cho đại chúng đến thăm bệnh ngài Duy Ma Cật ngồi], xin cơm từ cõi Phật Hương Tích, cái thất [rộng một trượng vuông] mà có*

dung lượng như càn khôn, tay quăng tam thiên đại thiên thế giới, và đủ thứ giải thoát chẳng thể nghĩ bàn của Bồ Tát, đều là chẳng thể nghĩ bàn).

(Sớ) Thập, Hoa Nghiêm vi giáo, tức phàm phu tâm, tiện thành chư Phật bất động trí. Thử tắc bất việt xưng danh, Phật hiện tiền cố. Thị tắc tề đẳng Tịnh Danh chư kinh, đồng vi Hoa Nghiêm lưu loại. Viên Giáo toàn nhiếp thử kinh, thử kinh phần nhiếp Viên Giáo. Dĩ thiểu phần nghĩa, cố danh Phần Viên dã.

(Diễn) Bất Động Trí, vị bất sanh bất diệt tâm, tức thị nhất pháp giới đại tổng tướng pháp môn Thể dã. Đồng vi Hoa Nghiêm lưu loại giả, vị Hoa Nghiêm thị nguyên, nhi thử tắc thị kỳ lưu. Hoa Nghiêm thị bổn, nhi thử tắc thị kỳ loại. Thử loại tự, dữ "thánh nhân chi ư dân diệc loại dã" loại tự tương tự. Thử lưu tự, dữ "lưu lưu nhập hải", lưu tự tương tự.

(疏)十、華嚴為教，即凡夫心，便成諸佛不動智。此則不越稱名，佛現前故。是則齊等淨名諸經。同為華嚴流類。圓教全攝此經，此經分攝圓教。以少分義，故名分圓也。

(演)不動智，謂不生不滅心，即是一法界大總相法門體也。同為華嚴流類者，謂華嚴是源，而此則是其流。華嚴是本，而此則是其類。此類字，與聖人之於民亦類也，類字相似。此流字，與流流入海，流字相似。

*(**Sớ**: Mười, giáo nghĩa của kinh Hoa Nghiêm là từ ngay cái tâm phàm phu mà thành tựu trí bất động của chư Phật. Kinh này thì chẳng vượt khỏi xưng danh mà Phật hiện tiền. Do vậy, giống như các kinh Tịnh Danh v.v... Có cùng dòng loại với kinh Hoa Nghiêm. Viên Giáo nhiếp trọn vẹn kinh này, kinh này một phần thuộc về Viên Giáo. Do có chút phần [thuộc giáo nghĩa Viên Giáo], nên gọi là Phần Viên.*

***Diễn**: Bất Động Trí là cái tâm bất sanh bất diệt, tức là cái thể của pháp giới đại tổng tướng pháp môn. "Cùng dòng loại với kinh Hoa Nghiêm", ý nói Hoa Nghiêm là nguồn, còn kinh này là chi lưu; Hoa Nghiêm là cội gốc, còn kinh này thuộc về cùng loại. Chữ Loại ở đây [có ý nghĩa tương tự chữ Loại trong câu "thánh nhân cùng loại với dân". Chữ "dòng" ở đây tương tự chữ Dòng trong câu "các dòng nước đều đổ vào biển").*

Tam, bàng thông (nhị): Sơ, Quán Kinh. Nhị, chư kinh.

Sơ, Quán Kinh.

Tiên minh thông Quán Kinh giả, hữu ngôn: "Thập lục Quán môn, danh vi Định Thiện; chấp trì danh hiệu, danh vi Tán Thiện". Kim vị thông chi. Ư trung hữu nhị: Nhất, tổng; nhị, biệt. Tiên minh tổng giả, bỉ kinh diệu quán, tông hồ nhất tâm. Thử kinh nhất tâm, chánh phù bỉ ý. Nhất tâm tác quán, nhất tâm xưng danh, hà đắc đồng quy nhất tâm? Dương bỉ ức thử, tường như Tịnh Giác Sớ trung thuyết.

(Diễn) Định Thiện, Tán Thiện giả, thập lục Quán môn vi Định Thiện, định tâm thành Quán cố. Chấp trì danh hiệu vi Tán Thiện, tán tâm xưng danh cố. Bỉ kinh Diệu Quán tông hồ nhất tâm giả, dĩ nhược tựu Sự thượng, trực quán y chánh, khởi danh vi diệu? Kim quán nhược y, nhược chánh, nãi pháp giới tâm quán pháp giới cảnh, sanh ư pháp giới y chánh sắc tâm. Thị tắc danh vi duy y, duy chánh, duy sắc, duy tâm, duy quán, duy cảnh, khởi bất danh diệu? Cố tri Diệu Quán giai tông nhất tâm, tâm tánh biến châu, vô pháp bất tạo, vô pháp bất cụ. Nhược nhất hào pháp tùng tâm ngoại sanh, tắc bất danh vi Diệu Quán dã.

三、旁通(二)：初、觀經。二、諸經。

初、觀經。

先明通觀經者，有言：十六觀門，名為定善，執持名號，名為散善，今為通之。於中有二：一、總，二、別。先明總者，彼經妙觀，宗乎一心。此經一心，正符彼意。一心作觀，一心稱名，何得同歸一心？揚彼抑此，詳如淨覺疏中說。

(演)定善散善者，十六觀門為定善，定心成觀故。執持名號為散善，散心稱名故。彼經妙觀宗乎一心者，以若就事上直觀依正，豈名微妙？今觀若依若正，乃法界心觀法界境，生於法界依正色心。是則名為唯依唯正，唯色唯心，唯觀唯境，豈不名妙？故知妙觀皆宗一心，心性遍周，無法不造，無法不具。若一毫法從心外生，則不名為妙觀也。

(Ba là luận định ý nghĩa của những kinh có liên quan tới kinh này, gồm hai phần: Một là Quán Kinh, hai là các kinh.

Thứ nhất là Quán Kinh.

Trước hết, nói rõ kinh này có ý nghĩa thông với Quán Kinh. Có kẻ nói "mười sáu môn Quán [trong Quán Kinh] là Định Thiện, còn chấp trì danh hiệu là Tán Thiện", nay bèn đả thông [chấp trước sai lầm ấy]. Trong đoạn này có hai ý nghĩa, một là tổng, hai là biệt. Trước hết nói về ý nghĩa chung thì tông chỉ của những phép Quán mầu nhiệm trong kinh ấy (kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật) là nhất tâm. Nhất tâm trong kinh này thật phù hợp với ý ấy. Nhất tâm tác quán, nhất tâm xưng danh, lẽ nào chẳng cùng trở về nhất tâm, [những luận điệu] đề cao điều kia, hạ thấp điều này như trong bộ Tịnh Giác Sớ có nói tường tận.

***Diễn**: "Định Thiện, Tán Thiện": [Có kẻ cho rằng] mười sáu Quán môn là Định Thiện, vì do định tâm mà thành Quán. Chấp trì danh hiệu là Tán Thiện vì tán tâm xưng danh. "Tông chỉ của những phép Quán mầu nhiệm trong kinh ấy là nhất tâm": Nếu dựa theo Sự để trực tiếp quán y báo và chánh báo [của cõi Cực Lạc], thì làm sao gọi là vi diệu cho được? Nay dù quán y báo hay quán chánh báo, đều là dùng cái tâm pháp giới để quán cảnh pháp giới, sanh trong y báo, chánh báo, sắc, tâm của pháp giới, như thế thì mới gọi là chỉ có y báo, chỉ có chánh báo, chỉ có sắc, chỉ có tâm, chỉ có quán, chỉ có cảnh; há chẳng đáng gọi là Diệu ư?*

Vì thế biết, tông chỉ của phép Quán mầu nhiệm là nhất tâm. Tâm tánh trọn khắp, không pháp nào chẳng tạo, không pháp nào chẳng trọn đủ. Nếu có mảy may pháp nào sanh ở ngoài cái tâm, sẽ chẳng thể gọi là diệu quán được!)

(Sớ) Bàng thông giả, bất Biệt, Đốn, Viên, đản thủ chư Đại Thừa kinh nghĩa lý tương thông. Dĩ Thập Lục Quán thị Tịnh Độ chuyên kinh, cố tiên cử dã. Định tán giả, Cô Sơn phán thập lục Quán vi Định Thiện, thử kinh trì danh vi Tán Thiện. Kim vị "nhất tâm bất loạn, hữu Sự, hữu Lý. Tức Sự nhất tâm, dĩ phi toàn tán, hà huống Lý nhất?"

(Diễn) Dĩ phi toàn tán, hà huống Lý nhất giả, nhược cứ Sự trì, ưng danh tán tâm. Kim chuyên chú nhất cảnh, dĩ phi toàn tán. Lý nhất tâm giả, ngộ tự bổn tâm, bổn tự bất sanh, bổn tự bất động, hà vi tán dã?

(疏)旁通者，不別、頓、圓，但取諸大乘經義理相通。以十六觀，是淨土專經，故先舉也。定散者，孤山判十六觀為定善，此經持名為散善。今謂一心不亂，有事有理。即事一心，已非全散，何況理一？

(演)已非全散，何況理一者，若據事持應名散心。今專注一境，已非全散。理一心者，悟自本心，本自不生，本自不動，何為散也？

*(**Sớ**: "Bàng thông" là không phân biệt là Biệt, Đốn hay Viên, chỉ chọn lấy những kinh Đại Thừa có nghĩa lý tương thông [kinh Di Đà]. Do kinh Thập Lục Quán là kinh chuyên nói về Tịnh Độ, cho nên nêu ra trước hết. "Định, tán": Ngài Cô Sơn phán định mười sáu phép Quán là Định Thiện, còn phép trì danh trong kinh này là Tán Thiện. Nay nói: "Nhất tâm bất loạn có Sự và Lý. Ngay cả Sự nhất tâm còn chưa phải hoàn toàn là Tán Thiện, huống hồ Lý nhất tâm?"*

***Diễn**: "Đã chẳng phải hoàn toàn là Tán Thiện, huống hồ Lý nhất tâm": Nếu cứ trì theo mặt Sự thì đáng gọi là tán tâm. Nay chuyên chú một cảnh thì đã chẳng phải hoàn toàn là Tán Thiện. "Lý nhất tâm": Ngộ cái tâm của chính mình vốn tự chẳng sanh, vốn tự bất động thì cái gì là tán vậy?)*

(Sớ) Chánh phù bỉ ý giả, bỉ kinh Tam Quán, tức Không, tức Giả, tức Trung, siêu hồ thứ đệ, thị vi nhất tâm.

(Diễn) Tức Không, tức Giả, tức Trung, thị Nhất Tâm Tam Quán, quán Tam Đế nhất cảnh dã. Tư nãi xứng tánh nhi quán, tuyệt đãi nhi chiếu. Tu thử Quán thời, kỳ nhất quán nhi tam quán, quán ư nhất đế nhi tam đế, tức nhất nhi tam, tức tam nhi nhất. Cố Không vi pháp giới, nhất thiết pháp xu Không, vô Giả, vô Trung, vô Bất Không. Giả vi pháp giới, nhất thiết pháp xu Giả, vô Không, vô Trung, vô Bất Giả. Trung vi pháp giới, nhất thiết pháp xu Trung, vô Không, vô Giả, vô Bất Trung dã. Thử quán thành thời, chứng nhất tâm tam trí, diệc danh Nhất Thiết Chủng Trí. Trung Luận vân: "Nhân duyên sở sanh pháp, tức Không, tức Giả, tức Trung". Thích Luận vân: "Tam trí thật tại nhất tâm trung đắc", tức thử ý dã. Siêu hồ thứ đệ giả, dĩ hữu thứ đệ tam quán, tiên tu tùng Giả nhập Không quán, thứ tu tùng Không nhập Giả quán, nhiên hậu song giá, song chiếu, lưu nhập Tát Bà Nhã hải. Thử thị Biệt Giáo hành tướng, kim thị Viên Quán, cố đốn siêu dã.

(疏)正符彼意者，彼經三觀，即空即假即中，超乎次第，是為一心。

(演)即空即假即中，是一心三觀，觀三諦一境也。斯乃稱性而觀，絕待而照。修此觀時，祇一觀而三觀，觀於

一諦而三諦，即一而三，即三而一。故空為法界，一切法趨空，無假無中無不空。假為法界，一切法趨假，無空無中無不假。中為法界，一切法趨中，無空無假無不中也。此觀成時，證一心三智，亦名一切種智。中論云：因緣所生法，即空即假即中。釋論云：三智實在一心中得，即此意也。超乎次第者，以有次第三觀，先修從假入空觀，次修從空入假觀，然後雙遮雙照，流入薩婆若海。此是別教行相，今是圓觀，故頓超也。

*(**Sớ**: "Thật phù hợp ý ấy": Tam Quán trong kinh kia (Quán Kinh) tức là Không, Giả, Trung, vượt khỏi thứ tự, chính là nhất tâm.*

***Diễn**: "Tức Không, tức Giả, tức Trung" là Nhất Tâm Tam Quán, quán ba Đế một cảnh. Đấy chính là quán tương xứng với tánh, dứt bặt đối đãi mà chiếu [tâm, chiếu cảnh]. Khi tu phép Quán này, chỉ có một phép Quán mà chính là ba phép Quán, quán một đế mà trọn cả ba đế, tức là do một mà là ba, do ba mà chính là một. Bởi lẽ, Không là pháp giới, hết thảy các pháp đều ngả theo Không, vô Giả, vô Trung, vô Bất Không. Giả là pháp giới, hết thảy các pháp đều ngả theo Giả, vô Không, vô Trung, vô Bất Giả. Trung là pháp giới, hết thảy các pháp đều ngả theo Trung, vô Không, vô Giả, vô Bất Trung. Khi phép Quán này thành tựu, chứng nhất tâm tam trí, còn gọi là Nhất Thiết Chủng Trí.*

Trung Luận nói: "Pháp sanh bởi nhân duyên, chính là Không, là Giả, là Trung". Thích Luận chép: "Tam trí thật sự từ trong nhất tâm mà đắc", chính là ý này. "Vượt khỏi thứ tự": Do có Thứ Đệ Tam Quán, trước hết là tu Quán từ Giả nhập Không, kế đó là tu Quán từ Không nhập Giả; sau đó, cùng ngăn dứt, cùng chiếu soi, lưu nhập biển Nhất Thiết Trí. Đấy là hành tướng của Biệt Giáo. Nay [phép tu trong Quán Kinh] là phép Quán thuộc Viên Giáo, cho nên "vượt thoát" vậy).

(Sớ) Kim kinh chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tắc năng trì, sở trì, liễu bất khả đắc, thị danh Không Quán. Chánh đương Không thời, Năng Sở lịch nhiên, thị danh Giả Quán. Phi Giả, phi Không, thường Không, thường Giả, bất khả tư nghị, thị danh Trung Quán. Lương dĩ đơn đề thánh hiệu, trực hạ nhất tâm, hữu hà thứ đệ, chánh Tam Quán viên tu chi nghĩa dã.

(Diễn) Liễu bất khả đắc giả, Năng Sở tánh Không cố. Năng Sở lịch nhiên giả, bất ngại duyên khởi cố. Phi Không, phi Giả, hỗ đoạt lưỡng vong, song giá Trung Đạo dã. Thường Không, thường Giả, hỗ thành song lập, song chiếu Trung Đạo dã. Giá chiếu đồng thời, cố bất khả tư nghị.

(疏)今經執持名號，一心不亂，則能持所持，了不可得，是名空觀；正當空時，能所歷然，是名假觀；非假非空，常空常假，不可思議，是名中觀。良以單提聖號，直下一心，有何次第，正三觀圓修之義也。

(演)了不可得者，能所性空故。能所歷然者，不礙緣起故。非空非假，互奪兩亡，雙遮中道也。常空常假 ，互成雙立，雙照中道也。遮照同時，故不可思議。

*(**Sớ**: Nay kinh này chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn thì năng trì (người trì danh, tâm trì danh) và sở trì (đối tượng được trì niệm, tức Phật hiệu) trọn chẳng thể được. Đó gọi là Không Quán. Ngay trong lúc Không, Năng và Sở rành rành, đó gọi là Giả Quán. Chẳng phải Giả, chẳng phải Không, mà thường Không, thường Giả, chẳng thể nghĩ bàn, bèn gọi là Trung Quán. Ấy là vì chỉ giữ một thánh hiệu mà chứng nhập thẳng vào nhất tâm, đâu có thứ tự gì; đấy chính là ý nghĩa chánh yếu của tu trọn vẹn Tam Quán.*

***Diễn**: "Trọn chẳng thể được": Do tánh của Năng và Sở đều là Không. "Năng và Sở rành rành": Do chẳng trở ngại duyên khởi. Chẳng phải Không, chẳng phải Giả, cùng nhau đoạt mất, nên hai bên (Không và Giả) đều mất. Do ngăn dứt cả hai bên thì là Trung Đạo. Thường Không, thường Giả, cùng nhau thành lập cả hai bên (Không và Giả), tức là chúng cùng hiển lộ Trung Đạo vậy. Ngăn dứt và hiển lộ đồng thời, cho nên chẳng thể nghĩ bàn).*

(Sớ) Thị tắc bỉ kinh dĩ tâm quán vi Tông. Thử kinh dĩ tâm niệm vi Tông. Quán tức niệm dã, niệm tức quán dã, lưỡng kinh sở thuyết, ký đồng nhất tâm, hà độc thử kinh ức chi vi tán? Cố thử pháp môn danh Niệm Phật tam-muội, diệc danh Nhất Hạnh tam-muội, diệc danh Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, diệc danh Bát Nhã tam-muội, diệc danh Phổ Đẳng tam-muội. Tam-muội chi ngôn Định dã. Ký thông đa chủng tam-muội, hà đắc vi Tán? Đại yếu, quán tưởng nhược phi nhất tâm, quán

diệc thành tán. Trì danh nhược đắc nhất tâm, trì tức thành định. Bất tại quán tưởng, trì danh, nhi tại nhất tâm dữ bất nhất tâm dã!

(Diễn) Quán tức niệm, niệm tức quán giả, quán nãi chú tưởng nhất cảnh, niệm nãi minh ký bất vong, tắc quán niệm tự biệt. Nhiên quán viết tâm quán, niệm viết tâm niệm, tắc đồng tông nhất tâm. Bỉ tắc dĩ pháp giới tâm quán pháp giới cảnh, thử tắc dĩ pháp giới tâm niệm pháp giới Phật, hào vô sai biệt, cố ngôn Tức dã. Danh Niệm Phật tam-muội giả, chấp trì danh hiệu cố. Nhất Hạnh tam-muội giả, hệ duyên pháp giới, chuyên xưng danh tự cố. Chư Phật Hiện Tiền tam-muội giả, nhất tâm công thành, Phật hiện kỳ tiền cố. Bát Nhã tam-muội giả, nhất tâm bất loạn tức Đại Bát Nhã cố. Phổ Đẳng tam-muội giả, nhất tâm công thành, vô pháp bất nhiếp cố.

(疏)是則彼經以心觀為宗 。此經以心念為宗 。觀即念也，念即觀也，兩經所說，既同一心，何獨此經抑之為散？故此法門名念佛三昧。亦名一行三昧。亦名諸佛現前三昧。亦名般若三昧。亦名普等三昧。三昧之言定也。既通多種三昧，何得為散？大要觀想若非一心，觀亦成散。持名若得一心，持即成定，不在觀想持名，而在一心與不一心也。

(演)觀即念，念即觀者，觀乃注想一境，念乃明記不忘，則觀念似別。然觀曰心觀，念曰心念，則同宗一心。彼則以法界心觀法界境，此則以法界心念法界佛，毫無差別，故言即也。名念佛三昧者，執持名號故。一行三昧者，繫緣法界，專稱名字故。諸佛現前三昧者，一心功成佛現其前故。般若三昧者，一心不亂即大般若故。普等三昧者，一心功成，無法不攝故。

***(Sớ**: Kinh ấy lấy tâm quán làm Tông; kinh này lấy tâm niệm làm Tông. Quán chính là niệm, niệm chính là quán, hai kinh cùng nói về nhất tâm, cớ sao chỉ dè bỉu một mình kinh này là Tán Thiện? Bởi lẽ, pháp môn này được gọi là Niệm Phật tam-muội, còn gọi là Nhất Hạnh tam-muội, còn gọi là Chư Phật Hiện Tiền tam-muội, cũng gọi là Bát Nhã tam-muội, cũng gọi là Phổ Đẳng tam-muội. Tam-muội là Định. Đã bao gồm nhiều loại tam-muội, lẽ nào là Tán Thiện? Nói chung, nếu quán tưởng mà chẳng nhất tâm, thì quán cũng trở thành Tán Thiện. Nếu trì danh mà đắc nhất*

tâm, thì trì danh trở thành Định Thiện. Chẳng do quán tưởng hay trì danh, mà là do nhất tâm hay không!

***Diễn**: "Quán tức niệm, niệm tức quán": Quán là chuyên chú tưởng một cảnh, niệm là nhớ rõ chẳng quên. Tức là quán và niệm dường như khác biệt, nhưng quán là tâm quán, niệm là tâm niệm, cùng lấy nhất tâm làm căn bản. Quán là dùng tâm pháp giới để quán cảnh pháp giới, niệm thì dùng tâm pháp giới để niệm pháp giới Phật, chẳng có mảy may sai biệt; do đó nói là Tức. Gọi là Niệm Phật tam-muội vì chấp trì danh hiệu. Là Nhất Hạnh tam-muội vì duyên chắc nơi pháp giới, chuyên xưng danh hiệu. Chư Phật Hiện Tiền tam-muội vì hễ tu nhất tâm thành công, Phật sẽ hiện tiền. Bát Nhã tam-muội vì nhất tâm bất loạn chính là Đại Bát Nhã. Phổ Đẳng tam-muội vì nhất tâm tu thành công thì không pháp nào chẳng thâu nhiếp).*

(Sớ) Như Tịnh Giác sớ giả, Sớ vân: "Trí Giả đại sư ư Quán Kinh, dĩ tam chủng Tịnh nghiệp thuộc Tán, thập lục diệu Quán thuộc Định", vị văn dĩ trì danh vi Tán dã. Cô Sơn phán thử kinh vi Tán Thiện, dư bất vĩ bỉ thuyết. Thả Phổ Môn Phẩm Sớ, thích nhất tâm xưng danh, hữu Sự, hữu Lý, tồn niệm Quán Âm, vô hữu gián đoạn, danh Sự nhất tâm. Nhược đạt thử tâm, tứ tánh bất sanh, dữ Không Huệ tương ứng, danh Lý nhất tâm.

(Diễn) Trí Giả đại sư ư Quán Kinh phân Tán, phân Định giả, Quán Kinh trung, nhân Vy Đề Hy khải thỉnh: "Duy nguyện Thế Tôn, giáo ngã tư duy, giáo ngã chánh thọ". Cố Thế Tôn dĩ tam chủng Tịnh nghiệp đáp tư duy, thập lục diệu Quán đáp chánh thọ. Thiên Thai Sớ vân: "Tam chủng tịnh nghiệp, tán tâm tư lương, danh viết Tư Duy. Thập lục chánh Quán, thuyết danh Chánh Thọ". Thị tức thuộc Tán, thuộc Định dã. Tam chủng Tịnh nghiệp giả: Nhất giả, hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện nghiệp. Nhị giả, thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi. Tam giả, phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả. Nhược tu tam chủng phước, vị Tam Hoặc nhiễm, bất xưng tịnh nghiệp. Ư thập lục cảnh, bất chiếu Tam Đế, bất danh Diệu Quán! Tứ tánh bất sanh giả, vị đạt thử tâm, tự tha cộng vô nhân bất khả đắc, vô tâm vô niệm dã. Dĩ Không Huệ tương ứng giả, Không Huệ tức Đại Bát Nhã trí. Dĩ vô hư vọng tâm niệm, ly nhất thiết pháp sai biệt chi tướng dã.

(疏)如淨覺疏者，疏云：智者大師於觀經，以三種淨業屬散，十六妙觀屬定，未聞以持名為散也。孤山判此經為散善，予不韙彼說。且普門品疏，釋一心稱名，有事有理，存念觀音，無有間斷，名事一心。若達此心，四性不生，與空慧相應，名理一心。

(演)智者大師，於觀經分散分定者，觀經中，因韋提希啟請：唯願世尊，教我思惟，教我正受。故世尊以三種淨業答思惟，十六妙觀答正受。天台疏云：三種淨業，散心思量名曰思惟。十六正觀說名正受。是即屬散屬定也。三種淨業者：一者，孝養父母，奉事師長，慈心不殺，修十善業。二者，受持三皈，具足眾戒，不犯威儀。三者，發菩提心，深信因果，讀誦大乘，勸進行者。若修三種福，為三惑染，不稱淨業。於十六境，不照三諦，不名妙觀！四性不生者，謂達此心，自他共無因不可得，無心無念也。與空慧相應者，空慧即大般若智。以無虛妄心念，離一切法差別之相也。

*(**Sớ**: "Như Tịnh Giác Sớ" là trong lời Sớ có viết: "Đối với Quán Kinh, Trí Giả đại sư coi ba thứ Tịnh nghiệp là Tán Thiện, mười sáu phép Quán mầu nhiệm là Định Thiện"; chưa hề nghe nói Ngài phán định trì danh là Tán Thiện! Ngài Cô Sơn phán định kinh này là Tán Thiện, tôi chẳng chấp nhận thuyết ấy. Hơn nữa, trong phần sớ giải phẩm Phổ Môn, đã giải thích nhất tâm xưng danh có Sự và Lý. Nghĩ tới Quán Âm chẳng gián đoạn, gọi là Sự nhất tâm. Nếu đạt cái tâm này, bốn tánh chẳng sanh, tương ứng với Không Huệ thì gọi là Lý nhất tâm.*

***Diễn**: "Trí Giả đại sư đối với Quán Kinh chia thành Tán Thiện và Định Thiện": Trong Quán Kinh, do bà Vy Đề Hy khải thỉnh: "Kính xin đức Thế Tôn dạy con tư duy, dạy con chánh thọ". Cho nên đức Thế Tôn dùng ba thứ Tịnh nghiệp để trả lời về tư duy, mười sáu phép Diệu Quán để trả lời về chánh thọ. Trong tác phẩm Quán Kinh Sớ, ngài Thiên Thai nói ba thứ tịnh nghiệp thuộc tán tâm tư lương, nên gọi là Tư Duy. Mười sáu phép Chánh Quán được gọi là Chánh Thọ. Đấy chính là những điều thuộc Tán Thiện và Định Thiện.*

"Ba thứ Tịnh nghiệp": Một là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện nghiệp. Hai là thọ trì Tam Quy, trọn đủ các giới, chẳng phạm oai nghi. Ba là phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả. Nếu tu ba loại phước mà bị nhuốm bẩn bởi Tam Hoặc (tham, sân, si), sẽ chẳng gọi là tịnh nghiệp. Nếu chẳng chiếu Tam Đế, chẳng gọi là Diệu Quán.

"Bốn tánh chẳng sanh" nghĩa là liễu đạt cái tâm này, tự và tha đều là không có cái nhân để có thể đạt được, vô tâm, vô niệm. "Do tương ứng với Không Huệ": Không Huệ chính là trí Đại Bát Nhã. Do chẳng có tâm niệm hư vọng, bèn lìa tướng sai biệt của hết thảy các pháp).

(Sớ) Phổ Môn vô "bất loạn" nhị tự, Trí Giả thượng tác Không Huệ thích chi, kim vân "nhất tâm bất loạn", hà đắc biếm vi Tán Thiện? Ngu án: Trí Giả nhập diệt, xướng Tam Bảo danh. Chương An lâm chung, diệc xưng Di Đà, cập nhị Đại Sĩ. Bỉ sư tư tự hành như tư, tất bất tán phán xưng danh, ư thị ích tín.

(疏)普門無不亂二字，智者尚作空慧釋之，今云一心不亂，何得貶為散善？愚按：智者入滅，唱三寶名。章安臨終，亦稱彌陀及二大士。彼師資自行如斯。必不散判稱名，於是益信。

*(**Sớ**: Trong phẩm Phổ Môn không có hai chữ "bất loạn", mà ngài Trí Giả còn giải thích là Không Huệ, nay kinh này nói "nhất tâm bất loạn", sao lại gièm chê là Tán Thiện? Ngu tôi nhận định: Ngài Trí Giả nhập diệt, xướng danh hiệu Tam Bảo. Ngài Chương An lâm chung, cũng xưng niệm danh hiệu Phật Di Đà và hai vị Đại Sĩ. Thầy trò họ tự hành như thế; cho nên càng thêm tin chắc chẳng cần phán định xưng danh là Tán Thiện).*

Thứ minh biệt giả, hoặc vị thử kinh đản văn Phật danh, hoặc vị thử kinh Phật thị Liệt Ứng, hoặc vị thử kinh hoa cục xa luân, hoặc vị thử kinh Ngũ Nghịch bất sanh, hoặc vị thử kinh chỉ thuộc hạ phẩm, bất tri nhị kinh thật nhất nghĩa cố, bất tri thử kinh vưu độc yếu cố.

(Sớ) Đản danh giả, hoặc vị Quán Kinh giáo tưởng bỉ Phật tướng hảo. Thử kinh đản trì tứ tự không danh, tắc bất kiến Phật thân, cố danh Tán Thiện. Nhiên kinh vân: "A Di Đà Phật, dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền". Ký Phật hiện, tắc ninh vô tướng hảo; huống dữ chúng, tắc chủ bạn tề chương. Cái bỉ dĩ tác quán kiến Phật, thử dĩ trì danh kiến Phật, vi nhân bất đồng, kiến Phật tắc nhất.

(Diễn) Đản danh cố, danh Tán Thiện giả, dĩ nhược hữu Định tâm, Phật thân tự hiện, kim bất hiện thân, hiển thị vô hữu Định lực, cố danh Tán Thiện dã.

次明別者，或謂此經但聞佛名，或謂此經佛是劣應，或謂此經華局車輪，或謂此經五逆不生，或謂此經止屬下品。不知二經實一義故，不知此經尤獨要故。

(疏)但名者，或謂觀經教想彼佛相好。此經但持四字空名，則不見佛身，故名散善。然經云：阿彌陀佛，與諸聖眾，現在其前。既佛現，則寧無相好，況與眾，則主伴齊彰。蓋彼以作觀見佛，此以持名見佛 ，為因不同 ，見佛則一。

(演)但名故，名散善者，以若有定心，佛身自現，今不見身，顯是無有定力，故名散善也。

(Tiếp đó là nói tới những ý nghĩa riêng biệt: Hoặc có kẻ nói kinh này chỉ nghe danh hiệu Phật, hoặc nói Phật trong kinh này là Liệt Ứng Thân, hoặc nói trong kinh này, hoa chỉ hạn cuộc to bằng bánh xe, hoặc nói đối với kinh này, kẻ Ngũ Nghịch chẳng thể vãng sanh, hoặc nói kinh này chỉ thuộc hạ phẩm. Chẳng biết hai kinh thật sự có cùng một nghĩa, chẳng biết kinh này lại càng đặc biệt quan trọng!

***Sớ**: "Chỉ nghe danh hiệu": Hoặc là có kẻ nói Quán Kinh dạy tưởng tướng hảo của đức Phật ấy; kinh này chỉ trì suông danh hiệu gồm bốn chữ, chẳng thấy thân Phật, cho nên gọi là Tán Thiện. Nhưng kinh chép: "A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt". Phật đã hiện, lẽ nào không có tướng hảo? Huống chi Phật hiện ra cùng với thánh chúng, tức là chủ và bạn cùng hiện rõ ràng. Ấy là vì kinh kia dùng quán tưởng để thấy Phật, kinh này dùng trì danh để thấy Phật, nhân khác nhau, nhưng thấy Phật giống hệt như nhau!*

***Diễn**: "Chỉ trì danh thì gọi là Tán Thiện": Nếu có Định tâm thì thân Phật tự hiện. Nay chẳng thấy thân, rõ ràng là do không có Định lực. Vì thế gọi là Tán Thiện).*

(Sớ) Liệt Ứng giả, hoặc vị Quán Kinh ngôn Phật thân cao lục thập vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần; thử kinh bất thuyết, nghi thị Liệt Ứng, cố danh Tán Thiện. Nhiên Đại Bổn vân: "Nhĩ thời, A Di Đà Phật, phóng đại quang minh, phổ chiếu nhất thiết thế giới. A Nan

kiến Phật, dung thể nguy nguy, như hoàng kim sơn, cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng". Tắc Quán Kinh sở thuyết do nhất thế giới, kim ngôn "nhất thiết thế giới", tắc cánh vi cao đại, hà đắc ngôn Liệt? Hựu Đại Bổn vân: "A Di Đà Phật đạo tràng bảo thụ, thuần dĩ chúng bảo, tự nhiên hợp thành", tắc phi mộc Bồ Đề thụ hạ chi thân, hà đắc ngôn Liệt? Hựu Quán Kinh vân: "Bỉ Phật hoặc hiện trượng lục, bát xích, hoặc hiện đại thân, mãn hư không trung, tắc tùy cơ sở kiến, đại tiểu vô định"; cố cổ vị: "Tức Liệt, tức Thắng, sanh pháp bất nhị". Nhi huống kim kinh bất xuất đại tiểu, hà đắc định chỉ vi Liệt?

(Diễn) Liệt Ứng cố danh Tán Thiện giả, dĩ Định lực nhược thâm, tắc sở kiến chi thân tự nhiên cao đại. Kim thị Liệt Ứng, hiển thị vô thâm Định lực, cố vân Tán Thiện dã. Liệt Ứng thị trượng lục thân. Phàm phu, Tiểu Thừa y nghiệp thức sở kiến giả. Thắng Ứng thị viên mãn Báo Thân, thị Đại Thừa nhân y nghiệp thức sở kiến giả, phi mộc Bồ Đề thụ hạ chi thân giả. Dĩ Liệt Ứng Thân tại mộc Bồ Đề thụ hạ thành đạo, dĩ Cát Tường thảo vi tòa. Báo Thân tắc thất bảo thụ hạ thành đạo, dĩ thiên y vi tòa dã. Tức thắng tức liệt, sanh pháp bất nhị giả, liệt tức sanh thân, thắng tức Pháp Thân. Ngôn tương tức bất nhị giả, dĩ Phật chân Pháp Thân, do nhược hư không, ứng vật hiện hình, như thủy trung nguyệt, phân vân tự bỉ, ư ngã hà vi cố?

(疏)劣應者，或謂觀經言佛身高六十萬億那由他恆河沙由旬，此經不說，疑是劣應，故名散善。然大本云：爾時阿彌陀佛，放大光明，普照一切世界，阿難見佛，容體巍巍，如黃金山，高出一切諸世界上。則觀經所說，猶一世界，今言一切世界，則更為高大，何得言劣？又大本言：阿彌陀佛道場寶樹，純以眾寶，自然合成。則非木菩提樹下之身，何得言劣？又觀經云：彼佛或現丈六八尺，或現大身，滿虛空中，則隨機所見，大小無定，故古謂即劣即勝，生法不二。而況今經，不出大小，何得定指為劣？

(演)劣應故名散善者，以定力若深，則所見之身自然高大。今是劣應，顯是無深定力，故云散善也。劣應是丈六身。凡夫小乘依業識所見者。勝應是圓滿報身，是大乘人依業識所見者，非木菩提樹下之身者。以劣應身，在木菩提樹下成道，以吉祥草為座。報身則七寶樹下成道，以

天衣為座也。即勝即劣生法不二者，劣即生身。勝即法身，言相即不二者，以佛真法身，猶若虛空，應物現形，如水中月，紛紜自彼，於我何為故？

*(**Sớ**: "Liệt Ứng": Có kẻ bảo Quán Kinh nói thân Phật cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng hà sa do-tuần, kinh này chẳng nói, cho nên ngờ [thân Phật trong kinh này] là Liệt Ứng. Vì thế, gọi là Tán Thiện. Nhưng kinh Đại Bổn nói: "Lúc bấy giờ, A Di Đà Phật phóng đại quang minh, chiếu trọn khắp hết thảy các thế giới. A Nan thấy thân Phật vòi vọi như quả núi vàng, cao vượt trội hơn hết thảy các thế giới".*

Như vậy thì [thân Phật như trong] Quán Kinh nói chỉ như một thế giới, nay nói "hết thảy các thế giới", càng cao rộng hơn, lẽ nào bảo là Liệt Ứng Thân?

Lại nữa, kinh Đại Bổn nói cây báu nơi đạo tràng của Phật thuần bằng các chất báu tự nhiên hợp thành, nên thân Phật [trong cõi Cực Lạc] chẳng phải là thân dưới cội cây Bồ Đề bằng gỗ, làm sao bảo là Liệt Ứng Thân cho được?

Lại nữa, Quán Kinh nói: "Đức Phật ấy hoặc hiện thân cao một trượng sáu, tám thước, hoặc hiện thân to đầy khắp hư không". Như vậy là tùy theo căn cơ mà thấy [thân Phật] lớn hay nhỏ không nhất định. Vì thế, cổ đức bảo: "Liệt Ứng Thân chính là Thắng Ứng Thân, Thắng Ứng Thân chính là Liệt Ứng Thân, sanh thân (Hóa Thân) và Pháp Thân chẳng hai". Huống chi kinh này chẳng nói thân Phật là lớn hay nhỏ, lẽ nào quyết đoán kinh này nói Liệt Ứng Thân cho được?

***Diễn**: "Do Liệt Ứng nên gọi là Tán Thiện": Do Định lực nếu là sâu thì sẽ thấy thân Phật tự nhiên cao lớn. Nay là thân Liệt Ứng, chứng tỏ [hành giả] không có Định lực sâu, cho nên gọi là Tán Thiện. Liệt Ứng là thân cao một trượng sáu, là thân được thấy bởi phàm phu, Tiểu Thừa do họ nương theo sự thức. Thắng Ứng Thân là viên mãn Báo Thân, là thân do người Đại Thừa thấy bằng nghiệp thức, chẳng phải là thân dưới cội Bồ Đề. Do Liệt Ứng Thân thành đạo dưới cội Bồ Đề, dùng cỏ Cát Tường trải lên làm tòa; còn Báo Thân thành đạo dưới cội cây bảy báu, dùng áo trời trải làm tòa.*

"Thắng chính là Liệt, Liệt chính là Thắng, Sanh Thân và Pháp Thân bất nhị": Liệt là sanh thân, Thắng là Pháp Thân. Nói "chính là lẫn nhau, không hai" là do chân Pháp Thân của Phật khác nào hư không, ứng theo từng chúng sanh mà hiện hình tướng, như bóng trăng trong nước, lăng xăng tự nó, liên can gì đến ta?)

(Sớ) Hoa cục xa luân giả, hoặc vị Quán Kinh hoa đại thập nhị do-tuần; thử kinh xa luân, hoa cục ư tiểu, cố danh Tán Thiện. Bất tri xa luân chi nghĩa, đại tiểu vô định. Đại Bổn xa luân đại chí bách thiên do-tuần, hà chỉ thập nhị, tường như hậu văn trung biện.

(Diễn) Hoa cục cố danh Tán Thiện giả, dĩ nhược hữu thâm Định, tắc sở kiến chi hoa tự nhiên quảng đại. Kim cục ư tiểu, hiển thị vô thâm Định lực, cố danh Tán dã.

(疏)華局車輪者。或謂觀經華大十二由旬，此經車輪，華局於小，故名散善。不知車輪之義 ，大小無定 ，大本車輪大至百千由旬，何止十二，詳如後文中辯。

(演)華局故名散善者，以若有深定，則所見之華自然廣大。今局於小，顯是無深定力，故名散也。

*(**Sớ**: "Hoa chỉ hạn cuộc to bằng bánh xe": Hoặc có kẻ nói: Theo Quán Kinh, hoa sen to mười hai do-tuần; kinh này nói hoa sen to bằng bánh xe, kích thước hạn cuộc nhỏ nhoi, cho nên nói kinh này là Tán Thiện. Chẳng biết ý nghĩa của "bánh xe" là lớn hay nhỏ không nhất định. "Bánh xe" trong kinh Đại Bổn to đến trăm ngàn do-tuần, đâu phải chỉ là mười hai do-tuần! Điều này sẽ được biện định cặn kẽ trong phần kinh văn ở phía sau.*

***Diễn**: "Do hoa to hạn cuộc, nên gọi là Tán Thiện": Do có Định sâu thì sẽ tự nhiên thấy hoa rộng lớn. Nay hạn cuộc nhỏ nhoi, chứng tỏ chẳng có Định lực sâu, nên gọi là Tán Thiện).*

(Sớ) Ngũ Nghịch bất sanh giả, hoặc vị Quán Kinh ngôn Ngũ Nghịch đắc sanh, Đại Bổn "duy trừ Ngũ Nghịch", tắc tế độ công hiệp, cố danh Tán Thiện. Bất tri "duy trừ Ngũ Nghịch" hạ, hữu "phỉ báng chánh pháp" tứ tự. Ngũ Nghịch nhi kiêm báng pháp, nãi tại sở trừ. Tuy cụ Ngũ Nghịch, bất báng pháp giả, vị tất bất sanh dã. Lương diêu báng tắc bất tín, bất tín bất sanh, cố sở vị: "Nghi tắc hoa bất khai", thị dã. Quán Kinh bất ngôn báng pháp, như kiêm báng giả, diệc bất sanh dã. Hựu Quán Kinh Hạ Hạ Phẩm Ngũ Nghịch văn trung, vị kỳ nhân thập thanh xưng danh, toại đắc vãng sanh, tắc quán tưởng vị thành, duy tư thập niệm. Ngũ Nghịch chi sanh, chánh xưng danh đắc sanh nhĩ. Huống Đại Bổn vân: "Địa ngục, quỷ, súc sanh, diệc sanh ngã sát trung"; đọa địa ngục giả, phi Ngũ Nghịch nhân nhi hà?

(Diễn) Ngũ Nghịch bất sanh, danh Tán Thiện giả, dĩ cụ đại định giả, tốc nhập thánh giai, độ sanh diệc quảng. Kim tế độ công hiệp, hiển thị vô hữu đại định, cố danh Tán dã.

(疏)五逆不生者，或謂觀經言五逆得生，大本唯除五逆，則濟度功狹，故名散善。不知唯除五逆下，有誹謗正法四字，五逆而兼謗法，乃在所除，雖具五逆，不謗法者，未必不生也。良繇謗則不信，不信不生，故所謂疑則華不開是也。觀經不言謗法。如兼謗者。亦不生也。又觀經下下品五逆文中，謂其人十聲稱名，遂得往生，則觀想未成，唯資十念，五逆之生，正稱名得生耳。況大本云：地獄鬼畜生，亦生我剎中，墮地獄者，非五逆人而何？

(演)五逆不生名散善者，以具大定者，速入聖階，度生亦廣。今濟度功狹，顯是無有大定，故名散也。

***(Sớ**: "Ngũ Nghịch chẳng được vãng sanh": Có kẻ bảo Quán Kinh nói Ngũ Nghịch được vãng sanh, Đại Bổn nói "chỉ trừ kẻ Ngũ Nghịch", như vậy là công năng tế độ của [Đại Bổn và Tiểu Bổn Di Đà] hẹp hòi, cho nên gọi là Tán Thiện. Kẻ ấy chẳng biết dưới câu "chỉ trừ Ngũ Nghịch", còn có bốn chữ "phỉ báng chánh pháp". Kẻ đã phạm tội Ngũ Nghịch, lại còn hủy báng chánh pháp, bèn bị gạt ra; chứ kẻ tuy phạm đủ Ngũ Nghịch, nhưng chẳng hủy báng chánh pháp, chưa chắc đã không được vãng sanh. Ấy là vì: Hễ phỉ báng tức là không tin; do không tin, nên chẳng vãng sanh. Cho nên nói "hễ nghi thì hoa sen chẳng nở", chính là nói về điều này. Quán Kinh chẳng nói báng pháp. Nếu là kẻ [đã phạm Ngũ Nghịch] lại còn báng pháp thì cũng chẳng vãng sanh.*

Lại nữa, trong phần kinh văn nói về Ngũ Nghịch thuộc Hạ Hạ Phẩm Vãng Sanh của Quán Kinh, có nói: "Người ấy xưng danh mười tiếng bèn được vãng sanh", tức là quán tưởng chưa thành, chỉ nhờ vào mười niệm. Ngũ Nghịch vãng sanh chính là do xưng danh mà được vãng sanh vậy. Huống chi kinh Đại Bổn nói: "Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng sanh trong cõi ta"; kẻ đọa địa ngục chẳng phải là kẻ Ngũ Nghịch thì là gì vậy?

***Diễn**: "Ngũ Nghịch chẳng vãng sanh thì gọi là Tán Thiện": Do kẻ có Đại Định thì sẽ nhanh chóng dự vào địa vị thánh, độ sanh cũng rộng. Nay công tế độ nhỏ nhoi rõ ràng là không có Đại Định; vì thế gọi là Tán Thiện).*

(Sớ) Chỉ thuộc hạ phẩm giả, hoặc vị Quán Kinh hạ chi tam phẩm, sơ ngôn trí giả giáo linh hiệp chưởng, xoa thủ, xưng Nam-mô A Di Đà Phật. Tam ngôn thiện hữu giáo vân: "Nhữ nhược bất năng niệm bỉ Phật giả, ưng xưng danh hiệu", tắc trì danh vãng sanh, tự duy hạ phẩm. Bất tri trì hữu Sự, Lý, Lý phục thiển thâm. Kim hạ sanh giả, cẩn thị Sự thiện. Nhược thành Lý Quán, tắc dữ bỉ kinh Tam Quán Viên Tu, minh khế bất nhị; hà lự phẩm vị chi bất cao dã? Huống hạ phẩm văn trung, nãi chỉ ác nhân, ngu nhân, phi vị thiện nhân, trí nhân trì danh, diệc cư hạ phẩm dã. Cố tri nhị kinh, kỳ nghĩa nhất dã.

(Diễn) Chỉ thuộc hạ phẩm, danh Tán Thiện giả, dĩ cụ Chánh Định giả, tất ư bảo sát, tốc chứng Vô Sanh. Kim chỉ thành Hạ phẩm, hiển thị vô hữu Chánh Định, cố danh Tán dã.

(疏)止屬下品者。或謂觀經下之三品。初言智者教令合掌叉手，稱南無阿彌陀佛。三言善友教云：汝若不能念彼佛者，應稱名號，則持名往生，似唯下品。不知持有事理，理復淺深。今下生者。僅是事善。若成理觀，則與彼經三觀圓修，冥契不二，何慮品位之不高也？況下品文中，乃指惡人愚人，非謂善人智人持名，亦居下品也。故知二經，其義一也。

(演)止屬下品名散善者，以具正定者　，必於寶剎速證無生。今止成下品，顯是無有正定，故名散也。

*(**Sớ**: "Chỉ thuộc hạ phẩm": Hoặc có kẻ nói ba phẩm Hạ trong Quán Kinh, phẩm đầu nói người có trí dạy kẻ ấy chắp tay xưng niệm Nam-mô A Di Đà Phật. Kinh nói phẩm thứ ba (phẩm Hạ Hạ) là do bạn lành dạy rằng: "Nếu ông chẳng thể niệm đức Phật ấy [bằng cách quán tưởng], hãy nên xưng danh hiệu của Ngài", như vậy thì trì danh vãng sanh dường như chỉ là hạ phẩm. Chẳng biết trì danh có Sự và Lý, Lý lại có sâu và cạn. Nay kẻ vãng sanh trong hạ phẩm chỉ là thiện về mặt Sự. Nếu thành tựu Lý Quán, sẽ ngầm khế hợp với việc tu trọn vẹn ba phép Quán trong kinh kia (Quán Kinh), lo chi phẩm vị chẳng cao? Huống chi trong phần kinh văn nói về hạ phẩm là nói về kẻ ác, kẻ ngu, chứ không nói người lành, người trí trì danh cũng thuộc vào hạ phẩm. Do vậy biết hai kinh có cùng một ý nghĩa.*

***Diễn**: "Chỉ thuộc hạ phẩm thì gọi là Tán Thiện": Do kẻ trọn đủ Chánh Định, ắt sẽ nhanh chóng chứng Vô Sanh nơi cõi báu. Nay chỉ thành Hạ phẩm, cho thấy chẳng có Chánh Định, nên gọi là Tán Thiện).*

(Sớ) Độc yếu giả, lược hữu tam ý: Nhất giả, Quán Kinh sở minh Phật thân, tuy vân tức Báo, tức Pháp, nhi na-do, Hằng sa, bất vô số kế, sanh thân tôn đặc, do đãi biện nghi. Thử kinh đản viết "quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng", tắc bất thuộc chư số, trực chỉ Pháp Thân, độc yếu nhất dã.

(Diễn) Độc yếu tam ý giả, nhất vị Phật thân bất thuộc chư số, nhi na-do, Hằng hà, bất vô số kế, tắc thử kinh vi độc yếu nhất dã. Thử khả đối tiền, Phật thị Liệt Ứng nhất nghi. Nhị vị dụng tâm bất thiệp thứ đệ, nhi tiên nhật thứ thủy, tự giác phồn trường, tắc thử kinh vi độc yếu nhị dã. Thử khả đối tiền, đản văn Phật danh nhất nghi. Tam vị du lịch bất phân cao hạ, nhi thượng bối tam phẩm, nãi biến thập phương, tắc thử kinh vi độc yếu tam dã. Thử khả đối tiền, chỉ thuộc hạ phẩm nhất nghi. Sanh thân tôn đặc do đãi biện nghi giả, hữu ngôn lục thập vạn ức na-do-tha chi thân, nãi thị sanh thân. Cái dĩ Tịnh Độ chi thân thắng ư uế độ, uế độ sanh thân trượng lục, Tịnh Độ sanh thân nghi nhĩ hứa cao đại dã. Tứ Minh tôn giả, dĩ thập tam trùng vấn đáp, biện thử quyết thị tôn đặc thân dã.

(疏)獨要者，略有三意。一者，觀經所明佛身，雖云即報即法。而那由恆沙，不無數計，生身尊特，猶待辯疑。此經但曰光明無量，壽命無量 ，則不屬諸數 ，直指法身，獨要一也。

(演)獨要三意者，一謂佛身不屬諸數，而那由恒沙不無數計，則此經為獨要一也。此可對前，佛是劣應一疑。二謂用心不涉次第，而先日次水，自覺繁長，則此經為獨要二也。此可對前，但聞佛名一疑。三謂游歷不分高下，而上輩三品，乃遍十方，則此經為獨要三也。此可對前，止屬下品一疑。生身尊特猶待辨疑者，有言六十萬億那由他之身，乃是生身。蓋以淨土之身勝於穢土，穢土生身丈六，淨土生身宜爾許高大也。四明尊者，以十三重問答，辨此決是尊特身也。

*(**Sớ**: "Trọng yếu độc đáo nhất": Nói đại lược thì có ba ý: Một, Quán Kinh nói đến thân Phật, tuy nói "Báo Thân chính là Pháp Thân, Pháp Thân chính là Báo Thân", nhưng [do trong Quán Kinh có những từ ngữ như] na-do-tha, Hằng hà sa, tức là [những thân ấy] không phải là chẳng có số lượng tính đếm, sự tôn quý đặc biệt của sanh thân (Hóa Thân) hãy đợi đến phần Biện Nghi (biện định sự nghi hoặc) [trong phần sau, sẽ lại bàn tiếp]. Kinh này chỉ nói quang minh vô lượng và thọ mạng vô lượng, tức là không thuộc vào những con số, mà trực tiếp nói đến Pháp Thân; đây là điểm trọng yếu độc đáo thứ nhất.*

***Diễn**: "Ba ý về sự trọng yếu độc đáo":*

- Một là thân Phật chẳng thuộc vào số lượng, chẳng thể tính kể là na-do-tha, Hằng hà sa. Đấy chính là điều độc đáo trọng yếu nhất của kinh này. Điều này có thể đối ứng với nỗi nghi "thân Phật [trong kinh Di Đà này] là Liệt Ứng Thân" trong phần trước.

- Hai là dụng tâm chẳng dính dáng đến thứ tự. Quán Kinh thì quán tưởng lần lượt trước là quán mặt trời, kế đó là quán nước, tôi cảm thấy khá rườm rà, dài dòng; [còn kinh này chỉ dạy trì danh], đấy chính là điểm trọng yếu độc đáo thứ hai của kinh này. Điều này có thể đối ứng với nỗi nghi "chỉ nghe danh hiệu Phật" trong phần trước.

- Ba là dạo chơi [mười phương vô ngại] chẳng phân biệt cao hay thấp, [tức là vãng sanh trong] ba bậc thượng bèn [dạo chơi] trọn khắp mười phương. Đấy chính là điều độc đáo trọng yếu thứ ba của kinh này. Điều này có thể đối ứng với nỗi nghi "[trì danh] chỉ thuộc hạ phẩm" trong phần trước.

"Sanh thân tôn quý đặc biệt còn chờ biện định": Có kẻ bảo cái thân cao sáu mươi vạn ức na-do-tha chính là sanh thân. Ấy là vì thân trong Tịnh Độ thù thắng hơn uế độ, do sanh thân trong uế độ cao một trượng sáu, [họ cho rằng] sanh thân trong Tịnh Độ cũng phải nên cao lớn chừng đó. Tôn giả Tứ Minh đã dùng mười ba lượt vấn đáp để biện định hòng đoan quyết thân ấy là thân tôn quý đặc biệt).

(Sớ) Nhị giả, thập lục diệu môn, tuy vân "tức quán tức tâm", nhi tiên nhật, thứ thủy, thứ địa, thứ thụ, thứ tòa, phương nhập Phật quán, tắc bất vô thứ đệ, do giác phồn trường. Thử kinh bất tu dư nghiệp, đơn sự trì danh. Thúc nhĩ nhất tâm, tiện đắc Phật hiện; độc yếu nhị dã. Tam giả, thượng tam phẩm sanh, nãi năng du lịch thập phương, thừa sự chư Phật, trung hạ nhị phẩm, giai vô thử văn. Kim trì danh vãng sanh, tiện đắc cúng Phật chư phương, thực thời hoàn quốc, độc yếu tam dã. Văn

thuyết nhất nghĩa, thượng khủng sanh nghi, cánh văn độc yếu, tất trí thâm hãi. Cố vân "nan tín chi pháp", hựu vân "bất khả tư nghị công đức kinh" dã.

(疏)二者，十六妙門，雖云即觀即心。而先日，次水，次地，次樹，次座，方入佛觀，則不無次第，猶覺繁長。此經不修餘業，單事持名。倏爾一心。便得佛現。獨要二也。三者，上三品生，乃能遊歷十方，承事諸佛，中下二品，皆無此文。今持名往生，便得供佛諸方，食時還國，獨要三也。聞說一義，尚恐生疑，更聞獨要，必致深駭，故云難信之法，又云不可思議功德經也。

*(**Sớ**: Hai là mười sáu môn Quán mầu nhiệm, tuy nói "Quán chính là tâm, tâm chính là Quán"; trước hết, quán mặt trời, kế đó là quán nước, rồi quán đất, rồi quán cây, rồi quán tòa sen, rồi mới quán thân Phật. Cho nên chẳng phải là không có thứ tự, vẫn còn cảm thấy rắc rối, tốn nhiều thời gian. Kinh này chẳng tu các hạnh nghiệp khác, chỉ chú trọng trì danh. Trong khoảnh khắc đạt được nhất tâm, Phật sẽ hiện ngay. Đấy chính là điểm độc đáo trọng yếu thứ hai.*

Ba là [theo Quán Kinh], vãng sanh trong ba phẩm thượng thì mới có thể dạo khắp mười phương, hầu hạ chư Phật. Đối với hai phẩm trung và hạ, kinh văn chẳng nói đến điều ấy. Nay trì danh vãng sanh, liền được cúng dường Phật ở các phương, đến giờ ăn trở về cõi mình. Đó là điều đặc biệt trọng yếu thứ ba. Nghe nói một nghĩa, còn sợ sanh lòng nghi; huống chi nghe tới những điều độc yếu, ắt càng đến nỗi kinh hãi sâu xa. Vì thế, nói là "pháp khó tin", lại nói là "kinh có công đức chẳng thể nghĩ bàn vậy").

Nhị, chư kinh.

Phục minh thông chư kinh giả, dữ chư Đại Thừa kinh, ý nghĩa tương thông, như Tịnh Danh, Pháp Hoa đẳng. Bàng thông như thị, nãi tri thử kinh, nghĩa lý sở cai, thâm thúy quảng viễn, bất ưng thị đồng thiển cận, tự thủ khiên vưu.

(Sớ) Tịnh Danh, Pháp Hoa đẳng giả, thử "nhất tâm trì danh đắc sanh bỉ quốc", tức "tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh", thị Tịnh Danh nghĩa.

(Diễn) Tùy kỳ tâm tịnh, Phật độ tịnh giả, kinh vân: "Thị cố Bảo Tích! Nhược Bồ Tát dục đắc Tịnh Độ, đương tịnh kỳ tâm, tùy kỳ tâm

tịnh, tắc Phật độ tịnh". Triệu Chú vân: "Tịnh Độ cái thị tâm chi ảnh hưởng nhĩ. Dục hưởng thuận, tất hòa kỳ thanh. Dục ảnh đoan, tất chánh kỳ hình". Thử báo ứng chi định số dã. Tịnh Danh tức Duy Ma Cật, ngũ bách đồng tử chi nhất dã. Dĩ thử kinh do Tịnh Danh thị tật thuyết khởi, cố toại dĩ danh kinh.

二、諸經。

復明通諸經者。與諸大乘經意義相通，如淨名法華等，旁通如是，乃知此經，義理所該，深邃廣遠，不應視同淺近，自取愆尤。

(疏)淨名法華等者 ，此一心持名得生彼國 ，即隨其心淨則佛土淨，是淨名義。

(演)隨其心淨佛土淨者，經云：是故寶積，若菩薩欲得淨土，當淨其心，隨其心淨，則佛土淨。肇註云：淨土蓋是心之影響耳。欲響順必和其聲。欲影端必正其形。此報應之定數也。淨名即維摩詰，五百童子之一也。以此經由淨名示疾說起，故遂以名經。

(Hai, các kinh khác.

Lại giảng rõ các kinh có ý nghĩa tương thông [với kinh này, tức là kinh Di Đà] có ý nghĩa tương thông với các kinh Đại Thừa như Tịnh Danh, Pháp Hoa v.v... Do ý nghĩa tương thông như thế, bèn biết kinh này nghĩa lý bao trùm, sâu sắc, xa rộng, đừng nghĩ kinh này giống như những kinh nông cạn, để rồi tự chuốc lấy tội khiên.

***Sớ**: "Tịnh Danh, Pháp Hoa v.v...": Kinh này nói "nhất tâm trì danh, sẽ được sanh về cõi kia". Đấy chính là ý nghĩa "hễ tâm tịnh, ắt cõi Phật tịnh" trong kinh Tịnh Danh.*

***Diễn**: "Tùy theo tâm tịnh mà cõi Phật tịnh": Kinh nói: "Do vậy, này Bảo Tích! Nếu Bồ Tát muốn đạt được Tịnh Độ, hãy nên tịnh cái tâm. Thuận theo cái tâm đã tịnh thì cõi Phật tịnh". Bộ Triệu Chú (chú giải kinh Duy Ma Cật của ngài Tăng Triệu) viết: "Tịnh Độ vốn là hình bóng, là tiếng vang của cái tâm. Muốn cho tiếng vang nhu thuận thì cái tiếng phải hòa hoãn. Muốn cho cái bóng ngay ngắn thì cái hình phải chỉnh tề". Đấy chính là quy luật báo ứng nhất định. Tịnh Danh tức là Duy Ma Cật, là một trong năm trăm vị đồng tử. Kinh này do ngài Tịnh Danh thị hiện mắc bệnh, [thánh chúng theo đức Phật đến thăm bệnh, cùng nhau luận pháp] mà nói ra [pháp môn Bất Nhị]. Vì vậy, bèn đặt tên kinh như thế).*

(Sớ) Hựu thử nhất tâm trì danh, tức dĩ "thâm tâm niệm Phật", nãi chí "độc nhập tha gia, nhất tâm niệm Phật". "Khất thực vô lữ, nhất tâm niệm Phật". "Nhất xưng Nam-mô Phật, giai dĩ thành Phật đạo", thị Pháp Hoa nghĩa.

(Diễn) Thâm giả, Phật quả thâm cao. Dĩ tâm vãng cầu, cố vân "thâm tâm". Diệc tùng thâm Lý sanh, diệc tùng hậu nhạo thiện căn sanh. Cố Thập Địa kinh vân: "Nhập thâm quảng tâm", Niết Bàn kinh vân: "Căn thâm nan bạt". Cố ngôn "thâm tâm". Pháp Hoa giả, Thật Tướng diệu lý, xảo dụ liên hoa; pháp dụ song chương, danh thật tịnh hiển, vân Diệu Pháp Liên Hoa dã.

(疏)又此一心持名，即以深心念佛，乃至獨入他家，一心念佛，乞食無侶，一心念佛，一稱南無佛，皆已成佛道，是法華義。

(演)深者，佛果深高。以心往求，故云深心。亦從深理生，亦從厚樂善根生。故十地經云：入深廣心，涅槃經云：根深難拔。故言深心。法華者，實相妙理，巧喻蓮華；法喻雙彰，名實並顯，云妙法蓮花也。

*(**Sớ**: Lại nữa, nhất tâm xưng danh trong kinh này chính là "dùng thâm tâm để niệm Phật", điều này giống như những nghĩa "cho đến một mình vào nhà người khác bèn nhất tâm niệm Phật, khi khất thực không có đồng bạn bèn nhất tâm niệm Phật, xưng Nam-mô Phật một tiếng đều đã thành Phật đạo" trong kinh Pháp Hoa.*

***Diễn**: "Thâm" là Phật quả cao sâu. Dùng tâm để cầu, nên nói là "thâm tâm"; cũng do sanh từ Lý sâu, cũng từ ưa thích thiện căn sâu dầy mà sanh. Vì thế, kinh Thập Địa nói: "Nhập tâm sâu rộng"; kinh Niết Bàn nói: "Rễ sâu khó nhổ". Vì thế, nói là "thâm tâm". Pháp Hoa là lý mầu Thật Tướng khéo ví như hoa sen; pháp và thí dụ cùng tỏ bày, danh và thật cùng hiển lộ thì gọi là Diệu Pháp Liên Hoa).*

(Sớ) Đẳng giả, lược cử dư kinh như Văn Thù sở vân Nhất Hạnh tam-muội, Đại Phẩm sở vân: "Nhược nhân tán tâm niệm Phật, nãi chí tất khổ, kỳ phước bất tận" thị Bát Nhã nghĩa.

(Diễn) Bát Nhã, thử vân Trí Huệ. Tùng Phương Đẳng chi hậu, xuất Đại Bát Nhã, chuyển giáo phó tài, dung thông, đào thải. Ước thời, tắc ngụ trung thời. Ước vị, tắc tùng sanh tô xuất thục tô dã.

(疏)等者。略舉餘經，如文殊所云一行三昧。大品所云：若人散心念佛，乃至畢苦，其福不盡，是般若義。

(演)般若此云智慧。從方等之後，出大般若，轉教付財，融通淘汰。約時，則禺中時。約味，則從生酥出熟酥也。

*(**Sớ**: Nêu đại lược các kinh khác thì như Nhất Hạnh tam-muội được nói trong kinh Văn Thù Sở Thuyết Bát Nhã Ba La Mật, kinh Đại Phẩm Bát Nhã nói: "Nếu ai tán tâm niệm Phật thì cho đến khi hết khổ, phước ấy vẫn chưa hết", đó là những nghĩa lý Bát Nhã.*

***Diễn**: Bát Nhã, cõi này dịch là Trí Huệ. Từ sau thời Phương Đẳng bèn nói ra Đại Bát Nhã, chuyển giáo, phó tài[2], dung thông [quyền và thật], đào thải [những kiến chấp thiên lệch của Quyền, Tiểu]. Xét theo thời thì là thời chánh ngọ[3]; xét theo vị thì từ sanh tô hiện ra thục tô).*

(Sớ) Như kinh tam thất nhật, khể thủ thập phương chư Phật danh tự, thị Viên Giác nghĩa.

(Diễn) Viên giả, mãn túc châu bị. Thử ngoại cánh vô nhất pháp. Giác giả, hư minh linh chiếu, vô chư phân biệt tưởng niệm, tức đương nhân tự tánh dã.

(疏)如經三七日，稽首十方諸佛名字，是圓覺義。

---

[2] *"Chuyển giáo, phó tài"* là thuật ngữ của tông Thiên Thai để mô tả thời Bát Nhã. Do trong thời Bát Nhã, đức Phật bảo những vị Thanh Văn như ngài Tu Bồ Đề nói kinh Bát Nhã cho hàng Bồ Tát, tức là hàng Thanh Văn vốn chẳng thể lãnh hội diệu lý Đại Thừa, nhưng do thần lực của Phật gia bị mà họ có thể giảng dạy diệu lý Đại Thừa, nên gọi là *"chuyển giáo"* (tức là như đức Phật chuyển giáo pháp cho các vị Thanh Văn để họ thay Phật dạy dỗ đại chúng). Do việc chuyển giáo này, hàng Thanh Văn được liễu đạt Bát Nhã, giống như đức Phật đã giao phó cho họ tài sản trân quý nên gọi là *"phó tài"* (trao cho tài sản).

[3] Nguyên văn là *"ngụ trung thời"*. Sách Thuyết Văn Giải Tự giảng: *"Ngày đã bước sang giờ Tỵ thì gọi là Ngụ Trung"*. Các bộ luận Đại Thừa dùng chữ *"ngụ trung thời"* để chỉ thời Bát Nhã vì đây là thời thứ tư, giống như mặt trời giữa Ngọ, sắp chuyển sang lúc xế bóng (tức thời Pháp Hoa - Niết Bàn).

Sanh tô, thục tô: Là những sản phẩm chế ra từ sữa, có thể coi như những dạng pho mát khác nhau. Sữa để trong những ống dài, để chỗ ấm cho lên men; sau đó, đem nấu cho đến khi nó kết váng như đậu hũ, bèn vớt ra, ép chặt cho ráo nước, kết thành từng khối trắng mềm thì gọi là Sanh Tô. Thục Tô cách chế biến giống như Sanh Tô, nhưng thời gian ủ men dài hơn. Đem sữa lên men vừa nấu vừa khuấy nhẹ, cho đến khi sữa đông lại như hồ, thì mới ép và lọc cho ráo nước, đúc thành hình, rồi phơi gió cho Thục Tô rắn lại.

(演)圓者，滿足周備。此外更無一法。覺者，虛明靈照無諸，分別想念，即當人自性也。

*(**Sớ**: Như "trải qua hai mươi mốt ngày, đảnh lễ danh hiệu của mười phương chư Phật", đó là nghĩa lý trong kinh Viên Giác.*

***Diễn**: "Viên" là trọn đủ, trọn khắp. Ngoài điều ấy ra, không có một pháp nào khác. Giác là rỗng rang, sáng suốt, linh diệu, chiếu soi, không có ý tưởng, suy niệm phân biệt, tức là tự tánh của mỗi người).*

(Sớ) Như ngũ bách trưởng giả tử, xưng thất Phật danh, toại đắc kiến kim sắc chi thân, thành A La Hán, thị Quán Phật Tam Muội nghĩa.

(Diễn) Quán Phật tam-muội giả, dĩ thử kinh thị thuyết Niệm Phật pháp môn, tu hành Chánh Định cố.

(疏)如五百長者子，稱七佛名，遂得見金色之身，成阿羅漢，是觀佛三昧義。

(演)觀佛三昧者，以此經是說念佛法門，修行正定故。

*(**Sớ**: Như năm trăm vị trưởng giả xưng niệm danh hiệu của bảy vị Phật liền được thân sắc vàng, thành A La Hán; đó là nghĩa lý trong kinh Quán Phật Tam Muội.*

***Diễn**: "Quán Phật tam-muội": Do kinh này nói về pháp môn Niệm Phật, tu hành Chánh Định).*

(Sớ) Như Bồ Tát lục niệm, niệm Phật đệ nhất. Hựu vân: "Hệ niệm tư duy nhân duyên lực cố, đắc đoạn phiền não", thị Niết Bàn nghĩa.

(Diễn) Lục niệm giả, Phật, Pháp, Tăng, thí, giới, thiên, lục sự. An tâm bất động, xưng chi vi niệm dã. Niết Bàn Sớ vân: "Tiền tam niệm tha, hậu tam niệm tự". Thí, Giới thị Tự nhân. Sanh thiên thị Tự quả. Giới thị chỉ thiện. Thí thị hành thiện. Thiên hữu cận quả, viễn quả. Cận tức nhị thập bát thiên. Viễn tức Đệ Nhất Nghĩa Thiên dã. Nhiên vị Bồ Tát lục niệm, tắc thị niệm đồng thể Tam Bảo, nhất tâm giới thí, Đệ Nhất Nghĩa lý dã. Niết Bàn, thử vân Đại Diệt Độ, thị Như Lai đoạn đức, cụ "thường, lạc, ngã, tịnh" tứ nghĩa. Thử kinh thị đệ ngũ thời sở thuyết.

(疏)如菩薩六念，念佛第一。又云：繫念思惟因緣力故，得斷煩惱，是涅槃義。

(演)六念者，佛法僧施戒天六事。安心不動，稱之為念也。涅槃疏云：前三念他，後三念自。施戒是自因。生天是自果。戒是止善。施是行善。天有近果遠果。近即二十八天。遠即第一義天也。然謂菩薩六念，則是念同體三寶，一心戒施，第一義理也。涅槃，此云大滅度 ，是如來斷德，具常樂我淨四義。此經是第五時所說。

*(**Sớ**: Như trong sáu niệm của Bồ Tát, niệm Phật đứng đầu. Lại nói: "Do sức nhân duyên hệ niệm tư duy, bèn đoạn được phiền não". Đó là nghĩa lý trong kinh Niết Bàn.*

***Diễn**: "Lục niệm" là sáu chuyện, tức Phật, Pháp, Tăng, thí, giới, thiên. An tâm bất động thì gọi là Niệm. Niết Bàn Sớ nói: "Ba thứ đầu là [trong lục niệm] là niệm tha, ba thứ sau là niệm tự". Thí và Giới là cái nhân của Tự, sanh lên trời là cái quả của Tự. Giới là ngăn dứt [điều ác để sanh ra] điều thiện. Thí là hành thiện. "Thiên" có quả gần và quả xa. Quả gần là hai mươi tám cõi trời. Quả xa là Đệ Nhất Nghĩa Thiên. Tuy vậy, lục niệm của Bồ Tát chính là niệm Đồng Thể Tam Bảo, nhất tâm hành Giới và Thí chính là lý Đệ Nhất Nghĩa. Niết Bàn được cõi này dịch là Đại Diệt Độ, là đoạn đức của Như Lai, có bốn nghĩa là thường, lạc, ngã, tịnh. Kinh này được nói trong thời thứ năm).*

(Sớ) Như Phật cáo phụ vương: "Nhữ kim đương niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, thường cần tinh tấn, đương đắc Phật đạo". Hựu vân: "Thập tâm hướng vãng, mạng chung tất sanh bỉ Phật quốc độ". Thị Bảo Tích nghĩa.

(Diễn) Thập tâm hướng vãng giả: Nhất, ư chúng sanh khởi đại từ, vô tổn hại tâm. Nhị, ư chúng sanh khởi đại bi, vô bức não tâm. Tam, ư Phật pháp bất tích thân mạng, nhạo thủ hộ tâm. Tứ, ư nhất thiết pháp, phát sanh thắng nhẫn, vô chấp trước tâm. Ngũ, bất tham lợi dưỡng kính trọng, tịnh ý lạc tâm. Lục, cầu Phật Chủng Trí, ư nhất thiết thời, vô vong thất tâm. Thất, ư chúng sanh tôn trọng, cung kính, vô hạ liệt tâm. Bát, bất trước thế luận ư Bồ Đề phần, sanh quyết định tâm. Cửu, chủng chư thiện căn, vô hữu tạp nhiễm, thanh tịnh chi tâm. Thập, ư chư Phật xả ly chư tướng, khởi tùy niệm tâm. Bảo Tích giả, thử bộ quảng đàm diệu pháp, do như trân bảo tích tập phong doanh dã.

(疏)如佛告父王：汝今當念西方極樂世界阿彌陀佛，常勤精進，當得佛道。又云：十心向往，命終必生彼佛國土，是寶積義。

(演)十心向往者：一、於眾生起大慈，無損害心。二、於眾生起大悲，無逼惱心。三、於佛法不惜身命，樂守護心。四、於一切法發生勝忍，無執著心。五、不貪利養敬重，淨意樂心。六、求佛種智於一切時，無忘失心。七、於眾生尊重恭敬，無下劣心。八、不著世論於菩提分，生決定心。九、種諸善根無有雜染，清淨之心。十、於諸佛捨離諸相，起隨念心。寶積者。此部廣談妙法。猶如珍寶積集豐盈也。

*(**Sớ**: Như Phật bảo phụ vương: "Cha hãy nên niệm Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, thường siêng năng tinh tấn, sẽ đắc Phật đạo". Lại nói: "Mười tâm hướng về, lúc mạng chung ắt sanh về cõi Phật ấy". Đó là nghĩa lý trong kinh Bảo Tích.*

***Diễn**: "Mười tâm hướng về": Một là tâm dấy lòng đại từ, không có lòng tổn hại chúng sanh. Hai là dấy lòng đại bi đối với chúng sanh, không có lòng áp bức, não hại. Ba là đối với Phật pháp, tâm chẳng tiếc thân mạng, ưa thích gìn giữ. Bốn là đối với hết thảy các pháp, phát sanh Nhẫn thù thắng, tâm không chấp trước. Năm là tâm chẳng tham lợi dưỡng, kính trọng, ưa thích thanh tịnh. Sáu là cầu Nhất Thiết Chủng Trí của Phật, trong hết thảy các thời, tâm chẳng quên mất. Bảy là đối với chúng sanh tôn trọng, cung kính, không có tâm kém hèn. Tám là chẳng chấp trước luận định thế gian nơi Bồ Đề phần, sanh lòng quyết định. Chín là gieo các thiện căn, tâm thanh tịnh, chẳng có tạp nhiễm. Mười là dấy khởi cái tâm nghĩ nhớ chuyện lìa bỏ các tướng của chư Phật. "Bảo Tích": Bộ kinh này nói rộng các diệu pháp, ví như các món quý báu chất chứa phong phú tràn đầy vậy).*

(Sớ) Chí như Hoa Nghiêm, viên nghĩa tương thông, dĩ kiến tiền văn. Niệm Phật chi nghĩa, bất khả thắng cử. Như thượng thả tựu nhất kinh đại chỉ nhi ngôn, phiếm luận kinh nghĩa, tắc Duy Ma trượng thất, dung bát vạn tứ thiên sư tử chi tòa. Kim thử Tịnh Độ, thập phương vãng sanh, do như vũ điểm, giai sanh thất bảo trì trung, tằng vô trách ải, tức Tịnh Danh nghĩa.

(Diễn) Nhất kinh đại chỉ, tức niệm Phật vãng sanh dã. Duy Ma trượng thất dung bát vạn tòa giả, Duy Ma Cật tùng Tu Di Đăng Vương Phật Sở, tá tam vạn nhị thiên sư tử tòa, giai cao bát vạn tứ thiên do-tuần. Trí ư trượng thất, vô sở phương ngại. Ư Tỳ Da thành, cập tứ thiên hạ, diệc bất bách trách, tất kiến như cố.

(疏)至如華嚴圓義相通，已見前文，念佛之義，不可勝舉，如上且就一經大旨而言。泛論經義，則維摩丈室，容八萬四千師子之座。今此淨土，十方往生，猶如雨點，皆生七寶池中，曾無窄隘，即淨名義。

(演)一經大旨，即念佛往生也。維摩丈室容八萬座者，維摩詰，從須彌燈王佛所，借三萬二千獅子座，皆高八萬四千由旬。置於丈室，無所妨礙。於毘耶城及四天下，亦不迫迮，悉見如故。

*(**Sớ**: Còn như [kinh Di Đà] có ý nghĩa thông với ý nghĩa viên mãn trong kinh Hoa Nghiêm, hãy xem trong phần trước. Nghĩa lý niệm Phật chẳng thể kể xiết. Những điều được nói trên đây chính là nói về tông chỉ chánh yếu của một kinh. Nếu bàn chung về ý nghĩa của các kinh thì cái thất vuông vức một trượng của ngài Duy Ma Cật có thể chứa [ba vạn hai ngàn] tòa sư tử [cao rộng] tám vạn bốn ngàn [do-tuần]. Nay mười phương vãng sanh Tịnh Độ giống như mưa rơi, đều sanh trong ao bảy báu chưa từng chật hẹp; đấy chính là nghĩa lý trong kinh Tịnh Danh.*

***Diễn**: "Tông chỉ to lớn của một kinh" tức là niệm Phật vãng sanh. "Cái thất một trượng vuông của ngài Duy Ma chứa đựng tòa cao tám vạn bốn ngàn [do-tuần]": Ngài Duy Ma Cật từ chỗ của Tu Di Đăng Vương Phật, mượn ba vạn hai ngàn tòa sư tử, mỗi tòa đều cao tám vạn bốn ngàn do-tuần, đặt ở trong cái thất mỗi bề rộng một trượng mà chẳng bị chướng ngại. Trong thành Tỳ Da Ly (Vaiśālī) và tứ thiên hạ cũng chẳng bị chật hẹp, thảy đều thấy như cũ).*

(Sớ) Như Lai Thần Lực Phẩm, Thích Ca dữ thập phương chư Phật, đồng xuất quảng trường thiệt tướng, nãi chí Phạm Thiên, vị tán thán Pháp Hoa cố. Kim thử lục phương tán thán diệc phục như thị, tức Pháp Hoa nghĩa. Lược cử thiểu phần, thông chư Đại Thừa, dư bất phồn tự. Hựu Khởi Tín nhân duyên phần, Sớ minh Tín vị sơ tâm hữu tứ chủng cơ, dĩ lễ sám, diệt tội bị sơ cơ, dĩ tu tập Chỉ Quán bị trung cơ, dĩ

cầu sanh Tịnh Độ bị thượng cơ. Sơ vị nghiệp chướng chúng sanh, trung vị phàm phu Nhị Thừa, tắc tri Tịnh Độ thị Đại Thừa Bồ Tát sở tu hỹ. Nghĩa lý sở cai, tổng kết thượng văn.

(Diễn) Khởi Tín vị linh nhân phát khởi Đại Thừa tín căn. Nhân Duyên Phần giả, thử luận thông hữu ngũ phần: Nhất giả, nhân duyên phần; nhị giả, lập nghĩa phần; tam giả, tín vị sơ tâm; nãi chí đệ ngũ khuyến tu lợi ích phần. Kim đương đệ nhất, thuyết tạo luận nhân duyên hữu bát chủng dã. Tín vị sơ tâm, vị Thập Tín trung sơ Tín Tâm dã. Hữu tứ chủng cơ giả, luận văn vân: "Ngũ giả, vị thị phương tiện, tiêu ác nghiệp chướng, thiện hộ kỳ tâm, viễn ly si mạn, xuất tà võng cố. Lục giả, vị thị tu tập Chỉ Quán, đối trị phàm phu Nhị Thừa tâm quá cố. Thất giả, vị thị chuyên niệm phương tiện, sanh ư Phật tiền, tất định bất thoái tín tâm cố. Bát giả, vi thị lợi ích khuyến tu hành cố". Hữu như thị đẳng nhân duyên, sở dĩ tạo luận. Sớ vân: "Tự thử hạ tứ chủng cơ, đương Tín vị sơ tâm, tứ chủng tiền tam vị hạ trung thượng tam nhân, hậu nhất sách dĩ khuyến tu dã". Lễ sám diệt tội giả, Luận vân: "Nhược nhân tuy tu hành tín tâm, dĩ tùng tiên thế lai, đa hữu trọng tội, ác nghiệp chướng cố, vị chư ma quỷ chi sở hoặc loạn, hoặc vị thế vụ khiên triền, hoặc vị bệnh khổ sở não, ưng đương tinh tấn, trú dạ lục thời, lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, đắc miễn chư chướng, thiện căn tăng trưởng cố. Bị sơ cơ giả, Sớ vân: "Thử đương hạ phẩm dã". Tu tập Chỉ Quán giả, Luận vân: "Sở ngôn chỉ giả, vị chỉ nhất thiết cảnh giới tướng. Thị y Chân Như Môn, chỉ chư cảnh tướng vô sở phân biệt, tức thành căn bản Vô Phân Biệt Trí. Sở ngôn Quán giả, vị phân biệt nhân duyên sanh diệt tướng. Thị y Sanh Diệt Môn, phân biệt chư tướng, quán chư lý thú, tức thành Hậu Đắc Trí". Bị trung cơ giả, Sớ vân: "Thử đương trung phẩm dã". Cầu sanh Tịnh Độ giả, Luận vân: "Nhược nhân chuyên niệm A Di Đà Phật, nguyện sanh bỉ giới, tức đắc vãng sanh, thường kiến Phật cố, chung vô hữu thoái. Nhược quán bỉ Phật Chân Như Pháp Thân, thường cần tu tập, tất cánh đắc sanh, y Chánh Định cố". Bị thượng cơ giả, Sớ vân: "Thử đương thượng phẩm dã".

(疏)如來神力品，釋迦與十方諸佛，同出廣長舌相，乃至梵天，為讚歎法華故，今此六方讚歎亦復如是，即法華義。略舉少分，通諸大乘，餘不繁敘。又起信因緣分。疏明信位初心有四種機，以禮懺滅罪被初機，以修習止觀

被中機，以求生淨土被上機。初謂業障眾生，中謂凡夫二乘，則知淨土是大乘菩薩所修矣。義理所該，總結上文。

(演)起信謂令人發起大乘信根。因緣分者，此論通有五分：一者因緣分。二者立義分。三者信位初心。乃至第五勸修利益分。今當第一，說造論因緣有八種也。信位初心，謂十信中初信心也。有四種機者，論文云：五者，為示方便，消惡業障，善護其心，遠離癡慢出邪網故。六者，為示修習止觀，對治凡夫二乘心過故。七者，為示專念方便，生於佛前，必定不退信心故。八者，為示利益勸修行故，有如是等因緣，所以造論。疏云：自此下四種機，當信位初心，四中前三為下中上三人，後一策以勸修也。禮懺滅罪者，論云：若人雖修行信心，以從先世來，多有重罪惡業障故，為諸魔鬼之所惑亂，或為世務牽纏，或為病苦所惱，應當精勤，晝夜六時，禮拜諸佛，誠心懺悔，得免諸障，善根增長故。被初機者，疏云：此當下品也。修習止觀者，論云：所言止者，謂止一切境界相。是依真如門，止諸境相無所分別，即成根本無分別智。所言觀者，謂分別因緣生滅相。是依生滅門，分別諸相觀諸理趣，即成後得智。被中機者，疏云：此當中品也。求生淨土者，論云：若人專念阿彌陀佛，願生彼界，即得往生，常見佛故，終無有退。若觀彼佛真如法身，常勤修習，畢竟得生，依正定故。被上機者，疏云：此當上品也。

*(**Sớ**: Trong phẩm Như Lai Thần Lực, Phật Thích Ca và mười phương chư Phật cùng hiện tướng lưỡi rộng dài thấu tận cõi trời Phạm Thiên để tán thán kinh Pháp Hoa. Nay trong kinh này, sáu phương [chư Phật] tán thán cũng giống như thế. Đấy là nghĩa lý trong kinh Pháp Hoa. Nêu đại lược ít phần [nhằm chứng tỏ kinh này có ý nghĩa] tương thông với các kinh Đại Thừa, những điều khác chẳng mất công trình bày nữa. Lại nữa, trong phần nhân duyên của luận Khởi Tín; trong lời Sớ giảng rõ: Địa vị sơ tâm trong Thập Tín có bốn loại căn cơ. Dùng lễ sám, diệt tội để gia bị sơ cơ, dùng tu tập Chỉ Quán để gia bị trung cơ, dùng cầu sanh Tịnh*

Độ để gia bị thượng cơ. Trước hết, nói đến chúng sanh nghiệp chướng; kế đó, nói đến phàm phu và Nhị Thừa. Cho nên biết Tịnh Độ là pháp tu của Đại Thừa Bồ Tát vậy. "Nghĩa lý bao trùm trọn vẹn" là lời tổng kết cho những đoạn kinh văn trong phần trước.

***Diễn**: Khởi Tín là khiến cho người ta phát khởi tín căn Đại Thừa. "Nhân Duyên Phần": Bộ luận này nói chung có năm phần. Một là phần Nhân Duyên. Hai là phần Lập Nghĩa. Ba là phần sơ tâm trong địa vị Thập Tín. Cho đến phần thứ năm là khuyên tu lợi ích. Nay trong phần thứ nhất, nói đến nhân duyên tạo luận thì có tám thứ. "Tín vị sơ tâm" là địa vị Tín tâm đầu tiên trong Thập Tín.*

"Có bốn loại căn cơ": Luận viết: "Năm là chỉ bày phương tiện, tiêu nghiệp chướng ác, khéo bảo vệ cái tâm, xa lìa ngu si và kiêu mạn, thoát khỏi lưới tà. Sáu là nhằm dạy về tu tập Chỉ Quán, hòng đối trị lỗi lầm nơi cái tâm của phàm phu và Nhị Thừa. Bảy là vì dạy phương tiện chuyên niệm hòng chẳng thoái chuyển tín tâm để sanh về trước Phật, nhất định chẳng thoái chuyển tín tâm. Tám là chỉ dạy lợi ích nhằm khuyên tu hành". Do có nhân duyên như vậy. cho nên tạo luận. Sớ viết: "Từ đây trở đi, bốn loại căn cơ thuộc về sơ tâm trong Tín vị. Trong bốn loại ấy, ba loại đầu là ba hạng người thượng, trung, hạ. Một loại cuối nhằm sách tấn để khuyên tu".

"Lễ sám diệt tội": Luận viết: "Nếu người tuy tu hành tín tâm, nhưng do từ đời trước đến nay, có nhiều tội nặng và ác nghiệp chướng, bị các loài ma quỷ gây phiền não, nhiễu loạn, hoặc bị việc đời lôi kéo, ràng buộc, hoặc bị bệnh tật làm khổ não, hãy nên tinh tấn, ngày đêm sáu thời, lễ bái chư Phật, thành tâm sám hối, hòng thoát khỏi các chướng, thiện căn tăng trưởng". "Gia bị kẻ sơ cơ": Lời Sớ nói: "Đấy phải là hạ phẩm".

"Tu tập Chỉ Quán": Luận viết: "Nói Chỉ thì là ngưng dứt hết thảy tướng cảnh giới. Tức là nương vào Chân Như Môn, dứt các tướng cảnh giới, chẳng phân biệt, bèn thành tựu căn bản Vô Phân Biệt Trí. Nói đến Quán thì là phân biệt tướng nhân duyên sanh diệt; tức là nương vào Sanh Diệt Môn để phân biệt các lý thú của các tướng, liền thành tựu Hậu Đắc Trí". "Gia bị trung cơ": Sớ nói: "Đấy phải là trung phẩm".

"Cầu sanh Tịnh Độ": Luận nói: "Nếu ai chuyên niệm A Di Đà Phật, nguyện sanh về cõi kia, liền được vãng sanh, thường thấy Phật, trọn chẳng bị thoái chuyển. Nếu quán Chân Như Pháp Thân của đức Phật ấy, thường siêng năng tu tập, sẽ rốt ráo được vãng sanh, vì do nương vào Chánh Định". "Gia bị căn cơ bậc thượng": Lời Sớ viết: "Đấy phải là thượng phẩm").

(Sớ) Khiên vưu giả, khinh hủy thử kinh, tức khinh hủy Đại Thừa, hoạch tội vô lượng cố.

(疏)愆尤者，輕毀此經，即輕毀大乘，獲罪無量故。

*(**Sớ**: "Tội khiên": Khinh rẻ, hủy báng kinh này chính là khinh rẻ, hủy báng Đại Thừa, chuốc tội vô lượng).*

Tứ, sở bị giai phẩm (nhị): Sơ, liệu giản. Nhị, tổng thâu.

Sơ, liệu giản.

Dĩ tri thử kinh, văn lược, nghĩa phong, ngôn cận, chỉ viễn, vị ủy bị hà căn khí? Hữu hà giai đẳng? Tiên minh liệu giản, tiền tam phi khí, vị vô tín giả, vô nguyện giả, vô hạnh giả, phản thị giai khí.

(Sớ) Tiên minh căn khí, hữu thị, hữu phi. Thứ biệt giai đẳng, hữu thắng, hữu liệt. Dục linh xả phi tùng thị, khí liệt thủ thắng. Tín, vị tín sanh Phật bất nhị. Chúng sanh niệm Phật, định đắc vãng sanh, cứu cánh thành Phật cố. Như kinh sở vân: "Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ", thị dã.

(Diễn) Tín sanh Phật bất nhị giả, mê thử tâm vi chúng sanh, ngộ thử tâm vi chư Phật. Chư Phật nãi giác ngộ chi chúng sanh. Chúng sanh nãi trầm mê chi chư Phật. Cổ vân: "Chư Phật tâm nội chúng sanh, trần trần lưu chuyển. Chúng sanh tâm trung chư Phật, niệm niệm chứng Chân dã". Hựu phục thử tín, tức thị Khởi Tín tín căn bản. Từ Vân tín tự tâm, nhi bỉ căn bản ngoại, thượng hữu tín Phật, tín Pháp, tín Tăng, bất nghi tự tâm ngoại, thượng hữu bất nghi sư, bất nghi Pháp. Kim độc cử căn bản tự tâm giả, dĩ tín Tịnh Độ duy tâm, vi Tịnh nghiệp chi độc yếu dã.

四、所被階品(二)：初、料簡。二、總收。

初、料簡。

已知此經，文略義豐，言近旨遠，未委被何根器？有何階等？先明料簡，前三非器，謂無信者、無願者、無行者，反是皆器。

(疏)先明根器，有是有非。次別階等，有勝有劣。欲令捨非從是。棄劣取勝。信，謂信生佛不二，眾生念佛，定得往生，究竟成佛故。如經所云：汝等皆當信受我語，是也。

(演)信生佛不二者，迷此心為眾生，悟此心為諸佛。諸佛乃覺悟之眾生。眾生乃沈迷之諸佛。古云：諸佛心內眾生，塵塵流轉。眾生心中諸佛，念念證真也。又復此信，即是起信信根本。慈雲信自心，而彼根本外，尚有信佛，信法，信僧，不疑自心外，尚有不疑師，不疑法。今獨舉根本自心者，以信淨土唯心，為淨業之獨要也。

(Bốn, phẩm vị được hóa độ bởi kinh này (gồm hai tiểu đoạn): Thứ nhất là liệu giản, thứ hai là thâu nhiếp chung.

[Tiểu đoạn] thứ nhất là liệu giản.

Đã biết kinh này văn tự giản lược, ý nghĩa phong phú, lời lẽ gần gũi, ý chỉ sâu xa, chưa rõ kinh này thích hợp với căn khí nào? Có những địa vị, tầng cấp như thế nào? Trước hết, nói về sự chọn lọc căn khí. Đầu tiên là ba loại chẳng phải là căn khí, tức là kẻ không có lòng tin, kẻ chẳng nguyện, kẻ chẳng có hạnh. Nếu không phải là những hạng người ấy thì đều là căn khí [thích hợp với kinh này].

***Sớ**: Trước hết nói về căn khí, có căn khí thích hợp, có căn khí chẳng thích hợp. Kế đó là phân biệt phẩm cấp, có phẩm cấp thù thắng, có phẩm cấp hèn kém. Nhằm làm cho [người nghe] bỏ sai, theo đúng, bỏ hèn kém, lấy thù thắng. Tín nghĩa là "tin chúng sanh và Phật chẳng hai. Chúng sanh niệm Phật nhất định được vãng sanh, rốt ráo thành Phật". Như kinh đã nói: "Các ông đều nên tin lời ta nói" chính là ý này.*

***Diễn**: "Tin chúng sanh và Phật chẳng hai": Mê tâm này thì là chúng sanh, ngộ tâm này thì là chư Phật. Chư Phật chính là chúng sanh đã giác ngộ. Chúng sanh là chư Phật còn đang trầm mê. Cổ nhân nói: "Chúng sanh trong tâm chư Phật lưu chuyển theo mỗi trần. Chư Phật trong tâm chúng sanh chứng Chân trong mỗi niệm". Lại nữa, Tín ở đây chính là căn bản của lòng tin như trong Khởi Tín Luận [đã dạy]. "Tín tự tâm" theo ngài Từ Vân, ngoài tín tâm căn bản ra, còn có tín Phật, tín Pháp, tín Tăng; ngoài chẳng nghi tự tâm ra, còn có chẳng nghi thầy, chẳng nghi Pháp. Nay ở đây chỉ nêu một mình căn bản tự tâm, là vì Tịnh Độ duy tâm, tức là chỗ độc đáo, trọng yếu của Tịnh nghiệp vậy).*

(Sớ) Nguyện, vị tín phi đồ tín, như tử ức mẫu, chiêm y hướng mộ, tất dục vãng sanh cố. Như kinh sở vân: "Ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ", thị dã.

(Diễn) Như tử ức mẫu giả, Lăng Nghiêm ngôn: "Thập phương chư Phật lân niệm chúng sanh, như mẫu ức tử, tử nhược ức mẫu, như mẫu ức thời, mẫu tử lịch sanh, bất tương vi viễn".

(疏)願，謂信非徒信。如子憶母，瞻依向慕，必欲往生故。如經所云：應當發願，生彼國土，是也。

(演)如子憶母者，楞嚴言：十方諸佛憐念眾生，如母憶子，子若憶母，如母憶時，母子歷生，不相違遠。

*(**Sớ**: Nguyện có nghĩa là lòng tin chẳng phải là tin suông. Như con nhớ mẹ, lòng luôn chiêm ngưỡng, nương tựa, hướng về, hâm mộ, ắt muốn được vãng sanh. Như kinh đã nói: "Hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy", chính là nói tới điều này.*

***Diễn**: "Như con nhớ mẹ": Kinh Lăng Nghiêm nói: "Mười phương chư Phật nghĩ thương chúng sanh, như mẹ nhớ con. Nếu con nhớ mẹ như khi mẹ nhớ con thì mẹ con trải qua nhiều đời, chẳng hề xa cách nhau").*

(Sớ) Hạnh, vị nguyện phi hư nguyện, thường hành tinh tấn, niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn cố. Như kinh sở vân "chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn", thị dã. Thử chi tam sự, hiệu vi tư lương. Tư lương bất sung, võng khắc tiền tấn. Hựu phục thử tam, như đỉnh tam túc, hoặc câu vô, hoặc cụ nhất khuyết nhị, hoặc cụ nhị khuyết nhất, giai bất khả dã. Hựu dĩ dụ minh. Thí chi ngũ cốc, kỳ vô tín giả, bất tín tức chủng thị cốc, tài bồi thử chủng, định đắc thành cốc giả dã. Tín nhi vô nguyện giả, tuy tri giai chủng, vô tâm cầu cốc giả dã. Nguyện nhi vô hạnh giả, tuy vọng đắc cốc, bất sự canh nậu giả dã. Câu vô hỗ khuyết, chuẩn thượng khả tri. Thử tam giả, giai luy liệt, phá lậu chi khí, bất kham thừa thọ cam lộ pháp vị, cố danh phi khí.

(Diễn) Bất kham thừa thọ cam lộ pháp vị giả, Lăng Nghiêm vân: "Tức tịnh khí trung, trừ khử độc mật, dĩ chư thang thủy, tịnh tạp hôi hương, tẩy địch kỳ khí, hậu trữ cam lộ". Kim luy liệt phá lậu khởi kham thừa thọ?

(疏)行，謂願非虛願。常行精進，念念相續，無有間斷故。如經所云，執持名號，一心不亂，是也。此之三事，號為資糧。資糧不充，罔克前進。又復此三，如鼎三足，或俱無，或具一缺二，或具二缺一，皆不可也。又以喻明。譬之五穀，其無信者，不信即種是穀，栽培此種，定得成

穀者也。信而無願者，雖知佳種，無心求穀者也。願而無行者，雖望得穀，不事耕耨者也。俱無互缺。準上可知，此三者，皆羸劣破漏之器，不堪承受甘露法味，故名非器。

(演)不堪承受甘露法味者，楞嚴云：如淨器中，除去毒蜜，以諸湯水，并雜灰香，洗滌其器，後貯甘露 。今羸劣破漏豈堪承受？

*(**Sớ**: Hạnh có nghĩa là nguyện chẳng phải là nguyện hư giả; thường hành tinh tấn, niệm niệm tiếp nối, chẳng gián đoạn. Như kinh đã nói "chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn" chính là nói về điều này. Ba chuyện này được gọi là tư lương. Tư lương chẳng đủ, sẽ chẳng thể tiến lên được! Lại nữa, ba điều này như ba chân của cái đỉnh, hoặc thiếu cả ba, hoặc có một thiếu hai, hoặc đủ hai thiếu một, đều chẳng thể được!*

Lại dùng thí dụ để giảng rõ. Ví như đối với ngũ cốc, kẻ không có lòng tin sẽ chẳng tin nếu gieo trồng, vun quén loại thóc lúa ấy, nhất định sẽ thu hoạch thóc lúa. Tín mà không có nguyện, [giống như] tuy biết là hạt giống tốt, nhưng không có tâm cầu thóc gạo. Nguyện mà thiếu hạnh, [giống như] tuy mong có gạo, nhưng chẳng chú trọng cày bừa. Dựa theo những điều trên đây, biết rằng ba hạng người ấy (không tín, không nguyện, không hạnh) đều là những căn khí kém cỏi, hư nát, rò rỉ, chẳng kham tiếp nhận pháp vị cam lộ, cho nên gọi là "phi khí" (chẳng phải căn khí thích đáng).

***Diễn**: "Chẳng kham nhận lãnh cam lộ pháp vị": Kinh Lăng Nghiêm nói: "Liền ở trong đồ chứa sạch, trừ bỏ chất mật có độc, dùng các loại nước nóng, và các loại tro hương để gột rửa đồ đựng ấy, sau đó chứa cam lộ". Nay những thứ kém cỏi, hư nát, rò rỉ há có thể chứa đựng được ư?)*

(Sớ) Hựu phục thế nhân tuy hành chúng thiện, ư bỉ Phật độ, vô Tín, Hạnh, Nguyện, diệc danh phi khí. Tuy hữu chư quá, ư bỉ Phật độ hữu Tín, Hạnh, Nguyện, diệc danh vi khí. Phản thị giai khí, như hạ sở minh.

(Diễn) Tuy hữu chư quá, diệc danh vi Khí giả, như Quán Kinh hạ tam phẩm, giai Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung phát tâm, giai đắc vãng sanh.

(疏)又復世人雖行眾善，於彼佛土，無信行願，亦名非器。雖有諸過，於彼佛土有信行願，亦名為器。反是皆器，如下所明。

(演)雖有諸過，亦名為器者，如觀經下三品，皆五逆十惡，臨終發心，皆得往生。

*(**Sớ**: Lại nữa, người đời tuy hành các điều thiện, nhưng không có Tín, Hạnh, Nguyện đối với cõi Phật ấy, thì cũng gọi là "phi khí". Tuy có các lỗi, nhưng có Tín, Hạnh, Nguyện đối với cõi Phật ấy, thì cũng gọi là khí. Trái lại, đều là căn khí, sẽ được giảng rõ như dưới đây.*

***Diễn**: "Tuy có các lỗi lầm, cũng gọi là Khí": Như ba phẩm Hạ trong Quán Kinh đều là Ngũ Nghịch, Thập Ác, lâm chung phát tâm, đều được vãng sanh).*

Ư thị khí trung, bối chi, phẩm chi, thành tam, thành cửu, cửu chi hựu cửu, tam chi hựu tam, hựu tế phân chi, phục ưng vô lượng, như nhị bộ trung thuyết.

(Sớ) Thứ minh giai đẳng dã. Bối giả, Đại Bổn tam bối. Phẩm giả, Quán Kinh cửu phẩm. Cố viết "tam, cửu". Tam bối chi trung, phục tam bối chi, tắc thành cửu bối. Cửu phẩm chi trung, phục cửu phẩm chi, tắc thành bát thập nhất phẩm. Bối chi vô cùng, phẩm chi bất dĩ, tắc thành bách thiên vạn ức bối phẩm, cố viết "phục ưng vô lượng". Sở dĩ nhiên giả, quân danh niệm Phật, đồng nhất vãng sanh, nhi tu hữu Sự, Lý, công hữu cần, nọa, tùy nhân cảm quả, địa vị tự biệt. Cố Niết Bàn thuyết thập nhị nhân duyên, tằng vô nhị pháp, nhi hạ trí quán giả, đắc Thanh Văn Bồ Đề. Trung trí quán giả, đắc Duyên Giác Bồ Đề. Thượng trí quán giả, đắc Bồ Tát Bồ Đề. Thượng thượng trí quán giả, đắc Phật Bồ Đề. Thị tắc chư thiên cộng khí, thực hữu tinh thô. Tam thú đồng hà, độ phân thâm thiển, yên khả vu dã. Thảng kỳ tự phụ lợi căn, văn thuyết niệm Phật, nhược tương mỗi yên, ninh tri bối phẩm thiên uyên, tồn hồ kỳ nhân nhi dĩ! Chung bất niệm Phật, độn trí nhữ dã. Hiếu kỳ phụ thắng chi sĩ, hạnh bình khí nhi tư chi.

(Diễn) Hạ trí quán giả đẳng. Hạ trí thị đản giải Thiên Không, nhi căn sảo độn giả. Bỉ tức quán tư nghị sanh diệt thập nhị nhân duyên, tùng tha văn thanh nhi giải liễu cố, thành Thanh Văn Bồ Đề. Trung trí diệc đản giải Thiên Không, nhi căn đại lợi giả, bỉ tức quán tư nghị bất sanh diệt nhân duyên, ngộ giải thậm thâm nhân duyên pháp cố, thành

Duyên Giác Bồ Đề. Thượng trí thị giải đản Trung Lý giả, bỉ tức quán bất tư nghị sanh diệt nhân duyên, tâm quảng vô lượng cố, thành Bồ Tát quảng đại hạnh cố, đắc Bồ Tát Bồ Đề. Thượng thượng trí thị giải bất đản Trung Lý giả, bỉ tức quán bất tư nghị bất sanh bất diệt nhân duyên, nhất thiết chủng thanh tịnh cố, nhất thiết Phật pháp giai thành tựu cố, đắc Phật Bồ Đề. Thị đồng thị thập nhị nhân duyên nhất pháp, nhi nhân trí huệ bất đồng, quán sát bất đồng, nhi sở đắc toại các các bất đồng dã, phi tùy nhân cảm quả nhi hà? Chư thiên cộng khí giả, Tịnh Danh kinh vân: "Thí như chư thiên cộng bảo khí thực, tùy kỳ phước đức, phạn sắc hữu dị". Tam thú độ hà giả, Vĩnh Gia Tập vân: "Thí như tượng, mã, thố độ hà, túc hữu trường đoản, nhi phân thâm thiển".

於是器中，輩之品之，成三成九，九之又九，三之又三，又細分之，復應無量，如二部中說。

(疏)次明階等也。輩者，大本三輩。品者，觀經九品。故曰三九。三輩之中，復三輩之，則成九輩。九品之中，復九品之，則成八十一品。輩之無窮，品之不已，則成百千萬億輩品，故曰復應無量。所以然者，均名念佛，同一往生，而修有事理，功有勤惰，隨因感果，地位自別。故涅槃說十二因緣，曾無二法。而下智觀者，得聲聞菩提。中智觀者，得緣覺菩提。上智觀者，得菩薩菩提。上上智觀者，得佛菩提。是則諸天共器，食有精粗。三獸同河，渡分深淺，焉可誣也。儻其自負利根，聞說念佛若將浼焉，寧知輩品天淵，存乎其人而已。終不念佛，鈍置汝也。好奇負勝之士，幸平氣而思之。

(演)下智觀者等。下智是但解偏空，而根稍鈍者。彼即觀思議生滅十二因緣，從他聞聲而解了故，成聲聞菩提。中智亦但解偏空，而根大利者，彼即觀思議不生滅因緣，悟解甚深因緣法故，成緣覺菩提。上智是解但中理者，彼即觀不思議生滅因緣，心廣無量故，成菩薩廣大行故，得菩薩菩提。上上智是解不但中理者，彼即觀不思議不生滅因緣，一切種清淨故，一切佛法皆成就故，得佛菩提。是同是十二因緣一法，而因智慧不同，觀察不同，而所得遂

各各不同也，非隨因感果而何？諸天共器者，淨名經云：譬如諸天共寶器食，隨其福德飯色有異。三獸渡河者，永嘉集云：譬如象馬兔渡河，足有長短，而分深淺。

(Trong những người đúng là căn khí, lại chia ra thành ba bậc và chín phẩm. Từ mỗi phẩm trong chín phẩm, lại chia thành chín phẩm nhỏ hơn. Từ mỗi bậc trong ba bậc, lại chia thành ba bậc nhỏ hơn. Nếu phân chia tỉ mỉ hơn, sẽ là vô lượng như trong hai bộ kinh (Quán Kinh và kinh Vô Lượng Thọ) đã nói.

***Sớ**: Kế đến là nói phẩm vị. "Bối" là ba bậc trong kinh Đại Bổn, "phẩm" là chín phẩm trong Quán Kinh, nên nói là "ba bậc, chín phẩm". Trong ba bậc, [mỗi bậc] lại chia thành ba bậc nữa, nên thành chín bậc. Trong chín phẩm, [mỗi phẩm] lại chia thành chín phẩm nữa, nên thành tám mươi mốt phẩm. Bậc thì vô cùng, phẩm chẳng thể xiết, nên thành trăm ngàn vạn ức bậc, phẩm. Vì thế, nói "lại nên là vô lượng". Nguyên do là tuy cùng gọi là niệm Phật, cùng là vãng sanh, nhưng tu tập có Sự và Lý, công phu có siêng năng hay biếng nhác, nhân nào cảm lấy quả nấy, cho nên địa vị tự sai khác.*

Vì thế, kinh Niết Bàn nói mười hai nhân duyên chưa hề là hai pháp, nhưng kẻ hạ trí quán sát [mười hai nhân duyên ấy] đắc Thanh Văn Bồ Đề, kẻ trung trí quán bèn đắc Duyên Giác Bồ Đề, bậc thượng trí quán bèn đắc Bồ Tát Bồ Đề, bậc thượng thượng trí quán bèn đắc Phật Bồ Đề. Cho nên chư thiên cùng chung một đồ đựng, mà thức ăn có tinh hay thô. Ba con thú cùng vượt sông, thân hình chìm trong nước sâu hay cạn, há có thể dối gạt ư? Nếu kẻ nào tự phụ là lợi căn, nghe nói đến niệm Phật bèn cảm thấy như là phải quỵ lụy, đâu biết phẩm bậc [trong cõi Cực Lạc] khác nhau một trời một vực, tùy thuộc mỗi người mà thôi! Trọn chẳng niệm Phật thì ông được xếp vào hàng ngu độn. Mong bậc ham chuộng quái lạ, cao siêu, hãy bình tĩnh suy nghĩ.

***Diễn**: "Hạ trí quán…": Hạ trí là kẻ chỉ hiểu Thiên Không, nhưng căn cơ hơi chậm lụt. Họ quán mười hai nhân duyên sanh diệt có thể nghĩ bàn, do nghe người khác nói mà thấu hiểu, bèn thành Thanh Văn Bồ Đề. Trung trí là kẻ cũng chỉ hiểu Thiên Không, nhưng căn cơ rất nhạy bén, liền quán nhân duyên chẳng sanh diệt có thể nghĩ bàn. Do ngộ giải pháp nhân duyên rất sâu, thành Duyên Giác Bồ Đề. Thượng trí là kẻ chỉ hiểu Trung Lý, liền quán nhân duyên sanh diệt chẳng thể nghĩ bàn, do tâm rộng vô lượng, thành tựu hạnh Bồ Tát rộng lớn, đắc Bồ Tát Bồ Đề. Thượng thượng trí là người hiểu không chỉ Trung Lý, quán nhân duyên bất sanh*

bất diệt chẳng thể nghĩ bàn, do hết thảy các thứ thanh tịnh, do thành tựu hết thảy Phật pháp, bèn đắc Phật Bồ Đề. Đấy là cùng một pháp mười hai nhân duyên, nhưng do mỗi người trí huệ khác nhau, quán sát khác nhau, bèn đắc quả mỗi người mỗi khác, chẳng phải là do nhân mà cảm quả thì là gì vậy?

"Chư thiên dùng chung đồ đựng": Kinh Tịnh Danh nói: "Ví như chư thiên cùng ăn thức ăn từ trong đồ đựng báu, tùy theo phước đức của mỗi người mà cơm có màu sắc khác nhau". "Ba con thú vượt sông": Vĩnh Gia Tập có đoạn viết: "Ví như voi, ngựa, thỏ vượt sông, do chân có dài hay ngắn, mà chia thành sâu hay cạn").

Nhị, tổng thâu.

Tổng thâu giả, đản trì Phật danh, tất sanh bỉ quốc. Tắc hoặc cao, hoặc hạ, hoặc thánh, hoặc phàm. Nãi chí hoặc tín, hoặc nghi, hoặc tán, hoặc hủy, tri hữu bỉ Phật, tiện thành thiện căn, đa kiếp, đa sanh, câu mông giải thoát.

(Sớ) Cao hạ giả, dĩ thượng phẩm tức đăng bỉ ngạn, hạ phẩm do thắng thiên cung, tắc phẩm vị tuy thù, giai đắc bất thoái cố.

(Diễn) Hạ phẩm do thắng thiên cung giả, như vân: "Lục dục chư thiên cụ ngũ suy, Tam Thiền thượng tự hữu phong tai. Giả nhiêu tu đáo Phi Phi Tưởng, bất nhược Tây Phương quy khứ lai".

二、總收。

總收者。但持佛名，必生彼國。則或高或下，或聖或凡。乃至或信或疑，或讚或毀，知有彼佛，便成善根，多劫多生，俱蒙解脫。

(疏)高下者，以上品即登彼岸，下品猶勝天宮，則品位雖殊，皆得不退故。

(演)下品猶勝天宮者，如云：六欲諸天具五衰，三禪尚自有風災。假饒修到非非想，不若西方歸去來。

(Hai, là nói tóm lại.

Nói tóm lại thì chỉ trì danh hiệu Phật, ắt sanh về cõi kia. Dù cao hay thấp, dù thánh hay phàm, cho đến dù tin hay ngờ, hoặc tán thán, hoặc hủy báng, do biết có vị Phật ấy, liền trở thành thiện căn nhiều kiếp nhiều đời, đều được giải thoát.

***Sớ**: "Cao, thấp": Do thượng phẩm liền lên bờ kia, hạ phẩm vẫn hơn cung trời, tức là phẩm vị tuy khác biệt, nhưng đều đắc bất thoái.*

***Diễn**: "Hạ phẩm vẫn hơn cung trời": Như nói: "Lục dục chư thiên bị ngũ suy, Tam Thiền còn chịu nạn phong tai. Dẫu tu đến cõi Phi Phi Tưởng, vẫn kém sanh về Cực Lạc bang").*

(Sớ) Thánh phàm giả, dĩ cụ phược phàm phu, đản đắc vãng sanh, tức dữ chư đại Bồ Tát câu hội nhất xứ, tắc chung đương thành thánh cố. Thử chuyên cử kỳ thuận giả. Hạ ngôn tín, nghi, tán, hủy, tắc kiêm vi thuận, vô bất hoạch ích dã. Vấn: "Tín, tán ưng nhĩ, vân hà nghi, hủy, diệc viết thiện căn?" Đáp: Thường Bất Khinh thọ ký chư nhân "giai đương tác Phật". Nhân nghi bất tín, nãi chí đả mạ, nhân đọa địa ngục. Tùng địa ngục xuất, chung đắc thành đạo. Khởi phi mạ đả tùng nghi nhi sanh? Nghi tùng tri sanh, tri tùng văn sanh, văn tri hữu Phật, nhiên hậu sanh nghi. Tằng vị văn chi, nghi tùng hà phát? Nhân văn tri cố, Phật chi nhất tự, dĩ uẩn thức điền, đầu chủng thổ trung. Vũ lộ hốt tư, chung hữu sanh nhật. Bỉ hủy Phật giả, nghĩa diệc như thị. Cố viết "đản tri hữu Phật, giai thành thiện căn, tất cánh giải thoát". Bất văn, bất tri, tắc bất thành chủng.

(疏)聖凡者，以具縛凡夫，但得往生，即與諸大菩薩俱會一處，則終當成聖故。此專舉其順者。下言信疑讚毀，則兼違順，無不獲益也。問：信讚應爾，云何疑毀亦曰善根？答：常不輕授記諸人，皆當作佛。人疑不信，乃至打罵，因墮地獄。從地獄出，終得成道。豈非罵打從疑而生？疑從知生，知從聞生，聞知有佛，然後生疑。曾未聞之，疑從何發？因聞知故，佛之一字，已蘊識田，投種土中。雨露忽滋，終有生日。彼毀佛者，義亦如是。故曰但知有佛，皆成善根，畢竟解脫。不聞不知，則不成種。

*(**Sớ**: "Thánh, phàm": Do hàng phàm phu đầy dẫy triền phược, chỉ cần được vãng sanh, liền ở cùng một chỗ với các vị đại Bồ Tát, cho nên rốt cuộc sẽ thành thánh. Đây là chuyên nói về những kẻ thuận theo pháp môn này.*

Tiếp đó, nói về kẻ tin hay ngờ, tán thán hay hủy báng, tức là kẻ chống trái lẫn kẻ thuận theo, chẳng ai không đạt được lợi ích. Hỏi: "Tin tưởng, khen ngợi, lẽ đương nhiên là như vậy. Cớ sao ngờ vực, hủy báng

mà cũng nói là thiện căn?" Đáp: Ngài Thường Bất Khinh thọ ký cho mọi người "sẽ đều thành Phật". Người ta nghi ngờ chẳng tin, thậm chí đánh, chửi. Do vậy, những kẻ đó đọa địa ngục. Từ địa ngục thoát ra, họ rốt cuộc thành đạo. Há chẳng phải là chửi đánh do nghi sanh ra, nghi do biết sanh ra, biết do nghe sanh ra? Nghe biết có Phật rồi mới sanh lòng nghi. Nếu chưa từng nghe, lòng nghi do đâu mà phát sanh? Do nghe biết, nên một chữ Phật đã chứa trong ruộng thức, như gieo hạt giống xuống đất. Mưa, sương chợt tưới tắm, rốt cuộc sẽ có ngày sanh trưởng. Ý nghĩa những kẻ hủy báng Phật [mà vẫn được gọi là "thiện căn"] cũng như thế đó. Cho nên nói "chỉ cần biết có Phật thì đều thành thiện căn, rốt ráo giải thoát". Chẳng biết, chẳng nghe, sẽ chẳng thành hạt giống).

Ngũ, năng thuyên Thể Tánh (tứ): Sơ, tùy tướng. Nhị, duy thức. Tam, quy tánh. Tứ, vô ngại.

Sơ, Tùy Tướng.

Dĩ tri thử kinh bị cơ phổ biến, vị tri năng thuyên, hà vi Thể Tánh? Y cổ, triển chuyển thập môn thôi bổn, ước chi thành tứ. Tiên minh Tùy Tướng. Ư trung phục nhị: Nhất, vị thanh, danh, cú, văn; nhị, vị sở thuyên nghĩa, dĩ văn dữ nghĩa, giai thuộc tướng cố.

(Diễn) Tiên minh tùy tướng giả, tướng tức văn nghĩa chi tướng. Tùy hữu nhị nghĩa: Nhất giả, văn tùy ư nghĩa, nghĩa tùy ư văn. Văn nghĩa nhị tướng, giao tương tùy thuận, nhi vi giáo thể cố. Nhị giả, thả vị hội quy nhất tâm; tiên tùy văn nghĩa ngoại tướng, đàm năng thể thuyên cố. Thập môn thôi bổn giả: Nhất, âm thanh ngữ ngôn; nhị, danh, cú, văn thân; tam, thông thủ tứ pháp; tứ, chư pháp hiển nghĩa; ngũ, nhiếp cảnh duy tâm; lục, hội duyên nhập không; thất, Lý Sự vô ngại; bát, thông nhiếp sở thuyên; cửu, Sự Sự vô ngại; thập, hải ấn bỉnh hiện. Nhị vị sở thuyên nghĩa giả, hoặc nạn vân: "Thử minh năng thuyên thể tánh, hà cố sở thuyên chi nghĩa, diệc tác năng thuyên da?" Đương tri dĩ nghĩa đối danh, cú, văn, tắc nghĩa vi sở thuyên. Nhược dĩ nghĩa đối Lý nhi ngôn, nghĩa vi năng thuyên, Lý vi sở thuyên dã.

五、能詮體性(四)：初、隨相。二、唯識。三、歸性。四、無礙。

初、隨相。

已知此經被機普遍，未知能詮，何為體性？依古展轉十門推本，約之成四。先明隨相。於中復二，一謂聲名句文，二謂所詮義，以文與義皆屬相故。

(演)先明隨相者，相即文義之相。隨有二義：一者，文隨於義，義隨於文。文義二相，交相隨順，而為教體故。二者，且未會歸一心；先隨文義外相；談能體詮故。十門推本者：一、音聲語言。二、名句文身。三、通取四法。四、諸法顯義。五、攝境唯心。六、會緣入空。七、理事無礙。八、通攝所詮。九、事事無礙。十、海印炳現。二謂所詮義者，或難云：此明能詮體性，何故所詮之義，亦作能詮耶？當知以義對名句文，則義為所詮。若以義對理而言，義為能詮，理為所詮也。

(Năm, trình bày Thể Tánh của kinh này (gồm bốn phần): Một là Tùy Tướng, hai là Duy Thức, ba là Quy Tánh (gom vào tánh), bốn là Vô Ngại.

Thứ nhất, Tùy Tướng.

Đã biết kinh này thích hợp trọn khắp các căn cơ, nhưng chưa biết kinh này dùng Thể Tánh nào để nói. Nếu theo lối cổ, thì lần lượt dùng mười môn để suy xét đến tận gốc; nếu nói tóm tắt thì gồm có bốn điều. Trước hết, nói về Tùy Tướng. Trong đây, lại có hai điều: Một là thanh, danh, cú, văn; hai là nghĩa lý được diễn nói bởi [thanh, danh, cú, văn], bởi lẽ, văn và nghĩa đều thuộc về tướng.

***Diễn**: "Trước hết, nói về Tùy Tướng": "Tướng" chính là tướng của văn nghĩa. "Tùy" có hai nghĩa:*

- Một, văn tùy thuộc nghĩa, nghĩa tùy thuộc văn. Hai tướng văn và nghĩa tùy thuận, xen lẫn vào nhau để làm giáo thể.

- Hai, chưa thể dung hội vào nhất tâm, trước hết bèn thuận theo tướng bên ngoài của văn và nghĩa để bàn luận về bản thể của chủ thể diễn nói.

"Mười môn suy xét tận gốc": 1) Âm thanh, ngôn ngữ. 2) Danh, cú, văn, thân. 3) Dung hội chung cho bốn pháp. 4) Hiển lộ ý nghĩa của các pháp. 5) Gom cảnh vào duy tâm. 6) Gom các duyên vào Không. 7) Lý Sự vô ngại. 8) Gom chung những điều được diễn nói. 9) Sự Sự vô ngại. 10) Hải ấn hiển hiện rạng ngời.

"Hai là những ý nghĩa được diễn nói": Chắc là có kẻ sẽ bắt bẻ "phần này nhằm nói về thể tánh của chủ thể diễn nói, cớ sao lại đem ý nghĩa được diễn nói để coi nó như là chủ thể diễn nói vậy?" Hãy nên biết: Nếu đem so nghĩa với danh, văn, cú thì nghĩa là cái được diễn nói bởi [những thứ danh, văn, cú ấy]. Nếu đem nghĩa so với Lý thì "nghĩa" là chủ thể diễn nói, còn Lý là điều được trình bày bởi nghĩa đó).

(Sớ) Thập môn triển chuyển, tường kiến Hoa Nghiêm Huyền Đàm. Khuê Phong phục ư trung ước nhi thúc chi, toại vi tứ môn. Sơ, "thanh, danh, cú, văn" giả, cứ Đại Tiểu Thừa giáo, hoặc dĩ thanh vi giáo thể. Hoặc dĩ Danh, Cú, Văn, Thân nhi vi giáo thể. Kim y Thanh Lương đại sư, thông thâu tứ giả, dĩ thanh vi giáo chủ. Danh giả, thứ đệ hàng liệt, thuyên pháp tự tánh. Cú giả, thứ đệ an bố, thuyên pháp sai biệt. Văn giả, thứ đệ liên hợp, thượng nhị sở y. Thử Danh, Cú, Văn tam giả, khuất khúc vi Thanh thượng thuyên biểu. Duy Thanh, tắc bất năng thuyên nghĩa. Duy Danh, Cú, Văn, tắc vô tự thể. Kiêm thử tứ sự, thị vi giáo thể, dĩ Giả, Thật, Thể, Dụng kiêm tư dã.

(Diễn) Hoặc dĩ Thanh vi giáo thể giả, nhiếp Giả tùng Thật cố. Danh đẳng hữu triển chuyển nghĩa, phi chánh giáo thể cố. Y thanh hữu danh, y danh hữu nghĩa, như y phụ hữu tử, y tử hữu tôn; phụ vi Thể cố. Hoặc dĩ danh, cú, văn, thân vi giáo thể giả, dĩ Thể tùng Dụng cố. Duy Thức vân: "Thử tam ly thanh tuy vô biệt Thể, nhi giả thật dị, diệc bất tức thanh" đẳng. Danh thuyên pháp tự tánh giả, như Vô Lượng Thọ Phật; Vô thuyên phi hữu tự tánh, Lượng thuyên phần hạn, Thọ thuyên vĩnh niên, Phật thuyên Đại Giác. Cú thuyên pháp sai biệt giả, như Vô Lượng Thọ Phật, thuyên pháp tắc quảng đại. Nhược vân Lượng Thọ Phật, thuyên pháp tắc thiểu hiệp hỹ. Văn vi thượng nhị sở y giả, tạ văn thái liên hợp chi công, phương hiển danh cú chi dụng dã. Giả Thật Thể Dụng kiêm tư giả, danh, cú, văn vi Giả, nhị thập tứ bất tương ưng hành nhiếp cố. Thanh vi Thật, thập nhất sắc pháp sở nhiếp cố. Thanh vi Thể, danh cú văn vi Dụng.

(疏)十門展轉，詳見華嚴玄談。圭峰復於中約而束之，遂為四門。初、聲名句文者，據大小乘教，或以聲為教體。或以名句文身而為教體。今依清涼大師，通收四者，以聲為教主。名者次第行列，詮法自性。句者次第安布，詮法差別。文者次第聯合，上二所依。此名句文三者，屈曲為

聲上詮表。唯聲，則不能詮義。唯名句文，則無自體。兼此四事，是謂教體，以假實體用兼資也。

(演)或以聲為教體者，攝假從實故。名等有展轉義，非正教體故。依聲有名，依名有義，如依父有子，依子有孫，父為體故。或以名句文身為教體者，以體從用故。唯識云：此三離聲雖無別體，而假實異，亦不即聲等。名詮法自性者，如無量壽佛。無詮非有自性，量詮分限，壽詮永年，佛詮大覺。句詮法差別者，如無量壽佛。詮法則廣大。若云量壽佛，詮法則少狹矣。文為上二所依者，藉文彩連合之功，方顯名句之用也。假實體用兼資者，名句文為假。二十四不相應行攝故。聲為實，十一色法所攝故。聲為體，名句文為用。

(***Sớ***: *"Mười môn lần lượt" xem chi tiết trong bộ Hoa Nghiêm Huyền Đàm. Ngài Khuê Phong lại rút gọn [mười môn ấy] thành bốn môn. Thứ nhất, "thanh, danh, cú, văn": Theo Đại Tiểu Thừa giáo, hoặc lấy âm thanh làm giáo thể, hoặc dùng danh, cú, văn, thân để làm giáo thể. Nay dựa theo Thanh Lương đại sư, gộp chung cả bốn thứ này lại, lấy âm thanh làm Giáo Thể chủ yếu. Danh là liệt kê theo thứ tự nhằm diễn tả tự tánh của pháp. Cú là sắp đặt theo thứ tự để giảng về sự sai biệt của các pháp. Văn là liên kết theo thứ tự, phụ thuộc vào hai loại trước (Danh và Cú). Ba món Danh, Cú, Văn phải nương vào Thanh (âm thanh) để nói ra. Chỉ có Thanh, sẽ chẳng thể diễn tả nghĩa lý. Chỉ có Danh, Cú, Văn, ắt chúng sẽ không có tự thể. Kiêm cả bốn điều này để thành giáo thể, trọn dùng Giả, Thật, Thể, Dụng để giúp lẫn nhau vậy.*

Diễn: *"Hoặc dùng Thanh làm giáo thể": Do gom Giả theo Thật. "Danh, cú... có ý nghĩa xoay vần": Do chúng chẳng phải là chánh giáo thể. Do nương vào thanh mà có danh, do nương theo danh mà có nghĩa, như do cha mà có con, do con mà có cháu, cha là Thể vậy.*

"Hoặc coi danh, cú, văn, thân là giáo thể": Lấy Dụng làm Thể. Duy Thức nói: "Ba món này (danh, cú, văn) lìa thanh, tuy không có một cái Thể riêng biệt, nhưng Giả và Thật sai khác, mà chúng cũng chẳng phải là thanh" v.v...

"Danh diễn tả tự tánh của pháp": Như Vô Lượng Thọ Phật, thì Vô diễn tả ý "chẳng có tự tánh", Lượng diễn tả ý "phần hạn", Thọ diễn tả ý

dài lâu, Phật diễn tả ý đại giác. "Cú giảng về sai biệt của các pháp": Như Vô Lượng Thọ Phật diễn tả pháp rộng lớn. Nếu nói Lượng Thọ Phật, sẽ diễn tả pháp ít ỏi, hẹp hòi. "Văn dựa vào hai thứ trên đây": Dựa vào công năng liên hợp của văn vẻ thì tác dụng của danh và cú mới hiển lộ.

"Giả, Thật, Thể, Dụng giúp lẫn nhau": Danh, cú, văn là Giả, thuộc vào hai mươi bốn Bất Tương Ưng Hành [trong bách pháp]. Thanh là thật, thuộc vào mười một Sắc pháp. Thanh là Thể, còn danh, cú, văn là Dụng).

(Sớ) Nhị, sở thuyên nghĩa giả, thử Thanh, Danh, Cú, Văn, nhược vô sở thuyên chi nghĩa, tắc đồng hồ thiên vận, thù vô ý huống. Nhược đồ nghĩa vô văn, diệu lý bằng hà nhi đắc hiển thị? Lương dĩ văn tùy ư nghĩa, nghĩa tùy ư văn, văn nghĩa tương tư, nãi thành giáo thể. Cố kim thử kinh, tùng "như thị ngã văn", chí "tác lễ nhi thoái", thị Thanh, Danh, Cú, Văn Thể. Nhi kỳ trung sở thuyết y chánh nhị báo, tín nguyện vãng sanh đẳng, thị sở thuyên nghĩa dã. Dĩ thị nhị giả, giao tương tùy cố, nhi vi giáo thể.

(疏)二、所詮義者，此聲名句文，若無所詮之義，則同乎篇韻，殊無意況。若徒義無文，妙理憑何而得顯示？良以文隨於義，義隨於文，文義相資，乃成教體。故今此經，從如是我聞，至作禮而退，是聲名句文體。而其中所說依正二報，信願往生等，是所詮義也。以是二者，交相隨故，而為教體。

*(**Sớ**: Hai là những nghĩa lý được diễn bày [bởi thanh, danh, cú, văn]: Thanh, Danh, Cú, Văn ấy nếu không diễn tả những nghĩa lý thì chúng sẽ giống như các sách tự điển, gieo vần, trọn chẳng có ý nghĩa gì! Nếu chỉ có nghĩa lý suông, chẳng có văn tự, diệu lý nhờ vào đâu để hiển thị? Bởi thế, văn nương theo nghĩa, nghĩa nương theo văn, văn và nghĩa nương giúp nhau, bèn thành giáo thể. Nên nay kinh này, từ "tôi nghe như thế" cho đến "làm lễ, lui ra" là Thể của Thanh, Danh, Cú, Văn. Nhưng những điều như y báo và chánh báo, tín nguyện vãng sanh v.v... được nói trong ấy chính là những nghĩa được kinh nói tới. Dùng hai điều này (văn và nghĩa) tùy thuộc lẫn nhau để làm giáo thể).*

Hựu nhược cứ pháp sở hiển nghĩa, tắc vô phi Phật sự, như hương phạn, quang minh đẳng, đương tri pháp pháp giai vi giáo thể.

(Sớ) Pháp năng hiển nghĩa, tắc pháp pháp tự chương, bất sĩ văn tự. Như Hoa Nghiêm vân đài, bảo võng, mao khổng quang minh, giai năng thuyết pháp. Tịnh Danh vân: "Hữu Phật thế giới, dĩ hương phạn nhi tác Phật sự. Hữu Phật thế giới, dĩ quang minh nhi tác Phật sự. Nãi chí nhất sắc, nhất hương, nhất cử, nhất động, vô hữu nhất pháp nhi phi Phật sự" đẳng. Kim thử kinh giả, thủy, điểu, thụ lâm, hàm tuyên diệu pháp, tắc tùy cử nhất pháp, giai thành giáo thể.

(Diễn) Pháp năng hiển nghĩa giả, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, trần trần giai vi giáo thể. Nhãn, nhĩ, ty, thiệt, thân, ý, căn căn tận nhập Viên Thông. Sở vị "thúy trúc, hoàng hoa, vô phi Bát Nhã. Bạch vân, lưu thủy, tận thị Chân Như. Tùng phong tạc dạ xí nhiên thuyết, tự thị lung nhân bất khẳng thính?"

又若據法所顯義，則無非佛事，如香飯光明等，當知法法皆為教體。

(疏)法能顯義，則法法自彰，不俟文字。如華嚴雲臺寶網，毛孔光明，皆能說法。淨名云：有佛世界，以香飯而作佛事。有佛世界，以光明而作佛事。乃至一色一香，一舉一動。無有一法而非佛事等。今此經者，水鳥樹林，咸宣妙法，則隨舉一法，皆成教體。

(演)法能顯義者，色聲香味觸法，塵塵皆為教體。眼耳鼻舌身意，根根盡入圓通。所謂翠竹黃花，無非般若。白雲流水 ，盡是真如 。松風昨夜熾然說 ，自是聾人不肯聽？

(Lại nữa, nếu dựa theo những nghĩa đã được hiển thị bởi pháp thì không gì chẳng phải là Phật sự, như cơm thơm, quang minh v.v... Hãy nên biết pháp nào cũng đều là giáo thể.

***Sớ**: Pháp có thể hiển lộ nghĩa lý, cho nên mỗi pháp tự phơi bày, chẳng đợi văn tự [diễn giải những nghĩa lý trong mỗi pháp ấy]. Như trong kinh Hoa Nghiêm, đài mây, lưới báu, lỗ chân lông tỏa quang minh, đều có thể thuyết pháp. Kinh Tịnh Danh nói: "Có thế giới Phật dùng cơm thơm để làm Phật sự. Có thế giới Phật dùng quang minh để làm Phật sự. Cho đến một sắc, một hương, nhất cử, nhất động, không có một pháp nào chẳng làm Phật sự" v.v... Nay kinh này, nước, chim, rừng cây đều tuyên diệu pháp. Lấy bất cứ pháp nào, cũng đều thành giáo thể.*

***Diễn**: "Pháp có thể hiển lộ nghĩa": Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, mỗi trần đều làm giáo thể. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, căn nào cũng nhập hết vào Viên Thông. Đó gọi là "trúc biếc, hoa vàng, không gì chẳng phải là Bát Nhã. Mây trắng, nước chảy, toàn là Chân Như. Đêm qua gió lay cây tùng hăm hở diễn nói, nhưng kẻ điếc đâu có chịu nghe?")*

Nhị, Duy Thức.

Duy Thức giả, thử văn, thử nghĩa, giai Thức sở biến, nhi hữu bổn ảnh tứ cú.

(Diễn) Duy Thức giả, duy hữu giản trạch, quyết định, hiển thắng tam nghĩa. Thức hữu liễu biệt nghĩa. Lược nhi ngôn chi, Duy giá cảnh hữu, Thức giản tâm Không, cố viết Duy Thức. Văn nghĩa giai Thức sở biến giả, biến hữu nhị: Nhất giả, nhân duyên biến. Hữu Thật, Thể, Dụng, thị tiền ngũ cập đệ bát thức. Nhị giả, phân biệt biến. Đản khả vi cảnh, thị lục thất nhị thức. Kim thanh vi nhân duyên biến, hữu Thật, Thể, Dụng cố. Danh, cú, văn, cập sở thuyên nghĩa, nãi phân biệt biến. Đản khả vi cảnh, vô Thật, Thể, Dụng cố. Bổn ảnh tứ cú giả, Bổn giả thật hữu bản chất. Ảnh giả, tự tâm ảnh tượng. Bổn như kính ngoại chi vật, Ảnh như kính trung sở hiển chi ảnh. Thức như kính thể.

二、唯識。

唯識者，此文此義，皆識所變，而有本影四句。

(演)唯識者，唯有揀擇，決定，顯勝，三義。識有了別義。略而言之，唯遮境有，識揀心空，故曰唯識。文義皆識所變者。變有二：一者因緣變。有實體用，是前五及第八識。二者分別變。但可為境，是六七二識。今聲為因緣變，有實體用故。名句文及所詮義，乃分別變。但可為境，無實體用故。本影四句者，本者實有本質。影者自心影像。本如鏡外之物，影如鏡中所顯之影。識如鏡體。

(Hai, Duy Thức.

"Duy Thức": Văn và nghĩa ấy đều do thức biến, nhưng có bốn câu "bổn, ảnh".

***Diễn**: "Duy Thức": Duy có ba nghĩa là phân biệt để chọn lựa, quyết định, và hiển lộ thù thắng. Thức có nghĩa là nhận biết rành mạch. Nói đại lược, Duy ngăn chặn [kiến giải chấp trước] cảnh là có, Thức nhằm vạch rõ tâm là Không. Vì thế nói là Duy Thức.*

"Văn và nghĩa đều do Thức biến": Biến có hai loại:

- Một, nhân duyên biến, có Thật, Thể, Dụng, chính là năm thức đầu (nhãn, nhĩ, tỵ thức v.v...) và thức thứ tám.

- Hai, phân biệt biến, chỉ có thể là cảnh, tức là hai thức thứ sáu và thứ bảy.

Nay thanh là nhân duyên biến, vì có Thật, Thể, Dụng. Danh, văn, cú và nghĩa lý được diễn tả bởi chúng chính là phân biệt biến, vì chỉ có thể làm cảnh, chẳng có Thật, Thể, Dụng. "Bốn câu Bổn, Ảnh": Bổn là thật sự có bản chất. Ảnh là hình bóng của tự tâm. Bổn như vật ở ngoài gương. Ảnh như hình bóng hiển hiện trong gương. Thức như cái Thể của gương).

(Sớ) Tứ cú giả. Nhất, duy Bổn vô Ảnh, tức Tiểu Thừa Giáo. Bất tri giáo pháp giai duy thức hiện, vị Như Lai thật hữu thuyết pháp cố.

(Diễn) Duy Bổn vô Ảnh giả, thị nhận Ảnh vi Bổn. Tiểu Thừa bất tri duy thức hiện giả, dĩ Tiểu Thừa nhân bất đạt tam giới duy tâm, tâm ngoại hữu cảnh, như tiểu nhi chấp kính trung chi ảnh vi thật, bất tri nãi kính quang sở hiện chi ảnh cố.

(疏)四句者。一、唯本無影。即小乘教。不知教法皆唯識現，謂如來實有說法故。

(演)唯本無影者，是認影為本。小乘不知唯識現者，以小乘人，不達三界唯心，心外有境，如小兒執鏡中之影為實，不知乃鏡光所現之影故。

*(**Sớ**: Bốn câu là: Một, chỉ có Bổn, không có Ảnh; chính là Tiểu Thừa Giáo. [Vì người Tiểu Thừa] chẳng biết giáo pháp đều chỉ do thức hiện, họ cho rằng đức Như Lai thật sự có thuyết pháp.*

***Diễn**: "Chỉ có Bổn không có Ảnh": Chỉ có Bổn không có Ảnh tức là tưởng Ảnh chính là Bổn. "Tiểu Thừa chẳng biết chỉ là thức hiện": Do người Tiểu Thừa chẳng thấu đạt "tam giới duy tâm", [tưởng rằng] ngoài tâm có cảnh, như trẻ nhỏ chấp hình bóng trong gương là thật, chẳng biết đó chính là hình bóng hiện bởi ánh sáng nơi gương).*

(Sớ) Nhị, diệc Bổn, diệc Ảnh, tức Thỉ Giáo. Dĩ Phật tự tuyên thuyết, nhược văn, nhược nghĩa, giai tùng Diệu Quán Sát Trí tịnh thức sở hiện, danh Bổn Chất giáo. Văn giả, thức thượng sở biến văn nghĩa, danh Ảnh Tượng giáo. Chư Phật chúng sanh hỗ vi tăng thượng cố.

(Diễn) Tịnh thức tức đệ lục thức tâm vương. Dĩ lục thức tương ứng tâm sở, ký chuyển thành diệu trí, tắc tâm vương khởi bất thị tịnh thức? Dĩ thuần vô lậu cố. Diệu Quán Sát Trí giả, Duy Thức Luận vân: "Chuyển bát thức tương ứng tâm sở, thành Đại Viên Kính Trí. Chuyển thất thức tương ứng tâm sở, thành Bình Đẳng Tánh Trí. Chuyển tiền ngũ thức tương ứng tâm sở, thành Thành Sở Tác Trí. Chuyển lục thức tương ứng tâm sở, thành Diệu Quán Sát Trí. Ngũ, thất, bát tam trí năng hiện chủng chủng thân, duy Diệu Quán Sát Trí năng ư đại chúng trung vũ đại pháp vũ". Văn giả thức thượng sở biến giả, tha Phật tuyên thuyết, nhược văn, nhược nghĩa bổn chất, văn giả thức thượng biến khởi văn nghĩa nhi duyên, như kính đối tượng tự biến ảnh cố. Tăng thượng thị trợ ý, hỗ vi tăng thượng giả, Phật vô chúng sanh, Phật bất thuyết pháp, thị chúng sanh ư Phật vi tăng thượng duyên. Chúng sanh vô Phật thuyết pháp, chúng sanh diệc bất năng tự biến văn nghĩa nhi duyên, thị Phật ư chúng sanh vi tăng thượng duyên. Như nguyệt vô thủy, bất năng hiện ảnh; thủy vô nguyệt diệc bất năng hiện ảnh, thị hỗ vi tăng thượng ý.

(疏)二、亦本亦影，即始教。以佛自宣說，若文若義，皆從妙觀察智淨識所現，名本質教。聞者，識上所變文義，名影像教。諸佛眾生互為增上故。

(演)淨識即第六識心王。以六識相應心所，既轉成妙智，則心王豈不是淨識？以純無漏故。妙觀察智者，唯識論云：轉八識相應心所，成大圓鏡智。轉七識相應心所，成平等性智。轉前五識相應心所，成成所作智。轉六識相應心所，成妙觀察智。五七八三智，能現種種身，唯妙觀察智，能於大眾中雨大法雨，聞者識上所變者，他佛宣說，若文若義本質，聞者識上變起文義而緣，如鏡對像自變影故。增上是助意，互為增上者，佛無眾生，佛不說法，是眾生於佛為增上緣。眾生無佛說法，眾生亦不能自變文義而緣，是佛於眾生為增上緣。如月無水不能現影。水無月亦不能現影，是互為增上意。

*(**Sớ**: Hai, "Bổn và Ảnh cùng có"; đấy là Thỉ Giáo. Do đức Phật tự tuyên nói, dù văn hay nghĩa đều từ tịnh thức của Diệu Quán Sát Trí hiện ra, gọi là Bổn Chất giáo. Văn và nghĩa biến hiện từ thức của người nghe*

được gọi là Ảnh Tượng giáo. Chư Phật và chúng sanh tăng thượng lẫn nhau.

***Diễn**: "Tịnh thức" chính là tâm vương nơi thức thứ sáu. Do tâm sở tương ứng với thức thứ sáu đã chuyển thành diệu trí, vậy thì tâm vương há chẳng phải là tịnh thức ư? Do vì nó thuần nhất, vô lậu. "Diệu Quán Sát Trí": Duy Thức Luận nói: "Chuyển tâm sở tương ứng với thức thứ tám thành Đại Viên Kính Trí. Chuyển tâm sở tương ứng với thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí. Chuyển tâm sở tương ứng với năm thức đầu thành Thành Sở Tác Trí. Chuyển tâm sở tương ứng với thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Ba trí do năm thức đầu, thức thứ bảy, thức thứ tám có thể hiện các thứ thân, chỉ có Diệu Quán Sát Trí là có thể tuôn mưa đại pháp trong đại chúng".*

"Do cái thức của người nghe biến hiện": Dù văn hay nghĩa do Tha Phật đã nói, đó là bản chất, còn đối với người nghe thì văn hay nghĩa do thức của người đó biến hiện sẽ làm duyên, như vật đối trước gương, gương bèn hiện ra hình bóng. Tăng thượng có nghĩa là giúp đỡ. "Tăng thượng lẫn nhau": Phật không có chúng sanh, Phật sẽ chẳng thuyết pháp, vậy thì chúng sanh là tăng thượng duyên cho Phật. Chúng sanh không có đức Phật thuyết pháp, chúng sanh cũng chẳng thể tự biến ra văn nghĩa để duyên theo. Vậy thì Phật là tăng thượng duyên cho chúng sanh. Như trăng không có nước, sẽ chẳng thể hiện bóng. Nước không có trăng cũng chẳng thể hiện bóng trăng. Đó là ý nghĩa làm tăng thượng duyên cho lẫn nhau).

(Sớ) Tam, duy Ảnh vô Bổn, tức Chung Giáo. Dĩ ly chúng sanh tâm, cánh vô hữu Phật. Duy đại bi đại trí vi tăng thượng duyên, linh bỉ căn thục chúng sanh, tâm trung hiện Phật thuyết pháp. Thị cố Phật giáo toàn thị chúng sanh tâm trung ảnh tượng.

(Diễn) Ly chúng sanh tâm, cánh vô hữu Phật giả, vị Phật bổn thị vô, tâm tịnh cố hữu. Dĩ tâm tịnh cố, chư Phật tức hiện. Nhược ly chúng sanh tâm, cánh vô hữu Phật dã. Hà dĩ cố? Pháp Thân diệu lý, vô hữu sắc tướng điệt tương kiến cố. Giáo trung vân: "Phật quả vô biệt sắc tâm công đức, duy hữu Như Như, cập Như Như trí độc tồn", thị dã. Đại bi tức chúng sanh duyên, vô tâm phan duyên nhất thiết chúng sanh, nhi ư chúng sanh tự nhiên hiện ích. Như Niết Bàn kinh, "ngã thật bất vãng, từ thiện căn lực, năng linh chúng sanh kiến như tư sự". Đại trí tức pháp duyên, vô tâm quán pháp, nhi ư chư pháp, tự nhiên phổ chiếu, như nhật chiếu vật, vô sở phân biệt. Vi tăng thượng duyên giả, như Niết Bàn vân: "Ba La Nại thành, hữu ưu-bà-di khuất thỉnh chúng Tăng, phụng thí y dược. Hữu nhất tỳ-kheo, thân anh trọng bệnh. Lương y

chẩn chi, đương tu nhục dược. Thị ưu-bà-di cát kỳ cổ nhục, thiết dĩ vi canh, thí bệnh tỳ-kheo. Phục dĩ, bệnh sai. Nữ nhân hoạn sang khổ não, phát thanh xưng Phật. Ngã tại Xá Vệ, văn kỳ âm thanh, ư thị nữ nhân, khởi đại bi tâm. Thị nữ tầm kiến ngã trì lương dược, đồ kỳ sang thượng, hoàn phục như bổn. Thiện nam tử! Ngã ư nhĩ thời thật bất vãng chí Ba La Nại thành, trì dược đồ bỉ. Đương tri giai thị từ thiện căn lực, linh bỉ nữ nhân kiến như thị sự". Thử tức đại bi, đại trí vi tăng thượng duyên dã. Căn thục chúng sanh tâm trung hiện Phật thuyết pháp giả, Hoa Nghiêm vân: "Chư Phật vô hữu pháp, Phật ư hà hữu thuyết? Đản tùy kỳ tự tâm, vị thuyết như thị pháp" đẳng.

(疏)三、唯影無本，即終教。以離眾生心，更無有佛。唯大悲大智為增上緣，令彼根熟眾生，心中現佛說法。是故佛教全是眾生心中影像。

(演)離眾生心，更無有佛者，謂佛本是無，心淨故有。以心淨故，諸佛即現。若離眾生心，更無有佛也。何以故？法身妙理，無有色相迭相見故。教中云：佛果無別色心功德，唯有如如，及如如智獨存是也。大悲即眾生緣，無心攀緣一切眾生，而於眾生自然現益。如涅槃經，我實不往，慈善根力，能令眾生見如斯事。大智即法緣，無心觀法，而於諸法，自然普照，如日照物，無所分別。為增上緣者，如涅槃云：波羅奈城，有優婆夷，屈請眾僧，奉施醫藥。有一比丘身嬰重病。良醫診之，當須肉藥。是優婆夷割其股肉，切以為羹，施病比丘。服已病差。女人患瘡苦惱，發聲稱佛。我在舍衛聞其音聲，於是女人起大悲心。是女尋見我持良藥，塗其瘡上，還復如本。善男子。我於爾時實不往至波羅奈城持藥塗彼。當知皆是慈善根力，令彼女人見如是事。此即大悲大智為增上緣也。根熟眾生心中現佛說法者。華嚴云：諸佛無有法，佛於何有說？但隨其自心，謂說如是法等。

*(**Sớ**: Ba là chỉ có Ảnh không có Bổn, chính là Chung Giáo. Bởi lẽ, lìa cái tâm của chúng sanh, sẽ trọn chẳng có Phật. Chỉ có đại bi đại trí làm tăng thượng duyên, khiến cho trong tâm những chúng sanh căn cơ*

chín muồi bèn hiện ra đức Phật thuyết pháp. Vì thế, Phật giáo hoàn toàn là bóng dáng trong tâm của chúng sanh.

***Diễn**: "Lìa cái tâm của chúng sanh, trọn chẳng có Phật", ý nói: Phật vốn là không, do tâm tịnh mà có. Do tâm tịnh nên chư Phật liền hiện. Nếu lìa cái tâm của chúng sanh, sẽ trọn chẳng có Phật. Vì sao vậy? Diệu lý Pháp Thân chẳng có sắc tướng để lần lượt thấy lẫn nhau. Trong Giáo có nói: "Phật quả chẳng có sắc, tâm, công đức nào khác, chỉ có Như Như, và trí Như Như riêng tồn tại" là nói tới điều này. Đại bi chính là chúng sanh duyên; vô tâm phan duyên hết thảy chúng sanh, nhưng đối với chúng sanh, tự nhiên hiện ra lợi ích. Như kinh Niết Bàn [có nói]: "Ta thật sự chẳng đến đó, do sức của lòng từ và thiện căn, có thể khiến cho chúng sanh thấy chuyện như thế". Đại trí chính là pháp duyên. Vô tâm quán pháp, nhưng đối với các pháp, tự nhiên chiếu trọn khắp, như mặt trời chiếu mọi vật chẳng hề phân biệt.*

"Làm tăng thượng duyên" là như kinh Niết Bàn chép: "Thành Ba La Nại có một ưu-bà-di cầu thỉnh chư Tăng [cho phép cô ta] dâng cúng thuốc men. Có một vị tỳ-kheo, thân mắc trọng bệnh. Lương y chẩn đoán, bảo cần phải dùng thịt làm thuốc. Vị ưu-bà-di ấy cắt thịt đùi, thái ra nấu canh, dâng cho vị tỳ-kheo mắc bệnh. [Vị ấy] uống vào, bệnh lành. Cô ta đau đớn vì vết thương, thốt ra tiếng gọi Phật. Ta ở tại Xá Vệ, nghe tiếng của cô ta, bèn dấy lòng đại bi đối với người nữ ấy. Người nữ đó liền thấy ta cầm thuốc tốt lành bôi lên vết thương, bình phục như cũ. Này thiện nam tử! Lúc ấy, ta thật sự chẳng đến thành Ba La Nại để cầm thuốc bôi cho cô ta. Hãy nên biết đấy đều là do sức của lòng từ và thiện căn, khiến cho người nữ ấy thấy chuyện như vậy". Đấy chính là đại bi, đại trí làm tăng thượng duyên. "Chúng sanh căn cơ chín muồi, trong tâm sẽ hiện Phật thuyết pháp": Kinh Hoa Nghiêm dạy: "Chư Phật chẳng có pháp, Phật có gì để nói? Chỉ tùy tâm người nghe, bèn nói pháp như thế").

(Sớ) Tứ, phi Bổn phi Ảnh, tức Đốn Giáo. Phi duy tâm ngoại vô Phật, chúng sanh tâm trung ảnh tượng diệc Không. Dĩ tánh bổn tuyệt ngôn, tức bất giáo chi giáo. Sở vị "tôn giả vô thuyết, ngã nãi vô văn". Thuyết thính giai vô, duy thức nhi dĩ. Thị dĩ thức vi giáo thể dã.

(Diễn) Bất giáo chi giáo giả, như Duy Ma Cật mặc nhiên ư vô ngôn, Văn Thù thán viết: "Thị chân Bất Nhị pháp môn". Thế Tôn tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa, Tu Bồ Đề thán ngôn: "Hy hữu Thế Tôn!" Kinh vân: "Pháp tánh bổn không tịch, vô thủ, diệc vô kiến. Tánh Không tức thị Phật, bất khả đắc tư lượng", thị dã. Tôn giả vô thuyết, ngã nãi vô

văn giả, Không Sanh yến tọa thạch thất trung, không trung Đế Thích tán hoa cúng dường. Không Sanh viết: "Tán hoa giả thùy?" Viết: "Ngã Thiên Đế Thích dã". "Hà dĩ tán hoa?" Viết: "Dĩ tôn giả thiện thuyết Bát Nhã". Tôn giả viết: "Ngã bổn vô thuyết". Đế Thích viết: "Tôn giả vô thuyết, ngã nãi vô văn", nãi chân thuyết Bát Nhã dã. Thử tứ giai ngôn Duy Thức giả, Duy Thức hữu nhị: Nhất, thắng nghĩa Duy Thức; nhị, thế tục Duy Thức. Kim sơ cú, "duy Bổn vô Ảnh", phi Duy Thức, tức tiền chi Tùy Tướng môn. Nhị cú, "diệc Bổn diệc Ảnh", thị thế tục Duy Thức. Tam cú, "duy Ảnh vô Bổn", thông thế tục, thắng nghĩa. Dĩ vô bổn chất, ưng thị thắng nghĩa. Dĩ hữu ảnh tượng, ưng thông thế tục cố. Tứ cú, "phi Bổn phi Ảnh", duy thị thắng nghĩa Duy Thức dã. Thắng nghĩa Duy Thức, tức hậu Quy Tánh nhất môn, thử đương môn danh thế tục Duy Thức. Tứ cú liệu giản thật thông tiền hậu dã.

(疏)四、非本非影，即頓教。非唯心外無佛，眾生心中影像亦空。以性本絕言，即不教之教。所謂尊者無說，我乃無聞。說聽皆無，唯識而已。是以識為教體也。

(演)不教之教者，如維摩詰嘿然無言，文殊歎曰：是真不二法門。世尊洗足已，敷座而坐，須菩提讚言：希有世尊。經云：法性本空寂，無取亦無見。性空即是佛，不可得思量，是也。尊者無說，我乃無聞者，空生宴坐石室中，空中帝釋散花供養。空生曰：散花者誰？曰：我天帝釋也。何以散花？曰：以尊者善說般若。尊者曰：我本無說。帝釋曰：尊者無說，我乃無聞，乃真說般若也。此四皆言唯識者，唯識有二：一、勝義唯識。二、世俗唯識。今初句、唯本無影非唯識，即前之隨相門。二句、亦本亦影，是世俗唯識。三句、唯影無本，通世俗勝義。以無本質，應是勝義。以有影像，應通世俗故。四句、非本非影，唯是勝義唯識也。勝義唯識，即後歸性一門，此當門名世俗唯識。四句料簡實通前後也。

*(**Sớ**: Bốn, "chẳng phải Bổn, chẳng phải Ảnh" chính là Đốn Giáo. Không chỉ là ngoài tâm không có Phật, mà bóng dáng trong tâm chúng sanh cũng là Không; vì tánh vốn dứt bặt ngôn ngữ, tức là không dạy mà dạy như [trong kinh Bát Nhã, Đế Thích đã thưa cùng tôn giả Tu Bồ Đề]:*

"Tôn giả chẳng nói, tôi bèn chẳng nghe". Nói và nghe đều là không, chỉ có Thức mà thôi! Do vậy, lấy Thức làm giáo thể.

***Diễn**: "Không dạy mà dạy" là như ngài Duy Ma Cật im lặng không nói, ngài Văn Thù tán thán: "Đấy đúng là pháp môn Bất Nhị". Đức Thế Tôn rửa chân xong, trải tòa mà ngồi, Tu Bồ Đề tán thán: "Hy hữu Thế Tôn!" Kinh dạy: "Pháp tánh vốn không tịch, không lấy, cũng chẳng thấy. Tánh Không chính là Phật, chẳng thể suy lường được" là nói về ý này.*

"Tôn giả không nói, tôi bèn chẳng nghe": Ngài Không Sanh (Tu Bồ Đề) ngồi yên lặng trong nhà đá, Đế Thích rải hoa trên không trung để cúng dường. Ngài Không Sanh nói: "Người rải hoa là ai?" Thưa: "Tôi là Thiên Đế Thích". "Vì sao rải hoa?" Thưa: "Do tôn giả khéo nói Bát Nhã". Tôn giả bảo: "Ta vốn chẳng nói". Đế Thích thưa: "Tôn giả chẳng nói, tôi bèn chẳng nghe". Đấy là thật sự nói Bát Nhã.

Bốn câu này đều nói đến Duy Thức, Duy Thức có hai loại: Một là thắng nghĩa Duy Thức, hai là thế tục Duy Thức. Nay câu đầu là "chỉ có Bổn, không có Ảnh" chẳng phải là Duy Thức, chính là môn Tùy Tướng trong phần đầu. Câu thứ hai, "vừa là Bổn vừa là Ảnh" là thế tục Duy Thức. Câu thứ ba, "chỉ có Ảnh, không có Bổn" thông với thế tục và thắng nghĩa. Do không có bổn chất, đáng nên là thắng nghĩa. Do có ảnh tượng, đáng nên thông với thế tục. Câu thứ tư là "chẳng phải Bổn, chẳng phải Ảnh" chỉ là thắng nghĩa Duy Thức. Thắng nghĩa Duy Thức chính là môn Quy Tánh trong phần sau, còn môn này phải là thế tục Duy Thức. Bốn câu liệu giản quả thật đã thông với phần trước lẫn phần sau).

(Sớ) Kim thử kinh giả, thả ước Chung Đốn nhị giáo, tắc chúng sanh tâm nhạo xuất ly, tự ư tâm trung, kiến Phật vị thuyết Cực Lạc y chánh, tín nguyện vãng sanh. Nhi thật vô thuyết, vô thính, cố Thức vi giáo thể.

(Diễn) Tâm nhạo xuất ly ngũ cú, thị duy Ảnh vô Bổn, nhi thật vô thuyết, vô thính, thị phi Bổn, phi Ảnh. Ký bất ly thử nhị cú, thử văn thử nghĩa phi thức sở biến nhi hà? Cố thức vi giáo thể dã.

(疏)今此經者，且約終頓二教，則眾生心樂出離，自於心中，見佛為說極樂依正，信願往生。而實無說無聽，故識為教體。

(演)心樂出離五句，是唯影無本，而實無說無聽，是非本非影。既不離此二句，此文此義非識所變而何？故識為教體也。

*(**Sớ**: Nay kinh này thuộc vào Chung Giáo và Đốn Giáo; tức là chúng sanh trong tâm ưa thích xuất ly, trong tự tâm thấy Phật vì mình mà nói ra y báo và chánh báo của cõi Cực Lạc, tín nguyện vãng sanh. Nhưng thật ra không có kẻ nói, chẳng có người nghe, cho nên Thức là giáo thể.*

***Diễn**: Năm câu "tâm ưa thích xuất ly..." là chỉ có Ảnh, không có Bổn, nhưng thật sự không nói, không nghe thì là chẳng phải Bổn, chẳng phải Ảnh. Đã chẳng lìa hai câu ấy, văn và nghĩa này chẳng phải do thức biến thì là do gì vậy? Do đó, thức là giáo thể).*

Tam, quy Tánh.

Quy Tánh giả, tiền dĩ sở biến chi vạn cảnh, nhiếp quy năng biến chi bát thức. Kim dĩ sở hiện chi bát thức, phục nhiếp quy năng hiện chi nhất tâm, tắc Tánh vi giáo thể.

(Diễn) Quy Tánh giả, nhân nhất niệm vô minh, mê thử tánh thể, nhi hiện khởi bát thức. Thứ tùng bát thức thể, biến khởi vạn cảnh. Kim tố lưu cập nguyên, phản mạt quy bổn, cố Quy Tánh dã. Bát thức tức Tâm Sanh Diệt Môn, sở vị bất sanh bất diệt, dữ sanh diệt hòa hợp, phi nhất, phi dị, danh vi A Lê Da Thức dã. Thử thức hữu giác bất giác nhị nghĩa. Kim thị bất giác nghĩa trung, vô minh bất giác sanh tam tế, cảnh giới vi duyên trưởng lục thô. Cố vân: "Năng biến chi bát thức dã". Nhất tâm tức bổn nguyên chi nhất tâm. Sở vị thị tâm tắc nhiếp nhất thiết thế gian, xuất thế gian pháp, y ư thử tâm, hiển thị Ma Ha Diễn nghĩa dã. Thử tâm hữu Chân Như, Sanh Diệt nhị môn, thị tuy thể tuyệt hữu vô, tướng phi sanh diệt, nhi mê chi tắc sanh tử vô cùng. Giải chi tắc khuếch nhĩ đại ngộ. Cố vân năng hiện chi nhất tâm dã.

三、歸性。

歸性者，前以所變之萬境，攝歸能變之八識。今以所現之八識，復攝歸能現之一心，則性為教體。

(演)歸性者，因一念無明，迷此性體，而現起八識。次從八識體，變起萬境。今溯流及源，反末歸本，故歸性也。八識即心生滅門，所謂不生不滅，與生滅和合，非一非異，名為阿黎耶識也。此識有覺不覺二義。今是不覺義

中，無明不覺生三細，境界為緣長六麤。故云：能變之八識也。一心即本源之一心。所謂是心則攝一切世間出世間法，依於此心，顯示摩訶衍義也。此心有真如，生滅二門，是雖體絕有無，相非生滅，而迷之則生死無窮。解之則廓爾大悟。故云能現之一心也。

(Ba, gom về tánh.

Quy Tánh là như trong phần trước, đã đem muôn cảnh được biến hiện gom về tám thức là chủ thể có khả năng biến hóa. Trong phần này, lại nhiếp tám thức đã được hiện ấy về nhất tâm là cái có thể hiện, cho nên Tánh là giáo thể.

***Diễn**: "Quy Tánh": Do một niệm vô minh mê tánh thể này, bèn dấy hiện tám thức. Kế đó, từ thể của tám thức, biến hiện muôn cảnh. Nay truy ngược dòng đến tận nguồn, theo ngọn trở ngược về gốc, cho nên Quy Tánh. Tám thức chính là Tâm Sanh Diệt Môn, thường nói là "bất sanh bất diệt và sanh diệt hòa hợp, chẳng phải một, chẳng phải khác", thì gọi là A Lê Da Thức. Thức ấy có hai nghĩa là giác và bất giác. Nay trong nghĩa bất giác, vô minh bất giác sanh ra ba tế tướng, cảnh giới làm duyên tăng trưởng sáu thô tướng.*

Vì thế nói: "Tám thức có thể biến". Nhất tâm chính là nhất tâm nơi nguồn cội. Thường nói là tâm này nhiếp hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian; nương vào cái tâm này mà hiển thị nghĩa Đại Thừa. Tâm này có hai môn là Chân Như và Sanh Diệt, tức là tuy Thể dứt bặt có và không, tướng chẳng phải là sanh diệt, nhưng mê thì sanh tử vô cùng. Hiểu rồi thì sẽ đại ngộ trong phút chốc. Vì thế nói "nhất tâm có thể hiện").

(Sớ) Nhất tâm giả, tức Chân Như tự thể dã. Tùng thử Chân Như, lưu xuất giáo pháp, cố hội Tướng quy Tánh. Tắc sở vị Trùng Tụng như, Thọ Ký như, thập nhị phần giáo, nhất thiết giai như.

(Diễn) Tùng Chân Như lưu xuất giáo pháp giả, cụ túc ngôn chi, tắc tùng Chân Như lưu xuất Căn Bản Trí. Tùng Căn Bản Trí lưu xuất Hậu Đắc Trí. Tùng Hậu Đắc Trí lưu xuất đại bi tâm. Tùng đại bi tâm lưu xuất thập nhị phần giáo. Kim đản y nguyên đầu thuyết, cố vân tùng Chân Như lưu xuất dã. Trùng Tụng như, Thọ Ký như giả, vị Trùng Tụng diệc thị Chân Như. Thọ Ký diệc thị Chân Như. Nhất thiết giai như giả, nhất thiết sai biệt giáo pháp giai tùng duyên vô tánh, tức thị Chân Như. Thị cố hư tướng bổn tận, chân tánh bổn hiện dã. Xuất Nhân

Vương Kinh, kinh vân: "Ba Tư Nặc vương bạch Phật ngôn: 'Vân hà thập phương chư Phật, nhất thiết Bồ Tát, bất ly văn tự nhi hành chư pháp tướng?' Phật ngôn: - Đại vương! Pháp luân giả, Trùng Tụng như, Thọ Ký như, thập nhị phần giáo nhất thiết giai như" đẳng.

(疏)一心者，即真如自體也 。從此真如 ，流出教法，故會相歸性。則所謂重頌如，授記如，十二分教，一切皆如。

(演)從真如流出教法者，具足言之，則從真如流出根本智。從根本智流出後得智。從後得智流出大悲心。從大悲心流出十二分教。今但依源頭說，故云從真如流出也。重頌如，授記如者，謂重頌亦是真如。授記亦是真如。一切皆如者，一切差別教法，皆從緣無性，即是真如。是故虛相本盡：真性本現也。出仁王經，經云：波斯匿王白佛言：云何十方諸佛，一切菩薩，不離文字而行諸法相？佛言：大王，法輪者，重頌如，授記如 ，十二分教一切皆如等。

*(**Sớ**: Nhất tâm là tự thể của Chân Như. "Từ Chân Như lưu xuất giáo pháp", cho nên gom Tướng về Tánh. Chính là nói "Trùng Tụng là Như, Thọ Ký là Như, mười hai phần giáo, hết thảy đều Như".*

***Diễn**: "Từ Chân Như lưu xuất giáo pháp": Nói đầy đủ, từ Chân Như lưu xuất Căn Bản Trí. Từ Căn Bản Trí lưu xuất Hậu Đắc Trí. Từ Hậu Đắc Trí lưu xuất đại bi tâm. Từ đại bi tâm lưu xuất mười hai phần giáo. Nay chỉ dựa theo nguồn cội để nói, nên bảo là "từ Chân Như lưu xuất". "Trùng Tụng như, Thọ Ký như", ý nói: Trùng Tụng cũng là Chân Như. Thọ Ký cũng là Chân Như. "Hết thảy đều như": Hết thảy các giáo pháp sai biệt đều do duyên theo vô tánh, tức là Chân Như. Do vậy, tướng hư giả vốn tận, chân tánh vốn hiện. [Câu này] xuất phát từ kinh Nhân Vương. Kinh chép: "Vua Ba Tư Nặc bạch Phật: 'Vì sao mười phương chư Phật, hết thảy Bồ Tát, chẳng lìa văn tự mà hành các pháp tướng?' Đức Phật dạy: - Pháp luân thì Trùng Tụng như, Thọ Ký như, mười hai phần giáo hết thảy đều như").*

(Sớ) Dĩ thượng triển chuyển thôi tầm chân thật chi lý, cực chí ư thử. Thí chi vật bất ly mộng, mộng bất ly nhân. Viên Giác Sớ vân: "Sanh

pháp bổn vô, nhất thiết duy thức. Thức như huyễn mộng, đản thị nhất tâm", tắc dĩ tự tâm vi giáo thể dã.

(Diễn) Thí chi vật bất ly mộng giả, vật thí tùy tướng, mộng thí duy thức. Nhân thí quy tánh. Sanh pháp, thị nhân duyên sở sanh chi pháp. Sanh pháp bổn vô, nhất thiết duy thức, tức vật bất ly mộng, thức như mộng huyễn, đản thị nhất tâm, tức mộng bất ly nhân.

(疏)以上展轉推尋真實之理，極至於此。譬之物不離夢，夢不離人。圓覺疏云：生法本無，一切唯識。識如幻夢，但是一心，則以自心為教體也。

(演)譬之物不離夢者，物譬隨相，夢譬唯識。人譬歸性。生法，是因緣所生之法。生法本無，一切唯識，即物不離夢，識如夢幻，但是一心，即夢不離人。

*(**Sớ**: Lần lượt truy tìm lý chân thật như trên, đạt đến chỗ cùng cực ở nơi đây. Ví như vật chẳng lìa mộng, mộng chẳng lìa người. Viên Giác Sớ viết: "Sanh pháp vốn không, hết thảy chỉ là Thức, Thức như huyễn mộng, chỉ là nhất tâm". Tức là lấy tự tâm làm giáo thể.*

***Diễn**: "Ví như vật chẳng lìa mộng": Vật là sánh ví tùy tướng, mộng sánh ví duy thức, người ví như quy tánh. "Sanh pháp" là pháp sanh bởi nhân duyên. Sanh pháp vốn là không, hết thảy duy thức, tức là vật chẳng lìa mộng, thức như mộng huyễn, chỉ là nhất tâm, tức là mộng chẳng lìa người).*

(Sớ) Kim thử kinh giả, y, chánh, tín, nguyện đẳng pháp, nhược văn, nhược nghĩa, cứu cực giai quy nhất tâm Chân Như. Cố cổ đức vân: "Chư Đại Thừa kinh, giai dĩ nhất Thật Tướng ấn, vi kinh giáo thể". Thử kinh nhất tâm bất loạn, tức thị Thật Tướng, tức thị Chân Như, tắc hợp tiền nhị chủng, hội quy nhất tâm, nhi vi giáo thể.

(Diễn) Giai dĩ nhất Thật Tướng ấn vi giáo thể giả, ấn hữu nhị chủng: Nhất, tam pháp ấn; nhị, Thật Tướng ấn. Phàm kinh thuyên Không, vô tướng, vô nguyện, tam pháp, nãi Tiểu Thừa kinh. Thuyên nhất thật giả, nãi Đại Thừa kinh dã.

(疏)今此經者，依正信願等法，若文若義，究極皆歸一心真如。故古德云：諸大乘經，皆以一實相印，為經教體。此經一心不亂，即是實相，即是真如，則合前二種，會歸一心，而為教體。

(演)皆以一實相印為教體者，印有二種：一、三法印。二、實相印。凡經詮空，無相，無願，三法，乃小乘經。詮一實者，乃大乘經也。

*(**Sớ**: Nay kinh này, các pháp như y báo, chánh báo, tín, nguyện v.v... dù văn hay nghĩa, xét đến tột cùng, đều quy vào nhất tâm Chân Như. Vì thế, cổ đức nói: "Các kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng ấn để làm giáo thể". Trong kinh này, "nhất tâm bất loạn" chính là Thật Tướng, chính là Chân Như. Cho nên hợp hai loại trước, gom về nhất tâm, lấy đó làm giáo thể.*

***Diễn**: "Đều dùng Thật Tướng ấn làm giáo thể": Ấn có hai loại, một là tam pháp ấn, hai là Thật Tướng ấn. Phàm những kinh nói về ba pháp Không, Vô Tướng, Vô Nguyện thì là kinh Tiểu Thừa; kinh nói về nhất thật thì là kinh Đại Thừa).*

Tứ, vô ngại.

Vô ngại giả, tâm, cảnh, Lý, Sự, bổn tự giao triệt. Cảnh cập Sự giả, thị danh Tùy Tướng. Tâm giả duy thức, Lý giả quy tánh, câu giao triệt cố.

(Diễn) Vô ngại giả, tiền nhị khoa nhiếp mạt quy bổn, hội tướng quy tánh, tiền thiển, hậu thâm, bất năng tương dung. Kim thử nhất môn, bổn mạt dung thông, tánh tướng bất nhị. Cử nhất toàn chương, viên dung vô ngại dã. Tâm, cảnh, Lý, Sự, bổn tự giao triệt giả, tâm ngoại vô cảnh, cảnh ngoại vô tâm. Tâm giả, toàn cảnh chi tâm. Cảnh giả, toàn tâm chi cảnh, tắc tâm cảnh bất nhị. Lý ngoại vô Sự, Sự ngoại vô Lý. Lý giả, tức Sự chi Lý. Sự giả, tức Lý chi Sự, tắc Lý Sự viên dung.

四、無礙。

無礙者，心境理事，本自交徹。境及事者，是名隨相。心者唯識，理者歸性，俱交徹故。

(演)無礙者，前二科攝末歸本，會相歸性，前淺後深，不能相融。今此一門，本末融通，性相不二。舉一全彰，圓融無礙也。心境理事本自交徹者，心外無境，境外無心。心者、全境之心。境者、全心之境。則心境不二。理外無事，事外無理。理者、即事之理。事者、即理之事。則理事圓融。

(Bốn, vô ngại.

Vô ngại là tâm, cảnh, Lý, Sự, vốn tự thấu triệt lẫn nhau. Cảnh và Sự gọi là Tùy Tướng. Tâm là Thức, Lý quy về Tánh, đều thấu triệt lẫn nhau.

***Diễn**: "Vô ngại": Hai khoa trước là gom ngọn về gốc, gom tướng về tánh, trước cạn, sau sâu, chẳng thể dung hội lẫn nhau. Nay môn này thì gốc ngọn dung thông, tánh và tướng chẳng hai. Nêu ra một bèn hiển bày toàn vẹn. "Tâm, cảnh, Lý, Sự vốn tự thấu triệt lẫn nhau": Ngoài tâm không có cảnh, ngoài cảnh chẳng có tâm. Tâm là cái tâm trong toàn thể cảnh; cảnh là cái cảnh trong toàn thể cái tâm, cho nên tâm và cảnh chẳng hai. Ngoài Lý không có Sự, ngoài Sự không có Lý. Lý chính là Lý nơi Sự, mà Sự chính là Sự nơi Lý, tức là Lý và Sự viên dung).*

(Sớ) Giao triệt giả, dĩ nhất tâm nguyên hữu Chân Như, Sanh Diệt nhị môn, Chân Như tức thị sanh diệt, cố Lý bất ngại Sự, cảnh, tâm; Sanh Diệt tức thị Chân Như, cố Sự, cảnh, tâm bất ngại Lý.

(Diễn) Sanh Diệt Môn giả, vị mê thử pháp giới, vi tam tế, lục thô, vi Lưu Chuyển Môn. Diệt thử tam tế, lục thô, quy nhất pháp giới, vi Hoàn Diệt Môn. Thử nhị môn, mê thời vọng sanh chân diệt. Ngộ thời, chân sanh vọng diệt. Tổng vi Sanh Diệt Môn dã. Chân Như Môn giả, vị Chân Như tự thể, mê thời bất kiến "vọng sanh, chân diệt"; ngộ thời bất kiến "chân sanh, vọng diệt". Phi sanh, phi diệt, phi nhiễm, phi tịnh chi Thể, tức Chân Như Môn dã. Nhất tâm nguyên hữu nhị môn giả, Luận văn vân: "Y nhất tâm pháp, hữu nhị chủng môn. Vân hà vi nhị? Nhất giả, Tâm Chân Như Môn; nhị giả, Tâm Sanh Diệt Môn. Thị nhị chủng môn, giai các tổng nhiếp nhất thiết pháp", thị dã. Chân Như tức thị Sanh Diệt giả, dĩ Chân Như bất thủ tự tánh, ngũ đạo tùy duyên cố. Toàn Chân Như vi Sanh Diệt, bất biến tùy duyên dã. Sanh Diệt tức thị Chân Như giả, tuy ngũ đạo tùy duyên, nhi duyên khởi vô tánh cố, toàn Sanh Diệt tức Chân Như, tùy duyên bất biến dã.

(疏)交徹者，以一心原有真如生滅二門，真如即是生滅，故理不礙事境心；生滅即是真如，故事境心不礙理。

(演)生滅門者，謂迷此法界，為三細六麤，為流轉門。滅此三細六麤，歸一法界，為還滅門。此二門，迷時妄生真滅。悟時真生妄滅。總為生滅門也。真如門者，謂真如自體，迷時不見妄生真滅；悟時不見真生妄滅。非生非滅，

非染非淨之體，即真如門也。一心原有二門者，論文云：依一心法，有二種門。云何為二？一者、心真如門。二者、心生滅門。是二種門，皆各總攝一切法是也。真如即是生滅者，以真如不守自性，五道隨緣故。全真如為生滅，不變隨緣也。生滅即是真如者，雖五道隨緣，而緣起無性故，全生滅即真如，隨緣不變也。

*(**Sớ**: "Thấu triệt lẫn nhau": Do nhất tâm vốn có hai môn là Chân Như và Sanh Diệt. Chân Như chính là Sanh Diệt, cho nên Lý chẳng trở ngại Sự, cảnh, tâm. Sanh Diệt chính là Chân Như, cho nên Sự, cảnh, tâm chẳng trở ngại Lý.*

***Diễn**: Sanh Diệt Môn là mê pháp giới này, là ba tế tướng, sáu thô tướng, là Lưu Chuyển Môn. Diệt ba tế tướng và sáu thô tướng ấy, quy vào một pháp giới, thì là Hoàn Diệt Môn. Hai môn ấy, khi mê thì vọng sanh chân diệt; khi ngộ, chân sanh vọng diệt. Nói chung là Sanh Diệt Môn. Chân Như Môn thì đối với tự thể của Chân Như, khi mê chẳng thấy "vọng sanh, chân diệt"; khi ngộ, chẳng thấy "chân sanh, vọng diệt". Cái Thể chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh chính là Chân Như Môn.*

"Nhất tâm vốn có hai môn": Luận Khởi Tín nói: "Nương theo pháp nhất tâm, có hai môn. Những gì là hai? Một là Tâm Chân Như Môn; hai là Tâm Sanh Diệt Môn. Hai loại môn ấy, mỗi môn đều nhiếp trọn hết thảy các pháp" là nói đến ý này. "Chân Như tức Sanh Diệt"; Do Chân Như chẳng giữ lấy tự tánh, vì ngũ đạo tùy duyên. Toàn thể Chân Như là Sanh Diệt, bất biến tùy duyên. Sanh Diệt tức là Chân Như, tuy ngũ đạo tùy duyên, nhưng do duyên khởi vô tánh, toàn thể Sanh Diệt chính là Chân Như, tùy duyên bất biến).

(Sớ) Kim thử kinh giả, tâm tức thị độ, tắc nhất niệm vô vi, nhi bất phương trì, lâu, điểu, thụ chiêu bố, sâm liệt. Chúng sanh tín nhạo, tùy nguyện vãng sanh. Độ tức thị tâm, tắc thất bảo trang nghiêm, nhi bất phương toàn thể không tịch, bất lập nhất trần, thật vô chúng sanh sanh bỉ quốc giả, tắc tâm, cảnh, Lý, Sự, hỗ tương dung nhiếp, nhi vi giáo thể dã.

(Diễn) Tâm tức thị độ hạ, nãi dĩ Lý thành Sự môn. Lý tùy Sự biến, nhất đa duyên khởi chi vô biên dã. Độ tức thị tâm hạ, nãi toàn Sự quy Lý môn, Sự đắc Lý dung, thiên sai thiệp nhập nhi vô ngại dã.

(疏)今此經者。心即是土，則一念無為，而不妨池樓鳥樹昭布森列。眾生信樂，隨願往生。土即是心，則七寶莊嚴，而不妨全體空寂，不立一塵，實無眾生生彼國者，則心境理事，互相融攝，而為教體也。

(演)心即是土下，乃以理成事門。理隨事變，一多緣起之無邊也。土即是心下，乃全事歸理門，事得理融，千差涉入而無礙也。

*(**Sớ**: Nay kinh này, do tâm chính là cõi nước, cho nên nhất niệm vô vi chẳng trở ngại ao, lầu, chim, cây cối xếp đặt rạng ngời, dày đặc. Chúng sanh tin ưa, nguyện được vãng sanh. Cõi nước chính là tâm, nên bảy báu trang nghiêm chẳng trở ngại toàn thể không tịch, chẳng lập mảy trần. Thật sự chẳng có chúng sanh sanh về cõi ấy, cho nên tâm, cảnh, Lý, Sự, dung nhiếp lẫn nhau để làm giáo thể.*

***Diễn**: Từ "tâm chính là cõi" trở xuống chính là Lý thành Sự môn. Lý thuận theo Sự mà biến, một và nhiều duyên khởi vô biên. Từ "cõi nước chính là tâm trở đi" chính là toàn thể Sự quy vào Lý. Sự nhờ Lý mà dung thông, ngàn muôn thứ sai khác dung nhập lẫn nhau vô ngại).*

Lục, tông thú chỉ quy (tam): Sơ, tổng trần. Nhị, dị giải. Tam, chánh ý.

Sơ, tổng trần.

Dĩ tri thử kinh năng thuyên chi Thể, như thị cai la; vị thẩm sở Tông, đương tại hà giả? Phù ngữ chi sở thượng viết Tông, Tông chi sở quy viết Thú, nhi hữu thông, biệt. Thông luận Phật giáo, nhân duyên vi Tông. Biệt tắc y cổ thập môn, tự ngã pháp câu hữu, chí viên dung cụ đức, hậu hậu, tiền tiền, thứ đệ thâm thiển. Thị cố chư kinh, các hữu tông thú.

(Diễn) Thông luận Phật giáo, nhân duyên vi Tông giả. Giáo trung vân: "Chư pháp tùng duyên sanh, chư pháp tùng duyên diệt, ngã Phật đại sa-môn, thường tác như thị thuyết". Nãi chí Pháp Hoa tối hậu cực đàm, diệc viết: "Dĩ nhất đại sự nhân duyên xuất hiện ư thế".

六、宗趣旨歸(三)：初、總陳。二、異解。三、正意。

初、總陳。

已知此經能詮之體，如是該羅；未審所宗，當在何者？夫語之所尚曰宗，宗之所歸曰趣，而有通別。通論佛教，

因緣為宗。別則依古十門，自我法俱有，至圓融具德，後後前前，次第深淺。是故諸經，各有宗趣。

(演)通論佛教，因緣為宗者。教中云：諸法從緣生，諸法從緣滅，我佛大沙門，常作如是說。乃至法華最後極談，亦曰：以一大事因緣出現於世。

(Sáu, tông thú chỉ quy (gồm ba phần): Thứ nhất là trần thuật chung, hai là giải thích những chỗ khác biệt, ba là trình bày ý chánh.

Trước hết là phần trần thuật chung.

Đã biết cái Thể để nói kinh này bao trùm như thế; chưa biết rõ điều được kinh này đề cao là ở chỗ nào? Điều được văn tự đề cao [trong một bộ kinh] gọi là Tông, chỗ Tông sẽ dẫn đến gọi là Thú, [Tông và Thú đều] có Thông và Biệt. Luận định chung về Phật giáo thì nhân duyên là Tông. Về Biệt thì tuân theo mười môn của cổ nhân, từ "ngã và pháp đều có" cho đến "viên dung đầy đủ các đức". Mỗi môn sau so với môn trước, theo thứ tự, môn sau sâu hơn môn trước. Vì thế, các kinh, mỗi kinh đều có Tông Thú riêng biệt.

***Diễn**: "Luận định chung về Phật giáo thì nhân duyên là Tông": Trong Giáo có nói: "Các pháp từ duyên sanh, các pháp từ duyên diệt, đức Phật đại sa-môn, thường nói như thế đó". Cho đến kinh Pháp Hoa là lời bàn luận tột cùng tối hậu, cũng nói: "Do một đại sự nhân duyên [mà đức Phật] xuất hiện trong cõi đời").*

(Sớ) Thượng giả sùng dã. Thánh nhân lập giáo, nhất bộ ngữ ngôn, hà sở sùng thượng? Sở sùng thượng giả, danh chi viết Tông. Quy giả, chí dã. Lập thử vi Tông, vị cầu hà sự? Cứu sở quy chí, danh chi viết Thú. Nhân duyên giả, giản dị vô nhân, tà nhân. Nhất đại thời giáo, bất xuất nhân duyên. Như sở vị "nhân duyên cố sanh diệt, nhân duyên cố tức Không, nhân duyên cố tức Giả, nhân duyên cố tức Trung". Phật giáo sở tông, nhân duyên nhiếp tận, cố vân Thông dã.

(Diễn) Vô nhân, tà nhân giả, kế vạn pháp tùng hư không sanh, tùng tự nhiên sanh đẳng, thị vô nhân. Hoặc tùng Minh Đế sanh, hoặc tùng Tự Tại Thiên sanh, hoặc tùng Thái Cực sanh đẳng, giai tà nhân dã. Nhân duyên cố sanh diệt giả, vị nhân duyên hòa hợp hư vọng hữu Sanh. Nhân duyên biệt ly hư vọng danh Diệt. Nhân duyên cố tức Không, thị nhân duyên sở sanh pháp. Ngã thuyết tức thị Không. Nhân duyên cố tức Giả, thị diệc danh vi giả danh. Nhân duyên cố tức Trung, thị diệc

danh Trung Đạo nghĩa. Thử tứ cú nhược đối ngũ giáo ngôn, "nhân duyên cố sanh diệt" thị Tiểu Thừa giáo. "Tức Không, tức Giả" thị Thỉ Giáo. "Tức Trung" thị Chung, Viên, Đốn tam giáo; dĩ Chung vi song chiếu nhị biên, Trung Đạo, Đốn vi song giá nhị biên Trung Đạo, Viên vi giá chiếu đồng thời, bất tư nghị Trung Đạo dã. Nhược đối tứ giáo ngôn, sanh diệt vi Tạng Giáo, tức Không vi Thông Giáo, tức Giả vi Biệt Giáo, tức Trung vi Viên Giáo. Dĩ Biệt Giáo đản Trung, đối Viên vi Giả cố.

(疏)尚者崇也。聖人立教，一部語言，何所崇尚？所崇尚者，名之曰宗。歸者，至也。立此為宗，為求何事？究所歸至，名之曰趣。因緣者，揀異無因邪因。一代時教，不出因緣。如所謂因緣故生滅，因緣故即空，因緣故即假，因緣故即中。佛教所宗，因緣攝盡，故云通也。

(演)無因邪因者，計萬法從虛空生，從自然生等　，是無因。或從冥諦生，或從自在天生，或從太極生等，皆邪因也。因緣故生滅者，謂因緣和合虛妄有生。因緣別離虛妄名滅。因緣故即空，是因緣所生法。我說即是空。因緣故即假，是亦名為假名。因緣故即中，是亦名中道義。此四句若對五教言，因緣故生滅，是小乘教。即空即假是始教。即中是終頓圓三教。以終為雙照二邊中道，頓為雙遮二邊中道，圓為遮照同時，不思議中道也。若對四教言，生滅為藏教，即空為通教，即假為別教，即中為圓教。以別教但中，對圓為假故。

*(**Sớ**: "Thượng" là tôn sùng. Thánh nhân lập giáo, cả một khối ngôn ngữ nhằm đề cao điều gì, điều được đề cao ấy sẽ gọi là Tông. "Quy" là đạt đến. Lập ra cái Tông ấy nhằm cầu chuyện gì? Rốt cuộc sẽ đạt đến, quay về điều gì, thì điều ấy gọi là Thú. "Nhân duyên": Nhằm phân biệt khác với không có nhân và tà nhân. Giáo pháp trong suốt một đời đức Phật chẳng ra ngoài nhân duyên. Như [trong kinh điển, đức Phật đã] nói: "Do nhân duyên nên sanh diệt, do nhân duyên nên chính là Không, do nhân duyên nên chính là Giả, do nhân duyên nên chính là Trung". Những điều được Phật giáo đề cao đều gồm trọn trong nhân duyên, cho nên nói [nhân duyên] là Tông chung [của Phật giáo].*

***Diễn**: "Vô nhân, tà nhân": Chấp trước vạn pháp sanh từ hư không, sanh từ tự nhiên v.v... là "vô nhân". Hoặc sanh từ Minh Đế (hư vô tối tăm hỗn độn nguyên thủy theo Bà La Môn giáo), hoặc sanh từ Tự Tại Thiên, hoặc sanh từ Thái Cực v.v... đều là tà nhân. "Do nhân duyên nên sanh diệt", ý nói: Nhân duyên hòa hợp bèn hư vọng có Sanh. Nhân duyên biệt ly nên hư vọng gọi là Diệt. "Do nhân duyên nên chính là Không", tức là pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói chính là Không. "Do nhân duyên nên chính là Giả", điều này cũng gọi là giả danh. "Do nhân duyên nên chính là Trung", tức cũng gọi là nghĩa Trung Đạo. Nếu đem bốn câu này ghép với ngũ giáo thì "do nhân duyên nên sanh diệt" là Tiểu Thừa giáo. "Chính là Không, chính là Giả" là Thỉ Giáo. "Chính là Trung" là ba giáo Chung, Viên, Đốn. Do Chung là Trung Đạo cùng chiếu cả hai bên, Đốn là Trung Đạo ngăn dứt cả hai bên, Viên là Trung Đạo chiếu và ngăn dứt đồng thời chẳng thể nghĩ bàn. Nếu so với tứ giáo để nói thì sanh diệt là Tạng Giáo, "chính là Không" là Thông Giáo, "chính là Giả" là Biệt Giáo, "chính là Trung" là Viên Giáo. Do Biệt Giáo chỉ có Trung, đối ứng với Viên là Giả).*

(Sớ) Thập môn giả, đệ nhất, ngã pháp câu hữu tông, nội chấp hữu Ngã, ngoại chấp hữu Pháp, danh vi phụ Phật pháp ngoại đạo. Đệ nhị, Pháp hữu, Ngã vô tông, tắc dị ngoại đạo. Diêu thị tùng tiền chí hậu, diêu thiển nhập thâm, nãi chí đệ thập, viên dung cụ đức. Tường cụ Hoa Nghiêm Huyền Đàm. Nhược ước chi vi ngũ, bất xuất Hữu, Không, Pháp Tướng, Pháp Tánh, Viên Dung. Kim thử kinh giả, tông hồ Pháp Tánh, dĩ Tịnh Độ y chánh tín nguyện đẳng, giai quy nhất tâm, nhất tâm bất loạn, tức Pháp Tánh cố.

(Diễn) Bất xuất Hữu, Không đẳng giả, dĩ đệ nhất, Ngã Pháp câu hữu tông, thử duy hữu. Đệ nhị, Pháp hữu Ngã vô tông. Đệ tam, Pháp vô khứ lai tông. Đệ tứ, hiện thông Giả Thật tông, thử tam thông Hữu Không nhị pháp. Đệ ngũ, tục vọng chân thật tông. Đệ lục, chư pháp đản danh tông, thử nhị duy Không. Đệ thất, tam tánh Không Hữu tông, vi pháp tướng. Đệ bát, chân không tuyệt tướng tông, diệc thị Không. Đệ cửu, Không Hữu vô ngại tông, vi pháp tánh. Đệ thập, viên dung cụ đức tông, vi viên dung.

(疏)十門者。第一，我法俱有宗，內執有我，外執有法，名為附佛法外道。第二，法有我無宗，則異外道。繇是從前至後，繇淺入深，乃至第十，圓融具德。詳具華嚴玄談。若約之為五，不出有，空，法相，法性，圓融。今

此經者，宗乎法性，以淨土依正信願等 ，皆歸一心 ，一心不亂，即法性故。

(演)不出有空等者。以第一，我法俱有宗，此唯有。第二，法有我無宗。第三，法無去來宗。第四，現通假實宗，此三通有空二法。第五，俗妄真實宗。第六，諸法但名宗，此二唯空。第七，三性空有宗，為法相。第八，真空絕相宗，亦是空。第九，空有無礙宗，為法性。第十，圓融具德宗，為圓融。

*(**Sớ**: "Mười môn": Thứ nhất là tông "Ngã và Pháp đều có", trong chấp có Ngã, ngoài chấp có Pháp, gọi là ngoại đạo dựa hơi Phật pháp. Thứ hai là tông "Pháp có, Ngã Không", khác với ngoại đạo. Do vậy, từ trước đến sau, từ cạn mà lãnh hội sâu dần, cho đến môn thứ mười là "các đức trọn đủ viên dung". [Những môn này] được giảng chi tiết trong Hoa Nghiêm Huyền Đàm. Nếu nói gọn thì có năm môn, [nhưng đều] chẳng ngoài Có, Không, Pháp Tướng, Pháp Tánh, và Viên Dung. Nay kinh này đề cao Pháp Tánh, bởi lẽ, y báo, chánh báo trong cõi Tịnh Độ, tín nguyện v.v... đều quy vào nhất tâm, mà nhất tâm bất loạn chính là Pháp Tánh.*

***Diễn**: "Chẳng ngoài Hữu, Không…": Do tông thứ nhất là "Ngã và Pháp đều có" tức là chỉ có Hữu. Thứ hai, tông "Pháp có, Ngã không". Tông thứ ba, "Pháp chẳng đến đi". Tông thứ tư, "hiện tại thông với Giả và Thật", ba tông ấy bao gồm cả hai pháp Có và Không. Tông thứ năm, "thế tục hư vọng và chân thật". Tông thứ sáu, "các pháp chỉ có danh xưng", hai tông này chỉ có Không. Tông thứ bảy, "tam tánh Không Hữu" là pháp tướng. Tông thứ tám, "chân không tuyệt tướng" cũng là Không. Tông thứ chín, "Không Hữu vô ngại" là pháp tánh. Tông thứ mười, "viên dung trọn đủ các đức" là viên dung).*

Nhị, minh giải.

Kim minh thử kinh, cổ hữu đa giải. Hữu vị tín nguyện vi Tông. Hữu vị siêu quá tam giới nhị chủng thanh tịnh vi Tông, linh chư chúng sanh đắc Bất Thoái Chuyển vi Thú.

(Sớ) Tín nguyện vi Tông giả, chư giải đa đồng. Dĩ kinh trung lũ ngôn: "Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ" cố. Nhị chủng thanh tịnh giả, Luận ngôn Cực Lạc thế giới, y chánh nhị báo, thanh tịnh trang nghiêm, phi tam giới sở cập, cố dĩ vi Tông. Nhi

yếu kỳ sở quy, vị linh chúng sanh, sanh bỉ thanh tịnh Cực Lạc quốc độ, sanh bỉ quốc dĩ, tức bất thoái chuyển, dĩ thử vi Thú.

(Diễn) Luận ngôn giả, thị Thiên Thân luận.

二、異解。

今明此經，古有多解。有謂信願為宗。有謂超過三界二種清淨為宗，令諸眾生得不退轉為趣。

(疏)信願為宗者，諸解多同。以經中屢言：若有信者，應當發願，生彼國土故。二種清淨者，論言極樂世界，依正二報，清淨莊嚴，非三界所及，故以為宗。而要其所歸，為令眾生，生彼清淨極樂國土，生彼國已，即不退轉，以此為趣。

(演)論言者，是天親論。

(Hai là giải thích rõ. Nay nêu rõ, đối với kinh này từ xưa đã có nhiều người giải thích. Có người nói kinh này lấy tín nguyện làm Tông. Có người bảo "hai thứ thanh tịnh vượt thoát tam giới là Tông, khiến cho các chúng sanh đắc Bất Thoái Chuyển là Thú".

***Sớ**: Phần đông các nhà chú giải chấp nhận tín nguyện là Tông. Do trong kinh nhiều lượt nói: "Nếu là người có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy". "Hai thứ thanh tịnh": Vãng Sanh Luận nói y báo và chánh báo trong thế giới Cực Lạc thanh tịnh trang nghiêm, ba cõi chẳng thể bằng, nên lấy hai thứ ấy làm Tông. Nhưng xét đến mục đích thì là làm cho chúng sanh sanh về cõi nước Cực Lạc thanh tịnh; đã sanh về cõi ấy liền được bất thoái chuyển. [Do vậy], lấy điều này làm Thú.*

***Diễn**: "Luận nói" trong lời Sớ thì là bộ luận của ngài Thiên Thân, tức Vãng Sanh Luận).*

Tam, chánh ý (nhị): Sơ, tổng cử. Nhị, biệt minh.

Sơ, tổng cử.

Thử kinh tông hồ Pháp Tánh. Ư Pháp Tánh trung, phục phân tổng, biệt. Tổng nhi hợp chi, vị thị y chánh thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh, dĩ vi Tông Thú.

(Diễn) Tông hồ Pháp Tánh giả, dĩ thử kinh thuộc Chung, Đốn nhị giáo, Chung Giáo đa đàm pháp tánh, thiểu cập pháp tướng. Kỳ sở vân tướng, diệc hội quy tánh. Xuất Trung Đạo Diệu Hữu nhất thiết tác Phật, thử kinh chánh thị Trung Đạo Diệu Hữu, giai đăng Bất Thoái cố.

Đốn Giáo tổng bất thuyết pháp tướng, duy thuyết chân tánh. Nhất niệm bất sanh, tức danh vi Phật. Thử kinh nhất tâm bất loạn, tức đắc kiến Phật cố.

三、正意(二)：初、總舉。二、別明。

初、總舉。

此經宗乎法性。於法性中，復分總別。總而合之，謂是依正清淨，信願往生，以為宗趣。

(演)宗乎法性者，以此經屬終頓二教，終教多談法性，少及法相。其所云相，亦會歸性。出中道妙有一切作佛，此經正是中道妙有，皆登不退故。頓教總不說法相，唯說真性。一念不生，即名為佛。此經一心不亂，即得見佛故。

(Ba là nêu lên kiến giải chánh yếu (gồm hai phần), thứ nhất nêu chung; thứ hai là nói riêng. Trước hết là nêu chung. Kinh này đề cao pháp tánh. Trong pháp tánh, lại chia thành Tổng và Biệt. Trong phần Tổng [Tông Thú], nói gộp lại [những ý kiến của chư cổ đức] thì lấy "y báo và chánh báo thanh tịnh, tín nguyện vãng sanh" làm Tông Thú.

***Diễn**: "Đề cao pháp tánh": Do kinh này thuộc về hai giáo Chung và Đốn, Chung Giáo phần nhiều bàn về pháp tánh, ít nói tới pháp tướng. Hễ nói đến tướng thì cũng quy kết về tánh. Phát xuất từ Trung Đạo Diệu Hữu, hết thảy thành Phật. Kinh này chính là Trung Đạo Diệu Hữu, đề dự lên địa vị Bất Thoái. Đốn Giáo luôn luôn là chẳng nói đến pháp tướng, chỉ bàn về chân tánh. Một niệm chẳng sanh, bèn gọi là Phật. Trong kinh này, hễ nhất tâm bất loạn, liền được thấy Phật).*

(Sớ) Thủ tiền nhị thuyết kiêm hợp ngôn chi, tổng vi Tông Thú, dĩ tiền thuyết bất cai y chánh, hậu thuyết vị tường tín nguyện, cố tu kiêm hợp, thỉ đắc vô di. Lương diêu y chánh tín nguyện, kiêm bị giao tư, nhi đắc vãng sanh, giai bất xuất tự tâm cố.

(Diễn) Kiêm bị giao tư nhi đắc vãng sanh giả. Hữu tín nguyện, nhi vô y chánh, tắc tín nguyện hà pháp? Cố tất y chánh thanh tịnh dĩ tư tín nguyện dã. Hữu y chánh nhi vô tín nguyện, bỉ y chánh thanh tịnh, tự thị thanh tịnh, ư ngã hà vi? Cố tất tín chi, nguyện chi, dĩ tư thân chứng bỉ y chánh nhị báo dã, giai bất xuất tự tâm giả. Khủng vấn vân: Ký thị y chánh tín nguyện vãng sanh vi Tông Thú, hà hựu ngôn pháp tánh vi tông? Cố vân dã.

(疏)取前二說兼合言之，總為宗趣，以前說不該依正，後說未詳信願，故須兼合，始得無遺。良繇依正信願，兼備交資而得往生，皆不出自心故。

(演)兼備交資而得往生者。有信願，而無依正，則信願何法？故必依正清淨以資信願也。有依正而無信願，彼依正清淨，自是清淨，於我何為？故必信之願之，以資親證彼依正二報也，皆不出自心者。恐問云：既是依正信願往生為宗趣，何又言法性為宗？故云也。

*(**Sớ**: Lấy hai thuyết trên đây cùng gộp lại để nói, tổng hợp thành Tông Thú. Bởi lẽ, thuyết trước chẳng bao gồm y báo và chánh báo, thuyết sau chẳng nói rõ tín nguyện, nên phải hợp lại thì mới chẳng thiếu sót gì. Ấy là vì y báo, chánh báo, tín nguyện đều trọn đủ, phụ trợ lẫn nhau, bèn được vãng sanh, đều chẳng ra ngoài tự tâm.*

***Diễn**: "Đều trọn đủ, phụ trợ lẫn nhau để được vãng sanh": Có tín nguyện, mà chẳng có y báo và chánh báo, thì tín nguyện pháp gì đây? Do vậy, ắt phải có y báo và chánh báo thanh tịnh để giúp cho tín nguyện. Có y báo và chánh báo mà chẳng có tín nguyện, y báo và chánh báo ấy tự thanh tịnh, liên can gì đến ta? Do vậy, ắt phải tin, phải nguyện, hòng để giúp cho việc đích thân chứng y báo và chánh báo, đều chẳng ra ngoài tự tâm. Sợ có kẻ sẽ hỏi: "Đã là y báo, chánh báo, tín nguyện vãng sanh làm Tông Thú, sao lại nói pháp tánh làm tông?" Cho nên mới rõ).*

(Sớ) Kỳ tổng vi Tông Thú giả, như Hoa Nghiêm lệ. Bỉ kinh diệc kiêm chúng thuyết: Tổng nhân quả duyên khởi Lý Thật pháp giới dĩ vi Tông Thú cố. Nhược dục phân chi, thượng cú vi Tông, hạ cú vi Thú, nghĩa diệc tự minh. Nhược dục gia chi, bỉ kinh gia bất tư nghị, kim kinh diệc nhĩ.

(Diễn) Bỉ kinh diệc kiêm chúng thuyết giả, Hoa Nghiêm kinh, hữu dĩ vô ngại thậm thâm pháp giới vi Tông, hữu dĩ duyên khởi vi Tông, pháp giới duyên khởi tương tức nhập cố. Hữu dĩ nhân quả vi Tông, dĩ thử kinh quảng minh Bồ Tát hạnh vị chi nhân, cập sở thành quả cố. Hữu dĩ Hải Ấn tam-muội Lý Thật vi Tông. Hữu dĩ nhân quả Lý Thật hợp vi Tông, dĩ nhân quả thị hạnh vị, Lý Thật thị pháp giới cố. Dĩ thượng các các hỗ khuyết, kim Hiền Thủ tổng kiêm chúng thuyết cộng vi Tông Thú dã. Thượng cú vi Tông, hạ cú vi Thú giả, bỉ kinh nhân quả

duyên khởi vi Tông, Lý Thật pháp giới vi Thú. Thử kinh y chánh thanh tịnh vi Tông, tín nguyện vãng sanh vi Thú.

(疏)其總為宗趣者，如華嚴例。彼經亦兼眾說：總因果緣起理實法界以為宗趣故。若欲分之，上句為宗，下句為趣，義亦自明。若欲加之，彼經加不思議，今經亦爾。

(演)彼經亦兼眾說者。華嚴經，有以無礙甚深法界為宗，有以緣起為宗，法界緣起相即入故。有以因果為宗，以此經廣明菩薩行位之因，及所成果故。有以海印三昧理實為宗。有以因果理實合為宗，以因果是行位，理實是法界故。以上各各互缺，今賢首總兼眾說共為宗趣也。上句為宗，下句為趣者，彼經因果緣起為宗，理實法界為趣。此經依正清淨為宗，信願往生為趣。

*(**Sớ**: Tổng Tông Thú của kinh này phỏng theo [cách phán định Tông Thú] của kinh Hoa Nghiêm. Kinh ấy cũng bao gồm các thuyết, gộp chung nhân quả, duyên khởi, Lý Thật, pháp giới làm Tông Thú. Nếu muốn tách ra, câu trên là Tông, câu dưới là Thú, ý nghĩa cũng tự sáng tỏ. Nếu muốn thêm nữa thì kinh kia (kinh Hoa Nghiêm) còn thêm vào "chẳng nghĩ bàn", kinh này (kinh Di Đà) cũng thế.*

***Diễn**: "Kinh ấy cũng bao gồm các thuyết": Đối với kinh Hoa Nghiêm, có kẻ coi pháp giới vô ngại rất sâu là Tông, có kẻ coi duyên khởi là Tông, vì pháp giới duyên khởi chính là lẫn nhau, nhập vào lẫn nhau. Có kẻ lấy nhân quả làm Tông, vì kinh này giảng rộng cái nhân nơi mỗi hạnh vị của hàng Bồ Tát, và cái quả thành tựu của nó. Có người coi Hải Ấn tam-muội, Lý Thật là Tông. Có người coi gộp chung nhân quả và Lý làm Tông, do nhân quả là hạnh vị, Lý Thật là pháp giới. Những thuyết trên đây mỗi thuyết đều có thiếu sót, cho nên tông Hiền Thủ kiêm chung các thuyết để làm Tông Thú.*

"Câu trên là Tông, câu dưới là Thú": Kinh kia lấy nhân quả duyên khởi làm Tông, Lý Thật pháp giới làm Thú. Kinh này dùng y báo và chánh báo làm Tông, tín nguyện vãng sanh làm Thú).

Nhị, biệt minh.

Hựu biệt minh chi, tắc thành ngũ đối: Nhất, giáo nghĩa. Nhị, Sự Lý. Tam, cảnh hạnh. Tứ, hạnh tịch. Ngũ, tịch dụng. Dĩ vi Tông Thú.

(Diễn) Biệt minh giả, triển chuyển thôi tầm dã. Chánh thị đại sư cực luận kỳ hoằng công, linh nhân phát khởi chân tín xứ. Thế nhân đa nghi thử kinh văn nghĩa thô thiển, giáo nghĩa nhất đối túc dĩ phá chi. Ngu giả đa chấp Sự nhi mê Lý, Sự Lý nhất đối túc dĩ phá chi. Cuồng giả đa chấp Lý nhi di Sự, cảnh hạnh nhất đối túc dĩ phá chi. Hoặc nghi niệm Phật chánh thiệp hữu vi, hạnh tịch nhất đối túc dĩ phá chi. Hoặc nghi niệm Phật tự cứu bất liễu, tịch dụng nhất đối túc dĩ phá chi. Nhất, giáo nghĩa giả, giáo vị ngôn giáo. Nghĩa vị nghĩa lý. Trí giả năng ư nhất tự trung, thượng giải vô lượng nghĩa; ngu nhân tuy độc tận bối thư, chỉ thị tầm hàng sổ mặc nhi dĩ. Cố giáo nghĩa nhất đối bất khả bất phát minh dã. Nhị, Sự Lý giả, Sự tức y chánh tín nguyện đẳng sự, Lý tức nhất nhất tiêu quy tự tánh. Bỉ chấp Sự nhi mê Lý, chánh do bất tri chỉ thú cố. Tam, cảnh hạnh giả, cảnh vị pháp giới cảnh, tức A Di Đà Phật thị, hạnh thị pháp giới tâm, tức nhất tâm chấp trì thị. Thử tức sở vị hệ duyên pháp giới, chuyên xưng danh tự, Nhất Hạnh tam-muội dã. Tứ, hạnh tịch giả, hạnh tức nhất hạnh chi hạnh, tịch tức Tịch Quang chi tịch. Tu Nhất Hạnh tam-muội, dục chứng Tịch Quang vô thượng quả dã. Ngũ, tịch dụng giả, tịch tức thường tịch bổn thể, dụng tức Hằng sa diệu dụng. Chứng thử bổn thể phát khởi diệu dụng hoàn độ chúng sanh, phương thị Đại Thừa diệu chỉ dã.

二、別明。

又別明之，則成五對：一、教義。二、事理。三、境行。四、行寂。五、寂用。以為宗趣。

(演)別明者，展轉推尋也。正是大師極論其宏功，令人發起真信處。世人多疑此經文義麤淺，教義一對足以破之。愚者多執事而迷理，事理一對足以破之。狂者多執理而遺事，境行一對足以破之。或疑念佛正涉有為，行寂一對足以破之。或疑念佛自救不了，寂用一對足以破之。一、教義者，教謂言教。義謂義理。智者能於一字中，尚解無量義；愚人雖讀盡貝書，祇是尋行數墨而已。故教義一對不可不發明也。二、事理者，事即依正信願等事，理即一一消歸自性。彼執事而迷理，正由不知旨趣故。三、境行者，境謂法界境，即阿彌陀佛是，行是法界心，即一心執持是。此即所謂繫緣法界，專稱名字，一行三昧也。四、

行寂者，行即一行之行，寂即寂光之寂。修一行三昧，欲證寂光無上果也。五、寂用者，寂即常寂本體，用即恒沙妙用。證此本體發起妙用還度眾生，方是大乘妙旨也。

(Hai là nói riêng về Tông Thú của kinh này.

Lại nói Tông Thú riêng của kinh này sẽ gồm năm cặp: Một là giáo nghĩa, hai là Sự Lý, ba là cảnh hạnh, bốn là hạnh tịch, năm là tịch dụng. Dùng [năm cặp ý nghĩa này] làm Tông Thú.

***Diễn**: "Nói riêng": Lần lượt suy diễn, tìm tòi. Đây chính là chỗ công lao to lớn luận định tột bậc của đại sư để khiến cho người khác phát khởi lòng tin chân thật. Người đời phần nhiều ngờ kinh này văn nghĩa thô sơ, nông cạn. Cặp giáo nghĩa đủ để phá trừ [chấp trước] này. Kẻ ngu phần nhiều chấp Sự mê Lý; cặp Sự Lý đủ phá trừ điều này. Kẻ cuồng phần nhiều chấp Lý phế Sự, cặp cảnh hạnh đủ để phá trừ điều này. Hoặc là nghi niệm Phật thật sự dính dáng hữu vi, cặp hạnh tịch đủ để phá trừ nỗi nghi này. Hoặc là nghi niệm Phật chẳng thể tự cứu, cặp tịch dụng đủ để phá trừ.*

Một, giáo nghĩa: Giáo là ngôn giáo, Nghĩa là nghĩa lý. Bậc trí có thể từ một chữ mà hiểu vô lượng nghĩa; kẻ ngu tuy đọc trọn hết kinh Phật, họ chỉ dò dòng đếm chữ mà thôi. Vì thế, cặp giáo nghĩa chẳng thể không vạch rõ. Hai, Sự Lý: Sự chính là những chuyện như y báo, chánh báo, tín, nguyện v.v… Lý tức là mỗi điều đều tiêu dung, quy về tự tánh. Những kẻ chấp Sự mê Lý chính là vì chẳng biết chỉ thú. Ba, cảnh hạnh: Cảnh là cảnh pháp giới, tức là A Di Đà Phật, hạnh là tâm pháp giới, tức là nhất tâm chấp trì. Điều này được gọi là "hệ duyên pháp giới, chuyên xưng danh tự", tức Nhất Hạnh tam-muội. Bốn, hạnh tịch: Hạnh tức là hành theo Nhất Hạnh, Tịch là sự tịch tĩnh nơi Tịch Quang. Tu Nhất Hạnh tam-muội nhằm mong chứng quả vô thượng Tịch Quang. Năm, tịch dụng: Tịch là bản thể thường tịch, dụng là hằng sa diệu dụng. Chứng bản thể bày, phát khởi diệu dụng, trở lại độ chúng sanh thì mới là ý chỉ mầu nhiệm của Đại Thừa).

(Sớ) Nhất, Giáo Nghĩa nhất đối giả, dĩ giáo vi Tông, linh đạt nghĩa vi Thú. Ngôn sùng thượng thử niệm Phật vãng sanh chi giáo, kỳ ý vân hà? Chánh dục hiểu hội kinh trung sở thuyết A Di Đà Phật chánh báo, y báo thanh tịnh trang nghiêm. Tín chi, nguyện chi, tắc sanh bỉ quốc. Giáo trung hữu như thị nghĩa; thị kỳ Thú dã, bất đồ vi ngữ ngôn văn tự nhi dĩ.

(Diễn) Bất đồ vi ngữ ngôn văn tự giả, cổ vân: "Nhữ chung nhật chuyển kinh, bất tri chung nhật kinh chuyển". Cái dĩ kỳ đồ vi ngữ ngôn văn tự cố dã. Sở dĩ thuyết: "Tụng kinh thiên quyển, bất như giải kinh nhất kệ".

(疏)一、教義一對者，以教為宗，令達義為趣。言崇尚此念佛往生之教，其意云何？正欲曉會經中所說阿彌陀佛正報依報清淨莊嚴。信之願之，則生彼國。教中有如是義；是其趣也，不徒為語言文字而已。

(演)不徒為語言文字者，古云：汝終日轉經，不知終日經轉。蓋以其徒為語言文字故也。所以說：誦經千卷，不如解經一偈。

*(**Sớ**: Cặp thứ nhất là "giáo nghĩa": Dùng Giáo làm Tông, khiến cho thông đạt nghĩa lý là Thú, đề cao giáo pháp niệm Phật vãng sanh này. Có ý nghĩa như thế nào? Chính là vì muốn [cho người nghe] biết chánh báo và y báo thanh tịnh trang nghiêm của A Di Đà Phật như trong kinh đã nói. Tín rồi nguyện, sẽ sanh về cõi ấy. Trong Giáo có nghĩa như vậy; đấy chính là Thú của nó, chẳng phải chỉ là ngôn ngữ, văn tự suông mà thôi.*

***Diễn**: "Chẳng phải chỉ là ngôn ngữ, văn tự suông mà thôi": Cổ nhân nói: "Ngươi suốt ngày chuyển kinh, chẳng biết suốt ngày bị kinh chuyển". Ấy là vì chỉ nghe, đọc ngôn ngữ, văn tự suông mà nên nỗi. Do vậy nói: "Tụng kinh ngàn quyển, chẳng bằng hiểu một bài kệ").*

(Sớ) Nhị, Sự Lý nhất đối giả, dĩ Sự vi Tông, linh hiển Lý vi Thú. Thừa thượng nhất kinh ngôn giáo, câu ước sở thuyên chi nghĩa, nhi nghĩa trung phục hữu Sự, Lý. Ngôn sùng thượng thử y, chánh, tín, nguyện đẳng sự, kỳ ý vân hà? Chánh dục hiển phát Sự trung sở cụ chí Lý, thị kỳ Thú dã, bất đồ vi sự duyên chi tích nhi dĩ.

(Diễn) Hiển phát sự trung sở cụ chí lý, hữu nhị nghĩa: Nhất thị, tùy văn nhập Quán, tức nhất nhất tiêu quy tự kỷ. Nhị thị, y Sự tạo tu, vãng sanh bỉ quốc, phát minh tự tánh duy tâm chi Lý. Đồ vi sự duyên chi tích, tức sở vị chung nhật tử toản cố chỉ, dữ chung nhật nam nam đản thao số châu giả.

(疏)二、事理一對者，以事為宗 ，令顯理為趣 。承上一經言教，俱約所詮之義，而義中復有事理。言崇尚此依

正信願等事，其意云何？正欲顯發事中所具至理，是其趣也，不徒為事緣之跡而已。

(演)顯發事中所具至理，有二義：一是、隨文入觀，即一一消歸自己。二是、依事造修，往生彼國，發明自性唯心之理。徒為事緣之蹟，即所謂終日死鑽故紙，與終日喃喃但掐數珠者。

*(**Sớ**: Cặp thứ hai là Sự Lý, lấy Sự làm Tông, khiến cho Lý hiển lộ là Thú. Tiếp nối ngôn giáo của một kinh như [đã nói] trong phần trước, đều dựa theo những nghĩa lý được giảng [trong kinh mà lập ra cặp ý nghĩa thứ hai này], nhưng trong nghĩa lý lại có Sự và Lý. Đề cao những chuyện như y báo, chánh báo, tín, nguyện v.v... là vì ý gì? Chính là muốn nêu rõ trong Sự có trọn đủ Lý tột cùng, lấy đó làm Thú [của bộ kinh này], chẳng phải chỉ là [chấp trước] dấu vết nơi sự duyên mà thôi.*

***Diễn**: "Tỏ lộ trong Sự sẵn có Lý tột cùng" có hai nghĩa:*

- Một là thuận theo văn mà nhập Quán, tức là mỗi pháp đều tiêu dung, quy nạp tự tánh.

- Hai là nương theo Sự để tu tập, vãng sanh cõi kia hòng thấu hiểu, sáng tỏ lý "tự tánh duy tâm".

"Chỉ theo dấu vết nơi sự duyên": Tức là nói "suốt ngày chết cứng giùi mài nơi giấy cũ", và "suốt ngày chỉ rì rầm lần xâu chuỗi").

(Sớ) Tam, Cảnh Hạnh nhất đối giả, dĩ cảnh vi Tông, linh khởi hạnh vi Thú. Cảnh tức thị sở quán chi Lý, đối năng quán chi Trí, cố danh vi Cảnh. Ngôn sùng thượng thử Lý, kỳ ý vân hà? Ký tri Di Đà tự tánh, Tịnh Độ duy tâm, chánh dục tức thử dĩ vi chân cảnh, nhi khởi quán hạnh, chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, thị kỳ Thú dã, bất đồ vi hiểu đạt thử Lý nhi dĩ.

(Diễn) Dĩ cảnh vi Tông: Cảnh tự, nhược y hậu văn giải thích, tiêu niệm cảnh giả. Dĩ tứ tự danh hiệu vi cảnh, tắc thử xứ đương vân: "Cảnh tức thị sở xưng chi danh", nhi ngôn "tức thị sở quán chi Lý" giả hà? Lương do sở niệm A Di Đà Phật tứ tự, toàn thể tức thị pháp giới, toàn thể tức thị đương nhân tự tâm. Nhi tự tâm nhất niệm, cụ túc tam thiên tánh tướng. Tự tâm nhất niệm, tức Không, tức Giả, tức Trung, khởi bất thị sở quán chi Lý, năng quán chi Trí, tức đương nhân xưng niệm chi tâm, linh linh bất muội, vô hữu gián đoạn giả thị. Đối năng quán chi trí, cố danh vi cảnh giả, dĩ sở niệm chi Phật đối năng niệm chi tâm, tức

danh vi cảnh dã; nhi kỳ thật, tâm ngoại vô cảnh, cảnh ngoại vô tâm. Hựu phục tự tánh duy tâm chi lý, vong năng sở, tuyệt đối đãi, hà ngôn cảnh dã! Cố vân: "Lý tuy phi cảnh đối năng quán chi trí, diệc đắc ngôn cảnh dã. Chánh dục tức thử dĩ vi chân cảnh giả, đương tri thử tự, tức tự tánh duy tâm, tức sở quán chi lý, tức A Di Đà Phật tứ tự danh hiệu". Ly ngã tâm tánh, biệt vô danh hiệu; ly thử danh hiệu, biệt vô tâm tánh. Toàn thể pháp giới vi chân cảnh dã, nhi khởi quán hạnh, chấp trì danh hiệu giả, vị dĩ thử danh hiệu vi chân cảnh, nhi khởi chấp trì chi quán hạnh dã. Thử chánh thị tùng tánh khởi tu. Tánh ký ly ngôn, hạnh diệc vô trụ. Tuy vân chấp trì, thật ly tứ cú, tuyệt bách phi, vô niệm chi niệm dã.

(疏)三、境行一對者，以境為宗，令起行為趣。境即是所觀之理，對能觀之智，故名為境。言崇尚此理，其意云何？既知彌陀自性，淨土唯心，正欲即此以為真境，而起觀行，執持名號，一心不亂，是其趣也，不徒為曉達此理而已。

(演)以境為宗：境字，若依後文解釋，標念境者。以四字名號為境，則此處當云：境即是所稱之名，而言即是所觀之理者何？良由所念阿彌陀佛四字，全體即是法界，全體即是當人自心。而自心一念，具足三千性相。自心一念，即空即假即中，豈不是所觀之理，能觀之智，即當人稱念之心，靈靈不昧，無有間斷者是。對能觀之智，故名為境者，以所念之佛對能念之心，即名為境也。而其實心外無境，境外無心。又復自性唯心之理，忘能所絕對待。何言境也。故云：理雖非境對能觀之智，亦得言境也。正欲即此以為真境者，當知此字，即自性唯心，即所觀之理，即阿彌陀佛四字名號。離我心性，別無名號。離此名號，別無心性。全體法界為真境也，而起觀行，執持名號者，謂以此名號為真境，而起執持之觀行也。此正是從性起修。性既離言，行亦無住。雖云執持，實離四句絕百非，無念之念也。

*(**Sớ**: Cặp thứ ba là "cảnh - hạnh". Lấy cảnh làm Tông, khiến cho khởi hạnh là Thú. Cảnh chính là cái Lý được quán đối ứng với cái Trí dùng để quán, cho nên gọi [Lý được quán] là Cảnh. Đề cao Lý này là vì ý gì? Đã biết Di Đà là tự tánh, Tịnh Độ duy tâm, nhằm muốn lấy ngay điều này làm cảnh thật để dấy lên quán hạnh, chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. Đây là Thú, chứ không phải chỉ là thông hiểu Lý mà thôi!*

***Diễn**: "Lấy cảnh làm Tông": Chữ Cảnh nếu dựa theo lời giải thích ở phần sau, sẽ là nói đến niệm cảnh. Dùng danh hiệu gồm bốn chữ làm cảnh, vậy thì ở chỗ này, lẽ ra phải nói: "Cảnh chính là danh hiệu được xưng niệm", nhưng [lời Sớ] nói "[cảnh] chính là Lý được quán" là vì lẽ nào? Ấy là do bốn chữ A Di Đà Phật được xưng niệm đó, toàn thể chính là pháp giới, toàn thể chính là tự tâm của người đang xưng niệm. Nhưng một niệm của tự tâm có đủ ba ngàn tánh tướng; một niệm của tự tâm tức Không, tức Giả, tức Trung. Há chẳng phải là cái Lý được quán cũng như cái Trí để quán đều chính là cái tâm của người đang xưng niệm, linh thông, chẳng tăm tối, chẳng bị gián đoạn ư? Do đối ứng với cái trí có thể quán mà gọi [cái Lý được quán] là cảnh; do đối ứng đức Phật được niệm với cái tâm niệm Phật mà gọi [đức Phật được niệm] là cảnh. Thật ra, ngoài tâm chẳng có cảnh, ngoài cảnh chẳng có tâm.*

Lại nữa, cái lý "tự tánh duy tâm" quên năng sở, dứt tuyệt đối đãi, cớ sao nói là Cảnh? Cho nên nói: "Tuy lý chẳng phải là cảnh, nhưng do đối ứng với cái trí có thể quán thì cũng có thể gọi [cái Lý ấy] là cảnh", Chính là mong từ việc coi điều này là chân cảnh, mà biết những chữ ấy chính là tự tánh duy tâm, chính là cái lý được quán. Tức là danh hiệu bốn chữ A Di Đà Phật mà lìa tâm tánh của ta, sẽ chẳng có danh hiệu nào khác. Lìa danh hiệu này, chẳng có tâm tánh nào khác. Toàn thể pháp giới là chân cảnh, nhưng khởi lên quán hạnh, chấp trì danh hiệu, tức là dùng danh hiệu này làm chân cảnh, để dấy lên quán hạnh chấp trì. Đấy chính là từ tánh khởi tu. Tánh đã lìa nói năng, hạnh cũng vô trụ. Tuy nói là chấp trì, thật ra lìa tứ cú, tuyệt bách phi, là niệm mà vô niệm vậy).

(Sớ) Tứ, Hạnh Tịch nhất đối giả. Dĩ Hạnh vi Tông, linh chí Tịch vi Thú. Ngôn sùng thượng thử niệm Phật quán hạnh, kỳ ý vân hà? Lương diêu tâm tuy bổn tịch, đa sanh tập nhiễm, xúc cảnh sanh tâm. Nhược bất tu quán hạnh, túng linh cưỡng ức vọng tâm, chung phi Định Huệ bình đẳng. Kim y chánh quán, chấp trì danh hiệu, chí ư nhất tâm, tắc phục hoàn không tịch chi Thể, thị kỳ Thú dã. Bất đồ vi hữu tác vọng kế nhi dĩ.

(Diễn) Cưỡng ức vọng tâm giả, hữu Định vô Huệ, danh viết Si Thiền. Nhược đọa Vô Tưởng, tắc thành ngoại đạo. Cố Lý Thể tuy tịch, bất phương khởi hạnh trì danh. Dĩ huyễn tu huyễn, dĩ khiết xuất khiết, huyễn tận, giác viên, nãi quy chân tịch dã. Kim y chánh quán, tức thị hậu văn Lý Trì. Chí ư nhất tâm, tức hậu Lý nhất tâm, hữu tác thị hữu vi, hữu tác đối vô tác thuyết. Vọng kế thị hư vọng biến kế, đối Viên Thành thuyết. Vị nhược bất quy không tịch, tắc thị hữu vi hữu tác chi tu, đa kiếp chung thành bại hoại cố.

(疏)四、行寂一對者。以行為宗，令至寂為趣。言崇尚此念佛觀行，其意云何？良繇心雖本寂，多生習染，觸境生心。若不修觀行，縱令強抑妄心，終非定慧平等。今依正觀，執持名號，至於一心，則復還空寂之體，是其趣也。不徒為有作妄計而已。

(演)強抑妄心者，有定無慧，名曰癡禪。若墮無想，則成外道。故理體雖寂，不妨起行持名。以幻修幻，以楔出楔，幻盡覺圓乃歸真寂也。今依正觀，即是後文理持。至於一心，即後理一心，有作是有為，有作對無作說。妄計是虛妄遍計，對圓成說。謂若不歸空寂，則是有為有作之修，多劫終成敗壞故。

*(**Sớ**: Cặp thứ tư là Hạnh Tịch. Lấy Hạnh làm Tông, khiến đạt đến Tịch làm Thú. Đề cao quán hạnh niệm Phật này là vì ý gì? Ấy là vì tâm tuy vốn tịch, nhưng do đắm nhiễm tập khí nhiều đời, hễ tiếp xúc cảnh bèn sanh tâm. Nếu chẳng tu quán hạnh, dẫu gắng gượng đè nén vọng tâm, rốt cuộc vẫn chẳng phải là Định và Huệ bình đẳng. Nay nương theo chánh quán, chấp trì danh hiệu, đạt đến mức nhất tâm, bèn khôi phục cái Thể không tịch; đó là Thú. Chẳng phải chỉ là hữu vi, hư vọng biến kế sở chấp mà thôi.*

***Diễn**: "Gắng gượng đè nén vọng tâm": Có Định mà không có Huệ thì gọi là Si Thiền. Nếu đọa vào Vô Tưởng, sẽ trở thành ngoại đạo. Vì thế, Lý Thể tuy tịch mà chẳng trở ngại khởi hạnh trì danh. Dùng huyễn để tu huyễn, lấy cái nêm để bẩy cái nêm. Huyễn hết, giác trọn, bèn trở về chân tịch. Nay nương theo chánh quán thì chính là Lý Trì trong phần sau. Còn như nhất tâm [được nói ở đây] thì chính là Lý nhất tâm trong phần sau.*

Hữu tác là hữu vi. Hữu tác là đối với vô tác mà nói. Vọng kế là so đo, suy bì hư vọng, do đối ứng với Viên Thành mà nói. Tức là nếu chẳng

quy vào không tịch, sẽ là tu theo kiểu hữu vi, hữu tác, sau nhiều kiếp, rốt cuộc trở thành kẻ bại hoại).

(Sớ) Ngũ, Tịch Dụng nhất đối giả. Dĩ Tịch vi Tông, linh phát dụng vi Thú. Ngôn sùng thượng thử Tịch, kỳ ý vân hà? Lương diêu vọng tưởng chấp trước, vô diêu giải thoát, vọng tận, tâm nhất, tắc "tịnh cực, quang thông". Dụ như trần tận, kính minh, vô tượng bất hiện. Sở vị: Ký sanh bổn quốc, đắc Vô Sanh Nhẫn dĩ, hoàn nhập sanh tử, dĩ vô số phương tiện, đại tác Phật sự, độ thoát chúng sanh, diệu dụng Hằng sa, thị kỳ Thú dã. Bất đồ vi trầm không trệ tịch nhi dĩ. Như thị thập môn, triển chuyển sanh khởi, dĩ vi Tông Thú.

(Diễn) Trầm không trệ Tịch giả, đam trước không tịch chi Thể, bất khởi lợi sanh chi Dụng, nãi Nhị Thừa hữu dư Niết Bàn chi cảnh dã.

(疏)五、寂用一對者。以寂為宗，令發用為趣。言崇尚此寂。其意云何？良繇妄想執著，無繇解脫，妄盡心一，則淨極光通。喻如塵盡鏡明，無像不現。所謂既生本國，得無生忍已，還入生死，以無數方便，大作佛事，度脫眾生，妙用恆沙，是其趣也。不徒為沈空滯寂而已。如是十門，展轉生起，以為宗趣。

(演)沈空滯寂者，耽著空寂之體，不起利生之用，乃二乘有餘涅槃之境也。

*(**Sớ**: Cặp thứ năm là Tịch Dụng. Lấy Tịch làm Tông, khiến cho khởi tác dụng là Thú. Đề cao Tịch là vì ý gì? Ấy là vì vọng tưởng chấp trước, không do đâu mà giải thoát được. Hễ vọng hết, tâm bèn nhất, đấy chính là "tịnh đến cùng cực bèn sáng suốt". Ví như hết bụi, gương bèn sáng, không hình ảnh nào chẳng hiện. Đó gọi là: Đã sanh về nước ấy, đã đắc Vô Sanh Nhẫn, bèn trở vào sanh tử, dùng vô số phương tiện để làm Phật sự to lớn, độ thoát chúng sanh, diệu dụng nhiều như cát sông Hằng. Đấy là Thú [của kinh này]. Chẳng phải chỉ là vướng mắc trong không tịch mà thôi. Mười môn như thế lần lượt sanh khởi, dùng những môn này làm Tông Thú.*

***Diễn**: "Vướng mắc trong không tịch": Đắm chấp cái Thể của không tịch, chẳng khởi tác dụng lợi ích chúng sanh; đó là cảnh Hữu Dư Niết Bàn của Nhị Thừa).*

Thất, bộ loại sai biệt (tam): Sơ, minh bộ. Nhị, minh loại. Tam, phi bộ phi loại.

Sơ, minh bộ.

Dĩ tri thử kinh, Tông Thú xung thâm, vị thẩm đương bộ đẳng loại, vi hữu kỷ chủng? Sơ tiên minh bộ giả, bộ hữu nhị chủng: Nhất, vi Đại Bổn. Nhị, vi thử kinh.

(Sớ) Bộ giả, dĩ thị tổng quy nhất bộ, nhi hữu tường lược. Tường vi Đại Bổn; lược vi thử kinh. Đại Bổn hữu lục: Nhất danh Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh, Hậu Hán Chi Lâu Ca Sấm dịch.

(Diễn) Bình Đẳng tức thọ mạng. Thanh Tịnh tức quang minh. Giác tức Phật dã. Chi Lâu Ca Sấm đẳng, thị ngũ dịch nhân. Chi Lâu Ca Sấm, Hán Minh Đế thời nhân. Quang Vũ trung hưng, cố danh Hậu Hán. Minh Đế tức Quang Vũ tử dã.

七、部類差別 (三)：初、明部。二、明類。三、非部非類。

初、明部。

已知此經，宗趣沖深，未審當部等類，為有幾種？初先明部者，部有二種：一、謂大本。二、謂此經。

(疏)部者，以是總歸一部，而有詳略。詳為大本；略為此經。大本有六：一名無量清淨平等覺經，後漢支婁迦讖譯。

(演)平等即壽命。清淨即光明。覺即佛也。支婁迦讖等，是五譯人。支婁迦讖，漢明帝時人。光武中興，故名後漢。明帝即光武子也。

(Bảy, bộ loại sai khác (gồm ba phần). Thứ nhất là nói về bộ, thứ hai là giảng về loại, thứ ba là [nói về những kinh] chẳng thuộc về bộ hay loại.

Trước hết, nói về bộ.

Đã biết kinh này có Tông và Thú sâu xa, chưa rõ nếu xét theo bộ loại thì sẽ có mấy loại? Trước hết, nói về Bộ. Bộ có hai loại: Một là Đại Bổn, hai là kinh này.

***Sớ**: "Bộ" là cùng gom chung vào một bộ, nhưng giảng giải chi tiết hay đại lược [khác nhau]. Giảng tường tận là Đại Bổn; giảng đại lược là kinh này. Đại Bổn có sáu loại: Bản thứ nhất tên là Vô Lượng Thanh Tịnh*

Bình Đẳng Giác Kinh do ngài Chi Lâu Ca Sấm (Lokasema) dịch vào thời Hậu Hán.

***Diễn**: Bình Đẳng tức thọ mạng. Thanh Tịnh tức quang minh. Giác tức Phật. Chi Lâu Ca Sấm v.v... là tên của [một trong] năm người dịch [kinh Vô Lượng Thọ]. Chi Lâu Ca Sấm sống vào thời Hán Minh Đế. [Nhà Hán sau khi bị Vương Mãng soán ngôi], Hán Quang Vũ (Lưu Tú) tái lập, [diệt Vương Mãng], phục hưng nhà Hán; nên gọi là nhà Hậu Hán. Minh Đế (Lưu Trang) là con của Quang Vũ).*

(Sớ) Nhị danh Vô Lượng Thọ Kinh, Tào Ngụy Khang Tăng Khải dịch.

(Diễn) Khang Tăng Khải Ngụy nhân. Tào Phi soán Hán, quốc hiệu viết Ngụy.

(疏)二名無量壽經，曹魏康僧鎧譯。

(演)康僧鎧魏人。曹丕篡漢，國號曰魏。

*(**Sớ**: Bản thứ hai có tên là Vô Lượng Thọ Kinh, do ngài Khang Tăng Khải dịch vào thời Tào Ngụy.*

***Diễn**: Ngài Khang Tăng Khải là người đời Ngụy. Tào Phi soán ngôi nhà Hán, đặt quốc hiệu là Ngụy [nên Sử gọi là nhà Tào Ngụy]).*

(Sớ) Tam danh A Di Đà Kinh, dữ kim kinh đồng danh, Ngô Chi Khiêm dịch.

(Diễn) Chi Khiêm Ngô nhân. Tôn Quyền xưng đế, quốc hiệu viết Ngô.

(疏)三名阿彌陀經，與今經同名，吳支謙譯。

(演)支謙吳人。孫權稱帝，國號曰吳。

*(**Sớ**: Bản dịch thứ ba tên là A Di Đà Kinh, có cùng tên với kinh này, do ngài Chi Khiêm dịch vào đời Ngô.*

***Diễn**: Ngài Chi Khiêm là người thời Ngô. Tôn Quyền xưng đế, đặt quốc hiệu là Ngô).*

(Sớ) Tứ danh Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, Tống Pháp Hiền dịch.

(Diễn) Pháp Hiền Triệu Tống thời nhân. Triệu Khuông Dận vi thiện tử, quốc hiệu viết Tống.

(疏)四名無量壽莊嚴經，宋法賢譯。

(演)法賢趙宋時人。趙匡胤為天子，國號曰宋。

*(**Sớ**: Bản thứ tư tên là Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh, do ngài Pháp Hiền dịch vào đời Tống.*

***Diễn**: Ngài Pháp Hiền là người sống vào đời Triệu Tống. Triệu Khuông Dận làm thiên tử, đặt quốc hiệu là Tống).*

(Sớ) Ngũ xuất Bảo Tích đệ thập bát kinh, danh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội, Nguyên Ngụy Bồ Đề Lưu Chí dịch.

(Tra Phật Thư Giải Thuyết Đại Từ Điển, biệt quyển, Đại Bảo Tích Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội hệ Đường Nam Thiên Trúc Tam Tạng Sa-môn Bồ Đề Lưu Chí sở dịch. Đường Cao Tông Vĩnh Thuần nhị niên, khiển sứ nghênh lai, ư Khai Nguyên thập ngũ niên thị tịch).

(Diễn) Bồ Đề Lưu Chí, Nam Bắc Triều Nguyên Ngụy nhân. Ngụy chủ bổn tánh Thác Bạt, cải tánh Nguyên, quốc hiệu Ngụy.

(疏)五出寶積第十八經，名無量壽如來會，元魏菩提流志譯。

(查佛書解說大辭典，別卷，大寶積經無量壽如來會係唐南天竺三藏沙門菩提流志所譯。唐高宗永淳二年，遣使迎來，於開元十五年示寂)。

(演)菩提流志，南北朝元魏人。魏主本姓拓跋，改姓元，國號魏。

*(**Sớ**: Bản thứ năm trích từ quyển mười tám của kinh Bảo Tích, có tên là Vô Lượng Thọ Như Lai Hội, do ngài Bồ Đề Lưu Chí dịch vào thời Nguyên Ngụy.*

(Tra trong Phật Thư Giải Thuyết Đại Từ Điển, biệt quyển, thì hội Vô Lượng Thọ Như Lai trong kinh Đại Bảo Tích do Tam Tạng sa-môn Bồ Đề Lưu Chí người xứ Nam Thiên Trúc dịch vào đời Đường. Năm Vĩnh Thuần thứ hai (683) đời Đường Cao Tông, vua sai sứ thỉnh Ngài đến [Trung Hoa]. Năm Khai Nguyên 15 (727), Ngài thị tịch).

***Diễn**: Ngài Bồ Đề Lưu Chí là người thời Bắc Ngụy. Vua nhà Ngụy vốn có họ là Thác Bạt, đổi thành họ Nguyên, quốc hiệu là Ngụy).*

(Sớ) Lục danh Phật Thuyết Đại A Di Đà Kinh, Tống Long Thư cư sĩ Vương Nhật Hưu giả, tổng thủ tiền chi tứ dịch, tham nhi hội chi. Duy trừ Bảo Tích, bỉ sở vị cập. Nhiên thượng ngũ dịch, hỗ hữu dị đồng.

Hán Ngô nhị dịch, tứ thập bát nguyện, chỉ tồn kỳ bán, vi nhị thập tứ. Kỳ dư văn trung, đại đồng tiểu dị. Vương thị sở hội, giảo chi ngũ dịch, giản dị, minh hiển, lưu thông kim thế, lợi ích thậm đại. Đản kỳ bất diêu Phạn bổn, duy chước Hoa văn, vị thuận dịch pháp. Nhược dĩ Phạn bổn trùng phiên nhi thành lục dịch, tức vô nghị hỹ. Cố bỉ bất ngôn dịch, nhi ngôn giảo chánh dã. Hựu kỳ trung, khử thủ cựu văn, diệc hữu vị tận. Như tam bối vãng sanh, Ngụy dịch, giai viết phát Bồ Đề tâm. Nhi Vương thị duy trung bối phát Bồ Đề tâm, hạ viết bất phát, thượng cánh bất ngôn, tắc cao hạ thất thứ. Thả văn trung đa thiện căn, toàn tại phát Bồ Đề tâm, nhi tam bối bất đồng, đồng nhất phát tâm, chánh vãng sanh yếu chỉ, nãi phản lược chi, cố vân vị tận.

(Diễn) Diệc hữu vị tận, vị dĩ tận mỹ, vị tận thiện dã, diệc khả cựu văn hệ yếu xứ, nhiên diệc thái thủ vị tận. Cao hạ thất thứ giả, hạ phẩm bất phát, tắc bất phát vị liệt hỹ. Thượng cánh bất ngôn, thượng diệc liệt da? Thượng cánh bất ngôn, bất ngôn vi thắng hỹ. Hạ ngôn bất phát, bất phát diệc vi thắng hồ? Cố ngôn "thất thứ" dã. Đồng nhất phát tâm chánh vãng sanh yếu chỉ giả, bất phát Bồ Đề tâm, tắc Tiểu Thừa nhi dĩ. Nhị Thừa chủng bất sanh, cố tri phát tâm nãi vãng sanh căn bản dã.

(疏)六名佛說大阿彌陀經，宋龍舒居士王日休者，總取前之四譯，參而會之。唯除寶積，彼所未及。然上五譯，互有異同。漢吳二譯，四十八願，止存其半，為二十四。其餘文中，大同小異。王氏所會，較之五譯，簡易明顯，流通今世，利益甚大。但其不繇梵本，唯酌華文，未順譯法。若以梵本重翻而成六譯，即無議矣。故彼不言譯，而言校正也。又其中去取舊文，亦有未盡。如三輩往生，魏譯，皆曰發菩提心。而王氏唯中輩發菩提心，下曰不發，上竟不言，則高下失次。且文中多善根，全在發菩提心，而三輩不同，同一發心，正往生要旨，乃反略之，故云未盡。

(演)亦有未盡，謂已盡美，未盡善也，亦可舊文緊要處，彼亦採取未盡。高下失次者，下品不發，則不發為劣矣。上竟不言，上亦劣耶？上竟不言，不言為勝矣。下言不發，不發亦為勝乎？故曰失次也。同一發心正往生要旨

者，不發菩提心，則小乘而已。二乘種不生，故知發心乃往生根本也。

*(**Sớ**: Bản thứ sáu mang tên Phật Thuyết Đại A Di Đà Kinh, do cư sĩ Long Thư Vương Nhật Hưu đời Tống soạn, đã gộp chung bốn bản dịch đầu tiên để tham khảo, hội tập, chỉ trừ bản dịch trong kinh Bảo Tích là chưa dùng đến. Nhưng trong năm bản dịch ấy, có những chỗ giống nhau và khác biệt. Trong hai bản dịch thuộc đời Hán và Ngô, bốn mươi tám nguyện chỉ còn một nửa, tức là hai mươi bốn nguyện. Những phần kinh văn khác, chỉ khác biệt đôi chút. Bản hội tập của họ Vương, so với năm bản dịch gốc thì đơn giản, dễ đọc, rõ ràng, được lưu thông trong hiện thời, có lợi ích rất lớn. Nhưng bản ấy chẳng phát xuất từ [chánh kinh bằng] tiếng Phạn, chỉ châm chước từ những bản tiếng Hán, chưa theo đúng cách dịch thuật. Nếu dùng bản tiếng Phạn để dịch lại thành bản dịch thứ sáu, sẽ chẳng có ai dị nghị. Vì thế, ông ta không nói là dịch, mà nói là "giảo chánh".*

Hơn nữa, trong bản hội tập, việc chọn lựa để bỏ đi, hay giữ lại những câu kinh văn từ các bản dịch cổ cũng chưa trọn vẹn. Như trong phần ba bậc vãng sanh, bản dịch đời Ngụy, [đối với cả ba bậc] đều nói là "phát Bồ Đề tâm"; nhưng ông Vương chỉ nói bậc Trung phát Bồ Đề tâm, bậc Hạ chẳng phát, còn bậc Thượng hoàn toàn chẳng nhắc tới. Đấy chính là đã đánh mất thứ tự cao thấp. Hơn nữa, "nhiều thiện căn" [như đã được nói] trong kinh văn hoàn toàn do phát Bồ Đề tâm; tuy ba bậc khác nhau, nhưng đều giống nhau ở chỗ phát tâm. Đấy chính là tông chỉ trọng yếu trong vãng sanh, mà ông ta lại ngược ngạo gạt bỏ, cho nên nói là "chưa trọn vẹn".

***Diễn**: "Cũng có chỗ chưa trọn vẹn", ý nói đã hết sức đẹp đẽ, nhưng chưa tột bậc tốt lành. Cũng có thể hiểu là đối với những điểm quan trọng trong những bản dịch cũ, vẫn chưa chọn lựa trọn hết. "Đánh mất thứ tự cao thấp": Hạ phẩm chẳng phát [Bồ Đề tâm], tức "chẳng phát" sẽ là kém cỏi; nhưng bậc thượng trọn chẳng nhắc đến, [chẳng lẽ] bậc thượng cũng kém cỏi ư? [Đảo lại], do bậc thượng trọn chẳng nói tới [phát Bồ Đề tâm], [bèn hiểu] chẳng nói tới thì sẽ là tối đẹp, [vậy thì] bậc hạ chẳng phát cũng là vượt trội hơn ư? Vì thế nói là "đánh mất thứ tự". "Cùng phát tâm như nhau chính là yếu chỉ của chuyện vãng sanh": Chẳng phát Bồ Đề tâm tức là Tiểu Thừa mà thôi! Chủng tánh Nhị Thừa chẳng vãng sanh, cho nên phát tâm chính là căn bản của vãng sanh).*

(Sớ) Nhiên kim Sớ Sao sở dẫn, nghĩa tắc kiêm thâu ngũ dịch, ngữ tắc đa tựu Vương văn. Dĩ Vương bổn thế sở thông hành, nhân tập kiến cố. Dư ngũ gián thủ, nhi khái dĩ Đại Bổn tiêu chi, cố thượng lục chủng giai danh Đại Bổn. Kim thử kinh giả, danh vi Tiểu Bổn. Văn hữu phồn giản, nghĩa vô thắng liệt, phán thuộc đồng bộ.

(疏)然今疏鈔所引，義則兼收五譯，語則多就王文。以王本世所通行，人習見故。餘五間取，而槩以大本標之，故上六種皆名大本。今此經者，名為小本。文有繁簡，義無勝劣，判屬同部。

*(**Sớ**: Nay những phần kinh Vô Lượng Thọ được trích dẫn trong bản Sớ Sao này, ý nghĩa bao gồm cả năm bản dịch gốc, nhưng kinh văn phần nhiều trích theo bản [hội tập] của ông Vương, do bản của ông Vương phổ biến trong cõi đời, người ta đã quen thấy. Đôi khi, chọn [những câu trích dẫn] từ năm bản dịch gốc; nhưng đều gọi chung Đại Bổn, bởi cả sáu bản trên đây đều được gọi là Đại Bổn. Nay kinh này được gọi là Tiểu Bổn. Kinh văn chi tiết hay đơn giản, nhưng ý nghĩa chẳng hơn kém, cho nên phán định chúng đều thuộc cùng một bộ).*

Nhị, minh loại.

Nhị, minh loại giả, tự hữu tam chủng: Nhất, Quán Kinh. Nhị, Cổ Âm Vương Kinh. Tam, Hậu Xuất A Di Đà Kệ Kinh.

(Sớ) Loại giả, bất đồng kỳ bộ, nhi đồng kỳ loại. Như tùng côn đệ, tuy bất đồng phụ, nhi đồng kỳ tổ, diệc danh tỷ kiên, tương vi đẳng di, cố viết đồng loại. Quán Kinh giả, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Cụ đàm thập lục diệu môn. Nhất Tâm Tam Quán, tường bổn Sớ Sao. Cổ Âm Vương Kinh giả, Phật tại Chiêm Ba đại thành, Già Già linh trì, dữ tỳ-kheo bách nhân thuyết. Trung vân: "Nhược hữu tứ chúng, thọ trì A Di Đà Phật danh hiệu, lâm mạng chung thời, Phật dữ thánh chúng, tiếp dẫn vãng sanh" đẳng. Hậu Xuất Kệ Kinh giả, thỉ chung duy kệ, thị già-đà bộ. Trung vân: "Phát nguyện dụ chư Phật, thệ nhị thập tứ chương". Nguyện chỉ tồn bán, dữ Hán Ngô nhị dịch đồng, nhi tứ thập bát nguyện, tự cổ cập kim, truyền dương dĩ cửu. Nhị thập tứ giả, hoặc Phạn bổn khuyết lược, vị khả tri dã. Hoặc vấn: "Cổ Âm diệc thuyết trì danh, vân hà bất dữ kim kinh đồng bộ?" Đáp: Dĩ hữu chú cố. Bỉ kinh tuy thuyết trì danh, trọng trì chú cố.

(Diễn) Già-đà, thử vân Cô Khởi Tụng.

二、明類。

二、明類者，自有三種：一、觀經。二、鼓音王經。三、後出阿彌陀偈經。

(疏)類者，不同其部，而同其類。如從昆弟，雖不同父，而同其祖，亦名比肩，相為等夷，故曰同類。觀經者，觀無量壽佛經。具談十六妙門。一心三觀，詳本疏鈔。鼓音王經者，佛在瞻波大城，伽伽靈池，與比丘百人說。中云：若有四眾，受持阿彌陀佛名號，臨命終時，佛與聖眾，接引往生等。後出偈經者，始終唯偈，是伽陀部。中云：發願喻諸佛，誓二十四章。願止存半，與漢吳二譯同，而四十八願，自古及今，傳揚已久。二十四者，或梵本缺略，未可知也。或問：鼓音亦說持名，云何不與今經同部？答：以有咒故。彼經雖說持名，重持咒故。

(演)伽陀，此云孤起頌。

(Thứ hai là nói về loại.

Hai, nói về loại thì có ba thứ: Một là Quán Kinh, hai là Cổ Âm Vương Kinh, ba là Hậu Xuất A Di Đà Kệ Kinh.

***Sớ**: "Loại" là chẳng cùng bộ, mà cùng loại. Như anh em họ, tuy chẳng cùng một cha, nhưng có cùng một tổ, cũng gọi là "ngang vai vế"; do cùng ngang hàng, nên gọi là "đồng loại".*

Quán Kinh là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, giảng trọn vẹn mười sáu phép Quán mầu nhiệm. Nhất Tâm Tam Quán được giảng chi tiết trong cuốn Sớ Sao của kinh ấy.

Cổ Âm Vương Kinh: Đức Phật ngự tại đại thành Chiêm Ba (Campaka), nơi ao thiêng Già Già, giảng cho một trăm vị tỳ-kheo. Trong ấy, có đoạn nói: "Nếu có tứ chúng thọ trì danh hiệu của A Di Đà Phật, khi lâm chung, Phật và thánh chúng sẽ tiếp dẫn vãng sanh" v.v...

Hậu Xuất Kệ Kinh là từ đầu đến cuối đều là kệ, thuộc loại Già-đà. Trong ấy, có đoạn: "Phát nguyện vượt chư Phật, lời thề hai mươi bốn chương". Nguyện chỉ còn một nửa, giống với hai bản dịch đời Hán và đời Ngô, nhưng bốn mươi tám nguyện từ xưa đến nay được lưu truyền, hoằng dương đã lâu. Hai mươi bốn nguyện có thể là do bản tiếng Phạn bị thiếu sót không chừng! Có kẻ hỏi: "Kinh Cổ Âm Thanh Vương cũng nói đến trì

danh, cớ sao chẳng phải là đồng bộ với kinh này?" Đáp: Do có thần chú. Kinh ấy tuy nói đến trì danh, nhưng coi trọng trì chú.

***Diễn**: Già Đà, cõi này dịch là Cô Khởi Tụng).*

Tam, phi bộ phi loại.

Tam, minh phi bộ loại giả, đới thuyết Tịnh Độ, như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, cập Khởi Tín đẳng. Hựu phi bộ loại, nhi trung thuyết chuyên trì danh hiệu, như Văn Thù Bát Nhã.

(Sớ) Đới thuyết giả, chư đồng bộ đồng loại chi ngoại, phục hữu chư kinh, tuy bất chuyên đàm Tịnh Độ, kỳ trung đới cập khuyến tán vãng sanh dã. Hoa Nghiêm, như Hạnh Nguyện Phẩm, ký minh thập đại nguyện vương, nhi mạt ngôn dĩ thử thập nguyện, đạo quy Cực Lạc thị dã.

(Diễn) Thập đại nguyện vương giả: Nhất giả, lễ kính chư Phật, nhị giả, xưng tán Như Lai, nãi chí đệ thập phổ giai hồi hướng. Hoa Nghiêm xứng tánh nhi đàm, Pháp Hoa chánh trực nhi thuyết. Nhị kinh giai quy Cực Lạc giả, dĩ dục nhập Tỳ Lô tánh hải, tiên quy Tịnh Độ huyền môn; dục ngộ Nhất Thừa Thật Tướng, tiên nhập Tây Phương An Dưỡng. Nhị kinh thỉ chung ký nhĩ, trung gian chư kinh khả tri. Cố tri Tịnh Độ nhất môn, nhất đại thời giáo chi tổng trì, pháp giới chúng sanh chi quy địa dã.

三、非部非類。

三、明非部類者，帶說淨土，如華嚴法華，及起信等。又非部類，而中說專持名號，如文殊般若。

(疏)帶說者，諸同部同類之外，復有諸經，雖不專談淨土，其中帶及勸讚往生也。華嚴，如行願品，既明十大願王，而末言以此十願，導歸極樂是也。

(演)十大願王者：一者禮敬諸佛，二者稱讚如來，乃至第十普皆回向。華嚴稱性而談，法華正直而說。二經皆歸極樂者，以欲入毘盧性海，先歸淨土玄門；欲悟一乘實相，先入西方安養。二經始終既爾，中間諸經可知。故知淨土一門，一代時教之總持，法界眾生之歸地也。

(Ba là chẳng phải bộ mà cũng chẳng phải loại.

Ba, nói rõ [những kinh] chẳng phải bộ mà chẳng phải loại là [những kinh luận] nói kèm thêm Tịnh Độ, như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa,

và Khởi Tín v.v... Lại nữa, trong các thứ chẳng phải bộ loại, có loại chuyên nói đến trì danh hiệu như kinh Văn Thù Bát Nhã.

***Sớ**: "Nói kèm": Ngoài các kinh đồng bộ, đồng loại, còn có các kinh tuy chẳng chuyên giảng về Tịnh Độ, nhưng trong ấy có kèm thêm khuyên lơn, ca ngợi vãng sanh. Hoa Nghiêm thì như trong phẩm Hạnh Nguyện giảng về mười đại nguyện vương, cuối cùng nói: Dùng mười nguyện này dẫn về Cực Lạc. Đó là [nói kèm].*

***Diễn**: "Mười đại nguyện vương": Một là lễ kính chư Phật, hai là ca ngợi Như Lai, cho đến điều thứ mười "đều hồi hướng trọn khắp". Hoa Nghiêm đàm luận xứng tánh, Pháp Hoa nói chánh trực. "Hai kinh đều quy vào Cực Lạc": Do muốn vào biển tánh Tỳ Lô, trước hết hãy quay về huyền môn Tịnh Độ; muốn ngộ Nhất Thừa Thật Tướng, trước hết hãy vào Tây Phương An Dưỡng. Hai kinh này lần lượt là kinh khởi đầu và kinh cuối cùng mà đã là như vậy, thì có thể biết các kinh trong khoảng giữa [cũng sẽ quy hướng Tịnh Độ như thế]. Do vậy, biết một môn Tịnh Độ là tổng trì của giáo pháp trong suốt một đời đức Thế Tôn, là chỗ trở về của chúng sanh trong pháp giới).*

(Sớ) Pháp Hoa, như vân "tụng tư kinh giả, mạng chung đương sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới" thị dã. Khởi Tín, như tiền giáo khởi trung sở minh thị dã. Đẳng giả, như Quán Phật Tam Muội, Thập Trụ Đoạn Kết chư kinh, đới thuyết Tịnh Độ, tằng điệp phi nhất, tường như hậu thích văn trung tạp dẫn. Văn Thù Bát Nhã, tường hậu chấp trì danh hiệu văn trung.

(疏)法華，如云誦斯經者，命終當生阿彌陀佛極樂世界是也。起信，如前教起中所明是也。等者，如觀佛三昧，十住斷結諸經，帶說淨土，層疊非一，詳如後釋文中雜引。文殊般若，詳後執持名號文中。

*(**Sớ**: Như kinh Pháp Hoa nói: "Người tụng kinh này, mạng chung sẽ sanh về thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật", đấy là [nói kèm về Tịnh Độ]. Luận Khởi Tín thì như trong phần Giáo Khởi Nhân Duyên ở phần trước [của bộ Sớ Sao này] đã nói rõ. "Những kinh luận giống như vậy": Như các kinh Quán Phật Tam Muội Kinh, Thập Trụ Đoạn Kết... Nói kèm về Tịnh Độ thì tầng lớp chẳng phải là một loại, sẽ được trích dẫn tường tận trong phần giải thích kinh văn ở phần sau. Đối với kinh Văn Thù Bát Nhã, sẽ được giảng giải tường tận trong phần nói về chấp trì danh hiệu ở phía sau).*

Bát, dịch thích tụng trì (ngũ): Sơ, minh dịch. Nhị, minh thích. Tam, minh tụng. Tứ, minh trì. Ngũ, kết khuyến.

Sơ, minh dịch.

Dĩ tri thử kinh, vi bộ, vi loại, tường, lược, đồng, biệt; vị ủy dịch tự hà thời? Phàm hữu kỷ dịch? Dĩ chí chú thích xiển dương, độc, tụng, thọ, trì, hữu hà linh nghiệm? Sơ minh dịch giả, hữu nhị. Nhất danh Phật Thuyết A Di Đà Kinh, tức kim kinh. Diêu Tần Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch.

(Diễn) Tường lược đồng biệt giả, tường vị Đại Bổn, lược vị thử kinh dã. Đồng vị đồng loại. Biệt vị phi bộ phi loại.

八、譯釋誦持(五)：初、明譯。二、明釋。三、明誦。四、明持。五、結勸。

初、明譯。

已知此經，為部為類，詳略同別；未委譯自何時？凡有幾譯？以至註釋闡揚，讀誦受持，有何靈驗？初、明譯者，有二：一名佛說阿彌陀經，即今經。姚秦三藏法師鳩摩羅什譯。

(演)詳略同別者，詳謂大本，略謂此經也。同謂同類。別謂非部非類。

(Tám là phiên dịch, giải thích, trì tụng (gồm năm phần): Trước hết là nói về dịch, thứ hai là nói về giải thích, thứ ba nói về tụng, thứ tư nói về trì, thứ năm là kết lại lời khuyên.

Thứ nhất, nói về dịch.

Đã biết kinh bộ loại của kinh này có tường tận hay đại lược, giống nhau hay sai khác, nhưng chưa rõ kinh này được dịch từ khi nào? Có mấy bản dịch? Cho đến chú thích, xiển dương, đọc, tụng, thọ, trì, có những điều linh nghiệm nào? Trước hết, nói rõ có hai bản dịch. Một bản tên là Phật Thuyết A Di Đà Kinh, tức kinh này, do Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch vào thời Diêu Tần.

***Diễn**: "Tường tận, đại lược, giống nhau, sai khác": Tường tận là kinh Đại Bổn, đại lược là kinh này, "giống nhau" là các kinh cùng loại; "khác nhau" là các kinh chẳng phải bộ, chẳng phải loại).*

(Sớ) Diêu Tần giả, Châu hữu Doanh Tần, Nam Bắc Triều hữu Phù Tần, Diêu Tần. Kim ngôn Diêu giả, giản phi dư Tần dã.

(Diễn) Doanh Tần giả, Châu thời hữu Phi Tử giả, thị Bá Ích chi hậu, thiện dưỡng mã. Châu Hiếu Vương ái chi, phong ư Thiểm, quốc hiệu Tần. Hậu tính thôn liệt quốc, nhi hữu thiên hạ. Dĩ kỳ tánh Doanh, cố vân Doanh Tần. Phù Tần giả, Đông Tấn thời, Đê chủng dã. Phù Kiên cường thịnh, hùng cứ Quan Trung, quốc diệc hiệu Tần. Thị vi Phù Tần. Diêu Tần giả, Khương chủng dã. Diêu Tràng vi Phù Kiên tướng, hậu Kiên vi Tấn binh sở bại, Tràng toại cứ Quan Trung, truyền tử Hưng. Thị vi Diêu Tần.

(疏)姚秦者，周有嬴秦，南北朝有苻秦 ，姚秦 。今言姚者，揀非餘秦也。

(演)嬴秦者，周時有非子者，是伯益之後，善養馬。周孝王愛之，封於陝，國號秦。後并吞列國，而有天下。以其姓嬴，故云嬴秦。苻秦者，東晉時，氐種也。苻堅強盛，雄據關中，國亦號秦。是為苻秦。姚秦者，羌種也。姚萇為苻堅將，後堅為晉兵所敗，萇遂據關中，傳子興。是為姚秦。

***(Sớ**: "Diêu Tần": Đời Châu có nhà Doanh Tần. Thời Nam Bắc Triều có Phù Tần và Diêu Tần. Nay nói là Diêu Tần nhằm phân biệt chẳng phải các nhà Tần khác.*

***Diễn**: "Doanh Tần": Thời nhà Châu có Phi Tử là hậu duệ của Bá Ích, do khéo nuôi ngựa, được Châu Hiếu Vương yêu thích, phong cho đất Thiểm (Thiểm Tây), lấy quốc hiệu là Tần. Về sau, Tần thôn tính các nước, bèn có thiên hạ. Do vua Tần họ Doanh, nên [nhà Tần này được] gọi là Doanh Tần.*

"Phù Tần": Thời đại Đông Tấn, sắc dân Đê [thành lập triều đại này]. Phù Kiên cường thịnh, hùng cứ đất Quan Trung, quốc hiệu cũng là Tần. Đó là nhà Phù Tần.

"Diêu Tần": [Triều đại này] do sắc dân Khương [sáng lập]. Diêu Tràng là tướng của Phù Kiên. Về sau, Phù Kiên bị quân đội nhà Tấn đánh bại; Diêu Tràng bèn chiếm cứ Quan Trung, truyền ngôi cho con là Diêu Hưng. Đó là nhà Diêu Tần).

(Sớ) Tam Tạng giả, thông kinh, luật, luận, kiêm thiện Hoa Phạn cố. Pháp sư giả, Phật pháp sở thuộc, diễn dương hối chúng, vi biểu phạm cố. Cưu Ma La Thập giả, Phạn ngữ cụ vân Cưu Ma La Kỳ Bà Thập. Thượng ngũ tự, thử vân Đồng Thọ. Thập giả, thâm thiện thử phương văn tự chi thập. Hoa Phạn hợp cử, xưng La Thập dã. Dịch giả, dịch dã, dịch Phạn thành Hoa dã. Châu Lễ, chưởng tứ phương chi ngữ, các hữu kỳ quan; Bắc phương viết Dịch. Kim kinh tự Tây lai, nhi ngôn Dịch giả. Hán chi Bắc quan, kiêm thiện Tây ngữ, Ma Đằng thỉ chí, toại xưng vi Dịch, kim nhưng chi dã.

(Diễn) Châu Lễ chưởng tứ phương chi ngữ giả, Đông viết Ký, Nam viết Tượng, Tây viết Địch Đề, Bắc viết Dịch, giai quan danh dã. Ký ngôn năng ký ngụ phong tục chi dị ư thử. Tượng ngôn năng phỏng tượng phong tục chi dị ư bỉ. Địch Đề, tắc dục biệt kỳ phục sức chi dị. Dịch, tắc dụ biện kỳ ngữ ngôn chi dị. Châu quan thông vị chi Tượng Tư, nhi thế tục thông vị chi Dịch dã. Hựu dịch, thích dã. Do ngôn đằng dã, vi dĩ bỉ thử ngôn ngữ tương đằng thích nhi thông chi dã.

(疏)三藏者，通經律論，兼善華梵故。法師者，佛法所屬，演揚誨眾，為表範故。鳩摩羅什者，梵語具云鳩摩羅耆婆什。上五字，此云童壽。什者，深善此方文字之什。華梵合舉，稱羅什也。譯者，易也，易梵成華也。周禮，掌四方之語，各有其官；北方曰譯。今經自西來，而言譯者。漢之北官，兼善西語，摩騰始至，遂稱為譯，今仍之也。

(演)周禮掌四方之語者，東曰寄，南曰象，西曰狄鞮，北曰譯，皆官名也。寄言能寄寓風俗之異於此。象言能倣像風俗之異於彼。狄鞮，則欲別其服飾之異。譯，則欲辨其語言之異。周官通謂之象胥，而世俗通謂之譯也。又譯，釋也。猶言謄也，謂以彼此言語相謄釋而通之也。

*(**Sớ**: Tam Tạng là người thông hiểu kinh, luật, luận, lại còn thông thạo tiếng Hán lẫn tiếng Phạn. Pháp sư là người diễn giải, hoằng dương Phật pháp, dạy bảo đại chúng, nêu gương mẫu. Cưu Ma La Thập: Tiếng Phạn nói đầy đủ là Cưu Ma La Kỳ Bà Thập. Năm chữ trên đây được cõi này dịch là Đồng Thọ. "Thập": Mười phần thông hiểu sâu xa văn tự*

phương này. Gộp chung cả tiếng Hán lẫn tiếng Phạn, cho nên gọi là La Thập.

Dịch là thay đổi, tức là chuyển từ tiếng Phạn sang tiếng Hán. Theo Châu Lễ, để chưởng quản ngôn ngữ bốn phương, mỗi phương đều có một chức quan. Viên quan trông nom việc giao tiếp bằng ngôn ngữ ở phương Bắc được gọi là Dịch. Nay kinh này từ phương Tây truyền sang mà gọi là Dịch vì chức quan ở phương Bắc vào đời Hán cũng thông thạo các ngôn ngữ ở phương Tây. Ngài Ma Đằng đến [Trung Hoa] đầu tiên [được vị quan ở phương Bắc tiếp đãi], cho nên nay vẫn gọi là Dịch.

***Diễn**: "Theo Châu Lễ, quan chức chưởng quản ngôn ngữ bốn phương": [Chức quan] ở phương Đông là Ký, phương Nam là Tượng, phương Tây là Địch Đề, phương Bắc là Dịch, đều là tên gọi của chức quan. "Ký" là nói những sự khác biệt về phong tục ăn nhờ ở đậu tại nơi đó. "Tượng" là nói có thể phỏng theo những phong tục khác biệt nơi họ. Địch Đề là muốn phân định sự khác biệt về phục sức. Dịch là biện định về sự khác biệt giữa ngôn ngữ. Châu quan thường được gọi chung là Tượng Tư, nhưng thế tục quen gọi là Dịch. Dịch lại có nghĩa là giải thích, giống như sao chép lại vậy. Ý nói: Đem ngôn ngữ đôi bên sao chép lại rồi giải thích cho đôi bên đều hiểu nhau).*

(Sớ) Án bổn truyện, Sư, Trung Thiên Trúc quốc nhân. Phụ danh Cưu Ma La Diễm, gia thế tướng quốc, khí vinh xuất du. Quy Tư vương dĩ muội thê chi, sanh Sư. Sư sanh nhi thần linh, thất tuế tùy mẫu nhập tự, kiến thiết bát, thí thủ gia đảnh. Nga niệm thử bát thậm trọng, ngã hà năng cử? Tức bất thắng trọng. Toại ngộ vạn pháp duy tâm. Bác học cường ký, nhân mạc năng cập. Dĩ xung niên cao đức, cố vân Đồng Thọ. Ký thông Tam Tạng, đông du Quy Tư. Vương thiết kim sư tử tòa xử chi. Phù Kiên cứ Tần, tương sự Tây thảo. Thích Thái Sử tấu dị tinh hiện ư Tây Vực phân dã, đương hữu đại đức trí nhân, nhập phụ Trung Quốc. Kiên vân: "Trẫm văn Quy Tư hữu La Thập giả, đắc phi thử da?" Khiển tướng Lữ Quang. Lâm phát, vị viết: "Trẫm phi tham địa dụng binh. Văn La Thập thâm giải pháp tướng, vi hậu học tông. Nhược khắc Quy Tư, tức nghi trì dịch tống Thập". Cập phá Cưu Tỳ, tải Thập dĩ quy. Trung đạo, văn Kiên dĩ vi Diêu Tràng sở hại, toại chỉ, bất phản, Thập sư nhân bất chí Tần. Hậu Tràng diệc văn Sư danh, yếu thỉnh, nhi Quang bất doãn. Tràng vong, tử Hưng phục thỉnh, diệc bất doãn. Nhân khiển binh phạt Quang, Quang điệt hàng Tần, phương đắc nghênh Sư nhập quan, phụng vi quốc sư.

(Diễn) Khiển tướng Lữ Quang giả, Tần Phù Kiên Kiến Nguyên thập tam niên, sử Lữ Quang phạt Khâu Tư quốc. Phá chi, ủng chúng quy chí Lương Châu, nhân cứ châu, xưng Lương Vương. Quang tử, điệt Lữ Long hàng Tần, nãi nghênh Sư nhập quan, cư Tiêu Dao viên.

(疏)按本傳，師，中天竺國人。父名鳩摩羅琰，家世相國，棄榮出遊。龜茲王以妹妻之，生師。師生而神靈，七歲隨母入寺，見鐵鉢，試取加頂。俄念此鉢甚重，我何能舉？即不勝重。遂悟萬法唯心。博學強記，人莫能及。以沖年高德，故云童壽。既通三藏，東遊龜茲。王設金獅子座處之。苻堅據秦，將事西討。適太史奏異星現於西域分野，當有大德智人，入輔中國。堅云：朕聞龜茲有羅什者，得非此耶？遣將呂光。臨發，謂曰：朕非貪地用兵。聞羅什深解法相，為後學宗。若克龜茲，即宜馳驛送什。及破龜茲，載什以歸。中道，聞堅已為姚萇所害，遂止不返，什師因不至秦。後萇亦聞師名，要請，而光不允。萇亡，子興復請，亦不允。因遣兵伐光，光姪降秦，方得迎師入關，奉為國師。

(演)遣將呂光者，秦符堅建元十三年，使呂光伐丘茲國。破之，擁眾歸至涼州，因據州稱涼王。光死，姪呂隆降秦，乃迎師入關，居逍遙園。

*(**Sớ**: Theo truyện ký của Ngài, Sư là người xứ Trung Thiên Trúc. Cha Ngài tên là Cưu Ma La Diễm (Kumārāyana), vốn thuộc dòng dõi Tướng Quốc, bỏ vinh hoa, đi du hóa khắp nơi. Vua xứ Quy Tư (Kucha) gả em gái cho, sanh ra Sư. Sư sanh ra thông minh, bảy tuổi theo mẹ vào chùa, thấy bát sắt, thử đội lên đầu, chợt nghĩ "bát này rất nặng, ta làm sao có thể giở lên được?" Liền [cảm thấy] bát nặng khôn xiết, bèn ngộ "vạn pháp duy tâm". Sư học rộng, nhớ dai, không ai bằng được. Do [tuổi còn trẻ] mà đức hạnh cao trội như người đã lão thành, nên gọi là Đồng Thọ.*

Sư đã thông suốt Tam Tạng, đi sang phương Đông, [trở về] xứ Quy Tư, quốc vương bày tòa sư tử bằng vàng thỉnh Ngài ngồi. Phù Kiên chiếm cứ đất Tần, sắp sửa [đem quân] chinh phạt phía Tây. Nhằm lúc ấy, quan Thái Sử tâu có ngôi sao lạ mọc trên phần bầu trời ở phía Tây Vực, ắt sẽ có bậc đại đức trí huệ vào giúp Trung Quốc. Phù Kiên nói: "Trẫm nghe

nói xứ Quy Tư có ngài La Thập, có phải là người ấy đó chăng?" Phù Kiên sai tướng Lữ Quang [đi đánh Quy Tư]. Lúc sắp xuất hành, vua nói: "Ta chẳng phải do tham chiếm đất mà dụng binh. Ta nghe nói La Thập hiểu pháp tướng sâu xa, là bậc tông sư cho hàng hậu học. Nếu phá tan Quy Tư, hãy mau đưa ngài La Thập trở về".

Đến khi phá được Quy Tư, [Lữ Quang] chở ngài La Thập về. Giữa đường, nghe tin Phù Kiên đã bị Diêu Tràng hại, bèn dừng lại, không trở về [kinh đô Trường An] nữa. Do vậy, ngài La Thập chưa đến đất Tần. Sau này, Diêu Tràng cũng nghe danh Sư, muốn thỉnh, nhưng Quang không chấp nhận. Diêu Tràng mất, con là Diêu Hưng lại thỉnh, Lữ Quang vẫn không chấp nhận. Do vậy, [Diêu Hưng] phái quân chinh phạt Quang. Cháu của Quang bèn đầu hàng nước Tần, [Diêu Hưng] mới đón được Sư về Quan Trung, tôn làm quốc sư.

***Diễn**: "Sai tướng Lữ Quang": Năm Kiến Nguyên 13 (377), Phù Kiên nhà Tần sai Lữ Quang chinh phạt nước Quy Tư. Quy Tư đã bị phá, Quang dẫn mọi người về đến Lương Châu [thì nghe tin Phù Kiên mất nước], Quang bèn chiếm cứ Lương Châu, xưng là Lương Vương. Lữ Quang chết, cháu là Lữ Long đầu hàng nhà Diêu Tần. Vua Tần bèn đón Sư vào ải, cho Sư ở vườn Tiêu Dao).*

Sư duyệt cựu kinh, nghĩa đa phỉ tích, bất dữ Phạn bổn tương ứng. Nãi tập sa-môn Triệu, Duệ đẳng bát bách dư nhân, tân dịch kinh luận tam bách cửu thập dư quyển, tịnh sướng thần nguyên, phát huy u trí. Sư vị chung thiểu nhật, tập chúng vị viết: "Nguyện sở tuyên dịch, truyền chi hậu thế, hàm cộng lưu thông, kim ư chúng tiền, phát thành thật thệ. Nhược sở truyền vô mậu, đương sử phần thân chi hậu, thiệt bất tiêu lạn". Dĩ Hoằng Thỉ thập nhất niên bát nguyệt, nhị thập nhật, tuất ư Trường An. Xà-duy tân diệt, hình tận, thiệt căn nghiễm nhiên. Kim thử kinh giả, dịch ư Thập sư, nhi thiệt căn bất hoại, dữ chư Phật xuất quảng trường thiệt tán thán thử kinh, hợp nhi quán chi, Phật ngữ bất hư, ư thị ích tín.

師閱舊經，義多紕僻，不與梵本相應。乃集沙門肇叡等八百餘人，新譯經論三百九十餘卷，並暢神源，發揮幽致。師未終少日，集眾謂曰：願所宣譯，傳之後世，咸共流通，今於眾前，發誠實誓，若所傳無謬，當使焚身之後，舌不焦爛。以弘始十一年八月，二十日，卒於長安。闍維

薪滅形盡，舌根儼然。今此經者，譯於什師，而舌根不壞，與諸佛出廣長舌讚歎此經，合而觀之，佛語不虛，於是益信。

(Ngài duyệt những kinh điển đã dịch từ trước, thấy nghĩa lý phần nhiều sai lạc, trúc trắc, chẳng tương ứng với nguyên gốc tiếng Phạn, bèn nhóm họp các sa-môn như Tăng Triệu, Tăng Duệ v.v... hơn tám trăm người, dịch lại các bản mới đến hơn ba trăm chín mươi quyển, khiến cho những nguồn cội thần kỳ, mầu nhiệm trở thành thông suốt, nêu tỏ lý thẳm sâu tột cùng.

Trước khi Sư tịch mấy ngày, nhóm đại chúng, bảo: "Nguyện những kinh điển do tôi tuyên dịch, truyền đến đời sau đều được lưu thông. Nay đối trước đại chúng, phát thệ thành thật, nếu những bản dịch được lưu truyền không sai lầm, sẽ khiến cho sau khi hỏa thiêu, lưỡi chẳng cháy tiêu". Ngày Hai Mươi tháng Tám năm Hoằng Thỉ thứ mười một (409), Ngài mất tại Trường An. Khi trà tỳ, [tới lúc] củi cháy hết, thân hình đều cháy tan, lưỡi vẫn còn nguyên. Nay kinh này do ngài La Thập dịch, mà lưỡi Ngài chẳng nát, cùng với chư Phật hiện tướng lưỡi rộng dài tán thán kinh này. Hợp cả hai điều này lại để xem xét, lời Phật chẳng dối; do vậy, càng thêm tin tưởng).

Nhị, danh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, Đường Tam Tạng pháp sư Huyền Trang dịch. Nhị kinh liên tỷ, tiểu dị đại đồng, thời sở tông thượng, giai hoằng Tần bổn.

(Diễn) Nhị kinh liên tỷ giả, liên vị liên tục, tỷ vị tỷ tịnh. Thập sư dịch chi ư tiền, Trang sư dịch chi ư hậu, hữu liên tục nghĩa. Lưỡng kinh ý nghĩa vô tương vi bối, hữu tỷ tịnh nghĩa.

二、名稱讚淨土佛攝受經，唐三藏法師玄奘譯。二經聯比，小異大同，時所宗尚，皆弘秦本。

(演)二經聯比者，聯謂聯續，比謂比並。什師譯之於前，奘師譯之於後，有聯續義。兩經意義無相違背，有比並義。

(Bản thứ hai tên là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh, do Tam Tạng pháp sư Huyền Trang dịch vào đời Đường. Đối chiếu so sánh giữa hai kinh, sai biệt đôi chút, những điểm chánh yếu đều giống nhau, nhưng các thời đều ưa chuộng, hoằng dương bản dịch đời Tần.

***Diễn**: "Nhị kinh liên tỷ" (đối chiếu so sánh hai kinh): Liên là liên tục, Tỷ là sóng vai so sánh. Ngài La Thập dịch trước, ngài Huyền Trang dịch sau, [do vậy] có ý nghĩa liên tục. Ý nghĩa của hai kinh trọn chẳng chống trái nhau, nên có ý nghĩa sóng vai so sánh).*

(Sớ) Huyền Trang pháp sư giả, Đường Lạc Châu Câu Thị nhân, tánh Trần thị. Thiếu ly hoạn nạn, tùy huynh Trưởng Kiện pháp sư xuất gia ư Tịnh Trụ Tự. Niên thập nhất, tụng Duy Ma, Pháp Hoa, trác nhiên tự lập, bất ngẫu thời lưu. Niên nhị thập nhất, giảng Tâm Luận, bất khuy văn tướng, dũng chú bất cùng, thời hiệu "thần nhân".

(Diễn) Trác nhiên tự lập giả, Sư thập nhất tuế thời, kiến chư sa-di kịch đàm hý tiếu, nãi ha viết: "Phù xuất gia giả, vị vô vi pháp, hà đắc cánh vi nhi hý? Khả vị không táng bách niên!" Thức giả tri Sư đức khí phi phàm hỹ.

(疏)玄奘法師者，唐洛州緱氏人，姓陳氏。少罹患難，隨兄長腱法師出家於淨住寺。年十一，誦維摩法華，卓然自立，不偶時流。年二十一，講心論，不窺文相，涌注不窮，時號神人。

(演)卓然自立者，師十一歲時，見諸沙彌劇談戲笑，乃呵曰：夫出家者，為無為法，何得更為兒戲？可謂空喪百年。識者知師德器非凡矣。

*(**Sớ**: Pháp sư Huyền Trang là người huyện Câu Thị, xứ Lạc Châu, sống vào đời Đường, họ Trần. Thuở nhỏ, Sư gặp hoạn nạn, theo anh là pháp sư Trưởng Kiện xuất gia tại chùa Tịnh Trụ. Năm mười một tuổi, do tụng Duy Ma và Pháp Hoa, nổi bật hơn người, chẳng chơi đùa cùng đồng bạn. Năm hai mươi mốt tuổi, Ngài giảng Tâm Luận, chẳng nhìn vào văn tự, mà tuyên giảng ào ạt chẳng ngớt; khi ấy, gọi Ngài là "thần nhân".*

***Diễn**: "Nổi bật hơn người": Lúc Sư mười một tuổi, thấy các sa-di chòng ghẹo, cười giỡn, bèn quở trách: "Kẻ xuất gia vì pháp vô vi, sao lại làm trò trẻ nít giỡn hớt? Đáng gọi là phí uổng trăm năm!" Bậc thức giả biết Sư là bậc đức khí phi phàm).*

(Sớ) Trinh Quán tam niên, vãng Tây Vực thủ kinh, bị kinh hiểm nạn, lịch bách ngũ thập quốc, toại chí Xá Vệ. Thủ kinh lục bách dư bộ, Trinh Quán thập cửu niên hoàn kinh. Ư Ngọc Hoa Đài, phiên dịch kinh luận, tổng nhất thiên tam bách tam thập quyển. Ký ngọa tật, kiến đại

bạch liên hoa cập Phật tướng. Hữu hiếp lũy túc nhi thệ. Lưỡng nguyệt, sắc mạo như sanh. Tiên thị Tây hành chi nhật, phủ Linh Nghiêm Tự tùng, nhi tác thệ ngôn: "Ngô Tây khứ, nhữ Tây trưởng, ngô Đông quy, nhữ Đông hướng". Sư khứ, tùng Tây trưởng chí ư sổ trượng. Nhất nhật, hốt Đông hồi; môn đệ tử hỷ viết: "Sư quy hỹ". Dĩ nhi quả nhiên, thời hiệu Ma Đảnh Tùng vân. Án sư thệ ngôn tự yếu, bất sảng như thị, chân ngữ, thật ngữ. Diệc Thập sư thiệt căn bất hoại, chư Phật thiệt tướng quảng trường ý dã. Sở dịch thử kinh, yên khả bất tín? Liên tỷ giả, tiên hậu trùng dịch dã. Tiểu dị đại đồng giả, Phạn âm sảo biệt, cập ngữ hữu phồn giản, như Hằng hà, Căng Già, lục phương, thập phương chi loại; nhi đại ý nhất vô tương quai dã. Giai hoằng giả, Pháp Hoa tam dịch, Tần bổn thịnh hành. Thử kinh nhị dịch, diệc phục như thị.

(疏)貞觀三年，往西域取經，備經險難，歷百五十國，遂至舍衛。取經六百餘部，貞觀十九年還京。於玉華臺，翻譯經論，總一千三百三十卷。既臥疾，見大白蓮華及佛相。右脅累足而逝。兩月，色貌如生。先是西行之日，撫靈巖寺松，而作誓言：吾西去，汝西長，吾東歸，汝東向。師去，松西長至於數丈。一日，忽東迴；門弟子喜曰：師歸矣。已而果然，時號摩頂松云。按師誓言自要，不爽如是，真語實語。亦什師舌根不壞，諸佛舌相廣長意也。所譯此經，焉可不信？聯比者，先後重譯也。小異大同者，梵音稍別，及語有繁簡，如恆河殑伽，六方十方之類；而大意一無相乖也。皆弘者，法華三譯，秦本盛行。此經二譯，亦復如是。

*(**Sớ**: Năm Trinh Quán thứ ba (629), Sư sang Tây Vực thỉnh kinh, trải đủ mọi nỗi hiểm nạn, đi khắp một trăm năm mươi nước, dần dần đến Xá Vệ, thỉnh được hơn sáu trăm bộ kinh. Năm Trinh Quán mười chín, Ngài trở lại kinh thành. Phiên dịch kinh luận ở Ngọc Hoa Đài, tổng cộng một ngàn ba trăm ba mươi quyển. Đã nằm bệnh, Sư thấy hoa sen trắng to và hình tướng Phật. Sư xếp chân, nằm trên hông phải qua đời. Sư đã mất hai tháng mà sắc tướng, diện mạo vẫn như còn sống. Trước ngày Ngài sang Tây Trúc, đã vỗ vào cây tùng ở chùa Linh Nghiêm thề rằng: "Ta sang phương Tây, ngươi hãy mọc dài về phương Tây. Ta trở về phương Đông, ngươi hãy hướng về phương Đông". Sư đi rồi, cây tùng mọc dài về*

phía Tây đến mấy trượng. Một hôm, cây chợt mọc trở về phương Đông. Các đệ tử vui mừng nói: "Thầy về rồi đấy!" Quả nhiên là như thế. Khi ấy, người ta gọi cây tùng ấy là Cây Tùng Được Xoa Đầu. Xét thấy lời Sư tự thề chẳng sai sẩy như thế, [đó là] chân ngữ, thật ngữ; cũng có cùng một ý nghĩa với chuyện cái lưỡi của ngài La Thập chẳng hư nát và tướng lưỡi dài rộng của chư Phật vậy. Đối với kinh này do các Ngài dịch, há có thể chẳng tin?

"Ghép lại để so sánh" là [so sánh giữa] hai lần dịch trước và sau. Sai biệt đôi chút, phần lớn giống nhau: Âm tiếng Phạn hơi khác nhau, và từ ngữ có rườm rà hay đơn giản khác biệt. Ví dụ như Hằng hà và Căng Già, sáu phương và mười phương v.v... Nhưng đại ý là một, chẳng trái nghịch nhau. "Đều hoằng dương": Pháp Hoa có ba bản dịch, bản dịch đời Tần thịnh hành. Kinh này có hai bản dịch, cũng giống như thế).

Nhị, minh thích.

Thứ minh thích thử kinh giả, luận tắc hữu Thiên Thân Bồ Tát Vô Lượng Thọ Kinh Luận, giải tắc hữu Từ Ân Thông Tán, Hải Đông Sớ, Cô Sơn Sớ, nãi chí Đại Hựu Lược Giải đẳng.

(Sớ) Thiên Thân Bồ Tát giả, thường nhập Nhật Quang Định, thăng Đâu Suất thiên cung nội viện, thân cận Từ Thị, tạo Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá. Ưu Bà Đề Xá giả, thử vân "phân biệt nghĩa". Từ Ân pháp sư giả, húy Khuy Cơ, tánh Uất Trì thị, Kính Đức do tử dã. Trang sư độ chi xuất gia. Học thông Đại Tiểu, tạo sớ kế khả bách quyển. Thích Di Lặc Hạ Sanh Kinh, bút phong đắc xá-lợi nhị thất lạp. Phục thị Tây Phương yếu nghĩa, hữu Di Đà Kinh Thông Tán nhất quyển. Hải Đông pháp sư giả, húy Nguyên Hiểu. Kỳ sớ thử kinh, đại suất y luận vi chủ. Cô Sơn Viên pháp sư giả, thập sớ lưu thông, thử sớ cư nhất.

(Diễn) Cô Sơn thập sớ thông kinh giả. Nhất, Văn Thù Bát Nhã Kinh. Nhị, Di Giáo Kinh. Tam, Bát Nhã Tâm Kinh. Tứ, Thụy Ứng Kinh. Ngũ, Tứ Thập Nhị Chương Kinh. Lục, Bất Tư Nghị Pháp Môn Kinh. Thất, Vô Lượng Thọ Kinh. Bát, Phổ Hiền Quán Kinh. Cửu, A Di Đà Kinh. Thập, Thủ Lăng Nghiêm Kinh. Thế xưng Thập Kinh Sớ Chủ vân.

二、明釋。

次明釋此經者，論則有天親菩薩無量壽經論，解則有慈恩通贊，海東疏，孤山疏，乃至大佑略解等。

(疏)天親菩薩者，常入日光定，昇兜率天宮內院，親覲慈氏，造無量壽經優婆提舍。優婆提舍者，此云分別義。慈恩法師者，諱窺基，姓尉遲氏，敬德猶子也。奘師度之出家。學通大小，造疏計可百卷。釋彌勒下生經，筆鋒得舍利二七粒。復示西方要義，有彌陀經通贊一卷。海東法師者，諱元曉。其疏此經，大率依論為主。孤山圓法師者，十疏流通，此疏居一。

(演)孤山十疏通經者 。一、文殊般若經 。二、遺教經。三、般若心經。四、瑞應經。五、四十二章經。六、不思議法門經。七、無量壽經。八、普賢觀經。九、阿彌陀經。十、首楞嚴經。世稱十經疏主云。

(Hai, nói về chuyện giải thích kinh.

Tiếp theo là nói đến chuyện giải thích kinh này, về luận thì có Vô Lượng Thọ Kinh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, về giải thì có Thông Tán của ngài Từ Ân, Hải Đông Sớ, Cô Sơn Sớ, cho đến cuốn Lược Giải của ngài Đại Hựu v.v...

***Sớ**: Thiên Thân Bồ Tát thường nhập Nhật Quang Định, lên nội viện của cung trời Đâu Suất, thân cận ngài Từ Thị, soạn Vô Lượng Thọ Kinh Ưu Bà Đề Xá. Ưu Bà Đề Xá được cõi này dịch là "phân biệt nghĩa". Pháp sư Từ Ân húy là Khuy Cơ, họ Uất Trì, là cháu của Uất Trì Kính Đức (Uất Trì Cung), được ngài Huyền Trang độ xuất gia. Học thông suốt Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Soạn sớ giải tính ra cả trăm quyển. Khi Ngài chú giải Di Lặc Hạ Sanh Kinh, trên đầu ngọn bút, thu được mười bốn hạt xá-lợi. Ngài lại chỉ bày ý nghĩa trọng yếu của Tây Phương, có Di Đà Kinh Thông Tán Sớ một quyển. Pháp sư Hải Đông, húy là Nguyên Hiểu. Sư sớ giải kinh này, nói chung lấy Vãng Sanh Luận làm chủ. Pháp sư Cô Sơn Viên có mười bản sớ lưu thông, sớ giải kinh này đứng đầu.*

***Diễn**: "Mười bản sớ giải thích kinh của ngài Cô Sơn": Một là kinh Văn Thù Bát Nhã, hai là kinh Di Giáo, ba là Bát Nhã Tâm Kinh, bốn là kinh Thụy Ứng, năm là Tứ Thập Nhị Chương Kinh, sáu là kinh Bất Tư Nghị Pháp Môn, bảy là kinh Vô Lượng Thọ, tám là Phổ Hiền Quán Kinh, chín là kinh A Di Đà, mười là kinh Thủ Lăng Nghiêm. Người đời gọi Ngài là Thập Kinh Sớ Chủ).*

(Sớ) Nghĩa Uyên, Tịnh Giác, Việt Khê đẳng lịch đại chư sư chủng chủng giải thích suất đa tán một. Chí Nguyên, Đại Hựu sư giả, nãi hữu Lược Giải. Kim duy Hải Đông, Việt Khê, Đại Hựu sở giải cẩn tồn nhi dĩ. Thế viễn, nhân vong, kinh tàn, giáo thỉ, toại linh như thị quảng đại thâm viễn pháp môn, bất đắc nhân nhân hiểu liễu, ninh bất bi phù?

(疏)義淵、淨覺、越溪等歷代諸師種種解釋率多散沒。至元、大佑師者，乃有略解。今唯海東、越溪、大佑所解僅存而已。世遠人亡 ，經殘教弛 ，遂令如是廣大深遠法門，不得人人曉了，寧不悲夫？

*(**Sớ**: Trải qua các đời, các tác phẩm giải thích của những vị sư như Nghĩa Uyên, Tịnh Giác, Việt Khê v.v... phần nhiều bị thất lạc. Trong niên hiệu Chí Nguyên, sư Đại Hựu bèn có bộ Lược Giải. Nay chỉ còn các bản chú giải của Hải Đông, Việt Khê và Đại Hựu còn tồn tại trên cõi đời mà thôi, đời đã xa, người đã khuất, kinh tàn, giáo suy vi, khiến cho pháp môn rộng lớn sâu xa như thế này mà không phải ai nấy cũng đều thấu hiểu, há chẳng đáng buồn ư?)*

Nhược phù viễn thừa Phật chỉ, hoằng xiển bí tông, vi luận, vi văn, vi tập, vi lục, vi truyện, vi kệ, vi phú, vi thi, giao tán hỗ dương, kỳ lệ bất ức. Mạc bất đinh ninh khẩn cáo, cảm khái bi ca, phổ khuyến mê lưu, đồng quy giác lộ, nhất tằng quá mục, khả phất minh tâm?

(Sớ) Thượng văn chuyên chỉ chú thích thử kinh. Kim vị kỳ dư tán vịnh Tịnh Độ, sở hữu ngôn từ bất khả thắng kỷ. Vi luận, như Thập Nghi, Bảo Vương đẳng. Vi văn, như Long Thư, Vô Tận đẳng. Vi tập, như Quyết Nghi, Chỉ Quy đẳng. Vi lục, như Tịnh Độ Tự Tín đẳng. Vi truyện, như Tịnh Độ Lược Truyện đẳng. Vi kệ, như Kính Lộ Tu Hành đẳng. Vi phú, như Thần Thê An Dưỡng đẳng. Vi thi, như Chư Gia Hoài Tịnh Độ đẳng.

(Diễn) Bảo Vương Luận đẳng giả, Thảo Đường Phi Tích pháp sư, tác Niệm Phật Bảo Vương Tam Muội Luận. Thiên Thai Trí Giả đại sư, tác Thích Thập Nghi Luận. Long Thư cư sĩ Vương Nhật Hưu, tác Tịnh Độ Văn. Vô Tận cư sĩ Trương Thương Anh, tác Cầu Sanh Tịnh Độ Văn. Thị Lang Vương Cổ, tác Trực Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập. Ngô quận sa-môn Đại Hựu, tác Tịnh Độ Chỉ Quy Tập. Vô Công cư sĩ Vương Điền, tác Tịnh Độ Tự Tín Lục. Từ Vân sám chủ Tuân Thức, tác Tịnh Độ Lược Truyện. Thiện Đạo hòa thượng tác kệ, kệ vân: "Tiệm tiệm kê bì hạc phát, khán khán hành bộ long chung. Duy hữu kính lộ

tu hành, đản niệm A Di Đà Phật". Vĩnh Minh thiền sư, tác Thần Thê An Dưỡng Phú. Chư gia hoài Tịnh Độ thi, như Trung Phong, Tây Trai Sở Thạch, chư Sư đẳng.

若夫遠承佛旨，弘闡祕宗，為論為文，為集為錄，為傳為偈，為賦為詩，交讚互揚，其麗不億。莫不叮嚀懇告，感慨悲歌，普勸迷流，同歸覺路，一曾過目，可弗銘心？

(疏)上文專指註釋此經。今謂其餘讚詠淨土，所有言辭不可勝紀。為論，如十疑、寶王等。為文，如龍舒、無盡等。為集，如決疑、指歸等。為錄，如淨土自信等。為傳，如淨土略傳等。為偈，如徑路修行等。為賦，如神棲安養等。為詩，如諸家懷淨土等。

(演)寶王論等者，草堂飛錫法師，作念佛寶王三昧論。天台智者大師，作釋十疑論。龍舒居士王日休，作淨土文。無盡居士張商英永明壽禪師作求生淨土文。侍郎王古，作直指淨土決疑集。吳郡沙門大佑，作淨土指歸集。無功居士王闓，作淨土自信錄。慈雲懺主遵式，作淨土略傳。善導和尚作偈，偈云：漸漸雞皮鶴髮，看看行步龍鍾。惟有徑路修行，但念阿彌陀佛。永明禪師，作神棲安養賦。諸家懷淨土詩，如中峰，西齋楚石，諸師等。

(Như những tác phẩm kính vâng ý chỉ của Phật, hoằng truyền, xiển dương tông chỉ kín nhiệm, viết luận, soạn văn, soạn tập, soạn sách, soạn truyện, viết kệ, viết phú, làm thơ, cùng nhau tán dương, chẳng thể kể xiết! Không gì chẳng đau đáu khẩn thiết bảo ban, cảm khái bi ca, khuyên khắp những kẻ đang mê muội hãy trở về đường giác, hễ chạm qua mắt, há chẳng ghi khắc trong lòng ư?

***Sớ**: Những câu trong phần trên chuyên nói về việc chú thích kinh này; còn phần này nói đến những tác phẩm khác ca ngợi, ngâm vịnh Tịnh Độ. Tất cả ngôn từ chẳng thể nào ghi chép trọn hết được. Soạn luận thì như Thập Nghi Luận, Niệm Phật Bảo Vương Tam Muội Luận v.v... Soạn văn thì như Long Thư, Vô Tận v.v... Viết thành Tịnh Độ Tập thì như Tịnh Độ Quyết Nghi Tập, Tịnh Độ Chỉ Quy Tập v.v... Soạn lục là như Tịnh Độ Tự Tín v.v... Viết truyện là như Tịnh Độ Lược Truyện v.v... Viết kệ như*

Kính Lộ Tu Hành v.v... Viết phú như bài phú Thần Thê An Dưỡng v.v... Làm thơ thì như Chư Gia Hoài Tịnh Độ v.v...

***Diễn**: "Bảo Vương Luận…": Pháp sư Thảo Đường Phi Tích soạn Niệm Phật Bảo Vương Tam Muội Luận. Thiên Thai Trí Giả đại sư soạn Thích Thập Nghi Luận. Long Thư cư sĩ Vương Nhật Hưu viết [Long Thư] Tịnh Độ Văn. Cư sĩ Vô Tận Trương Thương Anh viết Cầu Sanh Tịnh Độ Văn. Thị Lang Vương Cổ viết Trực Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập. Sa-môn Đại Hựu ở Ngô quận soạn Tịnh Độ Chỉ Quy Tập. Cư sĩ Vô Công Vương Điền soạn Tịnh Độ Tự Tín Lục. Từ Vân sám chủ Tuân Thức viết Tịnh Độ Lược Truyện. Thiện Đạo hòa thượng viết bài kệ có đoạn: "Dần dần da gà, tóc hạc, nhìn xem chân bước rung rinh, chỉ có đường tắt tu hành, chỉ niệm A Di Đà Phật". Thiền sư Vĩnh Minh soạn bài phú Thần Thê An Dưỡng. Thơ của các vị tưởng nhớ Tịnh Độ như thơ của các vị pháp sư Trung Phong, Tây Trai Sở Thạch v.v…)*

(Sớ) Cáo nhi viết khẩn, chân thành chi ngữ, ký kỳ tín thọ nhi phụng hành dã. Ca nhi viết bi, thê sở chi từ, hoặc năng cảm phát nhi hưng khởi dã. Lệ, sổ dã. Bất ức giả, ức bất túc dĩ tận chi, ngôn đa dã. Thử giai Tịnh Độ thánh hiền thiên ngôn vạn ngữ, bất yếm phồn trùng, trực dục sanh tử hải trung, tận khiết chúng sanh ư bỉ ngạn nhi hậu dĩ. Ngã đẳng ưng đương hàm ân báo đức, lũ cốt minh tâm, triển chuyển lưu thông, đệ tương khuyến đạo. Như kỳ trí nhi bất lãm, lãm nhi bất tín, bất viết ngu mông chi huấn, tắc viết ký ngụ chi đàm, độc thả nại chi hà tai!

(疏)告而曰懇，真誠之語，冀其信受而奉行也。歌而曰悲，淒楚之辭，或能感發而興起也。麗，數也。不億者，億不足以盡之，言多也。此皆淨土聖賢千言萬語，不厭繁重，直欲生死海中，盡挈眾生於彼岸而後已。我等應當銜恩報德，縷骨銘心，展轉流通，遞相勸導。如其置而不覽，覽而不信，不曰愚蒙之訓，則曰寄寓之談，獨且奈之何哉。

*(**Sớ**: Bảo ban mà nói là "khẩn thiết", [ngụ ý] lời lẽ chân thành, mong mỏi họ (người nghe) sẽ tin nhận rồi vâng làm theo. Lời ca được gọi là bi thương, [ngụ ý] lời lẽ thê lương, may ra sẽ cảm động, khơi gợi lòng người, khiến họ hăng hái tu tập. Lệ là tính đếm. "Bất ức": Ngay cả con số Ức cũng chẳng đếm trọn hết, ý nói nhiều lắm. Những tác phẩm ấy đều là ngàn vạn lời lẽ của các bậc thánh hiền Tịnh Độ, chẳng ngại rườm lời*

lặp đi lặp lại, chỉ vì muốn đưa hết chúng sanh trong biển sanh tử lên bờ kia mới thôi.

Chúng ta hãy nên nhớ ơn, báo đức, ghi xương, tạc dạ, xoay vần lưu thông, lần lượt khuyên dạy lẫn nhau. Nếu để đó, không xem tới, hoặc xem mà chẳng tin; nếu chẳng chê là lời dạy của kẻ ngu muội, tối tăm, thì cũng phán là chuyện ngụ ngôn, [đối với những kẻ ấy] chỉ đành chẳng biết làm sao được nữa?)

Tam, minh tụng.

Thứ minh tụng thử kinh giả, như thiệt căn bất hoại, thiên nhạc Tây nghênh, phương giải oán nhi vãng sanh, vị chung quyển nhi tọa thoát, quy như nhập Định; chung đổ bạch liên, ngân đài nhi dịch kim đài, thô nhạc nhi lai tế nhạc.

(Sớ) Thiệt căn bất hoại giả, Trí Luận vân: "Hữu tỳ-kheo tụng Di Đà kinh. Mạng dục chung thời, ngữ đệ tử ngôn: 'A Di Đà Phật dữ chư đại chúng, câu lai nghênh ngã'. Hậu tùng hỏa táng, thiệt căn bất hôi, sắc tướng tự nhược". Thiên nhạc Tây nghênh giả, Tống Đường Thế Lương, tụng Di Đà kinh thập vạn quá. Nhất nhật, vị gia nhân viết: "Phật lai nghênh ngã". Ngôn dĩ, tác lễ, tọa thệ. Kỳ dạ, hữu Lợi hành nhân, tại Đạo Vị sơn thượng, mộng Tây Phương dị quang, phan, hoa tân phân, âm nhạc liệu lượng, không trung thanh vân: "Đường Thế Lương dĩ sanh Tịnh Độ". Giải oán vãng sanh giả, Tống Thượng Ngu dân Phùng Mân, thiếu sự du liệp. Kiến cự xà, trì sáo tương vãng, thích chi. Thời xà tại nham hạ, dục phệ hoàng độc. Mân thôi nham thạch áp chi, chí tử. Xà lũ vi túy; Mân tu sám, niệm Phật kinh niên, xà bất năng hại. Nhất nhật, thỉnh đồng xã tịnh lữ, tụng Di Đà kinh, hiệp chưởng nhi hóa. Vị chung tọa thoát giả, Tấn Trí Tiên pháp sư, hiệu Chân Giáo, trụ Bạch Liên Tự. Thập tam niên Tây hướng thập niệm, thập nhị thời bất tạm phế. Nhất tịch vi tật, mạng quán đường hành nhân tụng Di Đà kinh. Vị chung quyển, an nhiên tọa thoát. Quy như nhập Định giả, Tống Thích Xử Khiêm tinh tu Tịnh Độ. Nhất tịch, tụng Di Đà kinh tất, xưng tán Tịnh Độ, cáo chúng viết: "Ngô dĩ vô sanh nhi sanh Tịnh Độ". Như nhập Thiền Định, yểm nhiên nhi hóa. Chung đổ bạch liên giả, Tống Gia Hòa quận Chung ẩu, nhật tụng Di Đà kinh thập biến, niệm Phật bất chuyết. Nhất nhật, ngữ kỳ tử viết: "Kiến bạch liên hoa vô số, chúng thánh nghênh ngã". Toại đoan tọa, tủng thân hóa khứ. Ngân đài kim đài giả, Hoài Ngọc thiền sư, Thai Châu nhân, bố y, nhất thực, thường tọa, bất ngọa, tinh tấn niệm Phật, tụng Di Đà kinh tam thập vạn biến. Nhất nhật kiến Tây Phương thánh chúng, đa nhược Hằng sa.

Nhất kình ngân đài, tùng song nhi nhập. Ngọc viết: "Ngô nhất sanh tinh tấn, thệ thủ kim đài, vi hà đắc thử?" Ngân đài toại ẩn. Ngọc cảm kích, bội phục tinh tấn. Tam thất nhật hậu, kiến Phật mãn không trung, nãi vị đệ tử viết: "Kim đài lai nghênh. Ngô sanh Tịnh Độ hỹ". Thuyết kệ, hàm tiếu nhi thệ. Quận thủ Đoàn công dị chi, tác thi tán mỹ. Hữu "chi đê chỉ vị quải kim đài" chi cú vân.

(Diễn) Chi đê chỉ vị quải kim đài giả, thi vân: "Ngã sư nhất niệm đăng Sơ Địa, Phật quốc sanh ca lưỡng độ lai. Duy hữu môn tiền cổ hòe thụ, chi đê chỉ vị quải kim đài".

三、明誦。

次明誦此經者，如舌根不壞，天樂西迎，方解冤而往生，未終卷而坐脫，歸如入定；終睹白蓮，銀臺而易金臺，粗樂而來細樂。

(疏)舌根不壞者，智論云：有比丘誦彌陀經。命欲終時，語弟子言：阿彌陀佛與諸大眾，俱來迎我。後從火葬，舌根不灰，色相自若。天樂西迎者，宋唐世良，誦彌陀經十萬過。一日謂家人曰：佛來迎我。言已，作禮，坐逝。其夜有利行人，在道味山上，夢西方異光，旛華繽紛，音樂嘹喨，空中聲云：唐世良已生淨土。解冤往生者，宋上虞民馮珉，少事遊獵。見巨蛇，持矟將往刺之。時蛇在巖下，欲噬黃犢。珉推巖石壓之，至死。蛇屢為祟；珉修懺，念佛經年，蛇不能害。一日請同社淨侶，誦彌陀經，合掌而化。未終坐脫者，晉智仙法師，號真教，住白蓮寺。十三年西向十念，十二時不暫廢。一夕微疾，命觀堂行人誦彌陀經。未終卷，安然坐脫。歸如入定者，宋釋處謙，精修淨土。一夕，誦彌陀經畢，稱讚淨土，告眾曰：吾以無生而生淨土。如入禪定，奄然而化。終睹白蓮者，宋嘉禾郡鍾嫗，日誦彌陀經十遍，念佛不輟。一日，語其子曰：見白蓮華無數，眾聖迎我。遂端坐，聳身化去。銀臺金臺者，懷玉禪師，台州人，布衣一食，常坐不臥，精進念佛，誦彌陀經三十萬遍。一日見西方聖眾，多若恆沙。一擎銀

臺，從窗而入。玉曰：吾一生精進，誓取金臺，為何得此？銀臺遂隱。玉感激，倍復精進。三七日後，見佛滿空中，乃謂弟子曰：金臺來迎。吾生淨土矣。說偈，含笑而逝。郡守段公異之，作詩讚美。有枝低只為掛金臺之句云。

(演)枝低只為挂金臺者，詩云：我師一念登初地，佛國笙歌兩度來。惟有門前古槐樹，枝低只為挂金臺。

(Ba, nói về sự cảm ứng do đọc tụng.

Tiếp đó, nói: Người tụng kinh này lưỡi chẳng hư hoại, nhạc trời đón về Tây, giải trừ hờn oán rồi vãng sanh, tụng kinh chưa hết một quyển đã ngồi qua đời, trở về [Cực Lạc] như nhập Định; khi mất, thấy hoa sen trắng, đài bạc đổi thành đài vàng, nhạc thô tháp rồi đến nhạc vi diệu.

***Sớ**: "Lưỡi chẳng hoại": Trí Độ Luận chép: Có tỳ-kheo tụng kinh Di Đà. Lúc sắp lâm chung, bảo đệ tử: "A Di Đà Phật và đại chúng đều đến đón ta". Sau đấy, [đệ tử] đem [nhục thân của Sư] hỏa táng, lưỡi chẳng cháy thành tro, sắc tướng vẫn giống hệt như cũ.*

"Nhạc trời đón về Tây": Đời Tống, Đường Thế Lương tụng kinh Di Đà hơn mười vạn biến. Một hôm, bảo người nhà: "Phật đến đón ta". Nói xong, làm lễ, ngồi qua đời. Đêm ấy, có người tu hành tên Lợi ở trên núi Đạo Vị, mộng thấy phương Tây có ánh sáng lạ, tràng phan và hoa phấp phới, âm nhạc vang rền. Trong hư không có tiếng nói: "Đường Thế Lương đã sanh về Tịnh Độ".

"Giải oán kết, vãng sanh": Vào đời Tống, tại Thượng Ngu, có một người dân tên là Phùng Mân, thuở trẻ thích săn bắn. Thấy một con rắn to, Mân liền vác mâu đến đâm nó. Lúc ấy, rắn ở dưới vách núi, toan cắn con bê vàng. Phùng Mân đẩy đá từ vách núi xuống, đè chết rắn. Rắn nhiều lần hiện hồn quấy phá. Ông Mân tu sám, niệm Phật nhiều năm, rắn chẳng thể hại được. Một hôm, ông mời các bạn thanh tịnh cùng liên xã, tụng kinh Di Đà, chắp tay qua đời.

"Chưa tụng xong mà đã ngồi qua đời": Đời Tấn, pháp sư Trí Tiên, hiệu là Chân Giáo, trụ tại chùa Bạch Liên, suốt mười ba năm hướng về phương Tây, tu thập niệm, trong suốt mười hai thời chẳng tạm bỏ. Một tối, Sư hiện chút bệnh nhẹ, bảo những người đang làm việc trong trai đường hãy tụng kinh Di Đà. Tụng chưa hết quyển kinh, Sư đã ngồi lặng lẽ qua đời.

"Về [Cực Lạc] như nhập Định" là ngài Thích Xử Khiêm đời Tống tu ròng Tịnh Độ. Một tối, Sư tụng kinh Di Đà xong, khen ngợi Tịnh Độ,

bảo đại chúng: "Ta do vô sanh mà sanh Tịnh Độ". Sư như nhập Thiền Định, đột nhiên qua đời.

"Lâm chung thấy hoa sen trắng": Đời Tống, bà lão họ Chung ở quận Gia Hòa, hằng ngày tụng kinh Di Đà mười biến, niệm Phật chẳng bỏ sót. Một hôm, cụ bảo con: "Mẹ thấy hoa sen trắng vô số, các vị thánh đến đón mẹ". Bà cụ bèn ngồi ngay ngắn, thân khẽ động, đã tịch rồi.

"Đài bạc, đài vàng": Thiền sư Hoài Ngọc, người xứ Thai Châu, mặc áo vải, ngày ăn một bữa, thường ngồi, chẳng nằm, tinh tấn niệm Phật, tụng kinh Di Đà ba mươi vạn biến. Một hôm, Sư thấy Tây Phương thánh chúng nhiều như cát sông Hằng. Một vị bưng đài bạc, theo cửa sổ mà vào. Hoài Ngọc nói: "Ta cả đời tinh tấn, thề lấy được đài vàng, vì sao được đài này?" Đài bạc liền ẩn. Hoài Ngọc cảm kích, tinh tấn gấp bội. Hai mươi mốt ngày sau, Sư thấy Phật đầy ắp trên hư không. Sư bèn bảo đệ tử: "Đài vàng đến đón. Ta sanh về Tịnh Độ!" Nói kệ, mỉm cười, qua đời. Viên quan họ Đoàn đứng đầu quận ấy lấy làm lạ, làm thơ ca ngợi. Trong ấy có câu "đài vàng treo trĩu nặng cành cây".

***Diễn**: "Đài vàng treo trĩu nặng cành cây": Thơ rằng: "Thầy ta một niệm lên Sơ Địa, Phật quốc hai lần nhạc nghênh vang. Chỉ cội hòe già ngoài cổng chính, đài vàng treo trĩu nặng cành cây".*

(Sớ) Thô nhạc, tế nhạc giả, Nguyên Tử Hoa thiền sư, Đại Lịch cửu niên, ư Nhuận Châu Quán Âm Tự, tụng Di Đà kinh lục nguyệt. Hốt đắc tật, dạ văn hương khí, nhạc âm. Không trung cáo viết: "Thô nhạc dĩ quá, tế nhạc tục lai, quân đương vãng sanh". Lương cửu, niệm Phật nhi hóa. Dị hương liên nhật bất tán.

(疏)粗樂細樂者，元子華禪師，大歷九年，於潤州觀音寺，誦彌陀經六月。忽得疾，夜聞香氣樂音。空中告曰：粗樂已過，細樂續來，君當往生。良久，念佛而化。異香連日不散。

*(**Sớ**: "Nhạc thô tháp, nhạc vi diệu": Đời Nguyên, thiền sư Tử Hoa vào năm Đại Lịch thứ chín (774), tụng kinh Di Đà suốt sáu tháng tại chùa Quán Âm ở Nhuận Châu. Sư chợt mắc bệnh; đêm ngửi thấy mùi hương, nghe tiếng nhạc. Trong hư không, có tiếng bảo: "Nhạc thô vụng đã hết, nhạc tinh tế sẽ tiếp tục vang, ông sẽ vãng sanh". Hồi lâu sau, Sư niệm Phật qua đời. Mùi hương lạ đọng lại cả ngày chẳng tan).*

Hựu nhược thư tả tắc hóa bị thương sanh, giảng diễn tắc tường phù bạch hạc.

(Sớ) Thư tả giả, Đường Thiện Đạo đại sư, phàm đắc sấn thí, dụng tả Di Đà kinh thập vạn quyển, khuyến nhân thọ trì. Diệc hữu độc tụng chí thập vạn biến giả, ngũ thập vạn biến giả. Tăng tục quy ngưỡng, chí hữu cảm cực, phần thân cúng dường, đắc Niệm Phật tam-muội giả, bất khả thắng kỷ. Giảng diễn giả, Tống Trầm Tam Lang, vãn tuế hồi tâm niệm Phật. Nhân bệnh, thỉnh tăng giảng Di Đà kinh, dịch y nhi chung. Súc tất dục khởi, nhị tử cục ư danh giáo, dĩ dịch khám vi nan, duệ kỳ hĩnh trực chi. Tương nhập liệm, hốt cử thủ xuất y bị, cù nhiên nhi tọa, cử gia đại kinh. Nhị tử cấp tiền phù vệ, nãi dĩ trửu tiết trúy chi. Tử viết: "Trợ phụ tọa thoát nhĩ", cánh tọa thệ. Trà-tỳ, hữu bạch hạc nhị thập cửu chích, phi minh vân biểu, cửu chi Tây khứ.

又若書寫則化被蒼生，講演則祥符白鶴。

(疏)書寫者，唐善導大師，凡得襯施，用寫彌陀經十萬卷，勸人受持。亦有讀誦至十萬遍者，五十萬遍者。僧俗歸仰，至有感極。焚身供養，得念佛三昧者，不可勝紀。講演者，宋沈三郎，晚歲回心念佛。因病，請僧講彌陀經，易衣而終。縮膝欲起，二子局於名教，以易龕為難，曳其脛直之。將入斂，忽舉首出衣被，瞿然而坐，舉家大驚。二子急前扶衛，乃以肘節捶之。子曰：助父坐脫耳。竟坐逝。荼毗，有白鶴二十九隻，飛鳴雲表，久之西去。

(Lại nữa, như biên chép giáo hóa trọn khắp phàm dân, giảng diễn ắt hiện điềm lành hạc trắng.

*(**Sớ**: "Biên chép": Đời Đường, Thiện Đạo đại sư hễ được cúng dường, bèn dùng để chép kinh Di Đà, số đến mười vạn quyển. Sư khuyên người khác thọ trì, cũng có người đọc tụng tới mười vạn biến, hay năm mươi vạn biến. Tăng, tục quy y ngưỡng mộ, đến nỗi có người cảm mộ cùng cực, đã đốt thân cúng dường. Người đắc Niệm Phật tam-muội chẳng thể ghi xiết.*

"Giảng diễn": Ông Trầm Tam Lang đời Tống, tuổi già, hồi tâm niệm Phật. Do bị bệnh, ông thỉnh Tăng giảng kinh Di Đà, thay áo, qua đời. Ông co chân toan ngồi dậy, hai đứa con trai câu nệ danh giáo, cho là khó thể đổi hòm, bèn kéo chân cha cho thẳng ra. Lúc sắp nhập liệm, ông ta đột nhiên thò đầu ra khỏi vải liệm, đột ngột ngồi dậy, cả nhà kinh

hãi. Hai đứa con trai vội tiến lên nâng đỡ, ông ta bèn dùng khuỷu tay huých họ. Con bèn nói: "Giúp cha ngồi qua đời mà". Ông ta bèn ngồi qua đời. Lúc hỏa thiêu, có hai mươi chín con hạc trắng bay lượn, hót ríu rít trong mây, hồi lâu sau, bay về phía Tây).

Hiện tiền cảm ứng, tắc bảo địa dao quán, khắc thủ vãng sanh, tắc Niết Bàn phi tỷ. Như tư cảm ứng, lũ kiến cổ kim.

(Sớ) Bảo địa dao quán giả, Đường Đại Hành thiền sư, sơ tu Phổ Hiền Sám; hậu nhập Đại Tạng, tùy thủ thủ quyển, đắc Di Đà kinh, nhật dạ tụng vịnh. Chí tam thất nhật, đổ lưu ly địa thượng, Phật cập nhị đại sĩ hiện tiền. Hy Tông văn kỳ sự, chiếu nhập nội đình, tứ hiệu Thường Tinh Tấn Bồ Tát. Hậu lưu ly địa phục kiến, tức nhật mạng chung, dị hương kinh tuần, nhục thân bất hoại. Niết Bàn phi tỷ giả, Lương Đạo Trân pháp sư, Thiên Giám trung, khế tích Lư Sơn, mộ Viễn công tịnh nghiệp. Thiền tọa trung, hốt kiến hải thượng sổ bách nhân thừa bảo phảng tiền mại. Sư vấn: "Hà chi?" Đáp viết: "Vãng Cực Lạc quốc". Nhân cầu phụ tải. Báo vân: "Pháp sư tuy thiện giảng Niết Bàn kinh, diệc đại bất khả tư nghị. Nhiên vị tụng Di Đà kinh, khởi đắc đồng vãng?" Sư toại phế giảng, niệm Phật, tụng Di Đà kinh cập nhị vạn biến. Tương chung tứ thất nhật tiền, dạ tứ cổ, kiến Tây Phương ngân đài lai chí, không trung kiểu như bạch nhật. Thanh vân: "Pháp sư đương thừa thử đài vãng sanh". Thời chúng hàm văn thiên nhạc, dị hương. Sổ nhật hương do vị tán. Kỳ dạ, phong đảnh tự Tăng, dao kiến cốc khẩu hỏa cự sổ thập, minh liệu triệt dạ, thứ nhật nãi tri Sư thệ. Như thượng sở lục, giai tu nhân chứng quả, thử cảm, bỉ ứng, điệp kiến tằng xuất, tự cổ cập kim, vị cập mai cử.

現前感應，則寶地遙觀，剋取往生，則涅槃非比。如斯感應，屢見古今。

(疏)寶地遙觀者，唐大行禪師，初修普賢懺；後入大藏，隨手取卷，得彌陀經，日夜誦詠。至三七日，睹琉璃地上，佛及二大士現前。僖宗聞其事，詔入內庭，賜號常精進菩薩。後琉璃地復見，即日命終，異香經旬，肉身不壞。涅槃非比者，梁道珍法師，天監中，憩錫盧山，慕遠公淨業。禪坐中，忽見海上數百人乘寶舫前邁。師問：何之？答曰：往極樂國。因求附載。報云：法師雖善講涅槃

經，亦大不可思議。然未誦彌陀經，豈得同往？師遂廢講，念佛，誦彌陀經及二萬遍。將終四七日前，夜四鼓，見西方銀臺來至，空中皎如白日。聲云：法師當乘此臺往生。時眾咸聞天樂，異香。數日香猶未散。其夜峰頂寺僧，遙見谷口火炬數十，明燎徹夜，次日乃知師逝。如上所錄，皆修因證果，此感彼應，疊見層出，自古及今，未及枚舉。

(Cảm ứng trong hiện tiền thì dõi trông đất báu, ước định kỳ hạn vãng sanh, kinh Niết Bàn chẳng thể sánh bằng. Những sự cảm ứng như vậy, xưa nay thấy rất nhiều.

***Sớ**: "Dõi trông đất báu": Đời Đường, thiền sư Đại Hành thoạt đầu tu Phổ Hiền Sám Pháp. Về sau, vào chỗ cất giữ Đại Tạng Kinh, tiện tay rút ra một quyển, bèn rút được kinh Di Đà. Sư ngày đêm tụng niệm, tán thán. Tới hai mươi mốt ngày, thấy trên đất lưu ly, đức Phật và hai vị đại sĩ hiện tiền. Vua Hy Tông nghe chuyện này, hạ chiếu vời Sư vào cung, ban danh hiệu Thường Tinh Tấn Bồ Tát. Sau đó, Sư lại thấy đất lưu ly, mạng chung ngay trong ngày hôm ấy. Mùi hương lạ đọng lại cả mười ngày, nhục thân chẳng hư.*

"Niết Bàn chẳng thể sánh bằng": Đời Lương, pháp sư Đạo Trân trong niên hiệu Thiên Giám, trụ tại Lư Sơn, ngưỡng mộ Tịnh nghiệp của tổ Huệ Viễn. Trong khi ngồi Thiền, Sư chợt thấy trên biển có mấy trăm người ngồi trên thuyền báu tiến về trước. Sư hỏi: "Đi đâu thế?" Họ đáp: "Đến cõi Cực Lạc". Do vậy, Sư bèn xin ngồi nhờ thuyền của họ. Họ đáp: "Pháp sư tuy khéo giảng kinh Niết Bàn cũng là rất chẳng thể nghĩ bàn; nhưng chưa tụng kinh Di Đà, làm sao cùng đi được?" Sư bèn bỏ giảng, niệm Phật, tụng kinh Di Đà đến hai vạn biến. Hai mươi tám ngày trước khi mất, lúc canh tư ban đêm, Sư thấy từ Tây Phương có đài bạc đưa tới. Trên trời sáng như ban ngày, có tiếng nói: "Pháp sư nên ngồi đài này mà vãng sanh". Khi ấy, đại chúng đều nghe thấy nhạc trời và ngửi thấy mùi hương lạ. Mùi hương ấy mấy ngày chẳng tan. Đêm hôm ấy, vị Tăng sống trên đỉnh núi, nhìn thấy xa xa ở ngoài cửa hang núi có mấy chục ánh đuốc sáng ngời suốt đêm. Hôm sau mới biết Sư đã tịch. Những điều được ghi chép như trên đây đều do tu nhân chứng quả, ở đây cảm, bên kia sẽ ứng. [Những chuyện cảm ứng như thế này] thường được thấy nghe, từ xưa đến nay, chẳng thể nêu trọn).

Tứ, minh trì.

Nhược trì danh giả, hoặc nhất niệm nhi phi nhất quang, hoặc nhất thanh nhi xuất nhất Phật, hoặc hưởng di lâm cốc, hoặc âm triệt cung vi, hoặc lục thời hệ niệm, nhi y chánh doanh không, hoặc thập tự tiêu tâm, nhi thánh hiền nhập hội. Kịp hồ chiêu đại, tục hữu danh lưu.

(Sớ) Thử chánh minh chấp trì danh hiệu dã. Tịnh nghiệp chư hiền, đa bất phồn tải. Cô cử chiêu chước thế nhân nhĩ mục giả nhất nhị, dĩ vi khích khuyến. Phi quang giả, Đường Thiện Đạo đại sư, nhân vấn "niệm Phật đắc sanh Tịnh Độ phủ?" Đáp viết: "Như nhữ sở niệm, toại nhữ sở nguyện". Ư thị, Đạo nãi tự niệm A Di Đà Phật nhất thanh, tắc hữu nhất quang tùng kỳ khẩu xuất. Thập thanh chí bách, quang diệc như chi. Quang minh mãn thất. Đế văn kỳ sự, sắc sở cư vi Quang Minh Tự. Hậu đăng liễu thụ, đoan tọa nhi hóa. Xuất Phật giả, Thiếu Khang pháp sư tại Ô Long sơn, kiến Tịnh Độ đạo tràng, khuyến nhân niệm Phật. Chúng kiến Sư niệm Phật nhất thanh, khẩu xuất nhất Phật. Chí ư thập niệm, thập Phật thứ xuất, do nhược liên châu. Lâm chung chi nhật, khẩu phóng dị quang sổ đạo, yểm nhiên nhi thệ. Hưởng di giả, Đường Đạo Xước thiền sư, bình cư vị chúng giảng Vô Lượng Thọ kinh, tương nhị bách biến. Nhân các khấp châu, khẩu xưng Phật hiệu, hoặc thời tán tịch, thanh bá lâm cốc. Âm triệt giả, Đường Pháp Chiếu ư Tinh Châu Ngũ Hội Niệm Phật, cảm Đại Tông hoàng đế cung trung văn niệm Phật thanh, khiển sứ dao tầm. Kiến sư khuyến hóa chi thịnh, toại chiếu nhập cung. Cung nhân niệm Phật, diệc cập ngũ hội, hiệu Ngũ Hội pháp sư. Lục thời giả, Tấn Huệ Viễn pháp sư, cư Lư Sơn, chế liên hoa lậu, lục thời niệm Phật, trừng tâm hệ tưởng. Hậu thập cửu niên, thất nguyệt hối tịch, ư Bát Nhã đài, phương tùng Định khởi, kiến A Di Đà Phật, thân biến hư không, viên quang chi trung, vô lượng hóa Phật, cập Bồ Tát chúng, thủy lưu quang minh, diễn thuyết diệu pháp. Phật ngôn: "Ngã dĩ bổn nguyện lực cố, lai an ủy nhữ. Nhữ thất nhật hậu, đương sanh ngã quốc". Chí kỳ, đoan tọa nhi thệ. Thập tự giả, Tống Trường Lô Tông Trách thiền sư, Thiền Lý đỗng ngộ, Tông Thuyết kiêm thông. Nhi viễn tôn Lư phụ chi quy, kiến liên hoa thắng hội. Kỳ pháp nhật niệm A Di Đà Phật, hoặc thiên thanh, vạn thanh, các ư nhật hạ dĩ thập tự ký chi. Nhất tịch, mộng nhất nam tử, ô cân, bạch y, phong mạo thanh mỹ, vị Trách viết: "Dục nhập công Di Đà hội, khất thư nhất danh". Trách vấn: "Công hà danh? Viết: "Phổ Huệ". Hựu vân: "Gia huynh Phổ Hiền, diệc khất đăng danh". Ngôn ngật, toại ẩn. Trách giác, nhi ngữ chư tôn túc, giai vân: "Hoa Nghiêm Ly Thế Gian phẩm, hữu nhị Bồ Tát danh". Nãi tri thánh hiền u tán, dĩ nhị đại sĩ thư ư lục thủ. Chiêu

đại giả, kim đại dã. Như Tây Trai, Không Cốc, Thiên Kỳ, Độc Phong đẳng, giai cận thế cao tăng, đốc tín tinh tu, thất hưu tiền cổ, tương tục bất tuyệt, sảo tường Vãng Sanh Tập trung. Cái thiên vạn trung, kỷ kỳ nhất nhị nhi dĩ.

(Diễn) Như Tây Trai, Không Cốc, Thiên Kỳ, Độc Phong đẳng, Hoàng Minh Sở Thạch Kỳ thiền sư, hữu Tây Trai Tịnh Độ Thi. Không Cốc Long thiền sư, hữu Không Cốc Tập. Thiên Kỳ thiền sư hiệu Quỳnh Tuyệt Lão Nhân, hữu Quỳnh Tuyệt Tập. Độc Phong Thiện thiền sư, hữu ngữ lục hành thế.

四、明持。

若持名者，或一念而飛一光，或一聲而出一佛，或響彌林谷，或音徹宮闈，或六時繫念，而依正盈空，或十字標心，而聖賢入會。洎乎昭代，續有名流。

(疏)此正明執持名號也。淨業諸賢，多不繁載。姑舉昭灼世人耳目者一二，以為激勸。飛光者，唐善導大師，人問念佛得生淨土否？答曰：如汝所念，遂汝所願。於是導乃自念阿彌陀佛一聲，則有一光從其口出。十聲至百，光亦如之。光明滿室。帝聞其事，敕所居為光明寺。後登柳樹，端坐而化。出佛者，少康法師在烏龍山，建淨土道場，勸人念佛。眾見師念佛一聲，口出一佛。至於十念，十佛次出，猶若連珠。臨終之日，口放異光數道，奄然而逝。響彌者，唐道綽禪師，平居為眾講無量壽經，將二百遍。人各掐珠，口稱佛號，或時散席，聲播林谷。音徹者，唐法照於并州五會念佛，感代宗皇帝宮中聞念佛聲，遣使遙尋。見師勸化之盛，遂詔入宮。宮人念佛，亦及五會，號五會法師。六時者，晉慧遠法師，居廬山，製蓮華漏，六時念佛，澄心繫想。後十九年，七月晦夕，於般若臺，方從定起，見阿彌陀佛，身遍虛空，圓光之中，無量化佛，及菩薩眾，水流光明，演說妙法。佛言：我以本願力故，來安慰汝。汝七日後，當生我國。至期，端坐而逝。十字者，宋長蘆宗賾禪師，禪理洞悟，宗說兼通。而遠尊盧阜

之規，建蓮華勝會。其法日念阿彌陀佛，或千聲萬聲，各於日下以十字記之。一夕，夢一男子，烏巾白衣，風貌清美，謂賾曰：欲入公彌陀會，乞書一名。賾問：公何名？曰：普慧。又云：家兄普賢，亦乞登名。言訖遂隱。賾覺，而語諸尊宿，皆云：華嚴離世間品，有二菩薩名。乃知聖賢幽贊，以二大士書於錄首。昭代者，今代也。如西齋、空谷、天奇、毒峰等，皆近世高僧，篤信精修，匹休前古，相續不絕，稍詳往生集中。蓋千萬中，紀其一二而已。

(演)如西齋、空谷、天奇、毒峰等，皇明楚石琦禪師，有西齋淨土詩。空谷隆禪師，有空谷集。天奇禪師號煢絕老人，有煢絕集。毒峰善禪師，有語錄行世。

(Bốn là nói [sự cảm ứng] do thọ trì.

Như trì danh thì hoặc là niệm một câu phóng ra một tia sáng, hoặc mỗi tiếng niệm hiện ra một vị Phật, hoặc vang vọng khắp rừng núi, hoặc âm thanh lọt vào tận trong cung, hoặc sáu thời hệ niệm, y báo và chánh báo đầy ắp hư không, hoặc dùng chữ Thập để biểu thị cái tâm, thánh hiền xin dự vào hội, liên tục cho đến nay vẫn luôn lưu danh.

***Sớ**: Đây là nói trực tiếp đến chuyện chấp trì danh hiệu. Các bậc hiền nhân trong Tịnh Nghiệp quá nhiều đến nỗi chẳng thể chép hết; đành nêu ra một hai vị được người đời nhận biết rõ rệt nhất nhằm khích lệ, khuyên lơn.*

"Phóng ánh sáng": Có người hỏi Thiện Đạo đại sư đời Đường: "Niệm Phật có được sanh về Tịnh Độ hay chăng?" Ngài đáp: "Đúng như lòng ông nghĩ tưởng, ông sẽ được toại nguyện". Ngay khi ấy, ngài Thiện Đạo tự niệm A Di Đà Phật một tiếng, bèn có một tia sáng từ miệng tỏa ra. Niệm từ mười tiếng cho đến một trăm tiếng, ánh sáng đều [tỏa ra] như vậy. Quang minh ngập thất. Vua nghe chuyện này, sắc phong nơi Ngài trụ là Quang Minh Tự. Về sau, Ngài trèo lên cây liễu, ngồi ngay ngắn, viên tịch nơi đó.

"Niệm ra Phật": Pháp sư Thiếu Khang lập Tịnh Độ đạo tràng tại núi Ô Long, khuyên người khác niệm Phật. Đại chúng thấy Sư niệm Phật một tiếng, từ trong miệng bay ra một vị Phật. Cho đến mười niệm là mười vị Phật lần lượt xuất hiện, giống như một xâu chuỗi. Ngày lâm chung, miệng Sư tỏa ra mấy tia sáng lạ, đột nhiên qua đời.

"Tiếng vang trọn khắp": Thiền sư Đạo Xước đời Đường, thường giảng kinh Vô Lượng Thọ cho đại chúng, số lần giảng gần đến hai trăm lượt. Mỗi người [đến nghe] lần chuỗi, miệng niệm Phật hiệu, hoặc lúc giải tán, tiếng vang vọng khắp rừng núi.

"Âm thanh thấu triệt": Ngài Pháp Chiếu đời Đường lập Ngũ Hội Niệm Phật ở Tinh Châu, cảm hoàng đế Đại Tông ở trong cung nghe tiếng niệm Phật. Vua sai người đi kiếm mãi tận xa. Do thấy Sư khuyến hóa hết sức đông đảo, bèn hạ chiếu triệu Sư vào cung. Người trong cung niệm Phật cũng là năm hội, cho nên Sư được gọi là Ngũ Hội pháp sư.

"Sáu thời": Pháp sư Huệ Viễn đời Tấn, sống ở Lư Sơn, chế đồng hồ hoa sen, sáu thời niệm Phật, lắng lòng hệ niệm Cực Lạc. Mười chín năm sau, vào một đêm không trăng của tháng Bảy, Sư ở đài Bát Nhã, vừa mới xuất Định, liền thấy A Di Đà Phật thân đầy chật hư không. Trong viên quang có vô lượng hóa Phật và các vị Bồ Tát, nước chảy tỏa ánh sáng, diễn thuyết diệu pháp. Đức Phật dạy: "Ta do bổn nguyện lực, nên đến an ủi ông. Bảy ngày sau, ông sẽ sanh về nước ta". Đến kỳ hạn, Sư ngồi ngay ngắn qua đời.

"Chữ thập": Thiền sư Trường Lô Tông Trách đời Tống, ngộ rỗng rang lẽ Thiền, Tông lẫn Thuyết đều thông đạt. Do đã tôn kính khuôn mẫu Lư Sơn từ lâu, bèn lập hội sen thù thắng. Phương pháp là hằng ngày niệm A Di Đà Phật một ngàn tiếng, hoặc một vạn tiếng, mỗi người dùng chữ Thập để ghi nhớ [công khóa] mỗi ngày. Một đêm, Sư mộng thấy một người đàn ông, khăn đen, áo trắng, phong thái, diện mạo thanh cao, đẹp đẽ, bảo ngài Tông Trách: "Tôi muốn dự vào hội Di Đà của ông, xin hãy ghi một tên". Ngài Tông Trách hỏi: "Ông tên gì?" Đáp: "Phổ Huệ". Lại nói: "Anh tôi là Phổ Hiền cũng xin ghi danh". Nói xong, bèn ẩn mất. Ngài Tông Trách tỉnh giấc, kể với các vị tôn túc. Họ đều nói trong phẩm Ly Thế Gian của kinh Hoa Nghiêm có tên hai vị Bồ Tát ấy, bèn biết là thánh hiền ngầm tán dương, cho nên đề tên hai vị đại sĩ ở đầu sổ [công cứ].

"Chiêu đại" là hiện thời, như Tây Trai, Không Cốc, Thiên Kỳ, Độc Phong v.v... đều là những bậc cao tăng trong thời cận đại, lòng tin chuyên dốc, tu hành thuần nhất, tốt lành sánh ngang cổ nhân, nối tiếp chẳng dứt. Những chuyện được kể khá tường tận trong Vãng Sanh Tập chỉ là ghi chép một hai trường hợp trong ngàn vạn trường hợp mà thôi!

***Diễn**: "Như Tây Trai, Không Cốc, Thiên Kỳ, Độc Phong" v.v... Hoàng Minh Sở Thạch Kỳ thiền sư có Tây Trai Tịnh Độ Thi. Không Cốc Long thiền sư có Không Cốc Tập. Thiên Kỳ thiền sư hiệu Quỳnh Tuyệt*

Lão Nhân có Quỳnh Tuyệt Tập. Độc Phong Thiện thiền sư có ngữ lục lưu hành trong cõi đời).

Chí ư cảm hộ, tắc túc oán đắc độ, ác quỷ bất xâm. Linh ứng tắc cổ mục trùng minh, phu tù thoát nạn.

(Sớ) Oán độ giả. Đường Thiệu Bưu, Trấn Giang nhân, vi chư sanh thời, mộng chí nhất công phủ. Chủ giả vấn: "Nhữ tri sở dĩ bất đệ phủ?" Bưu đối bất tri. Nhân sử nhân dẫn Bưu tiền hành, kiến đại hoạch trung, hữu cáp lỵ tác nhân ngữ, hô Bưu danh. Bưu bố, toại niệm A Di Đà Phật. Cáp lỵ biến hoàng tước phi khứ. Bưu hậu cập đệ, quan chí An Phủ Sứ. Quỷ khước giả, Phật thế, hữu nhất quốc lân ư La Sát. La Sát thực nhân vô độ. Vương ước: "Tự kim quốc trung, gia dĩ nhất nhân, thứ đệ tống dữ, vật đắc uổng sát!" Hữu phụng Phật gia, chỉ sanh nhất tử, thứ đệ sung hành, phụ mẫu ai hào, chúc linh chí tâm niệm Phật. Dĩ Phật oai lực, quỷ bất đắc cận. Minh thần vãng thị, kiến tử thượng tại, tương chi nhi hoàn. Tự thị, La Sát chi hoạn toại tức. Mục minh giả, Tống Sùng thị nữ, song cổ. Niệm Phật tam niên, tinh cần bất thế, song mục trùng minh như cố. Nạn thoát giả, Nguyên mạt, Trương Sĩ Thành công Hồ Châu, Giang Chiết thừa tướng dữ chiến, cầm tứ thập nhân, tù hạm tống lục. Dạ túc Tây Hồ Điểu Khòa Tự. Đại Du Mưu thiền sư, từ bộ lang hạ. Tù kiến Sư thần quán nhàn nhã, trì tụng bất chuyết, nhân cầu cứu bạt. Sư giáo linh chí tâm niệm Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn A Di Đà Phật. Trung hữu tam nhân tín thọ kỳ ngữ, niệm bất tuyệt khẩu. Thiên hiểu phát tù, dịch già tỏa, chí tam nhân, hình cụ bất túc, duy hệ dĩ thằng. Ký nhi thẩm cúc, tri lương dân bị lỗ giả, toại đắc thích.

至於感護，則宿冤得度，惡鬼不侵。靈應則瞽目重明，俘囚脫難。

(疏)冤度者。唐邵彪，鎮江人。為諸生時，夢至一公府。主者問：汝知所以不第否？彪對不知。因使人引彪前行，見大鑊中，有蛤蜊作人語，呼彪名。彪怖，遂念阿彌陀佛。蛤蜊變黃雀飛去。彪後及第，官至安撫使。鬼卻者，佛世，有一國鄰於羅剎。羅剎食人無度。王約：自今國中，家以一人，次第送與，勿得枉殺。有奉佛家，只生一子，次第充行，父母哀號，囑令至心念佛。以佛威力，鬼不得近。明晨往視，見子尚在，將之而還。自是，羅剎之患遂

息。目明者，宋崇氏女，雙瞽。念佛三年，精勤不替，雙目重明如故。難脫者，元末，張士誠攻湖州，江浙丞相與戰，擒四十人，囚檻送戮。夜宿西湖鳥窠寺。大猷謀禪師，徐步廊下。囚見師神觀閒雅，持誦不輟，因求救拔。師教令至心念南無救苦救難阿彌陀佛。中有三人信受其語，念不絕口。天曉發囚，易枷鎖，至三人，刑具不足，惟繫以繩。既而審鞫，知良民被虜者，遂得釋。

(Còn như cảm ứng, hộ trì thì oán thù đời trước được độ thoát, ác quỷ chẳng xâm hại; linh ứng thì như mắt mù được sáng lại, tù nhân thoát nạn.

***Sớ**: "Độ kẻ oán": Đời Đường, Thiệu Bưu là người xứ Trấn Giang. Lúc còn là chư sanh, ông ta nằm mộng thấy đến một công thự. Viên trưởng quan hỏi: "Ngươi có biết sao thi chẳng đậu hay chăng?" Thiệu Bưu đáp: "Không biết!" Do vậy, sai người dẫn ông Bưu tiến lên trước. Ông thấy trong chiếc vạc lớn có sò nói tiếng người, gọi tên ông Bưu. Thiệu Bưu sợ hãi, bèn niệm A Di Đà Phật. Sò biến thành chim sẻ bay đi mất. Về sau, Thiệu Bưu thi đỗ, làm quan tới chức An Phủ Sứ.*

"Quỷ thoái lui": Thời đức Phật, có một nước ở gần chỗ quỷ La Sát. La Sát ăn thịt người không biết bao nhiêu. Vua bèn ước hẹn với quỷ: "Từ nay trở đi, mỗi nhà trong nước sẽ theo thứ tự cống nạp một người cho ngươi, đừng giết chóc bừa bãi!" Có một nhà thờ Phật, chỉ sanh được một trai, theo thứ tự phải dâng nạp. Cha mẹ đau đớn khóc lóc, dặn dò con hãy chí tâm niệm Phật. Do oai lực của Phật, quỷ chẳng tới gần được. Sáng hôm sau, cha mẹ ra xem, thấy con vẫn còn sống, dẫn con trở về. Từ đấy, nạn La Sát bèn chấm dứt.

"Mắt sáng": Đời Tống, cô gái họ Sùng, hai mắt đều mù. Niệm Phật ba năm, chuyên tinh, siêng năng, chẳng thay đổi chí, hai mắt bèn sáng lại như cũ.

"Thoát nạn": Cuối đời Nguyên, Trương Sĩ Thành tấn công Hồ Châu. Thừa Tướng đánh nhau với hắn tại miền Giang Chiết, bắt được bốn mươi người, giam vào tù xa, đưa đi hành hình. Đến đêm, [xe tù] nghỉ tại chùa Điểu Khòa ở Tây Hồ. Thiền sư Đại Du Mưu đi thong dong trên hành lang. Tù nhân thấy Sư dáng vẻ nhàn nhã, trì tụng không ngớt; do vậy, bèn cầu Sư cứu giúp. Sư dạy họ hãy chí tâm niệm Nam Mô Cứu Khổ Cứu Nạn A Di Đà Phật. Trong số ấy, có ba người tin nhận lời Ngài, niệm không ngớt tiếng.

Tới sáng, giải tù nhân đi, thay gông xiềng, đến lượt ba người ấy, do không đủ gông cùm, chỉ trói bằng thừng. Thẩm vấn cặn kẽ, biết họ là lương dân bị bắt, họ bèn được thả).

Hựu phục ác nhân tắc Thiện Hòa thập niệm, địa ngục hiện, nhi hóa Phật không nghênh. Súc sanh tắc cù dục xưng danh, hình hài yểm, nhi liên hoa địa phát. Hà huống thân vô trọng thắc, báo tại tối linh, tín nguyện huân tu, ninh thành hư khí?

(Sớ) Ác nhân giả. Đường Trương Thiện Hòa, đồ ngưu vi nghiệp. Lâm chung, kiến quần ngưu sách mạng, ư thị đại bố. Hoán kỳ thê vân: "Tốc diên Tăng vị ngã niệm Phật". Tăng chí, dụ vân: "Kinh trung thuyết lâm chung ác tướng hiện giả, chí tâm niệm Phật, tức đắc vãng sanh". Hòa vân: "Địa ngục chí". Cấp thủ hương lô lai, tức dĩ hữu thủ kình hỏa, tả thủ niêm hương, diện Tây, chuyên thiết niệm Phật. Vị mãn thập thanh, tự ngôn "Phật lai nghênh ngã", tức hóa khứ. Súc sanh giả, Tống Hoàng Nham Chánh Đẳng Tự, Quán Công, súc cù dục, thường niệm Phật bất tuyệt. Nhất nhật, lập hóa lung thượng, Quán táng chi. Dĩ nhi thổ thượng, xuất tử liên hoa nhất đóa. Tầm thổ trung, tắc hoa tùng thiệt đoan nhi phát. Linh Chi Chiếu Luật Sư, vị chi tán, hữu "lập vong lung bế hồn nhàn sự, hóa tử liên hoa dã thái kỳ" chi cú. Như thượng trì danh sở cử, tự phi quang xuất Phật chí thử, diệc thiên vạn trung kỷ nhất nhi dĩ. Thắc giả, ác chi nặc ư tâm giả dã. Tối linh giả, nhân vi vạn vật chi linh dã. Mạt phục kết ngôn, ác nhân niệm Phật, thượng đắc vãng sanh, hà huống ác vị tất như Thiện Hòa. Súc sanh niệm Phật, thượng đắc vãng sanh, hà huống linh nhi hiệu vi nhân loại! Dĩ thử tỷ huống, tri tất sanh dã. Tín nguyện huân tu, sở tác đường quyên, vô hữu thị xứ.

又復惡人則善和十念，地獄現，而化佛空迎。畜生則鴝鵒稱名，形骸掩，而蓮華地發。何況身無重慝，報在最靈，信願熏修，寧成虛棄？

(疏)惡人者。唐張善和，屠牛為業。臨終，見群牛索命，於是大怖。喚其妻云：速延僧為我念佛。僧至，諭云：經中說臨終惡相現者，至心念佛，即得往生。和云：地獄至。急取香鑪來，即以右手擎火，左手拈香，面西專切念佛。未滿十聲，自言佛來迎我，即化去。畜生者，宋黃巖正等寺，觀公，畜鴝鵒，常念佛不絕。一日立化籠上，觀

葬之。已而土上，出紫蓮華一朵。尋土中，則華從舌端而發。靈芝照律師，為之讚，有立亡籠閉渾閒事，化紫蓮華也太奇之句。如上持名所舉，自飛光出佛至此，亦千萬中紀一而已。慝者，惡之匿於心者也。最靈者，人為萬物之靈也。末復結言，惡人念佛，尚得往生，何況惡未必如善和。畜生念佛，尚得往生，何況靈而號為人類。以此比況，知必生也。信願熏修，所作唐捐，無有是處。

(Lại nữa, kẻ ác như Thiện Hòa mười niệm, tướng địa ngục hiện mà hóa Phật đón rước trên không. Súc sanh như con yểng xưng danh, xác đã vùi mà đất trổ hoa sen. Huống chi con người là hạng tối linh, thân không vướng tội ác nặng nề, tín nguyện huân tu, há thành luống uổng?

***Sớ**: "Kẻ ác": Đời Đường, Trương Thiện Hòa làm nghề mổ trâu. Lâm chung, thấy lũ trâu đến đòi mạng; do vậy, hết sức kinh hoảng, gọi vợ: "Mau thỉnh Tăng niệm Phật cho ta". Vị Tăng đến, khuyên nhủ: "Kinh dạy khi lâm chung tướng ác hiện ra, hãy chí tâm niệm Phật liền được vãng sanh". Thiện Hòa nói: "Tướng địa ngục hiện ra rồi". Vội cầm lấy lò hương, liền dùng tay phải nắm lửa, tay trái cầm hương, mặt hướng về phương Tây, chuyên nhất, thiết tha niệm Phật. Chưa đầy mười câu, tự nói: "Phật đến đón ta", liền mất.*

"Súc sanh": Đời Tống, Quán Công thuộc chùa Chánh Đẳng xứ Hoàng Nham nuôi một con yểng, thường niệm Phật chẳng dứt. Một hôm, nó đứng chết trong lồng, Quán Công đem chôn, bỗng trên mặt đất trổ một đóa sen tím. Tìm trong đất thì ra hoa mọc từ lưỡi con chim. Ngài Linh Chi Chiếu luật sư soạn bài tán, trong ấy có câu: "Đứng chết trong lồng nào hiếm lạ, hóa sanh sen tím thật hy kỳ". Những điều cảm ứng do trì danh như vừa nêu trên đây, từ phóng ra quang minh, hiện hình tướng Phật, cho đến chỗ này cũng chỉ là ghi chép một phần trong ngàn vạn phần đó thôi.

"Thắc" là trong tâm ẩn giấu điều ác. "Tối linh": Con người linh thông nhất trong muôn loài. Cuối cùng, lại kết luận rằng: Kẻ ác niệm Phật còn được vãng sanh, huống hồ những kẻ chưa chắc đã ác như Thiện Hòa. Súc sanh niệm Phật còn được vãng sanh, huống hồ loài người được gọi là "tối linh". Dùng điều này để so sánh, liền biết [người chân thật niệm Phật] ắt được vãng sanh. "Tín nguyện huân tu": Tu tập pháp môn này mà phí uổng sẽ là chuyện chẳng bao giờ có).

Ngũ, kết khuyến.

Thị dĩ nhất âm thỉ xướng, thiên Phật đồng canh. Tam học cao tăng, cửu lưu danh đức, nhược u, nhược hiển, nhược thánh, nhược phàm, như vạn thủy vô bất triều Đông, tự quần tinh tất giai củng Bắc, phương chi tiệp kính, hiệu viết Phổ Môn, khởi hư ngữ tai! Quyết chí cầu sanh, vô dung nghĩ nghị giả hỹ.

(Diễn) Quần tinh tất giai củng Bắc giả, Luận Ngữ vân: "Vi chánh dĩ đức, thí như Bắc Thần cư kỳ sở, nhi chúng tinh củng chi".

五、結勸。

是以一音始唱，千佛同賡。三學高僧，九流名德，若幽若顯，若聖若凡，如萬水無不朝東，似群星悉皆拱北，方之捷徑，號曰普門，豈虛語哉。決志求生，無容擬議者矣。

(演)群星悉皆拱北者，論語云：為政以德，譬如北辰居其所，而眾星拱之。

(Năm là kết luận, khuyên lơn.

Do vậy, một tiếng vừa đề xướng, ngàn vị Phật cùng tiếp lời. Bậc cao tăng Tam Học, các vị danh đức trong cửu lưu, dù u hay hiển, dù thánh hay phàm, như muôn dòng nước, không dòng nào chẳng xuôi về Đông, dường các ngôi sao đều chầu về phương Bắc. Đấy mới là đường tắt, được gọi là Phổ Môn, há phải lời lẽ rỗng tuếch ư? Hãy quyết chí cầu được vãng sanh, chớ nên băn khoăn, bàn định chi nữa!

***Diễn**: "Các ngôi sao đều chầu về phương Bắc": Sách Luận Ngữ viết: "Cai trị bằng đức thì ví như sao Bắc Cực ở đúng vị trí của nó, các ngôi sao đều chầu về").*

(Sớ) Thử tổng kết Tịnh Độ pháp môn, nhất thiết chúng sanh sở quy y dã. Xướng giả, đạo dã, canh giả, tục dã. Thỉ xướng giả, Thích Ca khai thị Tây Phương, chúng sanh thỉ tri Tịnh nghiệp, thị dẫn nhi đạo chi dã. Đồng canh giả, lục phương tán thán, tường như kinh văn trung thuyết, thị tục nhi hòa chi dã. Tam học giả, vi Thiền, Giáo, Luật tam tông dã. Thiền, như Vĩnh Minh, dĩ Tông môn trụ thạch, nhi thượng thượng phẩm sanh.

(Diễn) Vĩnh Minh dĩ Tông môn thượng thượng phẩm vãng sanh giả, Vĩnh Minh Thọ thiền sư, bỉnh đơn truyền chi chỉ, tác Tông Kính Lục, Vạn Thiện Đồng Quy Tập đẳng. Nhập diệt hậu, hữu Tăng kinh niên nhiễu kỳ tháp. Nhân vấn cố, viết: "Ngã bệnh nhập minh, kiến điện

tả cúng nhất tăng tượng, vương cần kính lễ, mật tuân chi, nãi Hàng Châu Thọ thiền sư dã. Phàm nhân tử giai kinh minh phủ, thử Sư dĩ vãng Tây Phương thượng phẩm thượng sanh hỹ!"

(疏)此總結淨土法門，一切眾生所皈依也。唱者導也，贊者續也。始唱者，釋迦開示西方，眾生始知淨業，是引而導之也。同贊者，六方讚歎，詳如經文中說，是續而和之也。三學者，謂禪教律三宗也。禪，如永明，以宗門柱石，而上上品生。

(演)永明以宗門上上品生者，永明壽禪師，秉單傳之旨，作宗鏡錄，萬善同歸集等。入滅後，有僧經年遶其塔。人問故，曰：我病入冥，見殿左供一僧像，王勤敬禮，密詢之，乃杭州壽禪師也。凡人死皆經冥府，此師已往西方上品上生矣。

*(**Sớ**: Đây là tổng kết pháp môn Tịnh Độ là pháp môn được hết thảy chúng sanh quy y. "Xướng" là hướng dẫn. "Canh" là tiếp nối. "Đề xướng đầu tiên": Đức Thích Ca khai thị cõi Tây Phương, chúng sanh mới biết đến Tịnh nghiệp, đấy là hướng dẫn vậy. "Đồng canh" (cùng tiếp nối) là sáu phương [chư Phật] tán thán như trong kinh văn đã nói cặn kẽ; đó là nối tiếp phụ họa theo. "Tam học" là ba tông Thiền, Giáo, Luật. Thiền thì như ngài Vĩnh Minh là bậc thạch trụ trong nhà Thiền, mà thượng thượng phẩm vãng sanh.*

***Diễn**: "Ngài Vĩnh Minh thuộc Tông Môn mà là vãng sanh thượng thượng phẩm": Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, nắm vững ý chỉ đơn truyền, soạn các bộ Tông Kính Lục, Vạn Thiện Đồng Quy Tập v.v... Sau khi Ngài nhập diệt, có một vị Tăng quanh năm đi nhiễu quanh tháp của Ngài. Người khác hỏi lý do, vị Tăng đáp: "Tôi bị bệnh, vào cõi âm, thấy ở bên trái điện [Diêm La] thờ bức họa một vị Tăng. Vua siêng năng lễ bái. Tôi ngầm dò hỏi, thì ra là thiền sư Diên Thọ ở Hàng Châu. Phàm người đã chết đều phải qua minh phủ, vị Sư này đã vãng sanh Tây Phương trong thượng phẩm thượng sanh").*

(Sớ) Viên Chiếu dĩ độc bỉnh đơn truyền, nhi tiêu danh liên cảnh.

(Diễn) Viên Chiếu tiêu danh liên cảnh giả, Tống thời Viên Chiếu Bổn thiền sư, sơ tham Thiên Y hữu tỉnh. Hậu, nhất chí niệm Phật, trụ Tịnh Từ. Hữu Lôi Phong Tài pháp sư, thần du Tịnh Độ, kiến nhất hoa

thù lệ, vấn chi, viết: "Đãi Tịnh Từ Bổn thiền sư nhĩ". Hựu Tư Phước Hy Công, chí Sư sở túc lễ, thí kim nhi khứ. Nhân cật kỳ cố, viết: "Ngô định trung kiến kim liên hoa, nhân ngôn dĩ sĩ Bổn thiền sư nhĩ". Hậu lâm chung, tọa thệ, thụy Viên Chiếu.

(疏)圓照以獨秉單傳，而標名蓮境。

(演)圓照標名蓮境者，宋時圓照本禪師，初參天衣有省。後，一志念佛，住淨慈。有雷峰材法師，神遊淨土，見一花殊麗，問之，曰：待淨慈本禪師耳。又資福曦公，至師所禮足，施金而去。人詰其故，曰：吾定中見金蓮花，人言以俟本禪師耳。後臨終，坐逝，謚圓照。

*(**Sớ**: Ngài Viên Chiếu riêng giữ phép đơn truyền, mà tên ghi nơi cảnh sen.*

***Diễn**: "Viên Chiếu tên ghi nơi cảnh sen": Đời Tống, thiền sư Viên Chiếu Tông Bổn thoạt đầu tham học với ngài Thiên Y (thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài) có chỗ tỉnh ngộ. Về sau, Sư nhất chí niệm Phật, trụ tại chùa Tịnh Từ. Có Lôi Phong Tài pháp sư thần thức dạo chơi Tịnh Độ, thấy một đóa hoa đặc biệt rực rỡ. Hỏi thì có người đáp: "Đợi thiền sư Tông Bổn chùa Tịnh Từ". Lại Hy Công từ chùa Tư Phước đến lễ dưới chân Sư, dâng vàng cúng. Người khác cật vấn nguyên do, vị ấy đáp: "Trong Định, tôi thấy hoa sen vàng, người ta bảo để đợi thiền sư Tông Bổn". Về sau, Sư lâm chung, ngồi qua đời, thụy hiệu là Viên Chiếu).*

(Sớ) Giáo, như Tăng Duệ hoằng phụ Thập sư, nhi liên hoa xuất tháp. Tứ Minh trung hưng Thai giáo, nhi Tây hướng tọa vong.

(Diễn) Tăng Duệ liên hoa xuất tháp giả, Tăng Duệ, tùng La Thập pháp sư bẩm thọ kinh nghĩa. Hậu dự Lư Sơn liên xã. Tống Nguyên Gia thập lục niên, hốt cáo chúng viết: "Ngô tương hành hỹ!" Diện Tây, hiệp chưởng nhi hóa. Chúng kiến Duệ tháp tiền nhất kim liên hoa. Thúc nhĩ nhi ẩn, hữu ngũ sắc hương yên tùng kỳ phòng xuất.

(疏)教，如僧叡弘輔什師，而蓮華出榻。四明中興台教，而西向坐亡。

(演)僧叡蓮花出榻者，僧叡，從羅什法師稟受經義。後預廬山蓮社。宋元嘉十六年，忽告眾曰：吾將行矣。面

西合掌而化。眾見龕榻前一金蓮花。倏爾而隱，有五色香煙從其房出。

*(**Sớ**: Giáo thì như ngài Tăng Duệ giúp ngài La Thập hoằng truyền, giường nẩy hoa sen. Ngài Tứ Minh trung hưng giáo nghĩa Thiên Thai, ngồi hướng mặt về Tây mà tịch.*

***Diễn**: "Giường ngài Tăng Duệ nẩy hoa sen": Ngài Tăng Duệ theo pháp sư La Thập lãnh nhận kinh nghĩa. Về sau, tham dự Lư Sơn Liên Xã. Năm Nguyên Gia thứ mười sáu (439) đời Tống, Ngài chợt bảo mọi người: "Ta sắp đi rồi!" Ngài hướng về Tây, chắp tay mà hóa. Đại chúng thấy trước giường của ngài Tăng Duệ trổ một đóa sen bằng vàng, phút chốc biến mất. Có khói hương ngũ sắc từ phòng Ngài tỏa ra).*

(Sớ) Luật, như Linh Chi, sanh hoằng Tỳ Ni, nhi tử sanh An Dưỡng. Thanh Chiếu đại xiển Luật học, nhi thuyết kệ Tây quy.

(Diễn) Thanh Chiếu thuyết kệ Tây quy giả, Tống Thanh Chiếu Hanh luật sư, sơ y Linh Chi tập Luật, chuyên tu Tịnh nghiệp lục thập niên. Lâm chung niệm Phật thuyết kệ viết: "Di Đà khẩu khẩu xưng, bạch hào niệm niệm tưởng, trì thử bất thoái tâm, quyết định sanh An Dưỡng".

(疏)律，如靈芝，生弘毗尼，而死生安養。清照大闡律學，而說偈西歸。

(演)清照說偈西歸者，宋清照亨律師，初依靈芝習律，專修淨業六十年。臨終念佛說偈曰：彌陀口口稱，白毫念念想，持此不退心，決定生安養。

*(**Sớ**: Luật như Linh Chi [Nguyên Chiếu], sống hoằng dương Luật Tạng, thác sanh An Dưỡng. Ngài Thanh Chiếu xiển dương Luật học rộng lớn, nói kệ về Tây.*

***Diễn**: "Ngài Thanh Chiếu nói kệ về Tây": Đời Tống, luật sư Thanh Chiếu Huệ Hanh thoạt đầu theo học Luật với ngài Linh Chi, chuyên tu Tịnh nghiệp sáu mươi năm. Lâm chung, Sư niệm Phật, nói kệ như sau: "Di Đà miệng luôn niệm, bạch hào mỗi niệm tưởng, giữ tâm bất thoái ấy, quyết định sanh An Dưỡng").*

(Sớ) Nhược quảng cử giả, bất khả thắng số. Cửu lưu giả, vị Nho, Đạo, nông, công, y, bốc đẳng dã. Nho, như Văn Lộ Công, đức nghiệp

mãn triều, nhi kết thập vạn đồng sanh chi duyên. Tô Trưởng Công, văn hành tuyệt thế, nhi hữu Tây Phương Công Cứ chi thuyết.

(Diễn) Cửu lưu giả, vị nho lưu, đạo lưu, âm dương, pháp lưu, danh lưu, mặc lưu, tung hoành, tạp lưu, nông lưu. Văn Lộ Công danh Ngạn Bác, vi Tống tể tướng, phong Lộ quốc công. Tô Trưởng Công danh Thức, vi Hàn Lâm Học Sĩ, tự hiệu Đông Pha cư sĩ. Thập vạn duyên giả, khuyến nhân niệm Phật thư danh liên lục, mãn túc thập vạn nhân. Tây Phương Công Cứ giả, Trưởng công vãng lai Nam Bắc, mỗi đới nhất Tây Phương Biến Tướng nhi hành, nhân vấn chi viết: "Thử ngã sanh Tây Phương công cứ dã".

(疏)若廣舉者，不可勝數。九流者，謂儒道農工醫卜等也。儒，如文潞公，德業滿朝，而結十萬同生之緣。蘇長公，文行絕世，而有西方公據之說。

(演)九流者，謂儒流、道流、陰陽、法流、名流、墨流、縱橫、雜流、農流。文潞公名彥博，為宋宰相，封潞國公。蘇長公名軾，為翰林學士，自號東坡居士。十萬緣者，勸人念佛書名蓮錄，滿足十萬人。西方公據者，長公往來南北，每帶一西方變相而行，人問之曰：此我生西方公據也。

*(**Sớ**: Nếu kể rộng rãi thì chẳng kể xiết. "Cửu lưu" là Nho, Đạo, nông dân, thợ thuyền, thầy thuốc, thầy bói v.v... Nho như Văn Lộ Công đức hạnh công nghiệp trùm khắp triều đình, [đề xướng hội niệm Phật] kết duyên cùng vãng sanh với mười vạn người. Tô Trưởng Công văn chương, hạnh nghiệp tuyệt thế, có câu nói "Tây Phương Công Cứ".*

***Diễn**: "Cửu lưu" là Nho lưu, Đạo lưu, Âm Dương, Pháp lưu, Danh lưu, Mặc lưu, Tung Hoành, Tạp lưu, Nông lưu. Văn Lộ Công tên là [Văn] Ngạn Bác, là Tể Tướng đời Tống, được phong làm Lộ quốc công. Tô Trưởng Công tên là Thức, làm Hàn Lâm Học Sĩ, tự xưng là cư sĩ Đông Pha. "Mười vạn duyên": [Văn Lộ Công] khuyên người niệm Phật, ghi danh vào sổ sen, trọn đủ mười vạn người. "Tây Phương Công Cứ": Tông Trưởng Công vào Nam ra Bắc, luôn mang theo bức vẽ Tây Phương Biến Tướng (cảnh Tây Phương Tịnh Độ) cùng đi, ai hỏi bèn đáp: "Đấy là công cứ để vãng sanh Tây Phương của tôi").*

(Sớ) Đạo, như Cát Tế Chi xả Tiên học, nhi hồi tâm Tịnh nghiệp.

(Diễn) Xả tiên học nhi hồi tâm giả, Tống Cát Tế Chi, Cú Dung nhân, cửu sự tiên học. Thê Kỷ thị, độc tinh thành niệm Phật. Nguyên Gia tam niên, phương tại cơ trữ, hốt giác không trung thanh minh, nãi chiêm ngưỡng tứ biểu, kiến Tây Phương hữu Phật hiện thân, bảo cái, tràng phan, ánh tế vân hán. Hỷ viết: "Kinh ngôn Vô Lượng Thọ Phật, kỳ tức thử da?" Toại ngũ thể đầu địa, Tế Chi kinh dị tựu chi, Kỷ thị chỉ thị Phật sở, Tế Chi diệc kiến Phật bán thân, tường vân ngũ thái. Thân lý hàm kiến, Tế Chi do thị hồi tâm niệm Phật.

(疏)道，如葛濟之捨仙學，而回心淨業。

(演)捨仙學而回心者，宋葛濟之，句容人，久事仙學。妻紀氏，獨精誠念佛。元嘉三年，方在機杼，忽覺空中清明，乃瞻仰四表，見西方有佛現身，寶蓋幢幡，映蔽雲漢。喜曰：經言無量壽佛，其即此耶？遂五體投地，濟之驚異就之，紀氏指示佛所，濟之亦見佛半身，祥雲五彩。親里咸現，濟之由是回心念佛。

*(**Sớ**: Đạo thì như Cát Tế Chi bỏ học đạo Tiên, hồi tâm tu Tịnh nghiệp.*

***Diễn**: "Bỏ học đạo Tiên, hồi tâm": Đời Tống, Cát Thế Chi là người xứ Cú Dung, theo học đạo tiên đã lâu. Vợ là Kỷ thị riêng mình tinh thành niệm Phật. Vào năm Nguyên Gia thứ ba (426), bà vừa mới đến chỗ khung dệt, bỗng cảm thấy hư không trong sáng, bèn nhìn ngắm bốn phía, thấy phương Tây có Phật hiện thân, lọng báu, tràng phan, chiếu sáng ngời bầu trời. Bà vui mừng nói: "Kinh nói đến Vô Lượng Thọ Phật có phải là đây chăng?" Bèn gieo năm vóc xuống đất. Tế Chi lấy làm lạ, đi tới. Kỷ thị chỉ bày chỗ đức Phật hiện, Tế Chi cũng thấy đức Phật hiện nửa người, mây lành năm sắc. Người thân và xóm giềng đều trông thấy. Do vậy, Tế Chi hồi tâm niệm Phật).*

(Sớ) Loan pháp sư phần Tiên kinh, nhi chuyên tu Quán Kinh.

(Diễn) Phần tiên kinh nhi tu Quán Kinh giả, Hậu Ngụy Đàm Loan, tánh thị trường sanh, thọ Đào ẩn cư tiên kinh thập quyển. Hậu ngộ Bồ Đề Lưu Chi, nãi vấn viết: "Phật hữu trường sanh bất tử thuật hồ?" Chi tiếu viết: "Trường sanh bất tử ngô Phật đạo dã". Nãi thọ Thập Lục Quán Kinh, viết: "Học thử, tắc tam giới vô phục sanh, lục đạo vô phục vãng, kỳ vi thọ dã, Hằng sa kiếp thạch mạc năng tỷ yên! Thử ngô

kim tiên thị chi trường sanh dã". Đàm đại hỷ, toại phần tiên kinh nhi tu Tịnh Độ.

(疏)鸞法師焚仙經，而專修觀經。

(演)焚仙經而修觀經者，後魏曇鸞，性嗜長生，受陶隱居仙經十卷。後遇菩提流支，乃問曰：佛有長生不死術乎？支笑曰：長生不死吾佛道也。乃授十六觀經，曰：學此則三界無復生，六道無復往，其為壽也，恒沙劫石莫能比焉。此吾金仙氏之長生也。曇大喜，遂焚仙經而修淨土。

*(**Sớ**: Pháp sư Đàm Loan đốt kinh Tiên để chuyên tu Quán Kinh.*

***Diễn**: "Đốt kinh đạo tiên để tu Quán Kinh": Đời Hậu Ngụy, ngài Đàm Loan tánh ưa thích trường sanh, được Đào ẩn cư (đạo sĩ Đào Hoằng Cảnh) trao cho mười quyển kinh đạo tiên. Về sau, Ngài gặp Bồ Đề Lưu Chi, bèn hỏi: "Phật có thuật trường sanh bất tử hay chăng?" Ngài Bồ Đề Lưu Chi cười bảo: "Trường sanh bất tử là đạo của đức Phật ta". Bèn trao cho Thập Lục Quán Kinh, bảo: "Học kinh này sẽ chẳng sanh trong tam giới nữa, chẳng vào trong lục đạo nữa, như vậy thì tuổi thọ lâu dài, Hằng sa kiếp thạch đều chẳng thể sánh bằng! Đó là thuật trường sanh của đức Kim Tiên (đức Phật) vậy". Ngài Đàm Loan hết sức vui mừng, bèn đốt kinh tiên để tu Tịnh Độ).*

(Sớ) Nãi chí Tử Chương chi nghiệp Kỳ Hoàng nhi niệm Phật.

(Diễn) Nghiệp Kỳ Hoàng nhi niệm Phật giả, Nguyên Ngô Tử Chương nghiệp y, nhất sanh niệm Phật, Chí Chánh gian vô tật, niệm Phật nhi thệ. Kỳ Hoàng giả, Kỳ Bá dữ Hiên Viên Hoàng Đế vấn đáp, tác Nội Kinh đẳng thư, vi y gia chi tổ.

(疏)乃至子章之業岐黃而念佛。

(演)業岐黃而念佛者，元吳子章業醫，一生念佛，至正間無疾，念佛而逝。岐黃者，岐伯與軒轅黃帝問答，作內經等書，為醫家之祖。

*(**Sớ**: Cho đến Tử Chương theo nghề y, nhưng niệm Phật.*

***Diễn**: "Học theo nghề y mà niệm Phật": Đời Nguyên, Ngô Tử Chương theo nghề y, suốt đời niệm Phật. Trong niên hiệu Chí Chánh, ông không bệnh gì mà niệm Phật qua đời. Kỳ Hoàng là Kỳ Bá và Hiên Viên Hoàng Đế vấn đáp, soạn thành sách như Nội Kinh v.v... Họ là tổ nghề y [vì thế, hành nghề y được gọi là "nghiệp Kỳ Hoàng"]).*

(Sớ) Trương Thuyên Chi hà lỗi tỷ nhi xưng danh.

(Diễn) Hà lỗi tỷ nhi xưng danh giả, Tấn, Trương Thuyên, cao dật hiếu học, canh sừ gian đới kinh bất thích. Hậu nhập Lư Sơn liên xã, nghiên cùng nội điển, đa hữu ngộ nhập. Tống Cảnh Bình nguyên niên vô tật, Tây hướng, niệm Phật nhi thệ.

(疏)張銓之荷耒耜而稱名。

(演)荷耒耜而稱名者，晉，張詮，高逸好學，耕鋤間帶經不釋。後入廬山蓮社，研窮內典，多有悟入。宋景平元年無疾，西向念佛而逝。

***(Sớ**: Trương Thuyên Chi vác cày xưng danh.*

***Diễn**: "Vác cày mà xưng danh": Đời Tấn, Trương Thuyên, thanh cao, hiếu học. Trong khi cày bừa, luôn mang theo kinh chẳng rời. Về sau, ông tham gia Lư Sơn liên xã, nghiên cứu tột cùng kinh Phật, ngộ nhập nhiều chỗ. Trong năm Cảnh Bình nguyên niên (423) đời Tống, ông không bệnh tật, hướng về Tây, niệm Phật qua đời).*

(Sớ) U như minh quân kính lễ, La Sát hưu tâm.

(Diễn) Minh quân kính lễ, tức Thọ thiền sư. La Sát hưu tâm giả, hữu La Sát tại nhất tụ lạc. Kỳ dân nhật tống tử dữ thực. Hữu tử quy tín Tam Bảo, nhất tâm niệm Phật, toại bất năng thực, nhân đắc quy.

(疏)幽如冥君敬禮，羅剎休心。

(演)冥君敬禮，即壽禪師。羅剎休心者，有羅剎在一聚落。其民日送子與食。有子歸信三寶，一心念佛 ，遂不能食，因得歸。

***(Sớ**: "U" là như vua cõi Âm kính lễ, La Sát nguôi lòng.*

***Diễn**: Vị được vua cõi âm kính lễ chính là thiền sư [Vĩnh Minh] Diên Thọ. "La Sát nguôi lòng": Có La Sát ở trong một xóm làng. Người dân nơi đó hằng ngày phải đưa con cho La Sát ăn. Có một đứa trẻ quy y, tin tưởng Tam Bảo, nhất tâm niệm Phật, La Sát chẳng thể ăn nó. Do vậy, nó được trở về).*

(Sớ) Thánh, như Văn Thù cầu sanh, Phổ Hiền nguyện vãng. Huống hiển dữ phàm, bất đãi luận hỹ. Triều Đông giả, hội cực nghĩa. Củng Bắc giả, tông bổn nghĩa. Dụ Tịnh Độ vi Chân Tế sở nghệ, thế tất hướng vãng, phi cưỡng chi sử nhiên dã.

(Diễn) Chân Tế sở nghệ, nghệ giả, tại dã.

(疏)聖，如文殊求生，普賢願往。況顯與凡，不待論矣。朝東者，會極義。拱北者，宗本義。喻淨土為真際所詣，勢必向往，非強之使然也。

(演)真際所詣，詣者在也。

*(**Sớ**: Thánh thì như Văn Thù cầu được sanh về, Phổ Hiền nguyện được tới; huống hồ hiển và phàm, chẳng cần phải nói nữa! "Xuôi về Đông" có nghĩa là quy tụ về nơi cùng tột. "Chầu về phương Bắc" nghĩa là đề cao cái gốc; sánh ví Tịnh Độ là chỗ để Chân Tế quay về, thế ắt phải hướng tới, chẳng phải do cưỡng ép mà thành ra như vậy.*

__Diễn__: "Chân Tế sở nghệ" (Đạt tới Chân Tế): "Nghệ" là tại.

(Sớ) Tiệp kính, phổ môn, giải kiến tiền văn. Trùng ngôn kết chi, minh bất hư dã. Quyết chí giả, Đại Bổn vân: "Thiết hữu đại hỏa, sung mãn tam thiên đại thiên thế giới, yếu đương quá thử, sanh bỉ quốc độ", tắc quyết định kỳ chí, vô thoái khiếp dã. Nghĩ nghị giả, Dịch viết: "Nghĩ chi nhi hậu ngôn, nghị chi nhi hậu động". Kim vị bất tu nghĩ nghị. Tích nhân hữu ngôn: "Bốc dĩ quyết nghi, bất nghi hà bốc?" Niệm Phật vãng sanh, đản đế tín bất nghi nhi dĩ, hà phục nghĩ nghị vi tai?

(Diễn) Bất nghi hà bốc giả, Đường Thái Tông vi Tần vương thời, dữ thái tử Kiến Thành tương kỵ, dục cử binh, chúng nghi khủng bất thắng, mạng bốc chi. Trương Công Cẩn, thủ quy đầu địa viết: "Bốc dĩ quyết nghi, bất nghi hà bốc?"

(疏)捷徑普門，解見前文。重言結之，明不虛也。決志者，大本云：設有大火，充滿三千大千世界，要當過此，生彼國土，則決定其志，無退怯也。擬議者，易曰：擬之而後言，議之而後動。今謂不須擬議。昔人有言：卜以決疑，不疑何卜？念佛往生，但諦信不疑而已，何復擬議為哉？

(演)不疑何卜者 ， 唐太宗為秦王時 ， 與太子建成相忌，欲舉兵，眾疑恐不勝，命卜之。張公瑾，取龜投地曰：卜以決疑，不疑何卜？

*(**Sớ**: Xem lời giải thích của "đường tắt" và Phổ Môn trong phần trước. Lặp lại để kết luận thì rõ ràng [pháp môn này] chẳng hư luống vậy.*

"Quyết chí" là như kinh Đại Bổn chép: "Nếu có lửa lớn đầy dẫy khắp tam thiên đại thiên thế giới, cũng phải vượt qua, sanh về cõi ấy", tức là chí hướng quyết định, chẳng lui sụt, chẳng khiếp nhược. "Toan tính, bàn định": Kinh Dịch dạy: "Toan tính rồi mới nói, bàn định rồi mới hành động". Nay nói chẳng cần phải băn khoăn, bàn định nữa! Xưa kia có người nói: "Bói toán để dứt lòng nghi hoặc. Nếu chẳng nghi hoặc thì bói để làm gì?" Đối với chuyện niệm Phật vãng sanh, chỉ nên tin tưởng chắc chắn, chẳng nghi ngờ mà thôi, cần gì phải băn khoăn, bàn định nữa ư?

***Diễn**: "Chẳng nghi bói làm gì?": Khi Đường Thái Tông còn là Tần Vương, do bất hòa với thái tử Kiến Thành, muốn khởi binh giết Kiến Thành, thuộc hạ sợ chẳng thắng, sai người bói toán. Trương Công Cẩn quăng mai rùa xuống đất, nói: "Dùng bói để dứt lòng nghi, chẳng nghi thì bói làm gì?")*

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bổn
quyển đệ nhị
佛說阿彌陀經疏鈔演義會
卷第二

Cửu, tổng thích danh đề (nhị): Sơ, đề nghĩa. Nhị, dịch nhân.

Sơ, đề nghĩa.

Như thượng bát môn tự nghĩa, dĩ tri nhất kinh đại chỉ. Kim dục thích văn, tiên minh tổng đề, sử hữu cương lãnh. Cố thứ chi, dĩ tổng thích danh đề.

(Diễn) Tiên minh tổng đề, sử hữu cương lãnh giả, dĩ kinh chi hữu đề, như võng chi hữu cương, y chi hữu lãnh. Đề kỳ cương, tắc chúng mục giai cử. Khiết kỳ lãnh, tắc chúng lũ giai lai dã.

九、總釋名題(二)：初、題義。二、譯人。

初、題義。

如上八門敘義，已知一經大旨。今欲釋文，先明總題，使有綱領。故次之，以總釋名題。

(演)先明總題，使有綱領者，以經之有題，如網之有綱，衣之有領。提其綱，則眾目皆舉。挈其領，則眾縷皆來也。

(Chín, giải thích chung tên gọi của kinh (gồm hai phần): Một là ý nghĩa của tựa đề kinh, hai là nói về người dịch.

Trước hết là ý nghĩa của tựa đề kinh.

Do những ý nghĩa đã được trình bày trong tám môn như trên, đã biết được ý chỉ chung của kinh này. Nay sắp giải thích kinh văn, trước hết giảng rõ tựa đề chung của bản kinh, nhằm làm cho người đọc biết được cương lãnh. Vì thế, tiếp theo đây là phần Tổng Thích Danh Đề.

***Diễn**: "Trước hết nói rõ Tổng Đề, khiến cho có cương lãnh": Do kinh có tựa đề, như cái lưới có dây chài chính, áo có cổ. Nắm được dây chài, ắt các mắt lưới đều trương ra. Nắm cổ áo, các sợi chỉ [trên áo] đều thuận theo).*

(Kinh) Phật thuyết A Di Đà Kinh.

(Sớ) Đề nghĩa hữu tứ. Sơ, năng thuyết Phật. Nhị, chánh minh thuyết. Tam, sở thuyết Phật. Tứ, kết thuyết danh. Ngôn thử độ Thích Ca Mâu Ni Phật, thuyết bỉ độ A Di Đà Phật y chánh trang nghiêm. Tín nguyện vãng sanh chi kinh dã. Thống quát đại ý, thứ nãi ly thích.

(Sao) Thống quát giả, tiên thả lược biểu toàn văn, sử huyết mạch quán thông, ý nghĩa cụ túc. Thứ nãi nhất nhất ly nhi thích chi. Đề chỉ Phật danh, nhi ngôn y chánh đẳng giả. Quán Kinh "ngôn Phật tiện châu". Kim cử Phật danh, nhiếp vô bất tận cố.

(Diễn) Quán Kinh ngôn Phật tiện châu giả, Phật thị sở quán thắng cảnh, cử chánh báo, dĩ thâu y quả, tắc nhiếp nhật, băng, trì, thụ đẳng lục chủng Quán dã. Thuật hóa chủ, dĩ bao đồ chúng, tắc nhiếp Quán Âm, Thế Chí, tam bối đẳng cửu Quán dã; thị Quán tuy thập lục, ngôn Phật tiện châu. Cố đề vân: Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh.

(經)佛說阿彌陀經。

(疏)題義有四。初、能說佛。二、正明說。三、所說佛。四、結說名。言此土釋迦牟尼佛，說彼土阿彌陀佛依正莊嚴。信願往生之經也。統括大意，次乃離釋。

(鈔)統括者 ， 先且略表全文 ， 使血脈貫通 ， 意義具足。次乃一一離而釋之。題止佛名，而言依正等者。觀經言佛便周。今舉佛名，攝無不盡故。

(演)觀經言佛便周者，佛是所觀勝境，舉正報，以收依果，則攝日、冰、池、樹等六觀也。述化主，以包徒眾，則攝觀音、勢至、三輩等九觀也；是觀雖十六，言佛便周。故題云：佛說觀無量壽佛經。

*(**Kinh**: Phật Thuyết A Di Đà Kinh.*

***Sớ**: Phần giảng về ý nghĩa của tựa đề kinh gồm bốn đoạn: Một là vị Phật nói kinh này. Hai, giải thích chữ Thuyết. Ba, đức Phật được nói đến. Bốn, kết lại để nêu tên kinh. Chính là nói Thích Ca Mâu Ni Phật trong cõi này, giảng về y báo và chánh báo trang nghiêm của A Di Đà Phật trong cõi kia. [Đây là] kinh tín nguyện vãng sanh. Nêu đại ý tổng quát rồi mới tách ra từng điều để giải thích.*

***Sao**: "Thống quát" là trước hết nêu đại lược ý nghĩa được biểu thị trong toàn bộ bản kinh, khiến cho [người đọc] thông suốt điều cốt lõi, ý nghĩa trọn đủ. Kế đó, tách ra thành từng điều một để giải thích. Tên kinh chỉ có danh hiệu Phật, mà nói là y báo, chánh báo v.v... vì như Quán Kinh đã dạy "hễ nói tới Phật liền trọn đủ", nay nêu lên danh hiệu Phật thì sẽ hàm nhiếp trọn hết, chẳng sót điều gì.*

***Diễn**: "Quán Kinh nói Phật là đã trọn đủ": Phật là cảnh thù thắng để quán. Nêu lên chánh báo để gồm thâu y báo, tức là đã thâu nhiếp sáu phép Quán mặt trời, băng, ao, cây v.v… Thuật hóa chủ đã bao gồm đồ chúng, tức là thâu nhiếp chín phép quán Quán Âm, Thế Chí, ba bậc v.v… Tuy nói là mười sáu phép Quán, hễ nói Phật là đã trọn đủ. Vì thế, tựa đề [của Quán Kinh] là Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh).*

(Sớ) Thứ ly thích dã. Phật giả, Phạn ngữ cụ vân Phật Đà, thử vân Giác Giả, bị tam giác cố. Hựu vân Trí Giả, vô bất tri cố. Hựu Phật giả, thập hiệu chi nhất. Hựu Phật Địa minh thập nghĩa Phật, Thiên Thai minh Lục Tức Phật, Hoa Nghiêm minh thập thân Phật. Cố Phật giả, thiên trung thiên, thánh trung thánh. Phàm đơn ngôn Phật giả, tức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni dã.

(Diễn) Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giả, Phạn ngữ Thích Ca, thử vân Năng Nhân, thị tánh. Phạn ngữ Mâu Ni, thử vân Tịch Mặc, thị danh, tức Tất Đạt thái tử xuất gia sở thành chi Phật dã. Vi Sa Bà giáo chủ, cố vân Bổn Sư.

(疏)次離釋也。佛者，梵語具云佛陀，此云覺者，備三覺故。又云智者，無不知故。又佛者，十號之一。又佛

地明十義佛，天台明六即佛，華嚴明十身佛。故佛者，天中天，聖中聖。凡單言佛者，即本師釋迦牟尼也。

(演)本師釋迦牟尼者，梵語釋迦，此云能仁，是姓。梵語牟尼，此云寂嘿，是名，即悉達太子出家所成之佛也。為娑婆教主，故云本師。

*(**Sớ**: Kế đó là tách ra từng điều để giải thích. "Phật", tiếng Phạn nói đầy đủ là Phật Đà, cõi này dịch là Giác Giả, do trọn đủ ba ý nghĩa giác. Còn dịch là Trí Giả, vì không gì chẳng biết. Lại nữa, Phật là một trong mười hiệu. Lại nữa, Phật Địa Luận nói tới mười ý nghĩa của chữ Phật, tông Thiên Thai nói tới Lục Tức Phật, kinh Hoa Nghiêm nói về mười thân Phật. Vì thế, Phật là trời của các vị trời, là thánh của các bậc thánh. Nếu chỉ nói một chữ Phật thì chính là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.*

***Diễn**: "Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật": Tiếng Phạn là Thích Ca, cõi này dịch là Năng Nhân, là họ. Tiếng Phạn Mâu Ni, ở đây dịch là Tịch Mặc, là tên, tức là vị Phật do thái tử Tất Đạt xuất gia tu thành. Ngài là giáo chủ của Sa Bà nên gọi là Bổn Sư).*

(Sao) Phạn giả, tịnh dã. Đối Hoa danh Phạn, văn chất chi vị dã. Cụ giả, cụ túc. Phạn ngữ đương vân Phật Đà; bất ngôn Đà giả, tỉnh văn dã. Dịch dĩ Chấn Đán chi ngôn, tắc vân Giác Giả; đối mê giả đắc danh dã. Tam giác giả, tự giác dị phàm phu, giác tha dị Nhị Thừa, giác mãn dị Bồ Tát. Tam giác câu viên, cố viết tự tha giác mãn chi giả.

(Diễn) Văn chất chi vị giả, Phạn bổn giai Tây Vực chi ngữ, chất nhi vô văn, dịch dĩ thử phương chi ngữ, tắc dụng Lục Kinh, Lão Trang chi văn, văn thái ỷ lệ, hoán nhiên thành chương dã. Chấn Đán chi ngôn giả, Đông phương viết Chấn, sơ minh viết Đán. Thử phương cư Diêm Phù chi cực Đông, nhật xuất chi xứ; cố danh Chấn Đán. Tự giác dị phàm phu tam cú, phàm phu mê Ngũ Trụ vân, trầm Tam Hữu hải, toàn bất tự giác. Phật tắc lãng nhiên đại giác, dị phàm phu dã. Nhị Thừa tự cầu xuất thế, vô kiêm lợi tâm, bất năng giác tha. Phật tắc đại bi phổ độ, dị Nhị Thừa dã. Bồ Tát vô minh vị tận, pháp tánh vị viên, bất năng giác mãn. Phật nãi đạo cùng Diệu Giác, vị cực ư Trà, dị Bồ Tát dã.

(鈔)梵者，淨也。對華名梵，文質之謂也。具者，具足。梵語當云佛陀；不言陀者，省文也。譯以震旦之言，

則云覺者；對迷者得名也。三覺者，自覺異凡夫，覺他異二乘，覺滿異菩薩。三覺俱圓，故曰自他覺滿之者。

(演)文質之謂者，梵本皆西域之語，質而無文，譯以此方之語，則用六經，莊老之文，文采綺麗，煥然成章也。震旦之言者，東方曰震，初明曰旦。此方居閻浮之極東，日出之處；故名震旦。自覺異凡夫三句，凡夫迷五住雲，沉三有海，全不自覺。佛則朗然大覺，異凡夫也。二乘自求出世，無兼利心，不能覺他。佛則大悲普度，異二乘也。菩薩無明未盡，法性未圓，不能覺滿。佛乃道窮妙覺，位極於茶，異菩薩也。

*(**Sao**: "Phạn" là tịnh. So với tiếng Hán, nên gọi là Phạn, ngụ ý văn chương lẫn nội dung đều hay đẹp. "Cụ" là đầy đủ. Nói theo tiếng Phạn sẽ là Phật Đà, [trong tiếng Hán] chẳng nói chữ Đà là vì tỉnh lược. Dịch sang tiếng Trung Hoa, [Phật Đà] sẽ là "bậc giác ngộ". Do đối với người mê mà gọi là Giác. "Ba thứ giác": Tự giác khác với phàm phu. Giác tha là khác với Nhị Thừa. Giác mãn khác với Bồ Tát. Ba thứ giác đều trọn vẹn, cho nên nói là bậc tự giác, giác tha viên mãn.*

***Diễn**: "Ý nói là văn chương lẫn nội dung đều hay đẹp": Nguyên văn kinh Phật đều bằng tiếng Tây Vực, nội dung phong phú, nhưng văn từ không chải chuốt. Khi dịch bèn dùng ngôn ngữ của phương này (Trung Hoa), sử dụng cách hành văn trong sáu kinh [của Nho gia], hoặc sách vở của Lão Trang, cho nên văn từ đẹp đẽ, bóng bảy, rành mạch, có lớp lang.*

"Ngôn ngữ của Chấn Đán": [Theo Bát Quái], phương Đông gọi là Chấn; tảng sáng thì gọi là Đán. Phương này ở cực Đông của Diêm Phù Đề, là chỗ mặt trời mọc. Vì thế gọi là Chấn Đán.

Ba câu "tự giác khác với phàm phu"; Phàm phu mê muội trong mây Ngũ Trụ [phiền não], chìm đắm trong biển Tam Hữu, hoàn toàn chẳng tự giác. Phật thì đại giác rạng ngời, khác hẳn phàm phu. Nhị Thừa tự cầu xuất thế, chẳng có tâm làm lợi cho người khác, chẳng thể giác tha (giác ngộ người khác). Phật thì đại bi phổ độ, nên khác với Nhị Thừa. Bồ Tát chưa hết vô minh, pháp tánh chưa viên, chẳng thể giác mãn (giác ngộ viên mãn). Phật thì đạo tột cùng Diệu Giác, địa vị cùng cực không ai hơn, cho nên khác với Bồ Tát).

(Sao) Hựu ly tâm danh Tự Giác, ly sắc danh Giác Tha, câu ly danh Giác Mãn, diệc tam giác nghĩa.

(Diễn) Hựu "ly tâm danh tự giác" tam cú, tâm giả, thức tâm. Sắc giả, tâm sở biến dã. Dĩ tâm vọng sắc, tâm thân, sắc sơ. Tâm thân danh Tự, sắc sơ danh Tha. Ký không năng biến thức tâm, danh vi Tự Giác. Phục không sở biến vọng sắc, danh vi Giác Tha. Chí tâm sắc tận không, tịnh không diệc không, danh vi Giác Mãn.

(鈔)又離心名自覺，離色名覺他，俱離名覺滿，亦三覺義。

(演)又離心名自覺三句，心者，識心。色者，心所變也。以心望色，心親色疏。心親名自，色疏名他。既空能變識心，名為自覺。復空所變妄色，名為覺他。至心色盡空，并空亦空，名為覺滿。

*(**Sao**: Lại nữa, lìa tâm là Tự Giác, lìa sắc là Giác Tha, cùng lìa [tâm lẫn sắc] thì gọi là Giác Mãn. Đó cũng là ý nghĩa của ba thứ giác.*

***Diễn**: Ba câu "lại nữa, lìa tâm thì gọi là tự giác": Tâm là thức tâm (cái tâm vọng thức). Sắc là do tâm biến ra. Đem cái tâm so với sắc thì tâm là thân, mà sắc là sơ. Do tâm là thân thiết, nên gọi là Tự; do sắc là sơ (chẳng thân thiết), nên gọi là Tha. Cái thức tâm có khả năng biến [ra sắc] đã rỗng rang (không còn vọng thức chấp trước, phân biệt) thì gọi là Tự Giác. Cái sắc hư vọng do [thức tâm] biến hiện cũng rỗng rang thì gọi là Giác Tha. Cho đến khi tâm lẫn sắc đều không, ngay cả cái Không ấy cũng là không, thì gọi là Giác Mãn).*

(Sao) Hựu vân Trí Giả, trí tức giác nghĩa, vô bất tri giả. Trí Luận vân: "Tri nhất thiết chúng sanh số phi số, thường phi thường đẳng, thị trí vô bất tri, sở vị đắc Nhất Thiết Chủng Trí", thị dã, tức Giác Mãn nghĩa dã.

(Diễn) Tri nhất thiết chúng sanh số phi số, thường phi thường giả, Quang Minh Sớ vân: "Số giả, lục phàm, Nhị Thừa, dĩ đọa Hữu, đọa Vô, giai lạc vu số dã. Phi số giả, Đại Thừa Bồ Tát dĩ thân chứng Pháp Thân, Pháp Thân bất lạc chư số dã. Thường giả, viên đốn Nhất Thừa. Phi thường giả, lục phàm tam giáo Phật nãi vô sở bất tri, danh Nhất Thiết Chủng Trí dã. Hựu số cập phi thường vi Tục Đế cảnh. Tri thử, xưng Đạo Chủng Trí. Phi số cập thường, vi Chân Đế cảnh. Tri thử,

xưng Nhất Thiết Trí. Số tức phi số, thường tức phi thường, vi Trung Đế cảnh. Tri thử, xưng Nhất Thiết Chủng Trí dã.

(鈔)又云智者，智即覺義，無不知者。智論云：知一切眾生數非數，常非常等，是智無不知，所謂得一切種智是也，即覺滿義也。

(演)知一切眾生數非數，常非常者，光明疏云：數者，六凡二乘，以墮有墮無，皆落于數也。非數者，大乘菩薩，以親證法身，法身不落諸數也。常者，圓頓一乘。非常者，六凡三教，佛乃無所不知，名一切種智也。又數及非常，為俗諦境。知此，稱道種智。非數及常，為真諦境。知此，稱一切智。數即非數，常即非常，為中諦境。知此，稱一切種智也。

*(**Sao**: [Phật Đà] lại dịch là "trí giả" (bậc trí). Trí có nghĩa là giác, không gì chẳng biết. Trí Độ Luận nói: "Biết hết thảy chúng sanh có số lượng hay chẳng phải số lượng, thường hay chẳng thường v.v... Đó là trí không gì chẳng biết". Nói "đắc Nhất Thiết Chủng Trí" là nói về chuyện này. Đấy là ý nghĩa Giác Mãn vậy.*

***Diễn**: "Biết hết thảy chúng sanh là số, hay chẳng phải số, là thường, hay chẳng phải thường": Kim Quang Minh Sớ giảng: "Số: Lục phàm và Nhị Thừa do đọa trong Hữu, đọa trong Vô, đều rơi vào trong phạm vi của Số. Phi số: Đại Thừa Bồ Tát đã đích thân chứng Pháp Thân, Pháp Thân chẳng rơi vào các số. Thường là viên đốn Nhất Thừa. Phi Thường là đối với tam giáo trong lục phàm, không gì Phật chẳng biết, gọi là Nhất Thiết Chủng Trí. Lại nữa, số và phi thường là cảnh Tục Đế. Biết điều này thì gọi là Đạo Chủng Trí. Chẳng phải số và thường thì là cảnh Chân Đế. Biết điều này, sẽ gọi là Nhất Thiết Trí. Số chính là phi số, thường chính là phi thường, thì là cảnh Trung Đế. Biết điều này thì gọi là Nhất Thiết Chủng Trí).*

(Sao)Thập hiệu giả, vạn đức Thế Tôn, cử mạc năng tận. Lược nhi ngôn chi, Như Lai chí Phật, cộng hữu thập hiệu. Thập hiệu chi trung, Phật đương kỳ nhất. Cụ tư thập đức, thế xuất thế gian chi sở tông chủ, cố danh Thế Tôn.

(Diễn) Như Lai chí Phật cộng hữu thập hiệu giả, dĩ vô hư vọng, danh Như Lai. Lương phước điền, danh Ứng Cúng. Tri pháp giới, danh

Chánh Biến Tri. Cụ túc Tam Minh, danh Minh Hạnh Túc. Bất hoàn lai, danh Thiện Thệ. Tri chúng sanh quốc độ, danh Thế Gian Giải. Vô dữ đẳng, danh Vô Thượng Sĩ. Điều tha tâm, danh Điều Ngự Trượng Phu. Vi chúng sanh nhãn, danh Thiên Nhân Sư. Tri tam tụ, danh Phật. Cụ tư thập đức, thế xuất thế gian tông chủ giả. Dĩ danh giả, Thật chi tân, Thế Tôn thập hiệu, Thế Tôn thập đức dã. Cụ thử thập đức, vi cửu pháp giới sở tông, cố danh Thế Tôn. Thị thập hiệu thị Biệt, Thế Tôn lưỡng tự thị Tổng dã.

(鈔)十號者，萬德世尊，舉莫能盡。略而言之，如來至佛，共有十號。十號之中，佛當其一。具茲十德，世出世間之所宗主，故名世尊。

(演)如來至佛共有十號者，以無虛妄，名如來。良福田，名應供。知法界，名正遍知。具足三明，名明行足。不還來，名善逝。知眾生國土，名世間解。無與等，名無上士。調他心，名調御丈夫。為眾生眼。名天人師。知三聚，名佛。具茲十德，世出世間宗主者。以名者，實之賓，世尊十號，世尊十德也。具此十德，為九法界所宗，故名世尊。是十號是別，世尊兩字是總也。

*(**Sao**: "Mười hiệu": Đức Thế Tôn có muôn đức nói chẳng thể hết. Nói đại lược, từ Như Lai cho tới Phật, có tất cả mười hiệu. Trong mười hiệu, Phật là một hiệu trong số đó. Đầy đủ mười đức, là bậc được tôn sùng nhất trong cả thế gian lẫn xuất thế gian, cho nên gọi là Thế Tôn.*

***Diễn**: "Từ Như Lai cho tới Phật có tất cả mười hiệu": Do chẳng hư vọng, nên gọi là Như Lai. Do là ruộng phước tốt lành, nên gọi là Ứng Cúng. Do biết pháp giới, nên gọi là Chánh Biến Tri. Do đầy đủ Tam Minh, nên gọi là Minh Hạnh Túc. Do chẳng trở lại [rơi vào phàm phu], nên gọi là Thiện Thệ. Do biết chúng sanh và quốc độ, nên gọi là Thế Gian Giải. Do chẳng sánh bằng, nên gọi là Vô Thượng Sĩ. Do điều phục cái tâm của kẻ khác, nên gọi là Điều Ngự Trượng Phu. Làm mắt cho chúng sanh, nên gọi là Thiên Nhân Sư. Do biết ba tụ, nên gọi là Phật. Đầy đủ mười đức ấy, là bậc tông chủ của thế gian lẫn xuất thế gian. Do danh là khách của Thật, nên mười hiệu của Thế Tôn chính là mười đức của Thế Tôn. Trọn đủ mười đức ấy, cho nên được chín pháp giới quy ngưỡng. Vì thế gọi là Thế Tôn. Mười hiệu ấy là Biệt, hai chữ Thế Tôn là Tổng).*

(Sao) Thập nghĩa giả. Cụ nhị trí, đoạn nhị chướng, giác nhị đế, đắc tự tha nhị lợi, như "mộng giác, hoa khai" nhị dụ, hợp chi vi thập nghĩa dã.

(Diễn) Cụ nhị trí ngũ cú, nhị trí tức Căn Bản, Hậu Đắc. Nhị chướng, tức Phiền Não, Sở Tri. Nhị Đế tức Chân, Tục. Mộng giác hoa khai, như đại mộng giác, như liên hoa khai. Nhược phân phối chi, Căn Bản Trí đoạn Phiền Não Chướng, giác Chân Đế lý, đắc tự lợi chi ích, như đại mộng giác. Hậu Đắc Trí đoạn Sở Tri Chướng, giác Tục Đế lý, đắc lợi tha chi ích, như liên hoa khai.

(鈔)十義者。具二智，斷二障，覺二諦，得自他二利，如夢覺華開二喻，合之為十義也。

(演)具二智五句，二智即根本，後得。二障即煩惱，所知。二諦即真，俗。夢覺花開，如大夢覺，如蓮花開。若分配之，根本智斷煩惱障，覺真諦理，得自利之益，如大夢覺。後得智斷所知障，覺俗諦理，得利他之益，如蓮花開。

*(**Sao**: "Mười nghĩa" là trọn đủ hai trí, đoạn hai chướng, giác hai đế, đắc hai thứ lợi ích là tự lợi và lợi tha, lập ra hai thứ thí dụ là "như tỉnh mộng" và "hoa nở", hợp lại thành mười nghĩa.*

***Diễn**: Năm câu "trọn đủ hai trí": Hai trí chính là Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí. Hai chướng là Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Nhị Đế tức Chân Đế và Tục Đế. "Tỉnh mộng, hoa nở" tức là tỉnh giấc mộng lớn và hoa sen nở. Nếu tách ra để phối hợp [từng cặp] thì Căn Bản Trí đoạn Phiền Não Chướng, giác lý Chân Đế, đạt được lợi ích tự lợi, như tỉnh giấc mộng lớn. Hậu Đắc Trí đoạn Sở Tri Chướng, giác lý Tục Đế, đạt được lợi ích lợi tha, như hoa sen nở).*

(Sao) Lục Tức giả, thỉ hồ Lý Tức, chung hồ Cứu Cánh. Cái thỉ tắc toàn giác toàn mê, trung tắc giác nhi vị tận, mạt nãi vô sở bất giác. Kim xưng Phật giả, chỉ Cứu Cánh dã.

(Diễn) Thỉ hồ Lý tức ngũ cú. Ước Sự, cố ngôn lục. Ước Lý, cố ngôn Tức. Hựu dục linh miễn vu thượng mạn, cố ngôn lục. Dục linh miễn vu thoái khuất, cố ngôn Tức. Lý Tức giả, vị chúng sanh bổn cụ Phật tánh chi lý, dữ Như Lai vô nhị, vô biệt, cố Niết Bàn vân: "Nhất thiết chúng sanh giai thị Phật". Thị vi Lý Tức Phật dã. Cổ vân: "Động tĩnh lý toàn thị, hành tàng sự tận phi. Minh minh tùy vật chuyển, yểu

yểu bất tri quy", thị dã. Danh Tự Tức giả, vị hoặc tùng tri thức xứ văn, hoặc tùng kinh quyển trung đắc, thông đạt giải liễu: "Nhất thiết chư pháp, vô phi Phật pháp". Thị vi Danh Tự Tức Phật dã. Cổ vân: "Sạ thính vô sanh khúc, tảo văn bất tử ca, phương tri đương thể thị, phiên hận tự tha đà", thị dã. Quán Hạnh Tức giả, vị tri nhất thiết giai thị Phật pháp, tất tu tâm quán minh liễu, lý huệ tương ứng, sở hành như sở ngôn, sở ngôn như sở hành, thị vi Quán Hạnh tức Phật, thử ngũ phẩm vị dã. Cổ vân: "Niệm niệm chiếu thường lý, tâm tâm tức huyễn trần, biến quán chư pháp tánh, phi giả diệc phi chân", thị dã. Tương Tự Tức giả, vị vu Quán Hạnh trung, dũ quán dũ minh, dũ chỉ dũ tịch, tuy vị năng chân chứng kỳ lý, nhi y hy kiến lý, phảng phất chứng chân. Thị vi Tương Tự Tức Phật. Thử Thập Tín vị dã. Cổ vân: "Tứ trụ tuy tiên lạc, lục trần vị tận Không, nhãn trung do hữu ế, không lý kiến hoa hồng", thị dã. Phần Chứng Tức giả, vị Vô Minh Hoặc hữu tứ thập nhị phẩm, chí thử, phá nhất phẩm vô minh, chứng nhất phần Pháp Thân. Thị vi Phần Chứng Tức Phật. Thử Sơ Trụ chí Đẳng Giác vị dã. Cổ vân: "Hoát nhĩ tâm khai ngộ, trạm nhiên nhất thiết thông, cùng nguyên do vị tận, thượng kiến nguyệt mông lung", thị dã. Cứu Cánh Tức giả, vị ngũ trụ nhị tử, tận tịnh vô dư, vô lượng thậm thâm vĩnh tuyệt tư nghị, thị vi Cứu Cánh Tức Phật dã. Cổ vân: "Tích niên chân thị vọng, kim nhật vọng giai chân. Đản phục cựu thời vật, cánh vô nhất pháp tân", thị dã.

(鈔)六即者，始乎理即，終乎究竟。蓋始則全覺全迷，中則覺而未盡，末乃無所不覺。今稱佛者，指究竟也。

(演)始乎理即五句。約事，故言六。約理，故言即。又欲令免于上慢，故言六。欲令免于退屈，故言即。理即者，謂眾生本具佛性之理，與如來無二無別，故涅槃云：一切眾生皆是佛。是為理即佛也。古云：動靜理全是，行藏事盡非。冥冥隨物轉，杳杳不知歸，是也。名字即者，謂或從知識處聞，或從經卷中得，通達解了：一切諸法無非佛法。是為名字即佛也。古云：乍聽無生曲，纔聞不死歌，方知當體是，翻恨自蹉跎，是也。觀行即者，謂知一切皆是佛法，必須心觀明了，理慧相應，所行如所言，所言如所行，是為觀行即佛，此五品位也。古云：念念照常理，心心息幻塵，遍觀諸法性，非假亦非真，是也。相似

即者，謂于觀行中，愈觀愈明，愈止愈寂，雖未能真證其理，而依稀見理，彷彿證真。是為相似即佛。此十信位也。古云：四住雖先落，六塵未盡空，眼中猶有翳，空裏見花紅，是也。分證即者，謂無明惑有四十二品，至此，破一品無明，證一分法身。是為分證即佛。此初住至等覺位也。古云：豁爾心開悟，湛然一切通，窮源猶未盡，尚見月朦朧，是也。究竟即者，謂五住二死，盡淨無餘，無量甚深永絕思議，是為究竟即佛也。古云：昔年真是妄，今日妄皆真。但復舊時物，更無一法新，是也。

*(**Sao**: Lục Tức: Bắt đầu từ Lý Tức Phật cho đến cuối cùng là Cứu Cánh Tức Phật. Ấy là vì thoạt đầu toàn bộ giác, toàn bộ mê, ở khoảng giữa là giác nhưng chưa trọn hết, cuối cùng là không gì chẳng giác. Nay nói đến Phật [trong tựa đề bản kinh này] thì chữ Phật chỉ Cứu Cánh Tức Phật vậy.*

***Diễn**: Năm câu "bắt đầu từ Lý Tức…" do xét theo Sự, cho nên nói thành sáu; xét theo Lý, bèn nói là Tức. Lại vì muốn tránh khỏi Tăng Thượng Mạn, cho nên nói là sáu. Muốn tránh khỏi thoái chuyển, mất mát, nên nói là Tức.*

Lý Tức là nói tới Lý "chúng sanh vốn sẵn có Phật tánh, chẳng hai, chẳng khác Như Lai". Vì thế, kinh Niết Bàn dạy: "Hết thảy chúng sanh đều là Phật". Đó là Lý Tức Phật. Cổ nhân nói: "Động tĩnh toàn là lý, hiển ẩn sự đều sai, ngấm ngầm chuyển theo vật, mờ mịt chẳng biết về" là nói về điều này.

Danh Tự Tức, ý nói do nghe từ chỗ tri thức, hoặc từ kinh sách mà đạt được, thông đạt, hiểu rõ "hết thảy các pháp, không gì chẳng phải là Phật pháp". Đó là Danh Tự Tức Phật. Cổ nhân nói: "Vừa nghe khúc vô sanh, thoạt nghe bài bất tử, mới biết thể toàn là, bèn tiếc trót lần khân" chính là nói về điều này.

Quán Hạnh Tức, ý nói đã biết hết thảy đều là Phật pháp, ắt cần phải tâm quán thấu hiểu rõ ràng, lý và huệ tương ứng, việc làm đúng như lời nói, nói ra đúng như việc làm. Đó là Quán Hạnh tức Phật; đấy chính là địa vị Ngũ Phẩm. Cổ nhân nói: "Mỗi niệm chiếu thường lý, mỗi tâm tức huyễn trần, quán khắp các pháp tánh, chẳng Giả cũng chẳng Chân" là nói về điều này.

Tương Tự Tức là nói trong Quán Hạnh, càng quán càng sáng tỏ, càng chỉ càng tịch, tuy chưa thể thật sự chứng lý, nhưng đã thấy lý đôi chút, phảng phất chứng Chân. Đó là Tương Tự Tức Phật. Đấy là địa vị Thập Tín. Cổ nhân nói: "Tứ trụ tuy rớt trước, sáu trần chưa sạch không, mắt hãy còn màng mộng, thấy hoa đốm trên không" chính là nói về điều này.

Phần Chứng Tức, ý nói Vô Minh Hoặc có bốn mươi hai phẩm, đến đây đã phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Đó là Phần Chứng Tức Phật. Đấy chính là các địa vị từ Sơ Trụ cho đến Đẳng Giác. Cổ nhân nói: "Bỗng dưng tâm khai ngộ, lắng trong hết thảy thông, chưa thấu tột nguồn cội, còn thấy trăng lờ mờ" là nói về ý này.

Cứu Cánh Tức, ý nói: Ngũ Trụ, nhị tử (Biến Dịch sanh tử và Phần Đoạn sanh tử) đã sạch hết, chẳng còn thừa sót, vô lượng rất sâu, vĩnh viễn dứt sạch nghĩ bàn. Đó là Cứu Cánh Tức Phật. Cổ nhân nói: "Năm xưa chân là vọng, ngày nay vọng là chân. Vẫn là vật xưa cũ, trọn chẳng hề mới toanh" chính là nói về ý này).

(Sao) Thập Thân giả, nhất Chánh Giác Phật, chí thập Tùy Nhạo Phật, tường cụ Ly Thế Gian phẩm. Thử thập thân Phật, duy Hoa Nghiêm hữu chi. Nhiên ước kỳ đại yếu, bất xuất "giác mãn" chi nghĩa, cố viết: Thập thân sơ mãn, Chánh Giác thỉ thành, danh Viên Mãn Phật dã.

(Diễn) Thập thân giả tam cú: Nhất, Chánh Giác Phật, thị thành Chánh Giác cố. Nhị, nguyện Phật, tùy nguyện hiện thân cố. Tam, nghiệp báo Phật, vạn hạnh cảm cố. Tứ, trụ trì Phật, tự thân xá-lợi thường trụ cố. Ngũ, Niết Bàn Phật, thị hiện diệt độ cố. Lục, Pháp Thân Phật, pháp giới nhất tướng cố. Thất, tâm Phật, cụ đại từ tâm cố. Bát, Tam Muội Phật, thường tại Định cố. Cửu, Bổn Tánh Phật, trí liễu bổn tánh cố. Thập, Tùy Nhạo Phật, tùy nhạo thị hiện cố.

(鈔)十身者，一正覺佛，至十隨樂佛，詳具離世間品。此十身佛，唯華嚴有之。然約其大要，不出覺滿之義，故曰：十身初滿，正覺始成，名圓滿佛也。

(演)十身者三句。一、正覺佛，示成正覺故　。二、願佛，隨願現身故。三、業報佛，萬行感故。四、住持佛，自身舍利常住故。五、涅槃佛，示現滅度故。六、法身佛，法界一相故。七、心佛，具大慈心故。八、三昧佛，常在

定故。九、本性佛，智了本性故。十、隨樂佛，隨樂示現故。

(***Sao***: *"Mười thân": Thứ nhất là Chánh Giác Phật cho đến thứ mười là Tùy Nhạo Phật, xem chi tiết trong phẩm Ly Thế Gian. Mười thân Phật này chỉ có trong kinh Hoa Nghiêm; nhưng xét theo ý nghĩa chánh yếu, [mười thân ấy] chẳng ra ngoài ý nghĩa giác mãn. Vì thế, nói: "Mười thân đã mãn, mới thành Chánh Giác, gọi là Viên Mãn Phật".*

Diễn: *Ba câu kể từ chữ "mười thân…": Một là Chánh Giác Phật, do thị hiện thành Chánh Giác. Hai là Nguyện Phật, do tùy nguyện hiện thân. Ba là Nghiệp Báo Phật, do muôn hạnh cảm vời. Bốn là Trụ Trì Phật, do xá-lợi của bản thân thường trụ. Năm là Niết Bàn Phật, vì thị hiện diệt độ. Sáu là Pháp Thân Phật, vì pháp giới nhất tướng. Bảy là Tâm Phật, do trọn đủ lòng đại từ. Tám là Tam Muội Phật, do thường ở trong Định. Chín là Bổn Tánh Phật vì thấu hiểu bổn tánh. Mười là Tùy Nhạo Phật, vì thuận theo lòng ưa thích mà thị hiện).*

(Sao) Thiên trung thiên giả, Thiên hữu tứ: Nhất, Thế Gian Thiên, chư quốc vương thị. Nhị, Sanh Thiên, Dục, Sắc, Vô Sắc chư thiên thị. Tam, Tịnh Thiên, Tứ Quả, Chi Phật thị. Tứ, Nghĩa Thiên, Thập Trụ Bồ Tát thị. Phật tịnh siêu chi, thị thiên nhi hựu thiên dã.

(Diễn) Thiên hữu tứ cửu cú: Nhất, Thế Gian Thiên giả, quốc vương tuy xử thế gian, cẩm y, ngọc thực, quỳnh cung, dao đài, thọ dụng tự thiên. Cố viết Thế Gian Thiên. Nhị, Sanh Thiên giả, nhược tinh tu Thập Thiện, kiêm tọa vị đáo địa định, đắc sanh Lục Dục Thiên. Nhược tấn tu căn bản tứ Thiền Định giả, đắc sanh Sắc Giới Thiên. Nhược tấn tu Tứ Không Định giả, đắc sanh Vô Sắc Giới Thiên. Thử tam giới thiên bất ly sanh diệt, phước tận hoàn đọa. Cố viết Sanh Thiên. Tam, Tịnh Thiên giả, La Hán, Bích Chi, đoạn tứ trụ hoặc, chứng Chân Đế lý, phiền não tịnh tận. Cố viết Tịnh Thiên. Tứ, Nghĩa Thiên giả, Thập Trụ Bồ Tát tấn đoạn giới ngoại Kiến Tư Hoặc, chứng Đệ Nhất Nghĩa Đế. Cố vân Nghĩa Thiên dã.

(鈔)天中天者。天有四：一、世間天，諸國王是。二、生天，欲色無色諸天是。三、淨天，四果支佛是。四、義天，十住菩薩是。佛並超之，是天而又天也。

(演)天有四九句。一、世間天者，國王雖處世間，錦衣玉食瓊宮瑤臺，受用似天。故曰世間天。二、生天者，

若精修十善，兼坐未到地定，得生六欲天。若進修根本四禪定者，得生色界天。若進修四空定者，得生無色界天。此三界天不離生滅，福盡還墮。故曰生天。三、淨天者，羅漢辟支，斷四住惑，證真諦理，煩惱淨盡。故曰淨天。四、義天者，十住菩薩進斷界外見思惑，證第一義諦。故曰義天也。

*(**Sao**: "Bậc trời của các trời": Trời có bốn loại: Một là Thế Gian Thiên, tức là các quốc vương. Thứ hai là Sanh Thiên, tức chư thiên Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Ba là Tịnh Thiên, tức là Tứ Quả và Bích Chi Phật. Bốn là Nghĩa Thiên tức Thập Trụ Bồ Tát. Phật đều vượt trội hơn họ, lại là bậc trời của chư thiên.*

***Diễn**: Chín câu từ "thiên có bốn…" trở đi:*

- Một, Thế Gian Thiên, quốc vương tuy sống trong thế gian, áo gấm, cơm ngọc, cung quỳnh, đài dao, thọ dụng dường như chư thiên. Vì thế nói là Thế Gian Thiên.

- Hai, Sanh Thiên: Nếu tu chuyên ròng Thập Thiện, kiêm tọa Thiền, nhưng chưa đắc Định, sẽ được sanh vào Lục Dục Thiên. Nếu tấn tu căn bản tứ Thiền Định, sẽ được sanh vào Sắc Giới Thiên. Nếu tấn tu Tứ Không Định, sẽ được sanh vào cõi Vô Sắc Giới Thiên. Các cõi trời thuộc tam giới ấy do chẳng lìa sanh diệt, khi phước hết, vẫn bị đọa xuống. Vì thế nói là Sanh Thiên.

- Ba, Tịnh Thiên: La Hán, Bích Chi Phật đoạn tứ trụ Hoặc, chứng lý Chân Đế, phiền não hết sạch. Vì thế nói là Tịnh Thiên.

- Bốn là Nghĩa Thiên: Thập Trụ Bồ Tát tiến lên đoạn trừ Kiến Hoặc và Tư Hoặc ở ngoài tam giới, chứng Đệ Nhất Nghĩa Đế. Vì thế gọi là Nghĩa Thiên).

(Sao) Thánh trung thánh giả, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, nhập thánh vực nhi vị ưu, duy Phật cư cực quả, thị thánh nhi hựu thánh dã. Tức Thích Ca giả, quá khứ, vị lai, tu tiêu mỗ Phật. Thích Ca kiến tọa đạo tràng, nhất độ chi trung, vô nhị Phật cố. Dụ như tiền triều đế chủ, tu xưng quốc hiệu, đương kim thiên tử, trực viết Chí Tôn, diệc dĩ nhất quốc chi trung vô nhị chủ cố. Thị tri đơn ngôn Phật giả, tức Tất Đạt sở thành Hiền Kiếp đệ tứ Phật dã.

(鈔)聖中聖者，聲聞、緣覺、菩薩，入聖域而未優，惟佛居極果，是聖而又聖也。即釋迦者，過去未來，須標某佛。釋迦見坐道場，一土之中，無二佛故。喻如前朝帝主，須稱國號，當今天子，直曰至尊，亦以一國之中無二主故。是知單言佛者，即悉達所成賢劫第四佛也。

*(**Sao**: "Thánh trung thánh": Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đã dự vào bậc thánh, nhưng chưa đạt tới mức ưu việt, chỉ có Phật thuộc quả vị tột cùng, cho nên Phật là bậc thánh của chư thánh. "Tức là Phật Thích Ca": Nếu là Phật quá khứ và vị lai, cần phải nêu rõ là vị Phật nào. Đức Thích Ca hiện đang ngồi nơi đạo tràng (thành Phật trong hiện tại). Trong một cõi nước, chẳng có hai vị Phật. Giống như [nói tới] vua chúa trong triều đại trước, cần phải gọi rõ quốc hiệu, [còn nói tới] vị thiên tử hiện tại, bèn gọi thẳng là đấng Chí Tôn, cũng như trong một nước, chẳng có hai chủ. Do vậy, chỉ nói "Phật" thì chính là nói tới vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp do Thái Tử Tất Đạt Đa tu thành).*

(Sớ) Thuyết giả, duyệt dã. Duyệt sở hoài cố, Tứ Biện tuyên diễn cố. Thập nhị bộ đẳng, chí Tứ Tất Đàn, giai thị Thuyết nghĩa.

(Diễn) Duyệt sở hoài giả, duyệt, thị sướng duyệt. Hoài, thị tâm hoài. Nhược tựu thử kinh, tức thị Như Lai cửu tu cửu chứng Niệm Phật tam-muội, uẩn chi tại hoài, kim đắc cơ nhi thuyết, nãi sướng tích chi sở hoài. Tứ Biện tuyên diễn giả, dĩ vô lượng thiện xảo trí, khởi Tứ Vô Ngại Biện, dụng chủng chủng ngôn từ, nhi diễn thuyết pháp dã. Thập nhị bộ đẳng, thị minh sở thuyết pháp tướng, vị hoặc tác Trường Hàng thuyết, hoặc tác Trùng Tụng thuyết, hoặc tác Vị Tằng Hữu thuyết, hoặc tác Vô Vấn Tự Thuyết thuyết đẳng. Thử thập nhị bộ thông hồ đại tiểu, hoặc vân Tiểu Thừa duy hữu cửu bộ, Đại tắc thập nhị. Hoặc vân Tiểu hữu thập nhị, Đại duy cửu bộ. Hoặc vân Đại Tiểu giai hữu thập nhị. Đẳng giả, đẳng bát vạn tứ thiên pháp tạng. Lục Độ, Tứ Đẳng, nhất thiết pháp môn, chí Tứ Tất Đàn, thị minh năng thuyết thiện xảo, vị sở thuyết thập nhị bộ đẳng, chủng chủng chư pháp, nhất nhất giai tác Tứ Tất lợi ích. Chí giả, vị tự chủng chủng sở thuyết, dĩ chí chủng chủng năng thuyết, nhất nhất vô phi Thuyết nghĩa dã. Giai thị Thuyết nghĩa giả, thông đồ minh kỳ Thuyết tướng dã. Nhược cứ kim chi thuyết, chánh tại niệm Phật, thứ văn ủy thị, kim bất tu trần, cố thả thông đồ minh kỳ Thuyết tướng.

(疏)說者，悅也。悅所懷故，四辯宣演故。十二部等，至四悉檀，皆是說義。

(演)悅所懷者，悅，是暢悅。懷，是心懷。若就此經，即是如來久修久證念佛三昧，蘊之在懷，今得機而說，乃暢昔之所懷。四辯宣演者，以無量善巧智，起四無礙辯，用種種言辭，而演說法也。十二部等，是明所說法相，謂或作長行說，或作重頌說，或作未曾有說，或作無問自說說等。此十二部通乎大小，或云小乘唯有九部，大則十二。或云小有十二，大唯九部。或云大小皆有十二。等者，等八萬四千法藏。六度四等，一切法門，至四悉檀，是明能說善巧，謂所說十二部等，種種諸法，一一皆作四悉利益。至者，謂自種種所說，以至種種能說，一一無非說義也。皆是說義者，通塗明其說相也。若據今之說，正在念佛，次文委示，今不須陳，故且通塗明其說相。

*(**Sớ**: "Thuyết" là hoan hỷ. Do thỏa thích điều ấp ủ trong lòng, dùng Tứ Biện Tài tuyên diễn từ mười hai bộ v.v... cho tới Tứ Tất Đàn đều là ý nghĩa của chữ Thuyết.*

***Diễn**: "Duyệt sở hoài" (thỏa thích diều ấp ủ trong lòng): Duyệt là vui thỏa. Hoài là ôm giữ trong tâm. Nếu nói theo kinh này thì chính là do đức Như Lai tu chứng Niệm Phật tam-muội đã lâu, ấp ủ trong tâm, nay có được căn cơ thích ứng, bèn nói ra, thỏa thích điều đã ấp ủ từ lâu.*

"Tứ Biện tuyên diễn": Dùng cái trí vô lượng thiện xảo, dấy lên Tứ Vô Ngại Biện Tài, dùng đủ mọi ngôn từ để diễn thuyết pháp.

"Mười hai bộ..." là nói rõ đối với pháp tướng được nói ra, hoặc là dùng Trường Hàng để nói, hoặc dùng Trùng Tụng để nói, hoặc là nói thành Vị Tăng Hữu, hoặc thành Vô Vấn Tự Thuyết (không có ai hỏi mà tự nói) để nói v.v... Mười hai bộ này chung cho cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Có kẻ cho rằng Tiểu Thừa chỉ có chín bộ, Đại Thừa gồm mười hai bộ. Hoặc nói Tiểu Thừa có mười hai bộ, Đại Thừa chỉ có chín bộ. Hoặc nói Đại Thừa và Tiểu Thừa đều có mười hai bộ.

"Đẳng" (vân vân): Tức là tám vạn bốn ngàn pháp tạng, Lục Độ Tứ Đẳng, hết thảy các pháp môn. "Cho đến Tứ Tất Đàn": Chỉ rõ "có thể nói hay khéo", tức là nói ra mười hai bộ, đủ mọi pháp, mỗi pháp đều tạo lợi ích Tứ Tất Đàn.

"Chí giả" (cho đến): Từ những điều đã nói, cho đến hết thảy mọi thứ chủ thể để nói, không gì chẳng phải là ý nghĩa của Thuyết. "Đều là nói đến ý nghĩa của chữ Thuyết" tức là nói đến tướng trạng của Thuyết theo cách hiểu thông thường. Nếu xét theo pháp đang được bàn ở đây, [Thuyết] là nói về niệm Phật. Điều này sẽ được biện định cặn kẽ trong phần sau, hiện thời, chưa cần trình bày, cho nên nói đến tướng trạng của Thuyết theo cách hiểu thông thường).

(Sao) Duyệt sở hoài giả, bổn nguyện độ sanh, đắc cơ nhi thuyết, sở hoài sướng duyệt. Như Đại Bổn, Thế Tôn dục thuyết thử kinh, tiên thả chư căn duyệt dự, nhan sắc dị thường. Huống kim trì danh niệm Phật, đắc cơ nhi thuyết, duyệt khả tri hỹ. Tứ Biện giả, viết Nghĩa, viết Pháp, viết Từ, viết Nhạo Thuyết dã. Tứ giai vô ngại, danh chi viết Thuyết. Trung Luận vân: "Chư Phật y Nhị Đế, vị chúng sanh thuyết pháp. Từ Vô Ngại Trí, dĩ thế trí sai biệt thuyết. Nhạo Thuyết Vô Ngại Trí, dĩ Đệ Nhất Nghĩa Trí thiện xảo thuyết". Bất ngôn Nghĩa, Pháp giả, hậu hậu kiêm ư tiền tiền, Từ cập Nhạo Thuyết, nhiếp Nghĩa, Pháp cố.

(Diễn) Tứ Biện giả, nhất, Nghĩa Vô Ngại Biện, vị liễu tri nhất thiết chư pháp nghĩa lý, thông đạt vô trệ. Nhị, Pháp Vô Ngại, vị thông đạt nhất thiết chư pháp danh tự, phân biệt vô trệ. Tam, Từ Vô Ngại, vị vu chư pháp danh tự, nghĩa lý, tùy thuận nhất thiết chúng sanh, thù phương dị ngữ, vị kỳ diễn thuyết, năng linh các các đắc giải, biện thuyết vô trệ. Tứ, Nhạo Thuyết Vô Ngại, vị tùy thuận nhất thiết chúng sanh căn tánh, sở nhạo văn pháp, nhi vị thuyết chi, viên dung vô trệ. Tứ giai vô ngại danh chi vị thuyết giả, nhất hữu sở nghi, tắc tâm bất duyệt. Tâm bất duyệt, tắc phi thuyết dã. Dĩ thuyết giả, tức duyệt cố. Chư Phật y Nhị Đế, vị chúng sanh thuyết pháp giả, Nhị Đế, Chân Tục nhị đế dã. Hữu thời, nhất thiết tận tảo, bất lập nhất trần, y Chân Đế thuyết dã. Hữu thời, nhất thiết kiến lập, bất xả nhất pháp, y Tục Đế thuyết dã. Từ Vô Ngại Trí dĩ Thế Trí sai biệt thuyết giả, Thế Trí tức liễu Thế Tục Đế chi trí. Như Lai vu chư pháp danh tự, nghĩa lý, tùy thuận chúng sanh, thù phương dị ngữ, vị kỳ diễn thuyết, giai dĩ liễu Thế Đế chi trí, sai biệt thuyết dã. Nhạo Thuyết Vô Ngại Trí dĩ Đệ Nhất Nghĩa Trí thiện xảo thuyết giả, Đệ Nhất Nghĩa Trí tức liễu Đệ Nhất Nghĩa chi trí dã. Như Lai tùy thuận nhất thiết chúng sanh căn tánh, sở nhạo văn pháp, nhi vị thuyết chi, viên dung vô trệ, giai dĩ liễu Đệ Nhất Nghĩa Trí thiện xảo thuyết dã. Ngôn thiện xảo giả, Đệ Nhất Nghĩa Đế bổn vô ngôn thuyết, phàm hữu ngôn thuyên, giai thiện xảo cố.

(鈔)悅所懷者，本願度生，得機而說，所懷暢悅。如大本，世尊欲說此經，先且諸根悅豫，顏色異常。況今持名念佛，得機而說，悅可知矣。四辯者，曰義，曰法，曰詞，曰樂說也。四皆無礙，名之曰說。中論云：諸佛依二諦，為眾生說法。詞無礙智，以世智差別說。樂說無礙智，以第一義智善巧說，不言義法者，後後兼於前前，詞及樂說，攝義法故。

(演)四辯者。一、義無礙辯，謂了知一切諸法義理，通達無滯。二、法無礙，謂通達一切諸法名字，分別無滯。三、詞無礙，謂于諸法名字義理，隨順一切眾生，殊方異語為其演說，能令各各得解，辯說無滯。四、樂說無礙，謂隨順一切眾生根性，所樂聞法，而為說之，圓融無滯。四皆無礙名之為說者，一有所礙，則心不悅。心不悅，則非說也。以說者，即悅故。諸佛依二諦，為眾生說法者，二諦，真俗二諦也。有時一切盡掃，不立一塵，依真諦說也。有時一切建立，不捨一法，依俗諦說也。詞無礙智以世智差別說者，世智即了世俗諦之智。如來于諸法名字義理，隨順眾生，殊方異語，為其演說，皆以了世諦之智，差別說也。樂說無礙智以第一義智善巧說者，第一義智即了第一義之智也。如來隨順一切眾生根性，所樂聞法，而為說之，圓融無滯，皆以了第一義智善巧說也。言善巧者，第一義諦本無言說，凡有言詮，皆善巧故。

(***Sao***: *"Thỏa thích điều ấp ủ trong lòng": Bổn nguyện độ sanh có cơ hội để nói, thỏa thích nỗi niềm hằng ấp ủ. Như trong kinh Đại Bổn, lúc đức Thế Tôn sắp nói kinh ấy, trước hết, các căn lộ vẻ vui sướng, vẻ mặt khác với lúc thường. Huống chi nay pháp Trì Danh Niệm Phật gặp được căn cơ để nói, có thể biết là đức Phật vui sướng [dường nào]!*

Tứ Biện là Nghĩa Biện Tài, Pháp Biện Tài, Từ Biện Tài, và Nhạo Thuyết Vô Ngại. Bốn điều ấy đều vô ngại, nên gọi là Thuyết. Trung Quán Luận nói: "Chư Phật nương vào Nhị Đế để thuyết pháp cho chúng sanh. Từ Vô Ngại Trí là dựa trên trí thế gian mà nói khác biệt [tùy theo hoàn

cảnh, thời điểm]. Nhạo Thuyết Vô Ngại Trí là dùng Đệ Nhất Nghĩa Trí để khéo léo nói". Chẳng nhắc tới Nghĩa Vô Ngại Biện Tài và Pháp Vô Ngại Biện Tài, vì những điều sau đã bao gồm điều trước. Từ Vô Ngại Biện Tài và Nhạo Thuyết Vô Ngại Biện Tài bao trùm Nghĩa Vô Ngại Biện Tài và Pháp Vô Ngại Biện Tài.

***Diễn**: "Tứ Biện": Một là Nghĩa Vô Ngại Biện, tức là biết rõ nghĩa lý của hết thảy các pháp, thông đạt chẳng trầm trệ. Hai là Pháp Vô Ngại, tức là thông đạt tên gọi của hết thảy các pháp, phân biệt không vướng mắc. Ba là Từ Vô Ngại, tức là đối với danh tự và nghĩa lý của các pháp, do tùy thuận hết thảy chúng sanh mà dùng những ngôn ngữ khác lạ của chúng sanh để diễn nói, khiến cho ai nấy đều có thể hiểu, biện luận diễn nói không trầm trệ. Bốn là Nhạo Thuyết Vô Ngại, tức là tùy thuận căn tánh của hết thảy chúng sanh, họ thích nghe pháp nào, bèn nói pháp đó viên dung, không trầm trệ.*

"Bốn điều ấy đều vô ngại, nên gọi là Thuyết": Hễ có nghi ngờ, tâm sẽ chẳng vui sướng. Tâm chẳng vui sướng, sẽ chẳng nói. Do đã nói, tức là vui sướng rồi. "Chư Phật nương vào Nhị Đế để thuyết pháp cho chúng sanh": Nhị Đế là Chân Đế và Tục Đế. Có lúc quét sạch hết thảy, chẳng lập mảy trần, tức là dựa theo Chân Đế để nói. Có lúc kiến lập hết thảy, chẳng bỏ một pháp, tức là nương theo Tục Đế để nói.

"Từ Vô Ngại Trí dùng Thế Trí sai biệt để nói": Thế Trí là cái trí hiểu rõ Thế Tục Đế. Đối với danh tự và nghĩa lý của các pháp, đức Như Lai tùy thuận chúng sanh dùng phương pháp và lời lẽ đặc biệt, khác lạ để diễn nói cho họ, Ngài đều sử dụng trí hiểu rõ Thế Đế để nói sai biệt.

"Nhạo Thuyết Vô Ngại Trí là dùng Đệ Nhất Nghĩa Trí để nói hay khéo": Đệ Nhất Nghĩa Trí chính là cái trí hiểu rõ Đệ Nhất Nghĩa. Đức Như Lai tùy thuận căn tánh của hết thảy chúng sanh và pháp mà họ thích nghe để giảng nói viên dung không vướng mắc, đều dùng cái trí liễu giải Đệ Nhất Nghĩa để thiện xảo nói. Nói tới "thiện xảo" thì Đệ Nhất Nghĩa Đế vốn không có ngôn thuyết. Hễ có diễn nói thì đều là hay khéo).

(Sao) Thập nhị bộ đẳng, chỉ sở thuyết dã. Tất Đàn giả, hợp Hoa Phạm vân Biến Thí. Dĩ Thế Giới, Vị Nhân, Đối Trị, Đệ Nhất Nghĩa, tứ môn, tác hoan hỷ, sanh thiện, diệt ác, nhập đạo, tứ ích. Thập nhị bộ kinh, nhất thiết chư pháp, tùy nghi nhi thuyết, vô lượng phương tiện, yếu quy tác Thế Giới đẳng tứ thuyết, sử nhân đắc hoan hỷ đẳng tứ ích nhi dĩ. Giám cơ thọ pháp, kỳ văn phồn quảng, lược cử bất tất.

(Diễn) Thế Giới Tất Đàn giả, Thế, tức cách biệt nghĩa. Giới, tức giới phần dã. Cái do chúng sanh căn khí thiển bạc, cố Phật tùy kỳ sở nhạo dục văn, vị chi thứ đệ phân biệt nhi thuyết, linh sanh hoan hỷ, tác hoan hỷ ích dã. Vị Nhân Tất Đàn giả, vị Phật dục thuyết pháp, tất quán chúng sanh, cơ khí chi đại tiểu, túc chủng chi thiển thâm, nhiên hậu xứng kỳ cơ nghi, linh sanh chánh tín, tác sanh thiện ích dã. Đối Trị Tất Đàn giả, vị như chúng sanh tham dục đa giả, giáo quán bất tịnh, sân khuể đa giả, giáo tu từ tâm. Vị đối thử chư bệnh, thuyết thử pháp dược, biến thí chúng sanh, tác diệt ác ích dã. Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn giả, Đệ Nhất Nghĩa, tức lý dã, vị Phật quán chúng sanh thiện căn dĩ thục, tức vị thuyết pháp, linh kỳ đắc ngộ, tác nhập đạo ích dã. Nhất thiết chư pháp tùy nghi nhi thuyết, yếu quy tác tứ thuyết, sử đắc tứ ích giả, nhất thiết chư pháp bất xuất bát vạn tứ thiên pháp môn, nhi bát vạn đẳng pháp thông hồ Tứ Giáo, tức thị sanh diệt bát vạn, vô sanh bát vạn, vô lượng bát vạn, vô tác bát vạn. Như sanh diệt bát vạn, thú cử nhất pháp, tu khai tứ môn. Ước Hữu môn thuyết, niệm niệm vô thường, như đăng diễm diễm. Ước Không môn thuyết, tam giả phù hư, do như vân vụ. Song diệc môn thuyết, nhị tướng thung dung. Song phi môn thuyết, nhị tướng câu xả. Tứ trung nhất môn cơ sanh thục, cố Tứ Tất bị chi. Vị vị chủng giả, tác Thế Giới thuyết, linh kỳ hoan hỷ. Vị dĩ chủng giả, tác Vị Nhân thuyết, linh kỳ sanh thiện. Ác vị phá giả, tác Đối Trị thuyết, linh kỳ diệt ác. Căn dĩ thục giả, tác Đệ Nhất Nghĩa thuyết, linh kỳ nhập lý. Phật trí giám cơ, thuyết chi tất trúng. Tri bất nhập lý, linh đắc tam ích. Tri bất phá ác, linh đắc nhị ích. Vô thiện khả phát, tác Thế Giới thuyết, đản sanh hoan hỷ. Cố vân yếu quy tác Thế Giới đẳng tứ thuyết, sử đắc hoan hỷ đẳng tứ ích nhi dĩ. Giám cơ thọ pháp, kỳ văn phồn quảng giả, như thượng minh, tức nhất hữu môn, bị cơ Tứ Tất. Dư chi tam môn, bị cơ diệc nhĩ. Bát vạn trung nhất tứ môn Tứ Tất bị cơ ký nhĩ, kỳ dư chư pháp tứ môn, Tứ Tất bị cơ diệc nhiên. Nhất giáo bát vạn môn Tứ Tất ký nhiên, tam giáo diệc nhĩ. Cố vân giám cơ thọ pháp, kỳ văn phồn quảng dã.

(鈔)十二部等，指所說也。悉檀者，合華梵云遍施。以世界、為人、對治、第一義、四門、作歡喜、生善、滅惡、入道、四益。十二部經，一切諸法，隨宜而說，無量方便，要歸作世界等四說，使人得歡喜等四益而已。鑒機授法，其文繁廣，略舉不悉。

(演)世界悉檀者。世，即隔別義。界，即界分也。蓋由眾生根器淺薄，故佛隨其所樂欲聞，為之次第分別而說，令生歡喜，作歡喜益也。為人悉檀者，謂佛欲說法，必觀眾生，機器之大小，宿種之淺深，然後稱其機宜，令生正信，作生善益也。對治悉檀者，謂如眾生貪欲多者，教觀不淨，瞋恚多者，教修慈心。為對此諸病，說此法藥，遍施眾生，作滅惡益也。第一義悉檀者，第一義，即理也，謂佛觀眾生善根已熟，即為說法，令其得悟，作入道益也。一切諸法隨宜而說，要歸作四說，使得四益者，一切諸法不出八萬四千法門，而八萬等法通乎四教，即是生滅八萬，無生八萬，無量八萬，無作八萬。如生滅八萬，趣舉一法，須開四門。約有門說，念念無常，如燈焰焰。約空門說，三假浮虛，猶如雲霧。雙亦門說，二相從容。雙非門說，二相俱捨。四中一門機生熟，故四悉被之。為未種者，作世界說，令其歡喜。為已種者，作為人說，令其生善。惡未破者，作對治說，令其滅惡。根已熟者，作第一義說，令其入理。佛智鑒機，說之必中。知不入理，令得三益。知不破惡，令得二益。無善可發，作世界說，但生歡喜。故云要歸作世界等四說，使得歡喜等四益而已。鑒機授法，其文繁廣者，如上明，即一有門，被機四悉。餘之三門，被機亦爾。八萬中一四門四悉被機既爾，其餘諸法四門，四悉被機亦然。一教八萬門四悉既然。三教亦爾。故云鑒機授法，其文繁廣也。

*(**Sao**: "Mười hai bộ v.v..." chỉ những kinh điển đã được nói. Tất Đàn (Siddhānta): Ghép tiếng Hán và tiếng Phạn lại [thành từ ngữ này], có nghĩa là Thí Trọn Khắp. Dùng bốn môn Thế Giới, Vị Nhân, Đối Trị, và Đệ Nhất Nghĩa để tạo bốn món lợi ích, tức hoan hỷ, sanh thiện, diệt ác, và nhập đạo. Mười hai bộ kinh, hết thảy các pháp, tùy nghi mà nói, vô lượng phương tiện đều phải quy về bốn món Tất Đàn như Thế Giới v.v... nhằm khiến cho người khác đạt được bốn thứ lợi ích như hoan hỷ v.v...*

mà thôi. "Soi xét căn cơ để trao truyền giáo pháp": Do lời văn rườm rà, quá rộng, cho nên nêu đại lược, chẳng trình bày trọn hết.

***Diễn**: Thế Giới Tất Đàn: Thế có nghĩa là cách biệt, Giới tức là phân chia giới hạn. Ấy là do căn khí của chúng sanh nông cạn, mỏng manh, cho nên đức Phật thuận theo điều họ ưa thích mà lần lượt nói phân biệt theo thứ tự, khiến cho họ sanh lòng hoan hỷ, tức là tạo lợi ích hoan hỷ.*

Vị Nhân Tất Đàn: Nghĩa là đức Phật muốn thuyết pháp, ắt quán căn cơ, căn khí của chúng sanh là Đại Thừa hay Tiểu Thừa, [thiện căn] đã gieo trong đời quá khứ cạn hay sâu. Sau đấy, tương xứng với cơ nghi của họ mà làm cho họ sanh chánh tín, tạo lợi ích "sanh ra điều thiện".

Đối Trị Tất Đàn: Tức là nếu chúng sanh tham dục nhiều, bèn dạy họ quán bất tịnh. Kẻ nhiều sân hận bèn dạy tu từ tâm. Vì đối trị các bệnh ấy mà nói pháp dược ấy, thí khắp chúng sanh, tạo lợi ích diệt ác.

Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn: Đệ Nhất Nghĩa chính là Lý, nghĩa là đức Phật quán thiện căn của chúng sanh đã chín muồi, liền vì kẻ ấy thuyết pháp, khiến cho kẻ ấy được khai ngộ, tạo lợi ích nhập đạo.

"Hết thảy các pháp tùy nghi mà nói, phải quy về bốn cách nói [theo Tất Đàn], khiến cho [người nghe] đạt được lợi ích": Hết thảy các pháp chẳng ra ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, nhưng tám vạn pháp ấy thông với Tứ Giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), tức là tám vạn sanh diệt, tám vạn vô sanh, tám vạn vô lượng, tám vạn vô tác. Như đối với tám vạn pháp sanh diệt, chọn ra một pháp, cần phải mở ra bốn môn. Nói theo Hữu môn thì niệm nào cũng đều vô thường như ánh đèn chập chờn. Nói theo Không môn, tam giả (thọ giả, pháp giả, danh giả) hư huyễn hời hợt, ví như mây, sương. Nói theo kiểu "hai bên (Hữu và Vô) cùng có" thì hai tướng thong dong. Nói theo "hai bên đều không" thì hai tướng đều bỏ. Hễ căn cơ trong một môn thuộc bốn môn mà chín muồi, thì Tứ Tất Đàn bèn có đủ cả. Tức là đối với kẻ chưa gieo [thiện căn], bèn nói theo Thế Giới Tất Đàn khiến cho kẻ ấy hoan hỷ. Đối với kẻ đã gieo [thiện căn], bèn nói theo Vị Nhân Tất Đàn, khiến cho kẻ ấy sanh điều lành. Đối với kẻ chưa phá ác, bèn nói theo Đối Trị Tất Đàn, khiến cho kẻ ấy diệt ác. Đối với kẻ căn cơ đã chín muồi, bèn nói theo Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn, khiến cho kẻ ấy nhập lý. Phật trí soi xét căn cơ, hễ nói ắt trúng. Biết là kẻ chưa nhập lý, bèn khiến cho họ đạt được ba lợi ích. Biết là kẻ chẳng phá ác, bèn khiến cho họ đạt được hai lợi ích. Đối với kẻ chẳng thể phát khởi điều thiện, bèn nói theo Thế Giới Tất Đàn, chỉ khiến cho họ hoan hỷ. Vì thế nói: "Phải quy vào bốn món Tất Đàn như Thế Giới v.v... để nói, khiến cho họ đạt được bốn món lợi ích như hoan hỷ v.v... mà thôi!"

"Soi xét căn cơ, trao truyền giáo pháp, văn từ quá rườm rà, quá rộng": Như vừa trình bày trên đây, ngay trong một môn là Hữu môn đã có Tứ Tất Đàn để phù hợp các căn cơ, ba môn kia (Không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không) thì cũng phù hợp căn cơ như vậy. Trong tám vạn môn, tứ môn (Có, Không, Cũng Có Cũng Không v.v..) của một môn mà đã có Tứ Tất Đàn để thích ứng căn cơ, thì tứ môn của các pháp môn khác nhằm thích ứng căn cơ cũng thế. Tứ Tất Đàn của tám vạn môn trong một giáo đã là như thế thì ba giáo kia cũng vậy. Vì thế nói là "soi xét căn cơ, trao truyền giáo pháp, văn tự ấy rườm rà, quá rộng").

(Sớ) Phật thuyết giả, thuyết giản ngũ nhân cố.

(Sao) Ngũ nhân giả, nhất, Phật. Nhị, Bồ Tát. Tam, thiên nhân. Tứ, tiên. Ngũ, hóa nhân. Thử ngũ giai năng thuyết kinh. Kim hiển thử kinh thị Chí Thánh lập ngôn, kim khẩu thân xuất, bất đồng Bồ Tát tại nhân, thiên thuộc phàm loại, tiên tạp ngoại đạo, hóa nhân phi chân dã. Như thiên tử chiếu, bất đồng bách quan, tể tướng, chư vương đẳng ngữ dã.

(疏)佛說者，說揀五人故。

(鈔)五人者。一、佛。二、菩薩。三、天人。四、仙。五、化人。此五皆能說經。今顯此經是至聖立言，金口親出，不同菩薩在因，天屬凡類，仙雜外道，化人非真也。如天子詔，不同百官宰相，諸王等語也。

*(**Sớ**: "Phật thuyết": Nhằm phân định rõ [trong] năm hạng người có thể nói kinh, [kinh này do chính đức Phật nói].*

***Sao**: "Năm loại người": Một là Phật, hai là Bồ Tát, ba là chư thiên, bốn là tiên, năm là hóa nhân. Năm loại này đều có thể nói kinh. Nay chỉ rõ kinh này là lời dạy của đấng Chí Thánh, do miệng vàng đích thân nói ra, chẳng giống như hàng Bồ Tát còn đang tu nhân, chư thiên thuộc về phàm phu, tiên xen tạp ngoại đạo, hóa nhân chẳng phải là người thật. Giống như chiếu chỉ của hoàng đế, chẳng giống lời lẽ của trăm quan, tể tướng, các vương gia v.v...)*

(Sớ) A Di Đà giả, thị tiêu hiển bỉ Phật. Phạn ngữ A, thử vân Vô. Phạn ngữ Di Đà, thử vân Lượng. Ngôn Phật công đức bất khả cùng tận, cố vân Vô Lượng. Như kinh thọ mạng, quang minh, thị vô lượng trung cô cử nhị sự, nhiếp dư công đức dã.

(Diễn) Ngôn Phật công đức bất khả cùng tận giả, công đức nhị tự, cai tận tam thân, tứ trí, thập nhãn, thập thông, vô lượng bách thiên đà-la-ni môn đẳng. Bất khả cùng tận giả, Thập Địa mạc năng cùng kỳ nguyên, Đẳng Giác bất năng khuy kỳ đảnh cố. Thị vô lượng trung cô cử nhị sự giả, như Hoa Nghiêm Bát Địa, đắc vô lượng thân, vô lượng âm thanh, vô lượng trí huệ, vô lượng thọ sanh, vô lượng tịnh quốc, giáo hóa vô lượng chúng sanh, nhập vô lượng pháp môn, cụ vô lượng thần thông, hữu vô lượng chúng hội đạo tràng sai biệt, trụ vô lượng thân ngữ ý nghiệp, tắc thử thọ mạng, quang minh, phi cô cử nhị sự nhi hà?

(疏)阿彌陀者，是標顯彼佛。梵語阿，此云無。梵語彌陀，此云量。言佛功德不可窮盡，故云無量。如經壽命光明，是無量中姑舉二事，攝餘功德也。

(演)言佛功德不可窮盡者，功德二字，該盡三身　，四智，十眼，十通，無量百千陀羅尼門等。不可窮盡者，十地莫能窮其源，等覺不能窺其頂故。是無量中姑舉二事者，如華嚴八地，得無量身，無量音聲，無量智慧，無量受生，無量淨國，教化無量眾生，入無量法門，具無量神通，有無量眾會道場差別，住無量身語意業，則此壽命光明。非姑舉二事而何？

***(Sớ**: A Di Đà": Chỉ rõ đức Phật ấy. A là tiếng Phạn, được cõi này dịch là Vô. Tiếng Phạn Di Đà, cõi này dịch là Lượng. Ý nói công đức của Phật chẳng thể cùng tận, cho nên nói là Vô Lượng. Như trong kinh nói đến thọ mạng và quang minh, chỉ là nêu lên hai chuyện nhằm gồm thâu những công đức khác.*

***Diễn**: "Nói công đức của Phật chẳng thể cùng tận": Hai chữ Công Đức bao gồm trọn hết tam thân, tứ trí, thập nhãn, thập thông, vô lượng trăm ngàn đà-la-ni môn v.v... "Chẳng thể cùng tận": Hàng Thập Địa chẳng thể thấu hiểu tận cùng nguồn cội, bậc Đẳng Giác chẳng thể ngó thấy tột đỉnh [của công đức ấy].*

"Trong vô lượng sự, chỉ nêu lên hai chuyện": Như trong Hoa Nghiêm, bậc Bát Địa đắc vô lượng thân, vô lượng âm thanh, vô lượng trí huệ, vô lượng thọ sanh, vô lượng cõi nước thanh tịnh, giáo hóa vô lượng chúng sanh, nhập vô lượng pháp môn, có đủ vô lượng thần thông, có vô lượng chúng hội đạo tràng sai khác, trụ vô lượng thân ngữ ý nghiệp, vậy

thì thọ mạng và quang minh chẳng phải chỉ là tạm nêu hai chuyện thì là gì vậy?)

(Sao) Vô lượng giả, hữu nhị nghĩa: Nhất giả, chúng đa vô hữu số lượng. Nhị giả, quảng đại vô hữu hạn lượng. Phục hữu nhị nghĩa: Nhất giả, thập đại số trung chi vô lượng. Nhị giả, cánh vô cùng tận chi vô lượng. "Cô cử nhị sự" giả, dĩ vô lượng bất chỉ thọ mạng, quang minh dã, tường như hậu văn trung biện.

(Diễn) Chúng đa, vô hữu số lượng nhị cú, như Phật thọ mạng, kinh bất khả số kiếp. Quang minh, hữu bất khả thuyết số. Thử chúng đa vô số lượng dã, tức thử thọ quang châu biến pháp giới, vô hữu biên tế. Thử quảng đại vô hữu hạn lượng dã. Thập đại số trung chi vô lượng, do vi hữu lượng chi vô lượng, vô cùng tận chi vô lượng, thị chân vô lượng chi vô lượng.

(鈔)無量者，有二義：一者 ，眾多無有數量 。二者，廣大無有限量。復有二義：一者，十大數中之無量。二者，更無窮盡之無量。姑舉二事者，以無量不止壽命光明也，詳如後文中辯。

(演)眾多，無有數量二句，如佛壽命，經不可數劫。光明，有不可說數。此眾多無數量也，即此壽光周遍法界，無有邊際。此廣大無有限量也。十大數中之無量，猶為有量之無量，無窮盡之無量，是真無量之無量。

*(**Sao**: "Vô lượng": Có hai nghĩa, một là rất nhiều chẳng có số lượng. Hai là rộng lớn chẳng có hạn lượng. Lại còn có hai nghĩa: Một, "vô lượng" chính là con số Vô Lượng trong mười con số lớn [theo cách tính toán của cổ Ấn Độ]. Hai là vô lượng chẳng có cùng tận. "Chỉ nêu lên hai sự": Do chẳng phải chỉ có thọ mạng và quang minh là vô lượng, trong phần kinh văn ở phía sau sẽ biện định cặn kẽ.*

***Diễn**: Hai câu "rất nhiều, chẳng có số lượng..." [ý nói] thọ mạng của đức Phật trải qua chẳng thể tính kiếp, quang minh nhiều đến mức chẳng thể tính đếm. Những thứ ấy rất nhiều, chẳng thể tính đếm số lượng, tức là thọ lượng và quang minh trọn khắp pháp giới, chẳng có ngằn mé. Sự rộng lớn ấy chẳng có hạn lượng. Con số Vô Lượng trong mười con số lớn vẫn là vô lượng có hạn lượng, chứ vô lượng theo ý nghĩa "vô cùng tận" thì thật sự là vô lượng chẳng thể tính lường được).*

(Sớ) Kinh giả, Phạn ngữ Tu Đa La, thử vân Khế Kinh, hữu thông, biệt nhị nghĩa. Khế phục nhị nghĩa; Kinh phục đa nghĩa. Kinh tuy đa nghĩa, bất xuất "quán, nhiếp, thường, pháp" tứ nghĩa.

(Sao) Thông biệt giả, Phật sở thuyết giáo, tổng danh Tu Đa La, thị chi vị Thông. Tích chi, tắc Kinh danh Tu Đa La, Luật danh Tỳ Nại Da, Luận danh A Tỳ Đàm (A Tỳ Đạt Ma), thị chi vị Biệt.

(Diễn) Phật sở thuyết giáo tổng danh Tu Đa La giả, dĩ thử Tu Đa La tam tự nãi Đại Tạng chi đô danh, Tam Học chi thông hiệu. Dĩ nhược Kinh, nhược Luật, nhược Luận, giai thượng khế chư Phật chi Lý, hạ khế quần sanh chi cơ cố.

(疏)經者，梵語脩多羅，此云契經，有通別二義。契復二義；經復多義。經雖多義，不出貫攝常法四義。

(鈔)通別者，佛所說教，總名脩多羅，是之謂通。析之則經名修多羅，律名毘奈耶，論名阿毘曇（阿毘達摩），是之謂別。

(演)佛所說教總名修多羅者，以此修多羅三字乃大藏之都名，三學之通號。以若經，若律，若論，皆上契諸佛之理，下契群生之機故。

*(**Sớ**: "Kinh": Tiếng Phạn là Tu Đa La, cõi này dịch là Khế Kinh, có hai nghĩa Thông và Biệt. Chữ Khế lại có hai nghĩa; Kinh lại có nhiều nghĩa. Chữ Kinh tuy có nhiều nghĩa, nhưng chẳng ngoài bốn nghĩa Quán, Nhiếp, Thường, Pháp.*

***Sao**: "Thông, biệt": Phàm những giáo pháp do đức Phật đã nói, đều gọi là Tu Đa La. Đấy là Thông. Chia chẻ ra thì Kinh gọi là Tu Đa La, Luật gọi là Tỳ Nại Da, Luận gọi là A Tỳ Đàm (A Tỳ Đạt Ma); đó là Biệt.*

***Diễn**: "Giáo pháp do đức Phật nói được gọi chung là Tu Đa La": Do ba chữ Tu Đa La chính là tên chung của Đại Tạng, là danh xưng chung của Tam Học. Bởi lẽ, dù Kinh, dù Luật, hay Luận, đều là "trên khế hợp lý của chư Phật, dưới khế hợp căn cơ của quần sanh").*

(Sao) "Khế phục nhị nghĩa" giả: Nhất giả, khế lý, tắc hợp đạo chi ngôn. Nhị giả, khế cơ, tắc đậu căn chi giáo. Kim lược Khế tự, đản danh viết Kinh giả, tỉnh văn dã. Kinh phục đa nghĩa giả, Hoa Nghiêm Sớ dẫn Tạp Tâm ngũ nghĩa, vị: Nhất, xuất sanh. Nhị, hiển thị. Tam, dũng tuyền. Tứ, thằng mặc. Ngũ, kết man.

(Diễn) Kinh phục đa nghĩa giả, dĩ bỉ phương tắc hữu thất nghĩa, thử phương phục hữu tứ nghĩa; cố vân đa nghĩa dã. Bất xuất tứ nghĩa giả, dĩ bỉ phương tuy hữu thất nghĩa, bất xuất Quán Nhiếp nhị nghĩa; thử phương tuy hữu tứ nghĩa, bất xuất Thường Pháp nhị nghĩa. Cố vân bất xuất tứ nghĩa dã. Nhất, xuất sanh giả, xuất sanh chư nghĩa cập thánh quả cố. Nhị, hiển thị giả, hiển thị pháp tướng cố. Tam, dũng tuyền giả, vô cùng nghĩa vị, dũng chú vô tận cố. Tứ, thằng mặc giả, khải định tà chánh cố. Ngũ, kết man giả, quán xuyên chư pháp cố.

(鈔)契復二義者：一者，契理，則合道之言。二者，契機，則逗根之教。今略契字，但名曰經者，省文也。經復多義者，華嚴疏引雜心五義，謂：一、出生。二、顯示。三、涌泉。四、繩墨。五、結鬘。

(演)經復多義者，以彼方則有七義　，此方復有四義；故云多義也。不出四義者，以彼方雖有七義，不出貫攝二義，此方雖有四義，不出常法二義。故云不出四義也。　一、出生者，出生諸義及聖果故。二、顯示者，顯示法相故。三、湧泉者，無窮義味，涌注無盡故。四、繩墨者，楷定邪正故。五、結鬘者，貫穿諸法故。

*(**Sao**: "Khế lại có hai nghĩa": Một là khế lý, tức là nói lời hợp đạo; hai là khế cơ, tức giáo pháp phù hợp căn cơ. Nay lược bớt chữ Khế, chỉ nói là Kinh, tức là tỉnh lược văn tự vậy. Kinh lại có nhiều nghĩa. Sách Hoa Nghiêm Sớ dẫn năm ý nghĩa [của chữ Kinh] từ Tạp Tâm Luận, tức là: Một, sanh ra. Hai, chỉ bày rõ ràng. Ba, suối phun. Bốn, dây mực. Năm, kết tràng hoa.*

***Diễn**: Kinh lại có nhiều nghĩa, do ở phương kia (Thiên Trúc) thì có bảy nghĩa, tại phương này lại có bốn nghĩa. Vì thế nói là "nhiều nghĩa". "Chẳng ra ngoài bốn nghĩa": Do phương kia tuy có bảy nghĩa, nhưng chẳng ra ngoài hai nghĩa Quán và Nhiếp; phương này tuy có bốn nghĩa, nhưng chẳng ra ngoài hai nghĩa Thường và Pháp. Vì thế nói "chẳng ra ngoài bốn nghĩa". [Đối với năm nghĩa trong Hoa Nghiêm Sớ] thì: Một là Xuất Sanh, vì sanh ra các nghĩa và thánh quả. Hai là Hiển Thị, vì chỉ bày rõ ràng pháp tướng. Ba là Dũng Tuyền (suối phun) vì vô tận nghĩa được phun trào vô tận. Bốn là Thằng Mặc (dây lấy mực) vì vạch rõ tà chánh. Năm là Kết Man (xâu tràng hoa), vì nó xuyên suốt các pháp).*

(Sao) Phật Địa nhị nghĩa, vị nhất quán xuyên, vị nhất nhiếp trì. Thử phương tứ nghĩa, vị nhất thường, nhị pháp, tam kính, tứ điển, cố vân "đa nghĩa". "Bất xuất tứ nghĩa" giả, chỉ "quán, nhiếp, thường, pháp" tứ tự dã.

(Diễn) Vạn thế bất dịch viết Thường, thập giới quỹ tắc viết Pháp, thánh trí thông du viết Kính, cổ kim cộng tông viết Điển.

(鈔)佛地二義，謂一貫穿，謂一攝持。此方四義，謂一常，二法，三逕，四典，故云多義。不出四義者，指貫攝常法四字也。

(演)萬世不易曰常，十界軌則曰法，聖智通遊曰逕，古今共宗曰典。

(***Sao***: *"Theo Phật Địa Luận, Kinh có hai nghĩa, một là xuyên suốt, hai là tóm giữ. Phương này, dùng bốn nghĩa, tức: Một là thường, hai là pháp, ba là đường lối, bốn là khuôn mẫu, cho nên nói là "nhiều nghĩa". "Chẳng ra ngoài bốn nghĩa" tức là nói về bốn chữ "quán, nhiếp, thường, pháp" vậy.*

Diễn*: Muôn đời chẳng thay đổi là Thường, là khuôn phép cho cả mười pháp giới là Pháp, thánh trí đều dạo chơi nơi đó là Kính (đường lối), xưa nay cùng tôn sùng là Điển (khuôn mẫu)).*

(Sao) Lương dĩ Kinh tự, Tây Vực chánh phiên vi Tuyến. Tuyến hữu Quán Trì nghĩa, Quán tắc quán xuyên sở thuyết chi lý, Trì tắc nhiếp trì sở hóa chi sanh. Thử nhị túc cai xuất sanh ngũ nghĩa. Nhi thử phương kinh điển, diệc danh viết Kinh. Kinh thị Tuyến nghĩa. Thử phương bất quý Tuyến; cố trực thủ Kinh tự, nhi gia dĩ Khế. Cổ xưng tối vi doãn đáng. Hựu, Thường giả, cổ kim bất dịch. Pháp giả, cận viễn đồng tôn. Thường tắc cửu nhi hành chi. Hữu cộng diêu nghĩa, tức danh vi Kính. Pháp tắc quỹ nhi chánh chi, hữu định cứ nghĩa, tức danh vi Điển. Diệc nhị túc cai tứ, tắc bỉ phương Quán Nhiếp, thử phương Thường Pháp. Hợp nhi ngôn chi, tứ tự chi trung, tận Kinh nghĩa hỹ.

(Diễn) Lương dĩ hạ tiên thích Quán Nhiếp nhị nghĩa, khả nhiếp ngũ nghĩa. Thị Quán Nhiếp nhị tự, túc tận bỉ phương chi nghĩa dã. Hựu Thường giả hạ, thứ minh Thường Pháp nhị nghĩa, khả nhiếp Kính Điển nhị nghĩa. Thị Thường Pháp nhị tự, túc tận thử phương chi nghĩa dã. Tắc bỉ phương hạ, tổng kết tứ tự năng tận kinh nghĩa; cố tuy hữu đa nghĩa, bất xuất tứ nghĩa dã. Chánh phiên vi Tuyến giả, dĩ Tịch Kinh,

Tỉnh Sách đẳng, giai vi bàng phiên cố. Tuyến hữu Quán Trì nghĩa giả, thâu tiền Phật Địa nhị nghĩa dã. Thử nhị túc cai Xuất Sanh ngũ nghĩa giả, phục thâu tiền Tạp Tâm ngũ nghĩa dã. Quán Xuyên khả tổng cai ngũ nghĩa, dĩ Xuất Sanh đẳng đồng minh sở thuyết chi Lý cố. Nhiếp Trì chỉ cai Xuất Sanh, Thằng Mặc nhị nghĩa, dĩ xuất sanh thánh quả, cập khải định tà chánh, bất đọa tà kiến cố. Nhược Quán Xuyên, Nhiếp Trì thông sở thuyết, sở hóa, tắc nhị câu cai ngũ hỹ!

(鈔)良以經字，西域正翻為線。線有貫持義，貫則貫穿所說之理，持則攝持所化之生。此二足該出生五義。而此方經典，亦名曰經。經是線義。此方不貴線；故直取經字，而加以契。古稱最為允當。又常者，古今不易。法者，近遠同尊。常則久而行之。有共繇義，即名為逕。法則軌而正之，有定據義，即名為典。亦二足該四，則彼方貫攝，此方常法。合而言之，四字之中，盡經義矣。

(演)良以下先釋貫攝二義，可攝五義。是貫攝二字，足盡彼方之義也。又常者下，次明常法二義，可攝逕典二義。是常法二字，足盡此方之義也。則彼方下，總結四字能盡經義；故雖有多義，不出四義也。正翻為線者，以席經、井索等，皆為旁翻故。線有貫持義者，收前佛地二義也。此二足該出生五義者，復收前雜心五義也。貫穿可總該五義，以出生等同明所說之理故。攝持止該出生、繩墨二義，以出生聖果，及楷定邪正，不墮邪見故。若貫穿、攝持，通所說所化，則二俱該五矣。

*(**Sao**: Ấy là vì chữ Kinh trong tiếng Tây Vực dịch sát nghĩa là Tuyến (sợi dây), vì Tuyến có ý nghĩa Quán Trì: Quán là xuyên suốt, liên kết cái Lý đã nói; Trì là giữ gìn những chúng sanh được hóa độ. Hai nghĩa này đủ để bao gồm năm nghĩa như Xuất Sanh v.v... Nhưng kinh điển ở phương này cũng được gọi là Kinh; Kinh có nghĩa là Tuyến. Cõi này không coi trọng Tuyến; cho nên lấy ngay chữ Kinh, thêm vào chữ Khế. Cách gọi theo lối cổ là thích đáng nhất. Lại nữa, Thường là xưa nay chẳng thay đổi. Pháp là xa gần cùng tôn trọng. Thường là đã được thực hành từ lâu. Lại còn có ý nghĩa là duyên do chung, nên gọi là Kính. Pháp là đường lối chánh đáng. Do [Kinh] mang ý nghĩa "là chứng cứ nhất định", nên gọi*

là Điển. Cho nên hai chữ đủ để gồm trọn bốn ý nghĩa. Do đó, hai chữ Quán và Nhiếp của phương kia và Thường Pháp của phương này, hợp lại để nói thì bốn chữ sẽ [bao gồm] trọn hết ý nghĩa của chữ Kinh.

***Diễn**: Từ chữ "ấy là vì" trở xuống, trước hết là giải thích hai nghĩa Quán và Nhiếp có thể gồm thâu năm nghĩa; [tức là] hai chữ Quán và Nhiếp đủ để trọn hết ý nghĩa [của chữ Kinh] nơi phương kia. Từ "lại nữa, Thường" trở xuống, chính là kế đó nói rõ hai nghĩa Thường và Nhiếp có thể gồm thâu hai nghĩa Kính và Điển; tức là hai chữ Thường và Pháp có thể gồm trọn ý nghĩa [của chữ Kinh] trong cõi này. Từ "cõi kia" trở đi là tổng kết bốn chữ có thể bao gồm trọn hết ý nghĩa của chữ Kinh. Vì thế, tuy có nhiều nghĩa, chẳng ra ngoài bốn nghĩa.*

"Dịch sát nghĩa là Tuyên": Do dùng các từ ngữ như Tịch Kinh, Tỉnh Sách v.v... để dịch thì đều là theo ý nghĩa tương cận. "Tuyên có nghĩa là Quán Trì": Gồm thâu hai nghĩa được nói bởi Phật Địa Luận trong phần trước. Hai chữ ấy đủ để bao gồm năm nghĩa như Xuất Sanh v.v... Lại gồm thâu năm nghĩa của Tạp Tâm Luận trong phần trước. Quán Xuyên có thể bao gồm chung năm nghĩa, do [các nghĩa như] Xuất Sanh v.v... đều cùng nói đến cái Lý được diễn tả [bởi kinh]. Nhiếp Trì chỉ bao gồm hai nghĩa Xuất Sanh và Thằng Mặc, do sanh ra thánh quả, và làm mẫu mực phân định tà chánh, chẳng đọa trong tà kiến. Nếu Quán Xuyên và Nhiếp Trì đã tương thông với những điều được nói, những điều giáo hóa, thì hai chữ ấy đã thâu gồm năm nghĩa rồi!)

(Sớ) Hựu Kinh phục hữu Thông, Biệt nhị nghĩa. Kinh chi nhất tự, thị vi thông danh. Phật Thuyết A Di Đà ngũ tự, thị vi biệt danh. Như Giáo, Hạnh, Lý, thông, biệt diệc nhĩ. Thử tam tức phối Tam Đức, viên dung cụ túc. Như Thiên Thai sở xưng, "văn thủ đề danh, công đức vô lượng". Nhược phối Tam Đại, tắc Phật thị Thể Đại, Vô Lượng Thọ thị Tướng Đại, Vô Lượng Quang thị Dụng Đại, như giáo trung thuyết.

(Diễn) Kinh chi nhất tự thị vi thông danh giả, trừ Luật, Luận ngoại, thập nhị phần giáo giai Khế Kinh cố. Phật Thuyết ngũ tự thị vi biệt danh giả, Phật Thuyết A Di Đà, phi Đại Phương Quảng Phật đẳng cố. Như Giáo, Hạnh, Lý, thông, biệt diệc nhĩ giả, nhược cứ Quán Kinh Sớ trung, Giáo thông biệt giả, như thượng sở thuyết. Hạnh thông biệt giả, vi hạnh bất đồng. Tùng nhất nãi chí vô lượng, tức Hạnh biệt; đồng hội thường lạc, tức Hạnh thông. Lý thông biệt giả, Lý tuy vô danh, tương môn danh Lý. Lý tùy vu môn, tứ tứ thập lục, tức danh Lý biệt. Môn tùy vu Lý, tức danh Lý thông. Thử ước nhất hóa luận thông biệt

dã. Nhược Sao trung sở giải, nãi ước nhất đề luận thông biệt. Văn thủ đề danh công đức vô lượng giả, thủ đề ký tức Tam Đức bí tạng, tâm văn bí tạng, tắc tịnh trí diệu viên, thể tự không tịch, sở đắc công đức, cự khả lượng da? Như giáo trung thuyết giả, Khởi Tín Luận vân: "Nhất giả, Thể đại, vị nhất thiết pháp, Chân Như bình đẳng bất tăng giảm cố. Nhị giả, Tướng đại, vị Như Lai Tạng, cụ túc vô lượng tánh công đức cố. Tam giả, Dụng đại, năng sanh nhất thiết, thế xuất thế gian thiện nhân quả cố".

(疏)又經復有通別二義。經之一字，是為通名。佛說阿彌陀五字，是為別名。如教行理通別亦爾。此三即配三德，圓融具足。如天台所稱，聞首題名，功德無量。若配三大，則佛是體大，無量壽是相大，無量光是用大，如教中說。

(演)經之一字是為通名者，除律論外，十二分教皆契經故。佛說五字是為別名者，佛說阿彌陀，非大方廣佛等故。如教行理通別亦爾者，若據觀經疏中，教通別者，如上所說。行通別者，為行不同。從一乃至無量，即行別；同會常樂，即行通。理通別者，理雖無名，將門名理。理隨于門，四四十六，即名理別。門隨于理，即名理通。此約一化論通別也。若鈔中所解，乃約一題論通別。聞首題名功德無量者，首題既即三德秘藏，心聞秘藏，則淨智妙圓，體自空寂，所得功德，詎可量耶？如教中說者，起信論云：一者，體大，謂一切法，真如平等不增減故。二者，相大，謂如來藏，具足無量性功德故。三者，用大，能生一切，世出世間善因果故。

*(**Sớ**: Lại nữa, kinh lại có hai nghĩa Thông và Biệt. Một chữ Kinh là tên gọi chung (thông danh), năm chữ Phật Thuyết A Di Đà là tên riêng. Đối với Giáo, Hạnh, Lý, cũng có Thông và Biệt giống như vậy. Ba điều này (Giáo, Hạnh, Lý) chính là phối hợp với Tam Đức, viên dung trọn đủ. Như ngài Thiên Thai đã ca ngợi: "Nghe tựa đề của kinh, công đức vô lượng". Nếu phối hợp với Tam Đại thì Phật là Thể Đại, Vô Lượng Thọ là Tướng Đại, Vô Lượng Quang là Dụng Đại, như trong giáo đã nói.*

***Diễn**: "Một chữ Kinh là tên gọi chung": Vì trừ Luật và Luận ra, mười hai phần giáo đều là Khế Kinh. "Năm chữ Phật Thuyết... là tên riêng": Đức Phật nói về A Di Đà Phật, chẳng phải là [giảng về] Đại Phương Quảng Phật v.v... Như "Giáo, Hạnh, Lý cũng có thông biệt như vậy": Nếu xét theo Quán Kinh Sớ, Giáo thông hay biệt như trên đã nói. Hạnh thông hay biệt là do hạnh bất đồng. Từ một cho đến vô lượng là Hạnh biệt; cùng sẽ đạt được thường lạc là Hạnh thông (đặc điểm chung của các hạnh). Lý thông hay biệt, thì Lý tuy vô danh, xét theo từng môn để đặt tên cho Lý. Lý thuận theo từng môn, bốn lần bốn mười sáu thì gọi là Lý biệt. Môn thuận theo Lý thì gọi là Lý thông. Đấy là ước theo sự giáo hóa để luận định thông hay biệt. Nếu giải thích như trong lời Sao thì chính là dựa theo tựa đề của kinh để luận định thông hay biệt.*

"Nghe tựa đề của kinh, công đức vô lượng": Tựa đề đã là Tam Đức bí tạng, tâm nghe bí tạng (kho tàng bí mật), trí thanh tịnh trọn vẹn mầu nhiệm, thể tự không tịch, đạt được công đức há có thể lường ư?

"Như trong giáo đã nói": Khởi Tín Luận giảng: "Một là Thể đại, ý nói hết thảy các pháp Chân Như bình đẳng, chẳng tăng giảm. Hai là Tướng đại, ý nói Như Lai Tạng trọn đủ vô lượng tánh công đức. Ba là Dụng đại, vì có thể sanh ra các nhân quả tốt lành của thế gian và xuất thế gian").

(Sao) Giáo, Hạnh, Lý giả, bổn Lý lập Giáo, y Giáo tu Hạnh, tùng Hạnh hiển Lý. Chư kinh giai cụ Giáo, Hạnh, Lý tam, cố danh vi Thông. Chuyên chỉ thử kinh, tắc Phật Thuyết thị Giáo, chấp trì danh hiệu thị Hạnh, A Di Đà thị Lý. Cục thử dị dư, cố danh vi Biệt.

(Diễn) Bổn Lý lập Giáo giả, tùng Thật Tướng Bát Nhã, lưu xuất Văn Tự Bát Nhã, sở vị: Tùng Chân Như, lưu xuất thập nhị phần giáo dã. Y Giáo tu Hạnh giả, tùng Văn Tự Bát Nhã, tu Quán Chiếu Bát Nhã; y thập nhị phần giáo, tu hành vạn hạnh dã. Tùng Hạnh hiển Lý giả, nhân Quán Chiếu Bát Nhã, ngộ Thật Tướng Bát Nhã; nhân tu vạn hạnh, nãi khế Chân Như dã.

(鈔)教行理者，本理立教，依教修行，從行顯理。諸經皆具教行理三，故名為通。專指此經，則佛說是教，執持名號是行，阿彌陀是理。局此異餘，故名為別。

(演)本理立教者，從實相般若，流出文字般若。所謂從真如，流出十二分教也。依教修行者，從文字般若，修

觀照般若；依十二分教，修行萬行也。從行顯理者，因觀照般若，悟實相般若；因修萬行，乃契真如也。

(***Sao***: *"Giáo, Hạnh, Lý": Vốn dựa trên Lý để lập Giáo, nương theo Giáo để tu Hạnh, từ tu Hạnh mà hiển Lý. Các kinh đều trọn đủ ba món Giáo, Hạnh, Lý, cho nên gọi là Thông. Chuyên nói về kinh này, thì Phật Thuyết là Giáo, chấp trì danh hiệu là Hạnh, A Di Đà là Lý. Hạn cuộc trong kinh này thì [trong tựa đề kinh] có chỗ khác biệt với những kinh khác, nên gọi là Biệt.*

Diễn: *"Vốn dựa trên Lý để lập Giáo": Từ Thật Tướng Bát Nhã lưu xuất Văn Tự Bát Nhã, đó gọi là: Từ Chân Như, lưu xuất mười hai phần giáo. "Nương theo Giáo để tu Hạnh": Từ Văn Tự Bát Nhã tu Quán Chiếu Bát Nhã; nương theo mười hai phần giáo để tu hành muôn hạnh. "Từ Hạnh hiển Lý": Do Quán Chiếu Bát Nhã mà ngộ Thật Tướng Bát Nhã; do tu vạn hạnh bèn khế hợp Chân Như).*

(Sao) Phối Tam Đức giả, Lý tức Pháp Thân, Giáo tức Bát Nhã, Hạnh tức Giải Thoát. Hựu Lý thông Hạnh, Giáo, Pháp Thân tức Bát Nhã, Giải Thoát, nãi chí Hạnh thông Lý, Giáo, Giáo thông Lý, Hạnh. Cử nhất tức tam, lệ thượng khả tri.

(Diễn) Giáo tức Bát Nhã giả, thập nhị phần giáo, tức Văn Tự Bát Nhã. Dĩ Bát Nhã nãi chiếu cảnh chi huệ; thập nhị phần giáo, tức chiếu cơ chi huệ cố. Hạnh tức Giải Thoát giả, dĩ Giải Thoát nãi pháp tánh diệu dụng; vạn hạnh diệc tùy duyên diệu dụng cố. Hựu Lý thông Giáo, Hạnh, Pháp Thân tức Bát Nhã, Giải Thoát giả, toàn tánh thành tu, cố Lý thông Hạnh. Pháp tánh biến tại chư kinh, cố Lý thông Giáo. Trực Pháp Thân, phi Pháp Thân, Pháp Thân tất cụ Bát Nhã, Giải Thoát. Nhược Pháp Thân ly nhị đức, tức Thiên Chân chi Lý, phi Pháp Thân cố. Hạnh thông Giáo Lý giả, toàn tu tức tánh, cố Hạnh thông Lý. Bồ Tát vạn hạnh, khai ngộ chúng sanh, cố Hạnh thông Giáo. Trực Giải Thoát, phi Giải Thoát, Giải Thoát tất cụ Pháp Thân, Bát Nhã. Nhược Giải Thoát ly nhị đức, tức cô điều Giải Thoát, phi đại Giải Thoát cố. Giáo thông Lý, Hạnh giả, văn tự tánh Không, tức thị Thật Tướng, cố Giáo thông Lý. Tùy văn thành Quán, cố Giáo thông Hạnh, trực Bát Nhã, phi Bát Nhã, Bát Nhã tất cụ Pháp Thân, Giải Thoát. Nhược Bát Nhã bất cụ nhị đức, tức Nhân Không Bát Nhã, phi đại Bát Nhã cố.

(鈔)配三德者，理即法身，教即般若，行即解脫。又理通行教法身即般若解脫，乃至行通理教，教通理行。舉一即三，例上可知。

(演)教即般若者，十二分教，即文字般若。以般若乃照境之慧；十二分教，即照機之慧故。行即解脫者，以解脫乃法性妙用；萬行亦隨緣妙用故。又理通教行法身即般若解脫者，全性成修，故理通行。法性遍在諸經，故理通教。直法身，非法身，法身必具般若解脫。若法身離二德，即偏真之理，非法身故。行通教理者，全修即性，故行通理。菩薩萬行，開悟眾生，故行通教。直解脫，非解脫，解脫必具法身般若。若解脫離二德，即孤調解脫，非大解脫故。教通理行者，文字性空，即是實相，故教通理。隨文成觀，故教通行，直般若，非般若，般若必具法身解脫。若般若不具二德，即人空般若，非大般若故。

*(**Sao**: Phối hợp với Tam Đức thì Lý là Pháp Thân, Giáo tức Bát Nhã, Hạnh tức Giải Thoát. Lại nữa, Lý thông với Hạnh và Giáo; Pháp Thân tức là Bát Nhã và Giải Thoát; cho đến Hạnh thông với Lý và Giáo, Giáo thông với Lý và Hạnh. Nêu lên một điều, sẽ chính là ba, cứ dựa theo trên đây sẽ biết.*

***Diễn**: "Giáo tức Bát Nhã": Mười hai phần giáo chính là Văn Tự Bát Nhã. Do Bát Nhã chính là huệ để chiếu cảnh; mười hai phần giáo chính là huệ để chiếu căn cơ. "Hạnh tức Giải Thoát": Do Giải Thoát chính là diệu dụng của pháp tánh, vạn hạnh cũng duyên theo diệu dụng.*

"Lại nữa, Lý thông với Giáo và Hạnh; Pháp Thân chính là Bát Nhã và Giải Thoát": Do toàn tánh thành tu, cho nên Lý thông với Hạnh. Pháp tánh trọn khắp trong các kinh; vì thế, Lý thông với Giáo. Ngay chính Pháp Thân chẳng phải là Pháp Thân, Pháp Thân ắt trọn đủ Bát Nhã và Giải Thoát. Nếu Pháp Thân rời khỏi hai đức (Bát Nhã và Giải Thoát), sẽ là lý Thiên Chân (lệch về Chân, không viên dung Chân và Tục), sẽ chẳng phải là Pháp Thân.

"Hạnh thông với Giáo và Lý": Do toàn tu chính là tánh; vì thế, Hạnh thông với Lý. Vạn hạnh của Bồ Tát nhằm khai ngộ chúng sanh; cho nên Hạnh thông với Giáo. Ngay chính Giải Thoát chẳng phải là Giải Thoát, Giải Thoát ắt trọn đủ Pháp Thân và Bát Nhã. Nếu Giải Thoát rời

khỏi hai đức (Pháp Thân và Bát Nhã), sẽ là Giải Thoát lẻ loi, chẳng phải là đại Giải Thoát.

"Giáo thông với Hạnh, Lý": Tánh của văn tự là Không, tức là Thật Tướng; vì thế, Giáo thông với Lý. Thuận theo văn mà thành Quán, vì thế, Giáo thông với Hạnh. Ngay chính Bát Nhã chẳng phải là Bát Nhã, Bát Nhã ắt trọn đủ Pháp Thân và Giải Thoát. Nếu Bát Nhã chẳng trọn đủ hai đức (Pháp Thân và Giải Thoát), sẽ là Nhân Không Bát Nhã, chẳng phải là đại Bát Nhã).

(Sao) Thể, Tướng, Dụng giả, Thể giả, tổng thể, ngôn Phật tiện châu, cố Phật vi Thể. Tướng giả, Thể trung sở cụ chi Tướng. Thể vô tận, Tướng diệc vô tận, cố Vô Lượng Thọ vi Tướng. Dụng giả, Thể trung sở phát chi Dụng. Thể vô bất chiếu, Dụng diệc vô bất chiếu, cố Vô Lượng Quang vi Dụng. Nhược thông, nhược biệt đẳng, diệc như thượng lệ.

(Diễn) Nhược thông nhược biệt diệc như thượng lệ giả, chư kinh giai cụ Thể, Tướng, Dụng tam; cố danh vi Thông. Chuyên chỉ thử kinh, tắc Phật thị Thể, Thọ thị Tướng, Quang thị Dụng. Cục thử dị dư, cố danh vi Biệt. Hựu, Thể tức Pháp Thân, Tướng tức Bát Nhã, Dụng tức Giải Thoát. Thể thông Tướng, Dụng, Pháp Thân tức Bát Nhã, Giải Thoát, nãi chí Tướng thông Thể, Dụng; Dụng thông Thể, Tướng. Cử nhất tức tam; lệ thượng khả tri.

(鈔)體相用者。體者，總體，言佛便周，故佛為體。相者，體中所具之相。體無盡，相亦無盡，故無量壽為相。用者，體中所發之用。體無不照，用亦無不照，故無量光為用。若通若別等，亦如上例。

(演)若通若別亦如上例者，諸經皆具體相用三　；故名為通。專指此經，則佛是體，壽是相，光是用；局此異餘，故名為別。又體即法身，相即般若，用即解脫。體通相用，法身即般若解脫，乃至相通體用，用通體相。舉一即三；例上可知。

*(**Sao**: "Thể, Tướng, Dụng": Thể là tổng thể, nói Phật liền trọn đủ. Vì thế, Phật là Thể. Tướng là tướng sẵn có trong Thể. Do Thể vô tận, nên Tướng cũng vô tận. Vì thế, Vô Lượng Thọ là Tướng. Dụng là tác dụng do Thể phát ra. Do Thể không gì chẳng chiếu, nên Dụng cũng không gì chẳng*

chiếu. Vì thế, Vô Lượng Quang là Dụng. [Các nghĩa] dù thông, hay biệt cũng đều theo lệ trên đây.

***Diễn**: "Dù thông hay biệt cũng đều theo lệ trên đây": Các kinh đều trọn đủ ba thứ là Thể, Tướng, Dụng; vì thế gọi là Thông. Riêng nói về kinh này thì Phật là Thể, Thọ là Tướng, Quang là Dụng. Do hạn cuộc nơi sự khác biệt với những điều khác. Vì thế, gọi là Biệt. Lại nữa, Thể chính là Pháp Thân, Tướng chính là Bát Nhã, Dụng chính là Giải Thoát. Thể thông với Tướng và Dụng, Pháp Thân tức Bát Nhã và Giải Thoát, cho đến Tướng thông với Thể và Dụng; Dụng thông với Thể và Tướng. Nêu lên một điều, sẽ chính là ba; cứ phỏng theo đấy sẽ biết).*

(Sớ) Chư kinh lập danh, giai dĩ Nhân, Pháp, Dụ, hoặc đơn, hoặc phức. Thử kinh đơn Nhân. Nhân phục hữu nhị, lưỡng độ quả nhân cố, thật tắc tam giai dung thông cố.

(Diễn) Hoặc đơn, hoặc phức giả, vị Nhân, Pháp, Dụ đơn tam, phức tam, tịnh cụ túc nhất, dĩ thành thất biệt dã.

(疏)諸經立名，皆以人法喻，或單或複。此經單人。人復有二，兩土果人故，實則三皆融通故。

(演)或單或複者，謂人、法、喻、單三、複三。并具足一，以成七別也。

*(**Sớ**: Đặt tên cho các kinh đều dùng Nhân, Pháp, Dụ, hoặc đơn, hoặc phức. Kinh này chỉ dùng Nhân. Nhân lại có hai, tức là bậc đã chứng quả trong hai cõi. Thật ra, ba thứ này (Nhân, Pháp, Dụ) đều dung thông.*

***Diễn**: "Hoặc đơn, hoặc phức": Tức là Nhân, Pháp, Dụ là ba cách đặt tên đơn, ba loại đặt tên phức (tức tên kinh gồm hai trong ba loại), và một loại trọn đủ cả ba thứ (Nhân, Pháp, Dụ), hợp thành bảy cách đặt tên khác nhau).*

(Sao) Đơn phức giả, như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, cụ túc Nhân, Pháp, Dụ tam.

(Diễn) Đại Phương Quảng cụ túc Nhân, Pháp, Dụ giả, Đại Phương Quảng thị pháp, Đại tức Thể đại, Pháp thể thụ cùng hoành biến, xứng thể nhi châu cố. Phương tức Tướng đại, Phương giả, pháp dã; quỹ trì vi nghĩa, Hằng sa Tánh Đức giai khả quỹ trì cố. Quảng tức Dụng đại; pháp tánh chi dụng, quảng đa, quảng bác cố. Phật thị Nhân, năng chứng tam đại chi nhân cố. Hoa Nghiêm thị dụ, Bồ Tát tu vạn hạnh chi nhân hoa, nghiêm Nhất Thừa chi quả hải cố.

(鈔)單複者，如大方廣佛華嚴經，具足人法喻三。

(演)大方廣具足人法喻者，大方廣是法，大即體大，法體豎窮橫遍，稱體而周故。方即相大，方者法也；軌持為義，恒沙性德皆可軌持故。廣即用大；法性之用，廣多廣博故。佛是人，能證三大之人故。華嚴是喻，菩薩修萬行之因華，嚴一乘之果海故。

*(**Sao**: "Đơn phức": Như Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh có trọn đủ ba thứ Nhân, Pháp, Dụ.*

***Diễn**: "Đại Phương Quảng trọn đủ Nhân, Pháp, Dụ": Đại Phương Quảng là Pháp. Đại chính là Thể đại; Thể của pháp tột cùng theo chiều dọc, trọn khắp theo chiều ngang, tương xứng với Thể mà trọn khắp. Phương là Tướng đại, Phương là pháp, có ý nghĩa tạo khuôn phép, gìn giữ, vì Hằng sa Tánh Đức đều có thể gìn giữ, tuân thủ. Quảng chính là Dụng đại; tác dụng của pháp tánh rất nhiều, rộng mênh mông. Phật là Nhân, tức là người có thể chứng tam đại (Thể, Tướng, Dụng). Hoa Nghiêm (trang hoàng bằng hoa đẹp) là Dụ (thí dụ), vạn hạnh nhân hoa của Bồ Tát trang nghiêm biển quả Nhất Thừa).*

(Sao) Đại Phương Tiện Phật Báo Ân Kinh, Nhân, Pháp vô Dụ.

(Diễn) Đại Phương Tiện Nhân, Pháp vô dụ giả, Đại Phương Tiện Báo Ân thị Pháp, Phật giả thị Nhân. Phương Tiện giả, quyền nghi dã. Báo ân giả, kinh vân: "Đại hiếu Thích Ca tôn, lịch kiếp báo thân ân, tích nhân thành Chánh Giác". Nhi vân đại phương tiện giả, báo ân phương tiện; nãi tức Thể chi Quyền, phi Thể ngoại chi Quyền. Cố vân Đại dã.

(鈔)大方便佛報恩經，人法無喻。

(演)大方便人法無喻者，大方便報恩是法，佛者是人。方便者，權宜也。報恩者，經云：大孝釋迦尊，歷劫報親恩，積因成正覺。而云大方便者，報恩方便；乃即體之權，非體外之權。故云大也。

*(**Sao**: Tựa đề của Đại Phương Tiện Phật Báo Ân Kinh có Nhân và Pháp, không có Dụ.*

***Diễn**: "Đại Phương Tiện có Nhân và Pháp, không có Dụ": Đại Phương Tiện Báo Ân là Pháp, Phật là Nhân. Phương Tiện: Quyền biến thích hợp. Báo Ân thì như kinh chép: "Đức Thích Ca đại hiếu, trải nhiều kiếp báo ơn cha mẹ, tích tập nhân lành, nên thành Chánh Giác". Nhưng*

nói là "đại phương tiện" thì là phương tiện báo ân; đấy chính là nói tới phương diện Quyền của Thể, chẳng phải là Quyền ở ngoài Thể. Vì thế nói là Đại).

(Sao) Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Dụ vô Nhân.

(Diễn) Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Dụ vô Nhân giả, Thật Tướng diệu pháp, xảo dụ liên hoa. Hữu vi liên cố hoa, hoa khai liên hiện, hoa lạc liên thành tam nghĩa. Dĩ dụ Bổn Tích nhị môn, vị Thật thi Quyền, khai Quyền hiển Thật, phế Quyền lập Thật tam nghĩa.

(鈔)妙法蓮華經，法喻無人。

(演)妙法華經，法喻無人者，實相妙法，巧喻蓮花。有為蓮故花，花開蓮現，花落蓮成三義。以喻本跡二門，為實施權，開權顯實，廢權立實三義。

*(**Sao**: Diệu Pháp Liên Hoa Kinh có Pháp và Dụ, không có Nhân.*

***Diễn**: "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh có Pháp và Dụ, không có Nhân": Diệu pháp Thật Tướng được sánh ví khéo léo với hoa sen. Do [hoa sen] có ba nghĩa: Vì hạt sen mà có hoa, hoa nở hạt sen hiện ra, hoa rụng hạt sen chín. Dùng những chuyện này để sánh ví ba nghĩa nơi Bổn Môn và Tích Môn: Vì Thật mà hành Quyền, khai Quyền hòng hiển lộ Thật, và phế Quyền lập Thật).*

(Sao) Bồ Tát Anh Lạc Kinh, Nhân, Dụ vô Pháp.

(Diễn) Bồ Tát Anh Lạc Kinh Nhân Dụ vô Pháp giả, Bồ Tát thị Nhân, Anh Lạc thị Dụ. Anh Lạc sở dĩ nghiêm thân, dĩ dụ vạn hạnh nghiêm Pháp Thân cố.

(鈔)菩薩瓔珞經，人喻無法。

(演)菩薩瓔珞經人喻無法者，菩薩是人，瓔珞是喻。瓔珞所以嚴身，以喻萬行嚴法身故。

*(**Sao**: Bồ Tát Anh Lạc Kinh, có Nhân và Dụ, không có Pháp.*

***Diễn**: "Bồ Tát Anh Lạc Kinh có Nhân và Dụ, nhưng không có Pháp": Bồ Tát là Nhân, Anh Lạc là Dụ, Do dùng chuỗi anh lạc để trang sức thân thể, ví như [sử dụng] vạn hạnh để trang nghiêm Pháp Thân).*

(Sao) Đại Bát Nhã Kinh, đơn Pháp, vô Nhân Dụ.

(Diễn) Đại Bát Nhã Kinh, đơn Pháp, vô Nhân Dụ giả. Bát Nhã, thử phiên trí huệ, kim tồn Phạn ngữ giả, dĩ trí huệ khinh bạc, Bát Nhã tôn trọng. Ngũ chủng bất phiên trung, tôn trọng bất phiên dã.

(鈔)大般若經，單法無人喻。

(演)大般若經，單法無人喻者。般若，此翻智慧，今存梵語者，以智慧輕薄，般若尊重。五種不翻中，尊重不翻也。

*(**Sao**: Đại Bát Nhã Kinh, chỉ có Pháp, không có Nhân và Dụ.*

***Diễn**: "Kinh Đại Bát Nhã chỉ có Pháp, không có Nhân và Dụ": Bát Nhã được cõi này dịch là Trí Huệ. Nay giữ nguyên tiếng Phạn, vì từ ngữ trí huệ nhẹ mỏng; sử dụng chữ Bát Nhã là vì tôn trọng. Đấy là "do tôn trọng nên không phiên dịch" trong "năm thứ chẳng phiên dịch" [trong quy củ dịch kinh]).*

(Sao) Phạm Võng Kinh, đơn Dụ, vô Nhân Pháp.

(Diễn) Phạm Võng đơn Dụ vô Nhân Pháp giả, nãi Phật quán Đại Phạm Thiên Vương võng la tràng, nhân vị thuyết vô lượng thế giới do như võng khổng, nhất nhất thế giới, các các bất đồng, biệt dị vô lượng. Phật giáo môn diệc phục như thị. Bồ Tát dĩ Phạm hạnh trang nghiêm Pháp Thân, do Phạm vương dĩ phạm võng vi hoa sức dã.

(鈔)梵網經，單喻無人法。

(演)梵網單喻無人法者，乃佛觀大梵天王網羅幢，因為說無量世界猶如網孔，一一世界，各各不同，別異無量。佛教門亦復如是。菩薩以梵行莊嚴法身，猶梵王以梵網為華飾也。

*(**Sao**: Phạm Võng Kinh, chỉ có Dụ, không có Nhân và Pháp.*

***Diễn**: "Kinh Phạm Võng chỉ có Dụ, không có Nhân và Pháp": Đức Phật quán tràng lưới mành của Đại Phạm Thiên Vương, do vậy, bèn nói vô lượng thế giới giống như các mắt lưới. Mỗi thế giới đều bất đồng, khác biệt vô lượng. Giáo môn của Phật cũng giống như thế. Bồ Tát dùng Phạm hạnh để trang nghiêm Pháp Thân, giống như Phạm vương dùng lưới phạm thiên để trang hoàng rực rỡ vậy).*

(Sao) Kim thử kinh giả, đơn Nhân, vô Pháp Dụ, tha giai lệ thử. Lưỡng độ quả nhân giả, Bồ Tát tại nhân, Như Lai tại quả, cố Phật hiệu

"quả nhân". Kim thị thử phương chi Phật, thuyết bỉ phương Phật cố. Dung thông giả, cử nhất tức tam cố. Như kim kinh tuy thuộc đơn nhân, nhi Pháp tùng Nhân thuyết, Dụ dĩ Nhân cử. Ngôn thiên, nghĩa viên, thông dung giao triệt, Lý cố nhiên dã.

(Diễn) Pháp tùng Nhân thuyết Dụ, dĩ Nhân cử giả, như thử kinh, nãi Phật tuyên thuyết y chánh trang nghiêm, tín nguyện vãng sanh chi pháp. Cử đại như xa luân dụ, bách thiên chủng nhạc đồng thời câu tác chi dụ, thị dã.

(鈔)今此經者，單人無法喻，他皆例此。兩土果人者，菩薩在因，如來在果，故佛號果人。今是此方之佛。說彼方佛故。融通者，舉一即三故。如今經雖屬單人，而法從人說，喻以人舉。言偏義圓，通融交徹，理固然也。

(演)法從人說喻以人舉者，如此經，乃佛宣說依正莊嚴，信願往生之法。舉大如車輪喻，百千種樂同時俱作之喻，是也。

*(**Sao**: Nay kinh này chỉ có Nhân, không có Pháp và Dụ, đối với tên gọi của những bộ kinh khác, cứ dựa theo những điều đã trình bày ở đây mà biết. "Quả nhân thuộc hai cõi": Bồ Tát đang tu nhân, Như Lai đã chứng quả, cho nên Phật được gọi là "quả nhân" (vị đã chứng quả). Nay là vị Phật ở phương này nói tới vị Phật ở phương kia, [cho nên nói là "quả nhân ở hai cõi"]. "Dung thông": Nêu lên một thì chính là ba. Như [tựa đề] kinh này tuy thuộc loại đơn Nhân, nhưng Pháp do người nói, tỷ dụ do người nêu ra; lời nói có thiên lệch, nhưng nghĩa viên dung, dung thông thấu triệt lẫn nhau, Lý vốn là như vậy.*

***Diễn**: "Pháp từ Nhân mà nói Dụ, Dụ là do Nhân đưa ra": Như kinh này do đức Phật tuyên nói y báo và chánh báo trang nghiêm, pháp tín nguyện vãng sanh, nêu những thí dụ như "to như bánh xe", "trăm ngàn loại nhạc đồng thời tấu lên").*

(Sớ) Thử kinh bổn danh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh. Kim danh thị Thập Sư cải định, tự hữu nhị nghĩa: Nhất giả, Phật nhiếp vô tận nghĩa cố. Nhị giả, bỉ Phật nhân sở nhạo văn cố.

(Sao) Nhiếp nghĩa vô tận giả, như tiền vân "ngôn Phật tiện châu", tắc nhất thiết công đức giai tùng Phật xuất, Phật tức bất tư nghị cố. Hựu Di Đà vạn đức hồng danh, thập phương tam thế nhất thiết chúng

sanh chi sở hỷ nhạo, thượng chí chư Phật tán thán, hạ chí quỷ súc quy y, chánh thoại bất tư nghị công đức cố.

(Diễn) Nhất thiết công đức giai tùng Phật xuất giả, Phật nãi công đức tùng lâm, Chân Như khố tạng. Kinh vân: "Sát trần tâm niệm khả sổ tri, đại hải trung thủy khả ẩm tận, hư không khả lượng, phong khả hệ. Vô năng tận thuyết Phật công đức".

(疏)此經本名稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。今名是什師改定，自有二義：一者，佛攝無盡義故。二者，彼佛人所樂聞故。

(鈔)攝義無盡者，如前云言佛便周，則一切功德皆從佛出，佛即不思議故。又彌陀萬德洪名，十方三世一切眾生之所喜樂，上至諸佛讚歎，下至鬼畜歸依，正謂不思議功德故。

(演)一切功德皆從佛出者，佛乃功德叢林，真如庫藏。經云：剎塵心念可數知，大海中水可飲盡，虛空可量，風可繫。無能盡說佛功德。

*(**Sớ**: Kinh này vốn có tên là Kinh Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm. Tên kinh hiện thời do La Thập đại sư sửa đổi, tự có hai nghĩa: Một là do Phật nhiếp thọ vô tận ý nghĩa; hai là do mọi người thích nghe [danh hiệu] đức Phật ấy.*

***Sao**: "Nhiếp thọ vô tận nghĩa" là như trong phần trước đã nói: "Nói tới Phật liền trọn khắp", tức là hết thảy các công đức đều phát xuất từ Phật, Phật là chẳng thể nghĩ bàn. Lại nữa, vạn đức hồng danh Di Đà được mười phương ba đời hết thảy chúng sanh ưa thích, trên là được chư Phật tán thán, dưới là ngạ quỷ, súc sanh đều quy y, cho nên bảo là "công đức chẳng thể nghĩ bàn".*

***Diễn**: "Hết thảy các công đức đều phát xuất từ Phật": Phật chính là rừng rậm công đức, là kho tàng Chân Như. Kinh chép: "Có thể biết tâm niệm nhiều như số vi trần trong một cõi nước, có thể uống cạn nước trong biển cả. Có thể đo lường hư không, có thể buộc gió, chẳng thể nói trọn hết công đức của Phật").*

(Sớ) Vân Sớ Sao giả, Sớ dĩ thích kinh, Sao dĩ thích Sớ, ký dị hiểu dã.

(Sao) Sớ giả, cổ vân Điều Trần dã, hựu Ký Chú dã. Kim vị kinh nghĩa đắc thử, điều trần nhi bất ẩn hối, ký chú nhi bất di vong dã. Sao giả, cổ vân Lược Thủ dã, hựu Tả Lục dã. Lược Thủ, tắc Điều Trần chi thiết yếu. Tả Lục, tức Ký Chú chi hiển minh. Ký, vọng dã. Kinh nan minh, Sớ thông chi. Sớ nan minh, Sao xuất chi, vọng nhân nhân hiểu liễu kinh nghĩa dã.

(Diễn) Lược Thủ tắc Điều Trần chi thiết yếu giả, vị Điều Trần thiết yếu, thủ nhi sao chi. Thủ kỳ yếu, nhi lược kỳ hoãn dã. Tả Lục tức Ký Chú chi hiển minh giả, vị Ký Chú đắc Sao nhi tả lục chi, tắc Ký Chú chi văn đỗng nhiên, hoán nhiên, chương chước hiển liễu dã.

(疏)云疏鈔者，疏以釋經，鈔以釋疏，冀易曉也。

(鈔)疏者，古云條陳也，又記注也。今謂經義得此，條陳而不隱晦，記注而不遺忘也。鈔者，古云略取也，又寫錄也。略取，則條陳之切要。寫錄，即記注之顯明。冀，望也。經難明，疏通之。疏難明，鈔出之，望人人曉了經義也。

(演)略取則條陳之切要者，謂條陳切要，取而抄之。取其要，而略其緩也。寫錄即注記之顯明者，謂記註得鈔而寫錄之，則記注之文洞然，煥然，彰灼顯了也。

*(**Sớ**: Nói Sớ Sao thì Sớ là giải thích kinh, Sao nhằm giải thích Sớ, mong cho [độc giả] dễ hiểu.*

***Sao**: "Sớ": Cổ gọi là Điều Trần, hoặc Ký Chú. Nay [Sớ] có nghĩa là do nhờ vào đấy mà ý nghĩa của kinh được nêu bày từng điều, chẳng bị ẩn khuất; ghi chú để chẳng quên sót. Cổ nhân nói "Sao" là Lược Thủ, hoặc Tả Lục. Lược Thủ là [chọn lấy] những điều thiết yếu trong phần Điều Trần (Sớ). Tả Lục là giảng rõ phần Ký Chú. "Ký" là mong mỏi. Kinh khó thể hiểu rõ, [bèn chú giải] bằng lời Sớ cho thông suốt. Lời Sớ khó hiểu rõ, lời Sao bèn nêu rõ ra, mong cho ai nấy hiểu rõ ý nghĩa của kinh.*

***Diễn**: "Lược Thủ là những điều thiết yếu trong phần Điều Trần" nghĩa là đối với những chỗ thiết yếu trong phần Điều Trần bèn chọn lấy để giải thích, [tức là] chọn những điểm quan trọng, lược đi những chỗ không thiết yếu. "Tả Lục nhằm làm sáng tỏ phần Ký Chú" nghĩa là viết chép lại [nhằm giải thích thêm] những phần đã được giải thích trong phần Ký Chú, tức là làm cho lời văn trong phần Ký Chú sáng ngời, rỗng rang, hiển lộ rõ ràng, rực rỡ).*

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh giác, thị Phật nghĩa. Tự tánh giác vô lượng, thị A Di Đà nghĩa. Tự tánh Bổn Thỉ nhị giác, thị lưỡng độ quả nhân nghĩa. Tự tánh giác thể biến chiếu, thị thuyết kinh nghĩa, hậu giai lệ thử.

(Diễn) Tự tánh Giác thị Phật nghĩa giả, sở vị "Sắc kiến, Thanh cầu, thị hành tà đạo. Nhược ngôn tha thị Phật, tự kỷ khước thành ma". Tự tánh Bổn Thỉ nhị giác giả, Khởi Tín vân: "Bổn Giác nghĩa giả, đối Thỉ Giác nghĩa thuyết. Dĩ Thỉ Giác giả, tức đồng Bổn Giác. Thỉ Giác nghĩa giả, y Bổn Giác cố, nhi hữu Bất Giác. Y Bất Giác cố, nhi hữu Thỉ Giác" đẳng. Tự tánh giác thể biến chiếu, thị thuyết kinh nghĩa giả, dĩ thuyết kinh giả, nhân chúng sanh trầm mê bất giác, cố Như Lai dĩ Bát Nhã chân quang nhi giác chiếu chi. Kim giác thể biến chiếu, khởi phi thuyết kinh nghĩa da? Như cổ vân: "Xuất tức bất thiệp chúng duyên, nhập tức bất trụ Ấm giới, thường thuyết như thị kinh, bách thiên vạn ức quyển".

(疏)稱理，則自性覺，是佛義。自性覺無量，是阿彌陀義。自性本始二覺，是兩土果人義。自性覺體遍照，是說經義。後皆例此。

(演)自性覺是佛義者，所謂色見聲求，是行邪道。若言他是佛，自己卻成魔。自性本始二覺者，起信云：本覺義者，對始覺義說。以始覺者，即同本覺。始覺義者，依本覺故，而有不覺。依不覺故，而有始覺等。自性覺體遍照，是說經義者，以說經者，因眾生沉迷不覺，故如來以般若真光而覺照之。今覺體遍照，豈非說經義耶？如古云：出息不涉眾緣，入息不住陰界，常說如是經，百千萬億卷。

*(**Sớ**: Xứng Lý, tự tánh giác là ý nghĩa của chữ Phật. Tự tánh giác vô lượng là ý nghĩa của A Di Đà. Bổn Giác và Thỉ Giác trong tự tánh là ý nghĩa của "quả nhân hai cõi". Giác thể của tự tánh chiếu trọn khắp là ý nghĩa của "nói kinh". Trong những đoạn kế tiếp sau đây, đều phỏng theo cách thức này.*

***Diễn**: "Tự tánh Giác là nghĩa của chữ Phật", tức là nói: "Dùng sắc để thấy, dùng tiếng để cầu thì là hành tà đạo. Nếu nói cái gì khác là Phật, chính mình đã thành ma".*

"Bổn Giác và Thỉ Giác trong tự tánh": Luận Khởi Tín giảng: "Cái nghĩa Bổn Giác là do đối ứng với Thỉ Giác mà nói; do Thỉ Giác vốn đồng nhất với Bổn Giác. Ý nghĩa của Thỉ Giác là do nương vào Bổn Giác bèn có Bất Giác. Do đã nương theo Bất Giác, bèn có Thỉ Giác" v.v...

"Giác thể của tự tánh chiếu trọn khắp là ý nghĩa nói kinh", vì nói kinh là do chúng sanh chìm đắm, mê muội bất giác, cho nên đức Như Lai dùng chân quang Bát Nhã để giác chiếu họ. Nay giác thể chiếu trọn khắp, há chẳng phải là ý nghĩa thuyết kinh ư? Như cổ nhân nói: "Thở ra chẳng vướng các duyên, hít vào chẳng trụ nơi Ấm giới, thường nói như thế, trăm ngàn vạn ức quyển").

(Sao) Xứng Lý giả, dĩ tức Sự tức Lý, sở vị "tổng cai vạn hữu, tức thị nhất tâm", tắc y báo, chánh báo, hà phi tự tánh? Hựu "tức Lý" giả, Sự y Lý thành, như Tịnh Danh vân: "Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh". Kim kinh ngôn "nhất tâm bất loạn", tức "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ", vi nhất kinh đại chỉ dã. Minh lý nhi đàm, vân "xứng Lý" dã.

(Diễn) Tức Sự, tức Lý đẳng, thị Lý Sự tương tức môn, dĩ tức Sự tức Lý, cố Sự tất xứng Lý dã. Hựu tức Lý ngũ cú, thị y Lý thành Sự môn, tùy kỳ tâm tịnh, ngộ duy tâm Tịnh Độ, chánh sở y chi Lý dã, tắc Phật độ tịnh, cảm y chánh trang nghiêm, chánh sở thành chi Sự dã. Ký y Lý thành Sự, cố Sự tất xứng Lý dã.

(鈔)稱理者，以即事即理，所謂總該萬有，即是一心，則依報正報，何非自性？又即理者，事依理成，如淨名云：隨其心淨，則佛土淨 。今經言一心不亂 ，即自性彌陀，惟心淨土，為一經大旨也。冥理而談，云稱理也。

(演)即事，即理等，是理事相即門，以即事即理，故事必稱理也。又即理五句，是依理成事門，隨其心淨，悟惟心淨土，正所依之理也，則佛土淨，感依正莊嚴，正所成之事也。既依理成事，故事必稱理也。

*(**Sao**: "Xứng Lý": Sự chính là Lý, Lý chính là Sự, có nghĩa là toàn thể vạn hữu chính là nhất tâm, cho nên y báo và chánh báo, có thứ nào chẳng phải là tự tánh? Lại nữa, "tức Lý": Sự nương vào Lý mà thành, như kinh Tịnh Danh đã nói: "Hễ tâm tịnh, cõi Phật sẽ tịnh". Nay kinh này nói "nhất tâm bất loạn", tức "tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ" là tông chỉ chánh yếu của kinh này. Do ngầm nói đến Lý, nên gọi là "xứng Lý".*

***Diễn**: "Sự chính là Lý, Lý chính là Sự" chính là Lý Sự tương tức môn. Do vì Sự chính là Lý, nên Sự ắt tương xứng Lý. Lại nữa, năm câu từ "tức Lý" trở đi chính là môn "Lý do nương vào Sự mà thành". "Tùy theo cái tâm tịnh" là ngộ duy tâm Tịnh Độ, cái tâm ấy chính là cái Lý để nương vào. "Thì cõi Phật tịnh" chính là cảm lấy y báo và chánh báo trang nghiêm, tức là Sự được thành vậy. Đã do nương theo Lý mà thành Sự, cho nên Sự ắt tương xứng với Lý).*

(Sao) Giác thị tổng nghĩa; giác thể chi trung, quảng đại tất bị, vô cùng, vô tận, thị vi biệt nghĩa.

(Diễn) Giác thị tổng nghĩa giả, thích thượng tự tánh giác, thị Phật nghĩa. Giác thể chi trung đẳng, thích thượng tự tánh giác vô lượng, thị A Di Đà nghĩa. Quảng giả, tùng Dụng đắc danh, quảng đa, quảng bác vi nghĩa. Quảng đa giả, thử giác thể bổn hữu quá trần sa chi diệu dụng. Tiềm hưng, mật ứng, vô hữu hưu tức, vô hữu cùng tận. Quảng bác giả, thử vô tận chi Dụng, nhất nhất đồng vu giác tánh, vô hữu biên tế, vô hữu phần hạn. Đại giả, đương thể đắc danh, thường biến vi nghĩa. Đương thể giả, bất đồng giản tiểu chi đại; đại ngoại hữu tiểu khả giản, do thị phần hạn. Kim giác thể Thể vô biên nhai, tuyệt chư phân lượng, cưỡng danh Đại giả. Thường biến giả, thường tắc thụ thông tam thế. Niết Bàn vân: "Sở ngôn đại giả, danh chi vi Thường". Biến tắc hoành cai thập phương, Niết Bàn vân: "Sở ngôn đại giả, kỳ tánh quảng bác, do như hư không".

(鈔)覺是總義；覺體之中，廣大悉備 ，無窮無盡 ，是為別義。

(演)覺是總義者，釋上自性覺，是佛義。覺體之中等，釋上自性覺無量，是阿彌陀義。廣者，從用得名，廣多廣博為義。廣多者，此覺體本有過塵沙之妙用。潛興密應，無有休息，無有窮盡。廣博者，此無盡之用，一一同于覺性，無有邊際，無有分限。大者，當體得名，常遍為義。當體者，不同揀小之大；大外有小可揀，猶是分限。今覺體體無邊涯，絕諸分量，強名大也。常遍者，常則豎通三世。涅槃云：所言大者，名之為常。遍則橫該十方，涅槃云：所言大者，其性廣博，猶如虛空。

*(**Sao**: Giác là nghĩa tổng quát. Trong giác thể rộng lớn trọn đủ, vô cùng, vô tận; đấy là nghĩa riêng biệt.*

***Diễn**: "Giác là nghĩa tổng quát" nhằm giải thích "tự tánh giác" trong phần trên là ý nghĩa của chữ Phật. Những câu như "trong giác thể" v.v... nhằm giải thích tự tánh giác là vô lượng, đó là ý nghĩa của A Di Đà. Quảng là nói theo Dụng mà gọi tên như thế, có nghĩa là rất nhiều, rộng rãi. "Rất nhiều": Giác thể này vốn có diệu dụng nhiều hơn cát bụi, ngầm dấy lên, thầm ứng hiện, chẳng ngưng dứt, chẳng có cùng tận. "Rộng rãi": Dụng ấy vô tận, mỗi diệu dụng đều giống như giác tánh, chẳng có ngằn mé, chẳng có hạn lượng.*

"Đại" là do Thể của nó mà được gọi tên như thế, có ý nghĩa thường hằng, trọn khắp. Bản thể của nó chẳng giống như lớn trong nhằm phân biệt với nhỏ, bởi lẽ, ngoài lớn mà còn có nhỏ để có thể phân biệt, thì cái lớn ấy vẫn còn có ngằn hạn. Nay cái Thể của giác thể không bờ bến, dứt bặt các ngằn hạn, cưỡng gọi là Đại!

"Thường hằng, trọn khắp": Thường là theo chiều dọc thông cả ba đời. Kinh Niết Bàn nói: "To lớn như vừa nói đó thì gọi là Thường". Trọn khắp là theo chiều ngang bèn gồm trọn mười phương, kinh Niết Bàn nói: "To lớn như vừa nói đó, tánh nó rộng rãi ví như hư không").

(Sao) Bổn Thỉ hữu nhị. Ước tiên hậu, tắc Di Đà cổ Phật, thử Phật tân thành, thị bỉ Bổn thử Thỉ, tức "tự tánh bổn lai thị Phật" vi Bổn. Vô minh sở phú, kim phương phá Hoặc chứng trí vi Thỉ dã.

(Diễn) Ước tiên hậu tắc Di Đà cổ Phật giả, bỉ Phật thành Phật dĩ lai, vu kim thập kiếp cố. Thử Phật tân thành giả, Thích Ca Như Lai, Châu Chiêu Vương thời phương thỉ thành đạo cố. Thị bỉ Bổn thử Thỉ giả, tiên thành giả vi Bổn, kim thành giả vi Thỉ dã.

(鈔)本始有二。約先後，則彌陀古佛，此佛新成，是彼本此始，即自性本來是佛為本。無明所覆，今方破惑證智為始也。

(演)約先後則彌陀古佛者，彼佛成佛以來，于今十劫故。此佛新成者，釋迦如來，周昭王時方始成道故。是彼本此始者，先成者為本，今成者為始也。

*(**Sao**: Bổn Giác và Thỉ Giác có hai cách nói. Xét theo thứ tự trước sau, Di Đà là cổ Phật, còn vị Phật [trong cõi Sa Bà] này là mới thành,*

nên gọi [vị Phật kia] Bổn, vị này là Thỉ. Tự tánh vốn sẵn là Phật, đó là Bổn; bị vô minh che lấp, nay mới phá Hoặc, chứng trí, đó là Thỉ.

***Diễn**: "Xét theo thứ tự trước sau thì Di Đà là cổ Phật": Do vị Phật ấy (tức Phật Di Đà) thành Phật đến nay đã là mười kiếp. "Vị Phật này mới thành": Thích Ca Như Lai vào thời Châu Chiêu Vương mới [thị hiện] thành đạo. "Vị Phật kia là Bổn, vị này là Thỉ": Vị thành Phật trước là Bổn, vị nay mới thành Phật thì là Thỉ).*

(Sao) Ước nhân quả, tắc thử Phật giáo linh vãng sanh, nãi đắc kiến A Di Đà Phật, thị thử Bổn bỉ Thỉ. Tức tự tánh bổn hữu thành Phật chi trí vi Bổn; y Bổn Trí nhi cầu Phật Trí, nãi đắc thành Phật vi Thỉ dã. Bổn Thỉ hỗ dung, thường giác bất muội, huy thiên, giám địa, diệu cổ, đằng kim, thường thuyết như thị kinh, bách thiên vạn ức tòa.

(Diễn) Ước nhân quả, tắc thử Phật giáo linh vãng sanh giả, thị nhân, nãi đắc kiến A Di Đà Phật, thị quả. Thị thử Bổn bỉ Thỉ giả, tu nhân vi Bổn, quả chứng vi Thỉ dã. Bổn Thỉ hỗ dung giả, giác thể tại triền, danh Bổn Giác. Giác thể xuất triền, danh Thỉ Giác. Vô minh tánh Không, tại triền tức xuất triền, Bổn dung Thỉ dã. Đoạn tận vô minh, Thỉ Giác đồng Bổn Giác, Thỉ dung Bổn dã.

(鈔)約因果，則此佛教令往生，乃得見阿彌陀佛，是此本彼始。即自性本有成佛之智為本；依本智而求佛智，乃得成佛為始也。本始互融，常覺不昧，輝天鑑地，耀古騰今，常說如是經，百千萬億座。

(演)約因果，則此佛教令往生者，是因　，乃得見阿彌陀佛，是果。是此本彼始者，修因為本，果證為始也。本始互融者，覺體在纏，名本覺。覺體出纏，名始覺。無明性空，在纏即出纏，本融始也。斷盡無明，始覺同本覺，始融本也。

*(**Sớ**: Nếu xét theo nhân quả, vị Phật này dạy [hành nhân] vãng sanh bèn được thấy A Di Đà Phật, cho nên vị Phật này là Bổn, vị Phật kia là Thỉ. Tự tánh vốn sẵn có trí thành Phật, đó là Bổn; nương vào Bổn Trí để cầu Phật Trí, sẽ được thành Phật, thì đó là Thỉ. Bổn Giác và Thỉ Giác dung nhập lẫn nhau, thường giác chẳng mê, rạng trời, chiếu đất, chói ngời suốt từ xưa đến nay, trăm ngàn vạn ức pháp hội thường thuyết kinh như thế.*

***Diễn**: "Xét theo nhân quả thì vị Phật này dạy [hành nhân] vãng sanh" là nhân, bèn được thấy A Di Đà Phật; đấy là quả. "Vị Phật này là Bổn, vị Phật kia là Thỉ": Tu nhân là Bổn, chứng quả là Thỉ. "Bổn và Thỉ dung nhập lẫn nhau": Giác thể đang bị trói buộc (chưa đoạn phiền não và vô minh) thì gọi là Bổn Giác. Giác thể thoát khỏi trói buộc thì gọi là Thỉ Giác. Vô minh tánh Không, "đang bị trói buộc" chính là "thoát khỏi trói buộc", [đấy là] Bổn dung nhập Thỉ. Đoạn hết vô minh, Thỉ Giác giống như Bổn Giác, [đấy là] Thỉ dung nhập Bổn).*

(Sao) Vấn: "Sớ Sao thử kinh, chánh vị phát huy trì danh công đức, phổ khuyến chư nhân cầu sanh bỉ độ dã, hà nãi nhất nhất tiêu quy tự tánh, phiên thành cực tắc chi đàm. Y nhiên Tịnh Độ thị tâm, hề tất xả thử nguyện bỉ?" Đáp: Thử chánh song bị nhị căn, song phá nhị Hoặc, như tiền Tự trung sở minh. Lương dĩ độn căn giả, thủ sự tướng nhi tự túc. Quán thử, sử tri Sự hữu Lý tồn, vô trệ Sự nhi mê Lý. Lợi căn giả, sùng Lý tánh nhi trước Không. Quán thử, sử tri Lý tại Sự trung, vô việt Sự nhi cầu Lý.

(Diễn) Độn căn thủ sự tướng nhi tự túc giả, đản tri dĩ sanh cầu Phật, xả thử thú bỉ, bất tri duy tâm chi lý. Nhân xứng Lý cố, phương tri Sự trung hữu chí lý tồn yên, phi đồ sự tướng. Thử phá độn căn trước Sự nhi mê Lý chi Hoặc dã. Lợi căn sùng lý tánh nhi trước Không giả, đản tri tự tánh duy tâm, đam trước ngoan hư, bất tín hữu Tây Phương Tịnh Độ. Nhân xứng Lý cố, phương tri chí lý bất ly sự tướng, bất lạc ngoan hư. Thử phá lợi căn trước Lý nhi mê Sự chi Hoặc dã.

(鈔)問：疏鈔此經，正為發揮持名功德，普勸諸人求生彼土也，何乃一一消歸自性，翻成極則之談。依然淨土是心，奚必捨此願彼？答：此正雙被二根，雙破二惑，如前序中所明。良以鈍根者，守事相而自足。觀此，使知事有理存，毋滯事而迷理。利根者，崇理性而著空。觀此，使知理在事中，毋越事而求理。

(演)鈍根守事相而自足者，但知以生求佛，捨此趣彼，不知唯心之理。因稱理故，方知事中有至理存焉，非徒事相。此破鈍根著事而迷理之惑也。利根崇理性而著空者，但知自性惟心，耽著頑虛，不信有西方淨土。因稱理故，

方知至理不離事相，不落頑虛。此破利根著理而迷事之惑也。

(***Sao**: Hỏi: Viết lời Sớ và lời Sao cho kinh này, chính là vì để giảng rõ công đức trì danh, khuyên khắp mọi người cầu sanh về cõi ấy, cớ sao lại đối với mỗi điều đều gồm thâu về tự tánh, [khiến cho pháp này] trở thành lời đàm luận cùng cực [về Lý], Tịnh Độ vẫn là tâm như cũ, [vậy thì] cần gì phải bỏ cõi này, nguyện sanh sang cõi kia?*

Đáp: Đây là nhằm thích hợp cả hai loại căn cơ, nhằm phá cả hai thứ Hoặc giống như đã nói rõ trong lời Tựa ở phần trước. Ấy là vì kẻ độn căn bèn chấp sự tướng tự cho là đủ. Do thấy điều này (phần Xứng Lý này), sẽ làm cho kẻ ấy biết trong Sự có Lý, chẳng vướng mắc nơi Sự rồi mê Lý. Kẻ lợi căn tôn sùng Lý tánh, chấp Không. Do thấy điều này, sẽ khiến cho [kẻ ấy] biết Lý ở trong Sự, chẳng bỏ qua Sự để cầu Lý.

***Diễn**: "Độn căn bèn chấp sự tướng tự cho là đủ": Chỉ biết vì vãng sanh mà cầu Phật, bỏ nơi đây, tiến đến nơi kia, chẳng biết lý duy tâm. Do vì Xứng Lý mới biết trong Sự có Lý tột cùng tồn tại, chẳng phải là chỉ có sự tướng. Đấy là phá nỗi mê hoặc chấp Sự mê Lý của hàng độn căn. Lợi căn tôn sùng Lý tánh, chấp Không, chỉ biết tự tánh duy tâm, chấp hư vô trơ trơ, chẳng tin có Tây Phương Tịnh Độ. Do vì Xứng Lý, kẻ ấy mới biết lý tột cùng chẳng lìa sự tướng, chẳng rơi vào hư vô trơ trơ. Đấy là phá nỗi mê hoặc chấp Lý mê Sự của hàng lợi căn).*

(Sao) Hựu thử kinh bổn vị thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm, dữ Thập Lục Quán Kinh đồng ý; tắc dục ngộ tâm giả, chánh ưng niệm Phật cầu sanh.

(Diễn) Hựu thử kinh hạ, khủng hữu vấn vân: "Ký Tịnh Độ pháp, giai dục hội quy lý tánh, tắc tu hành giả, chỉ tu trực ngộ tự tâm chi lý, hà tất niệm Phật cầu sanh?" Cố vân thử kinh bổn vị thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm. Dữ Thập Lục Quán Kinh đồng ý giả, Quán Kinh Sớ Sao vân: "Hành giả ưng tri, cứ hồ tâm tánh, quán bỉ y chánh, y chánh khả chương. Thác bỉ y chánh, quán vu tâm tánh, tâm tánh dị phát". Kim thử kinh, nãi thác bỉ danh hiệu, hiển ngã tự tâm, chánh dữ bỉ đồng ý dã.

(鈔)又此經本為託彼名號，顯我自心，與十六觀經同意；則欲悟心者，正應念佛求生。

(演)又此經下，恐有問云：既淨土法，皆欲會歸理性，則修行者，只須直悟自心之理，何必念佛求生？故云此經本為托彼名號，顯我自心。與十六觀經同意者，觀經疏鈔云：行者應知，據乎心性，觀彼依正，依正可彰。托彼依正，觀于心性，心性易發。今此經，乃托彼名號，顯我自心，正與彼同意也。

*(**Sao**: Hơn nữa, kinh này vốn nhờ vào danh hiệu ấy để hiển lộ tự tâm của ta, có cùng một ý nghĩa với Thập Lục Quán Kinh, tức là muốn ngộ tâm thì đúng là phải nên niệm Phật cầu vãng sanh.*

***Diễn**: Từ câu "hơn nữa, kinh này" trở đi là vì sợ có người hỏi: "Pháp Tịnh Độ đã đều quy vào tự tánh, vậy thì người tu hành chỉ cần ngộ thẳng vào lý tự tâm, cần gì phải niệm Phật cầu vãng sanh?" Vì thế, nói kinh này vốn vì cậy vào danh hiệu để hiển lộ tự tâm của ta. "Có cùng một ý nghĩa với Quán Kinh": Quán Kinh Sớ Sao viết: "Hành giả hãy nên biết, dựa trên tâm tánh mà quán y báo và chánh báo trong cõi kia thì y báo lẫn chánh báo có thể tỏ lộ rành rành. Nhờ vào y báo và chánh báo mà quán tâm tánh thì tâm tánh dễ phát". Nay kinh này chính là nhờ vào danh hiệu của đức Phật ấy để hiển lộ tự tâm của chính mình, hoàn toàn có cùng ý nghĩa với kinh kia).*

(Sao) Hựu Bồ Tát do nghi cận Phật, như tiền Giáo Khởi trung thuyết, tắc dĩ ngộ tâm giả, diệc chánh ưng niệm Phật cầu sanh, hà túc nghi dã? Hựu Duy Ma kinh vân: "Tuy tri chư Phật quốc, cập dữ chúng sanh không, nhi thường tu Tịnh Độ, giáo hóa ư chúng sanh". Cố hoạn bất ngộ tự tâm nhĩ. Ngộ tâm, tắc vô nhất pháp xuất ư tâm ngoại, tức tâm tức cảnh, tức cảnh tức tâm, vãng sanh Tịnh Độ, nguyện kiến Di Đà, bất ngại duy tâm, hà phương tự tánh?

(Diễn) Hựu Bồ Tát do nghi hạ, khủng hựu vấn vân: "Vị ngộ tâm giả, ưng đương niệm Phật cầu sanh. Dĩ ngộ tâm giả, tự bất tất nhiên?" Cố vân "Bồ Tát do nghi cận Phật". Duy Ma hạ, dẫn chứng dĩ ngộ cầu sanh, khả tri.

(鈔)又菩薩猶宜近佛，如前教起中說，則已悟心者，亦正應念佛求生，何足疑也？又維摩經云：雖知諸佛國，及與眾生空，而常修淨土，教化於眾生。故患不悟自心耳。

悟心，則無一法出於心外，即心即境，即境即心，往生淨土，願見彌陀，不礙唯心，何妨自性？

(演)又菩薩猶宜下，恐又問云：未悟心者，應當念佛求生。已悟心者，似不必然？故云菩薩猶宜近佛。維摩下，引證已悟求生，可知。

*(**Sao**: Lại nữa, Bồ Tát vẫn còn nên thân cận Phật, như trong phần Giáo Khởi ở phía trước đã nói: "Người đã ngộ tâm cũng phải nên niệm Phật cầu sanh", há còn ngờ ư? Hơn nữa, kinh Duy Ma dạy: "Tuy biết các cõi Phật, và chúng sanh đều Không, nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa các chúng sanh". Cho nên lo chẳng ngộ tự tâm mà thôi! Ngộ tâm thì không có pháp nào ở ngoài tâm, tâm chính là cảnh, cảnh chính là tâm. Vãng sanh Tịnh Độ, nguyện thấy Di Đà, chẳng trở ngại duy tâm, há trở ngại tự tánh?*

***Diễn**: "Bồ Tát vẫn còn nên thân cận Phật": Sợ rằng lại có kẻ hỏi: "Kẻ chưa ngộ tự tâm, hãy nên niệm Phật cầu sanh. Kẻ đã ngộ tự tâm, dường như chẳng bắt buộc phải làm như vậy?" Vì thế nói: "Bồ Tát vẫn còn nên thân cận Phật". Có thể biết là từ chữ "Duy Ma" trở đi là dẫn chứng [kinh văn] để nói rõ: Người đã ngộ vẫn cầu vãng sanh).*

(Sao) Hựu vấn: "Tích nhân vị Hoa Nghiêm cực giáo, khả đắc giai ước Quán Hạnh, minh chư pháp môn. Phương Đẳng nhi hạ, hà đắc diệc ước Quán Hạnh?" Cổ đức đáp vân: Chư liễu nghĩa bất liễu nghĩa giáo, giai thị liễu nghĩa, dĩ duy nhất tâm cố. Cứ thử, tắc viên cơ đối giáo, hà giáo bất viên? Lý tâm thiệp Sự, hà Sự bất Lý?

(Diễn) Tích nhân vị Hoa Nghiêm hạ, Quán Hạnh, tức quán tâm xứng lý dã. Dĩ Hoa Nghiêm xứng tánh chi đàm, cố nhất thiết pháp khả quán tâm xứng Lý. Phương Đẳng dĩ hạ chư kinh, Sự Lý do phần, tâm pháp vị tức, hà đắc xứng Lý? Dĩ thử kinh phán quy Phương Đẳng, bất ưng xứng Lý cố. Cổ đức đáp hạ, liễu nghĩa chỉ Hoa Nghiêm, bất liễu nghĩa chỉ Phương Đẳng nhi hạ, duy nhất tâm giả, pháp giới tâm trung, bất kiến tinh, thô, đại, tiểu, đồng nhất diệu tâm cố.

(鈔)又問：昔人謂華嚴極教，可得皆約觀行，明諸法門。方等而下，何得亦約觀行？古德答云：諸了義不了義教，皆是了義，以唯一心故。據此，則圓機對教，何教不圓？理心涉事，何事不理？

(演)昔人謂華嚴下，觀行，即觀心稱理也。以華嚴稱性之談，故一切法可觀心稱理。方等已下諸經，事理猶分，心法未即，何得稱理？以此經判歸方等，不應稱理故。古德答下，了義指華嚴，不了義指方等而下，惟一心者，法界心中，不見精粗大小，同一妙心故。

*(**Sao**: Lại hỏi: "Người xưa nói Hoa Nghiêm là giáo pháp cùng tột, nên [khi giảng giải kinh ấy] có thể dựa vào Quán Hạnh để giảng rõ các pháp môn, còn đối với các kinh thuộc loại Phương Đẳng trở xuống, cớ sao cũng dùng Quán Hạnh [để giải thích]?" Cổ đức đáp: "Các giáo pháp liễu nghĩa và bất liễu nghĩa đều là liễu nghĩa, vì chỉ là nhất tâm". Dựa trên điều ấy, đối với người căn cơ viên mãn, có giáo pháp nào chẳng viên? Dùng cái tâm xứng Lý để lãnh hội Sự, có Sự nào chẳng phải là Lý?*

***Diễn**: Từ câu "người xưa nói Hoa Nghiêm" trở đi, [ý nói] Quán Hạnh tức là quán tâm xứng Lý. Do Hoa Nghiêm bàn luận xứng tánh, cho nên hết thảy các pháp đều có thể quán tâm xứng Lý. Các kinh từ thời Phương Đẳng trở xuống, Sự và Lý còn có phần hạn, tâm chưa chính là pháp, pháp chưa chính là tân, làm sao xứng Lý cho nổi? Do kinh này được phán định thuộc thời Phương Đẳng, chẳng nên là Xứng Lý! Từ câu "cổ đức đáp" trở đi, "liễu nghĩa" chỉ Hoa Nghiêm, "bất liễu nghĩa" chỉ các kinh từ thời Phương Đẳng trở xuống. "Chỉ là nhất tâm": Ở ngay trong tâm pháp giới, chẳng thấy tinh, thô, lớn, nhỏ, vì cùng là một diệu tâm).*

Nhị, dịch nhân.

Diêu Tần Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch.

(Sớ) Diêu Tần tiêu đại. Tam Tạng hiển đức, La Thập xuất danh. Dịch chi nhất tự, kết thành năng phiên nhân dã.

(Sao) Xuất xứ thỉ mạt bị tiền, tư bất trùng lục. Cổ xưng Thập sư, thất Phật dĩ lai dịch kinh sư dã, do thị lược cử, thả dĩ thất Phật vi ngôn nhĩ. Phù Tỳ Bà chí ư Thích Ca, thủ vĩ chỉ kinh nhị kiếp. Nhi Di Đà thành Phật thập kiếp, tắc Trang Nghiêm kiếp tiền, cánh thượng cửu kiếp, sở lịch dĩ kỷ vạn Phật. Ký lục phương chư Phật, mị bất tán thán thử kinh, tắc vạn Phật dĩ lai, diệc tất giai thuyết thử kinh, diệc tất giai hữu dịch giả. Nhi kinh xưng mẫu Phật giả viết: "Thế thế Phật sanh, ngã vi kỳ mẫu". Tử Phật giả viết: "Thế thế Phật xuất, ngã vi kỳ tử". Dĩ thị lệ chi, Thập sư dịch kinh, hà xí thất Phật; nhi thử kinh lưu thông cửu viễn, ư thị ích tín.

(Diễn) Kinh xưng Phật Mẫu giả, vị Ma Da phu nhân, dĩ Như Huyễn pháp môn, huyễn sanh chư Phật. Cố Thế Tôn vị giáng sanh thời, thập phương chư Phật, nhất nhật tam thời, vu Ma Da phúc trung, thuyết Thọ Sanh pháp môn. Thập nguyệt mãn túc, hữu hiếp giáng sanh, nhi viết: "Khởi duy Thích Ca, ngã vi kỳ mẫu? Tương lai Hiền Kiếp thiên Phật, diệc ngã vi kỳ mẫu. Thế thế Phật sanh, ngã vi kỳ mẫu dã". "Tử Phật giả", tức La Hầu La viết: "Khởi duy Thích Ca ngã vi kỳ tử? Hiền Kiếp thiên Phật diệc ngã vi kỳ trưởng tử".

二、譯人。

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯。

(疏**)**姚秦標代。三藏顯德，羅什出名。譯之一字，結成能翻人也。

(鈔**)**出處始末備前，茲不重錄。古稱什師，七佛以來譯經師也，猶是略舉，且以七佛為言耳。夫毗婆至於釋迦，首尾止經二劫。而彌陀成佛十劫，則莊嚴劫前，更上九劫，所歷已幾萬佛。既六方諸佛，靡不讚歎此經，則萬佛以來，亦必皆說此經，亦必皆有譯者。而經稱母佛者曰：世世佛生，我為其母。子佛者曰：世世佛出，我為其子。以是例之，什師譯經，何啻七佛；而此經流通久遠，於是益信。

(演**)**經稱母佛者，謂摩耶夫人，以如幻法門　，幻生諸佛。故世尊未降生時，十方諸佛，一日三時，于摩耶腹中，說受生法門。十月滿足，右協降生，而曰：豈唯釋迦，我為其母？將來賢劫千佛，亦我為其母。世世佛生，我為其母也。子佛者，即羅喉羅曰：豈唯釋迦我為其子？賢劫千佛亦我為其長子。

(Hai, người dịch.

Tam Tạng pháp sư Cưu Ma La Thập dịch vào thời Diêu Tần.

***Sớ**: Chữ Diêu Tần chỉ rõ thời đại. Chữ "Tam Tạng" nêu rõ đức hạnh của Ngài. "La Thập" là nói ra tên của Ngài. Một chữ "dịch" để kết thúc, nhằm chỉ rõ người phiên dịch [kinh này là ai].*

***Sao**: Xuất xứ [của bản dịch này] đã được trình bày cặn kẽ từ đầu đến đuôi trong phần trước, ở đây chẳng lặp lại. Cổ nhân xưng tụng La Thập đại sư là vị thầy dịch kinh của bảy đức Phật thì vẫn là nói đại lược,*

cho nên mới nói "bảy đức Phật" mà thôi. Do từ Tỳ Bà Thi Phật cho đến Thích Ca Mâu Ni Phật, từ đầu đến đuôi chỉ qua hai kiếp, nhưng đức Di Đà đã thành Phật mười kiếp, tức là đã hơn chín kiếp trước kiếp Trang Nghiêm, đã trải qua mấy vạn vị Phật. Đã thế, sáu phương chư Phật, không vị nào chẳng tán thán kinh này. Cho nên [kể từ] một vạn vị Phật cho tới nay, vị nào cũng đều nói kinh này, mà ắt cũng đều có người dịch kinh này. Nhưng trong kinh, vị được gọi là mẹ đức Phật đã nói: "Đời đời chư Phật giáng sanh, ta làm mẹ của các Ngài". Con của đức Phật nói: "Đời đời chư Phật xuất thế, ta làm con của các Ngài". Phỏng theo đó [để suy đoán], há có phải là La Thập đại sư chỉ dịch kinh của bảy đức Phật ư? Nhưng kinh này được lưu thông đã lâu; do vậy, càng thêm tin tưởng.

***Diễn**: "Vị được gọi là mẹ đức Phật", ý nói Ma Da phu nhân, do pháp môn Như Huyễn mà huyễn sanh chư Phật. Vì thế, lúc đức Thế Tôn giáng sanh, mười phương chư Phật, mỗi ngày ba thời, ở trong bụng bà Ma Da, nói pháp môn Thọ Sanh. Trọn đủ mười tháng, đức Phật giáng sanh từ bên hông phải [của mẹ]. Bà Ma Da nói: "Ta há có phải chỉ là mẹ của riêng Phật Thích Ca? Trong tương lai, ta cũng làm mẹ của một ngàn vị Phật trong Hiền Kiếp. Các đức Phật sanh trong mỗi đời, ta đều làm mẹ của các Ngài".*

"Con của đức Phật" tức là như ngài La Hầu La nói: "Ta há chỉ làm con của riêng mình đức Thích Ca ư? Ta cũng làm trưởng tử của một ngàn vị Phật trong Hiền kiếp".

(Sao) Xứng Lý, tắc tự tánh dung thông ẩn hiển, thị Hoa Phạn phiên dịch nghĩa.

(Diễn) Trùng trùng vô ngại, cố danh "dung thông". Ẩn hiển giả, dung thông chi mạo, tức bách giới thiên như chi ý dã.

(鈔)稱理，則自性融通隱顯，是華梵翻譯義。

(演)重重無礙，故名融通。隱顯者，融通之貌，即百界千如之意也。

*(**Sao**: Xứng Lý thì tự tánh dung thông, ẩn tàng, hay hiển lộ, chính là ý nghĩa dịch từ Phạn sang Hán.*

***Diễn**: "Tầng tầng vô ngại" nên gọi là "dung thông". Ẩn hay hiển là tướng mạo của dung thông, tức là ý nghĩa bách giới thiên như).*

(Sao) Tức Phạn khả dĩ thành Hoa, tắc Hiển phi Mật ngoại; phương Hoa vị thường bất Phạn, tắc Mật tại Hiển biên. Đương ám

trung hữu minh, đương minh trung hữu ám, hỗ tương yểm ánh, thiệp nhập trùng trùng, diệu thể dung thông, bất nhất, bất dị.

(Diễn) Tức Phạn khả dĩ thành Hoa giả, cú cú Phạn ngữ, cú cú Hoa ngôn, hiển phi Mật ngoại giả. Hoa ngôn hiển, nhi dịch liễu. Phạn ngữ mật, nhi nan tri, tức Phạn tức Hoa, Hiển phi Mật ngoại dã, phương hoa hạ lệ tri. Đương ám trung hữu minh giả, Tham Đồng Khế vân: "Đương minh trung hữu ám, vật dĩ ám tương ngộ. Đương ám trung hữu minh, vật dĩ minh tương hiện. Minh ám hỗ tương đối, tỷ như tiền hậu bộ. Oai Âm na bạn, bất ly kim nhật môn đầu. Kim nhật môn đầu, bất ly Oai Âm na bạn. Dạ bán chánh minh, thiên hiểu bất lộ dã". Hỗ tương yểm ánh, ước nhị pháp giao triệt thuyết. Như Đông kính nhập Tây kính thời, Đông kính ánh Tây kính, Tây kính yểm Đông kính. Tây kính nhập Đông kính diệc nhiên, thiệp nhập trùng trùng. Ước trùng trùng giao ánh thuyết, như Đông kính nhập Tây kính, Tây kính tức đới Đông kính chi ảnh thiệp nhập Đông kính đẳng. Tây kính nhập Đông kính diệc nhiên. Như thị nãi chí trùng trùng vô tận. Lăng Nghiêm vân: "Thí như song kính quang minh tương đối, kỳ gian diệu ảnh trùng trùng thiệp nhập dã". Hựu như thiên châu đế võng, nhất châu thiệp nhập thiên châu. Thiên châu thiệp nhập nhất châu, diệu ảnh trùng trùng, vô tận, vô tận dã. Diệu thể dung thông giả, vị diệu tâm thể cụ, như như ý châu. Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt. Thử tâm tức Không, tức Giả, tức Trung, viên dung vô ngại, thông đạt vô trệ dã. Bất nhất, bất dị giả, dĩ tùy duyên, cố bất nhất. Dĩ bất biến, cố bất dị. Dĩ hữu như thật không, như thật bất không, cố bất nhất. Dĩ nhất thiết pháp tất giai chân, nhất thiết pháp giai đồng như, cố bất dị. Dĩ thập pháp giới giả danh sai biệt, cố bất nhất. Dĩ nhất niệm tâm toàn thể cụ túc, cố bất dị. Dĩ cụ nhất thiết pháp, tạo nhất thiết pháp, cố bất nhất. Thật vô năng cụ, sở cụ, năng tạo, sở tạo, cố bất dị. Tam đế uyển nhiên, cố bất nhất. Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất, cố bất dị. Hữu Hiển, hữu Mật, hữu minh, hữu ám, cố bất nhất. Hiển phi Mật ngoại, Mật tại Hiển biên, ám trung hữu minh, minh trung hữu ám, cố bất dị. Yểm ánh trùng trùng, cố bất nhất. Hỗ tương thiệp nhập, cố bất dị. Nãi chí hữu Sự, hữu Lý, hữu bất nhất. Bất dị tức thị nhất dị, nhi kỳ thật tam thế chư Phật, đáo thử khẩu quải bích thượng. Thị chân bất nhất, bất dị dã. Khán phiên dịch cao tăng đáo thử, hà xứ trước cước.

(鈔)即梵可以成華，則顯非密外；方華未嘗不梵，則密在顯邊。當暗中有明，當明中有暗，互相掩映，涉入重重，妙體融通，不一不異。

(演)即梵可以成華者，句句梵語，句句華言，顯非密外者。華言顯而易了。梵語密而難知，即梵即華，顯非密外也，方華下例知。當暗中有明者，參同契云：當明中有暗，勿以暗相遇。當暗中有明，勿以明相現。明暗互相對，比如前後步。威音那畔，不離今日門頭。今日門頭，不離威音那畔。夜半正明，天曉不露也。互相掩映，約二法交徹說。如東鏡入西鏡時，東鏡映西鏡，西鏡掩東鏡。西鏡入東鏡亦然，涉入重重。約重重交映說，如東鏡入西鏡，西鏡即帶東鏡之影涉入東鏡等。西鏡入東鏡亦然。如是乃至重重無盡。楞嚴云：譬如雙鏡光明相對，其間妙影重重涉入也。又如千珠帝網，一珠涉入千珠。千珠涉入一珠，妙影重重，無盡無盡也。妙體融通者，謂妙心體具，如如意珠。心佛及眾生，是三無差別。此心即空即假即中，圓融無礙，通達無滯也。不一不異者，以隨緣，故不一。以不變，故不異。以有如實空，如實不空，故不一。以一切法悉皆真，一切法皆同如，故不異。以十法界假名差別，故不一。以一念心全體具足，故不異。以具一切法，造一切法，故不一。實無能具所具，能造所造，故不異。三諦宛然，故不一。舉一即三，言三即一，故不異。有顯有密，有明有暗，故不一。顯非密外，密在顯邊，暗中有明，明中有暗，故不異。掩映重重，故不一。互相涉入，故不異。乃至有事有理，有不一。不異即是一異，而其實三世諸佛，到此口掛壁上。是真不一，不異也。看翻譯高僧到此，何處著腳。

*(**Sao**: Tức là Phạn văn có thể trở thành Hoa văn, Hiển chẳng ở ngoài Mật thì mới là "Hoa chưa hề chẳng phải là Phạn", vậy thì Mật ở ngay nơi Hiển. Trong tối có sáng, trong sáng có tối, che khuất và rọi sáng*

lẫn nhau, xen lẫn vào nhau trùng trùng, diệu thể dung thông, chẳng một, chẳng khác.

***Diễn**: "Tức là Phạn văn có thể trở thành Hoa văn": Mỗi câu là tiếng Phạn, từng câu là tiếng Hoa. "Hiển chẳng ở ngoài Mật": Tiếng Hoa được dịch ra rõ ràng. Tiếng Phạn ẩn mật khó biết. Phạn chính là Hoa, Hoa chính là Phạn, Hiển chẳng ở ngoài Mật. Đối với câu "mới biết Hoa chưa hề chẳng phải là Phạn", cứ phỏng theo đó mà biết.*

"Trong tối có sáng": Sách Tham Đồng Khế viết: "Ở ngay trong sáng bèn có tối, đừng thấy đó là tướng tối. Ngay trong tối mà có sáng, đừng cho là tướng sáng hiện. Tối sáng đối đãi nhau, giống như bước chân trước và bước chân sau. Thời đức Phật Oai Âm Vương chẳng lìa ngay trong hiện thời, ngay trong hiện thời chẳng lìa thuở Phật Oai Âm Vương. Nửa đêm sáng rực, sáng sớm mù tăm".

"Che khuất và rọi sáng lẫn nhau" là nói theo hai pháp giao chập vào nhau. Như khi cái gương bên Đông để đối diện cái gương bên Tây, gương bên Đông rọi sáng gương bên Tây, gương bên Tây che lấp gương bên Đông. Gương bên Tây che khuất gương bên Đông, gương bên Tây nhập vào gương bên Đông cũng thế, "xen lẫn vào nhau trùng trùng". Nói theo phương diện trùng trùng chập bóng vào nhau, như gương bên Đông nhập vào gương bên Tây, gương bên Tây bèn đem hình bóng do gương bên Đông [soi vào gương bên Tây] chiếu ngược lại vào gương bên Đông v.v... Gương bên Tây nhập vào gương bên Đông cũng vậy. Như thế cho đến tầng tầng vô tận. Kinh Lăng Nghiêm nói: "Ví như hai cái gương để ánh sáng chiếu vào nhau, các diệu ảnh trong ấy sẽ trùng trùng giao chập vào nhau". Lại như cái lưới kết bằng một ngàn viên châu của thiên đế; mỗi hạt châu nhập vào một ngàn viên châu, một ngàn hạt châu soi bóng vào một viên châu, diệu ảnh trùng trùng vô cùng vô tận.

"Diệu thể dung thông" ý nói cái Thể của diệu tâm trọn đủ, như Như Ý châu. Tâm, Phật, và chúng sanh là ba thứ chẳng sai biệt. Cái tâm này chính là Không, là Giả, là Trung, viên dung vô ngại, thông đạt, chẳng vướng mắc.

"Chẳng một, chẳng khác": Do tùy duyên, cho nên chẳng phải là một. Do bất biến, cho nên chẳng khác. Do có Như Thật Không, Như Thật Bất Không, cho nên chẳng phải là một. Do hết thảy các pháp đều thật, hết thảy các pháp đều cùng là Như, cho nên chẳng khác. Do mười pháp giới giả danh sai biệt, cho nên chẳng phải là một. Do một niệm tâm toàn thể trọn đủ, cho nên chẳng phải khác. Do có đủ hết thảy các pháp, tạo hết thảy các pháp, cho nên chẳng phải là một. Thật sự không có chủ thể trọn

đủ, đối tượng trọn đủ, chủ thể tạo tác, đối tượng được tạo tác, cho nên chẳng khác. Ba đế (Chân, Tục, Đệ Nhất Nghĩa) rành rành, cho nên chẳng phải là một. Nêu ra một thì chính là ba, nói đến ba thì chính là một, cho nên chẳng khác. Có Hiển, có Mật, có sáng, có tối, cho nên chẳng phải là một. Hiển chẳng ở ngoài Mật, Mật ở bên cạnh Hiển, trong tối có sáng, trong sáng có tối, cho nên chẳng khác. Che khuất và rọi sáng trùng trùng, cho nên chẳng một. "Giao xen nhập vào lẫn nhau", cho nên chẳng khác. Cho đến có Sự, có Lý, cho nên có "chẳng phải là một". "Chẳng khác" tức là một và khác, nhưng thật ra, ba đời chư Phật nói đến đây miệng treo trên vách, thật sự là "chẳng một, chẳng khác!" Hãy xem vị cao Tăng phiên dịch, đến chỗ này thì sẽ đặt chân ở chỗ nào!)

Thập, biệt giải văn nghĩa (tam): Sơ, Tự Phần. Nhị, Chánh Tông Phần. Tam, Lưu Thông Phần.

Sơ, Tự Phần: Sơ, ngũ cú chứng. Nhị, liệt chúng chứng.

Sơ, ngũ cú chứng.

(Kinh) Như thị ngã văn, nhất thời, Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên.

(Sớ) Biệt giải văn nghĩa giả. Dĩ tri nhất đề tổng ý, vị thẩm kinh trung, tự thỉ chí chung, vi hà đẳng văn? Xiển hà đẳng nghĩa? Kim nãi chương phân cú giải, tỷ Văn Tự Bát Nhã đạt hồ Thật Tướng, dĩ hữu tận chi ngôn, lược chương vô tận cố.

(Diễn) Văn Tự Bát Nhã giả, lược hữu tam nghĩa: Nhất giả, văn tự tùng Bát Nhã lưu xuất. Cố vị Như Lai mẫn chúng sanh mê muội, nãi phóng Bát Nhã chân quang, nhi giác chiếu chi, vị thuyết chủng chủng văn tự. Nhân danh Văn Tự Bát Nhã dã. Nhị giả, văn tự năng sanh Bát Nhã. Cố vị chúng sanh y Như Lai ngôn giáo, năng khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến, toại danh Văn Tự Bát Nhã dã. Tam giả, văn tự tức thị Bát Nhã. Cố vị nhất văn, nhất tự, đương thể tức Không, tức Giả, tức Trung, đương thể tức thị giải thoát tướng. Cố danh Văn Tự Bát Nhã dã. Nhiên thử tam nghĩa, tự thị phiếm luận. Nhược ước Như Lai quả thượng thuyết giả, tắc tam tạng thập nhị bộ, nhất thiết Tu Đa La, tức thị Như Lai đại trí huệ quang minh; cố danh Văn Tự Bát Nhã dã. Đạt hồ Thật Tướng giả, tức sở vị tùng văn tự khởi quán chiếu, tùng quán chiếu chứng Thật Tướng dã. Hựu phục trí giả đốn năng tùy văn thành quán, tri văn tự tánh ly, bất trước văn tự, diệc thị đạt hồ Thật Tướng dã.

十、別解文義(三)：初、序分。二、正宗分。三、流通分。

初、序分：初、五句證。二、列眾證。

初、五句證。

(經)如是我聞，一時，佛在舍衛國，祇樹給孤獨園。

(疏)別解文義者。已知一題總意，未審經中，自始至終，為何等文？闡何等義 ？今乃章分句解 ，俾文字般若達乎實相，以有盡之言，略彰無盡故。

(演)文字般若者，略有三義：一者，文字從般若流出。故謂如來憫眾生迷昧，乃放般若真光，而覺照之，為說種種文字。因名文字般若也。二者，文字能生般若。故謂眾生依如來言教，能開示悟入佛之知見，遂名文字般若也。三者，文字即是般若。故謂一文一字，當體即空即假即中，當體即是解脫相。故名文字般若也。然此三義，自是泛論。若約如來果上說者，則三藏十二部，一切修多羅，即是如來大智慧光明；故名文字般若也。達乎實相者，即所謂從文字起觀照，從觀照證實相也 。又復智者頓能隨文成觀，知文字性離，不著文字，亦是達乎實相也。

(Mười, giải thích ý nghĩa của từng đoạn kinh văn riêng biệt (gồm ba phần): Thứ nhất, Tự Phần. Thứ hai, Chánh Tông Phần. Thứ ba, Lưu Thông Phần.

Thứ nhất, Tự Phần: Trước hết là năm câu làm chứng; kế đó, liệt kê các vị thánh giả tham dự pháp hội để làm chứng.

Trước hết là năm câu làm chứng.

***Kinh**: Tôi nghe như thế này, một thời, đức Phật ngự tại nước Xá Vệ, trong vườn của ông Cấp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ Đà.*

***Sớ**: Giải thích ý nghĩa riêng biệt của kinh văn. Đã biết ý nghĩa chung của tựa đề kinh này, chưa biết trong kinh từ đầu tới cuối, văn tự như thế nào? Xiển dương những ý nghĩa như thế nào? Nay chia thành từng đoạn, giải thích từng câu, ngõ hầu do Văn Tự Bát Nhã sẽ thấu đạt Thật Tướng. Dùng lời lẽ hữu hạn để nêu bày đại lược sự vô tận vậy.*

***Diễn**: Văn Tự Bát Nhã đại lược có ba nghĩa:*

- Một là văn tự từ Bát Nhã lưu xuất. Do đó nói, đức Như Lai thương xót chúng sanh mê muội, bèn phóng quang minh Bát Nhã chân thật để giác chiếu họ, vì họ nói ra các thứ văn tự. Do vậy, gọi là Văn Tự Bát Nhã.

- Hai là văn tự có thể sanh ra Bát Nhã. Do đó nói: Chúng sanh nương theo ngôn giáo của đức Như Lai, có thể khai, thị, ngộ, nhập tri kiến của Phật, bèn gọi là Văn Tự Bát Nhã.

- Ba là văn tự chính là Bát Nhã. Do vậy nói: Một câu văn, một chữ, bản thể của nó chính là Không, là Giả, là Trung; bản thể của nó chính là tướng giải thoát. Vì thế gọi là Văn Tự Bát Nhã.

Nhưng ba nghĩa đó chính là luận định chung. Nếu xét theo quả vị Như Lai, thì tam tạng mười hai bộ, hết thảy các Khế Kinh chính là đại trí huệ quang minh của Như Lai. Vì thế, gọi là Văn Tự Bát Nhã.

"Thông đạt Thật Tướng": Tức là nói "từ văn tự khởi quán chiếu, từ quán chiếu chứng Thật Tướng". Lại nữa, bậc trí có thể nhanh chóng thuận theo văn mà quán, biết văn tự có tánh rời lìa, chẳng chấp vào văn tự, cũng là thông đạt Thật Tướng).

(Sớ) Ư trung phân tam, kim thuộc Tự Phần. Tự giả, tự dã. Hựu tự dã, vị nhập chánh văn, tiên tự liệt thử kinh chi đoan tự dã. Hữu Chứng Tín, Phát Khởi nhị tự; kim duy Chứng Tín. Phàm Chứng Tín giả, giai dĩ lục chủng thành tựu. Kim thuận văn tiện, quân kỳ phồn giản, thả phân vi nhị: Tiên minh ngũ cú, hậu minh liệt chúng, hợp chi thành lục. Tư phục lệ tiền, thống quát đại ý, thứ nãi ly thích. Ngôn như thị chi pháp, ngã tùng Phật văn. Bỉ nhất thời Thích Ca Mâu Ni Phật, tại Xá Vệ quốc chi Kỳ Viên dã, cái thị Phật thị A Nan cố. Như thị ngã văn hữu tam nghĩa: Nhất, đoạn nghi cố. Nhị, tức tránh cố. Tam, giản tà cố.

(Diễn) Chứng Tín giả, dĩ lục chủng thành tựu, kham vi chứng cứ, sử văn giả bất nghi. Cố Đại luận đệ tứ vấn viết: "Hà bất trực thuyết Bát Nhã, nhi ngôn Xá Vệ đẳng?" Đáp: "Thuyết thời, phương, nhân, linh nhân tín cố". Phát khởi giả, như Lăng Nghiêm, ngộ đọa dâm thất, Quán Kinh Xà vương thí nghịch, các hữu nhân duyên, vi chi phát khởi dã. Ngôn ngũ cú giả, đản dĩ thuyên nghĩa cứu cánh vi cú, như Phật đản nhất tự, diệc danh cú giả. Quân kỳ phồn giản giả, ngũ cú phân vi ngũ khoa, thất chi thái giản, liệt chúng lập chi vi lục, thất chi thái phồn. Kim hợp ngũ cú vi nhất khoa, tắc giản giả phi giản, liệt chúng dữ ngũ tổng đối, tắc phồn giả bất phồn.

(疏)於中分三，今屬序分。序者敘也。又緒也，未入正文，先敘列此經之端緒也。有證信，發起二序；今唯證信。凡證信者，皆以六種成就。今順文便，均其繁簡，且分為二：先明五句，後明列眾，合之成六。茲復例前，統括大意，次乃離釋。言如是之法，我從佛聞。彼一時釋迦牟尼佛，在舍衛國之祇園也，蓋是佛示阿難故。如是我聞有三義：一、斷疑故。二、息諍故。三、揀邪故。

(演)證信者，以六種成就，堪為證據，使聞者不疑。故大論第四問曰：何不直說般若，而言舍衛等？答：說時方人，令人信故。發起者，如楞嚴，誤墮婬室，觀經闍王弒逆，各有因緣，為之發起也。言五句者，但以詮義究竟為句，如佛但一字，亦名句也。均其繁簡者，五句分為五科，失之太簡，列眾立之為六，失之太繁。今合五句為一科，則簡者非簡，列眾與五總對，則繁者不繁。

*(**Sớ**: Trong ấy, chia ra làm ba phần. Nay [đoạn đang được thảo luận ở đây] thuộc về Tự Phần. Tự là trần thuật; còn có nghĩa là đầu mối; [ý nói] chưa bước vào phần chánh văn, trước hết, nêu bày đầu mối của kinh này. Có hai loại tự phần là Chánh Tín và Phát Khởi; nay riêng nói về phần Chứng Tín. Phàm là Chứng Tín, đều dùng sáu món thành tựu [để chứng minh tính chân thật của một bộ kinh]; nay thuận theo lời văn cho tiện, cân bằng mức độ phức tạp hay đơn giản, bèn chia thành hai phần: Trước hết, giảng năm câu [thuộc năm điều Thành Tựu đầu tiên], sau là nêu rõ thính chúng [tham dự pháp hội], hợp thành sáu [thứ Thành Tựu].*

Ở đây, lại theo thông lệ, trước hết nêu tổng quát đại ý, rồi kế đó mới tách ra từng điều để giải thích. Nói "pháp như thế" [nhằm biểu thị pháp này] ta nghe từ đức Phật nói. Vì trong một thời nọ, Thích Ca Mâu Ni Phật ngự tại Kỳ Viên thuộc nước Xá Vệ, dạy cho A Nan [pháp ấy]. "Như thị ngã văn" có ba ý nghĩa: Một là để đoạn nghi; hai là nhằm dứt mọi tranh cãi; ba là để phân biệt kinh này chẳng phải do kẻ tà vạy bịa đặt.

***Diễn**: "Chứng Tín": Dùng sáu thứ thành tựu để làm chứng cứ khiến cho người nghe chẳng ngờ. Vì thế, Đại Trí Độ Luận, quyển thứ tư, có câu hỏi: "Sao chẳng trực tiếp nói đến Bát Nhã, mà nói Xá Vệ v.v..." Đáp: "Nói ra thời, nơi chốn, người nói, khiến cho mọi người tin tưởng".*

"Phát khởi": Như kinh Lăng Nghiêm, [ngài A Nan] vào lầm nhà dâm nữ, Quán Kinh thì do vua A Xà Thế làm chuyện đại nghịch giết cha, [do những chuyện ấy] mà phát khởi. Nói "năm câu" thì cứ hễ nói ra một nghĩa rốt ráo bèn gọi là "câu", như chỉ có một chữ Phật, vẫn gọi là một câu. "Cân bằng mức độ phức tạp hay đơn giản": Năm câu chia thành năm khoa thì sẽ phạm lỗi quá giản lược, liệt kê thính chúng thành sáu khoa sẽ phạm lỗi quá rườm rà. Nay gộp chung năm câu thành một khoa, tức là đơn giản mà chẳng đến nỗi quá giản lược, liệt kê đại chúng thành riêng một khoa nhằm đối ứng với năm điều trước thì sẽ là chi tiết nhưng không rườm rà).

(Sao) Văn Tự Bát Nhã, vị Bát Nhã vô ngôn, lại ngôn nhi hiển. Cố Phật dĩ văn tự thuyết kinh, kim hoàn dĩ văn tự giải thích. Nhiên văn tự tánh Không, tức thị Thật Tướng. Cố tam chủng Bát Nhã, tương vi dung thông, bất ngại văn tự dã. Lược chương giả, ngôn bất tận ý, cố vân lược dã.

(Diễn) Bát Nhã vô ngôn, lại ngôn nhi hiển giả, cổ vân: "Đạo bổn vô ngôn, nhân ngôn hiển đạo". Kinh vân: "Sanh sanh bất khả thuyết, sanh bất sanh bất khả thuyết, bất sanh sanh bất khả thuyết, bất sanh bất sanh bất khả thuyết. Dĩ Tứ Tất Đàn nhân duyên cố, nhi diệc khả thuyết", thử chi vị dã. Văn tự tánh Không tức thị Thật Tướng giả, Duy Ma thiên nữ vân: "Ngôn thuyết, văn tự, giai giải thoát tướng, sở dĩ giả hà? Giải thoát giả, bất nội, bất ngoại, bất tại lưỡng gian. Văn tự diệc bất nội, bất ngoại, bất tại lưỡng gian. Thị cố Xá Lợi Phất! Vô ly văn tự, thuyết giải thoát dã. Nhất thiết chư pháp, thị giải thoát tướng". Tam chủng Bát Nhã tương vi dung thông giả, tùng Thật Tướng Bát Nhã lưu xuất Văn Tự Bát Nhã, tùng Văn Tự Bát Nhã khởi Quán Chiếu Bát Nhã, tùng Quán Chiếu Bát Nhã khế Thật Tướng Bát Nhã. Nhiên nhi toàn tánh thành tu, Thật Tướng tức Quán Chiếu; toàn tu tức tánh, Quán Chiếu tức Thật Tướng. Văn tự tánh Không, văn tự tức Thật Tướng. Bất ly văn tự, Thật Tướng tức văn tự. Y giải thành hạnh, văn tự tức Quán Chiếu, toàn hạnh khế giải, Quán Chiếu tức văn tự. Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất dã.

(鈔)文字般若，謂般若無言，賴言而顯。故佛以文字說經，今還以文字解釋。然文字性空，即是實相。故三種般若，相為融通，不礙文字也。略彰者，言不盡意，故云略也。

(演)般若無言，賴言而顯者，古云：道本無言，因言顯道。經云：生生不可說，生不生不可說，不生生不可說，不生不生不可說。以四悉檀因緣故，而亦可說，此之謂也。文字性空即是實相者，維摩天女云：言說文字，皆解脫相，所以者何？解脫者，不內，不外，不在兩間。文字亦不內，不外，不在兩間。是故舍利弗！無離文字，說解脫也。一切諸法，是解脫相。三種般若相為融通者，從實相般若流出文字般若，從文字般若起觀照般若，從觀照般若契實相般若。然而全性成修，實相即觀照；全修即性，觀照即實相。文字性空，文字即實相。不離文字，實相即文字。依解成行，文字即觀照，全行契解，觀照即文字。舉一即三，言三即一也。

*(**Sao**: Văn Tự Bát Nhã: Ý nói Bát Nhã vô ngôn, nhưng dựa vào ngôn ngữ để hiển lộ. Vì thế, đức Phật dùng văn tự để nói kinh, nay lại dùng văn tự để giải thích; nhưng văn tự tánh Không, chính là Thật Tướng. Vì thế, ba thứ Bát Nhã dung thông lẫn nhau, chẳng trở ngại văn tự. "Trình bày đại lược": Nói chẳng hết ý, nên bảo là "đại lược".*

***Diễn**: "Bát Nhã vô ngôn, dựa vào ngôn ngữ để hiển lộ": Cổ nhân nói: "Đạo vốn không lời, do lời hiển đạo". Kinh dạy: "Sanh sanh chẳng thể nói, sanh bất sanh chẳng thể nói, bất sanh sanh chẳng thể nói, bất sanh bất sanh chẳng thể nói. Do nhân duyên Tứ Tất Đàn mà cũng có thể nói" là nói về điều này.*

"Văn tự tánh Không chính là Thật Tướng": Trong kinh Duy Ma, thiên nữ nói: "Ngôn thuyết, văn tự, đều là tướng giải thoát, vì sao biết vậy? Giải thoát chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở tại hai bên. Văn tự cũng chẳng trong, chẳng ngoài, chẳng ở hai bên. Vì thế, này Xá Lợi Phất! Chẳng lìa văn tự mà nói giải thoát. Hết thảy các pháp đều là tướng giải thoát".

"Ba thứ Bát Nhã dung thông lẫn nhau": Từ Thật Tướng Bát Nhã lưu xuất Văn Tự Bát Nhã, từ Văn Tự Bát Nhã khởi Quán Chiếu Bát Nhã, từ Quán Chiếu Bát Nhã khế hội Thật Tướng Bát Nhã. Thế nhưng, do toàn tánh thành tu, Thật Tướng tức Quán Chiếu. Do toàn tu tức tánh, nên Quán Chiếu tức Thật Tướng. Do tánh của văn tự là Không, nên văn tự chính là Thật Tướng. Chẳng lìa văn tự, Thật Tướng chính là văn tự. Nương theo

giải để thành hạnh, văn tự tức Quán Chiếu. Toàn thể hạnh khế hợp giải, Quán Chiếu tức văn tự. Nêu ra một thì chính là ba, nói đến ba thì chính là một).

(Sao) Lục chủng thành tựu, phân hợp nhị khoa giả, lệ như Ngũ Uẩn, Lục Căn, hoặc hợp Sắc khai Tâm, hoặc hợp Tâm khai Sắc, tùy kỳ sở nghi, vô định pháp dã.

(Diễn) Lệ như Ngũ Uẩn tam cú, thế gian chư pháp bất xuất , sắc, tâm. Như Lai vị mê tâm bất mê sắc chi nhân, tắc hợp sắc khai tâm, thuyết Ngũ Uẩn. Vị mê sắc bất mê tâm chi nhân, hợp tâm khai sắc, thuyết Lục Nhập. Vị tâm sắc câu mê chi nhân, tâm sắc câu khai, thuyết thập bát giới, thị tùy kỳ sở nghi dã.

(鈔)六種成就，分合二科者。例如五蘊六根，或合色開心，或合心開色，隨其所宜，無定法也。

(演)例如五蘊三句，世間諸法不出色心，如來為迷心不迷色之人，則合色開心，說五蘊。為迷色不迷心之人，合心開色，說六入。為心色俱迷之人，心色俱開，說十八界，是隨其所宜也。

*(**Sao**: Sáu thứ thành tựu được chia ra và gộp lại thành hai khoa. Ví dụ như Ngũ Uẩn và Lục Căn thì Ngũ Uẩn là gộp Sắc, tách Tâm [thành nhiều thành phần khác nhau], hoặc [như trong trường hợp Lục Căn] thì gộp Tâm, chia chẻ Sắc [thành năm căn riêng biệt], tùy thuận cơ nghi, chẳng có pháp nhất định.*

***Diễn**: Trong ba câu "ví dụ như Ngũ Uẩn…", các pháp trong thế gian chẳng ra ngoài Sắc và Tâm. Đức Như Lai vì kẻ mê tâm chẳng mê sắc bèn gộp Sắc, chia Tâm [thành nhiều phần khác nhau], nên nói Ngũ Uẩn. Vì kẻ mê Sắc chẳng mê Tâm bèn gộp Tâm, chia Sắc mà nói Lục Nhập. Vì kẻ Tâm lẫn Sắc đều mê bèn nói mười tám giới. Đấy là thuận theo cơ nghi vậy).*

(Sao) Phật thị giả, Trí Luận vân: "Phật Niết Bàn thời, thị A Nan ngôn, nhất thiết kinh sơ, giai vân như thị ngã văn, nhất thời Phật tại mỗ quốc, mỗ địa". Cái thị tuân di sắc cố.

(Diễn) Phật Niết Bàn thời thị A Nan giả, Thế Tôn lâm Niết Bàn thời, A Nan tâm một ưu hải, A Nậu Lâu Đà giáo linh vấn Phật tứ sự: "Nhất, Phật diệt độ hậu, dĩ hà vi sư? Nhị, y hà pháp trụ? Tam, ác tánh

tỳ-kheo, như hà tẫn xích? Tứ, nhất thiết kinh sơ, đương an hà ngữ?" Phật đáp A Nan: "Phật diệt độ hậu, dĩ Giới vi sư, y Tứ Niệm Xứ trụ, ác tánh tỳ-kheo mặc nhi tẫn chi, nhất thiết kinh sơ, ưng vân như thị ngã văn, nhất thời, Phật tại mỗ xứ, mỗ quốc độ, dữ mỗ đại chúng. Phi độc ngã pháp như thị, tam thế chư Phật kinh sơ diệc nhiên".

(鈔)佛示者，智論云：佛涅槃時，示阿難言，一切經初，皆云如是我聞，一時佛在某國某地。蓋是遵遺敕故。

(演)佛涅槃時示阿難者，世尊臨涅槃時，阿難心沒憂海，阿㝹樓馱教令問佛四事：一、佛滅度後，以何為師？二、依何法住？三、惡性比丘，如何擯斥？四、一切經初，當安何語？佛答阿難：佛滅度後，以戒為師，依四念處住，惡性比丘嘿而擯之。一切經初，應云如是我聞，一時，佛在某處，某國土，與某大眾。非獨我法如是，三世諸佛經初亦然。

(***Sao***: *"Phật dạy": Trí Độ Luận chép: "Lúc đức Phật nhập Niết Bàn, dạy ngài A Nan: - Đầu hết thảy các kinh đều ghi ta nghe như thế này, một thời đức Phật ở nước nọ, nơi nọ". Đấy là tuân theo di giáo của đức Phật vậy.*

Diễn: *"Lúc Niết Bàn, Phật dạy ngài A Nan": Lúc đức Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn, ngài A Nan chìm đắm trong biển ưu não, ngài A Nậu Lâu Đà dạy A Nan hỏi đức Phật bốn chuyện: "Một, sau khi đức Phật diệt độ, lấy gì làm thầy? Hai, nương theo pháp nào để trụ? Ba, đối với tỳ-kheo tánh ác thì trục xuất như thế nào? Bốn, đầu hết thảy các kinh nên để những chữ gì?" Đức Phật đáp ngài A Nan: "Sau khi Phật diệt độ, lấy Giới làm thầy, nương vào Tứ Niệm Xứ để trụ, đối với tỳ-kheo tánh ác bèn dùng im lặng để trục xuất. Đầu hết thảy các kinh, nên nói là tôi nghe như thế này, một thời đức Phật ở chỗ nào đó, cõi nước nào đó, cùng với đại chúng chi đó. Không phải chỉ riêng pháp của ta là như thế, mà đầu các kinh của ba đời chư Phật cũng thế").*

(Sao) "Đoạn nghi" giả, A Nan kết tập thời, chúng khởi tam nghi: Nhất, nghi Phật trùng khởi; nhị, nghi A Nan thành Phật; tam, nghi tha phương Phật lai. Kim viết "như thị ngã văn", tam nghi đốn thích. "Tức tránh" giả, viết "ngã văn", tắc phi ức kiến tự tác cố. Giản tà giả, viết "như thị", tắc dị ngoại đạo "A Ưu" cố. Như Phật Địa Luận vân: "Như

thị chi pháp, ngã tích tằng văn", ý tỵ tăng giảm dị phân quá thất, diệc "tức tránh" nghĩa dã.

(Diễn) Tam nghi đốn thích giả, viết như thị chi pháp, ngã tùng Phật văn, tắc phi Phật trùng khởi. Thuật Phật thành ngôn, tắc diệc phi A Nan thành Phật, diệc phi tha phương Phật lai. Cố đốn thích dã. Dị ngoại đạo A Ưu giả, ngoại đạo nhất thiết kinh sơ, giai an A Ưu nhị tự. Dĩ A giả, vô dã, Ưu giả, hữu dã. Ngoại đạo sở thuyên, bất xuất Hữu Vô, cố viết A Ưu. Hựu A Ưu giả, cát dã. Kinh sơ an cát, tắc tự thỉ chí chung, cát vô bất lợi cố. Ý tỵ tăng giảm dị phân quá thất giả, A Nan kết tập pháp tạng, Phật tứ thập cửu niên sở thuyết như nhất khí thủy, truyền vu nhất khí, bất tăng nhất trích, bất giảm nhất trích. Vô hữu tăng giảm, dị phân quá thất. Cố vân Phật pháp đại hải thủy, lưu nhập A Nan tâm dã.

(鈔)斷疑者，阿難結集時，眾起三疑：一、疑佛重起，二、疑阿難成佛，三、疑他方佛來。今曰如是我聞，三疑頓釋。息諍者，曰我聞，則非臆見自作故。揀邪者，曰如是，則異外道阿憂故。如佛地論云：如是之法，我昔曾聞，意避增減異分過失，亦息諍義也。

(演)三疑頓釋者，曰如是之法，我從佛聞　，則非佛重起。述佛成言，則亦非阿難成佛，亦非他方佛來。故頓釋也。異外道阿憂者，外道一切經初，皆安阿憂二字。以阿者，無也，憂者，有也。外道所詮，不出有無，故曰阿憂。又阿憂者，吉也。經初安吉，則自始至終，吉無不利故。意避增減異分過失者，阿難結集法藏，佛四十九年所說之法如一器水，傳于一器，不增一滴，不減一滴。無有增減，異分過失。故云佛法大海水，流入阿難心也。

*(**Sao**: "Đoạn nghi: Khi ngài A Nan kết tập, đại chúng dấy lên ba mối nghi: Một là nghi Phật trở lại, hai là nghi A Nan đã thành Phật, ba là nghi Phật từ nơi khác đến. Nay nói "ta nghe như thế", ba mối nghi ấy nhanh chóng được cởi gỡ. "Dứt tranh cãi": Nói "tôi nghe" [ngụ ý: Những kinh điển tôi đang nói đây] chẳng phải do tôi tự suy nghĩ, bịa ra. "Phân biệt khác với tà ngoại": Nói "như thế" nên khác với [kinh điển] của ngoại đạo dùng chữ "A Ưu". Như Phật Địa Luận đã nói: "Pháp như thế, xưa kia tôi đã từng được nghe", [nói như vậy] nhằm tránh khuyết điểm phân*

tranh, biện bác "tăng, giảm, khác biệt", cũng là ý nghĩa "dứt tranh cãi" vậy.

***Diễn**: "Ba mối nghi được nhanh chóng cởi gỡ": Nói pháp "như thế, tôi được nghe từ đức Phật" tức chẳng phải là đức Phật trở lại. Thuật lời dạy của đức Phật, vừa chẳng phải là A Nan đã thành Phật, mà cũng chẳng phải là Phật từ phương khác đến. Vì thế, nhanh chóng cởi gỡ [mối nghi].*

"Khác với A Ưu của ngoại đạo": Đầu hết thảy các kinh của ngoại đạo đều đặt chữ A Ưu, do A là không, Ưu là có. Những điều ngoại đạo đã nói, chẳng vượt khỏi có và không. Vì thế nói là A Ưu. A Ưu lại có nghĩa là Cát (tốt lành). Đầu kinh đặt chữ Cát, tức là từ đầu đến cuối đều tốt lành, chẳng có gì bất lợi.

"Ý tránh khuyết điểm phân tranh, biện bác tăng, giảm, khác biệt": Ngài A Nan kết tập pháp tạng, những điều đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm như một bát nước đổ sang một bát khác, chẳng tăng thêm giọt nào, chẳng giảm bớt giọt nào. Chẳng có lỗi lầm phân tranh khác biệt, tăng giảm. Vì thế nói: "Nước biển cả Phật pháp, đổ vào tâm A Nan").

(Sớ) Như thị giả, Tín Thành Tựu dã, như Trí Luận trung thuyết. Hựu nhị tự phục vi nhị nghĩa, hữu đa chủng giải. Nhược dĩ Tông giản định, ước đương Tông, tắc nhất tâm bất loạn viết Như, duy thử vô phi viết Thị.

(Diễn) Dĩ Tông giản định giả, đa giải tịnh trần, tùng vi mạc quyết. Tùy Tông dĩ định, tắc vô dị từ dã.

(疏)如是者，信成就也，如智論中說。又二字復為二義，有多種解。若以宗揀定，約當宗，則一心不亂曰如，唯此無非曰是。

(演)以宗揀定者，多解並陳，從違莫決。隨宗以定，則無異詞也。

*(**Sớ**: "Như thị" là Tín Thành Tựu, như trong Trí Độ Luận đã nói. Lại nữa, hai chữ [Như Thị] ấy lại có hai nghĩa, có nhiều cách giảng giải. Nếu dùng Tông [do chính mình đang tu học] để biện định, xét theo Tịnh Độ Tông, nhất tâm bất loạn là Như, "chỉ có điều này không sai" là Thị.*

***Diễn**: "Dùng Tông để biện định": Có nhiều cách hiểu [hai chữ Như Thị] đều được trình bày, nếu những cách giải thích ấy [tựa hồ] mâu thuẫn lẫn nhau, không thể quyết đoán được; hãy thuận theo Tông [mà chính mình đang tu học] để quyết định thì sẽ không có gì để tranh cãi nữa).*

(Sao) Trí Luận vân: "Phật pháp đại hải, Tín vi năng nhập". Tín giả, ngôn "thị sự như thị"; bất tín giả, ngôn "thị sự bất như thị". Triệu công viết: "Như thị giả, tín thuận chi từ dã". Cố thế nhân doãn khả, diệc viết "như thị". Phục nhị nghĩa giả, hựu ly "như thị" nhị tự các thích dã.

(Diễn) Trí Luận "Phật pháp đại hải, Tín vi năng nhập" giả. Thích Luận đệ nhị: "Vấn viết: Chư Phật kinh, hà cố sơ xưng Như Thị? Đáp: Phật pháp đại hải, Tín vi năng nhập, trí vi năng độ". Như Thị nghĩa giả, tức thị tín dã. Nhược nhân hữu tín, năng nhập Phật tánh. Vô tín bất nhập. Bất tín giả, ngôn thị sự bất như thị. Tín giả, ngôn thị sự như thị. Triệu công như thị tín thuận chi từ giả, Triệu công Duy Ma Sớ vân: "Như thị, tín thuận chi từ dã. Tín tắc sở ngôn chi lý thuận, lý thuận tắc sư tư chi đạo thành. Kinh vô phong ước, phi tín bất truyền, cố kiến ngôn như thị".

(鈔)智論云：佛法大海，信為能入。信者，言是事如是；不信者，言是事不如是。肇公曰：如是者，信順之辭也。故世人允可，亦曰如是。復二義者：又離如是二字各釋也。

(演)智論佛法大海，信為能入者。釋論第二：問曰：諸佛經，何故初稱如是？答：佛法大海，信為能入，智為能度。如是義者，即是信也。若人有信，能入佛法。無信不入。不信者，言是事不如是。信者，言是事如是。肇公如是信順之辭者，肇公維摩疏云：如是，信順之辭也。信則所言之理順，理順則師資之道成。經無豐約，非信不傳，故建言如是。

(***Sao***: *Trí Độ Luận chép: "Biển cả Phật pháp, do lòng tin mà có thể vào". Tin thì sẽ nói "chuyện này đúng là như thế", chẳng tin sẽ nói "chuyện này chẳng phải là như thế". Ngài Tăng Triệu nói: "Như Thị là từ ngữ biểu lộ sự tín thuận". Vì vậy, người đời chấp nhận [điều gì] thì cũng nói "như thị". Lại có hai nghĩa, tức là lại đem hai chữ "như thị" tách ra để giải thích từng chữ một.*

Diễn: *"Trí Độ Luận nói biển cả Phật pháp, do lòng tin mà có thể vào": Thích Luận (tức là Ma Ha Bát Nhã Thích Luận, tên gọi khác của Trí Độ Luận), quyển thứ hai chép: "Hỏi: Vì sao ở đầu các bộ kinh Phật*

đều nói là Như Thị? Đáp: Biển cả Phật pháp, do lòng tin mà có thể vào, trí có thể độ". Như Thị có nghĩa là tín. Nếu ai có tín, thì sẽ có thể nhập Phật tánh. Chẳng tin sẽ không nhập. Kẻ chẳng tin sẽ nói "chuyện này chẳng phải là như thế". Kẻ tin sẽ nói "chuyện này đúng là như thế".

"Ngài Tăng Triệu bảo: Như Thị là lời lẽ biểu lộ sự tín thuận": Trong bộ Duy Ma Sớ của ngài Tăng Triệu có đoạn viết như sau: "Như Thị là từ ngữ biểu lộ sự tín thuận. Tín thì lời nói thuận lý. Thuận lý thì đạo thầy trò được thành. Kinh không phong phú hay giản ước, chẳng tin bèn không truyền. Vì thế, khởi đầu bèn nói Như Thị").

(Sao) Đa giải giả, hữu dĩ thánh nhân thuyết pháp, đản hiển ư Như, duy Như vi Thị, như Lưu Cù sở thuyết. Hữu dĩ Như giả, đương Lý chi ngôn; Thị giả, vô phi chi xưng, như Sanh công sở thuyết. Hữu dĩ Như Lai thuận cơ vi ứng, danh Như, chúng sanh vô phi vi cảm, danh Thị, như Dung công sở thuyết. Hữu dĩ Thật Tướng chi Lý, thỉ chung bất dị danh Như, như Lý nhi thuyết danh Thị, như Thiên Thai sở thuyết. Hữu dĩ Như vi Chân Không, Thị vi Diệu Hữu, địch phá ngoại đạo Đoạn Thường nhị kiến, như Thanh Lương chiết trung chư gia sở thuyết. Dư thuyết thượng đa, khủng phồn bất dẫn. Dĩ thượng các hữu ý nghĩa, tiểu dị đại đồng, tịnh vô tương ngại.

(Diễn) Đản hiển ư Như, duy Như vi Thị giả, trừ chư pháp Thật Tướng ngoại, dư giai ma sự dã. Thử ước sở thuyên chi Lý thích. Đương Lý chi ngôn, vô phi chi xưng, thị ước năng thuyên chi văn thích. Thuận cơ vi ứng giả, như kinh vân: "Vị ứng Thanh Văn nhân, thuyết ưng Tứ Đế pháp. Vị ứng Duyên Giác nhân, thuyết ưng Thập Nhị Nhân Duyên pháp. Vị ứng Bồ Tát nhân, thuyết ưng Lục Ba La Mật pháp dã". Vô phi vi cảm giả, nhược chúng sanh cơ khí bất tịnh, bất năng cảm Phật, như trừng đàm thỉ năng hiện nguyệt, trược thủy bất năng hiện dã. Thử ước cảm ứng thích. Thỉ chung bất dị giả, Thật Tướng chi Lý, mê thời bất giảm, ngộ thời bất tăng, mê thời bất nhiễm, ngộ thời bất tịnh, như như bất động, cố danh Như dã. Như Lý nhi thuyết giả, vị như Thật Tướng lý, vị nhân diễn thuyết, vô biệt dị thuyết, cố viết Thị dã. Thử song ước năng thuyên, sở thuyên thích. Như vi Chân Không, Thị vi Diệu Hữu giả, tức Hữu chi Không, vi Chân Không. Thử phá hư vô chi Đoạn Kiến. Tức Không chi Hữu, vi Diệu Hữu, thử phá thật hữu chi Thường Kiến. Thử ước phá tà thích. Tịnh vô tương ngại giả, năng thuyên chi ngoại, vô sở thuyên nghĩa. Sở thuyên chi ngoại, vô năng thuyên văn, tắc năng thuyên bất ngại sở thuyên, sở thuyên bất ngại năng thuyên. Chúng sanh

vô cơ, Phật bất thuyết pháp. Tịnh cơ cảm Phật, nãi hiển ngôn thuyên, tắc năng sở thuyên bất ngại cảm ứng, cảm ứng bất ngại năng sở thuyên. Hựu ứng cơ thuyết pháp, hiển thị chân tông, địch phá tà ngoại, tắc tiền nhị. Hựu bất ngại phá tà dã.

(鈔)多解者，有以聖人說法 ，但顯於如 ，唯如為是，如劉虬所說。有以如者，當理之言；是者，無非之稱，如生公所說。有以如來順機為應，名如，眾生無非為感，名是，如融公所說。有以實相之理，始終不異名如，如理而說名是，如天台所說。有以如為真空，是為妙有，敵破外道斷常二見，如清涼折衷諸家所說。餘說尚多，恐繁不引。以上各有意義，小異大同，並無相礙。

(演)但顯於如，唯如為是者，除諸法實相外，餘皆魔事也。此約所詮之理釋。當理之言，無非之稱，是約能詮之文釋。順機為應者，如經云：為應聲聞人，說應四諦法。為應緣覺人，說應十二因緣法。為應菩薩人，說應六波羅密法也。無非為感者，若眾生機器不淨，不能感佛，如澄潭始能現月，濁水不能現也。此約感應釋。始終不異者，實相之理，迷時不減，悟時不增，迷時不染，悟時不淨，如如不動，故名如也。如理而說者，謂如實相理，為人演說，無別異說，故曰是也。此雙約能詮，所詮釋。如為真空，是為妙有者，即有之空，為真空。此破虛無之斷見。即空之有，為妙有，此破實有之常見。此約破邪釋。並無相礙者，能詮之外，無所詮義。所詮之外，無能詮文，則能詮不礙所詮，所詮不礙能詮。眾生無機，佛不說法。淨機感佛，乃顯言詮，則能所詮不礙感應，感應不礙能所詮。又應機說法，顯示真宗，敵破邪外，則前二。又不礙破邪也。

*(**Sao**: "Có nhiều cách giải thích": Có người cho rằng "thánh nhân thuyết pháp chỉ nhằm hiển lộ lý Như, chỉ có Như là Thị (đúng)" như ngài Lưu Cù đã nói. Có người cho rằng "Như là nói xứng Lý, còn Thị là nói không sai" như ngài Đạo Sanh đã nói. Có người cho rằng "Như Lai thuận*

theo căn cơ mà ứng thì gọi là Như; chúng sanh không gì chẳng cảm, nên gọi là Thị" như ngài Biến Dung đã nói. Có người coi "lý Thật Tướng từ đầu đến cuối chẳng sai khác là Như, nói đúng như Lý là Thị" như ngài Thiên Thai đã nói. Có người coi "Như là Chân Không, Thị là Diệu Hữu. Phá trừ hai kiến chấp Thường và Đoạn của ngoại đạo" như ngài Thanh Lương chọn lọc, dung hòa những thuyết của các vị ấy. Còn có rất nhiều thuyết khác, sợ rườm rà, nên chẳng dẫn ra đây. Các ý nghĩa được nhắc đến trên đây, khác nhau đôi chút, nói chung là tương đồng, trọn chẳng trở ngại lẫn nhau.

***Diễn**: "Chỉ hiển lộ Như, chỉ có Như là Thị": Trừ Thật Tướng của các pháp ra, những thứ khác đều là ma sự. Đó là giải thích dựa theo Lý được diễn nói.*

"Nói xứng theo Lý, không sai thì gọi là Thị": Đấy là giải thích dựa theo lời kinh văn giảng giải về Lý.

"Thuận theo căn cơ mà ứng [thì gọi là Như]": Như kinh dạy: "Nhằm thích ứng hàng Thanh Văn, bèn nói hãy nên hành pháp Tứ Đế. Nhằm thích ứng hàng Duyên Giác, bèn nói hãy nên hành pháp Thập Nhị Nhân Duyên. Nhằm thích ứng hàng Bồ Tát, bèn nói hãy nên hành pháp Lục Ba La Mật". "Không gì chẳng cảm": Nếu căn khí của chúng sanh bất tịnh, chẳng thể cảm Phật, như đầm nước trong lặng thì mới có thể hiện bóng trăng. Nước đục, sẽ chẳng thể hiện. Đấy là dựa theo cảm ứng để giải thích.

"Từ đầu đến cuối chẳng khác": Lý Thật Tướng khi mê chẳng giảm, khi ngộ chẳng tăng, khi mê chẳng nhiễm, khi ngộ chẳng tịnh, như như bất động; vì thế gọi là Như. "Nói đúng như Lý": Ý nói đúng như Lý Thật Tướng mà vì kẻ khác diễn nói, chẳng nói gì khác, cho nên bảo là Thị. Đấy là giải thích xét theo chủ thể diễn nói và pháp được diễn nói.

"Như là Chân Không, Thị là Diệu Hữu": Cái Không ở ngay trong Hữu thì là Chân Không, điều này phá trừ Đoạn Kiến hư vô. Cái Hữu ở chính ngay nơi Không thì là Diệu Hữu, điều này phá trừ Thường Kiến thật hữu. Đấy là cách giải thích dựa theo sự phá tà.

"Trọn chẳng trở ngại lẫn nhau": Ngoài chủ thể diễn nói, không có nghĩa lý được diễn nói. Ngoài điều được diễn nói, không có văn từ diễn nói, tức là chủ thể diễn nói chẳng trở ngại pháp được nói, pháp được nói chẳng trở ngại chủ thể diễn nói. Chúng sanh chẳng phải là căn cơ thì đức Phật chẳng thuyết pháp. Căn cơ thanh tịnh cảm Phật, bèn hiển thị ngôn từ diễn nói; tức là chủ thể diễn nói và pháp được diễn nói chẳng trở ngại cảm ứng, cảm ứng chẳng trở ngại chủ thể diễn nói và pháp được diễn nói.

Hơn nữa, ứng theo căn cơ để thuyết pháp, tỏ rõ chân tông, phá trừ tà ngoại chính là hai điều trước, lại chẳng ngại phá tà).

(Sao) Dĩ Tông giản định giả, Như Thị nhị nghĩa, tùy Tông dĩ định. Kim thử kinh tông hồ nhất tâm; lương diêu chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. Nhất tâm, tắc phi sanh, phi diệt, vô khứ, vô lai, trạm nhiên thường trụ, cố danh viết Như. Hựu thử nhất tâm, tứ quá ly, bách phi tuyệt, cố danh viết Thị. Dị thử sở minh, bất đắc xưng Thị.

(Diễn) Phi sanh phi diệt giả, vị bổn tự bất sanh, kim hà hữu diệt dã? Hựu Luận vân: "Tùy vọng chúng sanh, ước trị bất diệt, tu khởi bất sanh, xử nhiễm bất diệt". Vô khứ vô lai giả, vị vô sở tùng lai, vô sở chí khứ dã. Hựu kinh vân: "Bất lai bất khứ, như thị nhi lai; bất động bất khởi, như thị nhi khứ". Trạm nhiên giả, như tịnh lưu ly, nội ngoại minh triệt, tức sở vị "nhất đạo thanh tịnh, nhiễm ô bất đắc dã". Thường trụ giả, bất thiên, bất biến, vô khởi, vô diệt, tức sở vị "chư pháp tùng bổn lai, thường tự tịch diệt tướng dã". Tứ quá bách phi giả, hữu, vô, song diệc, song phi, vi tứ quá. Vu tứ cú trung, tùy cử nhất cú, phục cụ tứ cú, thành nhất thập lục cú, thông quá khứ, vị lai, tắc thành tứ thập bát cú. Hựu ước dĩ khởi, vị khởi, hợp vi cửu thập lục cú, liên căn bản tứ cú, cộng bách phi dã.

(鈔)以宗揀定者，如是二義，隨宗以定。今此經宗乎一心；良繇執持名號，一心不亂。一心，則非生非滅，無去無來，湛然常住，故名曰如。又此一心，四過離，百非絕，故名曰是。異此所明，不得稱是。

(演)非生非滅者，謂本自不生，今何有滅也？又論云：隨妄不生，約治不滅，修起不生，處染不滅。無去無來者，謂無所從來，無所至去也。又經云：不來不去，如是而來；不動不起，如是而去。湛然者，如淨琉璃，內外明徹，即所謂一道清淨，染污不得也。常住者，不遷不變，無起無滅，即所謂諸法從本來，常自寂滅相也。四過百非者，有，無，雙亦，雙非，為四過。于四句中，隨舉一句，復具四句，成一十六句，通過去未來，則成四十八句。又約已起，未起，合為九十六句，連根本四句，共百非也。

*(**Sao**: "Dùng Tông của hành nhân đang tu tập để biện định, chọn lựa": Ý nghĩa của hai chữ Như Thị sẽ tùy theo tông [ta đang tu học] để biện định ý nghĩa. Nay kinh này đề cao nhất tâm; bởi lẽ, chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. Nhất tâm chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, trong lặng, thường trụ, cho nên gọi là Như. Lại nữa nhất tâm ấy lìa bốn lỗi, dứt trăm điều sai, cho nên gọi là Thị. Những gì khác với những điều được nêu lên ở đây sẽ chẳng được gọi là Thị.*

***Diễn**: "Chẳng phải sanh, chẳng phải diệt": Ý nói vốn tự chẳng sanh, nay lẽ nào có diệt? Luận lại nói: "Chúng sanh thuận theo vọng, xét theo sự đối trị thì bất diệt, khi dấy lên tu hành bèn chẳng sanh, ở trong ô nhiễm chẳng diệt". "Chẳng đến, chẳng đi" tức là chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu. Kinh lại nói: "Chẳng đến, chẳng đi, đến như thế đó. Chẳng động, chẳng dấy lên, đi như thế đó".*

"Trong lặng" là như lưu ly sạch, trong ngoài sáng suốt, tức là nói "nhất đạo thanh tịnh, chẳng bị nhiễm ô". "Thường trụ": Chẳng đổi dời, chẳng thay đổi, chẳng dấy lên, chẳng diệt mất, tức là nói "các pháp xét từ gốc, thường là tướng tịch diệt".

"Tứ quá, bách phi": Có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không thì là tứ quá. Trong bốn câu ấy, mỗi câu lại có đủ cả bốn câu, nên thành ra mười sáu câu (4x4=16). Thông với quá khứ, vị lai, [và hiện tại], thành bốn mươi tám câu (16x3=48). Lại xét theo dĩ khởi (đã dấy lên) và vị khởi (chưa dấy lên), hợp thành chín mươi sáu câu (48x2=96), cộng với bốn câu căn bản, sẽ tổng cộng là một trăm câu, tức bách phi).

(Sớ) Ngã văn giả, Văn Thành Tựu dã. Ngã giả, tự ngã. Văn giả, thân văn. Tự ngã thân văn, phi tư thục, phi độc cổ cố.

(Diễn) Độc cổ, Sớ Sao Sự Nghĩa trung tường minh.

(疏)我聞者，聞成就也。我者，自我。聞者，親聞。自我親聞，非私淑，非讀古故。

(演)讀古，疏鈔事義中詳明。

*(**Sớ**: "Tôi nghe" là Văn Thành Tựu. Ngã là chính mình. "Nghe" là đích thân nghe, [ý nói] chính mình đích thân nghe, chẳng phải là do được nghe truyền lại, chẳng phải do đọc tác phẩm của cổ nhân.*

***Diễn**: Chữ Độc Cổ được giảng giải cặn kẽ trong bộ Sớ Sao Sự Nghĩa).*

(Sao) Tự ngã thân văn giả, tự giản phi kỷ, thân giản phi diện, cái thị kỷ cung diện thọ chi thuyết dã. Tư thục giả, Mạnh Tử vân: "Dư vị đắc vi Khổng Tử đồ dã, dư tư thục chư nhân dã". Thích viết: "Dĩ Mạnh Tử phi thân kiến Khổng Tử, nãi thọ nghiệp Khổng Tử chi hậu nhân, nhi tư kỳ đạo, dĩ thiện kỳ thân giả dã". Độc cổ giả, Tề Hoàn Công độc thư ư đường thượng, luân nhân dĩ vi "sở độc giả, cổ nhân chi tao phách nhĩ". Dĩ Hoàn Công phi diện đối cổ nhân, cổ nhân dĩ vãng, vi đồ độc kỳ di ngôn giả dã. Kim A Nan cung phùng chí thánh, phi tư thục dã, hợp thượng tự ngã. A Nan nhĩ linh chí giáo, phi độc cổ dã, hợp thượng thân văn. Tự ngã thân văn, kim dĩ cáo chúng, tiện ưng tín thọ, cánh phục hà thuyết.

(鈔)自我親聞者，自揀非己，親揀非面，蓋是己躬面受之說也。私淑者，孟子云：予未得為孔子徒也，予私淑諸人也。釋曰：以孟子非親見孔子，乃受業孔子之後人，而私其道，以善其身者也。讀古者，齊桓公讀書於堂上，輪人以為所讀者，古人之糟粕耳。以桓公非面對古人，古人已往，為徒讀其遺言者也。今阿難躬逢至聖，非私淑也，合上自我。阿難耳聆至教，非讀古也，合上親聞。自我親聞，今以告眾，便應信受，更復何說。

*(**Sao**: "Tự mình đích thân nghe": Chữ Tự nhằm tách biệt với trường hợp chẳng phải do chính mình [nghe nhận], chữ Thân nhằm tách biệt với trường hợp vắng mặt (chỉ nghe nói lại), tức là chính mình đối trước mặt, vâng nhận lời dạy của [đức Thế Tôn].*

"Tư thục", Mạnh Tử nói: "Ta chưa được làm học trò Khổng Tử, ta học lại với các môn đệ của Ngài". Giảng rằng: Do Mạnh Tử chẳng đích thân gặp Khổng Tử, mà theo học với hậu duệ của Khổng Tử, tự mình dùng đạo ấy để tu thân hòng trở thành tốt lành vậy.

"Đọc sách cổ": Tề Hoàn Công đọc sách nơi nhà trên, người thợ làm bánh xe chê nhà vua đọc sách như vậy là nhai bã của cổ nhân. Bởi lẽ, Tề Hoàn Công chẳng gặp mặt cổ nhân, cổ nhân đã qua đời rồi, chỉ uổng công đọc di ngôn của họ. Nay ngài A Nan đích thân gặp gỡ bậc chí thánh, chẳng phải là "tư thục", điều này phù hợp với ý nghĩa "tự ngã" trong phần trên. Ngài A Nan đích thân nghe giáo lý tột bậc, chẳng phải là đọc sách của cổ nhân, phù hợp với ý nghĩa "thân văn" trong phần trước. Do

chính mình đích thân nghe, nay thuật lại với đại chúng, họ liền tin nhận, chẳng còn nói gì nữa!)

(Sớ) Thánh nhân vô ngã, kim hà xưng Ngã? Trí Luận hữu tam: Nhất, tùy thế gian cố. Nhị, phá tà kiến cố. Tam, bất trước Vô Ngã cố. Dĩ thị tam giả, bất ngại thuyết Ngã. Hựu Pháp Thân chân ngã, diệc đắc xưng Ngã.

(Diễn) Thánh nhân vô ngã giả, ký danh viết thánh, tắc sanh, Phật, y, chánh dung dung, tổng nhiếp nhất thiết đối đãi, tận tịnh vô dư, hà đắc hữu Ngã?

(疏)聖人無我，今何稱我？智論有三：一、隨世間故。二、破邪見故。三、不著無我故。以是三者，不礙說我，又法身真我，亦得稱我。

(演)聖人無我者，既名曰聖，則生佛依正鎔融，總攝一切對待，盡淨無餘，何得有我？

*(**Sớ**: Thánh nhân vô ngã, sao nay xưng là Ta? Đại Trí Độ Luận nêu ra ba điều: Một, do thuận theo thế gian. Hai, do phá tà kiến. Ba, do chẳng chấp trước Vô Ngã. Do ba điều ấy, chẳng ngại nói đến Ngã. Hơn nữa, Pháp Thân là Chân Ngã, cho nên cũng có thể nói Ngã.*

***Diễn**: "Thánh nhân vô ngã": Đã được gọi là Thánh tức là chúng sanh và Phật, y báo và chánh báo hòa tan vào nhau, nói chung là hết thảy đối đãi đều hết sạch, chẳng còn thừa sót, làm sao có Ngã cho được?)*

(Sao) Thử hạ phục phân "ngã văn" vi nhị, ly thích đồng tiền. Nhất, vân tùy thế gian giả, vị thế pháp trung thuyết Ngã, phi Đệ Nhất Nghĩa trung thuyết Ngã. Tùy thuận thế gian nhi thuyết, vô hữu thật thể, tắc bất quai ư Đệ Nhất Nghĩa dã.

(Diễn) Phi Đệ Nhất Nghĩa trung thuyết Ngã giả, Đệ Nhất Nghĩa đối Nhị Đế thuyết. Nhất trần bất lập, Chân Đế dã. Vạn pháp tề chương, Tục Đế dã. Chân Tục bất nhị, Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế dã. Đệ Nhất Nghĩa trung, tứ tướng đốn không, hà hữu Ngã tướng nhi vân Ngã da?

(鈔)此下復分我聞為二，離釋同前。一、云隨世間者，謂世法中說我，非第一義中說我，隨順世間而說，無有實體，則不乖於第一義也。

(演)非第一義中說我者，第一義對二諦說。一塵不立，真諦也。萬法齊彰，俗諦也。真俗不二，中道第一義諦也。第一義中，四相頓空，何有我相而云我耶？

*(**Sao**: Dưới đây, lại chia "ngã văn" thành hai đoạn [Ngã và Văn] để giải thích từng điều [riêng rẽ] giống như [phương cách giải thích hai chữ Như Thị] trong phần trên. [Trước hết, nói về Ngã thì có ba ý]: Một là nói "tùy thuận thế gian", có nghĩa là nói Ngã theo pháp thế gian, chẳng phải là nói Ngã như trong Đệ Nhất Nghĩa Đế. Tùy thuận thế gian mà nói thì [cái Ngã ấy] chẳng có thực thể, cho nên chẳng trái nghịch Đệ Nhất Nghĩa.*

***Diễn**: "Chẳng phải là Ngã được nói theo Đệ Nhất Nghĩa Đế": Đệ Nhất Nghĩa là so với Nhị Đế mà nói. Chẳng lập mảy trần là Chân Đế; muôn pháp đều hiện rõ là Tục Đế. Chân và Tục chẳng hai là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế. Trong Đệ Nhất Nghĩa, bốn tướng ngay lập tức rỗng rang, há có Ngã tướng để nói là Ngã nữa ư?)*

(Sao) Nhị, vân phá tà kiến giả, vị Tà Ngã, Mạn Ngã, Danh Tự Ngã, thế tục nhân cụ tiền nhị ngã, học đạo nhân cụ hậu nhị ngã, thánh nhân duy tối hậu ngã. Thuận tục xưng ngã, đản thị danh tự, thật vô tà mạn, cố vô quá cữu.

(Diễn) Tà Ngã giả, hoặc kế tức sắc thị ngã, ly sắc thị ngã, ngã đại sắc tiểu, sắc tại ngã trung, sắc đại ngã tiểu, ngã tại sắc trung đẳng. Thử tùng tà sư huấn hối, vọng kế nhi sanh phân biệt ngã dã. Mạn Ngã, tắc bất nhân sư giáo nhi thành, sanh lai tức hữu, câu sanh ngã dã. Danh Tự Ngã giả, vị ký vô Kiến Ngã hoạnh kế chủ tể, phục vô Mạn Ngã câu sanh chủ tể, đản tùy thế lưu bố thuyết danh vi Ngã, tắc đản hữu danh tự, nhi vô thật thể dã. Thế tục nhân cụ tiền nhị ngã giả, dĩ vị đạt Ngã Không, vô danh tự cố. Học đạo nhân cụ hậu nhị ngã giả, kiến đạo học nhân tuy đoạn phân biệt tà ngã, ngã mạn do tồn. Nhược tận lý nhi ngôn, vị chí Bát Địa, câu sanh Ngã Chấp do hiện hành cố. Thánh nhân duy tối hậu ngã giả, thánh nhân đoạn tận nhị chướng, đạt nhị vô ngã lý cố. Thuận tục xưng ngã, đản thị danh tự giả, vị A Nan tôn giả, chí kết tập thời, thượng phá đồng thể kiến mạn chi Ngã, khởi hữu giới nội nhị chủng ngã da? Vị truyền hóa cố, nãi thuận thế tục, lập Danh Tự Ngã, hữu hà quá cữu?

(鈔)二、云破邪見者，謂邪我、慢我、名字我，世俗人具前二我，學道人具後二我，聖人唯最後我。順俗稱我，但是名字，實無邪慢，故無過咎。

(演)邪我者，或計即色是我，離色是我，我大色小，色在我中，色大我小，我在色中等。此從邪師訓誨，妄計而生分別我也。慢我，則不因師教而成，生來即有，俱生我也。名字我者，謂既無見我橫計主宰，復無慢我俱生主宰，但隨世流布說名為我，則但有名字，而無實體也。世俗人具前二我者，以未達我空，無名字故。學道人具後二我者，見道學人雖斷分別邪我，我慢猶存。若盡理而言，未至八地，俱生我執猶現行故。聖人唯最後我者，聖人斷盡二障，達二無我理故。順俗稱我，但是名字者，謂阿難尊者，至結集時，尚破同體見慢之我，豈有界內二種我耶？為傳化故，乃順世俗，立名字我，有何過咎？

*(**Sao**: Hai, nói "phá tà kiến" là muốn nói tới Tà Ngã, Mạn Ngã, và Danh Tự Ngã. Người thế tục có đủ hai thứ ngã đầu, người học đạo có đủ hai thứ ngã sau, thánh nhân chỉ có loại ngã cuối cùng. Thuận theo thế tục bèn xưng là "ta", nhưng đó chỉ là danh tự, chứ thật sự chẳng có tà ngã hay mạn ngã, cho nên chẳng phạm lỗi gì!*

***Diễn**: "Tà Ngã": Hoặc so đo sắc là ngã, lìa sắc là ngã, ngã to sắc nhỏ, sắc ở trong ngã, sắc to ngã nhỏ, ngã ở trong sắc v.v... Những chấp trước này là do tà sư dạy dỗ, là cái ngã do lầm lạc so đo, phân biệt mà sanh. Mạn Ngã thì chẳng do thầy dạy mà thành, hễ sanh ra liền có, tức là cái ngã bẩm sanh. Danh Tự Ngã: Đã chẳng thấy ngã do chấp trước xằng bậy làm chủ tể, lại chẳng có cái Mạn Ngã bẩm sanh làm chủ tể, chỉ thuận theo cách nói phổ biến trong cõi đời mà gọi là Ngã, tức là nó chỉ có tên gọi, chẳng có thật thể!*

"Người thế tục có đủ cả hai thứ ngã trước": Do chưa đạt Ngã Không chẳng có danh tự. "Người học đạo có hai thứ ngã sau": Người học đạo tuy đoạn tà ngã phân biệt, nhưng hãy còn ngã mạn. Nếu nói cùng tột Lý, hễ chưa đạt đến Bát Địa thì Ngã Chấp bẩm sanh vẫn còn hiện hành.

"Thánh nhân chỉ có loại ngã cuối cùng": Thánh nhân đoạn hết hai thứ chướng (Phiền Não và Sở Tri), thấu đạt lý nhị vô ngã (Nhân Vô Ngã và Pháp Vô Ngã), thuận theo thế tục mà xưng là Ngã thì [cái Ngã đó] chỉ

là danh tự, tức là đến lúc tôn giả A Nan kết tập kinh điển, cái ngã đồng thể với Kiến và Mạn đã phá rồi, làm sao Ngài có hai loại ngã trong tam giới cho được? Vì lưu truyền pháp hóa, Ngài bèn thuận theo thế tục, lập ra Danh Tự Ngã, há có lỗi lầm gì?)

(Sao) Tam, bất trước Vô Ngã giả, chư thánh nhân tri nhất thiết pháp Không, Thật Tướng Vô Ngã, nhi bất trước Không, bất trước Vô Ngã. Hựu Du Già hữu tứ ý, đại lược đồng thử. Đệ tam nghĩa ngôn: "Nhược định vô ngã, thùy vi tu học? Nhân tắc sanh bố, cố bất trước Vô Ngã". Hựu Quán Kinh Sớ vân: "Vô ngã tắc vô văn, vô văn tắc hóa đạo tuyệt. Vị truyền hóa bất tuyệt, giả danh thuyết Ngã".

(Diễn) Tri nhất thiết pháp không nhi bất trước Không giả, kinh vân: "Tuy nhạo viễn ly, nhi bất y thân tâm tận. Tuy hành vu Không, nhi thực chúng đức bổn", thị dã. Tri Thật Tướng vô ngã nhi bất trước vô ngã giả, kinh vân: "Tuy hành chư pháp bất sanh bất diệt, nhi dĩ tướng hảo trang nghiêm kỳ thân. Tuy tùy chư pháp cứu cánh tịnh tướng, nhi tùy sở ưng vi hiện kỳ thân", thị dã. Dẫn Du Già, Quán Kinh nhị đoạn, thị thuyết minh đệ tam bất trước vô ngã chi cố dã. Du Già ngôn: "Vô ngã tắc vô nhân tu học", Quán Kinh ngôn: "Vô ngã tắc vô nhân truyền hóa", tự lợi, lợi tha, nhị giai bất tựu. Cố bất trước vô ngã. Du Già hữu tứ nghĩa giả, Du Già đệ lục vân: "Lược do tứ nghĩa, cố xưng Ngã Văn. Nhất, vị thế gian ngữ tiện dị cố. Nhị, vị tùy thuận thế gian cố. Tam, vị đoạn trừ bố úy. Nhược định vô ngã, thùy vi tu học, nhân sanh bố úy cố. Tứ, vị tuyên thuyết tự tha đắc thất, linh sanh quyết định tín giải tâm cố".

(鈔)三、不著無我者，諸聖人知一切法空，實相無我，而不著空，不著無我。又瑜伽有四意，大略同此。第三義言，若定無我，誰為修學？人則生怖，故不著無我。又觀經疏云：無我則無聞，無聞則化道絕，為傳化不絕，假名說我。

(演)知一切法空而不著空者，經云：雖樂遠離，而不依身心盡。雖行于空，而植眾德本，是也。知實相無我而不著無我者，經云：雖行諸法不生不滅，而以相好莊嚴其身。雖隨諸法究竟淨相，而隨所應為現其身，是也。引瑜伽，觀經二段，是證明第三不著無我之故也。瑜伽言：無我則無人修學，觀經言：無我則無人傳化，自利利他，二

皆不就。故不著無我。瑜伽有四義者，瑜伽第六云：略由四義，故稱我聞。一、為世間語便易故。二、為隨順世間故。三、為斷除怖畏。若定無我，誰為修學，人生佈畏故。四、為宣說自他得失，令生決定信解心故。

*(**Sao**: "Ba là chẳng chấp trước Vô Ngã": Các vị thánh nhân biết hết thảy các pháp là Không, Thật Tướng Vô Ngã, nhưng chẳng chấp trước Không, chẳng chấp trước Vô Ngã. Lại nữa, Du Già Sư Địa Luận [nói Ngã] có bốn ý, đại khái giống những điều đang được nói ở đây. [Trong bốn nghĩa ấy], nghĩa thứ ba là: "Nếu cứ khăng khăng vô ngã, ai sẽ tu học, người ta sẽ sanh lòng sợ hãi". Vì thế, chẳng chấp trước Vô Ngã. Lại nữa, Quán Kinh Sớ viết: "Vô ngã thì không nghe, không nghe thì sự hóa độ tu học bị chấm dứt. Nhằm truyền thừa, hóa độ chẳng dứt, cho nên giả danh nói Ngã".*

***Diễn**: "Biết hết thảy các pháp là Không mà chẳng chấp trước Không": Kinh nói: "Tuy ưa thích xa lìa, mà chẳng nương vào thân tâm tận hết. Tuy hành nơi Không, mà trồng các cội đức" là nói về chuyện này. "Biết Thật Tướng vô ngã mà chẳng chấp trước vô ngã": Kinh dạy: "Tuy hành các pháp bất sanh bất diệt, mà dùng tướng hảo để trang nghiêm tấm thân. Tuy thuận theo tướng thanh tịnh rốt ráo của các pháp, nhưng tùy thuộc những gì đáng nên mà hiện thân hình" là nói về ý này. [Lời Sao] dẫn hai đoạn trong Du Già Sư Địa Luận và Quán Kinh để thuyết minh nguyên cớ của điều thứ ba "chẳng chấp vô ngã" này. Du Già Sư Địa Luận nói: "Không có Ngã thì không có người tu học", Quán Kinh nói: "Vô ngã thì không có người để truyền trao, giáo hóa", [tức là] cả hai điều tự lợi và lợi tha đều chẳng đạt được. Do vậy, chẳng vướng mắc nơi vô ngã.*

"Du Già có bốn nghĩa": Quyển thứ sáu của Du Già Sư Địa Luận viết: "Đại lược thì do bốn nghĩa mà nói là Ngã Văn: Một là vì lời lẽ thế gian tiện lợi, dễ dàng. Hai là vì tùy thuận thế gian. Ba là vì đoạn trừ lòng sợ hãi. Vì nếu nói chắc chắn là vô ngã, ai là người tu học, người ta sẽ sanh lòng sợ hãi. Bốn là vì tuyên nói sự được mất của mình lẫn người, khiến cho họ sanh tâm tín giải quyết định").

(Sao) Pháp Thân chân ngã giả, ước bổn nhi ngôn, A Nan diệc thông Pháp Thân Ngã dã, dĩ vô ngã pháp trung, hữu chân ngã, tức Pháp Thân Ngã, như Niết Bàn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chi Ngã, hà ngại ư vô ngã?

(Diễn) A Nan diệc thông Pháp Thân Ngã giả, Pháp Hoa hữu Bổn Tích nhị môn. Nhược tựu Tích Môn, tắc A Nan đản chứng Thiên Chân; nhược ước Bổn Môn, tắc A Nan cửu chứng Pháp Thân. Kinh vân: "Nội bí Bồ Tát hạnh, ngoại hiện thị Thanh Văn, thiểu dục yếm sanh tử, thật tự tịnh Phật độ", thị dã. Dĩ vô ngã trung hữu Chân Ngã giả, nhân nhị vô ngã, nãi đắc Chân Ngã, sở vị: "Duy tâm tướng diệt, tâm thể bất diệt, nhân diệt thị Sắc, hoạch đắc thường sắc dã". Thường Lạc Ngã Tịnh giả, thị Niết Bàn tứ đức, bất thiên bất biến viết Thường, ly sanh tử khổ viết Lạc, cụ bát tự tại viết Ngã, tam Hoặc tịnh tận viết Tịnh.

(鈔)法身真我者，約本而言，阿難亦通法身我也，以無我法中，有真我，即法身我，如涅槃常樂我淨之我，何礙於無我？

(演)阿難亦通法身我者， 法華有本跡二門 。 若就跡門，則阿難但證偏真；若約本門，則阿難久證法身。經云：內秘菩薩行，外現是聲聞，少欲厭生死，實自淨佛土，是也。以無我中有真我者，因二無我，乃得真我，所謂：唯心相滅，心體不滅，因滅是色，獲得常色也。常樂我淨者，是涅槃四德，不遷不變曰常，離生死苦曰樂，具八自在曰我，三惑淨盡曰淨。

*(**Sao**: "Pháp Thân là Chân Ngã", tức là nói theo phương diện bản thể. A Nan cũng thông suốt Pháp Thân Ngã, do trong pháp vô ngã có chân ngã, tức là Pháp Thân Ngã, như Ngã trong Thường Lạc Ngã Tịnh [được nói trong kinh] Niết Bàn, cho nên [nói Ngã Văn] há lẽ nào trở ngại vô ngã?*

***Diễn**: "A Nan cũng thông suốt Pháp Thân Ngã": Kinh Pháp Hoa có hai môn là Bổn và Tích. Nếu xét theo Tích Môn, ngài A Nan chỉ chứng Thiên Chân; nếu xét theo Bổn Môn, ngài A Nan chứng Pháp Thân đã lâu. Kinh chép: "Trong ẩn Bồ Tát hạnh, ngoài thị hiện Thanh Văn. Ít dục, chán sanh tử, thật tự tịnh cõi Phật" là nói về chuyện này.*

"Do trong vô ngã có Chân Ngã": Do hai thứ vô ngã bèn đắc Chân Ngã, tức là nói "do tướng duy tâm diệt, tâm thể bất diệt, do diệt Sắc này, bèn đạt được thường sắc". Thường, Lạc, Ngã, Tịnh là bốn đức của Niết Bàn: Chẳng dời, chẳng thay đổi là Thường, lìa nỗi khổ sanh tử là Lạc, đủ tám đức tự tại là Ngã, hết sạch ba món Hoặc (tham, sân, si) là Tịnh).

(Sớ) Văn giả, nhĩ căn phát thức, phế biệt tùng tổng; cố vân "ngã văn". Đại Thừa trung tam, Thỉ Giáo vô văn, Chung Giáo văn nhi bất văn, Đốn Giáo vô văn bất văn.

(Diễn) Nhĩ căn phát thức giả, nhĩ căn thị sắc pháp, tức đệ bát thân Tướng Phần, cụ chấp thọ nhị nghĩa, thị bạch tịnh vô ký tánh. Thức nãi tâm pháp, tức đệ bát Kiến Phần, tam tánh giai cụ, dữ căn bất đồng. Như Lăng Nghiêm dĩ môn dụ căn, dĩ nhân dụ thức, bất đồng minh hỹ. Phát giả, sanh khởi chi ý, cụ bát chủng duyên, phương đắc sanh khởi, tức sở vị: "Nhĩ thức duy tùng bát dã". Bát giả, nhất không, nhị căn, tam cảnh, tứ tác ý, ngũ phân biệt y, lục nhiễm tịnh y, thất căn bản y, bát chủng tử dã. Phế biệt tùng tổng vân vân giả, vị Tiểu Giáo vân: "Văn giả, nhĩ căn phát thức, thanh tại khả văn xứ". Thị tắc ưng vân "nhĩ văn", hà vân "ngã văn" dã? Cái dĩ Ngã hữu chủ tể chi nghĩa, vi lục căn, lục thức chi tổng. Kim phế căn thức chi biệt, tùng chủ tể chi tổng, viết ngã văn dã. Thỉ Giáo vô văn tam cú, văn, tức thị hữu pháp, vô văn, tức thị không. Kim Thỉ Giáo thị đàm nhất thiết pháp không, cố vô văn. Chung Giáo song chiếu nhị biên, cố văn nhi bất văn. Thử xứ ảnh lược bất văn nhi văn cú, cái tức Hữu nhi Không, tức Không nhi Hữu, chánh thị song chiếu nhị biên Trung Đạo dã. Đốn Giáo song giá nhị biên, cố vô văn diệc vô bất văn. Vô văn, thị giá Hữu. Vô bất văn, thị giá Không, chánh thị song giá nhị biên Trung Đạo dã.

(疏)聞者，耳根發識，廢別從總；故云我聞。大乘中三，始教無聞，終教聞而不聞，頓教無聞不聞。

(演)耳根發識者，耳根是色法，即第八親相分，具執受二義，是白淨無記性。識乃心法，即第八見分，三性皆具，與根不同。如楞嚴以門喻根，以人喻識，不同明矣。發者，生起之意，具八種緣，方得生起，即所謂：耳識唯從八也。八者，一空。二根。三境。四作意。五分別依。六染淨依。七根本依。八種子也。廢別從總云云者，謂小教云：聞者，耳根發識，聲在可聞處。是則應云耳聞，何云我聞也？蓋以我有主宰之義，為六根，六識之總。今廢根識之別，從主宰之總，曰我聞也。始教無聞三句，聞、即是有法，無聞、即是空。今始教是談一切法空，故無聞。終教雙照二邊，故聞而不聞。此處影略不聞而聞句，蓋即

有而空，即空而有，正是雙照二邊中道也。頓教雙遮二邊，故無聞亦無不聞。無聞 、是遮有 。無不聞 、是遮空。正是雙遮二邊中道也。

*(**Sớ**: "Văn' (nghe) là nhĩ căn sanh ra nhĩ thức. Do bỏ biệt, theo tổng; cho nên nói là "ta nghe". Trong Đại Thừa, có ba loại nghe: Thỉ Giáo không nghe, Chung Giáo nghe mà chẳng nghe, Đốn Giáo không có Nghe và Chẳng Nghe.*

***Diễn**: "Nhĩ căn phát sanh ra thức": Nhĩ căn là sắc pháp, tức Thân Tướng Phần của thức thứ tám, có hai nghĩa là chấp trì và tiếp nhận, có tánh chất trắng sạch vô ký (không thiện, không ác). Thức chính là tâm pháp, tức Kiến Phần của thức thứ tám, cả ba tánh (Biến Kế, Y Tha, và Viên Thành Thật) đều đủ, không giống như căn. Như kinh Lăng Nghiêm ví căn như cửa, ví thức như người, sự bất đồng đã rõ ràng! "Phát" có nghĩa là sanh khởi. Phải trọn đủ tám loại duyên thì mới có thể sanh khởi, tức là như câu nói "nhĩ thức tùy thuộc vào tám thứ". Tám thứ thì một là không (hư không), hai là căn, ba là cảnh, bốn là tác ý, năm là phân biệt y, sáu là nhiễm tịnh y, bảy là căn bản y, tám là chủng tử.*

"Phế biệt theo tổng v.v..." là như Tiểu Giáo nói: "Văn (nghe) là nhĩ căn sanh khởi thức, tiếng ở nơi có thể nghe"; đáng lẽ phải nói là "tai nghe", sao lại nói là "ngã văn" (tôi nghe)? Ấy là vì Ngã có nghĩa là chủ tể, là danh xưng chung cho sáu căn và sáu thức. Nay gạt bỏ sự sai biệt giữa căn và thức, nói theo chủ thể tổng quát, nên bảo là "ngã văn".

Đối với ba câu như "Thỉ Giáo không có nghe...", Nghe chính là có pháp, không nghe là chẳng có pháp. Nay Thỉ Giáo đàm luận hết thảy các pháp là không, cho nên không nghe. Chung Giáo chiếu cả hai bên (có và không), nên là nghe mà chẳng nghe. Ở đây đã lược bớt câu "không nghe mà nghe", vì từ ngay Có mà Không, từ ngay nơi Không mà Có, chính là Trung Đạo do chiếu cả hai bên. Đốn Giáo bèn ngăn dứt cả hai nên, vì thế nói "không nghe mà cũng chẳng phải là không nghe". "Không nghe" là ngăn dứt Có. "Không chẳng nghe" là ngăn dứt Không, tức là Trung Đạo ngăn dứt cả hai bên).

(Sớ) Ước đương Tông, tắc truyền pháp thánh nhân, dĩ Ngã Vô Ngã bất nhị chi Chân Ngã, căn, cảnh phi nhất, dị chi diệu nhĩ, văn Sa Bà, Cực Lạc vô chướng ngại chi pháp môn dã.

(Diễn) Dĩ Ngã Vô Ngã bất nhị chi Chân Ngã giả, Ngã tức thị Hữu, Vô Ngã tức thị Không. Ngã, Vô Ngã bất nhị, thị tức Hữu nhi Không,

tức Không nhi Hữu, tức nhị biên chi Trung Đạo dã. Hựu Không xứ toàn Hữu, Hữu xứ toàn Không, ly nhị biên chi Trung Đạo dã. Ly tức ly phi, thị Tức phi Tức, phi Pháp Thân Chân Ngã nhi hà? Căn, cảnh phi nhất, dị chi diệu nhĩ giả, căn, cảnh nhược dị, tắc lưỡng giai thị Hữu. Căn, cảnh nhược nhất, tắc nhị câu thành Không. Kim phi nhất, phi dị, tắc Không Hữu song khiển, tức thị Đốn Giáo song giá Trung Đạo dã. Nhiên phi nhất, tắc dị tồn, phi dị, tắc nhất tồn, tắc Không Hữu song tồn. Hựu tức thị Chung Giáo song chiếu Trung Đạo dã. Tịch nhi thường Chiếu, Chiếu nhi thường Tịch, phi diệu nhĩ nhi hà? Sa Bà, Cực Lạc vô chướng ngại chi pháp môn giả, Sa Bà thị thử ngạn, Cực Lạc thị bỉ ngạn. Nhược vô chướng ngại, tắc thử bất ngại bỉ, bỉ bất ngại thử, bỉ thử câu tồn. Thị vi song chiếu pháp môn, sở vị Cứu Cánh Tịch Quang, bất việt phàm phu nhất niệm, tam đồ kịch báo, toàn cư cực thánh tự tâm dã. Hựu nhược vô chướng ngại, tắc hà phần thử ngạn? Hà phần bỉ ngạn? Bỉ thử lưỡng vong, thị vi song giá pháp môn, sở vị Hắc Ám nữ, Công Đức Thiên, hữu trí chủ nhân, nhị câu bất thọ dã.

(疏)約當宗，則傳法聖人，以我無我不二之真我，根境非一異之妙耳，聞娑婆極樂無障礙之法門也。

(演)以我無我不二之真我者，我即是有，無我即是空。我無我不二，是即有而空，即空而有，即二邊之中道也。又空處全有，有處全空，離二邊之中道也。離即離非，是即非即，非法身真我而何？根境非一，異之妙耳者，根境若異，則兩皆是有。根境若一，則二俱成空。今非一非異，則空有雙遣，即是頓教雙遮中道也。然非一，則異存，非異，則一存，則空有雙存。又即是終教雙照中道也。寂而常照，照而常寂，非妙耳而何？娑婆極樂無障礙之法門者，娑婆是此岸，極樂是彼岸。若無障礙，則此不礙彼，彼不礙此，彼此俱存。是為雙照法門，所謂究竟寂光，不越凡夫一念，三塗劇報，全居極聖自心也。又若無障礙，則何分此岸？何分彼岸？彼此兩亡，是為雙遮法門，所謂黑暗女，功德天，有智主人，二俱不受也。

*(**Sớ**: Nếu xét theo tông này, bậc thánh nhân truyền pháp lấy "Ngã và Vô Ngã chẳng hai" làm Chân Ngã, lấy "Căn và Cảnh chẳng một,*

chẳng khác" làm cái tai nhiệm mầu để nghe pháp môn chẳng chướng ngại giữa Sa Bà và Cực Lạc.

***Diễn**: "Dùng Ngã và Vô Ngã chẳng hai làm Chân Ngã": Ngã tức là Hữu, Vô Ngã tức là Không. Ngã và Vô Ngã chẳng hai, tức là ngay nơi Có mà Không, ngay nơi Không mà Có, tức là Trung Đạo nơi nhị biên. Lại nữa, nơi Không toàn là Có, nơi Có toàn là Không, tức là Trung Đạo do lìa hai bên. Lìa tức là chẳng phải lìa, tức chẳng phải là tức; đó chẳng phải là Chân Ngã Pháp Thân thì là gì vậy?*

"Cái tai mầu nhiệm do Căn và Cảnh chẳng phải một, chẳng phải khác": Căn và cảnh nếu khác thì cả hai đều là Có. Nếu căn và cảnh là một thì cả hai đều thành Không. Nay chẳng phải một, chẳng phải khác, Không và Có cùng mất, chính là Trung Đạo do ngăn dứt cả hai bên của Đốn Giáo. Nhưng "chẳng phải một" tức là "khác" tồn tại; "chẳng phải khác" thì là "một" tồn tại, tức là Không và Hữu cùng tồn tại. Đấy lại là Trung Đạo cùng chiếu cả hai bên của Chung Giáo. Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tịch, chẳng phải là "cái tai mầu nhiệm" thì là gì vậy?

"Pháp môn vô chướng ngại giữa Sa Bà và Cực Lạc": Sa Bà là bờ này, Cực Lạc là bờ kia. Nếu không có chướng ngại, vậy thì đây chẳng ngại kia, kia chẳng ngại đây, đây và kia cùng tồn tại. Đấy là pháp môn chiếu cả hai bên, được gọi là Tịch Quang rốt ráo, chẳng vượt khỏi một niệm của phàm phu. Quả báo dữ dội trong tam đồ hoàn toàn ở trong tự tâm của bậc cực thánh. Lại nữa, nếu không có chướng ngại, phần nào là bờ này, phần nào là bờ kia? Đây và kia cùng mất, chính là pháp môn cùng ngăn dứt [cả hai bên], đó gọi là đối với Hắc Ám Nữ và Công Đức Thiên, vị chủ nhân có trí sẽ chẳng tiếp nhận cả hai!)

(Sao) Phế Biệt tùng Tổng giả, dĩ bất vân "nhĩ văn", nhi vân "ngã văn". Lương diêu Ngã tắc thống thâu chư căn thức đẳng, dĩ Tổng cai Biệt, cố vân "ngã văn". Thỉ Giáo đẳng giả, nhược vân ngã ký vô ngã, văn diệc vô văn, thị Đại Thừa sơ môn, Thỉ Giáo ý dã.

(Diễn) Văn diệc vô văn thị Đại Thừa Thỉ Giáo giả, Đại Thừa Thỉ Giáo, đệ nhị thời Không Tông, y chư bộ Bát Nhã, đàm nhất thiết pháp Không, nội vô năng văn, ngoại vô sở văn, phương viết "chân văn". Cố viết "tôn giả vô thuyết, ngã nãi vô văn, thị chân thuyết, chân văn dã".

(鈔)廢別從總者，以不云耳聞，而云我聞。良繇我則統收諸根識等，以總該別，故云我聞 。始教等者 。若云我既無我，聞亦無聞，是大乘初門，始教意也。

(演)聞亦無聞是大乘始教者，大乘始教，第二時空宗，依諸部般若，談一切法空，內無能聞，外無所聞，方曰真聞。故曰尊者無說，我乃無聞，是真說，真聞也。

*(**Sao**: "Phế Biệt, theo Tổng": Do chẳng nói "tai nghe" mà nói "ta nghe", ấy là vì Ngã bao gồm các Căn, Thức v.v... cho nên dùng Tổng để bao gồm Biệt. Vì thế, nói "ta nghe". Đối với các câu như "Thỉ Giáo…": Nếu nói "Ngã đã là Vô Ngã, có nghe cũng như không nghe", thì đó là ý nghĩa trong Thỉ Giáo, tức là bước đầu của Đại Thừa vậy.*

***Diễn**: "Nghe mà cũng như không nghe là Đại Thừa Thỉ Giáo": Đại Thừa Thỉ Giáo là thời thứ hai [trong năm thời thuyết pháp của đức Phật], là Không Tông, dựa trên các bộ Bát Nhã, đàm luận "hết thảy các pháp là Không", trong thì không có chủ thể để nghe, ngoài thì không có cái được nghe, đó mới là thật sự nghe. Vì thế nói "tôn giả không nói, tôi bèn không nghe" thì mới là thật sự nói, thật sự nghe).*

(Sao) Nhược vân tùng duyên cố Không, bất hoại giả danh, tức bất văn nhi văn, văn nhi bất văn, Chung Giáo ý dã.

(Diễn) Tùng duyên cố Không, bất hoại giả danh giả, nhân nội căn dẫn sanh ngoại trần, tắc trần vô tự tánh. Nhân ngoại trần dẫn sanh nội căn, tắc căn vô tự tánh. Tùng duyên cố Không dã. Kinh vân: "Do trần phát tri, nhân căn hữu tướng, tướng kiến vô tánh, đồng vu giao lư", thị dã. Hựu nhân căn hữu trần, tắc bất hoại trần tướng. Nhân trần hữu căn, tắc bất hoại căn tướng, bất hoại giả danh dã. Như vân "như huyễn phi thật", tắc tâm cảnh song vong, bất vô huyễn tướng, tắc bất hoại tâm cảnh, thị dã. Bất văn nhi văn, tức Không, tức Hữu; văn nhi bất văn, tức Hữu, tức Không. Trung Đạo chi nghĩa, thử Đại Thừa chí cực chi lý, viết Chung Giáo dã.

(鈔)若云從緣故空，不壞假名，即不聞而聞，聞而不聞，終教意也。

(演)從緣故空，不壞假名者，因內根引生外塵，則塵無自性。因外塵引生內根，則根無自性。從緣故空也。經云：由塵發知，因根有相，相見無性，同于交蘆，是也。又因根有塵，則不壞塵相。因塵有根，則不壞根相，不壞假名也。如云如幻非實，則心境雙忘，不無幻相，則不壞

心境，是也。不聞而聞，即空即有；聞而不聞，即有即空。中道之義，此大乘至極之理，曰終教也。

*(**Sao**: Nếu nói do các duyên nên là Không, chẳng hoại giả danh, tức là "chẳng nghe mà nghe, nghe nhưng chẳng nghe" sẽ là ý nghĩa trong Chung Giáo.*

***Diễn**: "Do duyên cho nên Không, chẳng hoại giả danh": Do nội căn dẫn sanh ngoại trần, cho nên trần không có tự tánh. Do ngoại trần dẫn sanh nội căn, cho nên căn không có tự tánh; do duyên cho nên là Không. Kinh dạy: "Do trần mà phát sanh sự hiểu biết, do căn mà có tướng, Tướng Phần và Kiến Phần không có tánh, giống như các cọng cỏ tranh giao nhau" là nói về ý này. Lại nữa, do căn mà có trần, tức là chẳng hoại trần tướng. Do trần mà có căn, tức là chẳng hoại căn tướng, chẳng hoại giả danh. Nếu nói "như huyễn chẳng thật" thì tâm lẫn cảnh cùng mất, không gì chẳng phải là huyễn tướng, cho nên chẳng hoại tâm cảnh, chính là nói về ý này. Chẳng nghe mà nghe, ngay nơi Không mà chính là Hữu; nghe mà chẳng nghe thì ngay nơi Hữu chính là Không. Nghĩa của Trung Đạo chính là lý tột bậc của Đại Thừa, cho nên gọi là Chung Giáo).*

(Sao) Nhược vân năng sở song tịch, vô văn bất văn, ly niệm đốn hiển, Đốn Giáo ý dã.

(Diễn) Năng Sở song tịch vô văn bất văn giả, tùng duyên cố Không. Duyên sanh, hiển vô tánh dã. Duyên sanh vi năng hiển, vô tánh vi sở hiển, bất hoại giả danh. Vô tánh hiển duyên sanh dã. Vô tánh vi năng hiển, duyên sanh vi sở hiển. Duyên sanh vô tánh, dĩ vô tánh đoạt duyên sanh dã. Vô tánh sanh, dĩ duyên sanh đoạt vô tánh dã. Hỗ đoạt lưỡng vong, tắc Năng, Sở song tịch. Hựu duyên sanh đoạt vô tánh, bất văn bất khả đắc. Vô tánh đoạt duyên sanh, văn diệc bất khả đắc, tắc vô văn vô bất văn hỹ. Thử thị cựu giải. Kim phục giải vân: Năng tức thị đệ bát Chuyển Tướng, sở tức thị đệ bát Hiện Tướng. Dĩ nghiệp thức đốn không, cố song tịch. Văn dữ bất văn, giai sanh diệt tướng. Ký vô nghiệp thức khởi diệt, hà hữu văn dữ bất văn dã. Ly niệm đốn hiển giả, văn dữ bất văn giai vọng niệm phân biệt. Kim ký song giá, tắc nhất niệm bất sanh, toàn thể hiển hiện, bất lịch giai cấp tiệm thứ, Đốn Giáo ý dã. Thử thị cựu giải. Kim vân: Ly niệm đốn hiển hữu nhị nghĩa, nhược ly phân biệt thô niệm, dữ vô phân biệt trí tương ứng, đắc kiến Pháp Thân, danh Tùy Phần Giác. Nhược nhất niệm tương ứng, viễn ly vi tế niệm cố, tâm tức thường trụ, danh Cứu Cánh Giác. Cái dĩ Đốn Giáo tuy vô tiệm thứ,

nhi bất vô tiền tâm, hậu tâm, tắc kỳ sở ly chi niệm, tự bất vô thô tế, nhi sở hiển chi Lý diệc bất vô phần mãn dã.

(鈔)若云能所雙寂，無聞不聞，離念頓顯，頓教意也。

(演)能所雙寂無聞不聞者，從緣故空。緣生，顯無性也。緣生為能顯，無性為所顯，不壞假名。無性顯緣生也。無性為能顯，緣生為所顯。緣生無性，以無性奪緣生也。無性生，以緣生奪無性也。互奪兩亡，則能所雙寂。又緣生奪無性，不聞不可得。無性奪緣生，聞亦不可得，則無聞無不聞矣。此是舊解。今復解云：能即是第八轉相，所即是第八現相。以業識頓空，故雙寂。聞與不聞，皆生滅相。既無業識起滅，何有聞與不聞也。離念頓顯者，聞與不聞皆妄念分別。今既雙遮，則一念不生，全體顯現，不歷階級漸次，頓教意也。此是舊解。今云：離念頓顯有二義，若離分別麤念，與無分別智相應，得見法身，名隨分覺。若一念相應，遠離微細念故，心即常住，名究竟覺。蓋以頓教雖無漸次，而不無前心後心，則其所離之念，自不無麤細，而所顯之理亦不無分滿也。

*(**Sao**: Nếu nói Năng và Sở cùng vắng lặng, chẳng có Nghe và Không Nghe, ly niệm sẽ mau chóng hiện rõ, đó là ý nghĩa trong Đốn Giáo.*

***Diễn**: "Năng và Sở cùng vắng lặng, chẳng có nghe và không nghe": Do từ duyên nên là Không; do duyên sanh, vô tánh bèn hiển lộ. Duyên sanh là cái có thể hiển lộ, vô tánh là cái được hiển lộ, chẳng hoại giả danh vì vô tánh hiển thị duyên sanh. Vô tánh là cái có thể hiển lộ, duyên sanh là cái được hiển lộ. Duyên sanh vô tánh, vì vô tánh đoạt duyên sanh. Vô tánh sanh vì duyên sanh đoạt vô tánh. Đoạt lẫn nhau, hai đằng cùng mất, tức là Năng lẫn Sở đều vắng lặng. Lại nữa, do duyên sanh đoạt vô tánh, cho nên chẳng thể đạt được "không nghe". Do vô tánh đoạt duyên sanh, "nghe" cũng chẳng thể được, tức là nghe và không nghe đều chẳng có! Đó là cách giải thích theo lối cũ.*

Nay lại giải thích như sau: Năng chính là Chuyển Tướng của thức thứ tám, Sở là Hiện Tướng của thức thứ tám. Do nghiệp thức ngay lập tức là không, cho nên cả hai đằng (Năng và Sở) đều vắng lặng. Nghe và chẳng

nghe đều là tướng sanh diệt. Đã chẳng có nghiệp thức dấy lên hay diệt mất, làm sao có Nghe và Không Nghe cho được?

"Ly niệm nhanh chóng hiển lộ": Nghe và Không Nghe đều là vọng niệm phân biệt. Nay đã dứt bặt cả hai đằng thì một niệm chẳng sanh, toàn thể hiển hiện, chẳng trải qua tầng cấp theo thứ tự, đó là ý nghĩa của Đốn Giáo. Đó là cách giải thích theo lối cũ. Nay nói: "Ly niệm nhanh chóng hiển lộ" có hai nghĩa, nếu lìa thô niệm phân biệt, tương ứng với trí vô phân biệt, được thấy Pháp Thân, thì gọi là Tùy Phần Giác. Nếu một niệm tương ứng, xa lìa niệm vi tế, tâm chính là thường trụ, thì gọi là Cứu Cánh Giác. Ấy là vì Đốn Giáo tuy không có thứ tự tiến dần dần, nhưng chẳng phải là không có tiền tâm và hậu tâm, cho nên cái niệm bị lìa ấy tự nó chẳng phải là không có thô hay tế, mà Lý được hiển lộ cũng chẳng phải là không có vài phần hay viên mãn).

(Sao) Ngã Vô Ngã giả, sanh nhi bất sanh, bất sanh nhi sanh, tức Pháp Thân cố. Căn cảnh giả, văn thuyết A Di Đà Phật, năng văn, sở văn, phi nhất dị cố. Sa Bà, Cực Lạc giả, sở vị Sa Bà y chánh, toàn xử Cực Lạc chi tự tâm cố. Dĩ thử kinh phần nhiếp ư Viên, ưng quy Pháp Tánh cố.

(Diễn) Sanh nhi bất sanh, bất sanh nhi sanh giả, sanh tức Ngã, tức phàm phu chi Hữu. Bất sanh tức Vô Ngã, tức Nhị Thừa chi Không. Thử nhị bất nhị, tức Pháp Thân Chân Ngã cố. Năng văn, sở văn phi nhất dị cố giả, căn cảnh lịch nhiên, bất hoại Thế Đế, cố phi nhất. Căn trần đồng nguyên, đồng quy tánh hải, cố phi dị. Cổ vân: "Thông huyền phong đảnh, bất thị nhân gian. Tâm ngoại vô pháp, mãn mục thanh sơn", thị dã. Sa Bà y chánh toàn xử Cực Lạc chi tự tâm giả, tự tâm tức thị pháp giới. Pháp giới chi trung, vô sở bất nhiếp, tắc Sa Bà y chánh nhiếp vô bất tận. Thiên Thai vân: "Dĩ đàn vi pháp giới, tắc nhất thiết pháp thú đàn. Y chánh chi nhiếp quy Cực Lạc, kỳ lý diệc nhiên". Cổ vân: "A Tỳ y chánh, toàn xử cực thánh chi tự tâm. Tỳ Lô tâm độ, bất ly hạ phàm chi nhất niệm. Pháp giới viên dung, đầu đầu thiệp nhập, bất tương chướng ngại cố". Phần nhiếp vu Viên, ưng quy Pháp Tánh giả, khủng hữu nạn vân: "Tiền thuyết ngũ tông, phân Hữu, Không, Pháp Tướng, Pháp Tánh, Viên Dung. Chung Đốn, phán quy Pháp Tánh Tông. Viên Giáo, phán thuộc Viên Dung Tông hỹ. Kim ký nhiếp vu Viên, ưng quy Viên Dung, hà cố quy Pháp Tánh da? Đáp: Thành như sở vấn, đản Pháp Tánh chi dữ Viên Dung, phân chi vi nhị, hợp chi vi nhất. Dĩ Sự Sự vô ngại chi Viên, tuy bất đồng Sự Lý vô ngại chi Chung Đốn, thật

ly Sự Lý vô ngại chi Pháp Tánh ngoại, vô Sự Sự vô ngại chi viên dung, dĩ đồng nhất liễu nghĩa Đại Thừa, khả hợp, khả phân cố. Kim cứ khả hợp chi nghĩa, quy Pháp Tánh dã.

(鈔)我無我者，生而不生，不生而生，即法身故。根境者，聞說阿彌陀佛，能聞所聞，非一異故。娑婆極樂者，所謂娑婆依正，全處極樂之自心故。以此經分攝於圓，應歸法性故。

(演)生而不生，不生而生者，生即我，即凡夫之有。不生即無我，即二乘之空。此二不二，即法身真我故。能聞，所聞非一異故者，根境歷然，不壞世諦，故非一。根塵同源，同歸性海，故非異。古云：通玄峰頂，不是人間。心外無法，滿目青山，是也。娑婆依正全處極樂之自心者，自心即是法界。法界之中，無所不攝，則娑婆依正攝無不盡。天台云：以檀為法界，則一切法趣檀。依正之攝歸極樂，其理亦然。古云：阿鼻依正，全處極聖之自心。毘盧心土，不離下凡之一念。法界圓融，頭頭涉入，不相障礙故。分攝于圓，應歸法性者，恐有難云：前說五宗：分有，空，法相，法性，圓融。終頓，判歸法性宗。圓教，判屬圓融宗矣。今既攝于圓，應歸圓融，何故歸法性耶？答：誠如所問，但法性之與圓融，分之為二，合之為一。以事事無礙之圓，雖不同事理無礙之終頓，實離事理無礙之法性外，無事事無礙之圓融，以同一了義大乘，可合可分故。今據可合之義，歸法性也。

*(**Sao**: "Ngã, vô ngã": Sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh nhưng sanh, tức là Pháp Thân. "Căn, cảnh": Nghe nói A Di Đà Phật, cái có thể nghe và cái được nghe đều chẳng phải là một hay khác. "Sa Bà, Cực Lạc" ý nói: Y báo và chánh báo cõi Sa Bà hoàn toàn thuộc trong Cực Lạc nơi tự tâm. Do kinh này có đôi phần thuộc vào Viên, cho nên phải thuộc về Pháp Tánh.*

***Diễn**: "Sanh mà chẳng sanh, chẳng sanh mà sanh": Sanh tức là Ngã, tức là Hữu của phàm phu. "Bất sanh" là Vô Ngã, tức Không của Nhị Thừa. Hai thứ bất nhị ấy (sanh và bất sanh) là Pháp Thân Chân Ngã.*

"Do cái có thể nghe và cái được nghe chẳng phải là một hay khác": Căn và cảnh rành rành, chẳng hư hoại Thế Đế; do vậy, chẳng phải là một. Căn và trần có cùng nguồn, cùng quy vào biển tánh, cho nên chẳng phải là khác. Cổ nhân nói: "Đỉnh núi thông huyền chẳng phải là nhân gian, ngoài tâm không có pháp, núi biếc đầy mắt" chính là nói về ý này.

"Y báo và chánh báo của cõi Sa Bà hoàn toàn thuộc vào Cực Lạc nơi tự tâm": Tự tâm chính là pháp giới. Trong pháp giới, không gì chẳng gồm thâu, cho nên y báo và chánh báo của Sa Bà được thâu nhiếp chẳng có cùng tận. Ngài Thiên Thai (Trí Giả đại sư) nói: "Coi Đàn (Bổ Thí) là pháp giới, hết thảy các pháp sẽ hướng vào Đàn. Y báo và chánh báo nhiếp vào Cực Lạc, lý ấy cũng thế". Cổ nhân nói: "Y báo và chánh báo của A Tỳ hoàn toàn ở trong tự tâm của bậc cực thánh. Cõi tâm của Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng lìa một niệm của phàm phu hạ căn". Pháp giới viên dung, chuyện gì cũng xen lẫn vào nhau mà chẳng hề chướng ngại!

"Có đôi phần thuộc vào Viên, quy vào Pháp tánh": Sợ có kẻ bắt bẻ: "Trên kia đã nói năm tông, chia thành Hữu, Không, Pháp Tướng, Pháp Tánh, và Viên Dung. Phán định Chung Giáo và Đốn Giáo thuộc về Pháp Tánh Tông, phán định Viên Giáo thuộc vào Viên Dung Tông. Nay đã nhiếp thuộc Viên, lẽ ra phải quy vào Viên Dung, sao lại nói quy vào Pháp Tánh vậy?" Đáp: Đúng như lời hỏi, nhưng Pháp Tánh và Viên Dung tách ra thì là hai, hợp lại bèn thành một. Do Viên mà thuộc Sự Sự vô ngại tuy chẳng giống Chung Giáo và Đốn Giáo thuộc Sự Lý vô ngại; nhưng thật sự lìa ngoài Pháp Tánh của Sự Lý vô ngại, sẽ chẳng có Sự Sự vô ngại viên dung! Bởi lẽ, cùng là một liễu nghĩa Đại Thừa, có thể hợp lại, có thể tách ra! Nay xét theo ý nghĩa "có thể hợp lại" bèn quy vào Pháp Tánh).

(Sớ) Hoặc nghi Phật thành đạo cửu, A Nan phương thỉ xuất gia, hà đắc câu ngôn "ngã văn"? Cổ vị hữu tứ nghĩa cố, viết "văn" vô ngại. Hựu A Nan hữu tam, hoặc văn, bất văn, diệc vô ngại cố.

(Sao) Nghi giả, Phật thành đạo dĩ lịch niên nhị thập, A Nan xuất gia. Hựu thập niên, phương mạng vi thị giả. Tuy thân thị Phật, nhi tam thập niên tiền, Phật sở thuyết kinh, hà đắc câu xưng "ngã văn"? Cổ đáp tứ nghĩa giả, nhất, triển chuyển văn. Như Báo Ân kinh ngôn: "A Nan sở bất văn kinh, tùng chư tỳ-kheo biên văn, hoặc chư thiên tử thuyết". Như Niết Bàn Kinh, nãi Hoằng Quảng Bồ Tát chi sở lưu thông cố.

(Diễn) Hoằng Quảng Bồ Tát chi sở lưu thông giả, Niết Bàn đệ tứ thập vân: "Phật cáo Văn Thù, A Nan tỳ-kheo thị ngã chi đệ, cấp sự ngã lai nhị thập dư niên, sở khả văn pháp cụ túc thọ trì, dụ như tả thủy, trí

chi nhất khí. Thị cố, ngã kim cố vấn A Nan vi tại hà sở, dục linh thọ trì thị Niết Bàn kinh. Thiện nam tử! Ngã Niết Bàn hậu, A Nan tỳ-kheo sở vị văn pháp, Hoằng Quảng Bồ Tát đương năng lưu bố".

(疏)或疑佛成道久，阿難方始出家，何得俱言我聞？古謂有四義故，曰聞無礙。又阿難有三，或聞不聞，亦無礙故。

(鈔)疑者，佛成道已歷年二十，阿難出家。又十年，方命為侍者。雖親侍佛，而三十年前，佛所說經，何得俱稱我聞？古答四義者，一、展轉聞。如報恩經言：阿難所不聞經，從諸比丘邊聞，或諸天子說。如涅槃經，乃弘廣菩薩之所流通故。

(演)弘廣菩薩之所流通者，涅槃第四十云：佛告文殊，阿難比丘是我之弟，給事我來二十餘年，所可聞法具足受持，喻如瀉水，置之一器。是故，我今顧問阿難為在何所，欲令受持是涅槃經。善男子！我涅槃後，阿難比丘所未聞法，弘廣菩薩當能流布。

*(**Sớ**: Hoặc nghi là Phật thành đạo đã lâu, A Nan mới xuất gia, lẽ đâu [đầu các kinh] đều nói là "ta nghe"? Cổ nhân nói do có bốn nghĩa, cho nên nói là Nghe chẳng trở ngại gì. Lại nữa, có đến ba vị A Nan, nên dù nghe hay không nghe, cũng chẳng trở ngại gì.*

***Sao**: "Nghi": Đức Phật thành đạo đã hai mươi năm, A Nan mới xuất gia, lại còn mười năm sau đó, mới được [thánh chúng vâng theo ý Phật] sai làm thị giả. Tuy đích thân hầu Phật, nhưng đối với những kinh đức Phật đã nói trong ba mươi năm trước đó, vì sao đều nói là "tôi nghe"? Cổ nhân trả lời nghi vấn ấy bằng bốn nghĩa; một là lần lượt nghe lại. Như kinh Báo Ân chép: "Những kinh A Nan chưa được nghe, sẽ nghe từ nơi các tỳ-kheo, hoặc từ các thiên tử nói lại". Như kinh Niết Bàn là do Hoằng Quảng Bồ Tát lưu thông.*

***Diễn**: "Hoằng Quảng Bồ Tát lưu thông": Kinh Niết Bàn quyển thứ bốn mươi chép: "Đức Phật bảo ngài Văn Thù: - Tỳ-kheo A Nan là em trai của ta, hầu hạ ta hơn hai mươi năm. Đối với những pháp được nghe, ông ta thọ trì trọn đủ như rót nước vào một đồ đựng. Vì thế, nay ta hỏi A Nan đang ở nơi đâu, vì muốn ông ta thọ trì kinh Niết Bàn này. Thiện nam tử!*

Những pháp mà tỳ-kheo A Nan chưa nghe, Hoằng Quảng Bồ Tát sẽ có thể lưu truyền").

(Sao) Nhị giả, Phật trùng thuyết, như Báo Ân Kinh ngôn: "A Nan nhân Phật mạng vi thị giả, nãi cầu tam nguyện. Kỳ tam, sở vị văn kinh, thỉnh Phật trùng thuyết cố".

(Diễn) A Nan cầu tam nguyện giả, nhất nguyện bất thọ Phật cố y, nhị nguyện bất tùy Phật thọ biệt thỉnh, tam nguyện, nhị thập niên tiền sở vị văn kinh, thỉnh Phật trùng thuyết.

(鈔)二者，佛重說，如報恩經言：阿難因佛命為侍者，乃求三願。其三，所未聞經，請佛重說故。

(演)阿難求三願者，一願不受佛故衣，二願不隨佛受別請，三願，二十年前所未聞經，請佛重說。

*(**Sao**: Hai là do đức Phật nói lại, như kinh Báo Ân có chép: A Nan do được đức Phật sai làm thị giả, bèn xin được thỏa ba nguyện. Nguyện thứ ba là đối với những kinh chưa được nghe, xin đức Phật nhắc lại.*

***Diễn**: A Nan xin ba điều nguyện: "Một là nguyện chẳng nhận lấy y cũ của đức Phật; hai là nguyện chẳng theo Phật khi Ngài được thỉnh [đến thọ trai] riêng, ba là nguyện những pháp chưa được nghe trong hai mươi năm trước, xin đức Phật nhắc lại").*

(Sao) Tam giả, A Nan tự thông. Như Kim Cang Hoa Kinh ngôn: "A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội, sở vị văn kinh, tự năng ức trì". Niết Bàn diệc vân: "Nhược tại, nhược bất tại, tự nhiên năng giải liễu cố".

(Diễn) Đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội giả, giác liễu Pháp Tánh, tùng tánh khởi giác dã. Pháp Tánh thụ triệt tam tế, tam tế chi pháp vô bất giác. Pháp Tánh hoành biến thập phương, thập phương chi pháp vô bất giác. Vu pháp tánh hải trung, phổ giác nhất thiết, đắc đại tự tại, viết Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội dã. Niết Bàn hạ, dẫn chứng khả tri.

(鈔)三者，阿難自通。如金剛華經言：阿難得法性覺自在三昧，所未聞經，自能憶持。涅槃亦云：若在，若不在，自然能解了故。

(演)得法性覺自在三昧者，覺了法性，從性起覺也。法性豎徹三際，三際之法無不覺。法性橫遍十方，十方之

法無不覺。于法性海中，普覺一切，得大自在，曰法性覺自在三昧也。涅槃下，引證可知。

(***Sao***: *Ba là A Nan tự thông hiểu, như kinh Kim Cang Hoa chép: "A Nan đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội; đối với những kinh chưa nghe, tự mình có thể nhớ giữ". Kinh Niết Bàn cũng nói: "Dù hiện diện hay không, cũng tự nhiên có thể hiểu thấu suốt".*

Diễn: *"Đắc Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội": Giác ngộ, hiểu rõ Pháp Tánh, từ tánh mà dấy lên sự giác ngộ. Pháp Tánh theo chiều dọc thấu triệt ba đời, pháp trong ba đời không gì chẳng giác. Pháp Tánh theo chiều ngang trọn khắp mười phương, pháp trong mười phương không gì chẳng giác. Trong biển pháp tánh, giác trọn khắp hết thảy, đắc đại tự tại, thì gọi là Pháp Tánh Giác Tự Tại tam-muội. Từ "kinh Niết Bàn" trở đi là lời dẫn chứng, dễ hiểu!)*

(Sao) Tứ giả, Thanh Lương chiết trung thượng tam, ngôn A Nan nãi đại quyền Bồ Tát, ảnh hưởng hoằng truyền. Như Bất Tư Nghị Cảnh Giới Kinh ngôn: Xá Lợi, Mục Liên, nãi chí A Nan đẳng, giai đại quyền Bồ Tát, hiện Thanh Văn thân, hà trệ ư tích, ngôn bất văn dã.

(Diễn) Ảnh hưởng hoằng truyền giả, Thiên Thai thích Pháp Hoa kinh, ngôn: "Văn kinh chúng hữu phát khởi, đương cơ, kết duyên, ảnh hưởng, tứ chúng. Ảnh hưởng chúng giả, vị vãng cổ chư Phật, Bồ Tát, ẩn kỳ viên cực chi quả, diệc đồng cơ chúng, khuông phụ pháp vương, như ảnh chi tùy hình, hưởng chi ứng thanh dã".

(鈔)四者，清涼折衷上三，言阿難乃大權菩薩，影響弘傳。如不思議境界經言：舍利，目連，乃至阿難等，皆大權菩薩，現聲聞身，何滯於迹，言不聞也。

(演)影響弘傳者，天台釋法華經，言：聞經眾有發起，當機，結緣，影響，四眾。影響眾者，謂往古諸佛菩薩，隱其圓極之果，亦同機眾，匡輔法王，如影之隨形，響之應聲也。

(***Sao***: *Bốn, ngài Thanh Lương dung hội ba nghĩa trên đây, nói A Nan là bậc đại quyền Bồ Tát, [thị hiện trong thế giới Sa Bà] để tạo ảnh hưởng, hoằng truyền. Như kinh Bất Tư Nghị Cảnh Giới đã nói những vị như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, cho đến A Nan v.v... đều là đại quyền*

Bồ Tát hiện thân Thanh Văn, há bị vướng mắc nơi hình tích, mà nói là [ngài A Nan] chẳng nghe ư?

***Diễn**: "Ảnh hưởng hoằng truyền": Ngài Thiên Thai chú thích kinh Pháp Hoa, nói: "Đại chúng nghe kinh có bốn loại là phát khởi, đương cơ, kết duyên, và ảnh hưởng. Ảnh hưởng chúng là chư Phật, Bồ Tát [đã chứng quả] từ xa xưa, ẩn tàng cái quả viên mãn tột bậc của chính mình để phù tá đấng pháp vương, như bóng theo hình, như tiếng vang ứng theo âm thanh").*

(Sao) Tam A Nan giả. Nhất, danh Hoan Hỷ, kết Thanh Văn Tạng. Nhị, danh Hỷ Hiền, kết Duyên Giác Tạng. Tam, danh Hỷ Hải, kết Bồ Tát Tạng. Tắc A Nan dĩ đại thần lực, tùy cơ thị giáo, thị tri nhất đại thời giáo, thử A Nan bất văn giả, bỉ A Nan văn chi, hựu hà văn dữ bất văn nhi vi ngại dã?

(Diễn) Tam A Nan giả, thánh nhân vô danh, danh nhân sự lập. Thanh Văn đoạn Kiến Tư chánh sử, đắc xuất tam giới, đắc đại hoan hỷ. Cố kết Thanh Văn Tạng, danh viết Hoan Hỷ. Duyên Giác tấn xâm tập khí, hiền vu Thanh Văn. Cố kết Duyên Giác Tạng, danh viết Hỷ Hiền. Bồ Tát tấn đoạn vô minh, ngộ nhập pháp hải. Cố kết Bồ Tát Tạng, danh viết Hỷ Hải.

(鈔)三阿難者。一、名歡喜，結聲聞藏。二、名喜賢，結緣覺藏。三、名喜海，結菩薩藏。則阿難以大神力，隨機示教，是知一代時教，此阿難不聞者，彼阿難聞之，又何聞與不聞而為礙也？

(演)三阿難者，聖人無名，名因事立。聲聞斷見思正使，得出三界，得大歡喜。故結聲聞藏，名曰歡喜。緣覺進侵習氣，賢于聲聞。故結緣覺藏，名曰喜賢。菩薩進斷無明，悟入法海。故結菩薩藏，名曰喜海。

*(**Sao**: "Ba vị A Nan". Vị thứ nhất tên là Hoan Hỷ, kết tập Thanh Văn Tạng. Vị thứ hai là Hỷ Hiền, kết tập Duyên Giác Tạng. Vị thứ ba tên là Hỷ Hải, kết Bồ Tát Tạng. A Nan dùng đại thần lực, tùy theo căn cơ mà chỉ bày giáo pháp. Vì thế, biết: Đối với giáo pháp trong cả một đời đức Phật, nếu ngài A Nan này không nghe, thì ngài A Nan khác nghe, há còn trở ngại vì "nghe" hay "chẳng nghe" nữa ư?*

***Diễn**: "Ba vị A Nan": Thánh nhân vô danh, tên được đặt theo sự. Thanh Văn đoạn chánh sử thuộc Kiến Tư, được thoát khỏi ba cõi, đắc đại hoan hỷ. Vì thế, vị kết tập Thanh Văn Tạng tên là Hoan Hỷ. Duyên Giác tiến hơn, đoạn trừ tập khí, hiền đức hơn Thanh Văn. Vì thế, vị kết tập Duyên Giác Tạng tên là Hỷ Hiền. Bồ Tát tiến hơn nữa, đoạn vô minh, ngộ nhập biển pháp. Vì thế, vị kết Bồ Tát Tạng tên là Hỷ Hải).*

(Sớ) Nhất thời giả, Thời Thành Tựu dã. Sư tư tương hợp, đương thời thuyết thính sự tất, tức danh "nhất thời", dĩ thuyết thính vô định cố. Bất ngôn mỗ niên nguyệt nhật giả, thập phương thời phần bất nhất, lưỡng độ chánh sóc bất đồng cố. Ước đương Tông, tắc tức thuyết thính khoảnh, tâm cảnh mẫn, phàm thánh hội, y chánh dung, nhất đa đẳng. Thử chư nhị pháp, giai nhất chi thời, danh nhất thời dã.

(Diễn) Cổ nhân thích nhất thời, đô vị cơ ứng hợp nhất chi thời, diệc thị Đế Trí hợp nhất chi thời. Cố vân "nhất thời". Kim sư tư tương hợp hạ, thị ngôn cơ ứng hợp nhất chi thời. Ước đương tông hạ, thị minh Đế Trí hợp nhất chi thời dã. Tâm cảnh mẫn giả, vị tâm cảnh song tiêu, quy Thánh Hiện Lượng, nhiên phàm thánh do phân dã. Phàm thánh hội giả, thánh phàm tình tận, duy diệu giác minh, nhiên y chánh do nhị dã. Y chánh dung giả, tình khí thể dung, đồng quy pháp giới, nhiên nhất đa do tại dã. Nhất đa đẳng giả, nhất đa tương tức, vô ngại viên dung, cứu cánh viên mãn hỹ. Dĩ thượng, tùng hiệp chí quảng, dung thành nhất vị, vi nhất thời dã.

(疏)一時者，時成就也。師資相合，當時說聽事畢，即名一時，以說聽無定故。不言某年月日者，十方時分不一，兩土正朔不同故。約當宗，則即說聽頃，心境泯，凡聖會，依正融，一多等。此諸二法，皆一之時，名一時也。

(演)古人釋一時，都謂機應合一之時，亦是諦智合一之時。故云一時。今師資相合下，是言機應合一之時。約當宗下，是明諦智合一之時也。心境泯者，謂心境雙消，歸聖現量，然凡聖猶分也。凡聖會者，聖凡情盡，唯妙覺明，然依正猶二也。依正融者，情器體融，同歸法界，然一多猶在也。一多等者，一多相即，無礙圓融，究竟圓滿矣。以上從狹至廣，融成一味，為一時也。

*(**Sớ**: "Nhất thời" là Thời Thành Tựu. Thầy trò tương hợp, trong lúc ấy, nói và nghe xong xuôi, bèn gọi là "nhất thời"; bởi lẽ, nói và nghe bất định. Chẳng nói năm, tháng, ngày nào, vì cách phân định thời gian trong mười phương khác nhau, [cách chọn lựa] ngày đầu năm giữa hai cõi (Trung Hoa và Ấn Độ) khác nhau. Ước theo tông này thì trong khoảng thời gian nói và nghe, tâm lẫn cảnh đều mất, phàm và thánh dung hội, y báo và chánh báo hòa nhập vào nhau, một và nhiều như nhau v.v... Lúc các pháp có đối lập ấy đều là một, thì gọi là "nhất thời".*

***Diễn**: Cổ nhân giải thích "nhất thời" đều bảo là "lúc cơ cảm và ứng hiện hợp nhất", mà cũng là "lúc Đế và Trí hợp nhất". Vì thế, gọi [khi ấy] là "nhất thời". Từ "nay thầy trò tương hợp" trở đi là nói lúc cơ cảm và ứng hiện hợp nhất. Từ "ước theo tông này" trở đi là nói đến khi Đế và Trí hợp nhất.*

"Tâm lẫn cảnh đều mất": Tâm và cảnh cùng tiêu, quy vào Thánh Hiện Lượng, nhưng phàm và thánh vẫn còn tách biệt. "Phàm và thánh dung hội": Tình kiến về thánh và phàm đã tận, chỉ có diệu giác sáng ngời, nhưng y báo và chánh báo vẫn còn là hai. "Y báo và chánh báo hòa nhập vào nhau": Cái Thể của hữu tình và khí thế gian hòa nhập vào nhau, cùng quy vào pháp giới, nhưng một và nhiều vẫn còn. "Một và nhiều như nhau": Một chính là nhiều, nhiều chính là một, vô ngại viên dung, rốt ráo viên mãn. Trên đây, dung hợp từ hẹp tới rộng thành một vị, một thời).

(Sao) Thuyết thính vô định giả, hoặc thuyết giả đắc đà-la-ni, nhất sát-na khoảnh, nhất tự chi trung, thuyết nhất thiết pháp môn. Hoặc thính giả đắc tịnh nhĩ căn, ư nhất sát-na, văn nhất tự thời, ư dư nhất thiết, tất vô chướng ngại. Hoặc thuyết giả thời thiểu, thính giả thời đa, hoặc thuyết giả thời đa, thính giả thời thiểu. Thuyết giả thần lực diên xúc tùy nghi, thính giả căn khí lợi độn bất nhất. Cổ vị tam thừa phàm thánh, sở kiến Phật thân báo hóa, niên tuế đoản trường, thành Phật cửu cận, các các bất đồng cố. Kim chỉ thủ Phật cập đệ tử, sư tư cơ cảm tương ngộ chi khoảnh, thuyết thính sự tất, tiện danh "nhất thời" dã.

(Diễn) Đà-la-ni thử phiên Tổng Trì, hữu đa tự, nhất tự, vô tự chi biệt. Đa tự như chư kinh mật chú. Nhất tự như Án tự, vô tự tức vô tướng diệu tâm. Kim chỉ sở vân, chỉ vô tự dã. Nhất sát-na khoảnh, nhất tự chi trung giả, dĩ ký đắc vô tướng diệu tâm, sát-na phổ dung tam tế, nhất tự nhiếp pháp vô di, nhất thiết pháp môn thuyết vô bất tận dã. Đắc tịnh nhĩ căn giả, chúng sanh tuần thanh lưu chuyển, phân biệt ngoại trần, uế nhĩ căn dã. Thánh nhân thoát niêm, nội phục, phát bổn minh diệu, tịnh

nhĩ căn dã. Ư nhất sát-na, tất vô chướng ngại giả, dĩ ký tịnh nhĩ căn, tắc tâm văn đỗng triệt thập phương, đỗng triệt tam tế, nhất thiết tức nhất, nhất tức nhất thiết, vô bất tri dã. Cổ vân: "Tại nhãn thời, như thiên nhật; vạn tượng bất năng đào ảnh tích. Tại nhĩ thời, như u cốc; đại tiểu âm thanh vô bất túc", thị dã. Thuyết giả thần lực diên xúc nhị cú, xuất thượng văn thuyết thính đa thiểu chi sở dĩ. Thuyết giả diên nhất nhật vi nhất kiếp, tắc thuyết giả thời thiểu, thính giả thời đa. Thuyết giả xúc nhất kiếp vi nhất nhật, tắc thuyết giả thời đa, thính giả thời thiểu. Hựu thính giả căn lợi, tắc thuyết giả thời đa, thính giả thời thiểu. Dĩ nhất tâm nhập ư ngữ nghĩa, bất giác thời trường cố. Thính giả căn độn, tắc thuyết giả thời thiểu, thính giả thời đa; dĩ bất đắc pháp vị, thân thể tại tòa, đa hữu bì quyện, giác thời trường cố. Cổ vị hạ, dẫn lệ. Phàm phu, Nhị Thừa, cập tam hiền Bồ Tát, dĩ sự thức kiến Phật, cố kiến Ứng Thân, niên tuế tắc đoản, tại thế bát tuần, tức nhập Niết Bàn. Thành đạo dĩ lai, thỉ kinh tứ thập dư niên. Đăng địa Bồ Tát dĩ nghiệp thức kiến Phật, cố kiến Báo Thân vĩnh bất diệt độ. Thành đạo dĩ lai, kinh trần điểm kiếp, các các bất đồng cố.

(鈔)說聽無定者，或說者得陀羅尼，一剎那頃，一字之中，說一切法門。或聽者得淨耳根，於一剎那，聞一字時，於餘一切，悉無障礙。或說者時少，聽者時多，或說者時多，聽者時少。說者神力延促隨宜，聽者根器利鈍不一。古謂三乘凡聖，所見佛身報化，年歲短長，成佛久近，各各不同故。今止取佛及弟子，師資機感相遇之頃，說聽事畢，便名一時也。

(演)陀羅尼此翻總持，有多字，一字，無字之別。多字如諸經密咒。一字如唵字，無字即無相妙心。今之所云，指無字也。一剎那頃，一字之中者，以既得無相妙心，剎那普融三際，一字攝法無遺，一切法門說無不盡也。得淨耳根者，眾生循聲流轉，分別外塵，穢耳根也。聖人脫粘內伏，發本明耀，淨耳根也。於一剎那，悉無障礙者，以既淨耳根，則心聞洞徹十方，洞徹三際，一切即一，一即一切，無不知也。古云：在眼時，如千日；萬象不能逃影跡。在耳時，如幽谷；大小音聲無不足，是也。說者神力

延促二句，出上文說聽多少之所以。說者延一日為一劫，則說者時少，聽者時多。說者促一劫為一日，則說者時多，聽者時少。又聽者根利，則說者時多，聽者時少。以一心入於語義，不覺時長故。聽者根鈍，則說者時少，聽者時多；以不得法味，身體在座，多有疲倦，覺時長故。古謂下，引例。凡夫，二乘，及三賢菩薩，以事識見佛，故見應身，年歲則短，在世八旬，即入涅槃。成道以來，始經四十餘年。登地菩薩以業識見佛，故見報身永不滅度。成道以來，經塵點劫，各各不同故。

*(**Sao**: "Người nói và kẻ nghe bất định": Hoặc là người nói đắc đà-la-ni, trong một sát-na, trong một chữ, nói hết thảy pháp môn. Hoặc người nghe đắc nhĩ căn thanh tịnh, trong một sát-na, lúc nghe một chữ, bèn đối với hết thảy những điều khác đều chẳng chướng ngại. Hoặc là người nói trong khoảng thời gian ngắn, mà người nghe cảm thấy thời gian rất lâu; có lúc người nói trong thời gian rất lâu mà người nghe cảm thấy thời gian rất ngắn. Người nói có thần lực, cho nên có thể kéo dài hay rút ngắn [thời gian] tùy nghi, căn khí của người nghe là lợi căn hay độn căn bất nhất. Cổ nhân nói: "Phàm phu và thánh nhân trong tam thừa thấy thân báo hóa của đức Phật có tuổi thọ dài hay ngắn khác nhau, thành Phật gần đây hay đã lâu xa, mỗi người thấy mỗi khác". Nay chỉ lấy khoảng thời gian đức Phật và các đệ tử thầy trò cơ cảm gặp gỡ, nói và nghe xong xuôi, bèn gọi là "một thời".*

***Diễn**: Đà-la-ni được cõi này dịch là Tổng Trì, có [các loại]: Nhiều chữ, một chữ, không có chữ khác nhau. "Nhiều chữ" là như mật chú trong các kinh. "Một chữ" là như chữ Án. "Không có chữ" tức là vô tướng diệu tâm. Nay nói đến Tổng Trì chính là nói đến loại không có chữ. Do đã đắc vô tướng diệu tâm, trong sát-na, bèn dung nạp trọn khắp ba đời, một chữ thâu nhiếp các pháp chẳng sót, hết thảy các pháp môn không gì chẳng nói trọn hết.*

"Đắc nhĩ căn thanh tịnh": Chúng sanh theo tiếng mà lưu chuyển, phân biệt ngoại trần, ô uế nhĩ căn! Thánh nhân tháo gỡ niêm khằn, trong tâm chế phục [phiền não], phát khởi sự sáng suốt nhiệm mầu sẵn có, nhĩ căn thanh tịnh.

"Trong một sát-na đều chẳng có chướng ngại": Nhĩ căn đã tịnh, cái tâm để nghe bèn rỗng rang, thấu suốt mười phương, rỗng rang thấu

suốt ba đời, hết thảy chính là một, một chính là hết thảy, không gì chẳng biết. Cổ nhân nói: "Khi ở mắt thì như ngàn mặt trời, muôn hình tượng chẳng thể giấu diếm bóng dáng được. Khi ở tai thì như hang thẳm, âm thanh lớn hay nhỏ đều chẳng đủ" là nói về ý này.

Hai câu "người nói do thần lực bèn kéo dài hay rút ngắn..." phát xuất từ nguyên do "kẻ nói, người nghe nhiều hay ít" trong phần trên. Người nói kéo dài một ngày thành một kiếp, tức là người nói thì thời gian ít, mà người nghe thì thời gian nhiều. Người nói rút ngắn một kiếp thành một ngày, tức là người nói thời gian nhiều, người nghe thời gian ít. Lại còn người nghe là lợi căn, thì người nói thời gian nhiều, người nghe thời gian ít. Do vì [người nghe] nhất tâm nhập vào ý nghĩa của lời nói, chẳng cảm thấy thời gian dài lâu. Người nghe là độn căn, thì người nói thời gian ít, người nghe thời gian nhiều, do [người nghe] chẳng đạt được pháp vị, thân thể ngồi đó, lắm nỗi mệt mỏi, cảm thấy thời gian dài dằng dặc.

"Cổ nhân nói" là dẫn thí dụ. Phàm phu, Nhị Thừa, và tam hiền Bồ Tát dùng sự thức để thấy Phật, cho nên thấy Ứng Thân, năm tháng ngắn ngủi, [thấy đức Phật] tại thế tám mươi năm liền nhập Niết Bàn. Từ khi Ngài thành đạo đến nay, mới hơn bốn mươi năm. Đăng địa Bồ Tát dùng nghiệp thức để thấy Phật. Vì thế, thấy Báo Thân vĩnh viễn chẳng diệt độ; thấy đức Phật từ khi thành đạo đến nay đã trải qua số kiếp nhiều như bụi bặm, mỗi người mỗi khác!)

(Sao) Thập phương thời phần giả, dĩ thập phương biến ư hoành thụ, thụ tắc cai hồ thiên thượng. Tứ Thiên nhất nhật, nhân thọ ngũ tuần. Hoành tắc biến hồ tứ châu, Thiệm Bộ tam canh, Câu Lô nhật ngọ, bất khả định dã. Lưỡng độ chánh sóc giả, tuế thủ chi nhật, danh vi Chánh Sóc. Chấn Đán, Ngũ Thiên, bất tương thống thuộc. Châu chánh kiến Tý, Hạ chánh kiến Dần. Bỉ thời Chấn Đán thuộc Châu, nhi Phật tại Xá Vệ, Xá Vệ kiến Dần, nãi dụng Hạ chánh. Tắc Ngũ Thiên chánh nguyệt, Chấn Đán tam nguyệt, Ngũ Thiên nhị nguyệt, Chấn Đán tứ nguyệt dã, diệc bất khả định. Cố chỉ ngôn nhất thời dã.

(Diễn) Châu chánh kiến Tý, Hạ chánh kiến Dần giả, vị Châu thời dĩ Đẩu bính sơ hôn, kiến Tý chi nguyệt vi tuế thủ. Hạ thời dĩ Đẩu bính sơ hôn, kiến Dần chi nguyệt vi tuế thủ dã. Nhất thủ thiên khai ư Tý chỉ nghĩa, nhất thủ nhân sanh ư Dần chi nghĩa.

(鈔)十方時分者，以十方遍於橫豎，豎則該乎天上。四天一日，人壽五旬。橫則遍乎四洲，贍部三更，俱盧日

午，不可定也。兩土正朔者，歲首之日，名為正朔。震旦五天，不相統屬。周正建子，夏正建寅。彼時震旦屬周，而佛在舍衛，舍衛建寅，乃用夏正。則五天正月，震旦三月，五天二月，震旦四月也，亦不可定。故止言一時也。

(演)周正建子，夏正建寅者，謂周時以斗柄初昏，建子之月為歲首。夏時以斗柄初昏，建寅之月為歲首也。一取天開於子之義，一取人生於寅之義。

(***Sao***: *"Phân định thời gian trong mười phương": Do mười phương trọn khắp chiều ngang lẫn chiều dọc. Chiều dọc bao gồm cả cõi trời. Một ngày trên cõi trời Tứ Thiên bằng năm mươi năm trong nhân gian. Theo chiều ngang thì trọn khắp bốn đại châu, Nam Thiệm Bộ Châu là canh ba thì Bắc Câu Lô Châu đã là giữa trưa, cho nên [thời gian] chẳng thể nhất định.*

"Ngày Chánh Sóc hai cõi khác nhau": Ngày đầu năm gọi là Chánh Sóc. Trung Hoa và năm xứ Thiên Trúc [ấn định ngày đầu năm] chẳng giống nhau. Đời Châu, ấn định tháng Tý là tháng Giêng. Nhà Hạ ấn định tháng Giêng nhằm tháng Dần. Khi ấy, Chấn Đán thuộc nhà Châu, nhưng đức Phật ở thành Xá Vệ, Xá Vệ lấy tháng Dần làm tháng Giêng, tức là dùng theo Chánh Sóc của nhà Hạ. Cho nên Ngũ Thiên Trúc là tháng Giêng thì Trung Hoa đã là tháng Ba, Ấn Độ là tháng Hai thì Trung Hoa đã là tháng Tư, cho nên cũng không thể nói nhất định được. Do vậy, chỉ nói "nhất thời".

Diễn: *"Đời Châu, ấn định tháng Tý là tháng Giêng. Nhà Hạ định tháng Giêng nhằm tháng Dần": Thời Châu do căn cứ đuôi sao Bắc Đẩu chỉ vào phương vị nào vào lúc trời vừa sập tối mà lấy tháng thuộc phương vị đó làm tháng Giêng. Nhà Hạ cũng căn cứ phương vị chuôi sao Bắc Đẩu chỉ vào khi trời sập tối mà lấy tháng thuộc phương vị đó làm tháng Giêng. Một đằng là dựa theo nghĩa trời mở mang vào tháng Tý, một đằng dựa theo nghĩa người sanh vào tháng Dần).*

(Sao) Tâm cảnh giả, nhất tâm bất loạn, vô năng niệm, sở niệm cố. Phàm thánh giả, dữ chư thượng thiện nhân đồng hội nhất xứ cố. Y chánh giả, Phật cập thủy, điểu, thụ lâm, đồng thuyết diệu pháp cố. Nhất đa giả, nhất Phật thuyết kinh, lục phương tề tán cố. Như thượng chủng chủng nhị pháp, giai thành nhất vị, tức dĩ thử thời vi nhất thời dã.

(Diễn) Tâm cảnh giả hạ, ước đương Tông, dĩ "nhất tâm bất loạn" vi Tông, tắc nội vô năng niệm chi tâm, ngoại vô sở niệm chi cảnh. Năng Sở song tiêu, mẫn nhiên vô tích cố. Chư thượng thiện nhân đồng hội nhất xứ giả, nhất xứ chỉ nhất tâm dã. Nhược thánh, nhược phàm, toàn quy nhất tâm, vô hữu cao hạ cố. Phật cập thủy, điểu, đồng thuyết diệu pháp giả, dĩ nhất tâm trung, tình dữ vô tình, đồng thành Chánh Giác. Xí nhiên thuyết, vô gián yết, nhất thuyết, nhất thiết thuyết cố. Nhất Phật thuyết kinh, lục phương tề tán giả, dĩ nhất tâm trung, bất kiến bỉ Phật, thử Phật, nhất tức thị đa, đa tức thị nhất, đồng nhất Pháp Tánh cố.

(鈔)心境者，一心不亂，無能念，所念故。凡聖者，與諸上善人同會一處故。依正者，佛及水鳥樹林，同說妙法故。一多者，一佛說經，六方齊讚故。如上種種二法，皆成一味，即以此時為一時也。

(演)心境者下，約當宗，以一心不亂為宗，則內無能念之心，外無所念之境。能所雙消，泯然無跡故。諸上善人同會一處者，一處指一心也。若聖若凡，全歸一心，無有高下故。佛及水鳥，同說妙法者，以一心中，情與無情，同成正覺。熾然說，無間歇，一說，一切說故。一佛說經，六方齊讚者，以一心中，不見彼佛此佛，一即是多，多即是一，同一法性故。

*(**Sao**: "Tâm cảnh": Nhất tâm bất loạn, do không có năng niệm và sở niệm. "Phàm thánh": Ở cùng một chỗ với các bậc thượng thiện nhân. "Y báo, chánh báo": Phật và nước, chim, rừng cây, cùng nói diệu pháp. "Một, nhiều": Một vị Phật nói kinh, sáu phương cùng ca ngợi. Các thứ có hai pháp [đối lập] như trên đây đều thành một vị, cho nên coi lúc ấy là "nhất thời" vậy.*

***Diễn**: Từ "tâm cảnh giả" trở đi, xét theo Tông này, lấy "nhất tâm bất loạn" làm Tông, tức là trong không có cái tâm năng niệm, ngoài không có cái cảnh sở niệm (cảnh để niệm). Năng và Sở cùng mất, mất tăm, không dấu vết! "Các vị thượng thiện nhân ở cùng một chỗ": "Một chỗ" là nói đến nhất tâm. Dù thánh hay phàm, hoàn toàn quy vào nhất tâm, chẳng có cao hay thấp. "Phật và nước, chim, cùng nói diệu pháp": Do trong nhất tâm, hữu tình và vô tình cùng thành Chánh Giác. Hừng hực nói, nói không gián đoạn, không ngưng nghỉ, một thứ nói, hết thảy đều nói. "Một vị Phật nói kinh, sáu phương đều tán thán": Do trong nhất tâm, chẳng thấy vị*

Phật kia hay vị Phật này, một chính là nhiều, nhiều chính là một, vì cùng một Pháp Tánh).

(Sớ) Phật giả, Chủ Thành Tựu dã. Phật nghĩa giải kiến tiền văn, dĩ thị nhất kỳ chúng sanh sở cộng tông cố, danh chi viết Chủ. Hựu lục chủng thành tựu trung, tối vi Chủ cố.

(Sao) Cộng tông giả, Phật xuất thế vi nhất kỳ. Nhất kỳ chi trung, lục phàm, tam thánh, nhất thiết chúng sanh, đồng sở tông chủ; như vạn tánh bách tích, quy nhất nhân cố. Lục thành tựu trung Chủ giả, vọng tiền, tắc tế Chủ chi hội thành Thời, linh Chủ chi ngữ thành Văn, thọ Chủ chi giáo thành Tín. Vọng hậu, tắc Chủ chi sở cư thành Xứ, Chủ chi sở hóa thành Chúng. Thị lục chủng cộng thành, nhi quy trọng ư Phật, diệc "ngôn Phật tiện châu" ý dã.

(Diễn) Tế Chủ chi hội thành Thời giả, Thời, phi biệt thời, Pháp Vương khải vận, gia hội chi thời dã. Pháp vương bất tác, gia hội nan thành, bất đắc thành Thời cố. Linh Chủ chi ngữ thành Văn giả, nhĩ văn pháp âm, tâm khế diệu lý, viết Văn. Huệ nhật bất thăng, viên âm bất diễn, chúng sanh khoáng kiếp giai thành lung cổ, bất đắc thành Văn cố. Thọ Chủ chi giáo thành Tín giả, ư Thật Đức Năng, thâm nhẫn, nhạo dục, viết Tín. Phật bất thùy giáo, tâm mê trần cảnh, Tín tự hà sanh? Túng hữu tín tùng, giai đọa tà kiến, phi chánh tín cố. Chủ chi sở cư thành Xứ giả, xứ phi tha xứ, nãi Pháp Vương chuyển pháp luân chi xứ dã. Thánh nhân đáo xứ, thành ấp, thành đô. Pháp Vương bất trụ, bất thành trụ xứ cố. Chủ chi sở hóa thành Chúng giả, văn kinh chi chúng, hiền thánh chi chúng dã. Phật vị xuất thời, các thú dị đạo, tận đọa tà tông, nhân mông Phật giáo, chuyển tà quy chánh, phương thành thánh chúng cố.

(疏)佛者，主成就也。佛義解見前文，以是一期眾生所共宗故，名之曰主。又六種成就中，最為主故。

(鈔)共宗者，佛出世為一期 。一期之中 ，六凡三聖，一切眾生，同所宗主；如萬姓百辟，歸一人故。六成就中主者，望前，則際主之會成時，聆主之語成聞，受主之教成信。望後，則主之所居成處，主之所化成眾。是六種共成，而歸重於佛，亦言佛便周意也。

(演)際主之會成時者，時，非別時，法王啟運，嘉會之時也。法王不作，嘉會難成，不得成時故。聆主之語成聞者，耳聞法音，心契妙理，曰聞。慧日不升，圓音不演，眾生曠劫皆成聾瞽，不得成聞故。受主之教成信者，於實德能，深忍樂欲，曰信。佛不垂教，心迷塵境，信自何生？縱有信從，皆墮邪見，非正信故。主之所居成處者，處非他處，乃法王轉法輪之處也。聖人到處，成邑成都。法王不住，不成住處故。主之所化成眾者，聞經之眾，賢聖之眾也。佛未出時，各趣異道，盡墮邪宗，因蒙佛教，轉邪歸正，方成聖眾故。

*(**Sớ**: Phật là Chủ Thành Tựu. Xem lời giải thích ý nghĩa của chữ Phật trong phần trước. Do được chúng sanh cùng tôn sùng trong một thời kỳ, nên gọi là Chủ. Lại nữa, trong sáu thứ thành tựu, Chủ là trọng yếu nhất.*

***Sao**: "Cùng tôn sùng": Phật xuất thế là "một kỳ". Trong một kỳ, lục phàm, tam thánh, hết thảy chúng sanh đều cùng tôn sùng vị Chủ, như vạn họ, trăm quan đều thuộc về một người. Đối với Chủ trong sáu thứ thành tựu, nếu xét những điều trước thì lúc gặp gỡ Chủ sẽ thành Thời, nghe lời Chủ nói sẽ thành Văn, nhận lãnh lời dạy của Chủ thành Tín. Nhìn vào những điều sau, nơi Chủ ở là Xứ, kẻ được Chủ hóa độ là Chúng. Thế nên, sáu thứ cùng được hình thành, nhưng đều quy kết Phật là trọng yếu nhất. Do vậy, cũng là ý nghĩa "hễ nói Phật thì đều trọn đủ".*

***Diễn**: "Gặp gỡ Chủ sẽ thành Thời": Thời chẳng phải là thời nào khác, mà là lúc đấng Pháp Vương mở ra pháp vận, hội quý hình thành. Pháp Vương chẳng làm như vậy, hội quý khó thành, chẳng thành Thời được!*

"Nghe lời dạy của Chủ bèn thành Văn": "Văn" là tai nghe pháp âm, tâm khế nhập diệu lý, thì là Văn. Mặt trời trí huệ chẳng mọc, chẳng diễn nói viên âm, chúng sanh bao kiếp dài lâu đều thành đui điếc, chẳng được thành tựu Văn.

"Nhận lãnh lời dạy của Chủ bèn thành Tín": Đối với Thật, Đức, Năng mà tin nhận sâu xa, ưa thích, ham muốn thì là Tín. Phật chẳng dạy dỗ, tâm [chúng sanh] sẽ mê nơi trần cảnh, Tín sanh từ chỗ nào đây? Dẫu có tin theo, đều đọa trong tà kiến, chẳng phải là chánh tín.

"Chỗ Chủ ở sẽ thành Xứ": Xứ chẳng phải là chỗ nào khác, mà là chỗ đấng Pháp Vương chuyển pháp luân. Thánh nhân đến nơi nào, nơi đó sẽ là thành thị, trở thành đô thị. Pháp Vương chẳng ở, sẽ chẳng thành trụ xứ.

"Những người được Chủ giáo hóa sẽ thành Chúng": [Chúng] là đại chúng nghe kinh, là các vị hiền thánh. Lúc đức Phật chưa xuất thế, mỗi người theo một đường khác nhau, đọa hết vào trong tà tông. Do được Phật giáo hóa, bèn chuyển tà quy chánh, mới trở thành thánh chúng).

(Sớ) Tại Xá Vệ quốc, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên giả, Xứ Thành Tựu dã. Tại giả, Thiên Thai vị "tại tức trụ ý". Biệt chi hữu tứ viết: Thiên trụ, phạm trụ, thánh trụ, Phật trụ. Tùy nghi Phật trụ, nãi chí thiên trụ, thật tắc Phật thân vô tại, vô bất tại.

(Diễn) Biệt chi hữu tứ giả, nhược cứ kinh văn, đản vân Phật trụ, Thiên Thai nãi biệt chi vi tứ giả, lược hữu nhị nghĩa: Nhất giả, dục hiển năng trụ tâm pháp cố, vị tha nhân duy luận thân trụ, bất minh năng trụ tâm pháp, tắc ức cực thánh đồng phàm phu trụ, nhi huống phục phàm thánh các các hữu ư năng trụ chi pháp, bất khả bất tri giả. Nhị giả, dục hiển Như Lai vô pháp bất trụ cố, vị Phật trụ ký thắng, tắc vô pháp bất trụ. Vị dẫn vật cố, thả tựu thế thiện, lược chỉ định tán, thâu nhất thiết thiện, cố ngôn thiên phạm. Ư xuất thế trung, lược chỉ tiểu đại nhiếp nhất thiết pháp, cố ngôn thánh Phật dã.

(疏)在舍衛國，祇樹給孤獨園者，處成就也。在者，天台謂在即住意。別之有四曰：天住，梵住，聖住，佛住。隨宜佛住，乃至天住，實則佛身無在，無不在。

(演)別之有四者，若據經文，但云佛住，天台乃別之為四者，略有二義：一者，欲顯能住心法故，謂他人唯論身住，不明能住心法，則抑極聖同凡夫住，而況復凡聖各各有於能住之法，不可不知也。二者，欲顯如來無法不住故，謂佛住既勝，則無法不住。為引物故，且就世善，略指定散，收一切善，故言天梵。於出世中，略指小大攝一切法，故言聖佛也。

*(**Sớ**: "Tại nước Xá Vệ, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên" là Xứ Thành Tựu. "Tại": Tông Thiên Thai nói "tại" có nghĩa là "trụ". Nói tách biệt thì có bốn loại là thiên trụ, phạm trụ, thánh trụ, và Phật trụ. Tùy thời tiết, căn*

cơ thích hợp, mà có Phật trụ cho đến thiên trụ, nhưng thật ra, thân Phật không ở một nơi nào nhất định, mà cũng không nơi nào chẳng hiện diện.

***Diễn**: "Nói tách biệt thì có bốn loại": Nếu dựa theo kinh văn chỉ nói là "Phật trụ", nhưng tông Thiên Thai bèn tách ra thành bốn loại, nói đại lược thì có hai nghĩa:*

- Một là vì muốn hiển thị pháp để có thể trụ trong tâm; tức là người khác chỉ luận về thân trụ, chẳng biết pháp để có thể trụ bằng tâm, tức là đã chèn ép bậc cực thánh phải trụ như phàm phu. Huống hồ phàm hay thánh ai nấy đều có pháp để có thể trụ, chớ nên không biết.

- Hai là vì muốn hiển thị Như Lai không có pháp nào chẳng trụ, tức là Phật đã trụ thù thắng, cho nên không pháp nào chẳng trụ. Vì hướng dẫn muôn loài, mà Ngài bèn theo điều thiện thế gian, nêu đại lược định thiện và tán thiện để gồm thâu hết thảy các thiện pháp, cho nên nói ra thiên trụ và phạm trụ. Đối với pháp xuất thế, nhằm đại lược chỉ ra Đại Thừa và Tiểu Thừa thâu nhiếp hết thảy các pháp, cho nên nói thánh trụ và Phật trụ).

(Sao) Tại tức trụ trước, Đại Phẩm luận: "Minh Phật tại mỗ sở, dĩ nhi ngôn tạm tại cửu trụ, tổng thành tại ý". Kim vị vô luận cửu tạm, đản tựu đương thời thuyết kinh chi xứ, tức danh vi Tại, như thiên tử sở chí, tức danh "hành tại" dã. Tứ trụ giả, Phật nhiếp chúng sanh, tùy nghi nhi trụ. Hoặc hiện thiên trụ, vị Lục Dục thiên nhân, tức dĩ Thí, Giới thiện tâm trụ. Hoặc hiện Phạm trụ, vị Sơ Thiền chí Phi Tưởng nhân, tức dĩ Tứ Vô Lượng Tâm trụ. Hoặc hiện thánh trụ, vị tam thừa nhân, tức dĩ tam tam-muội trụ. Hoặc hiện Phật trụ, tức dĩ Thủ Lăng Nghiêm bách bát tam-muội, lực, vô úy, bất cộng trụ. Thượng tam tùy tha ý trụ, hậu nhất tùy tự ý trụ.

(Diễn) Hoặc hiện thiên trụ hạ, tứ trụ trung giai minh nhân quả, nhi sở trụ pháp, chánh tại ư nhân. Sở vị Như Lai dĩ nhiếp vật cố, thị hiện Thí, Giới, cập Thập Thiện tâm. Thử tức Phật dĩ Dục Thiên chi pháp, trụ Xá Vệ thành, vị vật thị hiện tứ vô lượng tâm, thị tam tam-muội, tức Phạm pháp, thánh pháp, trụ Xá Vệ thành. Thử giai Như Lai tùy tha ý trụ. Nhược tùy tự ý, tức dĩ Lăng Nghiêm chí bất cộng đẳng, trụ Xá Vệ dã. Sơ Thiền chí Phi Tưởng thị quả, Tứ Thiền bát định thị nhân, nhi vân tứ vô lượng tâm trụ giả, dĩ đơn Thiền tu Bát Định, bất sanh Sắc, Vô Sắc Giới, tất dụng tứ tâm vi huân Thiền công đức. Định dữ công đức cụ túc, phương sanh bát thiên, cố vân tứ tâm dã. Tam tam-muội giả, tức Không, Vô Tướng, Vô Tác dã. Bách bát tam-muội, tức Thủ Lăng

Nghiêm tam-muội, Bảo Ấn tam-muội, Sư Tử Du Bộ tam-muội, nãi chí bách bát Ly Trước Hư Không Bất Nhiễm tam-muội, tường như Trí Độ Luận thuyết. Thập Lực giả: Nhất, thị xứ phi xứ như thật lực. Nhị, nghiệp trí lực. Tam, định lực. Tứ, căn lực. Ngũ, dục lực. Lục, tánh lực. Thất, chí xứ lực. Bát, túc mạng lực. Cửu, thiên nhãn lực. Thập, lậu tận lực. Tứ vô úy giả: Nhất, đắc tổng trì vô úy. Nhị, đắc tri căn vô úy. Tam, đắc quyết nghi vô úy. Tứ, đắc đáp báo vô úy. Thập bát bất cộng giả, nhất thân nghiệp vô thất, nhị khẩu nghiệp vô thất, tam ý nghiệp vô thất, nãi chí thập bát tri vị lai vô ngại. Vị chi bất cộng giả, bất dữ Nhị Thừa cộng dã.

(鈔)在即住著，大品論：明佛在某所，已而言暫在久住，總成在意。今謂無論久暫，但就當時說經之處，即名為在，如天子所至，即名行在也。四住者，佛攝眾生，隨宜而住。或現天住，謂六欲天因，即以施戒善心住。或現梵住，謂初禪至非想因，即以四無量心住。或現聖住，謂三乘因，即以三三昧住。或現佛住，即以首楞嚴百八三昧，力無畏不共住。上三隨他意住，後一隨自意住。

(演)或現天住下，四住中皆明因果，而所住法，正在於因。所謂如來以攝物故，示現施戒，及十善心。此即佛以欲天之法，住舍衛城，為物示現四無量心，示三三昧，即梵法聖法，住舍衛城。此皆如來隨他意住。若隨自意，即以楞嚴至不共等，住舍衛也。初禪至非想是果，四禪八定是因，而云四無量心住者，以單禪修八定，不生色無色界，必用四心為熏禪功德。定與功德具足，方生八天，故云四心也。三三昧者，即空，無相，無作也。百八三昧，即首楞嚴三昧，寶印三昧，師子遊步三昧，乃至百八離著虛空不染三昧，詳如智度論說。十力者：一、是處非處如實力。二、業智力。三、定力。四、根力。五、欲力。六、性力。七、至處力。八、宿命力。九、天眼力。十、漏盡力。四無畏者：一、得總持無畏。二、得知根無畏。三、得決疑無畏。四、得答報無畏。十八不共者，一身業無失，

二口業無失，三意業無失，乃至十八知未來無礙。謂之不共者，不與二乘共也。

(***Sao***: *"Tại" là ở lại. Kinh Đại Phẩm [Bát Nhã] luận định: "Nói rõ Phật ở chỗ nào, nói Tại mang ý nghĩa tạm thời, nói Trụ mang ý nghĩa lâu dài, nhưng đều là ý nghĩa của chữ Tại". Nay bất luận là lâu dài hay tạm thời, hễ là lúc ở chỗ nào thuyết kinh, bèn nói là "tại" [nơi đó], như thiên tử đi tới đâu thì nơi đó được gọi là "hành tại".*

"Bốn loại trụ": Đức Phật nhiếp thọ chúng sanh, thuận theo cơ nghi để trụ, hoặc hiện thiên trụ, nghĩa là do cái nhân sanh vào cõi trời Lục Dục, bèn trụ trong thiện tâm Thí, Giới. Hoặc hiện Phạm trụ, nghĩa là do cái nhân sanh từ Sơ Thiền cho đến cõi trời Phi Tưởng mà trụ trong Tứ Vô Lượng Tâm. Hoặc hiện thánh trụ, nghĩa là do cái nhân tam thừa, cho nên trụ trong ba thứ tam-muội. Hoặc hiện Phật trụ, tức là dùng Thủ Lăng Nghiêm, một trăm lẻ tám tam-muội, lực, vô úy, bất cộng để trụ. Ba món "tùy" trước là thuận theo ý của người khác mà trụ, món "tùy" sau cùng là Ngài tự trụ.

***Diễn**: Từ câu "hoặc hiện thiên trụ" trở đi, trong [mỗi trụ của] tứ trụ, đều nói rõ nhân quả, nhưng pháp để trụ phụ thuộc vào cái nhân. Tức là: Như Lai vì nhiếp thọ muôn loài bèn thị hiện Thí, Giới, và tâm Thập Thiện. Đấy chính là đức Phật dùng pháp thuộc về Dục Giới Thiên để trụ tại thành Xá Vệ. Vì chúng sanh mà thị hiện Tứ Vô Lượng Tâm, chỉ dạy ba môn tam-muội, tức là dùng Phạm pháp và thánh pháp để trụ tại thành Xá Vệ. Những pháp này là đức Như Lai thuận theo ý của người khác mà trụ. Nếu thuận theo ý mình, Ngài bèn dùng các pháp từ Lăng Nghiêm cho đến các pháp như bất cộng v.v... để trụ trong thành Xá Vệ.*

Từ Sơ Thiền cho đến cõi trời Phi Tưởng là quả, Tứ Thiền bát định là nhân; nhưng nói trụ trong Tứ Vô Lượng, tức là chỉ dùng Thiền để tu Bát Định, sẽ chẳng sanh vào Sắc Giới và Vô Sắc Giới được, ắt phải dùng bốn tâm [vô lượng] để huân tu công đức của Thiền. Định và công đức đã trọn đủ thì mới sanh vào tám tầng trời [thuộc Sắc Giới và Vô Sắc Giới], cho nên nói bốn tâm.

"Ba tam-muội" là Không, Vô Tướng, Vô Tác. Một trăm lẻ tám môn tam-muội, tức là Thủ Lăng Nghiêm tam-muội, Bảo Ấn tam-muội, Sư Tử Du Bộ tam-muội, cho đến môn thứ một trăm lẻ tám là Ly Trước Hư Không Bất Nhiễm tam-muội, nói cặn kẽ [các môn tam-muội ấy] thì như trong Trí Độ Luận. "Mười Lực": Một là thị xứ phi xứ như thật lực, hai là nghiệp trí lực, ba là định lực, bốn là căn lực, năm là dục lực, sáu là tánh lực, bảy

là chí xứ lực, tám là túc mạng lực, chín là thiên nhãn lực, mười là lậu tận lực. "Tứ vô úy": Một là đắc tổng trì vô úy, hai là đắc tri căn vô úy, ba là đắc quyết nghi vô úy, bốn là đắc đáp báo vô úy. "Mười tám pháp bất cộng": Một là thân nghiệp chẳng sai sót, hai là khẩu nghiệp chẳng sai sót, ba là ý nghiệp chẳng sai sót, cho đến pháp bất cộng thứ mười tám là biết vị lai vô ngại. Gọi là "bất cộng" vì hàng Nhị Thừa chẳng có những pháp này).

(Sao) Vấn: "Phật hà dĩ thiên trụ?" Đáp: Khuất chí tôn tại chí liệt xứ, vị độ sanh cố dã. Vô tại, vô bất tại giả, Thể tịch liêu, cố vô tại. Thể viên thông, cố vô bất tại. Hoa Nghiêm vân: "Phật thân phi chí, phi bất chí. Hà dĩ cố? Hư không vô thân cố, Như Lai diệc nhĩ, biến nhất thiết pháp, biến nhất thiết chúng sanh, quốc độ". Phi chí, phi bất chí, tức thử ý dã. Nhiên tắc Phật tại Xá Vệ, dĩ tựu liệt cơ, cố danh "thiên trụ". Như thật nhi luận, tức Xá Vệ danh Phạm trụ, thánh trụ, Phật trụ, diệc hà bất khả!

(鈔)問：佛何以天住？答：屈至尊在至劣處，為度生故也。無在無，不在者，體寂寥，故無在。體圓通，故無不在。華嚴云：佛身非至，非不至。何以故？虛空無身故，如來亦爾，遍一切法，遍一切眾生，國土。非至，非不至，即此意也。然則佛在舍衛，以就劣機，故名天住。如實而論，即舍衛名梵住，聖住，佛住，亦何不可！

*(**Sao**: Hỏi: "Vì sao Phật thiên trụ?" Đáp: Khuất thân cao quý nhất nơi thấp hèn nhất để độ sanh. "Vô tại, vô bất tại": Do Thể vắng lặng, cho nên chẳng hiện diện. Do Thể viên thông, nên không đâu chẳng tồn tại. Kinh Hoa Nghiêm nói: "Thân Phật chẳng đến, mà cũng không đâu chẳng đến. Vì cớ sao? Do hư không chẳng có thân, Như Lai cũng giống như vậy, trọn khắp hết thảy các pháp, trọn khắp hết thảy chúng sanh, cõi nước". [Nói] "chẳng tới, chẳng không tới", chính là [nói đến] ý này vậy. Nhưng đức Phật ngự tại Xá Vệ nhằm thích ứng với căn cơ kém hèn, cho nên gọi là "thiên trụ". Nếu nói đúng theo sự thật thì [đức Phật ngự tại] Xá Vệ vẫn có thể gọi là Phạm trụ, thánh trụ, hoặc Phật trụ, cũng đều chẳng có gì là không được!)*

(Sớ) Xá Vệ, Phạn ngữ, diệc vân Thất La Phiệt Tất Đế. Hoa ngôn Văn Vật, dĩ đức danh cố; nhất vân văn giả, dĩ nhân danh cố.

(Sao) Đức giả, dĩ quốc phong tứ đức: Nhất giả, trần đức, ngũ trần chi cảnh, đa mỹ lệ cố. Nhị giả, tài đức, thất bảo trân kỳ, vô phất hữu cố. Tam giả, thánh đức, Tam Tạng thánh pháp, giai cụ túc cố. Tứ giả, giải thoát đức, nhân đa giải thoát, bất nhiễm dục cố. Dĩ thị, dự động Ngũ Thiên, danh Văn Vật dã. Dĩ nhân danh giả, đa hiền nhân cố, quốc dĩ nhân vi trọng cố.

(疏)舍衛，梵語，亦云室羅筏悉底。華言聞物，以德名故；一云聞者，以人名故。

(鈔)德者，以國豐四德：一者，塵德，五塵之境，多美麗故。二者，財德，七寶珍奇，無弗有故。三者，聖德，三藏聖法，皆具足故。四者，解脫德，人多解脫，不染欲故。以是，譽動五天，名聞物也。以人名者，多賢人故，國以人為重故。

*(**Sớ**: Xá Vệ, tiếng Phạn, còn dịch âm là Thất La Phiệt Tất Để (Śrāvastī). Tiếng Hán dịch là Văn Vật, đặt tên [nước ấy] dựa theo phẩm đức. Dịch chữ thứ nhất là Văn (được nghe danh khắp nơi) là do [trong nước ấy] có nhiều người nổi tiếng.*

***Sao**: "Đức": Do nước giàu có, hội đủ bốn đức. Một là trần đức (ưu điểm về mặt ngũ trần), do [xét theo] cảnh Ngũ Trần, [Xá Vệ] rất xinh đẹp. Hai là tài đức (ưu điểm về mặt tài chánh), do bảy báu quý lạ, chẳng thiếu món gì. Ba là thánh đức (ưu điểm về mặt thánh giáo), do Tam Tạng thánh pháp đều trọn đủ. Bốn là giải thoát đức, do có nhiều người giải thoát, chẳng nhiễm dục. Do vậy, lừng danh năm xứ Thiên Trúc, cho nên gọi là Văn Vật. "Do có nhiều người nổi tiếng": Do có nhiều người hiền, vì đất nước tôn trọng con người).*

(Sớ) Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên giả, Phạn ngữ Kỳ Đà, diệc vân Thệ Đa. Ngôn Kỳ giả, tỉnh văn dã. Thử vân Chiến Thắng. Cấp Cô, biểu đức, tức Tu Đạt Đa. Viên giả, Phạn ngữ Tăng-già-lam-ma, thử vân Chúng Viên, an chúng Tăng cố. Cái Kỳ Đà thí thụ, Cấp Cô mãi viên, kiêm nhị vi danh, cố vân Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên dã.

(Sao) Chiến Thắng giả, Ba Tư Nặc vương Thái Tử sanh thời, vương dữ ngoại quốc giao chiến đắc thắng, hỷ nhi lập danh. Tu Đạt Đa giả, Phạn ngữ, thử vân Nhạo Thí, Thắng Quân vương đại thần dã. Hỷ nhạo hành thí, toại thành lệnh danh. Cấp Cô Độc giả, ấu nhi vô phụ viết Cô, lão nhi vô tử viết Độc. Kim đản vô ỷ, vô dưỡng, tức danh Cô

Độc. Thiên ngôn Cô Độc giả, khổng ân châu cấp, kỳ chánh tiên quỳnh, phi bất phổ từ, hữu hoãn cấp cố. Chúng cư viết Viên giả, lâm ấm thanh u, học đạo chi nhân, ưng thê chỉ cố. Thí thụ mãi viên giả, Niết Bàn Kinh thuyết: "Tu Đạt trưởng giả, bổn Xá Vệ nhân, sơ vị tri Phật, vị phinh phụ cố, nhập Vương Xá thành. Nhân San Đàn Na, kiến Phật sanh tín, thỉnh quy Xá Vệ. Phật lệnh Thân Tử tuyển chúng cư xứ. Đắc Kỳ Đà viên, trưởng giả vấn giá, Thái Tử hý đáp: 'Kim bố địa mãn, tức đương mại dữ'. Trưởng giả bố kim, Thái Tử cảm thán, toại dữ dịch địa. Địa sở hữu thụ, tịnh dĩ thí Phật, nhân lập tinh xá". Trưởng giả, Thái Tử giao tương phát tâm, thành thử mỹ sự, cố song tiêu dã.

(疏)祇樹給孤獨園者，梵語祇陀，亦云逝多。言祇者，省文也。此云戰勝。給孤，表德，即須達多。園者，梵語僧伽藍摩，此云眾園，安眾僧故。蓋祇陀施樹，給孤買園，兼二為名，故云祇樹給孤獨園也。

(鈔)戰勝者，波斯匿王太子生時，王與外國交戰得勝，喜而立名。須達多者，梵語，此云樂施，勝軍王大臣也。喜樂行施，遂成令名。給孤獨者，幼而無父曰孤，老而無子曰獨。今但無倚無養，即名孤獨。偏言孤獨者，孔恩周急，岐政先煢，非不普慈，有緩急故。眾居曰園者，林蔭清幽，學道之人，應棲止故。施樹買園者，涅槃經說：須達長者，本舍衛人，初未知佛，為娉婦故，入王舍城。因珊檀那，見佛生信，請歸舍衛。佛令身子選眾居處。得祇陀園，長者問價，太子戲答：金布地滿，即當賣與。長者布金，太子感歎，遂與易地。地所有樹，并以施佛，因立精舍。長者太子交相發心，成此美事，故雙標也。

*(**Sớ**: Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên: Kỳ Đà (Jetakumāra) trong tiếng Phạn còn dịch là Thệ Đa. Nói "Kỳ" [trong Kỳ viên] là tỉnh lược. Cõi này dịch [Kỳ Đà] là Chiến Thắng. Cấp Cô, biểu thị đức hạnh, tức ông Tu Đạt Đa (Sudatta).*

"Viên": Tiếng Phạn là Tăng-già-lam-ma (Sanghārāma), cõi này dịch là Chúng Viên vì để chư tăng an trụ. Ấy là do Kỳ Đà thí cây, ông Cấp Cô Độc mua vườn, nên gộp chung tên hai người để gọi. Vì thế nói là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên.

***Sao**: Chiến Thắng: Khi vua Ba Tư Nặc sanh Thái Tử, vua cùng nước ngoài giao chiến thắng trận, cho nên vui mừng đặt tên như vậy. Tu Đạt Đa là tiếng Phạn, cõi này dịch là Nhạo Thí. Ông là đại thần của vua Thắng Quân, ưa thích bố thí, cho nên thành mỹ danh. Cấp Cô Độc: Trẻ thơ không cha gọi là Cô, già cả không con là Độc. Nay chỉ những kẻ không người nương cậy, không ai nuôi nấng, liền gọi là Cô Độc. Riêng nói về Cô Độc, là vì châu cấp có chọn lựa như Khổng Tử [chẳng giúp đỡ kẻ giàu được giàu thêm], cai trị bằng lòng nhân như Văn Vương giúp người đơn côi trước, chẳng phải là lòng Từ không trọn khắp, nhưng chuyện cứu tế có hoãn đãi hay gấp rút khác biệt.*

Chỗ nhiều người ở gọi là Viên. Nhiều cây cối xum xuê, thanh vắng, là nơi đáng để cho người học đạo ở. "Thí cây, mua vườn": Kinh Niết Bàn nói: "Trưởng giả Tu Đạt vốn là người Xá Vệ, thoạt đầu chưa biết Phật. Vì cưới dâu mà vào thành Vương Xá. Do ông San Đàn Na chỉ dẫn, ông được gặp Phật, sanh lòng tin. Ông thỉnh Phật đến Xá Vệ, đức Phật sai ngài Xá Lợi Phất chọn lựa chỗ cư trụ cho chúng tăng. Tìm được vườn cây của Kỳ Đà, trưởng giả hỏi giá, Thái Tử nói đùa: "Đem vàng lót khắp đất, ta liền bán cho ông". Trưởng giả trải vàng, Thái Tử cảm thán, bèn giao đất, những cây mọc trên đất đều cúng dường Phật. Do vậy, lập tinh xá. Trưởng giả và Thái Tử cùng nhau phát tâm thành tựu chuyện tốt đẹp này, nên gọi nơi ấy bằng tên của hai người").

(Sớ) Nhược dụ đương kinh giáo lý, các hữu sở biểu, như Pháp Hoa, Hoa Nghiêm thích lệ.

(Sao) Dụ đương kinh giả, như Xá Vệ quốc, quốc chi thắng, biểu thử Tịnh Độ pháp môn, quảng đại hoằng viễn, pháp chi tối thượng cố. Tức Từ Ân ngôn: "Vương Xá thành, thành chi thắng. Thành thắng dư thành, biểu Pháp Hoa pháp thắng dư pháp cố", hạ giai lệ thử. Kỳ Thụ, thụ chi thắng, biểu Tịnh Độ ấm cái chúng sanh, vĩnh ly nhiệt não cố. Cấp Cô Viên, viên chi thắng, biểu Tịnh Độ an ổn chúng sanh, hằng thọ chư lạc cố. Kỳ Đà Thái Tử, chủng chi thắng, biểu Tịnh Độ sanh giả, tất cánh thành Phật, thiệu long Phật chủng cố. Tu Đạt trưởng giả, nhân chi thắng, biểu Tịnh Độ sanh giả, nhập Chánh Định Tụ, câu thượng thiện nhân cố. Như Hoa Nghiêm chủng chủng biểu pháp, dĩ hiển nhất tâm, giai thử ý dã.

(Diễn) Pháp Hoa pháp thắng dư pháp giả, ngũ thời cực xướng, tối hậu cực đàm, phi kiêm đản đối đới, thuần nhất Viên Giáo cố. Xá Vệ quốc chi thắng giả, dĩ quốc phong tứ đức, dự động Ngũ Thiên. Tịnh Độ

pháp môn, quảng đại hoằng viễn giả, bình bao u hiển, thống quát thánh phàm, quốc phong vạn đức, thanh chấn thập phương cố. Kỳ Thụ, thụ chi thắng giả, dĩ phù sơ sướng mậu, ấm cái thanh lương. Tịnh Độ chúng sanh vĩnh ly nhiệt não giả, Phật dĩ đại từ, phổ phú nhất thiết, ly sanh tử não, vĩnh đắc thanh lương cố. Cấp Cô Viên chi thắng giả, dĩ thọ dụng tự tại, thích duyệt nhân tâm, Tịnh Độ an ổn thọ lạc giả, hàn thử bất thiên, thọ mạng vô lượng, Niết Bàn tịch tĩnh, đắc đại giải thoát cố. Kỳ Đà chủng chi thắng giả, dĩ vị siêu bách liêu, thiệu cư cửu ngũ. Tịnh Độ thiệu long Phật chủng giả, giai bất thoái chuyển, đa hữu Bổ Xứ, bất trệ hóa thành, trực chí thành Phật cố. Tu Đạt nhân chi thắng giả, dĩ năng cụ thập đức, túc dĩ trưởng nhân. Tịnh Độ nhập thượng thiện hội giả, vĩnh ly phàm, ngoại, tà định, bất định, đắc nhập Chánh Định hiền thánh đẳng lữ cố.

(疏)若喻當經教理，各有所表，如法華，華嚴釋例。

(鈔)喻當經者，如舍衛國，國之勝，表此淨土法門，廣大宏遠，法之最上故。即慈恩言：王舍城，城之勝。城勝餘城，表法華法勝餘法故，下皆例此。祇樹，樹之勝，表淨土蔭蓋眾生，永離熱惱故。給孤園，園之勝，表淨土安穩眾生，恆受諸樂故。祇陀太子，種之勝，表淨土生者，畢竟成佛，紹隆佛種故。須達長者，人之勝，表淨土生者，入正定聚，俱上善人故。如華嚴種種表法，以顯一心，皆此意也。

(演)法華法勝餘法者，五時極唱，最後極談，非兼但對帶，純一圓教故。舍衛國之勝者，以國豐四德，譽動五天。淨土法門，廣大宏遠者，恢包幽顯，統括聖凡，國豐萬德，聲震十方故。祇樹，樹之勝者，以扶疎暢茂，蔭蓋清涼。淨土眾生永離熱惱者，佛以大慈，普覆一切，離生死惱，永得清涼故。給孤園之勝者，以受用自在，適悅人心，淨土安隱受樂者，寒暑不遷，壽命無量，涅槃寂靜，得大解脫故。祇陀種之勝者，以位超百寮，紹居九五。淨土紹隆佛種者，皆不退轉，多有補處，不滯化城，直至成

佛故。須達人之勝者，以能具十德，足以長人。淨土入上善會者，永離凡外，邪定，不定，得入正定賢聖等侶故。

(***Sớ***: *Nếu dựa theo những điều được sánh ví về giáo lý trong kinh này, mỗi điều đều có ý nghĩa biểu thị pháp, giống như cách giải thích kinh Pháp Hoa và Hoa Nghiêm.*

Sao: *"Dựa theo những sánh ví trong kinh này", như nước Xá Vệ là nước thù thắng nhất trong các nước, biểu thị pháp môn Tịnh Độ này rộng lớn, thênh thang, là pháp tối thượng. Chính là như ngài Từ Ân (Khuy Cơ đại sư) đã nói: "Thành Vương Xá là thành thù thắng. Thành ấy thù thắng hơn các thành khác, biểu thị giáo pháp Pháp Hoa thù thắng hơn các pháp khác". Những điều sau đây đều tuân theo lệ này. "Cây của Thái Tử Kỳ Đà": Cây thù thắng, biểu thị Tịnh Độ che rợp chúng sanh, do vĩnh viễn lìa khỏi nóng bức. Vườn của ông Cấp Cô Độc là vườn thù thắng, biểu thị Tịnh Độ an ổn chúng sanh, luôn hưởng các niềm vui. Thái Tử Kỳ Đà dòng dõi thù thắng, biểu thị sanh về Tịnh Độ sẽ rốt ráo thành Phật, tiếp nối hưng thịnh dòng giống nhà Phật. Trưởng giả Tu Đạt là người thù thắng, biểu thị người sanh về Tịnh Độ, nhập Chánh Định Tụ, đều là thượng thiện nhân. Như kinh Hoa Nghiêm có các thứ biểu thị pháp nhằm chỉ rõ nhất tâm, đều nhằm ý này vậy.*

Diễn: *"Pháp Hoa là pháp vượt trội hơn các pháp khác" do là pháp được tuyên xướng cùng tột trong năm thời, là lời đàm luận tột bậc cuối cùng, là pháp Viên Giáo thuần nhất, không nói kèm theo, không chỉ nói cục bộ, không đối ứng với vọng, không đèo thêm ba giáo khác. Nước Xá Vệ thù thắng do nước ấy giàu có, trọn đủ bốn đức, danh tiếng vang rền năm xứ Thiên Trúc. Pháp môn Tịnh Độ rộng lớn, sâu thẳm, bao trùm u hiển, gồm trọn thánh phàm, nước giàu muôn đức, tiếng rền mười phương. Cây của Thái Tử Kỳ Đà vượt trội hơn các thứ cây, do cành lá tươi tốt, chỉnh tề, tỏa rợp mát mẻ. Chúng sanh trong cõi Tịnh Độ vĩnh viễn lìa nhiệt não, do đức Phật dùng lòng đại từ, che chở khắp hết thảy lìa khỏi khổ não sanh tử, vĩnh viễn được thanh lương. Vườn Cấp Cô Độc thù thắng do thọ dụng tự tại, vui sướng tâm người. Tịnh Độ hưởng vui an ổn là vì lạnh nóng chẳng thay đổi, thọ mạng vô lượng, Niết Bàn tịch tĩnh, đắc đại giải thoát. Kỳ Đà có dòng dõi thù thắng, do địa vị vượt trội trăm quan, nối ngôi cửu ngũ. Tịnh Độ tiếp nối hưng thịnh dòng giống Phật, [ai nấy] đều là bất thoái chuyển, có nhiều vị Bổ Xứ, chẳng vướng mắc nơi hóa thành, mà thẳng tiến mãi cho đến khi thành Phật. Ông Tu Đạt Đa thù thắng trong loài người, vì có thể trọn đủ mười đức, đáng đứng đầu người khác. Tịnh*

Độ thì dự vào hội của bậc thượng thiện, vĩnh viễn lìa khỏi phàm phu, ngoại đạo, tà định, bất định, được dự vào trong số các vị hiền thánh Chánh Định).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh đỗng triệt thập phương, thị A Nan văn Phật nghĩa. Tự tánh bất ly đương xứ, thị Phật tại Kỳ Viên nghĩa.

(Diễn) Tự tánh đỗng triệt thập phương giả, nhược vân A Nan văn Phật, tắc chúng sanh giai bối Phật. Nhược vân Phật tại Kỳ Viên, tắc tự kỷ khước thành ma, phi chân văn Phật dã, phi chân Phật tại dã. Kim thập phương thị Phật Pháp Thân, tự tánh đỗng triệt thập phương, tắc nhất đại thời giáo vô hữu bất văn, thị chân văn dã. Đương xứ, tức kim hiển hiện tự tánh, bất ly đương xứ, tắc pháp tánh trạm nhiên, bất thiên, bất biến, thị chân Phật tại dã.

(疏)稱理，則自性洞徹十方，是阿難聞佛義。自性不離當處，是佛在祇園義。

(演)自性洞徹十方者，若云阿難聞佛，則眾生皆背佛。若云佛在祇園，則自己卻成魔，非真聞佛也，非真佛在也。今十方是佛法身，自性洞徹十方，則一代時教無有不聞，是真聞也。當處，即今顯現自性，不離當處，則法性湛然，不遷，不變，是真佛在也。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh thấu suốt rỗng rang mười phương là ý nghĩa A Nan nghe đức Phật thuyết pháp. Tự tánh chẳng rời khỏi ngay chỗ ấy là ý nghĩa Phật ngự tại Kỳ Viên.*

***Diễn**: "Tự tánh thấu suốt rỗng rang mười phương": Nếu nói A Nan nghe đức Phật giảng thì chúng sanh đều trái nghịch Phật. Nếu nói Phật tại Kỳ Viên, chính mình đã thành ma, chẳng phải là thật sự nghe đức Phật nói. Nay mười phương là Pháp Thân của Phật, tự tánh thấu suốt rỗng rang mười phương thì giáo pháp suốt một đời đức Phật không gì chẳng nghe. Đó là thật sự nghe. Ngay nơi đây nay đang hiển hiện tự tánh, chẳng lìa chỗ này mà Pháp Tánh lặng trong, chẳng dời, chẳng biến, đó là Phật đang thật sự hiện diện vậy).*

(Sao) Tâm văn đỗng thập phương, tắc Khánh Hỷ hiện kim phương kết tập. Chân Phật ốc lý tọa, tắc Thích Ca nguyên bất trụ Tây Càn. Phản văn tự văn, phản Phật tự Phật, đương tri Kỳ Viên nhất hội, nghiễm nhiên vị tán, khởi độc Linh Sơn?

(Diễn) Kinh vân: "Tâm văn đỗng thập phương, sanh ư đại nhân lực". Cổ vân: "Kim Phật bất độ lô, mộc Phật bất độ hỏa, nê Phật bất độ thủy, chân Phật ốc lý tọa". Phản văn tự văn giả, dĩ chúng sanh tuần thanh lưu chuyển, hướng ngoại bôn trì cố. Phản Phật tự Phật giả, dĩ chúng sanh dĩ sắc kiến ngã, âm thanh cầu ngã cố. Nghiễm nhiên vị tán giả, Trí Giả đại sư tụng Pháp Hoa kinh, chí Dược Vương Bổn Sự Phẩm, "thị chân tinh tấn, thị danh chân pháp cúng dường Như Lai xứ", thân kiến Linh Sơn nhất hội, nghiễm nhiên vị tán.

(鈔)心聞洞十方，則慶喜現今方結集。真佛屋裏坐，則釋迦原不住西乾。反聞自聞，反佛自佛，當知祇園一會，儼然未散，豈獨靈山？

(演)經云：心聞洞十方，生於大因力。古云：金佛不度爐，木佛不度火，泥佛不度水，真佛屋裏坐。反聞自聞者，以眾生循聲流轉，向外奔馳故。反佛自佛者，以眾生以色見我，音聲求我故。儼然未散者，智者大師誦法華經，至藥王本事品，是真精進，是名真法供養如來處，親見靈山一會，儼然未散。

*(**Sao**: Tâm nghe thấu suốt mười phương, nên ngài A Nan thị hiện kết tập [kinh điển] ở phương này. Vị Phật thật sự ngồi trong nhà, nên Phật Thích Ca vốn chẳng trụ ở Tây Càn (Ấn Độ). Xoay trở lại cái Nghe để nghe chính mình, xoay trở lại quán sát Phật để nhận biết vị Phật của chính mình. Hãy nên biết: Hội Kỳ Viên vẫn nghiễm nhiên chưa tan, há riêng mình hội Linh Sơn!*

***Diễn**: Kinh dạy: "Tâm nghe rỗng rang mười phương, sanh từ nơi sức lực của bậc đại nhân". Cổ nhân nói: "Phật vàng không qua lò, Phật gỗ không chịu lửa, Phật đất chẳng chịu nước, Phật thật ngồi trong nhà".*

"Xoay trở lại cái Nghe để nghe chính mình": Do chúng sanh ruổi theo âm thanh mà lưu chuyển, hướng ra ngoài rong ruổi. "Xoay trở lại quán sát Phật để nhận biết vị Phật của chính mình": Do chúng sanh dùng sắc để thấy ta, dùng âm thanh cầu ta.

"Nghiễm nhiên chưa tan": Trí Giả đại sư tụng kinh Pháp Hoa, đến câu "là chân tinh tấn, là chân pháp cúng dường Như Lai" trong phẩm Dược Vương Bổn Sự, đích thân thấy hội Linh Sơn nghiễm nhiên chưa tan).

Nhị, liệt chúng chứng (tam): Sơ, Thanh Văn chúng. Nhị, Bồ Tát chúng. Tam, thiên nhân chúng.

Sơ, Thanh Văn chúng (tam): Sơ, minh loại số. Nhị, biểu vị đức. Tam, xuất danh hiệu.

Sơ, minh loại số.

(Kinh) Dữ đại tỳ-kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu.

(Sớ) Tự thử nhi hạ, chí "chư thiên đại chúng câu", Chúng Thành Tựu dã. Dữ giả, cộng nghĩa. Đại giả, giản tiểu. Cụ hữu tam nghĩa, vị đại, đa, thắng, dị dư tỳ-kheo cố. Phật Địa diệc cụ tam nghĩa. Tỳ-kheo, Phạn ngữ, thử vân hữu tam: Nhất, khất sĩ. Nhị, bố ma. Tam, phá ác. Tăng giả, Phạn ngữ, cụ vân Tăng Già. Bất ngôn Già giả, tỉnh văn dã. Thử vân Chúng Hòa Hợp. Thiên nhị bách ngũ thập nhân giả, tam Ca Diếp, Mục Liên, Xá Lợi, ngũ nhân đệ tử, cộng hợp thành cố. Thượng minh loại thuộc Thanh Văn, hạ minh số hữu nhược can dã. Câu giả, hợp thượng Cộng nghĩa.

(Diễn) Cụ hữu tam nghĩa giả, cái dĩ Hoa ngôn đại giả, Phạn viết Ma Ha, nãi hàm tam nghĩa, vị đại, đa, thắng. Cố tu tựu bổn tam nghĩa thích chi. Tăng-già hữu tứ chủng: Nhất, hữu tu tăng, trì giới vô vi. Nhị, vô tu tăng, tam nghiệp bất tịnh, chư ác tịnh hành. Tam, vô tri tăng, tuy bất phá giới, căn độn, vô huệ, bất tri khinh, trọng. Tứ, chân thật tăng, Tứ Quả, Tứ Hướng, Học, Vô Học nhân dã. Hữu tu chân thật, đắc cộng Yết-ma, đồng văn chứng tín, duy thủ vô học. Chúng Hòa Hợp giả, vi giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân. Tam Ca Diếp, thị huynh đệ tam nhân, tích cộng khởi sát, kim liên chi dã. Mục Kiền Liên, thử vân Lai Phục Căn, tánh dã. Xá Lợi Phất, thử vân Thân Tử, danh dã, tánh Câu Lật Đà.

二、列眾證(三)：初、聲聞眾。二、菩薩眾。三、人天眾。

初、聲聞眾(三)：初、明類數。二、表位德。三、出名號。

初、明類數。

(經)與大比丘僧，千二百五十人俱。

(疏)自此而下，至諸天大眾俱，眾成就也。與者，共義。大者，揀小。具有三義，謂大、多、勝、異餘比丘故。佛地亦具三義。比丘，梵語，此云有三：一、乞士。二、怖魔。三、破惡。僧者，梵語，具云僧伽。不言伽者，省

文也。此云眾和合。千二百五十人者，三迦葉，目連，舍利，五人弟子，共合成故。上明類屬聲聞，下明數有若干也。俱者，合上共義。

(演)具有三義者，蓋以華言大者，梵曰摩訶，乃含三義，謂大，多，勝。故須就本三義釋之。僧伽有四種：一、有羞僧，持戒無違。二、無羞僧，三業不淨，諸惡並行。三、無知僧，雖不破戒，根鈍無慧，不知重輕。四、真實僧，四果四向，學無學人也。有羞真實，得共羯磨。同聞證信，唯取無學。眾和合者，謂戒和同修，見和同解，身和同住，口和無諍，意和同悅，利和同均。三迦葉，是兄弟三人，昔共起剎，今連枝也。目犍連，此云菜茯根，姓也。舍利弗，此云身子，名也，姓拘栗陀。

(Hai, liệt kê đại chúng để làm chứng (gồm ba phần): Một, đại chúng Thanh Văn; hai, đại chúng Bồ Tát; ba, đại chúng trời người.

Một, đại chúng Thanh Văn (gồm ba phần): Một, nêu rõ loại số; hai, biểu thị địa vị và phẩm đức; ba, nêu ra danh hiệu.

Trước hết là nêu rõ loại số.

***Kinh**: Cùng với các đại tỳ-kheo tăng, một ngàn hai trăm năm mươi người.*

***Sớ**: Từ đây trở xuống, cho đến đoạn "chư thiên đại chúng cùng tham dự" là Chúng Thành Tựu. "Dữ" có nghĩa là "cùng". "Đại", nhằm phân biệt chẳng phải là Tiểu, trọn đủ ba ý nghĩa là lớn, nhiều, và thù thắng, do chẳng giống các tỳ-kheo khác. Phật Địa Luận cũng nói [Đại] có ba nghĩa. Tỳ-kheo (Bhiksu) là tiếng Phạn, [dịch sang tiếng] cõi này thì có ba nghĩa: Một là khất sĩ, hai là làm cho ma sợ hãi, ba là phá ác. Tăng là tiếng Phạn, nói đầy đủ là Tăng Già; không nói chữ Già là vì tỉnh lược. Cõi này dịch là Chúng Hòa Hợp. "Một ngàn hai trăm năm mươi người". Đệ tử của năm vị là [đệ tử của] ba anh em Ca Diếp, Mục Liên, và Xá Lợi cùng hợp thành [con số một ngàn hai trăm năm mươi người]. Trước là nói tới thính chúng thuộc hàng Thanh Văn, sau là nói họ gồm có bao nhiêu người. Chữ Câu xứng hợp với ý nghĩa của chữ Cộng trước đó.*

***Diễn**: "Có đủ ba nghĩa" là vì tiếng Hoa nói là Đại, tiếng Phạn là Ma Ha, bao gồm ba nghĩa là đại, đa, thắng (vượt trội hơn). Do đó, cần phải dựa theo ba nghĩa gốc để giải thích. Tăng-già có bốn loại: Một là*

tăng có tu, trì giới không trái nghịch. Hai là tăng không tu, ba nghiệp bất tịnh, hành đủ các ác. Ba là vô tri tăng, tuy chẳng phá giới, độn căn, không có trí huệ, chẳng biết nặng, nhẹ! Bốn là chân thật tăng, [tức những vị xuất gia đã đắc] Tứ Quả, Tứ Hướng, Học, Vô Học. Những vị hữu tu chân thật, được phép cùng nhau Yết-ma, cùng nghe [kinh này] để chứng tín, kinh chỉ nhắc tới những vị thuộc địa vị Vô Học.

Chúng Hòa Hợp là [những vị tuân thủ Lục Hòa Kính] tức giới hòa hợp cùng tu, kiến giải hòa hợp, cùng chia sẻ [nhận thức chung], thân hòa hợp ở cùng một chỗ, nói năng hòa hợp không tranh cãi, ý hòa hợp cùng vui vẻ, lợi hòa hợp chia sẻ đồng đều.

"Ba Ca Diếp" là ba anh em. Xưa kia họ đã cùng nhau dựng chùa, nên nay sanh làm anh em ruột. Mục Kiền Liên, cõi này dịch là Lai Phục Căn, là họ của Ngài. Xá Lợi Phất cõi này dịch là Thân Tử, đó là tên, họ của Ngài là Câu Lật Đà).

(Sao) Cộng nghĩa giả, Thiên Thai dĩ thất nhất thích Cộng, vị Xứ nhất, Thời nhất, Tâm nhất, Giới nhất, Đạo nhất, Kiến nhất, Giải Thoát nhất dã. Phật dữ đại chúng cộng cư Kỳ Viên, thị kinh chánh ý. Quảng chi như thượng. Giản tiểu giả, minh phi sơ tâm tỳ-kheo, tức hạ sở xưng "trưởng lão" đẳng, thị dã. Đại, đa, thắng giả, thiên vương, đại nhân, sở cộng kính ngưỡng, phi tiểu đức dã, danh Đại. Nội điển, ngoại tịch, vô bất bác thông, phi quả giải dã, danh Đa. Siêu xuất cửu thập lục chủng chi thượng, phi liệt khí dã, danh Thắng; giai Tiểu Thừa trung cực dã.

(Diễn) Dĩ thất nhất thích cộng giả, thất chủng nhất cố, phương thành Cộng nghĩa dã. Phán dĩ thuộc sanh tô, thả tùng bổn thuyết. Thất tại Tam Tạng, đồng cảm Phật thời, đồng Lộc Uyển xử, đồng Nhất Thiết Trí tâm, đồng biệt thoát giới, đồng tam thập thất đạo, đồng vô lậu chánh kiến, đồng hữu dư giải thoát. Tích đồng thất giả, kim nhật đồng văn. Thiên vương kính ngưỡng giả, Phạm vương, sư Trần Như. Đế Thích, sư Ca Diếp đẳng. Nội điển, vị Tam Tạng thập nhị bộ. Ngoại tịch, vị Tứ Vi Đà, thập bát kinh đẳng.

(鈔)共義者，天台以七一釋共，謂處一，時一，心一，戒一，道一，見一，解脫一也。佛與大眾共居祇園，是經正意。廣之如上。揀小者，明非初心比丘，即下所稱長老等，是也。大多勝者，天王大人，所共敬仰，非小德也，

名大。內典外籍，無不博通，非寡解也，名多。超出九十六種之上，非劣器也，名勝！皆小乘中極也。

(演)以七一釋共者，七種一故，方成共義也。判已屬生酥，且從本說。七在三藏，同感佛時，同鹿苑處，同一切智心，同別脫戒，同三十七道，同無漏正見，同有餘解脫。昔同七者，今日同聞。天王敬仰者，梵王，帥陳如。帝釋，師迦葉等。內典，謂三藏十二部。外籍，謂四韋馱，十八經等。

*(**Sao**: Ngài Thiên Thai dùng bảy chữ Nhất để giải thích ý nghĩa chữ Cộng, chính là: Ở cùng một chỗ, cùng một thời, cùng một tâm, cùng một giới, cùng một đạo, cùng một kiến giải, cùng một giải thoát. Đức Phật và đại chúng cùng ở Kỳ Viên là ý nghĩa chánh yếu trong kinh này. Nói rộng ra thì như trên, nhằm phân biệt [những vị Thanh Văn tham dự pháp hội này] chẳng phải là nhỏ nhoi, cho thấy những vị ấy chẳng phải là tỳ-kheo sơ tâm, mà là những vị được gọi là "các trưởng lão" trong phần tiếp theo.*

"Đại, đa, thắng": Trời, quốc vương, đại nhân đều cùng kính ngưỡng, chẳng phải là đức hạnh nhỏ nhoi, nên gọi là Đại. Kinh điển nhà Phật, sách vở thế gian, không gì chẳng thông suốt rộng rãi, chẳng phải là hiểu biết hạn hẹp, nên gọi là Đa. Vượt trội hơn chín mươi sáu thứ [ngoại đạo], chẳng phải là căn cơ kém hèn, nên gọi là Thắng. Các vị ấy đều là tột đỉnh trong hàng Tiểu Thừa.

***Diễn**: "Dùng bảy chữ Nhất để giải thích chữ Cộng": Do bảy thứ Nhất thì mới hợp thành ý nghĩa của chữ Cộng. Phán định [như vậy do xét theo giáo nghĩa] thuộc vào thời sanh tô (thời A Hàm), hãy nói theo nghĩa gốc của chữ Thất trong Tam Tạng: [Các vị Thanh Văn ấy] cùng thời cảm Phật, cùng ở tại Lộc Uyển, cùng có cái tâm Nhất Thiết Trí, cùng thọ giới biệt thoát, cùng tu ba mươi bảy đạo phẩm, cùng có chánh kiến vô lậu, cùng đắc hữu dư giải thoát. Do xưa kia cùng có bảy điều ấy, nay bèn cùng nghe. "Thiên vương kính ngưỡng" có nghĩa là như Phạm Vương tôn ngài Trần Như làm thầy, Đế Thích thờ ngài Ca Diếp làm thầy v.v... Nội điển là Tam Tạng mười hai phần giáo. Ngoại tịch (sách vở ngoài đời) là Tứ Vi Đà (Vedas), mười tám kinh v.v...)*

(Sao) Phật Địa tam nghĩa giả: Nhất, tối cực lợi căn, Ba La Mật Đa chủng tánh, cố danh vi Đại. Nhị, giai đắc Vô Học quả vị, cố danh vi

Đại. Tam, giai đắc Tiểu Quả dĩ, xu đại Bồ Đề, cố danh vi Đại. Tắc thông Đại Thừa ngôn dã.

(Diễn) Ba La Mật Đa, thử vân Đáo Bỉ Ngạn. Tối hậu cực lợi căn, đáo bách hạnh chí cực chi xứ dã, như bố thí, tắc tài pháp, vô úy dĩ chí tam luân không tịch. Trì giới, tắc bất phá, bất lậu, nãi chí giới tướng đô không. Bát Nhã, tắc nhân pháp câu không, nãi chí không diệc bất lập. Thử Đại Thừa chủng tánh dã. Giai đắc Vô Học quả vị giả, nghiên chân, đoạn Hoặc, viết Học. Chân cùng vọng tận, viết Vô Học. Kim giai đắc A La Hán Vô Học quả vị dã. Giai đắc Tiểu Quả thú Đại Bồ Đề giả, ký thành Tứ Quả, phục hồi tâm hướng đại, phát đại Bồ Đề tâm dã. Tắc thông Đại Thừa ngôn giả, vị thượng đại đa thắng giả tam nghĩa, chỉ tựu Tiểu Thừa ngôn nhĩ. Kim Phật Địa tam nghĩa, tắc thị thông Đại Thừa ngôn dã.

(鈔)佛地三義者：一、最極利根，波羅密多種性，故名為大。二、皆得無學果位，故名為大。三、皆得小果已，趨大菩提，故名為大。則通大乘言也。

(演)波羅密多，此云到彼岸。今最極利根，到百行至極之處也，如布施，則財法，無畏以至三輪空寂。持戒，則不破，不漏，乃至戒相都空。般若，則人法俱空，乃至空亦不立。此大乘種性也。皆得無學果位者，研真斷惑，曰學。真窮妄盡，曰無學。今皆得阿羅漢無學果位也。皆得小果趣大菩提者，既成四果，復回心向大，發大菩提心也。則通大乘言者，謂上大多勝三義，止就小乘言耳。今佛地三義，則是通大乘言也。

*(**Sao**: Ba ý nghĩa trong Phật Địa Luận: Một, lợi căn cùng tột, là chủng tánh Ba La Mật Đa, cho nên gọi là Đại. Hai, đều đã đắc quả vị Vô Học, nên gọi là Đại. Ba, đều đã đắc Tiểu Quả, hướng đến đại Bồ Đề, nên gọi là Đại, ý nói "thông với Đại Thừa".*

***Diễn**: Ba La Mật Đa, cõi này dịch Đáo Bỉ Ngạn (đến bờ bên kia). Nay bậc lợi căn tối hậu đạt đến chỗ tột cùng của trăm hạnh, như bố thí thì tài, pháp, vô úy đều đã đạt đến mức tam luân không tịch. Trì giới bèn chẳng phá giới, chẳng sai sót, cho đến giới tướng đều Không. Bát Nhã thì nhân và pháp đều Không, cho đến Không cũng chẳng lập. Đấy là chủng tánh Đại Thừa. "Đều đắc quả vị Vô Học": Nghiên tầm lẽ chân, đoạn trừ Hoặc thì gọi là Học. Chân cùng, vọng hết thì là Vô Học. Nay đều đắc quả*

vị A La Hán Vô Học. "Đều đắc Tiểu Quả, hướng đến Đại Bồ Đề": Đã thành Tứ Quả, lại hồi tâm hướng đại, phát đại Bồ Đề tâm. "Ý nói thông với Đại Thừa", ý nói ba nghĩa "đại, đa, thắng" chỉ nói về Tiểu Thừa mà thôi, nay ba nghĩa của Phật Địa Luận chính là thông với Đại Thừa).

(Sao) Tỳ-kheo tam giả: Nhất, khất sĩ, vị khất thực, khất pháp. Khất thực, tắc ly tứ tà mạng, hợp tứ chánh mạng, vô sự kinh doanh, bất cần súc tích, vạn duyên đốn tức, nhất chí thanh tu. Tăng nghi dĩ thử hoạt mạng, cố viết "khất thực tư thân" dã. Khất pháp, tắc tham sư, phỏng hữu, khẩn khổ kiều thành, tuân cầu diệu pháp, kỳ thành thánh quả, cố viết "khất pháp tư tâm" dã. Nhị, bố ma giả, nhược nhân phát tâm xuất gia, Ma Vương văn chi, sanh đại bố úy, dĩ ma nhạo sanh tử. Xuất gia, ly dục, xu hướng Vô Sanh, ma thất đảng dữ, sanh bố úy cố. Tam, phá ác giả, năng phá phiền não cửu thập bát Sử, tất giai đoạn tuyệt cố. Hoặc gia tịnh giới, tịnh mạng, tắc thành ngũ nghĩa. Kim tam nghĩa giả, dĩ khất thực nhiếp tịnh mạng, dĩ phá ác nhiếp tịnh giới cố dã. Chúng hòa hợp giả, tứ nhân dĩ thượng, đa chí vô lượng, tất giai đồng nhất Yết Ma, bất tương vi tránh, như thủy nhũ hợp, danh Hòa Hợp Chúng.

(Diễn) Tứ tà mạng giả: Hợp dược, chủng thực, điền viên, danh Hạ Khẩu Thực. Ngưỡng quán tinh tú, danh Ngưỡng Khẩu Thực. Tứ phương xảo ngữ, danh Phương Khẩu Thực. Chú thuật, bốc toán, danh Duy Khẩu Thực. Tỳ-kheo bất tác thử tứ, danh thanh tịnh khất sĩ dã. Cửu thập bát Sử giả, Kiến Tư Hoặc dã. Kiến Hoặc hữu bát thập bát Sử, dĩ ngũ độn, ngũ lợi. Đối Khổ đẳng Tứ Đế, Khổ hạ toàn cụ, Tập, Diệt trừ tam, vị Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến. Đạo trừ nhị, vị Thân Kiến, Biên Kiến, thượng giới bất hành Sân. Tư Hoặc hữu thập Sử, vị Dục Giới tham, sân, si, mạn, thượng nhị giới các hữu tham, si, mạn, cộng cửu thập bát dã. Yết-ma: Thử vân tác pháp biện sự, vị hành trù tương hướng thuyết dã. Thủy nhũ chi nhũ, phi nhân nhũ, ngưu nhũ, thủy trung tự hữu nhũ, duy nga vương năng biện.

(鈔)比丘三者：一、乞士，謂乞食，乞法。乞食，則離四邪命，合四正命，無事經營，不勤畜積，萬緣頓息，一志清修。僧宜以此活命，故曰乞食資身也。乞法，則參師，訪友，懇苦翹誠，詢求妙法，期成聖果，故曰乞法資心也。二、怖魔者，若人發心出家，魔王聞之，生大怖畏，

以魔樂生死。出家離欲，趨向無生，魔失黨與，生怖畏故。三、破惡者，能破煩惱九十八使，悉皆斷絕故。或加淨戒，淨命，則成五義。今三義者，以乞食攝淨命，以破惡攝淨戒故也。眾和合者，四人以上，多至無量，悉皆同一羯磨，不相違諍，如水乳合，名和合眾。

(演)四邪命者：合藥，種植，田園，名下口食。仰觀星宿，名仰口食。四方巧語，名方口食。咒術，卜算，名維口食。比丘不作此四，名清淨乞士也。九十八使者，見思惑也。見惑有八十八使，以五鈍，五利。對苦等四諦，苦下全具，集滅除三，謂身見，邊見，邪見。道除二，謂身見，邊見，上界不行嗔。思惑有十使，謂欲界貪嗔癡慢，上二界各有貪癡慢，共九十八也。羯磨，此云作法辦事，謂行籌相向說也。水乳之乳，非人乳牛乳，水中自有乳，唯鵝王能辨。

(***Sao**: Tỳ-kheo gồm ba nghĩa:*

- Một là khất sĩ, ý nói khất thực và khất pháp. Khất thực là lìa bốn thứ tà mạng, phù hợp bốn thứ chánh mạng, chẳng chú trọng kinh doanh, chẳng siêng năng tích cóp, nhanh chóng dứt muôn duyên, một dạ thanh tu. Tăng nên sống theo cách này, nên nói "khất thực để nuôi thân". Khất pháp là tham học với thầy, học hỏi nơi bạn, sốt sắng, siêng khổ, thành kính, cầu tìm diệu pháp, để mong thành thánh quả, nên nói là "khất pháp để nuôi nấng cái tâm".

- Hai là khiến cho ma sợ hãi. Nếu có người phát tâm xuất gia, Ma Vương nghe thấy, sẽ sanh lòng sợ hãi to lớn; vì ma ưa sanh tử, kẻ xuất gia lìa dục, tiến hướng Vô Sanh, sẽ khiến cho bè đảng của ma bị giảm thiểu, cho nên hắn sanh lòng sợ hãi.

- Ba là phá ác, do có thể phá phiền não, tức chín mươi tám món Sử thảy đều đoạn tuyệt. Hoặc có người thêm vào hai nghĩa tịnh giới và tịnh mạng thành năm nghĩa [của chữ tỳ-kheo], nay nói ba nghĩa, vì khất thực bao gồm tịnh mạng, phá ác bao gồm tịnh giới.

"Chúng hòa hợp" là từ bốn người trở lên, [có thể] nhiều đến vô lượng, thảy đều cùng Yết Ma, chẳng tranh chấp với nhau, như sữa hòa lẫn vào nước, gọi là Hòa Hợp Chúng.

***Diễn**: "Bốn tà mạng": Pha chế thuốc, gieo trồng, làm ruộng, làm vườn, thì gọi là Hạ Khẩu Thực. Ngửa xem tinh tú thì gọi là Ngưỡng Khẩu Thực. Khéo hiểu ngôn ngữ bốn phương là Phương Khẩu Thực. Chú thuật, bói toán thì gọi là Duy Khẩu Thực. Tỳ-kheo chẳng làm bốn chuyện ấy, gọi là thanh tịnh khất sĩ.*

"Chín mươi tám món Sử" là Kiến Tư Hoặc. Kiến Hoặc có tám mươi tám Sử. Do năm Độn Sử và năm Lợi Sử đối ứng với Tứ Đế như Khổ v.v... Khổ Đế thì có trọn cả mười món Sử, Tập và Diệt thì bớt đi ba món, tức là [Tập Đế và Diệt Đế không có ba món] Thân Kiến, Biên Kiến, Tà Kiến. Đạo thì trừ đi hai món Sử, tức Thân Kiến và Biên Kiến. Hai giới trên (Sắc Giới và Vô Sắc Giới) không có Sân. Tư Hoặc gồm mười Sử, Dục Giới có tham, sân, si, mạn; hai giới trên, mỗi giới đều có tham, si, mạn, cộng thành chín mươi tám [món Sử]. "Yết-ma": Cõi này dịch là Tác Pháp Biện Sự, nghĩa là trù tính, bàn bạc với nhau. Chữ Nhũ trong Thủy Nhũ chẳng phải là sữa người hay sữa bò, mà là trong nước tự có sữa, chỉ có ngỗng chúa có thể nhận biết).

(Sao) Tam Ca Diếp giả: Nhất, Ưu Lâu Tần Loa, ư hỏa long quật, hữu ngũ bách đệ tử. Nhị, Già Da, ư Tượng Đầu sơn, hữu tam bách đệ tử. Tam, Na Đề, ư Hy Liên hà, hữu nhị bách đệ tử. Hậu giai quy Phật, cố hữu thiên chúng. Mục Liên, Xá Lợi giả, nhị nhân cộng hữu nhị bách ngũ thập đệ tử, diệc lai quy Phật, thành thiên nhị bách ngũ thập nhân dã. Nhất thuyết độ Da Xá đẳng ngũ thập nhân, cập Trần Như đẳng ngũ nhân, cộng thành thử số.

(Diễn) Ưu Lâu Tần Loa, thử vân Mộc Qua Lâm, vi Bình Sa vương sư, hữu ngũ bách đệ tử. Già Da, thử vân Thành. Na Đề, thử vân Giang. Nhị nhân cộng ngũ bách đệ tử. Phật nhập Ca Diếp quật, độc long phóng hỏa, Phật thâu độc long, trụ ư bát nội, nãi chí thập chủng thần biến. Ca Diếp tuy đổ, chấp do vị cải, viết: "Cù Đàm tuy thần, bất như ngã đạo chân". Phật ngôn: "Nhữ nhược bất xả tà kiến, linh nhữ trường kiếp thọ khổ". Văn dĩ, đầu diện lễ Phật cầu hối, nãi cáo đệ tử: "Các tùy sở nghi, ngã nguyện quy y Phật dã". Nãi chí ngũ bách đệ tử giai văn Thiện Lai, tu phát tự lạc, đắc thành Sa-môn, nãi các dĩ sự hỏa thuật cụ, đầu chi ư thủy, tùy lưu nhi hạ. Nhị đệ kiến chi, diệc giai quy Phật.

(鈔)三迦葉者：一、優樓頻螺，於火龍窟，有五百弟子。二、伽耶，於象頭山，有三百弟子。三、那提，於希

連河，有二百弟子。後皆歸佛，故有千眾。目連，舍利者，二人共有二百五十弟子，亦來歸佛，成千二百五十人也。一說度耶舍等五十人，及陳如等五人，共成此數。

(演)優樓頻螺，此云木瓜林，為瓶沙王師，有五百弟子。伽耶，此云城。那提，此云江。二人共五百弟子。佛入迦葉窟，毒龍放火，佛收毒龍，住於缽內，乃至十種神變。迦葉雖覩，執猶未改，曰：瞿曇雖神，不如我道真。佛言：汝若不捨邪見，令汝長劫受苦。聞已，頭面禮佛求悔，乃告弟子：各隨所宜，我願皈依佛也。乃至五百弟子皆聞善來，鬚髮自落，得成沙門，乃各以事火術具，投之於水，隨流而下。二弟見之，亦皆皈佛。

*(**Sao**: Ba vị Ca Diếp (Kāśyapa): Thứ nhất là Ưu Lâu Tần Loa (Uruvilvā Kāśyapa), ở hang rồng lửa, có năm trăm đệ tử. Thứ hai là Già Da (Gayā), ở núi Đầu Voi, có ba trăm đệ tử. Ba là Na Đề (Nadī), ở sông Hy Liên, có hai trăm đệ tử. Về sau, [ba anh em] đều quy y Phật, nên [chúng thánh Tăng] có một ngàn vị. Hai vị Mục Liên và Xá Lợi có tất cả hai trăm năm mươi đệ tử, cũng quy y Phật, [tổng cộng] thành một ngàn hai trăm năm mươi người. Một thuyết nói đức Phật độ nhóm ông Da Xá (Yasas) năm mươi người và nhóm Kiều Trần Như (Kauṇḍinya) năm người, cộng thành con số ấy.*

***Sao**: Ưu Lâu Tần Loa, cõi này dịch là Mộc Qua Lâm (rừng đu đủ), là thầy của vua Bình Sa (vua Tần Bà Sa La, Bimbisāra), có năm trăm đệ tử. Già Đa cõi này dịch là Thành. Na Đề cõi này dịch là Giang. Hai người cộng lại có năm trăm đệ tử. Đức Phật vào hang Ca Diếp, rồng độc phun lửa. Đức Phật thâu rồng độc, để nó trong bát, cho đến thị hiện mười thứ thần biến. Ca Diếp tuy thấy, vẫn chẳng thay đổi lòng chấp trước, nói: "Cù Đàm tuy có thần thông, đạo chẳng chân thật như ta". Đức Phật bảo: "Nếu ông chẳng bỏ tà kiến, nó sẽ khiến cho ông chịu khổ nhiều kiếp dài lâu". Ca Diếp nghe xong, đầu mặt lễ Phật, cầu sám hối, rồi bảo các đệ tử: "Ai nấy hãy nên tùy ý [mà quyết định bỏ đi, hay theo thầy quy y Phật], ta nguyện quy y Phật". Cho đến người đệ tử thứ năm trăm, [các học trò của ngài Ca Diếp] đều nghe [đức Phật bảo] "khéo đến", râu tóc tự rụng, được trở thành Sa-môn. Các ngài bèn đem những món đồ thờ lửa ném xuống nước. Chúng theo dòng trôi xuống hạ lưu. Hai em ngài Ca Diếp trông thấy, cũng quy y theo Phật).*

(Sớ) Độc cử thiên nhị bách ngũ thập nhân giả, dĩ thường tùy cố.

(Sao) Thường tùy giả, vị Phật xuất thế gian, sở độ La Hán, tỳ-kheo, thậm đa vô lượng, hà độc cử thử? Dĩ thử thiên nhị bách ngũ thập nhân giả, tối tiên quy Phật. Hựu thường bất ly Phật, trực chí Phật diệt, cố độc cử dã. Kỳ tha tán tại tứ phương, tuy thiên lý diện đàm, nhi cứ tích thành văn, thường pháp ưng nhĩ. Như Trọng Ni chi môn, hiền đạt chi sĩ, cái tam thiên yên, nhi độc cử thất thập tử giả, cửu tại Tứ Tân, tương y Trần, Sái, diệc thường tùy cố.

(Diễn) Thường bất ly Phật giả, dĩ thiên nhị bách ngũ thập nhân, vị kiến Phật tiền, các tu dị đạo, cửu thọ cần khổ, không vô sở hoạch. Nhất ngộ Như Lai, tiện đắc đạo quả, cảm Phật thâm ân, thường tùy thị Phật, vi đồng văn chúng dã. Thiên lý diện đàm giả, Đường Lý Thế Dân, vi Tần Vương thời, tại quân trung, sử Phòng Huyền Linh nhập triều tấu sự. Cao Tổ tiếu viết: "Huyền Linh vị ngô nhi tấu sự, do như diện đàm". Tứ Tân vị Tứ Thủy chi tân, hữu hạnh đàn tại yên, thị Khổng Tử giảng học xứ. Cửu tại Tứ Tân giả, vị bình cư cộng sự. Tương y Trần, Sái giả, vị hoạn nạn bất ly dã.

(疏)獨舉千二百五十人者，以常隨故。

(鈔)常隨者，謂佛出世間，所度羅漢，比丘，甚多無量，何獨舉此？以此千二百五十人者，最先歸佛。又常不離佛，直至佛滅，故獨舉也。其他散在四方，雖千里面談，而據迹成文，常法應爾。如仲尼之門，賢達之士，蓋三千焉。而獨舉七十子者，久在泗濱，相依陳蔡，亦常隨故。

(演)常不離佛者，以千二百五十人，未見佛前，各脩異道，久受勤苦，空無所獲。一遇如來，便得道果，感佛恩深，常隨侍佛，為同聞眾也。千里面談者，唐李世民，為秦王時，在軍中，使房玄齡入朝奏事。高祖笑曰：玄齡為吾兒奏事，猶如面談。泗濱謂泗水之濱，有杏壇在焉，是孔子講學處。久在泗濱者，謂平居共事。相依陳蔡者，謂患難不離也。

*(**Sớ**: Riêng nêu lên một ngàn hai trăm năm mươi người vì họ thường theo đức Phật.*

***Sao**: "Thường tùy" nghĩa là: Đức Phật xuất hiện trong thế gian, độ La Hán, tỳ-kheo số nhiều đến vô lượng, cớ sao nêu riêng những vị này? Do một ngàn hai trăm năm mươi người này quy y đức Phật sớm nhất. Lại thường chẳng rời đức Phật, mãi cho đến khi đức Phật diệt độ, cho nên nêu riêng những vị này. Những vị khác rải rác khắp bốn phương, tuy cách xa ngàn dặm, vẫn giống như đích thân gặp mặt đàm luận, nhưng xét theo dấu vết để ghi chép, vẫn nên theo lệ thường như vậy. Như trong cửa Khổng, bậc hiền đạt có đến ba ngàn người, nhưng chỉ nhắc tới bảy mươi vị. [Do họ] ở Tứ Tân đã lâu, nương náu đất Trần, đất Sái, cũng là thường theo thầy.*

***Diễn**: "Thường chẳng lìa Phật": Do một ngàn hai trăm năm mươi người khi chưa gặp Phật, mỗi người tu theo dị đạo, chịu đựng siêng khổ đã lâu, trọn chẳng đạt được gì. Vừa gặp Như Lai bèn đắc đạo quả, cảm ân sâu của đức Phật, nên thường theo hầu đức Phật, làm đại chúng cùng nghe [giảng pháp].*

"Thiên lý diện đàm": Đời Đường, Lý Thế Dân khi làm Tần Vương, lúc cầm quân, sai Phòng Huyền Linh về triều đình tâu trình sự việc. Đường Cao Tổ (Lý Uyên) cười bảo: "Huyền Linh vì con ta tấu trình sự việc, [rõ ràng] như [con ta đang] nói chuyện ở ngay trước mặt". Tứ Tân là bến sông Tứ Thủy, có Hạnh Đàn tại đó, chính là chỗ Khổng Tử dạy học. "Ở Tứ Tân đã lâu": Ý nói thường ở chung, cùng làm việc với nhau. "Nương náu đất Trần, đất Sái" ý nói gặp hoạn nạn chẳng lìa [như khi Khổng Tử bị vây hãm tại đất Trần, đất Sái, các môn đệ dẫu đói khát gần chết, vẫn chẳng rời thầy]).

Nhị, biểu vị đức.

(Kinh) Giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức.

(Sớ) Thượng cú biểu vị, hạ cú biểu đức. Đại giả, giản dư tiểu Thanh Văn cố. Phạn ngữ A La Hán, thử hữu tam nghĩa: Nhất, Ứng Cúng. Nhị, Sát Tặc. Tam, Vô Sanh. Tức tiền khất sĩ, bố ma, phá ác quả dã. Tri thức giả, văn danh khâm đức viết Tri, đổ hình kính phụng viết Thức. Nhất vân kiến hình vi Tri, kiến tâm vi Thức; nhất vân Tri tức thị Thức, diệc khả chúng trung tri thức, vị chúng đạo cố.

(Sao) Giản dư giả, Sơ Quả chí Tứ Quả, giai Thanh Văn vị. Kim viết Đại A La Hán giả, biểu thị Tứ Quả Thanh Văn dã. Ứng Cúng giả, phàm phu vô đức; tiền tam quả hữu đức, nhi vị đại. Kim phạm hạnh dĩ lập, siêu xuất tam giới, ưng thọ nhân thiên cúng dường cố. Câu Xá vân: "Cúng dường A La Hán, đắc hiện tại phước báo, thị nhân thiên thực

phước chi lương điền. Thọ thí vô tàm, cố viết Ứng Cúng". Thỉ yên trì bát, kỳ phước chúng sanh. Kim dĩ chứng đạo, lý ưng thọ cúng, vân Khất Sĩ quả dã. Nhiên Phật diệc danh Ứng Cúng. La Hán cục ư nhân thiên; Phật, tắc nhân, thiên, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát sở ứng cúng dã. Sát Tặc giả, phiền não kiếp công đức tài, thương trí huệ mạng. Tiền tam quả Kiến Hoặc tuy đoạn, Tư Hoặc thượng tồn; kim đoạn Tư Hoặc thất thập nhị phẩm câu tận, như loạn lưu tất điễn, thiên hạ thái bình, cố viết Sát Tặc. Thỉ yên dĩ ác vi địch, kim ác dĩ diệt, vân Phá Ác quả dã.

(Diễn) Đoạn Tư Hoặc thất thập nhị phẩm giả, Tư Hoặc phân tam giới cửu địa, cộng cửu cửu bát thập nhất phẩm. Nhược Sơ Quả tắc toàn vị đoạn, ư Đệ Nhị Hướng trung, đoạn Dục Giới tiền lục phẩm, tức chứng Nhị Quả. Ư Đệ Tam Hướng trung, đoạn Dục Giới hậu tam phẩm, tức chứng Tam Quả. Nhiên thượng hữu thượng bát địa thất thập nhị phẩm tại, phục ư Tứ Hướng trung đoạn tận, phương thành Tứ Quả A La Hán dã.

二、表位德。

(經)皆是大阿羅漢，眾所知識。

(疏)上句表位，下句表德。大者，揀餘小聲聞故。梵語阿羅漢，此有三義：一、應供。二、殺賊。三、無生。即前乞士，怖魔，破惡果也。知識者，聞名欽德曰知，睹形敬奉曰識。一云見形為知，見心為識；一云知即是識，亦可眾中知識，為眾導故。

(鈔)揀餘者，初果至四果，皆聲聞位。今曰大阿羅漢者，表是四果聲聞也。應供者，凡夫無德；前三果有德，而未大。今梵行已立，超出三界，應受人天供養故。俱舍云：供養阿羅漢，得現在福報，是人天植福之良田。受施無慚，故曰應供。始焉持缽，期福眾生。今已證道，理應受供，云乞士果也。然佛亦名應供。羅漢局於人天；佛，則人天，聲聞，緣覺，菩薩所應供也。殺賊者，煩惱劫功德財，傷智慧命。前三果見惑雖斷，思惑尚存；今斷思惑七十二品俱盡，如亂流悉殄，天下太平，故曰殺賊。始焉以惡為敵，今惡已滅，云破惡果也。

(演)斷思惑七十二品者，思惑分三界九地，共九九八十一品。若初果則全未斷，於第二向中，斷欲界前六品，即證二果。於第三向中，斷欲界後三品，即證三果。然尚有上八地七十二品在，復於四向中斷盡，方成四果阿羅漢也。

(Hai, biểu thị địa vị và phẩm đức.

***Kinh**: Đều là bậc đại A La Hán, được mọi người hay biết.*

***Sớ**: Câu trên nói về địa vị, câu dưới biểu thị đức. "Đại" nhằm phân biệt [các Ngài] chẳng phải là hàng Thanh Văn Tiểu Thừa nào khác. Tiếng Phạn A La Hán, ở đây có ba nghĩa: Một là Ứng Cúng; hai là Sát Tặc; ba là Vô Sanh; tức là cái quả của khất sĩ, bố ma và phá ác trong phần trên. "Tri thức": Nghe tiếng kính trọng, ngưỡng mộ đức là Tri, thấy mặt kính trọng, phụng sự là Thức. Có người nói thấy mặt là Tri, biết tâm là Thức; có người nói Tri chính là Thức, cũng có thể nói là bậc tri thức trong đại chúng, hướng dẫn đại chúng vậy.*

***Sao**: "Phân biệt với những người khác": Từ Sơ Quả cho đến Tứ Quả, đều thuộc địa vị Thanh Văn. Nay nói là Đại A La Hán, nhằm biểu thị Tứ Quả Thanh Văn.*

"Ứng Cúng": Phàm phu thiếu đức; ba quả trước có đức, nhưng đức chưa to lớn. Nay do phạm hạnh đã lập, vượt thoát tam giới, đáng nên nhận lãnh sự cúng dường của trời người. Luận Câu Xá nói: "Cúng dường A La Hán, đắc phước báo trong hiện tại, [vì A La Hán] là ruộng tốt lành để trời, người gieo phước. Do [xứng đáng] nhận bố thí không thẹn, nên gọi là Ứng Cúng". Thoạt đầu là khất thực để chúng sanh cầu phước, nay đã chứng đạo, theo đúng lẽ, phải nên tiếp nhận cúng dường, nên nói [Ứng Cúng] là quả của Khất Sĩ. Nhưng Phật cũng gọi là Ứng Cúng, [bởi lẽ], La Hán hạn cuộc trong trời người, Phật là bậc đáng nên được trời, người, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát cúng dường.

"Sát Tặc": Phiền não cướp đoạt của cải công đức, tổn thương trí huệ mạng. Ba quả trước (từ Sơ Quả cho đến Tam Quả) tuy đoạn Kiến Hoặc, nhưng Tư Hoặc vẫn còn. Nay bảy mươi hai phẩm Tư Hoặc đều đoạn sạch, như diệt hết phường làm loạn, thiên hạ thái bình, cho nên nói là Sát Tặc. Thoạt đầu, coi những điều ác là địch; nay ác đã diệt, nên nói [Sát Tặc] là quả của sự phá ác.

***Diễn**: "Đoạn bảy mươi hai phẩm Tư Hoặc": Tư Hoặc chia thành chín địa trong tam giới, tổng cộng là chín lần chín, thành tám mươi mốt*

phẩm. Nếu là Sơ Quả thì hoàn toàn chưa đoạn. Trong Đệ Nhị Hướng, đoạn sáu phẩm trước thuộc Dục Giới, liền chứng Nhị Quả. Trong Đệ Tam Hướng, đoạn ba phẩm sau của Dục Giới, liền chứng Tam Quả. Nhưng hãy còn bảy mươi hai phẩm thuộc tám địa trên, lại từ trong Đệ Tứ Hướng đoạn hết [những phẩm Tư Hoặc ấy] thì mới chứng Tứ Quả A La Hán).

(Sao) Vô sanh giả, phàm phu sanh tử vô lượng. Sơ Quả thất phản sanh tử, Nhị Quả nhất sanh Dục Giới, Tam Quả bất lai Dục Giới, do sanh Sắc Giới. Kim sanh duyên dĩ tận, bất thọ hậu hữu, cố viết Vô Sanh. Thỉ yên nguyện xuất sanh tử, linh ma khởi bố, kim chứng Vô Sanh, vân Bố Ma quả dã.

(Diễn) Sơ Quả thất phản, Nhị Quả nhất sanh giả, Dục Giới cửu phẩm Tư Hoặc. Thượng thượng phẩm, nhuận nhị phiên sanh tử, thượng trung, thượng hạ, trung thượng, tam phẩm các nhuận nhất sanh. Trung trung, trung hạ, nhị phẩm đồng nhuận nhất sanh. Hạ thượng, hạ trung, hạ hạ, tam phẩm đồng nhuận nhất sanh. Cố Sơ Quả thất phản sanh tử, Nhị Quả nhất sanh Dục Giới dã.

(鈔)無生者，凡夫生死無量。初果七返生死，二果一生欲界，三果不來欲界，猶生色界。今生緣已盡，不受後有，故曰無生。始焉願出生死，令魔起怖，今證無生，云怖魔果也。

(演)初果七返，二果一生者，欲界九品思惑。上上品，潤二番生死，上中，上下，中上，三品各潤一生。中中，中下，二品同潤一生。下上，下中，下下，三品同潤一生。故初果七返生死，二果一生欲界也。

*(**Sao**: "Vô sanh": Phàm phu sanh tử vô lượng. Sơ Quả bảy lần sanh tử, Nhị Quả một lần sanh trong Dục Giới, Tam Quả chẳng sanh vào Dục Giới, nhưng vẫn sanh trong Sắc Giới. Đời này duyên đã hết, chẳng còn thọ thân sau, cho nên nói là Vô Sanh. Thoạt đầu, nguyện xuất sanh tử khiến cho ma hoảng sợ; nay chứng Vô Sanh nên nói [Vô Sanh] là quả của Bố Ma vậy.*

***Diễn**: "Sơ Quả bảy lần sanh tử, Nhị Quả một lần sanh trong Dục Giới": Dục Giới có chín phẩm Tư Hoặc. Thượng thượng phẩm sẽ phải sanh tử hai lần. Thượng trung, thượng hạ, trung thượng, mỗi phẩm trong ba phẩm tạo một lần sanh tử. Hai phẩm trung trung và trung hạ cùng tạo*

thêm một lần sanh tử. Ba phẩm hạ thượng, hạ trung, hạ hạ cùng tạo thêm một lần sanh tử. Vì thế, Sơ Quả bảy lượt sanh tử, Nhị Quả sanh một lần trong Dục Giới).

(Sao) Văn danh đổ hình giả, thị thân sơ nhất đối. Tri giả, nhĩ văn tắc tư mộ, nguyện kiến. Thức giả, mục kích tắc phụng sự bất vi dã. Kiến hình, kiến tâm giả, thị thiển thâm nhất đối. Tri giả, tắc diện đối quang nghi. Thức giả, tắc thần giao ý địa dã. Như nhị tăng cận Phật, kỳ nhất đạo vong, Phật dĩ vong giả vi tiên kiến ngã, tức kiến tâm chi vị dã.

(Diễn) Nhị Tăng cận Phật giả, tích hữu nhị Tăng, tương kỳ cận Phật. Thời trị viêm thử, hành chí trung đồ, nhiệt khát dục tử, cộng mịch thủy ẩm. Kiến nhất thanh thủy khả cúc, nhi đa tế trùng. Nhất Tăng dĩ hữu trùng cố, bất ẩm nhi tử; nhất tăng tùng Quyền, nãi đắc kiến Phật, cụ bạch tiền sự. Phật ngôn: "Đạo vong giả vi tiên kiến ngã, dĩ tôn ngã giới luật, tức thân kiến Phật cố".

(鈔)聞名睹形者，是親疏一對。知者，耳聞則思慕，願見。識者，目擊則奉事不違也。見形，見心者，是淺深一對。知者，則面對光儀。識者，則神交意地也。如二僧覲佛，其一道亡，佛以亡者為先見我，即見心之謂也。

(演)二僧覲佛者，昔有二僧，相期覲佛。時值炎暑，行至中途，熱渴欲死，共覓水飲。見一清水可掬，而多細蟲。一僧以有蟲故，不飲而死；一僧從權，乃得見佛，具白前事。佛言：道亡者為先見我，以尊我戒律，即親見佛故。

*(**Sao**: "Nghe tiếng, thấy hình" là cặp ý nghĩa thân - sơ. Tri (biết) là tai nghe bèn nghĩ nhớ, hâm mộ, mong được thấy. Thức là gặp gỡ bèn phụng sự chẳng trái nghịch. "Thấy mặt, thấy tâm" là một cặp ý nghĩa sâu và cạn. Tri là chỉ đối diện với hình dung. Thức là thấu hiểu tâm ý. Như có hai vị tăng muốn đến thân cận Phật, một vị vì đạo mà chết, đức Phật nói: "Vị Tăng đã mất thấy ta trước", ý nói thấy tâm vậy.*

***Diễn**: "Hai vị Tăng thân cận Phật": Xưa kia, có hai vị Tăng mong mỏi thân cận đức Phật. Gặp phải lúc nắng gắt, đi được nửa đường, do nóng bức mà khát nước, sắp chết, cùng nhau tìm nước uống. Họ thấy một dòng nước trong có thể vốc lên uống, nhưng có nhiều trùng nhỏ [trong nước]. Một vị Tăng do thấy có trùng, chẳng uống nước, bèn chết. Một vị*

Tăng thuận theo lẽ quyền biến, bèn được thấy Phật, bạch rõ chuyện trước đó. Đức Phật bảo: "Người chết trên đường đi thấy ta trước, do tôn trọng giới luật của ta, tức là đích thân thấy Phật").

(Sao) Tri tức thức giả, do ngôn "tương tri, tương thức" dã. Đức cao vọng trọng, danh mãn thiên hạ, nhân nhân tri chi, nhân nhân thức chi, cố viết "chúng sở tri thức" dã. Nhất thuyết cử chúng chi trung, thử vi đa tri đa thức, nhân thiên nhãn mục, vân chúng đạo dã. Kim nhân xưng thiện tri thức, diệc cụ nhị nghĩa. Nhất giả, đối ác nhi ngôn, dĩ ngã sở tri thức, hữu thiện, hữu ác, kim thị thiện chi tri thức cố. Nhị giả, thử nhân hữu liễu nhiên chi tri, trác nhiên chi thức, nhân sở bất cập, thị tri thức chi thiện cố.

(鈔)知即識者，猶言相知相識也。德高望重，名滿天下，人人知之，人人識之，故曰眾所知識也。一說舉眾之中，此為多知多識，人天眼目，云眾導也。今人稱善知識，亦具二義。一者，對惡而言，以我所知識，有善有惡，今是善之知識故。二者，此人有了然之知，卓然之識，人所不及，是知識之善故。

(***Sao***: *Tri chính là Thức; giống như nói "tương tri, tương thức" vậy. Đức cao vọng trọng, tiếng tăm lừng lẫy thiên hạ, ai nấy đều biết, ai nấy đều hay, cho nên nói là "chúng sở tri thức". Một thuyết khác là giữa đại chúng, những vị ấy được nhiều người hay biết, là mắt của trời người, cho nên gọi họ là "bậc hướng dẫn đại chúng" vậy. Nay người được gọi là "thiện tri thức", cũng có hai ý nghĩa. Một là đối với kẻ ác mà nói, do bậc tri thức của ta có kẻ thiện, người ác, nay vị này là thiện tri thức. Hai là người hiểu biết thông suốt, kiến thức lỗi lạc, người khác chẳng sánh bằng, nên là bậc thiện tri thức).*

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vô lậu, thị La Hán nghĩa. Tự tánh vô mê, thị tri thức nghĩa.

(Diễn) Tự tánh vô lậu giả, lậu hữu tam, vị dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu. Dục lậu, tức Dục Giới tham ái. Hữu lậu, tức thượng nhị giới tham ái. Vô minh, tức tam giới trung si. Thử Tiểu Thừa chi lậu. Nhược Đại Thừa chi lậu, bất duy tam giới tham si vi lậu; hữu Vô Minh Hoặc, bất cư Trung Đạo, lậu lạc nhị biên, diệc lậu dã. Kim tự tánh tùng bổn dĩ lai, vô hữu biến dị, bất khả phá hoại, hà lậu chi hữu? Luận vân: "Trí

thể bất động, cụ túc vô lậu tánh công đức", thị dã. Tự tánh vô mê giả, mê, hữu nhị, vị căn bản bất giác, chi mạt bất giác. Nhân nhất niệm vô minh vọng động, toại thành tam tế, lục thô, chủng chủng mê si cảnh giới. Nhiên tự tánh, tùng bổn dĩ lai, nhất thiết nhiễm pháp, sở bất năng nhiễm, hà mê chi hữu? Luận vân: "Nhất thiết nhiễm pháp bất tương ứng, cố danh Như Thật Không", thị dã.

(疏)稱理，則自性無漏，是羅漢義。自性無迷，是知識義。

(演)自性無漏者，漏有三，謂欲漏，有漏，無明漏。欲漏，即欲界貪愛。有漏，即上二界貪愛。無明，即三界中癡。此小乘之漏。若大乘之漏，不唯三界貪癡為漏；有無明惑，不居中道，漏落二邊，亦漏也。今自性從本以來，無有變異，不可破壞，何漏之有？論云：智體不動，具足無漏性功德，是也。自性無迷者，迷，有二，謂根本不覺，枝末不覺。因一念無明妄動，遂成三細，六麤，種種迷癡境界。然自性，從本以來，一切染法，所不能染，何迷之有？論云：一切染法不相應，故名如實空，是也。

*(**Sớ**: Xứng Lý, La Hán nghĩa là tự tánh vô lậu; tri thức nghĩa là tự tánh chẳng mê.*

***Diễn**: "Tự tánh vô lậu": Lậu có ba thứ là dục lậu, hữu lậu, và vô minh lậu. Dục lậu tức tham ái trong Dục Giới; hữu lậu là tham ái trong hai giới trên đó. Vô minh chính là Si trong trong tam giới. Đấy là Lậu của Tiểu Thừa. Nếu là Lậu trong Đại Thừa, không chỉ tham và si trong tam giới là Lậu; hễ có Vô Minh Hoặc, chẳng trụ trong Trung Đạo, rơi rớt vào hai bên (có và không) thì cũng là Lậu. Nay tự tánh từ trước đến nay chưa hề biến đổi, chẳng thể phá hoại, há có lậu gì? Luận nói: "Trí thể bất động, trọn đủ công đức vô lậu nơi tánh" là nói về ý này.*

"Tự tánh chẳng mê": Mê có hai thứ, tức là căn bản bất giác và chi mạt bất giác (bất giác nơi cành nhánh). Do một niệm vô minh vọng động, bèn trở thành ba tướng tế, sáu tướng thô, đủ loại cảnh giới mê si; nhưng tự tánh vốn từ xưa đến nay, hết thảy các nhiễm pháp chẳng thể ô nhiễm tự tánh, há có mê gì? Luận nói: "Hết thảy các pháp chẳng tương ứng, vì thế gọi là Như Thật Không" chính là nói về ý này).

(Sao) Tâm nguyên bổn tịch, tắc chư Lậu toàn Không; tâm thể bổn minh, tắc quần mê an tại? Pháp Hoa vị "thị chân A La Hán". Khởi Tín hiệu viết "chân thật thức tri". Bỉ trầm không vi tịch, tác niệm nhi tri giả, danh tự La Hán, hư vọng tri thức dã. Thị cố, tà kiến dữ chánh kiến nhất thể, chúng diệu dữ chúng họa đồng môn. Tức tâm đạt bổn nguyên, thứ cơ khả dĩ vi sa-môn hỹ.

(Diễn) Tâm nguyên giả, tâm vi vạn pháp chi nguyên dã. Chư pháp tùng bổn lai, thường tự tịch diệt tướng, viết Bổn Tịch. Ký viết Bổn Tịch, tắc Dục, Hữu, vô minh, dĩ cập nhị biên đẳng lậu, hướng hà xứ trước cước? Cố viết toàn Không. Tâm thể giả, tâm vi pháp giới chi thể dã. Quang minh chiếu nhất thiết pháp giới tất thanh tịnh, viết Bổn Minh. Ký viết Bổn Minh, tắc Kiến Tư, Trần Sa, dĩ cập vô minh đẳng hoặc, hướng hà an lập? Cố vân "an tại". Pháp Hoa vị chân A La Hán giả, Pháp Hoa kinh trung, Ca Diếp, Tu Bồ Đề đẳng, văn dụ thuyết nhất châu, khai Quyền hiển Thật, nãi vân: "Ngã đẳng kim giả chân thị Thanh Văn. Dĩ Phật đạo thanh, linh nhất thiết văn, ngã đẳng kim giả chân A La Hán, ưng thọ nhân thiên nhất thiết cúng dường" đẳng. Khởi Tín hiệu viết chân thật tri thức giả, Khởi Tín Luận vân: "Tùng bổn dĩ lai, tự tánh mãn túc nhất thiết công đức, sở vị tự thể, hữu đại trí huệ quang minh nghĩa cố, biến chiếu pháp giới nghĩa cố, chân thật thức tri nghĩa cố, nãi chí mãn túc vô hữu sở thiểu nghĩa cố. Trầm không vi tịch giả, Nhị Thừa khí Hữu, trước Không, đọa vô vi khanh, ẩm tam-muội tửu, nãi Khô Tịch chi tịch, phi Bổn Tịch chi tịch dã, nãi danh tự La Hán, phi chân La Hán dã". Tác niệm nhi tri giả, phàm phu sanh tâm động niệm, duyên nhi hậu chiếu, lự nhi hậu tri, nãi vọng tác chi tri, phi Bổn Minh chi tri dã, nãi hư vọng tri thức, phi chân thật thức tri dã. Thị cố hạ, kết khuyến. Trầm không chi tịch, vi tà kiến. Bổn Tịch chi tịch, vi chánh kiến. Cổ vân: "Ma giới dữ Phật giới, nhất giới, vô biệt giới"; cố viết: "Tà kiến dữ chánh kiến nhất thể". Bổn Minh chi tri vi diệu môn, tác niệm chi tri vi họa môn. Kinh vân: "Tri kiến lập tri, tức vô minh bổn. Tri kiến vô kiến, tư tức Niết Bàn vô lậu chân tịnh; cố viết: "Chúng diệu dữ chúng họa đồng môn". Tức tâm đạt bổn nguyên giả, cổ vân: "Tam giới hề nhiễu nhiễu, lục thú hề hôn hôn, tức tâm đạt bổn nguyên, cố hiệu vi Sa-môn". Kim tắc tức tà kiến chúng họa chi vọng tâm; đạt chánh kiến chúng diệu chi bổn nguyên, thứ kỷ khả dĩ vi sa-môn hỹ!

(鈔)心源本寂，則諸漏全空；心體本明，則群迷安在？法華謂是真阿羅漢。起信號曰真實識知。彼沉空為寂，作

念而知者，名字羅漢，虛妄知識也。是故，邪見與正見一體，眾妙與眾禍同門。息心達本源，庶幾可以為沙門矣。

(演)心源者，心為萬法之源也。諸法從本來，常自寂滅相，曰本寂。既曰本寂，則欲，有，無明，以及二邊等漏，向何處著腳？故曰全空。心體者，心為法界之體也。光明照一切法界悉清淨，曰本明。既曰本明，則見思，塵沙，以及無明等惑，向何安立？故云安在。法華謂真阿羅漢者，法華經中，迦葉，須菩提等，聞喻說一周，開權顯實，乃云：我等今者真是聲聞。以佛道聲，令一切聞，我等今者真阿羅漢，應受人天一切供養等。起信號曰真實識知者，起信論云：從本以來，自性滿足一切功德，所謂自體，有大智慧光明義故，遍照法界義故，真實識知義故，乃至滿足無有所少義故。沈空為寂者，二乘棄有，著空，墮無為坑，飲三昧酒，乃枯寂之寂，非本寂之寂也，乃名字羅漢，非真阿羅漢也。作念而知者，凡夫生心動念，緣而後照，慮而後知，乃妄作之知，非本明之知也，乃虛妄知識，非真實識知也。是故下，結勸。沈空之寂，為邪見。本寂之寂，為正見。古云：魔界與佛界，一界無別界；故曰：邪見與正見一體。本明之知為妙門，作念之知為禍門。經云：知見立知，即無明本。知見無見，斯即涅槃無漏真淨；故曰：眾妙與眾禍同門。息心達本源者，古云：三界兮擾擾，六趣兮昏昏，息心達本源，故號為沙門。今則息邪見眾禍之妄心；達正見眾妙之本源 ，庶幾可以為沙門矣！

*(**Sao**: Nguồn tâm vốn vắng lặng, cho nên toàn bộ các Lậu đều là Không. Tâm thể vốn sáng suốt, các thứ mê còn ở chỗ nào? Kinh Pháp Hoa nói [người ấy] là A La Hán thật sự. Luận Khởi Tín gọi vị ấy là chân thật tri thức, còn những kẻ đắm chấp nơi không tịch, hoặc phải khởi niệm mới biết, là danh tự La Hán, thì gọi là tri thức hư vọng. Do vậy, tà kiến và chánh kiến có cùng một Thể, các điều tốt lành và các tai họa cùng một môn. Lắng lòng đạt đến cội nguồn, ngõ hầu có thể làm bậc sa-môn vậy.*

***Diễn**: "Nguồn tâm": Tâm là cội nguồn của vạn pháp. Các pháp từ trước đến nay vốn là tướng thường tự tịch diệt, được gọi là Bổn Tịch. Đã nói là Bổn Tịch thì các thứ lậu thuộc Dục, Hữu, vô minh, nhị biên v.v... sẽ hướng đến chỗ nào để đặt chân; cho nên nói toàn bộ là Không. "Tâm thể": Tâm là cái Thể của pháp giới. Quang minh chiếu hết thảy pháp giới đều thanh tịnh, gọi là Bổn Minh. Đã nói là Bổn Minh, vậy thì các Hoặc như Kiến Tư, Trần Sa, cùng với vô minh v.v... hướng vào đâu để an lập? Vì thế nói là "an tại".*

"Pháp Hoa nói là A La Hán thật sự": Trong kinh Pháp Hoa, các vị Ca Diếp, Tu Bồ Đề v.v... nghe lần thí dụ thứ nhất khai Quyền hiển Thật, bèn thưa: "Chúng con nay thật sự là Thanh Văn. Do âm thanh dạy đạo của đức Phật khiến cho hết thảy đều được nghe, nay chúng con thật sự là A La Hán, đáng nhận hết thảy cúng dường của trời người".

"Khởi Tín gọi vị ấy là tri thức chân thật": Khởi Tín Luận nói: "Từ trước đến nay, tự tánh vốn trọn đủ hết thảy các công đức, như là tự thể có ý nghĩa quang minh đại trí huệ, có ý nghĩa chiếu trọn khắp pháp giới, có ý nghĩa tri thức chân thật, cho đến ý nghĩa trọn đủ chẳng thiếu khuyết". "Đắm chấp nơi không tịch": Nhị Thừa bỏ Hữu chấp Không, rơi vào hầm vô vi, uống rượu tam-muội, thì là tịch theo kiểu Khô Tịch, chẳng phải là tịch trong Bổn Tịch, là A La Hán chỉ có cái tên suông, chẳng phải là A La Hán thật sự.

"Dấy lên ý niệm để biết": Phàm phu sanh tâm động niệm, duyên [theo cảnh] rồi sau đó mới chiếu, suy nghĩ rồi mới biết; đấy chính là cái hay biết do hư vọng tác ý, chẳng phải là cái biết của Bổn Minh, là tri thức hư vọng, chẳng phải là sự nhận biết chân thật. Từ chữ "do vậy" trở đi nhằm kết lại lời khuyên.

Cái tịch do chìm đắm trong Không thì là tà kiến, còn tịch do Bổn Tịch thì là chánh kiến. Cổ nhân nói: "Ma giới và Phật giới là một giới, chẳng khác". Do đó nói: "Tà kiến và chánh kiến có cùng một Thể". Cái hay biết nơi Bổn Minh là diệu môn, cái hay biết do dấy lên ý niệm là họa môn. Kinh dạy: "Từ nơi tri kiến mà lập ra một cái biết nữa, đấy chính là gốc của vô minh. Tri kiến mà chẳng có một cái biết [chồng lên trên ấy] thì chính là Niết Bàn vô lậu chân tịnh". Vì thế nói: "Các điều tốt lành và tai họa là cùng một môn".

"Từ ngay nơi cái tâm thấu đạt cội nguồn": Cổ nhân nói: "Tam giới lăng xăng, sáu đường mờ mịt, từ nơi tâm mà thấu đạt cội nguồn, cho nên được gọi là Sa-môn". Nay thì dứt cái vọng tâm là nguyên do của tà kiến

và các điều tai họa, thấu đạt cội nguồn của chánh kiến và các điều tốt lành, ngõ hầu có thể là bậc Sa-môn vậy").

Tam, xuất danh hiệu (nhị): Sơ, chúng danh. Nhị, tổng kết.

Sơ, chúng danh.

(Kinh) Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà.

(Sớ) Trưởng lão giả, đức trưởng, lạp lão. Hựu đức lạp cụ nhất, diệc thông xưng trưởng lão, quán hạ thập lục tôn túc.

(Sao) Lạp giả, xuất gia nhất tuế danh nhất lạp. Châu tuế chi trung, duy nhất lạp cố. Diệc vân "nhất hạ", ý chánh đồng dã. Thông xưng giả, thượng vân đức lạp câu tôn. Thử vị độc đức quán chúng, đơn lạp tiên nhân, diệc đắc danh vi "trưởng lão". Như Tỳ Bà Sa Luận, Pháp Tánh Thượng Tọa, Sanh Niên Thượng Tọa chi loại, thị dã. Hựu Đường dịch Cụ Thọ, tắc song bị đức lạp. Ngụy dịch Huệ Mạng, tắc chuyên tựu đức ngôn. Tuy viết nhị khả thông xưng, vưu tất dĩ đức vi trọng. Kim kinh sở liệt, cái hữu hữu đức nhi vô lạp giả, vị hữu hữu lạp nhi vô đức giả dã. "Quán hạ" giả, trưởng lão chi xưng, bất độc Xá Lợi Phất, nãi chí A Nậu Lâu Đà, giai danh trưởng lão, giai thượng thủ đệ tử dã.

三、出名號(二)：初、眾名。二、總結。

初、眾名。

(經)長老舍利弗，摩訶目犍連，摩訶迦葉，摩訶迦旃延，摩訶俱絺羅，離婆多，周利槃陀伽，難陀，阿難陀，羅睺羅，憍梵波提，賓頭盧頗羅墮，迦留陀夷，摩訶劫賓那，薄拘羅，阿耨樓馱。

(疏)長老者，德長臘老。又德臘具一，亦通稱長老，貫下十六尊宿。

(鈔)臘者，出家一歲名一臘。周歲之中，惟一臘故。亦云一夏，意正同也。通稱者，上云德臘俱尊。此謂獨德冠眾，單臘先人，亦得名為長老。如毗婆沙論，法性上座，生年上座之類，是也。又唐譯具壽，則雙備德臘。魏譯慧

命，則專就德言。雖曰二可通稱，尤必以德為重。今經所列，蓋有有德而無臘者，未有有臘而無德者也。貫下者，長老之稱，不獨舍利弗，乃至阿耨樓馱，皆名長老，皆上首弟子也。

(Ba, nêu danh hiệu (gồm hai phần): Một, nêu danh hiệu của thánh chúng; hai, tổng kết.

Thứ nhất, danh hiệu của thánh chúng.

***Kinh**: Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Lợi Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà.*

***Sớ**: "Trưởng lão": Đức cao, tuổi hạ cao. Lại nữa, nếu giữa đức hạnh và tuổi hạ, chỉ hội đủ một thứ, cũng đều gọi là trưởng lão. Chữ "trưởng lão" dùng chung cho cả mười sáu vị tôn túc [được liệt kê trong đoạn chánh kinh trên đây].*

***Sao**: "Lạp": Xuất gia thì cứ tính mỗi năm là một lạp; bởi lẽ, trong một năm chỉ có một tháng Chạp. Còn nói là một Hạ, ý nghĩa tương đồng. "Gọi chung": Trong phần trên đã nói là đức hạnh lẫn tuổi lạp đều đáng tôn trọng [mới được gọi là trưởng lão]. Ở đây có ý nói: Chỉ riêng đức hạnh đứng đầu đại chúng, hoặc chỉ tuổi hạ cao hơn người khác thì cũng được gọi là "trưởng lão". Như trong luận Tỳ Bà Sa, phân loại Pháp Tánh Thượng Tọa và Sanh Niên Thượng Tọa là do ý nghĩa này. Lại nữa, bản Đường dịch [ghi trưởng lão] là Cụ Thọ, tức là đức lẫn tuổi Hạ đều cao. Bản dịch [kinh Vô Lượng Thọ] đời Ngụy ghi [trưởng lão] là Huệ Mạng, tức là chuyên nói về đức. Tuy nói cả hai loại này đều có thể gọi [là trưởng lão], nhưng ắt coi trọng đức hơn. Nay [mười sáu vị tôn giả] được nêu tên trong kinh này, có vị hữu đức thiếu lạp, nhưng chưa hề có vị nào có lạp thiếu đức. "Áp dụng chung" là danh xưng trưởng lão không chỉ gọi riêng ngài Xá Lợi Phất, mà cho đến ngài A Nậu Lâu Đà cũng đều gọi là trưởng lão, [vì các Ngài] đều là bậc thượng thủ trong các vị đệ tử.*

(Sớ) Xá Lợi Phất giả, Phạn ngữ Xá Lợi, thử vân Thu Lộ. Phạn ngữ Phất, thử vân Tử, cố vân Thu Tử, diệc vân Thân Tử, diệc vân Châu Tử, cánh hữu đa hiệu, khủng phồn bất dẫn. Chư đệ tử trung, trí huệ đệ nhất. Xưng đệ nhất giả, cô hiển nhất đức, Ngữ vân: "Quân tử bất khí", huống phục La Hán?

(Sao) Thu Tử giả, kỳ mẫu thân hình đoan chánh. Nhãn tịnh như Thu Lộ, liên mẫu đắc danh, vân thị Thu Lộ chi tử dã. Thân Tử tức thân đoan ý. Châu Tử tức nhãn tịnh ý. Cánh hữu đa hiệu, phi kim sở cấp, cố bất phồn dẫn. Hạ giai lệ thử. Trí huệ giả, tại mẫu thai thời, dĩ năng linh mẫu biện thắng kỳ cữu. Bát tuế đăng tòa, thập lục đại quốc, nghị luận vô song; thất nhật chi nội, biến đạt Phật pháp, cố viết trí huệ đệ nhất. Cô hiển nhất đức giả, minh phi Thân Tử chi ngoại, chư A La Hán giai vi liệt huệ. Diệc phi Thân Tử chỉ cụ trí huệ, dư tắc bất kiêm! Cái thị các cử nhất đức, dĩ biểu pháp môn vô lượng. Hựu dĩ dẫn chư thiên hảo nhĩ, như kinh ngôn: "Xá Lợi Phất yến tọa, Mục Liên dục khởi kỳ định, kiệt tận thần lực, bất năng động kỳ y chi nhất đới". Thường ngôn Mục Liên thần thông đệ nhất, thục tri Xá Lợi Phất thần thông, nãi chí thị hồ!

(Diễn) Dẫn chư thiên hảo giả, chúng sanh chi cơ bất nhất, sở hảo chi pháp diệc bất nhất. Thị cố, hảo trí huệ giả, Xá Lợi dẫn chi. Hảo thần thông giả, Mục Liên dẫn chi. Nãi chí hảo đa văn giả, A Nan dẫn chi. Xá Lợi Phất yến tọa giả, Xá Lợi Phất yến tọa, Phật lệnh Mục Liên hoán chi. Xá Lợi vân: "Nhữ tiền khứ, ngô hậu chí". Mục Liên dục khiên chi khứ, Xá Lợi tức giải y đới trước địa, ngữ Mục Liên viết: "Nhữ năng cử thử y đới, phương khả khiên ngã khứ". Mục Liên kiệt tận thần lực bất năng động. Xá Lợi dĩ đới hệ Diêm Phù Đề thụ; thụ động, nhi đới bất động dã.

(疏)舍利弗者，梵語舍利，此云鶖鷺。梵語弗，此云子，故云鶖子，亦云身子，亦云珠子，更有多號，恐繁不引。諸弟子中，智慧第一。稱第一者 ，姑顯一德 ，語云：君子不器，況復羅漢？

(鈔)鶖子者，其母身形端正。眼淨如鶖鷺，連母得名，云是鶖鷺之子也。身子即身端意。珠子即眼淨意。更有多號，非今所急，故不繁引。下皆例此。智慧者，在母胎時，已能令母辯勝其舅。八歲登座，十六大國，議論無雙；七日之內，遍達佛法，故曰智慧第一。姑顯一德者，明非身子之外，諸阿羅漢皆為劣慧。亦非身子止具智慧，餘則不兼！蓋是各舉一德，以表法門無量。又以引諸偏好耳，如經言：舍利弗晏座，目連欲起其定，竭盡神力，不能動其

衣之一帶。常言目連神通第一，孰知舍利弗神通，乃至是乎！

(演)引諸偏好者，眾生之機不一，所好之法亦不一。是故，好智慧者，舍利引之。好神通者，目連引之。乃至好多聞者，阿難引之。舍利弗宴坐者，舍利宴坐，佛令目連喚之。舍利云：汝前去，吾後至。目連欲牽之去，舍利即解衣帶著地，語目連曰：汝能舉此衣帶，方可牽我去。目連竭盡神力不能動。舍利以帶繫閻浮提樹；樹動，而帶不動也。

*(**Sớ**: Xá Lợi Phất (Śāriputra), tiếng Phạn Xá Lợi, cõi này dịch là Thu Lộ. Tiếng Phạn "Phất" (Putra), cõi này dịch là Tử (con), nên [Xá Lợi Phất] được dịch là Thu Tử, hoặc Thân Tử, hoặc còn dịch là Châu Tử, có nhiều danh hiệu, sợ rườm rà nên chẳng nêu ra. Trong các vị đệ tử, Ngài có trí huệ bậc nhất. Nói "đệ nhất" chỉ là hiển lộ một đức. Sách Luận Ngữ nói: "Quân tử chẳng chỉ có một tài nghệ", huống hồ bậc La Hán ư?*

***Sao**: Thu Tử: Mẹ Ngài thân hình đoan chánh, mắt trong như mắt chim Thu Lộ. Do mẹ mà Ngài có tên ấy, [Xá Lợi Phất] nghĩa là "con bà Thu Lộ". Thân Tử: Ý nói thân thể đoan chánh. Châu Tử có nghĩa là mắt trong veo. Ngài còn có nhiều danh hiệu nữa, nhưng nay những điều ấy chẳng cần thiết, nên chẳng cần nêu ra để khỏi rườm rà. Những vị sau đó đều theo lệ này.*

"Trí huệ": Lúc còn ở trong thai mẹ, đã có thể khiến cho mẹ tranh biện thắng cậu. Năm tám tuổi, Ngài lên giảng tòa, trong mười sáu nước lớn, không ai nghị luận bằng được Ngài. [Sau khi xuất gia với Phật], trong vòng bảy ngày, thông đạt trọn khắp Phật pháp, nên gọi là trí huệ bậc nhất.

"Chỉ hiển lộ một đức": Nhằm chỉ rõ chẳng phải là ngoài ngài Xá Lợi Phất ra, các vị A La Hán khác đều là trí huệ kém cỏi; mà cũng chẳng phải là ngài Xá Lợi Phất chỉ có trí huệ, chẳng có những đức năng khác. Ấy là vì đối với mỗi vị, chỉ nêu một đức, nhằm biểu thị pháp môn vô lượng. Lại [nhằm dụng ý] tiếp dẫn những kẻ riêng ưa thích [một phẩm đức nào đó]. Như kinh đã nói: Ngài Xá Lợi Phật ngồi yên, Mục Liên muốn Ngài xuất Định, bèn dốc cạn thần lực, nhưng chẳng thể lay động cái đai buộc y của ngài [Xá Lợi Phất]. Thường nói "Mục Liên thần thông bậc nhất", nào biết ngài Xá Lợi Phất thần thông đến thế!

***Diễn**: "Tiếp dẫn những kẻ có sự ưa thích riêng": Căn cơ của chúng sanh khác nhau, pháp họ ưa chuộng cũng khác nhau. Do vậy, kẻ thích trí huệ thì ngài Xá Lợi Phất tiếp dẫn. Kẻ chuộng thần thông thì ngài Mục Liên tiếp dẫn. Cho đến kẻ chuộng đa văn thì ngài A Nan tiếp dẫn.*

"Xá Lợi Phất ngồi yên": Ngài Xá Lợi Phất đang tĩnh tọa, đức Phật sai ngài Mục Liên đến gọi. Ngài Xá Lợi Phất bảo: "Ông cứ đi trước, tôi sẽ đến sau". Mục Liên cứ muốn lôi đi, ngài Xá Lợi bèn cởi cái đai buộc y đặt dưới đất, bảo ngài Mục Liên: "Nếu ông có thể động cái đai này thì mới có thể lôi tôi đi được!" Mục Liên dốc cạn thần lực mà chẳng thể động. Ngài Xá Lợi Phất buộc cái đai vào cây Diêm Phù Đề; cây động, nhưng đai chẳng động).

(Sao) Quân tử bất khí giả, Khổng Tử ngữ: "Như châu bất khả lục, xa bất khả thủy", thị Khí dã. Quân tử cụ túc đa năng, bất trệ nhất khí, khởi đắc vị Nhan Mẫn vô văn, Du Hạ khuyết hạnh? Quân tử thượng nhĩ, huống siêu phàm nhập thánh, tam minh kiểu nhiên, lục thông thanh triệt, hiệu Lậu Tận A La Hán da? Cố viết "cô hiển nhất đức" dã.

(Diễn) Nhan Mẫn vô văn giả, Nhan Mẫn liệt tại đức hạnh khoa, Du Hạ liệt tại văn học khoa cố. Tam minh lục thông giả, Tam Minh tức quá khứ Túc Mạng Minh, hiện tại Thiên Nhãn Minh, vị lai Lậu Tận Minh, gia Thiên Nhĩ, Tha Tâm, Thần Túc, tức danh Lục Thông. Tiền tam, song cụ thông minh, hậu tam chỉ vi thông giả, dĩ đản tri túc thế thọ sanh chi sự, thị danh Túc Mạng Thông. Phục tri túc thế bách thiên vạn sanh, như thị tánh danh, như thị thọ khổ lạc đẳng sự, giai tất năng tri, thị danh Túc Mạng Minh. Đản kiến tử thử, sanh bỉ, danh Thiên Nhãn Thông. Phục kiến ngã cập chúng sanh tử thời, sanh thời, cập sở tác thiện ác chi hạnh, hoặc sanh thiện đạo, ác đạo, giai tất năng kiến, thị danh Thiên Nhãn Minh. Chúng sanh nhân tam giới Kiến Tư chi Hoặc, đọa lạc sanh tử, cố danh vi Lậu. Duy La Hán đoạn Kiến Tư tận, nhi đắc thần thông, danh Lậu Tận Thông. Phục tri Lậu Tận dĩ hậu, cánh bất thọ ư sanh tử, thị danh Lậu Tận Minh. Hậu tam vô thử phân biệt, cố duy danh Thông dã.

(鈔)君子不器者，孔子語：如舟不可陸，車不可水，是器也。君子具足多能，不滯一器，豈得謂顏閔無文，游夏缺行？君子尚爾，況超凡入聖，三明皎然，六通清徹，號漏盡阿羅漢耶？故曰姑顯一德也。

(演)顏閔無文者，顏閔列在德行科，游夏列在文學科故。三明六通者，三明即過去宿命明，現在天眼明，未來漏盡明，加天耳，他心，神足，即名六通。前三，雙具通明，後三止為通者，以但知宿世受生之事，是名宿命通。復知宿世百千萬生，如是姓名，如是受苦樂等事，皆悉能知，是名宿命明。但見死此，生彼，名天眼通。復見我及眾生死時，生時，及所作善惡之行，或生善道，惡道，皆悉能見，是名天眼明。眾生因三界見思之惑，墮落生死，故名為漏。唯羅漢斷見思盡，而得神通，名漏盡通。復知漏盡以後，更不受於生死，是名漏盡明。後三無此分別，故唯名通也。

*(**Sao**: "Quân tử bất khí" là lời Khổng Tử nói: "Như thuyền chẳng thể lướt trên mặt đất, xe chẳng thể chạy dưới nước", đó là Khí (một công dụng chuyên biệt). Quân tử trọn đủ nhiều tài năng, chẳng vướng mắc nơi một tài năng nào. Há có thể nói Nhan Hồi và Mẫn Tử Khiên chẳng hiểu văn chương, Tử Du (Ngôn Yển) và Tử Hạ (Bốc Thương) thiếu đức hạnh ư? Quân tử còn như thế, huống bậc siêu phàm nhập thánh, tam minh rạng ngời, lục thông thấu suốt, được gọi là Lậu Tận A La Hán ư? Vì thế, nói "chỉ hiển thị một đức".*

***Diễn**: "Nhan Hồi và Mẫn Tử Khiên chẳng hiểu văn chương": [Khi chép về các môn đệ của Khổng Tử], cổ nhân xếp Nhan Hồi và Mẫn Tử Khiên vào loại đức hạnh, còn Tử Du và Tử Hạ được xếp vào lại có tài trong văn học.*

Tam Minh Lục Thông: Tam Minh chính là quá khứ Túc Mạng Minh, hiện tại Thiên Nhãn Minh, và vị lai Lậu Tận Minh, cộng thêm Thiên Nhĩ, Tha Tâm, và Thần Túc, bèn gọi là Lục Thông. Ba món đầu có đủ cả Thông và Minh, ba món sau chỉ có Thông. Chỉ biết chuyện thọ sanh trong đời quá khứ, thì gọi là Túc Mạng Thông. Lại biết trăm ngàn vạn đời trong quá khứ, tên họ như thế, hứng chịu những chuyện khổ vui như thế v.v... thảy đều có thể biết. Đó gọi là Túc Mạng Minh. Chỉ thấy chết đây sanh kia, thì gọi là Thiên Nhãn Thông. Lại thấy ta và chúng sanh lúc chết, lúc sống, làm các hạnh thiện ác, hoặc sanh trong đường lành hay đường ác, thảy đều có thể trông thấy. Đó gọi là Thiên Nhãn Minh. Chúng sanh do Kiến Hoặc và Tư Hoặc trong tam giới mà đọa lạc trong sanh tử; vì thế, chúng được gọi là Lậu. Chỉ có La Hán đoạn hết Kiến Tư bèn đắc thần thông, gọi

là Lậu Tận Thông. Lại biết sau khi Lậu đã tận, chẳng còn hứng chịu sanh tử nữa. Đó gọi là Lậu Tận Minh. Ba món sau không có sự phân biệt như thế ấy; vì thế, chỉ gọi là Thông).

(Sớ) Thủ cử Xá Lợi Phất, dĩ thử kinh duy trí sở giải cố.

(Sao) Kinh trung, Phật vị chúng sanh thuyết thử nan tín chi pháp; nan tín, tắc duy trí huệ thâm viễn giả, thỉ tín bất nghi. Thị dĩ thủ cử. Hoặc nạn: "Bát Nhã Tâm Kinh, độc cáo Thân Tử, tắc tri Thân Tử chi trí, tại hồ giải Không, bất tại Tịnh Độ!" Y! Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc, độc bất viết Tịnh Độ tức Không, Không tức Tịnh Độ hồ? Nhược bát Tịnh Độ, tắc phi Chân Không. Bất giải Chân Không, tắc phi chánh trí; Thân Tử chi trí, tất bất như thị.

(Diễn) Sắc tức thị Không giả, Sắc tức thập nhất sắc pháp. Thử Sắc phàm phu kế vi thật hữu, tam thừa kế vi hư huyễn, bất tri toàn thể thị diệu sắc dã. Diệu sắc tức thị Chân Không, cố vân "Sắc tức thị Không". Kinh vân: "Quán tướng nguyên vọng, quán tánh nguyên chân, tức thị Bồ Đề diệu tịnh minh thể", thị dã. Không tức thị Sắc giả, Không tức Đệ Nhất Nghĩa Không. Thử Không bất thị tà ngoại sở kế đoạn Không, Tiểu Thừa sở chấp Thiên Không, nãi thị Chân Không dã. Chân Không tức thị diệu sắc, cố vân "Không tức thị Sắc". Kinh vân: "Như Lai Tạng trung, tánh Sắc chân Không, tánh Không chân Sắc, thanh tịnh bổn nhiên, châu biến pháp giới", thị dã. Tịnh Độ tức Không giả, Tịnh Độ y chánh trang nghiêm, vô phi diệu sắc. Diệu sắc ký tức Chân Không, Tịnh Độ khởi bất tức không dã? Không tức Tịnh Độ giả, tự tánh thanh tịnh, danh Như Thật Không, nhi Như Thật Không, tức Như Thật Bất Không. Ly nhất thiết tướng xứ, nguyên tự tịnh pháp mãn túc, Không khởi bất tức Tịnh Độ hồ? Nhược bát Tịnh Độ, tắc thị Ngoan Không, Thiên Không, phi tức Sắc chi Chân Không. Bất giải Chân Không, tắc thị phàm ngoại tà trí; Nhị Thừa tiểu trí, phi Đại Thừa chánh trí. Thân Tử chi trí bất như thị giả, dĩ Thân Tử dĩ phát đại tâm, nãi ư Bát Nhã hội thượng, thịnh đàm Bát Nhã, đào thải chấp tình, dĩ cụ Đại Thừa chánh trí. Ký cụ chánh trí, tất giải Chân Không, bất bát Tịnh Độ. Tịnh Độ chi cáo, bất cáo Thân Tử, nhi thùy cáo da?

(疏)首舉舍利弗，以此經惟智所解故。

(鈔)經中，佛為眾生說此難信之法；難信，則惟智慧深遠者，始信不疑。是以首舉。或難：般若心經，獨告身子，則知身子之智，在乎解空，不在淨土！噫！色即是空，

空即是色，獨不曰淨土即空，空即淨土乎？若撥淨土，則非真空。不解真空，則非正智；身子之智，必不如是。

(演)色即是空者，色即十一色法。此色凡夫計為實有，三乘計為虛幻，不知全體是妙色也。妙色即是真空，故云色即是空。經云：觀相元妄，觀性元真，即是菩提妙淨明體，是也。空即是色者，空即第一義空。此空不是邪外所計斷空，小乘所執偏空，乃是真空也。真空即是妙色，故云空即是色。經云：如來藏中，性色真空，性空真色，清淨本然，周遍法界，是也。淨土即空者，淨土依正莊嚴，無非妙色。妙色既即真空，淨土豈不即空也？空即淨土者，自性清淨，名如實空，而如實空，即如實不空。離一切相處，元自淨法滿足，空豈不即淨土乎？若撥淨土，則是頑空，偏空，非即色之真空。不解真空，則是凡外邪智；二乘小智，非大乘正智。身子之智不如是者，以身子已發大心，乃於般若會上，盛談般若，淘汰執情，已具大乘正智。既具正智 ，必解真空 ，不撥淨土 。淨土之告，不告身子，而誰告耶？

*(**Sớ**: Nêu tên ngài Xá Lợi Phất đầu tiên vì chỉ có người trí mới hiểu kinh này.*

***Sao**: Trong kinh, đức Phật vì chúng sanh mà nói pháp khó tin này. Khó tin thì chỉ có người trí huệ sâu xa mới tin tưởng chẳng nghi; vì thế, nêu tên Ngài đầu tiên. Nếu cật vấn: "Bát Nhã Tâm Kinh chỉ nói riêng với ngài Xá Lợi Phất, cho nên biết trí của ngài Xá Lợi Phất chú trọng nơi giải Không, chẳng tại Tịnh Độ!" Ôi! Sắc chính là Không, Không chính là Sắc, lẽ nào chẳng phải "Tịnh Độ chính là Không, Không chính là Tịnh Độ" hay sao? Nếu bài bác Tịnh Độ thì sẽ chẳng phải là Chân Không. Chẳng hiểu Chân Không, sẽ chẳng phải là Chánh Trí! Trí của ngài Xá Lợi Phất quyết chẳng phải là như thế.*

***Diễn**: "Sắc chính là Không": Sắc là mười một sắc pháp. Sắc ấy phàm phu chấp là thật sự có, tam thừa chấp là hư huyễn, chẳng biết toàn thể là diệu sắc. Diệu sắc chính là Chân Không; vì thế nói: "Sắc chính là Không". Kinh nói: "Quán tướng vốn là vọng, quán tánh vốn là chân, tức là cái thể sáng sạch mầu nhiệm của Bồ Đề" là nói về chuyện này.*

"Không chính là Sắc": Không tức là Đệ Nhất Nghĩa Không. Cái Không này chẳng phải là Đoạn Không như tà kiến, ngoại đạo chấp trước, chẳng phải là Thiên Không như Tiểu Thừa chấp trước, mà là Chân Không. Chân Không chính là diệu sắc; vì thế nói: "Không chính là Sắc". Kinh dạy: "Trong Như Lai Tạng, tánh Sắc chân Không, tánh Không chân Sắc, vốn sẵn thanh tịnh trọn khắp pháp giới" là nói về chuyện này.

"Tịnh Độ tức là Không": Y báo và chánh báo trang nghiêm của Tịnh Độ không gì chẳng phải là diệu sắc. Diệu sắc đã chính là Chân Không, há Tịnh Độ chẳng phải chính là Không ư? "Không chính là Tịnh Độ": Tự tánh thanh tịnh, gọi là Như Thật Không, nhưng Như Thật Không chính là Như Thật Bất Không. Lìa nơi hết thảy tướng, tịnh pháp vốn trọn đủ, há Không chẳng phải chính là Tịnh Độ ư? Nếu bài bác Tịnh Độ là cái Không trơ trơ hay cái Không lệch lạc, sẽ chẳng phải là "Sắc chính là Chân Không". Chẳng hiểu Chân Không, sẽ là tà trí của ngoại đạo, phàm phu, hoặc tiểu trí của Nhị Thừa, chẳng phải là chánh trí của Đại Thừa. Trí của ngài Thân Tử chẳng phải là như vậy, do ngài Thân Tử đã phát đại tâm, trong hội Bát Nhã, đàm luận Bát Nhã cặn kẽ, đảo thải tình kiến chấp trước, đã trọn đủ chánh trí Đại Thừa. Đã có chánh trí, ắt hiểu Chân Không, chẳng bài bác Tịnh Độ. Dạy bảo pháp Tịnh Độ mà chẳng nói với ngài Thân Tử thì nói với ai đây?)

(Sớ) Ma Ha Mục Kiền Liên giả, Ma Ha, thử vân Đại. Mục Kiền Liên, thử vân Thái Thục Thị, nhất vân Lai Bặc, thần thông đệ nhất.

(Sao) Mục Kiền Liên, tánh dã, danh Câu Luật Đà. Câu Luật Đà giả, thụ danh; đảo thụ thần nhi sanh, nhân dĩ vi danh. Kỳ tộc chúng đa, cố biệt dĩ Đại. Thần thông giả, như Phật thăng Đao Lợi, độc long chướng Phật. Chư tỳ-kheo thỉnh hàng long, Phật giai bất hứa. Mục Liên hóa thân đại tiểu, long cụ toại phục. Hựu như ngoại đạo di sơn, chế chi bất động. Nhất thành Thích Chủng, cử chi Phạm Thiên, cập chỉ xa, thiêu đường đẳng. Cố vân thần thông đệ nhất.

(Diễn) Mục Liên hóa thân đại tiểu giả, Nan Đà, Bạt Nan Đà long, huynh đệ cư Tu Di Sơn biên. Phật thường phi không, thượng Đao Lợi Thiên, vị mẫu thuyết pháp. Long tiện sân hận, thổ hắc vân, ám vụ, ẩn ế tam quang, dĩ thân nhiễu Tu Di thất táp. Vĩ đà hải thủy, đầu chẩm sơn đảnh. Mục Liên nãi bội hiện kỳ thân, nhiễu Tu Di thập tứ táp, vĩ đà hải ngoại, đầu chẩm Phạm cung. Long do sân thậm, vũ kim cang sa. Mục Liên biến sa dĩ vi bảo hoa, khinh nhuyễn khả ái. Do sân bất dĩ, Liên nãi hóa vi tế thân, nhập long thân nội, nhãn nhập nhĩ xuất, nhĩ nhập tỵ

xuất, long thọ khổ thống, kỳ tâm nãi phục. Ngoại đạo di sơn giả, ngoại đạo sư đồ ngũ bách, dụng chú di sơn, kinh nhất nguyệt nhật, sơn căn dĩ động, Mục Liên niệm ngôn: "Thử sơn nhược di, đa sở tổn hại"; tức ư sơn đảnh, kết già phu tọa. Sơn hoàn bất động. Ngoại đạo tương vị: "Ngã pháp động sơn, kế nhật tất di, vân hà an cố, hoàn nhược như sơ? Tất thị sa-môn, sử nhĩ như thị". Tự tri lực nhược, quy tâm Phật pháp. Cử chi Phạm Thiên giả, Lưu Ly đại vương diệt Thích Ca chủng. Mục Liên dục cứu, Phật dĩ định nghiệp nan đào, bất doãn kỳ thỉnh. Liên dĩ thần lực, tương bát thịnh ngũ bách Thích chủng, thác chi Phạm Thiên. Diệt Thích chi hậu, cử bát thị chi, duy huyết thủy nhi dĩ. Cố tri nghiệp lực, Phật diệc bất năng cứu dã. Chỉ xa giả, Kỳ Bà thiện y, dĩ sanh Đao Lợi; Liên nhân tỳ-kheo bệnh, thừa thông vãng vấn. Trị chư thiên xuất du, Kỳ Bà thừa xa bất hạ, đản hiệp chưởng nhi dĩ. Liên dĩ thần lực, chỉ trụ kỳ xa, Kỳ Bà phương hạ xa vấn tấn: "Dục hà sở vi?" Liên nãi cụ thuyết lai ý, đáp vân: "Đoạn thực vi yếu". Mục Liên phóng chi, thỉ đắc tiền mại. Thiêu đường giả, Đế Thích tạo Đắc Thắng Đường, trang nghiêm kỳ lệ. Mục Liên vãng khán. Chư thiên nữ giai ẩn tỵ bất xuất. Liên niệm Đế Thích trước lạc, bất tu đạo bổn, nãi dĩ thần thông, thiêu Đắc Thắng Đường hách nhiên băng hoại, nhưng vị Đế Thích, thuyết vô thường đẳng ngữ. Đế Thích hoan hỷ, hậu đường nghiễm nhiên, vô hôi yên sắc.

(疏**)**摩訶目犍連者，摩訶，此云大。目犍連，此云采菽氏，一云菉豆，神通第一。

(鈔**)**目犍連，姓也，名拘律陀。拘律陀者 ，樹名 ；禱樹神而生，因以為名。其族眾多，故別以大。神通者，如佛昇忉利，毒龍障佛。諸比丘請降龍，佛皆不許。目連化身大小，龍懼遂服。又如外道移山，制之不動。一城釋種，舉之梵天，及止車燒堂等。故云神通第一。

(演**)**目連化身大小者，難陀，跋難陀龍，兄弟居須彌山邊。佛常飛空，上忉利天，為母說法。龍便嗔恨，吐黑雲，暗霧，隱翳三光，以身遶須彌七匝。尾拖海水，頭枕山頂。目連乃倍現其身，遶須彌十四匝，尾拖海外，頭枕梵宮。龍猶嗔甚，雨金剛砂。目連變砂以為寶花，輕軟可愛。猶嗔不已，連乃化為細身，入龍身內，眼入耳出，耳

入鼻出，龍受苦痛，其心乃服。外道移山者，外道師徒五百，用咒移山，經一月日，山根已動，目連念言：此山若移，多所損害；即於山頂，結跏趺坐。山還不動。外道相謂：我法動山，計日必移，云何安固，還若於初？必是沙門，使爾如是。自知力弱，歸心佛法。舉之梵天者，琉璃大王滅釋迦種。目連欲救，佛以定業難逃，不允其請。連以神力，將缽盛五百釋種，託之梵天。滅釋之後，畢缽視之，唯血水而已。故知業力，佛亦不能救也。止車者，耆婆善醫，已生忉利；連因比丘病，乘通往問。值諸天出游，耆婆乘車不下，但合掌而已。連以神力，止住其車，耆婆方下車問訊：欲何所為？連乃具說來意，答云：斷食為要。目連放之，始得前邁。燒堂者，帝釋造得勝堂，莊嚴奇麗。目連往看。諸天女皆隱避不出。連念帝釋著樂，不修道本，乃以神通，燒得勝堂赫然崩壞，仍為帝釋 ，說無常等語。帝釋歡喜，後堂儼然，無灰煙色。

*(**Sớ**: Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha, cõi này dịch là Đại. Mục Kiền Liên, cõi này dịch là Thái Thục Thị, còn dịch là Lai Bặc, thần thông bậc nhất.*

***Sao**: Mục Kiền Liên (Maudgalyāyana) là họ, tên Ngài là Câu Luật Đà (Kolita). Câu Luật Đà là tên một loài cây, do [cha mẹ] cầu đảo thần cây mà sanh Ngài, cho nên đặt tên như vậy. Dòng họ Ngài đông đúc, nhằm phân biệt nên gọi là Đại. "Thần thông" như đức Phật lên cõi trời Đao Lợi, độc long chướng ngại đức Phật. Các tỳ-kheo xin phép hàng phục rồng, đức Phật đều không cho. Ngài Mục Liên hóa thân to, nhỏ, rồng sợ hãi liền hàng phục. Lại như ngoại đạo dời núi, Ngài ngăn trở chẳng cho lay động. Đem những người họ Thích trong cả một thành lên cõi Phạm Thiên, và ngăn xe, đốt điện đường v.v... cho nên nói là "thần thông bậc nhất".*

***Diễn**: "Mục Liên hóa thân lớn nhỏ": Anh em rồng Nan Đà và Bạt Nan Đà sống bên sườn núi Tu Di. Đức Phật thường bay lên hư không để lên trời Đao Lợi vì mẹ thuyết pháp. Rồng bèn sân hận, phun mây đen, sương tối che lấp tam quang (ánh sáng của mặt trời, mặt trăng và tinh tú), dùng thân quấn quanh núi Tu Di bảy vòng, đuôi kéo đến tận biển, đầu gối*

lên đỉnh núi. Mục Liên bèn hiện thân to gấp bội, quấn quanh Tu Di mười bốn vòng, đuôi vượt ra khỏi biển, đầu gối lên cung điện của Phạm Thiên. Rồng càng hết sức giận dữ, tuôn cát kim cang. Ngài Mục Liên biến cát thành hoa báu, mềm nhẹ, đáng yêu. Rồng vẫn sân không thôi, ngài Mục Liên bèn hiện thân vi tế, chui vào thân rồng, từ đằng mắt vào, từ tai chui ra, từ tai chui vào, từ mũi chui ra. Rồng chịu đau khổ, cái tâm mới chịu phục.

"Ngoại đạo dời núi": Thầy trò ngoại đạo năm trăm người dùng chú để dời núi. Trải qua thời gian một tháng, gốc núi đã động. Ngài Mục Liên nghĩ: "Nếu núi này bị dời đi, sẽ có nhiều tổn hại". Ngài liền ngồi xếp bằng tĩnh tọa trên đỉnh núi; núi lại bất động. Ngoại đạo bảo nhau: "Pháp của ta lay động núi, ngày hôm sau ắt dời đi. Sao núi lại yên ắng trở lại y như cũ? Ắt là vị sa-môn này khiến cho nó như vậy". Họ tự biết sức yếu, tâm bèn quy hướng Phật pháp.

"Đưa lên Phạm Thiên": Đại vương Lưu Ly (Virūḍhaka) diệt dòng họ Thích Ca. Ngài Mục Liên muốn cứu, nhưng đức Phật cho rằng định nghiệp khó trốn, chẳng chấp thuận lời thỉnh. Ngài Mục Liên dùng thần lực, lấy bát đựng năm trăm người họ Thích, cất lên Phạm Thiên. Sau khi dòng họ Thích Ca bị diệt, Ngài nâng bát ra xem, chỉ thấy máu mà thôi. Vì thế, Ngài biết là nghiệp lực thì Phật cũng chẳng thể cứu được!

"Ngăn xe": Kỳ Bà (Jīvaka) giỏi nghề thuốc, đã sanh lên trời Đao Lợi. Do một vị tỳ-kheo mắc bệnh, ngài Mục Liên nương thần thông lên đó hỏi. Gặp lúc chư thiên ra ngoài chơi, Kỳ Bà ngồi trên xe, không xuống, chỉ chắp tay mà thôi! Ngài Mục Liên dùng thần lực chặn đứng chiếc xe. Kỳ Bà mới xuống xe, chào hỏi: "Ngài muốn làm gì?" Ngài Mục Liên bèn nói rõ vì sao mà đến. Kỳ Bà Đáp: "Nhịn ăn là cần thiết". Ngài Mục Liên bèn thả cho đi, xe mới tiến lên trước được.

"Đốt điện đường": Đế Thích tạo Đắc Thắng Đường, trang nghiêm đẹp đẽ lạ lùng. Ngài Mục Liên tới xem, các thiên nữ đều lánh mặt không ra. Ngài Mục Liên nghĩ Đế Thích đắm chấp lạc thú, chẳng tu gốc đạo, bèn dùng thần thông thiêu Đắc Thắng Đường cháy rừng rực, hư nát. Còn nói với Đế Thích những lời như vô thường v.v... Đế Thích hoan hỷ. Sau đó, điện đường vẫn y hệt như cũ, chẳng có dấu vết tro, khói).

(Sớ) Ma Ha Ca Diếp giả, thử vân Đại Quy Thị, nhất vân Ẩm Quang, Đầu Đà đệ nhất.

(Sao) Đại Quy giả, tiên thế học đạo, hữu linh quy phụ đồ nhi xuất, nhân dĩ vi tánh. Danh Tất Bát La, diệc thụ dã. Xưng Đại, dĩ biệt đồng

danh, như tam Ca Diếp đẳng. Ẩm Quang giả, diêu túc sanh vi dã kim sư, dữ nhất nữ nhân, đồng dĩ kim nghiêm Phật tượng, toại cảm thế thế thân như kim sắc. Kim sắc hoảng diệu, thôn hồ dư sắc, danh Ẩm Quang dã. Đầu Đà giả, Phạn ngữ, thử vân Đẩu Tẩu, hoặc vân Đào Thải. Hữu thập nhị hạnh, vị nhất A Lan Nhã, nhị thường khất thực, nãi chí thập nhị đản tam y. Dĩ tư khổ hạnh, tảo trừ trần lụy, trừng tịnh thân tâm dã. Ca Diếp niên lão, bất xả Đầu Đà, Phật mẫn kỳ suy, khuyến linh hưu tức, Ca Diếp Đầu Đà như cố. Phật nãi thâm tán: "Hữu Đầu Đà hạnh, ngã pháp cửu tồn". Cố vân Đầu Đà đệ nhất.

(Diễn) Đẩu Tẩu giả, đẩu tẩu trần lao, tức hạ tảo trừ trần lụy dã. Đào thải giả, đào thải tập khí, tức hạ trừng tịnh thân tâm dã.

(疏)摩訶迦葉者，此云大龜氏，一云飲光，頭陀第一。

(鈔)大龜者，先世學道，有靈龜負圖而出，因以為姓。名畢鉢羅，亦樹也。稱大，以別同名，如三迦葉等。飲光者，繇宿生為冶金師，與一女人，同以金嚴佛像，遂感世世身如金色。金色晃耀，吞乎餘色，名飲光也。頭陀者，梵語，此云抖擻，或云淘汰。有十二行，謂一阿蘭若，二常乞食，乃至十二但三衣。以斯苦行，掃除塵累，澄淨身心也。迦葉年老，不捨頭陀，佛憫其衰，勸令休息，迦葉頭陀如故。佛乃深讚：有頭陀行，我法久存，故云頭陀第一。

(演)抖擻者，抖擻塵勞，即下掃除塵累也。淘汰者，淘汰習氣，即下澄淨身心也。

*(**Sớ**: Ma Ha Ca Diếp (Mahākāśyapa), cõi này dịch là Đại Quy Thị, còn dịch là Ẩm Quang, Đầu Đà bậc nhất.*

***Sao**: Đại Quy: Tổ tiên Ngài học đạo, có con rùa thiêng đội đồ hình xuất hiện; do vậy, lấy [Đại Quy] làm họ. Tên Ngài là Tất Bát La, cũng là tên một loài cây. Gọi là Đại nhằm phân biệt với các vị cùng tên, như ba anh em Ca Diếp v.v... "Ẩm Quang": Do đời trước làm thợ kim hoàn, Ngài đã cùng với một người nữ dùng vàng trang nghiêm tượng Phật, cho nên cảm quả báo đời đời thân như sắc vàng ròng. Sắc vàng chói ngời, nuốt mất các sắc khác, nên gọi là Ẩm Quang.*

Đầu Đà (Dhūta) là tiếng Phạn, cõi này dịch là Đẩu Tẩu, hoặc dịch là Đào Thải. Có mười hai hạnh, nghĩa là: Một, trụ trong A Lan Nhã, hai

là thường khất thực, cho đến hạnh thứ mười hai là chỉ có ba y. Dùng các khổ hạnh ấy để trừ trần lụy, lắng trong thân tâm. Ngài Ca Diếp tuổi già chẳng bỏ hạnh Đầu Đà, đức Phật thương xót Ngài suy yếu, khuyên hãy nghỉ ngơi, Ca Diếp vẫn hành Đầu Đà như cũ. Đức Phật hết sức tán thán: "Có hạnh Đầu Đà, pháp của ta tồn tại lâu dài". Vì thế, nói Ngài là Đầu Đà bậc nhất.

***Diễn**: Đẩu Tẩu là công kích trần lao, tức là ngay lập tức dẹp trừ các trần lụy. Đào Thải: Trừ bỏ tập khí, ngay lập tức lắng trong thân tâm).*

(Sớ) Ma Ha Ca Chiên Diên, tánh dã, thử vân Văn Sức, nhất vân Bất Định, nhất vân Phiến Thằng, nhất vân Ly Hữu Vô đẳng. Nam Thiên Trúc Bà La Môn tộc dã. Luận nghị đệ nhất.

(Sao) Văn Sức giả, văn thái tu sức dã. Phàm nhân luận nghị, tâm tuy hiểu liễu thử lý, nhược trực toại nhi bất văn, hãn mạn nhi bất sức, tắc từ bất đạt ý, phi thiện ư luận nghị giả dã. Bất Định giả, tung hoành thiện xảo, thị thiện luận nghị ý. Phiến Thằng giả, tử hệ mẫu cố, hựu phá nhiệt đàn khúc vi Phiến Thằng. Bất đọa đoạn thường, phát huy Trung Đạo, vi Ly Hữu Vô dã. Như ngoại đạo vấn: "Nhân tử bất hoàn, tri vô tha thế. Vị nhân tử thọ khổ, ưng đương hồi hoàn, cam thọ bất hoàn, cố vô tha thế". Đáp ngôn: "Như thế tội nhân, bị trú lao ngục, ninh đắc quy phủ?" Hựu vấn: "Thiên hà diệc bất quy?" Đáp ngôn: "Đọa xí đắc xuất, khẳng tái nhập phủ?" Như thị chủng chủng diệu thuyết chư nghĩa, Tăng Nhất A Hàm tán vân: "Thiện phân biệt nghĩa, phu diễn giáo đạo, cố viết luận nghị đệ nhất".

(Diễn) Tung hoành thiện xảo giả, vị hoành thuyết, thụ thuyết, tảo đãng thuyết, kiến lập thuyết đẳng. Phá nhiệt đàn khúc giả, dĩ kỳ luận nghị, năng phá tà kiến chi nhiệt, năng đàn tà kiến chi khúc dã. Tử hệ mẫu giả, tôn giả ấu táng phụ, kỳ mẫu dục cải thích, nhân tử hệ cố, bất toại kỳ tâm, do thằng hệ phiến, cố viết Phiến Thằng. Thiện phân biệt nghĩa, tức thị Nghĩa Vô Ngại Biện, phu diễn giáo đạo, tức thị Pháp Vô Ngại Biện, đắc đại biện tài, cố nghị luận đệ nhất dã.

(疏)摩訶迦旃延，姓也，此云文飾，一云不定，一云扇繩，一云離有無等。南天竺婆羅門族也。論議第一。

(鈔)文飾者，文采修飾也。凡人論議，心雖曉了此理，若直遂而不文，汗漫而不飾，則辭不達意，非善於論議者也。不定者，縱橫善巧，是善論議意。扇繩者，子繫母故，

又破熱彈曲為扇繩。不墮斷常，發揮中道，為離有無也。如外道問：人死不還，知無他世。謂人死受苦，應當回還，甘受不還，故無他世。答言：如世罪人，被駐牢獄，寧得歸否？又問：天何亦不歸？答言：墮廁得出，肯再入否？如是種種妙說諸義，增一阿含讚云：善分別義，敷演教道，故曰論議第一。

(演)縱橫善巧者，謂橫說，豎說，掃蕩說，建立說等。破熱彈曲者，以其論議，能破邪見之熱，能彈邪見之曲也。子繫母者，尊者幼喪父，其母欲改適，因子繫故，不遂其心，猶繩繫扇，故曰扇繩。善分別義，即是義無礙辯，敷演教道，即是法無礙辯，得大辯才，故議論第一也。

*(**Sớ**: Ma Ha Ca Chiên Diên (Mahā-Kātyāyana), là họ, cõi này dịch là Văn Sức, hoặc dịch là Bất Định, hoặc dịch là Phiến Thằng, hoặc dịch là Ly Hữu Vô v.v... Ngài thuộc chủng tộc Bà La Môn ở Nam Thiên Trúc; luận nghị bậc nhất.*

***Sao**: Văn Sức là văn vẻ, chải chuốt, bóng bảy. Phàm là người luận nghị, tâm tuy hiểu rõ lý ấy, nhưng nếu nói thẳng thừng, lời lẽ chẳng tao nhã, câu chữ lan man, chẳng trau chuốt, ắt lời lẽ chẳng thể diễn đạt ý tưởng, chẳng phải là người luận nghị giỏi. Bất Định là ngang dọc khéo léo, ý nói khéo luận nghị. Phiến Thằng: Do con ràng buộc mẹ, lại do phá nhiệt não, trừ bỏ những lý lẽ cong vạy, nên gọi là Phiến Thằng. Chẳng đọa vào đoạn kiến hay thường kiến, nêu rõ Trung Đạo, là Ly Hữu Vô.*

Như ngoại đạo hỏi: "Người chết rồi chẳng trở về, nên biết là không có đời khác. Bởi lẽ, con người chết đi, chịu khổ, phải nên quay về; nay cam chịu, chẳng quay về, cho nên không có đời khác". Ngài đáp: "Như tội nhân trong cõi đời, bị giam trong ngục, có trở về được chăng?" Lại hỏi: "[Kẻ sanh lên] cõi trời sao cũng không trở về?" Đáp rằng: "Té xuống hầm cầu, được thoát ra rồi có chịu trở vào hay chăng?" Đủ mọi cách khéo nói các nghĩa như thế, kinh Tăng Nhất A Hàm khen ngợi: "Khéo phân biệt nghĩa, diễn bày giáo đạo, nên nói là luận nghị bậc nhất".

***Diễn**: "Ngang dọc khéo léo": Tức là nói ngang, nói dọc, nói phá sạch, nói kiến lập v.v... "Phá nhiệt não, trừ bỏ những sự cong vạy": Do sự luận nghị của Ngài có thể phá sự nóng bức của tà kiến, có thể bẳn tan sự cong vạy của tà kiến. "Con ràng buộc mẹ": Tôn giả mồ côi cha từ bé, mẹ Ngài muốn tái giá, do con ràng buộc, nên chẳng được thỏa lòng, giống*

như sợi dây buộc cái quạt; cho nên nói là Phiến Thằng. "Khéo phân biệt nghĩa": Tức là Nghĩa Vô Ngại Biện. Diễn bày giáo đạo chính là Pháp Vô Ngại Biện, đắc đại biện tài; cho nên là bậc nghị luận đệ nhất).

(Sớ) Ma Ha Câu Hy La, thử vân Đại Tất; Xá Lợi Phất cữu, đáp vấn đệ nhất.

(Sao) Đại Tất giả, tùng trạng đắc danh. Cữu giả, dữ Thân Tử mẫu, thị tỷ đệ cố. Vãng luận thắng tỷ; tỷ hoài Thân Tử, cơ biện tấn phát, đệ bất năng cập. Phát phẫn du học, thệ bất tiễn trảo, độc thập bát chủng kinh. Đáp vấn giả, diêu tinh cần cố, đắc tứ biện tài, xúc vấn năng đáp; cố vân đáp vấn đệ nhất.

(疏)摩訶俱絺羅，此云大膝；舍利弗舅，答問第一。

(鈔)大膝者，從狀得名。舅者，與身子母，是姊弟故。往論勝姊；姊懷身子，機辯迅發，弟不能及。發憤遊學，誓不剪爪，讀十八種經。答問者，繇精勤故，得四辯才，觸問能答；故云答問第一。

*(**Sớ**: Ma Ha Câu Hy La (Mahā-Kausthila), cõi này dịch là Đầu Gối To; là cậu của ngài Xá Lợi Phất, trả lời câu hỏi bậc nhất.*

***Sao**: Do hình trạng mà có tên là Đại Tất. "Cậu": Ngài với mẹ ngài Xá Lợi Phất là chị em. Ngài thường tranh luận thắng chị. Chị có mang Xá Lợi Phất, khả năng tranh biện cao hẳn lên, em trai chẳng thể sánh bằng. Ngài phát phẫn du học, thề chẳng cắt móng tay, đọc mười tám loại kinh. "Đáp vấn": Do siêng năng chuyên ròng cầu học, đạt được bốn món biện tài, hễ được hỏi liền có thể đáp ngay, cho nên gọi là đáp vấn bậc nhất).*

(Sớ) Ly Bà Đa giả, thử vân Tinh Tú, nhất vân Thất Tú, vô đảo loạn đệ nhất.

(Sao) Tinh Tú giả, tùng tinh khất tử nhi sanh, nhân dĩ vi danh. Thất Tú giả, Thất vi nhị thập bát tú trung, đệ thập tam tú, hoặc đảo thử tinh cố. Vô đảo loạn giả, tâm chánh, cố bất điên đảo; tâm định, cố bất tán loạn, cố vân "vô đảo loạn đệ nhất".

(疏)離婆多者，此云星宿，一云室宿，無倒亂第一。

(鈔)星宿者，從星乞子而生，因以為名。室宿者，室為二十八宿中，第十三宿，或禱此星故。無倒亂者，心正，故不顛倒；心定，故不散亂，故云無倒亂第一。

*(**Sớ**: Ly Bà Đa (Revata), cõi này dịch là Tinh Tú, hoặc dịch là Thất Tú (sao Thất), không điên đảo, loạn tưởng bậc nhất.*

***Sao**: Tinh Tú là do cha mẹ cầu đảo nơi ngôi sao mà sanh ra, nên đặt tên như thế. "Thất Tú": Sao Thất là ngôi sao thứ mười ba trong Nhị Thập Bát Tú, chắc là cầu đảo ngôi sao này. Vô đảo loạn là tâm chánh, nên chẳng điên đảo; tâm định nên chẳng tán loạn. Vì thế nói là chẳng đảo loạn bậc nhất).*

(Sớ) Châu Lợi Bàn Đà Già giả, thử vân Kế Đạo, nhất vân Đại Lộ Biên, cẩn trì bán kệ, đắc ngộ chứng quả.

(Sao) Kế Đạo giả, kỳ mẫu dựng thời hoàn gia, ư trung lộ đản tử, kế tục ư đồ lộ chi gian, cố vân Kế Đạo. Đại Lộ giả, mẫu sanh nhị tử, giai ư lộ biên, ngôn đại dĩ biệt tiểu dã. Bán kệ giả, xuất gia ngu ám, cửu vô sở giải. Huynh tiên nhập đạo, quái kỳ vô tri, khiển sử quy tục, ỷ Phật tự môn, ta thán, lưu thế. Phật liên nhi lục chi, sử tụng "tảo trửu", mỗi nhật tụng chi. Ký nhất, vong nhất, cửu chi hốt ngộ, cấu tịnh hoặc trừ, đắc A La Hán.

(疏)周利槃陀伽者，此云繼道 ，一云大路邊 ，僅持半偈，得悟證果。

(鈔)繼道者，其母孕時還家，於中路誕子，繼續於途路之間，故云繼道。大路者，母生二子，皆於路邊，言大以別小也。半偈者，出家愚暗，久無所解。兄先入道，怪其無知，遣使歸俗，倚佛寺門，嗟歎，流涕。佛憐而錄之，使誦掃箒，每日誦之。記一，忘一，久之忽悟，垢淨惑除，得阿羅漢。

*(**Sớ**: Châu Lợi Bàn Đà Già (Ksudrapanthaka), cõi này dịch là Kế Đạo, còn dịch là Đại Lộ Biên, chỉ trì nửa bài kệ, đắc ngộ, chứng quả.*

***Sao**: Kế Đạo: Mẹ Ngài lúc mang thai, trở về nhà [mẹ đẻ], sanh con giữa đường. Sau đó, [sanh ra Ngài] cũng trên đường, nên đặt tên là Kế Đạo. Đại Lộ: Mẹ sanh hai con đều ở bên đường, nói Đại nhằm phân biệt với Tiểu.*

"Nửa bài kệ": Ngài xuất gia, căn tánh ngu độn, tối tăm, tu học đã lâu mà chẳng hiểu biết gì. Anh Ngài đã nhập đạo trước, quở Ngài vô tri, đuổi Ngài hoàn tục, Ngài đứng dựa cửa chùa, than khóc, trào lệ. Đức Phật thương xót, giữ lại, bảo tụng câu "chổi quét", mỗi ngày tụng đọc.

Ngài nhớ được chữ này, quên chữ kia, lâu ngày bỗng ngộ, cấu sạch, Hoặc trừ, đắc A La Hán).

(Sớ) Nan Đà giả, thử vân Thiện Hoan Hỷ, Phóng Ngưu Nan Đà dã.

(Diễn) Phóng ngưu, tức mục ngưu ý.

(Sao) Phóng Ngưu Nan Đà giả, Nan Đà hữu tam: A Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, kiêm thử vi tam, dĩ Phóng Ngưu biệt dư nhị dã.

(疏)難陀者，此云善歡喜，放牛難陀也。

(演)放牛，即牧牛意。

(鈔)放牛難陀者，難陀有三：阿難陀，孫陀羅難陀，兼此為三，以放牛別餘二也。

*(**Sớ**: Nan Đà (Nanda), cõi này dịch là Thiện Hoan Hỷ, tức Phóng Ngưu Nan Đà.*

***Diễn**: Phóng Ngưu có nghĩa là chăn trâu.*

***Sao**: Phóng Ngưu Nan Đà: Có ba vị Nan Đà, tức A Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, và vị này là ba. Gọi là Phóng Ngưu để phân biệt với hai vị kia).*

(Sớ) A Nan Đà giả, thử vân Khánh Hỷ, hựu vân Vô Nhiễm, Phật chi tùng đệ, đa văn đệ nhất. Tựu đương kinh, tắc A Nan dữ chúng, đồng văn Tịnh Độ chi giáo, nhi độc dĩ tổng trì lực, ức niệm bất vong, thành kết tập dã.

(Sao) Khánh Hỷ giả, Phật thành đạo nhật đản sanh. Vương cập thần dân, ký văn thái tử thành Phật; hựu văn cung trung đản tử. Song mỹ nhị nan, nhất thời tất cụ, cử quốc hãn khánh, nhân dĩ lập danh. Hựu kiến kỳ tướng giả, văn kỳ thanh giả, đổ kỳ oai nghi giả, vô bất hoan hỷ cố. Vô Nhiễm giả, tùy Phật nhập thiên cung, long cung, tâm vô nhạo trước, diệc kỳ sự dã. Phật tùng đệ giả, Phật, Tịnh Phạn vương tử; A Nan, Bạch Phạn vương tử, nhị vương côn quý cố. Đa văn giả, A Nan thị Phật nhị thập ngũ niên. Phật sở thuyết pháp, bất vong nhất tự, Niết Bàn xưng A Nan đa văn sĩ. Hựu Ca Diếp tán viết: "Phật pháp đại hải thủy, lưu nhập A Nan tâm". Đồng văn độc ức giả, chánh biểu cường ký siêu hồ đẳng di dã. Cố viết đa văn đệ nhất.

(Diễn) Ca Diếp tán giả, Phật diệt độ hậu, A Nan thăng tòa, Ca Diếp dữ chúng tán viết: "Diện như tịnh mãn nguyệt, mục như thanh liên hoa, Phật pháp đại hải thủy, lưu nhập A Nan tâm", thị dã.

(疏)阿難陀者，此云慶喜，又云無染，佛之從弟，多聞第一。就當經，則阿難與眾，同聞淨土之教，而獨以總持力，憶念不忘，成結集也。

(鈔)慶喜者，佛成道日誕生。王及臣民，既聞太子成佛；又聞宮中誕子。雙美二難，一時畢具，舉國忻慶，因以立名。又見其相者，聞其聲者，睹其威儀者，無不歡喜故。無染者，隨佛入天宮，龍宮，心無樂著，亦其事也。佛從弟者，佛，淨飯王子；阿難，白飯王子，二王昆季故。多聞者，阿難侍佛二十五年。佛所說法，不忘一字，涅槃稱阿難多聞士。又迦葉讚曰：佛法大海水，流入阿難心。同聞獨憶者，正表強記超乎等夷也。故曰多聞第一。

(演)迦葉讚者，佛滅度後，阿難升座，迦葉與眾讚曰：面如淨滿月，目如青蓮花，佛法大海水，流入阿難心，是也。

*(**Sớ**: A Nan Đà (Ānanda), cõi này dịch là Khánh Hỷ, còn dịch là Vô Nhiễm, là em họ đức Phật, đa văn bậc nhất. Chính trong kinh này, ngài A Nan và đại chúng cùng nghe giáo pháp Tịnh Độ, nhưng riêng Ngài do sức tổng trì nên nhớ nghĩ chẳng quên, mới kết tập thành kinh điển.*

***Sao**: Khánh Hỷ là vì Ngài hạ sanh nhằm ngày Phật thành đạo. Vua và thần dân nghe tin thái tử thành Phật, lại nghe trong cung sanh hoàng tử. Hai điều tốt đẹp, hai điều khó khăn mà nay cùng lúc đạt được, cả nước vui mừng; do vậy, đặt tên cho Ngài là [A Nan]. Lại nữa, do người thấy hình tướng Ngài, nghe tiếng Ngài, thấy oai nghi của Ngài, không ai chẳng hoan hỷ. Vô Nhiễm: Ngài theo đức Phật vào cung trời hoặc cung rồng, tâm chẳng ham đắm, cũng do chuyện ấy [mà được gọi là Vô Nhiễm]. "Em họ của Phật": Đức Phật là con vua Tịnh Phạn (Śuddhodana), A Nan là con vua Bạch Phạn (Śuklodana), hai vua là anh em. "Đa văn": A Nan hầu Phật hai mươi lăm năm; những pháp do đức Phật thuyết, Ngài chẳng quên một chữ. Kinh Niết Bàn gọi A Nan là "bậc đa văn". Lại nữa, ngài Ca Diếp khen ngợi: "Nước biển cả Phật pháp, chảy vào tâm A Nan". "Cùng nghe, riêng nhớ": Biểu thị Ngài có trí nhớ mạnh mẽ vượt trội hơn đồng bạn, cho nên nói là đa văn bậc nhất.*

***Diễn**: "Ca Diếp tán thán": Chính là sau khi đức Phật diệt độ, ngài A Nan thăng tòa [kết tập kinh điển], ngài Ca Diếp và đại chúng nói: "Mặt*

như trăng tròn sạch, mắt như hoa sen xanh, nước biển cả Phật pháp, rót vào tâm A Nan").

(Sớ) La Hầu La giả, thử vân Phú Chướng, hoặc viết Chấp Nhật, mật hạnh đệ nhất.

(Sao) Phú Chướng giả, bổn A Tu La danh, khả dĩ thủ chướng nhật nguyệt, cố danh Phú Chướng, diệc viết Chấp Nhật. Chướng hữu nhị nghĩa. Nhất vân Phật vị sở chướng, bất tức xuất gia, dĩ vị hữu tử, phụ vương bất hứa xuất gia. Hậu dĩ chỉ phúc hoài nhâm, phương toại bổn chí, tắc Phật bị kỳ chướng dã. Nhất vân lục niên tại thai. Dĩ túc sanh tằng tắc thử huyệt, u chi lục nhật, kim báo lục niên, tắc kỷ tự bị chướng dã. Mật hạnh giả, kinh vân: "La Hầu La mật hạnh, duy ngã năng tri chi". Duy Phật năng tri, tắc Bồ Tát, Thanh Văn giai sở bất tri, huống phàm phu hồ. Tích hạnh nhi nhân bất tri, cố viết mật hạnh đệ nhất.

(疏)羅睺羅者，此云覆障，或曰執日，密行第一。

(鈔)覆障者，本阿脩羅名，能以手障日月，故名覆障，亦曰執日。障有二義。一云佛為所障，不即出家，以未有子，父王不許出家。後以指腹懷姙，方遂本志，則佛被其障也。一云六年在胎。以宿生曾塞鼠穴，幽之六日，今報六年，則己自被障也。密行者，經云：羅睺羅密行，惟我能知之。惟佛能知，則菩薩聲聞皆所不知，況凡夫乎。積行而人不知，故曰密行第一。

*(**Sớ**: La Hầu La (Rāhula), cõi này dịch là Phú Chướng, hoặc là Chấp Nhật, mật hạnh bậc nhất.*

***Sao**: Phú Chướng (ngăn lấp) vốn là tên của một vị A Tu La vì vị ấy có thể dùng tay che lấp mặt trời hay mặt trăng, nên gọi là Phú Chướng hoặc Chấp Nhật (Nắm Mặt Trời). Chướng có hai nghĩa: Một thuyết nói đức Phật bị Ngài chướng ngại, chẳng thể xuất gia ngay. Do chưa có con, nên phụ vương chẳng chấp thuận cho Phật xuất gia. Về sau, [Thái Tử] chỉ vào bụng [vương phi] khiến [bà ta] hoài thai thì mới được toại chí, tức là đức Phật bị chuyện này ngăn trở vậy. Thuyết khác thì nói ngài La Hầu La ở trong thai sáu năm. Do đời trước từng lấp hang chuột, khiến [chuột] bị nhốt trong hang sáu ngày, nay mắc quả báo [ở trong thai] sáu năm, tức là chính mình bị chướng lấp. "Mật hạnh" là như kinh nói: "Mật*

hạnh của La Hầu La, chỉ mình ta có thể biết". Chỉ mình Phật có thể biết, thì Bồ Tát, Thanh Văn thảy đều chẳng biết, huống hồ phàm phu! Tích lũy công hạnh, nhưng người khác chẳng biết, nên gọi là "mật hạnh đệ nhất").

(Sớ) Kiều Phạm Ba Đề giả, thử vân Ngưu Ty, thọ thiên cúng dường đệ nhất.

(Sao) Ngưu Ty giả, quá khứ thế trung, khinh lộng sa-môn, kim báo ngưu ty. Hựu ngũ bách thế, tằng vi ngưu cố. Ngưu tuy bất thực, hằng sự hư tiếu, dư báo vị tận, cố xưng thử danh. Thiên cúng giả, mã mạch chi báo, bỉ độc ư thiên thượng Thi Lợi Sa viên thọ cúng. Hựu phàm phu đổ hình, bất tri quán đức, khủng nhân cơ tiếu tao khiên, thường cư thiên thượng, chư thiên kính phụng, cố vân thọ thiên cúng dường đệ nhất.

(Diễn) Mã mạch chi báo giả, Phật dữ đệ tử, tam nguyệt tại Tỳ Lan ấp thực mã mạch, dĩ thường túc báo, độc Kiều Phạm ư thiên thượng thọ cúng.

(疏)憍梵波提者，此云牛呵，受天供養第一。

(鈔)牛呵者，過去世中，輕弄沙門，今報牛呵。又五百世，曾為牛故。牛雖不食，恆事虛哨，餘報未盡，故稱此名。天供者，馬麥之報，彼獨於天上尸利沙園受供。又凡夫睹形，不知觀德，恐人譏笑遭愆，常居天上，諸天敬奉，故云受天供養第一。

(演)馬麥之報者，佛與弟子，三月在毘蘭邑食馬麥，以償宿報，獨憍梵於天上受供。

*(**Sớ**: Kiều Phạm Ba Đề (Gavāmpati), cõi này dịch là Ngưu Ty, được chư thiên cúng dường bậc nhất.*

***Sao**: Ngưu Ty (trâu nhơi): Trong đời quá khứ, Ngài đã trót khinh mạn, bỡn cợt sa-môn, đời này mắc quả báo nhai nhóp nhép như trâu nhơi. Lại từng làm trâu năm trăm đời. Trâu tuy chẳng ăn, vẫn luôn nhơi nhóp nhép, do dư báo [của Ngài] chưa hết, nên được gọi bằng tên ấy. "Chư thiên cúng dường": Trong quả báo [Phật và tăng đoàn] phải ăn lúa mạch của ngựa, riêng Ngài ngự trên vườn Thi Lợi Sa cõi trời nhận cúng dường. Lại do phàm phu nhìn hình tướng, chẳng biết quán đức, sợ người ta sẽ chê cười, chuốc lấy tội khiên, nên Ngài thường ngự trên cõi trời, chư thiên tôn kính, phụng sự. Vì thế nói là được chư thiên cúng dường bậc nhất.*

***Diễn**: "Quả báo phải ăn lúa mạch": Đức Phật và các đệ tử ba tháng ở ấp Tỳ Lan ăn lúa mạch dành cho ngựa để đền bồi quả báo trong đời trước. Riêng ngài Kiều Phạm Ba Đề nhận cúng dường trên cõi trời).*

(Sớ) Tân Đầu Lô Phả La Đọa, thượng tam tự, thử vân Bất Động, danh dã; hạ tam tự, thử vân Lợi Căn, tánh dã.

(Sao) Tiên danh hậu tánh giả, kỳ tộc phàm thập bát, xưng danh tại tiền, biệt kỳ dư dã. Nại Da Luật vân: Thụ Đề trưởng giả, dĩ chiên-đàn bát trí sát đảnh thượng, hiệu ư chúng vân: "Thần lực năng thủ giả, tức dữ". Tôn giả hiện thông thủ bát. Phật ha trách dĩ, sắc linh bất đắc nhập diệt, lưu thân cửu trụ, ứng mạt thế cúng, vi đại phước điền dã.

(疏)賓頭盧頗羅墮，上三字，此云不動，名也；下三字，此云利根，姓也。

(鈔)先名後姓者，其族凡十八，稱名在先，別其餘也。奈耶律云：樹提長者，以栴檀缽置剎頂上，號於眾云：神力能取者，即與。尊者現通取缽。佛呵責已，敕令不得入滅，留身久住，應末世供，為大福田也。

*(**Sớ**: Tân Đầu Lô Phả La Đọa (Pindola-bhāradvāja), ba chữ đầu cõi này dịch là Bất Động, là tên; ba chữ sau, cõi này dịch là Lợi Căn, là họ.*

***Sao**: "Nêu tên trước họ": Dòng họ ấy có đến mười tám người [nổi tiếng], nên nêu tên trước họ để phân biệt với những vị khác. Nại Da Luật chép: "Trưởng giả Thụ Đề (Jyotis), đem bát bằng chiên-đàn đặt trên đầu cột phướn, rồi bảo đại chúng: "Ai có thần lực có thể lấy được thì sẽ tặng cho người đó". Tôn giả hiện thần thông, lấy bát. Đức Phật quở trách, truyền Ngài chẳng được nhập diệt, lưu thân ở mãi trên thế gian để nhận cúng dường [của chúng sanh] trong đời Mạt, làm đại phước điền vậy).*

(Sớ) Ca Lưu Đà Di, thử vân Hắc Quang.

(Sao) Hắc Quang giả, nhan dung thô hắc cố, hựu hắc sắc quang diệu, dị thường hắc cố, dạ hành khất thực, nhân kiến kinh hãi. Phật cấm dạ hành, diêu thử chế dã.

(疏)迦留陀夷，此云黑光。

(鈔)黑光者，顏容粗黑故，又黑色光耀，異常黑故，夜行乞食，人見驚駭。佛禁夜行，繇此制也。

*(**Sớ**: Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin), cõi này dịch là Hắc Quang.*

***Sao**: Hắc Quang là dung mạo thô kệch, đen đúa. Lại do sắc đen chói ngời, do đen đúa dị thường, ban đêm đi khất thực, người khác trông thấy kinh hãi. Đức Phật cấm [tỳ-kheo] đi ban đêm, cũng là do chuyện này mà chế định).*

(Sớ) Ma Ha Kiếp Tân Na giả, thử vân Phòng Tú, tri tinh tú đệ nhất.

(Sao) Phòng Tú giả, nhị thập bát tú trung, đệ tứ tú dã. Phụ mẫu đảo thử tinh nhi sanh tử. Nhất vân sơ xuất gia thời, tương dục nghệ Phật. Trung lộ trị vũ, ký thực đào xá, nga hữu tỳ-kheo lai cộng túc chỉ. Bỉ tỳ-kheo giả, tức Phật hóa hiện, văn pháp đắc đạo. Tắc Phòng Tú giả, dĩ ư đào gia phòng xá nhi lữ túc cố, diệc nhất nghĩa dã. Tri tinh tú giả, bất giả cơ hành, thông hiểu thiên tượng, cố vân tri tinh tú đệ nhất.

(Diễn) Cơ hành giả, vị tuyền cơ ngọc hành dã. Chú: Tuyền, mỹ châu dã. Cơ, cơ dã. Dĩ tuyền sức cơ, sở dĩ tượng thiên chi thể chuyển vận dã. Hành, hoành dã, vị hành tiêu dã. Dĩ ngọc vi quản, hoành nhi thiết chi. Sở dĩ khuy cơ, nhi tề thất chánh chi vận hành, do kim chi hỗn thiên nghi dã.

(疏)摩訶劫賓那者，此云房宿，知星宿第一。

(鈔)房宿者，二十八宿中，第四宿也。父母禱此星而生子。一云初出家時，將欲詣佛。中路值雨，寄食陶舍，俄有比丘來共宿止。彼比丘者，即佛化現，聞法得道。則房宿者，以於陶家房舍而旅宿故，亦一義也。知星宿者，不假璣衡，通曉天象，故云知星宿第一。

(演)璣衡者，謂璿璣玉衡也。註：璿，美珠也。璣，機也。以璿飾璣，所以象天之體轉運也。衡，橫也，謂衡簫也。以玉為管，橫而設之。所以窺璣，而齊七政之運行，猶今之渾天儀也。

*(**Sớ**: Ma Ha Kiếp Tân Na (Mahākalpina), cõi này dịch là Phòng Tú, biết tinh tú bậc nhất.*

***Sao**: Phòng Tú là ngôi sao thứ tư trong Nhị Thập Bát Tú. Cha mẹ cầu đảo ngôi sao này mà sanh ra Ngài. Có thuyết nói lúc Ngài mới xuất gia, sắp đến chỗ Phật. Giữa đường mắc mưa, phải ở nhờ nhà người thợ gốm. Chợt có một vị tỳ-kheo đến đó, cùng nghỉ lại. Vị tỳ-kheo ấy chính là*

đức Phật hóa hiện. Tôn giả nghe pháp đắc đạo, nên [gọi là] Phòng Tú, tức là do nghỉ chân nơi nhà của người thợ gốm, đây cũng là một ý nghĩa. "Tri tinh tú": Chẳng nhờ vào các dụng cụ thiên văn, mà thông hiểu các hiện tượng thiên văn, cho nên nói là "tri tinh tú bậc nhất".

***Diễn**: "Cơ hành" ý nói "tuyền cơ ngọc hành". Chú: Tuyền là một loại hạt châu đẹp. Cơ là máy móc. Dùng hạt châu Tuyền để trang sức máy móc, nhằm biểu thị sự chuyển động của các thiên thể. Hành là ngang, tức là nói "hành tiêu" (ống sáo nằm ngang); Dùng ngọc làm ống, thiết kế đặt nằm ngang, để quan sát sự vận hành của thất chánh (mặt trời, mặt trăng, và năm ngôi sao Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), giống như hỗn thiên nghi (Armillary sphere) trong hiện thời).*

(Sớ) Bạc Câu La giả, thử vân Thiện Dung, thọ mạng đệ nhất.

(Sao) Thiện Dung giả, nhan mạo đoan chánh cố. Thọ mạng giả, thọ mạng bách hữu lục thập, cố vân Thọ Mạng đệ nhất. Diêu tích trì bất sát giới, cửu thập nhất kiếp, thọ bất trung yểu. Hựu tích tằng thí nhất bệnh tăng Ha Lê Lặc quả, cảm ngũ bất tử. Sơ sanh hiện dị, mẫu dĩ vi quái, trí chi ngao bàn, bất tử. Phục trí phủ trung, bất tử. Phục trí thủy trung, cự ngư thôn chi; ngư vi nhân hoạch, đao phá, tử hiện, nhất vô sở tổn. Hỏa bất năng pháo, thang bất năng chử, thủy bất năng yêm, ngư bất năng phệ, đao bất năng cát, danh ngũ bất tử. Hựu nhàn tĩnh, thiểu dục, thâu nhiếp lục căn. Diệt độ chi hậu, tháp do khước bối. Cố thường nhạo nhàn cư, bất xử chúng trung, diệc xưng đệ nhất.

(Diễn) Tháp do khước bối giả, A Dục vương lễ chư La Hán tháp, thứ chí Bạc Câu La tháp, nhi thuyết kệ ngôn: "Tuy tự luyện vô minh, ư thế thiểu lợi ích". Nhân cúng nhị thập bối tử, nhi bối tử tùng tháp phi xuất, lai trước vương túc. Chư thần kinh quái, sở dĩ nhiên giả? Lương do tôn giả bình sanh, nhàn tĩnh, thiểu dục, kỳ tháp do hữu thị lực.

(疏)薄拘羅者，此云善容，壽命第一。

(鈔)善容者，顏貌端正故。壽命者，壽命百有六十，故云壽命第一。繇昔持不殺戒，九十一劫，壽不中夭。又昔曾施一病僧訶梨勒果，感五不死。初生現異，母以為怪，置之熬盤，不死。復置釜中，不死。復置水中，巨魚吞之；魚為人獲，刀破子現，一無所損。火不能炮，湯不能煮，水不能淹，魚不能噬，刀不能割，名五不死。又閒靜少欲，

收攝六根。滅度之後，塔猶却貝。故常樂閒居，不處眾中，亦稱第一。

(演)塔猶卻貝者，阿育王禮諸羅漢塔，次至薄拘羅塔，而說偈言：雖自煉無明，於世少利益。因供二十貝子，而貝子從塔飛出，來著王足。諸臣驚怪 ，所以然者？良由尊者平生，閒靜少欲，其塔猶有是力。

*(**Sớ**: Bạc Câu La (Vakkula), cõi này dịch là Thiện Dung, thọ mạng bậc nhất.*

***Sao**: Thiện Dung là vẻ mặt đoan chánh. "Thọ mạng": Tuổi thọ đến một trăm sáu mươi, nên nói là thọ mạng bậc nhất. Do kiếp xưa, Ngài giữ giới chẳng giết, cho nên chín mươi mốt kiếp, sống thọ, chẳng chết yểu. Lại do xưa kia từng bố thí một vị tăng mắc bệnh một trái Ha Lê Lặc, cảm được năm loại không chết. Lúc mới sanh, Ngài hiện tướng lạ, mẹ cho là yêu quái, bỏ trong mâm đem nướng, chẳng chết. Lại bỏ trong nồi [đem nấu], không chết. Lại quăng xuống nước, cá to nuốt lấy; cá bị kẻ khác bắt được, dùng dao mổ cá, con hiện ra, chẳng bị tổn hại gì! Lửa chẳng nướng được, nước sôi chẳng thể nấu được, nước chẳng nhấn chìm được, cá chẳng cắn xé được, dao chẳng cắt được, nên gọi là Ngũ Bất Tử. Lại nữa, Ngài nhàn tĩnh, ít ham muốn, thâu nhiếp sáu căn. Sau khi diệt độ, tháp của Ngài còn từ chối [tiền bằng] vỏ sò [do nhà vua dâng cúng]. Do thường thích nhàn cư, chẳng thích ở trong đại chúng, cũng gọi là đệ nhất.*

***Diễn**: "Tháp do khước bối": Vua A Dục lễ tháp của các vị La Hán. Kế đó, lễ đến tháp của ngài Bạc Câu La, bèn nói kệ rằng: "Tuy tự nung vô minh, ít làm lợi cho đời". Nhân đó, bèn dâng cúng hai mươi vỏ sò; nhưng vỏ sò từ tháp bay ra, dính vào chân vua. Các quan đều kinh ngạc, lấy làm lạ. Vì cớ sao vậy? Ấy là do tôn giả bình sanh nhàn tĩnh, thiểu dục, tháp của Ngài còn có sức như thế).*

(Sớ) A Nậu Lâu Đà giả, nhất danh A Na Luật Đà, thử vân Vô Bần, diệc vân Vô Diệt, diệc vân Như Ý, Thiên Nhãn đệ nhất.

(Sao) Vô Bần giả, tích ư cơ thế, tằng dĩ tắc phạn thí Bích Chi Phật, cửu thập nhất kiếp, tư dụng sung túc. Chí kim bất diệt, sở cầu như ý, cố hữu Vô Bần đẳng tam dịch. Thiên Nhãn đệ nhất giả, xuất gia hỷ miên. Phật thuyết pháp thời, hôn thụy bất giác. Phật nãi ha trách, tỷ chi loa cáp. Phát phẫn tinh tấn, kinh thất trú dạ, nhãn bất giao tiệp, thất kỳ

song mục. Phật giáo tu tập Nhạo Kiến Chiếu Minh Kim Cang tam-muội, toại đắc Thiên Nhãn, quán đại thiên giới như đổ chưởng quả.

(Diễn) Tư dụng sung túc giả, tức đệ nhất danh nghĩa. Chí kim bất diệt, tức đệ nhị danh nghĩa. Sở cầu như ý, tức đệ tam danh nghĩa. Tỷ chi loa cáp giả, tôn giả thính pháp chi thứ, đa hôn thụy, Phật trách vân: "Đốt đốt hà vi thụy? Loa si bạng cáp loại, nhất thụy, thụy thiên niên, bất văn Phật danh tự". Nhạo Kiến Chiếu Minh Kim Cang tam-muội giả, chú tâm dục kiến, chiếu minh vạn pháp chi kiến tánh, danh Nhạo Kiến Chiếu Minh. Thử tam-muội năng hoại vạn pháp, vạn pháp bất năng hoại thử tam-muội, cố danh Kim Cang.

(疏)阿耨樓馱者，一名阿那律陀，此云無貧，亦云無滅，亦云如意，天眼第一。

(鈔)無貧者，昔於饑世，曾以稷飯施辟支佛，九十一劫，資用充足。至今不滅，所求如意，故有無貧等三譯。天眼第一者，出家喜眠。佛說法時，昏睡不覺。佛乃呵責，比之螺蛤。發憤精進，經七晝夜，眼不交睫，失其雙目。佛教修習樂見照明金剛三昧，遂得天眼，觀大千界如睹掌果。

(演)資用充足者，即第一名義。至今不滅，即第二名義。所求如意，即第三名義。比之螺蛤者，尊者聽法之次，多昏睡，佛責云：咄咄何為睡？螺螄蚌蛤類，一睡，一千年，不聞佛名字。樂見照明金剛三昧者，注心欲見，照明萬法之見性，名樂見照明。此三昧能壞萬法，萬法不能壞此三昧，故名金剛。

*(**Sớ**: A Nậu Lâu Đà (Aniruddha), còn gọi là A Na Luật Đà, cõi này dịch là Vô Bần, cũng gọi là Vô Diệt, hoặc còn gọi là Như Ý, Thiên Nhãn đệ nhất.*

***Sao**: Vô Bần: Xưa kia trong đời đói kém, Ngài từng đem cơm bằng gạo Tắc thí cho một vị Bích Chi Phật, nên chín mươi mốt kiếp tiêu dùng sung túc. Đến nay bất diệt, sở cầu như ý, cho nên mới có ba cách dịch như Vô Bần v.v... Thiên Nhãn bậc nhất, Ngài xuất gia, thích ngủ. Lúc đức Phật thuyết pháp, tôn giả ngủ mê mệt, chẳng tỉnh. Phật bèn quở trách, sánh ví như ốc, hàu. Ngài phát phẫn tinh tấn, trải qua bảy ngày đêm, mắt chẳng nhắm lại, cho nên mù cả hai mắt. Đức Phật dạy Ngài tu tập Nhạo Kiến*

Chiếu Minh Kim Cang tam-muội, bèn đắc Thiên Nhãn. Nhìn cõi đại thiên như thấy trái cây đang nắm trong tay.

***Diễn**: "Tiêu dùng sung túc" chính là ý nghĩa của tên gọi thứ nhất (Vô Bần). Đến nay chẳng diệt là ý nghĩa của tên gọi thứ hai (Vô Diệt). Điều mong cầu như ý, tức là ý nghĩa của tên gọi thứ ba (Như Ý). "Giống như ốc, hàu": Mỗi lần tôn giả nghe pháp, phần nhiều ngủ mê. Đức Phật quở trách: "Chao ôi! Cớ sao ngủ? Giống ốc, nghêu, sò, hàu. Hễ ngủ, ngủ ngàn năm, chẳng nghe danh tự Phật". Nhạo Kiến Chiếu Minh Kim Cang tam-muội: Chú tâm muốn thấy, kiến tánh soi tỏ vạn pháp, được gọi là Nhạo Kiến Chiếu Minh. Tam-nuội ấy có thể phá hoại vạn pháp, nhưng vạn pháp chẳng thể phá hoại tam-muội ấy. Cho nên gọi là Kim Cang).*

Nhị, tổng kết

(Kinh) Như thị đẳng chư đại đệ tử.

(Sớ) Như thị giả, kết thượng. Đẳng giả, lệ dư. Đại giả, thâu tiền Đại nghĩa. Đệ tử giả, học tại sư hậu viết Đệ; giải tùng sư sanh viết Tử. Như tư thắng hội, khả vị "nan đệ, nan huynh, thiện tác, thiện thuật".

(Diễn) Nan đệ nan huynh giả, Đông Hán Thái Khâu trưởng Trần Thật, sanh nhị tử, trưởng viết Nguyên Phương, thứ viết Quý Phương, câu hữu tuấn tài. Nhị tử chi tử, các luận phụ công đức, nghệ tổ quyết kỳ ưu liệt. Thật viết: "Nguyên Phương nan vi huynh, Quý Phương nan vi đệ".

二、總結。

(經)如是等諸大弟子。

(疏)如是者，結上。等者，例餘。大者，收前大義。弟子者，學在師後曰弟；解從師生曰子。如斯勝會，可謂難弟難兄，善作善述。

(演)難弟難兄者，東漢太丘長陳寔，生二子，長曰元方，次曰季方，俱有俊才。二子之子，各論父功德，詣祖決其優劣。寔曰：元方難為兄，季方難為弟。

(Hai, tổng kết.

***Kinh**: Các vị đại đệ tử như thế.*

***Sớ**: "Như thị" nhằm kết lại phần trên. "Đẳng" là nói đến những vị khác. "Đại" gồm thâu ý nghĩa của chữ Đại trong phần trên. "Đệ tử": Học sau thầy, nên gọi là Đệ; sự hiểu biết do thầy mà sanh ra, nên gọi là*

Tử. Hội thù thắng như thế, có thể nói "em khó có, mà anh cũng khó có, khéo làm, khéo thuật".

***Diễn**: "Em khó có mà anh cũng khó có": Đời Đông Hán, người đứng đầu xứ Thái Khâu là Trần Thật sanh ra hai người con, trưởng là Nguyên Phương, thứ là Quý Phương, đều là bậc tài cao. Con của hai ông ấy khi luận định công đức của cha, bèn tìm đến ông nội để cụ phán định ai hơn, ai kém. Trần Thật nói: "Nguyên Phương là anh khó có, mà Quý Phương làm em cũng khó có").*

(Sao) "Kết thượng, lệ dư" giả, tiền kết thập lục tôn giả, hậu lệ thiên nhị bách nhân dã. "Thâu tiền Đại nghĩa" giả, thử đại đệ tử, tức tiền đại tỳ-kheo, đại A La Hán, dĩ nhất Đại tự nhiếp tiền nhị dã. "Học tại sư hậu" giả, tiên giác, hậu giác, như huynh tiên, đệ hậu cố. "Giải tùng sư sanh" giả, khải phát, dục dưỡng, nhi thành pháp khí, sở vị: "Tùng Phật khẩu sanh, đương thiệu Phật chủng", như phụ mẫu sanh tử cố. "Nan đệ, nan huynh" giả, cổ xưng Nguyên Phương nan vi huynh, Quý Phương nan vi đệ, ngôn huynh hào đệ tuấn, vô khả ưu liệt. Kim bất thủ bỉ ý, lược dụ Phật vi huynh, chư A La Hán vi đệ, nhị câu nan đắc cố. "Thiện tác, thiện thuật" giả, cổ xưng Văn Vương dĩ Vương Quý vi phụ, phụ tác ư tiền, dĩ Vũ Vương vi tử, tử thuật ư hậu. Kim diệc bất thủ bỉ ý. Lược dụ Phật vi phụ, chư A La Hán vi tử, sư tư đạo hiệp cố.

(鈔)結上例餘者，前結十六尊者，後例千二百人也。收前大義者，此大弟子，即前大比丘，大阿羅漢，以一大字攝前二也。學在師後者，先覺後覺，如兄先弟後故。解從師生者，啟發育養，而成法器，所謂：從佛口生，當紹佛種，如父母生子故。難弟難兄者，古稱元方難為兄，季方難為弟，言兄豪弟俊，無可優劣。今不取彼意，略喻佛為兄，諸阿羅漢為弟，二俱難得故。善作善述者，古稱文王以王季為父，父作於前，以武王為子，子述於後。今亦不取彼意。略喻佛為父，諸阿羅漢為子，師資道協故。

*(**Sao**: "Kết phần trước, nói đến những người khác" là tiểu kết [phần kinh văn nói về] mười sáu vị tôn giả trong phần trước, sau đó nhắc tới một ngàn hai trăm vị [Thường Tùy Chúng] cũng theo lệ ấy. "Gồm thâu ý nghĩa chữ Đại trong phần trên": Các vị đại đệ tử ấy, chính là đại tỳ-*

kheo, đại A La Hán trong phần trước, dùng một chữ Đại để gồm trọn hai ý nghĩa được nói trong phần trên.

"Học sau thầy" là tiên giác và hậu giác, như anh trước, em sau. "Sự hiểu biết do thầy mà sanh" là khơi gợi, phát khởi, vun bồi, biến thành pháp khí, cho nên gọi là "sanh từ miệng Phật, sẽ nối tiếp dòng giống Phật", giống như cha mẹ sanh ra con cái. "Em khó có mà anh cũng khó có", cổ nhân nói Nguyên Phương khó thể làm anh, Quý Phương khó thể làm em, ý nói anh em đều tài trí, chẳng thể nói ai hơn, ai kém. Ở đây, không dùng ý nghĩa ấy, chỉ tạm sánh ví Phật là anh, các A La Hán là em; vì cả hai đều khó có.

"Khéo làm, khéo thuật" là cổ nhân nói tới Văn Vương, do cha Văn Vương là Vương Quý đã làm từ trước (sáng lập công nghiệp), con Văn Vương là Vũ Vương kế tục công nghiệp; nay cũng chẳng dùng ý nghĩa này, mà nhằm sánh ví đại lược, Phật là cha, các vị A La Hán là con, do thầy trò giúp đạo cho nhau vậy).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vương số dung thông, thị Phật dữ đệ tử câu nghĩa.

(Diễn) Vương số dung thông giả, vương ngoại vô số, số ngoại vô vương, nhất tâm dung thông. Cố vương sở dung thông.

(疏)稱理，則自性王數融通，是佛與弟子俱義。

(演)王數融通者，王外無數，數外無王，一心融通。故王所融通。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tâm vương, tâm số (tâm sở) trong tự tánh dung thông chính là ý nghĩa Phật và đệ tử cùng tụ hội.*

***Diễn**: "Tâm vương, tâm số dung thông": Ngoài tâm vương không có tâm số, ngoài tâm số không có tâm vương, nhất tâm dung thông. Do vậy, tâm vương và tâm sở dung thông).*

(Sao) Thai giáo vân, "tâm vương Như Lai, tâm số đệ tử". Kim thích vị vương giả, bát thức dã. Thử bát thức giả, thiện ác luân chuyển, diêu chi chủ tể, như vương ngự thần, như sư suất đệ tử cố.

(Diễn) Thiện ác luân chuyển diêu chi chủ tể giả, dĩ tiền lục thức, thông thiện, ác, vô ký tam tánh, năng tạo hữu lậu tam nghiệp, năng chiêu khổ lạc nhị báo. Thất thức thị hữu phú vô ký tánh, hằng dữ ngã si, ngã kiến, ngã ái, ngã mạn, bát đại tương ứng, niệm niệm chấp đệ bát

thức Kiến Phần vi Ngã. Duy đệ bát thức thị vô phú vô ký tánh, bất tạo thiện, ác đẳng nghiệp, nãi nhất kỳ tổng báo chủ cố.

(鈔)台教云，心王如來，心數弟子。今釋謂王者，八識也。此八識者，善惡輪轉，繇之主宰 ，如王御臣 ，如師率弟子故。

(演)善惡輪轉繇之主宰者，以前六識 ，通善惡無記三性，能造有漏三業，能招苦樂二報。七識是有覆無記性，恒與我癡，我見，我愛，我慢，八大相應，念念執第八識見分為我。唯第八識是無覆無記性，不造善惡等業，乃一期總報主故。

*(**Sao**: Theo giáo nghĩa của tông Thiên Thai, tâm vương là Như Lai, tâm số là đệ tử. Nay giải thích, nói đến Vương là nói tới tám thức. Tám thức ấy làm chủ tể của sự luân chuyển trong đường thiện, nẻo ác, như vua cai trị bầy tôi, như thầy dẫn dắt trò.*

***Diễn**: "Làm chủ thể của sự luân chuyển trong đường thiện, nẻo ác": Do sáu thức trước thông với ba tánh thiện, ác, vô ký (không thiện không ác), có thể tạo ba nghiệp hữu lậu, có thể chiêu cảm hai quả báo khổ và lạc. Thức thứ bảy có tánh chất hữu phú vô ký, thường tương ứng với ngã si, ngã kiến, ngã ái, ngã mạn, và tám đại. Trong mỗi niệm đều chấp Kiến Phần của thức thứ tám làm Ngã. Thức thứ tám trong Duy Thức có tánh chất vô phú vô ký, chẳng tạo các nghiệp thiện, ác chính là tổng báo chủ trong một kỳ hạn sanh tử).*

(Sao) Số giả, ngũ thập nhất tâm sở dã. Thử ngũ thập nhất, nhất tắc hằng y tâm khởi, nhị tắc dữ tâm tương ứng, tam tắc hệ thuộc ư tâm. Kỳ ư bát thức, như thần hướng quân, như đệ tử phụng sư cố.

(Diễn) Ngũ thập nhất tâm sở giả, Biến Hành hữu ngũ, Biệt Cảnh hữu ngũ, Thiện hữu thập nhất, Căn Bản Phiền Não hữu lục, Tùy Phiền Não nhị thập, Bất Định hữu tứ. Hằng y tâm khởi tam nghĩa, thị thích danh vi tâm sở chi nghĩa. Hằng y tâm khởi giả, tâm vương bất khởi, tâm sở bất khởi dã. Dữ tâm tương ứng giả, hằng dữ tâm vương tương ứng bất ly dã. Hệ thuộc ư tâm giả, tâm sở hệ thuộc tâm vương, như bát thức hữu ngũ Biến Hành, thất thức hữu thập bát, tiền ngũ tam thập tứ, lục thức cụ túc ngũ thập nhất dã.

(鈔)數者，五十一心所也。此五十一，一則恆依心起，二則與心相應，三則係屬於心。其於八識，如臣向君，如弟子奉師故。

(演)五十一心所者，遍行有五，別境有五，善有十一，根本煩惱有六，隨煩惱二十，不定有四。恒依心起三義，是釋名為心所之義。恒依心起者，心王不起，心所不起也。與心相應者，恒與心王相應不離也。係屬於心者，心所係屬心王，如八識有五遍行，七識有十八，前五三十四，六識具足五十一也。

*(**Sao**: "Số" là năm mươi mốt tâm sở. Năm mươi mốt món ấy, một là luôn nương vào tâm để sanh khởi, hai là tương ứng với tâm, ba là phụ thuộc vào tâm. Đối với tám thức, các tâm sở giống như bầy tôi hướng về vua, như đệ tử phụng sự thầy.*

***Diễn**: "Năm mươi mốt tâm sở": [Bao gồm] năm món Biến Hành, năm món Biệt Cảnh, mười một món Thiện, sáu món Căn Bản Phiền Não, hai mươi món Tùy Phiền Não, và bốn món Bất Định. "Do ba nghĩa luôn y tâm mà dấy lên" chính là giải thích ý nghĩa vì sao gọi là "tâm sở".*

"Luôn nương vào tâm để sanh khởi": Nếu tâm vương chẳng dấy lên, tâm sở sẽ chẳng sanh khởi. "Tương ứng với tâm": Luôn tương ứng với tâm vương, chẳng rời lìa. "Phụ thuộc vào tâm": Tâm sở phụ thuộc tâm vương, như thức thứ tám có năm món Biến Hành, thức thứ bảy có mười tám món [tâm sở], năm thức trước, mỗi thứ có ba mươi bốn [tâm sở], thức thứ sáu có đủ năm mươi mốt [tâm sở]).

(Sao) Hựu Trí Giác vân: "Thập đại Thanh Văn, giai thị tự tâm thập thiện pháp số". Tỳ Đàm kệ vân: "Dục, Tưởng, Cánh Nhạo, Huệ, Niệm, Tư, cập Giải Thoát, Tác Ý ư cảnh giới, Tam-ma-đề dĩ Thống".

(Diễn) Trí Giác, tức Vĩnh Minh Thọ thiền sư. Dục, tưởng, cánh nhạo đẳng giả, Dục tức Biệt Cảnh trung Dục, ư sở nhạo cảnh hy vọng vi tánh, cần y vi nghiệp. Tưởng tức Biến Hành trung Tưởng, ư cảnh thủ tướng vi tánh, thi thiết chủng chủng danh ngôn vi nghiệp. Cánh Nhạo tức Biến Hành trung Xúc, linh tâm, tâm sở xúc cảnh vi tánh, Thọ, Tưởng, Tư đẳng sở y vi nghiệp. Huệ tức Biệt Cảnh trung Huệ, ư sở quán cảnh giản trạch vi tánh, đoạn nghi vi nghiệp. Niệm tức Biệt Cảnh trung Niệm, ư tằng tập cảnh, linh tâm minh ký vi tánh, Định y vi nghiệp.

Tư tức Biến Hành trung Tư, linh tâm tạo tác vi tánh, ư thiện phẩm đẳng dịch tâm vi nghiệp. Giải Thoát tức Biệt Cảnh trung Giải Thoát, ư quyết định cảnh ấn trì vi tánh, bất khả dẫn chuyển vi nghiệp. Tác ý, tức Biến Hành trung Tác Ý, năng cảnh tâm vi tánh, ư sở duyên cảnh dẫn tâm vi nghiệp. Tam Ma Đề tức Biệt Cảnh trung Định, ư sở quán cảnh linh tâm chuyên chú bất tán vi tánh, trí y vi nghiệp. Thống tức Biến Hành trung Thọ, lãnh nạp vi thuận phi tha cảnh tướng vi tánh, khởi dục vi nghiệp.

(鈔)又智覺云：十大聲聞 ，皆是自心十善法數 。毗曇偈云：欲想更樂，慧念思及解脫，作意於境界，三摩提以痛。

(演)智覺，即永明壽禪師。欲想更樂等者，欲即別境中欲，於所樂境希望為性，勤依為業。想即遍行中想，於境取相為性，施設種種名言為業。更樂即遍行中觸，令心，心所觸境為性，受想思等所依為業。慧即別境中慧，於所觀境揀擇為性，斷疑為業。念即別境中念，於曾習境，令心明記為性，定依為業。思即遍行中思，令心造作為性，於善品等役心為業。解脫即別境中勝解，於決定境印持為性，不可引轉為業。作意即遍行中作意，能警心為性，於所緣境引心為業。三摩提即別境中定，於所觀境令心專注不散為性，智依為業。痛即遍行中受，領納違順非他境相為性，起欲為業。

*(**Sao**: Lại nữa, ngài Trí Giác dạy: "Mười vị đại Thanh Văn đều là mười thiện tâm sở trong tự tâm". A Tỳ Đàm Luận có bài kệ: "Dục, Tưởng, Cánh Nhạo, Huệ; Niệm, Tư và Giải Thoát; Tác Ý nơi cảnh giới; Tam-ma-đề và Thọ".*

***Diễn**: Trí Giác tức thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ. "Dục, Tưởng, Cánh Nhạo v.v...": Dục tức là Dục trong Biệt Cảnh Tâm Sở, có tánh chất mong mỏi đối với cảnh ưa thích, có nghiệp (tác dụng) siêng năng nương tựa. Tưởng tức là Tưởng trong Biến Hành Tâm Sở, có tánh chất chấp tướng nơi cảnh, có tác dụng lập bày đủ mọi danh từ, ngôn ngữ. Cánh Nhạo tức Xúc trong Biến Hành, có tánh chất khiến cho tâm và tâm sở tiếp xúc cảnh, có tác dụng làm chỗ nương tựa cho Thọ, Tưởng, Tư v.v... Huệ tức là Huệ trong Biệt Cảnh, có tánh chất chọn lựa, phân biệt cảnh được quán, có tác dụng đoạn nghi. Niệm tức là Niệm trong Biệt Cảnh, có tánh*

chất khiến cho cái tâm ghi nhớ rõ ràng những cảnh đã từng trải qua, có tác dụng nương nhờ chắc chắn. Tư tức Tư trong Biến Hành, có tánh chất tâm tạo tác, có tác dụng chú tâm nơi các thiện phẩm v.v... Giải Thoát tức là Giải Thoát trong Biệt Cảnh, có tánh chất in hằn, gìn giữ đối với cảnh quyết định, có tác dụng chẳng thể dẫn khởi, chuyển biến. Tác Ý chính là Tác Ý trong Biến Hành Tâm Sở, có tánh chất là tâm cảnh tỉnh, có tác dụng chẳng thể dẫn chuyển. Tác Ý chính là Tác Ý trong Biệt Cảnh, có tánh chất cảnh giác của tâm, có tác dụng làm đối tượng duyên theo cảnh để dẫn khởi cái tâm. Tam Ma Đề chính là Định trong Biệt Cảnh, có tánh chất khiến cho cái tâm chuyên chú, chẳng tán loạn đối với cảnh được quán, có tác dụng nương vào trí. Thống là Thọ trong Biến Hành, có tánh chất nhận lãnh các cảnh tướng trái nghịch hay tùy thuận đối với chính mình, có tác dụng dấy lên lòng ham muốn).

(Sao) Thị tri Đại Ca Diếp giả, tâm Dục số, dĩ chí tồn xuất yếu, thiện dục tâm phát, xả thế ác dục cố. Phú Lâu Na giả, tâm Tưởng số, dĩ tưởng tắc phân biệt, biện tài vô ngại cố. Ca Chiên Diên giả, Cánh Nhạo số, dĩ vấn đáp vãng phục, cánh tương thiệp nhập, luận nghị bất cùng cố. Nãi chí Huệ Xá Lợi Phất, Niệm Ưu Ba Ly, Tư La Hầu La, Giải Thoát Thiện Cát, Tác Ý Na Luật, Tam-ma Mục Liên, Thống A Nan đẳng. Thống giả, Thọ dã, lãnh nạp ý dã. Vương tất cụ số, số tất quy vương, thử nhị tương phù, nhi thủ khai ngộ. Nhược vương, nhược số, bất xuất tự tâm; đản đắc nhất tâm, vương số câu tận.

(Diễn) Ca Diếp, tâm Dục số giả, Ca Diếp tu hành thập nhị Đầu Đà khổ hạnh, nhạo siêu tam giới, nhạo chứng Niết Bàn, xả ly thế gian ngũ dục, như khí thế thổ cố. Phú Lâu Na tâm Tưởng số giả, Phú Lâu Na thuyết pháp đệ nhất, diễn thuyết Khổ, Không, thâm đàm Thật Tướng, duy Tưởng vi tiên; dĩ Tưởng năng quán cơ thuyết pháp, Tứ Biện tuyên diễn cố. Ca Chiên Diên, Cánh Nhạo số giả, Chiên Diên nghị luận đệ nhất. Dĩ nghị luận thời, tân chủ vấn đáp, chủng chủng diệu nghĩa, xúc cảnh nhi sanh, cánh hỗ thiệp nhập, bỉ thử giai đắc pháp lạc cố. Huệ, Xá Lợi Phất giả, Thu Tử trí huệ đệ nhất, đắc vô nghi giải thoát, chánh hợp đoạn nghi vi nghiệp cố. Niệm, Ưu Ba Ly giả, Ba Ly trì giới đệ nhất, dĩ do hằng trì chánh niệm, minh ký bất vong, phương năng kiểm thúc thân tâm, vô phạm hủy cố. Tư, La Hầu La giả, La Hầu mật hạnh đệ nhất, bí mật chi hạnh, phi chánh tư duy, bất năng thành tựu cố. Giải Thoát, Thiện Cát giả, Thiện Cát giải Không đệ nhất, thắng giải ấn trì, bất khả dẫn chuyển, giải thoát nhất thiết hữu vi cố. Tác Ý, Na Luật giả,

Na Luật thiên nhãn đệ nhất, dĩ Tiểu Thừa thiên nhãn nãi tác ý thông, tác ý năng kiến đại thiên. Nhược bất tác ý, bất năng xuyên châm cố. Tam-ma, Mục Liên giả, Mục Liên thần thông đệ nhất. Thông do Định phát, tịnh cực quang thông cố. Thống, A Nan giả, A Nan đa văn đệ nhất, đắc văn tự tổng trì, lãnh thọ bất thất cố. Thử nhị tương phù, nhi thủ khai ngộ cố. Số nhược phi vương, tùng thùy dẫn khởi? Dữ thùy tương ứng? Hệ thuộc ư thùy? Như thần thất quân, đệ tử vô sư, vô sở y cố, hà do khai ngộ? Thị tất tu vương phù số dã. Vương nhược phi số, tắc sổ đẳng thập thiện pháp số bất sanh, bất năng dẫn tâm xúc cảnh, lãnh nạp tiền cảnh, nãi chí chánh niệm, định, huệ, nhất thiết giai vô, diệc bất năng khai ngộ. Thị tất tu số phù vương dã. Nhược vương, nhược số tứ cú, thỉ do nhất niệm vô minh, mê tự tâm nguyên, nhi thành bát thức. Tùng bát thức tâm vương, dẫn sanh tâm sở. Như không sanh vân vụ, hải khởi ba đào. Kim vương số tương phù, khai ngộ tự tâm, tắc nùng vân bạc vụ, tổng tác tình không, cự lãng vi ba, hàm thành chỉ thủy, tận pháp giới duy nhất chân tâm, cánh vô vương số khả đắc dã.

(鈔)是知大迦葉者，心欲數，以志存出要，善欲心發，捨世惡欲故。富樓那者，心想數，以想則分別，辯才無礙故。迦旃延者，更樂數，以問答往復，更相涉入，論議不窮故。乃至慧舍利弗，念優波離，思羅睺羅，解脫善吉，作意那律，三摩目連，痛阿難等。痛者，受也，領納意也。王必具數，數必歸王，此二相扶，而取開悟。若王若數，不出自心；但得一心，王數俱盡。

(演)迦葉，心欲數者，迦葉修行十二頭陀苦行，樂超三界，樂證涅槃，捨離世間五欲，如棄涕吐故。富樓那心想數者，富樓說法第一，演說苦空，深談實相，唯想為先；以想能觀機說法，四辯宣演故。迦旃延，更樂數者，旃延議論第一。以議論時，賓主問答，種種妙義，觸境而生，更互涉入，彼此皆得法樂故。慧，舍利弗者，鶖子智慧第一，得無疑解脫，正合斷疑為業故。念，優波離者，波離持戒第一，以由恒持正念，明記不忘，方能檢束身心，無犯毀故。思，羅喉羅者，羅喉密行第一，祕密之行，非正思惟，不能成就故。解脫，善吉者，善吉解空第一，勝解

印持，不可引轉，解脫一切有為故。作意，那律者，那律天眼第一，以小乘天眼乃作意通，作意能見大千。若不作意，不能穿針故。三摩，目連者，目連神通第一。通由定發，淨極光通故。痛，阿難者，阿難多聞第一，得文字總持，領受不失故。此二相扶，而取開悟者。數若非王，從誰引起？與誰相應？係屬於誰？如臣失君，弟子無師，無所依故，何由開悟？是必須王扶數也。王若非數，則數等十善法數不生，不能引心觸境，領納前境，乃至正念定慧，一切皆無，亦不能開悟。是必須數扶王也。若王，若數四句，始由一念無明，迷自心源，而成八識。從八識心王，引生心所。如空生雲霧，海起波濤。今王數相扶，開悟自心，則濃雲薄霧，總作晴空，巨浪微波，咸成止水，盡法界唯一真心，更無王數可得也。

(***Sao**: Do vậy biết ngài Đại Ca Diếp chính là Dục tâm sở, bởi tâm chuyên chú nơi đạo xuất thế trọng yếu, tâm ham muốn điều lành dấy lên, bỏ ác dục thế gian. Ngài Phú Lâu Na là Tưởng tâm sở, do Tưởng nên phân biệt, biện tài vô ngại. Ngài Ca Chiên Diên là Xúc tâm sở, do hỏi đáp qua lại, thâm nhập lẫn nhau, luận nghị chẳng cùng tận. Cho đến Xá Lợi Phất là Huệ, Ưu Ba Ly là Niệm, La Hầu La là Tư, Thiện Cát (Tu Bồ Đề) là Giải Thoát, A Na Luật là Tác Ý, Mục Liên là Tam-ma-đề, A Nan là Thống. Thống là Thọ, mang ý nghĩa nhận lãnh. Tâm vương ắt có tâm sở, tâm sở ắt quy vào tâm vương. Hai thứ ấy nâng đỡ lẫn nhau, sẽ đạt được khai ngộ. Dù tâm vương hay tâm sở, đều chẳng ra ngoài tự tâm. Chỉ cần đắc nhất tâm thì tâm vương lẫn tâm sở đều mất.*

***Diễn**: "Ngài Ca Diếp là Dục tâm sở": Ngài Ca Diếp tu mười hai khổ hạnh Đầu Đà, thích vượt thoát tam giới, thích chứng Niết Bàn, lìa bỏ ngũ dục của thế gian như vứt bỏ đờm, rãi. "Ngài Phú Lâu Na là Tưởng tâm sở": Ngài Phú Lâu Na thuyết pháp bậc nhất. Để diễn thuyết Khổ, Không, đàm luận sâu xa Thật Tướng, chỉ có Tưởng đứng đầu, bởi do Tưởng mà có thể quan sát căn cơ hòng thuyết pháp [phù hợp], dùng bốn thứ vô ngại biện tài để tuyên diễn. "Ngài Ca Chiên Diên là Cánh Nhạo tâm sở": Ngài Ca Chiên Diên nghị luận bậc nhất. Do lúc nghị luận, chủ và khách hỏi đáp, các thứ diệu nghĩa sẽ do tiếp xúc với cảnh mà sanh, dung nhập lẫn nhau, đôi bên đều đắc pháp lạc.*

"Ngài Xá Lợi Phất là Huệ": Ngài Thu Tử (Xá Lợi Phất) trí huệ bậc nhất, đạt được môn giải thoát chẳng nghi ngờ, rất phù hợp tác dụng đoạn nghi. "Ngài Ưu Ba Ly là Niệm": Ngài Ưu Ba Ly trì giới bậc nhất, do luôn giữ chánh niệm, nhớ rõ chẳng quên, mới có thể kềm giữ thân tâm, chẳng hủy phạm. "Ngài La Hầu La là Tư": Ngài La Hầu La mật hạnh bậc nhất. Hạnh bí mật mà nếu không có chánh tư duy, sẽ chẳng thể thành tựu. "Ngài Thiện Cát là Giải Thoát": Ngài Thiện Cát (Tu Bồ Đề) hiểu Không bậc nhất. Do kiến giải thù thắng gìn giữ như được in sâu vào tâm, chẳng thể lay chuyển, thoát khỏi hết thảy các pháp hữu vi. "Ngài A Na Luật là Tác Ý": Ngài A Na Luật thiên nhãn bậc nhất. Do thiên nhãn của Tiểu Thừa là thứ thần thông cần phải tác ý, có tác ý thì mới có thể thấy tam thiên đại thiên thế giới. Nếu chẳng tác ý, sẽ chẳng thể xỏ kim. "Ngài Mục Liên là Tam-ma-đề": Ngài Mục Liên thần thông bậc nhất. Thần thông do Định phát sanh, vì tịnh đến cùng cực sẽ sáng suốt. "Ngài A Nan là Thọ": Ngài A Nan đa văn bậc nhất, đạt được văn tự tổng trì, lãnh nhận chẳng bị mất đi.

"Hai pháp ấy giúp đỡ lẫn nhau hòng đạt được khai ngộ": Nếu tâm sở chẳng có tâm vương, nó sẽ phát sanh từ đâu? Tương ứng với gì? Phụ thuộc vào gì? Như bầy tôi mất vua, như học trò không thầy, không có nơi nương cậy, nhờ đâu mà khai ngộ? Do vậy, tâm vương ắt cần phải phù trợ tâm sở. Tâm vương nếu chẳng có tâm sở, thì các tâm sở như mười thiện pháp tâm sở v.v... sẽ chẳng sanh, chẳng thể dẫn khởi tâm tiếp xúc cảnh, nhận lãnh tiền cảnh, cho đến chánh niệm, định, huệ, hết thảy đều không, cũng chẳng thể khai ngộ. Do vậy, tâm sở ắt cần phù trợ tâm vương.

Bốn câu "dù tâm vương hay tâm số...": Thoạt đầu là do một niệm vô minh, mê mất nguồn tâm của chính mình, bèn thành tám thức. Từ tám thức tâm vương, dẫn sanh tâm sở, như hư không sanh mây mù, biển dậy sóng cuồn cuộn. Nay tâm vương và tâm số giúp đỡ lẫn nhau, khai ngộ tự tâm, mây dầy sương mỏng đều thành trời quang. Sóng to, sóng nhỏ đều thành nước lặng, trọn hết pháp giới là chân tâm duy nhất, chẳng còn tâm vương và tâm số để có thể đạt được nữa).

Nhị, Bồ Tát chúng (tam): Sơ, minh loại. Nhị, liệt danh. Tam, tổng kết.

Sơ, minh loại.

(Kinh) Tịnh chư Bồ Tát Ma Ha Tát.

(Sớ) Tịnh giả, thừa tiền, ngôn Phật thuyết thử kinh, bất đản Thanh Văn dự hội, đại sĩ diệc sở đồng văn dã. Bồ Tát giả, Phạn ngữ, cụ

vân Bồ Đề Tát Đỏa, kim cử nhị tự, tỉnh văn dã. Thử vân Giác Hữu Tình. Giác Tình phục hữu tam nghĩa, hựu dũng mãnh cầu nghĩa. Ma Ha Tát giả, thử vân Đại Đạo Tâm Chúng Sanh, dĩ cụ tứ chủng đại cố. Hựu Pháp Hoa lục đại, Phật Địa tam đại, bất xuất tứ cố. Bồ Tát Ma Ha Tát, do vân Bồ Tát trung Đại Bồ Tát dã, giản phi chư tiểu Bồ Tát cố.

(Sao) Bất đản Thanh Văn giả, ngôn Tiểu Thừa, Đại Thừa, nhất thiết hiền thánh, cộng văn thử kinh, vô vị Tịnh Độ vi Bồ Tát sở bất tiết dã. Giác Hữu Tình giả, đồng Phật sở chứng chi vị Giác, vô minh vị tận chi vị Tình dã.

(Diễn) Vô vị Tịnh Độ Bồ Tát bất tiết giả, Tiết giả, khiết dã. Bất khiết giả, bất dĩ kỳ pháp vi khiết, nhi viễn ly chi dã. Hữu dĩ niệm Phật cầu sanh, đản hóa ngu phu, phi Đại Thừa Bồ Tát sự! Tắc kim thử kinh, bất ưng Bồ Tát đồng văn dã. Ký thị đồng văn, khởi khả dĩ Tịnh Độ, vị Bồ Tát sở bất tiết?

二、菩薩眾(三)：初、明類。二、列名。三、總結。

初、明類。

(經)並諸菩薩摩訶薩。

(疏)並者，承前，言佛說此經，不但聲聞與會，大士亦所同聞也。菩薩者，梵語，具云菩提薩埵，今舉二字，省文也。此云覺有情。覺情復有三義，又勇猛求義。摩訶薩者，此云大道心眾生，以具四種大故。又法華六大，佛地三大，不出四故。菩薩摩訶薩，猶云菩薩中大菩薩也，揀非諸小菩薩故。

(鈔)不但聲聞者，言小乘，大乘，一切賢聖，共聞此經，毋謂淨土為菩薩所不屑也。覺有情者，同佛所證之謂覺，無明未盡之謂情也。

(演)毋謂淨土菩薩不屑者，屑者，潔也。不潔者，不以其法為潔，而遠離之也。有以念佛求生，但化愚夫，非大乘菩薩事！則今此經，不應菩薩同聞也。既是同聞，豈可以淨土，為菩薩所不屑？

(Hai, các vị Bồ Tát (gồm ba phần): Một, nói rõ loại. Hai, kể tên. Ba, tổng kết.

Một, nói rõ loại.

***Kinh**: Và các vị Bồ Tát Ma Ha Tát.*

***Sớ**: Chữ "Tịnh" tiếp nối phần trước, nhằm nói đức Phật thuyết kinh này, không chỉ Thanh Văn tham dự mà các vị đại sĩ cũng cùng nghe. Bồ Tát là tiếng Phạn, nói đủ là Bồ Đề Tát Đỏa, nay nêu hai chữ [Bồ Tát] là nói gọn. Phương này dịch là Giác Hữu Tình. Giác Hữu Tình lại có ba nghĩa, lại có nghĩa là "dũng mãnh mong cầu". Cõi này dịch Ma Ha Tát là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh do trọn đủ bốn nghĩa Đại. Lại nữa, sáu nghĩa Đại trong kinh Pháp Hoa, ba nghĩa Đại trong Phật Địa Luận đều không ra ngoài bốn thứ Đại ấy. [Xưng tụng một vị Bồ Tát là] Bồ Tát Ma Ha Tát giống như nói Ngài là bậc Đại Bồ Tát trong các vị Bồ Tát, nhằm phân biệt các Ngài chẳng phải là các tiểu Bồ Tát.*

***Sao**: "Không chỉ Thanh Văn": Ý nói Tiểu Thừa, Đại Thừa, hết thảy hiền thánh cùng nghe kinh này, chớ nói Bồ Tát coi rẻ Tịnh Độ. Giác Hữu Tình: Sở chứng giống như chư Phật là Giác, vô minh chưa hết là Tình.*

***Diễn**: "Đừng nói Bồ Tát coi rẻ Tịnh Độ": Tiết là sửa trị. "Bất khiết" là chẳng dùng pháp ấy để sửa trị chính mình, mà xa lìa nó. Có kẻ coi niệm Phật cầu vãng sanh chỉ dùng để giáo hóa kẻ ngu, chẳng phải là chuyện của hàng Đại Thừa Bồ Tát! [Nếu đúng là như vậy thì] kinh này lẽ ra chẳng nên có hàng Bồ Tát cùng nghe! Đã là cùng nghe, há có thể nào coi Tịnh Độ là pháp bị Bồ Tát coi rẻ ư?)*

(Sao) Phục hữu tam nghĩa giả: Nhất, bi trí sở duyên nghĩa. Ngôn Giác thị sở tu Phật đạo, Tình thị sở hóa chúng sanh; thượng dĩ trí cầu, hạ dĩ bi độ dã. Nhị, năng sở hợp mục nghĩa, ngôn Giác thị sở cầu chi quả, Hữu Tình thị năng cầu chi nhân; dĩ kỷ chi tâm, ngộ Phật chi Lý dã. Tam, lợi sanh vi cấp nghĩa, ngôn quảng giác nhất thiết hữu tình, sở vị "vị năng tự độ, tiên năng độ nhân", thị dã.

(Diễn) Phục hữu tam nghĩa giả: Sơ, thị song ước nhị lợi thuyết. Thứ, đơn ước tự lợi thuyết. Tam, thị đơn ước lợi tha thuyết. Bi trí sở duyên giả, bi thị tam duyên bi, trí thị thập chủng trí. Bi trí thị năng duyên, Phật đạo, chúng sanh thị sở duyên dã. Thượng dĩ trí cầu giả, vô trí bất năng thượng cầu, vô bi vô dĩ hạ độ. Sở vị "tiên ngộ Tỳ Lô pháp giới, hậu tu Phổ Hiền hạnh môn. Tiên cụ đồng thể đại bi, nhiên hậu biến nhập trần lao" dã. Năng Sở hợp mục giả, hữu tình vi Năng, giác vi sở. Hợp thử Năng Sở, nhi danh mục chi, viết Giác Hữu Tình dã. Tâm thị năng duyên chi trí, cố thuộc Năng. Lý thị sở duyên chi cảnh, cố thuộc Sở. Lợi sanh vi cấp giả, sơ phát tâm thời, tiện phổ vị ân hữu pháp giới chúng sanh. Ký chứng quả hậu, thượng lưu Hoặc nhuận sanh, bất thủ

diệt độ, thị Bồ Tát dĩ lợi sanh vi cấp dã. Quảng giác nhất thiết giả, tức chúng sanh vô tận, ngã nguyện vô tận. Hữu nhất chúng sanh bất thành Phật, ngã thệ bất thủ Chánh Giác đẳng.

(鈔)復有三義者：一、悲智所緣義。言覺是所修佛道，情是所化眾生；上以智求，下以悲度也。二、能所合目義，言覺是所求之果，有情是能求之人；以己之心，悟佛之理也。三、利生為急義，言廣覺一切有情，所謂未能自度，先能度人，是也。

(演)復有三義者：初、是雙約二利說。次、是單約自利說。三、是單約利他說。悲智所緣者，悲是三緣悲，智是十種智。悲智是能緣，佛道，眾生是所緣也。上以智求者，無智不能上求，無悲無以下度。所謂先悟毘盧法界，後修普賢行門。先具同體大悲，然後遍入塵勞也。能所合目者，有情為能，覺為所。合此能所，而名目之，曰覺有情也。心是能緣之智，故屬能。理是所緣之境，故屬所。利生為急者，初發心時，便普為恩有法界眾生。既證果後，尚留惑潤生，不取滅度，是菩薩以利生為急也。廣覺一切者，即眾生無盡，我願無盡。有一眾生不成佛，我誓不取正覺等。

*(**Sao**: "Lại có ba nghĩa": Nghĩa thứ nhất là bi trí sở duyên. Ý nói, Giác là Phật đạo để [Bồ Tát] tu tập, Tình là chúng sanh được hóa độ [bởi Bồ Tát]. Trên là dùng trí để cầu, dưới là dùng lòng bi để hóa độ. Nghĩa thứ hai là gộp chung Năng và Sở để gọi, ý nói Giác là cái quả để cầu, [đó là Sở]; hữu tình là người cầu [cái quả giác ngộ ấy], dùng cái tâm của mình để ngộ Lý của Phật, [hữu tình cầu giác ngộ là Năng]. Nghĩa thứ ba là gấp gáp lợi lạc chúng sanh, ý nói giác ngộ rộng rãi hết thảy hữu tình. Nói "chưa thể tự độ mà đã độ kẻ khác trước" chính là [nói đến] ý nghĩa này.*

***Diễn**: "Lại có ba nghĩa": Nghĩa đầu tiên là nói theo hai thứ lợi. Kế đó là chỉ nói theo khía cạnh tự lợi. Thứ ba là chỉ nói theo khía cạnh lợi tha.*

"Bi trí sở duyên" (đối tượng để bi và trí duyên theo): Bi là ba thứ duyên bi, trí là mười loại trí. Bi và trí là năng duyên (chủ thể để duyên),

Phật đạo và chúng sanh là sở duyên (đối tượng bị duyên). "Trên là dùng trí để cầu": Không có trí thì trên là sẽ chẳng thể cầu; không có bi thì dưới là không có gì để độ. Đó gọi là "trước hết ngộ Tỳ Lô pháp giới, sau tu Phổ Hiền hạnh môn. Trước là trọn đủ đồng thể đại bi, sau đấy vào khắp trần lao".

"Gộp chung Năng và Sở để gọi": Hữu tình là chủ thể, còn giác là đối tượng bị động. Gộp chung chủ thể và đối tượng bị động ấy để đặt tên thì gọi là Giác Hữu Tình (tức là chúng sanh đã giác ngộ). Tâm là cái trí để có thể duyên theo, cho nên thuộc về chủ thể (Năng). Lý là cái được duyên theo, cho nên thuộc về đối tượng bị động (Sở).

"Gấp gáp lợi lạc chúng sanh": Lúc mới phát tâm bèn khắp vì chúng sanh trong pháp giới mà báo ân. Sau khi đã chứng quả, vẫn còn lưu lại phiền não (không đoạn hết) để làm lợi cho chúng sanh, chẳng giữ lấy sự diệt độ. Đấy là Bồ Tát coi chuyện độ sanh là gấp rút. "Giác ngộ rộng rãi hết thảy [hữu tình]": Tức là chúng sanh vô tận, nguyện của tôi vô tận. Có một chúng sanh chưa thành Phật, tôi thề chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác v.v...)

(Sao) Dũng mãnh cầu giả, Thanh Văn xu tịch tự an, danh vi giải đãi; đại sĩ khắc chí Bồ Đề, sở vị đại cường tinh tấn dũng mãnh dã.

(Diễn) Xu tịch tự an giả, tức tự vị dĩ đắc Niết Bàn, vô sở kham nhậm, đản niệm Không, Vô Tướng, Vô Tác, ư Bồ Tát pháp, tâm bất hỷ nhạo dã. Đại cường tinh tấn giả, tức sở vị "giả sử nhiệt thiết luân, tại ngã đảnh thượng toàn, chung bất dĩ thử khổ, thoái thất Bồ Đề tâm".

(鈔)勇猛求者，聲聞趨寂自安，名為懈怠；大士剋志菩提，所謂大強精進勇猛也。

(演)趨寂自安者，即自謂已得涅槃，無所堪任，但念空，無相，無作，於菩薩法，心不喜樂也。大強精進者，即所謂假使熱鐵輪，在我頂上旋，終不以此苦，退失菩提心。

*(**Sao**: "Dũng mãnh cầu": Thanh Văn hướng về sự tịch tĩnh để tự an nhàn, cho nên gọi là giải đãi (biếng nhác); đại sĩ quyết chí đạt được Bồ Đề, nên gọi là đại cường, tinh tấn, dũng mãnh.*

***Diễn**: "Hướng về sự tịch tĩnh, tự an nhàn", tức là tự nhủ: "Ta đã đắc Niết Bàn, chẳng còn gì để phải cáng đáng nữa", chỉ nghĩ đến Không, Vô Tướng, Vô Tác, đối với pháp Bồ Tát, tâm chẳng vui thích. "Đại cường*

tinh tấn" chính là như nói: "Dẫu cho vòng sắt nóng, xoay trên đỉnh đầu tôi, trọn chẳng vì khổ ấy, thoái thất tâm Bồ Đề").

(Sao) Đại hữu tứ nghĩa giả, Thanh Lương Sớ vị: Nhất giả, nguyện đại, cầu Đại Bồ Đề cố. Nhị giả, hạnh đại, nhị lợi thành tựu cố. Tam giả, thời đại, kinh tam vô số kiếp cố. Tứ giả, đức đại, cụ túc Nhất Thừa chư công đức cố.

(Diễn) Cầu đại Bồ Đề giả, bất cầu nhân thiên phước báo, Thanh Văn, Duyên Giác đẳng, nãi nguyện dữ pháp giới chúng sanh, nhất thời đồng đắc Bồ Đề cố. Tam vô số kiếp giả, thử phi Tạng Giáo tam A-tăng-kỳ dã. Như Khởi Tín Luận: "Kinh nhất vạn kiếp, phương đắc tín thành tựu phát tâm; phục kinh tam A-tăng-kỳ kiếp, nãi chí Bồ Tát cứu cánh địa" đẳng. Cụ túc chư công đức giả, như Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thanh lương bất biến, chân thật thức tri, nãi chí thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng đẳng.

(鈔)大有四義者，清涼疏謂：一者，願大，求大菩提故。二者，行大，二利成就故。三者，時大，經三無數劫故。四者，德大，具足一乘諸功德故。

(演)求大菩提者，不求人天福報，聲聞緣覺等，乃願與法界眾生，一時同得菩提故。三無數劫者，此非藏教三阿僧祇也。如起信論：經一萬劫，方得信成就發心；復經三阿僧祇劫，乃至菩薩究竟地等。具足諸功德者，如常樂我淨，清涼不變，真實識知，乃至十力，四無所畏，十八不共等。

*(**Sao**: "Đại có bốn nghĩa": Thanh Lương Sớ giảng, một là nguyện đại, do cầu Đại Bồ Đề; hai là hạnh đại, vì thành tựu tự lợi và lợi tha; ba là thời đại, do phải trải qua ba vô số kiếp; bốn là đức đại, do trọn đủ các công đức Nhất Thừa.*

***Diễn**: "Cầu đại Bồ Đề": Chẳng cầu phước báo trong đường trời người, Thanh Văn, Duyên Giác v.v... mà là nguyện cùng pháp giới chúng sanh cùng lúc đắc Bồ Đề. "Ba vô số kiếp" chẳng phải là ba A-tăng-kỳ như trong Tạng Giáo. Như trong Khởi Tín Luận [đã nói] "trải qua một vạn kiếp thì mới đắc tín thành tựu phát tâm, lại trải qua ba A-tăng-kỳ kiếp mới đạt đến địa vị rốt ráo của hàng Bồ Tát". "Trọn đủ các công đức":*

Như Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thanh lương chẳng biến đổi, thật sự nhận biết, cho đến thập lực, tứ vô sở úy, mười tám pháp bất cộng v.v...)

(Sao) Pháp Hoa lục đại giả, tín đại pháp, giải đại nghĩa, phát đại tâm, xu đại quả, tu đại hạnh, chứng đại đạo. Nhi tín giải phát tam, đệ nhất nguyện đại trung nhiếp. Xu giả, đệ tam thời đại trung nhiếp. Tu giả, đệ nhị hạnh đại trung nhiếp. Chứng giả, đệ tứ đức đại trung nhiếp.

(Diễn) Pháp Hoa lục đại hạ, tín đại pháp giả, tín nhất tâm Chân Như chi pháp. Giải đại nghĩa giả, giải nhất tâm tam đại chi nghĩa. Phát đại tâm giả, phát thượng cầu hạ hóa chi tâm. Thú đại quả giả, thú Vô Thượng Bồ Đề chi quả. Tu đại hạnh giả, tu tự lợi lợi tha chi hạnh. Chứng đại đạo giả, chứng Nhất Thừa vô thượng diệu đạo dã. Tín giải phát thị nguyện đại nhiếp giả, dĩ Bồ Tát phát nguyện, tất tín giải diệu lý, nhiên hậu phát tâm, đối Tam Bảo cảnh, phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện dã. Thú thị thời đại trung nhiếp giả, bất lịch tam kỳ, bất tạo Nhất Thừa vô thượng quả cố. Chứng thị đức đại trung nhiếp giả, Nhất Thừa diệu đạo, tức Nhất Thừa chư công đức cố.

(鈔)法華六大者，信大法，解大義，發大心，趨大果，修大行，證大道。而信解發三，第一願大中攝。趨者，第三時大中攝。修者，第二行大中攝。證者，第四德大中攝。

(演)法華六大下，信大法者，信一心真如之法。解大義者，解一心三大之義。發大心者，發上求下化之心。趣大果者，趣無上菩提之果。修大行者，修自利利他之行。證大道者，證一乘無上妙道也。信解發是願大攝者，以菩薩發願，必信解妙理，然後發心，對三寶境，發四弘誓願也。趣是時大中攝者，不歷三祇，不造一乘無上果故。證是德大中攝者，一乘妙道，即一乘諸功德故。

*(**Sao**: "Sáu nghĩa Đại trong Pháp Hoa": Tin vào đại pháp, hiểu đại nghĩa, phát đại tâm, hướng đến đại quả, tu đại hạnh, chứng đại đạo. Nhưng [đem so với bốn nghĩa Đại của ngài Thanh Lương] thì "tín đại pháp, giải đại nghĩa, phát đại tâm" đã được bao gồm trong điều thứ nhất là nguyện đại, "hướng đến đại quả" được bao gồm trong điều thứ ba là thời đại, "tu đại hạnh" nằm trong điều thứ hai là hạnh đại, chứng đại đạo thuộc trong điều thứ tư, tức đức đại.*

***Diễn**: Từ câu "sáu nghĩa Đại trong Pháp Hoa" trở đi, "tín đại pháp" là tin vào pháp nhất tâm Chân Như. "Giải đại nghĩa" là hiểu ý nghĩa "nhất tâm tam đại" (Thể, Tướng và Dụng của nhất tâm đều to lớn). "Phát đại tâm" là phát ra cái tâm thượng cầu hạ hóa. "Hướng đến đại quả": Hướng đến quả Vô Thượng Bồ Đề. "Tu đại hạnh": Tu hạnh tự lợi, lợi tha. "Chứng đại đạo": Chứng diệu đạo vô thượng Nhất Thừa. "Tín, giải, phát được bao gồm trong nguyện đại": Do Bồ Tát phát nguyện, ắt tin hiểu lý mầu, sau đấy phát tâm, đối trước cảnh Tam Bảo, phát ra bốn hoằng thệ nguyện. "Hướng đến đại quả được bao gồm trong thời đại": Chẳng trải qua ba A-tăng-kỳ, chẳng tạo được quả Nhất Thừa vô thượng. "Chứng được bao gồm trong đức đại": Nhất Thừa diệu đạo chính là các công đức của Nhất Thừa).*

(Sao) Phật Địa tam đại giả: Nhất, số đại. Nhị, đức đại. Tam, nghiệp đại. Đức đại khả tri, số tức nguyện ý, nghiệp tức hạnh ý, cố vân bất xuất tứ ý dã.

(Diễn) Số đại, vị thệ nguyện hoằng thâm, như vô lượng, vô tác, nãi chí Phổ Hiền nguyện vương đẳng. Đức đại, vị vạn đức viên mãn, như Hoa Nghiêm Thập Địa, Thập Định, nãi chí Thập Nhẫn đẳng. Nghiệp đại, vị vạn hạnh cụ túc, như Hoa Nghiêm Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, nãi chí Phổ Hiền vạn hạnh đẳng. Số tức nguyện giả, như Dược Sư thập nhị đại nguyện, Di Đà tứ thập bát nguyện, Tỳ Lô nguyện lực châu hồ pháp giới. Pháp giới vô tận, tắc nguyện lực vô tận dã.

(鈔)佛地三大者：一、數大。二、德大。三、業大。德大可知，數即願意，業即行意，故云不出四意也。

(演)數大，謂誓願弘深，如無量無作，乃至普賢願王等。德大，謂萬德圓滿，如華嚴十地，十定，乃至十忍等。業大，謂萬行具足，如華嚴十行，十向，乃至普賢萬行等。數即願者，如藥師十二大願，彌陀四十八願，毘盧願力周乎法界。法界無盡，則願力無盡也。

*(**Sao**: "Ba nghĩa Đại trong Phật Địa Luận" là: Một, số đại; hai, đức đại; ba, nghiệp đại. Đức đại dễ hiểu, Số có nghĩa là Nguyện, Nghiệp chính là Hạnh. Cho nên nói "chẳng ra ngoài bốn ý".*

***Diễn**: "Số đại" tức là thệ nguyện rộng sâu, như vô lượng, vô tác, cho đến Phổ Hiền nguyện vương v.v... "Đức đại" là muôn đức viên mãn, như Thập Địa, Thập Định, cho đến Thập Nhẫn v.v... [được nói trong kinh]*

Hoa Nghiêm. "Nghiệp đại" là muôn hạnh trọn đủ như Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, cho đến Phổ Hiền vạn hạnh v.v... trong kinh Hoa Nghiêm. "Số có nghĩa là nguyện" như mười hai đại nguyện của Phật Dược Sư, bốn mươi tám nguyện của Phật Di Đà, nguyện lực của Tỳ Lô Giá Na Phật trọn khắp pháp giới. Do pháp giới vô tận, nguyện lực bèn vô tận).

(Sao) Giản phi tiểu giả, như Văn Thù, Di Lặc đẳng, giai thị Đẳng địa vị trung Bồ Tát, phi Sơ Tâm, Ngũ Phẩm, Tín, Trụ, Hạnh, Hướng cố.

(Diễn) Ngũ Phẩm giả, tức Thiên Thai ngũ phẩm quán hạnh vị: Nhất, tùy hỷ phẩm, sơ tâm thuận lý, khánh kỷ, khánh nhân. Nhị, độc tụng phẩm, cổ giáo huân tâm, đạo nha tăng trưởng. Tam, thuyết pháp phẩm, cánh gia thuyết pháp, như thật diễn bố. Tứ, kiêm hành lục độ phẩm, chánh quán hữu lực, lục độ kiêm tu. Ngũ, chánh hành lục độ phẩm, quán hạnh lục độ, vô hữu nhị tướng.

(鈔)揀非小者，如文殊，彌勒等，皆是等地位中菩薩，非初心，五品，信，住，行，向故。

(演)五品者，即天台五品觀行位：一、隨喜品，初心順理，慶己，慶人。二、讀誦品，古教熏心，道芽增長。三、說法品，更加說法，如實演布。四、兼行六度品，正觀有力，六度兼修。五、正行六度品，觀行六度，無有二相。

*(**Sao**: "Nhằm phân biệt chẳng phải là tiểu Bồ Tát", như Văn Thù, Di Lặc v.v... đều là các vị Bồ Tát thuộc địa vị Đẳng Giác, chẳng phải là Sơ Tâm, Ngũ Phẩm, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng.*

***Diễn**: Ngũ Phẩm tức năm phẩm thuộc địa vị Quán Hạnh trong tông Thiên Thai: Một là tùy hỷ phẩm, sơ tâm thuận lý, mừng cho mình, mừng cho người. Hai là độc tụng phẩm, dùng giáo huấn của cổ nhân huân tập cái tâm, tăng trưởng mầm đạo. Ba là thuyết pháp phẩm, lại còn thuyết pháp, đúng như thật mà diễn bày. Bốn là kiêm hành lục độ phẩm, chánh quán đã có sức, bèn kiêm tu lục độ. Năm là chánh hành lục độ phẩm, quán hạnh lục độ, chẳng có hai tướng).*

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh chân vọng dung, thị Bồ Tát nghĩa.

(Diễn) Tự tánh chân vọng dung giả, giác thị chân, hữu tình thị vọng. Dung giả, dung thông dã; hựu dung hóa dã. Dung thông giả, vị

chân ngoại vô vọng, vọng ngoại vô chân. Dĩ tức phiền não thị Bồ Đề, tức Tam Hoặc nhiễm vi Tam Đức bí tạng cố. Sở dĩ cổ nhân vân: "Đoạn trừ vọng tưởng trùng tăng bệnh. Xu hướng Chân Như diệc thị tà". Dung hóa giả, vọng ký bất tồn, chân diệc bất lập. Dĩ Bồ Tát địa tận, bát thức tiêu dung, giác dữ bất giác, nhị câu hồn hóa cố. Sở dĩ Lăng Nghiêm vân: "Chân tánh hữu vi không, duyên sanh cố như huyễn. Vô vi, vô khởi diệt, bất thật như không hoa, ngôn vọng hiển chư chân, vọng chân đồng nhị vọng".

(疏)稱理，則自性真妄融，是菩薩義。

(演)自性真妄融者，覺是真，有情是妄。融者，融通也；又融化也。融通者，謂真外無妄，妄外無真。以即煩惱是菩提，即三惑染為三德祕藏故。所以古人云：斷除妄想重增病。趨向真如亦是邪。融化者，妄既不存，真亦不立。以菩薩地盡，八識消融，覺與不覺，二俱渾化故。所以楞嚴云：真性有為空，緣生故如幻。無為無起滅，不實如空華，言妄顯諸真，妄真同二妄。

*(**Sớ**: Nói theo Lý thì tự tánh chân và vọng dung thông là ý nghĩa của Bồ Tát.*

***Diễn**: "Tự tánh chân vọng dung": Giác là chân, hữu tình là vọng. "Dung" là dung thông, lại có nghĩa là dung hóa. "Dung thông" là ngoài chân không có vọng, ngoài vọng chẳng có chân. Do phiền não chính là Bồ Đề, Tam Hoặc nhiễm chính là Tam Đức bí tạng. Vì thế, cổ nhân nói: "Đoạn trừ vọng tưởng càng thêm bệnh, tiến hướng Chân Như vẫn là tà". "Dung hóa": Vọng đã chẳng còn, chân cũng chẳng lập. Do địa vị Bồ Tát đã trọn hết, tám thức tiêu tan, giác và bất giác hai thứ cùng tiêu mất. Do vậy, kinh Lăng Nghiêm nói: "Chân tánh hữu vi không, duyên sanh nên như huyễn. Vô vi, chẳng khởi diệt, chẳng thật như hoa đốm, nói vọng hiển lẽ chân, vọng chân đều cùng vọng").*

(Sớ) Chân bất biến nhi tùy duyên, thị chi vị Giác Hữu Tình. Vọng thành Sự nhi Thể không, thị chi vị Hữu Tình Giác. Chân vọng bất lập, duy thị nhất tâm, thành thử đại đạo tâm, hiệu viết Ma Ha Tát.

(Diễn) Chân bất biến nhi tùy duyên giả, Chân tức Chân Như; bất biến, vị vô hữu biến dị, bất khả phá hoại. Tùy duyên, vị tùy cửu pháp giới duyên. Vị chi Giác Hữu Tình giả, dĩ tức chân nhi vọng cố, thử ước

bất biến tùy duyên thuyết dã. Vọng thành sự nhi thể Không giả, vọng tức nhất niệm vô minh. Thành sự, vị thành tam tế, lục thô, chủng chủng chư sự. Thể Không, vị thử Hoặc, Nghiệp, Khổ đương thể toàn Không, vị chi Hữu Tình Giác giả, dĩ tức vọng nhi chân cố. Thử ước tùy duyên bất biến thuyết dã. Ký tức vọng nhi chân, tắc chân bất lập. Ký tức chân nhi vọng, tắc vọng bất lập, tùng bổn dĩ lai, ly chư danh tướng, chân vọng bất lập dã. Chân vọng ký giai bất lập, tắc duy diệu giác minh, viên chiếu pháp giới, duy thị nhất tâm dã. Chí ư duy thị nhất tâm, thị chân thành đại đạo tâm dã, phi Ma Ha Tát nhi hà?

(疏)真不變而隨緣，是之謂覺有情。妄成事而體空，是之謂有情覺。真妄不立，唯是一心，成此大道心，號曰摩訶薩。

(演)真不變而隨緣者，真即真如；不變，謂無有變異，不可破壞。隨緣，謂隨九法界緣。謂之覺有情者，以即真而妄故，此約不變隨緣說也。妄成事而體空者，妄即一念無明。成事，謂成三細六麤，種種諸事。體空，謂此惑業苦當體全空，謂之有情覺者，以即妄而真故。此約隨緣不變說也。既即妄而真，則真不立。既即真而妄，則妄不立，從本以來，離諸名相，真妄不立也。真妄既皆不立，則唯妙覺明，圓照法界，唯是一心也。至於唯是一心，是真成大道心也，非摩訶薩而何？

*(**Sớ**: Chân Như bất biến mà tùy duyên, nên gọi là Giác Hữu Tình. Hư vọng tạo thành Sự, nhưng Thể của nó là Không, bèn gọi là Hữu Tình Giác. Chân và vọng chẳng lập, chỉ là nhất tâm, thành tựu đại đạo tâm ấy, nên gọi là Ma Ha Tát.*

***Diễn**: "Chân Như bất biến mà tùy duyên": Chân tức là Chân Như. "Bất biến" là chẳng đổi khác, chẳng thể phá hoại. "Tùy duyên" là thuận theo các duyên của chín pháp giới. "Gọi là Giác Hữu Tình": Do chân chính là vọng, đấy là nói theo bất biến tùy duyên.*

"Hư vọng tạo thành sự, nhưng Thể của nó là Không": "Vọng" chính là một niệm vô minh. "Thành sự" là thành ba tế tướng và sáu thô tướng, đủ mọi các sự. "Thể Không" nghĩa là bản thể của Hoặc, Nghiệp, và Khổ toàn bộ là Không.

"Gọi là Hữu Tình Giác": Do vọng chính là chân, đây là nói theo tùy duyên bất biến. Vọng đã chính là chân, thì chân chẳng lập. Chân đã chính là vọng thì vọng chẳng lập. Xét tận gốc, lìa các danh tướng, chân lẫn vọng đều chẳng lập. Chân và vọng đã đều chẳng lập, vậy thì chỉ có diệu giác minh chiếu trọn khắp pháp giới, chỉ là nhất tâm. Còn như "chỉ là nhất tâm" thì đấy là chân thành đại đạo tâm, chẳng phải là Ma Ha Tát thì là gì nữa đây?)

Nhị, liệt danh.

(Kinh) Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát.

(Sớ) Văn Thù Sư Lợi giả, thử vân Diệu Thủ, diệc vân Diệu Cát Tường, diệc vân Diệu Đức. Pháp Vương Tử giả, Phật vi Pháp Vương, Bồ Tát nhập pháp chánh vị, danh Pháp Vương Tử. Hựu thủ cử Văn Thù giả, lệ tiền Xá Lợi Phất nghĩa.

(Diễn) Phật vi pháp vương giả, Phật vi chư pháp trung vương, hựu dĩ pháp vương ư tam giới cố.

二、列名。

(經)文殊師利法王子，阿逸多菩薩，乾陀訶提菩薩，常精進菩薩。

(疏)文殊師利者，此云妙首，亦云妙吉祥，亦云妙德。法王子者，佛為法王，菩薩入法正位，名法王子。又首舉文殊者，例前舍利弗義。

(演)佛為法王者，佛為諸法中王，又以法王於三界故。

(Hai, nêu tên.

***Kinh**: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát.*

***Sớ**: Văn Thù Sư Lợi (Mañjuśrī), cõi này dịch là Diệu Thủ, còn dịch là Diệu Cát Tường, hoặc còn dịch là Diệu Đức. "Pháp Vương Tử": Phật là Pháp Vương, Bồ Tát nhập chánh pháp vị, gọi là Pháp Vương Tử. Lại nữa, nêu tên ngài Văn Thù đầu tiên là do có ý nghĩa giống như Xá Lợi Phất trong phần trước.*

***Diễn**: "Phật là Pháp Vương": Phật là vua trong các pháp; Ngài lại là pháp vương trong tam giới).*

(Sao) Văn Thù Sư Lợi, diệc vân Mạn Thù Thất Lợi, ngôn Diệu Thủ đẳng giả. Chuẩn Hoa Nghiêm tông, biểu tam pháp môn, viết Tín, Hạnh, Trí. Diệu Thủ giả, Tín dã. Tín vi vạn hạnh vạn đức chi đầu thủ cố.

(Diễn) Tín vi hạnh đức chi thủ giả, Hạnh vị hạnh môn, Đức thị Thật Đức. Vạn hạnh như bố thí, trì giới, nãi chí Phổ Hiền vạn hạnh đẳng. Vạn đức như Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thập lực, vô úy, thập bát bất cộng, nãi chí vô lượng bách thiên đà-la-ni đẳng. Phật pháp đại hải, Tín vi năng nhập. Kinh vân: "Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu". Tín năng trưởng dưỡng chư thiện căn. Tín năng tất đáo Như Lai địa. Cố Tín vi vạn hạnh vạn đức chi đầu thủ.

(鈔)文殊師利，亦云曼殊室利，言妙首等者。準華嚴宗，表三法門，曰信行智。妙首者，信也。信為萬行萬德之頭首故。

(演)信為行德之首者，行謂行門，德是實德。萬行如布施持戒，乃至普賢萬行等。萬德如常，樂，我，淨，十力，無畏，十八不共，乃至無量百千陀羅尼等。佛法大海，信為能入。經云：信為道元，功德母。信能長養諸善根。信能必到如來地。故信為萬行萬德之頭首。

*(**Sao**: Văn Thù Sư Lợi, còn gọi là Mạn Thù Thất Lợi, hoặc nói là Diệu Thủ v.v... Theo tông Hoa Nghiêm, [ba cách dịch ấy] biểu thị ba pháp môn là Tín, Hạnh, Trí. Diệu Thủ là Tín. Tín đứng đầu vạn hạnh, vạn đức.*

***Diễn**: "Tín đứng đầu các hạnh đức": Hạnh là hạnh môn, Đức là Thật Đức. Vạn hạnh như bố thí, trì giới, cho đến vạn hạnh của Phổ Hiền v.v... Vạn đức như Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thập lực, vô úy, mười tám pháp bất cộng, cho đến vô lượng trăm ngàn đà-la-ni v.v... Biển cả Phật pháp, Tín có thể nhập. Kinh dạy: "Tín là nguồn đạo, mẹ công đức". Tín có thể trưởng dưỡng thiện căn, do Tín sẽ ắt có thể đạt đến địa vị Như Lai. Vì thế, Tín đứng đầu vạn hạnh, vạn đức).*

(Sao) Diệu Cát Tường giả, hạnh dã. Phật Địa Kinh ngôn: "Nhất thiết thế gian thân cận, cúng dường, tán thán, danh Diệu Cát Tường". Hựu Chân Đế vân: "Ư oán thân trung, bình đẳng lợi ích, bất vi tổn não, danh Diệu Cát Tường". Hựu sanh thời, hữu thập chủng thụy: Nhất,

quang minh mãn thất, nãi chí thập tượng sanh lục nha, danh Diệu Cát Tường. Thị tức Giải chi Hạnh cố.

(Diễn) Nhất thiết thân cận, cúng dường, tán thán, thị diệu đức cảm vật hạnh dã. Oán thân bình đẳng bất vi tổn não, thị đại bi bình đẳng hạnh dã. Sanh thời hữu thập chủng thụy, thị thắng phước thụy, ứng hạnh dã. Tức giải chi hạnh, tức hạnh chi giải, thị thích Diệu tự. Tức giải chi hạnh giả, như thượng chư hạnh, giai toàn tánh khởi tu, phi hữu vi hữu tác chi hạnh cố.

(鈔)妙吉祥者，行也。佛地經言：一切世間親近，供養，讚歎，名妙吉祥。又真諦云：於怨親中，平等利益，不為損惱，名妙吉祥。又生時有十種瑞：一、光明滿室，乃至十象生六牙，名妙吉祥。是即解之行故。

(演)一切親近，供養，讚歎，是妙德感物行也。怨親平等不為損惱，是大悲平等行也。生時有十種瑞，是勝福瑞，應行也。即解之行，即行之解，是釋妙字。即解之行者，如上諸行，皆全性起修，非有為有作之行故。

*(**Sao**: Diệu Cát Tường là Hạnh. Phật Địa Kinh nói: "Hết thảy thế gian thân cận, cúng dường, tán thán, cho nên gọi là Diệu Cát Tường". Lại nữa, ngài Chân Đế nói: "Bình đẳng lợi ích kẻ oán, người thân, chẳng khiến họ bị phiền não, tổn hại, nên gọi là Diệu Cát Tường". Lại nữa, lúc Ngài sanh ra có mười điềm lành: Một là quang minh ngập nhà, cho đến điều thứ mười là voi mọc sáu ngà, nên gọi là Diệu Cát Tường. Đấy là Hạnh ở ngay nơi Giải.*

***Diễn**: "Hết thảy thân cận, cúng dường, tán thán" là hạnh của diệu đức cảm động chúng sanh. "Oán thân bình đẳng, chẳng gây phiền não, tổn hại" là hạnh đại bi bình đẳng. "Lúc Ngài sanh ra mười tướng lành" chính là phước thù thắng tương ứng với hạnh. Câu "hạnh ở ngay nơi giải, giải ở ngay nơi hạnh" nhằm giải thích chữ Diệu. "Hạnh từ ngay nơi giải": Các hạnh như trên đều là toàn tánh khởi tu, chẳng phải là hạnh hữu vi).*

(Sao) Diệu Đức giả, trí dã. Kinh vân: "Chư Phật chi mẫu, Thích Ca chi sư, khởi phi diệu đức?" Thị tức Hạnh chi Giải cố.

(Diễn) Diệu Đức thị Trí giả, Chủng Trí bất viên, bất thành Diệu Đức. Hoa Nghiêm vân: "Liễu liễu kiến Phật tánh, do như Diệu Đức đẳng". Cố Diệu Đức giả, trí dã. Chư Phật chi mẫu giả, kinh vân: "Trí

Độ Bồ Tát mẫu, phương tiện dĩ vi phụ. Nhất thiết chúng đạo sư, vô bất tùng thị sanh". Thích Ca chi sư giả, kinh xưng Văn Thù vi thất Phật sư cố. Tức hạnh chi giải giả, như thượng chi giải, toàn tu tức tánh, phi không tri, không giải chi giải cố.

(鈔)妙德者，智也。經云：諸佛之母，釋迦之師，豈非妙德？是即行之解故。

(演)妙德是智者，種智不圓，不成妙德。華嚴云：了了見佛性，猶如妙德等。故妙德者，智也。諸佛之母者，經云：智度菩薩母，方便以為父。一切眾導師，無不從是生。釋迦之師者，經稱文殊為七佛師故。即行之解者，如上之解，全修即性，非空知，空解之解故。

*(**Sao**: "Diệu Đức là trí": Kinh dạy: "Mẹ của chư Phật, thầy của đức Thích Ca, há chẳng phải là Diệu Đức ư?" Đó là Hạnh mà chính là Giải vậy.*

***Diễn**: "Diệu Đức là trí": Chủng Trí chẳng viên mãn, sẽ chẳng thành Diệu Đức. Kinh Hoa Nghiêm chép: "Thấy Phật tánh rành rành, ví như ngài Diệu Đức…" Vì thế, Diệu Đức là trí. "Mẹ của chư Phật": Kinh dạy: "Trí Độ mẹ Bồ Tát, phương tiện để làm cha. Hết thảy các đạo sư, thảy đều sanh từ đó". "Thầy của Phật Thích Ca": Kinh xưng tụng ngài Văn Thù là thầy của bảy vị Phật. "Giải ở ngay nơi hạnh": Đối với những kiến giải trên đây, toàn thể tu chính là tánh, chẳng phải là cái biết rỗng tuếch hay sự giải ngộ rỗng tuếch).*

(Sao) Nhập pháp chánh vị giả, Như Lai cứ Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa, nhi Bồ Tát nhập ư thử địa, thị vị thiệu long Phật chủng, đương kế Phật vị. Như đại quân thể nguyên cư chánh, sở sanh vương tử, kim tại Đông Cung, đương thiệu vương vị, danh Pháp Vương Tử, hựu danh Phật Tử, kỳ ý diệc nhĩ.

(Diễn) Như Lai cứ Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa cú, thị xuất thoát Sớ trung Pháp tự, nhi Bồ Tát nhập ư thử địa cú, thị xuất thoát nhập tự, thị vị thiệu long Phật chủng nhị cú, thị xuất thoát chánh vị lưỡng tự, đản chánh tự thượng vị minh hiển, cố ước dụ thuyết, thể nguyên cư chánh dã. Cứ Trung Đạo giả, Nhị Thừa cứ Chân, Quyền Thừa cứ Tục, câu vi thiên vị. Như Lai cứ Trung Đạo, thị cư pháp chánh vị. Bồ Tát nhập ư thử địa, thị nhập pháp chánh vị dã. Đại quân thể nguyên cư chánh giả, thiên tử thể càn nguyên chi đức, cư cửu ngũ chánh vị.

Vương tử tại Đông cung giả, Đông vi Chấn, Chấn vi Càn chi trưởng tử. Hựu đế xuất hồ ư Chấn, cố viết Đông Cung.

(鈔)入法正位者 ，如來據中道第一義 ，而菩薩入於此地，是謂紹隆佛種，當繼佛位。如大君體元居正，所生王子，今在東宮，當紹王位，名法王子，又名佛子，其意亦爾。

(演)如來據中道第一義句，是出脫疏中法字，而菩薩入於此地句，是出脫入字，是謂紹隆佛種二句，是出脫正位兩字，但正字尚未明顯，故約喻說，體元居正也。據中道者，二乘據真，權乘據俗，俱為偏位。如來據中道，是居法正位。菩薩入於此地，是入法正位也。大君體元居正者，天子體乾元之德，居九五正位。王子在東宮者，東為震，震為乾之長子。又帝出乎於震，故曰東宮。

*(**Sao**: "Nhập pháp chánh vị": Như Lai ngự trong Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa, mà Bồ Tát nhập địa vị ấy; điều đó được gọi là "tiếp nối hưng thịnh dòng giống Phật, sẽ kế tục địa vị Phật", giống như hoàng đế nắm quyền, vương tử do nhà vua sanh ra nay đang ở Đông Cung, sẽ nối ngôi vua, nên gọi là Pháp Vương Tử. Lại còn gọi là Phật Tử, cũng có cùng một ý nghĩa.*

***Diễn**: Câu "Như Lai ngự trong Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa" nhằm giải thích chữ Pháp trong lời Sớ, còn câu "Bồ Tát Tát nhập địa vị ấy" nhằm giải thích chữ Nhập. Hai câu "điều đó được gọi là tiếp nối hưng thịnh dòng giống Phật..." nhằm giải thích hai chữ Chánh Vị; nhưng chữ Chánh còn chưa rõ ràng, vì thế dùng thí dụ để nói, tức là nói [hoàng đế] "thể nguyên cư chánh".*

"Ngự trong Trung Đạo": Nhị Thừa dựa vào Chân, Quyền Thừa dựa vào Tục, cả hai đều là những địa vị lệch lạc. "Như Lai ngự trong Trung Đạo" thì là "ngự nơi địa vị chánh đáng của pháp". "Bồ Tát nhập địa vị ấy" tức là nhập pháp chánh vị.

"Đại quân thể nguyên cư chánh" [có nghĩa là] thiên tử thấu hiểu đức càn nguyên (đạo trời vô thỉ), ngự trên ngôi vị cửu ngũ chánh đáng. "Vương tử ở Đông Cung": Phương Đông là quẻ Chấn, Chấn là trưởng tử của Càn, hoàng đế lại xuất phát từ phía Đông; vì thế nói là Đông Cung).

(Sao) Phàm Bồ Tát giai Pháp Vương Tử, độc xưng Văn Thù giả. Kinh Khê vân: "Ư vương tử trung, đức thôi Văn Thù". Hựu chư kinh, Văn Thù thường vi nhất thiết Bồ Tát thượng thủ cố. Lệ Xá Lợi Phất giả, Thân Tử trí huệ đệ nhất, Văn Thù đại trí độc tôn. Như tiền sở minh "thử kinh duy trí phương năng tín thọ" cố. Hựu phân biệt nhi luận, tắc Thân Tử Quyền Trí, Văn Thù Thật Trí. Quyền Trí minh "hữu sanh Tịnh Độ", Thật Trí minh "vô sanh Tịnh Độ". Độn căn tắc tùng Quyền nhập Thật, lợi căn tắc Quyền Thật song dung. Nhược thôi bổn nhi luận, Bất Tư Nghị Cảnh Giới kinh vân: "Phục hữu bách thiên vạn ức Bồ Tát, hiện Thanh Văn hình, diệc lai tại tọa, kỳ danh viết Xá Lợi Phất đẳng". Tắc Văn Thù, Thân Tử, đồng nhất thậm thâm trí huệ, ích tri thử kinh phi thiển trí sở năng tín hỹ.

(Diễn) Hựu phân biệt nhi luận giả, dĩ thượng văn do thị tổng luận, thượng vị phân biệt. Nhược hựu phân biệt nhi luận, tắc trí hựu hữu Quyền Thật bất đồng dã. Quyền Trí thị Tiểu Thừa thiên Không chi trí, bất xứng pháp tánh, cố viết Quyền. Thật Trí nãi Đại Thừa Trung Đạo chi trí, xứng hồ pháp tánh, cố viết Thật. Quyền Trí minh hữu sanh giả, Quyền Trí bất đạt Pháp Không, bất ngộ duy tâm, sanh Phật thiều nhiên, tịnh uế lịch nhiên, dĩ ngã chi sanh, cầu bỉ chi Phật, xả thử ngũ trược, vãng bỉ Tây Phương. Thật Trí minh vô sanh giả, Thật Trí liễu đạt Pháp Không, ngộ minh duy tâm, sanh Phật bất nhị, tịnh uế dung thông, tuy vân niệm Phật, tâm ngoại vô Phật. Tuy viết vãng sanh, thật nãi vô sanh. Độn căn hạ nhị cú, khủng hữu vấn vân: "Đồng nhất Tịnh Độ, phân hữu sanh, vô sanh nhị giả, hà dã?" Cố vân: Dĩ căn hữu lợi độn, bất đắc bất phân cố. Tùng Quyền nhập Thật, tắc thả tựu Sự Trì, tiệm tiệm nhập Lý. Quyền Thật song dung, tắc Lý ký bất mê, Sự diệc bất phế. Nhược thôi bổn nhi luận giả, dĩ thượng văn do thị phân biệt nhi luận, vị thị thôi bổn luận. Nhược thôi bổn nhi luận, tắc đồng nhất thậm thâm trí huệ dã.

(鈔)凡菩薩皆法王子，獨稱文殊者。荊溪云：於王子中，德推文殊。又諸經，文殊常為一切菩薩上首故。例舍利弗者，身子智慧第一，文殊大智獨尊。如前所明此經惟智方能信受故。又分別而論，則身子權智，文殊實智。權智明有生淨土，實智明無生淨土。鈍根則從權入實，利根則權實雙融。若推本而論，不思議境界經云：復有百千萬

億菩薩，現聲聞形，亦來在坐 ，其名曰舍利弗等 。則文殊身子，同一甚深智慧，益知此經非淺智所能信矣。

(演)又分別而論者，以上文猶是總論，尚未分別。若又分別而論，則智又有權實不同也。權智是小乘偏空之智，不稱法性，故曰權。實智乃大乘中道之智，稱乎法性，故曰實。權智明有生者，權智不達法空，不悟唯心，生佛迢然，淨穢歷然，以我之生，求彼之佛，捨此五濁，往彼西方。實智明無生者，實智了達法空，悟明唯心，生佛不二，淨穢融通，雖云念佛，心外無佛。雖曰往生，實乃無生。鈍根下二句，恐有問云：同一淨土：分有生無生二者何也？故云：以根有利鈍，不得不分故。從權入實，則且就事持，漸漸入理。權實雙融，則理既不迷，事亦不廢。若推本而論者，以上文猶是分別而論，未是推本論。若推本而論，則同一甚深智慧也。

*(**Sao**: Phàm các vị Bồ Tát đều là Pháp Vương Tử, nhưng riêng gọi ngài Văn Thù bằng danh từ này. Ngài Kinh Khê nói: "Trong các vị vương tử, ngài Văn Thù phẩm đức cao nhất". Lại nữa, trong các kinh, ngài Văn Thù thường là thượng thủ của hết thảy các vị Bồ Tát. "Như ngài Xá Lợi Phất": Thân Tử trí huệ bậc nhất, Văn Thù đại trí độc tôn, như trong phần trước đã nói: "Chỉ có người trí huệ mới có thể tin nhận [pháp môn] này".*

Lại nữa, nói phân biệt thì Thân Tử là Quyền Trí, Văn Thù là Thật Trí. Quyền Trí nói rõ "có sanh Tịnh Độ", Thật Trí nói rõ "chẳng sanh Tịnh Độ". Độn căn bèn từ Quyền nhập Thật, lợi căn thì Quyền và Thật cùng viên dung. Nếu luận theo căn bản (Bổn) thì kinh Bất Tư Nghị Cảnh Giới nói: "Lại có trăm ngàn vạn ức Bồ Tát, hiện thân Thanh Văn, cũng đến trong hội này, tên các Ngài là Xá Lợi Phất v.v...", vậy thì Văn Thù và Thân Tử có cùng một trí huệ rất sâu, vậy thì càng biết kẻ trí cạn sẽ chẳng thể tin kinh này.

***Diễn**: "Lại phân biệt để luận": Do đoạn văn trước đó vẫn là tổng luận, còn chưa phân biệt. Nếu lại phân biệt để luận định thì trí có Quyền và Thật khác nhau. Quyền Trí là trí Thiên Không của Tiểu Thừa, chẳng xứng hợp pháp tánh; vì thế nói là Quyền. Thật Trí là trí Đại Thừa Trung Đạo, xứng hợp pháp tánh, nên nói là Thật. "Quyền Trí nói có sanh": Quyền Trí chẳng thấu đạt Pháp Không, chẳng ngộ duy tâm, [thấy có]*

chúng sanh và Phật rạch ròi, tịnh và uế rành rành, cho là có cái ta để vãng sanh, cầu đức Phật ấy, bỏ cõi ngũ trược này, về cõi Tây Phương kia. "Thật Trí nói vô sanh": Thật Trí liễu đạt Pháp Không, ngộ rõ duy tâm, biết chúng sanh và Phật chẳng hai, tịnh và uế dung thông; tuy nói là niệm Phật, nhưng ngoài tâm không có Phật. Tuy nói "vãng sanh", thật sự là vô sanh.

Từ hai câu "độn căn…" trở đi là vì sợ có kẻ hỏi: "Cùng là một Tịnh Độ, chia thành hai loại có sanh và vô sanh là do lẽ nào?" Vì thế nói: Do căn cơ có lợi và độn, chẳng thể nào không chia ra. "Từ Quyền nhập Thật": Hãy hành sự trì, dần dần nhập Lý. "Quyền Thật cùng dung hội": Lý đã chẳng mê thì Sự cũng chẳng phế. "Nếu suy tận gốc để luận": Do phần văn trên đây vẫn là phân biệt để luận định, chưa phải là suy tận gốc để luận. Nếu suy tận gốc để luận, ắt sẽ cùng là trí huệ rất sâu bậc nhất).

(Sớ) A Dật Đa giả, thử vân Vô Năng Thắng, tức Di Lặc Bồ Tát dã.

(Sao) Di Lặc, thử vân Từ Thị, tánh dã; A Dật Đa, danh dã. Cụ túc đương vân Từ Vô Năng Thắng, dĩ tại mẫu thai trung, tức hữu từ tâm, cố dĩ danh tộc. Hựu quá khứ sanh trung, ngộ Đại Từ Như Lai, nguyện đồng thử hiệu, tức đắc từ tâm tam-muội. Hựu tích vi Bà La Môn, hiệu Nhất Thiết Trí, tu bát thiên tuế, tu tập từ hạnh. Hựu Phất Sa Phật thời, dữ Thích Ca Như Lai đồng phát Bồ Đề tâm, thường tập từ định. Hựu Tư Ích Kinh vân: "Chúng sanh kiến giả, tức đắc từ tâm tam-muội". Hựu Bi Hoa Kinh vân: "Phát nguyện ư đao binh kiếp trung, ủng hộ chúng sanh". Thị tắc từ long tức thế, bi trăn hậu kiếp, chí cực chi từ, siêu xuất phàm, tiểu, cố Vô Năng Thắng.

(Diễn) Từ Vô Năng Thắng giả, Từ hữu tam chủng: Nhất, chúng sanh duyên từ, vô tâm ban duyên nhất thiết chúng sanh, nhi ư chúng sanh, tự nhiên hiện ích. Như Niết Bàn vân: "Ngã thật bất vãng, từ thiện căn lực, năng linh chúng sanh kiến như tư sự". Nhị, pháp duyên từ. Vô tâm quán pháp, nhi ư chư pháp tự nhiên phổ chiếu, như nhật chiếu vật, vô sở phân biệt. Tam, vô duyên từ, vô tâm quán lý, nhi ư bình đẳng Đệ Nhất Nghĩa trung, tự nhiên an trụ. Dĩ vô duyên từ, nhiếp chư chúng sanh. Từ vô năng thắng giả, chỉ thử tam từ dã. Văn trung sở dẫn, hữu tam thế nhị lợi bất đồng. Đệ nhất, tại mẫu thai trung, tức hữu từ tâm, thị hiện tại từ. Hựu thị tự lợi từ dã. Đệ nhị, quá khứ sanh trung. Đệ tam, hựu tích vi Bà La Môn. Đệ tứ, hựu Phất Sa Phật thời, giai thị quá khứ

từ. Hựu giai tự lợi từ dã. Đệ ngũ, hựu Tư Ích kinh, thị hiện tại từ. Đệ lục, hựu Bi Hoa kinh, thị vị lai từ, diệc thị lợi tha từ dã.

(疏)阿逸多者，此云無能勝，即彌勒菩薩也。

(鈔)彌勒，此云慈氏，姓也；阿逸多，名也。具足當云慈無能勝，以在母胎中，即有慈心，故以名族。又過去生中，遇大慈如來，願同此號，即得慈心三昧。又昔為婆羅門，號一切智，於八千歲，修習慈行。又弗沙佛時，與釋迦如來同發菩提心，常習慈定。又思益經云：眾生見者，即得慈心三昧。又悲華經云：發願於刀兵劫中，擁護眾生。是則慈隆即世，悲臻後劫，至極之慈，超出凡小，故無能勝。

(演)慈無能勝者，慈有三種：一、眾生緣慈，無心扳緣一切眾生，而於眾生，自然現益。如涅槃云：我實不往，慈善根力，能令眾生見如斯事。二、法緣慈。無心觀法，而於諸法自然普照，如日照物，無所分別。三、無緣慈，無心觀理，而於平等第一義中，自然安住。以無緣慈，攝諸眾生。慈無能勝者，指此三慈也。文中所引，有三世二利不同。第一，在母胎中，即有慈心，是現在慈。又是自利慈也。第二，過去生中。第三，又昔為婆羅門。第四，又弗沙佛時，皆是過去慈。又皆自利慈也。第五，又思益經，是現在慈。第六，又悲華經，是未來慈，亦是利他慈也。

*(**Sớ**: A Dật Đa (Ajita), cõi này dịch là Vô Năng Thắng, tức là Di Lặc Bồ Tát.*

***Sao**: Di Lặc (Maitreya) cõi này dịch là Từ Thị, đó là họ. A Dật Đa là tên. Nói đầy đủ, sẽ là Từ Vô Năng Thắng, do khi Ngài còn ở trong thai mẹ, bèn có từ tâm; vì thế, lấy họ như thế. Lại nữa, trong đời quá khứ, Ngài gặp Đại Từ Như Lai, nguyện có cùng danh hiệu ấy, liền đắc từ tâm tam-muội. Lại nữa, xưa kia Ngài là Ba La Môn, hiệu là Nhất Thiết Trí, trong tám ngàn năm, tu tập hạnh từ bi. Lại nữa, thời Phất Sa Phật, Ngài cùng phát Bồ Đề tâm với Thích Ca Mâu Ni Phật, thường tu tập Từ định. Lại nữa, kinh Tư Ích nói: "Chúng sanh trông thấy Ngài, liền đắc từ tâm tam-*

muội". Lại nữa, kinh Bi Hoa nói: "Phát nguyện ủng hộ chúng sanh trong lúc đao binh kiếp". Do vậy, lòng Từ chan chứa đời này, lòng Bi thấm tới kiếp sau, lòng Từ đạt tới tột bậc, vượt hơn phàm phu và Tiểu Thừa, nên gọi là Vô Năng Thắng.

***Diễn**: "Từ Vô Năng Thắng": Từ có ba loại:*

- Một, chúng sanh duyên từ: Không có tâm nắm níu hết thảy chúng sanh, nhưng đối với chúng sanh, tự nhiên hiện lợi ích. Như kinh Niết Bàn nói: "Ta thật sự chẳng đến, nhưng do sức thiện căn của lòng Từ, có thể khiến cho chúng sanh thấy những chuyện như thế".

- Hai, pháp duyên từ: Vô tâm quán pháp, nhưng đối với các pháp, tự nhiên chiếu trọn khắp như mặt trời chiếu mọi vật chẳng có phân biệt.

- Ba là vô duyên từ: Vô tâm quán lý, nhưng tự nhiên an trụ trong Đệ Nhất Nghĩa bình đẳng. Dùng vô duyên từ nhiếp thọ các chúng sanh.

Từ Vô Năng Thắng là nói đến ba loại từ ấy. Những điều được trích dẫn trong lời Sao có ba đời và hai thứ lợi khác nhau. Điều thứ nhất, ở trong thai mẹ, liền có từ tâm, đó là lòng Từ trong hiện tại; lại còn là lòng từ tự lợi. Điều thứ hai là trong đời quá khứ. Điều thứ ba là xưa kia lại làm Bà La Môn. Điều thứ tư là vào thời đức Phật Phất Sa, [ba điều ấy] đều là lòng Từ trong thời quá khứ, lại còn là lòng Từ tự lợi. Điều thứ năm, [lời Sao] lại dẫn kinh Tư Tích, đó là lòng Từ trong hiện tại. Điều thứ sáu, lại dẫn kinh Bi Hoa. Đó lòng Từ trong vị lai, mà cũng là lòng Từ lợi tha).

(Sớ) Hựu Di Lặc ký văn thử kinh, Long Hoa tất thuyết thử kinh, đương tri thử kinh lưu thông vô tận.

(Sao) Vấn: "Hà tri tất nhĩ?" Đáp: Pháp Hoa xưng cổ Phật phóng quang, vị thuyết thử kinh. Kim Phật phóng quang, tri tất thuyết thử, tắc Phật Phật thuyết Pháp Hoa dã. Nhi thử kinh giả, độ sanh tối cấp, chư Phật cộng tán. Ký vị chư Phật cộng tán, tất vị chư Phật sở thuyết. Long Hoa chi hội, tất thuyết thử kinh, hà nghi chi hữu?

(Diễn) Pháp Hoa xưng cổ Phật phóng quang vị thuyết thử kinh giả, Thế Tôn ư Pháp Hoa hội thượng, phóng mi gian bạch hào tướng quang, chiếu Đông phương vạn bát thiên độ. Quang trung viên hiện pháp giới sự tướng, sanh Phật thử chung. Ư thị, Di Lặc đẳng nghi, Văn Thù thù đáp. Đáp trung vân: "Quá khứ Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật phóng tư quang dĩ, tức thuyết Diệu Pháp Hoa kinh. Kim Phật hiện quang, diệc ưng thuyết thử kinh" đẳng.

(疏)又彌勒既聞此經，龍華必說此經，當知此經流通無盡。

(鈔)問：何知必爾？答：法華稱古佛放光，為說此經。今佛放光，知必說此，則佛佛說法華也。而此經者，度生最急，諸佛共讚。既為諸佛共讚，必為諸佛所說，龍華之會，必說此經，何疑之有？

(演)法華稱古佛放光為說此經者，世尊於法華會上，放眉間白毫相光，照東方萬八千土。光中圓現法界事相，生佛始終。於是，彌勒騰疑，文殊酬答。答中云：過去日月燈明佛放斯光已，即說妙法華經。今佛現光，亦應說此經等。

*(**Sớ**: Lại nữa, ngài Di Lặc đã nghe kinh này, ắt trong hội Long Hoa sẽ nói kinh này. Cho nên biết kinh này lưu thông vô tận.*

***Sao**: Hỏi: "Vì sao biết ắt sẽ phải là như vậy?" Đáp: Kinh Pháp Hoa nói cổ Phật phóng quang để nói kinh này. Nay đức Phật phóng quang, ta biết là đức Phật ắt nói kinh ấy, tức là đức Phật nào cũng đều nói kinh Pháp Hoa. Nay kinh này độ chúng sanh cấp thiết nhất, được chư Phật cùng khen ngợi. Đã được chư Phật cùng khen ngợi, ắt sẽ được chư Phật nói. Hội Long Hoa ắt nói kinh này, há còn ngờ chi?*

***Diễn**: "Kinh Pháp Hoa nói cổ Phật phóng quang để thuyết kinh này": Trong hội Pháp Hoa, đức Thế Tôn phóng quang minh từ tướng bạch hào giữa hai mày, chiếu thấu tới một vạn tám ngàn cõi ở phương Đông. Trong quang minh, hiện trọn vẹn sự tướng của pháp giới, chúng sanh và Phật từ đầu đến cuối.*

Do vậy, ngài Di Lặc dấy lòng nghi, ngài Văn Thù đáp lời. Trong lời đáp, có nói: "Đức Nhật Nguyệt Đăng Minh Phật phóng quang minh ấy rồi, liền nói kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Nay đức Phật hiện quang, cũng phải nên nói kinh ấy" v.v...)

(Sớ) Càn Đà Ha Đề, thử vân Bất Hưu Tức.

(Sao) Bất Hưu Tức giả, hành chư phạm hạnh, lịch Hằng sa kiếp. Nhiên hậu thọ ký, kinh thử đa kiếp, tằng bất hưu tức cố.

(疏)乾陀訶提，此云不休息。

(鈔)不休息者，行諸梵行，歷恆沙劫 。然後授記 ，經此多劫，曾不休息故。

*(**Sớ**: Càn Đà Ha Đề (Gandhahastin), cõi này dịch là Bất Hưu Tức.*

***Sao**: Bất Hưu Tức là hành các phạm hạnh trải Hằng sa kiếp, rồi mới được thọ ký. Trải qua nhiều kiếp như vậy, chưa từng nghỉ ngơi).*

(Sớ) Thường Tinh Tấn giả nhị nghĩa. Nhất giả, Thiên Thai vân: "Kiến Pháp Tánh thường trụ, hành vô tác Chánh Cần cố". Nhị giả, Bảo Tích Kinh vân: "Thử Bồ Tát vị nhất chúng sanh, kinh vô lượng kiếp, tùy trục bất xả, do bất thọ hóa, tằng vô nhất niệm khí xả chi tâm, nãi tinh tấn chi chí cực dã".

(Sao) Nhị nghĩa giả, nhất thị tự lợi, vị sanh thiện tăng trưởng, dĩ sanh thiện bảo trì, vị sanh ác dự phòng, dĩ sanh ác tốc diệt, danh Tứ Chánh Cần. Nhi ngôn kiến tánh vô tác, tắc liễu tri Pháp Tánh bổn phi thiện, phi ác. Tuy vân tu thiện, bất tu nhi tu; tuy vân khử ác, bất khử nhi khử. Sở vị "nhất niệm bất sanh", thị chân tinh tấn cố.

(Diễn) Liễu tri Pháp Tánh bổn phi thiện ác giả, dĩ thuận ích nhị thế giả vi thiện, vi tổn nhị thế giả vi ác. Pháp Tánh bổn vô vi thuận, diệc vô tổn ích. Hựu thiện ác giả, đối đãi chi pháp, Pháp Tánh tuyệt chư đối đãi, cố phi thiện ác dã. Tuy vân tu thiện bất tu nhi tu giả, Pháp Tánh bổn vô thiện, hữu thiện khả tu, thị vi Pháp Tánh, thị tu ác, phi tu thiện dã. Đương tri vô thiện khả tu, thị chân tu thiện. Tuy vân khử ác bất khử nhi khử giả, Pháp Tánh bổn vô ác, hữu ác khả khử, thị bội Pháp Tánh, thị khử thiện, phi khử ác dã. Liễu tri vô ác khả khử, thị chân khử ác. Nhất niệm bất sanh thị chân tinh tấn giả, cổ vân: "Nhược khởi tinh tấn tâm, thị vọng phi tinh tấn, nhược năng tâm bất vọng, tinh tấn vô hữu nhai".

(疏)常精進者二義：一者，天台云：見法性常住，行無作正勤故。二者，寶積經云：此菩薩為一眾生，經無量劫，隨逐不捨，猶不受化，曾無一念棄捨之心，乃精進之至極也。

(鈔)二義者，一是自利，未生善增長，已生善保持，未生惡預防，已生惡速滅，名四正勤。而言見性無作，則了知法性本非善非惡。雖云修善，不修而修；雖云去惡，不去而去。所謂一念不生，是真精進故。

(演)了知法性本非善惡者，以順益二世者為善，違損二世者為惡。法性本無違順，亦無損益。又善惡者，對待之法，法性絕諸對待，故非善惡也。雖云修善不修而修者，法性本無善，有善可修，是違法性，是修惡，非修善也。當知無善可修，是真修善。雖云去惡不去而去者，法性本無惡，有惡可去，是背法性，是去善，非去惡也。了知無惡可去，是真去惡。一念不生是真精進者，古云：若起精進心，是妄非精進，若能心不妄，精進無有涯。

*(**Sớ**: Thường Tinh Tấn có hai nghĩa, một là như ngài Thiên Thai nói: "Thấy Pháp Tánh thường trụ, hành Chánh Cần vô tác". Hai là như kinh Bảo Tích dạy: "Vị Bồ Tát này vì một chúng sanh mà trải qua vô lượng kiếp theo sát kẻ ấy chưa hề buông bỏ, dẫu kẻ ấy chẳng tiếp nhận sự giáo hóa, Bồ Tát vẫn không có một niệm tâm buông bỏ; đấy là tinh tấn tới tột bậc vậy".*

***Sao**: "Hai nghĩa": Một là tự lợi, điều thiện chưa sanh phải tăng trưởng, điều thiện đã sanh phải gìn giữ, điều ác chưa sanh phải ngăn ngừa sẵn, điều ác đã sanh phải nhanh chóng diệt, đó gọi là Tứ Chánh Cần. Nhưng nói kiến tánh vô tác, tức là hiểu rõ Pháp Tánh vốn chẳng thiện, chẳng ác. Tuy nói tu thiện, nhưng chẳng tu mà tu; tuy nói trừ ác, nhưng không trừ mà trừ. Đó gọi là "nhất niệm chẳng sanh", là tinh tấn thật sự.*

***Diễn**: "Biết rõ Pháp Tánh vốn chẳng phải là thiện hay ác": Do thuận tùng, tạo lợi ích cho hai đời (hiện tại và vị lai) là thiện, trái nghịch và tổn hại hai đời thì là ác. Pháp Tánh vốn chẳng có trái nghịch hay thuận tùng, mà cũng chẳng có tổn hại hay lợi ích. Hơn nữa, thiện ác là pháp đối đãi, Pháp Tánh dứt bặt các đối đãi; cho nên chẳng phải là thiện hay ác.*

Tuy nói "tu thiện, chẳng tu mà tu", Pháp Tánh vốn vô thiện. Hễ có điều thiện để có thể tu thì sẽ trái nghịch Pháp Tánh, sẽ là tu ác, chẳng phải là tu thiện. Hãy nên biết: Không có thiện để có thể tu thì là thật sự tu thiện. Tuy nói "khử ác, chẳng khử mà khử", Pháp Tánh vốn không có điều ác, hễ có điều ác để có thể khử, sẽ trái nghịch Pháp Tánh, đó là khử thiện, chẳng phải là khử ác. Biết rõ chẳng có điều ác nào để có thể khử thì là "thật sự khử ác".

"Một niệm chẳng sanh là chân tinh tấn": Cổ nhân nói: "Nếu dấy tâm tinh tấn, đó là vọng, chẳng phải là tinh tấn. Nếu tâm chẳng có vọng, sẽ là tinh tấn không ngăn mé").

(Sao) Nhị thị lợi tha, vị đa chúng sanh, do vị vi nan. Kim viết vị nhất chúng sanh, thiểu thời vị nhất chúng sanh, do vị vi nan. Kim viết vô lượng kiếp, đa kiếp nhi dị khả hóa độ, diệc vị vi nan. Kim viết do bất thọ hóa nhi bất khí xả, bất khí xả, do vị vi nan. Kim viết vô nhất niệm khí xả, như thị tinh tấn, cánh vô thoái đọa, cố danh viết Thường. Hựu Bất Hưu Tức, tất Thường Tinh Tấn; Thường Tinh Tấn, tất Bất Hưu Tức. Thử nhị Bồ Tát, diệc danh thù nhi đức nhất giả dã.

(鈔)二是利他，為多眾生，猶未為難。今曰為一眾生，少時為一眾生，猶未為難。今曰無量劫，多劫而易可化度，亦未為難。今曰猶不受化而不棄捨，不棄捨，猶未為難。今曰無一念棄捨，如是精進，更無退墮，故名曰常。又不休息，必常精進；常精進，必不休息。此二菩薩，亦名殊而德一者也。

*(**Sao**: Hai là lợi tha, độ nhiều chúng sanh, vẫn chưa phải là khó khăn. Nay nói độ một chúng sanh, dành một thời gian ngắn cho một chúng sanh thì vẫn chưa phải là khó khăn. Nay nói trong vô lượng kiếp hoặc nhiều kiếp mà dễ hóa độ thì vẫn chưa phải là khó. Nay nói do kẻ ấy chẳng tiếp nhận sự giáo hóa mà chẳng buông bỏ, chẳng buông bỏ thì vẫn chưa phải là khó. Nay nói là chẳng có một niệm nào buông bỏ, tinh tấn như thế, càng chẳng lui sụt, nên gọi là Thường. Lại nữa, Bất Hưu Tức, ắt Thường Tinh Tấn; Thường Tinh Tấn, ắt Bất Hưu Tức (chẳng ngơi nghỉ). Hai vị Bồ Tát này cũng là tên khác nhau, nhưng đức là một).*

Tam, tổng kết.

(Kinh) Dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát.

(Sớ) Kết thượng lệ dư đồng tiền, tựu đương kinh, tắc biểu Tín, Hạnh, Nguyện tam, thành Tịnh Độ nhân cố.

(Sao) "Đồng tiền" giả, kết thượng Văn Thù, Di Lặc đẳng. "Lệ dư", tắc Phổ Hiền, Quán Âm nhất thiết Bồ Tát dã. Tín, Hạnh, Nguyện giả, Diệu Thủ biểu tín. Cầu sanh Tịnh Độ, Tín vi tối tiên, kinh vân "nhược hữu tín giả", thị dã. Tinh Tấn biểu nguyện hạnh, tinh giả bất tạp. Tấn giả, bất thoái. Bất tạp giả, kinh vân "nhất tâm bất loạn". Bất thoái giả, kinh vân "bất thoái chuyển Bồ Đề", thị dã. Bất Hưu Tức giả, tức Bất Thoái nghĩa. Hựu Di Lặc từ hạnh, Càn Đà phạm hạnh. Quán

Kinh vân: "Từ tâm bất sát, cụ chư giới hạnh", thị dã. Thành Tịnh Độ nhân, tắc liệt chư Bồ Tát, phi vô nhân cố.

(Diễn) Tinh Tấn biểu Nguyện Hạnh giả, Tín nhi hậu Nguyện. Nguyện giả, Tín lực chi Tinh Tấn dã. Nguyện nhi hậu Hạnh. Hạnh giả, Nguyện lực chi Tinh Tấn dã.

三、總結。

(經)與如是等諸大菩薩。

(疏)結上例餘同前，就當經，則表信行願三，成淨土因故。

(鈔)同前者，結上文殊，彌勒等。例餘，則普賢，觀音一切菩薩也。信行願者，妙首表信。求生淨土，信為最先，經云若有信者，是也。精進表願行，精者不雜。進者，不退。不雜者，經云一心不亂。不退者，經云不退轉菩提，是也。不休息者，即不退義。又彌勒慈行，乾陀梵行。觀經云：慈心不殺，具諸戒行，是也。成淨土因。則列諸菩薩，非無因故。

(演)精進表願行者，信而後願。願者，信力之精進也。願而後行。行者，願力之精進也。

(Ba, tổng kết.

***Kinh**: Cùng với các vị đại Bồ Tát giống như vậy.*

***Sớ**: Kết lại [ý nghĩa biểu pháp của] những vị trên đây và các vị Bồ Tát khác giống như trong phần trên, kinh này biểu thị ba thứ Tín, Hạnh, Nguyện, tạo thành cái nhân Tịnh Độ.*

***Sao**: "Giống như trên" là lời kết luận về các vị Văn Thù, Di Lặc v.v... [đã nói trong] phần trên. "Các vị Bồ Tát khác" là như Phổ Hiền, Quán Âm, hết thảy các vị Bồ Tát. "Tín, Hạnh, Nguyện": Diệu Thủ biểu thị Tín. Cầu sanh về Tịnh Độ thì lòng tin là [điều kiện cần phải hội đủ] trước hết. Kinh nói "nếu kẻ nào có lòng tin" chính là nói về điều này. Tinh Tấn biểu thị Nguyện và Hạnh, Tinh là chẳng xen tạp, Tấn là chẳng lui sụt. "Chẳng tạp", kinh nói "nhất tâm bất loạn". "Bất thoái": Kinh nói "chẳng thoái chuyển Bồ Đề" là nói tới điều này. Bất Hưu Tức có nghĩa là Bất Thoái. Lại nữa, Di Lặc là từ hạnh, Càn Đà Ha Đề là phạm hạnh. Quán Kinh nói: "Từ tâm chẳng giết, đủ các giới hạnh" là nói đến ý nghĩa*

này. "Thành cái nhân Tịnh Độ" tức là chẳng phải vô duyên cớ mà kể tên các vị Bồ Tát.

***Diễn**: "Tinh Tấn biểu thị Nguyện và Hạnh": Đã có Tín rồi mới có Nguyện. Nguyện là sự tinh tấn từ Tín lực. Đã có Nguyện rời mới có Hạnh. Hạnh là sự tinh tấn nơi Nguyện lực).*

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vô bất chiếu, thị Văn Thù trí nghĩa; tự tánh vô bất dung, thị Di Lặc từ nghĩa; tự tánh vô cùng vô tận, thị Bất Hưu Tức, Thường Tinh Tấn nghĩa. Dư khả loại tri.

(Diễn) Văn Thù chi trí, thị Nhất Thiết Chủng Trí vô sở bất chiếu giả, kim tự tánh huy thiên giám địa, diệu cổ đằng kim, vô bất chiếu dã. Di Lặc chi Từ thị tam duyên đại từ vô sở bất dung giả, kim tự tánh nang quát hư không, bao la pháp giới, vô bất dung dã.

(疏)稱理，則自性無不照，是文殊智義；自性無不容，是彌勒慈義；自性無窮無盡，是不休息，常精進義。餘可類知。

(演)文殊之智，是一切種智無所不照者，今自性輝天鑑地，耀古騰今，無不照也。彌勒之慈是三緣大慈無所不容者，今自性囊括虛空，包羅法界，無不容也。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh không đâu chẳng chiếu là ý nghĩa trí huệ của Văn Thù; tự tánh không gì chẳng bao dung là ý nghĩa lòng Từ của Di Lặc; tự tánh vô cùng, vô tận là ý nghĩa Bất Hưu Tức và Thường Tinh Tấn. Những điều khác có thể suy theo đó mà biết.*

***Diễn**: Trí Văn Thù là Nhất Thiết Chủng Trí không gì chẳng chiếu. Nay tự tánh rạng trời soi đất, chói xưa ngời nay, không gì chẳng chiếu. Lòng Từ của ngài Di Lặc là lòng đại từ ba duyên (chúng sanh duyên, pháp duyên, và vô duyên từ), không gì chẳng dung nạp. Nay tự tánh chứa trọn hư không, bao trùm trọn khắp pháp giới, không gì chẳng dung).*

(Sao) Loại tri giả, tự tánh quảng đại thị Phổ Hiền nghĩa. Tự tánh viên thông thị Quán Âm nghĩa. Như thượng tùy cử nhất môn, dĩ tiêu danh tự. Nhược các cụ giả, tức danh tự hỗ thông, cố vị tâm tức danh dã. Như thị giải giả, tức ư chánh quán tâm trung, kiến nhất thiết Bồ Tát dã. Kim kiến phàm phu, bất kiến Bồ Tát giả, dĩ thất chánh quán cố. Cố viết: "Bồ Tát thanh lương nguyệt, thường du tất cánh không, chúng sanh tâm cấu tịnh, Bồ Đề ảnh hiện trung".

(Diễn) Tự tánh quảng đại thị Phổ Hiền nghĩa giả, hạnh di pháp giới viết Phổ, vị lân cực thánh viết Hiền; hữu quảng đại nghĩa. Kim tự tánh thụ cùng hoành biến, vô hữu biên tế cố. Tự tánh viên thông thị Quán Âm nghĩa giả, tu nhĩ căn viên thông, duyên tâm tự tại, thị viên thông nghĩa. Kim tự tánh viên dung thông đạt, vô hữu chướng ngại cố. Nhược các cụ tức danh tự hỗ thông giả, như vô bất chiếu, tức vô bất dung, Văn Thù thông Di Lặc, quảng đại cụ viên thông, tức Phổ Hiền thông Quán Âm đẳng. Tâm tức danh giả, Bồ Tát vô danh. Danh giả, nhân nhân tự tâm. Ly tự tâm, biệt cầu Bồ Tát, thị hành tà đạo, bất kiến Bồ Tát dã. Chánh quán tâm trung kiến nhất thiết Bồ Tát giả, đạt tự tâm vô bất chiếu, tắc Văn Thù hiện tiền. Đạt tự tánh vô bất dung, tắc Di Lặc xuất thế. Đạt tự tánh chi quảng đại, tắc thường đổ Phổ Hiền. Đạt tự tánh chi viên thông, tắc thời thân Tự Tại. Kim kiến phàm phu bất kiến Bồ Tát giả, dĩ ngã đẳng chung nhật mê tâm trục cảnh, tạo chư ác nghiệp, vô hữu quán lực. Túng hoặc tu giới thiện cập chư Thiền Định, đản thiệp hữu vi, tịnh phi chánh quán. Chánh quán giả, tức trực tâm chánh niệm Chân Như. Ước đương kinh, tức thị hệ duyên pháp giới, chuyên xưng danh tự, sở vị ly tứ cú niệm Phật dã. Nhược đắc thử Chánh Quán, tắc Văn Thù, Di Lặc, Phổ Hiền, Quán Âm, vô bất cụ túc, thị kiến nhất thiết Bồ Tát dã. Hựu tức phổ kiến nhất thiết chúng sanh giai thành Chánh Giác, thị bất kiến phàm phu dã. Kim kiến phàm phu, bất kiến Bồ Tát, dĩ thất chánh quán cố.

(鈔)類知者，自性廣大是普賢義。自性圓通是觀音義。如上隨舉一門，以標名字。若各具者，即名字互通，故謂心即名也。如是解者，即於正觀心中，見一切菩薩也。今見凡夫，不見菩薩者，以失正觀故。故曰：菩薩清涼月，常遊畢竟空，眾生心垢淨，菩提影現中。

(演)自性廣大是普賢義者，行彌法界曰普，位鄰極聖曰賢；有廣大義。今自性豎窮橫遍，無有邊際故。自性圓通是觀音義者，修耳根圓通，緣心自在，是圓通義。今自性圓融通達，無有障礙故。若各具即名字互通者，如無不照，即無不容，文殊通彌勒，廣大具圓通，即普賢通觀音等。心即名者，菩薩無名。名者，人人自心。離自心，別求菩薩，是行邪道，不見菩薩也。正觀心中見一切菩薩者，

達自心無不照，則文殊現前。達自性無不容，則彌勒出世。達自性之廣大，則常覩普賢。達自性之圓通，則時親自在。今見凡夫不見菩薩者，以我等終日迷心逐境，造諸惡業，無有觀力。縱或修戒善及諸禪定，但涉有為，並非正觀。正觀者，即直心正念真如。約當經，即是繫緣法界，專稱名字，所謂離四句念佛也。若得此正觀，則文殊，彌勒，普賢，觀音，無不具足，是見一切菩薩也。又即普見一切眾生皆成正覺，是不見凡夫也。今見凡夫，不見菩薩，以失正觀故。

*(**Sao**: "So sánh để biết": Tự tánh rộng lớn nghĩa là Phổ Hiền. Tự tánh viên thông là ý nghĩa của Quán Âm. Để nêu ra bất cứ một môn nào như trên đây, bèn nêu ra một danh tự [của một vị Bồ Tát]. Nếu [thấu hiểu các danh tự khác nhau nhằm biểu thị những tánh đức khác nhau], nhưng mỗi mỗi đều trọn đủ, thì các danh tự sẽ dung thông lẫn nhau, cho nên nói "tâm chính là danh". Hiểu như vậy thì trong tâm chánh quán sẽ thấy hết thảy các Bồ Tát. Nay thấy phàm phu, chẳng thấy Bồ Tát là do đã mất chánh quán. Vì vậy nói: "Bồ Tát trăng trong mát, thường dạo rốt ráo không, chúng sanh sạch tâm cấu, Bồ Đề hiện bóng hình".*

***Diễn**: "Tự tánh rộng lớn nghĩa là Phổ Hiền": Hạnh trọn khắp pháp giới là Phổ, địa vị gần với bậc cực thánh là Hiền. Có ý nghĩa rộng lớn vì nay tự tánh theo chiều dọc thì tột cùng, theo chiều ngang thì trọn khắp, chẳng có bờ mé. "Tự tánh viên thông nghĩa là Quán Âm": Tu nhĩ căn viên thông, duyên tâm tự tại là ý nghĩa "viên thông". Nay tự tánh viên dung thông đạt, chẳng có chướng ngại. "[Nếu thấu hiểu các danh tự khác nhau biểu thị những tánh đức khác nhau], nhưng mỗi mỗi đều trọn đủ thì các danh tự sẽ dung thông lẫn nhau": Như "không gì chẳng chiếu" thì "không gì chẳng dung hội", Văn Thù thông với Di Lặc; sự rộng lớn trọn đủ viên thông thì Phổ Hiền thông với Quán Âm v.v...*

"Tâm chính là danh": Bồ Tát vô danh. Danh là tự tâm của mỗi người. Lìa tự tâm để cầu riêng Bồ Tát thì là hành tà đạo, chẳng thấy Bồ Tát được! "Trong cái tâm chánh quán, thấy hết thảy các vị Bồ Tát": Đạt được tự tâm không gì chẳng chiếu thì Văn Thù hiện tiền. Đạt tự tánh không gì chẳng dung nạp là Di Lặc xuất thế. Đạt sự rộng lớn của tự tánh tức là thường thấy Phổ Hiền. Đạt sự viên thông nơi tự tánh thì sẽ luôn thân cận Quán Tự Tại. "Nay thấy phàm phu mà chẳng thấy Bồ Tát": Do chúng ta

suốt ngày mê tâm đuổi theo cảnh, tạo các ác nghiệp, chẳng có sức quán. Dẫu có thể tu giới thiện và các Thiền Định, nhưng luôn xen tạp hữu vi, hoàn toàn chẳng phải là chánh quán. Chánh quán chính là trực tâm chánh niệm Chân Như. Nói theo kinh này, sẽ là buộc duyên nơi pháp giới, chuyên xưng danh hiệu, đó gọi là "lìa bốn câu (có, không, cũng có cũng không...) để niệm Phật. Nếu đạt được chánh quán ấy thì đối với Văn Thù, Di Lặc, Phổ Hiền, Quán Âm, [hành nhân] sẽ không vị nào chẳng thấy trọn vẹn. Đó là thấy hết thảy các vị Bồ Tát. Lại còn chính là thấy trọn khắp hết thảy chúng sanh đều thành Chánh Giác, tức là chẳng thấy phàm phu. Nay thấy phàm phu, chẳng thấy Bồ Tát, là vì đã đánh mất chánh quán).

Tam, nhân thiên chúng.

(Kinh) Cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

(Sớ) Cập giả, thừa tiền ngôn Tịnh Độ pháp môn, bất đản chư thánh dự hội, nhất thiết phàm chúng giai đồng văn cố. Thích Đề Hoàn Nhân, thử vân Năng Thiên Chúa. Viết "đẳng", hựu viết "vô lượng" giả, tận nhất thiết chư thiên cố. Viết đại chúng giả, tận nhất thiết chúng sanh cố. Câu giả, thông kết "tịnh chư Bồ Tát" dĩ hạ văn dã.

(Sao) Thượng "tịnh Bồ Tát", thị tiểu đại nhất đối. Kim cập "chư thiên đại chúng", thị thánh phàm nhất đối. Thánh phàm cộng văn thử kinh; vô vị Tịnh Độ vi phàm phu sở bất năng dã. Thích Đề Hoàn Nhân giả, cụ vân Thích Ca Đề Bà Nhân Đề. Thích Ca giả, thử vân Năng. Đề Bà Nhân Đề giả, thử vân Thiên Chúa. Tường hữu ngũ chủng danh, khủng phồn bất tự. Ca Diếp Phật diệt thời, nhất nữ nhân phát tâm tu tháp, tam thập nhị nhân tá chi. Kim vương Đao Lợi, thống tứ phương tam thập nhị thiên. Hựu A Hàm vân: "Bổn vi nhân thời, hành ư đốn thí, kham năng tác chủ, cố viết Thiên Chúa". Đẳng giả, đẳng tam thập nhị, dĩ cập kỳ dư dã. Vô lượng giả, hựu tăng từ dĩ tận, tắc khái Dục, Sắc, Vô Sắc chư thiên dã. Thiên hữu đa ý, hoặc danh Trú, dĩ trú trường cố; hoặc danh Vô Sầu Não, dĩ thường lạc cố. Hoặc danh Đăng Minh, dĩ vô hắc ám cố. Đại chúng giả, chư thiên nhi hạ, nhân cập Tu La, tận lục đạo nhất thiết chúng sanh dã. Nhất vân kiêm tiền Bồ Tát, Thanh Văn, đồng danh đại chúng. Thông kết giả, thượng ngôn dữ đại tỳ-kheo chúng câu. Kim thử Câu giả, ngôn diệc dữ chư Bồ Tát, chư thiên, đại chúng câu dã. Hoặc nạn: "Vô Sắc tắc vô nhĩ, vô thân. Quỷ, ngục tắc cực u, cực khổ, hà dung dự hội nhi văn thử kinh?" Nhiên Vô Sắc giả, vô thô sắc, phi vô tế sắc dã. Phật Niết Bàn thời, Vô Sắc Thiên nhân lệ

hạ như vũ. Tắc thân chí nhĩ căn, diệc phục hà ngại. Địa ngục, ngạ quỷ, trọng giả hoặc cách bất thông; khinh giả, vị khả lệ phán. Hựu Phật quang sở xúc, địa ngục thiên tử đắc chứng Đốn Viên. Nhiên tắc Phật thuyết thử kinh, quang chiếu thập phương, an tri quỷ ngục bất đắc văn dã?

(Diễn) Phật quang sở xúc, đắc chứng Đốn Viên giả, Như Lai vị chư Bồ Tát thời, túc hạ hữu tứ thập chủng quang minh, ư viên mãn vương tướng hảo trung, phóng quang hạ chiếu. Địa ngục ngộ tư quang giả, tức sanh Đâu Suất, văn thiên cổ âm, sám hối dĩ, tức thời vị đăng Thập Địa, sở dĩ nhiên giả? Dĩ chúng sanh tiên huân Nhất Thừa chủng tử cố.

三、人天眾。

(經)及釋提桓因等，無量諸天大眾俱。

(疏)及者，承前言淨土法門，不但諸聖與會，一切凡眾皆同聞故。釋提桓因，此云能天主。曰等，又曰無量者，盡一切諸天故。曰大眾者，盡一切眾生故。俱者，通結并諸菩薩以下文也。

(鈔)上并菩薩，是小大一對。今及諸天大眾，是聖凡一對。聖凡共聞此經；毋謂淨土為凡夫所不能也。釋提桓因者，具云釋迦提婆因提。釋迦者，此云能。提婆因提者，此云天主。詳有五種名，恐繁不敘。迦葉佛滅時，一女人發心修塔，三十二人佐之。今王忉利，統四方三十二天。又阿含云：本為人時，行於頓施，堪能作主，故曰天主。等者，等三十二，以及其餘也。無量者，又增詞以盡，則槃欲，色，無色，諸天也。天有多意，或名晝，以晝長故；或名無愁惱，以常樂故。或名燈明，以無黑闇故。大眾者，諸天而下，人及修羅，盡六道一切眾生也。一云兼前菩薩，聲聞，同名大眾。通結者，上言與大比丘眾俱。今此俱者，言亦與諸菩薩，諸天，大眾俱也。或難：無色，則無耳無身，鬼獄，則極幽極苦，何容與會而聞此經？然無色者，無粗色，非無細色也。佛涅槃時，無色天人淚下如雨。則身至耳根，亦復何礙。地獄餓鬼，重者或隔不通；輕者，

未可例判。又佛光所觸，地獄天子得證頓圓。然則佛說此經，光照十方，安知鬼獄不得聞也？

(演)佛光所觸，得證頓圓者，如來為諸菩薩時，足下有四十種光明，於圓滿王相好中，放光下照。地獄遇斯光者，即生兜率，聞天鼓音，懺悔已，即時位登十地，所以然者？以眾生先熏一乘種子故。

(Ba, chúng trời người.

***Kinh**: Và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm họp.*

***Sớ**: Chữ "cập" (và) nhằm tiếp nối ý đã nói trong phần trước: Pháp môn Tịnh Độ chẳng phải chỉ có thánh chúng dự hội, mà hết thảy phàm chúng đều cùng nghe. Thích Đề Hoàn Nhân, cõi này dịch là Năng Thiên Chúa. Nói "đẳng", còn nói là "vô lượng", vì gồm trọn hết thảy chư thiên. Nói "đại chúng" là gồm trọn hết thảy chúng sanh. Chữ "câu" có ý nghĩa tương thông với phần tiểu kết trong đoạn văn "và các Bồ Tát".*

***Sao**: Phần "và các Bồ Tát" trong phần trước [phối hợp với phần nói về chúng Thanh Văn] thành một cặp Tiểu Thừa và Đại Thừa. Nay ghép với "chư thiên, đại chúng" thành một cặp thánh - phàm. Do thánh và phàm cùng nghe kinh này, chớ nói phàm phu "chẳng thể tu Tịnh Độ".*

Thích Đề Hoàn Nhân nói đủ là Thích Ca Đề Bà Nhân Đề (Śakro Devānām Indrah). Thích Ca, cõi này dịch là Năng. Đề Bà Nhân Đề (Devānām Indrah), cõi này dịch là Thiên Chúa. Nói cặn kẽ thì có năm loại tên, sợ rườm rà nên chẳng trình bày. Thời Phật Ca Diếp diệt độ, một người nữ phát tâm tu bổ tháp, ba mươi hai người giúp đỡ. Nay [cô ta] là vua cõi trời Đao Lợi, thống lãnh ba mươi hai vị trời ở bốn phương. Lại nữa, kinh A Hàm nói: "Vốn do lúc làm người, đã hành bố thí nhanh chóng, có thể làm người xướng suất, nên gọi là Thiên Chúa".

"Đẳng" là kể cả ba mươi hai người kia, [đồng thời còn ngụ ý] cùng với những người khác [đều tham dự pháp hội giảng kinh này]. "Vô lượng" là từ ngữ nhằm nói thêm cho trọn hết, nhất loạt bao gồm chư thiên thuộc Dục Giới, Sắc Giới, và Vô Sắc Giới. Trời có nhiều ý nghĩa, hoặc gọi là Trú (ban ngày), vì ngày rất dài; hoặc gọi là Vô Sầu Não vì thường vui sướng; hoặc gọi là Đăng Minh vì chẳng tối tăm.

"Đại chúng": Từ chư thiên trở xuống, loài người, và Tu La, trọn khắp hết thảy chúng sanh trong lục đạo. Có thuyết nói là kể cả Bồ Tát và Thanh Văn trong phần trên cũng đều cùng gọi là "đại chúng".

"Thông kết": Trong phần trên đã nói "cùng với các vị đại tỳ-kheo nhóm họp", nay chữ Câu ở chỗ này cũng có nghĩa là "cùng với các vị Bồ Tát, chư thiên, đại chúng nhóm họp". Chắc có kẻ bắt bẻ: "Vô Sắc Giới sẽ chẳng có tai, không có thân; ngạ quỷ và địa ngục vô cùng tối tăm, khổ sở, làm sao có thể dự hội nghe kinh này cho được?" Nhưng Vô Sắc là không có thô sắc, chẳng phải là không có tế sắc. Khi đức Phật nhập Niết Bàn, chư thiên cõi Vô Sắc lệ tuôn như mưa. Như vậy thì từ thân cho đến nhĩ căn, cũng còn ngăn ngại gì nữa? Địa ngục, ngạ quỷ, nếu là kẻ tội nặng thì có lẽ bị ngăn ngại, chẳng thông suốt; chứ đối với người tội nhẹ, chẳng thể phán định giống hệt như [kẻ đọa trong A Tỳ được]. Lại nữa, do được Phật quang chiếu tới, thiên tử chốn địa ngục bèn chứng Đốn Viên. Vậy thì đức Phật nói kinh này, quang minh chiếu đến mười phương, làm sao biết là ngạ quỷ, địa ngục chẳng được nghe?

***Diễn**: "Được Phật quang chiếu đến, bèn chứng Đốn Viên": Đức Như Lai khi vì các Bồ Tát, ở dưới lòng bàn chân bèn phóng ra bốn mươi loại quang minh, từ trong tướng hảo viên mãn vương, tỏa ra quang minh chiếu xuống phía dưới. [Chúng sanh] trong địa ngục gặp quang minh ấy, liền sanh lên trời Đâu Suất, nghe tiếng của cái trống trời, sám hối xong, bèn dự vào địa vị Thập Địa. Vì cớ sao vậy? Vì chúng sanh trước đó đã huân tập chủng tử Nhất Thừa).*

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh triệt thượng, triệt hạ, thị La Hán, Bồ Tát, chư thiên đại chúng câu nghĩa.

(Sao) Thị pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ, thượng nhi triệt hồ chư thánh dã, thượng diệc dữ chi câu; hạ nhi triệt hồ lục phàm dã, hạ diệc dữ chi câu. Lương dĩ Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Tứ Đẳng, Lục Độ, Ngũ Giới, Thập Thiện, vạn hạnh phân nhiên, nãi chí bát vạn tứ thiên chư trần lao môn, duy thị nhất tâm, chân thật tánh trung, vô sai biệt cố. Long xà hỗn tạp, phàm thánh giao tham, thử gian Phật pháp trụ trì, bổn lai như thị.

(Diễn) Thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ giả, thị pháp chỉ Pháp Tánh dã. Pháp Tánh chi trung, thánh phàm bình đẳng dã. Thượng nhi triệt hồ tứ cú giả, vị Pháp Tánh hữu cao hạ, tắc bất năng triệt hồ cao hạ. Dĩ kỳ vô cao hạ, cố năng triệt cao hạ dã. Lương dĩ hạ xuất sở dĩ. Tứ Đế, Thanh Văn pháp. Thập Nhị Nhân Duyên, Duyên Giác pháp. Tứ Đẳng, lục độ, Bồ Tát pháp. Ngũ Giới, Thập Thiện, nhân thiên pháp. Vạn hạnh phân nhiên, tắc tổng thâu tứ thánh; bát vạn tứ thiên trần lao, tắc tổng thâu lục phàm. Tuy tứ thánh lục phàm bất đồng, duy thị nhất

tâm; thị hội thập pháp giới hạnh quy nhất tâm dã. Hà dĩ cố? Dĩ nhất tâm chi chân thật tánh trung, vô thập pháp giới chi sai biệt cố. Nhân vô thập pháp giới chi sai biệt, cố năng triệt thập pháp giới dã. Long xà hỗn tạp giả, Vô Trước thiền sư lễ Ngũ Đài, ngộ Văn Thù hóa tác lão ông, vấn vân: "Nam phương Phật pháp như hà trụ trì?" Trước vân: "Mạt pháp tăng ni thiểu trì giới luật". Tức vấn: "Thử gian Phật pháp như hà trụ trì?" Ông vân: "Long xà hỗn tạp, phàm thánh giao tham".

(疏)稱理，則自性徹上，徹下，是羅漢，菩薩，諸天大眾俱義。

(鈔)是法平等，無有高下，上而徹乎諸聖也，上亦與之俱；下而徹乎六凡也，下亦與之俱。良以四諦，十二因緣，四等，六度，五戒，十善，萬行紛然，乃至八萬四千諸塵勞門，唯是一心，真實性中，無差別故。龍蛇混雜，凡聖交參，此間佛法住持，本來如是。

(演)是法平等無有高下者，是法指法性也。法性之中，聖凡平等也。上而徹乎四句者，謂法性有高下，則不能徹乎高下。以其無高下，故能徹高下也。良以下出所以。四諦，聲聞法。十二因緣，緣覺法。四等六度，菩薩法。五戒十善，人天法。萬行紛然，則總收四聖；八萬四千塵勞，則總收六凡。雖四聖六凡不同，唯是一心；是會十法界行歸一心也。何以故？以一心之真實性中，無十法界之差別故。因無十法界之差別，故能徹十法界也。龍蛇混雜者，無著禪師禮五臺，遇文殊化作老翁，問云：南方佛法如何住持？著云：末法僧尼少持戒律。即問：此間佛法如何住持？翁云：龍蛇混雜，凡聖交參。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì "tự tánh thông trên, thấu dưới" chính là ý nghĩa của La Hán, Bồ Tát, chư thiên và đại chúng cùng nhóm họp.*

***Sao**: Pháp này bình đẳng, chẳng có cao thấp, trên là thấu đến các vị thánh, người bậc trên cũng cùng nhóm họp; dưới là thấu đến lục phàm, kẻ bậc hạ cũng cùng nhóm họp. Ấy là vì Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Tứ Đẳng, Lục Độ, Ngũ Giới, Thập Thiện, vạn hạnh vô số, cho đến tám vạn bốn ngàn môn trần lao, chỉ là nhất tâm, trong tánh chân thật, chẳng*

sai biệt. Rắn rồng hỗn tạp, phàm thánh lẫn lộn, Phật pháp trụ trì trong thế gian này vốn là như thế.

***Diễn**: "Pháp này bình đẳng, chẳng có cao thấp": "Pháp này" là nói đến Pháp Tánh. Trong Pháp Tánh, thánh và phàm bình đẳng. Bốn câu "trên là thấu đến các vị thánh…" ý nói: Pháp Tánh có cao hay thấp thì sẽ chẳng thể thấu triệt cao thấp được! Do nó chẳng có cao thấp, cho nên có thể thấu triệt cao thấp.*

Từ chữ "ấy là vì" trở đi, nêu ra nguyên do. Tứ Đế là pháp của Thanh Văn. Thập Nhị Nhân Duyên là pháp của Duyên Giác. Tứ Đẳng, lục độ là pháp của Bồ Tát. Ngũ Giới, Thập Thiện là pháp nhân thiên. "Vạn hạnh vô số" thâu trọn tứ thánh; "tám vạn bốn ngàn trần lao" gồm hết lục phàm. Tuy tứ thánh và lục phàm bất đồng, chỉ là nhất tâm. Đấy là gom hạnh của mười pháp giới đều quy vào nhất tâm. Vì sao vậy? Do trong tánh chân thật của nhất tâm, không có có mười pháp giới sai khác. Do không có mười pháp giới sai khác, cho nên có thể thấu triệt mười pháp giới.

"Rồng rắn hỗn tạp": Thiền sư Vô Trước đến chiêm lễ núi Ngũ Đài, gặp ngài Văn Thù hóa thành một cụ già, hỏi: "Phật pháp ở phương Nam trụ trì như thế nào?" Vô Trước thưa: "Tăng ni thời Mạt Pháp ít người trì giới luật". Sư liền hỏi cụ: "Phật pháp ở nơi đây trụ trì như thế nào?" Cụ bảo: "Rắn rồng hỗn tạp, thánh phàm xen lẫn").

Nhị, Chánh Tông phần (tứ): Sơ, tường trần y chánh linh sanh tín nhạo. Nhị, chánh thị nguyện hạnh linh tri tu chứng. Tam, giao dẫn Phật ngôn linh đoạn nghi hoặc. Tứ, hỗ chương nan sự linh thiết cảm phát.

(Diễn) Chánh Tông tứ khoa, bất xuất tam tư lương. Sơ, tường trần y chánh, linh sanh tín nhạo thuộc Tín tư. Nhị, chánh thị nguyện hạnh linh tri tu chứng, thuộc Nguyện Hạnh nhị tư. Tam, giao dẫn Phật ngôn linh đoạn nghi hoặc giả, dĩ thượng tuy linh sanh tín nhạo, do khủng hữu nghi, tín lực bất kiên. Cố dẫn lục phương cộng tán dĩ kiên kỳ tín dã. Tứ, hỗ chương nan sự, linh thiết cảm phát giả, dĩ thượng tuy chánh thị nguyện hạnh, do khủng nhân tuần, bất năng hưng khởi. Cố cử bỉ thử hỗ tán, dĩ cổ phát Hạnh Nguyện dã.

二、正宗分(四)：初、詳陳依正令生信樂。二、正示願行令知修證。三、交引佛言令斷疑惑。四、互彰難事令切感發。

(演)正宗四科，不出三資糧。初、詳陳依正，令生信樂屬信資。二、正示願行令知修證，屬願行二資。三、交引佛言令所疑惑者，以上雖令生信樂，猶恐有疑，信力不堅。故引六方共贊以堅其信也。四、互彰難事，令切感發者，以上雖正示願行，猶恐因循，不能興起。故舉彼此互贊，以鼓發行願也。

(Hai, phần Chánh Tông (gồm bốn phần):Một, nêu bày cặn kẽ y báo và chánh báo để [người nghe] sanh lòng tin ưa. Hai, chỉ bày nguyện hạnh để [người nghe] biết cách tu chứng. Ba, dẫn lời chư Phật tán thán lẫn nhau hòng khiến cho người nghe đoạn trừ nghi hoặc. Bốn, lần lượt chỉ rõ [pháp môn này là chuyện] khó để người nghe cảm kích, phát khởi thiết thực.

***Diễn**: Bốn khoa của phần Chánh Tông chẳng ra ngoài ba tư lương. Một là nêu bày cặn kẽ y báo và chánh báo để người nghe sanh lòng tin ưa, phần này thuộc về tư lương Tín. Hai là chỉ bày nguyện hạnh khiến người nghe tu chứng, phần này thuộc về hai tư lương Nguyện và Hạnh. Ba là dẫn lời chư Phật tán thán lẫn nhau khiến cho người nghe đoạn trừ nghi hoặc, bởi trước đó đã khiến cho họ sanh lòng tin ưa, vẫn sợ họ còn có điều ngờ vực, tín lực chẳng bền chắc. Vì thế, dẫn lời sáu phương chư Phật cùng tán thán để kiên cố tín tâm của họ. Bốn là trình bày sự khó, khiến cho người nghe cảm kích, thiết tha phát nguyện. Bởi lẽ, trên đây tuy đã chỉ bày nguyện và hạnh, vẫn sợ người nghe chần chừ, chẳng thể dấy khởi. Vì thế, đôi bên khen ngợi lẫn nhau hòng cổ vũ, khích lệ hành nhân phát khởi Hạnh và Nguyện).*

Sơ, tường trần y chánh linh sanh tín nhạo (nhị): Sơ, đối cơ. Nhị, thị pháp.

Sơ, đối cơ.

(Kinh) Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất.

(Sớ) Thử hạ văn thuộc Chánh Tông, dĩ tiền thị tự dẫn, hậu thị Lưu Thông. Duy thử vi nhất kinh sở tông chi chánh nghĩa dã. "Nhĩ thời" giả, đương bỉ lục chủng thành tựu Thời dã. "Phật cáo" giả, kinh vô phát khởi, Phật tự thuyết cố. Lương diêu thử kinh, cứu thế tối cấp, bất sĩ thỉnh cố.

(Sao) Phàm ngôn "nhĩ thời", tất thượng hữu duyên khởi. Cố vân đương bỉ thời dã. Phật tự thuyết giả, chư kinh giai hữu Thông Biệt nhị

tự. Thông tắc Chứng Tín, Biệt tắc Phát Khởi. Như Pháp Hoa, tắc bạch hào phóng quang, khải Nhất Thừa chi giáo. Duy Ma, tắc Tỳ Da thị tật, khai Bất Nhị chi đàm. Viên Giác, Kim Cang, dĩ cập chư kinh, đa nhân hữu vấn tại tiên, nhiên hậu Phật vị tuyên diễn. Kim kinh bất nhiên, cố vô phát khởi.

(Diễn) Thông tắc Chứng Tín, Biệt tắc Phát Khởi giả. Chứng Tín vi Thông, nhất thiết chư kinh giai nhiên cố. Phát Khởi vi Biệt, kinh kinh phát khởi các bất đồng cố. Bạch hào phóng quang khải Nhất Thừa chi giáo giả, Như Lai ư Pháp Hoa hội thượng, tiên phóng bạch hào tướng quang, chiếu vạn bát thiên độ, nhiên hậu cáo Xá Lợi Phất: "Chư Phật trí huệ thậm thâm vô lượng, thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệc vô tam. Trừ Phật phương tiện thuyết" đẳng. Tỳ Da thị tật khai Bất Nhị chi đàm giả, Duy Ma cư sĩ ư Tỳ Da Ly thành, hiện thân hữu tật, Thế Tôn khiển chư đại Thanh Văn, chư đại Bồ Tát vãng vấn kỳ tật. Nhiên hậu, tam thập nhị đại sĩ các thuyết Bất Nhị pháp môn, như sanh diệt bất nhị, cấu tịnh bất nhị, nhất tướng vô tướng bất nhị, nãi chí vô hữu văn tự, ngữ ngôn thị chân nhập Bất Nhị pháp môn. Viên Giác, Kim Cang đa hữu vấn tại tiên giả, Viên Giác tắc Văn Thù khải thỉnh Như Lai nhân địa pháp môn, cập Bồ Tát viễn ly chư bệnh. Kim Cang tắc Thiện Cát khải thỉnh: Vân hà ưng trụ? Vân hà hàng phục kỳ tâm?

初、詳陳依正令生信樂(二)：初、對機。二、示法。

初、對機。

(經)爾時，佛告長老舍利弗。

(疏)此下文屬正宗，以前是序引，後是流通。唯此為一經所宗之正義也。爾時者，當彼六種成就時也。佛告者，經無發起，佛自說故。良繇此經，救世最急，不俟請故。

(鈔)凡言爾時，必上有緣起。故云當彼時也。佛自說者，諸經皆有通別二序。通則證信，別則發起。如法華，則白毫放光，啟一乘之教。維摩，則毗耶示疾，開不二之談。圓覺，金剛，以及諸經，多因有問在先，然後佛為宣演。今經不然，故無發起。

(演)通則證信，別則發起者。證信為通，一切諸經皆然故。發起為別，經經發起各不同故。白毫放光啟一乘之

教者，如來於法華會上，先放白毫相光，照萬八千土，然後告舍利弗：諸佛智慧甚深無量，十方佛土中，唯有一乘法，無二，亦無三。除佛方便說等。毘耶示疾開不二之談者，維摩居士於毘耶離城，現身有疾，世尊遣諸大聲聞，諸大菩薩往問其疾。然後，三十二大士各說不二法門，如生滅不二，垢淨不二，一相無相不二，乃至無有文字，語言是真入不二法門。圓覺，金剛多有問在先者，圓覺則文殊啟請如來因地法門，及菩薩遠離諸病。金剛則善吉啟請：云何應住？云何降伏其心？

(Nêu bày cặn kẽ y báo và chánh báo để người nghe sanh lòng tin ưa (gồm hai phần): Một, là đối ứng với căn cơ; hai là dạy pháp.

Trước hết là phần đối ứng căn cơ.

***Kinh**: Lúc ấy, đức Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất.*

***Sớ**: Từ phần kinh văn này trở đi thuộc vào Chánh Tông. Những phần trước nhằm giới thiệu dẫn nhập, sau phần này là phần Lưu Thông. Đây chính là phần ý nghĩa chánh yếu được đề cao bởi một kinh. "Nhĩ thời" là Thời [thành tựu] trong sáu thứ thành tựu. "Phật cáo": Kinh không có ai phát khởi, do đức Phật tự nói. Ấy là vì kinh này cứu thế cấp thiết nhất, cho nên chẳng đợi người khác khải thỉnh.*

***Sao**: Hễ nói "nhĩ thời" thì trước đó ắt có duyên khởi, cho nên nói "ngay trong lúc ấy". "Phật tự nói": Các kinh đều có hai phần Thông Tự và Biệt Tự. Thông Tự là Chứng Tín Tự, Biệt Tự là Phát Khởi Tự. Như kinh Pháp Hoa, [đức Phật từ] bạch hào phóng quang, mở đầu giáo pháp Nhất Thừa. Kinh Duy Ma, [trưởng giả Duy Ma Cật] thị hiện bị bệnh nơi thành Tỳ Da Ly để mở ra cuộc bàn luận về pháp môn Bất Nhị. Trong Viên Giác, Kim Cang, và các kinh, phần nhiều do có người đã hỏi trước rồi đức Phật mới tuyên diễn cho những người ấy. Nay kinh này chẳng giống như vậy, cho nên chẳng có Phát Khởi.*

***Diễn**: "Thông là Chứng Tín, Biệt là Phát Khởi": Chứng Tín là Thông, hết thảy các kinh đều là như vậy. Phát Khởi là Biệt, mỗi kinh được phát khởi khác nhau.*

"Bạch hào phóng quang mở đầu giáo pháp Nhất Thừa": Trong hội Pháp Hoa, đức Như Lai trước hết phóng quang minh từ tướng bạch hào, chiếu đến một vạn tám ngàn cõi nước. Sau đấy, bảo ngài Xá Lợi Phất: "Chư Phật trí huệ rất sâu vô lượng, trong mười phương cõi Phật, chỉ có

pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba. Trừ Phật nói phương tiện" v.v…

"Thành Tỳ Da thị hiện bị bệnh để mở ra cuộc bàn luận về pháp môn Bất Nhị": Cư sĩ Duy Ma (Vimalakīrti) ở thành Tỳ Da Ly (Vaiśālī), thị hiện mắc bệnh, đức Thế Tôn sai các vị đại Thanh Văn và các vị đại Bồ Tát đến thăm bệnh. Sau đó, ba mươi hai vị đại sĩ, mỗi vị đều nói pháp môn Bất Nhị, như sanh diệt bất nhị, dơ sạch bất nhị, một tướng và vô tướng bất nhị, cho đến không có văn tự, ngôn ngữ là pháp môn Bất Nhị chân thật.

"Viên Giác, Kim Cang phần nhiều do có người đã hỏi trước": Kinh Viên Giác là do ngài Văn Thù khải thỉnh Như Lai giảng pháp môn nơi nhân địa và hàng Bồ Tát phải xa lìa những khuyết điểm nào. Kinh Kim Cang thì do ngài Thiện Cát (Tu Bồ Đề) khải thỉnh: "Hãy nên trụ như thế nào? Hãy nên hàng phục cái tâm như thế nào?")

(Sao) "Cứu thế tối cấp" giả, mạt thế chúng sanh, căn độn, chướng thâm, giải thoát Thiền Định, thậm nan khả đắc. Phật dĩ đại bi xuất thử nhất môn, hoành tiệt sanh tử, cấp cứu chúng sanh, duy khủng bất cập, cố bất đãi thỉnh. Thí như hữu nhân, tốt hoạn ác dương, mạng tại hô hấp, tỷ hữu lương phương, y chi tu chế, diên hoãn nhật thời, dược vị cập thành, mạng dĩ tiên vẫn. Hiện hữu thành dược, nhập khẩu tức hoạt, hữu nhân tâm giả, tức ưng tốc dữ, thượng hà sĩ kỳ lễ sính ân cần, nhiên hậu đầu tễ. Phật cứu chúng sanh, ý diệc như thị.

(Diễn) Giải thoát Thiền Định tức ngũ phần Pháp Thân chi nhất, hữu Đại, Tiểu Thừa bất đồng, nhi Thiền Định phục hữu Sự, Lý, thế, xuất thế bất nhất. Mạng tại hô hấp giả, Tứ Thập Nhị Chương kinh vân: "Phật vấn sa-môn: 'Nhân mạng tại kỷ thời gian?' Đáp viết: 'Sổ nhật gian'. Phật viết: 'Tử vị tri đạo'. Hựu vấn: 'Nhân mạng tại kỷ thời gian?' Viết: 'Phạn thực gian'. Phật viết: 'Tử vị tri đạo'. Hựu vấn: 'Nhân mạng tại kỷ thời gian?' Đáp viết: 'Hô hấp gian'. Phật ngôn: - Tử tri đạo hỹ!" Thí như hạ, hợp pháp. Thí như hữu nhân, dụ lục đạo chúng sanh. Tốt hoạn ác dương, mạng tại hô hấp, dụ chúng sanh sanh tử luân hồi, vô thường tấn tốc. Tỷ hữu lương phương ngũ cú, dụ kỳ dư pháp môn, vị dị thành tựu, công hạnh vị viên, vô thường dĩ chí. Hiện hữu thành dược, nhập khẩu tức hoạt, dụ Niệm Phật pháp môn tốc siêu sanh tử. Hữu nhân tâm giả tứ cú, dụ Như Lai đại từ, tức ưng tốc cáo, hà sĩ kỳ ân cần khải thỉnh, nhiên hậu thuyết dã?

(鈔)救世最急者，末世眾生 ，根鈍障深 ，解脫禪定，甚難可得。佛以大悲出此一門，橫截生死，急救眾生，唯恐不及，故不待請。譬如有人，卒患惡瘍，命在呼吸，比有良方，依之修製，延緩日時，藥未及成，命已先殞。現有成藥，入口即活，有仁心者，即應速與，尚何俟其禮聘殷勤，然後投劑。佛救眾生，意亦如是。

(演)解脫禪定即五分法身之一，有大小乘不同，而禪定復有事理，世出世不一。命在呼吸者，四十二章經云：佛問沙門：人命在幾時間？答曰：數日間。佛曰：子未知道。又問：人命在幾時間？曰：飯食間。佛曰：子未知道。又問：人命在幾時間？答曰：呼吸間。佛言：子知道矣！譬如下，合法。譬如有人，喻六道眾生。卒患惡瘍，命在呼吸，喻眾生生死輪迴，無常迅速。比有良方五句，喻其餘法門，未易成就，功行未圓，無常已至。現有成藥，入口即活，喻念佛法門速超生死。有仁心者四句，喻如來大慈，即應速告，何俟其殷勤啟請，然後說也？

*(**Sao**: "Cứu thế cấp thiết nhất": Chúng sanh đời Mạt căn độn, chướng sâu, rất khó thể đạt được giải thoát Thiền Định. Do lòng đại bi, đức Phật nêu ra môn này, cắt ngang sanh tử, gấp rút cứu vớt chúng sanh chỉ e chẳng kịp, cho nên chẳng đợi thỉnh. Ví như có người bỗng bị khối u ngặt nghèo, mạng sống chỉ trong hơi thở. Như có bài thuốc hay, dựa theo đó để bào chế, thời gian dây dưa, thuốc chưa kịp chế thành công, mạng đã mất trước. Nay có thuốc đã chế sẵn, uống vào liền sống, người có lòng nhân ắt nên nhanh chóng trao cho, cần gì phải đợi người ta lễ thỉnh ân cần rồi mới trao thuốc. Phật cứu chúng sanh, cũng mang ý nghĩa như vậy.*

***Diễn**: "Giải thoát Thiền Định" tức là một phần trong năm phần Pháp Thân, có Đại Thừa và Tiểu Thừa bất đồng, nhưng Thiền Định lại có Sự, Lý, thế gian, và xuất thế gian khác nhau.*

"Mạng trong hơi thở": Tứ Thập Nhị Chương kinh chép: "Đức Phật hỏi sa-môn: 'Mạng người được bao lâu?' Đáp rằng: 'Trong vài ngày'. Đức Phật nói: 'Ông chưa biết đạo'. Lại hỏi: 'Mạng người được bao lâu?' Thưa: 'Trong khoảng bữa ăn'. Đức Phật nói: 'Ông chưa biết đạo'. Lại

hỏi: 'Mạng người được bao lâu?' Đáp rằng: 'Trong hơi thở'. Đức Phật nói: - Ông biết đạo vậy".

Từ chữ "ví như" trở đi, sánh ví chúng sanh trong lục đạo. "Bỗng bị khối u ngặt nghèo, mạng sống chỉ trong hơi thở" sánh ví chúng sanh sanh tử luân hồi, vô thường nhanh chóng. Năm câu từ "như có bài thuốc hay" sánh ví các pháp môn khác, chưa được thành tựu, công hạnh chưa vẹn, vô thường đã xảy đến. "Nay có thuốc đã chế sẵn, uống vào liền sống" sánh ví pháp môn Niệm Phật nhanh chóng siêu thoát sanh tử. Bốn câu từ "người có lòng nhân" sánh ví đức Như Lai đại từ, sẽ liền nhanh chóng bảo ban, há đợi có kẻ ân cần khải thỉnh rồi mới nói ư?)

(Sớ) Vấn: "Chư kinh vô luận, chỉ như bổn giáo nhị kinh, giai hữu phát khởi, kim kinh hà độc bất nhiên?" Đáp: Ý di thiết cố, diệc thị bất phát khởi chi phát khởi cố.

(Sao) Bổn giáo nhị kinh giả, Thập Lục Quán Kinh dữ thử kinh Đại Bổn, giai chuyên thuyết Tịnh Độ, cố xưng "bổn giáo". Quán Kinh, tắc Vy Đề thương tử ác nghịch, yếm trược, cầu tịnh, nhi viết: "Ngã nguyện sanh thanh tịnh thế giới, bất nhạo thử Diêm Phù Đề trược ác thế" dã. Thị dĩ Xà vương mẫu tử vi phát khởi cố. Đại Bổn, tắc Thế Tôn nhất nhật dung nhan dị thường. A Nan vấn ngôn: "Ngã tùng thị Phật, vị tằng hoạch đổ oai dung, hữu như kim nhật, khởi phi niệm quá khứ chư Phật, hoặc niệm vị lai chư Phật, cố trí nhiên da?" Phật ngôn: "Thiện tai A Nan! Hữu chư thiên giáo nhữ lai vấn? Nhữ tự vấn da? Nhữ sở vấn giả, thắng bố thí nhất tứ thiên hạ Thanh Văn, Duyên Giác, chư thiên, nhân dân, nãi chí quyên, nhuyễn, kinh ư lũy kiếp, thượng bách thiên vạn bội, bất khả dĩ cập. Sở dĩ giả hà? Chư thiên nhân dân, nãi chí quyên nhuyễn, giai nhân nhữ vấn, nhi đắc độ thoát". Thị dĩ Như Lai nhan dung vi phát khởi cố. Kim nạn: "Chư kinh phát khởi, thả trí vật luận. Chỉ như nhị kinh, thị Tịnh Độ bổn giáo, giai hữu phát khởi, thử kinh bất dị nhị kinh. Hà dĩ độc vô?" Cố vị thử thông! Ngôn Phật thuyết nhị kinh, tuy diệc đại bi tâm thiết, đặc thị vãng sanh, nhiên nhi quán pháp tinh vi, nguyện môn quảng đại, như tiền Tự trung thuyết. Vị nhược thử kinh, đản sự trì danh, tức sanh bỉ quốc, vưu vi yếu nhi hựu yếu. Cố Phật ý ư tư, diệc phục thiết nhi hựu thiết. Vị chư chúng sanh, tác bất thỉnh hữu dã. Bất phát chi phát giả, hiện tiền chúng sanh, nhạo trước sanh tử, bất cầu xuất ly, tự năng phát khởi Phật chi đại bi, thuyết thử kinh cố.

(疏)問：諸經無論，只如本教二經 ，皆有發起 ，今經何獨不然？答：意彌切故，亦是不發起之發起故。

(鈔)本教二經者，十六觀經與此經大本，皆專說淨土，故稱本教。觀經，則韋提傷子惡逆，厭濁求淨，而曰：我願生清淨世界，不樂此閻浮提濁惡世也。是以闍王母子為發起故。大本，則世尊一日容顏異常。阿難問言：我從侍佛，未曾獲睹威容，有如今日，豈非念過去諸佛，或念未來諸佛，故致然耶？佛言：善哉阿難，有諸天教汝來問？汝自問耶？汝所問者，勝布施一四天下聲聞，緣覺，諸天，人民，乃至蜎蝡，經於累劫，尚百千萬倍，不可以及。所以者何？諸天人民，乃至蜎蝡，皆因汝問而得度脫。是以如來顏容為發起故。今難：諸經發起，且置勿論。只如二經，是淨土本教，皆有發起，此經不異二經。何以獨無？故為此通！言佛說二經，雖亦大悲心切，特示往生，然而觀法精微，願門廣大，如前序中說。未若此經，但事持名，即生彼國，尤為要而又要。故佛意於斯，亦復切而又切。為諸眾生，作不請友也。不發之發者，現前眾生，樂著生死，不求出離，自能發起佛之大悲，說此經故。

*(**Sớ**: Hỏi: "Các kinh chẳng bàn tới, chỉ riêng hai kinh thuộc giáo này đều có phần Phát Khởi, cớ sao riêng mình kinh này chẳng vậy?" Đáp: Do ý càng thiết tha, cũng là chẳng phát khởi mà phát khởi vậy.*

***Sao**: "Hai kinh thuộc giáo này" là Thập Lục Quán Kinh và Đại Bổn của kinh này, đều chuyên nói về Tịnh Độ, nên gọi là "bổn giáo". Quán Kinh thì bà Vy Đề Hy đau lòng vì con ác nghịch, chán cõi trược, cầu cõi tịnh, bèn nói: "Nguyện sanh về thế giới thanh tịnh, chẳng thích đời trược ác trong cõi Diêm Phù Đề"; đấy là dùng mẹ con vua A Xà Thế để phát khởi. Đại Bổn thì một hôm đức Thế Tôn dung nhan khác lạ, A Nan hỏi: "Con từ khi hầu Phật đến nay, chưa từng được thấy oai dung giống như ngày hôm nay. Há chẳng phải là nghĩ tới quá khứ chư Phật, hoặc vị lai chư Phật, nên mới thành ra như vậy ư?" Đức Phật bảo: "Lành thay A Nan! Có chư thiên dạy ông hỏi? Hay là ông tự mình hỏi? Lời ông hỏi [có công đức] trội hơn bố thí cho Thanh Văn, Duyên Giác, chư thiên, nhân*

dân, cho đến các loài cựa quậy, bò toài trong bao nhiêu kiếp, dẫu trăm ngàn vạn lần vẫn chẳng thể sánh bằng. Vì cớ sao vậy? Chư thiên, nhân dân, cho đến các loài cựa quậy, bò toài, đều nhờ câu hỏi của ông mà được độ thoát". Đấy là dùng dáng vẻ của Như Lai để phát khởi.

Nay cật vấn: "Phát Khởi của các kinh, hãy để đó chẳng bàn tới. Chỉ nói tới hai kinh thuộc vào giáo pháp Tịnh Độ, đều có phần Phát Khởi. Kinh này chẳng khác hai kinh ấy; cớ sao riêng [kinh này] chẳng có?" Cho nên phải đả thông điều [nghi vấn] này! Chính là vì đức Phật nói hai kinh ấy tuy cũng do tâm đại bi tha thiết mà đặc biệt chỉ dạy pháp vãng sanh, thế nhưng, phép Quán tinh vi, nguyện môn rộng lớn, như trong phần Tự ở trên đã nói, chẳng bằng kinh này chỉ chú trọng trì danh liền sanh về cõi ấy, càng là trọng yếu nhất trong những điều trọng yếu. Vì thế, ý Phật ở chỗ này, cũng càng là thiết tha nhất trong những nỗi niềm thiết tha, làm bạn chẳng thỉnh của các chúng sanh. "Chẳng phát mà phát": Hiện tiền chúng sanh ưa thích, đắm đuối sanh tử, chẳng cầu xuất ly, khiến cho đức Phật tự phát khởi lòng đại bi mà nói kinh này).

(Sớ) Độc cáo Xá Lợi Phất giả, lệ tiền duy trí sở tín cố, hựu nhất cáo, nhất thiết cáo cố. Hựu Tịnh Giác vân: "Hợp tứ tất cố".

(Sao) Lệ tiền giả, tức thủ cử Thân Tử ý. Dĩ thậm thâm trí huệ, đỗng sát ư tịnh uế chi cơ, dung thông ư Sự Lý chi tế, phương năng tín thọ bất nghi. Như Bát Nhã hội thượng, thủ cử Tu Bồ Đề giả, dĩ Bát Nhã đàm Không, Tu Bồ Đề Giải Không đệ nhất cố dã. Nhất thiết cáo giả, cáo Thân Tử nhất nhân, tức thị cáo hiện tiền nhất thiết Thanh Văn, Bồ Tát, nhân, thiên, đại chúng, cập vị lai nhất thiết chư chúng sanh dã.

(Diễn) Thậm thâm trí huệ giả, vị bất thị Tạng nhân Tích Không quán trí, Thông nhân Thể Không quán trí, tịnh bất thị Bồ Tát Nhị Đế quán trí, Bình Đẳng quán trí, nãi dĩ bất tư nghị tâm, chiếu bất tư nghị cảnh, phương danh thậm thâm trí huệ dã. Đỗng sát ư tịnh uế chi cơ giả, quốc độ bổn vô tịnh uế, tịnh uế sanh ư tự tâm, dĩ tâm tịnh độ tịnh, tâm uế độ uế dã. Dung thông ư Sự Lý chi tế giả, nguyện kiến Di Đà, vãng sanh An Dưỡng, Sự ngoại vô Lý, Lý ngoại vô Sự. Sự Lý chi tế, bổn dung thông cố. Hựu giải vân cơ vị cơ vi, cơ quát, nhất thiết tịnh uế giai do tự tâm chuyển biến, cố tự tâm vi tịnh uế chi cơ. Đỗng sát giả, triệt ngộ dã. Triệt ngộ diệu tâm, thâm tri nhất niệm duyên khởi, thị đỗng sát ư tịnh uế chi cơ dã. Tế, vị giao hội chi gian, thiệp nhập chi xứ; nhất thiết Sự Lý giai căn bản ư tự tâm. Cố tự tâm vi Sự Lý chi tế; dung thông giả, viên ngộ dã, viên ngộ tự tâm, khế nhập Sự Lý vô ngại pháp giới, thị

dung thông ư Sự Lý chi tế dã. Phương năng đế tín bất nghi giả, dĩ bất đạt tịnh uế sanh ư tự tâm, tất viết đồng nhất quốc độ, vân hà hữu tịnh, hữu uế, tắc văn thanh tịnh quốc độ, tất nghi nhi bất tín, dĩ bất đạt Sự Lý bổn tự nhất trí, tắc chấp Sự giả, bất tín Lý, chấp Lý giả, bất tín Sự. Hựu bất tín Lý giả, Sự tắc vô căn. Cửu chi diệc bất tín Sự. Bất tín Sự giả, Lý diệc vô cứ, cửu chi tịnh bất tín Lý. Đạt tư nhị giả, phương năng đế tín dã. Hựu giải vân nhược bất cụ thậm thâm trí huệ đạt ư uế tịnh chi cơ, Sự lý chi tế giả, tắc tịnh uế tương phương, Sự Lý du cách, Tịnh Độ tắc Lý ngoại tu thành, vạn pháp nãi bất do tâm cụ, chỉ bỉ Tịnh Độ nhân quả, đản thị Thể ngoại phương tiện. Yên năng tín thọ bất nghi? Thị tất thậm thâm trí huệ, ngộ thập phương tịnh uế, quyển hoài đồng tại ư sát-na, nhất niệm sắc tâm la liệt biến thâu ư pháp giới, phương liễu thiên thần ức sát, thật sanh hồ tự kỷ tâm trung, dựng chất cửu liên, phỉ đào hồ sát-na tế nội nhĩ. Cố viết phương năng tín thọ bất nghi dã.

(疏)獨告舍利弗者，例前唯智所信故，又一告，一切告故。又淨覺云：合四悉故。

(鈔)例前者，即首舉身子意。以甚深智慧，洞察於淨穢之機，融通於事理之際，方能信受不疑。如般若會上，首舉須菩提者，以般若談空，須菩提解空第一故也。一切告者，告身子一人，即是告現前一切聲聞，菩薩，人天，大眾，及未來一切諸眾生也。

(演)甚深智慧者，謂不是藏人析空觀智，通人體空觀智，并不是菩薩二諦觀智，平等觀智，乃以不思議心，照不思議境，方名甚深智慧也。洞察於淨穢之機者，國土本無淨穢，淨穢生於自心，以心淨土淨，心穢土穢也。融通於事理之際者，願見彌陀，往生安養，事外無理，理外無事。事理之際，本融通故。又解云機謂機微機括，一切淨穢皆由自心轉變，故自心為淨穢之機。洞察者，徹悟也。徹悟妙心，深知一念緣起，是洞察於淨穢之機也。際，謂交會之間，涉入之處；一切事理皆根本於自心。故自心為事理之際；融通者，圓悟也，圓悟自心，契入事理無礙法界，是融通於事理之際也。方能諦信不疑者，以不達淨穢

生於自心，必曰同一國土，云何有淨有穢，則聞清淨國土，必疑而不信，以不達事理本自一致，則執事者，不信理，執理者，不信事。又不信理者，事則無根。久之亦不信事。不信事者，理亦無據，久之并不信理。達斯二者，方能諦信也。又解云若不具甚深智慧達於穢淨之機，事理之際者，則淨穢相妨，事理攸隔，淨土則理外修成，萬法乃不由心具，指彼淨土因果，但是體外方便。焉能信受不疑？是必甚深智慧，悟十方淨穢，卷懷同在於剎那，一念色心羅列遍收於法界，方了遷神億剎，實生乎自己心中，孕質九蓮，匪逃乎剎那際內耳。故曰方能信受不疑也。

*(**Sớ**: "Nói với một mình ngài Xá Lợi Phất", giống như trong phần trên [đã nói]: Chỉ có người trí huệ mới có thể tin pháp môn này. Lại nữa, nói với một người là nói với hết thảy. Lại nữa, ngài Tịnh Giác nói: "Do phù hợp Tứ Tất Đàn".*

***Sao**: "Giống như phần trên" tức là ý nghĩa nêu tên ngài Xá Lợi Phất đầu tiên [trong hàng Thanh Văn]. Do trí huệ rất sâu, xét thấu suốt căn cơ tịnh hay uế, dung thông cả Sự lẫn Lý thì mới có thể tin nhận, chẳng nghi. Như trong hội Bát Nhã, nêu tên ngài Tu Bồ Đề đầu tiên, vì Bát Nhã giảng về Không mà ngài Tu Bồ Đề là bậc Giải Không đệ nhất. "Nói với hết thảy": Nói với một mình Thân Tử chính là nói với hết thảy Thanh Văn, Bồ Tát, người, trời, đại chúng hiện tiền, và hết thảy các chúng sanh trong tương lai.*

***Diễn**: "Trí huệ rất sâu" chẳng phải là Tích Không Quán Trí (quán trí do chia chẻ cái Không) của người thuộc Tạng Giáo, hoặc Thể Không Quán Trí của người thuộc Thông Giáo, cũng chẳng phải là Nhị Đế Quán Trí hoặc Bình Đẳng Quán Trí của Bồ Tát, mà chính là dùng cái tâm chẳng nghĩ bàn để chiếu cái cảnh chẳng nghĩ bàn, thì mới gọi là "trí huệ rất sâu". "Soi xét rỗng rang căn cơ tịnh hay uế": Cõi nước vốn chẳng có tịnh hay uế. Tịnh hay uế sanh trong tự tâm; bởi lẽ, tâm tịnh thì cõi tịnh, tâm uế thì cõi uế. "Dung thông sự khác biệt giữa Sự và Lý": Nguyện thấy Phật Di Đà, vãng sanh An Dưỡng, ngoài Sự chẳng có Lý, ngoài Lý chẳng có Sự. Giữa Sự và Lý, vốn dung thông.*

Lại có thể hiểu Cơ là cơ vi (sự chuyển biến rất vi tế) hoặc cơ quát (cái phát động, cái thúc đẩy, hoặc cơ quan chánh yếu của một cỗ máy). Hết thảy tịnh hay uế đều do tự tâm chuyển biến; vì thế, tự tâm chính là cái

quyết định tịnh hay uế. "Soi xét rỗng rang" là triệt ngộ. Triệt ngộ diệu tâm, biết rõ sâu xa một niệm duyên khởi là do soi xét rỗng rang cái động lực quyết định tịnh hay uế. "Tế" là trong khoảng giao hội, hoặc từ chỗ xen nhập vào nhau. Hết thảy Sự Lý đều có căn bản là tự tâm. Vì thế, tự tâm chính là "Sự Lý chi tế" (giới hạn phân định giữa Sự và Lý). "Dung thông" là viên ngộ (giác ngộ trọn vẹn). Giác ngộ trọn vẹn tự tâm, khế nhập Sự Lý vô ngại pháp giới, dung thông sự khác biệt giữa Sự và Lý thì mới có thể tin sâu chắc, chẳng nghi.

Do chẳng thấu hiểu "tịnh hay uế đều sanh từ tự tâm", ắt sẽ nói "cùng là một quốc độ như nhau, sao lại có tịnh hay uế?" Cho nên nghe nói có một cõi nước thanh tịnh, ắt sẽ nghi ngờ, chẳng tin. Vì chẳng thấu hiểu Sự và Lý vốn tự nhất trí, cho nên kẻ chấp vào Sự bèn chẳng tin Lý, kẻ chấp nơi Lý sẽ chẳng tin Sự. Lại nữa, kẻ chẳng tin Lý thì Sự không có căn cội, lâu ngày cũng sẽ chẳng tin Sự. Kẻ chẳng tin Sự, Lý cũng không có căn cứ, lâu ngày sẽ hoàn toàn chẳng tin Lý! Thấu đạt cả hai đằng thì mới có thể tin sâu chắc.

Lại có thể hiểu: Nếu chẳng trọn đủ trí huệ rất sâu để thấu đạt cái quyết định tịnh hay uế, cũng như ngăn hạn giữa Sự và Lý, ắt tịnh và uế sẽ trở ngại lẫn nhau, Sự và Lý cách biệt, [bèn cho rằng] Tịnh Độ là cái có thể tu thành ở ngoài Lý, vạn pháp chẳng phải là có sẵn trong tâm, sẽ bảo nhân quả Tịnh Độ chỉ là phương tiện ở ngoài bản thể, làm sao có thể tin nhận chẳng nghi cho nổi? Vậy thì ắt phải do trí huệ rất sâu ngộ mười phương tịnh hay uế vốn được gồm trọn trong một sát-na, một niệm sắc tâm thâu trọn đầy dẫy pháp giới, mới thấu hiểu thần thức chuyển dời trong một ức cõi nước thật sự là sanh trong cái tâm của chính mình, hoài thai nơi chín phẩm sen chẳng vượt khỏi một sát-na. Vậy thì mới có thể nói là "tin nhận chẳng nghi").

(Sao) Tứ Tất giả: Nhất, Thân Tử nãi tả diện đệ tử, kinh đa cư thủ, pháp ưng nhĩ cố, thị Thế Giới Tất Đàn. Nhị, Thân Tử trí huệ đệ nhất, chúng sở tông ngưỡng, bỉ tín Tịnh Độ, chúng diệc tín chi, thị Vị Nhân Tất Đàn. Tam, vị bất tín Tịnh Độ giả, tự bỉ bất như, chuyển kỳ tà chấp, thị Đối Trị Tất Đàn. Tứ, vị linh tập tiểu pháp giả, hiệu kỳ hướng đại, cầu sanh Tịnh Độ, cứu cánh thành Phật, thị Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.

(Diễn) Pháp ưng nhĩ giả, như quân hữu sự, tất cáo đại thần, phụ hữu sự, tất cáo trưởng tử, Như Lai thuyết pháp, tất cáo thượng thủ. Thị Thế Giới Tất Đàn giả, thế giới thị sai biệt nghĩa, cáo tất hữu pháp, linh chúng sanh tri pháp môn sai biệt, tỉnh tỉnh hữu điều, nhi bất vặn loạn,

linh đắc hoan hỷ ích. Vị Nhân Tất Đàn giả, Thân Tử trí huệ vi chúng sở tông. Thân Tử nhi tín, chúng vô bất tín, các khởi thiện tâm, linh đắc sanh thiện ích. Đối Trị Tất Đàn giả, đại chúng trí huệ, bất như Thân Tử, Thân Tử hồi tâm, vô bất hồi tâm, xả kỳ tà chấp, linh đắc diệt ác ích. Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn giả, ký hồi tiểu hướng đại, linh bất thoái chuyển, cứu cánh thành Phật, ngộ Đệ Nhất Nghĩa, linh đắc nhập lý ích dã.

(鈔)四悉者：一、身子乃左面弟子，經多居首，法應爾故，是世界悉檀。二、身子智慧第一，眾所宗仰，彼信淨土，眾亦信之，是為人悉檀。三、為不信淨土者，自鄙不如，轉其邪執，是對治悉檀。四、為令習小法者，效其向大，求生淨土，究竟成佛，是第一義悉檀。

(演)法應爾者，如君有事，必告大臣，父有事，必告長子，如來說法，必告上首。是世界悉檀者，世界是差別義，告必有法，令眾生知法門差別，井井有條，而不紊亂，令得歡喜益。為人悉檀者，身子智慧為眾所宗。身子而信，眾無不信，各起善心，令得生善益。對治悉檀者，大眾智慧，不如身子，身子回心，無不回心，捨其邪執，令得滅惡益。第一義悉檀者，既回小向大，令不退轉，究竟成佛，悟第一義，令得入理益也。

*(**Sao**: Bốn Tất Đàn: Một, Thân Tử là đệ tử bên trái, phần lớn đứng đầu các kinh, pháp phải nên như vậy, đó là Thế Giới Tất Đàn. Hai, ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất, được mọi người tôn sùng. Ngài tin Tịnh Độ thì mọi người cũng tin, đó là Vị Nhân Tất Đàn. Ba, vì kẻ chẳng tin Tịnh Độ, do họ tự hổ thẹn vì thấy chính mình chẳng bằng [ngài Xá Lợi Phất, thế mà Ngài còn tin Tịnh Độ. Điều ấy sẽ] chuyển biến tà chấp của họ, đấy là Đối Trị Tất Đàn. Bốn, vì khiến cho kẻ tu tập tiểu pháp sẽ noi theo mà hướng đến Đại Thừa, cầu sanh Tịnh Độ, rốt ráo thành Phật, đó là Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn.*

***Diễn**: "Pháp phải nên như vậy": Như vua có việc ắt nói với đại thần, cha có việc ắt nói với con cả, Như Lai thuyết pháp ắt nói với thượng thủ.*

"Là Thế Giới Tất Đàn": "Thế giới" có nghĩa là sai biệt. Bảo ban ắt phải có pháp tắc, khiến cho chúng sanh biết sự sai biệt giữa các pháp

môn, rành mạch, có lớp lang, chẳng rối ren, lộn xộn, khiến cho chúng sanh đạt được lợi ích hoan hỷ.

Vị Nhân Tất Đàn: Trí huệ của Thân Tử được mọi người tôn sùng. Ngài Thân Tử đã tin, mọi người không ai chẳng tin, ai nấy khởi lên thiện tâm, khiến cho đạt được lợi ích sanh thiện.

Đối Trị Tất Đàn: Trí huệ của đại chúng chẳng bằng Thân Tử. Ngài Thân Tử đã hồi tâm, không ai chẳng hồi tâm, bỏ sự tà chấp của chính mình, khiến cho họ đạt được lợi ích diệt ác.

Đệ Nhất Nghĩa Tất Đàn: Đã hồi Tiểu hướng Đại, khiến cho họ chẳng thoái chuyển, rốt ráo thành Phật, ngộ Đệ Nhất Nghĩa, khiến họ đạt được lợi ích nhập lý).

(Sớ) Hựu bất độc trí vi năng tín, Phật quả thành tựu, giai diêu trí cố.

(Sao) Hoa Nghiêm nhị thập nhị, kinh vân: "Nhất thiết chư Phật trang nghiêm thanh tịnh, mạc bất giai dĩ Nhất Thiết Trí cố", tắc tri A Di Đà Phật diệc dĩ thử trí thành tựu Tịnh Độ công đức, nhi chư chúng sanh tu Tịnh Độ giả, dĩ trí sanh tín, tắc vi chánh tín. Dĩ trí phát nguyện, tắc vi hoằng nguyện. Dĩ trí khởi hạnh, tắc vi diệu hạnh. Nãi chí thành Phật, hằng tất diêu chi. Cái thông nhân triệt quả, thành thỉ thành chung chi yếu đạo dã, khởi độc vi tín giải chi môn nhi dĩ tai!

(Diễn) Dĩ trí sanh tín, tắc vi chánh tín giả, tín tri sanh Phật bất nhị, chúng sanh niệm Phật, định đương tác Phật, phương vi chánh tín. Nhược vô diệu trí, thử tín bất sanh; túng hữu tín tâm, phi chánh tín cố. Dĩ trí phát nguyện vi hoằng nguyện giả, liễu Vô Tác Tứ Đế chi cảnh, phát Tứ Hoằng Thệ Nguyện, nguyện sanh Tây Phương, phương vi hoằng nguyện. Nhược vô diệu trí, hoằng nguyện bất phát; túng hữu nguyện tâm, phi đại nguyện cố. Dĩ trí khởi hạnh vi diệu hạnh giả, tiên ngộ tự tánh, tùng tánh khởi tu, ly tứ cú niệm Phật, phương vi diệu hạnh. Nhược vô diệu trí, diệu hạnh bất sanh; túng hữu tu vi, giai đọa hữu vi, phi diệu hạnh cố.

(疏)又不獨智為能信，佛果成就，皆繇智故。

(鈔)華嚴二十二，經云 ：一切諸佛莊嚴清淨 ，莫不皆以一切智故，則知阿彌陀佛亦以此智成就淨土功德，而諸眾生修淨土者，以智生信，則為正信。以智發願，則為弘

願。以智起行，則為妙行。乃至成佛，恆必繇之。蓋通因徹果，成始成終之要道也，豈獨為信解之門而已哉！

(演)以智生信，則為正信者，信知生佛不二，眾生念佛，定當作佛，方為正信。若無妙智，此信不生；縱有信心，非正信故。以智發願為弘願者，了無作四諦之境，發四弘誓願，願生西方，方為弘願。若無妙智，弘願不發，縱有願心，非大願故。以智起行為妙行者，先悟自性，從性起修，離四句念佛，方為妙行。若無妙智，妙行不生，縱有修為，皆墮有為，非妙行故。

*(**Sớ**: Lại nữa, chẳng phải chỉ là do trí bèn có thể tin, mà thành tựu Phật quả cũng đều do trí.*

***Sao**: Trong kinh Hoa Nghiêm quyển thứ hai mươi hai có nói: "Hết thảy chư Phật trang nghiêm thanh tịnh, không vị nào chẳng đều do Nhất Thiết Trí". Cho nên biết A Di Đà Phật cũng dùng trí này để thành tựu công đức của Tịnh Độ, mà các chúng sanh tu Tịnh Độ do trí mà sanh lòng tin thì lòng tin ấy là chánh tín. Dùng trí để phát nguyện thì nguyện ấy là hoằng nguyện. Dùng trí để khởi hạnh thì hạnh ấy là diệu hạnh. Cho đến thành Phật, vẫn luôn cậy vào trí. Bởi lẽ, trí thông suốt nhân, thấu triệt quả, là đạo trọng yếu để thành tựu từ đầu tới cuối, há có phải riêng một môn Tín Giải mà thôi ư!*

***Diễn**: "Do trí sanh tín thì là chánh tín": Tin biết chúng sanh và Phật chẳng hai, chúng sanh niệm Phật nhất định sẽ thành Phật, thì mới là chánh tín. Nếu không có diệu trí, lòng tin ấy chẳng sanh; dẫu có tín tâm, sẽ chẳng phải là chánh tín. "Do trí mà phát nguyện thì là hoằng nguyện": Hiểu rõ cảnh của Vô Tác Tứ Đế, phát ra Tứ Hoằng Thệ Nguyện, nguyện sanh về Tây Phương thì mới là hoằng nguyện. Nếu chẳng có diệu trí, hoằng nguyện chẳng phát nổi; dẫu có nguyện tâm, chẳng phải là đại nguyện! "Dùng trí để khởi hạnh thì hạnh ấy sẽ là diệu hạnh": Trước hết là ngộ tự tánh, từ tánh khởi tu, lìa bốn câu để niệm Phật thì mới là diệu hạnh. Nếu không có diệu trí, diệu hạnh sẽ chẳng sanh; dẫu có tu hành, đều đọa vào hữu vi, chẳng phải là diệu hạnh!)*

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh tự nhiên trí, thị Phật tự cáo Xá Lợi Phất nghĩa.

(Sao) Vô duyên nhi chiếu, phất lự nhi tri, diệu tánh thiên nhiên, bất tùng tha đắc. Thị cố kiền chùy vị động, khải thỉnh vô nhân, xí nhiên thuyết, vô gián yết.

(Diễn) Vô duyên nhi chiếu hạ, dĩ duyên nhi hậu, chiếu lự nhi hậu tri giả, thị tùng ngoại đắc, hữu tác chi trí, phi tự nhiên trí dã. Vô hữu ban duyên, nhi vô sở bất chiếu, bất lao tư lự, nhi vô sở bất tri, thử thị vô sư trí, tự nhiên trí, bất tùng tha đắc dã. Ký hữu thử trí, hà tất khảo chung phạt cổ, tam thỉnh phân cần, nhiên hậu vi cáo, cố viết kiền chùy vị động đẳng.

(疏)稱理，則自性自然智，是佛自告舍利弗義。

(鈔)無緣而照，弗慮而知，妙性天然，不從他得。是故犍椎未動，啟請無人，熾然說，無間歇。

(演)無緣而照下，以緣而後，照慮而後知者，是從外得，有作之智，非自然智也。無有扳緣，而無所不照，不勞思慮，而無所不知，此是無師智，自然智，不從他得也。既有此智，何必考鍾伐鼓，三請殷勤，然後為告，故曰犍槌未動等。

*(**Sớ**: Xét theo Lý, tự nhiên trí trong tự tánh chính là ý nghĩa của việc Phật tự bảo ngài Xá Lợi Phất.*

***Sao**: Vô duyên mà chiếu, chẳng suy nghĩ mà biết, diệu tánh thiên nhiên chẳng do điều gì khác mà đạt được. Do vậy, kiền chùy chưa động tới, chẳng có người khải thỉnh mà nói tràn trề, chẳng gián đoạn, ngưng nghỉ.*

***Diễn**: Từ câu "vô duyên mà chiếu" trở đi, [ý nói] sau khi đã duyên, đã chiếu soi suy nghĩ rồi mới biết thì cái trí đó là do từ bên ngoài mà có, là cái trí phải có tác ý, chẳng phải là trí tự nhiên! Chẳng có nắm níu mà không gì chẳng chiếu, chẳng mất công suy nghĩ, mà không gì chẳng biết; đấy là vô sư trí, tự nhiên trí, chẳng do thứ gì khác mà đạt được. Đã có cái trí ấy, cần gì phải khua chuông gióng trống, ba lần ân cần khải thỉnh rồi sau đó mới nói. Cho nên nói "kiền chùy chưa động v.v…)*

Nhị, thị pháp (nhị): Sơ, tổng tiêu. Nhị, biệt thích.

Sơ, tổng tiêu (nhị): Sơ, tiêu độ hiển y. Nhị, tiêu chủ hiển chánh.

Sơ, tiêu độ hiển y.

(Kinh) Tùng thị Tây phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc.

(Sớ) Độ thị sở y, danh y báo. Phật thị năng y, danh chánh báo. Thị giả, chỉ thử giới ngôn. Tùng thử Sa Bà thế giới, hướng Tây nhi khứ, danh Quá. Phật độ giả, nhất đại thiên giới danh nhất Phật độ. Quá như thị Phật độ, chí thập vạn ức, ngôn khứ thử phương viễn chi viễn dã; phi Đàn Kinh thập vạn bát thiên chi độ dã. Nhược cứ Sự, cứ Lý, diệc vị vi viễn. Thế dĩ thời ngôn, giới dĩ xứ ngôn. Cực Lạc giả, Phạn ngữ Tu Ma Đề, thử vân An Lạc. Diệc vân An Dưỡng, diệc vân Thanh Thái, diệc vân Diệu Ý. Danh tuy tiểu thù, giai Cực Lạc nghĩa. Nhiên độ hữu đa chủng; tứ độ chi trung, kim thử Cực Lạc thị Đồng Cư độ, nhi diệc thông tiền tam độ. Hựu Thọ Dụng, Pháp Tánh, Biến Hóa tam độ, diệc đồng thử ý. Hựu thập chủng độ, diệc đồng thử ý. Hựu Phật tuy vô độ, vị hóa chúng sanh, bất phương thuyết độ.

(Diễn) Thử vân An Lạc giả, ly sanh tử bức não cố. An Dưỡng giả, cúng dường thiên nhiên, bất giả nhân lực cố. Thanh Thái giả, đại tiểu tam tai bất cập cố. Diệu Ý giả, lục trần diệu cảnh, vô bất tùy tâm cố.

二、示法(二)：初、總標。二、別釋。

初、總標(二)：初、標土顯依。二、標主顯正。

初、標土顯依。

(經)從是西方，過十萬億佛土，有世界名曰極樂。

(疏)土是所依，名依報。佛是能依，名正報。是者，指此界言。從此娑婆世界，向西而去，名過。佛土者，一大千界名一佛土。過如是佛土，至十萬億，言去此方遠之遠也；非壇經十萬八千之土也。若據事據理，亦未為遠。世以時言，界以處言。極樂者，梵語須摩提，此云安樂。亦云安養，亦云清泰，亦云妙意。名雖小殊，皆極樂義。然土有多種；四土之中，今此極樂是同居土，而亦通前三土。又受用，法性，變化三土，亦同此意。又十種土，亦同此意。又佛雖無土，為化眾生，不妨說土。

(演)此云安樂者 ，離生死逼惱故 。安養者 ，供養天然，不假人力故。清泰者，大小三災不及故。妙意者，六塵妙境，無不隨心故。

(Hai là dạy pháp (gồm hai phần): Một là nêu chung, hai là giải thích từng phần riêng biệt.

Phần tổng tiêu gồm hai phần: Một là nêu ra cõi nước nhằm chỉ rõ y báo, hai là nêu ra chủ (đấng giáo hóa chủ) để chỉ rõ chánh báo.

Trước hết là nêu ra cõi nước để chỉ rõ y báo.

***Kinh**: Từ phương Tây của thế giới này, đi qua mười vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc.*

***Sớ**: Cõi nước là sở y (chỗ để nương vào), gọi là y báo. Phật là năng y (chủ thể nương tựa), gọi là chánh báo. Chữ Thị là nói đến cõi này. Từ thế giới Sa Bà này, đi về hướng Tây thì gọi là "vượt qua". "Phật độ" (cõi Phật): Một đại thiên thế giới gọi là một Phật độ. Trải qua mười vạn ức các cõi Phật như thế, ý nói xa cách phương này quá xa, chẳng phải là cõi nước ở ngoài mười vạn tám ngàn dặm như trong Đàn Kinh đã nói. Nếu xét theo Sự lẫn Lý thì [cõi Cực Lạc cách Sa Bà] cũng chẳng xa. "Thế" là nói theo thời, Giới là nói theo xứ. Cực Lạc, tiếng Phạn là Tu Ma Đề (Sukhāmatī, Sukhāvatī). Cõi này dịch là An Lạc, còn dịch là An Dưỡng, còn dịch là Thanh Thái, hoặc còn dịch là Diệu Ý. Danh xưng tuy sai khác đôi chút, nhưng đều có nghĩa là Cực Lạc. Nhưng cõi nước có nhiều thứ. Trong bốn cõi, cõi Cực Lạc nay đang nói ở đây là cõi Đồng Cư; tuy thế, nó cũng thông với ba cõi trước. Lại nữa, ba cõi Thọ Dụng, Pháp Tánh, và Biến Hóa cũng có cùng ý nghĩa này. Lại nữa, mười loại cõi cũng có cùng ý nghĩa này. Lại nữa, tuy Phật không có cõi nước, nhưng vì hóa độ chúng sanh, chẳng ngại nói đến cõi nước.*

***Diễn**: "Cõi này nói là An Lạc" vì lìa sanh tử phiền não. An Dưỡng: Sự cung cấp nuôi nấng hoàn toàn tự nhiên, chẳng cần phải tốn sức người. Thanh Thái: Đại tiểu tam tai chẳng xảy đến. Diệu Ý: Cảnh lục trần mầu nhiệm, không gì chẳng thuận lòng!)*

(Sao) Y báo giả, thân tạ độ cư, cố danh sở y. Tùy sở tác nghiệp, y hữu thắng, liệt, cố danh vi Báo. Ngôn tùng thị Sa Bà giả, Sa Bà, Cực Lạc tại Hoa Tạng trung, nhị độ tương vọng. Kim vân "quá" giả, tùng thử Tây hướng hoành cắng nhi quá dã. Nhất đại thiên giả, tam thiên đại thiên thế giới dã, chí hạ lục phương trung biện. Thập vạn ức giả, tùng thử quá Tây chi trình, dĩ ức kế chi, đương hữu thập vạn. Vị quá nhất Phật độ, thập Phật độ, nãi chí ức Phật độ. Hựu tùng nhất ức Phật độ, thập ức Phật độ, nãi chí thập vạn ức Phật độ, cố viết viễn chi viễn dã. Nhiên Ức hữu tứ chủng: Thập vạn, bách vạn, thiên vạn, vạn vạn. Kim chi sở chỉ, vị khả tri dã. Đàn Kinh thập vạn bát thiên giả, ngoa chỉ

kim Tây Vực dã, diệc tường biện hạ lục phương trung. Ngôn vị vi viễn giả, tự hữu nhị nghĩa. Nhất giả, cứ Sự, Pháp Hoa minh Đông phương thế giới chi đa, nhi dĩ mạt thổ điểm trần kế chi; tắc thập vạn ức giả, đặc chí thiểu nhĩ. Hoa Nghiêm nhất thế giới chủng, Sa Bà chi ngoại, vi nhiễu thập tam sát trần thế giới, kim Cực Lạc chỉ quá thập vạn ức độ, hà túc vi viễn? Nhị giả cứ Lý, tắc sở vị thập vạn ức giả, đối phàm phu sanh tử tâm lượng ngôn nhĩ. Tịnh nghiệp nhược thành, lâm chung tại Định chi tâm, tức Tịnh Độ thọ sanh chi tâm dã. Hựu vị phân minh tại mục tiền thị dã, diệc hà thường viễn!

(Diễn) Pháp Hoa minh Đông phương thế giới chi đa giả, kinh vân: "Thí như tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu địa chủng, giả sử hữu nhân ma dĩ vi mặc, quá ư Đông phương thiên quốc độ, nãi hạ nhất điểm đại như vi trần. Hựu quá thiên quốc độ, phục hạ nhất điểm. Như thị triển chuyển tận địa chủng mặc, ư nhữ ý vân hà? Thị chư quốc độ, nhược toán sư, nhược toán sư đệ tử, năng đắc biên tế, tri kỳ số phủ? Bất dã, Thế Tôn! Thế giới chi đa, hà khả tư nghị dã!" Hoa Nghiêm nhất thiết thế giới chủng, kinh vân: "Hoa Tạng Trang Nghiêm thế giới hải, hữu Tu Di sơn vi trần số phong luân sở trì. Tối thượng phong luân năng trì Phổ Quang Ma Ni hương thủy hải. Thử hải hữu đại liên hoa, danh Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng. Hoa Tạng Trang Nghiêm thế giới hải trụ tại kỳ trung. Thử thế giới hải đại Luân Vi sơn nội, sở hữu đại địa trung, hữu thập bất khả thuyết Phật sát vi trần số hương thủy hải. Thử thập bất khả thuyết hương thủy hải trung, hữu thập bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới chủng an trụ. Nhất nhất thế giới chủng, phục hữu bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới. Thử tối trung ương hương thủy hải, danh Vô Biên Diệu Hoa Quang, xuất đại liên hoa. Hữu thế giới chủng, nhi trụ kỳ thượng, hữu bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới, ư trung bố liệt. Kỳ tối hạ thế giới, danh Tối Thắng Quang Biến Chiếu, chí thử đệ thập tam thế giới, danh Sa Bà. Thập tam Phật sát vi trần số thế giới vi nhiễu". Lâm chung tại Định chi tâm giả, Thiên Thai vân: "Lâm chung tại Định chi tâm, tức Tịnh Độ thọ sanh chi tâm". Cử niệm tức vãng sanh Tịnh Độ thời, tắc lâm chung tại Định, Tịnh Độ thọ sanh, bất ly thử tâm. Tâm vô bỉ thử, hà tằng tùng thử chí bỉ? Nhi ngôn vãng sanh giả, đặc nhất cử niệm nhĩ. Như nhân mộng trung, tùng thử chí bỉ, thật bất ly mộng tâm, nhi viết tùng thử chí bỉ giả, đặc mộng tâm tự hiện nhĩ.

(鈔)依報者，身藉土居，故名所依。隨所作業，依有勝劣，故名為報。言從是娑婆者，娑婆，極樂，在華藏中，二土相望。今云過者，從此西向橫亙而過也。一大千者，三千大千世界也，至下六方中辨。十萬億者，從此過西之程，以億計之，當有十萬。謂過一佛土，十佛土，乃至億佛土。又從一億佛土，十億佛土，乃至十萬億佛土，故曰遠之遠也。然億有四種：十萬、百萬、千萬、萬萬。今之所指，未可知也。壇經十萬八千者。訛指今西域也，亦詳辨下六方中。言未為遠者，自有二義：一者，據事，法華明東方世界之多，而以抹土點塵計之；則十萬億者，特至少耳。華嚴一世界種，娑婆之外，圍繞十三剎塵世界，今極樂止過十萬億土，何足為遠？二者據理，則所謂十萬億者，對凡夫生死心量言耳。淨業若成，臨終在定之心，即淨土受生之心也。又謂分明在目前是也，亦何嘗遠！

(演)法華明東方世界之多者，經云：譬如三千大千世界，所有地種，假使有人磨以為墨，過於東方千國土，乃下一點大如微塵。又過千國土，復下一點。如是展轉盡地種墨，於汝意云何？是諸國土，若算師，若算師弟子，能得邊際，知其數否？不也，世尊！世界之多，何可思議也！華嚴一切世界種者，經云：華藏莊嚴世界海，有須彌山微塵數風輪所持。最上風輪能持普光摩尼香水海。此海有大蓮華，名種種光明蕊香幢。華藏莊嚴世界海住在其中。此世界海大輪圍山內，所有大地中，有十不可說佛剎微塵數香水海。此十不可說香水海中，有十不可說佛剎微塵數世界種安住。一一世界種，復有不可說佛剎微塵數世界。此最中央香水海，名無邊妙花光，出大蓮華。有世界種，而住其上，有不可說佛剎微塵數世界，於中布列。其最下世界，名最勝光遍照，至此第十三世界，名娑婆。十三佛剎微塵數世界圍遶。臨終在定之心者，天台云：臨終在定之

心，即淨土受生之心。舉念即往生淨土時，則臨終在定，淨土受生，不離此心。心無彼此，何曾從此至彼？而言往生者，特一舉念耳。如人夢中，從此至彼，實不離夢心，而曰從此至彼者，特夢心自現耳。

*(**Sao**: Y báo là thân nương vào cõi nước để ở, nên gọi là "sở y" (chỗ để nương vào). Tùy theo nghiệp đã tạo, mà sở y thù thắng hay hèn kém. Vì thế gọi là Báo. Nói "từ cõi Sa Bà này" là vì hai cõi Sa Bà và Cực Lạc đối diện nhau trong thế giới Hoa Tạng. Nay nói là "vượt qua", tức là từ phương Tây cõi này hướng theo chiều ngang mà đi. Một đại thiên là một tam thiên đại thiên thế giới, đến phần Sáu Phương [Phật Tán Thán] trong phần sau sẽ biện định. "Mười vạn ức": Từ đây đi về phương Tây, dùng con số ức để tính, sẽ có mười vạn. Nghĩa là qua khỏi một cõi Phật, mười cõi Phật, cho đến một ức cõi Phật, lại từ một ức cõi Phật, mười ức cõi Phật, cho đến mười vạn ức cõi Phật, cho nên nói là đã xa xôi lại càng xa xôi hơn. Nhưng Ức có bốn loại: Mười vạn, trăm vạn, ngàn vạn, vạn vạn. Nay kinh này nói đến loại Ức nào, cũng chưa thể biết được! Cõi nước cách xa mười vạn tám ngàn dặm trong Đàn Kinh lầm chỉ xứ Tây Vực hiện thời, [chuyện này] cũng được biện định tường tận trong phần Sáu Phương ở phần sau.*

Nói "chưa phải là xa" có hai ý nghĩa:

- Một là xét theo Sự. Kinh Pháp Hoa nhằm nói rõ các thế giới ở phương Đông rất nhiều, bèn dùng các hạt bụi nhỏ do đất bị mài nát ra để tính toán. Vậy thì mười vạn ức lại đặc biệt là ít nhất! [Xét theo] một thế giới chủng trong Hoa Nghiêm, bên ngoài Sa Bà có mười ba sát trần thế giới vây quanh. Nay Cực Lạc chỉ cách [Sa Bà] mười vạn ức cõi, nào đáng gọi là xa?

- Hai là xét theo Lý, nói "mười vạn ức" là nói ứng theo tâm lượng sanh tử của phàm phu. Nếu Tịnh nghiệp thành tựu, cái tâm Định trong lúc lâm chung chính là cái tâm sanh vào Tịnh Độ vậy. Lại nói "phân minh ở ngay trước mắt" là nhằm nói về ý này, cũng có bao giờ xa?

***Diễn**: "Kinh Pháp Hoa nói rõ các thế giới ở phương Đông rất nhiều": Kinh nói: "Ví như đối với tất cả địa chủng trong tam thiên đại thiên thế giới, giả sử có người mài nát thành mực, qua khỏi một ngàn quốc độ, mới chấm một vết to như vi trần. Lại qua khỏi một ngàn quốc độ, mới chấm một điểm nữa. Lần lượt như thế cho đến hết lượng mực từ địa chủng, ý ông nghĩ sao? Các quốc độ ấy thì thầy toán hay là học trò của thầy toán*

có thể biết được số lượng ngằn mé hay chăng? Thưa không, Thế Tôn! Thế giới nhiều như thế, làm sao có thể nghĩ bàn cho được!"

"Hết thảy các thế giới chủng trong kinh Hoa Nghiêm": Kinh dạy: "Trong Hoa Tạng Trang Nghiêm thế giới hải, được các phong luân nhiều như số vi trần của núi Tu Di gìn giữ. Tầng phong luân cao nhất có thể gìn giữ biển nước thơm Phổ Quang Ma Ni. Biển ấy có hoa sen to tên là Chủng Chủng Quang Minh Nhụy Hương Tràng. Hoa Tạng Trang Nghiêm thế giới hải trụ trong đó. Trong phạm vi của núi Đại Thiết Vi nơi thế giới hải ấy, trong tất cả đại địa, có mười bất khả thuyết Phật sát vi trần số biển nước thơm. Trong mười bất khả thuyết biển nước thơm ấy, có mười bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới chủng an trụ. Trong mỗi thế giới chủng, lại có bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới. Biển nước thơm ở chính giữa có tên là Vô Biên Diệu Hoa Quang, nở ra một hoa sen to. Có thế giới chủng trụ trên đó, có bất khả thuyết Phật sát vi trần số thế giới xếp bày trong đó. Thế giới thấp nhất tên là Tối Thắng Quang Biến Chiếu, cho đến thế giới thứ mười ba tên là Sa Bà. Mười ba Phật sát vi trần số thế giới vây quanh".

"Cái tâm tại Định lúc lâm chung": Ngài Thiên Thai nói: "Cái tâm tại Định lúc lâm chung chính là cái tâm thọ sanh Tịnh Độ". Khi dấy niệm bèn là lúc vãng sanh, vậy thì lâm chung tại Định, Tịnh Độ thọ sanh, chẳng lìa cái tâm này. Tâm không có đây, kia, có bao giờ là từ nơi đây sanh sang nơi kia? Nhưng nói "vãng sanh" thì là chuyên nói riêng về một niệm vậy. Như người nằm mộng, [thấy chính mình] từ chỗ này đến chỗ kia, thật ra chẳng lìa cái tâm nằm mộng, nhưng nói là "từ chỗ này đến chỗ kia" chỉ là nói riêng theo [cảnh tượng] do cái tâm nằm mộng biến hiện đó thôi).

(Sao) Thời vị quá, hiện, vị lai, Xứ vị tứ duy, thượng, hạ. Đơn thời, đơn xứ, thế giới bất thành. Hợp thời dữ xứ, danh thế giới dã. Cực Lạc dịch hữu đa danh, nhi cực chi vi ngôn, hiển chí cực chi lạc, phi nhân thiên nhất thiết chư lạc chi tỷ. Cố đặc tiêu dã. Tứ độ giả, nhất viết Thường Tịch Quang độ. Kinh vân: "Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ. Kỳ Phật trụ xứ, danh Thường Tịch Quang", thị cực quả nhân sở cư. Nhị viết Thật Báo Trang Nghiêm độ, hành chân thật pháp, cảm thù thắng báo, thất bảo trang nghiêm, cụ tịnh diệu ngũ trần cố. Diệc vân Vô Chướng Ngại độ, dĩ sắc tâm bất nhị, mao sát tương dung cố, thị Pháp Thân đại sĩ sở cư.

(Diễn) Tỳ Lô Giá Na biến nhất thiết xứ giả, Tỳ Lô Giá Na, thử vân Quang Minh Biến Chiếu, biến nhất thiết chúng sanh, biến nhất

thiết quốc độ đẳng. Cố vân Pháp Thân biến tại nhất thiết xứ, nhất thiết chúng sanh, cập quốc độ. Kỳ Phật trụ xứ danh Thường Tịch Quang giả, Thường tức Pháp Thân, Tịch tức Giải Thoát, Quang tức Bát Nhã. Tam đức bí tạng chi chân Tịnh Độ. Thử duy chư Phật sở cư, nhiên tuy vân "chư Phật sở cư", kỳ thật tức y tức chánh. Y chánh bất phân; cố viết: "Phổ Hiền thân tướng nhược hư không, y chân nhi trụ phi quốc độ". Bồ Tát thượng nhĩ, huống chư Phật da? Hành chân thật pháp giả, Hiền vị Bồ Tát Tỷ Quán tương ứng, vị chứng Pháp Thân, bất năng toàn tánh thành tu, bất danh "chân thật". Duy Pháp Thân Bồ Tát Hiện Quán tương ứng, thân chứng Pháp Thân, toàn tánh thành tu, viết "hành chân thật pháp". Thử thích Thật tự dã. Cảm báo thù thắng giả, nội hành ký thắng, quả báo diệc thắng. Biến Dịch chi thân, triển chuyển vi diệu. Thử thích Báo tự dã. Thất bảo trang nghiêm, cụ tịnh diệu ngũ trần giả, Thích Luận vân: "Bồ Tát thắng diệu ngũ dục, năng linh Ca Diếp khởi vũ". Hoa Nghiêm vân: "Vô lượng hương vân đài". Quán Kinh vân: "Nhất nhất thụ thượng, hữu thất trùng võng. Nhất nhất võng gian, hữu ngũ bách ức diệu hoa cung điện", tức kỳ độ tịnh diệu ngũ trần. Thử thích Trang Nghiêm nhị tự dã. Sắc tâm bất nhị giả, dĩ sắc ngoại vô tâm, tâm ngoại vô sắc, sắc tức thị tâm, tâm tức thị sắc. Sở vị: "Nhất nhất trần trung nhất thiết tâm, nhất nhất tâm trung nhất thiết trần, nhất nhất tâm trần phục hỗ châu, trùng trùng vô tận vô chướng ngại" dã. Mao sát tương dung giả, tức thị nhất nhất trần trung nhất thiết trần, sở vị: "Ư nhất mao đoan, hiện bảo vương sát" dã. Dĩ thử độ Bồ Tát phần chứng Pháp Thân, tâm ngoại vô pháp, cử nhất mao đoan, toàn chương pháp giới. Cố năng pháp pháp tương tức, châu biến hàm dung dã.

(鈔)時謂過現未來，處謂四維上下。單時單處，世界不成。合時與處，名世界也。極樂譯有多名，而極之為言，顯至極之樂，非人天一切諸樂之比。故特標也。四土者，一曰常寂光土。經云：毗盧遮那遍一切處。其佛住處，名常寂光，是極果人所居。二曰實報莊嚴土，行真實法，感殊勝報，七寶莊嚴，具淨妙五塵故。亦云無障礙土，以色心不二，毛剎相容故，是法身大士所居。

(演)毘盧遮那遍一切處者，毘盧遮那，此云光明遍照，遍一切眾生，遍一切國土等。故云法身遍在一切處，一切眾生，及國土。其佛住處名常寂光者，常即法身，寂即解

脫，光即般若。三德祕藏之真淨土。此唯諸佛所居，然雖云諸佛所居，其實即依即正。依正不分；故曰：普賢身相若虛空，依真而住非國土。菩薩尚爾，況諸佛耶？行真實法者，賢位菩薩比觀相應，未證法身，不能全性成修，不名真實。唯法身菩薩現觀相應，親證法身，全性成修，曰行真實法。此釋實字也。感報殊勝者，內行既勝，果報亦勝。變易之身，展轉微妙。此釋報字也。七寶莊嚴，具淨妙五塵者，釋論云：菩薩勝妙五欲，能令迦葉起舞。華嚴云：無量香雲臺。觀經云：一一樹上，有七重網。一一網間，有五百億妙華宮殿，即其土淨妙五塵。此釋莊嚴二字也。色心不二者，以色外無心，心外無色，色即是心，心即是色。所謂：一一塵中一切心，一一心中一切塵，一一心塵復互周，重重無盡無障礙也。毛剎相容者，即是一一塵中一切塵，所謂：於一毛端，現寶王剎也。以此土菩薩分證法身，心外無法，舉一毛端，全彰法界。故能法法相即，周遍含容也。

*(**Sao**: "Thời" là quá khứ, hiện tại, tương lai; Xứ là bốn phương, trên, dưới. Chỉ có Thời, hay chỉ có Xứ, thế giới chẳng thành. Hợp Thời và Xứ lại, sẽ gọi là Thế Giới. Cực Lạc được dịch thành nhiều danh xưng, nhưng nói là Cực thì đã chỉ rõ sự vui sướng [trong cõi ấy] đạt đến tột bậc; hết thảy niềm vui trong cõi trời và cõi người đều chẳng thể sánh bằng. Vì thế, đặc biệt nêu ra. Bốn cõi, một là cõi Thường Tịch Quang. Kinh dạy: "Tỳ Lô Giá Na trọn khắp hết thảy mọi nơi, trụ xứ của đức Phật ấy được gọi là Thường Tịch Quang", là chỗ ở của bậc cực quả. Hai là cõi Thật Báo Trang Nghiêm; hành pháp chân thật, cảm báo thù thắng. Bảy báu trang nghiêm, trọn đủ ngũ trần tịnh diệu, còn gọi là cõi Vô Chướng Ngại, do sắc và tâm bất nhị, sợi lông và cõi nước chứa đựng lẫn nhau, là nơi ở của Pháp Thân đại sĩ.*

***Diễn**: "Tỳ Lô Giá Na trọn khắp hết thảy mọi nơi": Tỳ Lô Giá Na, cõi này dịch là Quang Minh Biến Chiếu, [hàm nghĩa] trọn khắp hết thảy chúng sanh, trọn khắp hết thảy quốc độ v.v... Vì thế nói: Pháp Thân tồn tại trọn khắp hết thảy mọi nơi, hết thảy chúng sanh và cõi nước.*

"Chỗ đức Phật ở, gọi là Thường Tịch Quang": Thường chính là Pháp Thân, Tịch tức Giải Thoát, Quang tức Bát Nhã, tức tam đức bí tạng của cõi tịnh chân thật. Nơi ấy chẳng phải chỉ có chư Phật ngự, tuy nói là "chỗ chư Phật ngự", thật ra, y báo chính là chánh báo, chánh báo chính là y báo. Y báo và chánh báo chẳng tách rời. Vì thế nói: "Thân tướng của Phổ Hiền như hư không, nương vào lẽ chân để trụ, chẳng phải là quốc độ". Bồ Tát còn là như vậy, huống hồ chư Phật ư?

"Hành pháp chân thật": Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền tương ứng với Tỷ Quán, chưa chứng Pháp Thân, chẳng thể toàn tánh khởi tu, chẳng gọi là "chân thật". Chỉ có Pháp Thân Bồ Tát tương ứng với Hiện Quán, đích thân chứng Pháp Thân, toàn tánh thành tu, thì gọi là "hành pháp chân thật". Đấy là giải thích chữ Thật. "Cảm báo thù thắng": Nội hạnh đã thù thắng, quả báo cũng thù thắng. Cái thân Biến Dịch xoay vần vi diệu. Đấy là giải thích chữ Báo.

"Bảy báu trang nghiêm, trọn đủ ngũ trần tịnh diệu": Thích Luận nói: "Ngũ dục thù thắng nhiệm mầu của Bồ Tát có thể khiến cho ngài Ca Diếp đứng lên múa may". Kinh Hoa Nghiêm nói: "Vô lượng đài mây hương", Quán Kinh nói: "Trêm mỗi cây, có bảy tầng lưới. Giữa mỗi lớp lưới, có năm trăm ức cung điện bằng hoa mầu nhiệm". Đấy chính là ngũ trần tịnh diệu trong cõi ấy. Đó là giải thích hai chữ Trang Nghiêm.

"Sắc, tâm chẳng hai": Do ngoài sắc không có tâm, ngoài tâm không có sắc, sắc chính là tâm, tâm chính là sắc. Đó gọi là "trong mỗi một trần, hết thảy tâm. Trong mỗi một tâm, hết thảy trần. Mỗi tâm trần lại trọn khắp nhau, trùng trùng vô tận không chướng ngại". "Sợi lông và cõi nước dung nhập lẫn nhau" tức là "trong mỗi vi trần có hết thảy các vi trần", nghĩa là "nơi đầu một sợi lông, hiện cõi nước của đấng Bảo Vương (Phật)". Do Bồ Tát trong cõi này phần chứng Pháp Thân, ngoài tâm không có pháp, nêu ra đầu một sợi lông, hoàn toàn phô rõ pháp giới. Vì thế, mỗi pháp có thể chính là lẫn nhau, chứa đựng trọn khắp).

(Sao) Tam viết Phương Tiện Hữu Dư độ, đoạn tứ Trụ Hoặc, thuộc phương tiện đạo; vô minh vị tận, danh viết Hữu Dư, thị tam thừa thánh nhân sở cư. Tứ viết Phàm Thánh Đồng Cư độ, thị tứ thánh lục phàm chi sở cộng cư. Tứ độ tuy thắng, liệt bất đồng, diệc khả các phân tịnh uế. Kim Cực Lạc quốc, ký viết Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên, nhân dân, thị dữ Sa Bà quân danh Đồng Cư. Nhi thử phương tắc thổ, thạch, kinh cức, tứ thú vân vân; bỉ quốc tắc bát đức, thất trân, nhân thiên tể tể, thị Đồng Cư tịnh dã.

(Diễn) Đoạn Tứ Trụ Hoặc thuộc phương tiện đạo giả, Tứ Trụ tức thị Kiến Tư. Dĩ Kiến vi nhất, danh Kiến Nhất Thiết Trụ Địa, Tư Hoặc phân tam: Nhất, Dục Ái Trụ Địa, Dục Giới cửu phẩm Hoặc. Nhị, Sắc Ái Trụ Địa, Sắc Giới Tứ Địa các cửu phẩm Tư. Tam, Vô Sắc Ái Trụ Địa, Vô Sắc Giới Tứ Địa các cửu phẩm Tư. Thử chi tứ trụ, Tạng Thông nhị giáo Nhị Thừa, cập Biệt Giáo Bồ Tát, giai dĩ đoạn trừ, đản vị chứng Pháp Thân, thuộc phương tiện đạo. Thử thích Phương Tiện dã. Vô minh vị tận, danh viết Hữu Dư giả, vô minh tức giới ngoại Kiến Tư, hữu tứ thập nhị phẩm; kim toàn nhiên vị đoạn, danh viết Hữu Dư. Thử thích Hữu Dư giả. Diệc khả các phân vi tịnh uế giả, Kiến Tư khinh, trọng, Đồng Cư tịnh, uế; như phàm phu Kiến Tư khinh, cảm Đồng Cư tịnh. Trọng, cảm Đồng Cư uế dã. Thể Tích xảo chuyết, Phương Tiện tịnh uế. Thông Giáo tam thừa, thể sắc minh không tắc xảo, cảm Phương Tiện tịnh. Tạng Giáo tam thừa, tích sắc minh không tắc chuyết, cảm Phương Tiện uế. Thứ đệ, nhất tâm, Thật Báo tịnh uế. Biệt Giáo Bồ Tát tu Thứ Đệ Tam Quán, chứng Pháp Thân lý, cảm Thật Báo uế. Viên Giáo Bồ Tát tu Nhất Tâm Tam Quán, chứng Pháp Thân lý, cảm Thật Báo tịnh. Phần chứng, cứu cánh, Tịch Quang tịnh uế. Biệt Giáo Như Lai đoạn thập nhị phẩm vô minh, phần chứng Tam Đức, cảm Tịch Quang uế. Viên Giáo Như Lai đoạn tứ thập nhị phẩm vô minh, cứu cánh chứng Tam Đức bí tạng, cảm Tịch Quang tịnh. Thổ, thạch, kinh cức thị y, tứ thú phân vân thị chánh. Bát đức, thất trân thị y, nhân thiên tể tể thị chánh.

(鈔)三曰方便有餘土，斷四住惑，屬方便道；無明未盡，名曰有餘，是三乘聖人所居。四曰凡聖同居土，是四聖六凡之所共居。四土雖勝劣不同，亦可各分淨穢。今極樂國，既曰菩薩，聲聞，諸天，人民，是與娑婆均名同居。而此方則土石荊棘，四趣紜紜 ；彼國則八德七珍 ，人天濟濟，是同居淨也。

(演)斷四住惑屬方便道者，四住即是見思。以見為一，名見一切住地，思惑分三：一、欲愛住地，欲界九品思。二、色愛住地，色界四地各九品思。三、無色愛住地，無色界四地各九品思。此之四住，藏通二教二乘，及別教菩薩，皆已斷除，但未證法身，屬方便道。此釋方便也。無

明未盡，名曰有餘者，無明即界外見思，有四十二品；今全然未斷，名曰有餘。此釋有餘也。亦可各分淨穢者，見思輕重，同居淨穢；如凡夫見思輕，感同居淨。重，感同居穢也。體析巧拙，方便淨穢。通教三乘，體色明空則巧，感方便淨。藏教三乘，析色明空則拙，感方便穢。次第，一心，實報淨穢。別教菩薩修次第三觀，證法身理，感實報穢。圓教菩薩修一心三觀，證法身理，感實報淨。分證，究竟，寂光淨穢。別教如來斷十二品無明，分證三德，感寂光穢。圓教如來斷四十二品無明，究竟證三德祕藏，感寂光淨。土石荊棘是依，四趣紛紜是正。八德七珍是依，人天濟濟是正。

*(**Sao**: Ba là cõi Phương Tiện Hữu Dư, đoạn bốn Trụ Hoặc, thuộc về đạo phương tiện. Do vô minh chưa hết, nên gọi là Hữu Dư, là nơi ở của tam thừa thánh nhân. Bốn là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, là chỗ tứ thánh và lục phàm cùng ở. Bốn cõi tuy thù thắng hay kém hèn khác nhau, nhưng đối với mỗi cõi, cũng có thể chia thành tịnh hay uế. Nay cõi Cực Lạc, đã nói là có Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên, nhân dân, tức là cũng như Sa Bà, đều gọi là Đồng Cư. Nhưng phương này thì đất, đá, gai góc, bốn đường lăng xăng. Cõi kia thì tám đức, bảy thứ quý báu, trời người đông đảo, là cõi Đồng Cư thanh tịnh.*

***Diễn**: "Đoạn Tứ Trụ Hoặc thuộc phương tiện đạo": Tứ Trụ tức là Kiến Tư. Do Kiến Hoặc chỉ có một loại, gọi là Kiến Nhất Thiết Trụ Địa; Tư Hoặc thì chia thành ba: Một là Dục Ái Trụ Địa, tức chín phẩm Tư Hoặc trong Dục Giới. Hai là Sắc Ái Trụ Địa, gồm bốn địa trong Sắc Giới, mỗi địa đều có chín phẩm Tư Hoặc. Ba là Vô Sắc Ái Trụ Địa, bốn địa trong Vô Sắc Giới, mỗi địa đều có chín phẩm Tư Hoặc. Đối với bốn trụ ấy, hàng Nhị Thừa thuộc Tạng Giáo và Thông Giáo, cũng như Biệt Giáo Bồ Tát đều đã đoạn trừ, nhưng chưa chứng Pháp Thân, thuộc về phương tiện đạo. Đấy là giải thích chữ Phương Tiện. "Vô minh chưa hết nên gọi là Hữu Dư": Vô minh chính là Kiến Tư Hoặc ở ngoài tam giới, có bốn mươi hai phẩm. Nay hoàn toàn chưa đoạn, nên gọi là Hữu Dư. Đấy là giải thích chữ Hữu Dư.*

"Mỗi loại cũng có thể chia thành tịnh uế": Kiến Tư nhẹ hay nặng thì cõi Đồng Cư sẽ tịnh hay uế. Như phàm phu Kiến Tư nhẹ, cảm cõi Đồng Cư tịnh. Nặng thì cảm cõi Đồng Cư uế. Do Thể Không hay Tích Không

khéo hay vụng, mà cõi Phương Tiện tịnh hay uế. Tam thừa thuộc Thông Giáo, do thấu hiểu Sắc bèn hiểu rõ Không; đấy là Khéo, sẽ cảm cõi Phương Tiện tịnh. Tam thừa thuộc Tạng Giáo chia chẻ cái Sắc để hiểu rõ Không, đó là vụng, nên cảm cõi Phương Tiện uế. Do tu thứ đệ hay nhất tâm, mà cõi Thật Báo tịnh hay uế. Biệt Giáo Bồ Tát tu Thứ Đệ Tam Quán, chứng lý Pháp Thân, cảm cõi Thật Báo uế. Viên Giáo Bồ Tát tu Nhất Tâm Tam Quán, chứng lý Pháp Thân, cảm cõi Thật Báo tịnh. Do phần chứng hay cứu cánh, mà cõi Tịch Quang tịnh hay uế. Biệt Giáo Như Lai đoạn mười hai phẩm vô minh, phần chứng Tam Đức, cảm cõi Tịch Quang uế. Viên Giáo Như Lai đoạn bốn mươi hai phẩm vô minh, rốt ráo chứng Tam Đức bí tạng, cảm cõi Tịch Quang tịnh. Đất, đá, gai góc… là y báo [của cõi Đồng Cư uế]. Bốn đường lăng xăng là chánh báo [của cõi Đồng Cư uế]. Tám đức, bảy báu là y báo [của cõi Đồng Cư tịnh], trời người đông đảo là chánh báo [của cõi Đồng Cư tịnh]).

(Sao) Diệc thông tiền tam giả, tùy kỳ cơ dị, sở kiến diệc dị. Hữu ư Đồng Cư kiến Tịch Quang độ, hữu ư Đồng Cư kiến Thật Báo độ, hữu ư Đồng Cư kiến Phương Tiện độ, hữu ư Đồng Cư đản kiến bổn độ. Như Pháp Hoa vân: "Ngã thử độ an ổn, thiên nhân thường sung mãn". Tượng Pháp Quyết Nghi kinh vân: "Kim nhật tọa trung vô ương số chúng, hoặc kiến thử xứ, sơn, lâm, địa thổ, sa, lịch, hoặc kiến thất bảo, hoặc kiến thị chư Phật hành xứ, hoặc kiến tức thị bất tư nghị chư Phật cảnh giới", giai tùy cơ dị kiến nhĩ.

(Diễn) Tùy kỳ cơ dị, sở kiến diệc dị giả, nhược năng đoạn tận vô minh, tức Đồng Cư kiến Tịch Quang. Phần đoạn vô minh, Đồng Cư kiến Thật Báo. Đoạn Tứ Trụ Hoặc, Đồng Cư kiến Phương Tiện. Vị đoạn Kiến Tư, Đồng Cư kiến bổn độ. Như Pháp Hoa hạ, dẫn chứng. Ngã thử độ an ổn giả, Pháp Hoa vân: "Đại hỏa sở thiêu thời, ngã thử độ an ổn". Đại hỏa sở thiêu thị Đồng Cư độ dã. Ngã độ an ổn thị Đồng Cư kiến Phương Tiện dã. Hoặc kiến thử xứ sơn, lâm, địa thổ, sa, lịch, chứng Đồng Cư đản kiến bổn độ. Hoặc kiến thất bảo, chứng Đồng Cư kiến Phương Tiện độ. Hoặc kiến thị chư Phật hành xứ, chứng Đồng Cư kiến Thật Báo. Dĩ Thật Báo độ, hành chân thật pháp, cảm thù thắng báo. Thị chư Phật nhân trung tu hành xứ cố, hoặc kiến tức thị bất tư nghị cảnh giới, chứng Đồng Cư kiến Tịch Quang, dụ như nhất thủy vô biệt, thiên, nhân, quỷ, súc sở kiến bất đồng dã.

(鈔)亦通前三者，隨其機異，所見亦異。有於同居見寂光土，有於同居見實報土，有於同居見方便土，有於同居但見本土。如法華云：我此土安穩，天人常充滿。像法決疑經云：今日坐中無央數眾，或見此處山林地土砂礫，或見七寶，或見是諸佛行處，或見即是不思議諸佛境界，皆隨機異見耳。

(演)隨其機異，所見亦異者，若能斷盡無明，即同居見寂光。分斷無明，同居見實報。斷四住惑，同居見方便。未斷見思，同居見本土。如法華下，引證。我此土安隱者，法華云：大火所燒時，我此土安隱。大火所燒是同居土也。我土安隱，是同居見方便也。或見此處山林地土沙礫，證同居但見本土。或見七寶，證同居見方便土。或見是諸佛行處，證同居見實報。以實報土，行真實法，感殊勝報。是諸佛因中修行處故，或見即是不思議境界，證同居見寂光，喻如一水無別，天人鬼畜所見不同也。

*(**Sao**: "Cũng thông với ba cõi trước": Tùy theo căn cơ khác nhau mà cũng thấy khác nhau. Có kẻ trong cõi Đồng Cư thấy cõi Tịch Quang, có kẻ trong cõi Đồng Cư thấy cõi Thật Báo, có kẻ trong cõi Đồng Cư thấy cõi Phương Tiện, có kẻ trong cõi Đồng Cư chỉ thấy cõi mình. Như kinh Pháp Hoa nói: "Cõi ta đây an ổn, trời người thường đông đầy". Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi nói: "Vô ương số đại chúng đang hiện diện trong pháp hội hôm nay, có người thấy nơi này là núi, rừng, đại địa là đất, cát, sỏi, hoặc thấy là bảy báu, hoặc thấy là hành xứ của chư Phật, hoặc thấy chính là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật", đều do tùy theo căn cơ mà thấy sai khác vậy.*

***Diễn**: "Tùy theo căn cơ sai khác mà cũng thấy khác nhau": Nếu có thể đoạn hết vô minh, tức là Đồng Cư thấy Tịch Quang. Đoạn vô minh một phần, Đồng Cư thấy Thật Báo. Đoạn Tứ Trụ Hoặc, Đồng Cư thấy Phương Tiện. Chưa đoạn Kiến Tư, Đồng Cư thấy là Đồng Cư. Từ "như Pháp Hoa" trở đi là dẫn chứng. "Cõi này của ta an ổn": Kinh Pháp Hoa chép: "Lúc đại hỏa thiêu đốt, cõi ta đây an ổn". "Đại hỏa thiêu đốt" là cõi Đồng Cư. "Cõi của ta an ổn" là Đồng Cư thấy Phương Tiện. Hoặc thấy nơi này là núi rừng, đất đai, cát, sỏi là người chứng Đồng Cư chỉ*

thấy là Đồng Cư. Hoặc thấy bảy báu là người chứng Đồng Cư thấy cõi Phương Tiện. Hoặc là thấy hành xứ của chư Phật, tức là chứng Đồng Cư mà thấy Thật Báo. Do cõi Thật Báo, hành pháp chân thật, cảm báo thù thắng, là chỗ tu hành trong khi tu nhân của chư Phật. Hoặc thấy chính là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, tức là chứng Đồng Cư mà thấy Tịch Quang. Ví như cùng là nước không có gì khác biệt, mà trời, người, quỷ, súc sanh thấy là những thứ khác nhau).

(Sao) Tam độ đồng thượng giả: Nhất, Pháp Tánh độ, tức thị Tịch Quang. Nhị, Thọ dụng độ, phục phân tự tha, đồng hồ Thật Báo. Tam, Biến Hóa độ, đồng tiền tam tứ Phương Tiện Đồng Cư, tắc Cực Lạc giả, tuy đương Biến Hóa, diệc khả Thọ Dụng, cập Pháp Tánh dã.

(Diễn) Thọ Dụng độ phục phân Tự Tha đồng hồ Thật Báo giả, Tự Thọ Dụng độ duy Phật nhất nhân tự kỷ thọ dụng, bất cộng dư nhân. Tha Thọ Dụng độ, tắc dữ Thập Địa Bồ Tát thọ dụng cố dã. Thử nhị tuy phân Tự Tha bất đồng, giai tam Tăng-kỳ kiếp tu chân thật hạnh, sở cảm quả báo, cố đồng Thật Báo. Biến Hóa đồng tiền tam tứ Phương Tiện Đồng Cư giả, dĩ Phương Tiện, Đồng Cư nãi cực quả thánh nhân vô phương đại dụng, tùy cơ biến hóa, phương tiện lợi sanh chi độ dã. Cực Lạc tuy đương Biến Hóa, diệc khả Thọ Dụng, cập Pháp Tánh giả, Cực Lạc tuy thị Đồng Cư, đối tiền đệ tam Biến Hóa, nhược năng tấn tu Hiện Quán, phần đoạn vô minh, nãi chí vô minh đoạn tận, tắc thông Thọ Dụng cập Pháp Tánh dã.

(鈔)三土同上者：一、法性土，即是寂光。二、受用土，復分自他，同乎實報。三、變化土，同前三四方便同居，則極樂者，雖當變化，亦可受用，及法性也。

(演)受用土復分自他同乎實報者，自受用土唯佛一人自己受用，不共餘人。他受用土，則與十地菩薩受用故也。此二雖分自他不同，皆三僧祇劫修真實行，所感果報，故同實報。變化同前三四方便同居者，以方便，同居乃極果聖人無方大用，隨機變化，方便利生之土也。極樂雖當變化，亦可受用，及法性者，極樂雖是同居，對前第三變化，若能進修現觀，分斷無明，乃至無明斷盡 ，則通受用及法性也。

*(**Sao**: "Ba cõi có cùng một ý nghĩa với [bốn cõi] trong phần trên". Một là cõi Pháp Tánh, tức là Tịch Quang. Hai là cõi Thọ Dụng, lại chia thành Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng, giống như cõi Thật Báo. Ba là cõi Biến Hóa, giống như cõi thứ ba là Phương Tiện và cõi thứ tư là Đồng Cư trong phần trước. Như vậy thì Cực Lạc tuy ở trong cõi Biến Hóa, vẫn có thể ở trong cõi Thọ Dụng và Pháp Tánh.*

***Diễn**: "Cõi Thọ Dụng chia thành Tự và Tha, nhưng giống như cõi Thật Báo": Cõi Tự Thọ Dụng chỉ có mình đức Phật tự mình thọ dụng, chẳng cùng chung với người nào khác. Cõi Tha Thọ Dụng thì cùng thọ dụng với Thập Địa Bồ Tát. Hai cõi ấy tuy chia thành Tự và Tha khác nhau, nhưng đều do trong ba A-tăng-kỳ kiếp tu hạnh chân thật mà cảm lấy quả báo, cho nên giống như cõi Thật Báo.*

"Cõi Biến Hóa giống như cõi thứ ba là Phương Tiện và cõi thứ tư là Đồng Cư trong phần trước": Do Phương Tiện và Đồng Cư chính là cõi do đại dụng không ngằn mé của bậc thánh nhân thuộc quả vị tột bậc tùy cơ biến hóa để làm phương tiện lợi sanh. "Cực Lạc tuy thuộc vào cõi Biến Hóa, nhưng cũng có thể coi là cõi Thọ Dụng và cõi Pháp Tánh": Cực Lạc tuy là Đồng Cư, nhưng đối với cõi thứ ba là Biến Hóa trong phần trước, nếu có thể tấn tu Hiện Quán, đoạn phần nào vô minh, cho đến đoạn hết vô minh, thì sẽ thông với cõi Thọ Dụng và cõi Pháp Tánh).

(Sao) Thập chủng độ giả, Táo Bá sở phân thập chủng Quyền Thật, tuy Cực Lạc thị Quyền phi Thật, nhiên thị thả cứ Quyền Thật đối đãi phân biệt ngôn nhĩ. Nhược luận tùy cơ, Quyền Thật vô định, sở dĩ giả hà? Bỉ vân Di Đà Phật độ, vị nhất phần thủ tướng phàm phu, vị tín Pháp Không thật lý, dĩ chuyên ức niệm, kỳ tâm phần tịnh, đắc sanh Tịnh Độ, thị Quyền phi Thật. Tắc tri tựu thủ tướng giả, phi tựu nhập Lý giả. Nhược Lý nhất tâm, tức Quyền, tức Thật, cố vân "vô định".

(Diễn) Táo Bá sở phân thập chủng Quyền Thật giả, Hoa Nghiêm Hợp Luận vân: "Đệ nhất, A Di Đà kinh Tịnh Độ. Đệ nhị, Quán Vô Lượng Thọ kinh Tịnh Độ, thử nhị thị Quyền phi Thật. Đệ tam, Duy Ma kinh Tịnh Độ, đệ tứ, Phạm Võng kinh Tịnh Độ, giai thị Thật vị quảng. Đệ ngũ, Ma Hê Thủ La Thiên Tịnh Độ. Đệ lục, Niết Bàn kinh Tịnh Độ. Đệ thất, Pháp Hoa kinh Tịnh Độ, giai thị Quyền vị Thật. Đệ bát, Linh Sơn hội sở chỉ Tịnh Độ, thị Thật phi Quyền. Đệ cửu, duy tâm Tịnh Độ, thị Thật Tịnh Độ. Đệ thập, Tỳ Lô sở cư Tịnh Độ, thị Thật Tịnh Độ".

(鈔)十種土者，棗柏所分十種權實，雖極樂是權非實，然是且據權實對待分別言耳。若論隨機，權實無定，所以者何？彼云彌陀佛土，為一分取相凡夫，未信法空實理，以專憶念，其心分淨，得生淨土，是權非實。則知就取相者，非就入理者。若理一心，即權即實，故云無定。

(演)棗柏所分十種權實者，華嚴合論云：第一、阿彌陀經淨土。第二、觀無量壽經淨土，此二是權非實。第三、維摩經淨土。第四、梵網經淨土，皆是實未廣。第五、摩醯首羅天淨土。第六、涅槃經淨土。第七、法華經淨土，皆是權未實。第八、靈山會所指淨土，是實非權。第九、唯心淨土，是實淨土。第十、毘盧所居淨土，是實淨土。

*(**Sao**: "Mười thứ cõi", ngài Táo Bá chia [các cõi Tịnh Độ] thành mười thứ Quyền và Thật. Tuy [ngài Táo Bá phán định] Cực Lạc là Quyền, chẳng phải Thật, nhưng vẫn là xét theo sự đối đãi phân biệt giữa Quyền hay Thật mà nói đó thôi. Nếu luận định theo căn cơ, [cõi Cực Lạc] sẽ là Quyền hay Thật không nhất định, vì sao? Ngài nói "cõi Tịnh Độ của Phật Di Đà là cõi Tịnh Độ do một số phàm phu chấp tướng, chưa tin thật lý Pháp Không, do chuyên ức niệm, tâm tịnh một phần, được sanh về đó, cho nên [Cực Lạc] là Quyền, chẳng phải là Thật". Do đó ta biết [ngài Táo Bá luận định Di Đà Tịnh Độ là Quyền là vì xét theo trình độ của] kẻ chấp tướng, chứ không xét theo người đã nhập Lý. Nếu là [người đã đạt] Lý nhất tâm, [Di Đà Tịnh Độ] sẽ vừa là Quyền vừa là Thật. Vì thế, nói là "vô định".*

***Diễn**: "Mười thứ [Tịnh Độ] Quyền, Thật do ngài Táo Bá phân định": Hoa Nghiêm Hợp Luận giảng: "Thứ nhất là Tịnh Độ trong kinh A Di Đà, thứ hai là Tịnh Độ trong kinh Quán Vô Lượng Thọ; hai thứ ấy là Quyền chẳng Thật. Thứ ba là Tịnh Độ trong kinh Duy Ma, thứ tư là Tịnh Độ trong kinh Phạm Võng, đều là Thật nhưng chưa rộng. Thứ năm là Tịnh Độ trong Ma Hê Thủ La Thiên, thứ sáu là Tịnh Độ trong kinh Niết Bàn, thứ bảy là Tịnh Độ trong kinh Pháp Hoa, đều là Quyền, chưa Thật. Thứ tám là Tịnh Độ được nói trong hội Linh Sơn là Thật, chẳng phải Quyền. Thứ chín là duy tâm Tịnh Độ là Thật Tịnh Độ. Thứ mười là Tịnh Độ nơi Tỳ Lô Giá Na Phật ngự là Thật Tịnh Độ").*

(Sao) Hựu thượng tứ độ, diệc pháp nhĩ cụ túc, bất khả đản chấp Tịch Quang. Nhược chứng Tịch Quang, ư hạ tam độ, tùy tâm ký thác, tự bất bát vô. Vị chứng Tịch Quang, bát vô hạ tam, tắc vô phục sở cư chi độ, thác chi thậm hỹ! Cố bất tín tha phương hữu Kim Sắc thế giới, Lăng Nghiêm sở thâm ha dã.

(Diễn) Hựu thượng tứ độ diệc pháp nhĩ cụ túc, bất khả câu chấp Tịch Quang giả, khủng nhân văn Tịch Quang thị Thật, tiền tam độ thị Quyền, duy chấp Tịch Quang, bát vô tam độ. Cố vân thử chi tứ độ, pháp tánh lý trung, pháp nhĩ cụ túc. Dĩ chúng sanh tối nhĩ tâm trung, bách giới thiên như, tam thiên tánh tướng, vô bất cụ túc. Nhược chấp Tịch Quang vi Thật, bát vô tiền tam, thử Thiên Thai Biệt Giáo sở thuyên, thanh tịnh Chân Như Quyền lý, phi chân Tịch Quang dã. Nhược chứng Tịch Quang đẳng giả, ngôn quả nhược chân chứng Tịch Quang, ư hạ tam độ, tùy tâm ký thác, như dục hóa Pháp Thân Bồ Tát, tắc ký Thật Báo, dục hóa Quyền Thừa thánh nhân, tắc ký Phương Tiện, dục hóa phàm phu, tắc ký Đồng Cư. Dĩ Tịch Quang diệu lý, phi thanh tịnh Chân Như, bất ly tiền tam, cố tự bất bát vô. Nhược ư Tịch Quang tắc vị chứng, ư tam độ tắc bát vô, tứ độ giai phi, hiện cư hà xứ? Thử nãi đọa Khoát Đạt Không, khởi Đoạn Diệt Kiến, tà ma chi lữ, ngoại đạo chi trù, thác chi thậm hỹ! Cố bất tín hạ, dẫn lệ. Lăng Nghiêm phá Tưởng Ấm văn vân: "Đô chỉ hiện tại tức vi Phật quốc, vô biệt Tịnh Cư, cập kim sắc tướng", thị dã.

(鈔)又上四土，亦法爾具足，不可但執寂光。若證寂光，於下三土，隨心寄託，自不撥無。未證寂光，撥無下三，則無復所居之土，錯之甚矣！故不信他方有金色世界，楞嚴所深呵也。

(演)又上四土亦法爾具足，不可但執寂光者，恐人聞寂光是實，前三土是權，唯執寂光，撥無三土。故云此之四土，法性理中，法爾具足。以眾生藏爾心中，百界千如，三千性相，無不具足。若執寂光為實，撥無前三，此天台別教所詮，清淨真如權理，非真寂光也。若證寂光等者，言果若真證寂光，於下三土，隨心寄託，如欲化法身菩薩，則寄實報，欲化權乘聖人，則寄方便，欲化凡夫，則寄同

居。以寂光妙理，非清淨真如，不離前三，故自不撥無。若於寂光則未證，於三土則撥無，四土皆非，現居何處？此乃墮豁達空，起斷滅見，邪魔之侶，外道之儔，錯之甚矣！故不信下，引例。楞嚴破想陰文云：都指現在即為佛國，無別淨居，及金色相，是也。

*(**Sao**: Lại nữa, bốn cõi Tịnh Độ cũng là pháp vốn tự nhiên trọn đủ như thế, chớ nên chỉ chấp Tịch Quang. Nếu đã chứng Tịch Quang, đối với ba cõi dưới, sẽ tùy tâm nương gởi, chẳng bác bỏ là không có [những cõi ấy]. Chưa chứng Tịch Quang mà bác bỏ ba cõi dưới thì sẽ chẳng còn có cõi nào để ở, lầm lẫn quá mức! Vì thế, chẳng tin phương khác có thế giới màu như vàng ròng, kinh Lăng Nghiêm đã quở trách sâu xa.*

***Diễn**: "Lại nữa, bốn cõi trên đây cũng là pháp vốn tự nhiên trọn đủ như thế, chớ nên chỉ chấp Tịch Quang": Sợ có kẻ nghe nói Tịch Quang là Thật, ba cõi trước là Quyền, sẽ chỉ chấp Tịch Quang, bài bác không có ba cõi kia. Vì thế nói bốn cõi ấy, xét theo lý pháp tánh, vốn sẵn trọn đủ. Do trong cái tâm bé nhỏ nhất của chúng sanh, bách giới thiên như, ba ngàn tánh tướng, không gì chẳng trọn đủ. Nếu chấp Tịch Quang là Thật, bài bác không có ba cõi trước, thì đấy chính là lý Chân Như thanh tịnh quyền biến như Biệt Giáo trong tông Thiên Thai đã nói, chẳng phải là Tịch Quang thật sự!*

"Nếu chứng Tịch Quang..." ý nói: Nếu thật sự chứng Tịch Quang thì đối với ba cõi dưới, sẽ tùy tâm mà nương ở. Như muốn hóa độ Pháp Thân Bồ Tát, bèn gởi thân trong Thật Báo; muốn hóa độ Quyền Thừa thánh nhân, bèn gởi thân trong Phương Tiện, muốn hóa độ phàm phu bèn gởi thân trong Đồng Cư.

Do diệu lý Tịch Quang chẳng phải là Chân Như thanh tịnh, chẳng lìa ba cõi trước, cho nên sẽ tự chẳng bài bác [những cõi ấy] là không có. Nếu chưa chứng Tịch Quang mà bài bác ba cõi trước không có, [tức là] cả bốn cõi đều chẳng có, nay sẽ ở chỗ nào? Đấy chính là đọa vào Khoát Đạt Không, dấy lên Đoạn Diệt Kiến, thì là bè bạn của tà ma, thuộc vào phường ngoại đạo, sai lầm quá đỗi!

Từ "vì thế, chẳng tin" trở đi là dẫn thí dụ, tức là trong phần kinh văn dạy về phá Tưởng Ấm của kinh Lăng Nghiêm có nói: "Luôn nói hiện tại chính là cõi Phật, chẳng có chỗ cư trụ thanh tịnh và tướng kim sắc nào khác", chính là nói về ý này).

(Sao) Phật vô độ giả, Thập Tứ Khoa Tịnh Độ Sao vân: "Bát Địa dĩ thượng, vĩnh thoát sắc lụy, chiếu thể độc lập, thần vô phương sở, dụng độ hà vi?" Huống phục chư Phật! Phật thật vô độ, nhi ngôn hữu giả, dĩ chúng sanh giải vi, Hoặc trọng, cố dĩ phước lạc dẫn chi hành thiện, cái thánh nhân tiếp vật chi cận tích nhĩ. Cố viết "bất phương thuyết độ".

(Diễn) Bát Địa dĩ thượng vĩnh thoát sắc lụy giả, Bát Địa chuyển Hiện Tướng, đắc sắc tự tại. Cửu Địa chuyển Chuyển Tướng, đắc tâm tự tại. Thập Địa chuyển Nghiệp Tướng, cứu cánh thành Phật. Thử tam vị Bồ Tát, tiệm không nghiệp thức, thoát thể vô y, nội vô căn thân, ngoại vô thế giới, huống cực quả thánh nhân nhi hữu độ da?

(鈔)佛無土者，十四科淨土鈔云：八地以上，永脫色累，照體獨立，神無方所，用土何為？況復諸佛！佛實無土，而言有者，以眾生解微，惑重，故以福樂引之行善，蓋聖人接物之近迹耳。故曰不妨說土。

(演)八地已上永脫色累者，八地轉現相，得色自在。九地轉轉相，得心自在。十地轉業相，究竟成佛。此三位菩薩，漸空業識，脫體無依，內無根身，外無世界，況極果聖人而有土耶？

*(**Sao**: "Phật không có cõi nước": Sách Thập Tứ Khoa Tịnh Độ Sao nói; "Từ Bát Địa trở lên, vĩnh viễn thoát khỏi sự ràng buộc của sắc, chiếu thể độc lập, sự thần biến không bị hạn cuộc bởi nơi chốn, dùng cõi nước để làm gì?" Huống hồ là chư Phật [mà còn cần phải có cõi nước ư?].*

Đức Phật quả thật chẳng có cõi nước, nhưng nói là có, là vì chúng sanh thông hiểu ít ỏi, phiền não nặng nề. Vì thế, dùng phước lạc để dẫn dắt họ làm lành. Đấy là phương thức gần gũi của thánh nhân để tiếp độ chúng sanh. Vì thế, nói: "Chẳng ngại nói đến cõi nước".

***Diễn**: "Từ Bát Địa trở lên, vĩnh viễn thoát khỏi sự ràng buộc của sắc": Bát Địa chuyển Hiện Tướng, đắc sắc tự tại. Cửu Địa chuyển Chuyển Tướng, đắc tâm tự tại. Thập Địa chuyển Nghiệp Tướng, rốt ráo thành Phật. Bồ Tát thuộc ba địa vị ấy mà đã dần dần rỗng không nghiệp thức, thoát khỏi thân thể, không nương cậy, trong không có sắc thân, ngoài không có thế giới, huống hồ bậc thánh nhân thuộc quả vị tột cùng mà có cõi nước ư?)*

(Sớ) Thiên chỉ Tây Phương giả, định xu hướng cố. Tây Phương thiên chỉ Cực Lạc giả, như hậu văn "vô khổ hữu lạc", cập vãng sanh kinh trung thuyết.

(Diễn) Tây Phương thiên chỉ Cực Lạc, hữu nhị ý: Nhất, tắc thuần thị lạc cố, như hậu văn vô khổ hữu lạc thị. Nhị, tắc nhân duyên giai thù thắng cố, như Vãng Sanh Kinh trung thuyết thị.

(疏)偏指西方者，定趨向故。西方偏指極樂者，如後文無苦有樂，及往生經中說。

(演)西方偏指極樂，有二意：一、則純是樂故，如後文無苦有樂是。二、則因緣皆殊勝故，如往生經中說是。

*(**Sớ**: "Riêng chỉ Tây Phương" nhằm nêu xác định chỗ hướng về. "Riêng chỉ Cực Lạc tại Tây Phương" là như trong phần kinh văn "chẳng có khổ, chỉ có vui" trong phần sau và các kinh vãng sanh đã nói.*

***Diễn**: "Riêng chỉ Cực Lạc tại Tây Phương" có hai ý: Một, thuần là lạc như trong đoạn "chẳng khổ, có vui" thuộc phần sau sẽ nói. Hai, do nhân lẫn duyên đều thù thắng như trong kinh Vãng Sanh đã nói).*

(Sao) Khủng hữu nạn ngôn: "Thập phương thế giới giai hữu Tịnh Độ, hà vi độc thị Tây Phương, giáo sanh bỉ quốc?" Lương diêu đạo dĩ đa kỹ vong dương, xạ dĩ chuyên chú trúng cốc. Tâm vô nhị dụng, công giới tạp thi. Thượng Đô Nghi vân: "Quy mạng Tam Bảo, yếu chỉ phương, lập tướng, trụ tâm, thủ cảnh, dĩ phàm phu hệ tâm, thượng nãi bất đắc, huống ly tướng da?" Nhược phù biến cúng thập phương chư Phật, hoàn quốc do tại thực thời, thị sanh Tây Phương dĩ hậu sự, sở vị "kiến noãn nhi cầu thời dạ", hà thái tảo kế hồ?

(Diễn) Đa kỹ vong dương giả, Liệt Tử tải Dương Tử chi lân nhân vong dương, ký suất kỳ đảng, hựu thỉnh Dương Tử chi thụ tử cộng truy chi. Dương Tử viết: "Nhất dương hà truy giả chi chúng?" Viết: "Đa kỹ lộ cố". Dĩ nhi phản, cánh bất đắc dương. Viết: "Kỹ lộ chi trung, hựu kỹ lộ yên! Bất tri sở chi cố dã". Cố viết: "Đại đạo dĩ đa kỹ vong dương; học giả dĩ đa phương táng sanh". Chuyên chỉ trúng cốc giả, cốc, bì cách chi đích dã. Xạ hầu dụng bì, kỳ trung họa hộc dĩ vi đích. Nhược phù biến cúng thập phương giả, khủng hữu nạn vân: "Ký vân chỉ phương, lập tướng, trụ tâm, thủ cảnh, hà cố kinh trung hựu vân cúng dường tha phương thập vạn ức Phật?" Cố vân thử nãi sanh Tây Phương dĩ, kiến Phật, văn pháp, đắc Vô Sanh Nhẫn dĩ hậu sự, phi kim vị sanh Tây Phương chi phàm phu tức năng dã. Kiến noãn nhi cầu thời dạ giả,

Trang Tử vân: "Thả nhữ diệc thái tảo kế, kiến noãn nhi cầu thời dạ, kiến đạn nhi cầu hào chá". Thời dạ, kê dã. Kiến noãn nhi tức vọng kỳ báo hiểu, thậm ngôn dục tốc chi cực dã.

(鈔)恐有難言：十方世界皆有淨土，何為獨示西方，教生彼國？良繇道以多歧亡羊，射以專注中鵠。心無二用，功戒雜施。上都儀云：歸命三寶，要指方立相，住心取境，以凡夫繫心，尚乃不得，況離相耶？若夫遍供十方諸佛，還國猶在食時，是生西方以後事，所謂見卵而求時夜，何太早計乎？

(演)多歧亡羊者，列子載楊子之鄰人亡羊，既率其黨，又請楊子之豎子共追之。楊子曰：一羊何追者之眾？曰：多歧路故。已而返，竟不得羊。曰：岐路之中，又岐路焉！不知所之故也。故曰：大道以多岐亡羊；學者以多方喪生。專指中鵠者，鵠，皮革之的也。射侯用皮，其中畫鵠以為的。若夫遍供十方者，恐有難云：既云指方，立相，住心，取境，何故經中又云供養他方十萬億佛？故云此乃生西方已，見佛聞法，得無生忍以後事，非今未生西方之凡夫即能也。見卵而求時夜者，莊子云：且汝亦太早計，見卵而求時夜，見彈而求鴞炙。時夜，雞也。見卵而即望其報曉，甚言欲速之極也。

*(**Sao**: Sợ có kẻ cật vấn: "Mười phương thế giới đều có Tịnh Độ, cớ sao riêng chỉ bày Tây Phương, dạy sanh về cõi ấy?" Ấy là vì đường lắm ngõ rẽ sẽ mất dê, bắn cung phải chuyên chú bắn trúng hồng tâm. Tâm không sử dụng vào hai việc, ngăn dè đừng làm nhiều chuyện một lúc. Thượng Đô Nghi nói: "Quy mạng Tam Bảo, phải chỉ phương, lập tướng, trụ tâm bằng cách giữ lấy cảnh, vì phàm phu chuyên tâm vào một cảnh mà còn chưa làm được, huống hồ lìa tướng [mà hòng đạt được tâm bất loạn ư]?" Còn những chuyện như "cúng dường trọn khắp mười phương chư Phật, trở về cõi ấy trong khoảng bữa ăn" là chuyện sau khi đã sanh về Tây Phương. Đó gọi là thấy trứng bèn mong gà, há chẳng phải là tính toán quá sớm ư?*

***Diễn**: "Lắm ngõ rẽ sẽ mất dê": Sách Liệt Tử chép hàng xóm của Dương Tử mất dê, đã sai người của mình [đi kiếm], lại nhờ đứa bé con*

của Dương Tử cùng đi kiếm. Dương Tử hỏi: "Mất một con dê sao lắm người đi kiếm thế?" Đáp: "Vì có nhiều ngõ rẽ". Đi tìm xong trở lại, trọn chẳng tìm thấy dê, họ nói: "Trong đường rẽ lại có ngõ rẽ, chẳng biết đi theo lối nào!" Vì thế nói: "Đại đạo do lắm ngõ rẽ mà mất dê, người học do lắm phương cách mà phí uổng một đời".

"Chuyên chú bắn trúng hồng tâm": Hồng tâm (cốc) là cái đích ngắm bằng da thuộc. Khi bắn bèn dùng da, ở giữa vẽ con chim hộc để làm đích ngắm, [nên gọi là Cốc]. "Còn như cúng trọn khắp mười phương": Sợ có kẻ bắt bẻ: "Đã nói là chỉ phương, lập tướng, trụ tâm giữ lấy cảnh, cớ sao trong kinh lại nói mười vạn ức Phật ở các phương khác?" Vì thế nói: Đó là chuyện sau khi đã sanh về Tây Phương. Thấy Phật, nghe pháp, đắc Vô Sanh Nhẫn, chẳng phải là chuyện phàm phu có thể làm ngay trong lúc chưa sanh về Tây Phương như trong hiện thời! "Thấy trứng bèn cầu gà": Trang Tử nói: "Ông cũng lo toan quá sớm! Thấy trứng bèn cầu gà, thấy đạn bèn mong chả cú nướng". "Thời dạ" là gà. Thấy trứng bèn mong nó sẽ [nở ngay thành gà] gáy báo sáng, [nói như vậy] nhằm diễn tả lòng mong gấp đạt được quá lố).

(Sao) Hựu vấn: "Nhiên tắc Hoa Nghiêm hà dĩ phổ lễ sát trần Như Lai?" Đáp: Hoa Nghiêm nhất tức thị đa, đa tức thị nhất. Nhược tri thử nghĩa, hoặc phổ, hoặc thiên, thường dị, thường đồng, vô túc nghi dã! Vô khổ hữu lạc, tường kiến hậu văn. Hựu, Tùy Nguyện Vãng Sanh Kinh ngôn: "Phật quốc vô lượng, chuyên cầu Cực Lạc giả hà? Nhất, dĩ nhân thắng. Thập niệm vi nhân, tức đắc vãng sanh cố. Nhị, dĩ duyên thắng. Tứ thập bát nguyện, phổ độ chúng sanh cố".

(Diễn) Hựu vấn hạ, nhiên tắc Hoa Nghiêm "nhất thân phục hiện sát trần thân, nhất nhất biến lễ sát trần Phật"; thử phi sanh Tây Phương dĩ hậu sự, hà bất trụ tâm thủ cảnh da? Đáp trung, ước nhất đa tương tức đáp, tức Thập Huyền Môn trung nhất đa tương tức tự tại môn. Dĩ nhất vô thể, toàn pháp giới vi thể, pháp giới chi ngoại, vô hữu thừa pháp, cố nhất tức đa. Dĩ đa vọng nhất diệc nhiên, cố nhất đa tương tức. Hoặc phổ, hoặc thiên, thường dị, thường đồng giả, biến lễ trần sát, viết hoặc phổ. Duy niệm nhất Phật, viết hoặc thiên. Hoặc thiên, hoặc phổ, viết thường dị. Nhất đa tương tức, viết thường đồng.

(鈔)又問：然則華嚴何以普禮剎塵如來？答：華嚴一即是多，多即是一。若知此義，或普或偏，常異常同，無足疑也！無苦有樂，詳見後文。又，隨願往生經言：佛國

無量，專求極樂者何？一、以因勝。十念為因，即得往生故。二、以緣勝。四十八願，普度眾生故。

(演)又問下，然則華嚴一身復現剎塵身，一一遍禮剎塵佛；此非生西方已後事，何不住心取境耶？答中，約一多相即答，即十玄門中一多相即自在門。以一無體，全法界為體，法界之外，無有剩法，故一即多。以多望一亦然，故一多相即。或普，或偏，常異，常同者，遍禮剎塵，曰或普。唯念一佛，曰或偏。或偏，或普，曰常異。一多相即，曰常同。

*(**Sao**: Lại hỏi: "Vậy thì vì sao kinh Hoa Nghiêm nói lễ trọn khắp các đức Như Lai nhiều như số lượng vi trần trong cõi nước?" Đáp: Kinh Hoa Nghiêm "một chính là nhiều, nhiều chính là một". Nếu biết nghĩa này, hoặc trọn khắp, hoặc thiên trọng [một vị Phật], thường khác nhau, thường giống nhau, chẳng có gì đáng để ngờ vực! "Không khổ, chỉ có vui" sẽ được giải thích cặn kẽ trong phần sau. Lại nữa, kinh Tùy Nguyện Vãng Sanh nói: "Cõi Phật vô lượng, vì sao chuyên cầu [vãng sanh] Cực Lạc? Một, do nhân thù thắng, mười niệm làm nhân liền được vãng sanh. Hai là duyên thù thắng, vì bốn mươi tám nguyện phổ độ chúng sanh".*

***Diễn**: Từ chữ "lại hỏi" trở đi, vậy thì "một thân lại hiện thân nhiều như số vi trần trong một cõi nước, mỗi thân lễ trọn khắp chư Phật nhiều như số vi trần trong một cõi nước" của kinh Hoa Nghiêm chẳng phải là chuyện sau khi đã sanh về Tây Phương, sao không trụ tâm, giữ lấy cảnh vậy? Lời đáp dùng "một và nhiều chính là lẫn nhau" để đáp, tức là môn "một và nhiều chính là lẫn nhau tự tại" trong mười huyền môn. Do một không có Thể, toàn bộ pháp giới làm Thể, ngoài pháp giới không có một pháp nào thừa sót; vì thế, một chính là nhiều. Dùng nhiều để xét một thì cũng giống như vậy. "Hoặc trọn khắp, hoặc thiên trọng, thường khác, thường giống": Lễ khắp các cõi số lượng nhiều như vi trần thì nói là "hoặc trọn khắp". Chỉ niệm một vị Phật thì nói là "hoặc thiên trọng". Do hoặc là thiên trọng, hoặc là trọn khắp nên nói là "thường khác". Một và nhiều chính là lẫn nhau, nên nói là "thường giống nhau").*

(Sớ) Vấn: Quán Kinh vân: "Cực Lạc bất viễn", kim ngôn thập vạn ức độ, nhị kinh viễn cận, hà dĩ bất đồng? Đáp: Dĩ thị tức viễn chi

cận, tức cận chi viễn cố. Nhược y Phật Địa, tắc Tịnh Độ viễn cận, bất khả tư nghị.

(Diễn) Tức viễn chi cận, chỉ Quán Kinh. Tức cận chi viễn, chỉ kim kinh. Thử do thị dĩ phàm tình tư nghị.

(疏)問：觀經云：極樂不遠，今言十萬億土，二經遠近，何以不同？答：以是即遠之近，即近之遠故。若依佛地，則淨土遠近，不可思議。

(演)即遠之近，指觀經。即近之遠，指今經。此猶是以凡情思議。

*(**Sớ**: Hỏi: Quán Kinh nói "Cực Lạc chẳng xa", nay [kinh này] nói "[cách đây] mười vạn ức cõi". Vì sao hai kinh nói [khoảng cách] xa, gần khác nhau? Đáp: Do gần là so với nơi xa, xa là so với nơi gần. Nếu xét theo luận Phật Địa thì Tịnh Độ xa hay gần [cũng đều] chẳng thể nghĩ bàn.*

***Diễn**: "Gần là so với nơi xa" là nói đến Quán Kinh, "xa là so với nơi gần" là nói đến kinh này. Đấy vẫn là do dùng tình kiến của phàm phu để nghĩ bàn!)*

(Sao) Khứ thử bất viễn giả, Quán Kinh vân: "Nhĩ thời, Phật cáo Vy Đề Hy ngôn, nhữ kim tri phủ? A Di Đà Phật khứ thử bất viễn". Kim vị "tức viễn, tức cận" giả, lương dĩ khứ thử bất viễn, thị minh quá thập vạn ức chi Cực Lạc, khứ thử bất viễn dã. Quá thập vạn ức, thị minh khứ thử bất viễn chi Cực Lạc, quá thập vạn ức dã. Tâm bao pháp giới, hà cận nhi phi viễn? Pháp giới duy tâm, hà viễn nhi phi cận? Giao hỗ ngôn chi, cố vô ngại dã.

(Diễn) Lương dĩ khứ thử hạ, ngôn Quán Kinh chi khứ thử bất viễn, thị minh thử kinh quá thập vạn ức chi Cực Lạc, khứ thử bất viễn dã. Thử kinh quá thập vạn ức, thị minh Quán Kinh khứ thử bất viễn chi Cực Lạc, yếu quá thập vạn ức dã. Tâm bao hạ, xuất sở dĩ. Tâm giả, bất ly đương xứ, cận dã. Pháp giới quảng vô biên nhai, viễn dã. Kim tắc tâm bao pháp giới, hà cận nhi phi viễn? Cố vân thử bất viễn chi Cực Lạc, thật quá thập vạn ức độ. Pháp giới duy tâm, hà viễn nhi phi cận? Cố vân quá thập vạn ức chi độ, thật khứ thử bất viễn dã.

(鈔)去此不遠者，觀經云：爾時，佛告韋提希言，汝今知否？阿彌陀佛去此不遠。今謂即遠即近者，良以去此不遠，是明過十萬億之極樂，去此不遠也。過十萬億，是

明去此不遠之極樂，過十萬億也。心包法界，何近而非遠？法界唯心，何遠而非近？交互言之，固無礙也。

(演)良以去此下，言觀經之去此不遠，是明此經過十萬億之極樂，去此不遠也。此經過十萬億，是明觀經去此不遠之極樂，要過十萬億也。心包下，出所以。心者，不離當處，近也。法界廣無邊涯，遠也。今則心包法界，何近而非遠？故云此不遠之極樂，實過十萬億土。法界唯心，何遠而非近？故云過十萬億之土，實去此不遠也。

*(**Sao**: "Cách đây chẳng xa": Quán Kinh chép: "Khi ấy, đức Phật bảo bà Vy Đề Hy: - Nay bà có biết hay chăng? A Di Đà Phật cách đây chẳng xa". Nay nói "gần chính là xa, xa chính là gần" là vì [Quán Kinh nói] "cách đây chẳng xa" nhằm nói rõ Cực Lạc cách [Sa Bà chỉ có] mười vạn ức cõi, [tức là so với các thế giới khác trong Hoa Tạng, hoặc vô lượng thế giới hải, sẽ thấy Cực Lạc] cách nơi đây chẳng xa! "Qua khỏi mười vạn ức" là nói cõi Cực Lạc cách cõi này chẳng xa, [tức là chỉ cách Sa Bà] mười vạn ức cõi Phật. Tâm bao trùm pháp giới có gì là gần, mà chẳng phải là xa? Pháp giới duy tâm, há có gì là xa, chẳng gần? Do nói đắp đổi lẫn nhau, cho nên vô ngại.*

***Diễn**: Từ câu "ấy là vì" trở đi, nói rõ "cách đây chẳng xa" trong Quán Kinh chính là nói cõi Cực Lạc ở ngoài mười vạn ức cõi trong kinh này cách đây chẳng xa. Cõi ở ngoài mười vạn ức trong kinh này chính là nói rõ [để đến được] cõi Cực Lạc "cách đây chẳng xa" trong Quán Kinh thì phải đi qua mười vạn ức quốc độ. Từ chữ "tâm bao" trở đi là nêu nguyên do. Tâm chẳng lìa ngay nơi đây, tức là gần. Pháp giới rộng không bờ bến, tức là xa. Nay tâm bao pháp giới, có gì là gần mà chẳng xa? Do vậy nói "cõi này cách Cực Lạc chẳng xa", thật ra, phải đi qua mười vạn ức quốc độ. Pháp giới duy tâm, có gì là xa mà chẳng phải là gần? Vì thế nói "qua khỏi mười vạn ức quốc độ" thật sự là cách đây chẳng xa!)*

(Sao) Bất khả tư nghị giả, Phật Địa Luận vân: "Như thị Tịnh Độ, siêu quá tam giới sở hành chi xứ", vi dữ tam giới đồng nhất xứ sở, vi các biệt da? Đáp vân: Hữu thuyết tại Tịnh Cư Thiên, hữu thuyết tại Tây Phương đẳng. Nhiên diệc châu viên vô tế, biến pháp giới cố, bất khả thuyết ngôn ly tam giới xử, tức tam giới xử. Đản tùy Bồ Tát sở nghi hiện giả, hoặc tại Tịnh Cư, hoặc Tây Phương đẳng, tắc tri Cực Lạc Tịnh Độ,

siêu xuất thường tình, phi phương, bất phương, vô tại, bất tại, vị khả khái dĩ Đồng Cư nhi vi định luận.

(Diễn) Siêu quá tam giới sở hành chi xứ giả, thử tam giới thị sanh tử xứ, thị bố úy xứ, thị hiểm ác xứ. Kim sở vân siêu, vị dữ tam giới đồng nhất xứ sở ngôn siêu da? Dữ tam giới các biệt xứ sở ngôn siêu da? Bất khả thuyết ngôn ly tam giới, tức tam giới giả, nhược ly tam giới tắc nhiễm tịnh cách biệt. Cách biệt, tắc tịnh nhi bất biến. Nhược tức tam giới, tắc nhiễm tịnh bất phân. Bất phân, tắc biến nhi bất tịnh. Phi phương, bất phương, vô tại bất tại giả, bất tức, bất ly, phi phương dã. Hoặc tại Tịnh Cư, hoặc tại Tây Phương, phi bất phương dã. Hựu bất tức, bất ly, vô tại dã. Hoặc tại Tịnh Cư, hoặc tại Tây Phương đẳng, vô bất tại dã. Vị khả khái dĩ Đồng Cư nhi vi định luận giả, dĩ tiền vấn nhị kinh viễn cận, hà dĩ bất đồng? Thị khái dĩ Đồng Cư nhi vi định luận dã.

(鈔)不可思議者，佛地論云：如是淨土，超過三界所行之處，為與三界同一處所，為各別耶？答云：有說在淨居天，有說在西方等。然亦周圓無際，遍法界故，不可說言離三界處，即三界處。但隨菩薩所宜現者，或在淨居，或西方等，則知極樂淨土，超出常情，非方不方，無在不在，未可概以同居而為定論。

(演)超過三界所行之處者，此三界是生死處，是怖畏處，是險惡處。今所云超，為與三界同一處所言超耶？與三界各別處所言超耶？不可說言離三界，即三界者，若離三界則染淨隔別。隔別，則淨而不遍。若即三界，則染淨不分。不分，則遍而不淨。非方不方無在不在者，不即不離非方也。或在淨居，或在西方，非不方也。又不即不離無在也。或在淨居，或在西方等，無不在也。未可概以同居而為定論者，以前問二經遠近　，何以不同？是概以同居而為定論也。

*(**Sao**: "Chẳng thể nghĩ bàn": Phật Địa Luận nói: "Tịnh Độ như thế vượt khỏi chỗ sở hành của tam giới", [như vậy thì Tịnh Độ] ở cùng một chỗ với tam giới, hay là khác biệt? Đáp rằng: Có người nói ở trong cõi trời Tịnh Cư, có người nói ở Tây Phương v.v... Nhưng [Tịnh Độ] cũng là trọn khắp viên mãn, không ngằn mé, trọn khắp pháp giới, cho nên chẳng*

thể nói là "lìa tam giới" hay "ở ngay trong tam giới". Chỉ tùy thuận Bồ Tát nên hiện như thế nào, [mà Tịnh Độ] hoặc là ở Tịnh Cư, hoặc ở Tây Phương v.v... Vì thế biết Cực Lạc Tịnh Độ vượt trội thường tình, chẳng phải là có nơi chốn, chẳng phải là không có nơi chốn, chẳng phải không ở đó, chẳng phải là không có ở đó, chẳng thể nhất loạt dùng cõi Đồng Cư để định luận được!

***Diễn**: "Vượt khỏi chỗ sở hành của tam giới": Tam giới là chốn sanh tử, là chỗ kinh sợ, là chỗ hiểm ác. Nay nói là "vượt khỏi" thì là do cùng một chỗ với tam giới mà nói là vượt khỏi? Hay là ở chỗ khác biệt với tam giới mà nói là "vượt khỏi"?*

"Chẳng thể nói là lìa tam giới, hay ở ngay trong tam giới": Nếu lìa khỏi tam giới thì nhiễm và tịnh cách biệt. Cách biệt thì sẽ tịnh mà chẳng trọn khắp. Nếu là ở ngay trong tam giới thì nhiễm và tịnh chẳng cách biệt. Chẳng cách biệt thì là trọn khắp nhưng chẳng tịnh. "Chẳng phải là có nơi chốn, chẳng phải là không có nơi chốn, chẳng tồn tại, chẳng phải là không tồn tại": Chẳng phải chính là, chẳng phải lìa khỏi; đấy chính là chẳng phải có nơi chốn. "Hoặc ở trời Tịnh Cư, hoặc tại Tây Phương...": Chẳng phải là không có nơi chốn. Lại nữa, "chẳng phải chính là, chẳng phải lìa khỏi" thì chính là không ở đó. "Hoặc ở Tịnh Cư, hoặc ở Tây Phương": Chẳng phải là không ở đó. "Chưa thể dùng Đồng Cư để nhất loạt luận định được": So với câu hỏi về xa và gần giữa hai kinh trong phần trước thì có gì khác nhau? [Sở dĩ có thắc mắc này] là vì [người hỏi] đã nhất loạt dùng cõi Đồng Cư để định luận vậy).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh kiên cố thanh tịnh, thị Tây Phương nghĩa. Tự tánh ly chướng tuyệt phi, thị "quá thập vạn" nghĩa. Tự tánh hoành cai thụ triệt, thị "thế giới" nghĩa.

(Diễn) Thị thế giới nghĩa giả, thế vi thiên lưu, hữu thụ nghĩa. Giới vi phương vị, hữu hoành nghĩa cố.

(疏)稱理，則自性堅固清淨 ，是西方義 。自性離障絕非，是過十萬義。自性橫該豎徹，是世界義。

(演)是世界義者，世為遷流，有豎義。界為方位，有橫義故。

*(**Sớ**: Xứng Lý, tự tánh kiên cố thanh tịnh là ý nghĩa của Tây Phương. Tự tánh ly chướng tuyệt phi là ý nghĩa "qua khỏi mười vạn". Tự tánh theo chiều ngang trọn khắp, theo chiều dọc thấu triệt là ý nghĩa "thế giới".*

***Diễn**: "Là ý nghĩa thế giới": Thế là dời chuyển, có ý nghĩa theo chiều dọc. Giới là phương hướng, nơi chốn, nó có ý nghĩa theo chiều ngang).*

(Sao) Kiên cố giả, Tây thuộc Kim thể, hữu kiên cố nghĩa, tức tự tánh chân thường bất dịch, vạn cổ như như cố. Thanh tịnh giả, phục hữu nhị nghĩa: Tây đương túc khí, hữu trừng thanh nghĩa, tức tự tánh chư vọng bổn không, thể lộ kim phong cố. Tây đương bạch sắc, hữu khiết tịnh nghĩa, tức tự tánh chư nhiễm bất sanh, bổn lai nhất sắc cố.

(Diễn) Tây thuộc kim thể giả, dĩ Ngũ Hành phối chi, tắc Tây Phương Canh Tân Kim. Tây đương túc khí giả, dĩ tứ thời phối chi, Tây vi Thu, hữu túc sát chi khí cố. Tây đương bạch sắc giả, dĩ Ngũ Sắc phối chi, Tây vi bạch dã. Thể lộ Kim phong giả, Tăng vấn Vân Môn: "Thụ điêu diệp lạc thời, như hà?" Môn vân: "Thể lộ kim phong".

(鈔)堅固者，西屬金體，有堅固義，即自性真常不易，萬古如如故。清淨者，復有二義：西當肅氣，有澄清義，即自性諸妄本空，體露金風故。西當白色，有潔淨義，即自性諸染不生，本來一色故。

(演)西屬金體者，以五行配之，則西方庚辛金。西當肅氣者，以四時配之，西為秋，有肅殺之氣故。西當白色者，以五色配之，西為白也。體露金風者，僧問雲門：樹凋葉落時：如何？門云：體露金風。

*(**Sao**: "Kiên cố": Phương Tây thuộc về Kim thể, có ý nghĩa kiên cố; tức là tự tánh chân thường, chẳng thay đổi, muôn đời như như. "Thanh tịnh" lại có hai nghĩa: Phương Tây có khí phận nghiêm ngặt, và có ý nghĩa trong lặng; tức là tự tánh vốn không có các vọng, bản thể được biểu lộ bằng gió Tây. Phương Tây màu trắng, mang ý nghĩa khiết tịnh, tức là tự tánh chẳng sanh các nhiễm, vì vốn là một sắc.*

***Diễn**: "Tây thuộc về Kim thể": Dùng Ngũ Hành để phối ứng, Tây Phương Canh Tân thuộc hành Kim. "Phương Tây có khí phận nghiêm ngặt": Dùng bốn mùa để phối ứng, Tây là mùa Thu, có khí phận nghiêm ngặt khiến cho cây cỏ xơ xác. "Phương Tây màu trắng": Dùng năm màu để phối ứng thì phương Tây [thuộc hành Kim], cho nên phương Tây có màu trắng (màu của hành Kim). "Thể lộ kim phong": Một vị Tăng hỏi*

ngài Vân Môn: "Khi cây xơ xác lá rụng thì như thế nào?" Ngài Vân Môn đáp: "Bản thể biểu lộ gió Tây").

(Sao) Ly chướng tuyệt phi giả, tự tánh bổn vô phiền não, như Thập Khổ, Thập Ác, Thập Triền, Thập Sử đẳng, tịnh siêu việt chi, hữu viễn quá nghĩa. Thị tri kiên tịnh vi Tây, phương tận Tây hỹ. Khởi tất chuyên tiêu nhật lạc, huýnh tuyệt vi "quá", vô phất quá hỹ! Thùy năng cánh kế đồ trình, hoành cắng thập phương, thụ cùng tam tế, phi cận, phi viễn, tuyệt trung, tuyệt biên. Tắc tùng thị quá bất khả thuyết bất khả thuyết vi trần Phật độ, vô thế giới bất danh Cực Lạc, hà đản hữu thế giới danh vi Cực Lạc dã!

(Diễn) Thập Khổ giả, sanh, lão, bệnh, tử, sầu, oán, ưu, khổ thọ, thống não, sanh tử lưu chuyển. Thập Ác giả, tức thân tam, khẩu tứ, ý tam ác nghiệp. Thập Triền giả, sân, phú, thùy, miên, hý, điệu, xan, tật, vô tàm, vô quý. Chú vân phẫn khuể viết sân, ẩn phú tự tội viết phú, ý thức hôn mê viết thùy, ngũ tình ám minh viết miên, hy du viết hý, tam nghiệp thao động viết điệu, tài pháp bất năng huệ thí viết xan, tha vinh tâm sanh nhiệt não viết tật, bình xứ khởi tội bất tự tu viết vô tàm, lộ xứ khởi tội bất tu tha viết vô quý. Thập Sử giả, tức ngũ lợi, ngũ độn. Ngũ độn giả, tham, sân, si, mạn, nghi. Ngũ lợi giả, thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ. Kiên tịnh vi Tây giả, Hoa Nghiêm đồng tử Nam tuân. Cổ vân: "Minh chánh vi Nam, phương tận Nam hỹ!"

(鈔)離障絕非者，自性本無煩惱，如十苦，十惡，十纏，十使等，並超越之，有遠過義。是知堅淨為西，方盡西矣。豈必專標日落，迥絕為過，無弗過矣！誰能更計途程，橫亙十方，豎窮三際，非近非遠，絕中絕邊。則從是過不可說不可說微塵佛土，無世界不名極樂，何但有世界名為極樂也！

(演)十苦者，生，老，病，死，愁，怨，憂，苦受，痛惱，生死流轉。十惡者，即身三，口四，意三惡業。十纏者，瞋，覆，睡，眠，戲，掉，慳，嫉，無慚，無愧。註云忿恚曰瞋，隱覆自罪曰覆，意識昏迷曰睡，五情暗冥曰眠，嬉游曰戲，三業躁動曰掉，財法不能惠施曰慳，他榮心生熱惱曰嫉，屏處起罪不自羞曰無慚，露處起罪不羞

他曰無愧。十使者，即五利，五鈍。五鈍者，貪，瞋，癡，慢，疑。五利者，身見，邊見，邪見，見取，戒取。堅淨為西者，華嚴童子南詢。古云：明正為南，力盡南矣！

*(**Sao**: "Ly chướng, tuyệt phi": Tự tánh vốn chẳng có phiền não, như Thập Khổ, Thập Ác, Thập Triền, Thập Sử v.v... đều vượt thoát, cho nên có ý nghĩa "vượt xa". Nên biết "cứng chắc, trong sạch" là phương Tây thì mới là trọn hết ý nghĩa của chữ Tây vậy. Há có phải chỉ riêng nói về chốn xa xôi vời vợi phía mặt trời lặn mới là "vượt qua" hoặc không vượt qua? Ai có thể tính toán hành trình theo chiều ngang trải khắp mười phương, theo chiều dọc tột cùng ba đời, chẳng gần, chẳng xa, chẳng phải chính giữa, chẳng phải bên cạnh. Vì thế, vượt qua bất khả thuyết bất khả thuyết vi trần cõi Phật, chẳng có thế giới nào không gọi là Cực Lạc, há nào phải chỉ có một thế giới tên là Cực Lạc mà thôi?*

***Diễn**: Thập Khổ: Sanh, lão, bệnh, tử, sầu, oán, ưu (lo âu), khổ thọ (cảm giác đau khổ), thống não (đau đớn áo não), sanh tử lưu chuyển. Thập Ác tức ba điều nơi thân (giết, trộm, dâm), bốn điều nơi miệng (nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói lời thô ác), ba ác nghiệp nơi ý (tham, sân, si). Thập Triền: Sân, phú, thùy, miên, hý, điệu, xan, tật, vô tàm, vô quý. Chú thích: Tức giận là Sân, che giấu tội của chính mình là Phú, ý thức tối tăm là Thùy, năm tình kiến u tối là Miên, đùa bỡn là Hý, ba nghiệp lao chao là Điệu, tài hay pháp đều chẳng thể bố thí rộng rãi là Xan (keo kiệt), thấy người ta vinh hiển liền sanh lòng khó chịu là Tật (ganh ghét), tạo tội ở chỗ kín đáo, chẳng tự xấu hổ là Vô Tàm, tạo tội ở nơi lộ liễu, chẳng xấu hổ với người khác là Vô Quý. Thập Sử, tức ngũ lợi sử và ngũ độn sử. Ngũ độn là tham, sân, si, mạn, nghi; ngũ lợi là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, và giới thủ. "Cứng chắc, trong sạch là Tây": Trong kinh Hoa Nghiêm, [Thiện Tài] đồng tử đi về phương Nam. Cổ nhân nói: "Sáng suốt, chánh đáng là phương Nam thì mới là trọn hết ý nghĩa của phương Nam").*

Nhị, tiêu chủ hiển chánh.

(Kinh) Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp.

(Sớ) Kỳ giả, thừa thượng. Độ tất hữu nhân, chỉ năng y chi nhân, viết Phật. Phật tất hữu hiệu, xuất bổn Phật chi hiệu, viết A Di Đà. Tam thế giai hữu Phật, giản quá vị chi Phật, viết hiện tại Phật. Phật giai độ sanh, chỉ độ sanh chi quỹ, viết thuyết pháp. Hiện tại thuyết pháp, như Đại Bổn cập Đại Vân trung thuyết.

(Diễn) Thích hiện tại văn trung hữu tam nghĩa: Sơ tiết, dẫn Đại Bổn, Đại Vân, minh Thích Ca thuyết pháp thời chi hiện tại. Thứ tiết, vân Thích Da, Di Đà, quân danh hiện tại, nhi tiểu bất đồng, minh tức kim thử thời chi hiện tại. Hậu nhất tiết, minh hậu hậu vô tận, chỉ tận vị lai vi hiện tại.

二、標主顯正。

(經)其土有佛，號阿彌陀，今現在說法。

(疏)其者，承上。土必有人，指能依之人，曰佛。佛必有號，出本佛之號，曰阿彌陀。三世皆有佛，揀過未之佛，曰現在佛。佛皆度生，指度生之軌，曰說法。現在說法，如大本及大雲中說。

(演)釋現在文中有三義：初節、引大本大雲，明釋迦說法時之現在。次節、云釋迦彌陀，均名現在，而小不同，明即今此時之現在。後一節、明後後無盡，指盡未來為現在。

(Hai, nêu Chủ để hiển chánh báo.

***Kinh**: Cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà, nay đang thuyết pháp.*

***Sớ**: Chữ "kỳ" nhằm tiếp nối phần trước. Cõi nước ắt có người, chỉ người năng y là Phật. Phật ắt có hiệu, nêu ra đức hiệu của vị Phật trong cõi ấy là A Di Đà. Ba đời đều có Phật, nhằm phân biệt với các vị Phật quá khứ và vị lai, nên nói là "hiện tại Phật". Mỗi vị Phật đều độ sanh, khuôn phép độ sanh được gọi là "thuyết pháp". "Hiện tại thuyết pháp" là như trong kinh Đại Bổn và Đại Vân đã nói.*

***Diễn**: Trong phần giải thích về hiện tại có ba nghĩa: Tiết thứ nhất là trích dẫn kinh Đại Bổn và kinh Đại Vân, nói rõ thời đức Phật Thích Ca thuyết pháp là thời hiện tại. Tiết kế tiếp nói Thích Ca và Di Đà đều là hiện tại, nhưng có sai khác đôi chút, nói rõ thời lúc này là thời hiện tại. Tiết sau cùng là nói vô tận về sau, chỉ ra tột cùng đời vị lai vẫn là hiện tại).*

(Sao) Đại Bổn vân: "Bỉ Phật phi quá khứ, phi hiện tại, phi vị lai, đản dĩ thù kỳ chí nguyện, hiện tại Tây Phương, kỳ thế giới danh viết Cực Lạc, Phật hiệu A Di Đà". Đại Vân giả, Đại Phương Đẳng Đại Vân kinh vân: "Nhĩ thời Thế Tôn, hy di vi tiếu, tùng kỳ diện môn, xuất vô lượng quang. Đại Vân Mật Tạng Bồ Tát vấn cố. Phật ngôn: - Tây Phương thế giới, hữu quốc danh An Lạc, Phật hiệu Vô Lượng Thọ,

hiện tại thuyết pháp, cáo nhất Bồ Tát ngôn: 'Sa Bà thế giới Thích Ca Mâu Ni Phật, kim thuyết Đại Vân kinh, nhữ khả vãng thính', kim bỉ Bồ Tát tương lai chí thử"; tắc chánh đương Thích Ca thuyết pháp thời, Di Đà diệc tại bỉ thuyết pháp. Cố tri phi quá, phi vị, hiện tại thuyết pháp.

(Diễn) Phi quá khứ, hiện tại, vị lai giả, dĩ quá khứ vô thỉ, vị lai vô chung, hiện tại bất trụ cố dã.

(鈔)大本云：彼佛非過去，非現在，非未來，但以酬其志願，現在西方，其世界名曰極樂，佛號阿彌陀。大雲者，大方等大雲經云：爾時世尊，熙怡微笑，從其面門，出無量光。大雲密藏菩薩問故。佛言：西方世界，有國名安樂，佛號無量壽，現在說法，告一菩薩言：娑婆世界釋迦牟尼佛，今說大雲經，汝可往聽，今彼菩薩將來至此；則正當釋迦說法時，彌陀亦在彼說法。故知非過非未，現在說法。

(演)非過去，現在，未來者，以過去無始，未來無終，現在不住故也。

*(**Sao**: Kinh Đại Bổn chép: "Đức Phật ấy chẳng phải là quá khứ, chẳng phải là hiện tại, chẳng phải là vị lai, chỉ vì đền đáp chí nguyện, mà hiện thời ở bên Tây Phương. Thế giới ấy tên là Cực Lạc, Phật hiệu là A Di Đà". "Đại Vân": Kinh Đại Phương Đẳng Đại Vân chép: "Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn hoan hỷ mỉm cười, từ khuôn mặt tỏa ra vô lượng ánh sáng. Đại Vân Mật Tạng Bồ Tát hỏi nguyên do, đức Phật nói: "Thế giới ở phương Tây có một cõi tên là An Lạc, Phật hiệu là Vô Lượng Thọ nay đang thuyết pháp, bảo một vị Bồ Tát rằng: 'Trong thế giới Sa Bà, Thích Ca Mâu Ni Phật nay đang nói kinh Đại Vân, ông có thể đến đó nghe'. Nay vị Bồ Tát đó sắp đến nơi đây". Có nghĩa là trong khi Phật Thích Ca thuyết pháp, Phật Di Đà cũng đang thuyết pháp bên đó, cho nên biết chẳng phải là thuyết pháp trong quá khứ, hay trong tương lai, mà là thuyết pháp trong hiện tại.*

***Diễn**: "Chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai": Do quá khứ không có khởi đầu, vị lai không có kết thúc, hiện tại chẳng dừng).*

(Sớ) Phàm ngôn hiện tại, phục hữu nhị nghĩa, như Thích Ca, Di Đà, quân danh hiện tại, nhi tiểu bất đồng.

(Diễn) Phục hữu nhị nghĩa giả: Nhất, thị hiện tại. Nhị, thị hiện tại chi hiện tại, như niệm Phật vi kính lộ, nhi trì danh hựu kính trung chi kính dã.

(疏)凡言現在，復有二義，如釋迦，彌陀，均名現在，而小不同。

(演)復有二義者：一、是現在。二、是現在之現在，如念佛為徑路，而持名又徑中之徑也。

*(**Sớ**: Phàm nói là "hiện tại", lại có hai nghĩa, như Thích Ca và Di Đà đều gọi là "hiện tại", nhưng có chút khác biệt.*

***Diễn**: Lại có hai nghĩa: Một là hiện tại, hai là hiện tại của hiện tại, như niệm Phật là đường tắt, mà trì danh lại là đường tắt hơn trong các con đường tắt).*

(Sao) Tiểu bất đồng giả, Thích Ca Hiền Kiếp tứ Phật, thị danh hiện tại, nhi Song Lâm thị diệt, tướng hảo nan thân, đồ ngưỡng gia danh, cẩn tồn Tượng Giáo. A Di Đà Phật, tắc kim nhật, kim thời, chánh ư bỉ quốc, hiện tại thuyết pháp, thị Thích Ca hiện tại chi quá khứ, Di Đà hiện tại chi hiện tại dã. Cổ nhân vân: "Phật tại thế thời, ngã trầm luân. Kim đắc nhân thân, Phật diệt độ. Áo não tự thân đa nghiệp chướng, bất kiến Như Lai kim sắc thân". Cảm mộ thương ta, nhất chí ư thử. Kim Thích Ca tuy diệt, Di Đà hiện tồn, đản đắc vãng sanh, tiện năng thân chá, nhi bất tín, bất nguyện, đồ vi vô ích chi bi, diệc hoặc hỹ!

(鈔)小不同者，釋迦賢劫四佛，是名現在，而雙林示滅，相好難親，徒仰嘉名，僅存像教。阿彌陀佛，則今日今時，正於彼國，現在說法，是釋迦現在之過去，彌陀現在之現在也。古人云：佛在世時，我沉淪。今得人身，佛滅度。懊惱自身多業障，不見如來金色身。感慕傷嗟，一至於此。今釋迦雖滅，彌陀現存，但得往生，便能親炙，而不信不願，徒為無益之悲，亦惑矣！

*(**Sao**: "Chỗ khác nhau nhỏ nhặt": Thích Ca là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp, nên gọi là hiện tại; nhưng Ngài đã thị hiện diệt độ tại Song Lâm, khó thể thân cận tướng hảo, chỉ đành ngưỡng mộ suông danh hiệu cao đẹp, chỉ còn lại Tượng Giáo. A Di Đà Phật là ngay trong hiện thời, ở ngay trong cõi ấy, hiện đang thuyết pháp. [Do đó] Thích Ca là quá khứ của hiện tại, còn Di Đà là hiện tại của hiện tại. Cổ nhân nói: "Lúc Phật*

tại thế, ta trầm luân. Nay được thân người, Phật diệt độ. Áo não thân mình nhiều nghiệp chướng, chẳng thấy Như Lai kim sắc thân". Cảm mộ, than thở bi thương đến mức như thế ấy. Nay tuy Phật Thích Ca diệt độ, Phật Di Đà hiện vẫn còn tại thế, chỉ cần được vãng sanh sẽ được thân cận, nhưng chẳng tin, chẳng nguyện, chỉ buồn rầu suông vô ích, cũng là mê hoặc lắm thay!)

(Sớ) Hựu thử hiện tại, thả cứ Thích Ca đương thời nhi ngôn, thật tắc triệt ư tiền hậu, diệc phục hậu hậu vô tận, giai danh hiện tại.

(Sao) Tiền hậu giả, Thích Ca vị xuất thế tiền, Di Đà diệc hiện tại thuyết pháp. Thích Ca ký diệt độ hậu, Di Đà diệc hiện tại thuyết pháp, nãi chí kim nhật, do vân "hiện tại". Hậu hậu vô tận giả, dĩ Thích Ca thuyết pháp, chỉ ư tứ thập cửu niên. Ca Diếp nhi thượng, Di Lặc nhi hạ, túng niên số đa, diệc hữu hạn lượng, vị nhược Di Đà thuyết pháp, chí vi cửu viễn, chư Phật mạc cập! Thị cố, bất duy kim nhật do danh "hiện tại", hậu hậu vô tận, giai khả danh vi "hiện tại thuyết pháp" dã. Vấn: "Di Đà chi hậu, thứ bổ Quán Âm, an đắc vô tận?" Đáp: Di Đà trụ thế kỷ kiếp, Quán Âm bổ chi, tằng hữu số phủ? Bỉ Quán Âm thượng vân, trụ vô ương số kiếp. Vô ương số kiếp, bất khả phục kế kiếp, bất khả phục kế kiếp, nãi thọ Thế Chí, tắc Di Đà khả tri hỹ! Khởi phi diệc thị hữu tận chi vô tận da? Huống Thế Chí chi bổ Quán Âm, vĩnh vô bát Nê Hoàn thời. Tuy vân Thế Chí, thật Di Đà thuyết pháp vô dị dã; vị chi hậu hậu vô tận, phu hề bất khả!

(Diễn) Tuy vân Thế Chí, thật Di Đà vô dị giả, Quán Kinh Sớ vân: "Bồ Tát cơ vong, Như Lai ứng tức, danh vi Bổ Xứ". Dĩ thập phương tam thế nhất thiết Như Lai đồng nhất Pháp Thân, đồng nhất trí huệ, cánh vô bỉ thử điệt tương kiến, đản do Bồ Tát chi cơ, cảm Như Lai chi ứng. Nhược Bồ Tát vô minh đoạn tận, vô năng cảm chi cơ, Như Lai chi ứng tùy tức hỹ! Như Lai ứng tức, danh vi diệt độ. Bồ Tát cơ vong, danh vi Bổ Xứ. Khởi chân nhất diệt, nhất sanh, phán nhiên lưỡng nhân da? Cố tuy vân Thế Chí, thật nãi Di Đà dã.

(疏)又此現在 ，且據釋迦當時而言 ，實則徹於前後，亦復後後無盡，皆名現在。

(鈔)前後者，釋迦未出世前，彌陀亦現在說法。釋迦既滅度後，彌陀亦現在說法，乃至今日，猶云現在。後後無盡者，以釋迦說法，止於四十九年。迦葉而上，彌勒而

下，縱年數多，亦有限量，未若彌陀說法，至為久遠，諸佛莫及！是故，不唯今日猶名現在，後後無盡，皆可名為現在說法也。問：彌陀之後，次補觀音，安得無盡？答：彌陀住世幾劫，觀音補之，曾有數否！彼觀音尚云，住無央數劫。無央數劫，不可復計劫，不可復計劫，乃授勢至，則彌陀可知矣！豈非亦是有盡之無盡耶？況勢至之補觀音，永無般泥洹時。雖云勢至，實彌陀說法無異也；謂之後後無盡，夫奚不可！

(演)雖云勢至，實彌陀無異者，觀經疏云：菩薩機忘，如來應息，名為補處。以十方三世一切如來同一法身，同一智慧，更無彼此迭相見，但由菩薩之機，感如來之應。若菩薩無明斷盡，無能感之機，如來之應隨息矣！如來應息，名為滅度。菩薩機忘，名為補處。豈真一滅一生，判然兩人耶？故雖云勢至，實乃彌陀也。

*(**Sớ**: Lại nữa "hiện tại" ở đây là nói theo thời Phật Thích Ca, chứ thật ra, [chữ "hiện tại"] xuyên suốt trước sau, lại còn vô tận đời về sau, đều gọi là "hiện tại".*

***Sao**: "Trước sau": Trước khi Phật Thích Ca xuất thế, Phật Di Đà cũng đã hiện tại thuyết pháp, Phật Thích Ca đã diệt độ, Phật Di Đà cũng hiện tại thuyết pháp. Mãi cho đến ngày nay, vẫn nói là "hiện tại".*

"Vô tận đời về sau": Do Phật Thích Ca thuyết pháp chỉ trong bốn mươi chín năm; kể từ Phật Ca Diếp trở về trước, kể từ Phật Di Lặc trở về sau, dẫu số năm [chư Phật thuyết pháp] có nhiều, vẫn là có hạn lượng. Chẳng như Phật Di Đà thuyết pháp tột bậc lâu xa, chư Phật chẳng thể sánh kịp. Vì thế, chẳng phải là hiện thời mới gọi là "hiện tại", mà vô tận về sau này, đều có thể gọi là "hiện tại thuyết pháp" vậy.

Hỏi: "Sau Phật Di Đà, Quán Âm sẽ bổ xứ thành Phật, lẽ đâu là vô tận?" Đáp: Di Đà trụ thế mấy kiếp thì Quán Âm sẽ Bổ Xứ, [kinh có nói rõ] số lượng ấy hay chăng? Đức Quán Âm còn nói sẽ trụ vô ương số kiếp. Vô ương số kiếp, bất khả phục kế kiếp, bất khả phục kế kiếp rồi mới truyền lại cho ngài Thế Chí. Do vậy, [từ những điều đó] có thể suy ra: [Tuổi thọ của] A Di Đà Phật há chẳng phải cũng là vô tận trong hữu tận ư? Huống chi ngài Thế Chí nối ngôi ngài Quán Âm, trọn chẳng có thời gian [không có Phật tại thế sau khi đức Phật trong thời ấy đã] bát Nê Hoàn (Niết Bàn),

[pháp vận trọn chẳng phải trải qua các giai đoạn Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp, Phật trước vừa nhập diệt, Phật sau liền thành Chánh Giác], nên tuy nói là Thế Chí [kế tục Quán Âm thành Phật], nhưng thật ra chẳng khác gì đức Di Đà thuyết pháp. [Vậy thì] nói "vô tận đời về sau [đều gọi là "hiện tại"]" có gì là không được?

***Diễn**: "Tuy nói là Thế Chí, nhưng thật ra chẳng khác Phật Di Đà": Quán Kinh Sớ nói: "Cơ hóa độ của Bồ Tát đã hết, Như Lai thôi ứng hiện, bèn gọi là Bổ Xứ". Do mười phương ba đời hết thảy Như Lai có cùng một Pháp Thân, cùng một trí huệ, trọn chẳng có đây kia trông thấy nhau, chỉ do căn cơ của Bồ Tát cảm ứng Như Lai. Nếu Bồ Tát đã đoạn hết vô minh, sẽ không có căn cơ để có thể cảm, Như Lai bèn thôi ứng hiện. Như Lai thôi ứng hiện thì gọi là "diệt độ". Cơ đáng hóa độ của Bồ Tát không còn thì gọi là Bổ Xứ. Há có phải thật sự là một đằng diệt, một đằng sanh, rành rành có hai người ư? Vì thế "tuy nói là Thế Chí, nhưng thật sự là Di Đà").*

(Sớ) Hựu thử hiện tại, thả cứ Thích Ca đối bỉ nhi ngôn, thật tắc Di Đà hiện tại, tức Thích Ca hiện tại.

(Sao) Trí Giác vân: "Tổng trì giáo trung, thuyết tam thập thất Phật, giai Tỳ Lô Giá Na nhất Phật sở hiện. Vị Giá Na nội tâm, chứng Tự Thọ Dụng, thành ư ngũ trí, tự đương trung ương Pháp Giới Thanh Tịnh Trí. Thứ tùng tứ trí, lưu xuất tứ phương tứ Như Lai. Kỳ Diệu Quán Sát Trí, lưu xuất Tây Phương Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Như Lai, tắc nhất Phật nhi song hiện nhị độ dã". Cố Thanh Lương vân: "Tức Bổn Sư dã".

(Diễn) Trí Giác vân Tổng Trì giáo trung thuyết giả, Tông Kính nhị thập tứ vân: "Thả như Tổng Trì giáo trung, diệc thuyết tam thập thất Phật giai Giá Na nhất Phật sở hiện, vị tùng Đại Viên Kính Trí lưu xuất Đông phương A Súc, Bình Đẳng Tánh Trí lưu xuất Nam phương Bảo Sanh, Diệu Quán Sát Trí lưu xuất Tây phương Vô Lượng Thọ, Thành Sở Tác Trí lưu xuất Bắc phương Bất Không Thành Tựu. Pháp Giới Thanh Tịnh Trí tức tự đương Giá Na". Ngôn tam thập thất giả, ngũ phương Như Lai, các hữu tứ đại Bồ Tát, tức thành nhị thập ngũ, cập Tứ Nhiếp, bát Cúng Dường, cố thành tam thập thất, giai xưng Phật giả, giai nhất Phật sở hiện. Dĩ sở tùng năng, giai danh vi Phật dã. Tứ Nhiếp tức Câu, Tỏa, Linh, Sách. Bát Cúng Dường tức Thiêu, Tán, Đăng, Đồ, Hoa, Man, Ca, Vũ.

(疏)又此現在，且據釋迦對彼而言，實則彌陀現在，即釋迦現在。

(鈔)智覺云：總持教中，說三十七佛，皆毗盧遮那一佛所現。謂遮那內心，證自受用，成於五智，自當中央法界清淨智。次從四智，流出四方四如來。其妙觀察智，流出西方極樂世界無量壽如來，則一佛而雙現二土也。故清涼云：即本師也。

(演)智覺云總持教中說者，宗鏡二十四云：且如總持教中，亦說三十七佛皆遮那一佛所現，謂從：大圓鏡智流出東方阿閦，平等性智流出南方寶生，妙觀察智流出西方無量壽，成所作智流出北方不空成就。法界清淨智，即自當遮那。言三十七者，五方如來，各有四大菩薩，即成二十五，及四攝，八供養，故成三十七，皆稱佛者，皆一佛所現。以所從能，皆名為佛也。四攝即鉤，鎖，鈴，索。八供養即燒，散，燈，塗，華，鬘，歌，舞。

*(**Sớ**: Lại nữa, "hiện tại" ở đây là xét theo Thích Ca đối với [vị Phật ở thế giới] bên kia mà nói, thật ra Di Đà hiện tại chính là Thích Ca hiện tại.*

***Sao**: Ngài Trí Giác nói: "Trong giáo pháp Tổng Trì có nói: Ba mươi bảy vị Phật đều do Tỳ Lô Giá Na Phật hiện ra; nghĩa là từ trong nội tâm, Tỳ Lô Giá Na Phật chứng Tự Thọ Dụng, thành tựu năm trí, tự đảm nhiệm Pháp Giới Thanh Tịnh Trí ở trung ương. Kế đó, từ bốn trí kia, lưu xuất bốn vị Như Lai ở bốn phương. Diệu Quán Sát Trí lưu xuất Tây Phương Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Như Lai, tức là một vị Phật mà hiện trong hai cõi". Vì vậy, ngài Thanh Lương nói: "Chính là Bổn Sư vậy"*

***Diễn**: "Ngài Trí Giác nói trong giáo pháp Tổng Trì": Sách Tông Kính Lục, quyển thứ hai mươi bốn viết: "Lại như trong giáo pháp Tổng Trì cũng nói ba mươi bảy vị Phật đều do một vị Phật Tỳ Lô Giá Na hiện ra, tức là từ Đại Viên Kính Trí lưu xuất Đông phương A Súc, Bình Đẳng Tánh Trí lưu xuất Nam phương Bảo Sanh, Diệu Quán Sát Trí lưu xuất Tây phương Vô Lượng Thọ, Thành Sở Tác Trí lưu xuất Bắc phương Bất Không Thành Tựu. Pháp Giới Thanh Tịnh Trí chính là do đức Tỳ Lô Giá Na tự đảm nhận". Nói là ba mươi bảy vị vì năm vị Như Lai ở năm phương, mỗi*

vị đều có bốn vị Bồ Tát [làm thị giả. Chẳng hạn như Vô Lượng Thọ Phật có bốn vị Bồ Tát là Kim Cang Pháp, Kim Cang Lợi, Kim Cang Nhân, Kim Cang Ngữ], tức là thành hai mươi lăm vị, cùng với Tứ Nhiếp và Bát Cúng Dường, cho nên thành ba mươi bảy vị. "Đều gọi là Phật" vì cùng do một vị Phật hiện ra. Do xét Sở (Phật, Bồ Tát được hiện ra) theo Năng (chủ thể biến hiện, tức Tỳ Lô Giá Na Phật), nên đều gọi là Phật. Tứ Nhiếp tức là Câu, Tỏa, Linh, Sách. Tám Cúng Dường tức Thiêu Hương, Rải Hoa, Đăng (đèn), Đồ (hương bôi), Hoa, Man (tràng hoa), Ca, Vũ).

(Sớ) Nhiên chư Phật thuyết pháp, đa chủng bất đồng, kim thị y chánh giai thuyết, tường như thử kinh, cập Đại Bổn, Quán Kinh trung thuyết.

(Diễn) Đa chủng bất đồng giả, dĩ căn căn trần trần, giai năng thuyết pháp cố.

(疏)然諸佛說法，多種不同，今是依正皆說，詳如此經，及大本，觀經中說。

(演)多種不同者，以根根塵塵，皆能說法故。

*(**Sớ**: Nhưng chư Phật thuyết pháp có nhiều thứ khác nhau, nay là y báo và chánh báo đều cùng nói, nói chi tiết [về chuyện y báo và chánh báo đều cùng thuyết pháp] thì như trong kinh này, Đại Bổn và Quán Kinh đã nói.*

***Diễn**: "Nhiều thứ khác nhau": Do mỗi căn, mỗi trần đều có thể thuyết pháp).*

(Sao) Đa chủng giả, như ngôn thuyết, chiêm thị, nãi chí hương phạn đẳng. Cố Cực Lạc thế giới, bất đản kim khẩu thuyết pháp, y chánh tất nhĩ. Như Đại Bổn vân: "A Di Đà Phật, vị chư Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên, thế nhân, quảng tuyên đại giáo, phu diễn diệu pháp, mạc bất hân nhiên, duyệt thích, tâm đắc giải ngộ, các hữu sở đắc". Hựu vân: "Đông phương Hằng hà sa số chư Phật, các khiển vô lượng Bồ Tát, Thanh Văn, chí A Di Đà Phật sở, thỉnh thuyết diệu pháp. Tứ duy, thượng hạ, diệc phục như thị", thị chánh báo thuyết pháp. Thử kinh thủy, điểu, thụ lâm diễn sướng diệu pháp, cập Đại Bổn, Quán Kinh, như hậu văn trung tường dẫn, thị y báo thuyết pháp. Hựu Đại Bổn vân: "Bỉ quốc liên hoa xuất vô lượng quang, quang trung xuất vô lượng Phật. Nhất nhất chư Phật, giai thuyết diệu pháp", thị y chánh câu thời thuyết dã.

(Diễn) Ngôn thuyết, chiêm thị, nãi chí hương phạn giả, Lăng Già vân: "Đại Huệ! Phi nhất thiết sát độ hữu ngôn thuyết, ngôn thuyết giả thị tác nhĩ. Hoặc hữu Phật sát, chiêm thị hiển pháp, hoặc hữu tác tướng, hoặc hữu dương mi, hoặc hữu động tình, hoặc tiếu, hoặc khiếm, hoặc khánh khái, hoặc động dao đẳng".

(鈔)多種者，如言說，瞻視，乃至香飯等。故極樂世界，不但金口說法，依正悉爾。如大本云：阿彌陀佛，為諸菩薩，聲聞，諸天，世人，廣宣大教，敷演妙法，莫不欣然，悅適，心得解悟，各有所得。又云：東方恆河沙數諸佛，各遣無量菩薩，聲聞，至阿彌陀佛所，聽說妙法。四維上下，亦復如是，是正報說法。此經水，鳥，樹林演暢妙法，及大本，觀經，如後文中詳引，是依報說法。又大本云：彼國蓮華出無量光。光中出無量佛。一一諸佛，皆說妙法，是依正俱時說也。

(演)言說，瞻視，乃至香飯者，楞伽云：大慧！非一切剎土有言說，言說者是作耳。或有佛剎，瞻視顯法，或有作相，或有揚眉，或有動睛，或笑，或欠，或謦欬，或動搖等。

*(**Sao**: "Nhiều thứ" là như ngôn thuyết, chiêm ngưỡng, nhìn ngó, cho đến cơm thơm v.v... Vì lẽ đó, thế giới Cực Lạc không chỉ là kim khẩu thuyết pháp, mà y báo và chánh báo đều là như thế. Như kinh Đại Bổn nói: "A Di Đà Phật vì các Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên, người đời rộng tuyên đại giáo, diễn bày diệu pháp, không ai chẳng vui sướng, thoải mái, tâm được giải ngộ, ai nấy đều có sở đắc". Lại nói: "Hằng hà sa số chư Phật ở phương Đông, mỗi vị đều sai vô lượng Bồ Tát và Thanh Văn đến chỗ A Di Đà Phật nghe giảng diệu pháp. Bốn phương, trên, dưới cũng đều như thế". Đó là chánh báo thuyết pháp. Trong kinh này, nước, chim, rừng cây diễn nói thông suốt diệu pháp, và Đại Bổn, Quán Kinh như sẽ trích dẫn tường tận trong phần sau [cũng nói giống như thế]. Đó là y báo thuyết pháp. Lại nữa, kinh Đại Bổn nói: "Hoa sen trong cõi ấy tỏa vô lượng quang minh, trong quang minh xuất hiện vô lượng Phật. Mỗi một vị Phật đều nói diệu pháp". Đó là y báo và chánh báo đồng thời thuyết pháp.*

***Diễn**: "Nói năng, chiêm ngưỡng, nhìn ngó, cho đến cơm thơm": Kinh Lăng Già chép: "Này Đại Huệ! Chẳng phải là hết thảy các cõi nước*

đều có nói năng, nói năng là tạo tác. Hoặc là có cõi Phật dùng chiêm ngưỡng, nhìn ngó để hiển thị pháp. Hoặc có cõi thì hiện tướng, hoặc có cõi dùng nhướng mày, hoặc có cõi dùng xoay chuyển tròng mắt, hoặc cười, hoặc ngáp, hoặc ho hắng, hoặc lay động v.v…")

(Sớ) Hữu vị thuyết pháp thị Ứng Thân, Báo Thân, hữu vị tam thân tề thuyết, các tùy cơ kiến.

(Sao) Ứng Thân thuyết giả, hữu vân: "Pháp Thân nhất hướng bất thuyết, Báo Thân cụ thuyết bất thuyết, Ứng Thân định thuyết. Tắc bỉ Phật thuyết pháp, đương thị Ứng Thân, nhiên diệc kiêm Báo. Như Đại Bổn, cao xuất nhất thiết thế gian chi thân, Quán Kinh, lục thập vạn ức na-do-tha Hằng sa do-tuần chi thân, tắc khởi định trượng lục?" Nhiên kinh vân: "Báo, Hóa phi chân Phật, diệc phi thuyết pháp giả", hà đắc định ngôn Pháp Thân bất thuyết? Đương thị tùy cơ sở kiến, tự bất đồng nhĩ.

(Diễn) Pháp Thân nhất hướng bất thuyết giả, thử chỉ văn tự pháp dã. Nhược tam thân phân tích nhi ngôn, Pháp Thân dĩ Lý vi thân, vô hữu thân tướng, vân hà thuyết pháp? Cố vân Pháp Thân nhất hướng bất thuyết. Báo Thân cụ thuyết bất thuyết giả, Báo Thân hữu nhị. Nhược Tự Thọ Dụng, nãi Pháp Tánh Thân dã, dĩ nhất thiết công đức vi Thể, thử thân vô tướng, diệc bất thuyết pháp. Nhược Tha Thọ Dụng, tắc tùng Pháp Thân hiện khởi, vị Thập Địa Bồ Tát thuyết pháp. Ứng Thân định thuyết giả, Ứng Thân tắc vị Tam Hiền Bồ Tát, cập Nhị Thừa, phàm phu, hiện khởi thuyết pháp dã. Báo Hóa phi chân Phật, diệc phi thuyết pháp giả, thử hàm nhị nghĩa: Nhất, hội Dụng quy Thể nghĩa. Dĩ Báo, Hóa nhị thân, nãi Pháp Thân chi Dụng, Dụng vô tự tánh, toàn thể tức Chân. Cố Báo, Hóa vô Thể, nãi quy Pháp Thân dã. Nhị, đoạt Sự hiển Lý nghĩa, dĩ Báo, Hóa sở thuyết, nãi văn tự pháp. Nhiên văn tự tánh Không, danh tự diệc ly; dĩ hà vi pháp, tất kiến Pháp Thân giả, nãi năng tri pháp dã. Đương thị tùy cơ sở kiến giả, phàm, tiểu, Quyền Thừa, đản kiến Ứng Thân thuyết pháp. Đại Thừa đăng địa, nãi kiến Báo Thân thuyết pháp. Nhược viên đốn Bồ Tát, nãi kiến Pháp Thân thuyết pháp. Dĩ Phật bổn vô tam, tùy cơ sở kiến, tự bất đồng cố.

(疏)有謂說法是應身，報身，有謂三身齊說，各隨機見。

(鈔)應身說者，有云：法身一向不說，報身具說不說，應身定說。則彼佛說法，當是應身，然亦兼報。如大本，

高出一切世間之身，觀經，六十萬億那由他恆沙由旬之身，則豈定丈六？然經云：報化非真佛，亦非說法者，何得定言法身不說？當是隨機所見，自不同耳。

(演)法身一向不說者，此指文字法也。若三身分析而言，法身以理為身，無有身相，云何說法？故云法身一向不說。報身具說不說者，報身有二。若自受用，乃法性身也，以一切功德為體，此身無相，亦不說法。若他受用，則從法身現起，為十地菩薩說法。應身定說者，應身則為三賢菩薩，及二乘，凡夫，現起說法也。報化非真佛，亦非說法者，此含二義：一、會用歸體義。以報化二身、乃法身之用，用無自性，全體即真。故報化無體，乃歸法身也。二、奪事顯理義，以報化所說，乃文字法。然文字性空，名字亦離；以何為法，必見法身者，乃能知法也。當是隨機所見者，凡小權乘，但見應身說法。大乘登地，乃見報身說法。若圓頓菩薩，乃見法身說法。以佛本無三，隨機所見，自不同故。

*(**Sớ**: Có người nói Ứng Thân và Báo Thân thuyết pháp, có người nói ba thân cùng thuyết pháp, [những cách nói ấy] đều là kiến giải thuận theo căn cơ.*

***Sao**: "Ứng Thân nói": Có người nói: "Pháp Thân một mực không nói, Báo Thân hoặc nói, hoặc chẳng nói, Ứng Thân nhất định nói. Do vậy, đức Phật ấy thuyết pháp [như trong kinh này nói] sẽ là Ứng Thân, nhưng cũng có cả Báo Thân, như trong Đại Bổn có nói [thân Phật] là thân cao vượt hết thảy thế gian, hoặc Quán Kinh nói thân cao sáu mươi vạn ức na-do-tha Hằng sa do-tuần, há cứ nhất định phải là thân trượng sáu ư?" Nhưng kinh nói "Báo Thân và Hóa Thân chẳng phải là Chân Phật, cũng chẳng là người thuyết pháp", làm sao có thể nói khẳng định Pháp Thân chẳng thuyết pháp? [Do vậy] phải là tùy theo cái nhìn của từng căn cơ mà thấy khác biệt.*

***Diễn**: "Pháp Thân một mực không nói": Điều này nói đến pháp văn tự. Nếu phân tích dựa theo ba thân để nói thì Pháp Thân dùng Lý làm thân, chẳng có thân tướng, làm sao thuyết pháp cho được? Vì thế nói Pháp Thân một mực không nói. "Báo Thân hoặc nói, hoặc chẳng nói": Báo*

Thân có hai loại. Nếu là Tự Thọ Dụng thì là Pháp Tánh Thân, dùng hết thảy các công đức làm Thể; thân ấy vô tướng, cũng chẳng thuyết pháp. Nếu là Tha Thọ Dụng, do từ Pháp Thân hiện khởi, sẽ vì Thập Địa Bồ Tát mà thuyết pháp. "Ứng Thân chắc chắn nói": Ứng Thân vì Tam Hiền Bồ Tát, và Nhị Thừa, phàm phu mà hiện khởi để thuyết pháp.

"Báo Thân và Hóa Thân chẳng phải là chân Phật, cũng chẳng phải là người thuyết pháp": Điều này bao gồm hai nghĩa:

- Một là ý nghĩa gom Dụng về Thể. Do hai thân Báo Thân và Hóa Thân chính là Dụng của Pháp Thân, Dụng không có tự tánh, toàn thể chính là Chân. Do vậy, Báo Thân và Hóa Thân không có Thể, bèn quy vào Pháp Thân.

- Hai là ý nghĩa đoạt Sự hiển Lý. Do những gì được Báo Thân và Hóa Thân nói ra đều là pháp văn tự, nhưng tánh của văn tự là Không, danh tự cũng rời lìa, dùng điều gì làm pháp để ắt thấy Pháp Thân bèn có thể biết pháp.

"Phải nên là tùy theo căn cơ mà thấy [các thân khác nhau thuyết pháp]": Phàm phu, Tiểu Thừa, Quyền Thừa chỉ thấy Ứng Thân thuyết pháp. Đại Thừa thì Đăng Địa Bồ Tát mới thấy Báo Thân thuyết pháp. Nếu là bậc viên đốn Bồ Tát, bèn thấy Pháp Thân thuyết pháp. Do Phật vốn chẳng có ba, tùy theo căn cơ mà chúng sanh tự thấy sai khác vậy).

(Sớ) Sở tích giả, vạn lý bách thành, vị tham tri thức, thê sơn hàng hải, vân lễ đạo tràng, khởi khả vạn đức Như Lai hiện tại thuyết pháp, mạc nhiên bất cố, cam đọa thành Đông! Thị tắc danh vi khả lân mẫn giả.

(Sao) Vạn lý giả, Tăng vấn Đại Tùy: "Kiếp hỏa đỗng nhiên, vị thẩm giá cá hoại bất hoại?" Đáp vân: "Hoại!" Tăng viết: "Nhẫm ma tắc tùy tha khứ dã". Đáp viết: "Tùy tha khứ". Tăng nghi bất quyết, vãng hoàn vạn lý, quảng tham tri thức, thỉ đắc đại ngộ.

(Diễn) Tăng vấn Đại Tùy chí thỉ đắc đại ngộ giả, Tăng chí Nam phương tham Đầu Tử, Đầu Tử vấn vân: "Đại Tùy hữu hà ngôn cú?" Tăng trần tiền sự, Đầu Tử hướng Tây, lễ vân: "Tây Xuyên hữu cổ Phật xuất thế", linh tăng phản kiến. Tăng phản, Đại Tùy dĩ diệt độ hỹ. Nhất vãng nhất hoàn, lộ đồ vạn lý. Hậu tham Long Nha, phục lý vấn tiền sự, Nha viết: "Vi đồng đại thiên", thỉ đắc triệt ngộ. Cổ vân: "Nhất cú tùy tha ngữ, thiên sơn tẩu nạp Tăng". Hựu tụng vân: "Kiếp hỏa quang trung lập vấn đoan, nạp tăng do trệ lưỡng trùng quan, chỉ nhân nhất cú tùy tha ngữ, vạn lý khu khu độc vãng hoàn".

(疏)所惜者，萬里百城，為參知識，梯山航海，云禮道場，豈可萬德如來現在說法，漠然不顧，甘墮城東！是則名為可憐憫者。

(鈔)萬里者，僧問大隨：劫火洞然，未審這個壞不壞？答云：壞！僧曰：恁麼則隨他去也。答曰：隨他去。僧疑不決，往還萬里，廣參知識，始得大悟。

(演)僧問大隨至始得大悟者，僧至南方參投子，投子問云：大隨有何言句？僧陳前事，投子向西，禮云：西川有古佛出世，令僧反見。僧返，大隨已滅度矣。一往一還，路途萬里。後參龍牙，復理問前事，牙曰：為同大千，始得徹悟。古云：一句隨他語，千山走衲僧。又頌云：劫火光中立問端，衲僧猶滯兩重關，只因一句隨他語，萬里區區獨往還。

*(**Sớ**: Điều đáng tiếc là vượt muôn dặm, trăm thành để tham bái tri thức, trèo non, vượt biển hòng lễ bái đạo tràng, há đành đối với vạn đức Như Lai hiện đang thuyết pháp lại hờ hững chẳng đoái hoài, cam phận đọa lạc ở phía Đông tòa thành, nên được gọi là "kẻ đáng thương xót" vậy!*

***Sao**: "Muôn dặm": Tăng hỏi ngài Đại Tùy: "Kiếp hỏa cháy rụi, chẳng biết là cái này có hoại hay không?" Sư (ngài Đại Tùy) đáp: "Hoại". Tăng viết: "Như vậy là để tùy ý nó ư?" Sư đáp: "Để mặc nó". Vị Tăng ấy nghi ngờ, không giải quyết được! Qua lại vạn dặm, tham phỏng rộng khắp tri thức, mới đắc đại ngộ.*

***Diễn**: Từ câu "Tăng hỏi ngài Đại Tùy" cho đến "mới đắc đại ngộ": Vị tăng xuống phương Nam tham yết ngài Đầu Tử. Đầu Tử hỏi: "Đại Tùy nói những câu gì?" Vị Tăng thuật chuyện trên đây. Ngài Đầu Tử bèn hướng về phương Tây, lễ rằng: "Tây Xuyên có cổ Phật xuất thế", bảo vị Tăng ấy trở về gặp ngài Đại Tùy. Vị Tăng về đến nơi thì ngài Đại Tùy đã diệt độ. Một lượt đi, một lượt về, đường dài vạn dặm. Về sau, vị Tăng ấy tham yết ngài Long Nha, vẫn hỏi chuyện trên đây. Ngài Long Nha nói: "Giống như đại thiên", [vị Tăng ấy] mới được triệt ngộ. Cổ nhân nói: "Theo câu nói kẻ khác, ông sư vượt ngàn non". Lại có bài kệ rằng: "Đứng trong kiếp hỏa hỏi nguồn cơn, hai tầng ải kẹt một ông Tăng, chỉ do theo đuổi lời người khác, cắm cúi bôn ba vạn dặm đường").*

(Sao) Bách thành giả, Thiện Tài Nam du bách nhất thập thành, tham ngũ thập tam thiện tri thức, dẫn thử dĩ huống A Di Đà Phật thị tối thượng tri thức dã. Thê sơn hàng hải, như Nga Mi, Phổ Đà đẳng, dẫn thử dĩ huống Tây Phương Cực Lạc thế giới thị tối thắng đạo tràng dã. Nhiên cổ chi bạt thiệp, cái vị thân chá thánh hiền, kim nhật bôn trì, chỉ thị dao chiêm ảnh tượng, nhi thả bị kinh hiểm trở, bất đạn cù lao, hà đắc hiện tại Từ Tôn, xả chi bất vãng? Thành đông lão mẫu, dữ Phật đồng sanh, nhi bất kiến Phật, phi thử chi lưu da? Quá vị chi Phật, thế sở nan phùng, hiện tại không quá, cố khả lân mẫn.

(Diễn) Thành Đông lão mẫu giả, thử lão mẫu đản kiến Phật lai, tức tỵ bất kiến, nhiên tuy bất dục kiến Phật, Phật thường hiện tiền. Lão mẫu hướng Đông, Phật ư Đông hiện, hướng Tây, Nam, Bắc, Phật hiện diệc nhiên. Mẫu dĩ thập chỉ yểm diện, thập chỉ tiêm đầu, giai hiện Phật tướng.

(鈔)百城者，善財南遊百一十城，參五十三善知識，引此以況阿彌陀佛是最上知識也。梯山航海，如峨嵋，普陀等，引此以況西方極樂世界是最勝道場也。然古之跋涉，蓋為親炙聖賢，今日奔馳，祇是遙瞻影像，而且備經險阻，不憚劬勞，何得現在慈尊，捨之不往？城東老母，與佛同生，而不見佛 ，非此之流耶 ？過未之佛 ，勢所難逢，現在空過，故可憐憫。

(演)城東老母者，此老母但見佛來，即避不見，然雖不欲見佛，佛常現前。老母向東，佛於東現，向西南北，佛現亦然。母以十指掩面，十指尖頭，皆現佛相。

*(**Sao**: "Trăm thành": Thiện Tài đi về phương Nam, trải qua một trăm mười thành, tham bái năm mươi ba vị thiện tri thức, dẫn điều này để sánh ví A Di Đà Phật là bậc tri thức tối thượng. "Trèo núi, ngồi thuyền vượt biển": Như Nga Mi, Phổ Đà v.v... Dẫn những nơi ấy để sánh ví Tây Phương Cực Lạc thế giới là đạo tràng tối thắng. Nhưng thời cổ bôn ba ngõ hầu thân cận thánh hiền, ngày nay bươn bả chỉ là nhìn ngắm hình bóng từ xa, lại còn trải qua đủ mọi nỗi hiểm trở, chẳng sợ nhọc nhằn; cớ sao lại bỏ qua, chẳng tìm đến đấng Từ Tôn trong hiện tại? Một bà cụ ở phía Đông thành, sanh cùng thời đức Phật, mà chẳng thấy Phật, [kẻ bỏ mặc đấng Từ Tôn trong hiện tại], chẳng phải là loại người ấy ư? Phật*

quá khứ và vị lai, đương nhiên khó gặp; bỏ qua vị Phật hiện tại, cho nên rất đáng thương xót.

***Diễn**: "Bà cụ ở phía Đông thành": Bà cụ già ấy chỉ cần thấy đức Phật đi đến, liền lánh đi chẳng gặp. Tuy chẳng muốn thấy Phật, nhưng đức Phật thường hiện. Bà lão chạy về Đông, đức Phật hiện ở phía Đông. Hướng đến phương Tây, Bắc, Nam, đức Phật cũng hiện như vậy. Bà dùng mười ngón tay che mặt, mười đầu ngón tay đều hiện hình tướng Phật).*

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh thể tự linh tri, thị "kỳ độ hữu Phật" nghĩa; tự tánh tức kim hiển hiện, thị "hiện tại thuyết pháp" nghĩa.

(Sao) Chung triêu thị Phật trắc, bất kiến kim dung; cánh nhật tọa pháp diên, võng văn diệu đạo, toại sử Ma Vương hỗn ư Phật điện, tà pháp loạn hồ chân tông! Đản năng phản chiếu tâm nguyên, Phật pháp nhất thời song túc.

(Diễn) Chung triêu thị Phật trắc đẳng, ký vân tự thể linh tri, tắc chung triêu thị Phật trắc dã. Nại hà chúng sanh hữu nhãn như manh, bất kiến kim dung. Ký vân tức kim hiển hiện, tắc cánh nhật tọa pháp diên dã. Nại hà chúng sanh hữu nhĩ như lung, võng văn diệu đạo, nhân bất kiến kim dung cố, toại sử Ma Vương hỗn ư Phật điện. Nhân võng văn diệu đạo, toại sử tà pháp loạn hồ chân tông. Tuy nhiên như thị, Phật thân như cố, chánh pháp do tồn, đản năng bất tùy ngoại cảnh, phản chiếu tâm nguyên, tắc Phật pháp nhất thời song túc hỹ!

(鈔)稱理，則自性體自靈知，是其土有佛義；自性即今顯現，是現在說法義。

(鈔)終朝侍佛側，不見金容；竟日坐法筵，罔聞妙道，遂使魔王混於佛殿 ，邪法亂乎真宗 ！但能返照心源，佛法一時雙足。

(演)終朝侍佛側等，既云體自靈知，則終朝侍佛側也。奈何眾生有眼如盲，不見金容。既云即今顯現，則竟日坐法筵也。奈何眾生有耳如聾，罔聞妙道，因不見金容故，遂使魔王混於佛殿。因罔聞妙道，遂使邪法亂乎真宗。雖然如是，佛身如故，正法猶存，但能不隨外境，返照心源，則佛法一時雙足矣！

*(**Sớ**: Xứng Lý thì Thể của tự tánh vốn linh tri chính là ý nghĩa "cõi ấy có Phật", tự tánh nay hiển hiện là ý nghĩa "hiện tại thuyết pháp".*

***Sao**: Trọn ngày chầu hầu bên Phật, chẳng thấy kim dung; suốt ngày ngồi nơi pháp tòa, chẳng nghe đạo mầu, khiến cho Ma Vương trà trộn Phật điện, tà pháp rối loạn chân tông. Chỉ cần phản chiếu nguồn tâm, Phật và pháp sẽ cùng lúc trọn đủ.*

***Diễn**: "Trọn ngày chầu hầu bên Phật…": Đã nói tự thể linh tri, thì là suốt ngày chầu hầu bên Phật. Hiềm rằng chúng sanh có mắt như mù, chẳng thấy kim dung! Đã nói "nay liền hiển hiện" thì là suốt ngày ngồi nơi pháp tòa. Hiềm rằng chúng sanh có tai như điếc, chẳng nghe đạo mầu. Do chẳng thấy kim dung, khiến cho Ma Vương trà trộn nơi Phật điện. Vì chẳng nghe đạo mầu, khiến cho tà pháp rối loạn chân tông. Tuy là như vậy, thân Phật vẫn như cũ, chánh pháp hãy còn đó, chỉ có thể chẳng thuận theo ngoại cảnh, phản chiếu nguồn tâm, thì Phật pháp sẽ cùng lúc tồn tại!)*

Nhị, biệt thích (nhị): Sơ, y báo. Nhị, chánh báo.

Sơ, y báo (nhị): Sơ, tổng danh Cực Lạc. Nhị, biệt thị trang nghiêm.

Sơ, tổng danh Cực Lạc.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc; cố danh Cực Lạc.

(Sớ) Tiên thích y giả, thuận thượng văn cố, diệc linh chúng sanh sanh hân nhạo cố. Khổ giả, bức não chi nghĩa, vi Tứ Đế thủ. Chúng khổ giả, chư kinh luận khai hữu tam khổ, bát khổ, thập khổ, bách nhất thập khổ. Hựu ước nhị chủng sanh tử, tắc Biến Dịch diệc khổ. Huống kỳ dư giả, dĩ khổ sự phi nhất, cố viết "chúng khổ" dã. Chư lạc giả, như kinh sở trần nhị chủng thanh tịnh trang nghiêm. Diệc dĩ lạc sự phi nhất, cố viết "chư lạc" dã. Cực Lạc giả, dĩ chư quốc khổ lạc hữu kỳ tứ chủng: Hữu khổ đa lạc thiểu giả, hữu khổ lạc tương bán giả, hữu khổ thiểu lạc đa giả, hữu vô khổ thuần lạc giả, kim đương đệ tứ cố.

(Sao) Tứ Đế giả, Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Khổ cư tối tiên. Tri Khổ, nãi đoạn Tập, tu Đạo, chứng Diệt dã. Tam Khổ giả: Nhất, Khổ Khổ, vị thọ hữu lậu thân, dĩ danh vi Khổ, cánh gia chủng chủng bức não, tắc khổ nhi phục khổ dã, thị vi Dục Giới Khổ. Nhị, Hoại Khổ, vị đương lạc hoại thời, bất thắng ưu não dã, thị vi Sắc Giới Khổ. Tam, Hành Khổ, thử khổ xứ trung, tức bất khổ, bất lạc, niệm niệm thiên lưu dã, thị vi Vô Sắc Giới Khổ. Hựu, Dục Giới cụ tam, Sắc kiêm hậu nhị, Vô Sắc duy Hành, vi tam khổ dã. Nhi bỉ quốc ly dục thanh tịnh, tắc vô Khổ Khổ. Y chánh thường nhiên, tắc vô Hoại Khổ. Siêu quá tam giới, tắc vô Hành Khổ.

(Diễn) Tức bất khổ bất lạc giả, dĩ Tam Khổ đối Tam Thọ. Khổ Khổ đối Khổ Thọ, Hoại Khổ đối Lạc Thọ, Hành Khổ đối Bất Khổ Bất Lạc Thọ cố. Thử khổ xử trung giả, dĩ Bất Khổ Bất Lạc Thọ, giới hồ khổ lạc nhị thọ chi trung, cố vân "xử trung". Dục Giới cụ tam giả, Tam Thọ cụ túc cố. Sắc kiêm hậu nhị giả, Sơ Thiền Sanh Hỷ Lạc, Nhị Thiền Định Sanh Hỷ Lạc, Tam Thiền Ly Hỷ Diệu Lạc, Tứ Thiền Xả Niệm Thanh Tịnh, câu vô Dục Giới Thọ Khổ cố. Vô Sắc duy Hành giả, dĩ Tứ Không thiên nhân khổ lạc song vong, duy hữu niệm niệm thiên lưu cố.

二、別釋(二)：初、依報。二、正報。

初、依報(二)：初、總名極樂。二、別示莊嚴。

初、總名極樂。

(經)舍利弗！彼土何故名為極樂？其國眾生，無有眾苦，但受諸樂；故名極樂。

(疏)先釋依者，順上文故，亦令眾生生忻樂故。苦者，逼惱之義，為四諦首。眾苦者，諸經論開有三苦，八苦，十苦，百一十苦。又約二種生死，則變易亦苦。況其餘者，以苦事非一，故曰眾苦也。諸樂者，如經所陳二種清淨莊嚴。亦以樂事非一，故曰諸樂也。極樂者，以諸國苦樂有其四種：有苦多樂少者，有苦樂相半者，有苦少樂多者，有無苦純樂者，今當第四故。

(鈔)四諦者，苦集滅道，苦居最先。知苦，乃斷集修道，證滅也。三苦者：一、苦苦，謂受有漏身，已名為苦，更加種種逼惱，則苦而復苦也，是為欲界苦。二、壞苦，謂當樂壞時，不勝憂惱也，是為色界苦。三、行苦，此苦處中，即不苦不樂，念念遷流也，是為無色界苦。又欲界具三，色兼後二，無色唯行，為三苦也。而彼國離欲清淨，則無苦苦。依正常然，則無壞苦。超過三界，則無行苦。

(演)即不苦不樂者，以三苦對三受。苦苦對苦受，壞苦對樂受，行苦對不苦不樂受故。此苦處中者，以不苦不樂受，介乎苦樂二受之中，故云處中。欲界具三者，三受具足故。色兼後二者，初禪生喜樂，二禪定生喜樂，三禪

離喜妙樂，四禪捨念清淨，俱無欲界苦受故。無色唯行者，以四空天人苦樂雙亡，唯有念念遷流故。

(Hai, giải thích riêng biệt (gồm hai phần): Một là y báo, hai là chánh báo.

Một là y báo (gồm hai phần): Giảng tổng quát về danh xưng Cực Lạc; hai chỉ bày từng loại trang nghiêm riêng biệt.

Trước tiên, giảng tổng quát về danh xưng Cực Lạc.

***Kinh**: Này Xá Lợi Phất! Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy chẳng có các nỗi khổ, chỉ hưởng niềm vui, nên [cõi ấy] tên là Cực Lạc.*

***Sớ**: Trước hết, giải thích về y báo là thuận theo [thứ tự] trong đoạn văn trước, mà cũng nhằm làm cho chúng sanh sanh trưởng lòng ưa thích. Khổ có nghĩa là bức não, đứng đầu trong Tứ Đế. "Các khổ": Các kinh luận giảng rộng ra thì có ba khổ, tám khổ, mười khổ, một trăm mười nỗi khổ. Lại nữa, xét theo hai thứ sanh tử, Biến Dịch [sanh tử] cũng khổ. "Huống hồ các thứ khác": Do chuyện khổ chẳng phải chỉ là một, nên nói là "các khổ". "Chư lạc": Như kinh đã nêu bày hai thứ thanh tịnh trang nghiêm. Cũng do chuyện vui chẳng phải chỉ có một, nên nói là "chư lạc". "Cực Lạc": Do các cõi nước khổ vui gồm bốn loại, có cõi khổ nhiều vui ít, có cõi khổ vui ngang ngửa, có cõi khổ ít vui nhiều, có cõi chẳng có khổ, thuần là vui. Nay Cực Lạc thuộc loại thứ tư.*

***Sao**: Tứ Đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Khổ đứng trước tiên. Biết Khổ bèn đoạn Tập, tu Đạo, chứng Diệt. Ba khổ là: Một, Khổ Khổ, ý nói mang thân hữu lậu, đã gọi là Khổ. Lại còn có thêm đủ mọi thứ bức bách, não hại, nên đã khổ lại càng thêm khổ. Đó là nỗi khổ trong Dục Giới. Hai là Hoại Khổ, ý nói trong lúc vui sướng mà bị hư hoại bèn ưu não khôn xiết. Đó là nỗi khổ trong Sắc Giới. Ba là Hành Khổ, ở trong loại khổ này, sẽ chẳng khổ, chẳng vui, nhưng niệm niệm đổi dời, là nỗi khổ trong Vô Sắc Giới. Lại nữa, Dục Giới có đủ cả ba thứ khổ, Sắc Giới có hai thứ sau, Vô Sắc Giới chỉ có Hành Khổ; đó là tam khổ. Nhưng cõi kia ly dục thanh tịnh, cho nên không có Khổ Khổ. Y báo và chánh báo thường hằng, cho nên chẳng có Hoại Khổ. Vượt trội hơn tam giới, cho nên chẳng có Hành Khổ.*

***Diễn**: "Tức là chẳng khổ chẳng vui": Đem ba khổ ứng với ba thứ cảm nhận, Khổ Khổ ứng với Khổ Thọ, Hoại Khổ ứng với Lạc Thọ, Hành Khổ ứng với Bất Khổ Bất Lạc Thọ. "Ở trong loại khổ này": Do Bất Khổ Bất Lạc Thọ bị hạn cuộc trong hai thứ cảm nhận khổ và vui, cho nên nói là "ở trong ấy". Dục Giới có đủ ba khổ, vì ba thứ cảm nhận đều trọn đủ.*

"Sắc Giới chỉ có hai thứ sau": Sơ Thiền sanh Hỷ Lạc, Nhị Thiền Định Sanh Hỷ Lạc, Tam Thiền Ly Hỷ Diệu Lạc, Tứ Thiền Xả Niệm thanh tịnh, đều chẳng có Khổ Thọ của Dục Giới. "Vô Sắc chỉ có Hành Khổ": Do chư thiên thuộc các tầng trời Tứ Không khổ lẫn lạc cùng mất, chỉ có niệm đổi dời, [cho nên có Hành Khổ]).

(Sao) Bát khổ giả: Sanh cư thai ngục. Lão yếm long chung. Bệnh thọ thống kha. Tử bi phân tán. Ái tắc dục hợp thiên ly. Oán tắc dục đào thiên ngộ. Cầu tắc dục đắc thiên thất. Nãi chí Ngũ Ấm xí thịnh, tổng thành thượng thất, danh bát khổ dã.

(Diễn) Tổng thành thượng thất giả, dĩ tiền thất thị biệt, hậu nhất vi tổng cố.

(鈔)八苦者：生居胎獄。老厭龍鍾。病受痛疴。死悲分散。愛則欲合偏離。冤則欲逃偏遇。求則欲得偏失。乃至五陰熾盛，總成上七，名八苦也。

(演)總成上七者，以前七是別，後一為總故。

*(**Sao**: Tám khổ, [sự khổ thứ nhất] là sanh trong thai ngục. Già cả thì chán ngán run rẩy. Bệnh tật phải chịu đau đớn dây dưa. Chết thì buồn bã vì chia ly. Yêu thương thì mong muốn quây quần mà cứ phải chia lìa. Oán ghét thì muốn trốn tránh mà cứ gặp gỡ. Cầu thì mong được mà cứ bị mất đi. Cho đến năm Ấm lừng lẫy. Điều này là tổng quát của bảy điều trước đó, [gộp chung lại] gọi là "tám khổ".*

***Diễn**: "Điều này là tổng quát của bảy điều trước đó": Do bảy điều trước là biệt, điều sau cùng là tổng).*

(Sao) Nhi bỉ quốc liên hoa hóa sanh, tắc vô Sanh Khổ. Hàn thử bất thiên, tắc vô Lão Khổ. Thân ly Phần Đoạn, tắc vô Bệnh Khổ. Thọ mạng vô lượng, tắc vô Tử Khổ. Vô phụ mẫu, thê tử, tắc vô Ái Biệt Ly Khổ. Chư thượng thiện nhân đồng hội nhất xứ, tắc vô Oán Tăng Hội Khổ. Sở dục tự chí, tắc vô Cầu Bất Đắc Khổ. Quán chiếu không tịch, tắc vô Ngũ Ấm Thịnh Khổ. Thập khổ giả, Bồ Tát Tạng kinh, vị nhất sanh khổ, nhị lão khổ, nãi chí thập sanh tử lưu chuyển khổ. Bách nhất thập khổ giả, Du Già Luận, nhất vô sai biệt lưu chuyển khổ, nhị dục khổ si khổ, nãi chí ngũ thập ngũ khổ, thứ cửu chủng khổ, ư cửu chủng trung, hựu thứ đệ điệp khai thành ngũ thập ngũ, hợp chi vi bách nhất thập khổ. Kim bỉ quốc giai vô dã. Nhiên ước chi bất xuất tam khổ, bát khổ, nhiếp chủng chủng khổ.

(Diễn) Bách nhất thập khổ giả, tiền ngũ thập ngũ khổ, thứ đệ tăng số, nhất cụ nhất, nhị cụ nhị, tam cụ tam, tứ cụ tứ, nãi chí thập cụ thập, cộng thành ngũ thập ngũ. Cửu chủng thứ đệ điệp khai, nhất phân nhị, nhị phân tam, tam phân tứ, tứ phân ngũ, ngũ phân lục, lục phân thất, thất phân bát, bát phân cửu, cửu phân thập; hựu cộng thành ngũ thập ngũ. Nhất vô sai biệt lưu chuyển khổ giả, dĩ tuy hữu lục đạo chi bất đồng, đồng nhất lưu chuyển, cố vân "vô sai biệt". Thử tức nhất cụ nhất dã. Nhị dục khổ si khổ, thử tức nhị cụ nhị dã. Nhược ước khổ hoại hành, thị tức tam cụ tam đẳng dã. Thứ cửu chủng khổ giả, vị nhất thiết quảng đại nhất thiết môn, tà hạnh lưu chuyển bất tùy dục, vi hại tùy trục nhất thiết chủng. Ư cửu chủng trung, hựu thứ đệ điệp khai giả, vị nhất phân nhị, túc nhân sở sanh, hiện duyên sở sanh. Nhị phân tam, trường thời mãnh lợi, tạp loại, vô gián. Tam phân tứ, địa ngục, súc sanh, quỷ, thiện thú nhiếp tứ phân ngũ, nãi chí cửu phân thập đẳng.

(鈔)而彼國蓮華化生，則無生苦。寒暑不遷，則無老苦。身離分段，則無病苦。壽命無量，則無死苦，無父母妻子，則無愛別離苦。諸上善人同會一處，則無冤憎會苦。所欲自至，則無求不得苦。觀照空寂，則無五陰盛苦。十苦者，菩薩藏經，謂一生苦，二老苦，乃至十生死流轉苦。百一十苦者，瑜伽論，一無差別流轉苦，二欲苦癡苦，乃至五十五苦，次九種苦，於九種中，又次第疊開成五十五，合之為百一十苦。今彼國皆無也。然約之不出三苦八苦，攝種種苦。

(演)百一十苦者，前五十五苦，次第增數，一具一，二具二，三具三，四具四，乃至十具十，共成五十五。九種次第疊開，一分二，二分三，三分四，四分五，五分六，六分七，七分八，八分九，九分十；又共成五十五。一無差別流轉苦者，以雖有六道之不同，同一流轉，故云無差別。此即一具一也。二欲苦癡苦，此即二具二也。若約苦壞行，是即三具三等也。次九種苦者，謂一切廣大一切門，邪行流轉不隨欲，違害隨逐一切種。於九種中，又次第疊開者，謂一分二，宿因所生，現緣所生。二分三，長時猛

利，雜類無間。三分四，地獄，旁生，鬼，善趣攝四分五，乃至九分十等。

(***Sao**: Nhưng cõi ấy là liên hoa hóa sanh, nên chẳng có Sanh Khổ. Lạnh nóng chẳng dời đổi, nên chẳng có Lão Khổ. Thân lìa Phần Đoạn, nên không có Bệnh Khổ. Thọ mạng vô lượng, nên chẳng có Tử Khổ. Chẳng có cha, mẹ, vợ, con, nên chẳng có Ái Biệt Ly Khổ. Các vị thượng thiện nhân cùng ở một chỗ, nên chẳng có Oán Tăng Hội Khổ. Những điều mong muốn đều tự đưa tới, nên chẳng có Cầu Bất Đắc Khổ. Quán chiếu không tịch, nên chẳng có Ngũ Ấm Xí Thịnh Khổ. "Mười khổ" là theo kinh Bồ Tát Tạng: Một là sanh khổ, hai là lão khổ, cho đến mười là sanh tử lưu chuyển khổ. "Một trăm mười khổ": Theo luận Du Già, một là vô sai biệt lưu chuyển khổ, hai là dục khổ si khổ, cho đến sự khổ thứ năm mươi lăm. Tiếp đó là chín thứ khổ, trong chín thứ ấy, [mỗi thứ] lại lần lượt tách ra thành năm mươi lăm thứ, hợp chung lại bèn thành một trăm mười thứ khổ. Nay cõi kia đều chẳng có [những thứ khổ ấy]. Nhưng nói tóm lại, chẳng ra ngoài ba khổ và tám khổ, [các loại khổ ấy] nhiếp các thứ khổ.*

***Diễn**: "Một trăm mười khổ": Năm mươi lăm thứ khổ trước lần lượt tăng lên, loại thứ nhất gồm một món, loại thứ hai có hai món, loại thứ ba có ba món, loại thứ tư có bốn món, cho đến loại thứ mười có mười món, cộng thành năm mươi lăm món. Chín loại lại theo thứ tự tách ra, loại thứ nhất chia thành hai tiểu loại, loại thứ hai chia thành ba tiểu loại, loại thứ ba chia thành bốn tiểu loại, loại thứ tư chia thành năm tiểu loại, loại thứ năm chia thành sáu tiểu loại, loại thứ sáu chia thành bảy tiểu loại, loại thứ bảy chia thành tám tiểu loại, loại thứ tám chia thành chín tiểu loại, loại thứ chín chia thành mười tiểu loại; lại cộng thành năm mươi lăm món. Thứ nhất là vô sai biệt lưu chuyển khổ, tuy có sáu đường khác nhau, nhưng cùng lưu chuyển như nhau, nên nói là "chẳng có sai biệt". Đấy chính là loại thứ nhất có một món. Loại thứ hai là dục khổ si khổ, đấy chính là loại thứ hai gồm hai món. Nếu xét theo Khổ, Hoại, Hành thì tức là loại thứ ba có ba món v.v...*

Kế đó, chín loại khổ tức là hết thảy các thứ dục rộng lớn, hết thảy môn, tà hạnh lưu chuyển, chẳng thuận theo, trái nghịch, gây hại, đuổi theo, hết thảy các loại. Trong chín loại, lại theo theo thứ tự tách ra, tức là loại thứ nhất chia thành hai là "sanh bởi cái nhân trong quá khứ" và "sanh bởi duyên trong hiện tại". Loại thứ hai lại chia thành ba loại là nhạy bén trong thời gian dài, xen tạp, và không xen tạp. Loại thứ ba chia thành bốn loại là địa ngục, súc sanh, quỷ, và đường lành, gom trọn bốn

loại ấy chia thành năm loại, cho đến từ loại thứ chín chia thành mười loại v.v...)

(Sao) Nhị chủng sanh tử giả, vị Phần Đoạn, Biến Dịch. Phần Đoạn giả, Tứ Đại sở thành, hữu phân tề đoạn lạc, như thượng bát khổ trung thuyết. Biến Dịch, tắc Nhị Thừa, Bồ Tát, tuy ly Phần Đoạn, vị miễn tứ tướng thiên lưu, nhân di quả dịch, diệc danh vi Khổ. Bỉ quốc liên hoa hóa sanh, nhất sanh bất thoái, hà lự nhị chủng khổ dã. Đại Bổn vân: "Bỉ quốc bất văn khổ danh, hà huống thật khổ?" Cố vân "vô hữu chúng khổ". Nhị chủng thanh tịnh giả, luận minh nhất giả khí thế gian thanh tịnh, nhị giả chúng sanh thế gian thanh tịnh; tức y chánh nhị báo, công đức trang nghiêm, như hạ văn trung, cập Đại Bổn, Quán Kinh tường biện. Vấn: "Tịnh Danh vân, nhất thiết chúng sanh tức tịch diệt tướng, bất phục cánh diệt; tắc nhất thiết quốc độ tức Cực Lạc tướng, hà cánh hữu lạc? Kim khai khổ lạc, tự vi bỉ kinh".

(Diễn) Nhất thiết chúng sanh giai tịch diệt tướng, bất phục cánh diệt giả, thử ước sanh tử tức Niết Bàn, dĩ cửu giới sanh tử thị tu ác. Tu ác tức tánh ác, tánh ác dung thông, nhậm vận nhiếp trì Phật giới tu thiện, cố viết "sanh tử tức Niết Bàn tướng, bất tu cánh diệt sanh tử chứng Niết Bàn dã". Thử cử năng lệ. Tắc nhất thiết hạ, thị cử sở lệ. Chúng sanh, lệ quốc độ; tịch diệt, lệ Cực Lạc. Kim khai khổ, lạc tự vi bỉ kinh giả, dĩ chứng nạn dã. Bỉ kinh khổ lạc tương tức, kim kinh khổ lạc thiều nhiên, khởi bất vi bỉ kinh da?

(鈔)二種生死者，謂分段，變易。分段者，四大所成，有分齊段落，如上八苦中說。變易，則二乘菩薩，雖離分段，未免四相遷流，因移果易，亦名為苦。彼國蓮華化生，一生不退，何慮二種苦也。大本云：彼國不聞苦名，何況實苦？故云無有眾苦。二種清淨者，論明一者器世間清淨，二者眾生世間清淨；即依正二報，功德莊嚴，如下文中，及大本觀經詳辯。問：淨名云，一切眾生即寂滅相，不復更滅；則一切國土即極樂相，何更有樂？今開苦樂，似違彼經。

(演)一切眾生皆寂滅相，不復更滅者，此約生死即涅槃，以九界生死是修惡。修惡即性惡，性惡融通，任運攝

持佛界修善，故曰生死即涅槃相，不須更滅生死證涅槃也。此舉能例。則一切下，是舉所例。眾生，例國土；寂滅；例極樂。今開苦樂似違彼經者，以證難也。彼經苦樂相即，今經苦樂迢然，豈不違彼經耶？

(***Sao***: *Hai thứ sanh tử là Phần Đoạn và Biến Dịch. "Phần Đoạn": Do Tứ Đại hợp thành, tồn tại một khoảng thời gian, như trong tám khổ ở phần trên đã nói. "Biến Dịch": Nhị Thừa và Bồ Tát tuy đã lìa Phần Đoạn, nhưng chẳng tránh khỏi bốn tướng đổi dời, nhân dời, quả đổi, cũng gọi là Khổ. Cõi ấy liên hoa hóa sanh, hễ sanh về đó liền bất thoái, còn lo gì hai thứ khổ nữa! Kinh Đại Bổn nói: "Cõi ấy chẳng nghe danh tự của sự khổ, huống hồ có khổ thật sự?" Vì thế nói "chẳng có các khổ".*

"Hai thứ thanh tịnh": [Vãng Sanh] Luận nói [hai thứ thanh tịnh] thì một là khí thế gian thanh tịnh, hai là chúng sanh thế gian thanh tịnh, tức là y báo và chánh báo công đức trang nghiêm, như trong phần kinh văn ở phía sau, Đại Bổn, và Quán Kinh sẽ nói tỉ mỉ. Hỏi: "Kinh Tịnh Danh nói hết thảy chúng sanh chính là tướng tịch diệt, chẳng còn có diệt thì hết thảy cõi nước chính là tướng Cực Lạc, há còn có lạc? Nay kinh này tách bạch khổ và vui, dường như mâu thuẫn với kinh ấy".

***Diễn**: "Hết thảy chúng sanh đều là tướng tịch diệt, chẳng còn có diệt": Đây là xét theo "sanh tử tức Niết Bàn"; vì chín giới sanh tử chính là tu ác. Tu ác tức là tánh ác. Tánh ác dung thông, tùy ý nhiếp trì Phật giới tu thiện. Vì thế nói: "Sanh tử tức là Niết Bàn tướng, chẳng cần phải diệt sanh tử để chứng Niết Bàn". Đấy là nêu ra điều được dùng làm thí dụ, còn từ câu "hết thảy cõi nước" trở đi, nêu ra sự vật được sánh ví bởi thí dụ đó. Chúng sanh sánh ví quốc độ; tịch diệt sánh ví Cực Lạc. Câu "nay tách bạch khổ và vui, dường như mâu thuẫn với kinh ấy" là dẫn chứng để cật vấn. Trong kinh ấy (kinh Tịnh Danh), khổ và lạc chính là lẫn nhau, kinh này thì khổ và lạc rành rành tách biệt, há chẳng phải là mâu thuẫn với kinh ấy ư?)*

(Sao) Đáp: Hiền Thủ đại sư thích bỉ kinh ý, vị thị đản dĩ mê đảo, vọng kiến sanh tử, danh tại thử ngạn; ngộ sanh tử không, bổn lai viên tịch, tức danh bỉ ngạn. Kim vị diệc dĩ mê đảo, vọng kiến Ngũ Trược, danh trụ Sa Bà; ngộ Ngũ Trược không, bổn lai thanh tịnh, tức danh Cực Lạc. Quốc độ thường tịnh, chúng sanh tự mê, mê đa, ngộ quả, thị khổ, thị lạc, bất dung dĩ dã.

(Diễn) Hiền Thủ đại sư hạ, dẫn cổ thích lệ đáp. Đản dĩ mê đảo vọng kiến sanh tử đẳng giả, vị sanh tử bổn không, nguyên vô tự tánh. Vị nhân vô minh, dẫn sanh tam tế, thứ tùng cảnh giới, phục hiện lục thô, tạo nghiệp thọ báo, vãng lai lục thú. Thị dĩ vô sanh tử trung, hôn mê, điên đảo, vọng kiến sanh tử, danh tại sanh tử thử ngạn. Nhược năng tùng duyên đắc ngộ, sanh tử bổn không, bổn lai Niết Bàn, tức sanh tử thử ngạn, tiện danh bỉ ngạn. Thử cử năng lệ, kim vị hạ, thị cử sở lệ. Sanh tử lệ ngũ trược, thử ngạn lệ Sa Bà, bỉ ngạn lệ Cực Lạc. Quốc độ hạ, kết đáp. Cứ thượng đáp lệ, tắc tri quốc độ thường tịnh, chúng sanh tự mê. Nhược chúng sanh lợi căn, năng tùng mê đắc ngộ, hà tất phân khổ, phân lạc, khuyến yếm, khuyến hân; kim độn căn chúng sanh mê đa, ngộ quả, thị lưỡng độ khổ lạc, linh sanh hân yếm, bất dung dĩ dã.

(鈔)答：賢首大師釋彼經意 ，謂是但以迷倒 ，妄見生死，名在此岸；悟生死空，本來圓寂，即名彼岸。今謂亦以迷倒，妄見五濁，名住娑婆；悟五濁空，本來清淨，即名極樂。國土常淨，眾生自迷，迷多悟寡，示苦示樂，不容已也。

(演)賢首大師下，引古釋例答 。但以迷倒妄見生死等者，謂生死本空，元無自性。為因無明，引生三細，次從境界，復現六麤，造業受報，往來六趣。是以無生死中，昏迷顛倒，妄見生死，名在生死此岸。若能從緣得悟，生死本空，本來涅槃，即生死此岸，便名彼岸。此舉能例，今謂下，是舉所例。生死例五濁，此岸例娑婆，彼岸例極樂。國土下，結答。據上答例，則知國土常淨，眾生自迷。若眾生利根，能從迷得悟，何必分苦分樂，勸厭勸欣；今鈍根眾生迷多，悟寡，示兩土苦樂，令生欣厭，不容已也。

*(**Sao**: Đáp: Hiền Thủ đại sư giải thích rằng: Kinh ấy có ý nói, chỉ vì mê hoặc, điên đảo, lầm lạc thấy có sanh tử, cho nên gọi là "ở bờ này". Ngộ sanh tử là Không, vốn sẵn viên mãn, vắng lặng, bèn nói là "bờ kia". Nay nói: Cũng do mê hoặc, điên đảo, lầm lạc, mà thấy có Ngũ Trược, nên gọi là "trụ trong Sa Bà". Ngộ Ngũ Trược vốn là Không, vốn sẵn thanh tịnh, bèn gọi là Cực Lạc. Cõi nước thường tịnh, chúng sanh tự mê, do kẻ*

mê nhiều, kẻ ngộ ít, cho nên chẳng thể nào không chỉ bày sự khổ, nêu ra sự vui.

***Diễn**: Từ câu "Hiền Thủ đại sư" trở đi, dẫn cách giải thích "giải đáp bằng thí dụ" của cổ nhân. "Chỉ vì mê hoặc, điên đảo, lầm lạc thấy có sanh tử", nghĩa là sanh tử vốn là không, vốn chẳng có tự tánh; do vì vô minh mà dẫn khởi sanh ra ba tế tướng. Kế đó, từ cảnh giới, lại hiện ra sáu thô tướng, bèn tạo nghiệp, thọ báo, qua lại sáu đường. Do vậy, trong sanh tử, hôn mê, điên đảo, lầm lạc thấy có sanh tử, thì gọi là "bờ sanh tử bên này". Nếu có thể từ duyên mà ngộ sanh tử vốn là không, vốn sẵn là Niết Bàn, thì bờ này sanh tử liền gọi là bờ kia. Đó là nêu ra cái thí dụ. Từ "nay nói" trở đi là chỉ ra điều được sánh ví trong thí dụ đó. Sanh tử ví như ngũ trược, "bờ này" nhằm sánh ví Sa Bà, "bờ kia" nhằm sánh ví Cực Lạc. Từ "quốc độ" trở đi là kết lại lời đáp. Cứ dựa theo thể lệ trả lời trên đây, ta biết cõi nước thường tịnh, nhưng chúng sanh tự mê. Nếu là chúng sanh lợi căn, từ mê đắc ngộ, cần gì phải chia thành khổ, chia thành vui, khuyên chán, khuyên ưa nữa ư? Nay do chúng sanh độn căn mê nhiều, ngộ ít, chẳng thể nào không chỉ bày hai cõi là khổ hay vui, khiến cho họ sanh lòng ưa thích và chán nhàm).*

(Sớ) Khổ lạc tương đối, chánh dĩ bỉ thử nhị độ, giảo lượng thắng liệt, linh sanh hân yếm, như nan dị thập chủng đẳng.

(Sao) Tương đối giả, dĩ thử cực khổ đối bỉ Cực Lạc, nhất thắng, nhất liệt, thiên nhưỡng giảo nhiên, hân yếm tự sanh, thủ xả tự định. Thập chủng giả, Từ Vân Sám Chủ, khai thử độ, bỉ độ nan dị thập chủng. Kim dĩ khổ lạc đối chi. Nhất giả, thử độ hữu bất thường trị Phật khổ. Bỉ độ vô chi, nhi đản hữu hoa khai kiến Phật, thường đắc thân cận chi lạc. Nhị giả, thử độ hữu bất văn thuyết pháp khổ. Bỉ độ vô chi, nhi đản hữu thủy, điểu, thụ lâm giai tuyên diệu pháp chi lạc. Tam giả, vô ác hữu khiên triền khổ, nhi hữu chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ chi lạc. Tứ giả, vô quần ma não loạn khổ, nhi hữu chư Phật hộ niệm, viễn ly ma sự chi lạc. Ngũ giả, vô luân hồi bất tức khổ, nhi hữu hoành tiệt sanh tử, vĩnh thoát luân hồi chi lạc. Lục giả, vô nan miễn tam đồ khổ, nhi hữu ác đạo vĩnh ly, danh thả bất văn chi lạc. Thất giả, vô trần duyên chướng đạo khổ, nhi hữu thọ dụng tự nhiên, bất sĩ kinh doanh chi lạc. Bát giả, vô thọ mạng đoản xúc khổ, nhi hữu thọ dữ Phật đồng, cánh vô hạn lượng chi lạc. Cửu giả, vô tu hành thoái thất khổ, nhi hữu nhập Chánh Định Tụ, vĩnh vô thoái chuyển chi lạc. Thập giả, vô trần kiếp nan thành khổ, nhi hữu nhất sanh hạnh mãn, sở tác đắc biện chi lạc.

Đẳng giả, như An Quốc Sao, khai vi nhị thập tứ lạc; Quần Nghi Luận, quảng vi tam thập ích, giai cử lạc, minh khổ, cử ích, minh tổn, đại ý đồng tiền, tư bất phồn tải.

(Diễn) Thử độ hữu bất thường trị Phật khổ giả, chư Phật xuất thế, như Ưu Đàm hoa, nhất bách bát thập kiếp, không quá vô hữu Phật cố. Bất văn thuyết pháp khổ giả, bất thường trị Phật, pháp diệc nan văn, vạn kiếp thiên sanh, như lung, như cổ cố. Ác hữu khiên triền giả, bất độc dâm bằng phỉ hữu, hỗ ác tăng phi, tức khuyến sách thế thiện, giá chướng chân thừa, giai vi ác hữu cố. Quần ma não loạn khổ giả, thiên ma, ấm ma, cập dữ tâm ma, nãi chí phiền não cập tử, bát vạn tứ thiên ma quân cố. Luân hồi bất tức khổ giả, vãng lai lục thú, bồ bặc tứ sanh, như cấp tỉnh luân, hỗ vi cao hạ cố. Nan miễn tam đồ khổ giả, luân nịch tam đồ, như kỷ xá trạch, nãi chí nhất niệm sân tâm, tức địa ngục nhân. Nhất niệm si tâm, tức súc sanh nhân. Nhất niệm tham tâm, tức ngạ quỷ nhân cố. Trần duyên chướng đạo khổ giả, tứ sự cung cấp, trợ đạo tư duyên, nhất hữu bất châu, nan ư tấn hạnh cố. Thọ mạng đoản xúc khổ giả, trường niên giả, bất quá bát cửu thập dĩ giai vong; đoản mạng giả, đại đô nhị tam thập nhi tảo yểu, cánh hữu kim nhật bất tri minh nhật sự, thượng sàng biệt liễu hạ sàng thời cố. Tu hành thoái thất khổ giả, thử độ nghiệp phong hạo đại, trần cảnh thô cường, dục khiết thiên nhiễm, cầu thăng phản trầm cố. Trần kiếp nan thành khổ giả, thử độ tu hành, đa kiếp, đa sanh, phương mông giải thoát cố.

(疏)苦樂相對，正以彼此二土，較量勝劣，令生忻厭，如難易十種等。

(鈔)相對者，以此極苦對彼極樂，一勝一劣，天壤較然，忻厭自生，取捨自定。十種者，慈雲懺主，開此土，彼土難易十種。今以苦樂對之。一者，此土有不常值佛苦。彼土無之，而但有華開見佛，常得親近之樂。二者，此土有不聞說法苦。彼土無之，而但有水鳥樹林皆宣妙法之樂。三者，無惡友牽纏苦。而有諸上善人俱會一處之樂。四者，無群魔惱亂苦。而有諸佛護念，遠離魔事之樂。五者，無輪迴不息苦。而有橫截生死，永脫輪迴之樂。六者，無難免三塗苦。而有惡道永離，名且不聞之樂。七者，無塵緣障道苦。而有受用自然，不俟經營之樂。八者，無壽命短

促苦。而有壽與佛同，更無限量之樂。九者，無修行退失苦。而有入正定聚，永無退轉之樂。十者，無塵劫難成苦。而有一生行滿，所作得辦之樂。等者，如安國鈔，開為二十四樂；群疑論，廣為三十益，皆舉樂明苦，舉益明損，大意同前，茲不繁載。

(演)此土有不常值佛苦者，諸佛出世，如優曇華，一百八十劫，空過無有佛故。不聞說法苦者，不常值佛，法亦難聞，萬劫千生，如聾如瞽故。惡友牽纏者，不獨淫朋匪友，怙惡增非，即勸策世善，遮障真乘，皆為惡友故。群魔惱亂苦者，天魔陰魔，及與心魔，乃至煩惱及死，八萬四千魔軍故。輪迴不息苦者，往來六趣，匍匐四生，如汲井輪，互為高下故。難免三途苦者，淪溺三途，如己舍宅，乃至一念瞋心，即地獄因。一念癡心，即畜生因。一念貪心，即餓鬼因故。塵緣障道苦者，四事供給，助道資緣，一有不周，難於進行故。壽命短促苦者，長年者，不過八九十以皆亡；短命者，大都二三十而早夭，更有今日不知明日事，上床別了下床時故。修行退失苦者，此土業風浩大，塵境粗強，欲潔偏染，求升反沈故。塵劫難成苦者，此土修行，多劫多生，方蒙解脫故。

*(**Sớ**: Đối chiếu giữa khổ và lạc, tức là so lường sự hơn và kém giữa cõi này và cõi kia, khiến cho [người nghe] sanh lòng ưa thích, chán nhàm, như mười thứ khó, dễ v.v...*

***Sao**: "Đối chiếu": Đem sự cực khổ trong cõi này so sánh với Cực Lạc trong cõi kia, một đằng thù thắng, một đằng kém hèn, khác biệt một trời một vực, [khiến cho] lòng yêu thích hoặc chán nhàm tự sanh, lấy - bỏ tự định.*

"Mười thứ": Từ Vân Sám Chủ đã nêu ra mười thứ khó, dễ giữa cõi này và cõi kia. Nay so sánh giữa khổ và lạc thì: Một là cõi này có nỗi khổ chẳng thường gặp Phật. Cõi kia chẳng có nỗi khổ ấy, chỉ có niềm vui hoa nở thấy Phật, thường được thân cận. Hai là cõi này có nỗi khổ chẳng nghe thuyết pháp. Cõi kia chẳng có nỗi khổ này, nhưng có niềm vui nước, chim, rừng cây đều tuyên diệu pháp. Ba là không có nỗi khổ vì bạn ác lôi kéo,

trói buộc, nhưng có niềm vui các vị thượng thiện nhân cùng nhóm họp một chỗ. Bốn là không có nỗi khổ bị các loại ma não loạn, mà có niềm vui được chư Phật hộ niệm, xa lìa ma sự. Năm là không có nỗi khổ luân hồi chẳng ngừng; nhưng có niềm vui cắt ngang sanh tử, vĩnh viễn thoát luân hồi. Sáu là không có nỗi khổ khó tránh tam đồ, mà có niềm vui vĩnh viễn lìa khỏi ác đạo, lại còn chẳng nghe đến tên gọi của ác đạo. Bảy là chẳng có nỗi khổ trần duyên chướng đạo, mà có niềm vui thọ dụng tự nhiên, chẳng cần phải lo liệu. Tám là chẳng có nỗi khổ thọ mạng ngắn ngủi, nhưng có niềm vui tuổi thọ giống như Phật, lại còn là chẳng có hạn lượng. Chín là chẳng có nỗi khổ tu hành lui sụt, mà có niềm vui nhập Chánh Định Tụ, vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Mười là chẳng có nỗi khổ trải qua số kiếp nhiều như vi trần khó thành tựu, mà có niềm vui trong một đời tu hành viên mãn, đạo nghiệp hoàn thành.

"Đẳng": Như An Quốc Sao nêu ra hai mươi bốn niềm vui, [Thích Tịnh Độ] Quần Nghi Luận giảng rộng ba mươi điều lợi ích, đều là nêu ra niềm vui, nói rõ sự khổ, nêu lên điều lợi ích, giảng rõ sự tổn hại, đại ý giống như phần trên đây, nên ở đây không chép cho khỏi rườm rà.

***Diễn**: "Cõi này có nỗi khổ chẳng thường gặp Phật": Vì chư Phật xuất thế như hoa Ưu Đàm, một trăm tám mươi kiếp luống qua không có Phật. "Khổ vì chẳng nghe thuyết pháp": Vì chẳng thường gặp Phật, pháp cũng khó nghe, muôn kiếp ngàn đời, như điếc, như mù! "Bạn ác lôi kéo, ràng buộc": Chẳng riêng gì bạn bè dâm tà, bậy bạ, hùa cậy làm ác, tăng thêm sai trái, mà ngay cả những kẻ khuyên năng sách tấn điều thiện thế gian, nhưng gây chướng ngại cho chân thừa cũng đều là bạn ác! "Khổ vì bị các loài ma não loạn": Thiên ma, ấm ma, cùng với tâm ma, cho đến phiền não và chết, tám vạn bốn ngàn quân ma. "Nỗi khổ vì luân hồi chẳng ngừng": Qua lại sáu đường, bò lết trong tứ sanh, như guồng kéo nước giếng, lần lượt lên cao xuống thấp. "Nỗi khổ vì khó tránh khỏi tam đồ": Do ngụp lặn, chìm đắm trong tam đồ, [coi đó] như nhà cửa của chính mình. Cho đến một niệm sân tâm thì là cái nhân của địa ngục, một niệm si tâm là cái nhân của súc sanh, một niệm tham tâm chính là cái nhân của ngạ quỷ. "Nỗi khổ vì trần duyên chướng đạo": Vì bốn sự cung cấp là duyên giúp đỡ cho đạo, hễ một thứ chẳng đầy đủ, sẽ khó tấn tu. "Nỗi khổ vì thọ mạng ngắn ngủi": Vì thọ mạng dài thì chẳng quá tám chín chục tuổi sẽ đều chết sạch, tuổi thọ ngắn thì phần lớn đều là hai ba mươi tuổi đã chết yểu. Lại còn ngày hôm nay chẳng biết chuyện ngày mai, lên giường chẳng hiểu rõ lúc xuống giường. "Nỗi khổ vì tu hành thoái thất": Vì cõi này gió nghiệp lồng lộng, trần cảnh thô tháp, mạnh bạo, muốn trong*

sạch cứ bị nhuốm bẩn, cầu thăng lên lại ngược ngạo bị đọa xuống. "Nỗi khổ vì trải qua số kiếp nhiều như vi trần mà khó thành tựu": Vì tu hành trong cõi này [phải mất] nhiều kiếp, nhiều đời mới được giải thoát).

(Sớ) Tứ độ khổ lạc, lược như Thiên Thai giáo trung thuyết.

(Sao) Sở vị Kiến Tư khinh trọng, Đồng Cư khổ lạc. Thể Tích xảo chuyết, phương tiện khổ lạc. Thứ Đệ, Nhất Tâm, Thật Báo khổ lạc. Phần Chứng, Cứu Cánh, Tịch Quang khổ lạc. Văn phồn bất tự.

(疏)四土苦樂，略如天台教中說。

(鈔)所謂見思輕重，同居苦樂。體析巧拙，方便苦樂。次第，一心，實報苦樂。分證，究竟 ，寂光苦樂 。文繁不敘。

*(**Sớ**: Sự khổ, vui trong bốn cõi đại lược như trong giáo pháp của tông Thiên Thai đã nói.*

***Sao**: Đó là [dựa trên] Kiến Tư nhẹ hay nặng [để phán định] cõi Đồng Cư là khổ hay vui. [Dựa trên] Thể Không và Tích Không khéo hay vụng, mà [phán định] sự khổ vui trong cõi Phương Tiện. [Dựa trên] Thứ Đệ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán để [phán định] sự khổ vui trong cõi Thật Báo. [Dựa trên] Phần Chứng và Cứu Cánh để phán định sự khổ vui trong cõi Tịch Quang. Do kinh văn rườm rà, nên chẳng thuật chi tiết).*

(Sớ) Vấn: "Bồ Tát quyên khí ngũ dục, tuy Luân Vương bất dĩ vi lạc, mẫn niệm chúng sanh, tuy địa ngục khẳng đại kỳ khổ, hà đắc xả khổ chúng sanh, tự thủ lạc độ?" Trí Giả Thập Nghi Luận trung tường minh. Hựu cánh hữu thủ xả đa thuyết, bất khả bất biện.

(Sao) Luận vân: "Bồ Tát vị đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, bất năng độ sanh. Dụ như phá châu chửng nịch, tự tha câu hãm. Cầu sanh Tịnh Độ, đắc Vô Sanh Nhẫn dĩ, hoàn lai thử thế, cứu khổ chúng sanh, nãi khắc hữu tế. Cố Sơ Tâm Bồ Tát, tất tiên xả thử khổ xứ, sanh bỉ lạc xứ". Cứ thử, tắc xả khổ giả, chánh dục bạt chúng sanh chi khổ. Thủ lạc giả, chánh dục dữ chúng sanh dĩ lạc dã. Tự lợi, lợi tha, thị Bồ Tát đạo, khởi Nhị Thừa độc thiện chi khả trù hồ? Hựu đa thuyết giả, Khuê Phong thích Viên Giác, chủng chủng thủ xả, giai thị luân hồi, vị như thử xả Sa Bà, thủ bỉ Tịnh Độ. Nhi Đại Mai diệc vân: "Xả cấu, thủ tịnh, thị sanh tử nghiệp". Cố kim biện vân: Thử đẳng ngữ ngôn, phi bất cực trí, đản đắc chỉ, tắc hiệu Đề Hồ; thất ý, tắc thành độc dược! Tận linh nhi hành, hà đản xả Sa Bà cấu, thủ Cực Lạc tịnh, vi thủ xả dã! Túng vị ngã

độ duy tâm, nhi xả cảnh thủ tâm, diệc thủ xả dã. Túng vị ngã vô thủ xả, nhi xả thử hữu thủ xả, thủ bỉ vô thủ xả, diệc thủ xả dã, diệc luân hồi sanh tử nghiệp dã.

(Diễn) Đắc chỉ tắc hiệu Đề Hồ, thất ý tắc thành độc dược giả, Khuê Phong, Đại Mai chi chỉ, bất quá tảo nhân thủ xả chi tình, đãng nhân cấu tịnh chi kiến nhĩ. Thị ứng bệnh phát dược, đản trừ kỳ bệnh dã. Nhược chấp vô tịnh uế, vô thủ xả vi cực tắc, thị chấp dược thành bệnh, phản vi độc dược dã.

(疏)問：菩薩捐棄五欲，雖輪王不以為樂，憫念眾生，雖地獄肯代其苦，何得捨苦眾生 ，自取樂土 ？智者十疑論中詳明。又更有取捨多說，不可不辯。

(鈔)論云：菩薩未得無生法忍，不能度生。喻如破舟拯溺，自他俱陷。求生淨土，得無生忍已，還來此世，救苦眾生，乃克有濟。故初心菩薩，必先捨此苦處，生彼樂處。據此，則捨苦者，正欲拔眾生之苦。取樂者，正欲與眾生以樂也。自利利他，是菩薩道，豈二乘獨善之可儔乎？又多說者，圭峰釋圓覺，種種取捨，皆是輪迴，謂如此捨娑婆，取彼淨土。而大梅亦云：捨垢取淨，是生死業。故今辯云：此等語言，非不極致，但得旨，則號醍醐；失意，則成毒藥！盡令而行，何但捨娑婆垢，取極樂淨，為取捨也！縱謂我土惟心，而捨境取心，亦取捨也。縱謂我無取捨，而捨此有取捨，取彼無取捨，亦取捨也，亦輪迴生死業也。

(演)得旨則號醍醐，失意則成毒藥者，圭峰，大梅之旨，不過掃人取捨之情，蕩人垢淨之見耳。是應病發藥，但除其病也。若執無淨穢，無取捨為極則，是執藥成病，反為毒藥也。

*(**Sớ**: Hỏi: "Bồ Tát vứt bỏ ngũ dục, dẫu [ngôi vị] Luân Vương cũng chẳng coi là vui. Nghĩ thương chúng sanh, dẫu [phải vào] địa ngục vẫn chịu khổ thay cho họ; há có nên bỏ chúng sanh khổ sở, tự giữ lấy cõi vui?" Trong Thập Nghi Luận của ngài Trí Giả đã giảng tường tận. Lại có nhiều thuyết lấy, bỏ, chẳng thể không biện định.*

***Sao**: Luận nói: "Bồ Tát chưa đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, chẳng thể độ sanh. Ví như [dùng] chiếc thuyền rách đi cứu kẻ chết chìm, ta và người đều bị hại. Cầu sanh Tịnh Độ, đắc Vô Sanh Nhẫn rồi, trở về cõi đời này, cứu chúng sanh khổ sở, ắt sẽ cứu được. Do vậy, Sơ Tâm Bồ Tát trước hết ắt phải bỏ cõi khổ này, sanh về cõi vui kia. Căn cứ theo đó, bỏ cõi khổ chính là vì muốn dẹp trừ nỗi khổ cho chúng sanh, giữ lấy cõi lạc chính là vì muốn ban sự vui cho chúng sanh. "Tự lợi, lợi người" là Bồ Tát đạo, há sự "mưu cầu tốt lành cho riêng mình" của hàng Nhị Thừa có thể sánh bằng ư?*

Lại nữa, "nhiều thuyết" [là như] ngài Khuê Phong giải thích kinh Viên Giác, [phán định] các thứ lấy bỏ đều là luân hồi, chẳng hạn như bỏ cõi Sa Bà, lấy cõi Tịnh Độ kia, [do vẫn là tâm lấy bỏ, cho nên vẫn là luân hồi]. Ngài Đại Mai cũng nói: "Bỏ cấu, lấy tịnh là nghiệp sanh tử". Cho nên nay tôi biện định rằng: Loại ngôn ngữ ấy, không lời nào chẳng nói đến lẽ tột cùng, nhưng nếu có thể lãnh hội ý chỉ, bèn gọi là Đề Hồ; nếu chẳng hiểu ý, sẽ trở thành thuốc độc. [Nói "lấy, bỏ, ưa, chán"] nhằm khiến cho trọn hết chúng sanh đều tu hành [pháp môn Tịnh Độ này]; sao lại chỉ coi "bỏ Sa Bà nhơ, lấy Cực Lạc sạch" là "lấy, bỏ"? Dẫu nói cõi của ta (Sa Bà) là duy tâm thì "bỏ cảnh, lấy tâm" vẫn là "lấy, bỏ". Dẫu nói "ta không có lấy bỏ", nhưng bỏ cái "có lấy bỏ" này để giữ lấy cái "không lấy bỏ" kia, thì vẫn là lấy bỏ, vẫn là nghiệp sanh tử luân hồi!

***Diễn**: "Đạt được ý chỉ thì gọi là Đề Hồ. Nếu chẳng hiểu ý, sẽ thành thuốc độc": Ý chỉ của các vị Khuê Phong và Đại Mai chẳng qua là quét sạch tình chấp lấy bỏ của người khác, gột sạch kiến giải nhơ - sạch của họ đấy thôi! Đó là ứng theo bệnh mà phát thuốc, chỉ nhằm dứt trừ căn bệnh đó. Nếu chấp không có khuôn phép cùng tột nhằm phán định tịnh hay uế, không có lấy hay bỏ, sẽ là chấp thuốc thành bệnh, đâm ra trở thành thuốc độc).*

(Sao) Ninh tri lý vô phần hạn, sự hữu sai thù. Lý tùy Sự biến, tắc vô thủ xả xứ, thủ xả uyển nhiên; Sự đắc Lý dung, tắc chánh thủ xả thời, liễu vô thủ xả. Cố Bồ Tát tuy tri nhất thiết pháp bình đẳng bất nhị, nhi thị khổ lạc cảnh, khai thủ xả môn, Quyền Thật song hành, Lý Sự vô ngại.

(Diễn) Ninh tri hạ, thân chánh ý: Lý vô phần hạn giả, vô tịnh, vô uế, vô thủ xả dã. Sự hữu sai thù giả, tịnh uế thiều nhiên, thủ xả lịch nhiên dã. Lý tùy Sự biến, vô thủ xả, xứ thủ xả uyển nhiên giả, sở vị tuy tri vô vọng khả đoạn, bất phương đoạn kỳ vọng tưởng. Tuy tri vô chân

khả chứng, bất phương chứng bỉ chân tâm dã. Sự đắc Lý dung, tắc chánh thủ xả thời, liễu vô thủ xả giả. Sở vị tuy vân đoạn vọng, nhi liễu tri vọng tưởng toàn không. Tuy vân chứng chân, nhi liễu tri Chân Như phi hữu dã. Quyền Thật song hành, Sự Lý vô ngại giả, tri nhất thiết pháp bình đẳng bất nhị, Thật dã, Lý dã. Nhi thị khổ lạc cảnh, khai thủ xả môn, Quyền dã, Sự dã. Bình đẳng tức khổ lạc, khổ lạc tức bình đẳng, bất nhị nhi thủ xả, thủ xả nhi bất nhị, song hành vô ngại dã.

(鈔)寧知理無分限，事有差殊 。理隨事變 ，則無取捨處，取捨宛然；事得理融，則正取捨時，了無取捨。故菩薩雖知一切法平等不二，而示苦樂境，開取捨門，權實雙行，理事無礙。

(演)窃知下，伸正意，理無分限者，無淨無穢，無取捨也。事有差殊者，淨穢迢然，取捨歷然也。理隨事變，無取捨，處取捨宛然者，所謂雖知無妄可斷，不妨斷其妄想。雖知無真可證，不妨證彼真心也。事得理融，則正取捨時，了無取捨者。所謂雖云斷妄，而了知妄想全空。雖云證真，而了知真如非有也。權實雙行，事理無礙者，知一切法平等不二，實也，理也。而示苦樂境，開取捨門，權也，事也。平等即苦樂，苦樂即平等，不二而取捨，取捨而不二，雙行無礙也。

*(**Sao**: Nào có biết Lý chẳng có phân biệt, giới hạn, nhưng Sự có sai khác rạch ròi. Lý biến đổi theo Sự, cho nên đối với chỗ không có lấy bỏ mà lấy bỏ rành rành. Đã hiểu "Sự, Lý dung thông" thì ngay trong lúc lấy bỏ, trọn chẳng có lấy bỏ. Vì thế, Bồ Tát tuy biết hết thảy các pháp bình đẳng chẳng hai, nhưng chỉ bày cảnh khổ, cảnh vui, mở ra môn lấy bỏ, Quyền Thật cùng hành, Lý Sự vô ngại.*

***Diễn**: Từ câu "nào có biết" trở đi, diễn tả ý chánh yếu: Lý chẳng có phân biệt, giới hạn, chẳng tịnh, chẳng uế, chẳng lấy hay bỏ. "Sự có sai khác rạch ròi": Tịnh hay uế rành rẽ, lấy và bỏ rành rành. "Lý chuyển biến theo Sự, từ chỗ chẳng lấy bỏ mà lấy bỏ rành rành": Tức là nói tuy biết không có vọng để có thể đoạn, nhưng chẳng trở ngại đoạn vọng tưởng. Tuy biết không có lẽ chân để có thể chứng, chẳng ngại chứng chân tâm. "Sự do Lý mà dung thông", tức là ngay trong khi lấy bỏ, bèn trọn chẳng có lấy bỏ. Đó gọi là: Tuy nói là đoạn vọng, mà hiểu rõ vọng tưởng toàn*

thể là Không. Tuy nói là chứng chân, nhưng biết rõ Chân Như chẳng phải là có! Quyền và Thật cùng hành, Sự và Lý vô ngại, biết hết thảy các pháp bình đẳng bất nhị, đó là Thật, là Lý. Chỉ bày cảnh khổ vui, mở ra môn lấy, bỏ; đó là Quyền, là Sự. Bình đẳng tức khổ lạc, khổ lạc tức bình đẳng, bất nhị mà lấy bỏ, lấy bỏ mà bất nhị, cả hai cùng được thực hiện chẳng e ngại).

(Sao) Tư luận thả trí. Kim nhữ tự thẩm, quả năng tao khang xú hủ, dĩ vi ẩm thực, bất dị cao lương phủ? Xí hỗn khanh tỉnh, dĩ vi sàng tháp, bất dị hoa đường phủ? Mộc bì, thảo diệp, dĩ vi y phục, bất dị la ỷ phủ? Hổ, hủy, hùng, bi, dĩ vi bạn lữ, bất dị phụ mẫu, huynh đệ phủ? Đông tọa băng tuyết, bất dị tăng khoáng phủ? Hạ bạo liệt nhật, bất dị lương phong phủ? Nãi chí địa ngục trung tỏa, thiêu, thung, ma, bất dị nhập Đệ Tam Thiền phủ? Dị loại trung hành, bất dị du hý phủ? Như kỳ bất nhiên, uyển nhĩ phàm phu, hà đắc vọng dĩ đại thánh nhân quá lượng cảnh giới nhi vi kỷ hữu? Thủ khoái nhất thời, lưu hại vô tận. Ưng văn thử ngữ, sanh đại hối hận, khởi đại giác ngộ, thế lệ bi khấp, cầu sanh Tịnh Độ. Cố Thiều Thủy bình Khuê Phong Sớ, vị "hân yếm thủ xả, tuy vị mê chân khởi vọng, diệc năng thuận giáo thành công, đản tri toàn tu tức tánh, tắc hân yếm bổn không". Huống An Dưỡng nhất môn, chư Phật cộng tán. Vãng lai pháp giới, di hiển duy tâm, thác bỉ thắng duyên, tốc đăng bảo giác. Thật sanh vật quy thê chi chánh lộ, nãi thánh nhân cấp dẫn chi diệu quyền dã.

(Diễn) Cố Thiều Thủy hạ, dẫn cổ chứng kết, diệc năng thuận giáo thành công, tắc vô thủ xả xứ, bất phương thủ xả uyển nhiên. Hân yếm bổn không, tắc chánh thủ xả thời, liễu vô thủ xả dã. Huống An Dưỡng hạ, trùng phúc phát minh. Vãng lai pháp giới di hiển duy tâm giả, vãng giả, vãng sanh Tịnh Độ. Lai giả, hồi nhập Sa Bà, nhi thật vãng vô sở vãng, lai vô sở lai, di hiển duy tâm chi diệu. Nhược chấp định duy tâm, bất tín vãng lai giả, tắc ký vô vãng lai, hà pháp duy tâm? Tuy danh duy tâm, phi chân duy tâm dã. Thác bỉ thắng duyên, tốc đăng bảo giác giả, dĩ phàm phu dục đăng bảo giác, tất cụ nhị chủng. Nhất giả, nhân thắng, cụ túc Nhất Thừa chủng tử cố. Nhị giả, duyên thắng, chư Phật, Bồ Tát tác ngoại duyên cố. Nhược nội nhân tuy cụ, ngoại duyên bất thắng, như mộc hữu hỏa, bất giả toản toại chi duyên, bất năng tự nhiên kỳ mộc. Tu đạo diệc nhiên, tuy cụ Nhất Thừa nhân chủng, nhược vô Di Đà thắng duyên, bất năng tốc đoạn luân hồi, đăng Vô Thượng Giác dã. Quyền

viết diệu giả, dĩ thị tức Thật chi Quyền cố; cái Quyền ngoại vô Thật, Thật ngoại vô Quyền dã.

(鈔)斯論且置。今汝自審，果能糟糠臭腐，以為飲食，不異膏粱否？廁溷坑穽，以為床榻，不異華堂否？木皮草葉，以為衣服，不異羅綺否？虎兕熊羆，以為伴侶，不異父母，兄弟否？冬坐冰雪，不異繒纊否？夏暴烈日，不異涼風否？乃至地獄中鉾燒舂磨，不異入第三禪否？異類中行，不異遊戲否？如其不然，宛爾凡夫，何得妄以大聖人過量境界而為己有？取快一時，流害無盡。應聞此語，生大悔恨，起大覺悟，涕淚悲泣，求生淨土。故苕水評圭峰疏，謂忻厭取捨，雖謂迷真起妄，亦能順教成功，但知全修即性，則忻厭本空。況安養一門，諸佛共讚。往來法界，彌顯唯心，託彼勝緣 ，速登寶覺 。實生物歸棲之正路，乃聖人汲引之妙權也。

(演)故苕水下，引古證結，亦能順教成功，則無取捨處，不妨取捨宛然。欣厭本空，則正取捨時，了無取捨也。況安養下，重覆發明。往來法界彌顯唯心者，往者，往生淨土。來者，迴入娑婆，而實往無所往，來無所來，彌顯唯心之妙。若執定唯心，不信往來者，則既無往來，何法唯心？雖名唯心，非真唯心也。託彼勝緣，速登寶覺者，以凡夫欲登寶覺，必具二種。一者，因勝，具足一乘種子故。二者，緣勝，諸佛菩薩作外緣故。若內因雖具，外緣不勝，如木有火，不假鑽燧之緣，不能自燃其木。修道亦然，雖具一乘因種，若無彌陀勝緣，不能速斷輪迴，登無上覺也。權曰妙者，以是即實之權故；蓋權外無實，實外無權也。

*(**Sao**: Tạm gác sự luận định ấy lại. Nay ông hãy tự xét, thật sự có thể coi thức ăn từ những thứ vụn vặt, hư nát, hôi thối, chẳng khác gì cao lương mỹ vị hay không? Coi chuồng xí, hầm hố như giường, chõng, chẳng khác nhà cửa tráng lệ hay không? Coi quần áo bằng vỏ cây, lá cỏ, chẳng khác lượt là hay chăng? Coi hổ, tê giác, gấu như bạn bè, chẳng khác cha*

mẹ, anh em hay không? Mùa Đông ngồi trên băng tuyết chẳng khác mền nệm mịn màng hay không? Tháng Hạ nhằm ngày nóng gắt, chẳng khác gì gió mát hay không? Cho đến cưa, đốt, giã, xay trong địa ngục, chẳng khác nhập Đệ Tam Thiền ư? Đi trong dị loại, chẳng khác dạo chơi hay không? Nếu chẳng được như vậy, thì rành rành là phàm phu; há có nên lầm lạc lấy cảnh giới từng trải của bậc đại thánh nhân làm cảnh giới sở hữu của chính mình! Được sướng khoái một chốc, gây hại vô tận. Hãy nên nghe lời này, bèn sanh lòng hối hận to lớn, khởi lên sự giác ngộ to tát, nước mắt chứa chan, cầu sanh Tịnh Độ.

Vì thế, ngài Thiều Thủy bình luận Khuê Phong Sớ, bảo: "Ưa, chán, lấy, bỏ, tuy nói là mê chân dấy vọng, nhưng cũng có thể thuận theo lời dạy mà thành công. Chỉ biết toàn tu chính là tánh, thì ưa - chán vốn là Không". Huống chi một môn An Dưỡng được chư Phật cùng khen ngợi. Qua lại pháp giới, duy tâm càng rõ rệt. Nhờ vào duyên thù thắng ấy để mau lên bảo giác. Đúng là chánh lộ để mọi loài chúng sanh quay về nương tựa, là phương tiện quyền biến khéo léo để dẫn dắt của thánh nhân.

***Diễn**: Từ câu "vì thế, ngài Thiều Thủy" trở đi, dẫn lời cổ nhân để làm chứng, hòng kết luận: Cũng có thể thuận theo lời dạy mà thành công, vậy thì không có chỗ để lấy bỏ, mà chẳng ngại lấy bỏ rành rành. Ưa và ghét vốn là Không, cho nên ngay trong lúc lấy bỏ, hiểu rõ chẳng có lấy bỏ.*

Từ câu "An Dưỡng" trở đi, nhắc lại để chỉ rõ. "Vãng lai pháp giới càng tỏ rõ duy tâm": Vãng là vãng sanh Tịnh Độ. Lai là trở vào Sa Bà, nhưng thật sự đi mà không có chỗ đi, đến mà không có chỗ đến, càng hiển lộ sự mầu nhiệm của duy tâm. Nếu chấp chặt duy tâm, chẳng tin vãng sanh, thì là đã không có vãng lai, pháp nào duy tâm? Tuy nói là duy tâm, chẳng phải thật sự là duy tâm!

"Nhờ vào duyên thù thắng ấy mà mau chứng bảo giác": Do phàm phu muốn dự lên bảo giác, ắt phải có đủ hai thứ: Một là nhân thù thắng, do trọn đủ chủng tử Nhất Thừa. Hai là duyên thù thắng, do chư Phật, Bồ Tát làm ngoại duyên. Nếu nội nhân tuy có, mà ngoại duyên chẳng thù thắng, như gỗ có sẵn lửa, chẳng nhờ vào dùi mài làm duyên, lửa sẽ chẳng tự nhiên đốt gỗ được! Tu đạo cũng thế, tuy sẵn có chủng tử tạo nhân cho Nhất Thừa, nhưng nếu không có thắng duyên là Phật Di Đà, sẽ chẳng thể nhanh chóng đoạn trừ luân hồi, chứng Vô Thượng Giác. "Quyền được gọi là Diệu": Vì Thật chính là Quyền, ấy là vì ngoài Quyền chẳng có Thật, ngoài Thật chẳng có Quyền).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vô nhiễm, thị vô hữu chúng khổ nghĩa; tự tánh thường tịnh, thị đản thọ chư lạc nghĩa.

(Diễn) Tự tánh vô nhiễm giả, tùng bổn dĩ lai, nhất thiết nhiễm pháp bất tương ứng cố. Tự tánh thường tịch giả, thường hằng bất biến, tịnh pháp mãn túc cố.

(疏)稱理，則自性無染 ，是無有眾苦義 ；自性常淨，是但受諸樂義。

(演)自性無染者，從本以來，一切染法不相應故。自性常淨者，常恒不變，淨法滿足故。

*(**Sớ**: Xứng Lý tự tánh vô nhiễm là ý nghĩa "chẳng có các nỗi khổ", tự tánh thường tịnh là ý nghĩa "chỉ hưởng các niềm vui".*

***Diễn**: "Tự tánh vô nhiễm": Xét từ gốc, do tự tánh chẳng tương ứng với hết thảy các nhiễm pháp. "Tự tánh thường tịnh": Thường hằng bất biến, tịnh pháp trọn đủ).*

(Sao) Nhiễm thị khổ nghĩa, tịnh thị lạc nghĩa. Tự tánh vô nhiễm thường tịnh, thị vô khổ thường lạc dã.

(Diễn) Nhiễm thị khổ nghĩa giả, dĩ khổ giả, thị bức não nghĩa. Phiền não nhiễm ô tịnh tâm, tức bức não cố. Tịnh thị lạc nghĩa giả, dĩ lạc giả, sướng duyệt nghĩa. Tịnh tâm bất vị bức não, tức sướng duyệt cố.

(鈔)染是苦義，淨是樂義。自性無染常淨，是無苦常樂也。

(演)染是苦義者，以苦者，是逼惱義。煩惱染污淨心，即逼惱故。淨是樂義者，以樂者，暢悅義。淨心不為逼惱，即暢悅故。

*(**Sao**: Nhiễm là ý nghĩa của khổ, tịnh là ý nghĩa của lạc. Tự tánh vô nhiễm thường tịnh chính là chẳng khổ, thường vui.*

***Diễn**: "Nhiễm là ý nghĩa của khổ": Do khổ có ý nghĩa bức bách, gây sầu não. Phiền não nhiễm ô tịnh tâm, tức là bức bách, não hại. "Tịnh là ý nghĩa của lạc": Do lạc có nghĩa là vui thỏa. Tịnh tâm chẳng bị bức bách, não hại, tức là vui thỏa vậy).*

(Sao) Hoa Nghiêm Lục Địa quán sát vô minh, dĩ Vô Minh chí Lục Nhập thị Hành Khổ, Xúc, Thọ thị Khổ Khổ, dư thị Hoại Khổ. Ngã kim

thử tâm, vô vô minh, nãi chí vô lão tử đẳng, thành vô khổ nghĩa. Vô thử thập nhị chi, tức chân giải thoát, thành thọ lạc nghĩa. Kinh vân: "Vô Thượng Bồ Đề giác pháp lạc, vô thượng Niết Bàn tịch tĩnh lạc", giai lạc nghĩa dã.

(Diễn) Hoa Nghiêm Lục Địa quán sát vô minh giả, Lục Địa Bồ Tát dĩ thập chủng tướng quán chư duyên khởi, sở vị tinh la thập môn, nguyệt mãn tam quán dã, kim Sao sở dẫn, nãi thị đệ thất tam khổ tụ tập quán. Vô Minh đẳng giả, ư Lý bất liễu, danh Vô Minh. Sở tác nghiệp quả, thị Hành. Thử nhị chi thuộc quá khứ nhân. Hành y chỉ sơ tâm, thị Thức. Dữ Thức cộng sanh tứ thủ uẩn, vi Danh Sắc. Danh Sắc tăng trưởng, vi Lục Nhập. Căn, cảnh, thức tam sự hòa hợp, thị Xúc. Xúc cộng sanh, hữu Thọ. Thử ngũ chi thuộc hiện tại quả. Ư Thọ nhiễm trước, thị Ái. Ái tăng trưởng, thị Thủ. Thủ sở khởi hữu lậu nghiệp, vi Hữu. Thử tam chi thuộc hiện tại nhân. Tùng nghiệp khởi Uẩn, vi Sanh. Uẩn thục, Uẩn hoại, vi Lão Tử. Thử nhị thuộc vị lai quả. Vô minh chí Lục Nhập thị Hành Khổ giả, dĩ tiền ngũ thiên lưu tướng hiển cố. Xúc Thọ thị Khổ Khổ giả, Xúc đối sanh Khổ, dĩ nhân khổ duyên, sanh ư khổ tâm cố. Dư thị Hoại Khổ giả, dư đản hoại lạc, cố danh Hoại Khổ. Lão Tử hoại Sanh, diệc danh vi khổ cố. Ngã kim thử tâm vô vô minh, nãi chí vô lão tử đẳng, khả song ước bổn nhiên tu đắc thuyết, tức tự tánh bổn tự thanh tịnh, vô nhất thiết sai biệt chi tướng dã. Nhược ước tu đắc thuyết, tức kinh trung sở vị nhược Vô Minh diệt, Hành diệt giả, thị tam khổ đoạn dã. Vô Thượng Bồ Đề thị cứu cánh trí đức, nãi năng cứu tận chư pháp Thật Tướng, biên tế trí mãn, Chủng Giác đốn viên dã. Vô Thượng Niết Bàn thị cứu cánh Đoạn Đức. Dĩ Vô Minh diệt cố, tâm vô hữu khởi. Dĩ vô khởi cố, cảnh giới tùy diệt. Dĩ nhân duyên câu diệt cố, tâm tướng giai tận, danh đắc Niết Bàn dã. Giác pháp lạc giả, vị vô tâm quán pháp, nhi ư chư pháp tự nhiên phổ chiếu dã. Tịch tĩnh lạc giả, vô sở thủ trước, do như hư không, nhập nhất thiết pháp như hư không tánh dã. Nhị câu danh lạc, thị vô lạc chi lạc, nãi vi chân lạc dã. Nhược hữu khả lạc, dữ khổ hà biệt, như hạ văn sở thuyết.

(鈔)華嚴六地觀察無明，以無明至六入是行苦，觸受是苦苦，餘是壞苦。我今此心，無無明，乃至無老死等，成無苦義。無此十二支，即真解脫，成受樂義。經云：無上菩提覺法樂，無上涅槃寂靜樂，皆樂義也。

(演)華嚴六地觀察無明者，六地菩薩以十種相觀諸緣起，所謂星羅十門，月滿三觀也，今鈔所引，乃是第七三苦聚集觀。無明等者，於理不了，名無明。所作業果，是行。此二支屬過去因。行依止初心，是識。與識共生四取蘊，為名色。名色增長，為六入。根境識三事和合，是觸。觸共生，有受。此五支屬現在果。於受染著，是愛。愛增長，是取。取所起有漏業，為有。此三支屬現在因。從業起蘊，為生。蘊熟蘊壞，為老死。此二屬未來果。無明至六入是行苦者，以前五遷流相顯故。觸受是苦苦者，觸對生苦，以因苦緣，生於苦心故。餘是壞苦者，餘但壞樂，故名壞苦。老死壞生，亦名為苦故。我今此心無無明，乃至無老死等，可雙約本然修得說，若約本然說，即自性本自清淨，無一切差別之相也。若約修得說，即經中所謂若無明滅，行滅者，是三苦斷也。無上菩提是究竟智德，乃能究盡諸法實相，邊際智滿，種覺頓圓也。無上涅槃是究竟斷德。以無明滅故，心無有起。以無起故，境界隨滅。以因緣俱滅故，心相皆盡，名得涅槃也。覺法樂者，謂無心觀法，而於諸法自然普照也。寂靜樂者，無所取著，猶如虛空，入一切法如虛空性也。二俱名樂，是無樂之樂，乃為真樂也。若有可樂，與苦何別，如下文所說。

*(**Sao**: Bậc Lục Địa Bồ Tát trong Hoa Nghiêm quán sát vô minh, do từ Vô Minh đến Lục Nhập là Hành Khổ, Xúc và Thọ là Khổ Khổ, những điều còn lại là Hoại Khổ. Nay cái tâm này của ta chẳng có vô minh cho đến chẳng có già, chết v.v... tạo thành nghĩa "vô khổ". Không có mười hai chi ấy thì chính là chân giải thoát, tạo thành nghĩa "hưởng các niềm vui". Kinh dạy: "Vô Thượng Bồ Đề giác pháp lạc, Vô Thượng Niết Bàn tịch tĩnh lạc", đều là ý nghĩa của chữ Lạc.*

***Diễn**: "Hàng Lục Địa trong Hoa Nghiêm quán sát vô minh": Lục Địa Bồ Tát dùng mười loại tướng để quán các duyên khởi, tức là mười môn thuộc về tướng tinh tú la liệt, ba môn thuộc về tướng trăng tròn. Nay [phép Quán] được nhắc đến trong lời Sao chính là phép Quán thứ bảy, tức "tam khổ tụ tập".*

"Vô Minh…": Chẳng hiểu rõ Lý gọi là Vô Minh. Các nghiệp quả đã gây tạo là Hành. Hai chi này thuộc về cái nhân quá khứ. Hành nương nhờ sơ tâm thì là Thức. Cùng với Thức sanh ra bốn thủ uẩn thì là Danh Sắc. Danh Sắc tăng trưởng là Lục Nhập. Căn, cảnh, thức ba sự hòa hợp là Xúc. Xúc cùng sanh bèn có Thọ. Năm chi này thuộc cái quả trong hiện tại. Đối với Thọ mà nhiễm đắm thì là Ái. Ái tăng trưởng là Thủ. Thủ dấy khởi nghiệp hữu lậu thì là Hữu. Ba chi này thuộc về cái nhân trong hiện tại. Từ nghiệp khởi Uẩn là Sanh. Uẩn chín muồi, Uẩn hư hoại là Lão Tử. Hai chi này thuộc cái quả trong vị lai.

"Từ Vô Minh cho đến Lục Nhập là Hành Khổ": Do năm chi trước có tướng dời đổi rõ rệt. "Xúc và Thọ là Khổ Khổ": Do Xúc tiếp xúc mà sanh ra Khổ; do vì khổ duyên mà sanh ra khổ tâm. "Những chi khác là Hoại Khổ": Những thứ khác chỉ hư hoại lạc; vì thế, gọi là Hoại Khổ. Lão Tử hoại Sanh, nên cũng gọi là Khổ. Nay cái tâm này của ta không có vô minh, cho đến không có lão, tử v.v… có thể dựa theo [hai phương diện] là "vốn sẵn có" và "tu được" để nói. Nếu nói theo phương diện "vốn sẵn có", thì tự tánh vốn tự thanh tịnh, không có hết thảy các tướng sai biệt. Nếu nói theo phương diện "tu được", thì chính là như trong kinh đã nói "nếu Vô Minh diệt thì Hành diệt" tức là ba thứ khổ đều bị đoạn trừ.

Vô Thượng Bồ Đề là trí đức rốt ráo, có thể thấu hiểu tột cùng Thật Tướng của các pháp, trí thấu hiểu viên mãn bờ mé bèn nhanh chóng trọn vẹn Chủng Giác. Vô Thượng Niết Bàn là Đoạn Đức rốt ráo. Do Vô Minh diệt, nên tâm chẳng dấy lên. Do chẳng dấy lên, cảnh giới theo đó bèn diệt mất. Do nhân và duyên đều bị diệt, tâm và tướng đều tận, thì gọi là "đắc Niết Bàn". "Giác pháp lạc" là vô tâm quán pháp, tự nhiên chiếu trọn khắp các pháp. "Tịch tĩnh lạc" là không có chấp lấy, ví như hư không, vào trong hết thảy các pháp như đặc tánh của hư không vậy. Hai thứ ấy (giác pháp lạc và tịch tĩnh lạc) đều gọi là lạc, tức là lạc trong vô lạc, chính là chân lạc. Nếu có cái để có thể vui, thì có khác gì khổ như trong đoạn văn sau đây sẽ nói).

(Sao) Dĩ thượng thả thuận kinh văn khổ lạc đối đãi. Như thật nhi thuyết, nhiễm ký bất lập, tịnh diệc hà tồn? Tịnh uế song vong, khổ lạc bình đẳng, như tư chi lạc, nãi sở dĩ vi Cực Lạc dã. Thánh giải hoàn thành ma cảnh, Phật kiến tảo đọa Thiết Vy. Thị cố ngã quán Cực Lạc, thật vô khả lạc. Nhược hữu khả lạc, dữ khổ hà biệt?

(Diễn) Thánh giải hoàn thành ma cảnh giả, Lăng Nghiêm vân: "Bất tác thánh tâm, danh thiện cảnh giới. Nhược tác thánh giải, tức thọ

quần tà". Phật kiến tảo đọa Thiết Vi giả, kinh vân: "Văn Thù tạc dạ khởi Phật kiến, Pháp kiến, bị ngô biếm hướng nhị Thiết Vi sơn".

(鈔)以上且順經文苦樂對待。如實而說，染既不立，淨亦何存？淨穢雙忘，苦樂平等，如斯之樂，乃所以為極樂也。聖解還成魔境，佛見早墮鐵圍。是故我觀極樂，實無可樂。若有可樂，與苦何別？

(演)聖解還成魔境者，楞嚴云：不作聖心，名善境界。若作聖解，即受群邪。佛見早墮鐵圍者，經云：文殊昨夜起佛見法見，被吾貶向二鐵圍山。

*(**Sao**: Trên đây là thuận theo kinh văn [để biện định] sự đối đãi giữa khổ và lạc. Nếu nói theo lẽ thật thì nhiễm đã chẳng lập, tịnh làm sao còn tồn tại cho được? Tịnh lẫn uế cùng mất, khổ và lạc bình đẳng, do vui sướng như thế, nên gọi là Cực Lạc. Hiểu là thánh cảnh thì lại trở thành cảnh ma, do thấy biết có Phật mà sớm đọa trong Thiết Vi. Vì thế, ta quán cõi Cực Lạc thật sự không có gì để có thể vui; nếu có thứ gì để có thể vui thì cùng với khổ có khác gì đâu?*

***Diễn**:"Hiểu là thánh cảnh thì lại trở thành cảnh ma": Kinh Lăng Nghiêm nói: "[Khi thấy những cảnh giới tốt đẹp] mà chẳng nghĩ là tâm của chính mình đã chứng nhập cái tâm của bậc thánh thì những cảnh giới ấy là cảnh giới thiện. Nếu cho rằng mình giải ngộ như thánh nhân, liền đọa vào các tà kiến". "Do có kiến giải về Phật mà đã sớm đọa vào Thiết Vi": Kinh chép: "Đêm hôm qua, Văn Thù dấy lên kiến giải về Phật, kiến giải về pháp, bị ta đày sang khoảng giữa hai núi Thiết Vi").*

Nhị, biệt thị trang nghiêm (tứ): Sơ, lan võng hàng thụ. Nhị, trì các liên hoa. Tam, thiên nhạc hoa vũ. Tứ, hóa cầm phong thụ.

Sơ, lan võng hàng thụ (nhị): Sơ, tường trần. Nhị, tổng kết.

Sơ, tường trần.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuẫn, thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo châu táp vi nhiễu.

(Sớ) Thử chánh minh lạc sự dã. Lan thuẫn vi ư thụ ngoại, la võng phú ư thụ thượng, trùng trùng tương gián, kỳ số hữu thất dã. Tứ bảo giả, thất bảo tiền tứ dã. Châu táp giả biến mãn, vi nhiễu giả hồi hộ, ngôn trùng trùng giai tứ bảo sở nghiêm sức dã.

(Sao) Lan Thuẫn giả, hoành viết Lan, trực viết Thuẫn. Thử phương hoa mộc, diệc tác lan thuẫn. Nhất, phòng vật tổn. Nhị, thị mỹ

quan. Bỉ độ tuy ngưu dương tuyệt mục, ngoạn hảo vô tâm, nhi vạn hạnh công đức chi sở trang nghiêm, nhậm vận thành tựu dã. La võng nghĩa đồng thử. Hàng thụ giả, thứ đệ thành hàng, vô thác loạn dã. Thất trùng giả, nhất trùng lan võng, vi phú nhất trùng hàng thụ, cố viết "trùng trùng tương gián" dã. Tam sự tuy thử phương diệc hữu, nhi chất duy mộc thạch; bỉ thuần dĩ bảo dã. Thất bảo tiền tứ giả, kim, ngân, lưu ly, pha lê dã. Châu táp vi nhiễu giả, như Thụy Tướng Kinh vân: "Vô lượng bảo võng, giai dĩ kim lũ trân châu, bách thiên tạp bảo, trang nghiêm hiệu sức. Châu táp tứ diện, thùy dĩ bảo linh, quang sắc hoa diệu, la phú thụ lâm". Đại Bổn vân: "Kỳ võng nhu nhuyễn, như Đâu La Miên, tắc phi thế bảo, tất đãi điêu trác kiểu nhu, nhi vị nghiêm sức dã". Lan thuẫn bảo sức, lệ thử khả tri. Đại Bổn vân: "Chư bảo ngạn thượng, hữu vô số Chiên Đàn hương thụ, Cát Tường quả thụ, hàng hàng tương trị, hành hành tương vọng, chi chi tương chuẩn, diệp diệp tương hướng, hoa hoa tương thuận, quả quả tương đương. Như thị hàng liệt, sổ bách thiên trùng. Thị danh vi Hàng". Hựu vân: "Thất bảo chư thụ, biến mãn thế giới, sở vị kim căn, kim hành, chi, diệp, hoa, quả, diệc giai dĩ kim, tắc danh nhất bảo. Kim căn, ngân hành, chi, diệp, hoa, quả, diệc phân kim, ngân, tắc danh nhị bảo. Như thị tam bảo, tứ bảo, kỳ bảo gián thác, triển chuyển tăng đa, nãi chí thất bảo". Hựu vân: "Chư Phật tịnh quốc, thù thắng trang nghiêm, ư bảo thụ trung, tất giai xuất hiện, do như minh kính". Quán Kinh vân: "Thất bảo hàng thụ, nhất nhất thụ cao bát thiên do-tuần. Nhất nhất hoa diệp, tác dị bảo sắc. Lưu ly sắc trung, xuất kim sắc quang. Pha lê sắc trung, xuất hồng sắc quang đẳng". Hựu vân: "Diệu chân châu võng, di phú thụ thượng. Nhất nhất thụ hữu thất trùng võng. Nhất nhất võng gian, hữu ngũ bách ức diệu hoa cung điện, như Phạm Vương cung. Chư thiên đồng tử, tự nhiên tại trung". Hựu vân: "Nhất nhất thụ diệp, tung quảng chánh đẳng nhị thập ngũ do-tuần. Kỳ diệp thiên sắc, hữu chúng diệu hoa, tác Diêm Phù Đàn kim sắc. Như toàn hỏa luân, uyển chuyển diệp gian, dũng sanh chư quả, như Đế Thích bình. Hữu đại quang minh, hóa thành tràng phan, vô lượng bảo cái. Thị bảo cái trung, ánh hiện tam thiên đại thiên thế giới, nhất thiết Phật sự, diệc ư trung hiện". Hựu Đại Bổn vân: " Phật giảng đường, A La Hán xá trạch, các các nội thất bảo trì, ngoại thất bảo thụ, sổ thiên bách trùng".

(Diễn) Như Thụy Tướng kinh hạ, sở dẫn cộng hữu cửu trùng, giai chứng châu táp vi nhiễu chi ý. Nhất, đơn võng, minh võng hữu tạp sắc bảo quang. Nhị, cử võng lệ nhị, minh võng nhu nhuyễn bất đãi điêu

trác. Tam, đơn hàng thụ, minh hàng liệt hữu sổ bách thiên trùng. Tứ, đơn hàng thụ, minh thụ hữu thất bảo gián thác. Ngũ, đơn hàng thụ, minh thụ hữu Phật quốc xuất hiện. Lục, đơn hàng thụ, minh thụ hữu quang sắc dị thường. Thất, thụ thượng hữu võng, minh thụ võng cụ túc sanh pháp. Bát, thụ thượng hữu võng, minh thụ võng ánh hiện đại thiên. Cửu, đơn hàng thụ, diệc minh thụ hữu sổ bách thiên trùng. Như toàn hỏa luân giả, ngôn đoàn viên chánh đẳng, quang minh thiểm thước dã. Như Đế Thích bình giả, Thích Luận đệ thập ngũ vân: "Hữu nhân nhất tâm cúng dường Đế Thích, mãn thập nhị tuế. Thiên dữ nhất khí, danh viết Đức Bình, nhi ngữ chi ngôn: - Sở tu chi vật, tùng thử bình xuất". Kim dĩ diệu hoa, dũng sanh chư quả, như bỉ thiên bình, xuất chủng chủng vật.

二、別示莊嚴(四)：初、欄網行樹。二、池閣蓮華。三、天樂雨花。四、化禽風樹。

初、欄網行樹(二)：初、详陳。二、總結。

初、详陳。

(經)又舍利弗！極樂國土，七重欄楯，七重羅網，七重行樹，皆是四寶周匝圍繞。

(疏)此正明樂事也。欄楯圍於樹外，羅網覆於樹上，重重相間，其數有七也。四寶者，七寶前四也。周匝者遍滿，圍繞者迴護，言重重皆四寶所嚴飾也。

(鈔)欄楯者，橫曰欄，直曰楯。此方花木，亦作欄楯。一、防物損。二、示美觀。彼土雖牛羊絕牧，玩好無心，而萬行功德之所莊嚴，任運成就也。羅網義同此。行樹者，次第成行，無錯亂也。七重者，一重欄網，圍覆一重行樹，故曰重重相間也。三事雖此方亦有，而質唯木石；彼純以寶也。七寶前四者，金銀琉璃玻璃也。周匝圍繞者，如瑞相經云：無量寶網，皆以金縷珍珠，百千雜寶，莊嚴較飾。周匝四面，垂以寶鈴，光色華耀，羅覆樹林。大本云：其網柔軟，如兜羅棉，則非世寶，必待雕琢矯揉，而為嚴飾也。欄楯寶飾，例此可知。大本云：諸寶岸上，有無數栴檀香樹，吉祥果樹，行行相值，莖莖相望，枝枝相准，葉

葉相向，花花相順，果果相當。如是行列，數百千重。是名為行。又云：七寶諸樹，遍滿世界，所謂金根金莖，枝葉花果，亦皆以金，則名一寶。金根銀莖，枝葉花果，亦分金銀，則名二寶。如是三寶四寶，其寶間錯，展轉增多，乃至七寶。又云：諸佛淨國，殊勝莊嚴，於寶樹中，悉皆出現，猶如明鏡。觀經云：七寶行樹，一一樹高八千由旬。一一花葉，作異寶色。琉璃色中，出金色光。玻璃色中，出紅色光等。又云：妙真珠網，彌覆樹上。一一樹有七重網。一一網間，有五百億妙華宮殿，如梵王宮。諸天童子，自然在中。又云：一一樹葉，縱廣正等二十五由旬。其葉千色，有眾妙華，作閻浮檀金色。如旋火輪，宛轉葉間，涌生諸果，如帝釋瓶。有大光明，化成幢旛，無量寶蓋。是寶蓋中，映現三千大千世界，一切佛事，亦於中現。又大本云：佛講堂，阿羅漢舍宅，各各內七寶池，外七寶樹，數千百重。

(演)如瑞相經下，所引共有九重，皆證周匝圍繞之意。一、單網明網，有雜色寶光。二、舉網例二，明網柔軟不待雕琢。三、單行樹，明行列有數百千重。四、單行樹，明樹有七寶間錯。五、單行樹，明樹有佛國出現。六、單行樹，明樹有光色異常。七、樹上有網，明樹網具足生法。八、樹上有網，明樹網映現大千。九、單行樹，亦明樹有數百千重。如旋火輪者，言團圓正等，光明閃爍也。如帝釋瓶者，釋論第十五云：有人一心供養帝釋，滿十二歲。天與一器，名曰德瓶，而語之言：所須之物，從此瓶出。今以妙花，涌生諸果，如彼天瓶，出種種物。

(Hai, nêu bày riêng biệt từng sự trang nghiêm (gồm bốn phần): Một, lan can, lưới, hàng cây. Hai, ao, gác, hoa sen. Ba, nhạc trời, mưa hoa. Bốn, chim biến hóa, gió thổi qua cây.

Một là lan can, lưới, hàng cây (gồm hai phần): Một, trần thuật chi tiết. Hai, tổng kết.

Đầu tiên, trần thuật chi tiết.

***Kinh**: Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc bảy tầng lan can, bảy tầng lưới mành, bảy lớp hàng cây, đều bằng bốn báu vây quanh trọn khắp.*

***Sớ**: Đây là chánh thức nói rõ các sự vui [trong cõi Cực Lạc]. "Lan thuẫn" (lan can) là thứ [vây quanh ở] phía ngoài hàng cây, "la võng" (lưới mành) là thứ phủ trên cây, tầng tầng lớp lớp xen kẽ, số lượng có bảy lớp. "Tứ bảo" là bốn thứ đầu trong bảy báu. "Châu táp" là trọn khắp, "vi nhiễu" là bao quanh. Ý nói mỗi tầng đều được trang hoàng bằng bốn thứ báu.*

***Sao**: "Lan thuẫn": Thanh nằm ngang gọi là Lan, thanh thẳng đứng là Thuẫn. Đối với hoa cỏ, cây cối, cõi này cũng làm lan can [bao quanh]. Lý do thứ nhất là để ngăn ngừa các con vật làm hư hại; hai là do vẻ mỹ quan. Tuy cõi ấy trọn chẳng chăn nuôi trâu, dê, và cũng không nhằm thỏa lòng ưa thích, nhưng do được vạn hạnh công đức trang nghiêm, tùy ý thành tựu. Lưới mành có cùng ý nghĩa ấy. "Hàng cây": Xếp thành hàng trật tự, chẳng rối loạn. "Bảy lớp": Một lớp lan can và lưới mành bao quanh, vây phủ một tầng hàng cây, nên nói là "tầng tầng lớp lớp xen kẽ". Tuy phương này cũng có ba chuyện ấy, nhưng chất liệu chỉ là gỗ, đá. Cõi kia [thì những thứ ấy] thuần bằng chất báu. "Bốn chất đầu trong bảy báu" là vàng, bạc, lưu ly, và pha lê.*

"Châu táp vi nhiễu" là như kinh Thụy Tướng nói: "Vô lượng lưới báu đều dùng sợi bằng vàng [để xuyên kết] trân châu, trăm ngàn các thứ báu khác nhau trang hoàng, tô điểm, vây kín bốn phía, linh báu treo rủ. Ánh sáng và màu sắc rực rỡ, chói lọi, che phủ rừng cây". Kinh Đại Bổn nói: "Lưới ấy mềm mại như Đâu La Miên, chẳng phải như của báu [tầm thường] trong thế gian cần phải được chạm, khắc, uốn nắn, chỉnh sửa để trang hoàng". Lan can trang sức bằng các thứ báu, cứ dựa theo đó sẽ có thể biết. Kinh Đại Bổn chép: "Trên các bờ báu, có vô số cây hương Chiên Đàn, cây Cát Tường quả. Từng hàng ngang nhau, từng thân cây đối nhau, từng nhánh ngang nhau, từng chiếc lá hướng về nhau, từng bông hoa hòa hợp với nhau, từng trái to bằng nhau. Bày thành hàng như thế mấy trăm ngàn vạn lớp, nên gọi là Hàng". Lại nói: "Các cây bảy báu trọn khắp thế giới, như là gốc vàng, thân vàng, cành, lá, hoa quả cũng đều bằng vàng, cho nên gọi là một thứ báu. Gốc vàng, thân bạc, cành, lá, hoa, quả cũng do vàng bạc hợp thành, nên gọi là hai thứ báu. Ba thứ báu, hay bốn thứ báu như thế, các chất báu xen lẫn, lần lượt tăng lên nhiều hơn cho đến

bảy thứ báu". Lại nói: "Các cõi Phật thanh tịnh thù thắng trang nghiêm thảy đều xuất hiện trong các cây báu, giống như gương sáng".

Quán Kinh chép: "Hàng cây bảy báu, mỗi cây cao tám ngàn do-tuần. Mỗi một hoa lá đều có màu chất báu khác nhau, trong màu lưu ly tỏa ánh sáng sắc vàng ròng, trong màu pha lê tỏa ánh sáng màu đỏ" v.v... Lại nói: "Lưới chân châu mầu nhiệm trùm khắp trên cây. Mỗi một cây có bảy tầng lưới, trong mỗi tầng lưới có năm trăm ức diệu hoa cung điện như cung Phạm Vương, chư thiên đồng tử tự nhiên ở trong ấy". Lại nói: "Mỗi một lá cây dài rộng vừa bằng hai mươi lăm do-tuần. Lá ấy ngàn sắc. Có các loại hoa đẹp đẽ, có màu như vàng Diêm Phù Đàn, như vầng lửa xoay uyển chuyển giữa các lá, sanh ra các quả giống như cái bình của Đế Thích, có đại quang minh, hóa thành tràng phan, vô lượng lọng báu. Trong các lọng báu ấy, hiện bóng tam thiên đại thiên thế giới, hết thảy Phật sự cũng đều hiện trong ấy". Kinh Đại Bổn lại nói: "Giảng đường của đức Phật, nhà cửa của A La Hán, mỗi mỗi đều là: Bên trong là ao báu, bên ngoài là mấy trăm ngàn lớp các cây bảy báu".

***Diễn**: Từ "như kinh Thụy Tướng" trở đi, có tất cả chín lượt trích dẫn kinh văn đều nhằm chứng minh ý "châu táp vi nhiễu". Một là chỉ nói về lưới, nêu rõ lưới có quang minh báu nhiều màu khác nhau. Hai, nêu hai thứ thí dụ về lưới nhằm nói rõ lưới mềm mại chẳng cần phải đợi chạm khắc. Ba, chỉ nói về hàng cây, nói rõ cây bày thành hàng lối mấy trăm ngàn tầng. Bốn, chỉ nói về hàng cây, nêu rõ cây do bảy báu xen lẫn. Năm, chỉ nói về hàng cây, nêu rõ trong cây có Phật quốc xuất hiện. Sáu, chỉ nói về hàng cây, nói rõ cây cối có quang minh tỏa màu sắc lạ thường. Bảy, trên cây có lưới, nêu rõ lưới phủ trên cây sanh khởi trọn đủ. Tám, trên cây phủ lưới, nêu rõ lưới phủ cây hiện bóng đại thiên. Chín, chỉ nói về hàng cây, cũng nói rõ cây có số lượng đến mấy trăm ngàn lớp.*

"Như vòng lửa xoay": Ý nói hoa tròn trặn, cân đối, quang minh tỏa sáng lấp lánh, chói rực. "Như cái bình của Đế Thích": Thích Luận, quyển thứ mười lăm chép: "Có người nhất tâm cúng dường Đế Thích trọn mười hai năm. Trời cho người ấy một đồ đựng tên là Đức Bình, bảo rằng: - Những vật cần dùng đều xuất hiện từ cái bình này". Nay do diệu hoa trồi ra các thứ quả, giống như cái bình ấy xuất hiện các thứ vật).

(Sao) Cứ thử, tắc tam kinh tường lược vi biệt. Thử đản ngôn thất trùng, bỉ ngôn sổ thiên bách trùng. Thử đản ngôn la võng, bỉ ngôn la võng chi trung, xuất thiên cung điện. Thử đản ngôn hàng thụ, bỉ ngôn hàng thụ chi trung, hiện đại thiên giới. Hựu thử ngôn tứ bảo, bỉ ngôn

thất bảo. Cái kim kinh lược thị, bỉ kinh tường trần. Dĩ giản nhiếp phồn, thủ văn tỉnh cố. Văn tuy bất túc, nghĩa thật vô khiếm. Như Linh Chi vân: "Thất trùng lan thuẫn, phàm Phật, Bồ Tát trụ xứ giai nhiên. Phi vị nhất quốc chỉ thất trùng dã". Tắc tri sổ bách thiên trùng giả, đa chủng thất trùng tích nhi thành chi, thất thất tương trùng, trùng trùng vô tận dã, dư khả lệ kiến.

(鈔)據此，則三經詳略為別。此但言七重，彼言數千百重。此但言羅網，彼言羅網之中，出天宮殿。此但言行樹，彼言行樹之中，現大千界。又此言四寶，彼言七寶。蓋今經略示，彼經詳陳。以簡攝繁，取文省故。文雖不足，義實無欠。如靈芝云：七重欄楯，凡佛菩薩住處皆然。非謂一國只七重也。則知數百千重者，多種七重積而成之，七七相重，重重無盡也，餘可例見。

(***Sao**: Dựa theo đó thì ba kinh nói tường tận hay giản lược khác nhau. Ở đây nói "bảy tầng", kinh kia nói "mấy trăm ngàn tầng". Kinh này chỉ nói "lưới mành", kinh kia nói "trong các lưới mành hiện ra cung điện cõi trời". Kinh này chỉ nói "hàng cây", kinh kia nói "giữa các cây xuất hiện cõi đại thiên". Lại nữa, ở đây nói "bốn báu", kinh kia nói "bảy báu". Đó là vì kinh này nói đại lược, kinh kia trình bày tường tận. Dùng giản lược để gồm thâu rườm rà, cho nên lời văn tỉnh lược. Kinh văn tuy chẳng nói đầy đủ, nhưng ý nghĩa thật sự chẳng thiếu khuyết. Như ngài Linh Chi nói: "Bảy tầng lan can: Phàm là nơi Phật, Bồ Tát ngự đều là như vậy, chẳng phải là cả nước chỉ có bảy tầng". Do vậy biết mấy trăm ngàn tầng là có nhiều thứ bảy tầng tích tập thành, bảy lần bảy tầng, tầng tầng vô tận. Những điều khác có thể dựa theo đó mà biết).*

(Sớ) Hựu giai ngôn thất giả, biểu Thất Giác Chi, Thất Thánh Tài đẳng.

(Sao) Thất Giác kiến hậu. Thất Thánh Tài giả: Nhất, Tín. Nhị, Giới. Tam, Văn. Tứ, Xả. Ngũ, Huệ. Lục, Tàm. Thất, Quý. Tiền như ngũ bảo, hậu nhị như nhân, thiện thủ tài cố.

(Diễn) Thất thánh tài, Tín giả, ư thật đức năng, thâm nhẫn lạc dục vi nghĩa. Giới giả, phòng phi chỉ ác, khiết tịnh thân tâm vi nghĩa. Văn giả, đa văn bác thông vi nghĩa. Xả giả, nhất thiết tận xả, bất nhiễm nhất trần vi nghĩa. Huệ giả, dĩ liễu cảnh vi nghĩa. Tàm quý giả, y tự pháp lực, sùng trọng hiền thiện, y thế gian lực, khinh cự bạo ác vi nghĩa.

Tiên ngôn Tín giả, Tín vi đạo nguyên, công đức mẫu cố. Hữu Tín vô Giới, Tín diệc phi chân. Cố thứ ngôn Giới. Hữu Giới, vô Văn, bất tri Thật Tướng, cố thứ Văn. Văn nhi bất Xả, pháp ái nan vong, bất thành thánh quả. Cố thứ Xả. Hữu Xả vô Huệ, tắc đọa si Thiền, phi chân giải thoát. Cố thứ Huệ. Tiền ngũ như bảo, hậu nhị như nhân giả, dĩ nhược vô tàm quý, đồng cầm thú, mộc, thạch, Tín, Giới, Văn, Xả nhất thiết thánh tài, tất tán thất cố.

(疏)又皆言七者，表七覺支，七聖財等。

(鈔)七覺見後。七聖財者，一、信。二、戒。三、聞。四、捨。五、慧。六、慚。七、愧 。前五如寶 ，後二如人、善守財故。

(演)七聖財，信者，於實德能，深忍樂欲為義。戒者，防非止惡，潔淨身心為義。聞者，多聞博通為義。捨者，一切盡捨，不染一塵為義。慧者，以了境為義。慚愧者，依自法力，崇重賢善，依世間力，輕拒暴惡為義。先言信者，信為道元，功德母故。有信無戒，信亦非真。故次言戒。有戒無聞，不知實相，故次聞。聞而不捨，法愛難忘，不成聖果。故次捨。有捨無慧，則墮癡禪，非真解脫。故次慧。前五如寶，後二如人者，以若無慚愧，同禽獸木石，信戒聞捨一切法財，悉散失故。

*(**Sớ**: Lại nữa, đều nói là Bảy nhằm biểu thị Thất Giác Chi, Thất Thánh Tài v.v...*

***Sao**: Xem giải thích về Thất Giác trong phần sau. Thất Thánh Tài: Một là Tín, hai là Giới, ba là Văn, bốn là Xả, năm là Huệ, sáu là Thẹn, bảy là Hổ. Năm món trước như của báu, hai món sau như người khéo gìn giữ của cải.*

***Diễn**: "Thất thánh tài": Tín có nghĩa là đối với đức năng chân thật bèn nhẫn thọ sâu xa, vui thích. Giới có nghĩa là ngăn ngừa sai trái, dứt điều ác, thân tâm trong sạch. Đa Văn có nghĩa là thông suốt rộng rãi. Xả là hết thảy đều bỏ sạch, chẳng nhiễm mảy trần. Huệ có nghĩa là hiểu rõ cảnh. Tàm Quý là nương theo pháp lực của chính mình, tôn sùng, kính trọng bậc hiền thiện; nương theo sức thế gian mà coi nhẹ, cự tuyệt bạo ác. Trước hết nói đến Tín, vì Tín là nguồn đạo, mẹ công đức. Có Tín mà chẳng có Giới, Tín cũng chẳng chân thật. Vì thế, kế đó là nói đến Giới. Có Giới*

mà không có Văn (nghe), sẽ chẳng biết Thật Tướng. Vì thế kế đó là Văn. Văn mà chẳng Xả, chẳng thể quên sự yêu thích pháp [đến mức chấp trước], sẽ chẳng thành thánh quả. Vì thế, kế đó là Xả. Có Xả mà không có Huệ, sẽ đọa vào Si Thiền, chẳng phải là giải thoát thật sự. Vì thế, kế đến là Huệ. "Năm thứ đầu như của báu, hai thứ sau như người": Vì nếu không có Tàm Quý, sẽ giống như cầm thú, gỗ, đá. Tín, Giới, Văn, Xả, hết thảy thánh tài thảy đều thất tán).

(Sớ) Hựu Đại Bổn ngôn: "A Di Đà Phật đạo tràng thụ, cao thập lục ức do-tuần, tứ bố chi diệp bát ức do-tuần. Thụ bổn long khởi, ngũ thiên do-tuần. Nhất thiết chúng bảo, tự nhiên hợp thành. Phục thùy chúng bảo, dĩ vi anh lạc. Phục hữu bảo võng, la phú kỳ thượng". Cứ thử, tắc hàng thụ chi ngoại, biệt hữu Phật đạo tràng thụ, kim văn tỉnh tiện, tức hàng thụ trung nhiếp. Hựu luận trung công đức thảo, diệc thụ trung nhiếp. Đại Bổn kỳ thụ hữu hương, diệc bảo trung nhiếp.

(Sao) Đạo tràng thụ, tức Bồ Đề thụ. Như Thích Ca Phật, diệc tọa thụ hạ nhi thành Chánh Giác, thị dã. Thập lục ức do-tuần giả, Vương thị Đại Bổn vân: "Nhất thiên lục bách do-tuần". Phù hàng thụ thượng cập bát thiên, Phật thụ hà đắc phản liệt? Kim sở dẫn Bảo Tích bổn dã, tức hàng thụ nhiếp giả, dĩ đạo tràng thụ, diệc phục căn, hành, chi, diệp, hoa, quả, hàng hàng tương thứ; cố hàng thụ túc dĩ nhiếp chi dã. Công đức thảo giả, Luận vân: "Bảo tánh công đức thảo, nhu nhuyễn tả hữu toàn, xúc giả sanh thắng lạc, quá Ca Chiên Lân Đà". Kim bất ngôn giả, dĩ mộc nhiếp thảo cố. Thụ hương giả, Đại Bổn Pháp Tạng nguyện vân: "Ngã tác Phật thời, quốc trung hoa thụ, câu dĩ vô lượng tạp bảo, bách thiên chủng hương, nhi cộng hợp thành. Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới. Chúng sanh văn giả, giai tu Phật hạnh". Kim bất ngôn giả, dị bảo tất hữu kỳ hương, dĩ bảo nhiếp hương cố.

(Diễn) Phù hàng thụ thượng cập bát thiên, thị cứ Quán Kinh sở thuyết. Ca Chiên Lân Đà, thử vân tế miên y, thử thảo nhu nhuyễn khả ái, quá thử y cố. Kỳ hương phổ huân thập phương thế giới, thị dĩ diệu hương nhi tác Phật sự dã.

(疏)又大本言：阿彌陀佛道場樹，高十六億由旬，四布枝葉，八億由旬。樹本隆起，五千由旬。一切眾寶，自然合成。復垂眾寶，以為瓔珞。復有寶網，羅覆其上。據

此，則行樹之外，別有佛道場樹，今文省便，即行樹中攝。又論中功德草，亦樹中攝。大本其樹有香，亦寶中攝。

(鈔)道場樹，即菩提樹。如釋迦佛，亦坐樹下而成正覺，是也。十六億由旬者，王氏大本云：一千六百由旬。夫行樹尚及八千，佛樹何得反劣？今所引寶積本也，即行樹攝者，以道場樹，亦復根莖枝葉華果，行行相次；故行樹足以攝之也。功德草者，論云：寶性功德草，柔軟左右旋，觸者生勝樂，過迦旃鄰陀。今不言者，以木攝草故。樹香者，大本法藏願云：我作佛時，國中華樹，俱以無量雜寶，百千種香，而共合成。其香普熏十方世界。眾生聞者，皆修佛行。今不言者，異寶必有奇香，以寶攝香故。

(演)夫行樹尚及八千，是據觀經所說。迦旃璘陀，此云細綿衣，此草柔軟可愛，過此衣故。其香普熏十方世界，是以妙香而作佛事也。

*(**Sớ**: Lại nữa, kinh Đại Bổn nói: "Cây đạo tràng của A Di Đà Phật cao mười sáu ức do-tuần, cành lá tỏa rợp bốn phía tám ức do-tuần. Gốc cây cao trội năm ngàn do-tuần, do hết thảy các thứ báu tự nhiên hợp thành. Lại còn treo rủ các thứ báu để làm chuỗi anh lạc. Lại có lưới báu giăng che phía trên". Căn cứ theo đó, ngoài các hàng cây, còn có một cây đạo tràng của Phật, nay kinh văn này tỉnh lược, gom [cây đạo tràng của Phật] vào trong các hàng cây, và cỏ công đức nói trong luận [Vãng Sanh] cũng được gom vào trong các hàng cây. "Cây có hương thơm" nói trong Đại Bổn cũng được gộp trong phần nói về các thứ báu.*

***Sao**: "Đạo tràng thụ" chính là cây Bồ Đề; như Phật Thích Ca cũng ngồi dưới gốc cây mà thành Chánh Giác, cây ấy chính là ["đạo tràng thụ"]. "Mười sáu ức do-tuần": Kinh Đại Bổn [bản hội tập] của ông Vương chép là "một ngàn sáu trăm do-tuần"; nhưng các hàng cây [thông thường] đã cao đến tám ngàn [do-tuần], cây của Phật há lại ngược ngạo thấp hơn ư? Nay tôi trích dẫn câu này từ trong [hội Vô Lượng Thọ của] kinh Bảo Tích, tức là [cây đạo tràng] được nhiếp trong phần kinh văn nói về các hàng cây. Bởi lẽ, cây đạo tràng cũng là cội, thân, cành, lá, hoa, quả, mỗi hàng đều tương xứng. Vì thế, nói đến hàng cây là đủ để bao gồm.*

"Cỏ công đức" là như trong Vãng Sanh Luận có nói: "Cỏ công đức tánh báu, mềm mịn xoay hai bên, chạm vào sướng khôn cùng, hơn Ca

Chiên Lân Đà". Nay [kinh Di Đà] không nói đến là vì đã gộp cỏ vào trong cây. "Cây tỏa mùi thơm": Trong kinh Đại Bổn, ngài Pháp Tạng nguyện rằng: "Khi tôi thành Phật, các cây có hoa trong nước đều do vô lượng các thứ báu khác nhau, trăm ngàn thứ hương cùng hợp thành. Mùi hương ấy xông ngát mười phương thế giới, chúng sanh ngửi thấy đều tu Phật hạnh". Nay không nhắc tới là vì dị bảo ắt có mùi hương, dùng chất báu để bao gồm hương.

***Diễn**: "Hàng cây còn cao đến tám ngàn [do-tuần]" do dựa theo những điều Quán Kinh đã nói. Ca Chiên Lân Đà, cõi này dịch là Tế Miên Y (áo vải mịn). Loại cỏ ấy mềm mại, đáng yêu thích hơn loại y đó. "Mùi hương của cây xong khắp mười phương thế giới" chính là dùng diệu hương để làm Phật sự).*

Nhị, tổng kết.

(Kinh) Thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc.

(Sớ) Kết tiền lệ hậu.

(Sao) Kết tiền giả, diêu thử lan, võng, hàng thụ, thanh tịnh trang nghiêm, sở dĩ trân vực biệt ư nê sa, quỳnh thụ dị ư kinh cức. Vô nhất thiết khổ, hữu nhất thiết lạc, danh Cực Lạc dã. Lệ hậu giả, hậu văn công đức trang nghiêm hạ, tuy vô "danh vi Cực Lạc" chi cú, nghĩa tắc hữu chi. Thử trung "danh vi Cực Lạc" hạ, tuy vô "công đức trang nghiêm" chi cú, nghĩa diệc hữu chi, văn hỗ kiến dã.

二、總結。

(經)是故彼國名為極樂。

(疏)結前例後。

(鈔)結前者，繇此欄網行樹，清淨莊嚴，所以珍域別於泥沙。瓊樹異於荊棘。無一切苦，有一切樂，名極樂也。例後者，後文功德莊嚴下，雖無名為極樂之句，義則有之。此中名為極樂下，雖無功德莊嚴之句，義亦有之，文互見也。

(Hai là tổng kết.

***Kinh**: Vì vậy, cõi ấy gọi là Cực Lạc.*

***Sớ**: Tiểu kết phần trước, các phần sau đều phỏng theo lệ này.*

***Sao**: "Kết phần trước": Do lan can, lưới, hàng cây thanh tịnh trang nghiêm, cho nên cõi quý báu khác với cõi bùn cát, cây quỳnh khác với gai*

góc. Chẳng có hết thảy khổ, [chỉ] có hết thảy vui, cho nên gọi là Cực Lạc. "Lệ hậu" là trong phần kinh văn ở phía sau, sau câu "công đức trang nghiêm", tuy chẳng có câu "gọi là Cực Lạc", nhưng xét theo ý nghĩa thì có. Sau câu "gọi là Cực Lạc" ở đây, tuy chẳng có câu "công đức trang nghiêm" nhưng xét theo nghĩa thì vẫn có, do tham chiếu các đoạn kinh văn với nhau mà có thể thấy được).

(Sớ) Xứng Lý, tắc tự tánh vạn đức tung hoành, thị lan thuẫn nghĩa. Tự tánh bao la pháp giới, thị bảo võng nghĩa. Tự tánh trưởng dưỡng chúng thiện, thị hàng thụ nghĩa.

(Diễn) Tự tánh trưởng dưỡng chúng thiện thị hàng thụ nghĩa giả, hàng thụ tùng địa phát sanh, tiệm thành sướng mậu, hữu trưởng dưỡng nghĩa.

(疏)稱理，則自性萬德縱橫，是欄楯義。自性包羅法界，是寶網義。自性長養眾善，是行樹義。

(演)自性長養眾善是行樹義者，行樹從地發生，漸成暢茂，有長養義。

*(**Sớ**: Xứng Lý thì tự tánh vạn đức tung hoành là ý nghĩa của "lan can". Tự tánh bao la pháp giới là ý nghĩa của "lưới báu". Tự tánh trưởng dưỡng các điều lành là ý nghĩa của "hàng cây".*

***Diễn**: "Tự tánh trưởng dưỡng các điều lành là ý nghĩa của hàng cây": Hàng cây sanh trưởng từ đất, dần dần sum suê, có ý nghĩa trưởng dưỡng).*

(Sao) Tung hoành giả, Lục Độ vạn hạnh, bất ly tự tánh. Như tự tánh bổn vô xan tham, thị danh bố thí, dĩ Thí vi Tung. Thí vô nhiễm tâm, tắc hoành thành Giới Độ. Thí vô ngạo tâm, tắc hoành thành Nhẫn Độ. Thí vô quyện tâm, tắc hoành thành Tấn Độ. Thiền Định, trí huệ, diệc phục như thị. Dư chi ngũ độ, lệ thượng khả tri. Chúng diệu tất cụ, thị tức mỹ quan; chư vọng bất can, thị tức phòng tổn.

(Diễn) Văn trung thí vô nhiễm tâm, vô ngạo tâm đẳng, giai ước tánh trung bổn vô nhi ngôn, bất ước tu thời ngôn dã. Thị tắc nhược nhân liễu đạt tự tánh, tắc lục độ vạn hạnh vô bất cụ túc hỹ. Cố Lục Tổ vân: "Tâm địa vô phi tự tánh Giới đẳng".

(鈔)縱橫者，六度萬行，不離自性。如自性本無慳貪，是名布施，以施為縱。施無染心，則橫成戒度。施無傲心，

則橫成忍度。施無倦心，則橫成進度。禪定智慧，亦復如是。餘之五度，例上可知。眾妙畢具，是即美觀；諸妄不干，是即防損。

(演)文中施無染心，無傲心等，皆約性中本無而言，不約修時言也。是則若人了達自性，則六度萬行無不具足矣。故六祖云：心地無非自性戒等。

*(**Sớ**: "Tung hoành": Lục Độ vạn hạnh chẳng lìa tự tánh. Như tự tánh vốn chẳng keo kiệt, tham lam, nên gọi là Bố Thí. Coi Thí là tung (chiều dọc), bố thí mà tâm vô nhiễm thì hoành (chiều ngang) sẽ trở thành Giới Độ. Bố thí nhưng tâm chẳng ngạo mạn, hoành sẽ trở thành Nhẫn Độ. Bố thí tâm chẳng mệt mỏi, hoành sẽ trở thành Tấn Độ. Thiền Định, trí huệ cũng giống như thế. Đối với năm độ còn lại, phỏng theo lệ trên đây sẽ biết. Các thứ mầu nhiệm ắt trọn đủ thì chính là "mỹ quan", chẳng dính dáng đến các vọng chính là "ngăn ngừa tổn hoại".*

***Diễn**: Trong lời Sao nói Thí không có tâm đắm nhiễm, tâm ngạo mạn v.v... đều là xét theo những điều vốn không có trong tự tánh để nói, chẳng nói theo lúc tu tập. Do vậy, nếu ai liễu đạt tự tánh, thì lục độ vạn hạnh không gì chẳng trọn đủ. Vì thế, Lục Tổ nói: "Tâm địa thì không gì chẳng phải là tự tánh Giới..."")*

(Sao) Bao la giả, tự tánh di mãn thanh tịnh, bao pháp giới cố. Trưởng dưỡng chúng thiện giả, như Hoa Nghiêm Ly Thế Gian Phẩm vân: "Bồ Tát diệu pháp thụ, sanh ư trực tâm địa, tín chủng, từ bi căn, trí huệ dĩ vi thân, phương tiện vi chi cán, ngũ độ vi phồn mật, định diệp, thần thông hoa, Nhất Thiết Trí vi quả". Hựu Tịnh Danh Phật Đạo Phẩm vân: "Vô lậu pháp lâm thụ, giác ý tịnh diệu hoa, giải thoát trí huệ quả, giai căn bổn ư tâm địa, nhi phát sanh vô tận giả dã".

(Diễn) Bồ Tát diệu pháp thụ giả, thụ hữu ẩm phú, thanh lương nhị nghĩa. Kim Nhất Thừa diệu pháp, năng ẩm phú chúng sanh, linh đắc thanh lương chi lạc; cố hữu thụ nghĩa. Sanh ư trực tâm giả, Khởi Tín vân: "Nhất giả, trực tâm, chánh niệm Chân Như pháp nhất cố". Tịnh Danh vân: "Trực tâm thị đạo tràng, vô ủy khúc cố". Lăng Nghiêm vân: "Thập phương Như Lai đồng nhất đạo cố; xuất ly sanh tử, giai dĩ trực tâm. Học đạo chi nhân, tiên tu trực tâm vi địa, phương sanh diệu pháp cố". Tín vi đạo bổn, cố Tín vi chủng. Nhược vô từ bi, túng hữu thần thông tam-muội, tất ma nghiệp dã. Nhị Thừa do vô từ bi, bất minh

Pháp Tánh; cố từ bi vi căn. Diệu pháp dĩ Bát Nhã vi Thể; cố trí huệ vi thân. Nhược vô phương tiện Quyền Trí, tắc Pháp Thân không tịch vô trợ, như thụ vô chi cán; cố phương tiện vi chi cán. Tuy hữu Quyền Thật nhị trí, nhược vô ngũ độ, tắc hữu huệ vô phước, vô hữu trang nghiêm; cố ngũ độ vi phồn mật. Thiền Định, nhất thiết bát phong sở bất năng động. Như diệp chi tuy tại phong trung, nhi sâm nhiên như cố. Thần thông biến hóa bất nhất, như hoa khai hợp bất nhất. Thụ lâm tuy hoa diệp cụ túc, tất dĩ kết quả vi công. Bồ Tát tức vạn hạnh châu viên, tự dĩ Chủng Trí vi quả. Giác ý vị Thất Giác Chi, Tứ Như Ý Túc, giải thoát trí huệ tức Giải Thoát, Bát Nhã nhị đức.

(鈔)包羅者，自性彌滿清淨，包法界故。長養眾善者，如華嚴離世間品云：菩薩妙法樹，生於直心地，信種慈悲根，智慧以為身，方便為枝幹，五度為繁密，定葉神通華，一切智為果。又淨名佛道品云：無漏法林樹，覺意淨妙華，解脫智慧果，皆根本於心地，而發生無盡者也。

(演)菩薩妙法樹者，樹有蔭覆，清涼二義。今一乘妙法，能蔭覆眾生，令得清涼之樂；故有樹義。生於直心者，起信云：一者，直心，正念真如法一故。淨名云：直心是道場，無委曲故。楞嚴云：十方如來，同一道故；出離生死，皆以直心。學道之人，先須直心為地，方生妙法故。信為道本，故信為種。若無慈悲，縱有神通三昧，悉魔業也。二乘由無慈悲，不明法性；故慈悲為根。妙法以般若為體；故智慧為身。若無方便權智，則法身空寂無助，如樹無枝幹；故方便為枝幹。雖有權實二智，若無五度，則有慧無福，無有莊嚴；故五度為繁密。禪定，一切八風所不能動。如葉之雖在風中，而森然如故。神通變化不一，如花開合不一。樹林雖花葉具足，必以結果為功。菩薩即萬行周圓，自以種智為果。覺意謂七覺支，四如意足，解脫智慧即解脫，般若二德。

*(**Sao**: "Bao la": Tự tánh tràn đầy thanh tịnh, bao trùm khắp pháp giới. "Trưởng dưỡng các thiện căn": Như phẩm Ly Thế Gian trong kinh Hoa Nghiêm đã nói: "Cây diệu pháp Bồ Tát, mọc nơi đất trực tâm, tín:*

hạt; từ bi: gốc. Lấy trí huệ làm thân, phương tiện làm cành nhánh, năm độ làm sum suê, lá Định, hoa thần thông, Nhất Thiết Trí làm quả". Lại nữa, phẩm Phật Đạo trong kinh Tịnh Danh Phật có nói: "Rừng cây pháp vô lậu, hoa giác ý tịnh diệu, quả trí huệ giải thoát, đều có căn bản nơi tâm địa, phát sanh vô tận".

***Diễn**: "Cây diệu pháp của Bồ Tát": Cây có hai nghĩa là che rợp và mát mẻ. Nay diệu pháp Nhất Thừa có thể che rợp chúng sanh, khiến cho họ được hưởng niềm vui mát mẻ. Vì thế, có ý nghĩa của cây. "Sanh từ trực tâm": Luận Khởi Tín nói: "Một là trực tâm, tức chánh niệm pháp Chân Như duy nhất". Kinh Tịnh Danh nói: "Trực tâm là đạo tràng, vì không cong vạy". Kinh Lăng Nghiêm nói: "Mười phương Như Lai do có cùng một đạo, xuất ly sanh tử đều do trực tâm. Người học đạo trước hết hãy nên tu trực tâm làm đất thì mới sanh ra diệu pháp". Tín là gốc đạo; vì thế, Tín làm hạt giống. Nếu không có từ bi, dẫu có thần thông tam-muội, đều là ma nghiệp. Nhị Thừa do vì không có từ bi, nên chẳng hiểu Pháp Tánh. Vì thế, từ bi là gốc. Diệu pháp dùng Bát Nhã làm Thể; cho nên trí huệ làm thân. Nếu không có phương tiện Quyền Trí, ắt Pháp Thân không tịch sẽ chẳng có gì giúp đỡ, giống như cây mà không có thân và cành. Vì thế, phương tiện làm cành và thân. Tuy có Quyền Trí và Thật Trí, nếu không có ngũ độ, ắt là có huệ mà chẳng có phước, chẳng có trang nghiêm; vì thế, ngũ độ là sum suê. Thiền Định thì hết thảy tám gió chẳng thể động, như lá tuy ở trong cơn gió, [cành lá] vẫn rậm rạp như cũ. Thần thông biến hóa khác nhau, như hoa nở khác hoa cụp. Rừng cây tuy hoa lá trọn đủ, ắt phải coi chuyện kết quả là công năng của cây ấy. Bồ Tát thì do muôn hạnh trọn khắp, viên mãn, tự coi Chủng Trí là quả. Giác có nghĩa là Thất Giác Chi, Tứ Như Ý Túc, giải thoát trí huệ chính là hai đức Giải Thoát và Bát Nhã).*

(Sao) Nại chi hà lan thuẫn hủy, nhi phủ cân nhập, la võng đổi, nhi ấm phú sơ, thượng khô tụy kỳ căn chi, huống phát vinh ư hoa quả? Nhiên nhi giác lâm như cố, đạo chủng phi dao; hà bất mãnh dữ tư bồi, trùng gia chỉnh sức? Tiện kiến đình tiền bách thụ, hạm ngoại dược lan, hàng hàng Bát Nhã Chân Như, diện diện Bồ Đề Phật tánh.

(Diễn) Nại chi hà hạ, kết thán khuyến tu. Lan thuẫn hủy giả, vị phóng thử tung hoành diệu tâm, nhất vô câu kiểm dã. Ký vô câu kiểm, tắc phạt tánh chi phủ cân chí hỹ! La võng đổi giả, vị mê thử quảng đại diệu tâm, dĩ hôn nhiễu nhiễu tương vi tâm tánh dã. Ký vi hôn nhiễu, tắc thanh lương chi ấm phú sơ hỹ. Thượng khô tụy kỳ căn giả, vị thượng

vô từ bi phương tiện chi nhân hạnh, huống đắc thần thông Chủng Trí chi diệu quả da? Giác lâm như cố, đạo chủng phi dao giả, vị tu trì tuy phế, Pháp Tánh thượng tồn, đản khẳng gia công, bổn chân bất thất. Cổ vân: "Đạo viễn hồ tai! Xúc sự nhi chân. Thánh viễn hồ tai! Thể chi tức thần", đản khẳng hồi quang, vô hoạn bất triệt dã. Đình tiền bách thụ giả, Tăng vấn Triệu Châu, như hà thị tổ sư Tây lai ý? Châu vân: "Đình tiền bách thụ tử". Hạm ngoại dược lan giả, Tăng vấn Vân Môn: "Như hà thị thanh tịnh Pháp Thân?" Môn vân: "Hoa dược lan".

(鈔)奈之何欄楯毀，而斧斤入，羅網頹，而蔭覆疏，尚枯瘁其根枝，況發榮於華果？然而覺林如故，道種非遙；何不猛與滋培，重加整飾？便見庭前柏樹，檻外藥欄，行行般若真如，面面菩提佛性。

(演)奈之何下，結歎勸修。欄楯毀者，謂放此縱橫妙心，一無拘檢也。既無拘檢，則伐性之斧斤至矣！羅網頹者，謂迷此廣大妙心，以昏擾擾相為心性也。既為昏擾，則清涼之蔭覆疏矣。尚枯瘁其根者，謂尚無慈悲方便之因行，況得神通種智之妙果耶？覺林如故，道種非遙者，謂修持雖廢，法性尚存，但肯加功，本真不失。古云：道遠乎哉！觸事而真。聖遠乎哉！體之即神，但肯回光，無患不徹也。庭前柏樹者，僧問趙州，如何是祖師西來意？州云：庭前柏樹子。檻外藥欄者，僧問雲門：如何是清淨法身？門云：花藥欄。

*(**Sao**: Hiềm rằng: Lan can đã hỏng mà búa rìu còn bủa vào, lưới mành rách nát, lại che phủ thưa thớt, rễ cành còn bị khô héo, mong chi hoa quả tươi nhuận ư? Thế nhưng, rừng giác vẫn như cũ, hạt giống đạo chẳng xa xôi, sao chẳng mạnh mẽ vun bồi, càng thêm sửa đổi, tô bồi? Sẽ thấy cây bách trước sân, lan can bao quanh hoa cỏ ngoài rào, mỗi hàng đều là Bát Nhã Chân Như, mỗi mặt đều là Bồ Đề Phật tánh.*

***Diễn**: Từ "hiềm rằng" trở đi, là tiểu kết lời tán thán và khuyến tu. "Lan can đã hỏng" là do buông lung cái diệu tâm tung hoành, trọn chẳng có gì kiềm chế! Đã chẳng kiềm chế, ắt búa rìu bủa chém chân tánh ắt đưa đến. "Lưới mành rách nát" là do mê cái tâm rộng lớn này, coi sự tối tăm, nhiễu loạn quấy đảo là tâm tánh. Đã tối tăm, nhiễu loạn, ắt sự mát mẻ sẽ bị thiếu sót. "Rễ còn bị khô héo" tức là phương tiện từ bi nhân hạnh còn*

chẳng có, huống hồ đắc diệu quả thần thông Chủng Trí ư? "Rừng giác vẫn như cũ, hạt giống đạo chẳng xa": Tuy phế bỏ sự tu trì, Pháp Tánh vẫn còn, chỉ chịu đổ công dốc sức, cái chân thật vốn có sẽ chẳng mất. Cổ nhân nói: "Đạo xa xôi ư! Đụng chuyện bèn nhận biết lẽ chân! Thánh xa xôi ư? Hễ thấu hiểu bèn lãnh ngộ chân tâm". Chỉ cần chịu hồi quang, không hoạn nạn gì mà chẳng thấu triệt!

"Cây bách trước sân": Một vị Tăng hỏi ngài Triệu Châu: "Tổ sư từ phương Tây [sang phương Đông] là ý gì?" Ngài Triệu Châu đáp: "Cây bách trước sân".

"Hoa cỏ ngoài rào": Một vị Tăng hỏi tổ Vân Môn: "Thế nào là thanh tịnh Pháp Thân?" Tổ Vân Môn đáp: "Hoa cỏ bên lan can").

Nhị, trì các liên hoa (tứ): Sơ, trì thủy. Nhị, giai các. Tam, liên hoa. Tứ, tổng kết.

Sơ, trì thủy.

(Kinh) Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy, sung mãn kỳ trung. Trì để thuần dĩ kim sa bố địa.

(Sớ) Hựu giả, thừa thượng. Bất đản lục địa trang nghiêm, hữu như thị lan võng, hàng thụ, trì thủy trang nghiêm, diệc phục thắng diệu vô tỷ dã. Thất bảo trì giả, thất bảo sở thành. Trì trung chi thủy, diệc thất bảo cố.

(Sao) Thất bảo sở thành giả, giản dị thử phương thổ thạch sở thành. Cố Đại Bổn vân: "Nội ngoại tả hữu, hữu chư dục trì, hoặc thập do-tuần, hoặc nhị thập, tam thập, nãi chí bách thiên do-tuần, do như đại hải. Nhất bảo, nhị bảo, nãi chí thất bảo, sở cộng hợp thành". Hựu vân: "Nhược bỉ Phật trì, kỳ phương bội thử, giai thất bảo thành". Kim kinh bất ngôn Phật trì, tổng nhiếp trì trung cố. Thủy diệc bảo giả, Quán Kinh vân: "Nhất nhất trì thủy, thất bảo sở thành, kỳ bảo nhu nhuyễn, tùng Như Ý Châu Vương sanh, phân thập tứ chi, tác thất bảo diệu sắc, hoàng kim vi cừ". Hựu vân: "Kỳ ma-ni thủy, lưu chú hoa gian, tầm thụ thượng hạ". Kim chỉ ngôn bảo trì, bất ngôn thủy diệc bảo thành, cập lưu chú thượng hạ, tổng nhiếp thủy trung cố. Thủy bổn tựu hạ, tùng hạ thượng lưu, thử phương sở vô cố. Như Hạ Sanh Kinh vân: "Đâu Suất Đà thiên, hữu thủy du lương đống gian", tức kỳ loại dã.

二、池閣蓮華(四)：初、池水 。二、階閣 。 三、蓮華。四、總結。

初、池水。

(經)又舍利弗！極樂國土，有七寶池，八功德水，充滿其中。池底純以金沙布地。

(疏)又者，承上。不但陸地莊嚴，有如是欄網，行樹，池水莊嚴，亦復勝妙無比也。七寶池者，七寶所成。池中之水，亦七寶故。

(鈔)七寶所成者，揀異此方土石所成。故大本云：內外左右，有諸浴池，或十由旬，或二十三十，乃至百千由旬，猶如大海。一寶二寶，乃至七寶，所共合成。又云：若彼佛池，其方倍此，皆七寶成。今經不言佛池，總攝池中故。水亦寶者，觀經云：一一池水，七寶所成，其寶柔軟，從如意珠王生，分十四支，作七寶妙色，黃金為渠。又云：其摩尼水，流注華間，尋樹上下。今止言寶池，不言水亦寶成，及流注上下，總攝水中故。水本就下，從下上流，此方所無故。如下生經云：兜率陀天，有水遊梁棟間，即其類也。

(Hai, ao, gác, hoa sen (gồm bốn phần): Một, nước ao. Hai, thềm bậc và lầu gác. Ba, hoa sen. Bốn, tổng kết.

Trước hết là nước ao.

***Kinh**: Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, nước tám công đức đầy ắp trong ấy, đáy ao thuần dùng cát vàng trải đất.*

***Sớ**: Chữ Hựu nhằm tiếp nối đoạn trên. Không chỉ mặt đất trang nghiêm, có lưới mành, hàng cây như thế, mà nước trong ao cũng trang nghiêm, thù thắng nhiệm mầu khôn sánh. "Ao bảy báu" là do bảy báu hợp thành, nước trong ao cũng bằng bảy báu.*

***Sao**: [Nói] "bảy báu hợp thành" nhằm phân biệt với phương này: [Các ao nước] do đất, đá hợp thành. Vì thế, kinh Đại Bổn nói: "Trong, ngoài, trái, phải, có các ao tắm, hoặc [rộng] mười do-tuần, hoặc hai mươi, ba mươi, thậm chí trăm ngàn do-tuần, giống như biển rộng. Do một thứ báu, hai thứ báu, cho đến bảy báu cùng hợp thành". Lại nói: "Nếu là ao của đức Phật ấy thì trong cõi đó, số nhiều gấp bội, đều do bảy báu hợp thành". Kinh này chẳng nói đến ao của Phật do đã gộp chung vào trong các ao.*

"Nước cũng là chất báu": Quán Kinh nói: "Nước trong mỗi ao do bảy báu tạo thành. Chất báu ấy mềm mại, sanh từ Như Ý Châu Vương, chia thành mười bốn dòng chảy, có màu sắc đẹp đẽ của bảy báu, vàng ròng làm kênh". Lại nói: "Nước ma-ni ấy chảy vòng trong khoảng giữa các hoa, lên xuống theo các cây". Nay kinh này chỉ nói tới ao báu, chẳng nói nước cũng do chất báu hợp thành, và chảy lên, chảy xuống; vì [những ý nghĩa ấy] đều được thâu nhiếp trong [phần kinh văn nói về] nước. Nước vốn chảy xuống dưới; nhưng từ dưới chảy lên trên thì phương này chẳng có. Như kinh Hạ Sanh nói: "Cõi trời Đâu Suất Đà có nước chảy luồn trong kèo rường", tức là thuộc loại này vậy).

(Sớ) Bát công đức giả, Đường dịch vân: "Nhất, trừng tịnh. Nhị, thanh lãnh. Tam, cam mỹ. Tứ, khinh nhuyễn. Ngũ, nhuận trạch. Lục, an hòa. Thất, trừ cơ khát. Bát, trưởng dưỡng chư căn". Cụ bát chủng công đức, lợi ích chúng sanh dã. Quán Kinh Sớ khai bát đức, dữ thử tiểu dị. Trì để kim sa giả, kim sa vi để, vô nê chỉ dã.

(Sao) Nhất, trừng tịnh giả, vị trừng đình, khiết tịnh, ly ô trược cố. Nhị, thanh lãnh giả, vị thanh, trạm, lương lãnh, vô phiền nhiệt cố. Tam, cam mỹ giả, vị cam chỉ mỹ diệu, cụ chí vị cố. Tứ, khinh nhuyễn giả, khinh dương, nhu nhuyễn, khả thượng hạ cố. Ngũ, nhuận trạch giả, vị tân nhuận, hoạt trạch, bất khô sáp cố. Lục, an hòa giả, vị an tĩnh, hòa hoãn, tuyệt tấn phiếm cố. Thất, trừ cơ khát giả, vị thủy cẩn chỉ khát, kim kiêm liệu cơ, hữu thắng lực cố. Bát, trưởng dưỡng chư căn giả, vị tăng trưởng, dưỡng dục thân tâm nội ngoại cố. Quán Sớ bát đức giả: Nhất, khinh; nhị, thanh; tam, lãnh; tứ, nhuyễn; ngũ, mỹ; lục, bất xú; thất, ẩm thời điều thích; bát, ẩm dĩ vô hoạn, dữ thượng đại đồng tiểu dị. Thử hợp khinh nhuyễn, bỉ phân vi nhị. Thử vô bất xú, bỉ khuyết nhuận trạch, cập dữ an hòa, nhiên nghĩa tắc hỗ kiến. Dĩ trừng tịnh, thanh lãnh, tất vô xú ác. Ký khinh thả nhuyễn, khởi bất an hòa, lược thiểu nhuận trạch, cố vân "tiểu dị". Hựu bỉ phối Lục Nhập; thử tắc trừng tịnh Sắc Nhập, cam mỹ Vị nhập. Chí vân "trưởng dưỡng chư căn", tắc Nhĩ, Tỷ, Thân, Ý, giai nhiếp chi hỹ! Hựu Đại Bổn vân: "Đại hà chi hạ, kim sa bố địa. Hữu chư thiên hương, thế vô năng dụ, tùy thủy tán phức, tạp thủy lưu phương", giai Hương Nhập chi chứng dã. Hạ văn thuyết pháp, thị Thanh Nhập dữ Pháp Nhập chứng dã.

(Diễn) Thử hợp khinh nhuyễn hạ, thị minh đồng dị. Thử chỉ Đại Bổn, bỉ chỉ Quán Kinh. Bỉ phối Lục Nhập giả, Thanh vi Sắc Nhập, bất xú Hương Nhập, mỹ vi Vị Nhập, khinh lãnh nhuyễn thị Xúc Nhập, điều

thích vô hoạn thị Pháp Nhập, tịnh tiền thuyết pháp tức Thanh Nhập dã. Tuy thành Lục Nhập, vô phi diệu cảnh.

(疏)八功德者，唐譯云：一、澄淨。二、清冷。三、甘美。四、輕軟。五、潤澤。六、安和。七、除肌渴。八、長養諸根。具八種功德，利益眾生也。觀經疏開八德，與此小異。池底金沙者，金沙為底，無泥滓也。

(鈔)一、澄淨者，謂澄渟潔淨，離汙濁故。二、清冷者，謂清湛涼冷，無煩熱故。三、甘美者，謂甘旨美妙，具至味故。四、輕軟者，輕揚柔軟，可上下故。五、潤澤者，謂津潤滑澤，不枯澀故。六、安和者，謂安靜和緩，絕迅汎故。七、除飢渴者，謂水僅止渴，今兼療飢，有勝力故。八、長養諸根者，謂增長養，育身心內外故。觀疏八德者，一、輕。二、清。三、冷。四、軟。五、美。六、不臭。七、飲時調適。八、飲已無患，與上大同小異。此合輕軟，彼分為二。此無不臭，彼缺潤澤，及與安和，然義則互見。以澄淨清冷，必無臭惡。既輕且軟，豈不安和，略少潤澤，故云小異。又彼配六入；此則澄淨色入，甘美味入。至云長養諸根，則耳鼻身意，皆攝之矣！又大本云：大河之下，金沙布地。有諸天香，世無能喻，隨水散馥，雜水流芳，皆香入之證也。下文說法，是聲入與法入證也。

(演)此合輕軟下，是明同異。此指大本，彼指觀經。彼配六入者，清為色入，不臭香入，美為味入，輕冷軟是觸入，調適無患是法入，并前說法即聲入也。雖成六入，無非妙境。

*(**Sớ**: "Tám công đức", bản dịch đời Đường nói: Một là trong lặng, hai là mát lạnh, ba là ngọt ngào, bốn là mềm nhẹ, năm là nhuần thấm, sáu là an hòa, bảy là trừ đói khát, tám là trưởng dưỡng các căn. Đủ tám thứ công đức, lợi ích chúng sanh. Quán Kinh Sớ nói tám đức hơi khác với ở đây. "Trì để kim sa" là cát bằng vàng trải đáy, chẳng có bùn lầy, chất cặn.*

***Sao**: Một là lắng trong, tức là lắng trong, tinh khiết, sạch sẽ, chẳng ô trược. Hai là trong mát, tức là trong lặng, mát lạnh, chẳng nóng bức. Ba là ngon ngọt, tức là ngọt ngào, ngon lành, trọn đủ vị tuyệt diệu. Bốn là "khinh nhuyễn" tức là nhẹ nhàng, mềm mại, có thể chảy lên hay xuống [tùy ý]. Năm là nhuận trạch, tức là tươi nhuận, trơn láng, chẳng khô rít. Sáu là an hòa, tức là an tĩnh, hòa hoãn, trọn chẳng chảy xiết, dâng tràn. Bảy là trừ đói khát, tức là nước chỉ trừ khát, nay kiêm thêm chữa đói, do có sức thù thắng. Tám là "trưởng dưỡng các căn", tức là tăng trưởng, nuôi nấng thân tâm, trong, ngoài.*

"Bát đức" theo Quán Kinh Sớ: Một là nhẹ, hai là trong, ba là lạnh, bốn là mềm, năm là đẹp đẽ, sáu là chẳng hôi thối, bảy là khi uống cảm thấy vừa phải, thích hợp, tám là uống rồi chẳng bị bệnh tật, hơi sai khác đôi chút so với phần trên. Kinh này gộp "nhẹ nhàng" và "mềm mại" thành một, sách kia tách thành hai. Bản này thiếu "chẳng hôi thối", bản kia thiếu "nhuận trạch" và "an hòa", cho nên hai bản có thể dùng để tham chiếu ý nghĩa lẫn nhau. Bởi lẽ, lắng sạch, trong mát, ắt chẳng hôi thối, tởm lợm. Đã nhẹ lại mềm, há chẳng an hòa? Chỉ thiếu "nhuận trạch", nên nói "khác biệt đôi chút".

Sách ấy, lại phối hợp [tám công đức] với Lục Nhập. So với kinh này thì "lắng sạch" ứng với Sắc, "ngon ngọt" ứng với Vị, cho đến "trưởng dưỡng các căn", tức là tai, mũi, thân, ý đều được nhiếp vậy! Lại nữa, kinh Đại Bổn nói: "Dưới sông lớn, cát bằng vàng trải đáy, có các mùi hương trời, thế gian chẳng thể sánh ví được, theo nước chảy mà tỏa mùi thơm ngát, hòa lẫn cùng nước lan tỏa mùi thơm", [những điều vừa nói này] đều là bằng chứng về Hương Nhập vậy. Phần kinh văn kế tiếp nói tới thuyết pháp, đó là chứng cớ của Thanh Nhập và Pháp Nhập.

***Diễn**: "Từ gộp chung nhẹ và mềm" trở đi là chỉ rõ sự giống nhau và khác nhau. "Thử" là nói tới Đại Bổn, còn "bỉ" chỉ Quán Kinh [Sớ]. "Sách kia phối ứng Lục Nhập": Trong trẻo là Sắc Nhập, chẳng hôi thối là Hương Nhập, ngon ngọt là Vị Nhập, nhẹ, mềm, mát là Xúc Nhập, điều hòa, thích đáng, không bệnh tật là Pháp Nhập, cùng với chuyện [nước có thể thuyết pháp] trong phần trước là Thanh Nhập. Tuy thành Lục Nhập, không gì chẳng phải là diệu cảnh).*

(Sao) Vấn: "Cam mỹ, khinh nhuyễn, trừ cơ, trưởng căn, thử phương sở vô, tắc thành nhiên hỹ! Phàm thủy tất giai thanh lãnh, tất giai nhuận trạch, hà bỉ thủy dĩ nhị độc xưng công đức?" Đáp: Thử thủy tuy diệc thanh lãnh, phùng nhật tắc viêm, ngộ hỏa tắc phí. Bỉ túng Kiếp

Hỏa lâm chi, thanh lãnh tự như, chung bất viêm phí cố. Thử thủy tuy diệc nhuận trạch, nhật sái tắc can, hỏa bức tắc hạc. Bỉ túng Kiếp Hỏa lâm chi, nhuận trạch tự như, chung bất can hạc cố. Kim sa giả, Quán Kinh vân: "Chân kim vi cừ. Cừ hạ giai tạp sắc kim cang nhi vi để sa". Đại Bổn vân: "Thuần nhất bảo trì, để sa diệc dĩ nhất bảo. Hoàng kim trì giả, bạch ngân để sa. Thủy tinh trì giả, lưu ly để sa. Nhị bảo vi trì, để sa diệc nhị. Nãi chí thất bảo, diệc phục như thị". Kim chỉ kim sa, văn tỉnh tiện cố.

(鈔)問：甘美，輕軟，除飢，長根，此方所無，則誠然矣！凡水悉皆清冷，悉皆潤澤，何彼水以二獨稱功德？答：此水雖亦清冷，逢日則炎，遇火則沸。彼縱劫火臨之，清冷自如，終不炎沸故。此水雖亦潤澤，日曬則乾，火逼則涸。彼縱劫火臨之，潤澤自如，終不乾涸故。金沙者，觀經云：真金為渠。渠下皆雜色金剛而為底沙。大本云：純一寶池，底沙亦以一寶。黃金池者，白銀底沙。水晶池者，琉璃底沙。二寶為池，底沙亦二。乃至七寶，亦復如是。今止金沙，文省便故。

*(**Sao**: "Hỏi: Ngọt ngào, nhẹ, mềm, trừ đói, tăng trưởng các căn, cõi này chẳng có [những đặc tánh ấy, bảo những đặc tánh ấy là công đức thì] đúng là như vậy. Chứ hễ là nước thì thảy đều trong, mát, thảy đều nhuần thấm, tươi tốt, cớ sao đối với nước trong cõi ấy, lại gọi riêng hai tánh chất ấy là công đức?" Đáp: Nước trong cõi này tuy cũng trong mát, nhưng bị mặt trời chiếu vào bèn nóng bừng, gặp lửa nung bèn sôi sùng sục. Nước trong cõi kia dẫu gặp Kiếp Hỏa, vẫn trong mát như cũ, trọn chẳng nóng bừng, sôi trào. Nước trong cõi này tuy cũng nhuần thấm, nhưng phơi dưới ánh nắng mặt trời sẽ bị khô cạn, bị lửa nung bèn khô queo. Nước trong cõi kia dẫu gặp Kiếp Hỏa, vẫn nhuần thấm y như cũ, trọn chẳng khô cạn.*

"Cát vàng", Quán Kinh nói: "Vàng ròng làm kênh. Phía dưới kênh là kim cang nhiều màu dùng làm cát lót đáy [ao thất bảo]". Kinh Đại Bổn nói: "Ao thuần bằng một chất báu thì cát trải đáy ao cũng dùng [thuần] một chất báu. Ao vàng ròng thì bạc trắng làm cát trải đáy, ao thủy tinh thì lưu ly làm cát trải đáy. Ao bằng hai chất báu thì cát trải đáy cũng là hai loại [chất báu]. Cho đến bảy báu, cũng đều như thế". Nay chỉ nói "cát vàng" là vì kinh văn nói rút gọn cho tiện vậy).

(Sớ) Hựu, Đại Bổn tự bảo trì thủy tất, phục khai tam chủng thù thắng diệu dụng. Nhất, thủy năng tùy ý; nhị, thủy năng thuyết pháp; tam, dục tất tấn nghiệp.

(Sao)Tùy ý giả, Đại Bổn vân: "Chư thượng thiện nhân nhập thất bảo trì, tháo tuyết thân thể. Ý dục linh thủy một túc, thủy tức một túc. Dục linh chí tất, thủy tức chí tất. Dục linh chí yêu, chí dịch, chí cảnh, cập quán kỳ thân, tất như kỳ ý. Dục linh hoàn phục, thủy tức hoàn phục. Điều hòa lãnh, noãn, vô bất thuận thích. Khai thần duyệt thể, địch đãng tình lự, thanh minh, trừng khiết, tịnh nhược vô hình". Thị thủy bổn vô tâm, năng tùy nhân tâm ý sở dục dã.

(Diễn) Thủy bổn vô tâm, năng tùy nhân ý giả, thử phương chúng sanh, mê tâm trục cảnh, vị cảnh sở chuyển, bất năng chuyển cảnh, cố thủy bất tùy tâm. Bỉ độ thượng nhân, hội cảnh quy tâm, tâm năng chuyển cảnh, cảnh tự tùy tâm. Cố thủy năng tùy ý sở dục dã.

(疏)又，大本敘寶池水畢，復開三種殊勝妙用。一、水能隨意，二、水能說法，三、浴畢進業。

(鈔)隨意者，大本云：諸上善人入七寶池，澡雪身體。意欲令水沒足，水即沒足。欲令至膝，水即至膝。欲令至腰、至腋、至頸，及灌其身，悉如其意。欲令還復，水即還復。調和冷暖，無不順適。開神悅體，滌蕩情慮，清明澄潔，淨若無形。是水本無心，能隨人心意所欲也。

(演)水本無心，能隨人意者，此方眾生，迷心逐境，為境所轉，不能轉境，故水不隨心。彼土上人，會境歸心，心能轉境，境自隨心。故水能隨意所欲也。

*(**Sớ**: Lại nữa, sau khi tường thuật về nước trong ao báu xong, kinh Đại Bổn lại nêu ra ba thứ diệu dụng thù thắng: Một là nước có thể tùy ý, hai là nước có thể thuyết pháp, ba là tắm [nước ấy], ắt tăng tấn đạo nghiệp.*

***Sao**: "Tùy ý": Kinh Đại Bổn nói: "Các vị thượng thiện nhân vào ao bảy báu gột sạch thân thể; ý muốn nước ngập chân, nước liền ngập chân. Muốn ngập tới gối, nước liền ngập tới gối. Muốn tới eo, tới nách, tới cổ, và rưới trên thân, thảy đều như ý. Muốn nước trở lại như cũ, nước bèn trở lại. Điều hòa, lạnh, ấm, không gì chẳng vừa ý, thích hợp. Tinh thần sáng suốt, thân thể thoải mái, gột sạch những mối tình chấp ưu lự, trong sáng, lắng, sạch, thanh tịnh dường như vô hình". Nước ấy vốn vô tâm mà có thể tùy thuận ý muốn trong lòng người.*

***Diễn**: "Nước vốn vô tâm, có thể tùy theo ý người": Chúng sanh nơi phương này mê tâm, chạy theo cảnh, bị cảnh xoay chuyển, chẳng thể chuyển cảnh; vì thế, nước chẳng tùy lòng. Thượng nhân trong cõi ấy thấu hiểu cảnh quy vào tâm, tâm có thể chuyển cảnh, cảnh tự thuận theo tâm. Vì thế, nước có thể thuận theo lòng muốn).*

A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bổn
Phần I

Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm
Tận thử nhất báo thân
Đồng sanh Cực Lạc quốc

Nam Mô Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật

Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng